TRẦN MẠNH THƯỜNG BIÊN SOẠN

VIỆT NAM

VĂN HÓA & DU LỊCH

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

https://www.facebook.com/taybanganh/

VIỆT NAM VĂN HÓA VÀ DU LỊCH

Trần Mạnh Thường *biên soạn*

Nguyễn Minh Tiến *hiệu đính*

Phát hành theo thỏa thuận giữa Công ty Văn hóa Hương Trang và tác giả. Nghiêm cấm mọi sự sao chép, trích dịch hoặc in lại mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

GPXB số 317-96/XB-QLXB

TNKHXB số: 29/XBYH

In ấn và phát hành tại Nhà sách Quang Bình
416 Nguyễn Thị Minh Khai, P5, Q3, TP HCM Việt Nam

Published by arrangement between Huong Trang Cultural Company Ltd. and the author.
All rights reserved. No part of this book may be reproduced by any means without prior written permission from the publisher.

https://www.facebook.com/taybanganh/

VIỆT NAM
VĂN HÓA VÀ DU LỊCH

TRẦN MẠNH THƯỜNG

https://www.facebook.com/taybanganh/

TRẦN MẠNH THƯỜNG biên soạn
NGUYỄN MINH TIẾN *hiệu đính*

VIỆT NAM
VĂN HÓA VÀ DU LỊCH

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN
HÀ NỘI

VIỆT NAM
VĂN HÓA VÀ DU LỊCH

Nhà xuất bản Thông Tấn

https://www.facebook.com/taybanganh/

https://www.facebook.com/taybanganh/

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Việt Nam là cửa ngõ thông ra vùng Đông Nam Á. Việt Nam là một quốc gia có hàng ngàn năm văn hiến với bao danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa rộng dài khắp đất nước. Cha ông ta đã để lại trên nước non này biết bao thành quách, đền đài, chùa chiền, miếu mạo..., lớp nọ nối tiếp lớp kia. Cả đất nước là một bảo tàng lịch sử, văn hóa của 54 dân tộc cùng chung lưng đấu cật xây dựng nên đất nước này.

Việt Nam, đất nước giàu tiềm năng du lịch. Ngày nay trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế, chúng ta đang từng bước hội nhập với khu vực và thế giới trên nhiều lĩnh vực, trong đó du lịch với tư cách là một ngành "công nghiệp xanh" đóng vai trò hết sức quan trọng. Nó vừa là một ngành kinh tế mũi nhọn, vừa đảm đương chức năng thông tin, tuyên truyền, trong mối quan hệ giao lưu văn hóa.

Để góp phần quảng bá nền văn hóa và tiềm năng du lịch Việt Nam, Nhà xuất bản Thông Tấn cho ra mắt bạn đọc cuốn "Việt Nam Văn hóa và Du lịch" của soạn giả Trần Mạnh Thường. Với non một nghìn trang sách, từ nhiều nguồn tư liệu phong phú, soạn giả giới thiệu với bạn đọc một bức tranh toàn cảnh về nền văn hóa đa dạng và lâu đời của dân tộc Việt Nam từ địa lý, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa đến lễ hội, phong tục, tập quán... của 64 tỉnh thành trên cả nước. Hy vọng cuốn sách sẽ là một cẩm nang quý cho bạn đọc trong và ngoài nước muốn tìm hiểu về văn hóa và du lịch Việt Nam.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

https://www.facebook.com/taybanganh/

PHẦN I
LÃNH THỔ VIỆT NAM

I. NHỮNG CON SỐ ĐÁNG NHỚ

_ Diện tích đất liền: 331.689 km2

_ Lãnh hải: Rộng 12 hải lý, tính từ đường cơ sở

_ Vùng đặc quyền kinh tế: Rộng 200 hải lý, tính từ đường cơ sở

_ Thềm lục địa: 700.000 km2 (kể cả hai quần đảo: Hoàng Sa và Trường Sa)

_ Tọa độ đất liền: Kinh tuyến: 102008' đến 109028' Đông

Vĩ tuyến : 8027' đến 23023' Bắc

_ Dân số: trên 81 triệu người

_ Dân tộc: 54 dân tộc, trong đó dân tộc Việt (Kinh) chiếm 90%, 10% còn lại là dân số của 53 dân tộc.

II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thuộc phía Đông bán đảo Đông Dương, nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á, phía Bắc giáp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, phía Tây giáp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia, phía Đông, Nam và Tây Nam giáp biển Đông.

Việt Nam vừa gắn liền với lục địa châu Á, vừa nối liền với biển Đông, con đường đi ra Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Việt Nam lại ở ngã tư đường hàng không và hàng hải quốc tế từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây, nối liền châu Á với châu Đại Dương, Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương.

Trong tương lai không xa sẽ có tuyến đường sắt, đường bộ xuyên Á nối liền với các nước chung quanh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Dải đất Việt Nam có dạng cong hình chữ S, rộng hai đầu, giữa thót lại, từ điểm cực Bắc ở vĩ độ 23023' Bắc tại xã Lũng Cú, trên cao nguyên Đồng Văn, huyện Đồng Văn, Hà Giang, đến điểm cực Nam trên đất liền ở vĩ độ 8027' Bắc tại xóm Mũi, xã Rạch Tàu, huyện Ngọc Hiển (Năm Căn) Cà Mau, kéo dài 15 vĩ tuyến.

Chiều ngang phần đất liền từ điểm cực Tây ở kinh độ 102008' Đông nằm trên đỉnh núi ở khu vực ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Trung Quốc, thuộc xã A Pa Chải, huyện Mường Tè, Lai Châu, đến điểm cực Đông trên đất liền ở kinh độ 109028' Đông tại mũi Đôi trên bán đảo Hòn Gốm, huyện Vạn Ninh, Khánh Hòa, nằm trọn trong múi giờ thứ 7 GMT.

Khoảng cách chiều ngang từ biên giới phía Đông (không kể thềm lục địa) nơi rộng nhất ở Bắc bộ là 600 km, Nam Bộ là 400 km, nơi hẹp nhất ở Quảng Bình 50 km.

III. ĐỊA HÌNH

Sự khác nhau về địa hình giữa các khu vực thể hiện ở cấu trúc địa hình và các dạng địa hình chủ yếu:

1. RỪNG NÚI

Núi

Các hệ núi chính: Sự hình thành và phát triển lãnh thổ lâu dài và phức tạp đã tạo cho Việt Nam một hoàn cảnh tự nhiên khá độc đáo. Ba phần tư diện tích đất liền là đồi núi, nhưng là đồi núi thấp, trừ một vài vùng đồng bằng, châu thổ rộng lớn, đâu đâu cũng nhìn thấy cảnh núi rừng trùng điệp. Đặc biệt dọc miền Trung, rừng núi và đồng bằng xen kẽ nhau.

Độ cao địa hình dưới 1.000 m (so với mực nước biển) chiếm 85%. Núi cao trên 2000 m chỉ chiếm khoảng 1%. Trong số những đỉnh núi cao của Việt Nam có đỉnh Phanxipăng thuộc dãy Hoàng Liên Sơn (Lào Cai) cao nhất là 3.143 m.

Việt Nam có 4 vùng núi chính, mỗi vùng mang đặc điểm riêng:

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vùng núi Đông Bắc: kéo dài từ thung lũng sông Hồng ra đến vịnh Bắc Bộ, trong đó có nhiều danh lam thắng cảnh, những hang động kỳ thú như động Tam Thanh, Nhị Thanh (Lạng Sơn), hang Pắc Bó, Ngườm Ngao, thác Bản Giốc (Cao Bằng), hồ Ba Bể (Bắc Kạn), núi Yên Tử, Vịnh Hạ Long với những hang động nổi tiếng: động Thiên Cung, hang Đầu Gỗ, hang Trinh Nữ... (Quảng Ninh). Vùng núi Đông Bắc có đỉnh Tây Côn Lĩnh cao nhất là 2.431 m.

Vùng núi Tây Bắc: từ biên giới phía Bắc giáp Trung Quốc tới miền Tây của dải đất miền Trung. Đây là vùng núi cao hùng vĩ nhất nước, có Sa Pa (Lào Cai) ở độ cao 1.500 m so với mặt nước biển quanh năm mát mẻ, có Điện Biên Phủ di tích lịch sử "chấn động địa cầu", có đỉnh Phăngxipăng cao 3.143 m, nơi sinh sống của các dân tộc anh em Thái, Mường, Dao.

Vùng núi Trường Sơn Bắc: là hệ núi gồm các dãy núi song song và so le chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, kéo dài từ miền Tây Thanh Hóa đến tận cùng là dãy Bạch Mã đâm ra biển ở vĩ tuyến 160 Bắc. Khác với địa hình núi Tây Bắc, thấp dần về phía Đông Nam, địa hình Trường Sơn dựng cao, tạo nên hai sườn không đối xứng, sườn Đông đổ dốc xuống đồng bằng ven biển. Trong vùng núi Trường Sơn Bắc có nhiều cảnh quan kỳ thú như động Phong Nha - Kẻ Bàng, di sản tự nhiên thế giới, có đèo Ngang mỹ lệ, có đèo Hải Vân hùng vĩ... Đặc biệt đây là đoạn đầu của đường mòn Hồ Chí Minh nổi tiếng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Vùng núi Trường Sơn Nam: nằm ở phía Tây các tỉnh Nam Trung Bộ. Sau những dãy núi đồ sộ là một vùng Tây Nguyên rộng lớn. Trường Sơn Nam là một khối núi và cao nguyên. Địa hình núi đổ dồn về phía Đông, tạo nên bờ biển chênh vênh, sườn dốc đứng. Phía Tây là cao nguyên đất bazan, địa hình tương đối bằng phẳng có độ cao từ 500 - 1000m. Đây là vùng đất còn chứa đựng bao điều bí ẩn về cuộc sống của các dân tộc ít người Ba Na, Xơ Đăng, Mơ Nông, Ê Đê, Vân Kiều, Cơ Ho... và còn có bao động

https://www.facebook.com/taybanganh/

thực vật quý hiếm đến nay chưa biết hết được. Tại đây còn có Đà Lạt, thành phố trên cao nguyên, được xây dựng cách nay tròn 110 năm, một nơi nghỉ mát, an dưỡng, du lịch lý tưởng.

Rừng

Rừng và đất rừng Việt Nam chiếm khoảng 50% diện tích là nơi hội tụ nhiều loài thực vật, động vật của vùng Đông Nam Á và thế giới, trong đó có nhiều loài động vật quý hiếm đã được ghi vào sách đỏ và có nhiều loại gỗ quý như lát hoa, đinh, lim, sến, táu, pơmu... Ngoài gỗ, rừng Việt Nam có nhiều đặc sản có giá trị xuất khẩu: cánh kiến đỏ, nhựa thông, hồi, trẩu, quế...

Rừng Việt Nam có nhiều khu rừng quốc gia được bảo vệ nghiêm ngặt, nơi đây còn là những khu du lịch sinh thái bền vững như: vườn quốc gia Cúc Phương (Ninh Bình), rừng Ba Vì (Hà Tây), rừng Cát Bà (Hải Phòng), rừng Pù Mát, Vũ Quang (Hà Tĩnh), rừng Cát Tiên (Đồng Nai), rừng Côn Đảo, rừng ngập mặn Bạc Liêu, Cà Mau...

Dưới lòng đất rừng có nhiều khoáng sản quí như thiếc, kẽm, bô xít, bạc, vàng, ăngtimoan, đá quý, than đá, dầu mỏ, khí đốt... Đặc biệt nguồn nước khoáng rất phong phú, hầu như nơi nào cũng có, như suối khoáng Quang Hanh (Quảng Ninh), nước khoáng Kim Bôi (Hòa Bình), nước khoáng Bang (Quảng Bình), nước khoáng Thạch Bích (Quảng Ngãi), suối khoáng Hội Vân (Bình Định), Vĩnh Hảo (Bình Thuận), Dục Mỹ (Nha Trang, Khánh Hòa)...

2. ĐỒNG BẰNG

Nước ta có hai đồng bằng lớn: đồng bằng châu thổ sông Hồng và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long.

Đồng bằng châu thổ sông Hồng (còn gọi là đồng bằng Bắc Bộ), rộng khoảng 15.000 km2, được hai con sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp phù sa. Đây là cái nôi, địa bàn cư trú của người Việt từ thuở dựng nước. Nền văn minh lúa nước được tạo ra từ vùng đồng bằng này.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đồng bằng châu thổ sông Cửu Long (còn gọi đồng bằng Nam Bộ) rộng khoảng 36.000 km2, hơn gấp đôi đồng bằng sông Hồng. Đây là vùng đất phì nhiêu, điều kiện khí hậu thuận lợi, là vựa lúa lớn nhất nước, hằng năm xuất khẩu gạo nhiều nhất của Việt Nam.

Đồng bằng ven biển miền Trung hẹp chiều ngang, bị chia cắt thành nhiều cánh đồng nhỏ. Đồng bằng miền Trung chia làm 3 dải: sát biển là cồn cát, đầm phá, giữa là vùng thấp trũng, dải trong cùng được bồi tụ thành đồng bằng. Trong sự hình thành đồng bằng ở đây, biển đóng vai trò quan trọng, nên đất chua mặn, lại gặp khí hậu khắc nghiệt lụt lội, hạn hán triền miên nên năng suất lúa không cao.

3. TRUNG DU

Nằm chuyển tiếp giữa đồng bằng, và miền núi là các đồi bằng có độ cao dưới 300 m, độ cắt xẻ giữa các quả đồi trung bình 50 - 60 m, tối đa là 100 m. Càng gần đồng bằng đồi càng thấp, thu nhỏ, thung lũng mở rộng. Dải đồi trung du rộng nhất nằm ở rìa đồng bằng Bắc Bộ và thu hẹp ở rìa đồng bằng duyên hải miền Trung.

4. SÔNG NGÒI

Trên lãnh thổ Việt Nam có hàng nghìn con sông lớn nhỏ. Dọc bờ biển cứ khoảng 20 km lại có một cửa sông, do đó hệ thống giao thông thủy khá thuận lợi. Hai hệ thống sông quan trọng là hệ thống sông Hồng (miền Bắc) dài 500 km với nhiều phụ lưu, và hệ thống sông Cửu Long (miền Nam) dài 220 km, chia thành 2 nhóm sông: Tiền Giang và Hậu Giang đổ ra biển Đông qua 9 cửa sông.

Hầu hết các con sông Việt Nam chủ yếu chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Tuy vậy vẫn có một số sông chảy theo hướng vòng cung, uốn dòng theo các cánh cung của núi, như sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sông ngòi Việt Nam có tổng lượng chảy dồi dào nhưng không đồng đều trong năm, giữa mùa mưa và mùa khô. Lượng nước trong mùa mưa chiếm 70-80% lượng nước cả năm. Hệ thống sông Hồng hằng năm đổ ra biển khoảng 122 tỷ m3 nước. Tổng lượng nước đổ ra biển hằng năm của hệ thống sông Cửu Long khoảng 1.400 tỷ m3. Sông ngòi nước ta mang nhiều phù sa. Trong đó các con sông miền Bắc có lượng phù sa trong nước cao hơn các con sông miền Nam. Đặc biệt là sông Hồng có lượng phù sa lớn nhất (trung bình khoảng 1000 gr/m3). Vào mùa lũ, lượng phù sa có thể lên tới 10.000 gr/m3 nước.

5. BIỂN VÀ BỜ BIỂN

Bờ biển

Bờ biển Việt Nam dài 3.260 km, cả ba phía Đông, Nam và Tây Nam đều hướng ra biển Đông (một bộ phận của Thái Bình Dương). Biển Việt Nam có diện tích rộng gấp nhiều lần so với diện tích đất liền.

Bờ biển Việt Nam có nhiều bãi biển đẹp như: Trà Cổ, Đồ Sơn, Đồng Châu, Sầm Sơn, Cửa Lò, Lý Hòa, Cửa Tùng, Thuận An, Non Nước, Mỹ Khê, Văn Phong, Nha Trang, Vũng Tàu, Hà Tiên... Có nơi núi ăn lan ra biển tạo thành vẻ đẹp kỳ thú, như vịnh Hạ Long đã được UNESCO ghi vào danh sách Di sản tự nhiên của thế giới.

Do điều kiện tự nhiên độc đáo, bờ biển Việt Nam có nhiều hải cảng quan trọng như: Cửa Ông, Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Cam Ranh, Sài Gòn, Vũng Tàu...

Vùng biển

Biển Việt Nam là vùng biển nóng quanh năm, nhiệt độ nước trên mặt bao giờ cũng cao hơn nhiệt độ không khí. Nhiệt độ nước mùa hè ở biển Bắc là 25^0C, mùa đông là 21^0C, ở miền Trung mùa

https://www.facebook.com/taybanganh/

hè là 28^0C mùa đông là 25^0C, ở miền Nam là 29^0 C và 27^0C. Độ mặn trung bình nước biển Đông là 34^0 C, về mùa mưa độ mặn giảm xuống còn 32^0C, đến mùa khô tăng lên 35^0 C.

Trong vùng bờ biển Việt Nam có hai dòng hải lưu lớn: một hải lưu hướng Đông Bắc - Tây Nam, phát triển mạnh vào mùa đông, và một hải lưu hướng Tây Nam - Đông Bắc, hoạt động trong mùa hè. Cả hai dòng hải lưu đó hợp thành một vòng tròn thống nhất.

Biển Việt Nam có chế độ thủy triều khá phức tạp. Những vùng từ bờ biển Móng Cái - Quảng Bình, Đà Nẵng - mũi Kê Gà (Bình Thuận), mũi Cà Mau - Hà Tiên, đều có chế độ nhật triều. Các đoạn bờ biển còn lại có chế độ bán nhật triều.

Đảo

Biển Việt Nam còn có vùng thềm lục địa rộng lớn với khoảng 4.000 đảo lớn nhỏ. Chỉ riêng vịnh Bắc Bộ đã chiếm phần lớn số đảo và tập trung chủ yếu ở vịnh Hạ Long, Bái Tử Long. Các đảo lớn là Cát Bà, Cát Hải, Cô Tô, Bạch Long Vĩ, Hòn Mê, Cồn Cỏ, Cù Lao Chàm, Hòn Tre, Phú Quý, Phú Quốc, Thổ Chu, Côn Sơn...

Giữa vùng biển Việt Nam còn có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Quần đảo Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng, gồm hơn 30 đảo đá, cồn cát san hô, bãi đá ngầm rải rác trên một vùng biển rộng khoảng 15.000 km2.

Cách Hoàng Sa khoảng 240 hải lý[1] về phía Nam là quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa, gồm 100 đảo nhỏ, bãi đá ngầm, bãi san hô, nằm rải rác trên một vùng biển rộng khoảng 18.000 km2.

Cách Vũng Tàu 98 hải lý là Côn Đảo gồm 14 hòn đảo lớn nhỏ. Dưới thời thống trị của thực dân Pháp và Mỹ ngụy, Côn Đảo là địa ngục trần gian, nơi bọn thực dân đế quốc giam cầm, tra tấn, giết chóc dã man nhiều chiến sĩ cộng sản và người dân Việt Nam yêu nước.

[1] Một hải lý tương đương tương 1.852 mét

https://www.facebook.com/taybanganh/

IV. KHÍ HẬU

Việt Nam nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, lại ở nửa cầu Bắc, thiên về chí tuyến hơn là phía xích đạo. Vị trí đó tạo cho Việt Nam có một nhiệt độ cao. Nhiệt độ trung bình cả năm là từ 22^0C đến 27^0C. Hằng năm có khoảng 100 ngày mưa, lượng mưa trung bình từ 1.500 đến 2.000 mm. Độ ẩm không khí khá cao, khoảng 80%. Trên diện tích Việt Nam, mỗi năm được nhận chừng 600 tỷ tấn nước mưa, tương đương khoảng 20.000 tấn trên một hécta, tập trung phần lớn vào mùa mưa.

Một số nơi gần chí tuyến hoặc vùng núi cao (như Sa Pa, Đà Lạt...), khí hậu có tính chất ôn đới. Việt Nam có nắng suốt 4 mùa. Số giờ nắng khoảng từ 1.500 - 2.000 giờ. Bức xạ nhiệt trung bình năm 100 Kcal/cm2. Mùa hè số giờ nắng khoảng 200 giờ/tháng, mùa đông khoảng 70 giờ/tháng.

Khí hậu Việt Nam với lượng ẩm lớn cùng nhiệt độ cao, đó chính là điều kiện thuận lợi cho cây cối sinh trưởng, đâm hoa kết trái.

Chế độ gió mùa đã làm cho tính chất nhiệt đới ẩm của thiên nhiên Việt Nam thay đổi. Khí hậu Việt Nam có hai mùa rõ rệt, mùa khô rét (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau) và mùa mưa nóng (từ tháng 5 đến tháng 10). Nhiệt độ thay đổi theo mùa rõ rệt, đặc biệt là các tỉnh phía Bắc, nhiệt độ chênh nhau giữa các mùa là 12^0C. Các tỉnh phía Nam sự chênh lệch nhiệt độ giữa các mùa chỉ vào khoảng 3^0C.

Nhìn chung, khí hậu Việt Nam vẫn có sự thay đổi 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông, đặc biệt ở các tỉnh miền Bắc.

Việt Nam chịu tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc nên nhiệt độ trung bình thấp hơn so với các nước khác ở châu Á cùng vĩ độ, mùa đông lạnh hơn và mùa hạ cũng ít nóng hơn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Với sự phức tạp của địa hình, lại do ảnh hưởng gió mùa, nên khí hậu Việt Nam luôn luôn thay đổi trong năm, giữa năm này với năm khác và giữa nơi này với nơi khác (từ Bắc vô Nam, từ thấp lên cao).

Khí hậu Việt Nam cũng thường tạo ra những bất lợi về thời tiết như gió bão, lụt lội (mỗi năm trung bình có tới 6-10 cơn bão lớn nhỏ), hạn hán... thường xuyên xảy ra.

V. TÀI NGUYÊN

TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ ĐẤT RỪNG

Cách nay nửa thế kỷ, nước ta còn rất giàu tài nguyên rừng. Rừng Việt Nam có nhiều loại gỗ quý: đinh, lim, sến, táu, cẩm lai, gụ, trắc, pơmu... Về thực vật bậc cao có tới 12.000 loài. Cây dược liệu có tới 1.500 loài, trong đó có những loại dược liệu quý, như cây xạ đen. Các lâm sản khác như nấm hương, mộc nhĩ, mật ong... Về động vật, Việt Nam có trên 1.000 loài chim, 300 loài thú. Ngoài những loài thú thường gặp như gấu, khỉ, hươu, nai, sơn dương, còn có những loài quý hiếm: tê giác một sừng, hổ, voi, bò rừng, sao la, công, trĩ, gà lôi đỏ... rừng Việt Nam có khoảng 300 loài bò sát và ếch nhái và vô số loài côn trùng.

Nhưng hiện nay, tài nguyên rừng Việt Nam bị cạn kiệt. Theo thống kê năm 1993, trong tổng diện tích lâm nghiệp 20 triệu hécta, chỉ có 9 triệu hécta đất có rừng, còn 11 triệu héc ta là đất trống đồi trọc. Độ che phủ rừng tính chung toàn quốc là 29%.

Tài nguyên rừng Việt Nam chủ yếu rừng cây lá rộng (4,2 triệu ha) nhưng trong đó diện tích rừng giàu và rừng trung bình còn rất ít, diện tích rừng nghèo1 và diện tích rừng phục hồi chiếm gần 68%. Ngoài ra còn có hơn 900.000 ha rừng tre nứa và rừng hỗn giao tre nứa. Trên vùng núi cao có rừng gỗ lá kim. Ven biển có rừng ngập mặn (gần 10.000 ha). Rừng phòng hộ có diện tích 2,8 triệu ha.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nước ta còn có một hệ thống rừng đặc dụng. Đó là các vườn quốc gia như: Cúc Phương, Ba Vì, Ba Bể, Vũ Quang, Bạch Mã, Cát Tiên...

Rừng Việt Nam hiện không những bị cạn kiệt mà diện tích ngày càng bị thu hẹp, nhất là rừng nguyên sinh. Nhiều động vật, thực vật quý hiếm đang bị khai thác săn bắn bừa bãi nên nhiều loài thú quý đang đứng trước nguy cơ bị diệt chủng, các loại gỗ quý ngày càng hiếm.

THỦY SẢN

Nước ta có bờ biển dài 3.260 km, vùng đặc quyền kinh tế rộng khoảng 1 triệu km2. Diện tích mặt nước kể cả nước ngọt, nước lợ, nước mặn là nguồn tài nguyên phong phú về thủy sản, trong đó có nhiều loài quý hiếm.

Riêng vùng biển Việt Nam nguồn lợi thủy sản hết sức dồi dào. Các vùng biển ven bờ, các dòng hải lưu, các vùng nước triều mang theo các phù du sinh vật tới, làm thức ăn cho các loài cá tôm... Dọc bờ biển nước ta lại có nhiều cửa sông đổ phù sa ra biển, đó là những nơi tập trung nhiều tôm cá.

Vùng biển Việt Nam có trữ lượng hải sản khoảng 3,0 - 3,5 triệu tấn. Biển nước ta có 6.845 loài động vật, trong đó có 2.038 loài cá. Các loài cá có giá trị kinh tế cao như: chim, thu, nụ, đé, ngừ, bạc má... có khoảng 100 loài. Về cá biển Việt Nam có đủ ba loại: cá nổi, cá tầng giữa và cá đáy, nhưng nhiều hơn cả là cá nổi chiếm 63% tổng sản lượng cá biển. Biển nước ta có tới 1.647 loài giáp xác, trong đó có khoảng 75 loài tôm, 300 loài cua, 300 loài trai ốc, 7 loài mực... Có những loài có giá trị xuất khẩu cao như tôm he, tôm hùm, tôm rồng... Nhuyễn thể có hơn 2.500 loài, rong biển có khoảng 653 loài. Ngoài ra còn có nhiều loại đặc sản: hải sâm, bào ngư, sò, điệp...

Dọc bờ biển Việt Nam có những bãi triều, đầm phá, các rừng ngập mặn. Đó là những khu vực thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Việt Nam lại có nhiều sông, suối, kênh rạch, ao hồ, đầm, phá... là những nơi nuôi thả cá, tôm nước ngọt rất thuận lợi. Cả nước đã sử dụng 350.000 ha diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản, trong đó Cà Mau chiếm 38% diện tích.

Để việc đánh bắt hải sản có hiệu quả, năng suất cao, nhiều địa phương ngư dân đã đóng nhiều tàu thuyền lớn để đánh bắt xa bờ, đã mang lại hiệu quả kinh tế lớn. Hằng năm nước ta xuất khẩu một khối lượng thủy sản lớn sang thị trường EU, đặc biệt là Mỹ.

KHOÁNG SẢN

a. Nhiên liệu

Khoáng sản nhiên liệu quan trọng ở nước ta là than và dầu khí.

Than có nhiều loại, và có ở nhiều nơi với trữ lượng lớn, chủ yếu tập trung nhiều ở vùng núi Đông Bắc, Quảng Ninh với trữ lượng dự báo 6 tỷ tấn, phần lớn là than gầy (antraxít) có chất lượng tốt. Các mỏ than khác gồm cả than gầy, than mỡ và than nâu, với trữ lượng trung bình chỉ từ 10-100 triệu tấn và đã được đưa vào khai thác như mỏ than Phấn Mễ (Thái Nguyên), Nông Sơn (Quảng Nam), Na Dương (Lạng Sơn). Ngoài ra ở vùng đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ còn có mỏ than bùn với trữ lượng lớn, đã được các nhà địa chất phát hiện.

Dầu khí ở nước ta có nhiều ở thềm lục địa, đặc biệt vùng thềm lục địa Nam Bộ có trữ lượng khá lớn, đến nay đã khai thác được hàng trăm triệu tấn dầu thô. Đặc biệt nhiều nơi có mỏ khí đốt.

b. Kim loại

_ Bôxít: mỏ bôxít có ở nhiều nơi. Riêng ở Cao Bằng - Lạng Sơn trữ lượng khoảng 30 triệu tấn. Ở Tây Nguyên, bôxít tập trung thành những mỏ lớn, tổng trữ lượng lên tới hàng tỷ tấn.

_ Sắt: có ở Thạch Khê (Hà Tĩnh), Yên Bái, Thái Nguyên cũng đều có và đã đi vào khai thác.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Crôm: có ở Cổ Định (Thanh Hóa) với trữ lượng 10 triệu tấn, đã đi vào khai thác từ lâu.

_ Thiếc: có nhiều ở Tĩnh Túc (Cao Bằng), Sơn Dương (Tuyên Quang), Quỳ Hợp (Nghệ An).

_ Đồng: phát hiện được ở Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Hà Bắc, Nghệ An, Quảng Ngãi.

Ngoài ra Việt Nam còn có nhiều mỏ kim loại quý: mangan, titan, chì, kẽm, vàng, bạc, thủy ngân, ăngtimoan... với trữ lượng ít và chưa được khai thác nhiều.

c. Khoáng sản phi kim loại

_ Apatit: ở Cam Đường (Lào Cai) có trữ lượng khoảng 500 triệu tấn, chất lượng cao, đã đi vào khai thác từ lâu.

_ Đất sét: có nhiều ở Bảo Lộc (Lâm Đồng), một số nơi ở vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long.

_ Đá vôi: tập trung nhiều ở miền Bắc và Bắc Trung Bộ, với trữ lượng lớn, diện tích phân bố rất thuận lợi cho việc khai thác.

_ Đá xây dựng: như đá hoa cương, granít, cát kết có ở nhiều nơi trong cả nước.

_ Đá quý: hồng ngọc, ngọc lam có ở Yên Bái, Nghệ An.

Nhìn chung tài nguyên khoáng sản Việt Nam khá phong phú về chủng loại và phân bố rộng khắp cả nước. Ngoài các mỏ than, thiếc, apatít, vật liệu xây dựng và dầu khí đã đưa vào khai thác với trữ lượng tương đối lớn, các mỏ còn lại phần lớn là những mỏ có quy mô nhỏ, trữ lượng không nhiều.

ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Các vùng đồng bằng Việt Nam bao gồm hai đồng bằng lớn: đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, và một số đồng bằng duyên hải nhỏ hẹp miền Trung.

https://www.facebook.com/taybanganh/

ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Đồng bằng sông Hồng, một châu thổ có hình tam giác cân với đỉnh là Việt Trì và đáy kéo dài từ Quảng Yên tới Ninh Bình, là sản phẩm của sông Hồng và sông Thái Bình. Khi về tới châu thổ, sông Hồng đã trở thành một con sông lớn dài trên 200 km từ Việt Trì đến biển và rộng từ 1-3 km vào mùa lũ. Dòng sông mang theo tổng lượng phù sa trung bình năm lên tới trên 100 triệu tấn. Phù sa sông Hồng bồi đắp cho châu thổ màu mỡ: độ PH trung bình (7,0), lượng đạm mùn cao. Đó là điều kiện tốt cho năng suất lúa rất cao của đồng bằng sông Hồng.

So với sông Hồng, sông Thái Bình nhỏ hơn nhiều, mặc dầu đó là phần hạ lưu sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam hợp thành. Lượng phù sa sông Thái Bình cũng ít hơn, chất lượng kém hơn.

Trong số các đồng bằng Việt Nam, đồng bằng sông Hồng là vùng đất nông nghiệp được khai phá sớm nhất. Đây còn là cái nôi hình thành dân tộc Việt, là quê hương của các nền văn hóa nổi tiếng trải suốt tiến trình lịch sử văn minh Việt Nam.

Về mặt kinh tế, việc trồng lúa nước đã trở thành nghề truyền thống với trình độ thâm canh cao nhất toàn quốc. Ngày nay, đồng bằng sông Hồng đang giữ vai trò chủ đạo về phương diện kinh tế ở các tỉnh phía Bắc nói riêng và cả nước nói chung.

Ngoài tiềm năng kinh tế nông nghiệp, tài nguyên nước ở đồng bằng sông Hồng dồi dào, nhờ sự có mặt của sông Hồng và mạng lưới sông ngòi dày đặc.

Nhưng để phát triển mạnh nền kinh tế ở đồng bằng sông Hồng, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế có một vai trò hết sức quan trọng. Cho đến nay, hầu như phần lớn cư dân đồng bằng nói chung chủ yếu tham gia sản xuất nông nghiệp. Trong lúc đó, dân số không ngừng tăng lên, diện tích đất canh tác ngày một giảm do đô thị hóa, khả năng phát triển nền nông nghiệp truyền thống đang tiến gần tới giới hạn của nó.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vì vậy, vai trò nông nghiệp trong nền kinh tế đồng bằng phải có sự chuyển đổi. Trong tương lai việc sản xuất nông nghiệp sẽ giảm đi và nhường chỗ cho một số ngành kinh tế khác. Đồng bằng sông Hồng có nhiều nguồn lực để phát triển các ngành công nghiệp. Việc chuyển dịch cơ cấu theo hướng một nền kinh tế công nghiệp sẽ là bước cất cánh nhằm đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, đẩy mạnh các ngành dịch vụ như du lịch cũng góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế đồng bằng sông Hồng. Bởi đồng bằng sông Hồng có nhiều tiềm năng về du lịch, một nơi có nhiều thắng cảnh nổi tiếng, các di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc, một vùng có nhiều lễ hội truyền thống...

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng châu thổ được dòng sông Cửu Long, một trong những con sông dài vào bậc nhất thế giới, bồi đắp nên.

Đây là một đồng bằng thấp, ngập nước, độ cao trung bình 2 m, so với mực nước biển và được cấu tạo bởi phù sa mới, nguồn gốc hỗn hợp của sông và biển.

Đồng bằng sông Cửu Long được khai thác muộn nhất, mới cách nay khoảng 5-6 thế kỷ. Tuy nhiên thế mạnh nổi bật của vùng này là các điều kiện tự nhiên. Trong một thời gian dài, phù sa sông đã làm cho đồng bằng trở nên màu mỡ mà không bị con người can thiệp. Vì thế từ xưa tới nay đồng bằng sông Cửu Long vẫn được mệnh danh là vựa lúa lớn nhất của cả nước. Đồng bằng sông Cửu Long, góp phần rất quan trọng, đưa ngành xuất khẩu gạo nước ta lên đứng hàng thứ hai thế giới.

Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều ưu thế hơn về điều kiện tự nhiên so với đồng bằng sông Hồng, và có nhiều thuận lợi cho việc trồng lúa. Đồng bằng có diện tích tự nhiên khoảng 4 triệu ha, trong đó đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp 2,53 triệu ha, vào lâm nghiệp 26 vạn ha, vào các mục đích khác 28 vạn ha

https://www.facebook.com/taybanganh/

và số đất còn lại chưa khai thác 93 vạn ha. Được phù sa sông Cửu Long bồi đắp, lại không bị con người can thiệp quá sớm, đất trồng lúa nhiều, gấp 3 lần mức bình quân đầu người so với đồng bằng sông Hồng. Vì vậy, đồng bằng sông Cửu Long đã sản xuất ra khối lượng lương thực lớn nhất cả nước. Nơi đây còn là nguồn sản xuất thực phẩm quan trọng của Việt Nam. Ngoài chăn nuôi gia cầm: vịt, gà... gia súc: trâu, bò, lợn... đồng bằng sông Cửu Long còn là nguồn thủy sản vô tận: cá, tôm, cua...

CÁC VÙNG KHÁC

Tuy không đóng vai trò quan trọng như đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long, nhưng các đồng bằng duyên hải miền Trung có mối liên hệ mật thiết với vùng đồi núi phía Tây, một vùng đất có thế mạnh về cây công nghiệp, thực phẩm như cây điều, cao su, ca cao, hồ tiêu, cà phê... và với vùng biển, thềm lục địa ở phía Đông, một nguồn hải sản quan trọng trong nền kinh tế của miền Trung Việt Nam.

Ngoài ra, nước ta còn có một vùng trung du rộng lớn, nơi đang phát triển mạnh các loài cây lấy dầu như sở, chẩu, quế, hồi... và những cánh rừng chè, cà phê... Đó là những thế mạnh mà không phải nước nào cũng có.

TÀI NGUYÊN DU LỊCH

Du lịch là một trong những ngành có sự định hướng rõ rệt về tài nguyên. Tài nguyên du lịch được xếp vào những nhân tố có vị trí quan trọng hàng đầu.

Tài nguyên du lịch gồm hai nhóm: tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn.

Tài nguyên du lịch tự nhiên

Nước ta quanh năm chan hòa ánh nắng, bốn mùa xanh tươi. Tài nguyên du lịch tự nhiên nước ta vô cùng phong phú đa dạng. Về mặt địa hình, Việt Nam có các dạng địa hình đồi núi, đồng

https://www.facebook.com/taybanganh/

bằng, cao nguyên, bờ biển... tạo nên nhiều cảnh quan đẹp. Với những núi cao như Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Ba Vì (Hà Tây), Sapa (Lào Cai), Bạch Mã (Thừa Thiên), Bà Nà (Đà Nẵng), Đà Lạt... có khí hậu rất gần với ôn đới, có nhiều hang động kỳ khu như hang Pắc Bó (Cao Bằng), Tam Thanh (Lạng Sơn), Thiên Cung (Hạ Long), Phong Nha (Quảng Bình)..., những thác ghềnh ngoạn mục như thác Bản Giốc (Cao Bằng), thác Pongur, Đambri (Lâm Đồng), với bao đầm phá mênh mông: Tam Giang, Cầu Hai (Thừa Thiên Huế)..., bao hồ nước thơ mộng: Ba Bể (Bắc Kạn), hồ Thủy điện Hòa Bình, hồ Suối Hai, Đồng Mô (Hà Tây), hồ Dầu Tiếng (Tây Ninh)... Lại có những vùng đất lịch sử: Điện Biện Phủ chiến trường xưa, Củ Chi đất thép kiên cường, có Côn Đảo, địa ngục trần gian dưới thời thực dân Pháp và Mỹ ngụy, có Phú Quốc, Trường Sa, Hoàng Sa, đất mẹ kiên trung...

Việt Nam có bờ biển dài 3.260 km với nhiều bãi tắm đẹp nổi tiếng: Trà Cổ, Bãi Cháy (Quảng Ninh), Đồ Sơn (Hải Phòng), Sầm Sơn (Thanh Hóa), Cửa Lò (Nghệ An), Thiên Cầm (Hà Tĩnh), Đá Nhảy (Quảng Bình), Cửa Tùng (Quảng Trị), Thuận An, Lăng Cô (Thừa Thiên Huế), Non Nước (Đà Nẵng), Nha Trang (Khánh Hòa), Ninh Chữ (Ninh Thuận), Vũng Tàu (Bà Rịa-Vũng Tàu)...

Tài nguyên nhân văn

Việt Nam là một đất nước có mấy ngàn năm lịch sử. Điều đó làm cho tài nguyên du lịch nhân văn nước ta hết sức phong phú. Các di tích lịch sử, văn hóa là một trong những tài nguyên hàng đầu của du lịch Việt Nam. Đến năm 2000 cả nước đã có 2.250 di tích đã được Nhà nước xếp hạng trong số 4.000 di tích. Trong đó có 5 di tích thắng cảnh đã được Ủy ban Di sản Thế giới thuộc UNESCO công nhận là di sản thế giới như: Cố đô Huế, Phố Cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn là di sản văn hóa thế giới, Vịnh Hạ Long, động Phong Nha... Kẻ Bàng là di sản tự nhiên thế giới. Và chắc một ngày không xa, nước ta sẽ còn có một số di tích thắng

https://www.facebook.com/taybanganh/

cảnh nữa sẽ được UNESCO ghi vào danh sách di sản thế giới. Đó là những điểm tham quan du lịch đầy hấp dẫn và cuốn hút du khách.

Việt Nam còn có những vùng du lịch sinh thái với một hệ thống vườn quốc gia đa dạng sinh học như Cúc Phương, Pu Mát, Vũ Quang, Cát Tiên... và một miệt vườn cây trái sông nước miền Tây Nam Bộ. Du lịch mạo hiểm, lên thác, xuống ghềnh, leo núi... đang là mốt của du lịch Việt Nam trong những năm tới.

Việt Nam, vùng đất giàu tài nguyên nước khoáng tự nhiên. Đến nay, chúng ta đã phát hiện hơn 400 nguồn nước khoáng, trong đó có nhiều nguồn nước khoáng nổi tiếng như Thạch Bích, Kim Bôi, Vĩnh Hảo... không chỉ là những nguồn nước uống tốt cho sức khỏe, mà còn là những nơi nghỉ dưỡng chữa bệnh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

PHẦN II
LỊCH SỬ VIỆT NAM

I. THỜI TIỀN SỬ

Căn cứ vào di chỉ khảo cổ học tìm thấy ở núi Đọ (Thanh Hoá), Hang Gòn, Dầu Giây (Đồng Nai) và những chiếc răng người vượn tìm thấy ở trong hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn), các nhà khảo cổ học đã khẳng định rằng cách đây hàng chục vạn năm trên lãnh thổ Việt Nam đã có con người sinh sống. Việt Nam được coi là một trong những nơi loài người xuất hiện sớm.

Những di chỉ tìm thấy ở Sơn Vi (huyện Lâm Thao, Phú Thọ), mà giới khảo cổ học gọi là nền văn hoá Sơn Vi, thuộc hậu kỳ thời đại đá cũ, có niên đại cách nay 300.000 năm. Từ văn hoá Sơn Vi phát triển lên văn hoá Hòa Bình - Bắc Sơn, thuộc thời kỳ đồ đá mới, cách nay 5.000 năm.

Với văn hoá Hòa Bình - Bắc Sơn, con người đã biết trồng trọt, đánh dấu bước chuyển từ kinh tế hái lượm, săn bắt sang kinh tế sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi). Các cư dân nguyên thủy sống chủ yếu trên các miền đồi núi, trong những hang động, nay đã chuyển dần xuống chinh phục các vùng châu thổ, sống định cư, phát triển nghề trồng lúa nước và các cây trồng khác, đồng thời kết hợp với chăn nuôi, săn bắt và phát triển nghề thủ công đan lát, dệt, gốm... hình thành những cộng đồng làng xóm.

II. VUA HÙNG DỰNG NƯỚC VĂN LANG

CÁC NỀN VĂN MINH CỔ

Vào thiên niên kỷ I trước Công nguyên, trên lãnh thổ Việt Nam xuất hiện 3 trung tâm văn minh đầu tiên gắn với nhà nước sơ kỳ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

VĂN MINH ĐÔNG SƠN

Văn minh người Việt cổ ở lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Lam phát triển, bằng chứng tiêu biểu nhất của nền văn minh này là trống đồng Đông Sơn nổi tiếng, vì thế gọi là nền văn minh Đông Sơn. Trên nền tảng của nền văn minh này, một nhà nươc sơ kỳ của người Việt cổ ra đời. Đó là nước Văn Lang của các vua Hùng đóng đô ở Phong Châu (Phú Thọ). Sau 18 đời Hùng Vương, nhà nước Âu Lạc ra đời với Thục Phán An Dương Vương, đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh - Hà Nội ngày nay).

Đây là thời đại để lại nhiều dấu ấn sâu đậm trong lịch sử dân tộc Việt Nam, với truyền thuyết Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, sinh ra bọc trăm trứng, nở ra 100 con, được gọi là tổ tiên chung của dân tộc Việt. Truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh, Thánh Gióng, Lý Ông Trọng... nói lên cuộc đấu tranh chống thiên tai, địch họa trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam ta thời cổ đại.

VĂN MINH SA HUỲNH

Tại ven biển miền Trung có nền văn minh Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) vào khoảng thiên niên kỷ 1,2 trước Công nguyên. Đó là nền văn minh sơ kỳ của dân tộc Chăm cổ đưa đến việc thành lập nhà nước Chămpa vào đầu Công nguyên.

VĂN MINH ÓC EO

Đây là nền văn minh nổi tiếng ở miền Nam Việt Nam, trải rộng khắp vùng châu thổ Cửu Long. Văn minh Óc eo với nhà nước Phù Nam tồn tại từ đầu Công nguyên đến thế kỷ VI, VII.

Như vậy, thời cổ đại, trên lãnh thổ Việt Nam, cùng song song tồn tại ba trung tâm văn minh: Văn minh Đông Sơn với nhà nước Âu Lạc, văn minh Sa Huỳnh với vương quốc Champa, và văn minh Óc Eo với vương quốc Phù Nam.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trong quá trình biến thiên của lịch sử cả ba trung tâm đã hội nhập thành nước Việt Nam thống nhất ngày nay từ chòm Lũng Cú trên cao nguyên Đồng Văn (mỏm cực Bắc) đến mũi Cà Mau, Năm Căn (mỏm cực Nam).

III. CÁC THỜI KỲ TIẾP THEO

Sau thời kỳ Hùng Vương, lịch sử Việt Nam là một chuỗi nối tiếp của những cuộc đấu tranh liên tục giành độc lập, tự do, thống nhất. Có thể chia thành ba thời kỳ:

_ Thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc

_ Thời kỳ củng cố độc lập và chủ quyền dân tộc, xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến thống nhất

_ Thời kỳ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

THỜI KỲ BẮC THUỘC

Thời kỳ này kéo dài 1000 năm. Đây là thời kỳ đầy thử thách ác liệt nhất trong tiến trình lịch sử của dân tộc ta. Dưới ách thống trị với chính sách đồng hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc, người Việt Nam vẫn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc cũng như ngôn ngữ, phong tục tập quán đã có từ thời Lạc Việt. Về chính trị, nhân dân ta không ngừng đấu tranh giành độc lập dân tộc, chống ách thống trị phong kiến ngoại bang, mở đầu là cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40-43 sau CN). Bản anh hùng ca của dân tộc chỉ diễn ra ngắn ngủi! Chỉ ba năm sau, đất nước và nhân dân ta lại bị phong kiến phương Bắc đô hộ.

Không cam chịu chính sách đồng hóa, ách áp bức bóc lột ngày một tàn bạo của phong kiến đô hộ phương Bắc, nhân dân ta vùng lên khởi nghĩa dưới sự chỉ huy của Bà Triệu. Khởi nghĩa Bà Triệu (năm 248) là đỉnh cao của phong trào nhân dân thế kỷ II-III, nổ ra trong thời kỳ mà bọn đô hộ có lực lượng hùng mạnh. Cuối cùng Triệu Thị Trinh hy sinh trên núi Tùng (Hậu

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lộc, Thanh Hóa). Bà Triệu mất, giặc Ngô càng tăng cường ách áp bức bóc lột, nhưng không dập tắt được tinh thần quật khởi của nhân dân ta. Không có một thế kỷ nào không có khởi nghĩa nhân dân. Không một lúc nào bè lũ đô hộ phong kiến phương Bắc ăn ngon ngủ yên. Vào giữa thế kỷ VI nổ ra cuộc khởi nghĩa Lý Bí dẫn tới thành lập nước Vạn Xuân.

Việc dựng nước độc lập mang tên Vạn Xuân, nói lên lòng tin tưởng vững chắc của nhân dân ta ở khả năng tự mình có thể vươn lên, phát triển một cách độc lập, tự chủ. Điều đó càng khẳng định dứt khoát rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc độc lập, là chủ nhân của đất nước và vận mệnh của mình.

Tuy vậy tập đoàn phong kiến phương Bắc vẫn không từ bỏ chính sách xâm lược đô hộ. Nhân dân ta lại phải đứng lên khởi nghĩa: khởi nghĩa Mai Thúc Loan (722), khởi nghĩa Phùng Hưng (766-791), và cuối cùng Ngô Quyền với chiến thắng Bạch Đằng cuối năm 938 đã kết thúc hoàn toàn thời kỳ Bắc thuộc kéo dài 1000 năm, mở ra thời kỳ độc lập lâu dài của dân tộc.

THỜI KỲ ĐỘC LẬP PHONG KIẾN

Đây là thời kỳ củng cố độc lập và chủ quyền dân tộc, xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến thống nhất. Thời kỳ này kéo dài khoảng gần 1000 năm, từ đầu thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX.

Đây là kỷ nguyên phục hưng dân tộc và phát triển rực rỡ dưới các triều đại: Triều Lý (1010-1225), Triều Trần (1225-1400), Triều Lê (1428-1527). Trong đó tiêu biểu nhất là nền văn minh Đại Việt với trung tâm văn hóa Thăng Long.

Mở đầu thời kỳ quốc gia độc lập tự chủ, nhà Lý dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long (Hà Nội ngày nay). Phật giáo và Nho giáo chi phối đời sống tư tưởng xã hội.

Về văn hóa, mở Quốc Tử Giám, trường Đại học đầu tiên ở nước ta. Chữ Nôm ngày càng được phổ biến và được vận dụng vào trong sáng tác văn học. Nguyễn Trãi là người tiên phong đề

https://www.facebook.com/taybanganh/

cao tiếng Việt và đã dùng chữ Nôm để viết văn, làm thơ. Tập thơ "Quốc âm thi tập" của ông gồm 250 bài thơ là một trong những tập thơ Nôm cổ nhất còn lưu truyền đến ngày nay.

Về kiến trúc, nhiều đền đài, miếu mạo, chùa chiền, thành quách, cung điện lần lượt được xây dựng. Các hình thức nghệ thuật dân gian như tuồng chèo, múa hát, rối nước... không ngừng phát triển. Nông nghiệp và các nghề thủ công truyền thống ngày một phát triển.

Là một quốc gia có chủ quyền, trong thời kỳ này, nhân dân ta nhiều lần đã phải đứng lên cầm vũ khí chống trả quyết liệt các cuộc xâm lăng của kẻ thù bên ngoài. Đó là cuộc kháng chiến chống quân Tống ở thế kỷ XI. Nhà trần phải ba lần chống quân Nguyên - Mông vào thế kỷ XIII, do Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chỉ huy, giành thắng lợi, và cuộc kháng chiến ròng rã 10 năm chống quân Minh vào đầu thế kỷ XV (1418 - 1428) dưới sự lãnh đạo anh minh của Lê Lợi.

Cuối thế kỷ XVII, chế độ phong kiến Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng. Đất nước bị chia cắt. Đàng Ngoài do họ Trịnh nắm giữ. Đàng Trong do chúa Nguyễn kiểm soát. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn thắng lợi cuối thế kỷ XVIII, dưới sự lãnh đạo của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ, đánh tan 20 vạn quân Thanh, bước đầu thống nhất đất nước.

Đầu thế kỷ XIX, nhà Tây Sơn bị thất bại, Triều Nguyễn tiếp tục củng cố và thống nhất quốc gia. Nhưng vì bảo thủ, bế quan tỏa cảng, nhà Nguyễn đã để đất nước rơi vào tình trạng trì trệ, lạc hậu. Năm 1858, thực dân Pháp bắt đầu xâm lược Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp do triều Nguyễn khởi xướng đã bị thất bại thảm hại. Từ năm 1884, nước ta đã trở thành thuộc địa của thực dân Pháp.

Tuy đã đặt được nền thống trị trên cả nước, nhưng chính quyền cai trị của thực dân Pháp vẫn phải liên tục đối phó với nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta từ Bắc chí Nam, từ miền

https://www.facebook.com/taybanganh/

xuôi tới miền ngược. Đó là phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX, tiêu biểu là những cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Đinh Công Tráng, Trương Định, Nguyễn Trung Trực... rồi đến những phong trào có xu hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX. Cuộc khởi nghĩa do Nguyễn Thái Học lãnh đạo, phong trào Đông Du của Phan Bội Châu... nhưng tất cả đều bị thất bại.

Năm 1930, với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập, cách mạng Việt Nam đã giành được thắng lợi vào tháng 8 - 1945.

THỜI KỲ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Ngay sau ngày giành được độc lập, nhân dân Việt Nam một lần nữa đã phải đứng lên cầm vũ khí tham gia những cuộc kháng chiến trường kỳ ròng rã hơn 30 năm để bảo vệ nền độc lập, tự do cho tổ quốc.

Cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc thắng lợi bằng trận "Điện Biên Phủ chấn động địa cầu" vào ngày 7-5-1954, buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ. Việt Nam tạm thời bị chia làm 2 miền Nam - Bắc, với vĩ tuyến 17 là giới tuyến.

Cuộc kháng chiến lần thứ hai chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã kết thúc bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử vào lúc 11 giờ 30 ngày 30-4-1975.

Ngày nay, nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đang bước vào thời kỳ mới, mở cửa hội nhập khu vực và quốc tế, đưa đất nước vững bước đi lên, với mục tiêu làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội văn minh, công bằng và dân chủ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

NHỮNG MỐC LỊCH SỬ ĐÁNG NHỚ

_ Thời kỳ đồ đá cũ: cách nay 300.000 năm. Di tích Người vượn Việt Nam ở núi Đọ, văn hóa Sơn Vi.

_ Thời kỳ đồ đá giữa: cách nay 10.000 năm, văn hóa Hòa Bình.

_ Thời kỳ đồ đá mới: cách nay 5.000 năm, văn hóa Bắc Sơn.

I. TRUYỀN THUYẾT KINH DƯƠNG VƯƠNG - CON LẠC CHÁU HỒNG (2879 - 258 TCN)

_ Theo truyền thuyết thủy tổ dân tộc Việt là Kinh Dương Vương (mộ ở làng An Lữ, Thuận Thành, Bắc Ninh). Kinh Dương Vương lên ngôi hoàng đế năm Nhâm Tuất (2879 trước Công nguyên).

_ Con là Sùng Lãm nối ngôi hiệu là Lạc Long Quân, lấy con gái của Đế Lai là Âu Cơ, sinh một bọc 100 trứng, nở ra 100 người con, tổ tiên người Bách Việt.

_ 50 người con theo mẹ lên núi, 50 người con theo cha về miền biển phía Nam. Người con trưởng trong số 50 người con theo mẹ lên núi được tôn làm vua, gọi là Hùng Vương.

_ Hùng Vương lên ngôi, đặt quốc hiệu là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu. Kéo dài 18 đời, khoảng 2000 năm, các tướng văn gọi là Lạc Hầu, võ tướng gọi là Lạc Tướng. Con trai vua gọi là Quan Lang, con gái gọi là Mỵ Nương.

PHÙ ĐỔNG THIÊN VƯƠNG

Đời vua Hùng thứ 6, giặc Ân kéo quân xâm chiếm nước ta. Nhà vua cho sứ giả đi khắp nơi tìm người tài giúp nước. Ở làng Phù Đổng có một cậu bé lên ba mà vẫn chưa biết nói. Khi nghe

https://www.facebook.com/taybanganh/

sứ giả rao cầu hiền, cậu bỗng biết nói, bảo sứ giả về tâu với vua đúc một ngựa sắt, một thanh kiếm, một nón sắt, cậu sẽ ra quân diệt giặc. Khi vua cho mang ngựa sắt đến, cậu bỗng vươn vai hóa thành một người to lớn khổng lồ. Giặc Ân đến, cậu cưỡi ngựa sắt đánh cho tan tác. Thắng trận cậu đến núi Sóc Sơn cùng ngựa sắt bay về trời.

SƠN TINH - THỦY TINH

Vua Hùng thứ 18 kén chồng cho Mỵ Nương: hứa gả con gái cho người mang lễ vật đến trước. Sơn Tinh mang đến sớm nhất và đưa Mỵ Nương về núi.

Thủy Tinh đến muộn, nổi giận dâng nước đánh Sơn Tinh. Nước đến đâu Sơn Tinh làm cho núi cao đến đó. Thủy Tinh thua.

II. NHÀ THỤC - QUỐC HIỆU ÂU LẠC (257 - 208 TCN)

_ Thục Phán thủ lĩnh Âu Việt, hợp nhất với Văn Lang của Lạc Việt, xưng là An Dương Vương đóng đô ở Cổ Loa, từ năm 257 đến 208 trước Công nguyên. Quốc hiệu là Âu Lạc.

_ Năm 218 TCN, Tần Thủy Hoàng huy động 50 vạn quân chinh phục Bách Việt. Sau 10 năm bền bỉ chiến đấu, đến khi quân Tần mệt mỏi, Thục Phán tổ chức phản công, bắn chết tướng Đồ Thư. Quân Tần thua trận, mở đường máu chạy về nước.

III. NHÀ TRIỆU VÀ PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC ĐÔ HỘ LẦN THỨ NHẤT (207 - 111 TCN)

_ Triệu Đà đánh Âu Lạc không được vì nước ta có Loa Thành kiên cố, có nỏ thần. Triệu Đà lập mưu cho Trọng Thủy sang ở rể lấy Mỵ Châu con gái An Dương Vương. Trọng Thủy lấy cắp nỏ thần Kim Quy đem về nước. Triệu Đà chiếm được nước ta,

https://www.facebook.com/taybanganh/

lập ra Nam Việt đóng đô ở Phiên Ngung (Quảng Đông) kéo dài từ Triệu Vũ Đế (Triệu Đà - 207 TCN) đến Triệu Dương Vương (Triệu Kiến Đức - 111 TCN).

_ Lợi dụng nội tình nhà Triệu bất ổn, nhà Hán sai tướng Lộ Bác Đức và Dương Bộc đánh chiếm Nam Việt và đổi thành Giao Chỉ, chia thành 9 quận, mỗi quận đặt một viên Thái thú.

IV. THỜI KỲ CHỐNG PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC ĐÔ HỘ LẦN THỨ NHẤT - KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRƯNG (40 - 43)

_ Thái thú quận Giao Chỉ là Tô Định tàn bạo giết chết Thi Sách (con Lạc Tướng Chu Diên) chồng Trưng Trắc (con Lạc Tướng Mê Linh). Mùa xuân năm 40, Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị nổi dậy đánh đuổi Tô Định chạy về nước. Các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố cũng theo về với Hai Bà Trưng. Đất nước sạch bóng quân thù, Trưng Trắc được suy tôn lên làm vua đóng đô ở Mê Linh từ năm 40 đến năm 43.

_ Dưới trướng của Hai Bà Trưng có 20 nữ tướng tài ba, trong đó đáng chú ý là các nữ tướng: Lê Chân, Bát Nàn, Đàm Ngọc Nga, Phương Dung...

_ Mùa hè năm 42, nhà Hán sai Mã Viện đưa 20 vạn quân đánh chiếm nước ta. Trước thế giặc hung hãn, quân dân ta đã anh dũng chiến đấu, nhưng thua trận. Ngày 6 tháng 2 năm Quý Mão (43), sau khi đã phóng những mũi tên cuối cùng, Hai Bà Trưng đã tuẫn tiết ở sông Hát Giang.

V. THỜI KỲ CHỐNG PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC ĐÔ HỘ LẦN THỨ HAI

_ Đông Ngô cai trị nước ta vô cùng hà khắc. Năm 248, bà Triệu Thị Trinh cùng anh là Triệu Quốc Đạt phất cờ khởi nghĩa, phá tan các thành ấp của quân Đông Ngô.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Trong 6 tháng, nghĩa quân đã chiếm đất Giao Châu. Vua Ngô hốt hoảng sai danh tướng Lục Dận sang đàn áp cuộc khởi nghĩa.

_ Bà Triệu kiên cường chiến đấu và đã hy sinh trên núi Tùng (Hậu Lộc - Thanh Hóa), lúc mới 23 tuổi.

_ Nhân dân ta vô cùng khổ sở dưới ách đô hộ của nhà Lương, do Thứ Sử Tiêu Tư cai trị. Tháng 1 năm 542, Lý Bí (tức Lý Bôn, ở Long Hưng, Thái Bình), dựng cờ khởi nghĩa. Sau ba tháng chiến đấu, Lý Bí đã chiếm được hầu hết quận, huyện và thành Long Biên.

_ Tháng 2 năm 544 (Giáp Tý), Lý Bí xưng là Lý Nam Đế, đặt tên nước là Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên.

_ Đầu năm 545, nhà Lương cử Dương Phiêu và tên tướng khát máu Trần Bá Tiên mang quân sang xâm chiếm nước ta hòng bóp chết Nhà nước Vạn Xuân non trẻ. Lý Nam Đế bị thất bại ở động Khuất Lão, Lý Thiên Bảo (anh họ Lý Bôn) cùng Lý Phật Tử đem quân vào Thanh Hóa chống lại quân Lương.

_ Lý Nam Đế ốm nặng, trao quyền lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Lương cho Triệu Quang Phục. Triệu Quang Phục đưa quân về Dạ Trạch (Hưng Yên). Tại đây, ông cho quân lính vừa sản xuất, vừa chiến đấu. Ngày 20 tháng 3 năm Mậu Thìn (13-4-548), Lý Nam Đế mất.

_ Sau khi Lý Nam Đế mất, Lý Thiên Bảo xưng là Đào Lang Vương từ 549-555.

_ Cũng sau khi Lý Nam Đế mất, ngày 13-4-548, Triệu Quang Phục lên ngôi vua, xưng là Triệu Việt Vương.

_ Năm 550, Triệu Việt Vương giết được tướng giặc Dương Sàn, chiếm lại thành Long Biên.

_ Tại Cửu Chân (Thanh Hóa), năm 555, Đào Lang Vương mất, binh quyền về tay Lý Phật Tử. Năm 557, Lý Phật Tử đem quân đánh Triệu Việt Vương để giành lại ngôi vua cho nhà Lý, nhưng không thắng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Lý Phật Tử giảng hòa, chia đất. Để tỏ lòng hòa hiếu, Triệu Việt Vương gả con gái Cải Nương cho Nhã Lang, con Lý Phật Tử.

_ Năm 571, Lý Phật Tử phản trắc bất ngờ đem quân đánh úp, Triệu Việt Vương thua chạy đến Đại Nha thì tuẫn tiết.

_ Diệt xong Triệu Việt Vương, Lý Phật Tử xưng là Hậu Lý Nam Đế, đóng đô ở Phong Châu (Bạch Hạc) từ năm 571 đến năm 602.

_ Năm 602, nhà Tùy sai tướng Lưu Phương đem quân sang xâm lược, Lý Phật Tử hèn nhát đầu hàng. Từ đó nước ta bị nhà Tùy đô hộ.

VI. THỜI KỲ CHỐNG PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC LẦN THỨ BA

_ Nhà Tùy đô hộ nước ta từ 581 đến 618 thì mất, nhà Đường thay thế. Chính sách cai trị của nhà Đường vô cùng hà khắc, nhân dân ta đã tổ chức nhiều cuộc khởi nghĩa đứng lên chống lại.

_ Năm 722, Mai Thúc Loan (quê Mai Phụ, Thạc Hà, Hà Tĩnh) nổi dậy khởi nghĩa giải phóng thành Tống Bình (Hà Nội), được nhân dân suy tôn là Mai Hắc Đế, đóng đô ở Vạn An (Nghệ An). Mai Hắc Đế đem quân ra giải phóng thành Tống Bình (Hà Nội).

_ Nhà Đường cử tướng Dương Tư Húc mang 10 vạn quân sang đàn áp. Mai Hắc Đế thua trận, rồi ốm mất.

_ Năm 791, Phùng Hưng, hào trưởng đất Đường Lâm (Hà Tây) bất ngờ đánh chiếm thành Tống Bình. Tướng giặc Cao Chính Bình lo sợ ốm chết. Phùng Hưng được nhân dân tôn là Bố Cái Đại Vương. Giành chủ quyền được 7 năm thì mất.

_ Con trai Phùng Hưng là Phùng An nối nghiệp được 2 năm thì nhà Đường lại sai Triệu Xương đem quân sang đánh chiếm nước ta vào năm 802.

https://www.facebook.com/taybanganh/

VII. THỜI KỲ XÂY DỰNG NỀN TỰ CHỦ

_ Dưới ách đô hộ nhà Đường, nhân dân ta rất cơ cực, Khúc Thừa Dụ khởi binh đánh chiếm thành Tống Bình, xưng là Tiết Độ Sứ.

_ Nhà Đường buộc phải công nhận Khúc Thừa Dụ là người đứng đầu đất Việt (906).

_ Khúc Thừa Dụ mất 23-7-907, giao quyền cho con là Khúc Hạo. Năm 917, Khúc Hạo mất.

_ Năm 917, Khúc Thừa Mỹ thay cha giữ chức Tiết Độ Sứ của nhà Lương, chứ không phục nhà Nam Hán. Vua Nam Hán sai quân sang đánh, bắt được Khúc Thừa Mỹ, sai Lý Tiến sang làm Thứ sử Giao Châu.

_ Năm 931, Dương Đình Nghệ (người Ái Châu, Thanh Hóa), tướng cũ của họ Khúc, khởi binh đánh đuổi Lý Tiến, giải phóng thành Đại La, xưng là Tiết Độ Sứ.

_ 6 năm sau, Dương Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn ám hại đoạt chức Tiết Độ Sứ. Công Tiễn bị nhân dân nổi lên chống lại, vội sang cầu cứu Nam Hán.

VIII. NHÀ NGÔ (939 - 965)

_ Năm 938, Ngô Quyền, người làng Đường Lâm, Hà Tây, con rể Dương Đình Nghệ, cai quản đất Ái Châu. Nghe tin cha vợ bị Công Tiễn ám hại và vua Nam Hán sai con trai là Hoàng Thao đem quân xâm lược nước ta, ông đem quân giết chết tên phản bội Kiều Công Tiễn và đón đánh quân Nam Hán.

_ Sau chiến thắng vang dội trên sông Bạch Đằng (11-938), Hoàng Thao bị đâm chết, Ngô Quyền lên ngôi vua, đóng đô ở Cổ Loa.

_ Ngô Quyền làm vua được 5 năm (939-944) thì mất.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Em vợ là Dương Tam Kha (con trai Dương Đình Nghệ) cướp ngôi của con trai Ngô Quyền là Ngô Xương Ngập, xưng là Dương Bình Vương (944-950). Ngô Xương Ngập phải bỏ trốn.

_ Năm 950, Ngô Xương Văn, con thứ hai của Ngô Quyền, dùng mưu lật đổ Dương Tam Kha, giành lại ngôi báu cho nhà Ngô. Ngô Xương Văn lên ngôi, lấy hiệu là Nam Tấn Vương (950-965), đóng đô ở Cổ Loa, cho người đi tìm anh cả là Xương Ngập đón về.

_ Sau khi tìm được anh cả là Ngô Xương Ngập, theo thỉnh cầu của Nam Tấn Vương, được Dương Thái hậu chuẩn tấu, cả hai anh em đều làm vua. Ngô Xương Ngập lên ngôi vua lấy hiệu là Thiên Sách Vương (951), làm vua được 8 năm thì ốm chết (959).

_ Từ sau khi Dương Tam Kha cướp ngôi nhà Ngô, khắp nơi nổi lên loạn 12 sứ quân. Năm 965, Ngô Xương Văn bị chết trong một trận giao chiến ở Thái Bình.

_ Con của Thiên Sách Vương là Ngô Xương Xí nối nghiệp, nhưng thế lực ngày càng yếu, không giữ nổi ngôi vua mà trở thành một trong 12 sứ quân, chiếm giữ vùng Bình Kiều (Triệu Sơn, Thanh Hóa).

IX. NHÀ ĐINH (968 - 980)

_ Đinh Bộ Lĩnh, người động Hoa Lư (con ông Đinh Công Trứ, nha tướng cũ của Dương Đình Nghệ), là con nuôi của Trần Lãm, một trong 12 sứ quân. Trần Lãm chiếm giữ Bố Hải Khẩu (Kỳ Bố, Thái Bình). Trần Lãm chết, Đinh Bộ Lĩnh được trao quyền, xưng là Vạn Thắng Vương, dẹp xong loạn 12 sứ quân năm 968.

_ Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Đinh Tiên Hoàng, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Đinh Tiên Hoàng phong cho Nguyễn Bặc là Đinh Quốc Công, Lê Hoàn là Thập đạo tướng quân. Đầu năm 970 lại đặt niên hiệu là Thái Bình, không dùng theo niên hiệu của Trung Hoa như trước đây nữa.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Năm 979, sau khi làm vua được 11 năm, Đinh Tiên Hoàng và con trai là Đinh Liễn bị tên thái giám Đỗ Thích giết chết. Đinh Toàn mới 6 tuổi lên ngôi vua. Nhân sự rối rắm đó, nhà Tống chuẩn bị cho quân sang xâm lược.

X. NHÀ TIỀN LÊ (980 - 1009)

_ Vì lợi ích dân tộc, Thái hậu Dương Vân Nga (vợ Đinh Tiên Hoàng, mẹ Đinh Toàn) theo nguyện vọng của quần thần trao ngôi vua cho Thập đạo tướng quân Lê Hoàn, người Thọ Xuân, Thanh Hóa.

_ Năm 980, Lê Hoàn lên ngôi lấy hiệu là Lê Đại Hành, nhanh chóng tiến hành mọi bước chuẩn bị để đối phó với nguy cơ xâm lược từ phía Bắc.

_ Mùa xuân năm 981, quân Tống theo hai đường thủy bộ ồ ạt tràn vào nước ta. Dưới sự chỉ huy tài giỏi của vua Lê Đại Hành, trong vòng 1 tháng, quân dân Đại Cồ Việt đã đánh tan quân Tống trên cả hai mặt trận thủy và bộ. Quân ta bắt chém tướng giặc Hầu Nhân Bảo.

_ Năm 1005, Lê Đại Hành mất, làm vua được 25 năm. Các con tranh giành ngôi báu. Cuối cùng, con thứ 3 là Long Việt lên làm vua là Lê Trung Tông được 3 ngày thì bị em là Lê Long Đĩnh giết chết.

_ Lê Long Đĩnh cướp ngôi lên làm vua, lấy hiệu là Đại Thắng Minh Quang Hiếu Hoàng đế, vẫn đóng đô ở Hoa Lư. Long Đĩnh tàn ác, dâm đãng, mỗi lần thiết triều phải nằm, tục gọi là Lê Ngọa Triều, làm vua được 4 năm thì mất (1005-1009).

XI. NHÀ LÝ (1010 - 1225)

_ Long Đĩnh mất, con là Sạ còn bé, triều thần tôn Lý Công Uẩn (người làng Cổ Pháp, Từ Sơn, Bắc Ninh) lên ngôi hoàng đế,

https://www.facebook.com/taybanganh/

lấy hiệu là Lý Thái Tổ, đặt niên hiệu là Thuận Thiên, vẫn giữ quốc hiệu Đại Cồ Việt và đóng đô ở Hoa Lư.

_ Nhờ sự nuôi dạy của nhà sư Lý Khánh Văn và Lý Vạn Hạnh, Lý Công Uẩn trở thành người xuất chúng.

_ Tháng 7 năm 1010, Lý Thái Tổ hạ chiếu dời đô về Đại La và đặt tên mới là Thăng Long (tức Hà Nội ngày nay), đổi quốc hiệu là Đại Việt. Sau 18 năm trị vì đất nước, Lý Thái Tổ mất năm 1028.

_ Khi Lý Thái Tổ vừa mất, các hoàng tử đem quân vây hãm hoàng thành để tranh ngôi vua với Thái tử. Nhờ lòng dũng cảm và trung thành, Lê Phụng Hiểu đã dẹp tan cuộc nổi loạn và phò Thái tử Phật Mã lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Lý Thái Tông.

_ Năm 1054, sau khi vua cha Lý Thái Tông mất, Lý Thánh Tông, húy Nhật Tôn, nối nghiệp, thực lòng thương dân, chăm lo cho trăm họ. Lý Thánh Tông mất năm 1072.

_ Con trưởng Lý Thánh Tông là Càn Đức, mẹ là Nguyên Phi Ỷ Lan, lên ngôi hoàng đế năm 1072, lúc mới 6 tuổi, hiệu Lý Nhân Tông. Hoàng Thái hậu Ỷ Lan phải buông rèm nhiếp chính.

_ Năm 1075, biết rõ âm mưu xâm lược nước ta của nhà Tống, Thái úy Lý Thường Kiệt chủ động mang quân sang đánh phá các căn cứ của chúng ở Châu Khâm, Châu Liêm, Châu Ung (Quảng Đông, Quảng Tây), rồi cũng chủ động rút quân.

_ Mặc dầu vậy, đầu năm 1077 nhà Tống vẫn sai Quách Quỳ, Triệu Tiết xua 10 vạn quân và 1 vạn ngựa chiến sang chiếm nước ta, nhưng đã bị quân dân Đại Việt chặn lại ở bờ Bắc sông Cầu, làm cho địch rơi vào thế "tiến thoái lưỡng nan".

_ Tại phòng tuyến sông Cầu này, Lý Thường Kiệt đã làm bài thơ nổi tiếng "Nam quốc sơn hà Nam đế cư...", được xem như "Bản tuyên ngôn độc lập" đầu tiên của đất nước ta.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Trước sức phản công mãnh liệt của quân ta, quân Tống khiếp sợ rút chạy về nước. Nền độc lập nước ta được giữ vững. Lý Nhân Tông mất năm 1127.

_ Vua Lý Nhân Tông không có con trai, lập con trai của người em (là Sùng Hiền Hầu Dương Hoán) làm Thái tử. Năm 1127, Thái tử nối ngôi vua lấy niên hiệu Lý Thần Tông.

_ Lý Thần Tông khuyến khích phát triển nông nghiệp, thực hiện chính sách "ngụ binh ư nông", cho quân lính luân phiên cứ 6 tháng lại được về nhà cày ruộng, nhờ vậy duy trì được sức mạnh quân đội song song với sản xuất nông nghiệp. Lý Thần Tông mất năm 1138.

_ Năm 1138, Lý Thiên Tộ, con trưởng của Lý Thần Tông, con bà hoàng hậu họ Lê, lên ngôi hoàng đế lúc mới 3 tuổi, hiệu là Lý Anh Tông. Lê Thái hậu nhiếp chính, tư thông với Đỗ Anh Vũ làm triều đình đổ nát. Nhờ có các trung thần như Tô Hiến Thành, Hoàng Nghĩa Hiển, Lý Công Tín... cơ nghiệp nhà Lý được giữ vững cho đến khi vua trưởng thành. Lý Anh Tông mất năm 1175.

_ Lý Anh Tông mất, Thái tử Long Cán chưa được 3 tuổi, bà Chiêu Linh thái hậu muốn lập con cả là Long Xưởng lên ngôi vua, đem vàng bạc mua chuộc Tô Hiến Thành, nhưng ông không nghe, theo di chiếu lập Long Cán 3 tuổi làm vua, hiệu là Lý Cao Tông. Về sau Cao Tông ăn chơi vô độ, không lo việc triều chính, giặc cướp nổi lên khắp nơi. Cơ nghiệp nhà Lý suy đồi. Cao Tông mất năm 1210.

_ Thái tử Lý Hạo Sảm lên ngôi vua, hiệu Lý Huệ Tông. Huệ Tông không có con trai, suốt ngày rượu chè, bỏ bê triều chính. Năm 1224, Huệ Tông truyền ngôi cho công chúa Chiêu Thánh mới 7 tuổi, rồi đi tu. Sau bị Trần Thủ Độ ép phải tự tử.

_ Công chúa Chiêu Thánh lên ngôi, hiệu là Lý Chiêu Hoàng, quyền bính về tay Trần Thủ Độ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Do sự sắp đặt của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng lấy Trần Cảnh (cháu Trần Thủ Độ) làm chồng.

XII. NHÀ TRẦN (1225 - 1400)

_ Do sự thúc ép của Trần Thủ Độ, ngày 21-10-1225, Lý Chiêu Hoàng hạ chiếu nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh.

_ Ngày 11-12-1225, Lý Chiêu Hoàng mở hội ở điện Thiên An, trước bá quan văn võ, chính thức cởi hoàng bào mời Trần Cảnh lên ngôi vua, lấy hiệu là Trần Thái Tông, đổi niên hiệu là Kiến Trung. Triều đại nhà Trần bắt đầu từ đây, vẫn giữ quốc hiệu là Đại Việt, kinh đô là Thăng Long.

_ Trần Thái Tông lấy hoàng hậu Chiêu Thánh 12 năm vẫn chưa có con. Sợ nhà Trần không có người nối nghiệp, Trần Thủ Độ ép vua bỏ Chiêu Thánh để lấy chị dâu (vợ của Trần Liễu) là công chúa Thuận Thiên (chị ruột của Chiêu Thánh, lúc ấy đã có thai được 3 tháng) làm hoàng hậu. Giữa Trần Liễu và Trần Cảnh do chuyện này mà sinh bất hòa, nhưng rồi về sau vẫn hàn gắn, thuận hòa với nhau. Hoàng hậu Thuận Thiên sau sinh ra Trần Quốc Khang, thái tử Trần Hoảng, Trần Quang Khải, Trần Nhật Vĩnh, Trần Ích Tắc, Trần Nhật Duật (đều được phong vương) và hai công chúa là Thiều Dương và Thụy Bảo.

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN NGUYÊN - MÔNG LẦN THỨ NHẤT (1257)

_ Năm 1257, Hốt Tất Liệt sai tướng Ngột Lương Hợp Thai đem 10 vạn quân sang xâm chiếm nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Trần Thái Tông, Trần Quốc Tuấn, Trần Thủ Độ, quân ta dùng chiến tranh du kích, thực hiện vườn không nhà trống, tiêu hao sinh lực kẻ thù.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Đợi cho kẻ thù gặp lúc quẫn bách về lương thực, khốn khổ về bệnh tật, không hợp thủy thổ, ngày 29-1-1258 quân dân ta tổ chức phản công ở Đông Bộ Đầu thắng lợi. Quân Nguyên Mông rút chạy về nước.

_ Trần Hoảng, con trưởng của Trần Thái Tông, được vua cha nhường ngôi ngày 24-2-1258, lấy hiệu là Thánh Tông, đổi niên hiệu là Thiệu Long. Thánh Tông là vị vua nhân từ, chăm lo việc nước. Đối nội, khuyến khích việc khai khẩn đất hoang, khuyến khích học hành, mở khoa thi. Đối ngoại, thực hiện chính sách mềm dẻo nhưng kiên quyết. Thánh Tông ở ngôi được 20 năm, làm Thái Thượng Hoàng 12 năm, mất ngày 25-5-1290.

_ Con trưởng Thánh Tông là Trần Khâm lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Trần Nhân Tông, đổi niên hiệu là Thiệu Bảo. Ông là một vị vua nhân từ, đức độ, cố kết lòng dân, hết lòng vì dân, vì nước và có tinh thần quyết đoán.

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN NGUYÊN - MÔNG LẦN THỨ HAI (1285)

_ Tháng 12-1284, vua Nguyên sai Thoát Hoan đem 50 vạn quân sang chiếm nước ta và 10 vạn quân của Toa Đô từ Chiêm Thành đánh ra Nghệ An. Để đối phó, vua Trần Nhân Tông và Thái Thượng hoàng Thánh Tông phong cho Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn làm Quốc công tiết chế chỉ huy quân dân Đại Việt chống quân Nguyên - Mông.

_ Tháng 8-1284, vua Trần tổ chức Hội nghị Bình Than, Hưng Đạo vương tổ chức tập trận ở Đông Bộ Đầu và công bố "Hịch tướng sĩ" khích lệ lòng yêu nước của quân dân.

_ Vua Trần còn tổ chức Hội nghị bô lão ở điện Diên Hồng để thăm dò ý dân nên đánh hay nên hàng. Cả nước đồng lòng "quyết đánh". Quân dân Đại Việt thể hiện điều này bằng cách xăm vào tay hai chữ "sát thát" (giết giặc Nguyên).

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Dưới sự chỉ đạo chiến lược tuyệt vời của Hưng Đạo Vương, để tránh thế mạnh của địch, ban đầu quân ta tổ chức cầm cự, rồi bỏ ngỏ kinh đô Thăng Long, thực hiện chiến tranh du kích. Chờ cho quân địch suy yếu mới tổ chức phản công mạnh. Chỉ trong vòng nửa năm ta giành thắng lợi ở Chương Dương, Hàm Tử, Tây Kết, Vạn Kiếp... Quân Nguyên bị đánh tơi tả. Toa Đô, Lý Hằng, Lý Quán bị chém đầu tại trận. Thoát Hoan chui vào ống đồng trốn chạy về nước.

_ Ngày 6-6-1285, quân dân Đại Việt tiến về giải phóng kinh đô Thăng Long, mở hội ca khúc khải hoàn.

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN NGUYÊN - MÔNG LẦN THỨ BA (1288)

_ Năm 1287, quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy, lại ồ ạt vào chiếm nước ta. Dưới sự lãnh đạo tài tình của Quốc công tiết chế Hưng Đạo Vương, quân ta dùng chiến tranh du kích và chiến thuật "vườn không nhà trống" để làm tiêu hao sinh lực địch.

_ Ngày 24-2-1287, Hưng Đức Hầu Quán cho quân mai phục giết được nhiều giặc ở cửa Linh Kinh - Vũ Cao.

_ Ngày 28-11-1287, Phán Thư Thượng Vị Nhân Đức Hầu Toán, đánh lui địch ở eo biển Đa Mỗ (Móng Cái).

_ Ngày 28-12-1287, quân ta bắn chết Sảnh Đô Sự Hầu Sư Đạt của giặc tại ải Nội Bàng.

_ Ngày 8-1-1288, quân ta đánh bắt được 300 chiến thuyền giặc tại biển Đại Bàng, nhiều tên giặc bị tiêu diệt.

_ Tại Vân Đồn, Trần Khánh Dư bị thất trận trước Ô Mã Nhi. Vua Trần bắt về trị tội, Trần Khánh Dư xin ở lại lập công chuộc tội.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Khánh Dư trở lại, chờ cho Ô Mã Nhi đi qua, lập tức cho quân tấn công đoàn thuyền chở lương thực, thu nhiều chiến lợi phẩm. Tướng giặc Trương Văn Hổ chỉ huy đoàn thuyền, chạy thoát về nước.

_ Ngày 8-3-1288, khi nước thủy triều lên, quân ta nhử địch đuổi theo, đến lúc thủy triều xuống, thuyền giặc sa vào trận địa cọc đã được cắm trước, quân ta dưới sự chỉ huy của Hưng Đạo Vương phản công mọi phía. Quân giặc chết như rạ, ta bắt sống Ô Mã Nhi, Tích Lệ Cơ Ngọc, Phàn Tiếp và hơn 400 chiến thuyền giặc. Thoát Hoan khiếp đảm, từ Vạn Kiếp theo đường bộ chạy về nước.

_ Chỉ trong vòng nửa năm, cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ ba của quân dân Đại Việt giành thắng lợi hoàn toàn.

_ Sau 14 năm ở ngôi vua, 2 lần chiến thắng quân Nguyên - Mông, Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con là Trần Thuyên, làm Thái Thượng hoàng, sau xuống tóc đi tu thành Sơ tổ thiền phái Trúc Lâm, Yên Tử.

_ Trần Thuyên là con trưởng Trần Nhân Tông, lên ngôi năm 1293, hiệu là Trần Anh Tông, khéo biết kế thừa sự nghiệp của tổ tiên, quốc gia thái bình thịnh trị.

_ Ngày 18-3-1314, vua Trần Anh Tông nhường ngôi cho Thái tử Mạnh, trị vì được 21 năm, mất năm 1320.

_ Năm 1314, Trần Mạnh, con thứ tư của vua Trần Anh Tông lên ngôi hiệu là Trần Minh Tông. Ông là vị vua có lòng nhân hậu, trọng tài cao, đức độ, nên có nhiều hiền thần dưới trướng như: Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu, Chu Văn An, Nguyễn Trung Ngạn, Đoàn Nhữ Hài...

_ Năm 1329, Trần Minh Tông nhường ngôi cho Thái tử Vượng. Ông mất ngày 19-2-1357.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Trần Vượng lên ngôi vua lúc 10 tuổi, hiệu là Trần Hiến Tông, ở ngôi 12 năm, nhưng việc triều chính đều do Thượng Hoàng Minh Tông điều khiển. Hiến Tông mất 1341.

_ Năm 1341, Trần Hạo, con thứ 10 của Minh Tông, kế nghiệp anh, hiệu là Trần Dụ Tông. Ông là vị vua có học vấn cao, rất thông tuệ, chăm lo việc võ, sửa sang việc văn.

_ Năm 1358, Trần Dụ Tông đổi niên hiệu là Đại Trị. Khi Thượng hoàng Minh Tông mất, các trung thần như Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn cũng mất.

_ Bọn gian thần kết bè, kéo đảng, Dụ Tông rượu chè bê tha. Chu Văn An dâng sớ "Thất trảm" không được vua nghe theo, ông liền treo ấn từ quan. Dụ Tông mất năm 1369.

_ Dụ Tông mất, bão táp cung đình nhà Trần nổi lên. Bà Hoàng Thái hậu đòi lập con nuôi của Cung Túc Vương là Dương Nhật Lễ làm vua. Nhật Lễ lên ngôi muốn cải họ Dương, chấm dứt ngôi nhà Trần, giết Hoàng Thái hậu và Cung Định Vương. Cung Tĩnh Vương hoảng sợ bỏ chạy lên Hà Giang.

_ Năm 1370, các tôn thất nhà Trần khởi binh giết Dương Nhật Lễ rồi mời Cung Tĩnh Vương tức Trần Phủ, con thứ ba của Trần Minh Tông về làm vua, hiệu là Trần Nghệ Tông.

_ Năm 1372, Nghệ Tông nhường ngôi cho em là Trần Kính và lui về Thiên Trường làm Thái Thượng hoàng.

_ Năm 1372, Trần Kính, con thứ 11 của Minh Tông, em Nghệ Tông lên ngôi vua, hiệu là Trần Duệ Tông, làm vua được 5 năm. Trần Duệ Tông là một vị vua cố chấp, gàn bướng, không nghe lời can ngăn của đại tướng Đỗ Lễ, khinh thường quân giặc nên đã bị quân Chiêm Thành giết chết trong trận ở thành Đồ Bàn, Bình Định (1377).

_ Thượng hoàng Nghệ Tông lập Trần Hiệu, con trưởng của Duệ Tông làm vua, hiệu là Trần Phế Đế (1377). Phế Đế là vị vua u mê, nhu nhược, mọi quyền bính về tay Hồ Quý Ly.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Năm 1378, quân Chiêm Thành đánh ra Nghệ An, cướp phá kinh thành Thăng Long.

_ Ngày 6-12-1388, Thượng hoàng Nghệ Tông giáng Phế Đế xuống làm Linh Đức Đại Vương và bắt thắt cổ chết. Lập con út của mình lên làm vua.

_ Năm 1388, con út của Nghệ Tông là Trần Nhung (cưới con gái Hồ Quý Ly) lên ngôi vua hiệu là Trần Thuận tông.

_ Năm 1389, Chế Bồng Nga đem quân đánh Đại Việt, Hồ Quý Ly đưa quân nghinh chiến, bị thua trận. Thượng hoàng Nghệ Tông sai đô tướng Trần Khát Chân đem quân chặn giặc.

_ Được tiểu thần Chế Bồng Nga là Ba Lậu Kê chạy sang hàng quân Đại Việt, cho biết dấu hiệu thuyền chở Chế Bồng Nga, Trần Khát Chân tập trung hỏa lực bắn trúng thuyền, Bồng Nga trúng đạn chết. Trần Khát Chân chém đầu Chế Bồng Nga đem về triều dâng vua và Thái Thượng hoàng.

_ Ngày 15-12-1394, Thượng hoàng Nghệ Tông mất. Hồ Quý Ly lên làm phụ chính Thái sư, thâu tóm toàn bộ binh quyền.

_ Hồ Quý Ly quyết định dời đô vào Thanh Hóa, xây thành Tây Đô (Vĩnh Lộc). Tháng 11-1397, Hồ Quý Ly bức vua Thuận Tông phải dời kinh về Tây Đô.

_ Tháng 3-1398, Hồ Quý Ly ép Thuận Tông nhường ngôi cho con là Trần Án mới 3 tuổi lên làm vua, hiệu là Trần Thiếu Đế. Hồ Quý Ly tự xưng là Hưng Liệt Đại Vương, rồi sai giết Thuận Tông, mặc dầu Thuận Tông là con rể của ông ta. Thuận Tông ở ngôi được 10 năm (1388-1398).

_ Ngày 28-2-1400, Hồ Quý Ly bức Thiếu Đế (mới 5 tuổi) nhường ngôi cho mình. Chấm dứt triều Trần sau 175 trị vì đất nước qua 12 đời vua.

https://www.facebook.com/taybanganh/

XIII. NHÀ HỒ (1400-1407)

_ Hồ Quý Ly là một nhân vật thông minh, lỗi lạc. Ông có nhiều cải cách táo bạo, toàn diện, có những cải cách đi trước thời đại, đến nay vẫn có giá trị. Nhưng Hồ Quý Ly phạm tội giết vua, kể cả tướng quân Trần Khát Chân. Khi quân Minh sang xâm lược nước ta, Hồ Quý Ly có 1 lực lượng quân sự mạnh, nhưng không được nhân dân ủng hộ, nên thua trận.

_ Ngày 12-1-1401, Hồ Quý Ly nhường ngôi cho con thứ hai là Hồ Hán Thương, xưng là Thái Thượng hoàng.

_ Lấy cớ Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, nhà Minh đem quân sang chinh phạt. Tháng 9-1406, tướng nhà Minh là Trương Phụ đem 40 vạn quân đánh vào cửa ải Pha Lũy (nay là Hữu Nghị quan). Mộc Thạch đem 40 vạn quân đánh cửa ải Phú Lệnh (thị xã Hà Giang).

_ Tháng 12-1406 quân Minh chiếm Việt Trì, nhà Hồ thua trận bỏ chạy vào Thanh Hóa.

_ Ngày 20-1-1407, quân Minh hạ thành Đa Bang (Ba Vì).

_ Ngày 17-6-1407, quân Minh bắt được cha con Hồ Quý Ly đưa về Trung Quốc. Thế là Đại Việt bị đặt dưới ách đô hộ hà khắc của nhà Minh.

XIV. NHÀ HẬU TRẦN (1407 - 1414)

_ Năm 1407, Giản Định Vương Trần Ngỗi, con vua Nghệ Tông dấy binh khôi phục nhà Trần, xưng là Giản Định Đế, nhưng lại nghe gian thần giết oan hai vị trung thần là Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân.

_ Đặng Dung (con Đặng Tất), Nguyễn Cảnh Dị (con Nguyễn Cảnh Chân), căm giận vì cha bị giết oan, mới đem quân từ Thuận

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hóa ra Thanh Hóa, đón Trần Quý Khoáng, cháu nội Nghệ Tông đến Nghệ An lên ngôi vua, lấy hiệu là Trùng Quang Đế, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Minh.

_ Tháng 3-1413, vua Trùng Quang sai Nguyễn Biểu sang điều đình với quân Minh. Trương Phụ tráo trở, không khuất phục được Nguyễn Biểu, đã ra lệnh giết ông một cách hèn mạt.

_ Tháng 4-1414, Trương Phụ, Mộc Thạch bắt được vua Trùng Quang Đế, Đặng Dung, Nguyễn Súy. Trên đường giải về Trung Quốc, vua tôi nhà Hậu Trần nhảy xuống biển tự tử. Chấm dứt nhà Hậu Trần.

XV. THỜI KỲ CHỐNG NHÀ MINH ĐÔ HỘ (1414-1427) VÀ NHÀ HẬU LÊ (1428 - 1527)

_ Từ năm 1414, nhà Minh đô hộ nước ta, nhưng nhân dân ta khắp nơi không ngừng nổi lên đấu tranh chống lại.

_ Ngày 7-2-1418, Lê Lợi phất cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, Thanh Hóa, có quân sư Nguyễn Trãi dâng sớ Bình Ngô, có Trần Nguyên Hãn, cháu nội quan Tư đồ Trần Nguyên Đán, và nhiều hào kiệt tham gia.

_ Khởi nghĩa Lam Sơn là cuộc chiến tranh nhân dân, vận dụng chiến thuật du kích, tiêu hao sinh lực địch, dùng kế sách "vây thành diệt viện" kết hợp thuyết phục đầu hàng. Sau 10 năm kiên trì chiến đấu, nghĩa quân đã phát triển từ thế trận du kích sang tấn công ồ ạt và liên tục thắng lớn, đẩy quân Minh vào tình thế thất bại phải xin cứu viện.

_ Tháng 10-1427, nhà Minh sai Liễu Thăng mang 10 vạn quân sang cứu viện, bị quân ta phục kích đánh tan ở ải Chi Lăng (Lạng Sơn).

_ Tướng Trần Lựu đã chém đầu Liễu Thăng, rồi đưa ấn tín, cờ tiết của Liễu Thăng vào thành Đông Quan. Tướng giặc Vương

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thông hết hy vọng viện binh nên xin giảng hòa rút quân về nước, thực chất là đầu hàng vô điều kiện.

_ Ngày 16-12-1427, Lê Lợi, Nguyễn Trãi đồng ý cùng bọn Vương Thông dự "Hội thề Đông Quan" để giảng hòa. Chúng thề không bao giờ xâm phạm Đại Việt nữa.

_ Lê Lợi - Nguyễn Trãi lấy đức hiếu sinh cấp lương thảo cho 10 vạn quân Minh được an toàn rút về nước. Từ ngày 29-12-1427, quân địch bắt đầu rút về, cho đến ngày 3-1-1428 thì rút hết.

_ Đất nước sạch bóng quân thù, nghĩa quân hoàn toàn thắng lợi. Triều đại nhà Lê ra đời từ đây.

_ Ngày 15-4 năm Mậu Thân (1428) Lê Lợi lên ngôi vua tại điện Kính Thiên, xưng hiệu là Lê Thái Tổ, lấy lại tên nước cũ là Đại Việt, đóng đô ở Đông Đô (Hà Nội), đại xá cho thiên hạ, ban bố Bình Ngô đại cáo (do Nguyễn Trãi soạn). Đây là bản Tuyên ngôn độc lập thứ hai của nước ta.

_ Lê Thái Tổ mất năm 1433. Lê Nguyên Long, con thứ hai của Lê Lợi lên nối ngôi lúc mới 11 tuổi, lấy hiệu là Lê Thái Tông, đặt niên hiệu là Thiệu Bình.

_ Lên ngôi lúc còn trẻ, lại phải đối phó với nội tình triều đình rất phức tạp, nhưng Thái Tông đủ bản lĩnh không để các đại thần thao túng.

_ Ngày 27-7 Nhâm Tuất (1442), nhân Thái Tông đi tuần miền Đông, duyệt quân ở thành Chí Linh, Nguyễn Trãi mời vua ngự chùa Côn Sơn, nơi ở của Nguyễn Trãi. Ngày 4 tháng 8, vua đến Lệ Chi Viên, cùng đi với vua có Nguyễn Thị Lộ, thiếp của Nguyễn Trãi, được vua yêu quý cho theo hầu. Đêm đó, vua bị bệnh chết đột ngột, mới vừa 20 tuổi.

_ Bọn gian thần trong triều vu cho Nguyễn Thị Lộ ám hại vua, kết án "tru di tam tộc" Nguyễn Trãi. Ngày 16-8-1442, Nguyễn Trãi cùng ba họ bị hành hình.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Hoàng tử Băng Cơ, con thứ hai của Thái Tông và thần phi Nguyễn Thị Anh, lên nối ngôi vua vào ngày 12 tháng 8 năm Nhâm Tuất (1442), chỉ mới 2 tuổi, hiệu là Lê Nhân Tông, đổi niên hiệu là Thái Hòa. Thái hậu Tuyên Từ buông rèm nhiếp chính.

_ Tháng 11 năm Quý Dậu (1453) vua 12 tuổi, Thái hậu giao hẳn quyền chính cho vua Nhân Tông. Vua đổi niên hiệu Diên Ninh, đại xá cho thiên hạ.

_ Dương Thị Bí là mẹ Nghi Dân, vì có tội với Lê Thái Tông nên bị phế ngôi hoàng hậu. Nghi Dân vì thế không được lập làm Thái tử, ngấm ngầm mưu toan tranh giành ngôi báu. Đêm mồng 3 tháng 10 năm Kỷ Mão (1459), Nghi Dân cùng thuộc hạ lẻn vào cung cấm giết vua Lê Nhân Tông, lúc đó mới 19 tuổi, làm vua được 17 năm.

_ Nhân Tông chết, Nghi Dân tự lập làm vua, nhưng chỉ được 8 tháng đã bị các đại thần Nguyễn Xí, Đinh Liệt chống đối, giết bọn phản nghịch, giáng Nghi Dân xuống tước hầu, lập hoàng tử Tử Thành làm vua, hiệu là Lê Thánh Tông.

_ Lê Thánh Tông tự Tử Thành, húy Hạo, con trai út của Lê Thái Tông và bà Ngô Thị Ngọc Giao, lên ngôi năm 1460, lúc 18 tuổi.

_ Lê Thánh Tông hết lòng chăm lo việc nước, mở khoa thi, kén chọn hiền tài giúp nước. Bộ luật Hồng Đức nổi tiếng mang niên hiệu đời Lê Thánh Tông, là bộ luật hoàn chỉnh, tiến bộ nhất thời phong kiến nước ta.

_ Hai mươi năm sau (1480) vua Lê Thánh Tông xuống chiếu minh oan cho Nguyễn Trãi.

_ Năm 1497, Lê Thánh Tông mất, ở ngôi 37 năm. Con trưởng là Lê Tăng nối ngôi, hiệu là Lê Hiến Tông. Ông mất năm 1504, ở ngôi 6 năm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Ngày 6-6-1504, con thứ 3 của Lê Hiến Tông là Lê Túc Tông, húy là Lê Thuần, lên ngôi vua. Ông là một vị vua ham học hỏi, thân người hiền.

_ Ngày 7-12-1504, vua Túc Tông mất, ở ngôi 6 tháng. Trước khi mất truyền lại lập người anh thứ hai của mình là Lê Tuấn lên ngôi.

_ Năm 1505, Lê Tuấn lên ngôi, hiệu là Lê Uy Mục. Ông là vị vua ham rượu chè, mê gái, thích giết người...

_ Tháng 11-1509, Giản Tu Công Oanh, xưng là Cẩm Giang Vương, đem quân chiếm Đông Kinh, bức Lê Uy Mục tự tử vào tháng 12-1509, ở ngôi vua 4 năm.

_ Lê Tương Dực húy là Oanh, cháu nội vua Lê Thánh Tông, sau khi giết được Uy Mục, xưng đế, và cũng là vị vua ăn chơi. Tháng 5-1514, vua nghe lời sàm tấu giết chết 15 vương công.

_ Lê Tương Dực không nghe lời can ngăn của Trịnh Duy Sản, còn đem Sản ra đánh. Tháng 4-1516, Sản sai người giết Tương Dực.

_ Năm 1516, Lê Chiêu Tông, húy là Ý, cháu 4 đời của Lê Thánh Tông, được Trịnh Duy Sản và Lê Nghĩa Chiêu đón về làm vua.

_ Dưới triều Lê Chiêu Tông, giặc giã nổi lên như ong, dân chúng khổ cực. Mạc Đăng Dung khôn khéo thâu tóm quyền hành, mưu đồ thoán đoạt.

_ Biết được âm mưu đó, Lê Chiêu Tông mưu ngầm với Trịnh Tuy triệt hạ thế lực họ Mạc. Mưu bị lộ, Chiêu Tông bỏ chạy.

_ Năm 1522, Mạc Đăng Dung lập Lê Xuân, em Lê Chiêu Tông làm vua. Lê Chiêu Tông bị bắt giáng xuống làm Đà Dương Vương rồi bị giết. Lê Xuân lên ngôi vua lúc 15 tuổi, hiệu là Lê Cung Hoàng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Ngày 15-6 năm Đinh Hợi (1527), Mạc Đăng Dung đem quân vào Thăng Long ép vua nhường ngôi. Bắt vua và Hoàng Thái hậu tự tử.

_ Từ khi Lê Thái Tổ lên ngôi (1428) đến Lê Cung Hoàng bị giết năm 1527, triều Lê trải qua 10 đời vua, trong 99 năm.

XVI. NHÀ MẠC (1527 - 1592)

_ Sau khi chiếm được ngôi vua, tháng 12-1529, Mạc Đăng Dung truyền ngôi cho con là Mạc Đăng Doanh làm vua và mình lên làm Thái Thượng hoàng lúc mới 46 tuổi.

_ Năm 1530, Mặc Đăng Doanh lên làm vua, đổi niên hiệu là Đại Chính. Mạc Đăng Doanh mất năm 1540, ở ngôi vua được 10 năm.

_ Mạc Phúc Hải, con trưởng Mạc Đăng Doanh được Thượng hoàng Đăng Dung lập làm vua năm 1541, đổi niên hiệu là Quảng Hòa. Năm 1546, Phúc Hải chết, ở ngôi vua được 5 năm.

_ Năm 1546, Mạc Phúc Nguyên, con trưởng Phúc Hải lên ngôi vua, còn nhỏ, mọi việc do chú ruột Mạc Kính Điển quyết đoán. Tháng 12-1561, Phúc Nguyên chết do bệnh đậu mùa, ở ngôi vua được 15 năm, lần lượt 3 lần đổi niên hiệu là Vĩnh Định (1546), Cảnh Lịch (1548) và Quảng Bảo (1554).

_ Năm 1562, con cả Phúc Nguyên là Mạc Mậu Hợp mới 2 tuổi lên ngôi vua. Do vua còn nhỏ, Mạc Đôn Nhượng (con út Mạc Đăng Dung) tôn Mạc Kính Điển làm Khiêm Đại Vương trông coi việc triều chính.

_ Tháng 10 Canh Thìn (1580), Kính Điển chết, Mạc Đôn Nhượng thay trông coi việc triều chính, nhưng xao nhãng công việc. Chính sự nhà Mạc ngày một đổ nát.

_ 25-11-1592, thủy quân Lê - Trịnh tấn công, quân nhà Mạc xin hàng, Mạc Mậu Hợp bị bắt chém đầu ở bãi Bồ Đề. Mạc Mậu

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hợp ở ngôi vua được 30 năm. Nhà Mạc truyền ngôi qua 5 đời, được 65 năm thì mất.

_ Theo lời dạy của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, con cháu nhà Mạc chạy lên Cao Bằng, tồn tại cho đến năm 1677, từ Mậu Toàn, Kính Chỉ, Kính Cung, Kính Khoan và Kính Vũ, thì nhà Mạc tồn tại được 150 năm.

XVII. NHÀ LÊ TRUNG HƯNG (1533 - 1789)

_ Trong khoảng thời gian Mạc Đăng Dung bức vua Chiêu Tông thì con trai là Lê Duy Ninh mới 11 tuổi, được Lê Quán cõng chạy sang Ai Lao. Đến năm Quý Tỵ (1533), được tôn lên ngôi vua trên đất Ai Lao lúc 19 tuổi, sau được Nguyễn Kim đón về nước.

_ Lê Duy Ninh lên ngôi hiệu là Lê Trang Tông, đặt niên hiệu là Nguyên Hòa, tôn Nguyễn Kim làm Thượng phụ Thái sư Hưng Quốc công.

_ Tháng 12-1540, Nguyễn Kim đánh chiếm Tây Đô (Thanh Hóa). Nước ta hình thành giai đoạn "Nam - Bắc triều". Từ Thanh Hóa vào do nhà Lê Trung hưng cai quản, gọi là Nam triều. Vùng Bắc Bộ (gồm kinh thành Đông Đô) do nhà Mạc cai quản, gọi là Bắc triều.

_ Cuộc nội chiến tàn khốc Lê - Mạc kéo dài 50 năm (1543-1592).

_ Năm 1545, Nguyễn Kim bị tướng nhà Mạc là Dương Chấp Nhất đánh thuốc độc giết chết.

_ Trịnh Kiểm, con rể Nguyễn Kim, nắm giữ toàn bộ binh quyền.

_ Năm 1546, lấy danh nghĩa phù Lê diệt Mạc, Trịnh Kiểm lập hành dinh vua Lê ở Vạn Lai (Thanh Hóa), nhiều hào kiệt tìm vào phò Lê Trung Hưng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Năm 1548, Lê Trang Tông mất, ở ngôi 15 năm. Trịnh Kiểm lập Thái tử Duy Huyên lên ngôi là Lê Trung Tông, lúc 15 tuổi.

_ Lê Trung Tông lên ngôi phong cho Trịnh Kiểm làm Lương Quốc công, quyết định mọi việc triều chính. Năm 1554, nhà Lê mở khoa thi chọn nhân tài.

_ Tháng 1-1556, Lê Trung Tông mất lúc 23 tuổi, không có con trai, ở ngôi được 8 năm.

_ Trịnh Kiểm bàn với các đại thần đi tìm Lê Duy Bang, cháu 6 đời của Lê Trừ (anh thứ hai của Lê Lợi) về lập làm vua, lúc đó 25 tuổi.

_ Lê Duy Bang lên ngôi hiệu là Lê Anh Tông, mọi việc trong triều do Trịnh Kiểm quyết, vua chỉ nghe theo.

_ Nguyễn Hoàng, con thứ hai của Nguyễn Kim nhờ chị gái là Ngọc Bảo (vợ Trịnh Kiểm) xin cho vào trấn xứ Thuận - Quảng. Trịnh Kiểm đồng ý.

_ Tháng 2-1570, Trịnh Kiểm ốm chết. Các con Trịnh Kiểm đánh nhau, giành ngôi báu. Vua Lê Anh Tông trực tiếp điều hành triều chính và dàn xếp mâu thuẫn giữa các con Trịnh Kiểm.

_ Lê Anh Tông phong cho Trịnh Tùng (con Trịnh Kiểm) tước Trưởng Quận công giữ quyền bính.

_ Năm 1573, Anh Tông nghi Trịnh Tùng thoán quyền, đang đêm đưa 4 hoàng tử chạy đến thành Nghệ An. Trịnh Tùng bèn lập con thứ 5 của Anh Tông là Lê Duy Đàm lên ngôi, hiệu là Lê Thế Tông và sai người đi đón vua Lê Anh Tông về. Trên đường về bị Tống Đức Vị ngầm bức hại, rồi phao tin vua tự thắt cổ chết. Vua ở ngôi 16 năm.

_ Cuộc nội chiến Nam - Bắc triều kéo dài gần 50 năm, đến 1591, Trịnh Tùng huy động tổng lực đánh trận quyết định ở Đông Kinh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Tháng 11-1592, Trịnh Tùng bắt được Mạc Mậu Hợp, chiếm được kinh thành.

_ Tháng 2-1593, Trịnh Tùng đón Lê Thế Tông về lại Đông Đô.

_ Công cuộc Lê Trung Hưng hoàn thành, Trịnh Tùng xưng là Đô Nguyên súy Tổng Quốc chính thượng phụ Bình An Vương, nắm toàn quyền quyết định, vua chỉ nghe theo. Thời kỳ "vua Lê chúa Trịnh" thực sự bắt đầu.

_ Tháng 8 năm Kỷ Hợi (1599), Lê Thế Tông mất, ở ngôi 26 năm.

_ Năm 1599, Trịnh Tùng lập Lê Duy Tân, con thứ của Thế Tông lên làm vua lúc 11 tuổi, hiệu là Lê Kính Tông, đặt niên hiệu Thuận Đức thứ nhất từ năm 1600.

_ Quyền lực trong tay Trịnh Tùng, triều đình chỉ phục tùng nhà Chúa. Trước tình hình đó, Lê Kính Tông lập mưu giết Trịnh Tùng. Nhưng việc bại lộ, Kính Tông bị bức thắt cổ chết năm 1619, ở ngôi 19 năm.

_ Năm 1619, Lê Duy Kỳ 12 tuổi, con trưởng của Lê Kính Tông, được lập làm vua, hiệu là Lê Thần Tông.

_ Tháng 10-1643, Lê Thần Tông nhường ngôi cho con là Lê Duy Hậu (Lê Chân Tông), lên làm Thái Thượng hoàng.

_ Tháng 8-1649, Lê Chân Tông bị bệnh mất, Lê Thần Tông trở lại ngôi vua lần thứ hai.

_ Ngày 22-9-1662, Lê Thần Tông mất, ở ngôi vua 37 năm (hai lần) và Thái Thượng hoàng 6 năm.

_ Năm 1663, Lê Duy Vũ, con thứ của Lê Thần Tông, em Lê Chân Tông được lập làm vua lúc 9 tuổi là Lê Huyền Tông. Ngày 15-10 năm Tân Hợi (1671) Huyền Tông mất, ở ngôi 8 năm.

_ Năm 1672, Lê Duy Cối, con thứ của Lê Thần Tông, em Lê Chân Tông và Lê Huyền Tông, mới 11 tuổi, được lập ngôi vua là

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lê Gia Tông. Ông là vị vua đức độ, nhưng ở ngôi được 3 năm ốm chết (1675).

_ Năm 1675, Lê Duy Cáp, 13 tuổi con của Lê Thần Tông, em Lê Gia Tông, được Trịnh Tạc lập làm vua, hiệu là Lê Hy Tông, vị vua được người đời ca ngợi là anh minh đức độ bậc nhất thời Lê Trung Hưng.

_ Năm 1705, Lê Hy Tông nhường ngôi cho con trưởng là Lê Duy Đường để về sống cảnh an nhàn, ở ngôi 30 năm.

_ Năm 1705, Lê Duy Đường lên ngôi vua hiệu là Lê Dụ Tông, nhà vua chủ yếu dựa vào chúa Trịnh Cương.

_ Ngày 20-4-1729, Lê Dụ Tông nhường ngôi cho con là Lê Duy Phường. Tháng 1-1731, Thượng hoàng Lê Dụ Tông mất, ở ngôi 24 năm.

_ Lê Duy Phường lên ngôi vua. Nhưng khi Trịnh Cương mất, Trịnh Giang lên ngôi Chúa (8-1732) đã giáng Duy Phường xuống làm Hôn Đức Công, buộc thắt cổ chết vào tháng 9-1735 (ở ngôi được 6 năm). Trịnh Giang lập con trưởng Lê Dụ Tông là Lê Duy Tường lên ngôi vua.

_ Năm 1732, Lê Duy Tường được Trịnh Giang lập lên làm vua, hiệu là Lê Thuần Tông, đặt niên hiệu là Long Đức. Năm 1735, Thuần Tông mất, ở ngôi 3 năm.

_ Năm 1735, Trịnh Giang lập Lê Duy Thừa, con thứ 11 của Lê Dụ Tông lên ngôi vua, hiệu là Lê Ý Tông, lúc 17 tuổi.

_ Trịnh Giang ngày càng bạo ngược, sát hại công thần, giết vua nọ lập vua kia, nhiều lực lượng nổi lên chống đối, đất nước loạn lạc.

_ Trước tình hình đó, Trịnh Thái phi (mẹ Trịnh Giang và Trịnh Doanh) triệu quần thần đến quyết định đưa Trịnh Doanh lên thay Trịnh Giang để trừ loạn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Năm 1740, Trịnh Doanh lên ngôi Chúa. Tháng 5-1740, Trịnh Doanh ép Lê Ý Tông nhường ngôi cho con trưởng Lê Thuần Tông là Lê Duy Diêu. 19 năm sau (1759) Ý Tông mất, trị vì được 5 năm.

_ Năm 1740, Lê Duy Diêu lên ngôi hiệu Lê Hiển Tông, là vị vua trị vì lâu vào hàng thứ hai trong lịch sử phong kiến nước ta (46 năm).

_ Năm 1767, Trịnh Doanh mất, Trịnh Sâm lên thay.

_ Tháng 3-1769, Trịnh Sâm truất ngôi Thái tử Duy Vĩ, lập Lê Duy Cận là con thứ hai của Lê Hiển Tông làm Thái tử.

_ Tháng 12-1771, Trịnh Sâm giết Lê Duy Vĩ.

_ Tháng 1-1783, Trịnh Sâm lập Duy Kỳ làm Hoàng Thái tôn, truất Duy Cận làm Sung Nhượng công.

_ Tháng 7-1786, trước khi mất Lê Hiển Tông gọi cho Thái tôn Lê Duy Kỳ (cháu đích tôn của Lê Hiển Tông), truyền ngôi - Lê Duy Kỳ lên ngôi, hiệu là Lê Chiêu Thống.

_ Khi Nguyễn Huệ rút quân về Phú Xuân, tình hình các nơi nổi lên cát cứ. Để khôi phục quyền lực, tháng 7-1788, Lê Chiêu Thống cử Hoàng Thái hậu nhà Lê sang cầu viện Mãn Thanh.

_ Dựa vào thế quân Mãn Thanh, Lê Chiêu Thống trở lại Thăng Long trả thù tàn bạo những người theo Tây Sơn.

_ Mồng 5 Tết Kỷ Dậu (1789), quân Tây Sơn do Hoàng đế Quang Trung trực tiếp chỉ huy, kéo ra Bắc, đánh tan 29 vạn quân xâm lược Mãn Thanh.

_ Lê Chiêu Thống cùng 25 bầy tôi theo tàn quân nhà Thanh sang Trung Quốc sống lưu vong, được 5 năm thì mất.

_ Thời Lê Trung Hưng tồn tại 255 năm trải qua 16 đời vua.

https://www.facebook.com/taybanganh/

XVIII. TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH (1623 - 1777)

_ Tháng 6 năm Quý Hợi (1623), Trịnh Tùng mất, nội tình vua Lê chúa Trịnh rối ren, dư đảng nhà Mạc do Mạc Kính Khoan cầm đầu kéo quân từ Cao Bằng xuống, Trịnh Tráng (con Trịnh Tùng) phải đưa vua Lê chạy vào Thanh Hóa.

_ Tháng 8 năm 1623, Trịnh Tráng mang quân trở ra đánh tan quân Mạc Kính Khoan, đưa vua Lê trở lại kinh đô. Tạm yên mặt Bắc, Trịnh Tráng lo đối phó với chúa Nguyễn Phúc Nguyên ở Đàng Trong.

_ Trịnh Tráng mất năm 1657. Trịnh Tạc là con thứ hai của Trịnh Tráng nhưng lại được chọn làm Nguyên súy Chưởng quốc Chính Tây Định vương, do đó nảy sinh mâu thuẫn với người anh trưởng là Trịnh Toàn.

_ Năm 1657, Trịnh Tạc sai tống giam và tra hỏi Trịnh Toàn cho đến chết.

_ Năm 1672, Trịnh Tạc ép vua Lê đem quân đánh chúa Nguyễn. Dựa vào thành lũy kiên cố, quân Nguyễn ra sức chống cự.

_ Tháng 12-1672, Trịnh Tạc rút quân về. Từ đó Đàng Ngoài, Đàng Trong ngừng chiến, lấy sông Gianh làm giới tuyến.

_ Năm 1682, Trịnh Tạc mất, con trưởng là Trịnh Căn (tức là Định Vương) nối ngôi chúa. Thời Trịnh Căn, chiến tranh Trịnh - Nguyễn vẫn tạm dừng. Nhưng Trịnh Căn gặp trắc trở trong việc lập người kế nghiệp, vì tất cả con của Trịnh Căn đều chết sớm.

_ Năm 1709, Trịnh Căn mất, chắt là Trịnh Cương (con Trịnh Bính, cháu nội Trịnh Vĩnh; Trịnh Vĩnh là con trưởng Trịnh Căn) lên ngôi chúa, được phong Nguyên soái Tổng quốc Chính An Đô vương.

_ Năm 1714, Trịnh Cương lại được phong Đại nguyên soái Tổng quốc Chính Thượng sư An Đô vương.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Trịnh Cương có quan hệ tốt với vua Lê, chăm lo việc trị nước. Năm 1729, Trịnh Cương đi vãn cảnh chùa Phật Tích, bị bệnh chết, ở ngôi chúa 20 năm.

_ Trịnh Giang là con cả Trịnh Cương lên ngôi chúa. Năm 1793, Giang tự tiến phong Nguyên soái Thống đốc Chính Uy Nam vương. Giang là tên chúa bạo ngược, đã giết vua Lê Duy Phường, lòng người rối loạn.

_ Để trừ loạn, Trịnh Doanh được đưa lên thay Trịnh Giang. Trịnh Doanh lên ngôi chúa, được vua Lê phong là Minh Đô Vương. Trịnh Doanh ban hành nhiều quyết định hợp lòng người, chăm lo chính sự.

_ Năm 1767, Trịnh Doanh mất, ở ngôi chúa 27 năm, Trịnh Sâm là con trưởng nối ngôi, được tiến phong Nguyên soái Tổng quốc chính Tĩnh Đô vương. Ông là người thông minh, quyết đoán.

_ 1769, vì ghen ghét tài năng, đức độ của Thái tử Lê Duy Vĩ, Sâm vu tội cho Thái tử, tống giam và bỏ chết trong ngục.

_ 1770, sau khi đánh tan cuộc khởi binh của Lê Duy Mật, Trịnh Sâm cho mình có công lớn, tự tiến phong Đại nguyên soái Tổng quốc Chính Thượng sư thượng phụ, Duệ đoán văn công võ đức Tĩnh vương.

_ 1774, để khuyếch trương thanh thế, Trịnh Sâm sai Hoàng Ngũ Phúc mang quân vào đánh chúa Nguyễn. Tháng 10 năm đó, Sâm đích thân cầm quân đánh chiếm Thuận Hóa và đặt quan cai trị đất Thuận - Quảng.

_ Năm 1782, Trịnh Sâm mất, ở ngôi chúa 15 năm, con thứ là Trịnh Cán mới 6 tuổi lên ngôi, tước hiệu Điện Đô vương, mẹ là Tuyên phi Đặng Thị Huệ trở thành người điều hành chính sự.

_ Tháng 10 Nhâm Dần (1782), Trịnh Khải, con cả Trịnh Sâm xúi Kiêu binh nổi loạn, truất ngôi Trịnh Cán, truất Đặng Thị Huệ xuống làm thứ dân.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Năm 1782 Trịnh Cán lên ngôi chúa được 2 tháng bị lật đổ, Trịnh Khải lên thay, tiến phong là Đoan Nam vương.

_ Tháng 6 năm Bính Ngọ (1786), phủ chúa rối ren, quân Tây Sơn với danh nghĩa "Phù Lê, diệt Trịnh" kéo ra Bắc Hà. Quân Trịnh tan tác. Trịnh Khải bị quân Tây Sơn bắt, trên đường giải về Khải đã tự tử, ở ngôi chúa 4 năm.

_ Khi quân Tây Sơn rút về Nam, Trịnh Bồng (con Trịnh Giang) về yết kiến vua Lê. Vua Lê phong là Nguyên soái Tổng quốc chính Án Đô vương (1786).

_ Trịnh Bồng là kẻ lười biếng, không điều khiển được việc chính sự, sau nhiều lần mưu sự thất bại bỏ đi tu (1787). Họ Trịnh từ Thái vương Trịnh Kiểm đến Án Đô vương Trịnh Bồng, nắm quyền 243 năm (1545 - 1787) qua 12 đời chúa.

XIX. CÁC CHÚA NGUYỄN ĐÀNG TRONG (1600 - 1777)

_ Trịnh Kiểm là con rể của Nguyễn Kim. Sau khi Kim bị tướng nhà Mạc đầu độc chết, muốn thâu tóm quyền hành, ngầm hại các em vợ. Nguyễn Hoàng lo sợ, sai người đến yết kiến Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm.

_ Nguyễn Bỉnh Khiêm ứng khẩu dạy: "Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân" (Núi ngang một dãy có thể dung thân đến ngàn đời). Nguyễn Hoàng hội ý, nhờ chị gái là Ngọc Bảo (vợ Trịnh Kiểm) xin cho vào trấn thủ đất Thuận Hóa.

_ Năm 1558 được lệnh vào Nam, Nguyễn Hoàng đi ngay, đổ bộ lên cửa Việt, dựng dinh ở Ái Tử, huyện Đăng Dương, Quảng Trị.

_ Nguyễn Hoàng là người khôn ngoan, nhân hậu. Để tránh nghi kỵ, năm 1569, ông ra chầu vua Lê, được vua Lê, chúa Trịnh khen ngợi.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Năm 1570, ông được giao trấn thủ luôn đất Quảng Nam, cho dời dinh vào Trà Bát (tức Cát Dinh) cùng huyện Đăng Dương.

_ Năm 1593, Nguyễn Hoàng đem quân ra Đông Đô giúp Trịnh Tùng dẹp dư đảng nhà Mạc, được vua Lê tấn phong Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc chưởng phủ sự thái úy Đoan Quốc công.

_ Để tránh bị Trịnh Tùng hãm hại, Nguyễn Hoàng lấy cớ đem quân đi dẹp loạn ở Nam Định rồi ra biển, đi thẳng về Thuận Hóa. Ông mất ngày 21-5-1613, trấn giữ đất Thuận Quảng được 56 năm.

_ Nguyễn Hoàng mất, con thứ 6 là Nguyễn Phúc Nguyên nối nghiệp năm 1613, sửa sang chính sự, lấy đức độ cai trị, nhân dân kính phục gọi là chúa Sãi. Nghe theo Đào Duy Từ, chúa Nguyễn không nhận sắc phong của vua Lê, không nạp thuế cống cho chúa Trịnh.

_ Chúa Phúc Nguyên mất ngày 19-12-1635, ở ngôi được 22 năm, con trai thứ hai Nguyễn Phúc Lan được truyền ngôi, được gọi là chúa Thượng.

_ Nghe tin Phúc Lan nối nghiệp, người con thứ ba của Phúc Nguyên là Nguyễn Phúc Anh liên kết với chúa Trịnh âm mưu phản nghịch. Phúc Lan đánh bắt được, không nỡ giết, nhưng quần thần xin giết để trừ hậu họa, Phúc Lan đau xót phải nghe theo.

_ Năm 1643, theo yêu cầu của chúa Trịnh, ba tàu chiến Hà Lan trang bị nhiều trọng pháo tiến vào cửa Eo (Thuận An), xâm chiếm nước ta, đã bị thủy quân chúa Nguyễn đánh tan tác.

_ Năm 1648, Trịnh Tráng cho quân đánh vào miền Nam. Phúc Lan thấy người yếu, giao quyền cho con trai Nguyễn Phúc Tần chỉ huy và trên đường rút về thì mất.

_ Nguyễn Phúc Tần lên ngôi năm 1648, được phong tiết chế chủ quân, gọi là chúa Hiền, có công đánh tan quân Trịnh ở sông Gianh, là người chăm lo chính sự, trọng hiền tài.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Năm 1687, chúa Hiền mất, ở ngôi 39 năm. Nguyễn Phúc Thái, con thứ hai, nối ngôi gọi chúa Nghĩa, được trăm họ yêu mến. Năm 1691, Phúc Thái mất, ở ngôi 4 năm.

_ Năm 1691, Nguyễn Phúc Chu con cả Phúc Thái nối nghiệp, là người hay chữ, văn võ toàn tài, gọi là chúa Quốc, rất mộ đạo Phật.

_ Phúc Chu có công mở đất về phía Nam, năm 1697 đặt phủ Bình Thuận, đặt phủ Gia Định, dựng dinh Trấn Biên, lấy xứ Sài Gòn dựng dinh Phiên Trấn.

_ Năm 1702, Phúc Chu sai con là Nguyễn Phúc Phan dùng mưu đánh đuổi 200 quân của công ty Ấn Độ của Anh định chiếm đảo Côn Lôn.

_ Ngày 1-6-1725, chúa Quốc mất, con cả là Nguyễn Phúc Thụ (Ninh Vương) lên ngôi chúa. Ngày 7-6-1738, Ninh Vương mất.

_ Năm 1738, con cả của Ninh Vương là Nguyễn Phúc Khoát lên ngôi chúa, lấy hiệu Từ Tế đạo nhân.

_ Năm 1744, Phúc Khoát xưng vương, hiệu là Võ Vương, đúc ấn quốc vương, lấy Phú Xuân làm kinh đô.

_ Ngày 7-6-1765, Phúc Khoát mất, Trương Phúc Loan lập mưu chọn Nguyễn Phúc Thuần, con thứ 16 mới 12 tuổi lên nối ngôi để dễ bề lộng hành, gọi là Định Vương.

_ Nguyễn Phúc Thuần còn nhỏ, mọi quyền bính do Trương Phúc Loan định đoạt. Trước tình hình đó, tôn thất nhà Nguyễn bắt Trương Phúc Loan nộp cho chúa Trịnh.

_ Quân Trịnh chiếm Phú Xuân đặt quan cai trị Thuận Hóa và năm 1776, cử Lê Quý Đôn vào trấn thủ.

_ Trong khi đó thì nghĩa quân Tây Sơn cũng đã khởi lên, áp dụng chiến thuật giảng hòa với chúa Trịnh để tập trung đánh quân Nguyễn. Năm 1777, quân Tây Sơn giết chết Nguyễn Phúc Thuần, kết thúc 9 đời chúa Đàng Trong.

https://www.facebook.com/taybanganh/

XX. NHÀ TÂY SƠN (1778 - 1802)

_ Anh em Tây Sơn vốn họ Hồ, ông tổ ở Hưng Nguyên, Nghệ An, bị quân Nguyễn đánh ra Đàng Ngoài bắt đem về ấp Tây Sơn, Bình Định đổi thành họ Nguyễn.

_ Năm 1773, anh em Tây Sơn phất cờ khởi nghĩa với khẩu hiệu "Lật đổ quyền thần Trương Phúc Loan, phò Hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương".

_ Trải qua 8 năm chiến đấu gian khổ, năm 1778, quân Tây Sơn diệt được chúa Nguyễn. Nguyễn Nhạc lên ngôi hoàng đế, lập triều đại nhà Tây Sơn, niên hiệu Thái Đức.

_ Năm 1784, Nguyễn Ánh (con Nguyễn Phúc Thuần) cầu viện vua Xiêm đưa 20 vạn quân thủy và 300 chiến thuyền xâm lược nước ta, bị Nguyễn Huệ đánh tan ở Rạch Gầm - Xoài Mút.

_ Năm 1786, Hoàng đế Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Huệ đem quân ra hạ thành Thuận Hóa của chúa Trịnh.

_ Trên đà thắng lợi đó, dưới khẩu hiệu "phò Lê diệt Trịnh", Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc, ngày 25-6-1786 tiến vào Thăng Long.

_ Được tin Nguyễn Huệ chiếm Thăng Long, Nguyễn Nhạc sợ không kiềm chế được Nguyễn Huệ, bèn đem quân ra Bắc Hà.

_ Nghe tin vua Tây Sơn ra, vua Lê Hiển Tông đem trăm quan ra ngoài cõi đón. Nguyễn Huệ ra tận ngoại ô đón anh và tạ tội.

_ Sau khi yết kiến, Nguyễn Huệ được vua Lê Hiển Tông phong Nguyên súy Dực chính phù vận Uy Quốc công. Và với sự sắp xếp của Nguyễn Hữu Chỉnh, vua Lê gả công chúa Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ.

_ Tháng 7-1786, vua Lê Hiển Tông qua đời, Nguyễn Huệ nghe lời vợ, công chúa Ngọc Hân, nghiêng về chọn Lê Duy Cận lên ngôi báu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Nguyễn Huệ muốn hỗn việc đăng quang của Lê Duy Kỳ. Tôn thất nhà Lê dọa sẽ từ mặt Ngọc Hân. Công chúa bèn nói với Nguyễn Huệ thu xếp cho Lê Duy Kỳ lên ngôi, hiệu là Lê Chiêu Thống.

_ Năm 1787, từ Bắc Hà trở về, Nguyễn Nhạc chia đất phía Nam làm 3: phía Bắc đèo Hải Vân thuộc Nguyễn Huệ, đất Gia Định thuộc Nguyễn Lữ, Nguyễn Nhạc đóng đô ở Quy Nhơn xưng là Trung ương Hoàng đế.

_ Cuối năm 1788, Lê Chiêu Thống đưa 29 vạn quân Mãn Thanh vào chiếm Thăng Long.

_ Đại Tư mã Ngô Văn Sở bàn với Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích và các mưu thần khác, rút về Tam Điệp, Biện Sơn chờ lệnh.

_ Nghe tin cấp báo, ngày 22-12-1788, trước khi xuất quân ra Bắc Hà, theo nguyện vọng các tướng sĩ, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Quang Trung.

_ Ngày 26-12-1788, đại quân ra tới Nghệ An, vua Quang Trung cho dừng quân hơn 10 ngày để tuyển thêm quân, nâng quân số lên 10 vạn, 200 voi chiến.

_ 15-1-1789, đại quân ra đến Tam Điệp, vua Quang Trung nói: chỉ 10 ngày nữa thế nào cũng quét sạch giặc Thanh. Nhưng sau khi thắng, ta nên khéo đường từ lệnh mới dập tắt ngọn lửa chiến tranh.

_ Đúng như lời dự báo của vị Tổng chỉ huy, mồng 5 tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789), đội quân của Hoàng đế Quang Trung đã đánh tan 29 vạn quân Thanh tại Ngọc Hồi - Đống Đa.

_ Với sách lược và tài ngoại giao khéo léo, Ngô Thì Nhậm đã bình thường được mối bang giao với nhà Thanh.

_ Sứ Thanh vào tận Phú Xuân phong vương cho Nguyễn Huệ, và vua Quang Trung giả sang triều kiến, mừng thọ vua Càn Long 80 tuổi.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Năm 1792, Quang Trung gửi thư xin vua Thanh được sánh duyên cùng công chúa Bắc quốc và xin "mượn" 2 tỉnh Lưỡng, Quảng làm đất đóng đô.

_ Vua Càn Long chuẩn tấu gả công chúa Khuê Các sang đẹp duyên cùng Quốc vương nước Nam, và hứa nhường tỉnh Quảng Tây cho Quốc vương phò mã.

_ Giữa lúc sứ bộ đang vui mừng vì sắp hoàn thành nhiệm vụ, thì được tin vua Quang Trung mất 27-9 Nhâm Tý (1792). Mọi việc đều gác lại.

_ Vua Quang Trung mất, con trưởng là Quang Toản 10 tuổi lên ngôi (1793), đặt niên hiệu là Cảnh Thịnh.

_ Quang Toản quá nhỏ, nên mọi quyền bính vào tay Bùi Đắc Tuyên. Các đại thần trong triều, ngoài trấn nghi kỵ nhau.

_ Bọn gian thần gièm pha, Quang Toản tin thật, rút hết binh quyền của Trần Quang Diệu, sau lại giết đi cùng với Lê Văn Trung.

_ Năm 1801, Nguyễn Ánh đánh ra Phú Xuân, Quang Toản chạy ra Bắc Hà, đổi niên hiệu là Bảo Hưng.

_ Năm 1802, Nguyễn Ánh đánh ra Thăng Long. Quang Toản cùng em là Quang Thùy bỏ chạy, bị bọn thổ hào Kinh Bắc bắt đưa về Thăng Long.

_ Mùa đông 1802, Nguyễn Ánh trả thù Tây Sơn cực kỳ tàn bạo, Quang Toản và toàn gia cùng một số tướng lĩnh bị hành hình.

XXI. NHÀ NGUYỄN - THỜI ĐỘC LẬP (1802 - 1883)

_ Nguyễn Phúc Ánh sinh năm 1762, là con thứ hai của Nguyễn Phúc Luân, cháu nội chúa Nguyễn Phúc Khoát. Năm 1765, Nguyễn Phúc Khoát mất, Trương Phúc Loan lộng quyền

https://www.facebook.com/taybanganh/

phế truất và bắt giam Nguyễn Phúc Luân, lập con thứ 16 của Phúc Khoát là Nguyễn Phúc Thuần mới 12 tuổi lên nối ngôi, nhằm dễ bề khuynh loát.

_ Năm 1773, khi Tây Sơn khởi nghĩa, Nguyễn Phúc Ánh 12 tuổi, theo chúa Nguyễn Phúc Thuần vào Quảng Nam.

_ Mùa Thu 1777, Nguyễn Phúc Thuần tử trận, Nguyễn Phúc Ánh chạy thoát ra đảo Thổ Chu, rồi sang ẩn náu trên đất Xiêm. Từ đó luôn mưu việc khôi phục cơ nghiệp nhà Nguyễn.

_ Tháng 7-1792, vua Quang Trung mất, Quang Toản nhỏ tuổi, nội bộ nhà Tây Sơn lục đục, không chống nổi sức tấn công của Nguyễn Ánh.

_ Năm 1802, Nguyễn Ánh diệt xong nhà Tây Sơn, lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Gia Long, đóng đô ở Phú Xuân, đặt niên hiệu cũng là Gia Long. Các vua nhà Nguyễn về sau theo lệ này, khi lên ngôi đều lấy niên hiệu trùng với tên hiệu.

_ Năm 1804, án sát Quảng Tây được vua Thanh phái sang phong vương cho Gia Long và đặt tên nước Việt Nam (khác với Nam Việt của Triệu Đà).

_ Để tránh lộng quyền, Gia Long không đặt chức Tể tướng. Triều đình chỉ có 6 Bộ: Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công do các Thượng thư đứng đầu.

_ Năm 1815, ban hành bộ "Quốc triều hình luật" gồm 22 quyển với 398 điều.

_ Năm 1820, Gia Long mất, ở ngôi chúa 25 năm, ngôi vua 18 năm.

_ Năm 1820, Nguyễn Phúc Đảm con thứ tư của Gia Long lên ngôi vua, lấy hiệu là Minh Mạng.

_ Minh Mạng tư chất thông minh, hiếu học, năng động, quyết đoán, sùng đạo Khổng Mạnh, quan tâm học hành khoa cử.

_ Ngày 20-1-1841, Minh Mạng mất, trị vì 21 năm. Con trưởng là Nguyễn Phúc Tuyền (sau đổi là Niên Tông) nối ngôi, hiệu là Thiệu Trị.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Tháng 9-1847, Thiệu Trị mất, ở ngôi 6 năm. Nguyễn Hồng Nhiệm, con thứ hai của Thiệu Trị lên ngôi vua, hiệu là Tự Đức.

_ Tự Đức ốm yếu, thiếu tính quyết đoán, nhưng thông minh, có tài văn học, uyên bác về Nho học, Khổng học.

_ Trong số quần thần có nhiều người nhìn xa trông rộng như Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ... dâng sớ xin vua cải cách mọi mặt, nhưng không được chấp thuận.

_ Tự Đức mất ngày 16-6 Quý Mùi (1883), trị vì 35 năm.

XXII. THỜI KỲ PHÁP ĐÔ HỘ (1883-1945)

_ Tự Đức mất, di chiếu lập con nuôi là Ứng Chân (con người anh Tự Đức) lên ngôi vua (1883) hiệu là Dục Đức, nhưng chỉ được 3 ngày thì bị Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết phế truất.

_ Nguyễn Hồng Dật, con út của Thiệu Trị lên ngôi vua tháng 6-1883, hiệu là Hiệp Hòa. Hiệp Hòa rất căm ghét bọn Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết chuyên quyền, nên lập mưu giết đi. Mưu bị lộ, Hiệp Hòa bị ép tự tử ngày 29-11-1883.

_ Ưng Đăng là con nuôi thứ 3 của Tự Đức lên ngôi vua ngày 1-12-1883, hiệu là Kiến Phúc, nhưng bị Nguyễn Văn Tường đầu độc chết, chỉ làm vua được 8 tháng.

_ Ngày 6-6-1884, ký hòa ước Patơnốt chia nước ta ra 3 kỳ chịu sự bảo hộ của Pháp.

_ Kiến Phúc bị giết, Ứng Lịch mới 13 tuổi lên ngôi ngày 1-8-1884, hiệu là Hàm Nghi. Nhưng lễ đăng quang của Hàm Nghi không được thông báo cho Khâm sứ Pháp, Pháp không thừa nhận.

_ Hai bên thương lượng, tướng Đờ Cuốcxy dọa bắt vua. Đêm 7-7-1885, Tôn Thất Thuyết ra lệnh tấn công đồn Mang Cá.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Do vũ khí thô sơ, cuộc tấn công thất bại, Tôn Thất Thuyết hộ giá vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Trị.

_ Tại căn cứ Tân Sở, vua Hàm Nghi hạ chiếu "Cần Vương", kêu gọi quân dân cả nước chống giặc Pháp.

_ Thực dân Pháp dùng kế nội gián bắt được vua Hàm Nghi, đưa về Huế ngày 14-11-1888.

_ Pháp tìm cách dụ dỗ, mua chuộc, nhưng bị vua Hàm Nghi từ chối. Pháp đưa vua Hàm Nghi đi an trí ở Algerie.

_ Sau khi vua Hàm Nghi rời kinh đô ra Quảng Trị, thực dân Pháp đưa Ưng Xụy con nuôi Tự Đức, lên ngôi lấy hiệu là Đồng Khánh (19-9-1885).

_ Đồng Khánh là một vị vua thân Pháp, bị nhân dân oán hận. Ông bị bệnh chết ngày 25-12-1888.

_ Năm 1889, nghe lời vợ Thiệu Trị và vợ Tự Đức, triều đình Huế đón Bửu Lâm mới 8 tuổi về cung làm vua, hiệu là Thành Thái.

_ Bửu Lâm là con Dục Đức (bị phế truất chết trong tù), 4 tuổi phải ra sống ngoại thành. Ông là vị vua ham học, thương người nghèo, thường hay vi hành để hiểu rõ đời sống người dân.

_ Pháp và quan lại bù nhìn muốn phế truất Thành Thái vì không chịu nghe theo họ.

_ Ngày 29-7-1907, Lêvéccơ nói thẳng với vua: Nhà vua không cộng tác với Pháp thì hết quyền, không được ra khỏi Đại nội.

_ Ngày 3-9-1907, theo lệnh Pháp, triều thần dâng dự thảo chiếu thoái vị, do sức khỏe nhà vua không bảo đảm.

_ Xem xong dự thảo, Thành Thái nhếch mép cười ghi hai chữ phê chuẩn rồi quay đi.

_ Ngày 12-9-1907, Pháp đưa Thành Thái đi an trí ở Capxanh Giắccơ. Năm 1916 lại đày ông sang Reuyniông.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Thành Thái làm vua được 18 năm. Sau 31 năm bị đày, năm 1947 ông được trở về tổ quốc và mất tại Sài Gòn ngày 24-3-1954.

_ Năm 1907, Pháp đưa Nguyễn Vĩnh Lan (con Thành Thái) lên ngôi lúc 8 tuổi, hiệu là Duy Tân. Nhưng Pháp không ngờ Duy Tân còn chống đối quyết liệt hơn cả vua cha.

_ Cuối năm 1916, Duy Tân bí mật gặp Trần Cao Vân và Thái Phiên, bàn mưu đánh Pháp.

_ Cuộc khởi nghĩa bị lộ, ngày 6-5-1916, Pháp bắt được vua Duy Tân cùng nhiều chiến sĩ yêu nước.

_ Thuyết phục mãi không được, Pháp đày vua Duy Tân sang Reuyniông, còn Trần Cao Vân, Thái Phiên... bị chém đầu.

_ Sau đó, Pháp lập hoàng thân Bửu Bảo (con Đồng Khánh) lên ngôi, hiệu là Khải Định.

_ Khải Định là ông vua hèn nhát mạt hạng, nên dân Huế có câu lẩy Kiều: "Tiếng đồn Khải Định nịnh Tây, nghề này thì lấy ông này tiên sư."

_ Ngày 6-11-1925 Khải Định mất, trị vì được 9 năm.

_ Năm 1926, Nguyễn Vĩnh Thụy lên ngôi vua, hiệu là Bảo Đại.

_ Vĩnh Thụy con nuôi Khải Định, được đưa sang Pháp đào tạo từ năm 10 tuổi. Pháp đưa ông lên ngôi vua nhưng vẫn còn học ở Pháp.

_ Sau 10 năm học ở Pháp, ngày 10-9-1932 Bảo Đại về nước, ra dụ số 1 tuyên cáo chấp chánh.

_ Ngày 19-8-1945, cuộc Cách mạng tháng Tám do Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Hồ Chí Minh lãnh đạo giành thắng lợi.

_ Ngày 30-8-1945, trước 5 vạn dân ở Huế, Bảo Đại tuyên bố thoái vị và trao ấn, kiếm cho đại diện chính quyền cách mạng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Bảo Đại tuyên bố "Thà làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ."

_ Bảo Đại được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời làm cố vấn cho Chính phủ Lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

_ Năm 1946, trong một chuyến đi công cán nước ngoài, Bảo Đại không trở về nước.

_ Tháng 4-1949, Pháp đưa Bảo Đại về nước làm Quốc trưởng bù nhìn.

_ Tháng 10-1956, Bảo Đại bị Ngô Đình Diệm (thân Mỹ) lật đổ, sang Pháp sống lưu vong.

XXIII. CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA CHỐNG PHÁP TRƯỚC KHI CÓ ĐẢNG

_ Năm 1859, khởi nghĩa Trương Định. Ông được nhân dân tôn là Bình Tây Đại nguyên soái. Ngày 20-8-1864, Trương Định bị thương nặng, tự sát, nhưng cuộc khởi nghĩa vẫn tiếp tục đến năm 1868.

_ Năm 1861, khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực (tức Nguyễn Văn Lịch) tại Tân An. Năm 1868, ông bị Pháp bắt hành hình.

_ Năm 1886, khởi nghĩa Ba Đình do Đinh Công Tráng lãnh đạo. Năm 1887, cuộc khởi nghĩa bị dập tắt.

_ Năm 1885, khởi nghĩa Bãi Sậy do Nguyễn Thiện Thuật chỉ huy ở Khoái Châu, Hưng Yên. Năm 1889 bị thất bại.

_ Khởi nghĩa Hùng Lĩnh (Thanh Hóa) do Tống Duy Tân khởi nghiệp. Năm 1892, cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, Tống Duy Tân bị bắt và anh dũng hy sinh.

_ Khởi nghĩa Hương Khê, do Phan Đình Phùng hưởng ứng "chiếu Cần Vương", đánh Pháp ở vùng Hương Sơn, Hương Khê, Nghệ Tĩnh từ năm 1885-1896.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo từ năm 1887 đến tháng 12-1913, mới bị dập tắt.

_ Khởi nghĩa Thái Nguyên do Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) lãnh đạo. Đêm 10-1-1918 bị Pháp đánh bại.

_ Cuộc bạo động ở Lạng Sơn năm 1921, do Đội Ấn người Tày tổ chức đánh vào trại lính Khố xanh ở Kỳ Lừa. Cuộc bạo động bị thất bại ít ngày sau đó.

_ Cuộc bạo động Yên Bái do Nguyễn Thái Học (thủ lĩnh Việt Nam Quốc dân đảng) lãnh đạo, nổ ra ngày 10-2-1930, bị Pháp dập tắt nhanh chóng.

XXIV. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI

_ Ngày 3-2-1930, Đảng cộng sản Đông Dương ra đời. dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc, cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công.

_ Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc "Tuyên ngôn độc lập" khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

_ Ngày 19-12-1946, thực dân Pháp quay lại, Hồ Chủ tịch kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống Pháp.

_ Ngày 7-5-1954, quân ta đập tan tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, buộc Pháp ký hiệp định Giơnevơ (20-7-1954).

_ Theo hiệp định, Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam, quân Pháp đóng từ vĩ tuyến 17 trở vào. Sau 2 năm sẽ tổng tuyển cử thốâng nhất đất nước.

_ Được Mỹ giúp sức, chính phù bù nhìn của Pháp phá hoại Hiệp định Giơnevơ, từ chối hiệp thương tổng tuyển cử, âm mưu chia cắt đất nước.

_ Mỹ-Diệm ra sức đàn áp cách mạng, ra luật 10-59 tàn sát những người theo kháng chiến cũ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Theo lời dạy của Bác Hồ: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", nhân dân miền Nam vùng lên chiến đấu chống Mỹ, ngụy.

_ Ngày 20-12-1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra đời. Với sự chi viện của miền Bắc, cách mạng miền Nam liên tục giành thắng lợi.

_ Ngày 5-8-1964, Mỹ gây ra cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc.

_ Tháng 3-1975, cuộc tổng tiến công giải phóng Buôn Ma Thuột mở màn cho cuộc Tổng tiến công mùa xuân 1975.

_ Ngày 26-4-1975, bắt đầu chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

_ Ngày 30-4-1975, chính quyền ngụy hoàn toàn sụp đổ, đất nước thống nhất.

_ Ngày 2-7-1976, Quốc hội khóa IV, Kỳ họp thứ nhất quyết định đặt tên nước là CHXHCN Việt Nam, thủ đô là Hà Nội.

QUỐC HIỆU VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ

Đối với mỗi dân tộc, quốc hiệu luôn là cái tên thiêng liêng nhất, khẳng định sự tồn tại và chủ quyền của một quốc gia, thể hiện niềm tự hào dân tộc cũng như sự bình đẳng với các nước khác trên thế giới.

Qua mấy ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước để có một nước Việt Nam như hôm nay, quốc hiệu nước ta đã trải qua không ít thăng trầm.

Từ buổi bình minh của dân tộc, người Việt đã định cư ở vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Theo sử sách, vào thời bấy giờ có khoảng 15 bộ lạc Lạc Việt sinh sống chủ yếu ở vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ và hàng chục bộ lạc Âu Việt sống cùng với các thành phần dân cư khác.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trong các bộ lạc Lạc Việt thì bộ lạc Văn Lang hùng mạnh hơn cả. Do nhu cầu cần có sức mạnh đoàn kết chống ngoại xâm và chống thiên tai, đẩy mạnh sản xuất. Thủ lĩnh bộ lạc Văn Lang đã đứng ra thống nhất tất cả các bộ lạc Lạc Việt và dựng nên nước VĂN LANG, rồi xưng đế, mà sử sách gọi là vua Hùng.

Thời gian tồn tại của nước Văn Lang khoảng từ đầu thiên niên kỷ I trước Công nguyên đến thế kỷ II trước Công nguyên.

Năm 221 trước Công nguyên, Tần Thủy Hoàng cho quân xâm chiếm toàn bộ đất đai của người Việt. Thủ lĩnh liên minh các bộ lạc Âu Việt là Thục Phán được tôn làm người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Tần.

Năm 208 trước Công nguyên, quân Tần bị thua phải rút về nước, Thục Phán xưng vương, sử sách gọi là An Dương Vương, đồng thời liên kết các bộ lạc Lạc Việt và Âu Việt để dựng nên nhà nước ÂU LẠC, đóng đô ở Cổ Loa.

Năm 179 trước Công nguyên, Triệu Đà, vua nước Nam Việt đem quân đánh chiếm Âu Lạc, An Dương Vương Thục Phán thua trận. Từ đó đất nước ta nằm dưới ách đô hộ của phong kiến phương Bắc trong suốt 7 thế kỷ.

Mùa xuân 542, Lý Bí đứng lên khởi nghĩa đánh đuổi nhà Lương, giải phóng đất nước. Tháng 2 năm 544, Lý Bí lên ngôi hoàng đế, đặt quốc hiệu là VẠN XUÂN, đóng đô ở Long Biên.

Triều đại Lý Bí không tồn tại được lâu. Năm 602, đất nước ta một lần nữa bị rơi vào vòng đô hộ của các triều đình phong kiến Trung Hoa.

Năm 938, Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán với chiến thắng Bạch Đằng vang dội, chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc.

Năm 968, sau khi dẹp yên loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Đinh Tiên Hoàng và đổi quốc hiệu là ĐẠI CỒ VIỆT (nước Việt lớn), đóng

https://www.facebook.com/taybanganh/

đô ở Hoa Lư. Quốc hiệu này được duy trì suốt từ thời Đinh (968-979), Tiền Lê (980-1009) và đầu thời Lý (1010-1053).

Năm 1054, Lý Thánh Tông đổi tên nước là ĐẠI VIỆT và quốc hiệu này được giữ nguyên đến hết đời Trần.

Tháng 3 năm 1400, Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, lập ra nhà Hồ và đổi tên nước thành ĐẠI NGU (大虞).[1] Quốc hiệu này tồn tại cho đến tháng 4 năm 1407, khi quân nhà Minh đánh bại triều Hồ, xâm chiếm nước ta.

Dưới ách đô hộ của nhà Minh, nhân dân ta vùng lên khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo anh minh của Lê Lợi - Nguyễn Trải. Sau 10 năm kháng chiến (1418-1428) thắng lợi. Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi và lấy lại tên nước là ĐẠI VIỆT. Quốc hiệu Đại Việt giữ suốt thời Hậu Lê (1428-1787) và thời Tây Sơn (1788-1801).

Năm 1802, sau khi đánh đổ triều Tây Sơn, Nguyễn Ánh đăng quang lấy hiệu là Gia Long, mở đầu triều Nguyễn, đổi tên nước là VIỆT NAM. Quốc hiệu Việt Nam được công nhận về mặt ngoại giao và trở thành chính thức vào năm 1804. Tuy vậy, theo lịch sử nước ta thì hai tiếng Việt Nam đã có từ cuối thế kỷ XIV, ghi trong bộ sách "Việt Nam thế chí" do Hồ Tông Thốc biên soạn. Và đầu thế kỷ XV, hai chữ Việt Nam cũng được Nguyễn Trãi nhắc lại nhiều lần trong cuốn "Dư địa chí". Và sau này, trong thế kỷ XVI, XVII, tài liệu của các học giả nước ta như Nguyễn Bỉnh Khiêm, hoặc trên các bia ký ở các chùa... đều có nhắc đến hai chữ Việt Nam... Nhiều học giả cho rằng hai từ Việt Nam thời bấy giờ được kiến tạo bởi hai yếu tố: chủng tộc (người Việt) và địa lý (phương Nam).

Năm 1838, dưới thời vua Minh Mạng, quốc hiệu nước ta được đổi thành ĐẠI NAM.

Ngày 19-8-1945, Cách mạng tháng Tám thành công. Ngày 2-9-1945, Hồ Chủ tịch đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Ngày 30-4-1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước. Ngày 2-7-1976, trong kỳ họp đầu tiên của Quốc hội Việt Nam thống nhất, toàn thể Quốc hội nhất trí lấy tên nước là CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

THỦ ĐÔ VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ

Việt Nam trong buổi bình minh của lịch sử, theo truyền thuyết gồm các triều đại: Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân và các vua Hùng. Trong đó các triều đại Kinh Dương Vương và Lạc Long Quân chưa có sử sách nào xác định được tên nước và thủ đô.

Mười tám đời Hùng Vương (?-258 trước Công nguyên), thủ đô ở Phong Châu, Phú Thọ. Đây là nhà nước độc lập, tự chủ đầu tiên của dân tộc Việt Nam, là Nhà nước Văn Lang với 18 đời vua Hùng. Qua các truyền thuyết còn lưu lại đến ngày nay, cũng như qua các cuộc khai quật khảo cổ của các nhà khoa học đã khẳng định rằng thời đại Hùng Vương là có thật trong lịch sử dân tộc ta. Đó là một thời kỳ chuyển biến mạnh mẽ về các mặt kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa, dẫn đến sự hình thành nhà nước phôi thai đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.

Ngày nay, tuy chúng ta biết rằng thủ đô nước Văn Lang ở Phong Châu, nhưng cụ thể ở chỗ nào thì chưa có bằng chứng cụ thể, chỉ biết rằng có thể ở vào khu vực sông Lô gặp sông Hồng, khoảng ngã ba Bạch Hạc đến Đền Hùng, thuộc huyện Phong Châu.

Thời Thục Phán, An Dương Vương (257-208 trước Công nguyên), thủ đô là Cổ Loa.

Năm 257 trước Công nguyên, Thục Phán lên ngôi thay Hùng Vương thứ 18, lấy hiệu là An Dương Vương, đặt tên nước là Âu Lạc và đóng đô ở Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội).

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thục Phán là người có công đánh đuổi quân nhà Tần và cho xây Loa Thành. Cổ Loa nằm ở giữa một vùng đồng bằng rộng lớn, giao thông thủy bộ thuận lợi, dân cư đông đúc, kinh tế ngày một phát triển. Do yêu cầu phát triển của một nhà nước Âu Lạc ngày càng lớn mạnh, nên việc Thục Phán rời bỏ vùng đất đồi núi Phong Châu dời đô về Cổ Loa là một điều tất yếu trong lịch sử phát triển của dân tộc.

Thời Trưng Vương (40-43), thủ đô là Mê Linh (Vĩnh Phúc).

Năm 208, trước Công nguyên, nước Âu Lạc rơi vào tay Triệu Đà. Triệu Đà sáp nhập Âu Lạc vào vùng đất mà ông đã cát cứ từ lâu, đó chính là vùng thuộc Quảng Đông, Trung Quốc, và cho lập một nước riêng lấy tên là Nam Việt, đặt kinh đô ở Phiên Ngung (nay thuộc thành phố Quảng Châu). Cũng từ đó Việt Nam liên tục bị đặt dưới ách đô hộ của phong kiến phương Bắc hơn 1000 năm. Lịch sử Việt Nam gọi là 1000 năm Bắc thuộc.

Trong thời gian đó, các cơ quan đầu não của chính quyền phương Bắc có thời kỳ đóng đô ở Luy Lâu (nay là Thuận Thành, Bắc Ninh), có khi ở Long Biên (nhưng chưa rõ cụ thể vùng nào), cũng có thời kỳ đóng ở thành Đại La (nay thuộc nội thành Hà Nội).

Trong 1000 năm Bắc thuộc, nhân dân ta liên tục vùng lên khởi nghĩa chống lại phong kiến phương Bắc mà tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng vào năm 40, đánh đuổi được quân Nam Hán về nước. Sau ngày thắng lợi, Trưng Trắc lên ngôi vua, đóng đô ở Mê Linh, Vĩnh Phúc. Cũng có thuyết cho rằng Mê Linh xưa nay là làng Hạ Lôi, thuộc Thạch Thất, Hà Tây.

Thời Tiền Lý (544-602), thủ đô là Long Biên.

Năm 505, nhà Lương cầm quyền ở Trung Quốc sai Lý Tắc làm thứ sử Giao Châu, tiếp tục cai trị nước ta. Mùa đông năm 541 (Tân Dậu), Lý Bí khởi nghĩa chống ách đô hộ nhà Lương, giành được độc lập dân tộc, lên ngôi vua, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên, nhưng không rõ chính xác nay thuộc

https://www.facebook.com/taybanganh/

vùng nào, chỉ biết là ở khoảng chung quanh thị xã Bắc Ninh. Lý Bí là người đầu tiên nhận ra vị trí trung tâm đất nước chính là ngã ba sông Tô Lịch và sông Hồng, tức là vùng Hà Nội ngày nay. Vì thế, ngay từ thời ấy Lý Bí đã cho xây tại đây một tòa thành bằng gỗ.

Thời Phùng Hưng, họ Khúc, họ Dương (thế kỷ VIII-thế kỷ X), thủ đô là Đại La (Hà Nội).

Vào thế kỷ VIII, Phùng Hưng đã giành được độc lập cho đất nước, xưng vương, đóng đô ở thành Đại La (Hà Nội ngày nay).

Năm 802, đất nước lại rơi vào tay nhà Đường. Năm 905, Khúc Thừa Dụ1 nổi lên giành quyền tự trị, xưng là Tiết Độ Sứ rồi mới xin mệnh vua Đường, buộc vua Đường phải thuận theo. Năm 931, Dương Diên Nghệ nổi lên chống lại sự đô hộ của nhà Nam Hán. Các triều đại họ Khúc, họ Dương đều dựng quyền tự chủ và đóng đô ở thành Đại La.

Thời Ngô Quyền (939-967), thủ đô là Cổ Loa.

Năm 938, dưới sự lãnh đạo của Ngô Quyền, quân dân ta đã đánh tan quân xâm lược Nam Hán trên sông Bạch Đằng. Chiến thắng Bạch Đằng lừng lẫy đã chấm dứt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc. Mùa xuân năm 939, Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa.

Thời Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành (968-1009), thủ đô Hoa Lư, Ninh Bình.

Sau khi dẹp xong loạn 12 sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua, hiệu là Đinh Tiên Hoàng đế, đóng đô ở Hoa Lư. Kinh đô Hoa Lư kéo dài được 42 năm, trải qua 2 triều đại Đinh (968-980) và Tiền Lê (980-1009).

Thời nhà Lý (1009-1225), nhà Trần (1225-1400), thủ đô là Thăng Long.

Năm 1009, Lý Công Uẩn lên ngôi vua, đổi tên nước Đại Cồ Việt thành Đại Việt. Năm 1010, ông hạ chiếu dời đô về thành Đại La và đổi tên thành là Thăng Long.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Cuối năm 1225, nhà Trần thay nhà Lý, tiếp tục đóng đô ở Thăng Long.

Thời nhà Hồ (1400-1407), thủ đô là Tây Đô, Thanh Hóa.

Hồ Quý Ly (1400-1407) sau khi cướp ngôi nhà Trần, dời đô về Thanh Hóa lấy tên là Tây Đô.

Thời nhà Hậu Trần (1407-1414) và Hậu Lê (1428-1788), thủ đô là Thăng Long.

Sau nhà Hậu Trần, đất nước bị nhà Minh xâm lược. Lê Lợi lãnh đạo cuộc kháng chiến giành lại độc lập dân tộc, lên ngôi vua năm 1428, vẫn giữ quốc hiệu Đại Việt và đóng đô ở Thăng Long, nhưng đổi tên thành Đông Đô (Hà Nội).

Trong thời kỳ Hậu Lê, khoảng thời gian nhà Mạc cướp ngôi (1527 - 1592), thủ đô vẫn là Đông Đô (Hà Nội).

Thời Tây Sơn (1788-1802), thời Nguyễn (1802-1945), thủ đô là Phú Xuân (Huế).

Cuối 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế. Sau khi đánh tan 29 vạn quân Thanh xâm lược, giải phóng Thăng Long, nhưng vẫn đóng đô ở Phú Xuân (Huế) nhằm đối phó với Nguyễn Ánh.

Năm 1802, Nguyễn Ánh diệt nhà Tây Sơn, lên ngôi vua, lấy hiệu là Gia Long, tiếp tục đóng đô ở Phú Xuân cho đến năm 1945.

Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay, thủ đô là Hà Nội.

Sau cách mạng tháng Tám thành công, Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong kỳ họp ngày 6 tháng 1 năm 1946 đã quyết định chọn Hà Nội làm thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

https://www.facebook.com/taybanganh/

PHẦN III
CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Việt Nam là đất nước của hơn 54 dân tộc. Tất cả đều tin vào truyền thuyết "con Rồng cháu Tiên", nên luôn xem nhau như anh em một nhà, vì đều là con cháu của Lạc Long Quân - Âu Cơ.

Cùng chung sống lâu đời trên một đất nước, các dân tộc đều có truyền thống đoàn kết, yêu nước, giúp đỡ nhau trong công cuộc đấu tranh với thiên nhiên, đấu tranh xã hội, chiến đấu chống giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước.

Trong quá trình chinh phục thiên nhiên, tùy theo điều kiện tự nhiên của mỗi vùng, để tồn tại và phát triển, mỗi dân tộc đều có những sáng tạo riêng để tìm ra những phương thức sống thích hợp nhất.

Ở vùng đồng bằng và trung du, các dân tộc chủ yếu làm lúa nước, dựng nền văn hóa xóm làng với trung tâm là đình làng, là cây đa giếng nước. Nghề nông, làng xóm là nguồn cảm hứng của những làn điệu dân ca quan họ, hát ghẹo, ví dặm (Bắc Bộ), những khúc ca cải lương, bài chòi, hát bội... (Nam, Trung Bộ).

Vùng núi Việt Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên... phương thức canh tác của đồng bào chủ yếu là phát rẫy làm nương... với núi rừng hoang sơ, phương thức sản xuất lạc hậu, là mảnh đất "màu mỡ" cho sự phát sinh, phát triển các lễ nghi đầy huyền bí. Nơi bắt nguồn của những huyền thoại, của những sử thi, trường ca, với những nhạc cụ thô sơ, đàn đá, cồng chiêng, quê hương của rượu cần, nhà sàn...

Dọc theo bờ biển từ Bắc vào Nam, các dân tộc sống bằng nghề chài lưới. Cuộc sống ở đây cũng nhộn nhịp khẩn trương như những nông dân trên cánh đồng ngày mùa.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, nhờ chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, các dân tộc đều bình đẳng, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng đất nước làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

1. DÂN TỘC BA NA

Dân tộc Ba Na có khoảng 174.450 người, địa bàn cư trú trải rộng trên các tỉnh Gia Lai, Kon Tum và phía Tây Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa. Họ thường ở nhà sàn, cửa ra vào mở về phía mái, trên hai đầu dốc có trang trí hình sừng. Giữa làng có một ngôi nhà công cộng gọi là nhà làng, nhà rông với hai mái vồng và cao vút. Đó là nhà khách của làng, nơi diễn ra mọi hoạt động chung của cộng đồng làng như giáo dục thiếu nhi, tổ chức lễ hội, xử án...

Người Ba Na còn có những tên gọi khác như Bơ Nâm, Roh, Kon Kđe, Ala Kông, Kpăng Kông, Rơ Ngao, Rơ Lơng (hay Y Lăng), Tơ Lô, Krem...

Ngôn ngữ Ba Na thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme.

Dân tộc Ba Na là một trong những cư dân sinh sống lâu đời ở Đông Trường Sơn-Tây Nguyên. Họ là tộc người có dân số đông, chiếm vị trí quan trọng trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội ở cao nguyên miền Trung Việt Nam.

Người Ba Na canh tác chủ yếu trồng lúa rẫy. Cái cuốc là công cụ sản xuất nông nghiệp chủ yếu của tộc người này. Từ đầu thế kỷ XX, việc làm ruộng nước bằng cày ngày càng phát triển ở nhiều nơi. Vườn chuyên canh và đa canh đã xuất hiện từ lâu. Công việc chăn nuôi gia súc, gia cầm trở nên phổ biến. Chó là con vật được người Ba Na yêu quý và không giết thịt. Các nghề thủ công: đan lát, dệt vải, làm đồ gốm, rèn... tuy có nhưng chưa phát triển.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Phương tiện vận chuyển chủ yếu của người Ba Na là chiếc gùi, cõng trên lưng của nam cũng như nữ. Gùi có nhiều kích cỡ to nhỏ khác nhau và nhiều chủng loại.

Đối với người Ba Na, làng là đơn vị xã hội hoàn chỉnh. Chế độ mẫu hệ tuy đã tan rã, địa vị nam giới có nâng cao, nhưng phía mẹ vẫn gần gũi hơn. Tàn dư mẫu hệ thể hiện rõ trong quan hệ gia đình, gia tộc và trong hôn nhân. Sau hôn nhân vẫn còn tập quán ở nhà vợ, hoặc ở luân phiên, mỗi bên một thời gian. Chỉ sau khi có con đầu lòng mới dựng nhà riêng.

Hôn nhân của người Ba Na cho phép tự do tìm hiểu. Việc xây dựng gia đình theo nguyên tắc một vợ, một chồng.

Việc giáo dục cho thanh thiếu niên như dạy nghề, huấn luyện chiến đấu, học tập truyền thống văn hóa của cộng đồng... do các già làng đảm nhiệm và được tổ chức ở nhà rông.

Con cái được thừa kế gia tài của bố mẹ bình đẳng như nhau. Người Ba Na thờ nhiều thần linh liên quan tới cuộc sống con người. Mỗi thần có một tên riêng gọi là ông bốc, bà dã. Người Ba Na quan niệm khi một người chết đi hóa thành ma, ban đầu ở bãi mộ của làng, sau lễ bỏ mả mới về hẳn thế giới bên kia. Lễ bỏ mả là lễ cuối cùng tiễn biệt người chết.

Trong kho tàng văn nghệ dân gian của người Ba Na có nhiều làn điệu dân ca, các điệu múa trong ngày hội, phổ biến là điệu hmon và roi. Nhạc cụ khá đa dạng, gồm bộ dây, bộ hơi và bộ gõ. Trường ca và truyện cổ tích của người Ba Na rất độc đáo và có giá trị. Nghệ thuật chạm khắc gỗ, đặc biệt ở nhà rông, tượng nhà mồ... tuy đơn sơ, mộc mạc nhưng vẫn tinh tế và sinh động.

Người Ba Na có những trò chơi khá phổ biến như: đuổi bắt (đru đra), cướp dây, hất đá, thả diều, đá cầu, đi cà kheo...

2. DÂN TỘC BỐ Y

Dân tộc Bố Y có khoảng 1.800 người, phần lớn cư trú ở các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang. Họ ở nhà nền đất, hai mái lợp tranh, gỗ hoặc ngói, tường đất trình. Nhà có 3

https://www.facebook.com/taybanganh/

gian, có sàn gác quá giang, là nơi để lương thực và là chỗ ngủ của người con trai chưa vợ.

Người Bố Y còn có những tên gọi khác như Chủng Chá, Trọng Gia, Tu Dí, Tu Dìn, Pu Nà...

Ngôn ngữ Bố Y thuộc nhóm ngôn ngữ Tày-Thái. Tôn giáo chính là thờ tổ tiên. Trên bàn thờ có 3 bát hương: thờ trời, táo quân và tổ tiên. Dưới gầm bàn thờ đặt 1 bát hương thờ thổ địa. Nếu bố mẹ chết không có con trai thờ cúng thì con rể lập bàn thờ nhỏ cạnh cửa đề thờ.

Người Bố Y có nhiều lễ tết: Tết Nguyên Đán, Tết rằm tháng Giêng, Tết 30 tháng Giêng, Tết Hàn Thực, Tết Đoan Ngọ, Tết mồng 6 tháng 6, Tết rằm tháng bảy, Tết cơm mới. Tết cơm mới tổ chức vào tháng 8 hoặc tháng 9 âm lịch.

Người Bố Y di cư từ Trung Quốc sang Việt Nam cách nay khoảng 200 năm. Họ giỏi làm ruộng nước, nhưng khi đến Việt Nam sinh sống ở những vùng núi cao nên canh tác chính là nương rẫy, trồng ngô. Ngoài chăn nuôi gia súc, gia cầm, họ còn có ao cá và biết làm nhiều nghề thủ công: dệt vải, rèn, đục đá, chạm bạc, đan lát, làm đồ gỗ, đồ gốm...

Lương thực chính là hạt ngô xay nhỏ đem đồ lên gọi là mèn mén. Về trang phục: phụ nữ mặc váy xòe, áo ngắn 5 thân có ống tay rời, xiêm che ngực và bụng, đeo trang sức bằng bạc, dây chuyền, vòng tay, khuyên tai, tóc búi ngược lên đỉnh, đầu đội khăn chàm có thêu hoa văn.

♦ Việc cưới xin gồm 3 giai đoạn:

_ Đầu tiên nhà trai cử 2 bà mối sang nhà gái xin lá số cô gái để so tuổi. Nhà gái thường tỏ thiện chí tặng nhà trai 10 quả trứng gà nhuộm đỏ. Nếu thấy hợp, nhà trai cử 2 ông mối sang nhà gái trả lá số và xin "giá ăn hỏi".

_ Tiếp đó lễ ăn hỏi.

_ Cuối cùng là lễ cưới, nhà trai đưa sính lễ sang nhà gái, ngoài thực phẩm còn có một bộ trang phục nữ. Chàng rể không

https://www.facebook.com/taybanganh/

đi đón dâu. Khi về nhà chồng, cô dâu đi ngựa do em gái chồng dắt và mang theo một chiếc kéo, 1 con gà mái nhỏ, đến giữa đường thì thả vào rừng.

♦ Ma chay: Trước khi đưa đám người chết, bắn 4 phát súng. Khi khiêng quan tài, chân người chết quay về phía trước. Từ nhà đến huyệt phải nghỉ 3 lần (nếu vợ hoặc chồng còn sống), nghỉ 4 lần (nếu vợ hoặc chồng đã chết). Người nhà để tang 3 năm. Trong thời gian có tang con trai không được uống rượu, con gái không được mang trang sức.

Người Bố Y, nam nữ thường hát đối đáp tại phiên chợ xuân hay tại nhà, phụ họa bằng kèn lá. Họ có nhiều trò chơi như: đánh đu, đánh khăng, cờ tướng...

Trước đây, người Bố Y chủ yếu học chữ Hán để ghi gia phả và viết bài cúng... Họ tính ngày tháng theo âm lịch.

3. DÂN TỘC BRÂU

Dân tộc Brâu hiện còn rất ít, chỉ khoảng 231 người, sống chủ yếu tại làng Đắc Mê, xã Bơ Y, huyện Ngọc Hồi, Kon Tum. Họ ở trên nhà sàn có mái dốc cao. Nền sàn tạo thành 2 bậc để tiện sinh hoạt. Nhà chính sang nhà phụ đi qua một cầu sàn. Các ngôi nhà trong làng quay đầu hồi, mở cửa chính hướng về trung tâm làng, nơi có nhà làng, nhà chung của cộng đồng. Làng có khuôn viên tròn, các ngôi nhà của dân làng sắp xếp như chiếc nan hoa bánh xe.

Người Brâu sống chủ yếu ở Nam Lào, Đông Bắc Campuchia. họ vào Việt Nam sinh sống cách nay khoảng 150 năm. Họ còn có tên khác là Brao. Ngôn ngữ Brâu thuộc ngôn ngữ: Môn-Khơme.

Dân tộc Brâu bao đời du canh du cư, chủ yếu là đốt nương làm rẫy, trồng lúa, ngô, sắn. Phương thức canh tác chính là chọc lỗ tra hạt. Việc săn bắt, hái lượm chiếm vị trí quan trọng trong đời sống xã hội. Trong làng có lò rèn để sửa chữa nông cụ. Nhiều người biết đan lát.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Brâu chủ yếu ăn cơm nếp, đốt trong ống nứa non (kiểu cơm lam) và cơm gạo tẻ nấu trong nồi đất. Ngô sắn dùng chăn nuôi gia súc, gia cầm. Già trẻ, trai gái đều thích uống rượu cần, hút thuốc lá sợi.

Xưa, đàn ông Brâu đóng khố, phụ nữ quấn váy tấm. Mùa hè nam, nữ đều cởi trần. Phụ nữ có tục căng tai để đeo những khoanh nứa vàng, hoặc khuyên bằng ngà voi, có đeo vòng cổ, vòng tay bằng đồng hoặc nhôm. Nam, nữ đến tuổi 15-16 đều phải cưa 4 răng cửa hàm trên để chính thức hòa nhập cộng đồng.

Phương tiện vận chuyển chính là chiếc gùi đan bằng tre nứa, cõng trên lưng.

Người Brâu có nhiều lễ tết: Lễ ăn mừng cơm mới, sau ngày thu hoạch là lễ tết. Lễ tết phụ thuộc vào thời vụ và tùy từng gia đình, không quy định ngày cụ thể.

Khi ngôi nhà được khánh thành, người Brâu làm lễ lên nhà khá long trọng, cả làng cùng tham dự.

Khi có người chết, tang chủ nổi chiêng trống để báo tang. Thi hài được liệm trong quan tài độc mộc. Quan tài chôn nửa chìm, nửa nổi là đặc trưng tục lệ ma chay của người Brâu. Nhà mồ dựng trên mộ để chứa những tài sản được chia cho người chết. Những tài sản này đều đã bị phá hủy.

Người Brâu tính nông lịch theo tuần trăng và định ra tháng theo mùa vụ canh tác rẫy lúa.

Việc giáo dục cho thanh thiếu niên như học nghề, các truyền thống văn hóa văn nghệ, rèn luyện tinh thần chiến đấu bảo vệ buôn làng... đều do các già làng đảm nhiệm và được tiến hành tại nhà chung.

Người Brâu có khá nhiều dân ca, truyện cổ, thần thoại. Nhạc cụ có đàn klông pút, nhưng quan trọng là bộ chiêng đồng nổi tiếng với 3 loại có thang âm khác nhau là coong, mam và tha. Họ cũng có nhiều trò chơi: đánh cù, thả diều sáo hay diều bươm bướm, bịt mắt đi tìm...

https://www.facebook.com/taybanganh/

4. DÂN TỘC BRU_VÂN KIỀU

Dân tộc Bru-Vân Kiều hiện có khoảng 55.000 người, là dân tộc sống lâu đời ở vùng rừng Trường Sơn, thuộc miền Tây các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế. Mỗi làng là một điểm cư trú quần tụ. Họ ở trên nhà sàn, bếp lửa đặt ngay trên sàn nhà. Có tục kiêng nằm ngang sàn. Với các nhóm người Trì, Khùa, Ma Coong, nhà thường ngăn thành từng buồng nhỏ làm chỗ ngủ cho vợ chồng, bố mẹ và cho con đã lớn.

Trong tộc người Bru-Vân Kiều có các nhóm: Vân Kiều, Trì, Khùa, Ma Coong. Ngôn ngữ thuộc nhóm Môn-Khơme. Hiện nay đã có chữ viết, phiên âm bằng chữ cái Latinh.

Người Bru-Vân Kiều sống chủ yếu bằng cách làm rẫy, trồng lúa. Nông cụ đơn giản: rìu, dao quắm. Phương thức canh tác chủ yếu là đốt rẫy, chọc lỗ, gieo hạt. Ngoài trồng lúa tẻ, nếp, còn trồng ngô, sắn, bầu bí, chuối, mía...

Người Bru-Vân Kiều thích ăn các món nướng. Thường ngày ăn cơm. Vào ngày lễ, ăn cơm nếp nấu trong ống tre tươi, thích uống rượu cần, hút thuốc bằng tẩu làm bằng đất nung.

Trang phục: nam đóng khố, nữ mặc váy. Áo không có tay. Ngày nay họ ăn mặc theo người Việt. Đồ trang sức nữ là các loại vòng ở cổ, tay, khuyên tai. Xưa cả đàn ông, đàn bà đều búi tóc, phụ nữ chưa chồng búi lệch về phía trái, khi có chồng búi ở đỉnh đầu.

Người Bru-Vân Kiều vận chuyển hàng hóa chủ yếu là gùi trên lưng.

♦ Về cưới xin: Cô dâu về ở nhà chồng. Nhà trai cưới vợ cho con phải có đồ sính lễ cho nhà gái, trong đó thường có thanh kiếm và 1 chiếc nồi đồng. Sau lễ cưới, đôi vợ chồng còn phải làm "lễ cưới" lần thứ hai khi kinh tế khá giả, gọi là lễ Khơi, để người vợ được coi là chính thức về dòng họ nhà chồng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Theo tục lệ xưa: con trai cô lấy con gái cậu, hoặc việc kết hôn giữa người vợ góa với anh hoặc em chồng, hay giữa người chồng góa với chị hoặc em vợ đều được chấp nhận.

Người Bru-Vân Kiều có nhiều lễ lạc: Trong quá trình canh tác làm rẫy, để cầu mùa, người Bru-Vân Kiều có nhiều lễ, như lễ trước khi trỉa lúa, được coi như là ngày hội của dân làng.

Trong một đời người Bru-Vân Kiều có hàng loạt những dịp cúng lễ: khi ra đời, lúc ốm đau, khi qua đời, lễ thành hôn... Lễ cúng có đâm trâu là lễ quan trọng nhất.

Nhóm Vân Kiều, khi chết thi hài được đặt ngang nhà sàn, chân hướng về cửa sổ.

Nhóm Khùa, Ma Coong, tử thi được đặt dọc nhà sàn, chân hướng về cửa chính. Tử thi được để trong nhà 2, 3 ngày trước khi đưa ma, chôn người chết vào bãi mộ của làng. Quan tài là một thân cây khoét rỗng có nắp. Trước khi mai táng, mỗi ngày cúng cơm đặt thức ăn vào miệng tử thi ba lần (sáng, trưa, tối). Khi chôn cất phải chia gia sản cho người chết, từ y phục, vật dụng, lương thực...

Người Bru-Vân Kiều căn cứ vào mặt trăng để định ra các ngày và tên ngày trong tháng. Đối với họ, những ngày tốt là ngày 4, 7 và 9, những ngày xấu là 30 và mồng 1. Mỗi năm, nông lịch của người Bru-Vân Kiều gồm 10 tháng.

Người Bru-Vân Kiều có một nền văn hóa truyền thống được truyền miệng, kể về sự tích dòng họ, nguồn gốc dân tộc, và có nhiều điệu hát. Trong các lễ hội có múa hát. Nhạc cụ phổ biến là cồng, chiêng, đàn a chung, Plira, Talư, kèn Amam...

5. DÂN TỘC CHĂM

Dân tộc Chăm ở nước ta còn có những tên gọi khác như: Chàm, Chiêm, Chiêm Thành, Chămpa, Hời... Số dân hiện có khoảng 133.000 người, sống tập trung chủ yếu hai tỉnh Ninh Thuận và

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bình Thuận, ngoài ra còn rải rác ở các tỉnh: An Giang, Tây Ninh, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà của người Chăm giống người Việt.

Ngôn ngữ Chăm thuộc nhóm ngôn ngữ Malayô-Polinêxia (Nam Đảo). Có 2 tôn giáo chính: đạo Hồi và đạo Bàlamôn. Đạo Hồi ở đây có 2 nhóm: nhóm Bà Ni (Hồi giáo cũ) và nhóm Ixlam (Hồi giáo mới). Đạo Bàlamôn chiếm khoảng 3/5 số dân Chăm vùng Ninh Thuận, Bình Thuận. Từ thế kỷ đầu Công nguyên cho tới thế kỷ XVII, người Chăm đã có vương quốc riêng là Vương quốc Chămpa.

Người Chăm chủ yếu trồng lúa nước, giỏi làm thủy lợi, làm vườn trồng cây ăn trái. Người Chăm ở các tỉnh Nam Bộ sống chủ yếu bằng nghề chài lưới, dệt thủ công.

Người Chăm có nhiều nghề thủ công nổi tiếng: dệt thổ cẩm, dệt lụa tơ tằm, nghề gốm, nung lò lộ thiên.

Đồng bào Chăm có tập quán cư trú theo ô bàn cờ. Mỗi dòng họ, mỗi nhóm gia đình thân thuộc, hay một đại gia đình quây quần thành một khoảnh hình vuông hoặc chữ nhật. Mỗi khoảnh cách nhau bởi một con đường. Nhà ở quay mặt về hướng Tây.

Người Chăm theo chế độ mẫu hệ. Mặc dầu người đàn ông đóng vai trò quan trọng trong gia đình, nhưng chủ gia đình là phụ nữ cao tuổi. Phong tục Chăm con gái lấy họ mẹ. Nhà gái cưới chồng cho con. Con trai ở rể nhà vợ. Chỉ có con gái được thừa kế tài sản của gia đình, đặc biệt là con gái út vì phải nuôi bố mẹ già.

Người Chăm cả nam và nữ đều mặc váy, đàn ông mặc áo cánh xẻ, ngực cài khuy. Phụ nữ mặc áo dài chui đầu.

Người Chăm có hai hình thức táng người chết là thổ táng (chôn) và hỏa táng (thiêu). Nhóm theo đạo Bàlamôn thường hỏa táng, còn nhóm Ixlam thổ táng.

Nông lịch người Chăm tính theo lịch âm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Dân tộc Chăm có nhiều nghi lễ như: lễ dựng nhà mới phải cúng thổ thần để đốn gỗ tại rừng, lễ phạt mộc để khởi công xây dựng nhà.

Trong năm có nhiều nghi lễ như khai trương đắp đập, lễ hạ điền, lễ mừng lúa non, lễ mừng lúa trổ đòng. Nhưng lễ lớn nhất vẫn là lễ Bon Katê, được tổ chức linh đình tại các đền tháp vào giữa tháng 10 âm lịch.

Người Chăm có nhiều di sản văn hóa quý. Về nhạc cụ, nổi bật là trống mặt da gọi là Paranưng, trống vỗ, kèn Xaranai. Nền dân ca nhạc cổ Chăm có ảnh hưởng lớn đến dân ca nhạc cổ người Việt ở miền Trung như nhạc Nam ai, hò Huế. Người Chăm có nhiều vũ điệu vui tươi, sôi nổi, uyển chuyển.

6. DÂN TỘC CHƠ RO

Dân tộc Chơ Ro hiện nay có hơn 22.500 người, cư trú chủ yếu ở phía Đông Đồng Nai, một số ít ở Bình Thuận, Bình Phước. Người Chơ Ro còn có tên gọi khác là Châu Ro, Đơ Ro, Chro. Ngôn ngữ Chơ Ro thuộc nhóm Môn-Khơme.

Trước kia, người Chơ Ro sống chủ yếu bằng nghề đốt rẫy làm nương, phương thức canh tác là chọc lỗ tra hạt. Phân bố các loài cây trên nương rẫy của người Chơ Ro khá độc đáo: vòng ngoài cùng trồng loại cây dây leo như bầu, bí, mướp..., vòng giữa trồng sắn. Diện tích còn lại, giữa trồng lúa, có xen canh vừng. Hiện người Chơ Ro đã biết làm ruộng nước. Việc săn bắn, hái lượm chỉ thực hiện lúc nông nhàn. Việc chăn nuôi và các nghề thủ công chưa phát triển. Riêng nghề đan lát mây tre khá phổ biến.

Người Chơ Ro ăn cơm là chính. Đàn ông, đàn bà đều thích hút thuốc bằng tẩu và uống rượu cần. Cả nam và nữ đều thích ăn trầu.

Về y phục: xa xưa đàn ông Chơ Ro đóng khố, đàn bà quấn váy tấm. Mùa hè ở trần hoặc mặc áo cánh ngắn. Mùa lạnh thường

https://www.facebook.com/taybanganh/

khoác trên mình tấm chăn. Trang phục phụ nữ là những chuỗi hạt cườm ngũ sắc, hoặc vòng đồng, vòng bạc hay nhôm đeo ở cổ và đeo vòng tai rộng vành.

Phương tiện vận chuyển của người Chơ Ro chủ yếu là chiếc gùi cõng trên lưng, đan bằng mây tre.

Trong xã hội Chơ Ro, tuy chế độ mẫu hệ trước đây đã tan rã nhưng quan hệ phụ hệ vẫn chưa xác lập rõ. Quyền thừa kế tài sản vẫn thuộc về người con gái. Trong gia đình nữ vẫn được xem trọng hơn nam.

Việc lấy vợ, lấy chồng của người Chơ Ro tồn tại 2 hình thức: nhà trai đi hỏi vợ, hoặc nhà gái đi hỏi chồng. Hôn lễ tổ chức ở nhà gái. Sau hôn lễ, hai vợ chồng ở nhà vợ. Sau vài năm ở riêng.

Người Chơ Ro có khá nhiều lễ hội trong năm: lễ khánh thành nhà mới, lễ cúng Thần Lúa, lễ cúng Thần Rừng.

Về ma chay, người Chơ Ro có tập quán thổ táng. Mộ phần được đắp cao lên theo hình bán cầu. Trong 3 ngày đầu, người ta gọi hồn người chết về ăn cơm. Sau đó là lễ mở cửa mả, với 100 ngày cúng cơm. Hằng năm vào ngày 23 tháng chạp âm lịch có tục tảo mộ.

Người Chơ Ro có vốn văn nghệ khá phong phú, có các điệu hát đối đáp trong dịp lễ hội. Về nhạc cụ, đáng chú ý là bộ cồng chiêng đồng gồm 7 chiếc: 4 chiếc nhỏ, 3 chiếc lớn.

7. DÂN TỘC CHU RU

Dân số Chu Ru có khoảng 14.900 người, sống ở hai xã Đơn và Loan thuộc huyện Đơn Dương, và một số ít ở huyện Đức Trọng, huyện Di Linh, đều thuộc tỉnh Lâm Đồng. Ở huyện Đức Linh tỉnh Bình Thuận và vùng Phan Rang-Tháp Chàm thuộc tỉnh Ninh Thuận cũng có vài ngàn người Chu Ru sinh sống.

Người Chu Ru sống trong những nhà sàn làm bằng tre, gỗ, lợp tranh, quy tụ thành làng xóm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Chu Ru còn có tên gọi khác như: Chơ Ru, Kru.

Ngôn ngữ Chu Ru thuộc nhóm ngôn ngữ Malayô-Polinêxia (Nam Đảo), gần với tiếng Chăm.

Có giả thuyết rằng từ xa xưa tổ tiên người Chu Ru là một bộ phận của cộng đồng người Chăm, về sau chuyển lên miền núi sinh sống, thành người Chu Ru.

Người Chu Ru sống định cư, định canh, chủ yếu trồng lúa nước, rất chú trọng làm thủy lợi. Họ cũng chú trọng việc chăn nuôi gia súc, gia cầm. Săn bắt, hái lượm và đánh cá là sở trường của người Chu Ru. Nghề thủ công phổ biến là nghề đan lát, gốm thô.

Lương thực chính của người Chu Ru là gạo tẻ, nấu bằng nồi đất nung. Người Chu Ru thích uống rượu cần, hút thuốc lá bằng tẩu.

Phụ nữ mặc váy, đàn ông đóng khố. Phương tiện vận chuyển chủ yếu bằng gùi trên lưng. Người Chu Ru theo chế độ mẫu hệ. Người kế thừa gia đình thuộc dòng họ mẹ.

Đứng đầu trong làng là Pô Plây (trưởng làng) do dân bầu, là người điều khiển mọi việc, nhưng ông ta hành động theo ý của người vợ.

Về hôn nhân: người phụ nữ chủ động trong quan hệ lứa đôi. Việc cưới chồng thực hiện qua việc trao tặng chàng trai chiếc nhẫn và chuỗi hạt cườm. Sau lễ cưới người con gái phải ở dâu nhà chồng nửa tháng để chờ lễ đón rể về nhà. Họ cư trú ở nhà gái.

Về ma chay, theo tục thổ táng tại bãi mộ của làng.

Người Chu Ru có nhiều nghi lễ: khi khánh thành nhà mới, về nhà mới, họ tổ chức tiệc mặn để cầu cúng thần linh, thụ lộc. Hằng năm, theo chu kỳ canh tác ruộng nước, người Chu Ru có lễ cúng Thần Đập nước, Thần Mương nước, Thần Lúa khi gieo hạt, lễ ăn mừng lúa mới. Đặc biệt lễ cúng thần Bơnung vào tháng 2

https://www.facebook.com/taybanganh/

âm lịch, dân làng thường hiến sinh dê. Lễ cúng Yang Wer, một cây đại thụ gần làng, nơi ngự trị của thần linh.

Người Chu Ru có vốn ca dao, tục ngữ rất phong phú, phản ánh sự đề cao vai trò của phụ nữ, ca ngợi chế độ gia đình mẫu hệ. Về nhạc cụ, đáng chú ý là trống, kèn và chiêng. Các nhạc cụ khác có: r'tông, Kwao, Terlia. Người Chu Ru có vũ điệu Tamga nổi tiếng và có hàng loạt trường ca, truyện thơ có giá trị nghệ thuật cao và là nguồn sử liệu có giá trị lịch sử.

8. DÂN TỘC CHỨT

Người Chứt tự gọi mình là dân tộc Chứt. Họ còn có các tên gọi khác như Rạc, Arem, Sách... Theo thống kê mới đây, dân tộc Chứt có khoảng 3.800 người, phần lớn cư trú ở các huyện Minh Hóa và Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Ngôn ngữ Chứt thuộc nhóm ngôn ngữ Việt-Mường.

Xưa kia, quê hương người Chứt thuộc địa bàn cư trú của người Việt ở hai huyện Bố Trạch và Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Vì nạn giặc giã, sưu cao, thuế nặng dưới thời đô hộ, họ phải chạy lên nương náu ở vùng núi. Một số vì quá sợ hãi, chạy sâu vào vùng phía Tây hai huyện Minh Hòa và Tuyên Hóa. Theo tài liệu để lại, thì các nhóm người Chứt cư trú tại vùng núi này ít nhất đã được 500 năm nay.

Người Chứt sinh sống bằng nương rẫy du canh du cư, săn bắn và hái lượm. Cây trồng chính là ngô, sắn, đỗ, lúa. Công cụ sản xuất rất thô sơ: rìu, rựa, gậy chọc lỗ... Vận chuyển hàng hóa chủ yếu là gùi đeo vai. Lương thực ăn hằng ngày chủ yếu là ngô, sắn... Những năm mất mùa họ phải ăn bột báng.

Người Chứt không biết dệt vải. Vải mặc phải mua hoặc trao đổi với người Việt, người Lào ở vùng biên giới. Nam giới đóng khố ở trần, phụ nữ mặc váy. Mùa đông họ mặc áo bằng vỏ cây. Hiện nay họ ăn mặc như người Việt.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Chứt quen ở trong các túp lều dùng dây rừng buộc, hay ở trong các hang đá, mái đá. Ngày nay, nhờ sự quan tâm của Đảng và chính quyền, họ đã được đưa về sống tập trung thành các bản nhỏ trong các thung lũng với nhà cửa đã khang trang hơn trước.

Ngày nay, người Chứt thường nhận mình là họ Cao, họ Định... Mỗi dòng họ đều có người tộc trưởng, có bàn thờ tổ tiên chung. Khi tộc trưởng chết, việc cúng bái chuyển sang người em trai kế. Trong làng, tộc trưởng nào có uy tín lớn nhất được suy tôn làm trưởng làng. Người chết thuộc gia đình khá giả thì dùng quan tài làm bằng thân cây khoét rỗng, nhà nghèo thì dùng vỏ cây để liệm.

Quan hệ vợ chồng của người Chứt khá bền vững. Trai gái đến tuổi trưởng thành được tự do yêu đương. Trước khi cưới, nhà trai phải chọn ông mối đi dạm hỏi. Lễ cưới được tổ chức bên nhà gái, sau đó mới đón dâu. Lễ vật quan trọng nhất ngoài lợn, gà phải có thịt khỉ sấy khô. Khi người vợ sắp sinh nở, người chồng dựng một chiếc lều nhỏ cho vợ ở ngoài rừng. Hằng ngày đến thăm nom, mang thức ăn nước uống cho vợ. Sau khi sinh nở, sản phụ tự mình nhóm lửa, nung nóng một hòn đá rồi dội nước lã vào cho bốc hơi để xông. Sau 7 ngày, người chồng mới đến đón vợ về nhà.

Người Chứt thích đàn hát, thổi sáo. Họ có nhiều truyện cổ tích và thần thoại.

9. DÂN TỘC CO

Dân tộc Co có hơn 27.700 người, chủ yếu ở huyện Trà My thuộc tỉnh Quảng Nam. Người Co còn có những tên gọi khác như: Col, Cua, Trầu. Ngôn ngữ Co thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme.

Nguồn sống chính của người Co là nương rẫy, chủ yếu là đất rừng, chọc lỗ tra hạt, tuốt lúa bằng tay. Sản vật chính của người

https://www.facebook.com/taybanganh/

Co là trầu không và quế có từ lâu đời và rất nổi tiếng. Quế của người Co gồm quế trồng và quế rừng rất quý. Những năm đổi mới, nhờ bán quế các gia đình đều có tiền mua sắm cồng, chiêng, ché, trâu... và nay là xe, đài, đồng hồ... xây nhà, đóng đồ gỗ.

Chăn nuôi trâu bò, lợn gà trước hết để dùng vào việc ma chay, cưới xin... Nghề dệt, rèn không phát triển lắm, nhưng nghề dệt thổ cẩm đẹp và phong phú.

Người Co thường ăn cơm gạo tẻ. Trước kia họ quen ăn bốc, thích uống rượu cần, hút thuốc. Tục ăn trầu chỉ còn ở những người lớn tuổi. Họ sống tập trung ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) và Trà My (Quảng Nam), trong các nhà sàn dài, cửa ra vào mở ở hai đầu hồi. Trong nhà chia dọc thành 3 phần: lối đi ở giữa, một bên ngăn thành buồng nhỏ, cho các gia đình sinh hoạt riêng, một bên dùng làm nơi sinh hoạt chung như tiếp khách, họp bàn, lễ hội...

Ngày nay người Co tách ra ở riêng từng gia đình, làm nhà trệt theo kiểu người Việt.

Về y phục, người Co mua vải của người Xơ Đăng hoặc người Việt. Nam đóng khố, ở trần, nữ mặc váy, áo cộc tay. Mùa lạnh khoác tấm vải choàng. Người Co thích quấn nhiều chuỗi hạt cườm quanh đầu, quanh cổ tay, cổ chân, trước ngực và quanh thắt lưng.

Khi vận chuyển đồ đạc, người Co dùng gùi tự đan có hai quai quàng qua vai.

Trong mỗi làng của người Co đều có một "già làng" được mọi người kính trọng và nghe theo. Tuy ngày nay mỗi gia đình làm ăn riêng, ở riêng, nhưng tính cộng đồng làng khá cao.

Thanh niên nam nữ Co được tự do tìm hiểu nhau. Việc cưới xin đơn giản. Sau lễ cưới cô dâu về nhà chồng. Trước đây người Co chỉ lấy vợ lấy chồng trong cùng tộc người, nay đã có những cô dâu, chú rể người Kinh, Xơ Đăng, Hrê... Phong tục cho phép nếu vợ chết có thể lấy em, hoặc chị của vợ, nhưng người vợ góa không

https://www.facebook.com/taybanganh/

thể lấy em hay anh chồng. Nếu hai anh em trai lấy hai chị em gái, thì anh phải lấy chị, em phải lấy em.

Về tín ngưỡng, người Co gọi những đỉnh núi cao là núi ông, núi bà. Vì họ cho rằng ở đó có thần linh trú ngụ. Đối với người Co, hệ thống "ma" và "thần" rất nhiều, như: ma người chết bình thường, ma người chết không bình thường, ma cây quế, ma cây đa, ma nước, ma bếp... Vì thế trong cuộc sống người Co có nhiều kiêng kỵ và có nhiều lễ tết. Lớn nhất là lễ đâm trâu tế thần, lễ tết kết thúc một mùa lúa rẫy. Khi người Co chết, được quàn trong quan tài độc mộc, được chôn trong bãi mộ của làng, không xa chỗ ở. Tang gia "chia của" cho người chết đưa ra mộ, không chỉ vật dụng tư trang của người chết mà có cả ché, chiêng...

Người Co thích âm nhạc. Họ dùng bộ chiêng 3 chiếc, ngoài ra còn có trống, các loại đàn, nhị. Múa chỉ dùng trong lễ đâm trâu. Các điệu dân ca Xru, Agiới... được lưu truyền rộng rãi. Vốn truyện cổ phong phú, có cả truyền thuyết, huyền thoại và truyện ngụ ngôn... Nghệ thuật trang trí tập trung nhất ở cột lễ trong lễ hội đâm trâu.

10. DÂN TỘC CỐNG

Dân tộc Cống có khoảng 1.700 người, có nguồn gốc từ Lào sang, chủ yếu sống ở huyện Mường Tè thuộc tỉnh Lai Châu. Dân số tuy ít, song có tới 13 dòng họ như: Lò, Quang, Kha... Mỗi dòng họ có người đứng đầu với chức năng chủ trì các công việc liên quan tới đời sống tinh thần. Hiện nay người Cống sinh sống chủ yếu ven sông Đà. Dân tộc Cống còn có những tên gọi khác như Xám Khống, Phuy A, Mâng Nhé, Xá Xeng. Ngôn ngữ Cống thuộc nhóm ngôn ngữ hệ Tạng-Miến.

Nguồn sống chính của người Cống là làm nương, đang chuyển dần sang làm ruộng nước. Tuy vậy, hái lượm vẫn còn giữ vai trò quan trọng. Họ không biết dệt vải, chỉ trồng bông đổi lấy vải, nhưng giỏi đan chiếu mây nhuộm đỏ và các đồ đựng bằng tre nứa, gùi, giỏ đựng cơm, rương, hòm...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Cống ăn cơm tẻ và cơm nếp. Y phục của họ giống người Thái, một vài gia đình còn giữ lại y phục truyền thống của người Lào. Nhà ở là nhà sàn 3 hoặc 4 gian, chỉ có một cửa ra vào, một cửa sổ ở gian giữa, dọc theo vách mặt chính của nhà có dựng thêm một sàn nhỏ, ít có giá trị sử dụng nhưng là điểm đặc trưng trong nhà của người Cống.

Do ở gần sông Đà, người Cống quen sử dụng thuyền để đi lại. Khi vận chuyển hàng hóa trên bộ, họ đeo gùi qua trán.

Người Cống sống tập trung trong các làng bản. Tính cộng đồng làng bản khá cao. Phụ nữ có vai trò quan trọng trong gia đình và xã hội.

Về tôn giáo, người Cống còn mang dấu vết tô tem giáo (tín ngưỡng thờ vật tổ) rõ nét với những tục kiêng và thờ các loài chim, muông, thú vật...

Chế độ hôn nhân một vợ một chồng là bắt buộc. Tục ở rể được thực hiện nghiêm ngặt, trước kia khoảng 8-12 năm. Lễ vật trong lễ xin con trai tới ở rể là gói muối, gói chè, cuộn dây gai đan lưới, hay một ống rượu cần..., được đưa tới vào buổi tối. Ngay sáng hôm sau, người con trai mang chăn, gối, con dao tới nhà gái ở rể. Từ đó người con gái búi tóc ngược lên đỉnh đầu, dấu hiệu người con gái đã có chồng. Khi hạn ở rể đã hết, có lễ đón dâu về nhà trai. Lúc đó đôi vợ chồng thường đã có con cái. Của hồi môn bố mẹ cho con gái được mang về nhà chồng. Nếu nhà trai là người cùng bản thì phải cõng cô dâu về tận nhà.

Khi nhà có người chết, phải mời thầy mo tới làm lễ. Việc chọn ngày chôn người chết được coi trọng. Trong những ngày trước khi chôn phải cúng cơm cho người chết. Sau đám tang có làm nhà mồ đơn giản. Sau khi chôn người chết 12 ngày, con cháu mới lập bàn thờ trong nhà. Con trai để tang bố mẹ bằng việc cạo trọc đầu, con gái cắt tóc mai và đội khăn tang cho tới ngày cúng cơm mới.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Cống theo chế độ phụ hệ nên cúng bố mẹ vợ vào dịp tết. Việc cúng do cha chủ trì, nếu cha chết, mẹ thay thế. Khi con trai ra ở riêng, mỗi người lập một bàn thờ riêng tại nhà mình. Lễ vật cúng ông bà tổ tiên, gồm bát gạo, ống nước và con gà. Người cúng ôm gà ngồi trước bàn thờ khấn. Sau khi khấn xong, giết gà ngay tại chỗ, bôi máu vào lá dong gói lại cài lên vách nơi thờ, cúng cùng với vài ba lông gà.

Hằng năm cứ đến tháng 3 âm lịch, các bản đều tổ chức lễ cúng bản trước khi gieo hạt. Các gia đình đều làm lễ cúng trên nương rẫy trước khi kết thúc công việc tra hạt.

Người Cống thường tổ chức múa hát vào dịp lễ tết, nhất là trong đám cưới. Đặc biệt là điệu múa đầu tiên do các em gái chú rể trình diễn. Họ vừa múa vừa giơ cao các tặng phẩm như con gà, con sóc, cá khô mà người anh trai tặng mình.

11. DÂN TỘC CƠ HO

Dân tộc Cơ Ho có khoảng 129.000 người, chủ yếu sinh sống ở các vùng thuộc tỉnh Lâm Đồng. Họ còn có các tên gọi khác theo nhóm địa phương như: Xre, Nộp, Cơ Dòn, Chil, Lát (Lách), Tơ Ring (T'ring). Trong đó, Tơ Ring là nhóm địa phương có số dân đông nhất, sống tập trung ở Di Linh. Ngôn ngữ Cơ Ho thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme.

Nguồn sống chính của người Cơ Ho, trừ nhóm Xre làm ruộng nước, đúng như tên gọi (Xre là ruộng nước), còn lại đều làm nương rẫy, du canh. Phương thức canh tác là chọc lỗ tra hạt. Riêng nhóm Chil dùng một dụng cụ có cán dài bằng gỗ, lưỡi dẹp bằng sắt, dài khoảng 28 cm, rộng 3-4 cm để chọc lỗ tra hạt. Người Xre làm ruộng nước, dùng chiếc cày gỗ với lưỡi cày cũng bằng gỗ (nay thay bằng sắt), bừa gỗ, răng bừa cũng bằng gỗ. Cày bừa ruộng đều do trâu kéo. Ngoài trỉa lúa, người Cơ Ho còn trồng ngô, sắn, bầu, bí, đậu... chăn nuôi theo lối thả rông. Trừ người Xre nuôi trâu bò để làm vật kéo, còn nuôi gia súc chủ yếu dùng cho cúng bái, lễ tết.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Cơ Ho khéo tay, nghề đan lát hầu như nhà nào cũng có, riêng dệt thổ cẩm chỉ có ở nhóm người Chil. Việc săn bắt, hái lượm, đánh cá... cũng là những phương thức kiếm sống quan trọng.

Người Cơ Ho ăn cơm gạo tẻ. Trước kia cơm canh đều nấu trong ống nứa, nay nấu trong nồi đất hoặc nồi kim loại. Họ quen ăn bốc, thích uống rượu cần và hút thuốc lá.

Đàn ông Cơ Ho đóng khố, phụ nữ mặc váy ngắn. Khố cũng như váy đều có hoa văn trang trí. Khi trời lạnh có quàng thêm tấm chăn. Phụ nữ Cơ Ho thường đeo vòng cổ, vòng tay và khuyên căng tai.

Nhà của người Cơ Ho là nhà sàn dài, hai mái lợp tranh, vách phên. Phía trước cửa có cầu thang lên xuống. Mọi sinh hoạt gia đình đều diễn ra chung quanh bếp lửa.

Làng của người Cơ Ho là một công xã mang những dấu vết công xã thị tộc mẫu hệ. Đứng đầu làng là chủ làng. Người Cơ Ho vẫn tồn tại hai hình thức gia đình. Gia đình lớn và gia đình nhỏ. Hiện nay, nhất là ở những vùng trù phú, ven quốc lộ, hình thức gia đình nhỏ ngày càng trở nên phổ biến. Tổ chức gia đình theo chế độ mẫu hệ. Người phụ nữ đóng vai trò chủ động trong hôn nhân. Sau hôn lễ, người con trai về bên nhà vợ, con cái mang họ mẹ.

Người Cơ Ho tin rằng mọi việc trong đời sống đều do các thế lực siêu nhiên quyết định. Họ quan niệm một bên là thần thánh (Yang) luôn phù hộ cho con người, ngược lại một bên là ma quỷ (Chà) thường gây tai họa. Vì thế người Cơ Ho phải cúng bái để cầu xin.

Trong số các lễ nghi của người Cơ Ho, những lễ nghi liên quan đến công việc làm rẫy, làm ruộng... là những lễ nghi quan trọng nhất và được tổ chức trang trọng nhất. Hằng năm, khi mùa màng đã thu hoạch xong (tháng 12 dương lịch), người Cơ Ho tổ chức ăn tết. Mỗi năm, các gia đình trong làng luân phiên

https://www.facebook.com/taybanganh/

hiến cho làng một con trâu để tổ chức lễ đâm trâu trong dịp này. Lễ tổ chức ngoài trời, trước cửa nhà chủ hiến trâu, hay nhà chủ làng, hoặc ở một khoảnh đất rộng, bằng, cao ráo, với cây nêu được trang trí sặc sỡ. Mọi người nhảy múa theo tiếng cồng, chiêng. Thịt trâu được chia cho từng gia đình, máu trâu được bôi lên trán những người dự lễ như một sự cầu phúc. Lễ tết kéo dài 7-10 ngày. Sau tết người ta mới được ăn lúa mới.

Người Cơ Ho có vốn văn học nghệ thuật rất phong phú, thơ ca giàu chất trữ tình và đầy nhạc tính. Một số điệu múa được dùng trong các lễ hội. Nhạc cụ truyền thống của người Cơ Ho là bộ cồng chiêng 6 chiếc, kèn ống bầu, đàn ống tre... có âm sắc độc đáo.

12. DÂN TỘC CỜ LAO

Dân tộc Cờ Lao có khoảng 1.800 người, sống tập trung ở các huyện Đồng Văn và Hoàng Xu Phì thuộc tỉnh Hà Giang. Họ cư trú ở đây từ cách nay khoảng 200 năm. Người Cờ Lao còn có những tên khác như: Tứ Đư, Ho Ki, Voa Đề. Người Cờ Lao có các nhóm: Cờ Lao Xanh, Cờ Lao Trắng, Cờ Lao Đỏ. Ngôn ngữ Cờ Lao thuộc nhóm ngôn ngữ Ka Đai.

Nguồn sống chính của người Cờ Lao ở Đồng Văn là làm nương rẫy, trồng ngô trên các hốc đá tai mèo. Người Cờ Lao ở Hoàng Su Phì, một số làm ruộng nước (ruộng bậc thang) và làm nương rẫy ở núi đất. Nghề thủ công phổ biến là đan lát, làm đồ gỗ. Một số làng có thợ rèn sửa chữa nông cụ.

Người Cờ Lao chủ yếu ăn ngô, chế thành bột mèn mén, hoặc một số nơi ăn cơm, quen dùng bát đĩa, thìa bằng gỗ.

Phụ nữ Cờ Lao ăn mặc như phụ nữ Nùng, áo dài quá gối. Áo trang trí những miếng vải thổ cẩm màu, đáp trên hò áo, ngực, tay áo.

Người Cờ Lao sống thành từng làng khoảng 15-20 nóc nhà. Nhà có 3 gian 2 chái, mái lợp tranh. Người Cờ Lao Đỏ làm nhà

https://www.facebook.com/taybanganh/

trình tường. Khi di chuyển người Cờ Lao thường dùng ngựa thồ. Họ quen dùng địu đan bằng giang, có hai quai đeo vai.

Mỗi nhóm Cờ Lao thường có dòng họ khác nhau như các họ: Vần, Hồ, Sếnh, (Cờ Lao Trắng); Min, Cáo, Sú, Lý (Cờ Lao Đỏ); Sang (Cờ Lao Xanh). Gia đình theo chế độ phụ hệ. Nếu nhà không có con trai, thường lấy con rể ở rể. Con rể vẫn giữ họ của mình, nhưng có quyền thừa kế tài sản nhà vợ. Người ở rể có bàn thờ tổ tiên mình và bàn thờ bố mẹ vợ.

Giữa các nhóm Cờ Lao, việc cưới xin có khác nhau: chú rể Cờ Lao Xanh trong lễ cưới mặc áo dài xanh, cuốn khăn đỏ qua người. Cô dâu về đến cổng nhà chồng phải búi tóc ngược lên đỉnh đầu và muốn qua cổng phải giẫm vỡ một chiếc bát và một cái môi gỗ để sẵn ở cổng. Cô dâu Cờ Lao Đỏ chỉ ngủ lại nhà chồng đêm đón dâu.

Khi sinh con, người Cờ Lao có tục đốt nhau, tro được bỏ vào hốc đá trên rừng. Con trai được đặt tên sau 3 ngày đêm, con gái 2 ngày 3 đêm. Trong lễ đặt tên có cúng tổ tiên và thần "Ghi Trếch", vị thần bảo vệ trẻ em. Theo tục, bà ngoại đặt tên và tặng quà cho cháu.

Khi người Cờ Lao chết, thường có 2 nghi lễ: lễ chôn người chết và lễ làm chay. Lễ làm chay của người Cờ Lao Xanh được tiến hành ngay trong ngày chôn hoặc một vài năm sau. Người Cờ Lao Đỏ có tục xếp đá quanh mộ, cứ 10 tuổi xếp 1 vòng đá. Các vòng đá tuổi được phủ kín đất. Trên cùng xếp thêm một vòng đá nữa.

Người Cờ Lao tin rằng mỗi người có 3 hồn. Lúa, bắp và gia súc cũng có hồn. Hồn lúa lại có hồn lúa cha, hồn lúa mẹ, hồn lúa vợ, hồn lúa chồng. Vì thế mỗi khi gặt xong, người Cờ Lao phải cúng lúa vào dịp 5 tháng 5. Tổ tiên được thờ 3 đến 4 đời.

Người Cờ Lao có tục ăn Tết Nguyên Đán, Tết mồng 3 tháng 3, Tết mồng 5 tháng 5, Tết 15 tháng 7 và Tết mồng 9 tháng 9 âm lịch.

https://www.facebook.com/taybanganh/

13. DÂN TỘC CƠ TU

Dân tộc Cơ Tu có gần 50.000 người, cư trú ở các huyện Hiên, Giằng, miền Tây Quảng Nam và huyện A Lưới, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế. Người Cơ Tu còn có những tên gọi khác như: Ca Tu, Gao, Hạ, Phương, Ca Tang. Ngôn ngữ Cơ Tu thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme.

Địa bàn cư trú của người Cơ Tu là vùng Trường Sơn. Nguồn sống chính là làm nương rẫy. Phương thức canh tác là chọc lỗ tra hạt, tuốt lúa bằng tay. Rẫy đa canh, xen canh, sau vài mùa rẫy lại bỏ hóa, đi phát rẫy khác. Sau một thời gian mới quay lại rẫy bỏ hóa. Chăn nuôi chủ yếu là trâu, lợn, gà, chó để dùng vào việc tế lễ, cúng bái. Thực phẩm hằng ngày chủ yếu do hái lượm, săn bắn và đánh bắt cá. Nghề thủ công chủ yếu là dệt thổ cẩm, có làm đồ gốm. Nghề đan lát mây tre khá phát triển.

Gùi đeo là phương tiện vận chuyển chính. Gùi có nhiều loại: đan dày, đan thưa, có nhiều cỡ thích hợp với người dùng.

Người Cơ Tu ăn cơm tẻ là chính, ngày lễ hội ăn cơm nếp. Ăn bốc là tập quán cổ truyền. Họ thích ăn thức ăn nướng, ướp và ủ trong ống tre, thích uống rượu, hút thuốc lá bằng tẩu.

Người Cơ Tu chuộng y phục bằng vải đen có hoa văn bằng chỉ và hoa văn bằng cườm trắng. Đàn ông quấn khố, ở trần, đàn bà mặc váy. Váy dài thì che từ ngực trở xuống. Váy ngắn thì mặc áo không tay.

Người Cơ Tu ở nhà sàn, mái uốn khum ở hai đầu hồi tựa mai rùa. Đầu dốc nhà thường nhô lên một đoạn. Trước kia trong nhà có nhiều đôi vợ chồng cùng con cái sinh sống. Đó là gia đình của những anh em trai sống với nhau. Toàn bộ nhà trong làng dựng thành một vòng chung quanh khoảnh đất trống ở giữa. Mỗi làng có một ngôi nhà chung gọi là gươl, cao to và đẹp nhất, là nơi hội họp và sinh hoạt của dân làng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Làng là một đơn vị dân cư tự quản dựa vào tập tục, đứng đầu làng là ông "già làng" được kính trọng. Tài sản gia đình được phân định bằng chiêng, ché, trâu, đồ trang sức...

Trong việc cưới xin, nhà trai phải nộp cho nhà gái một số của cải và lo việc tổ chức đám cưới. Nghi thức phải trải qua các bước: lễ hỏi, lễ đính hôn, lễ cưới. Phong tục cho phép con trai cô lấy con gái cậu, vợ góa lấy anh hoặc em chồng quá cố.

Khi người phụ nữ sinh nở sẽ ở trong chòi dựng sau nhà, hoặc ngay bếp lửa trong nhà. Sau khi sinh, lấy nhau của trẻ bỏ vào vỏ bầu, hoặc gói bằng vải hay lá chuối đem chôn phía sau nhà. Qua vài ba tháng mới đặt tên cho bé.

Người chết quàn trong quan tài bằng thân cây khoét rỗng. Nhà khá giả thì quàn tử thi dài ngày hơn. Đám ma có mổ trâu. Nhà mồ làm bằng gỗ đẹp, có nhiều trang trí đẽo tạc và vẽ.

Sau một vài năm mai táng, người Cơ Tu tập trung hài cốt thân nhân đã mất về một nơi. Các tang gia trong làng cùng làm một ngày.

Người Cơ Tu có nhiều lễ cúng, gắn với sản xuất, sức khỏe. Lễ cúng nhỏ giết gà, lớn hơn mổ lợn, lớn hơn nữa giết trâu. Lễ tết lớn hơn cả là lễ đâm trâu, lễ "dồn mồ" (quy tập mồ về một nơi). Ăn tết theo làng vào khoảng tháng Giêng, tháng Hai dương lịch, sau vụ thu hoạch lúa.

Người Cơ Tu có nhiều truyện cổ tích. Trong các lễ hội thường múa tập thể: nữ múa Dạ Dạ, nam múa Ting Tung. Nhạc cụ: bộ chiêng 3 chiếc, cồng 1 chiếc, trống, sáo, đàn nhị. Phụ nữ có tài dệt vải, nam có tài điêu khắc trang trí nhà mồ, nhà công cộng và trang trí trên cột buộc trâu tế trong lễ đâm trâu.

14. DÂN TỘC DAO

Dân tộc Dao còn có những tên gọi khác như: Kim Miền, Kim Mùn, Mán. Trong đó lại chia thành nhiều nhóm như: Dao Đỏ (Dao Cóc Ngang, Dao Sừng, Dao Dụ Lạy, Dao Đại Bản); Dao

https://www.facebook.com/taybanganh/

Quần Chẹt (Dao Sơn Đầu, Dao Tam Đảo, Dao Nga Hoàng, Dụ Cùn); Dao Lô Gang (Dao Thanh Phán, Dao Cóc Mùn); Dao Tiền (Dao Đeo Tiền, Dao Tiền Bản); Dao Quần Trắng (Dao Họ); Dao Thanh Y, Dao Làn Tẻn (Dao Tuyển, Dao Áo Dài).

Dân số người Dao khoảng hơn 620.000 người. Ngôn ngữ Dao thuộc nhóm ngôn ngữ H'Mông-Dao. Người Dao thờ tổ tiên Bàn Hồ.

Người Dao có nguồn gốc từ Trung Quốc, chuyển cư sang Việt Nam trong khoảng từ thế kỷ XII, XIII cho đến tận đầu thế kỷ XX. Họ sống xen kẽ với nhiều dân tộc dọc biên giới Việt Trung, Việt Lào, một số tỉnh trung du và vùng ven biển Đông Bắc.

Người Dao làm nương, canh tác trên những hốc đá, nhưng phổ biến nhất là làm ruộng nước. Tùy từng nhóm và tùy nơi cư trú, như người Dao Quần Trắng, Dao Áo Dài, Dao Thanh Y chuyên làm ruộng nước, còn người Dao Đỏ canh tác trên những hốc đá, chủ yếu trồng ngô. Ngoài ra họ còn trồng bông dệt vải, ưa dùng vải nhuộm chàm.

Người Dao chăn nuôi trâu, bò, gà lợn ở vùng lưng chừng núi. Người Dao ở vùng cao còn nuôi ngựa, dê. Các bản làng người Dao đều có lò rèn sửa chữa nông cụ. Nhiều nơi còn làm cả súng hỏa mai, súng kíp, đúc đạn. Nghề chạm bạc làm đồ trang sức như vòng cổ, vòng chân, vòng tay, khuyên tai, nhẫn, hộp đựng trầu. Nhóm Dao Đỏ, Dao Tiền có nghề làm giấy bản để chép sách cúng, truyện, bài hát... Nhiều nơi còn có nghề ép dầu thắp sáng, dầu ăn.

Người Dao ăn cơm là chính, một số nơi ăn ngô. Họ có cối xay lúa. Cối giã gạo có nhiều loại: cối gỗ hình trụ, cối đạp chân, cối giã bằng sức nước. Người Dao thích ăn thịt luộc, thịt sấy khô, ướp chua. Khi ăn xong, kiêng để đũa ngang miệng bát vì đó là dấu hiệu trong nhà có người chết. Họ thường uống rượu cất, hút thuốc lá và thuốc lào bằng điếu cày hoặc tẩu.

Trước đây đàn ông người Dao để tóc dài, búi sau gáy, hoặc để chỏm tóc dài trên đỉnh đầu, chung quanh cạo nhẵn. Các nhóm

https://www.facebook.com/taybanganh/

Dao có cách đội khăn khác nhau. Phụ nữ mặc áo dài, yếm, váy hoặc quần. Y phục thường đều thêu sặc sỡ. Cách in hoa văn của người Dao lên vải khá độc đáo. Dùng bút vẽ hoặc sáp ong, nhúng khuôn in vào sáp ong nóng chảy rồi in lên vải. Khi mang vải nhuộm chàm sẽ hiện lên màu hoa văn xanh lơ, do chỗ lớp sáp ong phủ lên không bị thấm chàm.

Tùy từng nơi ở mà nhà người Dao rất khác nhau: có nơi nhà trệt, có nơi nhà sàn, hay nhà nửa sàn, nửa đất.

Người Dao vùng cao hay dùng địu có hai quai đeo vai, người Dao vùng thấp gánh, hoặc dùng túi vải, túi lưới đeo vai.

Người Dao có nhiều họ, phổ biến là họ Bàn, Đặng, Triệu. Các dòng họ, chi họ có gia phả riêng, có hệ thống tên đệm để phân biệt các thế hệ khác nhau.

Về hôn nhân, trai gái muốn lấy nhau phải so tuổi, xem chân gà, có tục chăng dây, hát đối đáp giữa nhà trai và nhà gái trước khi vào nhà, hát trong đám cưới. Lúc đón dâu, cô dâu được cõng ra khỏi nhà và phải bước qua cái kéo do thầy cúng đã làm phép mới được vào nhà trai.

Khi sinh nở, phụ nữ có tục đẻ ngồi, ở ngay buồng ngủ. Trẻ sơ sinh được tắm nước nóng. Nhà có người ở cữ, người ta treo cành lá xanh hay cài hoa chuối trước cửa để làm dấu không cho người lạ vào vì sợ vía độc.

Thầy cúng có vị trí quan trọng trong ma chay. Nhà có người chết, con cái mời thầy về chủ trì lễ, tìm đất đào huyệt. Người ta kiêng khâm liệm trùng vào giờ sinh của những người trong gia đình. Mộ được đắp đất, xếp đá ở chân mộ. Lễ làm chay cho người chết diễn ra nhiều năm sau. Lễ tổ chức ba ngày. Ngày đầu gọi là lễ phá ngục, giải thoát hồn cho người chết. Ngày thứ hai là lễ tắm hương hoa, trước khi đưa hồn về bàn thờ tổ tiên trong nhà. Ngày thứ ba là lễ cấp sắc: đưa hồn về quê.

Ngoài những nghi lễ nông nghiệp, người Dao còn chịu ảnh hưởng của Khổng giáo, Phật giáo và nhất là Đạo giáo. Người Dao

https://www.facebook.com/taybanganh/

nhận Bàn Hồ (Bàn Vương) là thủy tổ, nên được cúng chung với tổ tiên. Theo truyền thống, tất cả đàn ông đến tuổi trưởng thành đều phải qua lễ cấp sắc, vừa mang tính chất của Đạo giáo, vừa mang dấu vết của lễ thành đinh xưa.

Người Dao có vốn văn nghệ rất phong phú, nhiều truyện cổ, bài hát, thơ ca, điệu múa. Đặc sắc nhất là những truyện Quả bầu với nạn hồng thủy, Sự tích Bàn Vương...

15. DÂN TỘC Ê ĐÊ

Dân tộc Ê Đê có khoảng 270.000 người, sống tập trung chủ yếu ở tỉnh Đắk Lắk, phía Nam tỉnh Gia Rai và miền Tây của hai tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên. Người Ê Đê có mặt rất lâu đời ở miền Trung Tây Nguyên. Cộng đồng người Ê Đê vẫn còn là một xã hội đang tồn tại những truyền thống đậm nét chế độ mẫu hệ.

Người Ê Đê còn có những tên gọi khác như: Ra Đê, Đê, Eâgar. Họ gồm các nhóm: Adam, Krung, Mdhur, Ktul, Dlie, Hruê, Bih, Blô, Kah, Kdrao, Dong Kay, DongMak, Ening, Arul, Hwing, Ktle và Êpan... Ngôn ngữ Ê Đê thuộc nhóm ngôn ngữ Malayô-Polinêxia.

Nguồn sống chính của người Ê Đê là trồng lúa rẫy theo chế luân khoảnh. Rẫy sau một thời gian canh tác được bỏ hoang hóa cho rừng tái sinh, rồi mới quay lại phát đốt. Chu kỳ canh tác khoảng 5-8 năm. Mỗi năm chỉ trồng một vụ. Ruộng nước, không dùng cày mà cho trâu quần, chủ yếu ở vùng quanh hồ Lak của người Bih.

Chăn nuôi chủ yếu là lợn, trâu và gia cầm, để dùng phục vụ trong cúng lễ. Họ có nghề đan lát mây tre làm đồ gia dụng. Người Ê Đê trồng bông, dệt vải thủ công. Nghề gốm và rèn không phát triển lắm.

Người Ê Đê ăn cơm tẻ bằng cách nấu trong nồi đất hay nồi đồng lớn. Họ thích uống rượu cần ủ trong các ché sành, có tục ăn trầu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Phụ nữ mặc váy tấm dài đến gót, mùa hè ở trần hoặc mặc áo ngắn có chui đầu. Nam giới đóng khố, mặc áo cánh ngắn chui đầu, trước ngực áo đáp tấm vải đỏ. Mùa lạnh, nam nữ choàng thêm một tấm chăn. Phụ nữ thích đeo chuỗi hạt, vòng đồng, vòng kền ở cổ, ở tay. Nam nữ có tục cà răng, căng tai, nhuộm đen răng.

Gùi là phương tiện vận chuyển chính của người Ê Đê.

Gia đình Ê Đê theo chế độ mẫu hệ. Chàng rể về ở nhà vợ, con cái mang họ mẹ, con gái út là người thừa kế.

Buôn là đơn vị cư trú cơ bản. Người trong buôn thuộc nhiều chi họ của hai hệ dòng, nhưng vẫn có một chi họ là hạt nhân. Người đứng đầu một buôn gọi là chủ bến nước (Pôpinea) thay mặt vợ điều hành mọi hoạt động của cộng đồng.

Người Ê Đê ở trong những ngôi nhà sàn dài, kiến trúc mô phỏng hình thuyền: hai vách dọc dựng đứng thượng thách hạ thu (trên rộng, dưới hẹp), hai đầu mái nhô ra. Nhà chỉ có hai hàng cột ngang, kết cấu theo vì cột, không theo vì kèo. Không gian nội thất chia thành 2 phần theo chiều dọc. Phần đầu gọi là gah, vừa là phòng khách vừa là nơi sinh hoạt cộng đồng của đại gia đình mẫu hệ. Phần cuối gọi là ôk, dành cho các đôi vợ chồng ở trong từng buồng có vách phên ngăn.

Về hôn nhân, người phụ nữ chủ động, nhờ mai mối hỏi chồng và cưới chồng về ở rể. Khi một trong hai người chết thì gia đình, dòng họ của người chết phải có người thay thế, theo tục "nối nòi". Người chết già và chết bệnh thì tang lễ được tổ chức tại nhà rồi đưa ra nghĩa địa thổ táng, rồi xây nhà mồ. Khi dựng nhà mồ và lễ bỏ mả được tổ chức linh đình. Sau đó kết thúc việc săn sóc vong linh và phần mộ.

Khi một gia đình làm nhà mới, cả làng đều quan tâm. Họ không chỉ giúp nguyên vật liệu như tre, nứa, gỗ, tranh lợp... mà còn giúp cả công. Sau khi dựng xong hàng cây chân vách thì tiến hành lễ khánh thành. Tuy vậy việc dọn lên nhà mới có thể thực

https://www.facebook.com/taybanganh/

hiện trước một thời gian dài, khi chưa làm lễ khánh thành. Nữ giới là đoàn người đầu tiên được bước lên nhà mới. Họ mang theo nước và lửa để sưởi ấm và tưới mát cho nơi ở mới.

Lễ tết của người Ê Đê vào tháng chạp âm lịch, sau khi mùa màng đã thu hoạch xong, không vào một ngày nhất định. Sau tết ăn mừng cơm mới, rồi mới đến tết (mnăm thun) ăn mừng vụ mùa bội thu. Đối với người Ê Đê, vị thần lớn nhất là Đấng sáng tạo Aê Điê và Aê Đu rồi đến Thần Đất (Yang Lăn), Thần Lúa (Yang Mđiê) và các thần linh khác. Nghi lễ theo đuổi cả đời người là lễ cầu phúc, lễ mừng sức khỏe.

Người Ê Đê có nhiều trường ca, sử thi. Dân ca có hát đối đáp, hát đố, hát kể gia phả... Nhạc cụ của người Ê Đê nổi tiếng là bộ cồng chiêng gồm 6 chiêng bằng, 3 chiêng núm, một chiêng giữ nhịp, một trống cái mặt da. Không có lễ hội nào, không một sinh hoạt văn hóa nào của cộng đồng lại có thể thiếu tiếng cồng chiêng. Ngoài ra còn có nhạc cụ bằng tre nứa, vỏ bầu khô.

16. DÂN TỘC GIÁY

Dân tộc Giáy có khoảng 40.000 người, sống chủ yếu ở các tỉnh Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu và Cao Bằng. Họ từ Trung Quốc sang Việt Nam cách nay khoảng 200 năm. Người Giáy còn có những tên gọi khác như: Nhắng, Dằng, Pâu Thìn, Pù Nà, Cùi Chu, Xạ... Ngôn ngữ Giáy thuộc nhóm ngôn ngữ Thái-Ka Đai.

Nguồn sống chính là trồng lúa nước trên những thửa ruộng bậc thang. Ngoài ra còn có làm nương rẫy, trồng ngô, lúa, khoai, sắn. Chăn nuôi theo lối thả rông. Nghề thủ công không phát triển.

Người Giáy ăn cơm tẻ. Gạo được nấu chín dở, rồi cho vào chõ đồ lên như xôi. Nước nấu gạo dùng làm nước uống. Phụ nữ xưa mặc váy xòe, nay mặc quần màu chàm đen, có dải vải đỏ đáp ở thân cạp. Áo cánh 5 thân xẻ tà, dài quá mông, cài khuy bên nách

https://www.facebook.com/taybanganh/

phải. Hò áo và cổ tay áo viền những dải vải màu. Tóc vấn quanh đầu với những sợi chỉ hồng thả theo đuôi tóc, vai khoác túi thêu chỉ màu. Nam giới mặc quần, áo cánh xẻ tà, mở khuy ngực.

Người Giáy ở nhà sàn. Nhà thường có 3 gian, bàn thờ đặt ở gian giữa. Vận chuyển chủ yếu dùng ngựa thồ, trâu kéo...

Trước cách mạng tháng Tám, xã hội Giáy có sự phân hóa giai cấp rõ rệt. Tầng lớp trên là những chức dịch được hưởng ruộng công, phát canh thu tô, có lính phục dịch. Nông dân phải đóng thuế, lao dịch.

Cưới xin gồm nhiều nghi lễ: dạm hỏi, thả mối, ăn hỏi, cưới và lại mặt. Trong lễ cưới, ngoài việc ăn uống nhà trai còn phải mang cho nhà gái một số thực phẩm và tiền để làm quà tặng họ hàng gần.

Phụ nữ đến ngày sinh phải cúng mụ. Trẻ đầy tháng cúng báo tổ tiên, đặt tên và lấy lá số cho trẻ. Lá số này về sau được dùng để so tuổi khi lấy vợ hoặc gả chồng, chọn giờ nhập quan hạ huyệt khi chết.

Những nhà giàu có, đám tang người chết có thể kéo dài 5-7 ngày, còn có thêm một vài nghi lễ như thả đèn trôi sông, rước hồn đi dạo. Con cái để tang bố mẹ một năm. Lễ đoạn tang được tổ chức vào dịp cuối năm.

Bàn thờ cúng đặt ở gian giữa, thường có ba bát hương theo thứ tự từ trái sang phải: thờ Táo quân, Trời Đất và tổ tiên. Trường hợp chủ nhà là con nuôi hay con rể thừa tự, muốn thờ bố mẹ đẻ, đặt thêm một bát hương bên trái. Ở một số gia đình, ngoài bàn thờ lớn còn đặt một bàn thờ nhỏ để thờ bố mẹ vợ. Phía dưới bàn thờ lớn, ngay trên mặt đất đặt một bát hương cúng Thổ địa.

Người Giáy ăn Tết Nguyên Đán, Thanh Minh và Đoan Ngọ như các dân tộc vùng Đông Bắc.

Trong kho tàng văn nghệ người Giáy có truyện cổ, thơ ca, tục ngữ, đồng dao, phong dao, câu đối...

https://www.facebook.com/taybanganh/

17.DÂN TỘC GIA RAI

Dân tộc Gia Rai có hơn 317.000 người, là một trong những cư dân sống lâu năm ở vùng núi Tây Nguyên, tập trung chủ yếu ở tỉnh Gia Lai, một phần ở tỉnh Kon Tum và phía Bắc Đắk Lắk. Người Gia Rai còn có tên gọi khác Giơ Ray, Chơ Ray. Người Gia Rai gồm nhiều nhóm địa phương như: Chor, Hđrung (gồm cả Hban, Chor), Araf, Mthur, Tơbuâu. Ngôn ngữ Gia Rai thuộc nhóm ngôn ngữ Malayô-Polinêxia (Nam Đảo).

Trong xã hội xưa, Gia Rai đã có Pơtaoia (Vua Nước) và Pơtaopui (Vua Lửa). Vào thế kỷ XV-XVI, sử sách phong kiến Việt Nam ghi nhận danh hiệu Thủy Xá (Vua Nước) và Hỏa Xá (Vua Lửa). Chỉ có người đàn ông có họ Siu mới được làm Vua Lửa, Vua Nước và con gái họ Rơ Chom được phép làm vợ vua.

Nguồn sống chính của người Gia Rai là trồng trọt, nương rẫy, theo phương thức chọc lỗ tra hạt. Ruộng nước dùng cuốc xới, sục bùn, nay đã biết dùng cày, bừa do trâu, bò kéo. Chăn nuôi khá phổ biến, chủ yếu là trâu, bò, ngựa, voi, lợn, gà... Trong đó, trâu có thể dùng trao đổi những vật quý như chiêng, ché và dùng làm vật hiến sinh trong các lễ nghi. Nghề thủ công có đan lát, mộc, rèn, dệt thổ cẩm hoa văn đẹp.

Người Gia Rai ăn gạo tẻ, thích uống rượu cần. Bữa tiệc lấy ché rượu cần làm trung tâm, quanh đó là các món ăn đựng trong bát, đĩa hoặc lá chuối để vừa ăn vừa uống. Họ cũng thích hút thuốc lá.

Về y phục, đàn ông đóng khố vải trắng kẻ sọc nhiều màu. Ngày lễ đóng khố vải chàm dài 4m và rộng 0,3m, có viền hoa văn và buông tua chỉ nhiều màu ở hai đầu. Áo đen cộc tay, hở nách, đường viền hoa văn chỉ màu chạy dọc hai sườn.

Phụ nữ mặc váy chàm có viền hoa văn chạy quanh gấu, phần cạp có tua chỉ trắng hoặc màu. Váy tấm, khi mặc quấn vào thân. Mặc áo cánh ngắn bó sát thân màu chàm đen, chui đầu, dài tay. Trên cánh tay áo có thêu hoa văn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Gia Rai ở nhà sàn, một vợ một chồng theo chế độ mẫu hệ. Nhà chia hai phần: bên mang, bên óc. Bên óc dành cho đàn bà và cửa luôn quay về hướng Bắc.

Phương tiện vận chuyển chính là chiếc gùi đeo vai. Ngoài ra còn dùng ngựa, voi thồ.

Làng (Plơi hoặc Bôn) là đơn vị cư trú, vừa là tổ chức xã hội. Có một hội đồng gồm các ông già chủ trì chung. Hội đồng chọn người đứng đầu làng, mọi người đều nghe theo.

Dòng họ theo mẫu hệ. Khối cộng đồng máu mủ tập hợp thành từng họ. Mỗi họ phân chia thành nhiều ngành hoặc phân đôi thành họ khác. Mỗi họ, mỗi ngành kiêng một tô tem riêng. Luật nghiêm cấm người cùng ngành họ và dòng mẹ lấy nhau. Nam nữ 18 tuổi tự do tìm hiểu, yêu đương. Nữ chủ động lựa chọn chồng. Tục lệ cho phép khi chồng chết vợ lấy em chồng, và khi vợ chết, chồng có thể lấy chị vợ. Khi sinh nở, sản phụ phải kiêng khem: không ăn cơm nấu, chỉ ăn cơm lam, không ăn thịt, chỉ ăn rau.

Người Gia Rai theo tục tất cả người cùng họ mẹ chết chôn chung một huyệt. Người đàn ông chết chôn ở huyệt phía mẹ mình. Trong huyệt chung, các quan tài xếp sát bên nhau, theo chiều ngang, rồi chồng lên theo chiều dọc. Khi quan tài cao bằng miệng huyệt, lấp ván kê bốn bề để chôn tiếp vài ba lớp nữa, mới làm lễ "bỏ mả".

Người Gia Rai cho rằng: Thần linh có nhiều loại, trong đó có 3 loại được nhắc đến trong lễ cúng hằng năm:

_ Thần Nhà (Yang Sang): khi nhà mới dựng xong, phải làm lễ đâm trâu và trồng cây gạo.

_ Thần Làng (Yang ala bôn) và Thần Nước (Yang ia), được cúng ở bến nước và chân núi.

_ Thần Vua (Yang Ptao): do Vua Lửa, Vua Nước, Vua Gió cần làm lễ cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Xưa nam nữ đến tuổi thành niên có tục cưa răng hàm trên. Nữ 1 - 2 tuổi xâu lỗ tai và căng lỗ tai ra đến khi trưởng thành, đeo hoa tai bằng ngà voi có đường kính 6cm.

Lễ nghi lớn nhất của người Gia Rai là lễ bỏ mả, tạc tượng nhà mồ, lễ lên nhà mới, có ăn uống hát múa, biểu diễn cồng chiêng.

Tục làm nhà mới khá phức tạp. Trước tiên là bói tìm đất. Bà chủ lấy 7 hạt gạo đặt trên nền đất, lấy bát úp lên. Sau ba ngày ba đêm lật bát lên, nếu 7 hạt gạo còn nguyên là thuận. Ngược lại mất hạt gạo nào thì phải đi tìm chỗ khác. Sau khi tìm được đất, tổ chức ăn uống hò reo, biểu diễn cồng chiêng 3 ngày. Dựng nhà xong, mở hội nhà mới 3 hôm nữa.

Người Gia Rai có nhiều trường ca như Đam San, Xinh Nhã, Dăm Di..., nhiều điệu vũ dân gian. Nhạc cụ có đàn Tơ rưng, Krông Put, Tưng Nưng... và cồng chiêng.

18. DÂN TỘC GIÉ TRIÊNG

Dân tộc Gié Triêng có khoảng 30.000 người, phần lớn sinh sống ở Kon Tum và miền Tây Quảng Nam. Họ còn có những tên gọi khác như Cà Tang, Giang Rẫy và mỗi nhóm còn có tên riêng như: Gié, Triêng, Ve, Bnoong. Trong đó nhóm Gié (Giẻ) đông hơn cả.

Ngôn ngữ Gié Triêng thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme.

Nguồn sống chính là làm rẫy, săn bắt, đánh cá, hái lượm. Chăn nuôi chủ yếu là trâu, bò, lợn, gà... dùng vào lễ hiến sinh.

Người Gié thích ăn các món nướng, theo tập quán ăn bốc, thích uống rượu cần, hút thuốc lá bằng tẩu.

Trang phục Gié Triêng đơn giản: đàn ông đóng khố, phụ nữ mặc váy quấn, hoặc váy ống, che ngực bằng yếm hoặc bằng ống váy kéo lên. Khi trời lạnh khoác thêm tấm vải choàng. Phụ nữ nhóm Bnoong có quấn xà cạp ở ống chân.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Gié Triêng ở nhà sàn dài gồm "nhiều bếp". Nhiều nơi làm mái uốn khum hình mai rùa. Thường thì các nhà trong làng xếp thành hình tròn quanh nhà rông. Nhà sàn Gié Triêng chia làm 2 phần, giữa là hành lang chạy dọc: một nửa dành cho nam giới, một nửa của nữ giới. Đặc biệt ở vùng người Gié và Bnoong có khi cả làng ở trong một vài ngôi nhà.

Người Gié Triêng dùng gùi vận chuyển. Gùi có nhiều loại: đan thưa, đan dày, to nhỏ khác nhau.

Người Gié Triêng (trừ nhóm Bnoong), đàn ông mang họ khác với đàn bà. Mỗi họ có truyền thuyết về cội nguồn kiêng cữ riêng. Xưa, con trai theo họ cha, con gái theo họ mẹ. Theo tục cũ, con trai khoảng 10 tuổi bắt đầu ngủ đêm tại nhà rông. Khoảng 13-15 tuổi thì cà răng, sau vài ba năm lấy vợ. Con gái chủ động trong việc hôn nhân. Trước khi nên vợ nên chồng, con trai phải biết đan lát, biết tấu cồng chiêng, con gái phải thạo đan chiếu, dệt vải. Cô gái phải chuẩn bị đủ 100 bó củi đẹp để nộp cho nhà trai trong lễ cưới. Vợ chồng mới cưới ở chung nhà với bố mẹ vợ khoảng 3-4 năm rồi chuyển sang ở nhà bố mẹ chồng 3-4 năm, cứ luân chuyển như thế đến khi bố mẹ một bên qua đời, mới định cư một nơi.

Khi người vợ sinh nở, chồng làm nhà ngoài rừng cho vợ sinh. Sản phụ tự lo trong khi sinh nở. Sau 10 ngày mới được mang con về nhà. Sau khi tiến hành lễ cúng cho trẻ gia nhập vào cộng đồng những người thân trong nhà, đứa trẻ mới trở thành thành viên gia đình.

Về ma chay, phong tục các nhóm không giống nhau. Nét chung là dùng quan tài bằng thân gỗ khoét rỗng. Người chết được địa táng, dựng nhà mồ đơn giản, có rào chung quanh. Đồ vật chia cho người chết đưa ra mộ, nếu là chiêng, ché phải đập vỡ, đâm thủng...

Người Gié Triêng có nhiều thần linh, nhưng chủ yếu là thờ cúng các vị Thần Nước, Thần Rừng, Thần Lửa, Thần Trời, Thần

https://www.facebook.com/taybanganh/

Mặt Trời, Thần Đất, Thần Làng, Thần Lúa, Thần Đá, Thần Cây... Mỗi làng có một vật "thiêng" như bùa hộ mệnh, được cất giấu trong rừng và giữ bí mật với người ngoài. Mỗi dòng họ, gia đình cũng có vật "thiêng" để cầu mùa bội thu.

Mỗi khi cúng bái đều có vật hiến tế. Vật hiến tế lớn nhất là con trâu. Máu con vật hiến tế được xem là quan trọng nhất.

Gia tài văn nghệ lớn nhất của người Gié Triêng là bộ cồng chiêng. Tùy nơi, dùng 3 cồng với 7 hay 9 chiêng, hoặc 6 chiêng, hoặc 4 chiêng... Còn có các loại nhạc cụ làm từ tre nứa đơn giản như đàn, sáo, khèn... Người Gié Triêng có nhiều làn điệu dân ca, nhiều chuyện cổ.

19. DÂN TỘC HÀ NHÌ

Dân tộc Hà Nhì có khoảng 18.000 người. Họ còn có những tên khác như: U Ní, Xá U Ní. Một số nhóm địa phương còn có tên riêng như: Hà Nhì Cồ Chồ, Hà Nhì La Ní, Hà Nhì Đen. Người Hà Nhì cư trú chủ yếu ở hai tỉnh Lai Châu và Lào Cai. Ngôn ngữ Hà Nhì thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng-Miến. Người Hà Nhì có nguồn gốc từ Nam Trung Quốc vào Việt Nam.

Nguồn sống chính là trồng lúa nước trên ruộng bậc thang. Một số nơi làm nương rẫy, trồng ngô, lúa, rau, đậu, bầu, bí... Họ giỏi khai khẩn, tạo thành ruộng bậc thang trên những sườn núi dốc, với những mương dẫn nước hợp lý.

Người Hà Nhì chăn nuôi gia súc, gia cầm theo lối chăn thả. Trâu nuôi thả rông trong rừng có đến hàng trăm con. Họ có nghề trồng bông dệt vải. Phụ nữ dệt vải trên khung cửi nhỏ, khổ 20 cm. Trồng chàm và nhuộm chàm là một công việc đặc sắc của người Hà Nhì.

Người Hà Nhì quen ăn cơm nếp và cả cơm tẻ. Vào dịp lễ tết họ thường làm nhiều loại bánh. Thích ăn thịt nướng, xào. Đặc biệt thích ăn cháo nấu với thịt gà hoặc thịt lợn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Y phục của phụ nữ Hà Nhì có khác nhau giữa các vùng. Ở Lai Châu có vải hoa văn màu sặc sỡ, còn ở Lào Cai tuyền một màu chàm xanh.

Đa số người Hà Nhì ở nhà trệt, tường trình chắc chắn, dày tới 30, 40 cm, thích hợp với khí hậu lạnh miền núi cao. Tùy từng nơi, nhà có hàng hiên phía trước tránh gió rét. Họ quen nấu cơm bằng chảo ở bếp lò xây.

Phương tiện vận chuyển chủ yếu dùng gùi đeo qua trán. Một số nơi dùng ngựa làm phương tiện đi lại.

Tính cộng đồng làng xã khá cao, không chỉ thể hiện trong sản xuất mà cả trong lĩnh vực văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng. Xã hội theo chế độ phụ quyền, nhưng người phụ nữ vẫn được tôn trọng. Người Hà Nhì có nhiều họ, mỗi họ chia thành nhiều chi. Họ không có tục thờ cúng chung toàn dòng họ mà theo từng gia đình. Việc thờ cúng do con trai cả, dòng trưởng đảm nhiệm. Nếu dòng trưởng không có người thừa kế, việc thờ cúng chuyển cho con trai út. Các thành viên trong gia đình dù đã ra ở riêng, nếu chết phải đưa xác về quàn trước bàn thờ bố mẹ thì người chết mới được thờ chung với tổ tiên.

Việc cưới xin theo từng vùng có khác nhau, nhưng có một điểm chung là trai gái tự tìm hiểu nhau trong hôn nhân. Ở vùng Bát Xát (Lào Cai), việc cưới hỏi phải qua nhiều bước: sau 3 lần dạm hỏi, lễ cưới thứ nhất tổ chức để đưa dâu về nhà chồng. Lần thứ hai ăn uống linh đình ở nhà gái. Lễ này diễn ra khi đôi vợ chồng làm ăn khá giả, đã có con cái, cháu chắt. Ở Tây Bắc, sau lễ hỏi, con rể đến ở rể. Nếu trả đủ tiền cưới thì không phải ở rể, lễ cưới được tổ chức ngay. Từ đó con dâu mang họ của chồng.

Phụ nữ Hà Nhì có tục đẻ đứng. Họ có tục đập vỡ ống bương đựng nước cho nước bắn tung tóe ra và tin rằng như thế sẽ giúp việc sinh nở được dễ dàng. Hoặc thả từ trên nóc nhà xuống một ống bương nước trong có một cái đục, cái đục bắn ra giống như đứa trẻ được đẻ ra.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nhà có trẻ mới sinh được báo hiệu bằng chiếc nón úp trên cọc trước cửa. Sinh con gái úp cọc bên phải, sinh con trai úp cọc bên trái.

Người chết được quàn trong quan tài độc mộc, có nắp đậy kín. Nơi đào huyệt được chọn bằng cách ném trứng, quả trứng vỡ ở đâu đào ở đấy. Kiêng chôn vào mùa mưa, vào thời điểm đó, quan tài được treo xuống huyệt, nhưng không lấp đất, trên có nhà táng hoặc giàn che. Hết mùa mưa mới hạ huyệt.

Người Hà Nhì chủ yếu thờ cúng tổ tiên, cúng bản và các nghi lễ nông nghiệp. Tết năm mới vào đầu tháng 10 âm lịch, ngoài ra còn có tết cơm mới, tết mồng 5 tháng 5, rằm tháng 7.

Người Hà Nhì có nền văn học dân gian với nhiều thể loại: truyện thần kỳ, cổ tích, trường ca, ca dao, tục ngữ... các loại nhạc cụ có trống, chiêng, đàn tính, đàn môi, sáo...

20. DÂN TỘC H'MÔNG

Dân tộc H'mông có trên 779.000 người, cư trú tập trung ở miền núi cao thuộc các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Cao Bằng, Nghệ An. Người H'mông còn có những tên gọi khác như: Mẹo, Mèo, Miếu Ha, Mán Trắng. Các nhóm địa phương còn có tên riêng như: H'mông Trắng, H'mông Hoa, H'mông Đỏ, H'mông Đen, H'mông Xanh, Na Miẻo. Ngôn ngữ H'mông thuộc nhóm ngôn ngữ H'mông-Dao.

Nguồn sống chính của người H'mông là nương rẫy, trồng ngô, theo phương thức du canh. Một vài nơi cũng làm lúa nước trên những thửa ruộng bậc thang. Cây lương thực chính là ngô và lúa nương, lúa mạch. Ngoài ra còn trồng cây ý dĩ, lạc, vừng, đậu, và trồng cây lanh lấy sợi dệt vải. Chiếc cày của người H'mông rất bền và rất có hiệu quả. Chăn nuôi chủ yếu là trâu, bò, lợn, gà, ngựa. Ngựa thồ là phương tiện vận chuyển rất hiệu quả cùng với chiếc gùi đan có hai quai. Các nghề thủ công như đan lát, rèn, làm yên ngựa, đồ gỗ, làm giấy bản, đồ trang sức bằng bạc.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bữa ăn của người H'mông thường có mèn mén (bột ngô đồ) hay cơm. Phụ nữ khéo làm các loại bánh từ bột ngô, gạo vào những ngày lễ tết. Người H'mông quen uống rượu ngô, rượu gạo, hút điếu cày. Trước kia, nhiều người hút thuốc phiện,

Trang phục của người H'mông đa dạng, khác nhau giữa các nhóm. Phụ nữ H'mông Trắng trồng lanh dệt vải lanh, váy màu trắng, áo xẻ ngực, thêu hoa văn ở cánh tay, yếm sau, cạo tóc, để chỏm, đội khăn rộng vành.

Phụ nữ H'mông Hoa mặc váy màu chàm có thêu hoặc in hoa văn bằng sáp ong, áo xẻ nách, trên vai và ngực đáp vải màu và thêu. Họ để tóc dài, vấn tóc cùng tóc giả.

Phụ nữ H'mông Đen mặc váy chàm, in hoa văn bằng sáp ong, áo xẻ ngực.

Phụ nữ H'mông Xanh mặc váy ống, khi có chồng bới tóc lên đỉnh đầu, cài bằng lược móng ngựa, đội khăn ra ngoài tạo thành hình hai cái sừng.

Người H'mông ở nhà trệt, ba gian hai chái, có từ hai đến ba cửa. Gian giữa đặt bàn thờ.

Mỗi bản người H'mông thường có nhiều họ, trong đó có một, hai họ giữ vị trí chủ chốt. Người đứng đầu bản điều hành mọi công việc quan hệ trong bản. Dân mỗi bản tự nguyện tuân thủ các quy ước chung của bản về sản xuất, chăn nuôi... Người H'mông coi trọng dòng họ gồm những người cùng tổ tiên. Đặc trưng riêng của mỗi họ thể hiện ở những nghi lễ cúng tổ tiên, ma cửa, ma mụ... Người cùng họ dù không biết nhau, dù cách xa bao đời, qua cách trao đổi các đặc trưng trên có thể nhận ra họ của mình. Phong tục cấm ngặt người cùng họ không được lấy nhau.

Trong hôn nhân, người H'mông tự do kén chọn bạn đời. Gia đình theo chế độ phụ hệ. Cô dâu qua lễ nhập môn, bước qua cửa nhà trai coi như đã thuộc vào dòng họ chồng. Vợ chồng rất gắn bó, luôn ở bên nhau khi đi chợ, đi nương, thăm hỏi. Phổ biến có tục cướp vợ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trong nhà có nhiều nơi dành cho việc thờ cúng, như nơi thờ tổ tiên, ma nhà, ma cửa, ma bếp... Những người biết làm thuốc, thầy mo còn lập bàn thờ cúng vị tổ sư nghề của mình.

Tết truyền thống của người H'mông bắt đầu từ tháng 12 âm lịch. Ngày tết dân làng thường ném còn, chơi đu, thổi khèn, ca hát... tổ chức ở bãi rộng quanh làng. Tết lớn thứ hai là mồng 5 tháng 5 âm lịch.

Nhạc cụ người H'mông có nhiều loại khèn, đàn môi. Sau một ngày lao động, thanh niên dùng khèn, đàn môi gọi bạn tình, ca ngợi vẻ đẹp cuộc sống, quê hương.

21. DÂN TỘC HOA

Dân tộc Hoa có hơn 90.000 người, còn gọi là Hán, Khách, Tàu. Nhóm địa phương có Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam, Triều Châu, Phúc Kiến, Minh Hương, Hẹ... Tiếng Hoa thuộc nhóm ngôn ngữ Hán.

Người Hoa di cư đến Việt Nam vào nhiều thời điểm khác nhau từ thế kỷ XVI (cuối đời nhà Minh, đầu nhà Thanh) cho đến nửa đầu thế kỷ XX.

Người Hoa ở vùng nông thôn chủ yếu sống bằng nghề nông, làm ruộng nước. Ở thành phố, thị trấn, thị xã, người Hoa chủ yếu sống bằng nghề buôn bán. Tiểu thủ công nghiệp rất phát triển như nghề gốm ở Móng Cái, Quảng Ninh, Bình Dương, Đồng Nai. Một bộ phận người Hoa cư trú vùng biển, sống chủ yếu bằng nghề làm muối, đánh cá.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, người Hoa luôn luôn tôn trọng chữ "tín".

Người Hoa ăn cơm là món chính. Ngoài ra họ còn có tài chế biến bánh bao, mì xào, hủ tiếu, vằn thắn... Thức uống ngoài tác dụng giải khát còn có tác dụng mát bổ, bồi dưỡng "lục phủ ngũ tạng".

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trang phục người Hoa hiện tồn tại rất ít. Phụ nữ thường mặc áo cổ viền cao, cài khuy một bên, xẻ tà cao, hoặc mặc áo "sườn xám" may dài, ôm ngang hông, xẻ tà phần dưới đùi. Màu sắc trang phục, nhất là thiếu nữ thích màu hồng hoặc màu đỏ, và màu đậm. Đàn ông mặc màu đen hoặc xanh đậm, cài khuy vải một bên, vai liền, cổ đứng, xẻ tà hoặc áo tứ thân xẻ giữa, cổ đứng vai liền, có túi. Phụ nữ thích đeo trang sức, đặc biệt vòng tay (bằng đồng, vàng, bạc, đá, ngọc). Đàn ông thích bịt răng vàng.

Người Hoa làm nghề nông thường sống thành thôn xóm. Nhà ở bố trí sát nhau theo dòng họ. Ở thành thị thường tập trung trong 1 khu phố riêng.

Nhà thường có 3 loại: nhà 3 gian 2 chái, nhà chữ môn, (門) nhà chữ khẩu (口). Nhà thường xây bằng đá, gạch mộc, hay trình đất, lợp ngói máng, hay phên nứa... Nổi bật trong nhà là bàn thờ tổ tiên, dòng họ, thờ Phật.

Quan hệ dòng họ rất được coi trọng. Mỗi dòng họ có 1 từ đường để thờ cúng. Những hoạt động kinh doanh sản xuất có hội nghề nghiệp tương ứng. Những hội này có một vị tổ, có một ngày giỗ trong năm. Người Hoa thường dựng vợ gả chồng cho con trong cùng một nhóm địa phương.

Trong một năm người Hoa có nhiều lễ tết theo âm lịch: Tết Nguyên Đán, Tết Nguyên Tiêu, Thanh Minh, Đoan Ngọ (mồng 5 tháng 5), Trung Nguyên, Trung Thu (rằm tháng 8). Tết Nguyên Đán vào những ngày cuối năm cũ chuyển sang năm mới và kéo dài đến rằm tháng Giêng (Tết Nguyên Tiêu).

Việc thờ cúng nổi bật là thờ cúng tổ tiên, gia tộc, dòng họ, thờ cúng các vị thần phù hộ (Thần Bếp, Thổ Địa, Thần Tài...), một số vị Thánh và Bồ Tát (Quan Công, Bà Thiên Hậu, Nam Hải Quan Âm...). Người Hoa xây dựng nhiều chùa miếu, thường gắn liền với hội quán, trường học.

Văn nghệ người Hoa có nhiều loại: hát múa, hài kịch, múa sư tử, múa lân. Nhạc cụ có nhiều thứ: tiêu, sáo, tỳ bà, nhị, nguyệt, chập chõa...

https://www.facebook.com/taybanganh/

22. DÂN TỘC HRÊ

Dân tộc Hrê có khoảng 113.000 người, cư trú chủ yếu ở miền Tây tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định. Họ còn có những tên gọi khác như: Chăm Rê, Chom Krẹ, Lùy. Ngôn ngữ Hrê thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme. Dân tộc Hrê là cư dân sinh tụ rất lâu đời ở vùng Trường Sơn-Tây Nguyên.

Người Hrê làm ruộng nước là chính. Một số ít sống nhờ nương rẫy, chọc lỗ tra hạt với những nông cụ đơn giản gồm rìu, dao quắm, gậy chọc lỗ, cái cào cỏ, dùng tay tuốt lúa. Làm ruộng nước thì giống như người Việt ở vùng Nam Trung Bộ. Về chăn nuôi, người Hrê nuôi trâu, lợn, gà.... Nghề thủ công chỉ có đan lát và dệt vải. Giao lưu hàng hóa chủ yếu bằng phương thức trao đổi trực tiếp.

Người Hrê ăn cơm tẻ, ngày tết có thêm cơm nếp. Họ thích uống rượu cần, hút thuốc lá. Tục ăn trầu khá phổ biến. Họ ở nhà sàn, có cửa ra vào ở mỗi đầu và một mặt bên, có 2 hàng cột tạo thành hai vì cột, trên đỉnh đốc có hình cặp sừng thú, vách nghiêng phía trên ra ngoài (trên rộng dưới hẹp). Mặt sàn thường hơi cao một ít về bên không đặt bếp, nhằm tạo thế nằm thoải mái: chân thấp hơn đầu.

Hầu hết người Hrê dùng trang phục theo kiểu người Việt. Số còn lại thì phụ nữ mặc váy, nhưng không phải loại váy xưa, tự dệt từ sợi bông với những dải hoa văn ở hai đầu ống váy và khi mặc tạo thành 2 tầng. Đàn ông đóng khố, chít khăn. Khi dự lễ hội hoặc đi xa mới mặc áo. Trang sức, vòng đeo bằng bạc, nhôm và chuỗi cườm.

Phương tiện vận chuyển chủ yếu là dùng gùi sau lưng. Người Hrê làm ruộng nước, khi gặt lúa thì gánh hoặc đội trên đầu.

Trước kia, xã hội Hrê phân hóa khá sâu sắc, chế độ tôi tớ _ đi ở vì nợ _ có phần khắc nghiệt hơn so với nhiều dân tộc thiểu số khác. Già làng có uy tín và ảnh hưởng lớn. Dưới thời phong

https://www.facebook.com/taybanganh/

kiến, toàn bộ người Hrê đều mang họ Đinh, gần đây một số lấy họ Nguyễn, Hà, Phạm...

Nam nữ sau khi kết hôn ở nhà vợ hay nhà chồng tùy theo thỏa thuận giữa hai gia đình. Phần đông dựng nhà riêng sau khi có con đầu lòng.

Trong việc cưới xin có nghi thức cô dâu chú rể kết gắn với nhau qua việc trao đổi bát rượu, miếng trầu hay quàng chung một vòng dây sợi. Vợ góa có thể lấy em chồng. Chồng có thể lấy cả em vợ. Con cô, con cậu, con dì, con già, con có chung mẹ hoặc cha không được lấy nhau.

Sản phụ sinh đẻ ngay cạnh bếp lửa trong nhà, có bà đỡ hộ sinh, dùng dao cắt rốn. Nhau được đặt vào mo cau đem bỏ trong rừng, hoặc chôn cạnh nhà.

Người chết được quàn trong quan tài độc mộc, để trong nhà từ 1 đến 3 ngày rồi đem chôn trong bãi mộ của làng. Mộ đắp thành gò dài, trên dựng nhà mồ. Tang gia "chia của" cho người chết, từ đồ ăn thức uống đến vật dụng, công cụ lao động...

Người Hrê có nhiều tục kiêng cữ và lễ nghi tôn giáo. Khi ốm đau, rủi ro, mang thai, đẻ khó, có người chết... hoặc khi làm nhà, gieo cấy, gặt hái... đều tổ chức lễ cúng bái.

Lễ đâm trâu được xem là lớn nhất, dù là lễ của làng hay của một gia đình cũng đều đông vui. Hằng năm, người Hrê ăn tết vào khoảng tháng 10 âm lịch, sau khi thu hoạch lúa. Ngày nay, nhiều làng ăn Tết Nguyên Đán.

Người Hrê có vốn văn nghệ phong phú. Nhạc cụ thường dùng là bộ xà, bộ chiêng 3 chiếc, bộ cồng 3 chiếc, trống, các loại đàn bằng tre, có vỏ bầu khô làm hộp âm, sáo nhị, đàn môi... Dân ca phổ biến là điệu Kalêu và Kachoi, truyện cổ có Hmon...

https://www.facebook.com/taybanganh/

23. DÂN TỘC KHÁNG

Dân tộc Kháng có khoảng 10.000 người, sinh sống ở Sơn La, Lai Châu. Dân tộc Kháng còn có những tên gọi khác như: Háng, Brển, Xá. Có nhiều nhóm địa phương như: Kháng Dẩng, Kháng Hoặc, Kháng Dón, Kháng Súa, Ma Háng, Bủ Háng, Ma Háng Béng, Bủ Háng Cọi... Ngôn ngữ Kháng thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme.

Nương rẫy là hình thái kinh tế chủ đạo, với phương thức phát đốt nương rẫy, chọc lỗ tra hạt. Có thể chia làm 3 nhóm:

_ Nhóm sống du canh du cư: làm rẫy.

_ Nhóm du canh bán định cư: làm rẫy là chính, kết hợp làm ruộng.

_ Nhóm định canh, định cư: làm ruộng là chính, kết hợp làm rẫy.

Chăn nuôi khá phát triển, chủ yếu là trâu, bò, gà, lợn, vịt...

Nghề phụ nổi tiếng là đan lát đồ gia dụng (ghế mây, gùi...). Người Kháng có nghề đóng thuyền độc mộc, thuyền đuôi én.

Người Kháng thích ăn xôi, các món có vị chua, cay như: cà ướp chua, dưa lá củ ráy ngứa. Có tục uống bằng mũi (tumui) là nét văn hóa độc đáo của người Kháng. Họ quen uống rượu trắng, rượu cần, hút thuốc lá, thuốc lào.

Người Kháng dùng trang phục giống người Thái. Nhà ở có hai dạng: nhà tạm và nhà kiên cố. Nhà sàn gồm 1 mái và 2 mái, không phủ nóc, không có chái, có cửa chính thông suốt từ đầu này sang đầu kia, thông với cầu thang lên xuống.

Gùi có dây đeo qua trán và thuyền đuôi én là những phương tiện vận chuyển của người Kháng.

Gia đình phụ quyền chiếm ưu thế trong bản. Bên cạnh đó cũng tồn tại tàn dư chế độ mẫu hệ: tục ở rể, vai trò của ông cậu. Trưởng họ có vai trò quan trọng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Việc hôn nhân: xưa việc lấy vợ lấy chồng của người Kháng vừa tự do vừa qua nhiều nghi thức. Sau 4, 5 năm ngủ lại nhà gái, nếu đôi trai gái ưng ý thì tiến hành ăn hỏi và rất nhiều nghi thức mà đôi trai gái và hai bên nhà trai, nhà gái phải thực hiện. Sau 3 năm ở rể, đôi vợ chồng trẻ phải làm lễ ra mắt hai họ, nhà trai mới tổ chức đón dâu.

Người Kháng có tục chia của cho người chết gồm: chăn, đệm, dao, bát đĩa, hòm đựng quần áo, ống nước, giỏ xôi... tất cả những vật dụng này được đặt phía trên đầu mộ. Phía đầu mộ chôn một chiếc cột, treo con chim bằng gỗ và một cái áo người chết thường mặc. Sau khi chôn xong về đến nhà, anh em, bà con phải đứng dưới gầm bàn để ông cậu cắt mỗi người một nhúm tóc bỏ vào bát nước lã đựng trứng hoặc cá sấy khô, rồi đem vứt ở vệ đường.

Người Kháng cúng bố mẹ cứ 3 năm 1 lần. Đây là nghi lễ vui nhất. Sau bữa cơm có múa xòe, múa lân.

Người Kháng có nhiều dân ca, tục ngữ, ca dao...

24. DÂN TỘC KHƠME

Dân tộc Khơme ở nước ta có khoảng 1 triệu người, sống tập trung ở các tỉnh Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Kiên Giang, An Giang. Họ còn có các tên khác như: Việt gốc Miên, Khơme Krôm. Trước thế kỷ XVII, người Khơme giữ vai trò chủ thể ở đồng bằng sông Cửu Long. Ngôn ngữ Khơme thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme. Họ có tiếng nói và chữ viết riêng, nhưng cùng chung một nền văn hóa, một lịch sử bảo vệ và xây dựng tổ quốc Việt Nam. Đồng bào Khơme sống xen kẽ với đồng bào Kinh, Hoa trong các phum, sóc...

Người Khơme là cư dân nông nghiệp, trồng lúa nước. Bộ nông cụ của họ khá hoàn thiện và hiệu quả, thích ứng với điều kiện sinh thái đồng bằng Nam Bộ, trong đó có cái phảng chuyên dùng ở vùng đất phèn, mặn để phát cỏ, cái cù nèo dùng vơ cỏ, cây nọc

https://www.facebook.com/taybanganh/

cấy, dấu vết của chiếc gậy chọc lỗ tra hạt xưa, tạo ra lỗ để cắm cây mạ xuống những chân ruộng nước, đất cứng và cái vòng gặt để gặt lúa.

Người Khơme còn có nghề đánh cá, dệt chiếu, đan lát, dệt vải, làm đường thốt nốt và làm đồ gốm.

Người Khơme ăn cơm tẻ và cơm nếp. Thức ăn hằng ngày có tôm, cá, ếch, nhái, rau... Họ chế biến nhiều loại mắm, nổi tiếng nhất là mắm bhóc làm bằng cá lóc, cá sọc, cá trê. Gia vị được ưa thích nhất là vị chua, cay.

Về y phục, trước đây nam nữ đều mặc xà rông bằng lụa tơ tằm tự dệt. Lớp thanh niên ngày nay mặc quần âu, áo sơ mi. Người già, người đứng tuổi mặc áo quần bà ba đen, nam giới khá giả mặc bà ba trắng, trên đầu quấn khăn rằn hoặc vắt qua vai.

Trong cưới xin, cả nam nữ đều mặc quần áo truyền thống. Chú rể mặc xà rông, áo màu đỏ, cổ đứng với hàng khuy trước ngực, bên vai trái quàng khăn dài trắng và con dao cưới. Cô dâu mặc xăm pốt (váy) màu tím hay hồng, áo dài màu đỏ, quàng khăn và đội mũ cưới truyền thống.

Người Khơme trước đây ở nhà sàn, nay sống trong nhà trệt, mái lá, vách đơn giản.

Phương tiện vận chuyển chủ yếu dùng xe bò, xe lôi bánh gỗ. Ở những vùng kênh rạch, họ dùng thuyền ba lá, ghe tam bản, thuyền "tắc rán" hoặc thuyền đuôi tôm. Đặc biệt là chiếc ghe ngo dài 30m, bằng gỗ sao, có từ 30 đến 40 tay chèo. Mũi và 2 bên thuyền có vẽ hình ó biển, voi, sư tử, sóng nước. Ghe ngo dùng trong lễ hội Chào Mặt trăng gọi là lễ Ok om bok (tháng 10 âm lịch). Ngày thường ghe ngo được bảo quản ở chùa Khơme.

Xã hội Khơme còn tồn tại nhiều tàn dư mẫu hệ. Người Khơme có nhiều họ khác nhau. Những họ do triều Nguyễn đặt là: Danh, Kiên, Kim, Sơn, Thạch; những họ tiếp thu từ người Việt và người Hoa là: Trần, Nguyễn, Dương; lại có những họ thuần Khơme như: U, Khan, Khum...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hôn nhân thường do bố mẹ xếp đặt, có sự thỏa thuận của con cái. Cưới xin trải qua ba bước: làm mối, dạm hỏi và lễ cưới. Sau đó chú rể ở nhà vợ một thời gian. Khi có con họ ra ở riêng, nhưng vẫn cư trú bên vợ.

Người Khơme có tục hỏa táng, tro người chết được để ở tháp xây cạnh chùa.

Trong năm có 2 lễ lớn: Tết Chol Chnam Thmay (vào năm mới, còn gọi là lễ chịu tuổi) tổ chức từ 1 đến 3 ngày đầu tháng Chét theo Phật lịch (khoảng tháng 4 dương lịch) và lễ Chào Mặt trăng (Ok ang bok) tổ chức vào rằm tháng 10 âm lịch, trong ngày lễ này có đua ghe ngo giữa các phum, sóc.

Người Khơme thờ Phật và tổ tiên, có các nghi lễ nông nghiệp như cúng Thần Ruộng, gọi hồn lúa, Thần Mặt Trăng...

Người Khơme có một kho tàng văn nghệ phong phú, có truyện cổ tích, thần thoại, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười, có một nền sân khấu truyền thống: Dù Kê, Dì Kê, một nền âm nhạc có nguồn gốc Ấn Độ và Đông Nam Á. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc chùa tháp được coi là di sản đặc sắc của người Khơme.

25. DÂN TỘC KHƠ MÚ

Dân tộc Khơ Mú có khoảng 56.500 người, là một trong những cư dân lâu đời nhất ở miền Tây Bắc Việt Nam: Sơn La, Lai Châu, Yên Bái. Những người Khơ Mú cư trú tại miền núi 2 tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa có nguồn gốc từ Lào sang. Người Khơ Mú còn có những tên gọi khác như: Xá Cẩu, Khạ Khẩu, Mãng Cẩu, Tày Hạng, Mứn Xen, Pu Thềnh, Tềnh. Ngôn ngữ Khơ Mú thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme.

Nguồn sống chính của người Khơ Mú là làm nương rẫy, nên được gọi "Xá ăn lửa". Ngoài hình thái du canh du cư chiếm đa số, còn có một số định cư canh tác nương rẫy theo chu kỳ khép kín. Ngoài lúa, người Khơ Mú còn trồng ngô, bầu, bí, các loại cây lấy

https://www.facebook.com/taybanganh/

củ... Công cụ sản xuất đơn giản: rìu, cuốc, dao, gậy chọc lỗ có bịt sắt nhọn... Phương thức hái lượm vẫn đóng vai trò quan trọng trong đời sống đồng bào Khơ Mú.

Nghề thủ công chủ yếu là đan lát đồ gia dụng. Một số nơi biết nghề rèn, mộc. Giao lưu hàng hóa chủ yếu theo phương thức trao đổi trực tiếp.

Người Khơ Mú chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà... phục vụ sức kéo và nhu cầu tiêu dùng, cúng lễ...

Người Khơ Mú thường ngày ăn xôi đồ hoặc ngô đồ. Thức ăn thường có vị chua, cay. Trang phục giống như người Thái, chỉ khác ở cách trang trí những hàng tiền bạc và vỏ ốc ở phía trước thân áo của người phụ nữ. Họ sống trên các nhà sàn, dùng cột không ngàm, vách phên, sàn bương. Dùng gùi có dây đeo làm phương tiện vận chuyển.

Mỗi bản của người Khơ Mú gồm nhiều gia đình thuộc các dòng họ khác nhau. Mỗi họ có trưởng họ. Dòng họ người Khơ Mú mang tên thú, chim muông, cây cỏ. Có thể chia làm ba nhóm họ: nhóm tên thú gồm hổ, chồn, cầy hương...; nhóm tên chim gồm: phượng hoàng đất, chìa vôi, bìm bịp, cuốc...; nhóm tên cây gồm: guột, rau dớn, dương xỉ, tỏi...

Hôn nhân theo nguyên tắc thuận chiều, đặc biệt trong phạm vi dòng họ. Trong gia đình còn tàn dư mẫu hệ như tục ở rể, chồng mang họ vợ. Đám cưới được tiến hành qua các bước như: dạm hỏi, ở rể, lễ cưới bên nhà vợ và lễ đón dâu. Trai gái được tự do tìm hiểu, nhưng quyền quyết định do bố mẹ, đặc biệt là ông cậu.

Đám ma người chết gồm nhiều nghi thức. Đặc biệt có bài cúng tiễn hồn người chết kéo dài hàng giờ, sau đó mới đưa đi chôn.

Người Khơ Mú tin rằng có 5 loại ma quan trọng nhất: Ma Trời, Ma Đất, Ma Thuồng luồng, Ma Tổ tiên và Ma Nhà. Các loại ma đều mang điều tốt lành cho con người, nhưng đôi khi giận dữ

https://www.facebook.com/taybanganh/

có thể mang tai họa trừng phạt con người. Do đó, người Khơ Mú hằng năm đều phải cúng Ma, đặc biệt là Ma Nhà. Bàn thờ Ma Nhà đặt trên gác bếp. Bàn thờ ông bà để ở một gian riêng kín đáo và rất kiêng kỵ với người ngoài.

Về lễ tết: ngoài Tết Nguyên Đán còn có tết Cơm mới, tổ chức sau vụ gặt vào tháng 10 âm lịch. Khi về nhà mới, chủ nhà giết lợn thết đãi bà con xóm giềng. Đây cũng là dịp dân bản trình diễn văn nghệ mang tính cộng đồng.

Người Khơ Mú có một nền văn nghệ dân gian phong phú gồm nhiều làn điệu dân ca, các điệu múa xòe, các loại sáo, các bộ gõ bằng tre nứa tự tạo, đặc biệt là kèn môi.

26. DÂN TỘC LA CHÍ

Dân tộc La Chí có khoảng 10.700 người, cư trú ở Xín Mần (Hà Giang), Mường Khương, Bắc Hà (Lào Cai). Họ còn có những tên gọi khác như: Cù Tê, Mán, Xá, Thổ Đen. Ngôn ngữ La Chí thuộc nhóm ngôn ngữ Ka Đai.

Nguồn sống chính là làm ruộng nước trên các thửa ruộng bậc thang. Người La Chí thường nuôi trâu, ngựa, dê, lợn, gà, vịt..., theo nếp cũ không nuôi bò. Nghề dệt vải, nhuộm chàm của phụ nữ La Chí có truyền thống lâu đời.

Cách nấu cơm của người La Chí khá độc đáo: cơm nấu trong chảo to, cơm sôi thì vớt ra cho vào chõ đồ như đồ xôi. Người La Chí thích để răng đen, thanh niên thích bịt răng vàng. Đàn ông mặc áo dài 5 thân, cài khuy nách phải, tóc dài quá vai, đội khăn cuốn hay khăn xếp, đeo túi vải chàm viền đỏ chung quanh. Phụ nữ mặc quần, một số ít mặc váy. Bộ y phục truyền thống là chiếc áo dài tứ thân xẻ giữa, yếm thêu, thắt lưng bằng vải. Nữ giới dùng khăn đội đầu dài 3m, màu chàm, đeo vòng tay, vòng tai. Thầy cúng khi hành lễ mặc quần áo thụng, dài quá mắt cá chân, xẻ giữa, có thắt lưng vải, đầu đội mũ vải rộng có quai.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nhà ở của mỗi gia đình là một quần thể gồm nhà sàn, nhà trệt, kho thóc. Một nhà gồm 2 phần, mái lồng vào nhau. Nhà sàn để ở, nhà trệt làm bếp.

Phụ nữ thường quen đeo địu qua trán. Địu làm bằng vải hoặc đan bằng giang. Nam giới đeo gùi qua vai.

Mỗi dòng họ có trống và chiêng riêng để dùng vào việc cúng bái. Ông trưởng họ là người biết cúng. Gia đình theo chế độ phụ hệ, con cái lấy họ cha. Trong cưới xin, nhà trai phải nộp "tiền công nuôi con gái".

Hằng năm, người La Chí có nhiều ngày lễ định kỳ tính theo âm lịch: lễ xin thóc giống cho bản, lễ mở kho thóc gọi hồn thóc giống, lễ mừng cày cấy xong, Tết tháng 7, lễ hội cơm mới, lễ đưa hồn lúa về nhà, Tết Nguyên Đán... trong đó Tết tháng 7 là lớn nhất.

Người La Chí có nhiều truyện cổ, dân ca. Nhạc cụ có trống, chiêng, đàn tính 3 dây, đàn môi. Trong các lễ hội thường tổ chức ném còn, đu quay...

27. DÂN TỘC LA HA

Dân tộc La Ha có khoảng 5.600 người, là cư dân có mặt sớm nhất ở vùng Tây Bắc nước ta. Họ sống chủ yếu ở Sơn La và Lào Cai. Người La Ha còn có những tên gọi khác như: Xà Cha, Xá Bung, Xá Khao, Xá Táu Nhạ, Xá Poọng, Xá Uống, Bư Hả, Pụa. Ngoài ra các nhóm còn có tên riêng như: La Ha Cạn (Khla Phlao), La Ha Nước (La Ha Ủng). Ngôn ngữ La Ha thuộc nhóm ngôn ngữ Ka Đai.

Ngày nay người La Ha bắt đầu biết làm ruộng nước, nhưng loại hình kinh tế chủ yếu vẫn là nương rẫy, du canh, du cư và săn bắt, hái lượm. Phương thức canh tác đơn giản: dùng gậy chọc lỗ tra hạt. Cây trồng có lúa, nếp, ngô, đậu tương, bông... Phụ nữ La Ha xưa không biết dệt, về sau học cách dệt của người Thái nên đã dệt được vải mặc. Họ có nghề đan tinh xảo.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lương thực chính là gạo nếp, khi ăn đồ thành xôi. Ngày nay chủ yếu ăn cơm tẻ. Trang phục giống như người Thái Đen. Trước kia, đàn ông búi tóc, nay chỉ còn vài cụ già và thầy cúng. Phụ nữ nhuộm răng đen. Phụ nữ chưa chồng búi tóc sau gáy, khi có chồng búi tóc trên đỉnh đầu.

Người La Ha ở nhà sàn, có hai kiểu: nhà tạm và nhà ở lâu năm. Kiểu nhà tạm để sống du canh du cư trong 1 đến 2 năm. Loại nhà này hai đầu hồi mái lượn tròn theo hình bầu dục, dài ra hai bên. Kiểu nhà ở lâu năm, hai đầu hồi mái tròn khum hình mai rùa. Trong nhà chia ra hai phần; phần tiếp khách chiếm từ 1/2 đến 2/3 diện tích. Ngăn giữa chủ và khách là một chiếc cột có buộc hũ rượu cần bên cạnh.

Phương tiện vận chuyển dùng gùi để mang, trâu kéo, ngựa thồ. Người La Ha sống theo bản. Gia đình theo chế độ phụ hệ. Không chỉ con cái theo họ cha mà cả vợ cũng theo họ chồng. Con gái không được quyền thừa kế.

Trai gái La Ha được tự do tìm hiểu, không bị bố mẹ ép duyên. Tuy nhiên, việc cưới xin phải được bố mẹ ưng thuận. Để tỏ tình, chàng trai đến nhà cô gái, dùng sáo, nhị và lời hát trước khi trò chuyện bình thường. Sau lễ dạm hỏi, nếu nhà gái không trả lại trầu cho bà mối của nhà trai đưa tới thì tổ chức xin ở rể và chàng trai phải ở rể từ 4 đến 8 năm. Hết thời hạn đó, lễ cưới mới được tiến hành, cô dâu mới được về ở nhà chồng. Vợ đổi theo họ chồng.

Người La Ha thờ cúng tổ tiên trong nhà. Hằng năm, hoặc hai đến ba năm, làm lễ cúng tổ tiên và các vị thần linh khác. Đối với người La Ha, đáng sợ nhất trong các vị thần linh là thần Dương vật (Linga) và thần Cung kiếm.

Khi chết, người La Ha đem địa táng. Thi hài được liệm bằng vải hoặc bằng chiếu nan và khiêng ra đến huyệt mới cho vào quan tài và hạ huyệt. Nếu người chết là bố, người con trai cầm dao phá nơi thờ cũ, đuổi ma bậc ông đi để thờ Ma Bố. Nếu mẹ

https://www.facebook.com/taybanganh/

mất, con trai cầm dao đập vào phên chỗ mẹ ngủ, đuổi ma bậc bà đi để thờ Ma Mẹ. Người chết được đặt nằm dọc theo cây xà ngang, nếu người chết là cha thì đặt dưới cây xà ngang thứ nhất, là mẹ thì đặt dưới xà ngang thứ hai, là con trai cả thì đặt dưới xà ngang thứ ba.

Người La Ha có hai điệu múa đặc sắc là múa Dương vật (Linga) và múa Cung kiếm.

28. DÂN TỘC LA HỦ

Dân tộc La Hủ có khoảng 6.800 người, sống chủ yếu ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Người La Hủ còn có những tên gọi khác như: Xá Lá Vàng, Cò Xung, Khù Sung, Kha Quy, Cọ Sọ, Nê Thú. Các nhóm địa phương còn có tên riêng như: La Hủ Na (đen), La Hủ Sư (vàng) và La Hủ Phụng (trắng). Ngôn ngữ La Hủ thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng-Miến.

Nguồn sống chính là làm nương rẫy, du canh với nhịp độ luân chuyển cao. Gần đây, một số người La Hủ chuyển sang làm lúa nước trên những thửa ruộng bậc thang. Người La Hủ nổi tiếng về nghề đan lát, rèn. Săn bắt và hái lượm vẫn còn đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế.

Trước đây, người La Hủ ăn ngô, cơm nếp, nay chuyển dần sang ăn cơm tẻ, thích dùng các loại thịt chín, cá, thịt thú rừng...

Người La Hủ không trồng bông dệt vải. Họ dùng lâm, thổ sản để đổi lấy vải của các dân tộc khác. Phụ nữ mặc áo dài. Mặc hai áo, áo trong dài tay, cài khuy nách phải, áo ngoài tay ngắn, cài khuy ở ngực. Hai tay và cổ có đáp hoa văn.

Xưa kia, người La Hủ làm nhà lều rải rác trên các nương rẫy. Nhà lợp lá xanh. Khi lá vàng khô lại chuyển đi nơi khác. Vì thế người La Hủ có tên là Xá Lá Vàng. Hiện nay họ ở nhà trệt, tường trát đất, vách nứa hoặc ván. Bếp, bàn thờ, giường ngủ đều ở chung một gian.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Phương tiện vận chuyển chủ yếu dùng gùi mây, có quai đeo qua trán. Trẻ em được địu khi đi xa hoặc đi làm nương.

Người La Hủ cư trú phân tán thành nhiều nhóm nhỏ, thành phần cư dân thay đổi thường xuyên do du canh. Quan hệ dòng họ lỏng lẻo, không có người đứng đầu dòng họ, không có nghi lễ cúng bái cho cả dòng họ. Chỉ có con trai được thừa kế tài sản.

Trai gái được phép tự do yêu đương nhưng việc cưới hỏi phải qua nhiều nghi lễ. Trong số lễ cưới nhà trai đưa sang nhà gái, bắt buộc phải có thịt sóc. Sau lễ cưới, cô dâu ở nhà chồng. Tuy nhiên, tục ở rể vẫn còn tồn tại, nếu chàng rể không sắm đủ đồ thách cưới, nhất là bạc trắng.

Khi sinh nở, phụ nữ được phép sinh trong buồng của mình với sự giúp đỡ của mẹ chồng, hay chị em gái. Sau 3 ngày mới làm lễ đặt tên cho con. Tên đứa bé thường đặt theo ngày sinh, vì vậy trong cộng đồng người La Hủ việc trùng tên khá phổ biến.

Khi trong gia đình có người chết, người ta bắn súng để đuổi ma và báo cho họ hàng, làng xóm biết. Quan tài độc mộc. Ngày giờ chôn được chọn cẩn thận. Thời hạn để tang là 3 năm, nhưng không có dấu hiệu đặc biệt trên trang phục hay đầu tóc.

Người La Hủ cúng tổ tiên, bố mẹ và người thân đã mất vào dịp lễ cơm mới, ngày tết 7 tháng 7, hay lúc gieo xong lúa nương. Không có tục cúng vào ngày giỗ. Tết cơm mới vào tháng 10 hay tháng 11, có tục kiêng 3 ngày không đi hái rau, lấy củi, chặt cây...

Người La Hủ thích nghe và sử dụng thành thạo các nhạc cụ khèn, sáo, trống. Họ có hàng chục điệu múa khèn, có kho tàng truyện cổ phong phú. Họ có lịch riêng, cũng chia năm thành 12 tháng, mỗi tháng ứng với một con vật.

29. DÂN TỘC LÀO

Dân tộc Lào ở nước ta có khoảng 11.600 người, có nguồn gốc từ Lào sang, sống tập trung ở huyện Điện Biên (tỉnh Điện Biên

https://www.facebook.com/taybanganh/

Phủ), Phong Thổ (Lai Châu), Sông Mã (Sơn La), Than Uyên (Lào Cai). Người Lào còn có những tên gọi khác như: Phu Thay, Phu Lào. Các nhóm địa phương có những tên gọi riêng như: Lào Bốc, Lào Cạn, Lào Nọi (Lào Nhỏ). Ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ Tày-Thái.

Người Lào làm ruộng nước với hệ thống dẫn thủy nhập điền hợp lý. Ngoài ra họ còn làm nương rẫy, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tiểu thủ công nghiệp phát triển, có nghề làm gốm bằng bàn xoay, nghề dệt thổ cẩm tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao, nghề rèn, nghề bạc khá phổ biến...

Người Lào ăn cơm nếp là chính, thích ăn cá, đặc biệt là cá ướp.

Phụ nữ Lào mặc váy thắt ngang ngực, buông ngang tầm bắp chân. Gấu váy thêu hoa hoặc dệt nhiều mô típ hoa văn đẹp rực rỡ. Áo nữ ngắn để hở ngực trên. Chiếc trâm bạc cài tóc được chạm khắc tinh tế, chiếc khăn Piêu đội đầu của phụ nữ Lào được thêu khéo léo.

Người Lào ở xen kẽ với người Thái, Lự, Khơ Mú... Họ ở nhà sàn, lòng rộng, thoáng, cột kèo được chạm khắc đẹp. Mái nhà được kéo dài tạo thành hiên để đặt khung cửi dệt vải.

Người Lào quen gùi, giỏi đi thuyền trên sông, một số nơi dùng ngựa thồ.

Mỗi bản có một người đứng đầu gọi là chẩu bản, đại diện cho quyền lợi của cộng đồng. Các dòng họ đều có những tục kiêng liên quan đến tô tem giáo.

Về hôn nhân theo nguyên tắc: con trai họ Dinh Xao lấy con gái họ Lung Ta, nhưng nghiêm cấm lấy ngược lại. Gia đình theo chế độ phụ quyền. Sau hôn nhân, cô dâu về nhà chồng ở.

Phụ nữ sinh đẻ được chăm sóc chu đáo. Trong ăn uống sản phụ thường phải kiêng khem. Trẻ sơ sinh được đặt tên sau 1 tháng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Về ma chay, chỉ thực hiện hỏa táng với người đứng đầu bản, với dân thường thì thổ táng. Người Lào không khóc trong đám tang. Họ cho rằng chết chỉ là quá trình thay đổi thế giới.

Người Lào theo Phật lịch và ăn tết vào tháng 4 âm lịch hằng năm (Bun Pi Mây). Hằng tháng vào ngày rằm và 30 có tục dâng lễ lên tháp theo nghi thức Phật giáo, lễ vật là hoa quả.

Mỗi gia đình đều có bàn thờ tổ tiên. Mỗi bản có một thầy cúng.

Người Lào có vốn văn hóa dân gian rất phong phú với nhiều huyền thoại, cổ tích, dân ca. Phụ nữ Lào không chỉ hát hay mà còn múa giỏi.

30. DÂN TỘC LÔ LÔ

Dân tộc Lô Lô có khoảng trên 3.000 người. Họ còn có những tên gọi khác như: Mùn Di, Di, Màn Di, La La, Qua La, Ô Man, Lu Lộc Màn. Các nhóm địa phương cũng có tên riêng như: Lô Lô Hoa, Lô Lô Đen. Ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng-Miến. Người Lô Lô sống chủ yếu ở các huyện Đồng Văn, Mèo Vạc (Hà Giang), Bảo Lạc (Cao Bằng), Mường Khương (Lào Cai). Tùy từng nơi, người Lô Lô sống ở một trong 3 loại nhà: nhà trệt, nhà sàn, nhà nửa trệt nửa sàn.

Người Lô Lô chủ yếu làm ruộng nước và nương, định canh với các loại cây trồng: lúa, lúa nếp, ngô. Chăn nuôi gia đình khá phát triển.

Người Lô Lô ăn bột ngô đồ chín. Dùng bát đĩa bằng gỗ. Về ăn mặc: có nhóm phụ nữ mặc áo cổ tròn, xẻ ngực, có nhóm mặc áo cổ vuông chui đầu, quần chân què, có nơi bên ngoài còn mặc váy lửng, chân quấn xà cạp. Y phục có chắp ghép những mảng vải màu, sử dụng hoa văn in sáp ong.

Đồng bào Lô Lô thường dùng gùi để vận chuyển đồ dùng, gùi đan bằng mây hoặc giang, có hai quai. Trẻ em được địu mỗi khi đi xa hoặc đi làm việc.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Lô Lô sống tập trung trong các bản khá cố định. Họ có hơn 30 dòng họ khác nhau. Mỗi dòng họ quần cư trong một bản, thờ cúng chung một ông tổ và có một bãi mộ riêng, nằm trong khu nghĩa địa chung của bản.

Người Lô Lô thích các quan hệ hôn nhân nội bộ tộc người và theo nguyên tắc ngoại hôn giữa các dòng họ. Việc cưới xin mang tính gả bán, thách cưới cao (bạc trắng, rượu, thịt...). Sau khi cưới, cô dâu về ở nhà chồng. Con trai cô có thể lấy con gái cậu, nhưng cấm ngược lại. Phụ nữ mang thai phải kiêng kỵ nhiều trong ăn uống và làm việc. Sản phụ đẻ ở nhà với sự giúp đỡ của bà mụ trong bản. Sau 12 ngày là lễ đặt tên con.

Đám tang có nhiều nghi thức độc đáo như hóa trang nhảy múa, đánh lộn... Người Lô Lô thờ cúng tổ tiên, bố mẹ và những người thân đã mất. Trên bàn thờ có bài vị hình nhân bằng gỗ, vẽ mặt bằng than đen. Họ ăn Tết Nguyên đán, có lễ ăn cơm mới, Tết Đoan Ngọ, Rằm tháng 7.

Người Lô Lô có lịch riêng truyền miệng, chia năm thành 12 tháng, mỗi tháng ứng với một con vật. Khoảng giữa thế kỷ XIV, người Lô Lô có chữ tượng hình với 140 bộ thủ, dùng phương pháp ghép bộ thủ để diễn đạt nghĩa.

Người Lô Lô là một trong số rất ít các dân tộc ở nước ta còn dùng trống đồng trong sinh hoạt. Trống đồng làm nhạc khí chỉ được dùng trong đám tang, giữ nhịp cho các điệu múa dân gian. Trống đồng không chỉ là tài sản quý mà còn là một khí cụ mang tính chất tôn giáo. Người Lô Lô tin rằng có tiếng trống đồng thì hồn người chết mới tìm được đường về nơi sinh tụ đầu tiên của tổ tiên. Ngày thường trống đồng được chôn ở nơi kín đáo, sạch sẽ.

31. DÂN TỘC LỰ

Dân tộc Lự có khoảng 4.900 người, còn có những tên gọi khác như: Phù Lừ, Nhuồn, Duồn. Họ cư trú tập trung ở hai huyện Phong Thổ và Sìn Hồ thuộc tỉnh Lai Châu. Ở Việt Nam chỉ có

https://www.facebook.com/taybanganh/

nhóm Lự Đen, khác với nhóm Lự Trắng (Lừ Khao) ở Trung Quốc. Ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ Tày-Thái.

Người Lự có mặt ở khu vực Xam Mứn (Điện Biên Phủ), ít nhất là từ trước thế kỷ XI - XII. Vào khoảng thế kỷ XVIII, do chiến tranh, người Lự phân tán đi khắp nơi, một bộ phận chạy đến sinh sống ở Phong Thổ, Sìn Hồ. Họ ở nhà sàn 4 mái, mái kéo dài che thành hiên sân để đặt khung cửi dệt.

Nguồn sống chính là làm lúa nước, có hệ thống mương phai dẫn thủy nhập điền hợp lý. Phần lớn ruộng cấy lúa nếp theo kỹ thuật cấy mạ hai lần. Ngoài ra còn làm nương rẫy theo phương thức phát, đốt, chọc lỗ tra hạt.

Nghề dệt vải khá phát triển. Dệt thổ cẩm đường nét hoa văn đẹp. Người Lự có nghề rèn gươm nổi tiếng.

Người Lự ăn xôi, nuôi trâu bò, lợn, gà... không phải để bán mà chủ yếu để giết mổ mỗi khi có lễ tết.

Phụ nữ Lự mặc áo chàm xẻ ngực, váy nữ vải chàm đen, có thêu dệt thành 2 phần trang trí, tạo cảm giác như có hai tầng ghép lại; đội khăn cuốn, nghiêng về bên trái, mặt trước để lộ những đường gấp viền thêu hoa văn bổ dọc; nhuộm răng đen, đeo vòng tay bằng bạc hay đồng.

Nam mặc quần áo vải chàm đen, áo cánh xẻ ngực, cài cúc kết dây vải, có 2 túi ở hai vạt áo và 1 túi ở ngực trái. Quần từ đầu gối xuống có thêu hoa văn; đội khăn đen gấp nếp cuốn nhiều vòng, nhuộm răng đen. Đàn ông thường đeo gươm.

Phương tiện vận chuyển dùng gùi để mang, trâu kéo, ngựa thồ.

Người Lự có hai họ quan trọng: họ Pu Da (nội) và Ta Nai (ngoại). Họ rất coi trọng quan hệ làng xóm láng giềng, tương trợ nhau trong lao động, giúp nhau khi làm nhà...

Trai gái Lự được tự do tìm hiểu rồi xin ý kiến bố mẹ để kết hôn, nhưng phải nhờ thầy bói xem tuổi. Nếu hợp tuổi mới lấy

https://www.facebook.com/taybanganh/

nhau. Chàng rể phải ở rể vài ba năm mới ra ở riêng. Con lấy theo họ cha.

Có ba bước cưới xin:

_ "Ăn giáp tối": lễ nhập phòng.

_ "Ăn mới": tổ chức ăn uống và nhà trai dâng lễ vật cho nhà gái trong đó phải có 1 thanh gươm.

_ Đón dâu.

Khi gia đình có người chết, người trong họ nội chít khăn tang trắng, mổ một con trâu đen để cúng tiễn hồn về cõi hư vô. Thi hài được quàn trong nhà 3 ngày, rồi thuê 8 người ngoài dòng họ khiêng đi chôn. Khi chôn không đắp thành mồ. Những người đưa đám, khi bước lên nhà phải tắm rửa sạch sẽ. Bà con họ nội phải kiêng 3 ngày (kể từ ngày chết) không sản xuất.

Người Lự thờ tổ tiên ở gian "hóng" trong nhà, mỗi năm một lần vào tháng Giêng lịch Lự, tương đương tháng 10 âm lịch, thắp thêm 10 ngọn nến quanh mâm cỗ. Vào tháng Giêng có lễ cúng bản, với mâm cỗ 3 yến lợn.

Người Lự có lễ mừng năm mới (Bun Pi May) vào tháng Giêng, lễ té nước (Bun Huất Nậm) vào tháng 11, tháng 12 và lễ thả ống pháo sáng (Bun Bẳng Phay) vào tháng 2, tháng 3 lịch Lự.

Người Lự hát dân ca Khắp Lử, có nhiều truyện cổ, thơ ca, tục ngữ, có các loại sáo, nhị, trống.

32. DÂN TỘC MẠ

Dân tộc Mạ có khoảng 33.000 người, sinh sống chủ yếu ở vùng Bảo Lộc, Di Linh, Đạ Tẻ (thuộc tỉnh Lâm Đồng). Mỗi xóm (bon) có từ 5 đến 10 nhà dài. Nhà làm bằng tre nứa, mái lợp lá mây. Mái cửa ra vào uốn khum thành vòm. Chung quanh nhà ở dựng nhiều kho lúa trên sàn cao.

Người Mạ có những tên gọi khác như: Châu Mạ, Chô Mạ, Chê Mạ. Các nhóm địa phương còn có tên riêng như: Mạ Ngăn, Mạ

https://www.facebook.com/taybanganh/

Xốp, Mạ Tô, Mạ Krung. Ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme.

Nương rẫy đóng vai trò chủ yếu trong đời sống của người Mạ. Rẫy người Mạ là loại rẫy đa canh, ngoài trồng lúa còn trồng các loại hoa màu: ngô, đậu, bầu bí, thuốc lá, bông vải. Phương thức canh tác vẫn là chọc lỗ tra hạt. Công cụ sản xuất đơn giản: rìu, xà gạc, dao, liềm, gậy chọc lỗ. Người Mạ nổi tiếng với nghề trồng bông dệt vải.

Người Mạ ăn cơm gạo tẻ, thích uống rượu cần, hút thuốc lá.

Phụ nữ Mạ mặc váy quần dài quá bắp chân, áo chui đầu, sát thân dài tới thắt lưng, kín tà. Nam đóng khố, áo hở tà, vạt sau dài hơn vạt trước. Mùa lạnh có khoác thêm tấm chăn chiên. Người Mạ có tục cà răng, căng tai. Phụ nữ thích đeo hạt cườm nhiều màu.

Chiếc gùi là phương tiện vận chuyển chính của người Mạ. Gùi đan có nhiều loại. Chiếc gùi dùng đi xa có trang trí hoa văn qua đường đan.

Đối với người Mạ, làng là tổ chức xã hội cao nhất, mỗi làng có một chủ làng làm nhiệm vụ cúng tế trong các dịp tế lễ mang tính cộng đồng. Gia đình theo chế độ phụ quyền.

Trong hôn nhân, nhà trai chủ động. Sau lễ cưới, nếu nhà trai nộp đủ sính lễ thì đôi vợ chồng chỉ ở lại nhà gái 8 ngày. Nếu không, chàng rể phải ở rể cho đến khi nộp đủ mới được đưa vợ về nhà mình.

Phụ nữ sinh đẻ có nhiều tục. Khi sinh con trai, nhau thai nhi đựng trong trái bầu khô chôn ngay trước nhà. Nếu là con gái, nhau thai được chôn sau nhà. Sang ngày thứ 8, người mẹ bồng con ra tắm nắng, nếu con trai phải mang xà gạt, nỏ, dao vót nan; con gái thì mang theo gùi, rìu chẻ củi, túi đựng cơm và dụng cụ dệt vải. Đứa trẻ thường được đặt tên theo ông bà đã mất.

Người chết được quàn trong quan tài độc mộc, trang trí mang dáng dấp một ngôi nhà dài, vừa thể hiện hình con trâu cách

https://www.facebook.com/taybanganh/

điệu. Người chết được chia một số tài sản như xà gạc, rìu, ché, váy áo... Những thứ ấy chôn theo xuống huyệt, hoặc bỏ chung quanh mộ. Sau lễ mai táng, tang chủ phải kiêng 7 ngày không được vào rừng hoặc lên rẫy.

Người Mạ thờ cúng nhiều thần (Yang) như Thần Nhà, Thần Lúa, Thần Núi. Họ thường giết súc vật để tế thần. Lễ hiến sinh lớn nhất là lễ đâm trâu.

Vốn văn nghệ dân gian người Mạ khá phong phú, nhiều truyền thuyết, cổ tích, truyện cổ, dân ca. Nhạc cụ truyền thống là bộ chiêng đồng 6 chiếc không núm. Khi hòa tấu có trống đánh giáo đầu, giữ nhịp và đổ hồi trước khi kết thúc. Con trai Mạ thường thổi tù và, sáo trúc.

33. DÂN TỘC MẢNG

Dân tộc Mảng có khoảng 2.600 người, sinh sống chủ yếu ở một số xã thuộc huyện Sìn Hồ, Mường Tè, Phong Thổ tỉnh Lai Châu. Người Mảng còn có những tên gọi khác như: Mảng Ư, Xá Mảng, Niểng O, Xá Bá O. Các nhóm địa phương còn có tên riêng như: Mảng Gứng, Mảng Lệ. Ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme.

Người Mảng ở nhà sàn, nguồn sống chính là nương rẫy, theo lối sống du canh, du cư. Việc chọn nương phát rẫy tiến hành sau tết. Tháng 3-4 phát nương, để khô. Tháng 5-6 đốt rẫy rồi gieo hạt. Phương thức canh tác chủ yếu là chọc lỗ tra hạt. Công cụ sản xuất hết sức thô sơ, gồm: rìu, dao, gậy chọc lỗ. Năng suất lúa bình quân rất thấp. Đời sống bấp bênh, quanh năm thiếu ăn.

Mấy năm gần đây, một số nơi đã biết làm lúa nước, cấy trên những thửa ruộng bậc thang, năng suất khá ổn định. Chăn nuôi và nghề thủ công chưa phát triển. Săn bắt và hái lượm vẫn giữ phần quan trọng trong kinh tế đời sống.

Người Mảng tuy có nuôi trâu, bò, dê, lợn, gà... nhưng chủ yếu dùng vào việc lễ, cúng. Một số nơi có nghề đan lát như gùi, cót... được các dân tộc khác ưa chuộng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lương thực chính của người Mảng là ngô có độn ít sắn hoặc ít gạo.

Y phục truyền thống của người Mảng vẫn giữ được đến nay. Nét độc đáo trong y phục phụ nữ Mảng là tấm choàng quấn quanh thân bằng vải trắng, giữa có thêu hàng chỉ đỏ. Đầu để trần, tóc buộc thành chỏm bằng dây có tua khá đẹp, chân quấn xà cạp.

Vận chuyển hàng thường dùng gùi đeo qua trán. Mỗi bản người Mảng có trưởng bản trông coi mọi việc của cộng đồng. Mỗi bản thường có một dòng họ lớn, các trưởng họ cùng với hội đồng già làng điều hành công việc tôn giáo theo tập quán. Người Mảng có 5 họ chính, mỗi họ lấy một con vật làm tổ.

Tang lễ của người Mảng khá phức tạp: từ khâm liệm cho tới chôn cất.

Người Mảng có nhiều lễ tết. Ngoài Tết Nguyên đán, họ còn ăn tết cơm mới sau vụ gặt tháng 10 âm lịch. Hằng năm dân bản còn cúng ma bản, ma nhà, lễ gieo nương, cúng hồn lúa, mẹ lúa, lễ mừng nhà mới.

Người Mảng tin rằng vũ trụ có 4 tầng: trên trời là thế giới thần linh sáng tạo, mặt đất là thế giới người và các loài ma, dưới đất là người lùn xấu xí và dưới nước là thế giới thuồng luồng. Họ tin có nhiều ma, trong đó ma nhà có vị trí đặc biệt quan trọng. Do đó, ngoài việc thờ cúng tổ tiên, họ còn phải thờ cúng để cầu yên.

Người Mảng có nhiều làn điệu dân ca, các truyện dã sử, truyện kể về lịch sử dân tộc...

34. DÂN TỘC M'NÔNG

Dân tộc M'Nông có trên 92.000 người, là những cư dân sinh tụ lâu đời ở miền Trung Tây Nguyên, chủ yếu là phía Nam Đắk Lắk, gồm các huyện Lắk, M'Đrăk, Krông Pắk, Ea Súp, Buôn

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đôn và các huyện Đắk Mil, Đắk Nông thuộc tỉnh Đắk Nông, một phần tỉnh Lâm Đồng và Bình Phước. Các nhóm địa phương gồm M'nông Gar, N'nông Nông, M'nông Chie, Mnông Kuênh, M'nông Rlâm, M'nông Preh, M'nông Prâng, M'nông Đip, M'nông Bhiết, M'nông Bu Nor, M'nông Bu Đeh.

Tùy theo từng địa bàn mà người M'nông xây cất nhà trệt hoặc nhà sàn. Nhà trệt có mái tranh gần sát đất là nhà ở của nhóm M'nông Gar, M'nông Preh, M'nông Prâng... Còn nhà sàn thường thấy chỉ cách mặt đất không quá 1 mét là nhà của nhóm M'nông Kuênh, M'nông Chil, M'nông Bhiết... Riêng nhóm M'nông Rlâm ở gần hồ Lăk xây cất nhà sàn theo kiểu người Ê Đê.

Ngôn ngữ M'nông thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme.

Nguồn sống chính của đồng bào M'nông là làm nương rẫy, trồng lúa. Phương thức chủ yếu là phát, đốt, rồi chọc lỗ tra hạt. Thu hoạch theo lối tuốt lúa bằng tay. Một số làm lúa nước bằng cách cho trâu quần ruộng cho nhão đất rồi gieo hạt, không cấy mạ. Săn bắt và hái lượm vẫn giữ vai trò quan trọng trong kinh tế đời sống.

Nghề thủ công nghiệp phổ biến là đan đồ gia dụng bằng mây, tre, lá như gùi, cót, phên... Nghề trồng bông dệt vải khá phát triển, do phụ nữ đảm nhiệm. Trong mỗi bản có một số người biết làm gốm thô, nặn bằng tay, nung lò lộ thiên. Nghề rèn khá phổ biến. Đặc biệt nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rất nổi tiếng.

Người M'nông ăn cơm gạo tẻ, nấu trong nồi đất. Xưa kia họ ăn cơm lam (nấu trong ống nứa).

Đàn ông đóng khố ở trần, phụ nữ quấn váy tấm và cũng ở trần. Mùa đông lạnh, họ khoác thêm tấm chăn. Xưa người M'nông có tục cà răng, căng tai, ngày nay chỉ còn ở những người cao tuổi.

Dù đi xa hoặc gần, người M'nông luôn đeo gùi sau lưng. Việc dùng voi vận chuyển hàng hóa là nét đặc sắc của người M'nông. Đi trên sông hồ, họ dùng thuyền độc mộc.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người M'nông cư trú theo buôn làng. Các gia đình trong buôn đều có quan hệ láng giềng, quan hệ huyết thống và quan hệ hôn nhân. Làng nhỏ có khoảng mươi nóc nhà, làng lớn có khi đến vài chục nóc. Quan hệ huyết thống xét theo họ mẹ. Chế độ mẫu hệ còn đậm nét trong mọi quan hệ xã hội.

Trong mỗi bản làng có người đứng đầu và một người phụ tá. Khi cần chiến đấu thì cử ra một người thủ lĩnh quân sự.

Trong hôn nhân, phụ nữ chủ động. Lễ cưới do hai bên cùng tổ chức. Sau khi cưới, hai vợ chồng ở bên nhà gái. Con sinh ra mang họ mẹ. Trong cưới xin có ba nghi lễ: lễ chạm ngõ, lễ ăn hỏi và lễ thành hôn.

Khi một gia đình có người chết, cả làng nghỉ việc để lo việc mai táng, ma chay. Thi hài được quàn tại nhà hai ngày. Họ không làm ma chay đối với những người chết do tai nạn (chết đuối, ngã cây, hổ vồ...) và chết do chiến tranh... Tất cả trường hợp chết này, thi hài không được đưa vào nhà, mà phải mai táng tức khắc, thầm lặng.

Lễ đâm trâu là lễ hội được coi trọng nhất, rồi đến lễ tết mừng cơm mới. Lễ khánh thành nhà mới cũng được coi trọng.

Người M'nông có một kho tàng truyện cổ phong phú, đặc biệt là sử thi, tục ngữ, ca dao, dân ca được truyền từ đời này sang đời khác. Nhạc cụ có cồng chiêng, kèn bầu, kèn sừng trâu, kèn môi, đàn độc huyền, đàn 8 dây... Vỏ bầu khô được dùng làm bộ phận khuếch đại âm thanh trong nhiều nhạc cụ tự tạo bằng tre nứa. Đàn đá của người M'nông là một nhạc cụ có từ lâu đời.

35. DÂN TỘC MƯỜNG

Dân tộc Mường có khoảng 1.140.000 người, còn có tên gọi khác là Mol (hoặc Mon, Moan, Mual). Người Mường sống tập trung thành từng làng bản ở chân núi, bên sườn đồi, nơi đất thoải vùng gần sông, suối. Họ có cùng nguồn gốc với người Việt

https://www.facebook.com/taybanganh/

cư trú lâu đời ở vùng núi Hòa Bình, Thanh Hóa, Phú Thọ. Đại bộ phận người Mường ở nhà sàn kiểu 4 mái. Phần trên sàn người ở, dưới sàn là chuồng gia súc, gia cầm. Ngôn ngữ Mường thuộc nhóm ngôn ngữ Việt-Mường.

Nguồn sống chính của người Mường là làm ruộng nước với hệ thống thủy lợi rất hiệu quả. Lúa là cây lương thực chính. Công cụ sản xuất chính là chiếc cày chìa vôi và chiếc bừa đơn. Gặt lúa bằng hái, bó thành cum (túm) gùi về nhà, phơi khô cất trên gác. Khi dùng lấy từng túm (người Mường gọi là cum) bỏ vào máng gỗ, dùng chân chà lấy hạt rồi đem giã.

Ngoài ruộng nước, người Mường còn làm nương rẫy, trồng ngô, chăn nuôi gia súc, gia cầm, săn bắt, đánh cá. Nghề thủ công như dệt vải, đan lát khá phổ biến.

Người Mường thích chế biến thức ăn theo kiểu hấp hơi (đồ), như đồ xôi, đồ cơm tẻ, đồ bột ngô... và thích uống rượu cần. Rượu cần Mường khá nổi tiếng với hương vị đậm đà, thơm ngon nhờ cách chế biến bằng loại men đặc biệt. Cả nam lẫn nữ đều thích hút thuốc lào.

Y phục nữ đa dạng. Phụ nữ Mường thường mặc yếm, áo cánh (phổ biến là màu trắng) thân ngắn, xẻ ngực, váy dài đến mắt cá chân gồm thân váy và cạp váy, cạp váy có trang trí hoa văn được dệt rất cầu kỳ. Khăn đội đầu là một mảnh vải trắng hình chữ nhật, không thêu thùa. Ngoài ra còn có vòng đeo tay, chuỗi hạt và bộ xà tích 2 hoặc 4 dây bạc có treo hộp quả đào và móng vuốt hổ, gấu bịt bạc.

Khi đi làm hoặc đi chợ, phụ nữ Mường dùng gùi đan bằng tre hoặc giang, 4 góc hẹp, thành thẳng đứng, có quai đeo qua trán hoặc qua vai. Khi đi lấy nước, thường dùng ống bương dài khoảng 1m vác trên vai từ bến nước về, dựng bên vách để dùng dần.

Trong một gia đình thường sống chung 2, 3 thế hệ. Con cái sinh ra lấy họ cha. Con trai trưởng có quyền và được tôn trọng trong gia đình, được thừa kế gia sản.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trai gái Mường tự do yêu đương, tìm hiểu. Khi thấy hợp ý nhau thì báo cho 2 bên gia đình chuẩn bị lễ cưới. Hôn nhân phải qua các bước: ướm hỏi, lễ bỏ trầu, lễ xin cưới, lễ cưới lần thứ nhất, lễ đón dâu. Trong ngày cưới, ông mối dẫn đầu đoàn nhà trai khoảng 3, 4 chục người, đủ nội, ngoại, bạn bè... mang lễ vật sang nhà gái tổ chức lễ cưới. Chú rể ăn mặc đẹp, chít khăn trắng, gùi một gùi cơm đồ chín, trên gùi để 2 con gà trống thiến luộc chín. Trong lễ đón dâu, cô dâu đội nón, mặc váy áo đẹp, ngoài mặc áo dài đen thắt 2 vạt ở phía trước. Cô dâu mang về nhà chồng thường là 2 chăn, 2 đệm, 2 gối tựa biếu bố mẹ chồng và hàng chục gối con để biếu cô dì, chú bác...

Khi vợ sắp sinh nở, người chồng chuẩn bị nhiều củi, làm một bếp riêng ở gian trong và quây phên thành một buồng kín cho vợ sinh. Người chồng đi báo tin cho bố mẹ vợ và họ hàng nội ngoại biết để đến nhà cùng nhau chờ đợi giờ sinh trẻ. Bà đỡ cắt rốn cho trẻ bằng dao nứa. Cuống rốn của các con trong gia đình được đựng chung trong 1 ống nứa. Họ tin là làm như thế, lớn lên anh em sẽ thương yêu nhau.

Trẻ sinh được 3-7 ngày, bà con họ hàng thường đến thăm tặng quà. Bà ngoại thường tặng cháu vài vuông vải tự dệt, hoặc thêm chiếc vòng bạc đeo cổ, anh em thân thích mừng gạo, tiền.

Khi trong gia đình có người chết, con trai trưởng cầm dao, nín thở chặt 3 nhát vào khung cửa sổ bàn thờ, sau đó gia đình nổi chiêng phát tang. Thi hài được liệm nhiều lớp vải, và quàn trong quan tài độc mộc. Tang lễ do thầy mo chủ trì.

Di sản văn nghệ người Mường rất phong phú, có hát xéc bùa được nhiều người ưa thích, hát thường (có nơi gọi ràng thường hoặc xướng) là loại dân ca ngợi ca lao động, bọ mẹng là hát giao duyên, ví đúm là loại dân ca phổ biến. Ngoài ra còn có hát ru, hát đồng dao. Đặc biệt là lễ ca Mường, đó là bài khấn do thầy mo đọc và hát trong đám tang. Nhạc cụ ngoài sáo, nhị, trống, kèn, còn có cồng chiêng là loại nhạc cụ đặc sắc của người Mường.

https://www.facebook.com/taybanganh/

36. DÂN TỘC NGÁI

Dân tộc Ngái có trên 4.800 người, từ nhiều nguồn gốc khác nhau, di dân đến Việt Nam thành nhiều đợt. Quá trình di dân này diễn ra suốt thời kỳ trung, cận đại. Người Ngái sống phân tán trong các tỉnh Bắc Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh. Họ ở nhà trệt, với nhiều kiểu kiến trúc và vật liệu mái khác nhau. Những người Ngái ở ven biển, hải đảo sống ngay trên thuyền.

Người Ngái còn có tên những gọi khác như: Ngái Hắc Cá, Ngái Lầu Mần, Hẹ, Sín, Đản, Lê, Xuyến. Ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ Hán.

Nguồn sống chính của người Ngái sống trong nội địa là làm lúa nước. Ngoài ra họ còn trồng hoa màu: ngô, khoai, sắn... và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Những người Ngái sống ở vùng ven biển và hải đảo (Quảng Ninh) sống bằng nghề đánh cá.

Về thủ công nghiệp, người Ngái có nghề làm mành trúc, dệt chiếu, nghề mộc, nề, rèn, làm gạch ngói, nung vôi...

Người Ngái thích ăn cháo, ưa dùng gia vị như ớt, tỏi, gừng.

Nam giới mặc quần lá tọa, áo có 2 hoặc 3 túi, phụ nữ mặc áo 5 thân dài quá mông, cài khuy nách phải, thích tết tóc cuốn quanh đầu. Áo quần nam cũng như nữ chủ yếu màu chàm, không thêu thùa.

Người Ngái sống ở miền núi quen dùng gùi đeo, gánh sọt, còn miền biển dùng thuyền làm phương tiện vận chuyển.

Gia đình theo chế độ phụ quyền. Trong các làng bản, người tộc trưởng của dòng họ lớn nhất có vai trò quan trọng trong việc giải quyết các quan hệ làng xóm. Các chi ngành trong dòng họ được phân biệt qua hệ thống tên đệm.

Trong cưới xin thường qua hai bước: lễ thành hôn và lễ nhập phòng. Tuổi kết hôn sớm, hôn nhân mang tính gả bán. Sau khi

https://www.facebook.com/taybanganh/

cưới cô dâu sống ở nhà chồng. Phụ nữ sinh đẻ thường kiêng khem trong ăn uống, trong sinh hoạt. Trẻ sơ sinh sau 2-3 ngày đã được mẹ cho ăn bột.

Người Ngái quan niệm: chết tức là linh hồn chuyển sang sống ở một thế giới khác. Vì vậy họ thường chôn theo người chết những đồ tùy táng mà khi sống người ấy vẫn dùng. Tang lễ có nhiều bước: báo tang, nhập quan, chôn cất, mở mả.

Người Ngái thờ cúng nhiều đối tượng như tổ tiên, thần, Phật, ma rừng... Nghi thức cúng khác nhau tùy đối tượng, dùng các lễ vật khác nhau.

Họ ăn Tết Nguyên đán vào đầu năm âm lịch. Ngoài ra còn có các lễ khác như: Hàn thực (mồng 3 tháng 3 âm lịch), Đoan Ngọ (mồng 5 tháng 5 âm lịch), Vu lan (15 tháng 7 âm lịch), Tết Cơm mới (mồng 10 tháng 10 âm lịch).

Người Ngái có một kho tàng văn nghệ dân gian phong phú như dân ca, múa dân tộc, văn học truyền miệng, truyện cổ tích, truyền thuyết, thành ngữ, tục ngữ...

37. DÂN TỘC NÙNG

Dân tộc Nùng có khoảng 856.000 người, phần lớn từ Quảng Tây (Trung Quốc) di cư sang Việt Nam cách nay khoảng 200 đến 300 năm. Họ sống tập trung ở các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Tuyên Quang. Đa số sống xen kẽ với người Tày, trên các nhà sàn. Một số ở nhà trệt, theo kiểu trình tường hoặc xây gạch mộc.

Người Nùng có nhiều nhóm địa phương có những tên gọi như: Nùng Giang, Nùng Xuồng, Nùng An, Nùng Inh, Nùng Lòi, Nùng Cháo, Nùng Phàn Sình, Nùng Quy Rin, Nùng Dín...

Người Nùng có nhiều kinh nghiệm làm lúa nước, nhưng do sống ở vùng núi không có điều kiện khai phá ruộng nước nên họ

https://www.facebook.com/taybanganh/

phải làm nương rẫy: trồng ngô, trồng lúa nương, khoai, sắn, bầu, bí, rau xanh.

Họ biết làm nhiều nghề thủ công như: dệt, rèn, đúc, đan lát, làm đồ gỗ, làm giấy dó, làm ngói âm dương... Nhiều nghề đến nay đã mai một như nghề dệt...

Ngoài lúa gạo, người Nùng ăn ngô là chính. Ngô được xay thành bột để nấu cháo, hoặc làm bánh đúc ngô. Nhiều người kiêng ăn thịt trâu, bò...

Y phục khá đơn giản, thường dùng vải thô tự dệt, nhuộm chàm, không thêu thùa trang trí. Nam mặc áo cổ đứng xẻ ngực có hàng cúc vải. Phụ nữ mặc áo năm thân, cài cúc nách phải, thường dài quá hông.

Phương tiện vận chuyển truyền thống là khiêng vác, gánh, mang, xách.

Trước cách mạng tháng Tám, xã hội Nùng phát triển đạt đến trình độ của người Tày. Ruộng nương trở thành tài sản tư hữu. Hình thành các giai cấp: địa chủ và nông dân.

Về hôn nhân, nam, nữ được tự do yêu đương tìm hiểu. Khi yêu nhau họ thường tặng cho nhau kỷ vật. Chàng trai tặng cô gái đòn gánh, giỏ đựng con bông, giỏ đựng con sợi. Cô gái tặng chàng trai áo và túi thêu.

Tuy nhiên, việc cưới xin hoàn toàn do bố mẹ quyết định, trên cơ sở môn đăng hộ đối và theo lá số trai gái có hợp nhau hay không. Nhà gái thách cưới bằng thịt, gạo, rượu và tiền. Cưới xin có nhiều nghi lễ, nhưng quan trọng nhất là lễ đưa dâu về nhà chồng. Sau ngày cưới, cô dâu vẫn ở nhà bố mẹ đẻ, cho tới khi sắp có con mới về nhà chồng ở hẳn.

Trong ma chay, người Nùng có nhiều nghi lễ nhằm đưa hồn người chết về bên kia thế giới.

Người Nùng có tục thờ tổ tiên, bàn thờ đặt nơi quan trọng, được trang trí đẹp, thâm nghiêm. Ngoài ra còn thờ Thổ công,

https://www.facebook.com/taybanganh/

Phật bà Quan Âm, bà mẹ, ma cửa, ma sàn, ma ngoài sàn. Họ còn tổ chức cúng bái mỗi khi bị thiên tai, dịch bệnh. Người Nùng có phong tục tổ chức lễ sinh nhật.

Lễ tết giống người Việt, ăn Tết Nguyên đán. Vốn văn nghệ rất phong phú: hát Sli là hát giao duyên của thanh niên nam nữ, dưới hình thức diễn xướng tập thể, thường đôi nam đôi nữ hát đối đáp với nhau trong những ngày hội.

38. DÂN TỘC Ơ ĐU

Dân tộc Ơ Đu là một trong những dân tộc có số dân ít nhất, chỉ có khoảng 300 người. Họ còn có tên gọi khác là Tày Hạt. Ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme. Hiện chỉ còn một vài cụ già nói được tiếng Ơ Đu, còn hầu hết người Ơ Đu dùng tiếng Khơ Mú, Thái để giao tiếp.

Xưa họ sống dọc theo hai con sông Nặm Mô, Nặm Nơn. Nhưng do những biến động lịch sử, họ di dời đi nhiều nơi. Hiện người Ơ Đu ở hai bản đông nhất là Xốp Pột và Kim Hòa, thuộc xã Kim Đa, huyện Tương Dương, Nghệ An. Ngôi nhà truyền thống của người Ơ Đu trước đây khi dựng phải quay mặt vào núi. Kiểu nhà này không còn nữa. Họ thường ở nhà sàn, giống nhà sàn Thái.

Người Ơ Đu sống chủ yếu bằng nương rẫy và một phần ruộng nước. Công cụ lao động gồm rìu, dao, gậy chọc lỗ. Cây lương thực chính là lúa. Ngoài ra còn trồng sắn, bầu, bí, ngô, ý dĩ, đỗ... Vẫn tồn tại phương thức sản xuất hái lượm và săn bắt. Chăn nuôi trâu, bò, gà, dê, lợn... khá phổ biến. Trâu, bò nuôi dùng làm sức kéo; gà, lợn... dùng trong các dịp lễ tết. Nghề đan lát mây tre đồ gia dụng khá tinh xảo. Xưa kia họ còn biết dệt vải may quần áo.

Người Ơ Đu ăn xôi đồ, nay có cơm gạo tẻ. Khi mất mùa, họ vào rừng đào củ nâu hoặc sắn, ngô ăn thay cơm. Thích uống rượu, hút thuốc lào.

Những bộ trang phục cổ truyền còn rất ít. Phương tiện vận chuyển chủ yếu là gùi đeo qua trán. Do số dân không nhiều,

https://www.facebook.com/taybanganh/

sống xen kẽ với người Khơ Mú và Thái cho nên các mặt quan hệ xã hội, văn hóa của người Ơ Đu chịu ảnh hưởng nhiều của hai dân tộc này. Người Ơ Đu lấy họ theo người Thái, Lào. Quan hệ dòng họ không thật khăng khít. Trưởng họ có uy tín, được kính trọng và có vai trò lớn trong dòng họ. Gia đình theo chế độ phụ hệ. Đàn ông có quyền quyết định tất cả công việc trong gia đình. Phụ nữ không có quyền thừa kế.

Cưới xin đơn giản, lễ vật trong lễ cưới không thể thiếu thịt sóc, thịt chuột sấy và cá ướp muối. Có tục ở rể.

Phụ nữ sinh đẻ ngồi tại góc nhà dành cho phụ nữ. Nhau thai nhi bỏ vào ống tre chôn ngay dưới gầm sàn. Tuổi đứa con được tính từ ngày có tiếng sấm trong năm. Khi đứa trẻ đầy tuổi, tổ chức lễ đặt tên.

Nơi thờ ma nhà được đặt tại góc hồi của gian thứ 2. Bàn thờ đơn giản, treo cao sát mái nhà.

Người Ơ Đu ăn Tết Nguyên đán, Tết Cơm mới. Ngày hội lớn nhất là lễ đón tiếng sấm trong năm. Vào ngày đó, cư dân khắp nơi đổ về mở hội tế trời, mổ trâu, bò ăn mừng tại Xốp Pột, xã Kim Đa (huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An).

Người Ơ Đu sử dụng thành thạo các nhạc cụ của người Khơ Mú, Thái như: sáo, chiêng, trống và biết kể chuyện dã sử.

39. DÂN TỘC PÀ THẺN

Dân tộc Pà Thẻn có khoảng 5.600 người, có những tên gọi khác như: Mèo Lài, Mèo Hoa, Mèo Đỏ... Ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ H'mông-Dao.

Theo truyền thuyết, người Pà Thẻn đã từ Trung Quốc di cư sang Việt Nam cách nay khoảng 200 đến 300 năm. Hiện nay họ cư trú tại hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang. Tùy từng nơi, họ ở nhà sàn hoặc nhà trệt.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trước kia, nguồn sống chính của người Pà Thẻn là làm nương rẫy. Phương thức canh tác là phát, đốt, chọc lỗ tra hạt. Cây trồng chính là lúa, ngô và các loại rau, đậu, khoai sọ... Công cụ sản xuất có: rìu, cuốc, dao, gậy chọc lỗ. Việc săn bắt, hái lượm đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế. Họ có nghề dệt vải khá lâu đời, sản phẩm dệt được nhiều dân tộc khác ưa dùng. Chăn nuôi gia súc, gia cầm như: trâu, bò, dê, lợn, gà... Trâu bò chủ yếu phục vụ sức kéo, gia cầm dùng cho nhu cầu tiêu dùng và lễ tết.

Người Pà Thẻn ăn cơm tẻ, thích các món ăn luộc và xào. Trang phục phụ nữ Pà Thẻn gồm: áo, váy, khăn trong và khăn ngoài, màu sắc rực rỡ. Cách trang trí trên quần áo gần giống như người Dao.

Gánh là cách vận chuyển chính. Quan hệ xóm giềng đối với người Pà Thẻn hết sức quan trọng. Thôn xóm thuận hòa. Trong một bản có nhiều dòng họ, thường có một dòng họ lớn. Mỗi họ có nhiều chi gắn với truyền thuyết riêng.

Về hôn nhân, người cùng họ cấm không được lấy nhau. Việc ngoại tình bị xã hội lên án. Hôn nhân trải qua nhiều bước, có tục ở rể tạm thời (tối đa 12 năm) và ở rể hẳn, nghĩa sang ở rể hẳn bên nhà vợ, con mang họ mẹ.

Khi có người chết, người nhà bắn 3 phát súng báo hiệu, sau đó tiến hành khâm liệm. Lễ vật dùng cho đám ma do con gái có chồng mang phúng. Mỗi người phúng một con lợn khoảng 25kg, nhà nghèo 7 con gà trống. Quan tài độc mộc. Trong quan tài có đổ gạo rang, phủ giấy bản rồi mới đóng chốt hạ huyệt.

Người Pà Thẻn thờ cúng tổ tiên, bàn thờ làm bằng tấm gỗ hình chữ U lộn ngược. Mặt bàn để một bát hương và một bát nước lã. Họ có lễ cúng trước khi tra hạt, lễ cúng cơm mới, lễ cầu mưa mỗi khi hạn hán.

Người Pà Thẻn ăn Tết Nguyên đán. Đời sống văn nghệ phong phú như: ca hát, thổi sáo, các trò chơi dân gian.

https://www.facebook.com/taybanganh/

40. DÂN TỘC PHÙ LÁ

Dân tộc Phù Lá có khoảng 9.000 người, còn có những tên gọi khác như: Lao Va Xơ, Bồ Khô Pạ, Xá Phó, Cần Thìn. Các nhóm địa phương có Phù Lá Lão, Phù Lá Đen, Phù Lá Hán, Bồ Khô Pạ. Ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng-Miến.

Nhóm Phù Lá Lão và Bồ Khô Pạ là dân cư có mặt sớm nhất ở Tây Bắc Việt Nam, còn các nhóm khác đến muộn hơn, cách nay khoảng 300 năm. Nhóm Phù Lá Hán cho tới những năm 40 của thế kỷ XX, vẫn còn đến tiếp. Họ sống tập trung ở các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu. Làng xóm của người Phù Lá ở cách xa nương rẫy. Tùy từng nơi mà người Phù Lá ở nhà sàn hay nhà trệt.

Nguồn sống chính của người Phù Lá là làm nương rẫy và làm ruộng bậc thang. Họ có nghề đan rất khéo, với nhiều hoa văn, màu sắc, như các đồ dùng đựng quần áo, thức ăn... Người Phù Lá thường dùng nỏ và tên tẩm thuốc độc để săn bắn và có nghề trồng bông dệt vải.

Người Phù Lá ăn cơm tẻ, ăn ngày nào giã gạo ngày ấy. Cơm nếp dùng vào những dịp lễ tết.

Phụ nữ các nhóm khác nhau dùng y phục khác nhau. Nhóm Phù Lá Lão và Bồ Khô Pạ mặc váy, áo ngắn, cổ vuông chui đầu có thêu và trang trí hạt cườm ở phần ngực, thắt lưng đính vỏ ốc núi. Các nhóm khác mặc quần, áo dài xẻ ngực, hay áo ngắn xẻ nách. Áo nam rất độc đáo, sau lưng đính nhiều hạt cườm.

Nhóm Phù Lá Lão và Bồ Khô Pạ đeo gùi qua trán, còn nhóm Phù Lá Hán và Phù Lá Đen mang gùi sau lưng, và dùng ngựa thồ làm phương tiện vận chuyển.

Trong các bản người Phù Lá, mối quan hệ hàng xóm láng giềng rất khăng khít. Trong những ngày mùa, các gia đình trong bản thường đổi công cho nhau, ăn chung với gia chủ vào buổi tối.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Khi một gia đình nào đó có công việc trọng đại như cưới xin, ma chay... đều được hàng xóm giúp đỡ.

Trong bản có nhiều dòng họ khác nhau. Mỗi họ chia thành nhiều chi. Họ của người Phù Lá có âm Hán, Hán-Việt, Việt, Thái, ngoài ra còn có những người mang họ bằng tiếng Phù Lá.

Về hôn nhân, trai gái được tự do tìm hiểu. Buổi tối các chàng trai thường tới nhà bạn gái chơi và các cô gái cũng đến nhà bạn trai chơi. Họ ngủ lại ở nhà khách, nơi dành cho những người chưa vợ, chưa chồng. Nếu họ yêu nhau, người con trai được vào ngủ chung với người yêu của mình. Sau vài đêm đi lại với nhau, nếu hai bên thật sự ưng ý, người con trai về ngủ ở nhà mình và đêm đêm người yêu tới ngủ chung. Sau đó làm lễ dạm hỏi, hỏi và cưới. Trong đám cưới có hát đối để được vào nhà đón và đưa cô dâu về nhà trai. Có tục co kéo cô dâu giữa nhà trai và nhà gái, tục vẩy nước bẩn và bôi nhọ nồi lên mặt các thành viên nhà trai trước khi ra về. Sau lễ cưới 12 ngày có tục lại mặt.

Sản phụ có tục đẻ ngồi, không được ngủ trên giường mà ngủ trên đệm rơm. Nhau thai nhi được chôn dưới gầm giường. Khi sinh con, người nhà úp nón lên cột trước cửa làm dấu hiệu kiêng người lạ vào nhà. Sau khi sinh 12 ngày tiến hành lễ đặt tên cho trẻ.

Khi có người chết, thi hài được đặt giữa nhà, đầu quay vào bàn thờ. Nước rửa mặt cho người chết không được đổ mà để cho bốc hơi đi hết. Khi cúng cơm có bát cơm cắm đôi đũa, con gà (thui hoặc nướng, không cắt tiết, không rửa). Trong những ngày có tang cha hoặc mẹ, con cái trải đệm rơm ngủ hai bên quan tài. Quan tài độc mộc, không nắp, đậy bằng dát vầu hoặc bằng ván. Lễ viếng có kèn. Khiêng quan tài ra đến nơi chôn mới đào huyệt.

Người Phù Lá thờ tổ tiên. Lễ cơm mới cúng nơi bàn thờ tổ tiên. Lễ cúng bản thường vào tháng 2 âm lịch.

Người Phù Lá ăn Tết Nguyên đán và các tết mồng 5 tháng 5, rằm tháng 7.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vốn văn nghệ người Phù Lá rất phong phú, có nhiều chuyện cổ tích. Trai gái thích hát giao duyên, hát đối đáp và biết múa xòe. Nhạc cụ có kèn, trống.

41. DÂN TỘC PU PÉO

Dân tộc Pu Péo có khoảng 700 người, họ còn có những tên gọi khác như: Kebeo, La Quả, Penti, Lô Lô. Ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ Ka Đai, nhưng họ cũng thông thạo tiếng Quan Hỏa và tiếng H'mông.

Người Pu Péo đã sống lâu đời ở miền cực Bắc Việt Nam dọc biên giới Việt Trung, chủ yếu tập trung ở các huyện Đồng Văn, Mèo Vạc và Yên Minh thuộc tỉnh Hà Giang. Xưa người Pu Péo ở nhà sàn, ngày nay phần lớn ở nhà trệt, trình tường, lợp ngói âm dương hoặc lợp tranh.

Người Pu Péo chuyên trồng ngô đậu trên nương rẫy với kỹ thuật cao như cày nương, dùng phân bón, trồng cây xen canh gối vụ. Một số ít làm lúa nước trên các thửa ruộng bậc thang. Họ sử dụng trâu bò làm sức kéo khá thành thạo. Họ có nghề làm ngói máng (ngói âm dương) và làm mộc khá tinh xảo.

Lương thực chính của người Pu Péo là ngô. Món ăn chính là bột ngô đồ.

Phụ nữ Pu Péo mặc váy rất đặc sắc, có đáp vải màu rất tinh tế, hài hòa. Áo mặc hai lớp, áo ngoài xẻ ngực không cài khuy, chung quanh gấu và hò áo được trang trí bằng cách đáp những miếng vải khác màu xếp thành hình tam giác, hình vuông, hình quả trám. Ống tay áo viền những khoanh vải khác màu, áo ngắn mặc trong chỉ cài khuy, nách phải cũng được trang trí bằng vải màu. Tóc phụ nữ quấn trước trán, gài bằng chiếc lược gỗ, phủ khăn vuông.

Phương tiện vận chuyển chủ yếu dùng gùi.

Người Pu Péo có hai dòng họ tồn tại song song. Một loại dòng họ gọi tên bằng chữ Hán, đọc theo cách phiên âm địa phương

https://www.facebook.com/taybanganh/

như các họ Củng, Tráng, Phù... được dùng chính thức trên giấy tờ. Một loại họ khác cổ hơn, thể hiện mối quan hệ máu mủ giữa các thành viên của dòng họ.

Việc cưới xin trải qua nhiều bước. Hôm đón dâu, phù dâu phải cõng cô dâu ra khỏi cổng nhà gái để theo đoàn về nhà chồng. Trong bữa cơm cúng tổ tiên, thức ăn để trên nong, cả nhà cùng dâu rể ăn bốc. Lễ lại mặt làm nhiều lần, sau ngày cưới 3, 7, 13 và 30 ngày.

Điều đặc biệt là khi con trai họ này lấy con gái họ kia, thì con trai họ kia mãi mãi không được lấy con gái họ này. Con cái theo họ cha.

Sản phụ được đẻ ngay trong buồng của mình. Nhau thai nhi được chôn dưới gầm giường. Con trai được đặt tên sau 5 ngày, con gái sau 3 ngày. Trong thời gian chưa đặt tên cho con, người cha kiêng đi ra ngoài, nếu ra khỏi nhà phải đội nón. Tên đặt lần đầu chỉ dùng cho đến năm 13 tuổi, sau đó đặt tên chữ cho trẻ.

Khi cha hoặc mẹ chết, hũ thờ trên bàn phải đặt nghiêng để báo cho tổ tiên biết, và chậm nhất 13 ngày phải làm lễ dựng lại hũ thờ này. Trong những ngày thi hài còn quàn tại nhà, cơm nước không được nấu ở bếp chính mà kê đá làm bếp ở gian giữa nhà.

Vài năm sau, tổ chức lễ chay để cúng đưa hồn người chết về quê cũ.

Người Pu Péo thờ tổ tiên 3 đời. Trên bàn thờ đặt những hũ sành nhỏ, mỗi hũ tượng trưng cho một đối tượng thờ. Thường có 3 hũ cho 3 đời kế tiếp nhau.

Người Pu Péo ăn Tết Nguyên đán. Đêm 30 Tết cúng tổ tiên bằng bánh chưng. Sáng mồng một Tết, nam nữ đi gánh nước vàng, nước bạc để lấy lộc. Trong 3 ngày Tết, sau bữa ăn không được rửa bát, mỗi lần ăn chỉ dùng giấy lau sạch.

Người Pu Péo có nhiều bài hát trong đám cưới.

https://www.facebook.com/taybanganh/

42. DÂN TỘC RA GLAI

Dân tộc Ra Glai hiện có khoảng 97.000 người. Họ còn có những tên gọi khác như Rai, Ra Glây. Ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ Malayô-Polinêxia (Nam Đảo). Nhưng ngày nay tiếng Việt (tiếng phổ thông) giữ vai trò quan trọng trong giao tiếp của người Ra Glai với các dân tộc khác.

Người Ra Glai sinh sống lâu đời ở vùng cực Nam Trung Bộ, tại vùng núi và thung lũng có độ cao khoảng 500 đến 1000m so với mặt nước biển, tập trung chủ yếu ở các huyện Ninh Sơn (Ninh Thuận), Bắc Bình (Bình Thuận), và một số ít ở các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Lâm Đồng. Trước đây người Ra Glai ở nhà sàn, nay phần lớn ở nhà trệt. Nhà ở có dạng hình vuông, chỉ rộng 12-14m2. Mái lợp bằng tranh hoặc lá mây, vách phên đan hay trát đất.

Nguồn sống chính là đốt nương làm rẫy. Trên rẫy trồng lúa, bắp, đậu, bầu, bí và cây ăn trái. Rẫy phát bằng chà gạc, dao, rựa, rìu. Dùng gậy chọc lỗ tra hạt. Làm cỏ bằng cào nhỏ, thu hoạch lúa tuốt bằng tay. Nghề phụ có rèn, đan lát. Nghề dệt tuy có nhưng không phổ biến. Chăn nuôi gia cầm, gia súc, phổ biến là trâu, lợn, gà, vịt... Hiện một số nơi đã biết làm lúa nước.

Gạo là lương thực chính. Uống nước lã đựng trong trái bầu khô. Thích uống rượu cần, hút thuốc lá.

Hiện khó tìm thấy y phục truyền thống của Ra Glai. Ngày nay, nam mặc quần âu, áo sơ mi, phụ nữ mặc váy hoặc quần và áo bà ba. Xưa kia đàn ông đóng khố đơn giản, ở trần. Phụ nữ mặc áo dài, phía trên có ghép những ô vuông màu đỏ, trắng xen kẽ nhau.

Phương tiện vận chuyển chủ yếu dùng gùi. Gùi của người Ra Glai đan đơn giản, không trang trí hoa văn. Gùi có nhiều kích cỡ khác nhau phù hợp với từng lứa tuổi.

Mỗi làng có nhiều dòng họ sinh sống. Trong trường hợp cần thiết có "hội đồng già làng" hình thành trên sự thừa nhận của

https://www.facebook.com/taybanganh/

mọi thành viên trong làng. Gia đình người Ra Glai theo chế độ mẫu hệ.

Về hôn nhân, tình yêu trai gái được mọi người tôn trọng, việc cưới xin phải qua nhiều bước, nhiều nghi thức phức tạp. Lễ cưới được tổ chức cả hai bên gia đình: nhà gái trước, nhà trai sau. Trong lễ cưới quan trọng nhất là nghi thức trải chiếu cho cô dâu, chú rể. Cô dâu, chú rể ngồi trên chiếu này để hai ông cậu của hai bên cùng trình với tổ tiên, thần linh về việc cưới xin. Và trên chiếu này họ ăn chung bữa cơm đầu tiên trước sự chứng kiến của hai họ.

Phụ nữ khi thai nghén phải ăn uống kiêng khem, tránh làm việc nặng, kiêng nói tên một số loài thú. Khi sắp sinh, được chồng dựng cho một căn nhà nhỏ ở bìa rừng. Họ đẻ ngồi và tự mình giải quyết mọi công việc khi sinh. Khi sinh xong, họ bế con về nhà.

Về ma chay, người chết được liệm bằng vải hoặc quần áo cũ rồi đặt vào quan tài bằng thân gỗ khoét rỗng, hay quấn bằng vỏ cây. Người chết được chôn ở rẫy, đầu hướng về phía Tây. Khi đủ điều kiện kinh tế, người ta làm lễ bỏ mả, dựng nhà mồ.

Hằng năm, người Ra Glai có nhiều nghi lễ cúng bái với việc hiến tế để mong thần linh phù hộ. Theo chu kỳ sản xuất, người Ra Glai thường tiến hành các nghi lễ khi chọn rẫy, phát, đốt, gieo trỉa và thu hoạch lúa. Nhưng nghi lễ lớn nhất trong năm thường tập trung vào tháng 1-2 dương lịch, khi đã thu hoạch rẫy, bao gồm cả lễ mừng thu hoạch, cưới xin và lễ bỏ mả.

Vốn văn nghệ của người Ra Glai khá phong phú, gồm truyện cổ tích, thần thoại và các làn điệu dân ca, ca dao, tục ngữ. Nhạc cụ có bộ chiêng đồng 12 chiếc, nhưng có thể sử dụng 4, 6, 7 hoặc 9 chiếc. Khèn bầu, kèn môi, đàn ống tre khá phổ biến. Xưa kia, người Ra Glai còn có những bộ đàn đá quí.

https://www.facebook.com/taybanganh/

43. DÂN TỘC RƠ NĂM

Dân tộc Rơ Năm có khoảng 350 người. Ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme. Theo các già làng, người Rơ Năm là cư dân sinh sống ở vùng rừng núi Tây Nguyên từ lâu. Đầu thế kỷ XX, dân số tộc người này còn khá đông. Họ sống chung với người Gia Rai trong 12 làng. Hiện chỉ còn ở làng Le, xã Mo Rai, huyện Sa Thầy, Kon Tum. Họ ở trên những nhà sàn dài, cất kế tiếp, chung quanh ngôi nhà chung. Cửa chính giữa của mọi ngôi nhà đều quay về phía nhà rông. Khoảng cách giữa nhà rông và nhà ở của gia đình là sân chơi. Quanh làng có hàng rào bảo vệ. Mỗi nóc nhà thường có nhiều bếp. Mỗi cặp vợ chồng ở trong một căn buồng có vách ngăn với một bếp riêng, gian chính giữa nhà là nơi tiếp khách.

Người Rơ Năm sống dựa vào nương rẫy, trồng lúa nếp là chính, thêm một ít lúa tẻ, ngô và sắn. Họ sử dụng dao phát, rìu để đốn cây, dọn thành rẫy và dùng gậy chọc lỗ tra hạt. Săn bắt, hái lượm vẫn còn giữ vai trò kinh tế quan trọng.

Nghề phụ chủ yếu là trồng bông dệt vải. Vải dệt ra tự cung cấp cho nhu cầu may mặc của gia đình, ngoài ra còn dùng để trao đổi hàng hóa như dầu thắp, muối ăn và các công cụ lao động bằng sắt.

Người Rơ Năm có tập quán ăn bốc, thích ăn cơm nếp nấu trong ống tre (như cơm lam), thích uống rượu cần.

Đàn ông Rơ Năm đóng khố, phía trước thả tới đầu gối, phía sau buông đến ống chân. Phụ nữ quấn váy và ở trần, một số mặc áo cộc tay. Váy và khố màu trắng, vải mộc. Phụ nữ thích đeo hoa tai làm bằng ngà voi. Nam nữ thanh niên có tục cắt 4 hoặc 6 răng cửa hàm trên khi bước vào tuổi trưởng thành.

Gùi là phương tiện vận chuyển chính của người Rơ Năm. Gùi đan hoa văn bằng nan nhuộm đen.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đứng đầu làng là một già làng, do dân tín nhiệm bầu. Họ không chỉ quan hệ với nhau trong khuôn khổ làng mà còn quan hệ với làng khác, dân tộc khác qua việc trao đổi hàng hóa và hôn nhân.

Việc cưới xin của người Rơ Năm phải qua 2 bước: ăn hỏi và cưới. Lễ cưới tổ chức đơn giản, chỉ là một bữa ăn chung của dân làng để chứng kiến và chúc mừng bữa ăn đầu tiên của cô dâu chú rể. Sau ngày cưới, đôi vợ chồng ở nhà vợ 4 - 5 năm rồi về ở bên nhà chồng, hoặc cư trú luân phiên cả hai bên.

Trước đây phụ nữ Rơ Năm sinh đẻ trong ngôi nhà nhỏ do chồng làm ở ngoài rừng. Đứa trẻ ra đời được cắt rốn bằng một thanh nứa. Khi sinh nở, phụ nữ phải kiêng một số thức ăn. Ngày ở cữ, người lạ không được vào nhà. Nếu ai vi phạm bị giữ lại trong nhà cho hết thời gian kiêng cữ và đứa trẻ được mang tên người khách lạ.

Khi có người chết, người Rơ Năm dùng trống báo tang. Thi hài được đặt phía trước nhà, đầu hướng vào trong, mặt nhìn nghiêng. Việc chôn cất được tiến hành trong một hai hôm sau. Trong ngày lễ bỏ mả, có hai người đeo mặt nạ đánh trống nhảy múa. Mặt nạ nam có hai sừng trên đầu, mặt nạ nữ có hai chiếc răng nanh. Kết thúc lễ bỏ mả, hai chiếc mặt nạ được treo trên nhà mồ.

Người Rơ Năm thờ cúng Thần Lúa. Cúng Thần Lúa vào ngày bắt đầu trỉa hạt, khi lúa trổ đòng đòng, trước ngày tuốt lúa...

Lễ tết lớn nhất của đồng bào Rơ Năm được tổ chức sau ngày thu hoạch mùa rẫy.

Người Rơ Năm có những làn điệu dân ca trữ tình, những bài hát giao duyên của nam nữ thanh niên, những câu chuyện kể của các già làng. Nhạc cụ gồm: chiêng, trống, các loại đàn, sáo làm bằng tre nứa.

https://www.facebook.com/taybanganh/

44. DÂN TỘC SÁN CHAY

Dân tộc Sán Chay hiện còn khoảng 147.000 người. Họ còn có những tên gọi khác như: Hờn Ban, Chùng, Trại. Nhóm địa phương có các tên: Sán Chỉ, Cao Lan. Tiếng nói nhóm Cao Lan thuộc nhóm ngôn ngữ Tày-Thái, còn tiếng Sán Chỉ thuộc nhóm ngôn ngữ Hán.

Người Sán Chay từ Trung Quốc sang Việt Nam cách nay hơn 400 năm, cư trú ở vùng núi Việt Bắc, tập trung chủ yếu ở Tuyên Quang, Bắc Kạn, Thái Nguyên. Họ sống trên những nhà sàn.

Người Sán Chay là cư dân nông nghiệp, làm lúa nước khá thành thạo, nhưng nương rẫy giữ vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế và phương thức canh tác vẫn dùng gậy chọc lỗ tra hạt.

Người Sán Chay ngày hai bữa ăn cơm tẻ là chính. Thích uống rượu, nhất là dịp lễ tết. Đàn ông hút thuốc lào, phụ nữ ăn trầu.

Phụ nữ Sán Chay mặc váy chàm, áo dài có trang trí hoa văn ở hò áo và lưng áo. Thường ngày dùng một thắt lưng chàm, nhưng vào những ngày lễ hội họ dùng 2, 3 chiếc thắt lưng lụa với nhiều màu khác nhau.

Phương tiện vận chuyển là túi lưới đeo sau lưng.

Trong bản người Sán Chay có nhiều dòng họ, trong đó có những dòng họ lớn, đông người như các họ Hoàng, Trần, La, Ninh...

Trong cưới xin có khá nhiều nghi thức như trước khi đón dâu, lễ vật và trang phục của những người đi đón được tập trung lại ở giữa nhà để quan lang làm phép. Khi đoàn người bắt đầu đi, quan lang đứng dưới mái tranh, giương ô lên cho mọi người đi qua. Trên đường về nhà chồng, cô dâu phải đi chân đất. Sau khi cưới, cô dâu vẫn ở nhà bố mẹ đẻ cho tới lúc sắp sinh nở mới về ở hẳn nhà chồng. Ông mối được cô dâu chú rể kính trọng như cha đẻ. Khi ông mối mất, cô dâu chú rể phải để tang.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đám ma do thầy tào chủ trì gồm nhiều nghi lễ, theo phong tục Đạo giáo và Phật giáo. Đặc biệt, ngôi nhà mồ được làm công phu, đẹp.

Trong nhà người Sán Chay có nhiều bàn thờ: thờ tổ tiên, thờ Trời Đất, Thổ Công, Bà Mụ, Thần Nông, Thần Chăn Nuôi. Đặc biệt thờ Ngọc Hoàng, Phật Nam Hóa và Táo Quân,

Người Sán Chay có vốn văn nghệ phong phú: chuyện cổ tích, thơ, dân ca, phổ biến là sinh ca, là lối hát giao duyên nam nữ. Có 2 loại: một loại hát ở bản về ban đêm và một loại hát trên đường đi chợ. Ngoài ra còn có hát ru, ca đám cưới...

45. DÂN TỘC SÁN DÌU

Dân tộc Sán Dìu hiện có khoảng 126.000 người. Họ còn có những tên gọi khác như: Sán Déo Nhín, Toại, Trai Đất, Mán Quần Cộc, Mán Váy Xẻ. Tiếng nói thuộc thổ ngữ Hán Quảng Đông. Người Sán Dìu di cư đến Việt Nam cách nay khoảng 300 năm, sống tập trung ở vùng trung du Bắc Bộ, từ tả ngạn sông Hồng đổ về phía Đông, thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Tuyên Quang...

Người Sán Dìu tuy có làm ruộng nước nhưng không nhiều, chủ yếu làm lúa nương và trồng ngô, sắn, khoai, rau, bầu, bí...

Từ lâu người Sán Dìu đã biết dùng phân bón ruộng. Công cụ sản xuất: dao, cuốc, rìu, đặc biệt lưỡi cày khá bền vì có thêm lưỡi phụ, thích hợp cho việc cày ở những vùng đất cứng, đồi núi nhiều sỏi đá.

Người Sán Dìu ăn cơm tẻ là chính, có độn thêm khoai, sắn, ngô.

Phụ nữ Sán Dìu mặc áo dài (đơn hoặc kép). Nếu áo kép thì áo trong bao giờ cũng màu trắng, áo ngoài màu chàm và dài hơn áo trong một chút; yếm màu đỏ, thắt lưng trắng, hồng hoặc xanh lơ. Váy hai mảnh rời cùng chung một cạp, màu chàm, dài quá đầu

https://www.facebook.com/taybanganh/

gối, chân quấn xà cạp, chít khăn đen. Đồ trang sức gồm vòng cổ, vòng tay, hoa tai và dây xà tích bằng bạc.

Y phục đàn ông giống như người Kinh, búi tóc, quấn khăn hoặc đội khăn xếp, áo dài thâm, quần trắng.

Phương tiện vận chuyển, ngoài việc dùng vai gánh còn dùng xe quệt do trâu kéo.

Mỗi làng có một người đứng đầu do dân bầu ra để trông coi việc chung.

Nam nữ được tự do tìm hiểu, yêu đương, nhưng việc kết hôn phải do quyết định của bố mẹ. Đám cưới có nhiều lễ nghi, quan trọng nhất là lễ khai hoa tửu, diễn ra tại nhà gái trước hôm cô dâu về nhà chồng. Người ta lấy một bình rượu và 1 chiếc đĩa, trên đĩa lót hai miếng giấy cắt hình hoa: miếng màu trắng để dưới, màu đỏ để trên, rồi đặt lên trên đó hai quả trứng luộc có xâu chỉ đỏ và buộc ở mỗi bên quả trứng một đồng xu. Sau khi cúng, bóc lấy lòng đỏ hòa với rượu để mọi người tham dự cùng uống mừng hạnh phúc cô dâu chú rể.

Vợ chồng lấy nhau lâu không có con, sau khi ăn Tết Đông Chí xong, vợ về nhà bố mẹ đẻ ở. Người chồng cho ông mối đến dạm hỏi, sau đó tổ chức cưới lại như lần đầu.

Việc ma chay cũng khá phức tạp. Khi hạ huyệt, con cái người chết phải từ phía chân quan tài bò một vòng quanh miệng huyệt. Con trai bò từ trái sang phải, con gái bò từ phải sang trái, vừa bò vừa xô đất lấp huyệt. Lúc đứng dậy, mỗi người vốc một nắm đất và chạy thật nhanh về nhà bỏ vào chuồng trâu, chuồng lợn... với ý nghĩa cho gia súc sinh sôi, nảy nở. Tiếp đó chạy vào nhà và ngồi vào thúng thóc, ai dính nhiều thóc là gặp nhiều may mắn. Cuối cùng mỗi người tự xé một miếng thịt gà luộc để ăn, ai đến trước được ăn mào gà, tiếp theo là đầu, cổ, cánh... Nhà mồ lợp mái bằng lá rừng. Người Sán Dìu có tục cải táng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Sán Dìu thờ tổ tiên, Pháp sư và Táo quân. Vì vậy, trên bàn thờ thường có ba bát hương. Những người mới chết chưa kịp làm ma cũng được đặt bát hương lên bàn thờ nhưng để thấp hơn. Có miếu thờ thổ thần, đình thờ thành hoàng.

Người Sán Dìu có những ngày lễ tết như các dân tộc khác trong vùng. Riêng Tết Đông Chí của họ còn mang ý nghĩa cầu mong con đàn, cháu đống.

Người Sán Dìu thích hát giao duyên giữa thanh niên nam nữ vào ban đêm. Truyện kể chủ yếu là truyện thơ, các điệu múa thường xuất hiện trong đám ma. Nhạc cụ có tù và, sáo, kèn, trống, thanh la, não bạt, dùng vào các nghi lễ tôn giáo.

46. DÂN TỘC SI LA

Dân tộc Si La hiện còn khoảng 840 người. Họ còn có những tên gọi khác như: Cù Dề Sừ, Kha Pẻ. Tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng-Miến. Dân tộc Si La có nguồn gốc từ Lào di cư sang Việt Nam, sống tập trung trong ba bản: Seo Hay, Si Thâu Chải và Nậm Xin thuộc huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Họ ở nhà trệt gồm hai gian và hai chái nhỏ, có hiên và một cửa ra vào. Bàn thờ đặt ở góc trái trong cùng, trên đặt một chén rượu nhỏ và một quả bầu khô. Bếp chính ở giữa nhà với ba ông đầu rau bằng đá. Đối với người Si La, ba ông đầu rau rất quan trọng, vì họ tin rằng đó là nơi mà tổ tiên thường ở trông coi bếp lửa.

Ngày nay, đồng bào Si La đã biết làm lúa nước, trồng ngô trên nương rẫy. Tuy vậy, kinh tế săn bắt và hái lượm vẫn còn đóng vai trò quan trọng trong đời sống.

Phụ nữ Si La mặc váy hở bụng, áo cài khuy nách phải, nổi bật là vạt ngực gắn đầy những đồng xu bạc, xu nhôm. Cổ và tay áo được trang trí bằng cách gắn lên những đường vải màu khác nhau. Váy màu đen chàm, khi mặc giắt ra phía sau. Tùy theo lứa tuổi mà khăn đội đầu có khác nhau. Có tục nhuộm răng, nam nhuộm đỏ, nữ nhuộm đen.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Si La ăn cơm nếp và cơm tẻ. Khi vận chuyển đồ đạc dùng gùi mang, họ còn biết dùng thuyền, mảng để đi lại trên sông.

Tính cộng đồng làng bản rất cao. Họ thường giúp nhau trong việc làm nhà mới, ma chay...

Quan hệ dòng họ khá chặt chẽ. Người Si La có nhiều họ khác nhau nhưng họ Hù, họ Pờ nhiều hơn cả. Đứng đầu dòng họ là người cao tuổi nhất, không phân biệt dòng trưởng hay dòng thứ.

Về hôn nhân, trai gái yêu nhau được quan hệ tự do, người con trai được ngủ qua đêm tại nhà người yêu của mình. Có tục cưới hai lần, lần đầu đón cô dâu về nhà chồng, lần thứ hai sau đó một năm, nhà trai trao tiền cưới cho nhà gái.

Phụ nữ sinh con ở trong nhà, đẻ ngồi. Nhau được đựng trong ống nứa, phủ một lớp tro bếp lên trên, dựng ở góc bếp cho tới ngày đặt tên con. Họ thường mời bà già trong bản tới đặt tên để mong con sống lâu. Sau khi đặt tên, bà già này lấy lá chuối bịt ống đựng nhau, nếu là con trai buộc 9 nuộc lạt, con gái 7 nuộc, rồi đem chôn. Sau khi đặt tên 3 ngày tiến hành cúng hồn cho trẻ.

Người chết được quàn trong một khúc cây gỗ bổ đôi, khoét rỗng. Sau khi chôn, gia đình tang chủ dội nước tắt bếp. Mang hết than củi cũ ra ngoài nhà rồi mới đốt bếp tiếp. Mộ những người cùng họ thường ở gần nhau.

Con cái thờ bố mẹ đã mất. Mỗi bàn thờ phải có chén thờ lấy từ chén cúng cơm bố mẹ trong ngày làm ma. Nhà có bao nhiêu con trai thì có bấy nhiêu chén và tất cả để lên bàn thờ. Thờ tổ tiên từ đời ông trở lên, do trưởng họ đảm nhận. Hằng năm vào Tết Năm mới và Tết Cơm mới có lễ cúng tổ tiên. Tết Năm mới vào đầu tháng 12 âm lịch, Tết Cơm mới sau vụ thu hoạch.

Người Si La có hát giao duyên nam nữ và hát sử ca.

https://www.facebook.com/taybanganh/

47. DÂN TỘC TÀY

Dân tộc Tày có dân số đứng hàng thứ hai, sau dân tộc Việt, khoảng 1,5 triệu người. Người Tày có các nhóm địa phương như: Thổ, Ngạn, Phén, Thu Lao và Pa Dí. Tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Tày-Thái.

Người Tày đến cư trú ở Việt Nam từ rất sớm, có thể từ khoảng nửa cuối thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên. Họ sống tập trung ở vùng thung lũng các tỉnh Đông Bắc, từ Quảng Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái. Người Tày sống thành từng bản rất đông đúc, có tới hàng trăm nóc nhà. Nhà ở là nhà sàn, có bộ vì kèo từ 4, 5, 6 hoặc 7 hàng cột. Nhà có 2 hoặc 4 mái, lợp ngói, lợp tranh hoặc lá cọ. Chung quanh nhà thưng ván gỗ hoặc liếp nứa.

Đồng bào Tày có truyền thống làm lúa nước từ lâu đời, thâm canh, có hệ thống thủy lợi tưới tiêu hợp lý, đặc biệt biết làm cọn (xe nước) để lấy nước tưới ruộng và sử dụng phân bón lúa. Họ có tập quán đập lúa ngoài đồng trong những máng gỗ, rồi dùng dậu (sọt nhỏ có quai) gánh thóc về nhà. Ngoài ra, người Tày còn trồng lúa nương, hoa màu và cây ăn quả. Chăn nuôi rất phát triển, với nhiều loại gia súc, gia cầm, nhưng phương thức nuôi thả đến nay vẫn còn phổ biến.

Người Tày có nhiều nghề thủ công, đặc biệt nghề dệt thổ cẩm với những hoa văn đẹp và độc đáo.

Trước đây đồng bào Tày thường ăn xôi đồ. Trong ngày lễ tết người Tày làm nhiều loại bánh trái như: bánh chưng, bánh giầy, bánh gai, bánh giò, bánh rán, bánh trôi, bánh khảo... Đặc biệt có loại bánh bột hấp nhân bằng trứng kiến và cốm làm bằng thóc nếp non hơ lửa hoặc rang rồi đem giã.

Phụ nữ mặc váy hoặc quần, có áo cánh ngắn bên trong và áo dài bên ngoài bằng vải bông tự dệt, màu chàm, không thêu thùa.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nhóm Ngạn mặc áo dài ngắn hơn một chút, nhóm Phén mặc áo màu nâu, nhóm Thu Lao búi tóc quấn khăn thành hình chóp nhọn trên đỉnh đầu, nhóm Pa Dí đội mũ hình mái nhà.

Phương tiện vận chuyển đồ đạc thường là cho vào dậu để gánh, hoặc cho vào túi vải để mang trên vai.

Nam nữ được tự do yêu đương tìm hiểu, nhưng việc kết hôn do bố mẹ quyết định và có tục tin vào lá số của hai bên. Trước khi đi đến hôn nhân, nhà trai xin lá số của cô gái về để so với lá số của chàng trai xem có hợp nhau không. Sau khi cưới, cô dâu vẫn ở nhà bố mẹ đẻ cho đến khi sắp sinh nở mới về ở hẳn nhà chồng.

Trong thời gian người vợ có thai, cả hai vợ chồng đều phải kiêng cữ nhiều thứ. Sau khi trẻ sinh được 3 ngày phải cúng tẩy vía và lập bàn thờ bà mụ.

Khi có người chết, đám ma được tổ chức linh đình với nhiều nghi lễ. Sau khi chôn 3 năm làm lễ mãn tang, đưa hồn người chết lên bàn thờ tổ tiên.

Người Tày thờ cúng tổ tiên, thờ Thổ Công, Vua Bếp, Bà Mụ. Khi làm nhà mới phải chọn đất, xem hướng, chọn tuổi, chọn ngày giờ tốt.

Đồng bào Tày có nhiều ngày lễ tết: Tết Nguyên đán, Rằm tháng 7, Tết gọi hồn trâu bò (tổ chức vào mồng 6 tháng 6 âm lịch) và Tết Cơm mới, tổ chức trước khi thu hoạch.

Người Tày có nhiều làn điệu dân ca như Lượn, Phong Slư, Phuối Pác, Phuối rọi... Hát Lượn có nhiều loại: Lượn Cọi, Lượn Then... là lối hát giao duyên. Nhạc cụ có đàn tính.

48. DÂN TỘC TÀ ÔI

Dân tộc Tà Ôi có khoảng 35.000 người, còn có những tên gọi khác như: Pa Cô, Ta Ôi, Ba Hi, Pa Hi. Tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Tà Ôi thuộc lớp cư dân sinh sống lâu đời ở vùng rừng núi Trường Sơn từ phía Tây Quảng Trị đến phía Tây Thừa Thiên Huế. Họ ở thành từng làng, trên các nhà sàn dài. Trước đây có những nhà dài trên trăm mét, gồm nhiều đôi vợ chồng, con cái (gọi là các "bếp"). Giữa các bếp trong làng thường có quan hệ thân thuộc. Mái nhà uốn tròn ở hai đầu hồi, trên đỉnh dốc có Khau Cút nhô lên. Trong mỗi "bếp" (gia đình riêng) đều có buồng sinh hoạt riêng.

Đồng bào Tà Ôi trước đây làm nương rẫy là chính, phương thức canh tác là dùng gậy chọc lỗ tra hạt. Ngày nay, họ đã quen làm ruộng nước. Tuy vậy, việc săn bắt, hái lượm đến nay vẫn còn đóng vai trò quan trọng trong kinh tế đời sống.

Một số nơi có nghề dệt thổ cẩm, được các dân tộc láng giềng ưa chuộng. Đồ đan mây tre chủ yếu để tự cung tự cấp.

Lương thực chủ yếu là gạo tẻ, ngoài ra họ còn ăn ngô, khoai, sắn, củ mài... vào những lúc giáp hạt.

Về y phục, nữ mặc váy ống loại ngắn và áo, hoặc váy dài che ngực trở xuống, nam đóng khố, mặc áo, thường hay ở trần. Trang sức phụ nữ là vòng tay, vòng chân, vòng cổ, khuyên tai bằng đồng, bạc, hay hạt cườm... Có tục cà răng và xăm trên da.

Phương tiện vận chuyển chính là gùi đeo trên lưng.

Người Tà Ôi sống theo tập tục cổ truyền, kính trọng người già, tin theo già làng. Mỗi làng gồm nhiều người của nhiều dòng họ khác nhau, mỗi dòng họ có người đứng đầu, có tục kiêng cữ riêng và tên gọi riêng.

Trai gái lớn lên sau khi đã cắt cụt 6 chiếc răng cửa hàm trên thì được tìm hiểu nhau, lấy vợ, lấy chồng. Hôn nhân do nhà trai chủ động. Nhà gái cho con đi lấy chồng được nhận của cưới gồm cồng, chiêng, ché, nồi đồng, trâu, lợn... Ngày đám cưới, cô dâu và chú rể phải làm lễ "đạp bếp" tại nhà bố mẹ cô gái để đánh dấu từ đây cô thực sự là người nhà chồng. Người Tà Ôi cho phép con trai cô lấy con gái cậu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Phụ nữ trong thời kỳ mang thai phải kiêng khem nhiều.

Người chết được quàn trong quan tài độc mộc, có tục chia của cho người chết. Vài năm sau khi chôn, tang gia tổ chức lễ cải táng, đưa vào chôn trong bãi mộ chung của làng, cạnh những người thân quá cố.

Mỗi dòng họ có một bàn thờ ở nhà trưởng họ. Mọi gia đình trong họ có thể tới đó làm lễ cúng khi bị ốm đau, gặp rủi ro, hoạn nạn... Nhiều làng còn thờ vật thiêng như hòn đá, cái vòng đồng, chiếc ché...

Lễ tết có nhiều lễ cúng liên quan đến sức khỏe, tài sản, dịch bệnh, làm rẫy... Lễ lớn có đâm trâu tế thần và trở thành ngày hội của làng.

Đồng bào Tà Ôi có vốn văn nghệ phong phú như tục ngữ, ca dao, câu đố, truyện cổ, dân ca... Nhạc cụ gồm nhiều loại: cồng, chiêng, tù và sừng trâu, khèn 14 ống nứa, sáo 6 lỗ, nhị vừa kéo vừa điều khiển âm thanh bằng miệng, đàn Ta Lư...

49. DÂN TỘC THÁI

Dân tộc Thái hiện có khoảng 1.330.000 người, đứng hàng thứ ba về dân số trong các dân tộc ở nước ta (sau người Việt và người Tày). Họ còn có những tên gọi khác như: Tay Thanh, Man Thanh, Tay Mười, Tay Mường, Hàng Tổng, Tay Dọ, Thổ. Có hai nhóm địa phương: Ngành Đen (Tay Dăm) và Ngành Trắng (Tay Đón). Tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Tày-Thái.

Người Thái có cội nguồn ở vùng lục địa Đông Nam Á, đã có mặt ở Việt Nam từ xa xưa, sống tập trung ở các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Hòa Bình, Nghệ An. Họ ở nhà sàn, có nhiều dáng vẻ khác nhau: loại nhà mái tròn khum hình mai rùa, hai đầu mái hồi có Khau cút; loại nhà 4 mái, mái bằng sàn hình chữ nhật gần vuông, hiên có lan can; loại nhà sàn dài, cao, mỗi gian hồi làm tiền sảnh; loại nhà mái thấp, hẹp lòng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đồng bào Thái đã quen làm lúa nước từ lâu với hệ thống thủy lợi rất hiệu quả. Trước đây cấy một vụ lúa nếp, nay chuyển thành 2 vụ lúa tẻ. Ngoài ra, họ còn làm nương trồng lúa, ngô, hoa màu, cây thực phẩm, đặc biệt trồng bông lấy sợi dệt vải.

Gạo tẻ là lương thực chính của người Thái, gạo nếp dùng đồ xôi là món ăn truyền thống. Họ thích uống rượu cần, hút thuốc lào.

Y phục phụ nữ khá đẹp mắt: áo cánh ngắn đủ màu sắc, đính hàng khuy bạc hình bướm, nhện, ve sầu... chạy trên đường nẹp xẻ ngực, bó sát thân, với chiếc váy vải thâm hình ống, thắt eo bằng dải lụa màu xanh lá cây, đeo dây xà tích bạc bên hông. Phụ nữ Thái Đen đội khăn piêu nổi tiếng với các hình hoa văn thêu nhiều màu sắc rực rỡ.

Nam giới mặc quần cắt theo kiểu chân què có cạp để thắt lưng, áo cánh xẻ ngực, có túi hai bên gấu vạt. Áo Thái Trắng có thêu một túi ngực trái, cài khuyết bằng dây vải. Quần áo phổ biến là màu đen.

Người Thái vận chuyển đồ đạc chủ yếu là gánh, biết dùng ngựa cưỡi, thồ. Người Thái ở dọc sông Đà đi lại bằng thuyền.

Người Thái có nhiều họ, mỗi họ thường có những quy định kiêng kỵ khác nhau, như họ Lò không ăn thịt chim táng cò, họ Quảng kiêng con hổ.

Đồng bào Thái thờ tổ tiên, cúng trời đất, cúng bản mường. Gắn liền với sản xuất là những nghi lễ cầu mùa. Mở đầu hằng năm bằng lễ đón tiếng sấm năm mới.

Trước kia người Thái cưới xin theo chế độ hôn nhân gả bán và ở rể, nên việc lấy vợ, lấy chồng phải theo nhiều bước:

_ Cưới lên (dong khửn): đưa rể đến ở nhà vợ (bước thử thách phẩm giá, năng lực lao động của chàng rể). Sau lễ cưới này, phụ nữ Thái Đen búi tóc ngược lên đỉnh đầu. Tục ở rể từ 8 đến 12 năm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Cưới xuống (đong long): đưa gia đình về ở hẳn với bố mẹ chồng.

Lễ tang có 2 bước:

_ Phúng viếng: tiễn đưa hồn người chết lên cõi hư vô, đưa thi hài đi chôn cất (Thái Trắng) hoặc hỏa thiêu (Thái Đen)

_ Tiếp theo đưa đồ tang lễ ra bãi tha ma và làm lễ gọi ma trở về ngụ tại gian thờ cúng tổ tiên trong nhà.

Người Thái có nhiều điệu múa xòe, các loại sáo lam và tiêu, có hát thơ, hát đối đáp giao duyên...

50. DÂN TỘC THỔ

Dân tộc Thổ hiện có hơn 68.000 người, còn có các tên gọi khác như: Mường, Con Kha, Xá Lá Vàng. Nhóm địa phương có các tên: Kẹo, Mọn, Cuối, Họ, Đan Lai, Li Hà, Tày Poọng. Tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Việt-Mường.

Do những biến cố lịch sử của những thế kỷ trước, các nhóm người Mường từ miền Tây Thanh Hóa dịch chuyển vào phía Nam, hòa nhập với người Việt ở đây, tạo thành cộng đồng chung là dân tộc Thổ. Họ sống tập trung chủ yếu các huyện miền Tây Nghệ An, trong những bản làng đông đúc. Nhà ở truyền thống là nhà sàn, chung quanh thưng liếp nứa hoặc gỗ.

Nguồn sống chính của người Thổ là làm nương rẫy, một số ít làm ruộng nước. Đặc điểm chung là trình độ canh tác khá cao, thể hiện qua kỹ thuật làm đất, thâm canh, bón phân. Lúa là cây trồng chính, ngoài ra còn có sắn, ngô, hoa màu...

Trước đây, đồng bào Thổ ăn cơm nếp là chủ yếu, nay hầu hết chuyển sang ăn cơm tẻ. Trong các ngày lễ tết, người Thổ thường làm các loại bánh chưng, bánh giầy, bánh gai...

Y phục đàn ông Thổ giống như người Việt, quần trắng cạp vấn áo dài lương đen, đầu đội khăn nhiễu màu tím. Phụ nữ Thổ

https://www.facebook.com/taybanganh/

vùng Lâm Sa mặc váy vải màu đen có thêu hai đường chỉ màu từ cạp tới gấu váy, áo 5 thân màu nâu hoặc trắng. Vùng Quỳ Hợp mặc váy nhuộm chàm, dệt kẻ sọc ngang tạo thành vòng tròn quanh thân, áo cánh trắng cổ viền, đội khăn vuông trắng.

Phương tiện vận chuyển là gánh bằng sọt, hoặc dùng xe do trâu, bò kéo.

Đứng đầu mỗi làng có một ông trùm làng, hằng năm được dân bầu, có nhiệm vụ đôn đốc công việc chung trong làng. Tuy sống xen kẽ với các dân tộc khác, nhưng hôn nhân giữa người Thổ với các các dân tộc khác hầu như không có.

Hôn lễ của người Thổ trải qua nhiều bước. Thông thường, khi cưới nhà trai phải nộp lễ một con trâu, 100 đồng bạc trắng, 30 vuông vải, 6 thúng xôi, một con lợn. Khi bắt đầu yêu nhau, người Thổ có tục ngủ mái. Từ những đêm ngủ mái, các đôi nam nữ tìm hiểu nhau trước khi dẫn đến cưới xin.

Trẻ sơ sinh được 3 ngày phải cúng bà mụ để đặt tên cho trẻ và người mẹ phải kiêng cữ một tháng. Trong tháng đó, người lạ không được vào nhà.

Ma chay tổ chức linh đình, khá tốn kém. Trước đây mỗi đám ma có nhà giết tới 12 con trâu. Người chết được quàn trong nhà hàng tuần. Quan tài độc mộc. Sau khi chôn cất, gia chủ phải cúng vào những dịp 30 ngày, 50 ngày và 100 ngày.

Người Thổ thờ rất nhiều thần, ma, đặc biệt các vị thần đánh giặc và khai khẩn đất đai. Trong gia đình, ngoài cúng tổ tiên, còn làm lễ cúng bà mụ mỗi khi trẻ đau ốm, hoặc cúng vía cho người lớn.

Vốn văn nghệ của người Thổ khá phong phú, gồm các bài đồng dao, ca dao, tục ngữ...

https://www.facebook.com/taybanganh/

51. DÂN TỘC XINH MUN

Dân tộc Xinh Mun có gần 18.000 người, còn có những tên gọi khác như: Puộc, Xá, Pnạ. Các nhóm địa phương có: Xinh Mun Dạ, Xinh Mun Nghẹt. Tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme. Người Xinh Mun sinh sống lâu đời ở vùng núi Tây Bắc Việt Nam, tập trung chủ yếu ở Sơn La, Lai Châu. Họ ở nhà sàn có mái vòm hình mai rùa.

Nguồn sống chính của đồng bào Xinh Mun là làm nương rẫy, một số ít làm ruộng nước. Họ thường ăn cơm nếp, cơm tẻ, có tập quán ăn trầu, nhuộm răng đen.

Y phục người Xinh Mun giống như người Thái. Người Xinh Mun có nhiều họ, nhưng nhiều nhất là họ Vị và họ Lò. Gia đình theo chế độ phụ quyền. Trong một nhà sống chung tứ đại đồng đường.

Về hôn nhân, có tục ở rể. Trước đây con trai phải ở rể từ 8 đến 12 năm, hoặc suốt đời nếu nhà vợ không có con trai. Trong lễ cưới, nếu chú rể phải đi ở rể thì cô dâu và chú rể phải đổi tên mới. Tên chung này do bố mẹ vợ và ông cậu đặt cho. Cô dâu phải búi tóc ngược lên đầu, dấu hiệu là gái đã có chồng. Ngay hôm cưới ở rể, đôi vợ chồng được về bên nhà chồng 2 hoặc 3 ngày rồi mới sang nhà gái ở hẳn cho đến hết thời hạn ở rể. Lễ cưới đưa dâu sau khi hết thời hạn ở rể. Lễ lại mặt tổ chức sau đó vài ngày hay một năm.

Người Xinh Mun có tập quán cả bản cùng tập trung giúp nhau dựng nhà, nên ngôi nhà chỉ làm trong vài ngày là xong. Họ thường làm nhà sau vụ gặt và chọn đất dựng nhà bằng cách bói xem đất có hợp với các thành viên trong gia đình không. Trong tháng, các ngày 2, 6, 8, 9 gọi là ngày nước, thích hợp với việc làm nhà. Kiêng các ngày hỏa: 1, 7. Ông cậu là người dựng cột chính, trên treo nhiều vật, tượng trưng cho sự phồn thực. Ông cậu cũng là người nhóm ngọn lửa đầu tiên trên bếp cơm của nhà mới.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Khi có người chết, tang gia bắn súng báo hiệu. Cùng lúc đó, người con trai ném ông đầu rau vào nơi thờ cúng tổ tiên, bày tỏ sự giận dữ. Quàn người chết bằng cách bó cót. Chọn đất đào huyệt, bằng cách ném quả trứng trên khu đất định sẵn, trứng vỡ ở đâu, huyệt đặt ở đó. Nhà mồ được xây cẩn thận, có đủ các thứ cần thiết cho người chết.

Đồng bào Xinh Mun thờ cúng tổ tiên hai đời: bố mẹ và ông bà. Cúng lễ vào dịp cơm mới, đám cưới, nhà mới. Việc thờ cúng có nơi chỉ dành cho người anh cả. Bố mẹ vợ được thờ riêng ở một lán nhỏ bên cạnh nhà.

Người Xinh Mun thích hát và múa vào dịp lễ tết ngay trên nhà sàn. Trai gái hát đối đáp tự nhiên.

52. DÂN TỘC XƠ ĐĂNG

Dân tộc Xơ Đăng hiện có gần 127.000 người, có những tên gọi khác như: Xê Đăng, Kmrăng, Con Lan, Brila. Các nhóm địa phương còn có những tên riêng như: Xơ Teng, Tơ Đrá, Mnâm, Ca Dong, Ha Lăng, Tà Trĩ, Châu. Tiếng Xơ Đăng thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme.

Người Xơ Đăng đã sinh sống lâu đời ở vùng Bắc Tây Nguyên, tập trung chủ yếu ở Kon Tum và miền Tây Quảng Nam, Quảng Ngãi. Họ sống trên những nhà sàn dài, thường là cả đại gia đình. Nhà trong làng được bố trí theo tập quán từng vùng. Có nơi nhà ở quây quanh ngôi nhà rông ở giữa; có nơi dựng theo triền núi, không có nhà rông.

Một số gia đình có nguồn sống chính là làm lúa nước, như nhóm Mnâm, nhưng phương thức canh tác còn theo lối sơ khai như làm đất bằng cách lùa đàn trâu xuống giẫm ruộng, dùng lưỡi cuốc bằng gỗ (nay đã thay bằng sắt)... Số còn lại sống chủ yếu nhờ nương rẫy, dùng gậy chọc lỗ tra hạt, thu hoạch dùng tay tuốt lúa. Ngoài ra họ còn trồng ngô, kê, sắn, bầu, bí, thuốc lá,

https://www.facebook.com/taybanganh/

chuối, mía... Người Xơ Đăng có tập quán ăn trầu, nam nữ đều hút thuốc lá.

Người Xơ Đăng chăn nuôi chủ yếu trâu, dê, lợn, gà... Phương thức săn bắt và hái lượm vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh tế.

Nghề dệt vải thủ công có ở nhiều vùng. Nghề rèn phát triển ở nhóm Tơ Đrá. Đan lát khá tinh xảo.

Đồng bào Xơ Đăng hằng ngày ăn cơm tẻ, thích uống rượu cần. Nam đóng khố, ở trần; nữ mặc váy, áo. Trời lạnh quàng thêm tấm vải ở ngoài. Xưa kia, người Xơ Đăng dùng vỏ cây che thân.

Phương tiện vận chuyển thường là dùng gùi mang sau lưng. Gùi có nhiều loại: đan thưa, đan dày, có nắp, không nắp, có hoa văn...

Đứng đầu làng là một "già làng". Làng là sở hữu chung, trên đó mỗi người có quyền sở hữu ruộng vườn, nương rẫy.

Giữa các vùng khác nhau, hôn nhân cũng khác nhau. Điểm giống nhau là sau khi cưới, vợ chồng cùng cư trú luân phiên mỗi bên một số năm. Thường chỉ khi bố mẹ một bên qua đời mới ở cố định. Trong lễ cưới có tục cô dâu chú rể đưa đùi gà cho nhau ăn, đưa rượu cho nhau uống, cùng ăn một nắm cơm...

Khi có người chết, cả làng đến chia buồn với tang chủ và giúp việc đám ma. Những người chết bình thường (không do tai nạn, chiến tranh...) được chôn trong bãi mộ chung của làng. Lễ tục cụ thể giữa các nhóm người Xơ Đăng cũng không giống nhau.

Người Xơ Đăng tin vào các vị thần linh như: Thần Sấm sét, Thần Mặt trời, Thần Núi, Thần Lúa, Thần Nước... Trong đời sống canh tác rẫy có nhiều lễ nghi cúng bái nhằm cầu mùa, cầu an, tránh thất bát.

Lễ tết quan trọng nhất là lễ cúng Thần Nước vào dịp sửa máng nước hằng năm. Ngoài ra còn có lễ cúng vào những dịp

https://www.facebook.com/taybanganh/

đầu năm, mở đầu vụ trỉa lúa, khi lúa đến kỳ con gái, khi thu hoạch, lễ cúng khi ốm đau, dựng nhà rông...

Người Xơ Đăng có nhiều loại nhạc cụ: đàn, nhị, sáo dọc, khoong bút, trống, chiêng, cồng, tù và, ống gõ, dàn ống nứa hoạt động nhờ sức nước. Họ có nhiều điệu hát: hát đối đáp của trai gái, hát ru. Có nhiều điệu múa dành riêng cho nam, nữ khác nhau, cũng có điệu múa chung cho cả nam nữ.

53. DÂN TỘC XTIÊNG

Dân tộc Xtiêng hiện có hơn 67.000 người, còn có tên gọi khác là Xa Điêng. Các nhóm địa phương có tên gọi riêng như: Bù Lơ, Bù Đek, Bù Biêk. Tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme.

Người Xtiêng sinh sống lâu đời ở vùng Nam Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, tập trung chủ yếu tại các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh, Đồng Nai. Người vùng cao ở nhà trệt, mái trùm xuống gần mặt đất, có nơi uốn tròn ở hai đầu hồi, cửa mở ở hai đầu hồi và một mặt bên. Người vùng thấp ở nhà sàn khang trang, vách dựng nghiêng phía trên ra ngoài (trên rộng dưới hẹp).

Các nhóm người Xtiêng có cách sinh sống khác nhau. Nhóm Bù Lơ ở vùng cao, vùng sâu, hoàn toàn sống nhờ nương rẫy. Nhóm Bù Đek ở vùng thấp làm lúa nước như người Việt. Phương thức canh tác lúa rẫy là chọc lỗ tra hạt. Công cụ làm rẫy chủ yếu là rìu, dao, xà gạc, gậy chọc lỗ. Thu hoạch lúa tuốt bằng tay. Đối với nhóm người này kinh tế săn bắt hái lượm là chủ yếu.

Người Xtiêng chăn nuôi chủ yếu là trâu, bò, lợn, gà... có một số hộ nuôi voi. Nghề thủ công có dệt vải, đan lát.

Lương thực chính là gạo tẻ, ăn ngày 2 bữa, thích uống rượu cần, hút thuốc lá bằng tẩu. Đàn ông đóng khố, ở trần; phụ nữ ở trần hoặc mặc áo, quấn váy, thích đeo nhiều đồ trang sức, các loại vòng bằng kim loại, chuỗi cườm, hoa tai lớn làm bằng ngà voi.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Phương tiện vận chuyển thông dụng nhất là dùng gùi mang.

Mỗi cặp vợ chồng là một "bếp". Nhiều "bếp" hợp thành một nhà. Xưa kia, mỗi làng có vài ba nhà. Nay do tách hộ, số nhà trong làng tăng lên. Mỗi người không chỉ thuộc về một "bếp", một nhà, một làng mà còn là thành viên của một dòng họ nhất định. Trong mỗi làng đều có một "già làng" và các vị bô lão có uy tín khác cùng giữ vai trò quan trọng trong công việc của làng.

Về cưới xin, nếu nhà trai có đủ của cải sính lễ, cô dâu về nhà chồng ngay sau lễ cưới. Nhưng phần đông ở rể do chưa đủ đồ dẫn cưới theo yêu cầu của nhà gái (như ché, chiêng, cồng, trâu...). Tập tục hôn nhân giữa các nhóm cũng khác nhau. Nhóm Bù Đek cho phép con trai cô lấy con gái cậu và con trai cậu lấy con gái cô, còn nhóm Bù Lơ chỉ cho phép con trai cô được lấy con gái cậu với điều kiện cậu là anh của cô.

Xưa kia, khi sinh nở phụ nữ tự xoay xở ở ngoài rừng một mình.

Người chết quàn trong quan tài độc mộc. Nếu chết bình thường (không do tai nạn, chiến tranh...) được chôn trong bãi mộ chung của làng. Khi quàn trong quan tài có bỏ một ít gạo, thuốc lá... Các dụng cụ như ché, nồi, chia cho người chết được đặt quanh mộ. Khi trong làng có người chết, cả làng không được gõ cồng chiêng, không vui nhộn trong khoảng 10 ngày.

Người Xtiêng thờ Thần Sấm sét, Thần Mặt trời, Thần Núi, Thần Lúa... Họ có nhiều lễ tết. Trong đó lễ hội đâm trâu là lớn nhất, thường được tổ chức mừng được mùa lớn, mừng chiến thắng kẻ thù, mừng làm ăn phát đạt, mừng con cái lớn khôn thành đạt...

Tết của người Xtiêng gọi là "lễ cúng rơm", sau khi tuốt lúa rẫy xong, trước khi đốt rẫy vụ sau, nhằm tạ ơn Thần Lúa.

Người Xtiêng có nhiều nhạc cụ: nhạc cụ quan trọng nhất là cồng và chiêng. Chiêng của nhóm Bù Lơ gồm 6 chiếc. Nhóm Bù Đek chủ yếu dùng cồng, mỗi bộ 5 chiếc, ngoài ra họ còn có khèn, trống, tù và... Kho tàng truyện cổ khá phong phú.

https://www.facebook.com/taybanganh/

54. DÂN TỘC VIỆT

Dân tộc Việt, còn gọi là Kinh, hiện có khoảng 66.000.000 người, chiếm gần 87% dân số cả nước. Tổ tiên người Việt từ rất xa xưa đã định cư ở vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Trong suốt tiến trình lịch sử, người Việt luôn luôn là trung tâm đoàn kết các dân tộc anh em ra sức xây dựng và bảo vệ tổ quốc thân yêu.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Nguồn sống chính của người Việt là trồng lúa nước, được hình thành và phát triển từ rất sớm với hệ thống đê điều, thủy lợi là những minh chứng cho tinh thần ngoan cường trong công cuộc chế ngự thiên nhiên để tồn tại và sản xuất nông nghiệp của ông cha ta.

Người Việt có rất nhiều kinh nghiệm trong việc chăn nuôi gia súc, gia cầm. Chăn nuôi không chỉ cung cấp nguồn thực phẩm, mà còn là nguồn sức kéo, vận chuyển. Đối với nhà nông, từ bao đời nay con trâu đã là "đầu cơ nghiệp". Người Việt nổi tiếng là "có hoa tay" về các nghề thủ công, mỹ nghệ. Đối với người Việt, nghề thủ công mỹ nghệ không chỉ là nghề phụ vào những lúc nông nhàn, mà ở nhiều nơi đã trở thành những làng nghề truyền thống, như làng gốm sứ Bát Tràng (Gia Lâm, Hà Nội), làng dệt lụa Vạn Phúc (Hà Tây)... Người Việt có hàng trăm nghề thủ công mà nghề nào cũng đạt tới đỉnh cao của tài hoa, khéo léo, không chỉ nổi tiếng trong nước mà cả ở nước ngoài.

Ngày nay, bên cạnh nền công nghiệp ngày càng phát triển, các nghề thủ công chẳng những không mai một mà còn đang phục hồi phát triển với trình độ tinh xảo hơn, khéo léo hơn, với nghệ thuật cao hơn, góp phần không nhỏ trong nền kinh tế quốc dân.

https://www.facebook.com/taybanganh/

NGÔN NGỮ

Tiếng Việt thuộc nhóm ngôn ngữ Việt-Mường, đã được xác lập từ xa xưa. Mặc dù bị phong kiến phương Bắc đô hộ 1000 năm nhưng tiếng Việt không bị Hán hóa mà vẫn được bảo tồn và phát triển. Người Việt vẫn giữ được bản sắc và lối sống của mình, vẫn duy trì tiếng nói và tâm hồn Việt.

Qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, có biết bao đổi thay trong cuộc sống. Đó là đòn bẩy thúc đẩy sự phát triển của tiếng Việt. Trong khi tiếp thu những yếu tố ngôn ngữ Hán, người dân Việt vẫn rất sáng tạo, Việt hóa những từ ngữ ấy để tạo thành từ Hán-Việt, hòa nhập một cách tự nhiên với những từ thuần Việt. Hiện tượng Việt hóa sáng tạo không chỉ áp dụng đối với tiếng Hán mà ngay cả với tiếng Pháp sau này, đã tạo ra một nguồn từ vựng phong phú đầy sức sống cho kho tàng ngôn ngữ Việt Nam, đáp ứng đầy đủ nhu cầu giao tiếp và diễn đạt đa dạng trong cuộc sống hiện đại.

Ngày nay, với việc giao lưu quốc tế ngày một mở rộng và việc tiếp thu các khoa học mới, đặc biệt là tin học, vũ trụ học, với kinh nghiệm Việt hóa ngôn ngữ nước ngoài, chắc chắn tiếng Việt sẽ tiếp tục phát triển phong phú hơn nữa, có đầy đủ khả năng diễn đạt trên mọi lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, thể thao, văn hóa... một cách trong sáng và giữ được bản sắc ngôn ngữ Việt.

CHỮ VIẾT

Chữ Hán và chữ Nôm

Trong một thời gian dài dưới thời Bắc thuộc, người Việt phải sử dụng chữ Hán trong giao dịch, văn bản, giấy tờ và trong giáo dục, thi cử. Việc sử dụng chữ Hán còn kéo dài đến đầu thế kỷ XX. Tuy vậy, trong khi sử dụng chữ Hán người Việt cũng đã cố gắng xây dựng cho mình một thứ chữ viết riêng. Đó là chữ Nôm,

https://www.facebook.com/taybanganh/

hình thành dựa theo cách viết chữ Hán nhưng được biến đổi và kết hợp theo những phương pháp sáng tạo đặc thù để ghi âm tiếng Việt.

Theo các nhà nghiên cứu, chữ Nôm xuất hiện vào khoảng thế kỷ XIII. Chứng tích xác thực chữ Nôm còn để lại đến nay là chữ ghi trên tấm bia "Báo ân" (Yên Lãng, Vĩnh Phúc) có từ thời Lý (1209). Nhưng phải đến gần cuối thời Trần (cuối thế kỷ XIII), chữ Nôm mới được phổ biến rộng rãi và được dùng để sáng tác văn học. Chữ Nôm đạt đến đỉnh cao là tập Quốc Âm thi tập gồm 250 bài thơ Nôm của Nguyễn Trãi (thế kỷ XV), vị anh hùng dân tộc, nhà văn hóa thế giới.

Từ thế kỷ XVI, chữ Nôm dần dần chiếm ưu thế trên văn đàn với các thi phẩm của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Cao Bá Quát, và phát triển đến mức hoàn chỉnh với Chinh phụ ngâm của Đoàn Thị Điểm (dịch từ tác phẩm chữ Hán của Đặng Trần Côn) và Truyện Kiều bất hủ của đại thi hào Nguyễn Du (cuối thế kỷ XVIII).

Chữ Quốc ngữ

Lịch sử phát triển chữ Quốc ngữ gắn liền với việc truyền đạo Cơ đốc vào Việt Nam. Người có công lớn là giáo sĩ Alếchxăng Đrôt (Alexandre de Rhodes, 15/3/1593 _ 5/11/1660). Ông đã hoàn thành cuốn Từ điển An Nam-Bồ Đào Nha-Latinh (Việt-Bồ-la) xuất bản tại La Mã năm 1651, bằng cách dựa trên cuốn Từ điển An Nam-Bồ Đào Nha của Gaspar de Amaral và Từ điển Bồ Đào Nha-An Nam của Antonio Barbosa và thêm phần tiếng Latinh vào.

Alếchxăng Đrôt và các giáo sĩ nước ngoài đến Việt Nam để truyền đạo Cơ đốc. Để đạt được kết quả tốt, họ học tiếng Việt và dùng chữ cái Latinh để phiên âm tiếng Việt. Nhờ đó xuất hiện chữ Quốc ngữ. Trong quá trình tiếp xúc, các nhà truyền giáo phương Tây cùng với người Việt đã sửa chữa và hoàn thiện dần chữ Quốc ngữ. Từ năm 1867, chữ Quốc ngữ đã được dùng rộng

https://www.facebook.com/taybanganh/

rãi trong các trường thuộc địa. Vào những năm đầu thế kỷ XX, chữ Quốc ngữ được dùng rộng rãi trong hệ thống giáo dục.

Cho tới nay, Việt Nam là nước duy nhất ở châu Á đã Latinh hóa chữ viết của mình, tạo điều kiện nhanh chóng cho việc xóa mù chữ và phát triển văn hóa, khoa học kỹ thuật.

VĂN HỌC

Từ thuở sơ khai, văn học dân gian truyền miệng của người Việt đã rất phong phú, tạo nên một kho tàng tục ngữ, ca dao, truyện cổ tích... vô cùng quý báu, được lưu truyền từ đời này qua đời khác. Trong đó đặc sắc nhất là những truyện kể về Nòi giống Lạc Hồng, Thánh Gióng, Tấm Cám, chuyện bánh chưng bánh giầy...

Văn học dân gian của người Việt có rất nhiều thể loại: sử thi, truyền miệng, cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, truyện thơ, tục ngữ, ca dao, dân ca, câu đố, hò, vè...

Bên cạnh nền văn học dân gian truyền miệng, người Việt còn có nền văn học chữ viết, được hình thành từ giai đoạn ban đầu sử dụng toàn chữ Hán, sau kết hợp song song với chữ Nôm, và sau cùng là giai đoạn sử dụng chữ Quốc ngữ kéo dài cho đến nay. Dòng văn học này trải qua nhiều thời kỳ đều có truyền thống kế thừa và phát triển.

Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX, văn học sử dụng hai thứ chữ. Đầu tiên là chữ Hán, rồi sau đến chữ Nôm.

Trong nhiều thế kỷ, chữ Hán chiếm vị trí chủ yếu trong văn học viết (trừ vài trường hợp như triều Hồ Quý Ly, triều Tây Sơn coi trọng và khuyến khích chữ Nôm...). Tuy sử dụng chữ Hán, nhưng các tác phẩm văn học vẫn thấm đượm bản sắc và tâm hồn Việt Nam, như bài Nam quốc sơn hà của Lý Thường Kiệt, Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo, những bài thơ ca ngợi chiến thắng (sau đại thắng quân Nguyên Mông của quân dân nhà Trần) của Phạm Ngũ Lão, Trần Quang Khải, Phạm Sư Mạnh... và Bình

https://www.facebook.com/taybanganh/

Ngô Đại cáo của Nguyễn Trãi. Đặc biệt, có bộ sử tuy viết bằng chữ Hán nhưng với một ý thức dân tộc cực kỳ mạnh mẽ như Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên, hoặc tác phẩm truyện sử Hoàng Lê nhất thống chí của Ngô gia văn phái...

Đầu thế kỷ XV, tuy văn học chữ Hán tuy vẫn chiếm ưu thế, nhưng văn học chữ Nôm đã có những bước phát triển kỳ diệu, với Nguyễn Trãi là người tiên phong trong việc dùng chữ Nôm sáng tác thi ca. Quốc âm thi tập của ông là một trong những tập thơ Nôm cổ nhất có giá trị đến ngày nay.

Từ thế kỷ XVI đến XIX, nền văn học chữ Nôm phát triển rực rỡ, chiếm ưu thế hoàn toàn trên văn đàn. Các nhà thơ lớn đã triệt để khai thác ngôn ngữ dân tộc để sáng tạo nhiều tác phẩm tiêu biểu: đó là những bài thơ Nôm của Bà chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương, Truyện Kiều của Nguyễn Du, Chinh phụ ngâm diễn Nôm của Đoàn Thị Điểm, Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều...

Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, với sự ra đời của chữ Quốc ngữ, các tác phẩm văn học bằng chữ Quốc ngữ dần dần xuất hiện. Nền văn học Việt Nam không chỉ tiếp thu được tinh hoa văn học Trung Quốc mà còn tiếp thu được nền văn học tiến bộ phương Tây, đặc biệt là văn học Pháp, làm cho nền văn học hiện đại Việt Nam trở nên phong phú, đa dạng hơn về thể loại, sâu sắc hơn về nội dung. Ngôn ngữ chính xác, linh hoạt, gần với ngôn ngữ đời thường. Điều này thể hiện rõ qua 2 tiểu thuyết đầu tiên xuất hiện vào năm 1925: Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách và Quả dưa đỏ của Nguyễn Trọng Thuật.

Về thơ, cũng đã có một cuộc cách mạng lớn. Đó là phong trào Thơ mới mà Phan Khôi là một trong những người đầu tiên khởi động với bài thơ Tình già đăng trên báo Phụ nữ Tân Văn (1932). Trong phong trào thơ mới xuất hiện nhiều nhà thơ tài năng mà sau này vẫn tiếp tục đóng góp cho nền văn học cách mạng. Đó là: Lưu Trọng Lư, Thế Lữ, Vũ Đình Liên, Xuân Diệu, Huy Cận...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Dòng văn học lãng mạn nổi lên vào những năm 1930 có nhóm Tự lực văn đoàn (thành lập 1932) gồm: Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam... Dòng văn học này có nhiều tiến bộ trong sáng tác, đặc biệt là Thạch Lam, nhưng cũng không tránh khỏi những hạn chế về tư tưởng.

Bên cạnh dòng văn học lãng mạn, còn có dòng văn học hiện thực phê phán đã góp phần không nhỏ vào tiến trình phát triển văn học tiến bộ của Việt Nam. Các sáng tác của trào lưu văn học này mang tính hiện thực cao và thấm đượm tinh thần nhân đạo cao cả. Tiêu biểu cho dòng văn học hiện thực phê phán là Nguyễn Công Hoan với Bước đường cùng, Ngô Tất Tố với Tắt đèn, Vũ Trọng Phụng với Võ đê, Giông tố... Nguyên Hồng với Bỉ vỏ, Nam Cao với Chí Phèo...

Song song với hai trào lưu văn học trên, còn có một trào lưu văn học cách mạng, phát triển khá mạnh đều khắp trong cả nước nhưng không được lưu hành hợp pháp (phong trào Bình dân được lưu hành công khai). Trào lưu văn học này do các nhà thơ, nhà văn là những chiến sĩ cách mạng đang bị thực dân Pháp giam giữ trong nhà tù hoặc các chiến sĩ cách mạng hoạt động ở nước ngoài sáng tạo ra. Những tác gia tiêu biểu cho phong trào này trước hết phải kể đến Hồ Chí Minh, Sóng Hồng, Tố Hữu, Xuân Thủy...

Nền văn học cách mạng phát triển mạnh mẽ và gặt hái nhiều thành công là từ sau cách mạng tháng Tám 1945, khi đất nước ta giành được độc lập. Văn học cách mạng tiếp tục thăng hoa và đạt nhiều thành tựu to lớn qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Những tác phẩm tiêu biểu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp về văn xuôi trước hết phải kể đến Con trâu của Nguyễn Văn Bổng, Vùng mỏ của Võ Huy Tân, Xung kích của Nguyễn Đình Thi; về thơ có Việt Bắc của Tố Hữu, Dưới sao vàng của Xuân Diệu, Gửi các anh của Chế Lan Viên, Trời mỗi ngày lại sáng của Huy Cận... Những tác phẩm điển hình trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước về văn xuôi là

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hòn đất của Anh Đức, Gia đình má Bảy, Mẫn và tôi của Phan Tứ, Trên đất Quảng, Người mẹ cầm súng của Nguyễn Thi...; về thơ có Quê hương của Giang Nam, Dáng đứng Việt Nam của Lê Anh Xuân, Bài ca chim Ch'rao của Thu Bồn, Gió Lào cát trắng của Xuân Quỳnh...

Ngày nay, dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, các nhà văn Việt Nam đang chuyển hướng mạnh mẽ trong tư duy, bước đầu đã có những thành công đáng khích lệ với Mùa lá rụng trong vườn của Ma Văn Kháng, Thời xa vắng của Lê Lựu, Mảnh đất lắm người nhiều ma của Nguyễn Khắc Trường, Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành của Nguyễn Minh Châu... đều góp phần trong việc xây dựng một nền văn học hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc, của một nước Việt Nam hòa bình, ổn định và phát triển.

MỸ THUẬT CỔ TRUYỀN

Người Việt có nền mỹ thuật cổ truyền phong phú, đa dạng về thể loại, bao gồm tranh dân gian, điêu khắc cổ, mỹ nghệ gốm sứ, kiến trúc...

Tranh dân gian

Tranh dân gian có hai loại: tranh thờ và tranh tết. Đây không chỉ là thành tựu của từng làng tranh, mà còn là di sản chung của cả dân tộc. Do có nhu cầu với số lượng lớn về tranh chơi Tết, trang hoàng nhà cửa, thờ cúng... nên từ lâu người Việt đã biết đến kỹ thuật khắc ván để in. Vào thời Lý (thế kỷ XII) đã có nhiều gia đình làm nghề khắc ván in và kỹ thuật này được phát triển nhanh chóng qua các triều đại kế tiếp. Đến thế kỷ XVIII-XIX, tranh dân gian Việt Nam đã ổn định và phát triển đến đỉnh cao nghệ thuật. Địa bàn làm tranh dân gian trải rộng khắp nước. Trong đó có một số dòng tranh đáng chú ý và mỗi một dòng tranh có một phong cách riêng. Tuy vậy, vẫn có nét chung là tất cả đều được dựng hình theo kiểu dùng những đường nét đen khoanh

https://www.facebook.com/taybanganh/

lấy các mảng màu. Tranh dân gian không hoàn toàn phụ thuộc vào luật viễn cận từ một điểm nhìn, mà được nghệ nhân diễn tả theo lối quan sát di động với nhiều góc độ khác nhau, miễn sao cho thuận mắt.

Đối tượng thần thánh luôn luôn được vẽ to ở giữa và phía trên, còn con người bình thường thì kích cỡ gần như nhau. Những con vật, cảnh sắc... thì tùy tương quan mà vẽ to hay nhỏ, sao cho có thể gây ấn tượng mạnh nhất.

Ngày nay, có một số dòng tranh đã bị mai một. Tuy vậy, vẫn còn một số dòng tranh tiếp tục tồn tại trước những thử thách của thời đại. Đó là các dòng tranh Đông Hồ, Hàng Trống... không những được người trong nước mến mộ mà đã có mặt ở cả nhiều nước phương Tây.

Tranh Đông Hồ (làng Đông Hồ ở bờ Nam sông Đuống, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh, thuộc Kinh Bắc xưa). Tranh Đông hồ có từ thế kỷ XVII, trải qua bao thăng trầm của lịch sử vẫn tồn tại và phát triển cho đến ngày nay. Đó là nhờ tranh Đông Hồ, từ tranh vẽ đến tranh in thủ công đều mang phong cách rất độc đáo. Từ việc vẽ mẫu, khắc bản in, chế biến màu, cho đến việc in tranh, vẽ tranh đều có những nét độc đáo về kỹ thuật, mỹ thuật. Màu tranh Đông Hồ được lấy từ nguyên liệu sẵn có trong tự nhiên: màu trắng từ vỏ sò, điệp, màu đen từ than rơm, lá tre, màu hồng từ gỗ vang, màu đỏ từ son, màu xanh từ gỉ đồng... Màu sắc tranh Đông Hồ luôn trong sáng nhờ kỹ thuật pha màu và in, như thi sĩ Hoàng Cầm đã viết rất thật trong bài Bên kia sông Đuống:

Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong,

Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp.

Đề tài tranh Đông Hồ rất phong phú, phản ánh sinh động những sinh hoạt, quan hệ xã hội làng quê. Đó là các tranh: chuột, hái dừa, đánh ghen, đánh vật...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tranh Đông Hồ phản ánh được tâm tư, nguyện vọng và những ước mơ bình dị, gần gũi với cuộc sống đời thường của dân chúng. Nghệ nhân tranh Đông Hồ cũng là những người dân lao động nghèo. Họ đã gửi tâm tư tình cảm của chính mình vào tác phẩm, vì vậy tranh Đông Hồ luôn gây được ấn tượng sâu lắng và giành được sự hâm mộ của người dân.

Tuy còn có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng nhìn chung đều có một sự đánh giá thống nhất là từ đời Lê, đặc biệt từ thế kỷ XVII, XVIII, dòng tranh Đông Hồ đã phát triển mạnh.

Tranh Đông Hồ có nhiều loại, nhưng đưa vào sản xuất rộng rãi chỉ có hai loại chính: tranh in màu và tranh in nét rồi dùng màu tô. Tranh in theo cỡ 19cm x 27cm gọi là tranh lá mít, tranh in cỡ 27cm x 38cm gọi là tranh pha ba (cắt tờ giấy 38 x 84 thành 3 miếng). Tranh in màu có nhiều loại to nhỏ khác nhau, nói chung rộng hơn tranh in nét.

Nội dung tranh rất phong phú, chủ yếu phản ánh cuộc sống thường nhật, nhưng mỗi thời đại có bổ sung và cải tiến. Nhìn chung có một số nội dung cơ bản như sau:

_ Tranh chúc tụng: thể hiện ước mong của con người về sự giàu sang, vinh hiển, vinh hoa, phú quý, trường thọ...

_ Tranh truyện: chủ yếu dựa vào những cốt chuyện dân gian ngợi ca lòng thủy chung, hiếu thảo, lên án bọn gian tà, độc ác...

_ Tranh lịch sử: ca ngợi các vị anh hùng dân tộc như Hai Bà Trưng, Phù Đổng, Đinh Tiên Hoàng...

_ Tranh thờ: như tranh ông Công, ông Táo, các vị thần linh...

_ Tranh sinh hoạt: phản ánh nguyện vọng, ước mơ của nhân dân lao động về cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Tranh Đông Hồ chủ yếu dùng màu thảo mộc và khoáng sản có trong tự nhiên: màu trắng vỏ điệp, màu đỏ son, màu vàng hoa hòe...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Giấy in tranh Đông Hồ là giấy dó, có độ bền dai, dễ bám màu.

Quy trình sản xuất gồm 4 công đoạn: vẽ mẫu, khắc bản in, pha chế màu, in tranh và tô màu. Vẽ mẫu và khắc bản in là hai khâu quan trọng nhất. Tranh xấu, đẹp là do hai khâu này quyết định. Nói chung bản khắc được lưu truyền từ đời này sang đời khác trong mỗi dòng họ hoặc gia đình, được coi là vật gia bảo của gia đình, dòng họ ấy.

Gỗ để khắc bản in nét chủ yếu là gỗ thị hoặc gỗ mấc, có đặc tính dai và quánh, mặt mịn, khắc được sâu, nét bền. Bản khắc in màu dùng gỗ dổi, gỗ vàng tâm.

Pha chế màu và in tranh là hai công đoạn quan trọng tiếp theo. Cách in là úp ván, dùng xơ mướp xoa trên mặt giấy cho màu bám vào mặt tranh.

Giấy dó in tranh thường quét một lượt điệp bằng chổi làm bằng lá thông, tạo nên những vạch ngang đều, trắng sáng.

Tranh được tổ chức sản xuất trong gia đình, mọi thành viên từ già đến trẻ đều tham gia, mỗi người một việc theo dây chuyền khép kín từ khâu đầu đến khâu thành phẩm. Tranh bán ngay trong nhà, ngày lễ tết mới đem ra đình làng bán.

Xưa kia, hằng năm vào tháng mười một, tháng chạp (sau vụ gặt tháng mười) khách buôn tranh các nơi kéo về Đông Hồ mua tranh vui như ngày hội.

Tranh Đông Hồ mang ý nghĩa đấu tranh sâu sắc. Có câu chuyện kể như sau: Vào một ngày cuối năm, các nghệ nhân Đông Hồ đang in tranh bán Tết, thì có sứ giả nhà Thanh đến tham quan. Khi xem bức tranh "Đám cưới chuột", có chú chuột xách cá đến lễ mèo, bên dưới tranh có đề chữ "tống lễ". Sứ Thanh nảy ra vế đối thâm hiểm để chơi chữ với người của ta, liền nói: "Tý tận, thử tống Mão" (nghĩa là: cuối năm chuột, chuột lễ mèo). Thâm ý của sứ Thanh là coi ta như chuột, mà y là mèo, chuột tất phải lễ mèo. Đoàn tiếp sứ của ta đang chưa biết ứng xử ra sao

https://www.facebook.com/taybanganh/

thì một cụ già nghệ nhân đưa ra bức tranh vẽ một con trâu đứng vểnh tai tè trên con đường ngoằn nghèo như con rồng. Đoàn tiếp sứ của ta hiểu ý liền đối lại: "Sửu đầu, ngưu thôn Thìn" (nghĩa là: đầu năm trâu, trâu nuốt rồng). Trâu tượng trưng cho ruộng đồng quê ta, còn rồng chỉ "thiên triều" nhà Thanh. Sứ Thanh nhìn tranh im lặng.

Khi xem mấy bức tranh "Hứng dừa" và "Đánh ghen", sứ Thanh tỏ vẻ không hiểu. Nhất là khi đọc mấy câu thơ Nôm đề dưới tranh "Hứng dừa":

Khen ai khéo vẽ nên dừa

Đấy trèo, đây hứng cho vừa một đôi.

Và dưới tranh "Đánh ghen":

"Thôi thôi bớt giận làm lành,

Chi điều sinh sự thiệt mình, thiệt ta".

Đoàn ta phải dịch mấy câu thơ Nôm và giải thích cho sứ Thanh hiểu ý nghĩa các bức tranh. Sứ Thanh vẫn chưa chịu thôi, ngẫm nghĩ rồi ra tiếp vế đối: "Tứ thủy đồng lưu, hà chỉ đạo?" (nghĩa là: bốn dòng nước cùng chảy, chảy đường nào?) Câu này có ý chơi chữ, vừa ám chỉ hai dòng sữa ở hai quả dừa trên cây và hai dòng sữa ở hai "trái dừa" của người phụ nữ hứng dừa bên dưới là bốn dòng, vừa muốn hỏi rằng tranh vẽ như vậy còn gì là đạo lý? (Vì chữ đạo (道) vừa có nghĩa là đường, vừa có nghĩa là đạo lý.) Đoàn tiếp sứ của ta lấy ngay ý bức tranh "Đánh ghen" để đối lại: "Tam nhân tranh đoạt, tất tại thiên" (nghĩa là: ba người xung đột nhau ắt là tại trời.) Vế đáp này quả thật "đốp chát", vì chữ thiên (天) vừa có nghĩa là trời, vừa ám chỉ "thiên triều" tức là nhà Thanh. Sứ Thanh hiểu ý không dám nói thêm gì nữa.

Dòng tranh Hàng Trống (ở phố Hàng Trống và Hàng Nón, Hà Nội) có cách tạo hình diễn đạt tinh tế, chủ yếu là tranh cuốn trục, nhằm tạo không gian với nhiều khoảng trống, gợi cảm và thanh nhã, hợp thị hiếu của người dân thành thị. Tranh Hàng

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trống có đường nét thanh mảnh, tinh tế, mềm mại, chủ yếu dùng phẩm màu nên họa sắc phong phú, tạo được ấn tượng về hình khối của không gian. Tranh được in nét, phẩm màu tô bằng tay, độ đậm nhạt là do pha màu với nhiều hoặc ít nước.

Tranh Hàng Trống nổi tiếng với các tác phẩm: Lý ngư vọng nguyệt (cá chép trông trăng), Thất đồng, Ngũ hổ, Tố nữ... và các tranh thờ: Tam tòa Thánh mẫu, Phật, Tứ phủ, Ngọc hoàng...

Tranh Hàng Trống phần nhiều được bán vào dịp Tết âm lịch. Việc làm tranh, bán tranh tổ chức theo phường hội và thường là cha truyền con nối.

Dòng tranh Kim Hoàng (xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây) có từ thế kỷ XVIII, ra đời có phần muộn hơn hai dòng tranh Đông Hồ và Hàng Trống.

Hằng năm người Kim Hoàng làm tranh từ khoảng giữa tháng 11 âm lịch cho đến giáp Tết. Trước khi tiến hành in tranh, phải cúng tổ nghề. Các ván khắc do chủ phường (người có tài năng vẽ và khắc) giữ, sau ngày cúng tổ mới phát cho các gia đình. Trong quá trình in, lần lượt đổi ván khắc cho nhau. Hết mùa tranh, giao ván lại cho chủ phường khác cất giữ.

Tranh Kim Hoàng có tranh thờ cúng, tranh chơi như dòng tranh Đông Hồ, Hàng Trống, nhưng đặc biệt biết kết hợp những ưu điểm của hai dòng tranh trên để tạo cho mình một loại tranh đặc sắc. Tranh Kim Hoàng có nét khắc thanh mảnh của tranh Hàng Trống và tỉ mỉ hơn tranh Đông Hồ, lại có màu sắc tươi như tranh Hàng Trống. Tranh Kim Hoàng dùng mực tàu cho màu đen, dùng thạch cao, phấn cho màu trắng, dùng mực tàu hòa với nước chàm và các màu hóa học để có màu chàm, xanh chàm. Giấy in không quét điệp như tranh Đông Hồ, cũng không dùng giấy xuyến như tranh Hàng Trống, mà in trên giấy đỏ, giấy hồng điều, giấy tàu vàng... Nhờ vậy tranh Kim Hoàng gây được ấn tượng mạnh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tranh Kim Hoàng bị mai một do trận lụt năm 1915. Làng mạc bị ngập trắng, nhiều ván in bị trôi mất. Hiện chỉ còn vài tấm được lưu giữ ở Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Dòng tranh Kim Hoàng không còn sản xuất kể từ năm 1945.

Dòng tranh làng Sình (bờ Nam hạ lưu sông Hương, thuộc huyện Hương Phú, tỉnh Thừa Thiên Huế). Làng Sình nổi tiếng từ lâu về nghề làm tranh thờ in ván khắc, được gọi là tranh Sình.

Vào thời hoàng kim của tranh Sình, các gia đình ở làng Sình đều biết in, tô màu tranh. Tranh làm ra bán ngay tại nhà.

Giấy in tranh là loại giấy mộc, dùng màu tự nhiên, về sau này dùng phẩm màu. Bản khắc bằng gỗ mít. Tranh in theo kiểu ngửa ván, rồi dùng tay vuốt giấy. Chỉ in đường nét và các mảng đen, rồi dùng tay tô màu. Cũng có loại tranh chỉ in toàn đen không cần tô thêm màu.

Tranh Sình chủ yếu là tranh thờ, có khoảng 50 đề tài khác nhau, phản ánh tín ngưỡng, tư tưởng của người Việt cổ. Người cúng tranh để mong cầu được bình yên, con cháu đầy đàn...

Ngoài tranh thờ cúng, tranh Sình còn phản ánh những hoạt động văn hoá, xã hội và lao động.

Tranh Sình đơn giản, đẹp một cách bình dị, tự nhiên. Một trong những bộ tranh đẹp là bộ Tố nữ, mỗi bức vẽ một thiếu nữ đứng biểu diễn một loại nhạc cụ. Trang phục các cô giống nhau: áo trắng mặc trong, áo cánh màu mặc ngoài, màu áo tùy theo từng người tô mà thay đổi cho hợp mắt.

Tranh làng Sình thất truyền từ lâu, nhưng có một thời đã là niềm tự hào của dân làng Sình.

ĐIÊU KHẮC CỔ

Điêu khắc của người Việt rất đa dạng, là sự tập hợp của nhiều nền điêu khắc khác nhau. Ở Nam Bộ có điêu khắc của Vương quốc Phù Nam và Chân Lạp xưa, ở miền Nam Trung Bộ có điêu

https://www.facebook.com/taybanganh/

khắc Champa, ở Tây Nguyên có điêu khắc nhà mồ của các dân tộc ít người, ở Bắc Bộ có điêu khắc Đại Việt...

Ở đây nói đến điêu khắc của người Việt là nói đến điêu khắc của Đại Việt xưa. Tất nhiên, trong quá trình phát triển lịch sử, xoay quanh yếu tố hạt nhân này còn có sự giao lưu, hòa trộn, ảnh hưởng qua lại với những nền điêu khắc của các dân tộc anh em chung sống trên cùng lãnh thổ, và điều đó làm cho nền điêu khắc của người Việt càng thêm phong phú.

Vào thời tiền sử, cách nay khoảng 3 vạn năm là nền văn hóa núi Đọ, rồi đến nền văn hóa Đông Sơn cách nay khoảng 2.500 năm, có thể nói Việt Nam chưa có một nền điêu khắc cụ thể, mà chỉ mới có những hình khắc trong các hang động.

Trên vách hang Đồng Nội (huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình, có niên đại cách nay 10.000 năm) còn lưu lại hình khắc 3 người và một mặt thú, trên đầu người có cắm lông chim. Đó là những hình khắc rất thô sơ, nhưng người Hòa Bình đã có thể hình dung được khuôn mặt tổ tiên mình, dù chưa rõ ràng, nhưng đã rất khôn ngoan đội lốt thú khi đi săn bắn. Tượng gốm thu được ở các di chỉ văn hóa Phùng Nguyên, Gò Mun (huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ), Đồng Đậu (huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc) có những hình trang trí trên các đồ trang sức và công cụ lao động. Đến nền văn hóa Đông Sơn, điêu khắc đã hiện rõ trên mặt trống. Đó là tượng người biến thành cán dao găm, tượng voi, cóc, hươu, rùa, chim hạc. Đặc biệt là hình 4 đôi nam nữ đang giao phối trên nắp thạp đồng Đào Thịnh biểu hiện sự cầu mong phồn thực.

Như vậy, có thể nói là vào thời tiền sử người Việt chưa có một nền điêu khắc phát triển, nhưng những yếu tố điêu khắc đã hình thành.

Điêu khắc thời Lý - Trần

Điêu khắc người Việt thực sự phát triển khi Đại Việt trở thành một quốc gia độc lập hùng cường dưới triều đại nhà Lý và Phật giáo trở thành quốc giáo. Tại các trung tâm Phật giáo

https://www.facebook.com/taybanganh/

như Quảng Ninh, Ninh Bình, đặc biệt là Bắc Ninh, quê hương của Lý Công Uẩn, nhiều chùa chiền được xây dựng đồ sộ theo kiến trúc Đông Nam Á, kèm theo đó là nền điêu khắc Phật giáo phát triển. Tiêu biểu nhất là tượng Phật A Di Đà chùa Phật Tích (Bắc Ninh) dựng năm 1057, tác phẩm đầu tiên của giới điêu khắc Phật giáo Bắc Bộ, rồi các tượng Kim Cương chùa Long Đọi, tượng đầu người mình chim, chạm khắc chùa Bà Tấm, trụ biểu chùa Dạm (1086) là tác phẩm đồ sộ cao 5,4 m mang tính hoành tráng.

Điêu khắc rồng dưới thời Lý là những con rồng thân dài tròn lẳn, uốn khúc mềm mại, thon nhỏ dần từ đầu đến đuôi, nhiều con không có vảy. Người ta gọi đó là rồng giun hoặc rồng dây. Nhưng rõ ràng nhất là nó mang ngoại dạng con rắn. Điều đặc biệt nữa là rồng thời Lý thường ngẩng đầu lên, miệng há to, có 4 chân luôn được đặt ở những vị trí nhất định.

Dưới thời nhà Trần, nhân dân ta đã phải ba lần đứng lên chống quân xâm lược Nguyên Mông. Khí phách anh hùng đó phản ánh rõ nét trong văn học nghệ thuật. Tuy vậy, chiến tranh nhiều lần tàn phá đất nước đã ảnh hưởng không ít đến hoạt động nghệ thuật. Chùa chiền đã không thể xây dựng được nhiều, mà quy mô cũng không lớn lắm, mặc dầu đạo Phật vẫn thịnh hành. Cho đến nay, giới nghiên cứu chưa thấy pho tượng nào được dựng dưới triều Trần, nhưng còn để lại rất nhiều bộ tượng đá hoa sen hình hộp trên đặt tượng Tam Thế ở các chùa Thầy, chùa Dương Liễu, chùa Bối Khê...

Về chạm khắc gỗ trang trí trên các thành phần kiến trúc tìm thấy ở chùa Phổ Ninh (Nam Định), chùa Thái Lạc (Hưng Yên), ta thấy có các chủ đề "Rồng chầu lá đề", "Tiên nữ dâng hoa", "Tiên nữ tấu nhạc", "Tiên nữ dâng hương"... So với điêu khắc Lý, điêu khắc Trần đã có sự biến đổi, có phong cách mạnh mẽ, khỏe khoắn và quan tâm đến tính biến động của cấu trúc tổng thể hơn là hình mô tả. Trong lăng mộ của các vua Trần, điêu khắc đá chủ

https://www.facebook.com/taybanganh/

yếu là tượng người, tượng thú chầu làm thần canh giữ cho thế giới vĩnh hằng của các vua.

Về điêu khắc rồng thời nhà Trần, có điều đặc biệt từ nửa cuối thế kỷ XVI con rồng đã rời kiến trúc cung đình để có mặt ở các kiến trúc dân dã, và không chỉ có điêu khắc trên đá và gốm mà còn xuất hiện trên điêu khắc gỗ ở các đình chùa, không chỉ ở những vị trí trang nghiêm mà còn có ở các bậc thềm (như ở chùa Phổ Ninh).

Rồng thời Trần vẫn có dáng vẻ giống rồng thời Lý, gồm nhiều đường cong tròn nối nhau, thân trước lớn, sau nhỏ dần và kết thúc như đuôi rắn. Vảy lưng vẫn thể hiện từng chiếc, nhưng không tựa đầu vào nhau như rồng thời Lý. Chân rồng ngắn hơn, những túm lông ở khuỷu chân không bung ra theo một chiều nhất định như rồng thời Lý. Riêng đầu rồng có những biến đổi, không phức tạp như đầu rồng thời Lý. Rồng vẫn có vòi hình lá, vươn lên, nhưng không uốn nhiều khúc.

Rồng thời Trần uốn lượn thoải mái với động tác khỏe; bố cục tròn, thân rồng mập chắc, trong tư thế vươn lên phía trước.

Dưới triều nhà Trần, hình ảnh rồng chầu mặt trời sớm nhất là con rồng bay trong lòng tháp Phổ Ninh.

Điêu khắc thời Lê Sơ

Dưới triều đại Lê Sơ, Phật giáo không còn ảnh hưởng nhiều, mà Nho giáo ngày càng chiếm địa vị độc tôn. Vì thế, ngoài ba pho tượng đá ở chùa Ngọc Khám (Bắc Ninh), hình ảnh điêu khắc Phật giáo dưới triều Lê Sơ hết sức mờ nhạt. Thay vào đó là nền điêu khắc lăng mộ của các vua Lê ở Lam Sơn (Thanh Hóa). Tất cả các lăng vua Lê đều theo hình thức như lăng vua Lê Thái Tổ làm năm 1433, mặt bằng hình vuông. Con đường thần đạo ở giữa dẫn vào phần mộ. Hai bên đường thần đạo có hai dãy tượng chầu gồm quan hầu và các con vật: lân, tê giác, ngựa, hổ. Bên ngoài lăng là nhà bia.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sau 20 năm chiến đấu với quân Minh (1407-1427), đất nước bị tàn phá kiệt quệ, nhân tài vật lực bị ngoại bang vơ vét, vua Lê đành phải dùng những người nông dân quanh vùng để tạc tượng, xây lăng. Hơn nữa, đất nước vừa thoát khỏi chiến tranh, việc tiết kiệm, sự giản dị, thô mộc của một chính thể mới lên nắm quyền là rất cần thiết. Do đó đã dẫn đến một nền điêu khắc đơn điệu, nghèo nàn, mặc dầu tổng thể kiến trúc khá đặc sắc.

Rồng thời Lê vẫn uốn khúc mềm mại, từ to đầu đến thót đuôi như rồng thời Lý-Trần. Mép trên của miệng rồng vẫn kéo dài nhưng được vuốt gần thẳng, bao quanh có một hàng vảy răng cưa, kết lại như hình chiếc lá. Răng nanh cũng được kéo dài lên phía trên và uốn xoắn thừng ở gốc. Rồng có râu ngắn và một chân trước thường đưa lên đỡ râu. Cổ rồng thường nhỏ hơn thân. Như vậy rồng mang dạng thú xuất hiện cuối thời Trần lại thấy phổ biến ở thời Lê Sơ, nhưng vẫn mang dáng loài rắn truyền thống.

Điêu khắc thời Lê-Trịnh, Tây Sơn

Sau khi nhà Mạc thất bại vào thế kỷ XVII, họ Trịnh nắm quyền ở Đàng Ngoài chi phối vua Lê, họ Nguyễn nắm quyền ở Đàng Trong. Trong suốt thế kỷ XVII, hai nhà Trịnh-Nguyễn giao chiến 7 lần, nhân dân đồ thán. Phật giáo phục hưng như một cứu cánh tinh thần cho nhân dân. Và vì vậy, trong thế kỷ XVII-XVIII là giai đoạn văn hóa nghệ thuật đạt được nhiều thành tựu nhất. Điêu khắc cũng đạt được cả về số lượng và loại hình, chi phối toàn bộ tinh thần thẩm mỹ của người Việt. Điêu khắc không chỉ dành cho lăng mộ vua quan Lê-Trịnh, mà còn đi vào đền chùa. Tiêu biểu cho nghệ thuật điêu khắc thế kỷ XVII là tượng Phật Bà Quan Âm "nghìn tay nghìn mắt" ở chùa Hạ (Vĩnh Yên), cao 3,7 m, 42 tay lớn, 952 tay nhỏ, kết thành quầng mắt. Cuối thế kỷ XVIII là nhóm tượng các vị Tổ chùa Tây Phương được tạc năm 1794, dưới thời Tây Sơn. Về điêu khắc đình làng, phải kể đến đình Phù Lão, đình Chu Quyến, Thổ Tang, Liên Hiệp... đã mang một lại một luồng sinh khí mới, với những nét chạm phóng khoáng, tự do.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Điêu khắc thời Nguyễn

Sau khi diệt nhà Tây Sơn, nhà Nguyễn dời đô vào Huế. Tại đây, triều Nguyễn đã cho xây cung điện và các quần thể điêu khắc, lăng mộ các vua Nguyễn một cách nghèo nàn về ngôn ngữ và cứng nhắc về quy tắc. Các lăng của Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng Khánh, Khải Định tuy khác nhau về kiến trúc và tổng quan kiến trúc hoành tráng, nhưng tương đối thống nhất về điêu khắc. Các tượng quan hầu, lính hầu và ngựa đứng nghiêm trang 2 bên đường thần đạo kích thước gần nguyên mẫu, nhưng hầu như thiếu sinh khí.

Trong khi đó, ở miền Bắc điêu khắc Phật giáo tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, trong giai đoạn này kích thước tượng có lớn hơn nhưng vẫn thiếu sinh khí. Tượng Quan Âm 112 tay ở chùa Tây Phương, tượng Phật chùa Bà Đá (Hà Nội), chùa Hồng Phúc là những tia sáng cuối cùng lóe lên của giai đoạn điêu khắc cổ, khi một thời đại mới đang sắp bắt đầu.

Điêu khắc cận hiện đại

Năm 1925, Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương ra đời. Mỹ thuật Việt Nam bước sang giai đoạn mới, các nghệ sĩ có tên tuổi bắt đầu thay thế địa vị độc tôn của nghệ thuật điêu khắc cổ.

KIẾN TRÚC CỔ

Qua những di vật còn lại đến ngày nay, có thể khẳng định rằng nghệ thuật kiến trúc của người Việt ra đời khá sớm, rất có thể đã xuất hiện từ thời Hùng Vương dựng nước cách nay khoảng 4.000 năm. Vào thời kỳ này, làng xóm đã xuất hiện, người Việt đã biết dùng gỗ làm nhà sàn để tránh hổ, sói. Hình khắc trên mặt trống đồng Ngọc Lũ (tìm được ở huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam) và Hoàng Hạ (tìm được ở huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây) cho thấy có hai loại nhà sàn cổ: một loại hình thuyền và một loại hình mai rùa.

Người Việt cổ cư trú chủ yếu ở vùng đồng bằng, có nhiều sông ngòi, hồ, đầm lầy, lại ở trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm. Vì vậy,

https://www.facebook.com/taybanganh/

người Việt lúc bấy giờ ở trên nhà sàn cọc thấp làm bằng gỗ, tre nứa là chủ yếu. Loại nhà sàn này ngày nay vẫn còn tồn tại ở các vùng miền núi và trung du.

Kiến trúc trước Công nguyên

Vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên, nhà nước Âu Lạc do Thục Phán An Dương Vương dựng lên đã xây dựng Loa thành to cao để chống giặc giữ nước. Thành xây dựng bằng đất, gồm nhiều vòng hình xoắn ốc, rất phù hợp với địa hình đồng bằng trống trải có nhiều sông, hồ và đầm lầy hoang sơ. Đến nay, dấu vết các vòng thành đất vẫn còn, đã làm cho chúng ta phải kinh ngạc và tự hào.

Nền kiến trúc cổ của dân tộc ta hình thành và tồn tại trong môi trường hết sức khắc nghiệt: mưa, bão, nóng, lạnh cùng với khí hậu ẩm thấp của xứ nhiệt đới gió mùa là những tác nhân hủy diệt nhanh chóng các công trình kiến trúc lớn nhỏ, vốn phần lớn chỉ được làm bằng những vật liệu dễ bị hư hỏng. Bên cạnh đó, chiến tranh liên miên xảy ra cũng là nguyên nhân phá hoại không kém phần nghiêm trọng.

Kiến trúc Bắc thuộc (từ thế kỷ I đến thế kỷ IX)

Kiến trúc trong giai đoạn này bao gồm các loại thành quách, dinh lũy, mộ táng, nhà ở dân gian. Nói chung, nền kiến trúc trong thời kỳ này đơn giản, vật liệu xây dựng chủ yếu là gạch, đá hoặc gỗ. Vào thời kỳ Phật giáo vào nước ta, có thêm kiến trúc chùa, miếu.

Dựa vào những hiện vật phát hiện được trong các mộ gạch cổ thuộc thế kỷ I đến IX, người ta thường nói đến sự nảy sinh một nền văn hóa nghệ thuật Hán-Việt trong thời gian này. Đây là những ngôi mộ có quy mô lớn, việc xây dựng rất hào hoa, hiện vật chôn theo người chết rất phong phú. Điều đó chứng tỏ rằng chủ nhân của những ngôi mộ này thuộc tầng lớp trên. Phần lớn là mộ của bọn quan lại, địa chủ người Hán, nên kiến trúc Hán chiếm địa vị độc tôn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Một số ít ngôi mộ đó có thể là của những quý tộc người Việt. Bộ phận người Việt này ít nhiều đã bị Hán hóa, chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Hán. Điều này cũng không có gì lạ. Tuy vậy, nghiên cứu kỹ các hiện vật trong những ngôi mộ gạch, và cách xây dựng những ngôi mộ đó ta cũng thấy sự tồn tại một nền nghệ thuật kiến trúc dân tộc.

Điều này chứng tỏ rằng, nền kiến trúc Việt Nam trong thời kỳ này vẫn có những nét đặc trưng độc đáo của người Việt. Nó vẫn bảo lưu và phát triển kiến trúc thời đại Đông Sơn, đồng thời có hấp thụ và "dân tộc hóa" những yếu tố vay mượn bên ngoài. Chính điều đó biểu hiện tính ưu việt và sức sống mãnh liệt của dân tộc ta.

Kiến trúc thời Lý

Cho đến nay, các công trình kiến trúc cổ của chúng ta còn lại rất ít. Đặc biệt, các kiến trúc từ thời Lý trở về trước hầu như đã bị hủy hoại hết. Một số di tích thời Lý còn lại đến ngày nay đã tu sửa, xây dựng lại nhiều lần, nên chỉ có tên gọi cổ, còn trên thực tế là kiến trúc mới hoàn toàn, như đền Bạch Mã (phố Hàng Buồm), chùa Láng, chùa Lý Quốc Sư... Hoặc nếu còn dấu tích thì cũng chỉ là một vài lớp nền, vài tảng đá kê chân cột và thành bậc cửa... Tất cả đã bị con người và chiến tranh tàn phá nghiêm trọng, như nền chùa Phật Tích (Tiên Sơn, Bắc Ninh), chùa Giam (Quế Võ, Bắc Ninh), thành bậc cửa chùa Hương Lãng (Văn Lâm, Hưng Yên)...

Triều đại nhà Lý được thành lập vào lúc quốc gia thống nhất, độc lập, tự chủ. Để bảo vệ nền độc lập tự chủ của dân tộc vừa giành lại được, bên cạnh việc củng cố lực lượng quân sự, nhà Lý còn tổ chức, chấn chỉnh lại mọi thể chế, kỷ cương, làm rường cột cho một quốc gia độc lập hùng mạnh. Một trong những việc quan trọng là dời đô về Thăng Long (1010) để xây dựng một trung tâm văn hóa của nước nhà và đặt lại tên nước là Đại Việt (1054), với ý muốn là một quốc gia ngang hàng với Đại Đường, Đại Tống ở phương Bắc.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trong tình hình đó, nghệ thuật kiến trúc _ nhất là kiến trúc cung đình _ đã phát triển mạnh mẽ. Công việc xây dựng vào thời kỳ này phát triển với một nhịp độ chưa từng có. Đáng chú ý là việc xây dựng kinh thành Thăng Long.

Thăng Long được chia thành hai khu vực riêng biệt: Hoàng thành và Kinh thành. Hoàng thành là nơi vua ở và triều đình làm việc. Trong Hoàng thành có Cấm thành là nơi vua, hoàng hậu và cung tần mỹ nữ ở, còn Kinh thành (bao bọc quanh Hoàng thành) là nơi ở của quan lại, quân đội và dân chúng.

Trải qua hai thế kỷ tồn tại của triều Lý, kinh đô Thăng Long được phát triển ngày càng rộng hơn, bao gồm cung điện, lầu gác, đình tạ, chùa tháp, kho trạm, cầu cống, chợ búa, nhà ở... Các công trình này chủ yếu phục vụ cho mọi sinh hoạt, hoạt động của bộ máy nhà nước Đại Việt. Có nơi dùng để thiết triều, bàn bạc việc nước và các quan đến chầu, làm lễ tuyên thệ (điện Thiên An), có nơi để vua nghe chính sự (điện Thiên Khánh), có nơi để khí giới, quân dụng (điện Trường Xuân), nơi để xem giờ khắc (lầu Chính Dương), nơi để vua dạo chơi ngắm cảnh (gác Long Đồ)...

Do nhu cầu nhà ở của nhân dân ngày một tăng, năm 1084, Lý Nhân Tông xuống chiếu "cho thiên hạ nung ngói lợp nhà". Do đó việc xây dựng nhà ở trong dân chúng ngày càng phát triển.

Trong thời Lý, Phật giáo phát triển rất mạnh, gần như chiếm địa vị độc tôn trong tín ngưỡng dân gian và kể cả giai cấp thống trị. Sự phát triển mạnh của đạo Phật dẫn đến nhu cầu rất lớn về kiến trúc, đó là việc xây chùa, dựng tháp. Thật vậy, ngay khi vừa mới lên ngôi Lý Công Uẩn đã "phát tiền kho hai vạn quan thuê thợ làm chùa ở phủ Thiên Đức". Sau đó, hầu như năm nào nhà vua cũng dựng chùa, xây tháp để thờ Phật. Có những năm như năm 1031, triều đình đã phát tiền kho làm chùa quán ở 950 nơi. Riêng Hoàng Thái hậu Ỷ Lan, trước sau đã cho dựng trên 100 ngôi chùa. Tại kinh đô Thăng Long, nhiều chùa tháp nổi tiếng

https://www.facebook.com/taybanganh/

đã được dựng lên xen giữa cung điện, lầu gác, như chùa Một Cột, chùa Báo Thiên, Thắng Nghiêm, Chân Giáo... Tại Tiên Du, một trung tâm Phật giáo thời Lý, năm 1034 cho dựng chùa Trùng Quang. Cùng năm đó cho dựng kho Trùng Hưng để chứa kinh. Năm 1041 lại xây viện Từ Thị Thiên Phúc (tức Phật Tích)...

Tóm lại, dưới thời Lý kiến trúc rất phát triển, gồm 5 loại hình chính thống: thành quách, cung điện, lâu đài, chùa tháp, đền thờ. Bên cạnh đó là kiến trúc nhà ở dân gian.

Kiến trúc thời Trần

Nghệ thuật kiến trúc cũng như điêu khắc thời Trần là sự kế tục truyền thống thời Lý, nhưng mang tính chất phóng khoáng hơn, khỏe khoắn hơn và hiện thực hơn. Chẳng hạn như con rồng ở cánh cửa gỗ chùa Phổ Minh (Nam Định) có thân hình chắc nịch, các yếu tố trang trí chung quanh rất gần với cuộc sống, con hổ đá ở lăng Trần Thủ Độ (Hưng Hà, Thái Bình) có tư thế nằm nghỉ thoải mái...

Kiến trúc đời Trần chủ yếu cũng là cung điện, chùa tháp, nhà ở và thành quách. Một số công trình nổi bật còn lại đến ngày nay là tháp Bình Sơn (Vĩnh Phúc) cao 11 tầng (chưa kể phần bị gãy đổ) xây bằng gạch và những tấm đất nung màu đỏ tươi ghép lại, bố cục chặt chẽ, cân xứng, trang trí theo lối chạm nổi rất công phu. Chùa tháp Phổ Minh (ngoại thành Nam Định) được xây từ thời Lý, đến thời Trần (năm 1262) được mở rộng. Trong chùa có nhà thủy tạ, có hồ sen, trước cửa chùa có đỉnh đồng nặng trên 7 tấn. Trước cửa bái đường có cây tháp được dựng vào năm 1305. Đây là loại tháp hình hoa sen có 13 tầng, cao 21m, bệ bằng phiến đá xanh. Các tầng xây gạch, trên là bút tháp bằng đá. Tháp có hình chóp, đáy vuông, mỗi cạnh dài 5,2m. Các tầng tháp đều có mái cong ở 4 phía. Trước đây chùa có trên 100 pho tượng, nay chỉ còn 50 pho.

Kiến trúc nhà Hồ

Triều đại nhà Hồ tồn tại chỉ có 7 năm, nhưng đã để lại một công trình kiến trúc lớn. Đó là tòa thành Tây Đô, còn gọi là

https://www.facebook.com/taybanganh/

thành nhà Hồ, nay vẫn còn lại các cổng rất đồ sộ, xây dựng bằng đá tảng xanh.

Sau khi gạt bỏ các thế lực thân triều Trần và tăng cường quyền lực của chính quyền mới, năm 1397, Hồ Quý Ly cho xây dựng kinh đô mới ở An Tôn (Vĩnh Lộc, Thanh Hóa) gọi là Tây Đô (nhưng nhân dân thường gọi là thành nhà Hồ), đồng thời ép vua Trần phải dời đô vào đó, vừa để thực hiện mưu đồ thoán đoạt, vừa để xây dựng cơ sở cát cứ, đề phòng trường hợp bị lật đổ.

Kiến trúc thời Lê

Sau khi chiến thắng quân Minh xâm lược, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, mở đầu triều đại nhà Lê ở thế kỷ XV. Cùng với việc phát triển văn hóa nghệ thuật nói chung, nghệ thuật kiến trúc thời Lê có những bước phát triển mới.

Khác với các triều đại trước, những công trình kiến trúc thời Lê chủ yếu không phải là chùa tháp mà là những cung điện và lăng tẩm của vua chúa. Nói chung, vào nửa đầu thế kỷ XV, nghệ thuật kiến trúc vẫn kế tục truyền thống Lý-Trần. Điều đó chứng tỏ qua 20 năm đất nước bị đô hộ, nhân dân ta vẫn bảo tồn được nền văn hóa dân tộc, làm thất bại hoàn toàn âm mưu đồng hóa quỷ quyệt của kẻ thù. Sang nửa sau thế kỷ XV, nghệ thuật kiến trúc có sự biến đổi dần và chuyển sang một phong cách mới. Nghệ thuật dân tộc vẫn giữ được tính chất chắc khỏe, với những đặc điểm độc đáo và kỹ thuật điêu luyện hơn.

Sang thế kỷ XVI, XVII các kiến trúc tôn giáo như đền chùa, miếu mạo có những thành tựu mới. Điển hình là chùa Bút Tháp (huyện Thuận Thành, Bắc Ninh), được xây dựng vào thời thế kỷ XVII (1642-1647), theo kiểu nội công, ngoại quốc, ngoài cùng là tam quan, tiếp đó là gác chuông hai tầng, tám mái, rồi đến chùa Hộ. Sau chùa Hộ là Thương điện trong có ba bộ tượng Phật. Nổi tiếng nhất là tháp Báo Nghiêm, nơi đặt xá lị của thiền sư Chuyết Chuyết.

Vào thế kỷ XVIII, nghệ thuật kiến trúc chùa tháp và đình làng tiếp tục phát triển ở mức cao hơn. Có hai công trình kiến

https://www.facebook.com/taybanganh/

trúc nổi bật độc đáo là đình Đình Bảng và chùa Tây Phương. Đình Đình Bảng (Tiên Sơn, Bắc Ninh) là ngôi đình cổ nổi tiếng nhất đất Kinh Bắc, được dựng năm 1700 và phải đến năm 1736 mới hoàn thành. Đình thờ ba vị thành hoàng. Tòa bái đường hình chữ nhật dài 20m, rộng 14m gồm bảy gian, hai chái, nằm trên nền cao bó đá xanh. Mái đình rộng gồm 60 cột lim. Hoa văn trên các thành phần kiến trúc rất đa dạng, chạm trổ tinh vi.

Ngoài ra phải kể đến chùa Tây Phương (xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây), tọa lạc trên núi Câu Lâu, được dựng vào khoảng thế kỷ XVIII. Trong chùa có hàng trăm pho tượng gỗ sơn son thiếp vàng cỡ lớn. Có thể nói đây là một bảo tàng nghệ thuật tượng Phật Việt Nam.

Kiến trúc thời Nguyễn

Đầu thế kỷ XIX, nhà Nguyễn dời kinh đô vào Huế. Hoạt động kiến trúc ở Thăng Long chỉ giới hạn trong việc xây dựng lại thành quách, một số công trình văn hóa như gác Khuê Văn, đền Ngọc Sơn, và phát triển một số khu dân cư mới ở Hà Nội.

Lúc bấy giờ các công trình kiến trúc phát triển mạnh chủ yếu ở kinh thành Huế. Nền kiến trúc chính của thời Nguyễn là xây dựng thành quách, cung điện, lăng tẩm... Một đặc điểm nổi bật của kiến trúc Huế là nghệ thuật kiến trúc nhà vườn, đã làm cho bức tranh kiến trúc truyền thống Việt Nam thêm phong phú, khác với kiểu kiến trúc nhà ống ở Hà Nội.

Kiến trúc thời cận đại

Hay còn gọi là kiến trúc thời thuộc Pháp. Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp đặt xong nền đô hộ ở nước ta. Đặc điểm kiến trúc thời này chịu ảnh hưởng của kiến trúc Pháp thể hiện trong quy hoạch đô thị cũng như trong công trình kiến trúc. Mỗi công trình kiến trúc thời này đều có sự chuyển hóa, hòa trộn của hai trường phái kiến trúc Pháp và Việt Nam.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Cũng từ thế kỷ XIX trở đi, nền kiến trúc Việt Nam ngoài những yếu tố tiếp thu nghệ thuật kiến trúc phương Tây còn xuất hiện thêm một yếu tố mới, mang tính chất tín ngưỡng, đó là những nhà thờ Thiên Chúa giáo. Nhà thờ Thiên Chúa giáo mọc lên khắp nơi, từ nông thôn đến thành thị, đâu đâu cũng thấy nổi lên những tháp chuông kiểu Gotique vút nhọn lên cao. Trong đó đáng kể nhất là những nhà thờ có quy mô lớn như nhà thờ Lớn, nhà thờ Cửa Bắc, nhà thờ Hàm Long (Hà Nội), nhà thờ Phú Nhai, nhà thờ Bùi Chu (Nam Định), nhà thờ La Vang (Quảng Trị), nhà thờ Đức Bà (Sài Gòn)... Điều đặc biệt thú vị của những công trình này là tuy kiến trúc đậm đặc phong cách châu Âu, nhưng khi xây trên đất Việt Nam lại được pha trộn với bóng dáng đình chùa Việt và những nét kiến trúc truyền thống Việt Nam, mà tiêu biểu nhất là nhà thờ đá Phát Diệm (Ninh Bình).

Kiến trúc hiện đại

Sau ngày đất nước thống nhất (1975), kiến trúc Việt Nam đã có bước phát triển mạnh. Nhiều khu dân cư mới, nhiều nhà chung cư cao tầng, nhiều đô thị mới, khu công nghiệp, nhiều làng xóm được quy hoạch. Nhiều công trình kiến trúc bề thế có giá trị nghệ thuật cao lần lượt mọc lên: nào là nhà văn hóa, cung thể thao, sân vận động mái che... Do yêu cầu cuộc sống, cũng như do nguyên vật liệu truyền thống không còn đáp ứng được yêu cầu kiến trúc đương đại, nên kiến trúc truyền thống đang được thay thế bởi kiến trúc hiện đại mang nhiều dáng vẻ pha tạp (đôi khi thiếu chọn lọc), nhất là kiến trúc nhà ở tư nhân.

NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Việt Nam có vô số tài nguyên thiên nhiên như tre, nứa, mây song, giang, nứa... cùng với những vỏ sò, điệp, các loại đá hoa cương, đá quý, lại thêm những cánh đồng cói mênh mông, những rừng gỗ bạt ngàn... đều là những nguyên liệu phong phú, đa dạng mà người Việt biết tận dụng để tạo ra những sản phẩm phục vụ nhu cầu cuộc sống thường ngày.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Việt có hầu hết những nghề thủ công phổ biến trên thế giới, như khắc đá, khắc gỗ, gốm sứ, thủy tinh, thêu, ren, đồ trang sức, vàng, bạc... Nhưng đặc biệt người Việt còn có một loại mỹ nghệ được nhiều người ưa thích là hàng mây tre đan thủ công.

Yêu cầu của hàng thủ công mỹ nghệ do người Việt làm ra không chỉ dừng lại ở tính năng sử dụng mà còn đòi hỏi tính thẩm mỹ cao qua việc tạo dáng, trang trí. Sự đòi hỏi đó không chỉ là đối với những sản phẩm mang tính nghệ thuật như bức tranh, pho tượng... mà ngay cả những vật dụng hằng ngày như lọ hoa, chiếc khăn trải bàn, bộ bàn ghế mây, chiếc nón che đầu... cũng đều hướng đến tính nghệ thuật cao, đậm đà bản sắc dân tộc. Đó chính là yếu tố thúc đẩy làm cho hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam ngày càng phát triển tính thẩm mỹ cao, được bạn bè khắp năm châu bốn bể yêu chuộng.

Gốm sứ cổ truyền

Nghề gốm sứ cổ truyền xuất hiện ở Việt Nam khá sớm, theo các nhà nghiên cứu là cách nay khoảng một vạn năm.

Các cuộc khai quật khảo cổ cho thấy là vào thời tiền sử các sản phẩm gốm đất nung thường thô, có pha lẫn cát và các tạp chất khác, được tạo dáng bằng tay, có hoa văn đơn giản như vạch chéo, vân sóng nước, vân chải răng lược. Các hoa văn này được tạo ra khi sản phẩm còn ướt. Trong đó một số được tạo bằng bàn dập hoặc dùng que nhọn để vạch.

Các nhà khoa học khi nghiên cứu đồ gốm thời tiền sử đều khẳng định rằng, trong một thời gian dài từ khi phát minh ra đồ gốm đến thời đá sơ đồng, các loại đồ gốm đều do phụ nữ làm, được nung bằng lò lộ thiên, nhiệt độ khoảng dưới 700^{0}C. Các sản phẩm thời kỳ này chủ yếu là đồ gia dụng: đun nấu, đồ đựng... Về cuối thời tiền sử có thêm những đồ dùng để ăn uống và đồ trang sức.

Đến thời kỳ đồ đồng (cách nay 4.000 năm), phần lớn các sản phẩm gốm đều được tạo dáng trên bàn xoay thủ công, nhờ vậy mà tạo ra được nhiều chủng loại và kiểu dáng phong phú mang

https://www.facebook.com/taybanganh/

tính mỹ thuật. Ngoài các sản phẩm truyền thống: đồ chứa đựng, đồ dùng để ăn uống, công cụ lao động, bước đầu đã xuất hiện gốm mỹ thuật, trang trí, trang sức; các hoa văn minh họa với nét chìm là chủ yếu. Một số sản phẩm đã được nhuộm một lớp màu bên ngoài bằng nước đất khác màu.

Sang thời đại đồ sắt, đồ gốm người Việt phát triển khắp nơi trong nước. Tuy vậy, gốm vẫn còn thô sơ, non lửa, nhưng về tạo dáng và trang trí đã có những bước tiến bộ đặc sắc vượt hẳn so với các thời kỳ trước. Các sản phẩm gốm thời kỳ này vẫn là sản phẩm của những cư dân nông nghiệp, gắn với ruộng đồng, nhưng lực lượng nam giới đã đóng vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất.

Đến thế kỷ II trước Công nguyên, nước ta bị đặt dưới ách thống trị của phong kiến phương Bắc. Đồ gốm người Việt vẫn tiếp tục phát triển trên cơ sở của những kinh nghiệm cổ truyền, lại tiếp thu những tinh hoa của gốm Trung Hoa. Về chủng loại sản phẩm, có thêm gốm kiến trúc như gạch, ngói, các loại tượng động vật nhỏ như lợn, bò với kiểu dáng rất sơ sài. Phong cách gốm của thời kỳ này chịu ảnh hưởng gốm Hán. Đặc biệt hoa văn trang trí có sự kết hợp hoa văn Việt và hoa văn Hán khá nhuần nhuyễn.

Gốm sứ thời Lý - Trần

Vào thế kỷ X, lịch sử dân tộc ta bước sang giai đoạn mới: thời kỳ xây dựng một quốc gia độc lập, tự chủ, sau hơn 10 thế kỷ bị phong kiến phương Bắc đô hộ.

Trong suốt 4 thế kỷ qua 2 triều đại Lý, Trần, xã hội Việt Nam đã có những bước phát triển mới vượt bậc. Riêng đồ gốm đã đạt được những thành tựu rực rỡ. Với vốn kinh nghiệm tích lũy lâu đời, nhất là sau khi thoát khỏi ách đô hộ ngoại bang, người thợ gốm Việt Nam càng có điều kiện phát huy tài năng sáng tạo của mình, thúc đẩy nghề gốm của ta tiến một bước dài về kỹ thuật lẫn nghệ thuật. Đồ gốm Việt Nam đã có một ảnh hưởng nhất

https://www.facebook.com/taybanganh/

định đến một số nước trong vùng trong việc sản xuất gốm. Đặc biệt người Nhật rất ca ngợi đồ gốm Việt Nam. Những người thợ gốm giỏi của Nhật thừa nhận: việc bắt chước được đồ gốm của người Việt là một thành công lớn đối với họ.

Trong thế kỷ XI - XII, những trung tâm sản xuất đồ gốm ở nước ta phần lớn là ở Thăng Long, Thanh Hóa và một số vùng lân cận Thăng Long như Bát Tràng, Thổ Hà, Phú Lãng... Đồ gốm trong giai đoạn này không chỉ là đồ gia dụng mà còn phát triển mạnh các sản phẩm trang trí kiến trúc. Nhu cầu xây dựng nhà ở khang trang, đẹp đẽ của nhân dân ngày một gia tăng, cùng với sự phát triển xây dựng những cung điện nguy nga, những chùa tháp phục vụ tôn giáo dưới triều Lý-Trần, đòi hỏi vật liệu trang trí kiến trúc và vật liệu xây dựng phải đáp ứng cả 2 yêu cầu đẹp và bền vững. Đó là những nguyên nhân khiến cho sản phẩm gốm thời Lý - Trần phát triển nhanh chóng cả về số lượng lẫn chất lượng và mỹ thuật.

Cho đến nay những di tích xây dựng từ thời Lý như chùa Dạm, chùa Phật Tích (Bắc Ninh), đặc biệt kinh thành Thăng Long cũ (mới đây các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều di tích ở khu Hoàng Thành là nơi tập trung xây dựng nhiều cung điện của vua quan thời Lý-Trần) đã cho thấy các loại, gạch, ngói cùng các chi tiết trang trí kiến trúc bằng đất nung để mộc hoặc phủ men có giá trị nghệ thuật độc đáo.

Đó là những viên gạch có hoa văn trang trí dùng lát nền hoặc xây xốp trang trí mặt tường các cung điện, chùa tháp (như tháp Bình Sơn, Vĩnh Phúc). Loại gạch này có nhiều hình dáng, kích thước khác nhau, gồm nhiều hình rồng, phượng, hoa lá... khắc chìm hoặc in nổi lên mặt gạch. Phương pháp thể hiện trang trí chủ yếu là in khuôn lên mặt gạch khi đất còn ướt. Bố cục trang trí linh hoạt. Những viên gạch vuông chung quanh viền một đường chỉ hình tròn, trong hình toàn chạm hoa sen, hoặc hoa cúc dây mềm mại, có khi chạm hình rồng uốn khúc, thắt túi. Có loại gạch hình đa giác, có loại tròn, có loại hình chữ nhật. Có những

https://www.facebook.com/taybanganh/

bố cục trang trí to, rộng, muốn trang trí trọn vẹn phải dùng nhiều viên gạch gắn ghép với nhau mới thành hình như những viên gạch lát nền in hình hoa thị và hoa cúc phối hợp nhau.

Có những bộ phận trang trí kiến trúc được chạm trổ tinh vi dùng gắn bờ nóc, diềm mái, hoặc đầu đao mái nhà, đình chùa, cung điện. Có bộ phận trang trí tựa hình chiếc lá nhọn đầu, bên ngoài bao đường viền như mây lửa, bên trong chiếc lá chạm đôi rồng, có khi đôi chim phượng, dùng gắn trên bờ nóc hoặc diềm mái nhà chùa tháp như chùa Chò (Vĩnh Phúc) thời Trần. Phần lớn những bộ phận trang trí này bằng đất nung già, màu đỏ tươi, không phủ men.

Bên cạnh đồ gốm mang tính chất trang trí là chủ yếu còn có đồ gốm gia dụng phần lớn có tráng men, không chỉ có giá trị sử dụng mà còn thể hiện trình độ kỹ thuật, nghệ thuật cao của nghề gốm thời Lý-Trần ở nước ta.

Ngoài những sản phẩm thô sơ mang đậm nét dân gian, thời Lý-Trần còn làm được nhiều sản phẩm gốm quý và đẹp. Đồ gốm gia dụng tráng men của vùng Thanh Hóa, Thăng Long chế tạo có nhiều đặc điểm độc đáo: đất làm gốm được lọc kỹ tạp chất nên xương gốm mịn, rắn chắc và nặng, bên ngoài phủ một lớp men dày màu xanh mát, bóng như thủy tinh, có tên gọi là gốm men ngọc.

Những đồ gốm gia dụng thời Lý-Trần _ từ loại gốm men ngọc tinh tế đến đồ gốm trang trí men nâu thoáng đạt _ đều do nghệ nhân người Việt tạo ra, nên dù có bị ảnh hưởng bởi giao lưu văn hóa nghệ thuật với nước ngoài cũng như việc hướng đến yêu cầu phục vụ tôn giáo và tầng lớp quý tộc phong kiến lúc bấy giờ, nhưng vẫn mang đậm tính dân tộc, với một hình thức giản dị, màu sắc êm dịu, ấm cúng, cách trang trí trong sáng, thiết thực, không mang tính phô trương, cầu kỳ, xa lạ với người lao động.

Về kỹ thuật lò nung gốm, thời Lý-Trần có bước tiến lớn như việc sử dụng lò cóc, lò nằm, có khi dùng cả lò rồng để nâng nhiệt độ nung cho sản phẩm lên đến 1280^0C.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sự phát triển nghề gốm sứ đến nay

Từ thế kỷ XIV trở đi, nhiều trung tâm sản xuất gốm đi vào chuyên môn hóa, nổi tiếng như gốm Bát Tràng, gốm Phú Lãng, gốm Hương Canh, Hàm Rồng, Phú Vinh... Nhiều sản phẩm gốm đã có ghi nơi sản xuất, ngày tháng sản xuất và nghệ nhân sáng tạo ra nó. Nhiều quốc gia đã nhập gốm Việt Nam.

Tiêu biểu cho kỹ thuật, nghệ thuật gốm Việt Nam trong thời kỳ này là gốm hoa lam, gốm chạm đắp nổi tinh tế. Ngoài ra còn có loại gốm vẽ men mà giới Trà đạo của người Nhật thời đó rất ưa chuộng, gọi là "Hồng An Nam".

Về kỹ thuật nung, dùng các lò rỗng cỡ lớn, chế độ nung và nhiệt nung, điều khiển lửa một cách chủ động. Loại men tro trấu, tro cây được dùng nhiều.

Dưới triều Nguyễn, một vài cơ sở sản xuất gốm ở Biên Hòa, Lái Thiêu đã phát triển một loại gốm men lửa được sử dụng rộng rãi ở nhiều địa phương lân cận. Đầu thế kỷ XX, ở miền Bắc, một vài cơ sở đã nhập thiết bị nước ngoài và nghiên cứu sản xuất đồ sứ.

Nghề gốm ở Việt Nam phát triển nhiều nơi, từ miền Bắc tới miền Nam, nhưng lâu đời nhất phải kể đến gốm Bát Tràng.

Sản phẩm gốm sứ truyền thống Việt Nam có: bát, đĩa, ấm, chén, độc bình, đôn, chậu. Ngày nay gốm sứ ta rất đa dạng về chủng loại, phong phú về màu sắc, hình dáng, nhưng vẫn giữ được những nét truyền thống.

Gốm sứ Việt Nam đã có mặt tại nhiều thị trường thế giới.

NGHỀ KIM HOÀN

Nhiều tài liệu cổ cho thấy người Việt từ thế kỷ II, III đã biết chế tác vàng bạc làm đồ trang sức. Dân gian kể rằng, đất tổ của nghề làm đồ trang sức bằng vàng là vùng Định Công, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội, còn nghề chế tác bạc là ở làng Đồng Xâm (tên cũ là Đường Thâm, nằm ở hữu ngạn sông Hồng

https://www.facebook.com/taybanganh/

Giang), huyện Kiến Xương, Thái Bình. Ngày nay hàng chạm bạc Đồng Xâm rất phong phú, đa dạng về hình thức mẫu mã và khác hẳn so với hàng bạc của các nơi khác ở kiểu thức lạ, về hình khối, dáng vẻ sản phẩm cũng như họa tiết trang trí.

Ngoài ra, còn có dân Châu Khê, Bình Giang, Hải Dương là thủy tổ của nghề đúc vàng, đúc bạc.

Trong ngành chế tác hàng trang sức, mỹ nghệ vàng bạc, thường có các nghề như sau:

_ Nghề chạm: làm nổi hoa văn lên mặt đồ vàng bạc.

_ Nghề trổ: tạo ra hoa văn thủng.

_ Nghề đậu: nấu vàng bạc nóng chảy rồi kéo thành sợi, có đánh bóng.

Trong quá trình hình thành sản phẩm, các nghệ nhân của những nghề này có sự phối hợp với nhau để tạo ra những mặt hàng đẹp, những tác phẩm mỹ nghệ cao cấp mà chỉ có những nghệ nhân tài ba mới có thể một mình tạo ra được.

NGHỀ KHẮC GỖ

Nhu cầu trang trí trên các thành phần kiến trúc của cung điện, đền chùa, các đồ gia dụng... là rất lớn. Vì vậy mà nghề khắc gỗ của người Việt đã có từ lâu đời, và đặc biệt phát triển từ khi Đại Việt trở thành một quốc gia độc lập.

Để có những tác phẩm khắc gỗ, người thợ khắc phải dùng các loại dụng cụ khắc bằng sắt thép để tạo nên những hình khối nổi trên loại gỗ tốt. Công việc này bao gồm hai thao tác chính: chạm, là làm nổi hình khối và trổ, là làm thủng. Với bàn tay khéo léo, các nghệ nhân đã biến những khúc gỗ vô tri vô giác thành những câu chuyện cổ tích đầy lý thú, những vị Phật từ bi, những hoa lá, chim muông, những rồng, mây, rồng lửa, tứ linh... Sự sáng tạo đó là nhờ nghệ nhân đã biết thổi hồn vào tác phẩm, làm cho nó trở nên sinh động như biết nói, biết hành động... khiến cho người xem phải rung động.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sản phẩm khắc gỗ hết sức đa dạng, nào hoành phi, câu đối, sập gụ, tủ chè, bàn ghế, kiệu, tượng Phật, đồ thờ, ngai... Đặc biệt là trên các thành phần kiến trúc như: vì kèo, xà, cột...

Các làng nghề khắc gỗ ở Việt Nam có ở khắp nơi, từ Nam chí Bắc. Trong đó có một số làng truyền thống nổi tiếng từ lâu, như làng Lỗ Khê (Đông Anh, Hà Nội), Nội Duệ, Đồng Kỵ (Tiên Sơn, Bắc Ninh), La Xuyên (Ý Yên, Nam Định), Kim Bồng (Hội An, Quảng Nam)...

NGHỀ KHẢM TRAI

Nguyên liệu chủ yếu của nghề khảm trai là gỗ tốt, quý và các loại vỏ trai, vỏ hến, vỏ ốc biển... Người thợ chọn lấy các mảnh vỏ đẹp có vân óng ánh ngũ sắc hoặc vân xanh, vân vàng... rồi khảm lên mặt gỗ. Quá trình tạo ra sản phẩm khảm trai trải qua nhiều công đoạn, đòi hỏi người thợ khảm phải hết sức tỉ mỉ.

Trước hết vẽ mẫu tranh lên mặt gỗ rồi mài, cưa, đục mảnh và gắn (khảm) lên mẫu tranh. Sau khi khảm xong tranh, người thợ tiếp tục mài nhẵn và đánh bóng. Tranh khảm rất bền màu.

Hàng khảm có nhiều loại, gồm các loại hàng gỗ tốt cao cấp như: sập, tủ chè, ghế bành... Về hàng mỹ nghệ có các loại tranh phong cảnh, tranh tố nữ, tranh tứ bình: xuân, hạ, thu, đông. Đồ dùng gia đình như hộp đựng đồ trang sức, khay, bìa cuốn album...

Nghề khảm trai giúp cho các mặt hàng đồ gỗ, mỹ nghệ tăng giá trị lên gấp bội.

NGHỀ SƠN MÀI

Nghề sơn mài vốn là nghề của những người thợ thủ công. Họ tạo ra những mặt hàng mỹ nghệ như lọ hoa, đồ đựng nữ trang, hộp thuốc lá...

Từ chất liệu sơn mài, các họa sĩ Việt Nam đã áp dụng để vẽ tranh sơn mài. Đây là một loại tranh đặc biệt có giá trị cao và có độ bền.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nghề sơn mài cũng có ở nhiều nước trên thế giới. Riêng ở vùng Đông Nam Á, một số nước cũng trồng được cây sơn, nguyên liệu cơ bản để làm đồ sơn mài. Nhưng qua thực tế cho thấy, chỉ có cây sơn trồng ở đất Phong Châu, Phú Thọ của nước ta, mới cho ra loại sơn dùng làm đồ sơn mài tốt nhất. Vì vậy hàng sơn mài Việt Nam nổi tiếng bền đẹp, được bạn hàng trên thế giới ưa chuộng.

Các cuộc khai quật những ngôi mộ cổ có niên đại từ thế kỷ IV đến thế kỷ III trước Công nguyên đã tìm thấy trong đồ vật chôn theo người chết có những thứ đồ dùng làm bằng gỗ sơn. Điều đó chứng tỏ người Việt đã biết dùng gỗ sơn rất sớm.

Sử sách ghi lại rằng, vào thế kỷ XVIII, kinh thành Thăng Long (nay là Hà Nội) đã có phường chuyên làm đồ sơn. Đó là phường Nam Ngư.

Nghề sơn có hai loại: sơn quang dầu và sơn mài. Sơn quang dầu đơn giản, dùng nhựa sơn pha với dầu chẩu để vẽ, quét và giữ nguyên độ bóng. Hàng sơn mài phức tạp hơn, dùng nhựa sơn pha với nhựa thông vẽ lên mặt gỗ, rồi đem mài với nước để tạo màu sắc. Hàng sơn mài bền đẹp hơn sơn quang dầu. Tuy ra đời muộn hơn sơn quang dầu, nhưng sơn mài nhanh chóng chiếm được thị trường trong nước và thế giới.

Ban đầu, sơn mài chỉ có 4 màu: đen, đỏ, vàng, nâu. Ngày nay màu của sơn mài rất phong phú, đáp ứng được thị hiếu màu sắc của công chúng.

Mặt hàng sơn mài có nhiều loại: tranh sơn mài nghệ thuật (của các họa sĩ), tranh treo phổ thông, bình phong, lọ hoa, khay, bàn cờ... Hàng sơn mài đẹp, lộng lẫy mà sâu thẳm, lại bền lâu.

NGHỀ THÊU

Xem bản đồ cổ Thăng Long, Hà Nội ta thấy có phố Hàng Thêu chuyên làm và bán các đồ thêu ren (nay là đoạn cuối của

https://www.facebook.com/taybanganh/

phố Hàng Trống giáp với phố Lê Thái Tổ). Điều đó chứng tỏ rằng nghề thêu ở Việt Nam ra đời khá sớm. Xưa kia, nghề thêu chủ yếu sản xuất ra những mặt hàng phục vụ các tầng lớp giàu sang, quan lại, đền chùa hoặc các phường tuồng, chèo. Kỹ thuật đơn giản với một số màu nhất định.

Ngay từ thập niên đầu của thế kỷ XX, hàng thêu Việt Nam dần dần phổ cập phục vụ nhu cầu cuộc sống, mang tính trang trí mỹ thuật. Các nghệ nhân thêu đã biết kết hợp nghệ thuật xưa và nay để tạo ra những sản phẩm thêu đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng.

Ngày nay các loại hàng thêu rất phong phú. Thêu trên các loại chất liệu như sa tanh, soa, phin nõn, phin pha sợi nhân tạo, lụa tơ tằm... Mẫu thêu cũng có nhiều loại: phong cảnh, chân dung, các loại hoa: hoa cúc, hoa sen, hoa hồng..., đôi chim tùng hạc, đôi chim uyên ương...

Chất lượng và màu sắc chỉ thêu vô cùng phong phú, có thể thỏa mãn đến mức tối đa tư duy sáng tạo của nghệ nhân. Đồng thời việc dạy thêu cũng có phương pháp khoa học, đi từ những nét cơ bản, giản đơn đến những nét, mảng phức tạp, giúp cho người thợ dễ tiếp thu... Nhờ vậy mà trên thị trường, mặt hàng thêu rất đa dạng, nào khăn trải giường, váy, áo sơ mi, áo kimônô, khăn trải bàn, tranh treo tường...

Ở Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành trong cả nước đã xuất hiện nhiều cơ sở thêu. Đặc biệt ở Đà Lạt có xưởng thêu X.Q đã tạo ra nhiều mặt hàng nổi tiếng không chỉ trong nước mà đã xuất hàng đi nhiều nước trên thế giới. Ngay cả ở những thị trường khó tính như Nhật Bản, châu Âu và Mỹ, hàng thêu của X.Q cũng đã có mặt.

NGHỀ REN - RUA

Đối với Việt Nam, nghề ren-rua mới du nhập chưa lâu, nhưng với bàn tay khéo léo, óc sáng tạo và sự chịu khó cần cù của người

https://www.facebook.com/taybanganh/

thợ Việt Nam, nghề ren-rua đã có bước phát triển nhanh chóng cả về chất lượng lẫn nghệ thuật, đã tạo ra được những mặt hàng có chất lượng cao như bộ khăn phủ bàn, rèm cửa, găng tay phụ nữ... được người châu Âu (nơi đã sản sinh ra nghề ren-rua) thán phục và ưa thích.

NGHỀ ĐAN MÂY TRE

Tuy chưa tìm được một tài liệu nào ghi lại nghề đan mây tre Việt Nam ra đời lúc nào. Nhưng điều rất rõ ràng là hàng mây tre đan ở nước ta đã có từ hàng ngàn năm nay. Trước đây, nghề đan mây tre không ngừng phát triển nhằm thỏa mãn nhu cầu gia dụng như thúng, mủng, sàng, nia... những đồ dùng để đựng, để che (phên cót) dùng cho xay xát gạo... Ngày nay hàng mây tre đan trở thành hàng hóa tiêu dùng cả trong nước và xuất khẩu. Tại hội chợ quốc tế Paris Pháp năm 1931, hàng mây tre đan Việt Nam lần đầu tiên có mặt và được người dân Paris ưa thích.

Tại các hội chợ quốc tế như Leipzig (Đức), hội chợ Brno (Slovakia)... trong gian hàng thủ công mỹ nghệ của Việt Nam không thể thiếu mặt hàng mây tre đan, một thế mạnh hàng chất lượng cao và hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

Nguyên liệu dùng để sản xuất mặt hàng này là cây mây, cây tre, những đặc sản vô tận của rừng nhiệt đới Việt Nam. Hàng mây tre đan của Việt Nam có tới khoảng 200 loại, hầu hết có mặt trên thị trường thế giới và được khách hàng ưa chuộng đặt mua như: đĩa bày hoa quả, lẵng hoa, làn, bát, khay, lọ hoa, chao đèn, bộ bàn ghế, mành mành trang trí... Có mặt hàng hoàn toàn bằng mây (như bộ bàn ghế mây), có loại chỉ bằng tre, cũng có loại kết hợp cả mây và tre.

CHẠM KHẮC ĐÁ

Khi vừa xuất hiện trên trái đất thì con người đã biết sử dụng đá làm công cụ lao động. Điều đó nói lên rằng, đồ dùng bằng đá

https://www.facebook.com/taybanganh/

có độ tuổi ngang với lịch sử loài người. Song việc chạm khắc đá để làm ra sản phẩm thì xuất hiện cách đây chưa lâu. Nghề chạm khắc đá ra đời đã mang đến cho con người nhiều đồ dùng, đồ mỹ nghệ, đồ trang sức và cả đồ thờ tự...

Quá trình chế tác ra một sản phẩm từ đá phải qua khá nhiều công đoạn: làm phác thảo, dùng dụng cụ chuyên nghiệp chạm hình, đánh bóng, tạo màu. Đó là những công việc khá nhọc nhằn và tỉ mỉ, đặc biệt là với các sản phẩm có khối hình lớn.

Xưa kia, các sản phẩm khắc đá như các loại rồng đá, bia đá, tượng người, voi chầu, hổ chầu... phục vụ cho những công trình kiến trúc như đền, chùa, lăng tẩm, cung điện.

Ngày nay, sản phẩm chạm khắc đá phong phú về thể loại, kích cỡ, phong cách thể hiện và trên nhiều chất liệu đá khác nhau như: tượng Phật, tượng thánh, tượng danh nhân, tượng thiếu nữ, tượng muông thú, đồ trang sức... đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu trong nước và xuất khẩu.

Nghề chạm khắc đá xuất phát từ xứ Thanh, nhưng hiện nay nổi tiếng nhất về sản phẩm khắc đá phải kể đến dân làng Quan Khải, Hòa Khê dưới chân núi Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng. Từ những khối đá hoa cương vô cảm, qua bàn tay tài hoa của nghệ nhân truyền cảm hứng, đã trở nên có tâm hồn, có hơi thở. Theo từng nhát đẽo của nghệ nhân, những phong cảnh làng quê trù phú, những con vật quen thuộc dần dần hiện ra sống động, đủ sức lay động lòng người.

NGHỀ ĐÚC ĐỒNG

Đúc đồng là một trong những nghề thủ công truyền thống lâu đời và nổi tiếng ở Việt Nam. Sản phẩm bằng đồng rất đa dạng và đạt đến trình độ kỹ thuật mỹ thuật cao, thể hiện sự khéo léo của bàn tay và khối óc người thợ Việt.

Những hiện vật còn để lại đến ngày nay, cũng như các di vật khảo cổ khai quật được cho thấy là cách nay khoảng 3.000 năm

https://www.facebook.com/taybanganh/

người Việt đã có nghề đúc đồng tinh vi, như đúc các công cụ, đồ dùng, vũ khí và đồ trang sức...

Ngày nay, những người thợ đúc đồng Việt Nam tiếp thu và kế thừa tinh hoa của cha ông, tiếp tục tạo ra nhiều sản phẩm tinh xảo hơn, sáng tạo hơn, phục vụ các nhu cầu dân sinh, trang trí và tín ngưỡng.

Nghề đúc đồng có khắp ba miền Trung, Nam, Bắc. Vùng nào cũng có những trung tâm đúc đồng nổi tiếng. Miền Bắc phải kể đến các cơ sở đúc đồng Cầu Nôm (Bắc Ninh), Ngũ Xã (Hà Nội)... Miền Trung có phường Đúc (Huế), Phước Kiều (Quảng Nam)... Miền Nam có một số cơ sở đúc đồng ở Đồng Nai, Bình Dương...

Những sản phẩm đúc đồng cổ nổi tiếng gồm nhiều loại như chuông đồng chùa Trùng Quang (Bắc Ninh), hàng loạt trống đồng được đúc qua nhiều thời kỳ, tượng Phật Di Lặc chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh) cao 20m, chuông Quy Điền (Hà Nội) đã bị mất, vạc chùa Phổ Ninh (Nam Định), khánh chùa Thiên Mụ (Huế), Cửu vị thần công và Cửu đỉnh ở Đại Nội (Huế)...

Những cơ sở đúc đồng nói trên, hiện vẫn còn tiếp tục hành nghề và làm ra nhiều sản phẩm ngày càng tinh xảo, điêu luyện hơn. Năm 1952, làng Ngũ Xã đúc pho tượng Phật Di Đà chùa Ngũ Xã cao 3,95m, nặng 12,3 tấn, đặt trên tòa sen 96 cánh, đúc bằng 1,6 tấn đồng.

NGHỀ CHIẾU CÓI

Theo truyền tụng của người làng Hới (huyện Hưng Hà, Thái Bình) thì nghề làm chiếu là do ông Phạm Đôn Lễ, người làng Hới, làm quan thời Tiền Lê (908-1009), khi đi sứ sang Trung Quốc đã học nghề dệt chiếu ở Ngọc Hồ (Quảng Tây) để khi về nước dạy lại cho dân làng. Từ đó dân làng Hới có nghề dệt chiếu. Và vì thế, từ lâu nhân dân Thái Bình đã có câu "Ăn cơm lam, nằm giường hòm, đắp chiếu Hới". Bởi vì chiếu Hới không chỉ đẹp, bền mà còn có thể dùng đắp thay chăn vẫn ấm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Qua nhiều thế kỷ, nghề làm chiếu phát triển mạnh ở nhiều nơi, cả về quy mô, chất lượng và chủng loại sản phẩm, gồm: chiếu cải, chiếu đậu, chiếu đót, chiếu trơn, chiếu cạp điều có hoa văn trang trí, chiếu trải giường, trải xa lông, làm thảm...

Ngoài chiếu cói, các cơ sở còn làm thêm những đồ mỹ nghệ, đồ gia dụng bằng cói như làn xách tay, đĩa đựng hoa quả, túi...

Việt Nam ở vùng nhiệt đới gió mùa nóng, ẩm, dùng chiếu trải giường mùa hè nằm mát, mùa đông lại ấm, giặt lại mau khô. Vì thế sản phẩm chiếu được rất nhiều người ưa chuộng.

Ở Việt Nam có nhiều vùng dệt chiếu cói nổi tiếng như Hới (Thái Bình), Nga Sơn (Thanh Hóa), Phát Diệm (Ninh Bình)...

NGHỀ LÀM NÓN LÁ

Vật liệu làm nón gồm ba loại chủ yếu: tre để làm vành nón, lá buông để lợp và sợi móc (nay dùng sợi nilông) để khâu. Dụng cụ làm nón có khuôn nón làm bằng gỗ, kim khâu và một bếp gang để là phẳng lá.

Nón có nhiều loại, dùng cho các đối tượng khác nhau, như nón Tam Giang dùng cho người già cả, nón lá dùng cho những người giàu có, sang trọng, nón tu lờ dùng cho các nhà sư, nón chéo vành cho những chú lính lệ ngày xưa.

Điều đặc biệt là mỗi vùng, mỗi thời đại đều có những kiểu nón khác nhau. Nón ngày xưa là chiếc nón gần như phẳng, rộng vành, lợp lá dày, khá nặng. Chiếc nón Huế thanh mảnh, giữa hai lớp lá có để hoa văn hoặc bài thơ ngắn, nên được gọi là nón bài thơ.

Ngày nay, nón được cải tiến nhiều, trông thanh thoát, nhẹ nhàng. Xưa kia quai nón làm bằng sợi mây hoặc lạt tre vót mỏng. Ngày nay quai nón ngoài tác dụng giữ nón còn là nét trang trí đẹp cho chiếc nón và cho cả người đội nón. Vì thế, quai nón được làm bằng những băng vải mềm mại, đủ màu sắc.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chiếc nón không chỉ đi vào thơ ca Việt, mà cùng với chiếc áo dài tha thướt đã trở thành những biểu tượng của người của phụ nữ Việt.

NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU TRUYỀN THỐNG

Nghệ thuật tuồng

Miền Bắc gọi là tuồng, miền Nam gọi là hát bội, hoặc hát bộ. Tuồng là loại hình nghệ thuật sân khấu độc đáo của dân tộc, sống mãi với thời gian. Nghệ thuật tuồng ra đời từ thời Lý-Trần, đến thế kỷ XVII, XVIII, phát triển cực mạnh. Và đó chính là thời hoàng kim của tuồng. Dưới triều đại nhà Nguyễn, khoảng thế kỷ XIX, tuồng vẫn giữ được vị trí xứng đáng trong đời sống văn hóa ở cung đình cũng như trong dân chúng.

Tuồng có nguồn gốc từ miền Bắc, được Đào Duy Từ (con của một kép tuồng xứ Thanh) khi vào làm quan cho chúa Nguyễn ở Đàng Trong khuyến khích phát triển. Do đó nghệ thuật tuồng được coi trọng và phổ biến suốt chiều dài miền Trung mà nổi bật hơn cả là vùng đất Bình Định, một nơi có nhiều duyên nợ sâu nặng với nghệ thuật tuồng, với những nghệ nhân tiêu biểu như: Đào Tấn, Nguyễn Hiển Dĩnh, Phạm Chương...

Tuồng được phân chia thành nhiều loại, như: tuồng thầy (tuồng mẫu mực), tuồng ngự (tuồng cho vua xem), tuồng cung đình (chỉ diễn trong hoàng cung), tuồng đồ (do nghệ nhân phóng tác, không có trong sử sách) và tuồng tân thời (chuyển thể thành tuồng từ các tiểu thuyết). Tuy vậy, cũng có thể chia tuồng thành 2 loại cơ bản: tuồng kinh điển và tuồng dân gian. Hiện nay, trên đất nước ta có 3 phái tuồng: tuồng Bắc, tuồng Nam Bộ và tuồng miền Trung. Trong tuồng miền Trung, đặc biệt tuồng Bình Định phong phú và mang đậm màu sắc dân tộc hơn cả.

Nghệ thuật tuồng mang tính ước lệ rất cao, vì thế có những quy định bắt buộc trong lối nói, lối hát cũng như các điệu bộ múa.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Điều đặc biệt trong nghệ thuật tuồng là không gian và thời gian được "đặt" vào trong những câu nói, câu hát, những động tác múa, những đạo cụ thô sơ... Và nhờ sự khái quát hóa cao, cộng với sự tưởng tượng phong phú của khán giả mà thời gian và không gian ở đây hiện ra lung linh, uyển chuyển. Trên sân khấu tuồng hầu như không có gì nhiều, nhưng khán giả đã hình dung thấy cả núi, sông, sáng sớm, chiều hôm, trận mạc, lên ngựa, xuống thuyền...

Ngoài tài diễn xuất của diễn viên, đạo cụ, trang phục cho từng diễn viên trong vở tuồng cũng đóng vai trò quan trọng, giúp thể hiện hoàn chỉnh về tạo dáng, màu sắc để đạt đến sự hoàn chỉnh về nghệ thuật.

Do đặc tính ước lệ cao mà tuồng cổ không lệ thuộc vào trang trí mỹ thuật, phông màn. Về hóa trang, có quy ước theo một số mẫu nhất định. Ví dụ, diễn viên đóng vai nịnh thì mặt rằn, râu ngắn, đóng vai trung thì mặt đỏ, râu dài (có khi mặt khuyên đen, chấm đỏ).

Nam diễn viên gọi là "kép". Kép có nhiều loại: kép văn, kép võ, kép rừng, kép biển... Khi vào vai lão sẽ có lão văn, lão võ, lão tiều, lão ngư... Nữ diễn viên gọi là "đào". Đào cũng có nhiều loại: đào chiến, đào lẳng...

Kho tàng nghệ thuật sân khấu tuồng Việt Nam từ xưa đến nay vô cùng phong phú, có đến vài trăm vở. Nhưng theo thời gian và với những biến cố lịch sử, nhiều bản văn bị thất lạc, mất mát khá nhiều. Đến nay chỉ còn lại một số, trong đó có những vở tiêu biểu như: Tam nữ đồ vương, Đào Phi Phụng, Sơn Hậu, Lý Phụng Đình, Mã Phụng Cầm, Kim Thạch kỳ duyên, Trưng nữ vương... và những vở tuồng đồ như: Nghêu-Sò-Ốc-Hến, Trần Bồ, Trương Ngáo...

Nghệ thuật tuồng là di sản văn hóa phi vật chất quý giá của dân tộc, không chỉ được nhân dân ta ngưỡng mộ, mà còn được bạn bè trên thế giới đánh giá cao. Các nhà nghiên cứu nghệ

https://www.facebook.com/taybanganh/

thuật sân khấu cổ điển phương Tây đã thừa nhận nghệ thuật tuồng là đặc sắc, là bảo vật văn hóa của Việt Nam.

Dưới ánh sáng đường lối văn nghệ của Đảng, nghệ thuật tuồng của ta không ngừng phát triển và nâng cao, với sự đóng góp to lớn của các nhà sáng tác, các nhà nghiên cứu và các nghệ sĩ tiêu biểu như: Tống Phước Phổ, Nguyễn Nho Túy, Ngô Thị Liễu, Bạch Trà, Võ Sĩ Thừa, Hoàng Châu Ký... cùng với một thế hệ đầy tài năng đang tiếp bước như: Đàm Liên, Mẫn Thu, Tiến Thọ, Kim Cúc...

Nghệ thuật chèo

Sân khấu chèo có nguồn gốc từ đồng bằng Bắc Bộ, từ Nghệ Tĩnh trở ra. Hình thức sơ khai ban đầu của chèo là trò nhại, trò diễn xướng dân gian, có từ thế kỷ X, XI. Lúc đầu, chèo xuất hiện ở các làng quê, dần dần trở thành loại hình sân khấu tiêu biểu của người dân đồng bằng Bắc Bộ. Xưa kia, ở vùng nông thôn có lập ra những phường chèo do một ông trùm dẫn đầu, đi diễn ở các thôn xóm vào những dịp mùa xuân, mùa thu, khi nông dân nhàn rỗi. Mỗi phường chèo có khoảng mươi, mười lăm người, kể cả nhạc công.

Bộ gõ đóng vai trò quan trọng nhất trong sân khấu chèo. Diễn viên gồm: đào, kép, lão, mụ, hề. Nhưng có khi chỉ cần một đào, một kép, một hề xuất sắc cũng đã thu hút được sự hưởng ứng của khán giả.

Cũng như nghệ thuật tuồng, tính ước lệ trong chèo khá cao, không chỉ thể hiện ở diễn xuất của diễn viên mà còn cả ở trang trí. Sân khấu chèo cổ không cần phông, màn, chỉ cần một tấm vải màu ngăn đôi buồng trò và sàn diễn. Hai chiếc chiếu trải ở giữa, khán giả ngồi vây ba mặt. Sân khấu chèo giản đơn là vậy, và đó chính là chèo sân đình. Buổi biểu diễn chèo thường bắt đầu bằng điệu hát vỡ nước, và một hồi trống vang lên, một người ra giáo đầu. Buổi diễn kết thúc có hát vãn trò và trống giã đám.

Tiếng trống chèo có ma lực mạnh cuốn hút bao thế hệ khán giả ở nông thôn từ ông già, bà lão đến thanh niên trai trẻ và

https://www.facebook.com/taybanganh/

các cháu thiếu niên. Trong chèo, trống giữ một vai trò đặc biệt. Trống do một người có uy tín hoặc một người am hiểu điều khiển, để cầm trịch buổi diễn và để tỏ ý thưởng phạt, giám định sự diễn xuất của đào kép.

Chèo thuộc loại sân khấu kể chuyện (tự sự). Vì thế, giữa người diễn và người xem có sự giao lưu khăng khít. Người diễn ra xưng danh để người xem dễ theo dõi.

Nghệ thuật chèo gồm múa, hát và âm nhạc. Tính chất văn học của chèo nằm trong tích trò (còn gọi là cốt chuyện). Văn chèo mang đậm màu sắc trữ tình của ca dao, tục ngữ. Trong múa chèo, tiếng cười dân dã nhưng đầy chất trí tuệ, thông minh và tràn đầy tính lạc quan. Đôi khi cũng có những lúc cười ra nước mắt, nhưng luôn có giá trị nhân văn sâu sắc.

Ở nước ta, những vùng chèo nòi, chèo gốc gọi là chiếng chèo, như: Chiếng Đông, Chiếng Đoài, Chiếng Nam, Chiếng Bắc. Những chiếng chèo này đã từng nổi tiếng khi xưa.

Những vở chèo cổ được các thế hệ người Việt Nam ưa thích trước hết phải kể đến: Lưu Bình-Dương Lễ, Trương Viên, Kim Nham, Quan Âm Thị Kính..., được coi là vốn quý của sân khấu cổ truyền dân tộc.

Ngày nay, với sự phát triển của nhiều loại hình văn hóa có sức thu hút mạnh mẽ sự thưởng thức của công chúng, để bảo tồn và phát huy vốn cổ dân tộc, các thế hệ nghệ sĩ, các nhà nghiên cứu trong làng chèo đã mạnh dạn cách tân chèo, nhằm nâng cao hơn nữa giá trị thưởng thức cho khán giả cả thành thị lẫn nông thôn. Những nghệ sĩ có tên tuổi đã cống hiến không mệt mỏi cho nghệ thuật chèo Việt Nam là: Trần Huyền Trân, Trần Bảng, Tào Mạt, Trùm Thịnh, Cả Tam, Dịu Hương, vua hề Năm Ngũ và Diễm Lộc...

Nghệ thuật cải lương

Cải lương là loại hình nghệ thuật sân khấu kịch hát dân tộc, sinh sau đẻ muộn so với tuồng và chèo. Sân khấu kịch hát cải lương ra đời cách nay khoảng hơn 100 năm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trước khi nói đến nghệ thuật cải lương, chúng ta cần tìm hiểu nguồn gốc của 2 chữ cải lương. Theo ngữ nghĩa thì cải lương là làm thay đổi dần dần cho tốt hơn lên. Nhưng cụm từ cải lương dùng trong tên gọi của bộ môn nghệ thuật này là được rút ra từ trong câu: "Cải tục duy tân, lương tri tâm điền", do ông Trương Duy Toản trong phong trào Duy Tân ở Mỹ Tho nêu lên từ đầu thế kỷ XX, chủ trương dùng nghệ thuật để cải cách xã hội theo hướng tiến bộ. Theo ông, nghệ thuật dùng ở đây là "nghệ thuật cải lương".

Theo các nhà nghiên cứu nghệ thuật, sân khấu cải lương được hình thành từ phong trào ca nhạc tài tử Nam Bộ. Từ hình thức đàn ca thính phòng, tiến tới cách diễn xướng, diễn viên vừa hát vừa biểu diễn động tác để minh họa, gọi là ca ra bộ. Ca ra bộ là chiếc cầu nối giữa đàn ca thính phòng và sân khấu kịch hát cải lương.

Khi mới ra đời nghệ thuật cải lương gắn bó với người dân Nam Bộ, do đặc điểm phát âm của người miền Nam, nên giọng Nam Bộ ca cải lương được mọi người ưa thích. Hiện nay, sân khấu cải lương có sức chuyển tải lớn đã phát triển rộng khắp nước.

Cũng cần nói thêm rằng, năm 1910, ông Nguyễn Tống Triều (người Mỹ Tho) cùng với ban nhạc tài tử của mình đã đặt những viên gạch đầu tiên cho nền nghệ thuật sân khấu cải lương của nước nhà. Bảy năm sau, năm 1917, vở Kim Vân Kiều của Châu Văn Tứ (cũng người Mỹ Tho) ra mắt công chúng trong ba đêm liền. Thời điểm đó được coi là cái mốc sân khấu cải lương chính thức ra đời.

Cũng như các nghệ thuật kịch hát dân tộc khác như tuồng, chèo, cải lương cũng bao gồm: múa, hát, âm nhạc và tất nhiên phải có tích trò.

Ca nhạc cải lương bắt nguồn từ các điệu dân ca Nam Bộ như các điệu lý và được bổ sung thêm hàng trăm điệu hát mới, tiêu biểu nhất bài ca vọng cổ Dạ cổ hoài lang của Sáu Lầu (tức Cao Văn Lầu, người Bạc Liêu) sáng tác năm 1920.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Dàn nhạc cải lương không dùng bộ gõ như tuồng, chèo, chủ yếu dùng đàn ghi ta phím lõm và đàn nguyệt.

Sân khấu cải lương ra đời đáp ứng thị hiếu của công chúng đô thị, nên ngày càng phát triển mạnh mẽ. Tuy vậy có lúc, có nơi, cải lương không tránh khỏi bị pha tạp, lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường như loại cải lương Hồ Quảng, chịu ảnh hưởng nhiều điệu Trung Hoa vào những năm 1935-1936, hay loại cải lương kiếm hiệp (1937-1939), đưa ra những vở chắp vá Tàu, ta một cách thô thiển.

Mặc dầu sinh sau, nhưng sân khấu cải lương đã nhanh chóng đi vào đời sống công chúng và hình thành một khối lượng không nhỏ các vở diễn. Nhiều vở diễn ra đời đã được công chúng nhanh chóng đón nhận như: Lục Vân Tiên, Lưu Bình-Dương Lễ...

Trong quá trình phát triển, đã có lúc cải lương bị ngộ nhận là loại nghệ thuật "làm nhụt ý chí cách mạng". Song cải lương đã tự khẳng định mình, và ngày càng phát triển, được công chúng mến mộ, và sân khấu cải lương được coi là một trong những bộ môn sân khấu nghệ thuật dân tộc. Những người có công làm rạng rỡ tên tuổi cho bộ môn nghệ thuật này trước hết phải kể đến các nghệ sĩ như Phùng Há, Trần Hữu Trang, Ba Vân, Năm Phỉ, Ba Du, Tám Danh, Năm Châu, Thanh Nga, Sĩ Tiến, Bạch Tuyết...

Hát quan họ

Hát quan họ là một thể loại ca nhạc dân gian truyền thống của người Việt ở vùng Kinh Bắc (Bắc Ninh ngày nay). Hát quan họ bắt nguồn từ những lối hát đối đáp của nam nữ thanh niên có từ lâu đời.

Lời hát quan họ chủ yếu theo thể thơ lục bát, giàu âm điệu, hình ảnh, đượm chất ca dao trữ tình lại vừa mộc mạc mà vừa duyên dáng, dí dỏm. Lời ca quan họ thường mang chủ đề tình nghĩa. Đó là tình nghĩa lứa đôi, là tình nghĩa giữa những người

https://www.facebook.com/taybanganh/

lao động cùng chung sống trong cộng đồng làng xã... Vì thế từ xa xưa đã hình thành nên những làng quan họ, với những liền chị, liền anh gắn bó đậm đà tình nghĩa...

Hát quan họ chỉ được tổ chức ở mỗi làng mỗi năm một lần vào dịp hội làng. Phần lớn hội làng mở vào mùa xuân, từ mồng 4 Tết trở đi. Các làng quan họ mở hội: ban ngày tổ chức các cuộc vui như đánh đu, kéo co, đánh cờ người, chọi gà, đấu vật... ban đêm tại sân đình, sân chùa hay sân nhà các gia đình quan họ, cũng có khi là trong nhà, những liền anh, liền chị cùng hát với nhau thâu đêm suốt sáng.

Phương thức hát quan họ ở các làng khá đa dạng, song tổng quát có những nét chung. Hát quan họ của người Việt chứa đựng cả những nét có ở nhiều thể loại đối đáp nam nữ của các dân tộc khác. Hát quan họ bao giờ cũng hát đôi nam nữ. Một khi đôi của làng bạn hát thì bên làng này cũng chuẩn bị một đôi để hát đối lại. Họ giao lưu tình cảm bằng lời hát, hò hẹn nhau cũng qua lời hát và nguyện kết bạn cũng qua lời hát... Trình tự hát vừa theo nội dung, lại vừa theo làn điệu, đối lời kèm theo đối giọng.

Về âm nhạc, hầu hết các bài hát quan họ gồm hai phần: phần đầu mang tính chất ngâm vịnh, nên tiết tấu chậm rãi, phần thân bài là ca khúc chính có tiết tấu nhanh hơn.

Theo thống kê chưa đầy đủ đến nay, dân ca quan họ có tới 200 làn điệu, mỗi làn điệu là một ca khúc hoàn chỉnh.

Về nguồn gốc hát quan họ, các nhà nghiên cứu âm nhạc dân gian đưa ra nhiều giả thuyết khác nhau. Nhưng các giả thuyết đều có một điểm chung là do tục kết bạn, kết nghĩa giữa con người với con người, giữa làng này với làng khác, trong những dịp đón xuân về gặp gỡ, hẹn hò, trao gửi tình cảm...

Hát văn

Còn gọi là hát chầu văn. Hát văn gắn với tín ngưỡng của người Việt. Sau nhiều thế kỷ phát triển, hát văn đã tạo ra được

https://www.facebook.com/taybanganh/

nhiều kiểu gõ nhịp và một hệ thống làn điệu phong phú với quy ước về cách vận dụng cho từng hàng Thánh và từng loại Phủ.

Ngoài ba hệ thống làn điệu riêng: cờn, dộc, xá, hát văn còn thu nạp khá nhiều làn điệu từ các làn điệu dân ca nhạc cổ khác, làm cho hát văn phong phú và đa dạng hơn.

Chúng ta biết rằng, trong sinh hoạt tín ngưỡng như cúng, lễ... bộ gõ có vai trò đặc biệt quan trọng. Chúng tạo nên một không khí trang nghiêm, hưng phấn cao, góp phần giúp người ngồi đồng có cảm giác như mình đang "thoát xác" để nhập thân với các vị Thánh, đồng thời kết hợp với yếu tố tâm linh có sẵn, chúng góp phần tạo nên một trạng thái tinh thần đặc biệt, khiến người ta có thể làm được những việc phi thường mà ở trạng thái bình thường khó có thể thực hiện được.

Hát văn cùng với tục hầu bóng tiêu biểu cho một loại hình sinh hoạt tín ngưỡng đang tồn tại ở các dân tộc trên đất nước ta. Ngoài yếu tố tâm linh, sự hấp dẫn bởi phần ca nhạc của hát chầu văn xưa kia cũng đã làm cho bao người say mê. Ngày nay, với nội dung mới, hát văn được giới thiệu trên sóng truyền hình, đài phát thanh, cũng như trên sân khấu ca múa nhạc, vẫn là một trong những tiết mục dân ca nhạc cổ được công chúng yêu thích.

Ca trù

Còn gọi là hát ả đào. Ca trù là một thể loại hát tao nhã, trong đó cả người hát lẫn người đàn và người thưởng thức đều tham gia vào cuộc hát. Họ phối hợp nhịp nhàng về kỹ thuật, hòa đồng về tâm linh, làm cho điệu nhạc, nét thơ hòa quyện vào nhau đạt đến độ hoàn hảo và giãi bày được tâm sự, thể hiện được ý nguyện của con người qua cách hát nói. Các nhà thơ xưa như Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Dương Khuê, Chu Mạnh Trinh, Vũ Phạm Hàm, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu... đều có để lại nhiều tác phẩm thơ là ca trù (thể hát nói) rất có giá trị trong kho tàng văn học nước nhà.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đến nay, ca trù đã tồn tại hơn 10 thế kỷ, là một bộ phận nghệ thuật độc đáo trong nền văn hóa dân tộc Việt. Cố nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát, người dày công nghiên cứu ca trù, lúc sinh thời đã từng coi "bộ môn nghệ thuật ca trù là chút hương hoa của tổ tiên ông, bà để lại", còn ông Viện trưởng Viện Âm nhạc Pháp đánh giá "Ca trù là đỉnh cao của âm nhạc nhân loại".

Tuy gọi là hát ca trù, nhưng đôi lúc trong ca trù gồm cả hát và múa, cùng với các trò vui được diễn trên nền nhạc và trống phách. Vì thế ca trù cũng được xem là một bộ môn nghệ thuật tổng hợp.

Các nhà nghiên cứu nghệ thuật cho rằng ca trù là bộ môn nghệ thuật hàn lâm, bác học. Nhưng nó có đời sống trong lòng nhân dân lao động, và từ xa xưa đã có chỗ đứng quan trọng trong sinh hoạt văn hóa dân gian, thể hiện qua những điều luật về tổ chức các phường ca trù ở các làng quê như: cách tổ chức, lễ tế tổ nghề, lễ mở xiêm áo...

Ngày nay nhiều vùng quê đồng bằng Bắc Bộ có thờ vị tổ nghề: Đền Hàng Trống (Hà Nội) thờ bà Nguyễn Thị Huệ, một ca nữ hát ả đào trong phủ chúa Trịnh.

Ca nhạc Huế

Ca nhạc Huế thuộc loại ca nhạc thính phòng bắt nguồn từ ca nhạc cung đình, dưới triều đại nhà Nguyễn vào đầu thế kỷ XIX, đặc biệt phát triển rực rỡ dưới thời vua Tự Đức.

Vào nửa cuối thế kỷ XIX, ca nhạc cung đình dần dần được lan truyền ra trong dân chúng và được bổ sung thêm các điệu hò, lý của dòng dân ca Bình Trị Thiên. Do đó, khi nghiên cứu ca nhạc Huế ta thấy có sự đan xen, hòa trộn giữa những làn điệu dân gian và những bài bản có nguồn gốc cung đình. Và cũng cần nói thêm rằng, Huế là xứ sở của miền Trung, nơi tiếp giáp hai miền Nam Bắc, nên trong văn hóa Huế nói chung và ca nhạc Huế nói riêng, có sự tiếp thu chọn lọc của dân ca hai miền Nam, Bắc. Bởi

https://www.facebook.com/taybanganh/

ca nhạc Huế có cội nguồn miền Bắc, lại có sắc thái Chàm phương Nam, càng làm cho ca nhạc Huế mang âm hưởng nhiều vùng, nên được công chúng nhiều miền mến mộ.

Trong ca nhạc Huế, yếu tố khí nhạc phát triển khá cao, và có thể trình tấu những tiết mục khí nhạc thuần túy như: độc tấu, song tấu, tam tấu...

Ngay sau khi ra đời, ca nhạc Huế dần dần phát triển. Sang nửa đầu thế kỷ XX, nó đã được sân khấu hóa để trở thành loại hình sân khấu ca nhạc truyền thống của người Việt và được gọi là Ca kịch Huế.

Dân ca bài chòi

Dân ca bài chòi ra đời ở miền Trung Trung Bộ. Do ở đó người dân có lối chơi bài trên các chòi trong hội xuân. Từ chỗ ban đầu người ta hô tên những con bài, gần như thuộc lòng và theo những giọng điệu lúc trầm lúc bổng nhất định, rồi qua năm tháng, dựa vào lối hô đó các nghệ nhân dân gian đã sáng tạo một thể loại dân ca độc lập để có thể diễn xướng ở mọi nơi, mọi lúc.

Nghệ thuật diễn xướng cũng ngày càng được các nghệ nhân cải tiến hoàn thiện và tạo thành những gánh hát bài chòi, rong ruổi đi hát khắp các đường quê ngõ chợ.

Sân khấu biểu diễn hát bài chòi rất đơn giản. Chỉ là chiếc chiếu trải ra trên một khoảnh đất trống nào đó, và diễn viên lên hát tự nhiên, khán giả đứng, ngồi chung quanh để xem.

Dân ca bài chòi hoàn chỉnh và được sân khấu hóa vào những năm 30 của thế kỷ XX, được gọi là kịch dân ca bài chòi.

Lý Nam Bộ

Lý là một loại dân ca thuần Việt, không chỉ có riêng ở Nam Bộ mà là ở khắp cả ba miền. Nhưng có lẽ các điệu lý ở Nam Bộ phát triển mạnh và được nhiều người biết đến hơn cả.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lý Nam Bộ không chỉ phong phú về số lượng mà cả về đề tài, nội dung cũng như tính chất âm nhạc. Đặc biệt là tính phổ cập trong công chúng.

Nội dung Lý Nam Bộ nói đến các sinh hoạt, các công việc hằng ngày cũng như tâm trạng của người dân. Lý còn đề cập đến các loài vật chim muông quen thuộc như lý con sáo, hoặc các loài cây cỏ, hoa trái... Đặc biệt nói đến tình yêu nam nữ, tình nghĩa vợ chồng, tình anh em, bè bạn... Lý thực sự là một thể loại dân ca phản ánh cuộc sống, ước mơ, những suy nghĩ, những tâm trạng của người dân Nam Bộ.

Lý Nam Bộ mang đầy đủ mọi sắc thái của tâm hồn Việt, nhưng trên một khía cạnh nào đó, nó mang những nét buồn sâu đậm hơn. Phải chăng nó đã phản ánh đúng tâm trạng của những người con dân Việt buổi đầu đến khai phá vùng đất mới?

Ngày xưa, lý Nam Bộ có mặt ở mọi nơi, mọi lúc. Nó thâm nhập vào cả những làn điệu ca nhạc cổ truyền, mang màu sắc tín ngưỡng. Ngày nay với sự nghiên cứu của một số nghệ sĩ, nhiều bài lý đã được chỉnh lý, cải biên, phù hợp với nhu cầu thưởng thức của công chúng hiện đại. Vì thế, lý Nam Bộ vẫn đang chinh phục trái tim thính giả mọi miền của đất nước.

Nghệ thuật múa rối nước

Nghệ thuật múa rối nói chung, như múa rối cạn, múa rối bóng... có ở nhiều nước trên thế giới. Nhưng riêng múa rối nước duy nhất chỉ có ở Việt Nam, mà chủ yếu là ở các vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.

Lịch sử nghệ thuật Việt Nam khẳng định rằng, múa rối nước xuất hiện từ đời Lý (1010-1225). Ngày nay ở làng Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam còn lưu giữ tấm bia đá khắc những dòng (chữ Hán) mô tả buổi biểu diễn múa rối nước mừng thọ vua Lý Nhân Tông vào ngày 3 tuần trăng thứ 8 năm 1121, tạm dịch như sau:

https://www.facebook.com/taybanganh/

"Dòng sông gợn sóng. Một con rùa vàng mang trên mình ba hang đá. Nó bơi thư thả trên mặt nước, rồi phun nước như mưa. Trong tiếng nhạc êm đềm, những cánh cửa của các hang động từ từ mở ra. Thế là các nàng tiên xuất hiện, múa điệu "Hồi Phong". Họ giơ những cánh tay mềm mại, nhíu cặp mày dài duyên dáng, nhịp với lời ca. Những con chim lạ bay đến, đậu từng đàn, rồi thử tài nhảy nhót. Những chú hươu non tung tăng... Rùa vàng nhìn về phía nhà vua, cúi đầu kính báo. Những bác tiều phu giương cung bắn thú..."

Tại hồ Long Trì, nằm dưới chân núi Sài Sơn, huyện Quốc Oai (Hà Tây), nơi có chùa Thầy nổi tiếng, cũng có bản văn hoa khắc ghi như sau: "... Giữa dòng nước lung linh, một con rùa vàng lớn nổi lên đội ba hòn núi..."

Qua sự mô tả trên bia đá, có thể khẳng định một điều rằng: sân khấu múa rối nước phải ở nơi hồ nước. Vùng đồng bằng Bắc Bộ nơi nào cũng có ao, hồ, đặc biệt ở mỗi làng quê Bắc Bộ, cạnh các đình, chùa thường có hồ nước vừa làm cảnh, vừa làm sân khấu biểu diễn múa rối nước. Chung quanh bờ hồ là nơi khán giả gồm trẻ già trai gái trong làng ngồi xem diễn trò vào những ngày hội hè, lễ tết... Bên cạnh bờ hồ người ta thường xây một ngôi thủy đình, nơi các nghệ nhân dùng để điều khiển con rối.

Những phường rối nước ở nước ta, đầu tiên xuất hiện tại các vùng ven sông Hồng như Thái Bình, Nam Định... Tại Thái Bình xưa có tới 7 phường rối nước, nhưng nổi tiếng nhất là phường rối nước làng Nguyễn, tức là làng Nguyên Xá, huyện Đông Hưng. Sau này các tỉnh Hà Nội, Hà Tây, Bắc Ninh, Hà Nam, Hải Phòng cũng đều có phường rối nước.

Phường rối nước, lấy đơn vị là làng, là một tổ chức hoạt động nghệ thuật không chuyên, đồng thời cũng là một tổ chức tương tế. Diễn viên là những thanh niên nông dân trong làng tự nguyện góp thóc gây dựng quỹ để chi dùng vào việc xây dựng tiết mục rối, làm con rối, đi biểu diễn và giúp đỡ lẫn nhau khi có người trong phường ốm đau, hoặc gặp khó khăn, hoạn nạn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hằng năm, phường rối nước làm lễ tế Tổ và nhận thêm người mới. Ai được nhận vào phường thì mang cơi trầu, chai rượu đến lễ Tổ, trình phường. Trong buổi lễ uy nghi, người được nhận vào phường phải thề giữ bí mật nhà nghề mà tổ tiên để lại. Nếu để lộ ra ngoài thì bị phạt nặng. Lệ phường không nhận giới nữ, phòng khi đi lấy chồng xa mang theo những bí truyền múa rối nước của làng để lộ cho người khác. Tất nhiên đó là chuyện ngày xưa. Ngày nay, lệ đó đã bị xóa bỏ.

Ngày xưa, mỗi phường rối nước thường có khoảng 80 người, trong đó có độ 20 người là thực sự hoạt động nghệ thuật, do một ông trùm đứng đầu điều hành mọi công việc, kể cả giữ tài sản chung của phường, đặc biệt là giữ các con rối. Trong số 20 người đó, tùy theo năng khiếu có người chuyên điều khiển con rối, một số khác chuyên tạo hình con rối, một số khác nữa viết lời ca, lời giáo đầu, số còn lại làm nhạc công.

Trong âm nhạc múa rối nước, bộ gõ gồm trống, mõ, thanh la... đóng vai trò hết sức quan trọng, gây sự phấn chấn cho khán giả.

Con rối nước là một tác phẩm điêu khắc dân gian rất có giá trị, làm bằng gỗ, bên ngoài phủ một lớp sơn không thấm nước. Nhân vật tiêu biểu nhất của sân khấu múa rối nước là chú Tễu, có thân hình tròn trĩnh, nụ cười hóm hỉnh lạc quan, yêu đời. Nghệ nhân khi điều khiển rối nước phải ngâm mình dưới nước trong buồng trò được ngăn cách với khán giả bằng bức mành tre. Họ điều khiển con rối bằng hệ thống "máy" sào hoặc "máy" dây.

Nghệ thuật múa rối nước truyền thống có nhiều trò rất lý thú như: múa Tễu, chọi trâu, chăn vịt, kéo cờ, đánh đu, Đường Tăng thỉnh kinh, Thị Mầu lên chùa, Đinh Bộ Lĩnh...

Rối nước là một nghệ thuật diễn xướng dân gian độc đáo của người dân trồng lúa nước, một sản phẩm văn hóa của nền văn minh lúa nước, là kết tinh của sự thông minh, sáng tạo và tài khéo léo của tổ tiên đời đời lưu truyền tới ngày nay.

https://www.facebook.com/taybanganh/

MỘT SỐ NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU

Âm nhạc Việt Nam có một truyền thống lâu đời. Từ xa xưa người Việt đã rất say mê âm nhạc. Đối với người Việt, âm nhạc là một nhu cầu, một món ăn tinh thần không thể thiếu trong cuộc sống. Vì vậy, trong quá trình phát triển lịch sử, dân tộc Việt đã sáng tạo rất nhiều thể loại ca nhạc để bộc lộ tâm tư tình cảm, để có thêm phấn chấn, sức mạnh trong lao động, trong chiến đấu, để giáo dục con cháu về truyền thống của cha ông, về đạo lý làm người...

Để thể hiện những làn điệu âm nhạc đó, người Việt đã chế tạo ra nhiều nhạc cụ rất độc đáo, có khả năng chuyển tải được các âm điệu phong phú của nhiều thể loại dân ca và cả những ca khúc hiện đại.

Đàn nguyệt

Miền Nam gọi là đàn kìm. Mặt đàn hình tròn như mặt trăng đêm rằm, phải chăng vì thế mà có tên là đàn nguyệt _ đàn mặt trăng? Đây là loại nhạc cụ thuộc bộ dây, đóng vai trò quan trọng trong dàn nhạc dân tộc. Phần lớn người chơi đàn nguyệt là nam giới, nên nó còn có tên "quân tử cầm".

Đàn nguyệt được sử dụng rộng rãi không chỉ trong dòng nhạc dân gian, mà cả trong âm nhạc cung đình, bác học cổ truyền. Theo các nhà nghiên cứu âm nhạc thì đàn nguyệt xuất hiện trong nền âm nhạc cổ truyền Việt Nam vào khoảng thế kỷ XI, tức vào thời đại nhà Lý.

Tiếng đàn nguyệt trong, vang xa, khả năng diễn cảm tinh tế và phong phú, khi sôi nổi, rộn rã, khi nỉ non sâu lắng.

Đàn bầu

Là nhạc cụ dân tộc độc đáo nhất vì nó chỉ có một dây. Dây đàn được mắc dọc theo hộp đàn. Xưa hộp đàn bằng ống bương, ống

https://www.facebook.com/taybanganh/

tre, nay được làm bằng gỗ cứng. Một đầu dây đàn được cuốn vào cọc phía dưới mặt đàn, đầu kia buộc vào vòi đàn, nơi có gắn núm là một quả bầu khô nhỏ (nay được làm bằng gỗ). Phải chăng vì có núm là một quả bầu nên đàn được gọi là đàn bầu"?

Vòi đàn vót từ cật tre (hoặc làm bằng sừng trâu) cắm xuyên qua mặt đàn tới phía đáy ở phía đầu đàn. Đó là bộ phận cơ bản để tạo ra các cao độ và trường độ ngân khác nhau. Nhờ có chiếc cần dẻo này mà nhạc công có thể điều chỉnh độ căng, chùng của dây đàn, tạo nên những chuỗi âm cao thấp nối tiếp nhau, khi khoan, khi nhặt, réo rắt, một cách mềm mại, uyển chuyển mà chỉ với một lần gẩy trên dây. Một điều đặc biệt là đàn bầu không có phím, nhưng có khả năng luyến láy tài tình dưới bàn tay điều khiển cần đàn điệu nghệ của người nhạc công. Nét đặc sắc của đàn bầu là kỹ thuật diễn tấu hoàn toàn chỉ sử dụng âm bồi. Do đó, âm sắc của đàn bầu đặc biệt êm dịu, du dương, sâu lắng, tinh khiết, mềm mại. Vì vậy, âm thanh đàn bầu rất gần với giọng người.

Đàn đáy

Trước kia chỉ dùng đàn đáy để đệm cho hát ả đào (ca trù) và hát cửa đình và chỉ dùng cho nghệ nhân nam giới. Đàn đáy ra đời cùng với sự ra đời của hát ca trù, tức là cách nay 10 thế kỷ. Đàn đáy có cần rất dài, phím cao, nên thuộc loại nhạc cụ trầm và phải có một kỹ thuật độc đáo ngón chùn làm cho âm thanh thấp xuống so với ngón bấm bình thường,

Âm sắc đàn đáy ấm, trầm, đục nhưng ít ngân dài, nhờ vậy nó có khả năng hòa tấu với các nhạc cụ khác mà không làm lu mờ âm sắc của những nhạc cụ đó.

Chính nhờ âm sắc đặc sắc đó của đàn đáy mà ngày nay người ta thường đệm đàn đáy cho các buổi ngâm thơ. Bởi tính chất khiêm tốn, nhũn nhặn của tiếng đàn khi đệm không làm át đi giọng ngâm của người nghệ sĩ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sáo trúc

Là nhạc cụ làm bằng một đoạn trúc dài khoảng 4^0Cm (có loại ngắn hơn), đường kính khoảng 2cm. Thân sáo được khoét 6 lỗ và một lỗ để thổi. Đây là loại nhạc cụ đơn giản nhất, nhưng khả năng diễn cảm rất lớn, rung động lòng người mỗi khi được thổi lên.

Sáo trúc được thổi trong những buổi ngâm thơ, làm cho đêm thơ thêm phần kỳ ảo.

TÔN GIÁO - TÍN NGƯỠNG

Trải qua mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, các thế hệ người Việt không chỉ phải chống kẻ thù xâm lược để bảo tồn nòi giống, dựng xây đất nước, mà còn phải đấu tranh với sức mạnh thiên nhiên đầy bí hiểm và khắc nghiệt; giông tố, bão lụt, thú dữ, bệnh tật và biết bao hiểm họa trong tự nhiên thường xuyên đe dọa cuộc sống. Trong buổi hồng hoang sơ khai đó, con người không sao lý giải nổi những sự kiện, hiện tượng phức tạp xảy đến cho mình. Với niềm khao khát duy trì sự sống, con người cần phải tìm điểm tựa ở những đấng siêu nhiên vô hình mà thuở đó họ tin rằng chính là những sức mạnh, quyền uy có thể gây ra bao đau khổ cho con người, có thể tùy ý ban thưởng hoặc trừng phạt hết thảy mọi người. Từ niềm tin chất phác đó, con người thấy cần phải tôn thờ các vị thần linh và tục thờ cúng ra đời, với các vị thần được thờ như thần Mặt trời, thần Sông núi, Biển cả, Thành hoàng làng... Song song theo đó, sự ngưỡng mộ và kính phục cùng với lòng biết ơn đối với những vị tổ tiên khai sáng làng xã, những anh hùng có công với đất nước, dân tộc đã mất... khiến cho người dân cũng muốn tôn xưng họ lên hàng thần thánh, nên người Việt có tục thờ cúng tổ tiên, thờ các anh hùng dân tộc như Hưng đạo Vương, Phạm Ngũ Lão, Bà Chúa Kho... Đôi khi, những hình tượng anh hùng có công khai sáng và thần thánh thiêng liêng cũng hòa quyện vào nhau thành những đối tượng thờ kính vừa thật vừa ảo, vì trong tư tưởng chất phác của người

https://www.facebook.com/taybanganh/

xưa không cảm thấy cần thiết phải phân biệt tách bạch, như trong hợp Tản Viên Sơn Thánh, Chử Đồng Tử, Từ Đạo Hạnh, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, Mẫu Liễu Hạnh...

Nguồn sống chính của con người nguyên thủy là săn bắt và hái lượm. Cuộc sống con người thật bé nhỏ mong manh. Cái sống, cái chết có vẻ như đều do trời đất, thần hổ, thần rắn... định đoạt. Vì thế, con người ngoài việc thờ thần Đất, thần Trời còn phải thờ các thần thú dữ: thần rắn, thần hổ...

Khi kinh tế trồng trọt và chăn nuôi phát triển, để ghi nhớ những biến động của thiên nhiên, theo thời vụ, những ngày lễ hội được tổ chức vào mùa xuân, mùa thu, vào những ngày nông nhàn. Rồi từ đó tục thờ thần Lúa cũng xuất hiện. Điều đó chứng tỏ rằng, vào thời cổ đại tín ngưỡng người Việt là tín ngưỡng đa thần. Điều đặc biệt là, thần linh của người Việt không xuất phát từ những triết lý cao xa của các tôn giáo, mà phần lớn gần gũi với con người, được tưởng tượng như sống quanh con người.

Trong quá trình phát triển của dân tộc, sự giao tiếp với ngoại bang qua con đường ngoại giao, giao lưu văn hóa, thương mại là điều kiện để tôn giáo khác du nhập vào Việt Nam, sớm như Phật giáo, Nho giáo... muộn như Thiên chúa giáo, Hồi giáo...

Một đặc điểm hết sức quan trọng là người Việt không theo khuynh hướng tín ngưỡng độc tôn. Trên đất nước Việt, các tôn giáo sống hòa hợp với nhau, bổ sung cho nhau trong lòng cộng đồng dân tộc. Nhìn tổng thể, tôn giáo ở Việt Nam có những khuynh hướng sau:

_ Nghiêng nhiều về tình cảm, lấy đức tin làm chính. Nhiều tín đồ tuy rất sùng đạo nhưng không hiểu nhiều về giáo lý. Đại đa số người dân tìm đến với tôn giáo là khi cuộc sống gặp nhiều khó khăn, trắc trở, hoặc khi đánh mất niềm tin vào cuộc sống thực tại. Tôn giáo là một nơi nương tựa tinh thần, một sự giải thoát và cũng là một niềm hy vọng. Vì vậy, người Việt thường không quá vội vã khi tiếp nhận một tôn giáo nào đó.

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Các tôn giáo được truyền từ ngoài vào ít nhiều đều được Việt hóa để phù hợp với cuộc sống của người dân. Vì thế, các tôn giáo khi đến Việt Nam đều chịu ảnh hưởng, tác động mạnh của văn hóa Việt, làm cho tính nguyên thủy của chúng phải biến dạng đi phần nào. Điều đó giúp cho tôn giáo trở thành một bộ phận hữu cơ, có những đóng góp to lớn trên các lĩnh vực tư tưởng, triết học đạo đức, nghệ thuật... của nền văn hóa Việt. Vì vậy, các tôn giáo Việt Nam đều đồng hành với dân tộc trong mọi thời đại.

_ Mặt khác, người Việt giàu lòng khoan dung độ lượng, nên giữa các tôn giáo luôn có sự hòa hợp. Đây là một biểu hiện cao đẹp của tình đoàn kết dân tộc trong tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam, góp phần tạo nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam trong việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, khiến cho không một kẻ thù nào có thể khuất phục nổi.

Một thực tế cho thấy, ngoài những tôn giáo du nhập từ nước ngoài như Phật giáo từ Ấn Độ (và cũng qua trung gian Trung Quốc), Nho giáo, Lão giáo từ Trung Quốc, Thiên Chúa giáo, đạo Tin Lành từ phương Tây... trong nước còn có một số đạo khác như Cao Đài, Hòa Hảo... Với nhiều màu sắc tín ngưỡng như vậy, nhưng ở Việt Nam chưa có xung đột tôn giáo. Sau đây, chúng ta sẽ đề cập đến một số tôn giáo chính:

Phật giáo

Phật giáo ra đời từ Ấn Độ vào khoảng thế kỷ VI - V trước Công nguyên. Phật giáo có hai tông phái chính: Đại thừa và Tiểu thừa. Đại thừa được truyền qua Trung Quốc rồi vào Việt Nam, còn Tiểu thừa được truyền qua Myanma, Thái Lan, Campuchia rồi vào Nam Việt Nam. Vì vậy, nói chung thì miền Bắc chịu ảnh hưởng nhiều của Phật giáo Đại Thừa, còn miền Nam chịu ảnh hưởng của Phật giáo Tiểu thừa.

Giáo lý của Phật giáo mang tính nhất quán, nhưng trong mỗi phái Đại thừa và Tiểu thừa có những nét riêng biệt. Tên gọi Đại thừa (大乘) vốn có nghĩa là "cỗ xe lớn", nên khuynh hướng của

https://www.facebook.com/taybanganh/

người tu theo Đại thừa là không chỉ tự giải thoát chính mình, mà song song theo đó còn phải nỗ lực để cứu vớt cho tất cả chúng sinh. Vì thế, tông chỉ của Đại thừa là "tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn". Tiểu Thừa (小乘) có nghĩa là "cỗ xe nhỏ", với khuynh hướng tự giác ngộ là chính, dựa trên lập luận là nếu chưa tự giải thoát chính mình thì không thể dựa vào đâu mà thực hiện việc giải thoát cho người khác. Như vậy, nỗ lực trước tiên và trên hết của người tu theo Tiểu thừa là phải tự mình đạt đến sự giác ngộ, rồi mới nói đến chuyện cứu độ chúng sinh. Trong khi đó Đại thừa chủ trương việc cứu độ chúng sinh chính là hạnh nguyện của người đang tu tập (Bồ Tát hạnh), và phải được thực hành ngay trong giai đoạn tu tập chứ không chờ đợi đến lúc đã chứng quả.

Vì vậy, xét về kiến trúc chùa chiền cũng như nghi thức cúng lễ của hai tông phái trên có những điểm khác nhau. Ngoài thờ Phật Thích Ca, Đại Thừa còn thờ chư Phật và chư vị Bồ Tát. Trên bàn thờ của ngôi chùa Đại Thừa có bốn cấp lớp tượng. Lớp trên cùng là tượng Tam Thế, gồm ba pho tượng giống nhau, tượng trưng cho quá khứ, hiện tại và tương lai. Lớp hai thấp hơn gồm: Tượng A Di Đà ở giữa, hai bên là tượng Bồ Tát Quán Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí. Lớp ba thấp hơn gồm tượng Phật Thích Ca ở giữa, hai bên là tượng Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền. Lớp thứ tư cuối cùng là tượng Cửu Long, còn gọi là tượng đản sinh của Phật Thích Ca, hai bên là tượng Vua trời Đế Thích và Đại Phạm Thiên Vương.

Ngôi chùa Tiểu Thừa thường chỉ thờ duy nhất đức Phật Thích Ca.

Nói chung, triết lý Phật giáo chủ yếu đề cao cái thiện, tình thương, lẽ phải và sự công bằng. Phật giáo khuyên chúng sinh nên tu nhân tích đức, chịu hy sinh, nhẫn nhục, không ham sắc dục, không chuộng công danh, không ham tiền bạc, tửu sắc...

Phật giáo vào Việt Nam từ rất sớm (có thể khoảng đầu Công nguyên), nhưng đặc biệt dưới các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần

https://www.facebook.com/taybanganh/

(từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV) Phật giáo Việt Nam mới phát triển cực thịnh và trở thành quốc giáo. Nhiều nhà sư trực tiếp tham gia công việc triều chính như Quốc sư Khuông Việt đời Đinh và Tiền Lê, thiền sư Vạn Hạnh đời Lý... Đời Trần, các vị vua như Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông đều là những nhà Phật học lỗi lạc của đất nước. Vua Trần Nhân Tông, sau khi đánh thắng quân Nguyên-Mông đã xuất gia và sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm-Yên Tử.

Phật giáo vào Việt Nam đã hòa nhập với tín ngưỡng dân gian. Vì thế, trong chùa không chỉ thờ Phật mà còn thờ các thần thiên nhiên như thần Mây, thần Mưa, thần Sấm... và thờ cả Nữ thần Nông nghiệp như ở chùa Dâu (Bắc Ninh), chùa Đậu (Hà Tây)... Đây là nét đặc trưng của Phật giáo Việt Nam.

Nhưng từ cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV trở đi, sự phát triển của Phật giáo đã phần nào bị hạn chế. Nho giáo được Nhà nước phong kiến xem trọng và dần dần chiếm địa vị độc tôn. Các nhà sư không tham gia triều chính, thay vào đó là các nhà Nho. Tuy vậy, chùa chiền vẫn phát triển mạnh.

Đặc biệt là Phật giáo Việt Nam còn phối hợp với Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian. Trong chùa, ngoài thờ Phật, có nơi còn thờ cả Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu... là những vị thần của Đạo giáo và có cả bàn thờ Mẫu (như Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải...) thuộc tín ngưỡng dân gian.

Nho giáo

Nho giáo do Khổng Tử (tên thật là Khổng Khâu, tự là Trọng Ni) người Trung Quốc sáng lập vào thế kỷ VI-V trước Công nguyên. Nội dung chủ yếu của Nho giáo là tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Nho giáo đề cao lòng trung quân, ái quốc, coi vua là thiên tử (con trời). Nhà vua bắt ai chết, người đó phải chết mới được gọi là trung (Quân sử thần tử, thần bất tử bất trung), vì ý vua là ý trời. Nho giáo đưa ra thuyết Tam cương, ngũ thường. Tam cương

https://www.facebook.com/taybanganh/

là 3 mối quan hệ: vua-tôi, vợ-chồng và cha-con. Ngũ thường là 5 đạo thường mà người tốt (hay người quân tử) phải có đủ: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nho giáo đề cao trí thức, coi thường người lao động, coi công việc lao động là của kẻ "tiểu nhân". Kẻ sĩ (giới trí thức) thanh tao hơn, chuyên việc đọc sách, dạy người. Tư tưởng ấy khuyến khích con người từ bỏ lao động khi có địa vị dù nhỏ trong xã hội.

Nho giáo buộc người phụ nữ phải theo đạo tam tòng, tứ đức. Tam tòng là 3 yêu cầu phục tùng, nghe theo, bao gồm: tại gia tòng phụ (ở nhà phải nghe lời cha), xuất giá tòng phu (lấy chồng phải nghe lời chồng), phu tử tòng tử (nếu chồng chết phải một lòng lo cho con). Tứ đức là 4 nết tốt, bao gồm: công, dung, ngôn, hạnh. Nho giáo lấy quan hệ vua tôi làm khuôn mẫu cho các mối quan hệ xã hội.

Nho giáo có những yếu tố tích cực trong việc giáo dục và nêu cao tinh thần đạo đức, nhưng trong thực tế đã bị giai cấp thống trị triệt để lợi dụng theo hướng có lợi để phục vụ cho việc kiềm chế mọi thế lực chống đối trong nhân dân.

Nho giáo truyền vào Việt Nam khá sớm, nhưng từ thế kỷ II mới được phổ cập. Dưới thời kỳ Bắc thuộc, các sách dạy về căn bản của Nho giáo như Luận ngữ, Kinh Xuân Thu được giảng dạy trong các trường học cho con em quan lại người Hán và người Việt. Tuy vậy, các lý thuyết về xã hội Nho giáo chưa ăn sâu vào công chúng. Mãi đến thời Lý (thế kỷ XI-XII) và đầu thời Trần (thế kỷ XIII), Nho giáo mới được phát triển song hành với Phật giáo và Đạo giáo. Năm 1070, Quốc Tử Giám, trường Đại học đầu tiên của Việt Nam được thành lập để đào tạo Nho sĩ và quan lại. Đến cuối thời Trần (thế kỷ XV) Nho giáo phát triển cực mạnh và bắt đầu lấn át Phật giáo. Sở dĩ Nho giáo chiếm địa vị quan trọng là vì nó hỗ trợ mạnh mẽ cho nhu cầu Nhà nước Trung ương tập quyền và phát triển sâu rộng một chế độ giáo dục, khoa cử đào tạo ra một hàng ngũ quan lại trung thành với chế độ phong kiến. Về mặt này, rõ ràng là vai trò của Phật giáo hoàn toàn

https://www.facebook.com/taybanganh/

không phù hợp. Bởi Phật giáo hướng đến xây dựng con người tốt đẹp, chân thiện, nhưng không khuyến khích việc đưa ra các biện pháp răn đe, trừng phạt những ai chống đối (mà ngược lại còn kêu gọi sự tha thứ, khoan dung). Trong khi đó, học thuyết Nho giáo, với cả một hệ tư tưởng tuyên truyền cổ vũ tôn thờ nhà vua, có đủ những cơ sở để giúp giai cấp thống trị trói buộc con người vào trật tự xã hội đương thời và biện minh cho sự đàn áp, khống chế, có tác dụng tích cực bảo vệ chế độ phong kiến và tôn ti trật tự của nó. Trong bối cảnh xã hội ngày càng loạn lạc, bất an, không còn thái bình thịnh trị như những ngày đầu của hai vương triều Lý, Trần, các vị vua cuối thời Trần và sau đó là trong suốt thời Hậu Lê đã phải đặc biệt quan tâm sử dụng Nho giáo như một công cụ hiệu quả trong việc giúp họ "an dân".

Nho giáo chiếm lĩnh đời sống tinh thần, tư tưởng Khổng Tử, Mạnh Tử được sùng bái coi là chuẩn mực của mọi tư duy, ngôn luận và hoạt động học thuật, nghệ thuật. Tuy vậy, nhiều nhà Nho Việt Nam như nhà giáo Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Lê Quý Đôn, Võ Trường Toản... đã tỏ ra rất sáng suốt, hoàn toàn không câu nệ, mù quáng theo học thuyết Nho giáo một cách rập khuôn.

Sau khi cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược (thế kỷ XV) thành công, nhà Hậu Lê ra đời. Để xây dựng nhà nước trung ương tập quyền, triều đình nhà Lê đã lấy Nho giáo làm chuẩn mực trong việc xây dựng các thiết chế chính trị, xã hội để điều hành công việc đất nước. Các Nho sĩ được nhà Lê trọng dụng. Dưới triều Lê, nhiều văn sĩ, học giả xuất hiện ngày càng nhiều như Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên, Lương Thế Vinh...

Những ảnh hưởng tích cực của Nho giáo là, một mặt nhà nước phong kiến Việt Nam rất quan tâm đến việc mở mang giáo dục, chú ý đào tạo nhân tài, sưu tầm biên soạn sử sách, mặt khác nhân dân cũng trở thành hiếu học, tôn sư trọng đạo, quý trọng văn hóa. Cả hai yếu tố đó đã góp phần làm cho Việt Nam trở thành một nước có nền văn hiến sớm hơn một số nước trong vùng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tuy vậy, Nho giáo là công cụ trong tay chế độ chuyên chế bảo vệ dòng chính thống, biến lòng trung nghĩa thành lực cản cho tinh thần đấu tranh chống áp bức, bóc lột, biến sự hòa mục thành sự áp bức của người trên đối với người dưới. Mặt khác, Nho giáo đề cao văn hiến, lễ nhạc, đề cao việc học hành, nhưng chỉ chú ý văn sử, lại coi thường khoa học kỹ thuật... Đó là trở ngại chính cho việc phát triển kinh tế, xã hội.

Lão giáo

Còn gọi là Đạo giáo hay đạo Lão, do Lão Tử khởi xướng vào thời Chiến Quốc ở Trung Quốc. Lão Tử họ Lý, tên thật là Nhĩ, tự là Bá Dương, thụy là Đam, nên còn gọi là Lý Đam, người làng Khúc Nhân, huyện Hỗ, nước Sở. Có thuyết cho rằng ông sinh vào đời Đông Chu, cùng thời với Khổng Tử.

Theo truyền thuyết, bà mẹ Lão Tử mang thai hơn 80 năm mới sinh ra ông. Lúc ông mới ra đời đầu đã bạc, nên gọi là Lão Tử.

Triết học Lão Tử chứa đựng nhiều yếu tố duy vật tự phát, vô thần và theo phép biện chứng. Lão Tử dựa vào thuyết duy vật nguyên thủy của Trung Quốc (như khí, âm, dương, ngũ hành) làm cơ sở cho hệ thống triết học của mình.

Song Lão Tử lại coi thể xác là nguồn gốc của đau khổ, tâm trí là nguồn cội của phiền lụy. Vì thế, ông chủ trương làm việc gì cũng phải xét cho thấu đáo việc đời, hiểu rõ hết tình người, đem một tấm lòng thanh tịnh hư không mà đối nhân tiếp vật, không có sự vương vấn nào trong tâm trí thì mới thấu hiểu được đạo, đạt đến cái thú ung dung, nhàn nhã, thanh thản, khoan thai...

Lão giáo về sau được Trang Tử (tức Trang Chu) phát triển thành chủ nghĩa yếm thế thoát tục, hoàn toàn trái với Nho giáo. Đạo Lão khuyên con người không nên hành động, thủ tiêu đấu tranh (theo thuyết vô vi). Dần dần Lão giáo biến thành đạo phù thủy, đạo thần tiên, chỉ ham mê cúng bái, cầu nguyện.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Ở Việt Nam, Lão giáo xâm nhập thông qua tầng lớp trí thức đương thời là các Nho sĩ. Lão giáo phát triển từ thời nhà Đinh (thế kỷ X). Đến đời Lý (thế kỷ XI-XIV) vẫn phát triển song song với Phật giáo và Nho giáo. Đến đời Lê, tuy vẫn tồn tại, nhưng không còn phát triển mạnh như trước.

Ở Việt Nam, lúc đầu Lão giáo chỉ ảnh hưởng đến các tầng lớp trên. Dần dần, Lão giáo thấm sâu vào các tầng lớp bình dân. Ngoài ra nó còn xâm nhập vào các tôn giáo khác như Phật giáo với sự hiện diện trong chùa các bộ tượng Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Tào, Bắc Đẩu; Đạo Cao Đài, một trong những đạo mới do người Việt sáng lập cũng coi Lão giáo một trong ba hàng chức sắc thuộc ngành đạo được tôn thờ: Khổng giáo, Phật giáo và Lão giáo.

Thiên Chúa giáo

Thiên Chúa giáo được truyền vào Việt Nam là đạo Công giáo Roma, đặt trung tâm tại Vatican, hay còn gọi là Thiên Chúa giáo La Mã.

Từ thế kỷ XVI, Việt Nam là một trong những khu vực mà các nhà buôn phương Tây đi tìm kiếm tài nguyên. Cùng đi theo các thuyền buôn là các giáo sĩ đi truyền đạo. Từ đó, ở nước ta xuất hiện thêm một tôn giáo mới là Thiên Chúa giáo. Nhưng lúc đầu do các giáo sĩ không biết tiếng Việt, việc truyền đạo không mấy kết quả.

Từ năm 1615 đến 1624, các giáo sĩ dòng Tên (Jesuites) Bồ Đào Nha khi vào Việt Nam đã thông thạo tiếng Việt, lại hoạt động rất khôn khéo, nên chỉ một thời gian ngắn đã truyền đạo cho nhiều tín đồ.

Năm 1658, để có người phụ trách thúc đẩy việc phát triển đạo mạnh hơn, Giáo hoàng Vatican đã phong cho Pallu và Lambert de le Motte (đều là người Pháp) làm giám mục trông coi việc truyền đạo ở hai giáo phận Đàng Trong và Đàng Ngoài của Việt Nam.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Năm 1664, Hội Thừa sai truyền giáo Paris thành lập, được giáo hoàng giao trọng trách độc quyền truyền đạo ở Việt Nam. Sự việc này gây mâu thuẫn hết sức gay gắt giữa các giáo sĩ dòng Tên Bồ Đào Nha và các giáo sĩ Hội Thừa sai truyền giáo Paris. Các giáo sĩ Bồ Đào Nha không thừa nhận quyền điều khiển của hai giám mục người Pháp và họ kiện lên Đức Giáo hoàng. Nhưng người Pháp đã thắng vì họ mạnh hơn Bồ Đào Nha.

Năm 1862, Giáo hoàng ra lệnh cho các giáo sĩ dòng Tên Bồ Đào Nha phải rút khỏi Việt Nam. Các giáo sĩ Hội Thừa sai truyền giáo Paris chính thức được toàn quyền truyền đạo ở Việt Nam mà không gặp một sự cản trở nào của các giáo sĩ Bồ Đào Nha. Tuy nhiên, do những hoạt động mờ ám, thiếu trong sáng của một số giáo sĩ Thừa sai và một số điều giáo lý công giáo trái với phong tục tập quán cổ truyền Việt Nam, khiến cho vua chúa Việt Nam lúc đó nghi ngờ, dẫn đến việc cấm đạo, bức hại tín đồ đạo Thiên Chúa giáo quyết liệt. Đó chính là cái cớ để bọn thực dân Pháp lợi dụng đem quân xâm lược Việt Nam, với chiêu bài bảo vệ Thiên Chúa giáo.

Sau khi xâm chiếm được Việt Nam, thực dân Pháp lợi dụng việc truyền đạo để thực hiện mưu đồ củng cố, bảo vệ nền thống trị của chúng. Chúng dùng nhiều thủ đoạn, kể cả sử dụng thần quyền, giáo lý để lôi kéo các tín đồ công giáo hưởng ứng tham gia tích cực. Nhiều linh mục, tu sĩ đã góp phần của mình vào các phong trào đó.

Một điều không thể chấp nhận là sự phân biệt đối xử về mọi mặt giữa giáo sĩ Thừa sai và các giáo sĩ bản xứ. Sự phân biệt đó đã gây ra mâu thuẫn gay gắt trong nội bộ Giáo hội. Điều này có thể thấy rõ qua thwcj tế là sau 400 năm đạo Thiên Chúa truyền vào Việt Nam (vào năm 1933) mới có một người Việt Nam đầu tiên được phong giám mục, đó là Giám mục Phạm Bá Tòng, giáo phận Phát Diệm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vào những năm đầu thập niên 1950, khi cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam giành được thắng lợi liên tiếp, thì một loạt các giám mục người Việt được phong chức.

Năm 1960, khi phong trào chống Mỹ cứu nước dâng cao, đế quốc Mỹ thấy rõ nguy cơ thất bại ở Việt Nam thì hàng giáo phẩm ở Việt Nam mới được thành lập. Giáo hội Việt Nam được thành lập ba giáo tỉnh: Hà Nội, Huế và Sài Gòn, do ba vị Tổng giám mục người Việt Nam phụ trách và tất cả các tòa Giám mục từ "Hiệu tòa" được nâng lên "Chính tòa".

Năm 1976, khi Việt Nam hoàn toàn thống nhất, vị Hồng y giáo chủ đầu tiên được phong là Hồng y Trịnh Như Khuê.

Năm 1980, đại hội Công giáo toàn quốc nhóm họp và thành lập Hội đồng Giám mục Việt Nam, đồng thời xác định đường lối của giáo hội Việt Nam "sống phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào", kêu gọi giáo dân "tích cực góp phần cùng đồng bào cả nước bảo vệ và xây dựng Tổ quốc".

Theo giáo lý Thiên chúa thì Công giáo do chúa Giêsu sáng lập ra ở La Mã từ đầu Công nguyên. Lúc đầu là Kitô giáo (còn gọi Cơ Đốc giáo). Đến thế kỷ VI tách thành 2 phái: Thiên Chúa giáo và Chính giáo. Đến thế kỷ XVI, xuất hiện thêm một giáo phái thứ ba là đạo Tin Lành. Đạo Tin Lành phản ánh ý thức hệ tư tưởng tự do, dân chủ tư sản, đề cao vai trò cá nhân.

Thiên Chúa giáo đề cao lòng nhân đạo và tình thương vô hạn của Chúa Giêsu đối với con người. Thiên Chúa giáo có hệ thống giáo lý, lễ nghi, tín ngưỡng khá hoàn chỉnh nhằm tác động mạnh mẽ vào tâm lý các tín đồ, khiến họ tin tưởng tuyệt đối ở sự kỳ diệu của chúa, mà sống nhẫn nhục trên trần gian để đạt được vĩnh hằng trên thiên đường.

Đạo Tin Lành

Đạo Tin Lành tách ra từ Thiên Chúa giáo. Tin Lành là đại diện cho hệ tư tưởng tự do, dân chủ tư sản, đề cao vai trò cá nhân. Vì vậy, người ta gọi đạo Tin Lành là Kitô giáo cải lương,

https://www.facebook.com/taybanganh/

hay Cơ đốc Tân giáo.

Đạo Tin Lành có cùng giáo lý với Kitô giáo, nhận Chúa Giêsu là Chúa cứu thế và thờ Đức Chúa trời. Nghi lễ Tin Lành giống Kitô giáo, nhưng quan niệm và cách tổ chức có những điểm khác biệt. Đạo Tin Lành không quá khắt khe vào ngày lễ. Các tín đồ Tin Lành dùng ngày lễ để tôn vinh Chúa. Mục sư Tin Lành được phép lấy vợ.

Đạo Tin Lành du nhập Việt Nam vào khoảng năm 1911, lúc đầu được truyền ở vùng nhượng địa của Pháp. Đến năm 1920, mới được truyền khắp lãnh thổ Việt Nam. Số tín đồ đạo Tin Lành nhiều nhất là ở vùng Tây Nguyên.

Đạo Cao Đài

Đạo Cao Đài được thành lập ngày 17-10-1926, theo giấy phép của Thống đốc Nam Kỳ, do ông Ngô Văn Chiêu, một công chức ở Phú Quốc cùng với 28 thành viên sáng lập. Lễ ra mắt họ đạo cũng là lễ tấn phong các chức sắc trong họ đạo, được tổ chức trọng thể ở chùa Từ Lâm gần thị xã Tây Ninh trong ba ngày 18, 19 và 20 tháng 10 năm 1926. Tại lễ này có Toàn quyền Đông Dương, Thống đốc Nam Kỳ tới dự. Ông Lê Văn Trung được phong là Đức Giáo Tông, có nhiệm vụ cai quản, điều khiển, thi hành phép tắc của bổn đạo. Dưới quyền Đức Giáo Tông có ba hàng chức sắc thuộc ba tôn giáo: Khổng giáo (mặc áo màu đỏ), Phật giáo (mặc áo màu vàng) và Lão giáo (mặc áo màu lam). Ba màu đó tượng trưng cho uy tín, đức hạnh và sự bao dung của đạo. Đức Giáo Tông còn có 3 vị Chưởng pháp thuộc Lão giáo mặc áo trắng. Các nữ chức sắc cũng mặc áo trắng.

Những người sáng lập ra đạo Cao Đài tự gọi đạo của họ là "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" tôn thờ ba đấng tối cao là Đức Phật, Chúa Giêsu và Đức Cao Đài.

Trung tâm đạo Cao Đài hiện ở Thánh thất Tây Ninh, có phát triển một phần ở các tỉnh Nam Bộ. Ở Hà Nội có Thánh thất Cao Đài ở số 48 Hòa Mã.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trong thánh thất Cao Đài có hình tượng "con mắt" là hình thiêng của đạo Cao Đài, vì mắt là cửa sổ tâm hồn, cần phải thấy được bản hình thể chân tâm để được vào thiện nghiệp. Khi hành lễ, chiếc mành mành được cuốn lên để lộ "con mắt" tối cao, có thắp một ngọn nến, 5 nén hương và đốt trầm. Lễ được tiến hành vào giờ ngọ (12 giờ trưa).

Đạo Cao Đài chủ trương "Tam giáo quy nguyên", "Ngũ chi hợp nhất". Tam giáo quy nguyên là muốn nói cả 3 đạo Lão, Phật, Nho đều hướng về cùng một nguồn gốc; Ngũ chi hợp nhất là cho rằng Phật đạo, Tiên đạo, Thánh đạo, Thần đạo và Nhân đạo đều kết hợp trong đạo này.

Điều đặc biệt là đạo Cao Đài không có giáo lý riêng, chỉ là sự vay mượn giáo lý của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo và cả Thiên chúa giáo. Đạo Cao Đài mang màu sắc chính trị hơn là tôn giáo.

Đạo Hòa Hảo

Đạo Hòa Hảo là một tôn giáo rất mới ở Việt Nam, ra đời từ năm 1939, tại làng Hòa Hảo, huyện Chợ Mới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Đạo Hòa Hảo có nguồn gốc từ đạo Phật, do ông Huỳnh Phú Sổ sáng lập.

Huỳnh Phú Sổ tính trầm tư, có khiếu làm văn vần, sức khỏe yếu, hay đau ốm, nên ông đã lên núi Cấm tìm thầy chữa bệnh. Năm 1937, khỏi bệnh, ông về quê nói với mọi người rằng ở trên núi Cấm ông đã gặp Tiên, Phật và được Tiên Phật chữa cho khỏi bệnh, dạy cho nhiều bài thuốc. Đặc biệt Phật còn giao cho ông sứ mệnh cứu nhân độ thế.

Vào thời gian này, quê ông thường xảy ra lụt lội, dân chúng đói nghèo, bệnh tật hoành hành. Huỳnh Phú Sổ, một mặt dùng thuốc Nam chữa bệnh, mặt khác dựa vào khiếu làm văn vần, ông soạn kinh sấm giảng và bắt đầu truyền đạo. Trong một số bài kinh ông rao giảng có nội dung bài xích bọn quan lại tham nhũng, tàn ác, chống bóc lột, nên ông được dân chúng tin theo khá đông.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nền tảng của giáo lý Hòa Hảo là dựa vào giáo lý đạo Phật, khuyên mọi người ăn ở hiền lành theo triết lý từ bi, bác ái, đại đồng và tin luật nhân quả. Đạo Hòa Hảo bài trừ mê tín, dị đoan, không sử dụng thịt cá cúng Phật, không dùng "tiền âm phủ", vàng bạc trai đàn. Đạo Hòa Hảo không thờ hình tượng, mà chỉ thờ mảnh vải đỏ, cúng Phật bằng nước lọc, hương hoa.

Đạo Hòa Hảo không có tu sĩ, không có tổ chức giáo hội mà chỉ có một số chức sắc lo việc đạo, việc đời, không có nơi thờ cúng công cộng.

Trung tâm đạo Hòa Hảo ở làng Hòa Hảo, gọi là Tổ đình, nhưng cũng chỉ mang tính gia tộc. Đạo Hòa Hảo phát triển mạnh ở vùng Long Xuyên, Châu Đốc, Sa Đéc, Cần Thơ... Trước sự phát triển khá mạnh đó, cả thực dân Pháp lẫn phát xít Nhật ra sức lợi dụng lôi kéo để phục vụ ý đồ chính trị. Chúng cho đạo Hòa Hảo thành lập lực lượng vũ trang riêng. Sau khi Huỳnh Phú Sổ qua đời (tháng 4 năm 1947), bọn phản động ra sức kích động tín đồ Hòa Hảo chống phá cách mạng. Tuy vậy, phần lớn trong số họ là những người yêu nước, theo sư thúc Huỳnh Thúc Trí, hăng hái tham gia công cuộc giải phóng đất nước, giành độc lập cho dân tộc.

Hồi giáo

Hồi giáo du nhập vào Việt Nam khá sớm. Tín đồ Hồi giáo Việt Nam có khoảng vài vạn người, phần lớn là người Chăm, dân tộc Khơme và một bộ phận nhỏ người gốc Malaysia, Inđônêsia và Ấn Độ. Phần lớn những tín đồ Hồi giáo sinh sống ở vùng duyên hải miền Trung chủ yếu ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, một số ở Châu Đốc, An Giang.

Tín đồ Hồi giáo Việt Nam vẫn duy trì nghi lễ Hồi giáo chung như cầu kinh Koran, thờ Linh vật, kiêng ăn thịt lợn... Ngoài những nghi lễ chung, tín đồ Hồi giáo Việt Nam không có tục hành hương tập thể đến Thánh địa Mecca hằng năm trong tháng lễ ăn chay, và chỉ đọc kinh mỗi tuần một ngày, thay vì đọc kinh 5 lần một ngày trong suốt tuần, suốt tháng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

PHONG TỤC TẬP QUÁN

Cộng đồng làng xã

Nền văn hóa Việt Nam dựa trên cơ sở nền văn minh lúa nước. Cuộc sống của người Việt luôn luôn gắn bó mật thiết với xóm làng, quê hương. Hơn nữa, là một đất nước luôn luôn bị đe dọa, thường xuyên bị kẻ thù xâm chiếm, đe dọa, uy hiếp, nên tính cộng đồng là một vũ khí không thể thiếu được của người Việt, và nó đã trở thành một tập quán ăn sâu trong đời sống vật chất của dân tộc Việt. Bởi thế, dân gian Việt Nam đã có câu "Bán anh em xa, mua xóm làng gần".

Tính cộng đồng không chỉ bắt nguồn từ sự đương đầu với những thế lực ngoại bang, mà còn bắt nguồn từ chính trong phương thức tổ chức xã hội lâu đời của người Việt. Ngoài cộng đồng làng xóm, dòng họ, còn có những cộng đồng nghề nghiệp, lứa tuổi... tạo ra những phường, hội, như: phường chèo, phường múa rối nước, phường đúc, phường kim hoàn... hội Phụ lão, hội Phụ nữ, hội Bảo thọ...

Các phường, hội được thành lập là để giúp nhau trong lúc khó khăn, và chia sẻ với nhau khi có chuyện vui, buồn. Phường, hội, làng xóm... là những điểm tựa của người Việt Nam trong cuộc sống hằng ngày.

Trong ngôn ngữ của mỗi dân tộc, làng có nhiều tên gọi khác nhau, nhưng nói đến làng là mọi người đều hiểu đó là cụm dân cư nông nghiệp định canh, định cư tạo nên những cộng đồng thị tộc. Làng Việt Nam hình thành từ rất sớm, cách nay khoảng vài nghìn năm, vào thời văn hóa Đông Sơn. Làng có trước khi xuất hiện quốc gia, và khi xuất hiện quốc gia thì làng vẫn tiếp tục tồn tại. Trước đây, ngoài luật pháp chính sách của Nhà nước, từng làng lại có những quy định riêng gọi là lệ làng. Cư dân trong làng không mấy khi phá lệ làng. Dân gian có câu "phép vua thua lệ làng" là vậy.

Làng Việt là một tổ chức chặt chẽ nhất về mặt xã hội. Đó không chỉ là một đơn vị hành chính quản lý con người, làng còn

https://www.facebook.com/taybanganh/

là một đơn vị kinh tế. Cư dân của làng sống gắn bó mật thiết với nhau trong mối quan hệ dòng họ, xóm giềng và nghề nghiệp... Vì thế, những tập tục, tín ngưỡng, lễ hội thường xuất phát từ làng.

Trong ký ức mỗi người dân Việt không bao giờ phai mờ hình ảnh làng quê nơi chôn nhau cắt rốn của mình, với những hình ảnh quen thuộc: cánh đồng lúa thẳng cánh cò bay, những lũy tre xanh, cổng làng, cây đa, bến nước, sân đình... Và những ngày hội làng với những trò chơi dân dã như: đánh đu, kéo co, đánh cờ người...

Gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội. Gia đình có mạnh, làng nước, xã hội mới mạnh. Gia đình luôn giữ một vai trò cốt yếu trong sự nghiệp chung của đất nước.

Trong mối quan hệ gia đình giữa bố mẹ, con cái, ông bà... dân tộc Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng của tư tưởng Nho giáo, mặc dầu phần nào đó đã được Việt hóa.

Học thuyết Nho giáo cho rằng gia đình là hết sức quan trọng. Không xây dựng một gia đình vững mạnh bền chặt thì không thể có một đất nước bền vững. Vì vậy, Nho giáo đề ra nguyên tắc tề gia, trị quốc (齊家治國), nghĩa là phải chấn chỉnh gia đình trước rồi mới nói đến chuyện trị an được quốc gia.

Nho giáo xây dựng mối quan hệ gia đình bắt đầu bằng chữ hiếu. Nho giáo cho rằng một người con có hiếu trong gia đình, ít khi là người dân hư hỏng trong xã hội. Chính vì thế, xây dựng gia đình tốt đẹp là góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh bền lâu.

Nhưng một số mặt tích cực của Nho giáo đôi khi trở thành tiêu cực do sự vận dụng cứng nhắc hoặc cực đoan. Chẳng hạn như quan niệm về tam tòng, tứ đức. Người vợ góa phải thủ tiết thờ chồng, nuôi con, cho dù còn rất trẻ. Nếu lấy chồng khác là thất tiết, bị xem là vi phạm vào đạo đức Nho giáo. Hoặc như

https://www.facebook.com/taybanganh/

quan niệm "huynh đệ như thủ túc, phu thê như y phục" (Anh em máu mủ ruột rà, vợ chồng áo mặc thay ra theo vào) rõ ràng không có giá trị tích cực trong xây dựng quan hệ vợ chồng, vốn là mối quan hệ nền tảng để hình thành gia đình. Về chữ hiếu, sự phục tùng tuyệt đối của con cái đối với bố mẹ không phải bao giờ cũng là điều tích cực, nhất là khi bố mẹ có những quyết định sai lầm. Sự phục tùng này xưa kia cũng đã từng là nguyên nhân gây đau khổ cho biết bao cuộc hôn nhân theo quan điểm "bố mẹ đặt đâu con ngồi đấy".

Trong xã hội Việt Nam ngày nay, những truyền thống tốt đẹp của gia đình được bảo tồn và phát triển, trở thành nếp sống văn hóa của mỗi gia đình Việt Nam. Những yếu tố tiêu cực, lạc hậu trong quan điểm xưa kia đã sớm được nhận ra và loại bỏ, hướng đến xây dựng trong xã hội những "tế bào gia đình" trong sáng, vững mạnh.

Thờ thành hoàng

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống thủy chung "uống nước nhớ nguồn". Vì vậy, hầu hết ở các làng quê, phố nghề (nơi thị thành) đều lập đình hoặc đền, miếu thờ vị thành hoàng của làng hay của phường, hội. Thành hoàng là người có công khai sơn lập địa thành lập ra làng (với những làng nghề gọi là ông Tổ nghề). Các triều đại phong kiến thường phong sắc cho thành hoàng, vì hầu hết thành hoàng đều là những người khi sinh tiền có công với nước với dân. Dân làng dù đi lập nghiệp nơi khác và mang nghề đi theo cũng xây đền, miếu thờ thành hoàng làng quê gốc tại nơi ở mới để tưởng nhớ công lao.

Mỗi làng của người Việt, đặc biệt vùng đồng bằng Bắc Bộ, đều có dựng một ngôi đình, không chỉ làm nơi hội họp của làng mà còn là nơi thờ thành hoàng làng và người có công truyền nghề, dựng làng lập ấp...

Hằng năm, ngày hội vui nhất của mỗi làng thường là ngày giỗ thành hoàng. Trong ngày lễ hội thành hoàng làng, ngoài mâm cỗ

https://www.facebook.com/taybanganh/

cúng bái, cùng nhau ăn uống, còn có phần hội với rất nhiều nghi lễ như diễn lại sự tích thành hoàng, rước kiệu... và phần vui chơi với các trò vui như: đấu võ, chọi gà, hát chèo...

Ngày nay, ngoài tục thờ thành hoàng, nhân dân nhiều nơi còn thờ cúng các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì nền độc lập tự do của tổ quốc.

Tục thờ cúng tổ tiên, ông bà

Việc thờ cúng tổ tiên, ông bà đã trở thành một nếp sinh hoạt không thể thiếu trong đời sống tâm linh của người Việt. Tục thờ cúng tổ tiên, ông bà trước hết là ghi nhớ công sinh thành của người xưa, sau là để giáo dục truyền thống gia đình, dòng họ, làng xã cho các thế hệ nối tiếp.

Bởi có tổ tiên mới có dòng họ. Trong gia phả của dòng họ đều có câu: "Nước có nguồn, người có tổ tiên". Uống nước phải nhớ nguồn, con cháu phải luôn luôn ghi nhớ công lao nuôi dạy của ông bà, bố mẹ, tổ tiên.

Trong cùng một gia đình hay dòng họ thì thờ ông bà, bố mẹ đã qua đời. Người Việt quan niệm rằng "dù đã khuất bao đời nay, nhưng hồn người chết vẫn về với con cháu trên trần gian". Người chết và người sống ở hai thế giới khác nhau nhưng vẫn có quan hệ tâm linh, cho nên người sống dù trong hoàn cảnh nào cũng không được quên những người đã khuất.

Vì vậy, vào ngày tất niên (hết năm cũ) đón mừng năm mới, tất cả các gia đình người Việt đều cúng tổ tiên, ông bà, mời các cụ về vui Tết với con cháu (gọi là cúng rước ông bà).

Những ngày giáp Tết, cả nhà đi tảo mộ, với ý nghĩa sửa sang nhà cửa cho người đã khuất để đón năm mới. Ngày giỗ, con cháu đoàn tụ làm cỗ cúng tổ tiên để tưởng nhớ và cầu mong sự che chở cho con cháu khỏe mạnh, hạnh phúc.

Hôn nhân

Người Việt xem việc kết hôn là một bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trước đây, để tiến tới hôn nhân phải qua nhiều nghi lễ khá phức tạp: lễ chạm ngõ, lễ ăn hỏi, lễ cưới (đón dâu), lễ lại mặt... Việc hôn nhân của đôi trai gái đều do bố mẹ hai bên sắp đặt qua trung gian người mai mối. Có những trường hợp, đến tận ngày cưới cô dâu, chú rể mới biết mặt nhau.

Lễ chạm ngõ (có nơi gọi lễ giạm ngõ): Khi nhà trai chọn được cô gái vừa ý cho con mình, họ sắm sửa một lễ nhỏ, thường có cơi trầu là chính, mang sang nhà gái bàn chuyện xe duyên cho đôi lứa. Nếu được nhà gái đồng ý, sẽ bàn bạc chọn ngày ăn hỏi.

Lễ ăn hỏi: theo ngày giờ đã được hai bên nhà trai, nhà gái nhất trí chọn, nhà trai sắm lễ gồm vài trăm quả cau (từ 1 tới 2 buồng cau đều quả), một cơi trầu (têm cánh phượng), một khúc vỏ (xác để ăn trầu), mứt sen, bánh cốm, rượu, thuốc lá và thường có thêm tiền cưới. Những thứ này được đựng trong tráp lớn bằng gỗ sơn đỏ, trên phủ vải đỏ rồi đưa sang nhà gái. Nhà gái nhận và lại quả (trả lại một ít trong số lễ vật) cho nhà trai. Sau lễ ăn hỏi, đôi trai gái sẽ được gia đình, bạn bè và xã hội coi là đã chính thức hứa hôn với nhau.

Lễ cưới: thường tổ chức sau một vài tháng (ngày nay sau một hai tuần). Xưa muốn làm lễ cưới, gia đình hai bên trai, gái phải không có đại tang (tang cha hoặc mẹ). Do tục lệ này, thỉnh thoảng có những trường hợp phải cưới chạy tang, nghĩa là tiến hành lễ cưới rất gấp khi cha hoặc mẹ đang hấp hối, hoặc nếu đã mất thì chậm việc phát tang chờ cưới xong mới tiến hành. Ngày nay không mấy ai theo tục này nữa.

Xưa kia, lễ cưới phải được tiến hành thật chính xác theo ngày giờ đã được sự đồng ý của cả 2 bên (thường được chọn theo tuổi tác, ngày sinh...), vì quan niệm cũ rất xem trọng vấn đề ngày giờ tốt, xấu. Khi nhà trai đến nhà gái đón dâu, có một ông già cầm bó hương đi trước (ông già này phải hiền lành, ăn ở đạo đức, vợ chồng song toàn, lắm con nhiều cháu), theo sau là những người bưng đồ lễ thắt lưng vải điều. Chú rể ăn mặc lịch sự, có một số

https://www.facebook.com/taybanganh/

người thân trong họ dẫn đi, có phù rể đi kèm. Khi đến nhà gái, chủ hôn nhà gái khấn gia tiên trước khi chú rể vào lễ. Chú rể phải lễ gia tiên, lễ bố mẹ vợ. Lúc này cô dâu, chú rể được bố mẹ vợ tặng quà như đồ nữ trang, tiền bạc (các thứ này do phù rể, phù dâu nhận hộ). Sau khi mọi nghi lễ bên nhà gái tiến hành xong, nhà trai đón dâu về.

Nếu đi đón dâu bằng ô tô, những ai còn tin theo tục cũ thường chú ý sắp xếp để khi đi số xe lẻ, khi về số xe chẵn. Đặc biệt, khi về nên chọn con đường khác với lúc đi.

Lễ lại mặt: Ngay hôm sau ngày cưới, đôi vợ chồng mới mang lễ gồm một mâm xôi, thủ lợn, hoặc con gà trống sang nhà gái để lễ gia tiên.

Mấy chục năm gần đây việc hôn nhân không do bố mẹ định đoạt nữa, mà chủ yếu do đôi trai gái quyết định, có sự tham gia góp ý của đôi bên gia đình. Và việc cưới cũng có phần giản đơn hơn như: tìm hiểu (của đôi trai gái), ăn hỏi, đăng ký kết hôn (ở chính quyền) và cưới. Nghi lễ trong mỗi bước cũng được nhà trai, nhà gái tổ chức trang trọng và vui như một ngày hội.

Lễ mừng thọ

Người Việt xưa vốn không có phong tục mừng sinh nhật, mặc dầu ngày nay tổ chức mừng sinh nhật trở thành thành một sinh hoạt phổ biến trong tầng lớp tri thức, sinh viên, học sinh, cán bộ, công nhân viên... Nhưng người Việt có phong tục mừng thọ, xuất phát từ quan niệm "kính lão đắc thọ" (敬老得壽 - nghĩa là, có kính trọng người già thì bản thân mình mới được sống lâu). Đây là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Theo phong tục, người đàn ông nào sống đến 60 tuổi được coi là lên lão, trong gia đình họ hàng sẽ làm lễ mừng thọ.

Ngày nay, khi ông bà, bố mẹ được 70, 80, 90 tuổi thì con cháu thường tổ chức mừng thọ. Lễ mừng thọ thường tổ chức đúng vào ngày sinh hoặc ngày xuân (dịp Tết Nguyên Đán). Đây là dịp để

https://www.facebook.com/taybanganh/

con cháu báo hiếu ông bà, bố mẹ. Tùy điều kiện kinh tế gia đình, tổ chức lễ to hoặc nhỏ, nhưng đều thể hiện được niềm vui của cả gia đình vì có người sống thọ. Ngày nay từ thành thị đến nông thôn đều có tổ chức Hội Bảo thọ của các cụ cao tuổi. Các lão ông, lão bà được coi trọng như nhau. Khi các cụ lên tuổi 70, 80... đều được Hội Bảo thọ đến chúc mừng và tặng quà lưu niệm.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khi được tin các cụ sống trăm tuổi trở lên, đều gửi áo lụa đến chúc mừng đại thượng thọ.

Tang lễ

Ở bất cứ xã hội, dân tộc, quốc gia nào, từ Đông sang Tây, từ cổ chí kim, dù lạc hậu hay văn minh, thì việc lo tang lễ cho người đã khuất đều được coi là nghi thức quan trọng nhất để biểu lộ tấm lòng của người sống đối với người chết. Dân ta có câu "nghĩa tử là nghĩa tận". Mọi thù hận lúc sinh thời sẽ được xóa sạch khi người gây ra tội lỗi đã chết.

Các nghi thức tang lễ, tang chế của người Việt có phần chịu ảnh hưởng văn hóa cổ truyền Trung Hoa, và cũng dựa trên những nguyên lý đạo đức của nền văn hóa ấy, đồng thời người Việt cũng căn cứ vào hoàn cảnh xã hội của mình mà chế định ra tục lệ tang lễ cho phù hợp.

Tang lễ của người Việt xưa qua rất nhiều bước khá phức tạp:

Giờ hấp hối: Vào lúc sắp hấp hối, người bệnh sẽ được chuyển tới căn nhà giữa, đặt đầu quay về hướng Đông để được sinh khí. Đồng thời con cháu hỏi có dặn điều gì không? Những lời nói của người sắp chết được ghi vào quyển gọi là "di ngôn" hay "di chúc", trước sự chứng kiến của con cháu nội ngoại. Ngoài ra con cháu hỏi xem lấy tên Thụy (còn gọi tên hèm), tức là tên sau này dùng để cúng cơm. Vì thế trong dân gian gọi tên cúng cơm là vậy. Trường hợp người hấp hối trong tình trạng hôn mê không tự đặt tên cúng cơm cho mình, thì con cháu đặt rồi báo lại lúc người ấy hồi sinh ngắn ngủi.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trong giờ phút lâm chung, con cháu lau rửa thân thể, thay quần áo mới. Ngày nay, việc này làm vào lúc khâm liệm.

Trong thời gian hấp hối, con cháu phải túc trực theo dõi chặt chẽ để biết lúc tắt thở, bằng cách lấy một ít bông đặt ở lỗ mũi, công việc nay gọi là chúc khoáng. Khi không thấy bông động đậy nữa, đó là giờ phút tắt thở. Thân nhân phải vuốt mắt cho người chết và xếp chân tay nằm ngửa ngay ngắn.

Tiếp đó lấy một chiếc đũa đặt vào giữa hai hàm răng, không để cho hai hàm rằng nghiến chặt lại, gọi là khiết xỉ.

Sau khi chết hẳn, trải chiếu xuống đất, đưa người chết nằm xuống chiếu một lát, rồi đưa lên giường. Theo quan niệm xưa "chết trở về coi âm", tức là lấy đủ khí âm dương cho người chết. Việc làm này gọi là hạ tịch hay còn gọi là hạ thổ.

Tục xưa, khi người đã chết, một người thân sẽ lấy áo của họ, trèo lên nóc nhà phía trước, hướng về phía Bắc gọi tên tục người chết ba lần. Sau đó, trèo xuống theo lối nóc nhà phía sau, đem tấm áo ấy đắp lên bụng người chết, hy vọng hồn người chết trở về sống lại. Công việc này gọi là phục hồn.

Dùng 7 thước lụa trắng (thước ta) phủ lên người chết trước khi tắt thở. Khi người bệnh chết hẳn, đem tấm lụa này kết thành hình dạng người, có đủ đầu, mình, chân tay. Kết xong đặt trên mình người chết.

Lúc nhập quan, hồn bạch được đặt trong linh sàng để tượng trưng cho người đã mất (ngày nay thay hồn bạch bằng di ảnh), công việc nay gọi là thiết hồn.

Phan hàm: trong gia đình có người chết, thân nhân lấy một ít gạo nếp vo kỹ và ba đồng tiền lau chùi sạch sẽ, bỏ vào trong một chiếc đĩa (những gia đình giàu dùng ba đồng tiền vàng và chín hột ngọc trai), tang chủ đứng bên phải thi hài, lấy chiếc đũa cạy răng ra, bỏ gạo nếp và tiền vào miệng ba lần: mỗi lần một đồng tiền và ba hạt gạo nếp (hoặc ba hột ngọc trai). Lần đầu bỏ vào mép trái, lần hai bỏ vào mép phải, lần cuối bỏ vào giữa miệng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sau khi bỏ gạo và tiền xong, tang chủ phải buộc hàm dưới và hàm trên, không để hàm dưới trễ xuống. Đến đây con cháu mới được khóc to.

Tang chủ: thường là con trai trưởng, nếu không thì là cháu đích tôn. Tang chủ làm chủ trong tang lễ. Tướng lễ là người chỉ huy sắp đặt, quyết định mọi nghi lễ. Tướng lễ phải là người có uy tín, có hiểu biết về tang lễ. Hộ tang là người phụ tá cho Tướng lễ như tiếp tân. Tư thư là người lo công việc cáo phó, ghi chép đồ phúng. Tư hóa là người ghi chép việc chi tiêu.

Làm lễ tại gia: Người xưa quan niệm trong áo quan có quỷ tinh lẩn khuất để ám hại người chết, gieo tai họa cho tang gia, vì vậy, trước khi nhập quan, phải mời thầy cúng để trừ lũ quỷ tinh đó. Gọi là lễ phạt mộc. Kết thúc lễ phạt mộc, người nhà phải ném một nắm muối ra đường để tống tiễn hết mọi loài ma quái.

Đại liệm, tiểu liệm: Tiểu liệm gồm một tấm vải (lụa) trắng dài 14 thước và ba đoạn vải đặt ngang thẳng góc với đoạn vải chính. Mỗi mảnh 6 thước ta. Đại liệm gồm một miếng vải trắng có độ dài như tấm tiểu liệm chính, đầu xe làm ba dải. Vải ngang gồm năm đoạn, được rải đều từ đầu đến chân.

Khâm: làm chăn liệm, mỗi chăn năm khổ (mỗi khổ 40 cm vải, dài 12 thước ta). Đại liệm một chăn, tiểu liệm có một chăn.

Tạ quan: sắm đủ đồ lót trong áo quan. Vải lót trong quan tài chiều dài 12 thước ta, may 8 khổ vải. Gối kê đầu, hai gối lót hai bên tai, một tấm đệm đầu, một tấm đệm chân, hai tấm đệm dựa đùi, một tấm vải che mặt.

Liệm xác: Sau khi chọn giờ tốt, trước khi liệm, tang chủ quỳ khóc, mọi người quỳ theo và khấn. Sau đó tiến hành:

_ Cởi bỏ dải buộc hàm, chít đầu, phủ mặt bằng vuông vải hay vóc nhiễu, có dải buộc ra sau gáy, lồng bao tay, đi bít tất, giày.

_ Khi liệm không cho nước mắt con cháu rơi vào thi hài.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nhập quan: Khi nhập quan, thân nhân có mặt đứng theo thứ bậc xa gần, trên dưới quanh quan tài. Tục xưa quy định, con trai đứng bên trái, con gái bên phải người chết (nam tả nữ hữu).

Thiết linh sàng, linh địa: Kê giường nằm cho vong hồn, ở phía Đông linh cữu, đủ chăn, gối màn.

Linh tọa: đặt bàn thờ cho vong hồn trước linh cữu người chết. Trên bàn thờ, phía trong, chính giữa có bài vị để chức tước, tên húy, tên thụy, tên hiệu...

Lễ thành phục: là lễ mặc tang phục. Tục xưa, người chết sau ba ngày mới làm lễ mặc tang phục cho thân nhân. Sau khi mặc tang phục, đàn ông đứng về phía Đông, phụ nữ đứng về phía Tây quan tài theo thứ bậc trên dưới.

Lễ triều tổ: Khi người chết, dù đã nhập quan, vẫn còn quàn trong nhà thì thân nhân hằng ngày phải làm lễ rước hồn bạch (hoặc di ảnh người chết) đến bàn thờ tổ tiên một lần.

Kèn giải: Khi linh cữu còn quàn tại nhà, thân chủ mời phường kèn trống đến cử nhạc tang trong lúc hành lễ.

Nằm đất, nằm đường: Từ đèo Ngang trở vào đến Nam Bộ có tục nằm đất; miền Bắc có tục con gái, con dâu nằm lăn ra đường khi đưa tang. Nằm đất, nghĩa là khi linh cữu người chết còn quàn tại nhà, con cháu phải ngủ dưới đất, không được trải chiếu, ngay bên cạnh chân linh cữu. Nằm đường, nghĩa là lúc đưa linh cữu đi an táng, dọc đường ra huyệt con cháu phải nằm xuống đất sát nhau, để khiêng linh cữu đi qua bên trên.

Chọn huyệt: Huyệt do thầy địa lý chọn, là một việc hết sức được coi trọng. Chọn huyệt khi chôn lần đầu đã là quan trọng, nhưng khi "sang cát" (sau ba năm cải táng) thì việc tìm huyệt còn quan trọng hơn nhiều. Vì đây là ngôi huyệt vĩnh viễn.

Lễ chuyển linh cữu và yết tổ: Là lễ xoay linh cữu. Trước khi đưa linh cữu đi an táng, vài ba giờ vào buổi sớm, hoặc ban đêm,

https://www.facebook.com/taybanganh/

người ta làm lễ chuyển cữu, tức là rước linh cữu sang chầu tổ miếu (hay nhà thờ gia tộc), gọi là lễ yết tổ. Lễ yết tổ có trầu cau, rượu, có ban nhạc lễ. Chuyển cữu do con cháu khiêng.

Cáo thần đạo lộ: Trước khi đưa linh cữu đi chôn, người ta làm lễ cáo thần đạo lộ, để cho đám tang đi được bình an.

Phát dẫn: thường gọi là đưa đám, đưa ma. Ngày giờ đưa đám được chọn kỹ lưỡng. Xưa kia, có khi chưa chọn được ngày giờ, đám tang có thể phải chậm lại một hai ngày.

Lễ hạ huyệt: Trước khi đến huyệt, linh cữu dừng lại tại một nơi gần huyệt, được gọi là trạm tế huyệt, đồng thời phải làm lễ tế thần chủ tại đây.

Trước khi hạ huyệt, phải cúng thổ thần để xin phép an táng. Huyệt đào theo hướng thầy địa lý chỉ. Thông thường đợi tới giờ Hoàng đạo người ta mới hạ huyệt.

Lễ viếng mộ: Ba ngày sau khi hạ huyệt, con cháu đến đắp, sửa lại mộ. Ngày nay có làm cỗ bàn mời bà con thân thuộc. Lễ này gọi là lễ mở cửa mả.

Hiện nay tang lễ tổ chức theo nghi thức mới, đơn giản hơn nhiều, thường gồm có lễ khâm liệm, lễ nhập quan, lễ viếng, lễ đưa tang, lễ hạ huyệt và lễ mở cửa mả. Người trong gia đình có thể để tang bằng cách chít khăn trắng, cũng có thể đeo băng đen.

Tục ăn trầu

Ngày xưa, mọi sự giao tiếp hằng ngày của người Việt thường bắt đầu bằng việc mời nhau ăn trầu, nên có câu "miếng trầu là đầu câu chuyện". Miếng trầu gồm: một miếng cau tươi (hoặc khô), một miếng vỏ, một lá trầu không có quệt ít vôi. Tất cả những thứ đó được nhai lẫn với nhau, có vị cay, cho ra nước màu đỏ.

Theo các nhà nghiên cứu sử học thì tục ăn trầu ở nước ta có từ thời Hùng Vương. Xuất phát từ một câu chuyện lý thú. Chuyện kể rằng: ngày xưa có hai anh em nhà kia cùng yêu một cô gái. Người anh được cô gái yêu lại và họ thành vợ thành chồng. Người

https://www.facebook.com/taybanganh/

em buồn quá bỏ nhà đi. Đến một góc rừng nọ, người em chết hóa thành cây cau. Người anh thương nhớ em ngày đêm không sao ăn được, ngủ được, liền lên đường đi tìm em. Đến chỗ em chết, người anh buồn quá chết theo, hóa thành hòn đá vôi dưới gốc cây cau. Người vợ ở nhà ngày ngóng, đêm mong lâu ngày không thấy chồng về. Thương nhớ quá, lại khăn gói lên đường đi tìm chồng. Đến chỗ người chồng và em chồng chết, người vợ quá buồn cũng chết theo và hóa thành dây trầu, bám vào hòn đá vôi rồi leo lên cây cau. Bố mẹ người con gái cảm về mối tình quyến luyến đó, lập miếu thờ.

Về sau, vua Hùng đi qua thấy bên đền có hai cây xanh, một cây hình dây đang quấn quýt lấy cây kia. Vua ngồi nghỉ mát rồi cho gọi người địa phương ra hỏi thăm sự tích. Nghe xong câu chuyện, nhà vua bèn sai người bổ quả cau lấy một miếng ăn với lá trầu, rồi nhổ nước ra hòn đá vôi thấy đỏ ối. Vua bèn truyền cho thiên hạ lấy giống cây cau và trầu đem về trồng để dùng vào việc tế tự, lễ lạc. Và tục ăn trầu ra đời từ đó.

Tục ăn trầu đã từng là tập quán không thể thiếu được trong cuộc sống của người dân Việt, đặc biệt là những người dân nông thôn. Tục ăn trầu còn có ở một số nước khác trong vùng Đông Nam Á.

Tục mừng nhà mới

Nhiều dân tộc trên đất nước ta đều có tục mừng nhà mới, ngày nay nhiều nơi gọi là lễ tân gia, dân dã gọi là lễ rửa nhà. Ngày xưa, người Việt quan niệm làm nhà là một trong ba việc lớn của một đời người. Họ còn cho rằng có "an cư mới lạc nghiệp" nghĩa là có chỗ ở yên ổn mới lo được chuyện làm ăn, sự nghiệp. Bởi thế cho đến nay, mọi người vẫn phấn đấu để có được một chỗ ở riêng biệt, là sở hữu của cá nhân. Có nhiều người đã đến lúc tuổi cao, sức yếu vẫn cố xây cho được một ngôi nhà, dù vẫn biết chẳng còn sống được bao lâu nữa. Nhưng đó là tài sản để lại cho cháu con.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Với ý nghĩa trọng đại như vậy, nên khi cất được ngôi nhà mới, dù to, dù nhỏ, dù hiện đại hay thô sơ, thậm chí có khi chỉ sửa chữa, nâng cấp, hay di chuyển đi một nơi ở mới, bao giờ người Việt cũng sắm một lễ cúng rồi mời hàng xóm, bạn bè, họ hàng đến uống một chén rượu, chén trà chia vui, mừng cho gia chủ. Khách mời đến chúc cho gia chủ bình yên, làm ăn phát đạt, gặp mọi sự may mắn.

LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

Lễ hội dân gian Việt Nam đã có lịch sử lâu đời, trở thành nét sinh hoạt văn hóa, tôn giáo, nghệ thuật của cộng đồng và đã trải qua hàng thế kỷ tiến triển được sàng lọc, trở thành lễ hội truyền thống của dân tộc. Những hội làng, hội chùa và nhất là những hội đình xuất hiện về sau, khi công xã thị tộc đã tiến lên thành công xã nông thôn, từ ấp trại, trở thành xóm làng.

Trong những xóm làng đó mọc lên những đình, chùa, đền, miếu, phủ điện, bia tháp... Những công trình kiến trúc mang tính tôn giáo này là những chốn thiêng liêng, mỹ lệ để lễ hội có cơ sở, điều kiện thể hiện một cách trang trọng, uy nghiêm... Đồng thời những công trình kiến trúc đền, chùa, miếu... ấy cũng nhờ nội dung và nghệ thuật của lễ hội mà trở nên có sắc màu, có hồn và không bị lãng quên bởi thời gian.

Nếu như mỗi nơi thờ tự đều mang dáng vẻ chung và riêng, do dấu ấn từng thời đại và tồn tại trong cảnh quan văn hóa riêng, thì lễ hội truyền thống ở mỗi làng quê, thôn ấp, phố phường, đô thị, cũng chứa đựng nội dung và đặc điểm không giống nhau.

Sự đa dạng và phức hợp đã hòa vào nhau thành một tổng thể hài hòa, tạo ra mối quan hệ hai chiều giữa vật chất và tinh thần, thực tại và tâm linh, quá khứ và hiện tại.

Hội làng - lễ hội truyền thống

Là một sinh hoạt văn hóa, tôn giáo nghệ thuật truyền thống của cộng đồng làng, xuất phát từ nhu cầu cuộc sống, từ sự tồn tại

https://www.facebook.com/taybanganh/

và phát triển cho cả làng, sự bình yên cho cá nhân, niềm hạnh phúc cho từng gia đình, sự vững mạnh cho từng dòng họ, sự làm ăn phát đạt, mùa màng bội thu là ước mơ bao đời nay của con dân đất Việt, là "Quốc thái dân an".

Lễ hội truyền thống của dân tộc Việt Nam như một bảo tàng bách khoa sinh động về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, tín ngưỡng và tôn giáo, phản ánh những quá trình lao động. Chủ yếu là lao động nông nghiệp. Lễ hội nào cũng hướng tới đối tượng thiêng liêng cần suy tôn. Đó là các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật, Trời, Đất, Núi, Sông... nhân thần, hoặc nhiên thần, nam thần hay nữ thần, hằng sống trong lòng dân bằng công lao cụ thể cống hiến cho cộng đồng. Đó là những người dựng làng, lập ấp, có công truyền nghề, dạy dân, những anh hùng đánh đuổi ngoại xâm, làm rạng rỡ cho non sông dân tộc. Dân làng (hay phố) mở hội tưởng niệm các vị và bày tỏ hy vọng, ước nguyện chân thành của mình về cuộc sống chung no đủ, hạnh phúc, bình yên.

Có thể chia lễ hội làm 3 loại:

1. Lễ hội truyền thống: còn gọi là lễ hội dân gian hay lễ hội cổ truyền, thường tổ chức ở đình, chùa (chùa mang chức năng hội làng), đền, miếu, phủ, điện... Trong các làng gọi là Hội làng, hoặc ngày nay ở thị trấn, tỉnh thành thì gọi là Hội đình, Hội đền, Hội phủ, do dân làng, trước hết là các cụ - đại biểu của những tầng lớp trong cộng đồng làng, phường, phố tổ chức.

Lễ hội này thường gồm 2 phần: phần lễ và phần hội. Phần lễ với hệ thống lễ nghi uy nghiêm và thần bí. Phần hội với hệ thống hội vui tươi và thế tục, kèm theo hoặc xen kẽ là phong tục. Trong đó mỗi hội thường có một tục kiêng, đó là đặc điểm của hội. Sau lễ mới đến hội.

2. Lễ hội các tôn giáo: thường là lễ - nghi lễ - ít hoặc không có hội, như các ngày lễ của đạo Thiên Chúa, đạo Phật, đạo Cao Đài, tín ngưỡng Mẫu. Các lễ hội này do tôn giáo tổ chức như lễ

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nôel (Thiên Chúa giáo), lễ Vu Lan (đạo Phật), lễ vía Đức Chí Tôn (đạo Cao Đài), lễ hội phủ Giày (tín ngưỡng Mẫu, ghi nhớ công ơn Mẫu Liễu Hạnh).

3. Lễ hội quần chúng mới: là những lễ hội do chính quyền Nhà nước các cấp tổ chức. Lễ hội này xuất hiện từ sau Cách mạng tháng Tám 1945. Đây là những lễ hội kỷ niệm thành quả cách mạng hoặc những mốc lịch sử dân tộc đáng ghi nhớ như: Lễ Quốc khánh 2-9, Lễ kỷ niệm Chiến thắng Điện Biên Phủ 7-5, Lễ kỷ niệm sinh nhật Chủ tịch Hồ Chí Minh 19-5, Lễ hội mừng ngày giải phóng Thủ đô 10-10, ngày giải phóng miền Nam 30-4...

Riêng lễ hội truyền thống, có nội dung phong phú, đáp ứng nhiều mặt nhu cầu và thị hiếu của nhân dân, của khách nước ngoài và Việt kiều. Loại lễ hội này, thường mỗi làng, mỗi đình, mỗi hội có những chủ đề riêng. Nhìn tổng quát nội dung lễ hội truyền thống có thể phân như sau:

_ Lễ hội tái hiện các sinh hoạt tiền nông nghiệp: như lễ hội săn bắt, lễ hội mở cửa rừng, hội đánh cá...

_ Lễ hội tái hiện các sinh hoạt nông nghiệp tín ngưỡng và phồn thực: như các lễ cầu mùa, lễ cúng thần lúa, thần mặt trời, cầu mưa (Hội nước, hội đua thuyền, hội thả diều...).

_ Lễ hội tái hiện các sự kiện lịch sử: ngày lễ tôn vinh, tưởng nhớ các anh hùng lịch sử văn hóa của dân tộc như: Hội Hai Bà Trưng, Hội Kiếp Bạc (Trần Hưng Đạo), Lễ hội Côn Sơn (Nguyễn Trãi), Lễ hội Đống Đa (Quang Trung)...

_ Lễ hội tái hiện các mặt của đời sống xã hội: lễ hội làng nghề (thờ Tổ sư gò đồng...), lễ hội văn hóa - nghệ thuật: Hội Lim (hát Quan họ); Hội Lỗ Khê (hát ca trù)...

Ngoài ra, xưa còn có những lễ hội do triều đình tổ chức như lễ hội đua thuyền thời Lý, lễ hạ điền, lễ tế trời, đất...

Sinh hoạt lễ hội truyền thống, kèm theo những mỹ tục đã khơi dậy và nuôi dưỡng cái thiện cái mỹ (đề cao kỷ cương gia đình và xã hội) trong mỗi con người Việt Nam.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nhưng lễ hội truyền thống sinh ra trong xã hội cũ, nên không tránh khỏi những nhược điểm mang tính xã hội như lãng phí thời gian (lễ hội kéo dài ngày), lãng phí sức người (nhiều người phục vụ), lãng phí tiền của (chi tiêu cho lễ hội quá lớn như đốt vàng mã...), trong đó còn chứa đựng những yếu tố mê tín đã làm giảm đi phần nào tính chất trong sáng của lễ hội.

Lễ hội truyền thống của Việt Nam chính là dịp để con người giao lưu cộng cảm, truyền thống đạo lý, tình cảm và mỹ tục và những khát vọng cao đẹp. Nó mang lại cho con người sự thanh thản nơi tâm linh, gạt bỏ hay quên đi những lo toan thường nhật để về với cội nguồn, với thiên nhiên để mà thêm yêu đất nước, gắn bó với dân tộc.

Hầu hết các lễ hội của Việt Nam, thường diễn ra mùa xuân và mùa thu, hai mùa đẹp nhất trong năm, và cũng là lúc thời vụ kết thúc, nhà nông có thời gian nhàn rỗi.

Trong các lễ hội lớn của người Việt phải kể đến những lễ hội chi phối hầu hết các gia đình khắp mọi miền đất nước, đến mọi tôn giáo dân tộc đó là tết Nguyên đán, Rằm tháng Bảy, và Tết Trung Thu. Đây là những lễ hội mang tính toàn quốc. Ngoài ra trong từng vùng, trong từng cộng đồng dân tộc có những lễ hội riêng sẽ được nói rõ trong phần các dân tộc và phần giới thiệu từng tỉnh.

Tết Nguyên Đán

Xưa kia, Tết Nguyên Đán hằng năm kéo dài từ 23 tháng chạp (Lễ tiễn ông Táo về Trời, đến ngày 7 tháng Giêng âm lịch (Lễ hạ cây nêu). Tết Nguyên đán là ngày hội lớn nhất trong năm của gia đình, của làng xã, của toàn thể cộng đồng người Việt Nam không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng. Trong dịp Tết đến, ai ai cũng tìm cách về nhà, về quê, bởi Tết Nguyên Đán là Tết sum họp gia đình. Tết Nguyên Đán có nhiều nghi lễ trong việc thờ cúng tổ tiên, thờ cúng thành hoàng, thần, thánh, Thổ công.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Việt Nam quan niệm, kết thúc năm cũ bước sang năm mới, ai cũng muốn mọi điều mới mẻ, bởi vậy trước khi sang năm mới người ta muốn gột bỏ những điều xấu, rủi ro của năm cũ, mong muốn, chờ đón những điều tốt đẹp sẽ đến với họ vào năm mới. Xuất phát từ suy nghĩ đó mà người ta có ý thức rất nghiêm túc và tự giác rất cao chuẩn bị cho giờ phút đón giao thừa chào mừng năm mới: hoàn thành mọi công việc dở dang, thanh toán mọi công nợ, giải tỏa mọi hiềm khích bất hòa trong năm cũ, để sang năm mới, con người tràn đầy niềm vui. Trong giờ phút thiêng liêng đó chỉ nói những điều thân ái nhất, cầu mong cho nhau những điều may mắn, hạnh phúc nhất.

Thiêng liêng nhất là thời khắc giao thừa, thời khắc năm cũ qua đi, năm mới bắt đầu. Vào giờ khắc đó trong mỗi gia đình người Việt thường sắp cỗ cúng gia tiên gọi là cúng giao thừa. Sau cúng giao thừa, chủ nhà ra vườn hái một nhành lá bất kỳ, mang vào nhà rồi trân trọng đặt lên bàn thờ ngày Tết hoặc cắm vào lọ. Tục này gọi là hái lộc đầu xuân. Nếu nhánh cây đẹp sẽ gặp nhiều may mắn cho gia đình trong năm mới. Người hái lộc thường là chủ gia đình, thay mặt gia đình xin lộc trời đất, rồi xông nhà luôn.

Sau thời khắc thiêng liêng đó, cả gia đình quây quần bên nhau trước khi vào bữa cỗ giao thừa. Mọi người chúc nhau những lời chúc tốt đẹp nhất. Mọi người ăn uống vui vẻ. Bữa ăn này còn gọi là bữa ăn lấy may. Nhiều người sau khi đón giao thừa ở nhà lại tiếp tục đi "xông đất" và chúc tết bạn bè, làng xóm, những người thân, hoặc chơi xuân.

Tết ngày nay không kéo dài như xưa, nhưng mọi lễ nghi, quan niệm thiêng liêng về ngày Tết vẫn giữ nguyên trong tâm linh người Việt. Tết Nguyên Đán trong nhà người Việt bao giờ cũng có bánh chưng, bàn thờ gia đình nào cũng có bày mâm ngũ quả.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tết Trung Thu

Diễn ra vào rằm tháng 8 âm lịch hằng năm. Trước đây là Tết nông nghiệp mùa thu, sau đổi thành Tết của trẻ em. Trong ngày Tết Trung Thu các gia đình làm cỗ cúng thần linh, gia tiên. Cỗ Trung Thu phong phú nhiều trái cây, nào na, bưởi, hồng, ổi, chuối, mía... đặc biệt nhiều bánh kẹo, bánh nướng, bánh dẻo, được tạo dáng theo hình thù các con giống. Trẻ con là đối tượng chính của ngày Tết, được bố mẹ mua cho nhiều đồ chơi, trong đó thường không thể thiếu đèn ông sao. Những gia đình có điều kiện còn làm đèn kéo quân, hoặc mua cho trẻ chơi. Tối đến trăng lên tròn, sáng là lúc bọn trẻ vui sướng nhất. Chúng tập trung ở sân đình vui chơi. Ngõ xóm đầy tiếng cười, nói. Quang cảnh tối Trung Thu rất tưng bừng phấn khởi. Dưới ánh trăng là đèn nến với nhiều màu sắc lung linh. Tiếng trống rộn ràng suốt đêm.

Thanh niên nam nữ tập trung sân đình hát trống quân. Một vài tốp múa sư tử chung quanh ngõ xóm qua các gia đình vừa đi vừa múa trong nhịp trống. Theo chân những nhóm múa sư tử là đội quân tí hon đông đảo đi theo.

Trước khi kết thúc tối Trung Thu, người lớn và trẻ con tập trung lại vừa ngắm trăng vừa phá cỗ.

Tết Trung Nguyên

Tết đúng vào rằm tháng bảy hằng năm. Theo truyền thuyết dân gian, vào ngày này Diêm vương cho các âm hồn được lên trần thế hưởng lộc. Các gia đình người Việt đều sắm cỗ cúng gia tiên, cúng xong đốt vàng mã cho vong hồn dùng. Ngoài ra còn có lễ vật cúng cho các cô hồn lang thang, không người hương khói. Lễ vật này thường là những món ăn thông thường cốt no lòng, chắc dạ như cháo bỏng gạo, bánh đa, hoa quả. Các gia đình có người mới qua đời cũng đốt vàng mã làm cỗ chay vào ngày này.

Những lễ vật sau khi cúng xong được chia cho trẻ em để lấy khước.

https://www.facebook.com/taybanganh/

ĂN MẶC CỦA NGƯỜI VIỆT

Mặc: Nói đến mặc là nói đến trang phục. Trang phục là một trong ba yêu cầu của đời sống vật chất: ăn, ở và mặc. Ăn, mặc và ở là những sản phẩm văn hóa sớm nhất của loài người. Trang phục luôn luôn gắn bó mật thiết với sinh hoạt của con người. Trang phục cũng được thay đổi và phát triển trong quá trình lịch sử và phù hợp với đời sống kinh tế.

Trang phục của người Việt trước đây nói chung là giản dị và kín đáo. Đàn ông Việt mặc áo cánh nâu, quần trắng, đầu vấn khăn, chân đi guốc mộc hoặc guốc sơn. Bộ lễ phục có thêm áo dài đen bằng vải hoặc bằng the, đầu đội khăn xếp.

Trong xã hội phong kiến, việc mặc cũng được quy định rất nghiêm ngặt: "Thứ dân không được dùng màu sắc ngoại trừ màu đen, màu nâu và trắng. Trang phục màu vàng chỉ dành cho vua. Màu tía, màu đỏ dùng cho các quan lớn, màu xanh, lục dành cho quan nhỏ." Trang phục đàn ông Việt dần dần được thay đổi. Bộ Âu phục thay dần cho chiếc áo the, khăn xếp. Tuy vậy, ngày nay trong các lễ hội dân gian truyền thống, bộ trang phục cổ truyền vẫn được nhân dân sử dụng.

Trang phục nữ có phần lả lướt hơn. Các cô gái ngày xưa mặc áo tứ thân màu nâu non, váy đen, yếm trắng, đầu chít khăn mỏ quạ, thêm vào là những dải thắt lưng thiên lý hay hồng đào. Bộ lễ phục là tấm áo mớ ba. Đó là bộ áo dài ba chiếc. Ngoài cùng là áo tứ thân bằng the thâm màu nâu non, chiếc thứ hai màu mỡ gà, chiếc áo thứ ba màu cánh sen. Khi mặc chiếc áo dài, các cô gái thường chỉ cài cúc cạnh sườn. Phần từ ngực đến cổ lật chéo để lộ ba màu áo ra ngoài. Bên trong là chiếc yếm đào đỏ thắm, đầu đội nón quai thao, trông duyên dáng kín đáo.

Trải qua năm tháng, chiếc áo dài dần được đổi thay và hoàn thiện hơn. Đầu thế kỷ XX, phụ nữ Việt Nam chỉ mặc một chiếc áo dài, bên trong là chiếc áo cộc, và chiếc quần thay dần cho chiếc váy. Tùy theo từng lứa tuổi, từng thời, chiếc áo dài lúc ngắn lên

https://www.facebook.com/taybanganh/

gần đầu gối, lúc dài xuống gần gót chân, lúc gấu to, gấu nhỏ, lúc cổ áo cao, lúc cổ áo thấp. Cho đến nay chiếc áo dài truyền thống hầu như đã đến lúc hoàn chỉnh, ổn định.

Những năm gần đây, thời trang nước ngoài thâm nhập vào Việt Nam khá mạnh, nhưng bộ trang phục truyền thống vẫn giữ được ngôi vị của nó trong các ngày lễ hội trang trọng.

Ăn: Nói đến ăn là nói đến các món ăn truyền thống. Món ăn Việt Nam vô cùng phong phú, không chỉ được người Việt Nam thích mà bạn bè quốc tế cũng ngợi ca về các món ăn truyền thống của ta.

CÁC MÓN ĂN PHỔ BIẾN TOÀN QUỐC

Mỗi địa phương, mỗi vùng, mỗi tỉnh đều có những món ăn đặc sản riêng. Riêng phần này giới thiệu một số món ăn mang tính toàn quốc, vùng nào cũng có như:

Bánh chưng:

Là món ăn dân tộc, là một loại bánh không thể thiếu được trong dịp Tết Nguyên đán, để cúng tổ tiên ông bà. Vì vậy, ngày Tết đến dù người nghèo cũng cố chuẩn bị một vài cặp bánh chưng để ăn Tết.

Ở miền Bắc bánh chưng hình vuông, gói bằng lá dong (từ đèo Ngang trở vào Nam Bộ gói bánh hình tròn dài gọi là bánh tét, hoặc bánh đòn) hoặc bằng lá chuối. Dù gói bằng lá dong hay lá chuối, bánh chưng đều có màu xanh của lá tượng trưng cho đất.

Theo truyền thuyết dân gian kể lại thì bánh chưng, bánh giầy có từ thời vua Hùng, khi có vị hoàng tử dâng 2 thứ bánh này lên vua cha, được vua hết sức khen ngợi và nhường ngôi cho.

Việc gói bánh chưng cũng khá công phu tỉ mỉ. Ngoài việc chọn loại nếp ngon, đều hạt, được ngâm kỹ trước khi đem gói, còn phải chuẩn bị nhân bánh là thứ thịt lợn có đủ bì, mỡ và thịt nạc, đậu xanh cũng phải đều hạt, ngâm đãi sạch vỏ, nhặt bỏ những hạt

https://www.facebook.com/taybanganh/

sâu, mục... Lá dong (hoặc lá chuối) dùng gói bánh chưng phải chọn những lá bản to đều, còn tươi xanh. Gói bánh chưng không chặt quá, nhưng cũng không lỏng quá. Bánh gói xong cho vào nồi luộc khoảng trên 10 tiếng đồng hồ liên tục. Trong khoảng thời gian đó liên tục châm thêm nước. Luộc bánh thường bằng củi, mùn cưa hoặc trấu. Tốt nhất là củi thanh to chắc, lửa cháy đều thì bánh mới dền và ngon. Sau khi luộc xong, vớt bánh ra đem ép cho khô ráo, rồi treo lên.

Ngày nay, ngày thường, đặc biệt trong các đám cưới đều có bánh chưng, nhưng ăn bánh chưng trong ba ngày Tết mới cảm nhận được đầy đủ hương vị thơm ngon của bánh chưng... Bánh chưng ngày Tết ăn kèm với món dưa hành, giò lụa... càng làm cho miếng bánh chưng đậm đà hương vị cùng với không khí ngày xuân: cành đào (hay mai vàng), cây quất, thời tiết se lạnh, có khi lất phất mưa bay, làm cho không khí bữa ăn thêm nồng ấm.

Theo truyền thống, đêm 30 Tết, hoặc trước đó ít hôm, trong mỗi gia đình đã ngồi bên bếp lửa hồng nấu bánh chưng, vừa châm lửa vừa ôn lại chuyện cũ năm qua và đón chào năm mới với bao hy vọng năm mới những điều tốt đẹp sẽ đến.

Giò lụa

Giò lụa là một món ăn độc đáo của người Việt mà vùng nào cũng có. Có thể trong chế biến có những phụ gia khác nhau, hoặc mỗi vùng có cách gọi khác nhau. Chẳng hạn, người Nam Bộ gọi giò lụa là chả lụa. Nhưng thành phần cơ bản để làm nên giò lụa hoàn toàn giống nhau. Đó là điều cơ bản làm cho giò lụa được nhiều người ưa thích, kể cả khách nước ngoài, đặc biệt du khách phương Tây rất mê giò lụa Việt Nam.

Giò lụa Việt Nam làm bằng thịt lợn nạc, nhưng không phải thịt lợn nạc nào cũng giã được giò lụa. Thịt phải tươi, để tay vào còn âm ấm (không thể dùng thịt ướp tủ lạnh), lúc thái miếng thịt ra có cảm giác như miếng thịt đang "nhảy" trên mặt thớt. Đã có

https://www.facebook.com/taybanganh/

thịt ngon, đúng tiêu chuẩn làm giò lụa (bỏ hết bạc nhạc, gân), nhưng khâu quyết định cho giò lụa ngon hay không còn phụ thuộc khá lớn vào khâu giã giò. Đây là khâu mang tính kỹ thuật, nhưng cũng đòi hỏi sức lao động dẻo dai. Lúc đầu chỉ giã một chày, cho thịt dập, rồi tiếp đó cho hàn the (hiện hàn the bị cấm, hoặc chỉ cho 1 lượng rất nhỏ), đường, muối, nước mắm ngon, bột ngọt (vừa phải), hạt tiêu... Sau đó phải giã hai chày, cho tới lúc thịt thật quánh, rút chày lên rất khó là được. Trong khi giã không cần giã mạnh mà cần nhất là đều tay, liên tục. Người có kinh nghiệm nghe tiếng người thợ giã giò là biết mẻ giò được hay hỏng. Có người cho rằng trong thời hiện đại có thể dùng cối xay điện để xay thịt làm giò lụa. Có thể làm được, nhưng sẽ không còn là giò lụa Việt Nam nữa.

Trước đây, vùng kinh kỳ có nhiều nơi làm giò lụa nổi tiếng và ngày nay vẫn giữ được truyền thống. Đó là giò lụa Ước Lễ (Thanh Oai - Hà Tây), Đình Bảng (Bắc Ninh). Giò lụa ngon nhất là cái đầu đày. Sở dĩ đầu đày ngon, thơm vì nó tụ hết hương vị lá chuối vào. Lớp trong cùng là lá chuối non vàng nhợt màu lụa. Vì thế mới có tên là giò lụa. Lớp ngoài gói lá chuối già. Giò lụa thơm đậm vì mùi thịt tươi, với mùi thơm ngậy của lá chuối non luộc chín.

Phở

Phở là món ăn được tất cả mọi người Việt Nam từ Bắc chí Nam ưa thích. Theo các nhà nghiên cứu ẩm thực Việt Nam cho biết thì phở đã có cách nay hơn 100 năm. Nhưng phở có nhiều loại. Theo thống kê tuy chưa đầy đủ trên toàn lãnh thổ Việt Nam có hơn 17 loại phở. Ngoài ra, còn có những loại phở khá ngon, nhưng chưa được chính thức thừa nhận như phở mọc, phở thập cẩm...

Nguyên liệu phở, ngoài bánh phở ngon (làm bằng bột gạo) dai, dẻo, còn phải có thịt bò ngon. Tất nhiên có thể có loại thịt khác để làm phở như thịt gà. Nhưng cơ bản của phở là thịt bò.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Ăn cho đúng là phở chính cống, phải là phở thịt chín. Thịt chín thơm ngon hơn thịt tái. Mùi thơm thịt chín mới thể hiện đúng cái hồn, cái tinh túy của phở.

Phở có ở nhiều nơi. mỗi vùng có những đặc điểm riêng, nhưng nhìn chung và được nhiều người thừa nhận thì phở Hà Nội là ngon nhất. Bởi phở Hà Nội giữ được bí quyết khiến cho phở Hà Nội độc đáo, mà không nơi nào bắt chước được. Ở Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều hiệu đề "phở Hà Nội" chính cống, mà ăn vẫn không cảm nhận được hương vị thơm ngon của phở tại Hà Nội. Có lẽ cái ngon của phở ngoài bánh, thịt, gia vị, còn một bí quyết nữa đó là nước dùng (nước phở). Tất nhiên không phải hiệu phở nào của Hà Nội cũng ngon cả. Ở Hà Nội, hiện nay số lượng cửa hàng phở ngon, giữ được truyền thống không còn nhiều.

Phở là món ăn bình dân, ăn vào bất cứ giờ nào cũng được. Cái đặc biệt tài tình của phở là mùa nào, thời tiết nào ăn cũng thấy ngon miệng. Phở, một món ăn gắn với người Việt. Người Việt xa xứ lâu năm, trong vô vàn nỗi nhớ, họ không thể quên món phở. Vì vậy, có người đã mạnh dạn tuyên bố rằng người Việt Nam còn thì phở vẫn còn.

Bánh cuốn

Điểm tâm buổi sáng mà được thưởng thức món bánh cuốn nóng thật thú vị.

Bánh cuốn được làm từ bột gạo. Gạo làm bánh cuốn được chọn kỹ lưỡng đem ngâm từ hôm trước, đến sáng hôm sau vớt ra xay bằng chiếc cối đá quay tay.

Bột xay xong, để cho bánh được dẻo dai, người ta cho một ít hàn the (liều lượng cho phép). Dùng một nồi nước trên bịt một vuông vải mỏng, đặt nồi lên bếp đun sôi. Múc một ít bột lỏng đổ lên khuôn bánh, dàn đều, đậy vung lại, chờ cho bánh chín. Lấy một que tre, nhúng nước lã, gạt nhẹ, bóc lớp bánh mỏng lên. Để một ít nhân thịt lợn nạc ở vai và tôm nõn bóc vỏ, nấm hương,

https://www.facebook.com/taybanganh/

mộc nhĩ thái chỉ, thêm hành tiêu, nước mắm được xào sẵn (hoặc không có nhân) rồi cuộn tròn bánh lại để vào đĩa, rắc hành đã phi vàng lên trên.

Bánh cuốn ngon phải tráng mỏng, có màu trắng mượt, ăn dẻo, thơm, không bở. Vị ngon của bánh được tôn lên nhiều lần nhờ bát nước chấm khéo pha đúng kiểu, vừa phải: không mặn không nhạt, có vị ngọt, chua, cay, nếu được thêm mùi cà cuống. Bánh cuốn chay (không có nhân thịt) thường ăn kèm với chả quế.

Ở Việt Nam có nhiều nơi làm bánh cuốn ngon nổi tiếng, làng Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội, là một trong số đó.

Bún

Cũng là món ăn khá thường xuyên của người Việt, và ở mọi nơi đều có cơ sở sản xuất bún. Bún là món ăn vừa sang trọng, lại cũng là món ăn bình dân. Bún có nhiều loại. Dựa vào tạo hình của sợi bún mà người ta có tên như bún năm, bún rối, bún lá... Một số địa phương miền Nam gọi bún là miến Tàu.

Bún được làm từ bột gạo xay, được ép qua khuôn để thành sợi bún.

Mỗi miền, mỗi vùng dân cư, mỗi nhà hàng có cách ăn bún khác nhau, hoặc về cách chế biến, về thành phần thực phẩm, chủng loại gia vị... Do có cách ăn riêng, chế biến riêng, hương vị riêng... mà có tên gọi riêng đặc trưng cho từng vùng:

Ở miền Bắc có bún thang (bún ăn với thịt gà, giò lụa), bún mọc (bún với mọc) là hai loại bún cao cấp nhất, ngoài ra còn có bún ốc (bún chan canh ốc), bún chả (bún ăn với thịt lợn nướng), bún nem (bún ăn với nem), bún riêu cua (bún ăn với canh riêu cua đồng).

Còn ở Huế có bún bò giò heo (bún ăn với thịt bò nấu với giò lợn).

Dù ăn món bún nào, bát bún có ngon hay không trước hết thể hiện ở sợi bún. Sợi bún ngon là sợi dai, ướt và ngọt, rồi nước xáo,

https://www.facebook.com/taybanganh/

cách pha chế nước chấm (bún chả, bún nem), miếng thịt phải tươi ngon, gia vị vừa đủ...

Chả cá

Món chả cá đã có từ lâu, ít ra cũng là trên một trăm năm nay, người sáng tạo ra món ăn đầy hương vị này không ai khác là gia đình họ Đoàn ở 14 phố Chả Cá, Hà Nội.

Phố Chả Cá, trước đặt tên là phố Hàng Sơn. Ngày nay ngoài nhà hàng gia đình họ Đoàn mang tên nhà hàng chả cá Lã Vọng, còn có một số cửa hàng chả cá khác. Nhưng ngon nhất vẫn là chả cá Lã Vọng. Khách thập phương có thể dễ dàng nhận ra cửa hàng chả cá này vì trước cửa có đặt bức tượng Lã Vọng, một tay cầm cần câu, một tay xách xâu cá.

Nguyên liệu để làm món ăn đặc sản này là cá nheo, cá chiên, cá ngạnh, cá quả... nhưng ngon nhất, thịt thơm chắc, ngon đậm, không ngậy, ít xương... thì cá lăng là đứng đầu bảng. Cá được lạng lấy thịt, bỏ xương. Riềng nghệ giã nhỏ lọc lấy nước, cho thêm nước mẻ, nước mắm ngon, rồi cho cá vào ướp. Cá ướp khoảng 2 tiếng đồng hồ, đưa ra nướng trên bếp than hồng.

Để chuẩn bị cho bữa ăn, nhà hàng sẽ đưa ra một lò than, trên đặt một chảo mỡ đang sôi. Chả cá đã nướng bằng cặp tre trên bếp than hoa, nướng vừa chín tới, được mang ra cho khách. Những cặp cá vuông vắn, vàng ngậy, được gỡ ra cho vào chảo mỡ đang sôi, khói thơm bốc lên ngọt ngào. Khi ăn khách tự tay gắp vào bát ăn cùng với bún sợi nhỏ trắng phau, rau thơm, húng láng, thìa là xanh mướt, hành củ chẻ nhỏ trắng toát như cánh hoa huệ, được đặt sẵn bên cạnh bát mắm tôm vắt chanh, đánh ngầu, điểm một vài lát ớt tươi, càng làm cho bữa ăn thêm ngon miệng.

Nem rán

Người miền Bắc gọi là nem rán, miền Nam gọi là chả giò, miền Trung gọi là ram hay chả ram.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nem rán là món ăn rất dễ chế biến, không cầu kỳ. Nguyên liệu chính để làm nem rán gồm hai thứ: nhân nem và bánh đa nem mỏng (miền Nam gọi là bánh tráng) để cuốn. Nhân nem gồm thịt nạc băm nhỏ, cua bể hoặc tôm nõn, nấm hương, mộc nhĩ, trứng (gà hoặc vịt), củ đậu (xu hào thái nhỏ hoặc giá sống), hành khô, hạt tiêu, muối, gia vị... Có nơi còn cho thêm một ít sợi miến dong. Tất cả được trộn đều, rồi dùng bánh đa nem gói lại (tùy theo sở thích có thể gói nhỏ bằng ngón tay cái, hoặc to dài, khi ăn cắt ra từng khúc nhỏ), cho vào chảo mỡ đang sôi, rán chín vàng đều, vớt ra.

Ăn nem rán ngon nhờ cách pha chế nước chấm. Nước chấm gồm nước mắm ngon, đường, bột ngọt, giấm (hoặc chanh), nước lọc, một ít hạt tiêu, ớt... sao cho vừa đủ độ mặn, chua, cay, ngọt, dậy mùi tỏi, dưa góp làm bằng đu đủ xanh thái mỏng, xu hào, cà rốt.

Nem rán là món ăn quen thuộc của mọi người Việt Nam. Nem rán có mặt trong các bữa tiệc sang trọng, trong các cuộc liên hoan, mà cũng có trong các quán cơm bình dân, và còn có cả trong thực đơn của những thực khách ít tiền.

Đĩa nem rán giòn nóng cùng bát dưa góp, đĩa rau sống (xà lách, mùi, húng láng...), bát nước chấm thơm lựng, cùng bát bún, sẽ là bữa ăn thú vị.

Chạo tôm

Nguyên liệu chính gồm tôm tươi, mía lau.

Tôm tươi mua về, bóc sạch vỏ rút chỉ đen trên lưng, xát muối, rửa sạch, ngâm trong nước dừa xiêm, vớt ra để ráo.

Tiếp đó, đem tôm giã. Đây là khâu quan trọng nhất quyết định chất lượng chạo tôm ngon hay không. Với máy xay thịt hiện đại có thể cho tôm vào xay, tôm sẽ rất mịn, nhuyễn nhưng không giòn, dẻo nữa. Giống như giã giò lụa, chỉ có giã bằng cối đá thì thịt tôm mới dẻo, quánh và cuộn thành một khối trắng hồng,

https://www.facebook.com/taybanganh/

trông rất ngon mắt, lại thêm các gia vị, như mùi thơm của tỏi, vị mặn của muối, chút cay của tiêu, vị ngọt của một ít bột ngọt, làm cho chạo tôm có mùi riêng rất hấp dẫn.

Chọn mỡ lợn (loại ngon), thái thành hột lựu, rồi ướp sơ với đường, đem hong gió vài ba phút, thịt mỡ trở nên trong vắt, đem trộn vào tôm đã giã.

Lấy từng khúc mía lau đã gọt vỏ sao cho tròn. Đem chia đều tôm bằng số mía và đắp đều lên khúc mía, chừa hai đầu để cầm nướng.

Các khúc mía đã được đắp chạo tôm, gác lên lò than hồng nướng, thịt mỡ sôi xèo xèo, bốc lên mùi thơm. Chất ngọt của mía hòa lẫn với thịt tôm, tạo nên một vị ngọt thanh.

Chạo tôm đã ngon, nhưng nếu nước chấm không đạt yêu cầu sẽ làm cho chạo tôm mất ngon. Chế biến nước chấm chạo tôm khá cầu kỳ, cụ thể để có một bát nước chấm ngon phải có: gan lợn băm nhuyễn, chè đậu trắng tán nhỏ, dằm nát me chín, tương ngọt trộn đều một ít nước lèo. Tất cả cho vào nồi đun sôi, rồi rắc lạc rang giã nát lên, cho thêm ít tỏi, ớt.

Ăn kèm với chạo tôm còn có rau sống, khế, chuối chát.

Yến

Yến là món ăn đặc sản cao cấp, xưa kia chỉ có vua, chúa mới được thưởng thức. Yến được chế biến từ yến sào. Yến sào là tổ của loài chim yến, một loài chim biển. Nhưng không phải ở biển nào cũng có chim yến (còn gọi là hải yến). Ở nước ta chim yến phần lớn có ở những đảo đá ngoài khơi biển Khánh Hòa và ở Cù Lao Chàm, Hội An, Quảng Nam. Từ tháng 11 đến tháng 3 âm lịch năm sau là mùa chim yến làm tổ. Hằng ngày chim bay đi kiếm ăn, đêm về tiết nước bọt từ miệng ra để cuộn thành tổ có hình vỏ sò, giới chuyên môn gọi là tai yến. Dãi yến dính, dẻo, kéo thành sợi nhỏ mịn như sợi miến. Tổ của chim yến dính cheo leo trên các vách của đảo đá, nên lấy được tổ chim yến không dễ

https://www.facebook.com/taybanganh/

dàng chút nào. Lúc đầu tai yến có màu trắng đục, sau trắng dần, là thời điểm thu hoạch được. Mỗi tai yến nặng khoảng 19 gram. Mùa thu hoạch tổ yến vào tháng 3 âm lịch.

Tai yến lấy về phải loại bỏ phân, mùn đất, lông chim. Sau đó phân loại theo kích thước, màu sắc và khối lượng. Đại thể yến sào có thể chia thành 6 loại: huyết hồng, quan, thiên, bài, địa và vụn. Mỗi loại có giá trị khác nhau.

Cách chế biến món ăn từ yến sào cũng khá cầu kỳ. Trước hết ngâm yến sào vào nước cho mềm, bỏ hết tạp chất lẫn vào, dùng tay gỡ yến thành từng sợi nhỏ như miến. Nếu là yến ngọt, cho hấp cách thủy với đường phèn. Nếu là yến mặn thì cho nước dùng gà vào và cũng hấp cách thủy.

Yến không chỉ là món ăn đặc sản quý hiếm, nó còn là một vị thuốc chữa được nhiều bệnh như: lao phổi, hen, viêm xương, viêm xoang...

CÁC MÓN ĂN ĐẶC SẢN ĐỊA PHƯƠNG

Ngoài những món ăn phổ biến khắp nước, mỗi địa phương, từng vùng, từng tỉnh cũng có những món ăn riêng không kém phần nổi tiếng như:

Tôm chua Huế

Tôm chua làm từ các loài tôm. Loài tôm nào cũng được, nhưng có điều cần chú ý: tôm càng tươi, tôm chua càng ngon. Đặc biệt là tôm rằn, lúc chín có màu đỏ tự nhiên rất hấp dẫn. Nhiều địa phương trong nước ta đều làm tôm chua, nhưng tôm chua Huế thì không một nơi nào sánh nổi.

Muốn chế biến tôm chua, trước hết phải chọn tôm tươi sống, đều con. Dùng kéo cắt râu, càng, rửa sạch để ráo nước. Lấy một ít măng vòi loại non, tỏi thái lát mỏng, thoa một ít củ riềng, ớt thái thành lát dài và một ít xôi đồ. Tất cả các thứ đó trộn đều với tôm thêm một ít nước mắm ngon, hoặc muối, rồi cho vào bình thủy tinh, đậy nắp lại, đưa ra phơi nắng ấm khoảng 3, 4 ngày.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Khi ăn có thể cho thêm ít riềng, ớt, tỏi, đường và bột ngọt. Tôm chua ăn với thịt lợn ba chỉ có thêm củ kiệu muối, vị chua của khế, vị chát của vả, sung hoặc chuối chát cùng với hương thơm của rau mùi.

Cơm hến Huế

Hến thì vùng nào cũng có, nhưng cách chế biến thì mỗi vùng một khác. Cơm hến Huế có cách chế biến đặc biệt rất Huế, bởi độ cay của cơm hến không một vùng nào khác có được.

Như mọi người đều biết, người Việt ăn cơm, bất luận ăn theo kiểu nào, cơm cũng phải nóng sốt. Chỉ riêng cơm hến Huế, nhất thiết phải là cơm nguội. Đó cũng là nét rất Huế: cơm nguội mà ngon. Phải chăng đây là tính chất người Huế? Bởi người Huế cho rằng trên đời này chẳng có vật nào đáng bỏ đi cả, nên đã có sáng kiến tận dụng cơm nguội ăn với những con hến nhỏ lăn tăn, mà việc chế biến nó thì hết sức tỉ mỉ, mất nhiều công.

Huế nói riêng, và các vùng quê Việt Nam nói chung đều có hến, nhưng ngon nhất là hến ở Cồn Hến.

Làm cơm hến không khó nhưng tốn nhiều công. Hến được luộc lên, bỏ vỏ. Xào hến với miến (sợi nhỏ - miến Tàu), măng khô, thịt heo thái chỉ. Ăn cơm hến còn có món rau sống. Rau sống, ngoài rau thơm, chủ yếu là thân chuối non thái mỏng, hoặc hoa chuối thái mỏng, trộn lẫn với loại dọc mùng không ngứa, cùng với khế chua.

Nước luộc hến nóng, bốc khói nghi ngút, có gừng giã cho vào, dùng gáo dừa múc đổ đầy bát và cho đủ cơm nguội, hến xào, gia vị đặc biệt là ớt xào.

Các phụ gia của cơm hến gồm nhiều loại: ớt tương, ớt màu (xào ớt bột với mỡ), mắm tôm, bánh tráng nướng bóp vụn, muối rang, lạc rang mỡ giã nhỏ vừa phải, vừng rang, da lợn rang giòn, tóp mỡ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Ăn cơm hến Huế mà nước mắt chưa đầm đìa là chưa phải cơm hến Huế! Bởi người dân Huế vốn ăn rất cay, nhưng khi ăn cơm hến Huế, nước mắt vẫn giàn giụa vì cay quá!

Cao lầu Hội An

Cao lầu là món ăn đặc sản của phố cổ Hội An, và chỉ có cao lầu Hội An mới ngon nổi tiếng.

Các thị trấn, thị xã, thành phố thuộc các tỉnh dọc duyên hải miền Trung, nơi nào cũng có vài ba biển hiệu cao lầu. Nhưng không hiệu cao lầu nào ngon sánh nổi cao lầu Hội An.

Sợi cao lầu chế biến từ một loại gạo địa phương. Chọn loại gạo không cũ nhưng cũng không mới, ngâm với nước tro của than củi cây tràm mọc ở Cù Lao Chàm. Dùng nước giếng ở khu Bá Lễ để xay bột thì sợi cao lầu mới dai và chắc. Sau khi gạo đã được xay thành bột nhão, nhồi kỹ bột, đây là khâu quyết định chất lượng sợi cao lầu. Sợi cao lầu của gạo lứt, hoặc được nhuộm vàng bằng quả dành dành, hấp sơ qua và thái thành sợi nhỏ, đem hấp chín.

Sợi cao lầu làm ra ngày nào ăn ngay ngày đó mới ngon. Khi ăn nhúng qua nước sôi, để ráo nước.

Thức ăn với sợi cao lầu được chế biến như sau:

Chọn thịt heo đùi phần nạc, ướp gia vị và ngũ vị hương để làm xá xíu. Dùng kéo cắt sợi cao lầu đã ráo nước thành từng đoạn ngắn đem xào giòn. Lạc rang giã nhỏ phi với tỏi. Các thứ này đổ lên mặt sợi cao lầu đã xào giòn. Nước sốt làm xá xíu rưới lên.

Ăn cao lầu với rau húng, kèm theo bánh đa nướng, loại bánh tráng dày, vừng trắng và một ít nước cốt dừa. Nếu có thêm rau cải đắng hoặc cải non càng làm cho món cao lầu thêm đậm đà.

Ngày nay ăn cao lầu còn có thêm bát súp nấu từ xương gà. Cùng với thịt heo đùi nạc còn có thêm thịt gà thái vuông.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bò tái Cầu Mống

Bò tái Cầu Mống là món đặc sản ngon và khá nổi tiếng ở vùng Quảng Nam-Đà Nẵng. Cầu Mống là một địa danh nằm bên quốc lộ 1A, cách thành phố Đà Nẵng khoảng 15km về phía Nam, thuộc xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ở đây có hàng chục nhà hàng chuyên bán món thịt bò tái, được pha thái rất khéo léo. Mỗi miếng thái vừa có thịt vừa có da, chấm mắm nêm, pha tương ớt, tỏi, đường, chanh và các loại rau ăn kèm như chuối chát thái mỏng, khế chua, rau thơm, bánh tráng vừng nướng giòn.

Bò tái Cầu Mống ngon, bởi thịt bò ở đây rất ngon. Bò được nuôi ở Gò Nổi, nơi có loài cỏ bò ăn vào cho thịt có vị ngọt và thơm. Trước khi thui bò, người ta cho vào bụng nó một số lá thơm như: lá ổi, lá chanh. Thui cả con bò trong một thời gian nhất định, khi thịt có màu hồng đào, hương thơm từ lá sẽ thấm vào từng thớ thịt. Vì thế thịt sau khi thui có mùi thơm quyến rũ.

Ngày nay, nhiều khách sạn, nhà hàng trong cả nước đều có món bò tái, nhưng được ăn bò tái Cầu Mống, du khách sẽ không bao giờ quên được vị ngon, thơm của nó.

Hủ tiếu Mỹ Tho

Hủ tiếu Mỹ Tho khác hẳn hủ tiếu Tàu và hủ tiếu Nam Vang (Phnôm Pênh, Campuchia) ở điểm là không ăn với xà lách, giấm, rau ghém, mà chủ yếu ăn với giá sống, chanh, ớt, nước tương.

Hủ tiếu Mỹ Tho trở nên nổi tiếng vì từ những năm 60 của thế kỷ XX, người ta đã hoàn thiện khâu chọn gạo làm ra bánh. Đặc biệt là việc pha chế nước dùng rất tài tình của các đầu bếp nổi danh ở Mỹ Tho như: Phạm Ký, Nam Sơn, Tuyền Ký...

Bánh để làm hủ tiếu được chế biến từ gạo vùng Gò Cát (như tàu hương, nàng thơm chợ Đào) là ngon nhất. Đây là vùng chuyên canh lúa thơm của xã Mỹ Phong, ngoại thành phành phố Mỹ Tho. Gạo Gò Cát không chỉ để làm bánh hủ tiếu mà còn dùng làm bún, bánh tráng... cũng rất ngon.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sợi bánh để làm hủ tiếu được phơi khô. Mỗi lần ăn được nhúng nước sôi, đảo qua hành mỡ, cọng bánh trong, bóng.

Hủ tiếu Mỹ Tho, ngoài thịt, lòng còn có nửa con tôm để trên mặt trông rất ngon. Hủ tiếu ngon hơn nhau còn ở cách pha chế nước dùng. Nước dùng được ninh từ xương ống, thịt và khô mực nướng, cùng một số gia vị, hương liệu đặc trưng, được các đầu bếp gia giảm cho hợp với khẩu vị khách sành ăn.

Ở thành phố Mỹ Tho, các quán thuộc khu vực Cầu Quay, trông rất tuềnh toàng, nhưng sáng sáng khách đến nườm nượp, bởi hủ tiếu ở đây ngon nổi tiếng.

Mắm thái Châu Đốc - An Giang

Mắm thái Châu Đốc làm từ cá lóc (cá quả) hoặc cá bông, khi làm mắm nên chọn con cá lớn, mập, rồi đập đầu, đánh vảy, chặt vi, rửa sạch, đem ướp muối trong thạp độ 15 ngày. Dùng gạo lứt rang vàng, xay nhuyễn làm thính. Thắng nước đường thốt nốt đổ vào thạp mắm. Vớt ra chặt đầu, lóc xương, lột da, lấy phần thịt, thái nhỏ cỡ chiếc đũa, rồi đem ướp đường, bột ngọt, ngâm nước mắm xăm xắp. Lấy đu đủ thái sợi nhỏ, vắt hết nước, đem phơi một ngày cho dẻo đi. Xong cho mắm vào thạp, rải thính đều, nén kỹ, bịt kín, để trong khoảng một tuần lễ có thể đem ăn được. Để lâu ngày sẽ bị chua, hỏng.

Ăn mắm thái Châu Đốc kèm rau sống, khế chua, chuối chát, gừng lát, lá gừng, ớt, thịt ba chỉ luộc chín, thái miếng.

Mắm thái Châu Đốc, một lần được ăn là nhớ suốt đời. Nhà văn Đoàn Giỏi, trong thời gian tập kết ra Bắc, trong muôn vàn nỗi nhớ, có một nỗi nhớ mà nhà văn không tài nào quên được. Đó là nỗi nhớ da diết món mắm thái Châu Đốc. Ông đã gửi gắm lòng mình vào tác phẩm "Đất rừng phương Nam". Những người dân đồng bằng sông Cửu Long xa xứ, mới nghe nhắc đến Châu Đốc đã thấy dậy lên trong tiềm thức mùi thơm hấp dẫn của mắm thái.

https://www.facebook.com/taybanganh/

CÁC LOẠI BÁNH

Cốm

Cốm được làm từ hạt lúa nếp non. Người nông dân có kinh nghiệm biết lúc nào thì lúa nếp gặt về có thể làm cốm. Đó là lúc những bông lúa nếp uốn câu, và những hạt lúa đã căng đầy, sữa lúa đang đông đặc lại.

Lúa khi gặt về, tuốt lấy hạt (gọi là thóc nếp bao tử), đem rang chín, để nguội, đổ vào cối đá dùng chày gỗ giã nhẹ tay, nhưng nhịp phải nhanh đều thì hạt cốm mới xanh, dẻo. Xong một lượt giã, đem sảy bớt trấu, lại đổ vào cối giã tiếp, giã đủ 7 lần và sảy 7 lần, mới được cốm ngon. Sau khi giã xong, sảy hết trấu, cốm được gói bằng lá sen, vừa giữ cho cốm không bị khô, và thấm hương thơm của lá sen vào cốm.

Cốm là món quà quê rất sang trọng nhưng cũng rất dân dã. Người ta ăn cốm với chuối tiêu trứng quốc. Ăn cốm phải thong thả, nhai kỹ, mới cảm nhận được hết vị ngọt của lúa non, vị thơm, dẻo của cốm.

Cốm ở xứ quê nào trên đất Việt cũng đều có, nhưng cốm dẻo, ngon ngọt và mang hương vị riêng thì chỉ có cốm làng Vòng, ngoại thành Hà Nội. Làng Vòng có nghề làm cốm lâu đời, bí quyết của nghề cốm ở đây không nơi nào có được.

Cốm còn là nguyên liệu để làm bánh cốm, chè cốm...

Bánh cáy

Bánh cáy là loại bánh đặc sản của làng Nguyên Xá hay còn gọi là làng Nguyễn, nơi có nghề múa rối nước nổi tiếng khắp nước, cách thị xã Thái Bình khoảng 10km.

Nguyên liệu chính để làm bánh cáy là gạo nếp thơm. Đem gạo nếp ướp cùng gấc, nước quả dành dành, và nước lá nếp, rồi đồ thành xôi. Xôi có 3 màu: vàng (màu của dành dành), đỏ (của gấc) và màu xanh (của lá nếp). Tiếp đó đem giã xôi thành bánh giầy, phủ bánh cho se mặt, đem thái thành từng thanh nhỏ, dài

https://www.facebook.com/taybanganh/

như que diêm, rồi cho vào mỡ rán phồng. Thêm vào đó còn có lạc, vừng rang và bỏng nẻ. Bỏng nẻ phải dùng loại nếp hoa vàng. Rang bỏng phải ở nhiệt độ nhất định đủ vừa, để cho bỏng không nở tung tóe. Vừng trước khi rang phải xát vỏ, rang vừa chín tới. Lạc phải kén củ đều hạt, luộc trước khi đem rang để tránh mùi khét. Mỡ lợn chỉ dùng loại mỡ phần mông, ướp từng tảng trong đường khoảng 15 ngày, đem thái nhỏ, xào lên đến khi miếng mỡ trong vắt là được. Dùng đường kính pha một ít mạch nha, đun nhỏ lửa. Khi đường sôi dùng đũa khuấy, bao giờ thấy dẻo, quện vào nhau, thì đổ tất cả nguyên liệu vào, trộn đều. Sau đó đổ vào khuôn. Lòng khuôn đã được rắc vừng rang tạo nên lớp vỏ bọc ngoài trông rất hấp dẫn.

Bánh cáy có hình chữ nhật dài, bọc bằng giấy hồng điều, ăn ngon, có hương vị đặc biệt vừa giòn, dai, thơm.

Bánh tôm

Bánh tôm, một món ăn khá hấp dẫn của nhà hàng Hồ Tây, Hà Nội. Có thể nhiều nơi khác cũng làm bánh tôm, nhưng không đâu bằng bánh tôm Hà Nội. Phải chăng con tôm Hồ Tây có vị ngon riêng của nó?

Bánh tôm Hà Nội làm từ loại tôm tươi vừa vớt lên từ Hồ Tây, đang nhảy tanh tách, cùng với tài chế biến khéo léo, khiến cho có vị ngon đặc biệt mà ai đã một lần thưởng thức là không thể nào quên. Một đĩa bánh tôm vàng rộm, điểm những con tôm đỏ au trên mặt bánh nóng hổi, cùng với đĩa rau xa lách tươi non. Bát nước chấm được các anh chị đầu bếp pha đủ vị mặn, ngọt, chua, cay với những lát ớt tươi trông đã muốn ăn. Ngồi thưởng thức bánh tôm Hồ Tây trên đường Thanh Niên lộng gió, thoáng đãng, càng làm cho bữa ăn thêm tuyệt hảo. Bởi thế, không lúc nào quán bánh tôm Hồ Tây vắng bóng du khách.

Bánh xèo

Bánh xèo là món ăn đặc sản của miền Nam, trong đó nổi tiếng hơn cả là bánh xèo Huế.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nguyên liệu chính để làm bánh xèo là bột gạo pha với nước cốt dừa, bột nghệ cùng với các thức gia vị khác. Bánh được tráng (chiên) trên chảo gang lớn, đun bằng củi chắc lõi, đượm than, ít khói. Người tráng bánh phải có nhiều kinh nghiệm, nhanh tay, và phải ước lượng được thời gian chính xác, lúc nào là bánh được, thì sẽ cho tấm bánh mỏng, giòn đều. Chiếc bánh hình tròn, mỏng tang, vàng rộm, ở giữa là nhân thịt xào (có thể dùng thịt gà hoặc thịt lợn), trứng cốt, giá đỗ, tôm tươi, hành hoa... Khi bánh chín gấp đôi lại giống như tráng trứng. Mỗi chiếc bánh được xếp chồng lên cách nhau một tấm lá chuối mỏng trên chiếc đĩa.

Cùng với đĩa bánh còn có đĩa rau sống và bát nước chấm với vài ba lát ớt đỏ, trông rất hấp dẫn.

Bánh xèo ngon, khâu quyết định là chế biến bột, nhân và pha chế nước chấm. Đặc biệt nước chấm phải chọn loại nước mắm thơm đậm, thêm ớt, tỏi giã nhuyễn trộn với đường kính trắng, bột ngọt, vắt ít chanh, dầm với dưa chua củ cải, tạo nên bát nước chấm vừa đủ mặn, chua, cay, thơm nồng.

Ăn bánh xèo bằng tay rất dân dã, mới thưởng thức trọn vẹn hương vị độc đáo của bánh xèo.

Bánh đậu xanh

Bánh đậu xanh là đặc sản nổi tiếng của Hải Dương. Bánh đậu xanh ngày xưa có khác với bánh đậu xanh thời nay. Xưa kia bánh đậu xanh dùng bột khô, tơi, ép vào khuôn hình vuông. Ăn không cẩn thận nhiều khi bị sặc. Bánh đậu xanh nay đã cải tiến dùng bột đậu xanh ướt, có trộn ít mỡ lợn, có vị ngọt, béo.

Bánh đậu xanh hiện có nhiều nơi sản xuất. Hiệu bánh nào cũng tự quảng cáo là "bánh đậu xanh gia truyền", "bánh đậu xanh chính hiệu rồng vàng" (một hiệu bánh nổi tiếng xưa kia ở tỉnh Hải Dương). Nhưng khách hàng rất khó phân biệt đâu là bánh thật, đâu là bánh giả hiệu, đâu là bánh đậu Hải Dương và đâu là bánh Hàng Bạc, Hàng Đào, Hàng Đường (Hà Nội). Và ngay tại thành phố Hải Dương cũng có rất nhiều cửa hàng, cửa

https://www.facebook.com/taybanganh/

hiệu bánh đậu xanh, mỗi thương hiệu đều có bí quyết riêng của người chủ khai sinh ra nó. Vì vậy cũng là được sản xuất tại Hải Dương, nhưng mỗi thương hiệu đều có chất lượng khác nhau.

Bí quyết làm bánh đậu xanh ngon, để người ăn nhớ mãi, trước hết là phải dùng bột đậu xanh nguyên chất (không pha các thứ bột khác). Bột đậu ngọt vừa phải, thơm, ngậy.

ĐẶC SẢN TRÁI CÂY

Xoài

Xoài thuộc loại quả quý của xứ nhiệt đới Việt Nam. Ở Việt Nam, hầu như khắp nơi đều trồng được xoài. Miền Bắc, xoài được trồng nhiều ở Yên Châu (Sơn La), quả tuy nhỏ, nhiều xơ, hạt lớn, nhưng ngọt đậm và thơm, dân địa phương gọi là quả muỗm, quéo... Miền Trung có xoài Nha Trang quả to, nhưng không được ưa chuộng mấy. Các tỉnh Nam Bộ là quê hương xứ sở của xoài. Xoài có nhiều loại: xoài Tượng, xoài Thanh Ca, xoài Xiêm, xoài Cát. Xoài Nam Bộ to và ngon, nhưng nổi tiếng nhất là xoài Cao Lãnh (Đồng Tháp). Xoài có giá trị dinh dưỡng cao, ăn lúc chín. Khi còn xanh cũng ăn được nhưng rất chua. Xoài xanh dùng nấu canh chua, kho cá... Xoài chín còn dùng làm nguyên liệu chế biến nước giải khát.

Vú sữa

Vũ sữa chủ yếu trồng ở Nam Bộ. Nam Trung Bộ cũng có, nhưng sản lượng không nhiều và không ngon bằng vú sữa Nam Bộ. Hiện miền Bắc có nhiều nơi trồng, nhưng quả ít và nhỏ.

Trái vú sữa hình cầu, vỏ trơn nhẵn, màu xanh hoặc thêm vệt tím tía. Cắt ngang giữa quả thấy có những ngăn hình ngôi sao 5 cánh. Trong mỗi ngăn có hạt màu đen.

Thịt phía ngoài cùng của quả vú sữa cứng, nhưng càng vào trong càng mềm và ngọt. Phần thịt nằm trong các ngăn bao bọc lấy hạt trong như thạch.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Cách ăn: trước khi ăn bóp đều, dùng dao cắt đôi, lấy thìa múc phần ruột, để lại phần ngoài gần vỏ. Người ta nói rằng, ngon nhất là vú sữa Lái Thiêu.

Sầu riêng

Một đặc sản chỉ có nhiều và ngon, thơm ở Nam Bộ. Người ăn quen cho là tuyệt vời, người không quen thì không chịu được mùi thơm quá mạnh của nó.

Trái sầu riêng vỏ cứng, có gai nhọn và ngắn, màu vàng hay xanh nhạt. Trung bình mỗi quả nặng từ 1 đến 4 kg. Khi chín, vỏ nứt ra 5 ngăn. Mỗi ngăn có từ hai đến 3 múi. Hạt có loại lớn, loại lép; cơm dày, ăn béo, thơm và ngọt.

Hương vị sầu riêng là một hương vị tổng hợp của vị trứng, bơ, sữa, gia vị và thoang thoảng mùi phô mát. So với các quả cùng loại như mít, mít tố nữ, sầu riêng có giá trị dinh dưỡng cao hơn.

Ngoài việc dùng ăn tươi, sầu riêng còn là nguyên liệu làm bánh kẹo, bổ sung hương vị cho kem, nước giải khát. Nơi trồng sầu riêng nhiều nhất ở đồng bằng sông Cửu Long là các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre và Cần Thơ.

Tại sao có tên sầu riêng? Chuyện kể rằng, ngày xửa ngày xưa có một anh chàng Nam Bộ bỏ quê sang sinh sống ở đất chùa Tháp (Campuchia). Tại đây, chàng chữa khỏi bệnh cho một cô gái và lấy cô làm vợ. Cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Nhưng chẳng được bao lâu cô vợ qua đời. Chàng buồn quá đành trở lại quê hương mang theo những hạt Tu rên về trồng để tưởng nhớ người vợ thân yêu. Mùa quả chín, chàng hái về cúng vợ và mời bà con ăn thử. Mọi người đều khen ngon. Chưa hết mùa quả chín, chẳng may chàng ngã bệnh và chết. Bà con làng xóm thương tiếc, đặt tên cho cây ấy là sầu riêng (nỗi sầu của riêng 1 người).

Chôm chôm

Chôm chôm nhìn có khác, nhưng là quả cùng họ với vải, nhãn. Ở Việt Nam có ba loại chôm chôm: chôm chôm thường,

https://www.facebook.com/taybanganh/

chôm chôm tróc vỏ và chôm chôm nhãn. Cùng với xoài, vú sữa, sầu riêng, chôm chôm là thứ quả trồng chủ yếu ở miền Nam, cho quả to, ngon, ngọt và thơm.

Trái chôm chôm đậu thành chùm (như nhãn, vải) màu đỏ, vàng hay vàng cam. Vỏ có nhiều lông nhọn nhưng mềm và cong. Cơm thường dính vào hạt, nhưng hiện đã có những giống chôm chôm cơm tách khỏi hạt, khi ăn không bị cứng, chát. Cơm dày, trắng trong, nhưng ít nước hơn vải, mùi vị ngon, hơi chua như nho. Ngoài việc ăn tươi, chôm chôm còn dùng chế biến đồ hộp xuất khẩu.

Chôm chôm có nhiều vitamin C và chất khoáng, hạt chôm chôm dùng làm thuốc tẩy giun. Uống nước rễ chôm chôm hạ sốt.

Bưởi

Ở Việt Nam, vùng nào cũng trồng được bưởi. Nhưng bưởi ngon có tiếng thì có 5 nơi: miền Bắc có bưởi Đoan Hùng (Phú Thọ), miền Trung có bưởi Phúc Trạch (Hà Tĩnh), bưởi Thanh Trà (Huế), miền Nam có bưởi Tân Triều (Đồng Nai) và bưởi Năm Roi (Đồng Tháp). Trong các loại bưởi ngon đó, mỗi loại có một vị ngon khác nhau. Bưởi Phúc Trạch ăn vào cảm nhận được vị ngọt của đường đã hòa tan trong mùi bưởi, một vị ngọt mát, thanh, không đắng, ngấm dần vào cơ thể làm cho tinh thần sảng khoái. Bưởi Tân Triều mang vị ngọt, dịu, hơi chua, còn bưởi Thanh Trà ngọt lịm, ruột hồng. Bưởi Năm Roi không hạt, khi chín có màu vàng, ngọt lịm như đường, còn bưởi Đoan Hùng nhiều nước, ngọt đậm.

Dứa

Cùng với xoài, dứa là loài quả nhiệt đới được mệnh danh là "vua của các loại quả". Dứa mang đủ đặc tính của một loại quả ngon: màu vàng hấp dẫn, hương thơm, vị ngọt chua rất dễ chịu, chứa nhiều vitamin, hàm lượng dinh dưỡng cao.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Ở Việt Nam phổ biến có hai loại dứa: dứa quả to và dứa quả nhỏ (dân gian gọi dứa Tây và dứa ta). Dứa quả nhỏ trọng lượng trung bình từ 0,5 đến 1,5kg, ít nước nhưng ngọt. Dứa quả to (dứa Tây) có quả nặng 2,5kg, nước nhiều nhưng vị chua hơn. Dứa dùng ăn tươi, làm nguyên liệu đóng hộp, hoặc chế thành nước giải khát.

Dứa ở nước ta trồng khắp nơi, nhưng nhiều nhất là vùng trung du Bắc Bộ: Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Đồng Giao (Ninh Bình), chủ yếu dứa nhỏ. Ở Nam Bộ nhiều tỉnh trồng được dứa.

Hồng

Hồng được trồng nhiều nơi ở nước ta, đặc biệt ở vùng trung du Bắc, Bắc Trung Bộ và Đà Lạt. Trong đó, hồng ngon nổi tiếng, không có hạt, là hồng Hạc (Hạc Trì) ở Việt Trì, Phú Thọ.

Hồng có hai loại. Hồng ngâm là loại hồng lúc chín già, hái xuống mang ngâm vào nước tro khoảng 2, 3 ngày đêm cho hết nhựa, ăn giòn, ngọt và không chát. Hồng ngâm khi còn xanh hoặc đã chín già nhưng chưa ngâm nước tro ăn rất chát.

Hồng mọng là loại hồng không chát, ăn ngọt, khi quả chín đỏ trên cây, hái xuống ủ vào lá chuối khô cho chín hẳn, vỏ mọng, ăn ngọt, không giòn cứng như hồng ngâm.

Quả hồng có nhiều dạng: quả dài, quả tròn, quả có cạnh (gần như một khối vuông), có quả hình quả trứng. Lúc non, quả có màu xanh nhạt, lúc chín chuyển sang màu vàng (hồng ngâm) hoặc đỏ (hồng mọng).

Hồng chín vào mùa thu, trùng với mùa cốm. Hồng có thể ăn tươi, sấy, phơi khô hoặc làm mứt.

Ngoài hồng Hạc ngon nổi tiếng, ở nước ta còn có hồng Lạng (Lạng Sơn), hồng Đà Lạt ăn cũng thơm ngon.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Mơ

Cây mơ trồng nhiều ở vùng núi phía Bắc: Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Hà Tây, Hòa Bình... Trong đó có mơ Hương Tích, Hà Tây là nổi tiếng thơm ngon.

Quả mơ không to, hình tròn, vỏ ngoài có lông tơ.

Vào tháng 2, tháng 3 (âm lịch) là mùa mơ chín. Quả mơ chín có màu vàng óng, nhiều nước, mùi thơm dễ chịu. Mơ càng chín độ chua càng cao, lượng đường rất ít nên không mấy ai ăn tươi. Ở vùng Đông Mỹ, ngoại thành Hà Nội, có giống mơ cho quả to nhất. Mơ vùng Hải Hậu, Nam Định là loại mơ lai giữa mơ và mận. Quả trông giống mận hơn là mơ, khi chín không chuyển sang màu vàng mà là xanh.

Mơ thường được ngâm với đường hoặc muối để làm nước giải khát mùa hè, hoặc làm ô mai chữa ho rất hiệu nghiệm.

Nhãn

Là loại cây cùng họ với vải và chôm chôm, đã có ở nước ta cách đây khoảng 2000 năm.

Suốt chiều dài đất nước nơi nào cũng có trồng nhãn. Nhưng giống nhãn ở mỗi miền có khác nhau. Miền Bắc cây nhãn thân to (có cây như đại thụ), giống nhãn miền Nam cây bé, thấp.

Miền Bắc có nhãn lồng Hưng Yên nổi tiếng. Gọi là nhãn lồng, bởi vì mỗi chùm nhãn được bảo vệ bằng một cái lồng (hoặc dùng mo cau) để chim, dơi không ăn được. Nhãn lồng Hưng Yên có cùi dày, ngọt đậm, thơm và giòn, xưa kia chuyên dùng để dâng lên vua.

Ở miền Nam nổi tiếng ngon có loại nhãn tiêu (hạt nhãn nhỏ chỉ bằng hạt tiêu). Loại nhãn này được trồng nhiều ở Đồng Tháp, có vỏ màu gan gà, tuy quả không to nhưng nhiều nước, cơm dày.

Cùi nhãn dùng chế biến nhiều thứ: sấy khô gọi là long nhãn, có mùi thơm, dùng làm thuốc an thần, hoặc ăn như mứt; cũng có

https://www.facebook.com/taybanganh/

thể chế biến đóng hộp; hoặc nấu chè với hạt sen, gọi là chè sen (sen nấu nhừ) long nhãn, một thứ chè xưa dùng dâng lên vua.

Vải

Cây vải chủ yếu trồng ở vùng đồng bằng và trung du miền Bắc như Hải Dương, Lục Ngạn (Bắc Giang)... Nhiều nơi gọi quả vải là quả tu hú, bởi mùa vải chín cũng là mùa chim tu hú gọi bạn.

Vỏ quả vải khi chín có màu đỏ thâm, mặt ngoài sần sùi, cùi dày, có nhiều nước. Có loại vải ngọt, có loại hơi chua. Hạt vải màu nâu sẫm.

Trong tất cả các loại vải, chỉ có vải Thanh Hà (huyện Thanh Hà, Hải Dương) là ngon nổi tiếng. Loại vải này chỉ trồng ở đất Thanh Hà thì mới ngon (do thổ nhưỡng). Hạt vải thiều chỉ nhỏ bằng đầu diêm, thậm chí nhiều quả gần như không có hạt. Xưa kia vải thiều Thanh Hà dùng để dâng lên vua. Vải có hàm lượng dinh dưỡng cao, có mùi thơm thanh khiết, vị ngọt đậm. Vì thế, từ lâu vải được coi là loại quả nhiệt đới ngon nhất.

Vào vụ thu hoạch, vải chín rộ, ăn tươi không hết, người ta đem phơi hoặc sấy khô để bảo quản được lâu, rất hợp khẩu vị với nhiều người.

Mít

Vỏ mít có nhiều gai nhọn, sắc, dày. Trái mọc ngay ở thân cây, trên những cành chính.

Quả mít chứa nhiều đường, có nhiệt lượng cao. Vì thế những người thân nhiệt cao, mùa hè ăn nhiều mít dễ nổi rôm, sảy.

Mít chín vào mùa hè, múi mít khi chín có màu vàng ánh. Mít có hai loại: loại mít dai, giòn ngọt đậm, ít nước (còn gọi mít ráo) và mít ướt (mít mật), múi mít nhão, mềm, vị ngọt mát.

Có loại mít không hạt được trồng nhiều ở đồng bằng sông Cửu Long, trái sai và ngon. Đặc biệt giống mít Tố Nữ là loại trái nhỏ, khi chín có màu vàng sẫm. Khác với mít thường, múi mít Tố

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nữ bám chặt vào lõi hơn vào vỏ. Vì thế khi mít Tố Nữ chín, cầm cuống và lõi rút ra có thể kéo theo toàn bộ múi mít.

Thân cây mít thuộc loại gỗ quý, dùng tạc tượng, khắc dấu, khắc bản in tranh dân gian, làm khuôn đóng xôi, oản. Hạt mít dùng chế biến một số món ăn như hầm với chân giò lợn, hoặc phơi khô, giã nhỏ làm bột bánh. Nhiều nơi ở miền Trung, đặc biệt là Nghệ Tĩnh, dùng xơ mít muối dưa, làm nhút. Dân gian có câu "nhút Thanh Chương, tương Nam Đàn" là vậy.

https://www.facebook.com/taybanganh/

PHẦN IV

DU LỊCH VÀ VĂN HÓA CÁC TỈNH - THÀNH PHỐ

AN GIANG

An Giang, một tỉnh miền Tây Nam Bộ, ở ngã ba sông Mê Kông chảy vào nước ta. An Giang có địa hình khá đặc biệt "núi giữa đồng bằng". Trên những cánh đồng bao la chia cắt bởi những sông rạch dọc ngang, nổi lên ngọn Thất Sơn hùng vĩ dài trên 30 km, rộng 13 km.

An Giang có diện tích 3.424 km2, dân số trên 2 triệu người, gồm thành phố Long Xuyên, thị xã Châu Đốc và 9 huyện: An Phú, Tân Châu, Phú Tân, Châu Phú, Tịnh Biên, Tri Tôn, Chợ Mới, Châu Thành và Thoại Sơn.

An Giang nơi sinh sống của các dân tộc: Việt, Khơme, Chăm, Hoa...

Tây Bắc An Giang giáp Campuchia, Tây Nam giáp Kiên Giang, Đông Nam giáp Cần Thơ, Đông Bắc giáp Đồng Tháp.

An Giang thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. An Giang nằm đầu nguồn sông Mê Kông, hằng năm từ tháng 8 đến tháng 10 có mùa nước nổi, mang lại nguồn thủy sản dồi dào, và nguồn phù sa màu mỡ bồi đắp cho đất đai An Giang thêm tươi tốt.

THẮNG CẢNH

Núi Cấm

Đây là khu du lịch nổi tiếng thuộc huyện Tịnh Biên, cách thị xã Châu Đốc 30km. Núi Cấm cao 710m, là một ngọn trong dãy

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thất Sơn. Đường lên núi thoai thoải dễ đi. Trên núi có nhiều cảnh đẹp như suối Thanh Long, động Thủy Liêm, hang Võ Bồ Hong, chùa Phật...

Đến khu du lịch núi Cấm, du khách sẽ được ngắm nhìn núi non, hồ chứa nước Otuk Sa, đồi Tức Dụp (đồi 2 triệu đô la), nằm cạnh ngọn Cô Tô và dãy Thất Sơn cao vời vợi. Đồi Tức Dụp cao 300m, địa thế hiểm trở, chi chít hang động thông nhau như tổ ong.

Tức Dụp là một địa đạo thiên nhiên của đồng bằng sông Cửu Long, là niềm tự hào của An Giang. Trong kháng chiến, đồi Tức Dụp là căn cứ vững chắc của quân dân An Giang kiên cường chống Mỹ. Mỹ từng treo giá 2 triệu đô-la để san bằng ngọn đồi, nhưng âm mưu của chúng bị thất bại.

Núi Sam

Thuộc xã Vĩnh Tế, núi Sam nằm giữa cánh đồng cách thị xã Châu Đốc 5km. Núi Sam cao 284m, có nhiều đường mòn lên xuống. Từ chân lên đỉnh núi có tới 20 đền, chùa... trong đó có miếu Bà Chúa Xứ là nổi tiếng nhất.

Dưới chân núi có lăng Thoại Ngọc Hầu, tức Nguyễn Văn Thoại (1761-1829), một danh tướng triều Nguyễn, có nhiều công lao với nhân dân địa phương trong việc tổ chức đào ba công trình quan trọng trong tỉnh An Giang. Đó là kênh Vĩnh Tế dài 90 km nối sông Hậu đến Hương Thành (Hà Tiên) đổ nước ra vịnh Thái Lan, kênh Chỉnh An nối sông Hậu qua sông Tiền, kênh Thoại Hà, đắp con lộ lớn Châu Đốc đi Long Xuyên. Tất cả những công trình này đều hoàn tất trước khi thực dân Pháp xâm lược Nam Kỳ (1858).

Ở độ cao 100m của núi Sam là đồi Bạch Vân, nơi những tảng đá to chồng chất lên nhau thành nhiều hang động thoáng rộng, rất thú vị cho việc cắm trại. Lưng chừng núi là vườn Tao Ngộ, hoa cảnh muôn sắc nên thơ. Trên đỉnh cao 230m là pháo đài cũ do thực dân Pháp xây năm 1896.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Cùng với núi Bảy, núi Sam là cao điểm lợi hại án ngữ biên giới Tây Nam, lập thành một hệ thống phòng thủ kiên cố của tổ quốc.

DI TÍCH

Cù lao Ông Hổ

Cù lao Ông Hổ thuộc xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, quê hương của cố Chủ tịch Tôn Đức Thắng, người thủy thủ kéo lá cờ phản chiến trên chiến hạm Pháp ở Hắc Hải, hưởng ứng Cách mạng tháng Mười Nga.

Xưa kia, cù lao Ông Hổ là vùng hoang vu lau sậy, nơi cư ngụ của hổ, báo, sau nhiều năm được phù sa sông Hậu bồi đắp, đất đai màu mỡ, con người mới ra dựng nhà, lập ấp và từ đó quen gọi theo tên cũ là cù lao Ông Hổ.

Trên cù lao có ngôi nhà gỗ, nơi lưu giữ những kỷ vật của Bác Tôn và người thân. Ngôi nhà được cụ thân sinh Tôn Văn Đề xây năm 1887, kiến trúc theo chữ "quốc", ba gian, hai chái, rộng hơn 150m2, lợp ngói ống, cột gỗ tràm, sàn lát gỗ thao lao. Trong nhà còn lưu giữ hai tấm ảnh thân sinh của Bác Tôn, một bộ phản khi còn nhỏ Bác Tôn nằm và một đội giày hàm ếch do Bác Tôn tự làm cho em trai Tôn Đức Nhung. Sau ngôi nhà là hai ngôi mộ của hai cụ thân sinh là Tôn Văn Đề và bà Nguyễn Thị Dị.

Ngôi nhà tọa lạc trên một khuôn viên rộng, cây trái sum suê.

Miếu Bà Chúa Xứ

Tọa lạc ở chân núi Sam, thuộc xã Vĩnh Tế, thị xã Châu Đốc, được dựng vào đầu thế kỷ XIX.

Có truyền thuyết cho rằng miếu Bà do dân xây dựng để cúng bái vì tin vào sự linh thiêng của bà, cũng có truyền thuyết khác kể là do Thoại Ngọc Hầu xây theo lời trăng trối của vợ là bà Châu Thị Tế. Lúc đầu miếu làm bằng tre lá. Đến năm 1972-1976, được xây dựng mới, kiến trúc theo kiểu chữ "quốc" đồ sộ, có 4 mái

https://www.facebook.com/taybanganh/

vuông cong, nhiều tầng, lợp ngói thanh lưu ly. Tượng bà tạc bằng đá son có từ thế kỷ VI, dáng uy nghi theo mô-típ thần Vishnu, đầu đội mão, mặc áo hoàng bào, được thờ giữa chính điện.

Hằng năm, hội Bà Chúa Xứ được tổ chức vào các ngày 24 đến 26 tháng 4 âm lịch. Đây là hội lớn nhất Nam Bộ, có hàng vạn người tham gia. Lễ hội gồm: lễ tắm tượng, thay y, rước sắc từ làng Thoại Ngọc Hầu về đền; sau phần lễ có hội: vui chơi, đánh cờ người.

Lăng Thoại Ngọc Hầu

Là công trình đồ sộ nhất ở chân núi Sam. Trong khu lăng có đền thờ Thoại Ngọc Hầu. Mộ của ông cùng 2 phu nhân được xây vào những năm 1930. Thoại Ngọc Hầu người ở Diên Phước, tỉnh Quảng Nam, nhưng có công đầu mở đất khai hoang, lập ấp, đào kênh phát triển nông nghiệp cho vùng này. Để ghi nhớ công ơn đó, hằng năm đến ngày 6 tháng 6 âm lịch, nhân dân quanh vùng đến lăng tưởng niệm ông.

Chùa Tây An

Chùa Tây An ở ngay dưới chân núi Sam, đối diện bên kia đường là miếu Bà Chúa Xứ, thuộc xã Vĩnh Tế, thị xã Châu Đốc. Kiến trúc chùa Tây An mang dáng dấp một ngôi chùa Ấn Độ.

Chùa do một vị quan triều Nguyễn đời Minh Mạng là Tổng đốc Nguyễn Nhật An xây vào năm 1847, theo lời nguyện của ông khi được phái đi sứ Campuchia, rằng nếu chuyến đi thành công khi về sẽ dựng ngôi chùa thờ Phật dưới chân núi Sam.

Lúc đầu chùa làm bằng tre lá, và được trùng tu, sửa chữa nhiều lần. Nay chùa xây bằng vật liệu bền chắc. Ngôi chùa chính ở giữa cao 18m, thờ tượng Phật Thích Ca, hai bên là lầu chuông, lầu trống. Trước chùa có 3 vọng cửa: cửa giữa tam quan thờ tượng Phật Quán Âm. Hai cửa bên có biển đề "Tây An cổ tự". Bên trong cửa tam quan là sân chùa có cột phướn cao 16m.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa theo phái Đại Thừa, có tới 11.270 pho tượng gỗ lớn nhỏ. Vào những ngày rằm tháng Giêng, tháng 7 và tháng 10, nhân dân quanh vùng đến cúng tế đông nhất.

Chùa Giồng Thành

Còn gọi là Long Hương Tự, thuộc xã Long Sơn, huyện Phú Tân, được dựng năm 1875. Gọi là chùa Giồng Thành vì chùa xây trên nền hào thành của nhà Nguyễn trước đây. Chùa đã qua 4 lần tu bổ. Kiến trúc theo kiểu chùa Ấn Độ. xây theo chữ "song hỷ", có ba gian: chính điện, nhà giảng, hậu tổ. Giữa chính điện và hậu tổ có hai nhà cầu nằm song song. Chùa lợp ngói, các cột chính điện có trang trí vẽ rồng. Trên nóc chùa có tháp hai tầng hình phễu. Gian chính điện thờ Phật Thích Ca, Ngọc Hoàng và Nam Tào, Bắc Đẩu, nhà giảng thờ Phật Mẫu, gian hậu tổ thờ Hòa thượng Trần Minh Lý, Chôn Nhơ và Hòa thượng Nguyễn Văn Điền.

Hằng năm vào các ngày rằm tháng Giêng, tháng 7, tháng 10 âm lịch, nhiều khách thập phương đến lễ chùa.

Nơi đây từ năm 1923-1929, cụ Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, từng trú chân và truyền bá chủ nghĩa yêu nước, chống thực dân Pháp.

Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, chùa Giồng Thành là cơ sở hoạt động cách mạng của Tỉnh ủy Châu Đốc, Huyện ủy Tân Châu...

Thánh đường Mubarak

Thánh đường của người Chăm An Giang theo đạo Hồi, thuộc xã Phú Hiệp, huyện Tân Phú, cách thị xã Châu Đốc 2km. Cổng và cửa chính thánh đường đều có hình vòng cung. Chính điện, nơi cầu nguyện, thoáng rộng.

Hằng năm, Thánh đường Mubarak có 3 ngày lễ lớn.

_ Lễ Haji vào ngày 10-12 Hồi lịch (3-7 dương lịch).

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Lễ ra chay vào tháng 9 Hồi lịch (27-4 dương lịch).

_ Lễ sinh nhật Mohamet (người sáng lập ra đạo Hồi).

Chùa Xà Tón

Chùa của người Khơme ở Tri Tôn, kiến trúc uy nghi, nóc nhọn, hai mái cong ghép, trên có thần rắn Naga dũng mãnh. Quanh chính điện có nhiều tháp, nơi chứa tro người hỏa táng.

Chùa Hang

Nằm ở triền phía Tây núi Sam, chùa nằm trong hang. Lối vào cổng chùa sâu 10m rất huyền bí. Giữa điện thờ tượng Phật, phía trước là cột phướn cao 20m. Bảo tháp của người sáng lập và các vị trụ trì xây trong khuôn viên chùa.

LỄ HỘI

Lễ hội vía Bà Chúa Xứ

Đây là lễ hội dân gian lớn nhất ở Nam Bộ. Hằng năm lễ hội vía Bà được tổ chức từ ngày 23 đến 27 tháng 4 âm lịch. Đêm 23 là lễ tắm Bà bằng nước hoa và thay y Bà. Khách hành hương đến vừa cầu xin tài lộc, vừa tham gia lễ thỉnh sắc thần cung, như xem hội múa lân, hát bội.

Lễ hội Chol Chnam Thmây

Là lễ Tết năm mới, lớn nhất của người Khơme, được tổ chức từ ngày 12 đến 15 tháng 4 âm lịch tại các chùa của người Khơme và ở gia đình. Lễ mang ý nghĩa tống tiễn mùa nắng hạn, đón mùa mưa để làm mùa. Trong những ngày lễ Tết, bà con đến thăm hỏi và chúc mừng nhau. Buổi tối có đốt pháo thăng thiên, có nhiều trò chơi: thả diều, múa lamvông, hát dù kê... Lễ Chol Chnam Thmây của người Khơme giống với Tết Nguyên Đán của người Việt.

Lễ Dolta

Lễ hội của người Khơme Nam Bộ, được tổ chức từ ngày 1 đến 15 tháng 10 âm lịch. Đây là ngày lễ ông bà, bố mẹ đã khuất

https://www.facebook.com/taybanganh/

(giống Tết Thanh Minh của người Việt). Trong những ngày lễ tết này, nhân dân mang bánh trái, hoa quả, thức ăn đến chùa.

Lễ hội Haji (Roya Haji)

Lễ hội của đồng bào Chăm theo đạo Hồi ở An Giang, thờ đấng Allah được tổ chức từ ngày 1 đến 15 tháng 10 âm lịch, tại các chùa Chăm lớn như chùa Mubarak, Xà Tón... Trong ngày lễ, các tín đồ đến Thánh đường nghe ông Khojip kể lại sự tích ngày Thánh Ibrahim. Buổi tối tổ chức thi đọc kinh Koran.

Sau phần nghi lễ, người Chăm thường tổ chức vui chơi, như ca hát, đua ghe.

Hội đền Nguyễn Trung Trực

Đền ở xã Long Kiên, huyện Chợ Mới, thờ Nguyễn Trung Trực, thủ lĩnh nghĩa quân chống Pháp, đã từng đánh chìm tàu giặc trên sông Nhật Tảo (thế kỷ XIX).

Lễ hội diễn ra vào ngày 18-19 tháng 10 âm lịch hằng năm để tưởng niệm, ghi nhớ công lao ông.

Sau phần nghi lễ có tiết mục diễn lại trận đánh đắm tàu Pháp và thường tổ chức chơi cờ.

Hội đua bò

Hội của người Khơme huyện Tri Tôn và Tịnh Biên. Sân đua là khoảnh đất bề ngang 60m, dài 170m, khán giả ngồi trên bờ đất cao bao quanh sân đua.

Từng đôi bò do 2 nài chính và nài phụ điều khiển được ách vào chiếc bừa đặc biệt. Cuộc đua thu hút hàng nghìn khán giả.

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc miền Đông Nam Bộ, là nơi sinh sống của các dân tộc: Kinh, Khơme, Hoa... có diện tích khoảng 1.965km2, dân số hơn 800.000 người, gồm thị xã Bà Rịa và các huyện: Châu Đức, Xuyên Mộc, Tân Thành, Long Đất, Côn Đảo. Tỉnh lỵ là thành phố Vũng Tàu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bà Rịa-Vũng Tàu phía Bắc giáp Đồng Nai, Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh, phía Đông giáp Bình Thuận, Nam giáp biển Đông, có chiều dài bờ biển phần đất liền trên 100km, trong đó có 72 km là bãi cát có thể làm bãi tắm.

Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 có gió Tây Nam. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với gió mùa Đông Bắc. Nhiệt độ trung bình 27^0C.

Thềm lục địa tiếp giáp với đảo Trường Sa, nơi đây có nhiều tài nguyên quý là dầu mỏ, khí đốt và hải sản. Bà Rịa-Vũng Tàu có nhiều hồ chứa nước lớn như Kim Long, Đá Đen, Đá Bàn, Châu Pha, Sông Xoài, Lồ Ô... có nhiều dòng sông chảy qua như sông Ray, sông Bà Đáp, sông Đông... Ngoài ra còn có trên 200 con suối, đặc biệt có suối nước nóng Bình Châu, nóng tới 80^0C.

Thành phố Vũng Tàu là một trung tâm du lịch lớn. Sự kết hợp hài hòa giữa quần thể thiên nhiên biển, núi cùng kiến trúc đô thị và các công trình văn hóa cổ như tượng đài, nhà thờ, chùa chiền... tạo cho Vũng Tàu ưu thế của thành phố du lịch biển tuyệt vời.

Vũng Tàu quanh năm đầy nắng gió, lại có nhiều bãi biển đẹp như bãi Sau (Thùy Vân), bãi Trước (Tầm Dương), bãi Dâu (Phương Thảo), bãi Dứa (Hương Phong)... Đặc biệt có nhiều di tích thắng cảnh như ngọn hải đăng trên núi Nhỏ, núi Lớn, Bạch Dinh, Niết Bàn tịnh xá, Thích Ca Phật đài... Tất cả những yếu tố đó đã thu hút khách du lịch quanh năm.

Bà Rịa-Vũng Tàu có 4 khu vực có tiềm năng phát triển du lịch lớn:

_ Thành phố Vũng Tàu.

_ Vùng rừng nhiệt đới nguyên sinh Côn Đảo.

_ Bờ biển Long Hải và vùng núi Minh Đao.

_ Vùng rừng nguyên sinh và suối nước nóng Bình Châu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

THẮNG CẢNH

Bãi Sau (bãi Thùy Vân)

Nằm về phía Đông Nam thành phố Vũng Tàu, chạy từ chân núi Nhỏ đến Cửa Lấp, dài khoảng 8km. Đây là bãi tắm lý tưởng, bờ biển thoai thoải, bãi cát trắng mịn, có nhiều du khách đến tắm. Dịch vụ bãi biển đầy đủ và phong phú, gồm nhiều khách sạn sang trọng, nhà hàng ăn uống sạch sẽ, có bãi đậu xe. Đội cấp cứu thủy có chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao.

Bãi Trước (Tầm Dương)

Nằm ngay trung tâm thành phố Vũng Tàu, dọc đường Quang Trung, bãi Trước sạch đẹp và mới được mở rộng, có nhiều khách sạn lớn như: Palace, Rex, Sông Hồng, Sông Hương... có nhiều nhà hàng, tiệm ăn.

Bãi Nghinh Phong

Bãi tắm đẹp, "đón gió" ở cực Nam thành phố Vũng Tàu, gần bãi Dứa, nước trong xanh, tương đối phẳng lặng, 3 phía vách núi đá cheo leo, kế tiếp với mũi Nghinh Phong nhô ra biển. Ngoài việc tắm biển, nơi đây còn có thú vui câu cá và leo núi.

Bãi Dứa (Hương Phong)

Nằm giữa bãi Trước và bãi Sau dưới chân núi Nhỏ, gần mũi Nghinh Phong. Nơi đây, trước kia có nhiều dứa dại mọc ven bờ, nên gọi là bãi Dứa. Bãi Dứa nước trong, sóng êm, an toàn. Từ bãi Dứa, du khách có thể đi thăm tượng chúa Kitô và pháo đài trên núi Nhỏ.

Bãi Dâu (Phương Thảo)

Nằm ven núi Lớn, cách bãi Trước 1 km. Bãi không lớn, nông thoai thoải, sóng êm dịu. Nhiều du khách thích tắm ở bãi này.

Hòn Bà

Theo đường Hạ Long vòng qua núi Nhỏ đến bãi Trước, qua bãi Dứa đến mũi Nghinh Phong, nhìn ra biển, du khách sẽ thấy

https://www.facebook.com/taybanganh/

một hòn đảo nhỏ, dưới chân sóng đánh tung bọt trắng. Đó là hòn Bà, cách bờ không xa, chỉ khoảng 200m. Lúc thủy triều xuống thấp, có thể đi theo lối đá nhỏ ra hòn.

Núi Nứa

Quần thể núi Nứa cùng di tích Nhà Lớn (đền Ông Trần) là một thắng cảnh của đảo Long Sơn. Về phía Đông của đảo, trên dãy núi dài khoảng 6km, chỗ rộng nhất 2km, có những tảng đá lớn với muôn hình muôn vẻ, và nhiều cột đá dựng đứng chọc thẳng lên trời, có cột cao tới 5m gọi là Hòn Một. Cao nhất là đỉnh Bà Trao (183m), đỉnh Hố Rồng (120m) và đỉnh Hố Vông (100m).

Dưới chân núi Nứa ở về phía Tây có hồ Mang Cá chứa nước ngọt, thả nhiều sen.

Côn Đảo

Với nhiều cảnh đẹp. Nào núi Chúa cao 515m, nơi chúa Nguyễn Ánh ẩn náu, hiện trên núi vẫn còn bàn cờ chúa khắc trên đá. Hòn Bà, nơi Chúa Nguyễn giam giữ thứ phi Phi Yến, người đã khuyên Chúa không nên "cõng rắn cắn gà nhà". Chuỗi đảo Tài Lớn, Tài Nhỏ, Trác Lớn, Trác Nhỏ, nằm phía trước đảo Côn Lôn là chứng tích cho chuyện tình ngang trái giữa nàng Minh Nguyệt đa tình cùng hai anh em song sinh Đặng Phong Tài và Đặng Trác Vân. Bãi Đầm Trầu với bãi cát vàng chạy dài, Hòn Cau nên thơ với rừng cau bạt ngàn là 2 thắng cảnh được gọi tên theo truyền thuyết mối tình éo le giữa nàng Trầu và chàng Cau. Núi Thánh Giá cao nhất đảo (577m), quanh năm mây bao phủ.

Suối nước nóng Bình Châu

Từ huyện Xuyên Mộc theo quốc lộ 23 đi khoảng 30km sẽ tới khu du lịch nước khoáng nóng Bình Châu. Giữa khu rừng nguyên sinh quốc gia nổi lên một bàu nước sôi với hơn 70 điểm phun nước lộ thiên, rải ra trên một diện tích hơn 1km2 tạo thành nhiều hồ lớn nhỏ. Vùng hồ rộng nhất khoảng 100m2 với độ sâu

https://www.facebook.com/taybanganh/

hơn 1m. Đây là hồ nước nóng nhất, nước lúc nào cũng sủi tăm. Nhiệt độ mặt nước khoảng 64^0C, đáy hồ là 84^0C. Điều thú vị là tại khu vực nước nóng này, rừng tràm vẫn xanh tốt.

DI TÍCH

Thích Ca Phật đài

Một ngôi chùa lớn, xây dựng năm 1941, tọa lạc trên sườn núi Lớn trong một khuôn viên rộng 6 hec-ta. Vẻ đẹp của ngôi chùa là sự kết hợp hài hòa giữa kiến trúc tôn giáo và phong cảnh thiên nhiên. Ở đây có ngọn tháp Bát Giác cao 19m và tượng Phật Thích Ca ngồi thiền trên tòa sen. Tượng cao 10,2m, đường kính 6m.

Niết-bàn tịnh xá

Còn gọi chùa Phật nằm, xây dựng từ năm 1969, khánh thành năm 1974, tọa lạc trên sườn núi Nhỏ, mặt hướng ra biển. Trong chùa có pho tượng Phật nằm nghiêng dài 12m, đặt trên độ cao 2,5m. Tượng đúc bằng xi măng, cốt thép.

Linh sơn Cổ tự

Là ngôi chùa cổ nhất Vũng Tàu. Chùa không lớn, trong chính điện có thờ tượng Phật cao 1,2m bằng đá thếp vàng, đường nét điêu khắc khá tinh tế, sống động. Chùa nằm trên đường Hoàng Hoa Thám.

Chùa Quán thế âm Bồ tát

Chùa mới được dựng năm 1976, tọa lạc dưới chân núi Lớn, cách bãi Dâu khoảng 500m. Đây là ngôi chùa nhỏ, nhưng nổi bật nhất là ở giữa khu vực chùa có pho tượng Phật Bà Quán Âm màu trắng, đứng trên tòa sen, cao 16m, đúc bằng xi măng cốt thép, mặt hướng ra biển, tay cầm bình nước cam lồ.

Miếu Bà

Tọa lạc bên trái đình Thần Thắng Tam, được xây vào khoảng thế kỷ XIX, thờ ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ và hai nữ

https://www.facebook.com/taybanganh/

thần được vua phong Thượng đẳng Thần là Thiên Y A Na và bà Thủy Long Nữ Thần.

Hằng năm miếu Bà mở hội tế lễ vào các ngày 16, 17 và 18 tháng 10 âm lịch.

Lăng Cá Ông

Được dựng vào khoảng thế kỷ XIX, nằm bên phải đình Thần Thắng Tam. Hiện trong lăng còn bảo tồn xương Cá Ông khổng lồ do ngư dân Vũng Tàu vớt được từ hơn 100 năm nay. Cá Ông thờ ở lăng được vua ban sắc phong là "Nam Hải Đại Dương tướng quân".

Bạch Dinh

Tọa lạc trên sườn núi Lớn, được khởi dựng năm 1898, hoàn thành năm 1916, là nơi nghỉ ngơi của viên Toàn quyền Pháp Paul Doumer trước đây. Bạch Dinh mang phong cách kiến trúc Pháp thế kỷ XIX. Mặt ngoài trang trí hoa văn cổ và hình vẽ chân dung các thánh thời cổ Hy Lạp. Ở sân có 4 cỗ đại bác.

Hải Đăng

Là ngọn tháp tròn, cao 18m, đường kính 3m được dựng năm 1911, trên đỉnh cao nhất của núi Nhỏ (ở độ cao 170m). Ngọn Hải đăng Vũng Tàu rọi xa 35 hải lý, có kính viễn vọng để theo dõi và hướng dẫn tàu thuyền qua lại trên biển.

Dưới chân tháp có 4 cỗ đại bác dài 10m, nặng hàng tấn.

Nhà Lớn (đền Ông Trần)

Là một quần thể kiến trúc cổ bề thế, tọa lạc tại thôn 5 xã Long Hải, giữa khu dân cư theo tín ngưỡng Ông Trần - người sáng lập ra tín ngưỡng và tạo lập khu dân cư mới ấp Bà Trao.

Nhà Lớn rộng hơn 2 ha, gồm 3 phần: khu đền thờ, nhà Long Sơn hội, trường học, dãy phố, chợ, nhà hát, nhà bảo tồn ghe sấm, lăng mộ Ông Trần.

Khu đền được xây từ 1910 đến 1935, làm nơi thờ chung, có tam quan, vườn hoa, trụ phướn, hai nhà khách. Lầu Cấm tiền

https://www.facebook.com/taybanganh/

điện 2 tầng 8 mái, nhà Thánh có bàn thờ Khổng Tử và bàn thờ Ông Trần, lầu Trời, lầu Tiên, lầu Phật. Nhà hậu thờ người ruột thịt trong gia tộc. Lầu Dài là nơi tổ chức lễ nghi, hội hè.

Trong Nhà Lớn còn lưu giữ nhiều hiện vật quý: bộ thờ tự cẩn xà cừ, chạm khắc tinh vi, bộ bàn ghế bát tiên, tương truyền của vua Thành Thái, long sàng, ghế ngai, bao lam, hoành phi, câu liễn sơn son thếp vàng.

Tín ngưỡng Ông Trần pha tạp nhiều đạo khác nhau: đạo Phật, Tin Lành, Nho giáo, thờ ông bà tổ tiên. Tóm lại Phật, Thần, Thánh, Chúa đều được thờ cúng trong Nhà Lớn.

Dinh Cô

Nằm bên sườn ngọn núi Kỳ Vân, trước mặt là biển khơi, thuộc thị trấn Long Hải, huyện Long Đất. Dinh Cô được xây vào cuối thế kỷ XVIII, thờ Trinh Nữ Lê Thị Hồng.

Tương truyền, cách nay hai thế kỷ, Lê Thị Hồng quê ở Phan Rang, trong một lần đi biển bị lâm nạn tại Hòn Hang lúc 16 tuổi. Ngư dân địa phương an táng cô trên đồi Cô Sơn, lập miếu thờ ngoài bãi biển. Từ đó cô luôn mộng báo điềm lành, diệt trừ dịch bệnh, nên được dân làng lập đền thờ, đặt danh hiệu là Long Hải nữ Thần.

Ban đầu, chỉ là ngôi miếu nhỏ, năm 1930 được ngư dân Long Hải dời lên núi Kỳ Vân.

Hiện Dinh Cô là một tòa lâu đài tráng lệ. Ngoài ra còn các miếu thờ Thánh Mẫu, Quan Thánh, Bàn Thiên, Bàn Mẫu, Quán Thế Âm Bồ Tát và ngôi mộ cô.

Hằng năm có lễ hội Dinh cô được tổ chức từ ngày 10 đến 12 tháng 2 âm lịch.

Chùa Long Bàn

Ở thôn Long Phượng, thị trấn Long Điền, huyện Long Đất, chùa được dựng năm 1845, kiến trúc theo kiểu chữ "tam" (三), trong một khuôn viên rộng 3.000m2.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nghệ thuật trang trí khá độc đáo. Các bao lam chạm hình chim phượng, hoa lá, các khám chạm hình rồng, phượng. Trong chùa có nhiều hoành phi, câu đối, tượng Phật, Ngọc Hoàng, Quan Thánh, 18 vị La Hán, Long Thần, Hộ Pháp... bằng đồng hoặc bằng gỗ mít, có một quả chuông cao 1,20m, đường kính 0,80m

An Sơn Miếu

Là ngôi miếu cổ trên đảo Côn Sơn, được dân đảo xây vào năm 1875 (được dựng lại năm 1958) để thờ bà Yến Phi, tên thật là Lê Thị Răm, vợ thứ của chúa Nguyễn Ánh, theo chồng ra lánh nạn ở Côn Đảo, nhưng vì can ngăn chúa không nên "cõng rắn cắn gà nhà", bà bị Nguyễn Ánh bỏ rơi trên đảo nhỏ, sau được vượn bạch, hắc hổ cứu, về sống cùng dân làng Cỏ Ống.

Trong lễ Đàn chay năm 1785, làng An Hải cho người mời bà sang dự. Tên đồ tể Biện Thi, không kìm nổi dục vọng trước sắc đẹp của bà đã mạo phạm chạm tay. Là người tiết liệt, Bà đã chặt đứt cánh tay bị mạo phạm rồi tự vẫn. Dân làng Cỏ Oáng và An Hải thương tiếc Bà đã lập miếu thờ.

Hằng năm, người dân Côn Đảo đều tổ chức giỗ Bà rất trang trọng vào ngày 18 tháng 10 âm lịch.

Nhà tù Côn Đảo

Với hệ thống trại giam, chuồng cọp được mệnh danh là "địa ngục trần gian", để giam cầm các nhà cách mạng, yêu nước. Mở đầu, thực dân Pháp cho xây Banh I (trại giam Phú Hải) vào năm 1862, trên diện tích 12.015m2, là trại giam lâu đời nhất ở Côn Đảo. Banh I có hầm đá, hầm xay lúa, là nơi giam cầm khốc liệt nhất, cũng là nơi giết người lý tưởng nhất của bọn cai ngục.

Cầu Tàu

Xây năm 1873, bằng những khối đá to, nặng hàng tấn, do tù Côn Đảo lấy từ núi Chúa về. Ở đây có tất cả 3 cầu tàu mang số 871, 914 và 915. Những chiếc cầu này mang tên số là để tưởng nhớ số tù nhân bị chết trong lúc xây dựng mỗi cầu tàu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chuồng Bò

Là sở tù lao động khổ sai nuôi bò, gà, vịt... có từ cuối thế kỷ XIX trên một khu đất rộng 4.110m2. Trại tù được xây rất chắc chắn. Từ cuối năm 1969, dưới thời Mỹ-ngụy, chuồng Bò được dùng để giam cầm các tù chính trị bị bại liệt, teo cơ.

Chuồng cọp Pháp

Gồm các trại III và IV, xây năm 1940, còn Chuồng cọp Mỹ (trại VII) xây năm 1968. Cả hai đều được xây giống nhau, trần để trống với một dàn song sắt lớn, những ngày nắng nóng hấp thụ tối đa nhiệt, và cái lạnh tối đa về đêm. Qua song sắt, tù nhân bị giám sát suốt ngày đêm. Bọn cai ngục còn dã man hơn, dùng sào nhọn bịt đồng đâm vào đầu tù nhân qua các khe hở của song sắt hoặc dùng vôi bột rắc xuống, tù nhân không sao thở nổi.

Công Quán

Được xây dựng từ ngày 20 tháng 3 đến 19 tháng 4 năm 1895. Nhà soạn nhạc người Pháp Camille Saint Seans từng trú chân tại ngôi nhà này. Ông đã chứng kiến nghịch cảnh giữa thiên đường - thiên nhiên xinh đẹp - và "địa ngục trần gian" đau khổ của tù nhân trên đảo. Chỉ trong một đêm, từ những cảm xúc mãnh liệt đó ông đã hoàn thành vở nhạc kịch nổi tiếng Brunehilda.

Nghĩa trang Hàng Dương

Rộng 190.000m2, gồm 3 khu A, B và C, là nơi chôn cất hàng ngàn nhà cách mạng và yêu nước, có tên và không tên. Trong đó có mộ của Nguyễn An Ninh, Lê Hồng Phong, Võ Thị Sáu... Trung tâm nghĩa trang là tượng đài "Trao áo" cao 9m, nặng 25 tấn, trên khắc dòng chữ "Vĩnh biệt các đồng chí".

Nhà Bảo tàng Côn Đảo

Gồm 4 phòng trưng bày: Đất nước, con người; địa ngục trần gian; trường học đấu tranh cách mạng; Côn Đảo trong trái tim

https://www.facebook.com/taybanganh/

nhân dân Việt Nam. Mỗi phòng đều trưng bày hiện vật, hình ảnh thể hiện tinh thần đấu tranh bất khuất của các tù nhân yêu nước.

Trước năm 1975, nhà Bảo tàng là dinh thự của 53 đời chúa đảo từ thời thực dân Pháp tới thời Mỹ-ngụy. Mọi quyền lực, mọi âm mưu tàn sát, giết hại tù nhân đều xuất phát từ đây.

LỄ HỘI

Văn hóa-lễ hội Bà Rịa Vũng Tàu có sự kết hợp hài hòa của cả ba miền Bắc-Trung-Nam. Trong đó nổi bật nhất là các lễ hội dân gian.

Lễ hội Dinh Cô

Hằng năm lễ hội Dinh Cô được ngư dân Long Hải tổ chức long trọng trong 3 ngày từ 10 đến 12 tháng 2 âm lịch, theo nghi thức cổ truyền. Các bô lão, lễ phục trang nghiêm làm chủ lễ, cầu cho mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, sau đó làm lễ Nghinh Cô ngoài biển với thuyền hoa lộng lẫy. Mỗi lần mở hội thu hút hàng vạn du khách đến tham dự.

Lễ Nghinh Ông (lễ thờ cá Voi)

Hằng năm lễ Nghinh Ông được tổ chức trọng thể tại lăng Cá Ông. Đây là nơi thờ Cá ông với danh hiệu "Nam Hải Đại tướng quân" do vua Thiệu Trị ban tặng. Lễ hội được tổ chức vào ngày Vía (ngày mất) của Cá Voi và kéo dài trong 3 ngày từ 16 đến 18 tháng 8 âm lịch gồm: lễ cúng Ông, lễ nghinh Ông (đón cá) với nhiều ghe thuyền được trang hoàng lộng lẫy.

Lễ hội đình Thần Thắng Tam

Đình Thần Thắng Tam thờ 3 người có công xây dựng 3 làng Thắng ở Vũng Tàu. Hằng năm lễ hội đình Thần Thắng Tam được tổ chức trong 4 ngày từ 17 đến 20 tháng 2 âm lịch. Đây là lễ hội cầu an, là thời điểm kết thúc và mở đầu cho một mùa thu hoạch tôm cá mới. Phần lễ: cúng vật tế thần, dâng hương... phần hội có nhiều trò vui: múa lân, hát bội.

https://www.facebook.com/taybanganh/

BẠC LIÊU

Bạc Liêu là tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, ở vùng đất cực Nam Tổ quốc, có diện tích tự nhiên khoảng trên 2.500km2, dân số khoảng 775.000 người, gồm nhiều dân tộc Việt, Khơme, Chăm, Hoa... Tỉnh lỵ: thị xã Bạc Liệu, có 5 huyện: Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Gia Rai, Phước Long, Đông Hải. Phía Bắc giáp Sóc Trăng, Hậu Giang, Nam giáp Cà Mau, Đông giáp biển, Tây giáp Kiên Giang.

Bạc Liêu là vùng đất mới, được khai phá từ cuối thế kỷ XVII. Tỉnh Bạc Liêu được thành lập muộn. Năm 1882, Thống đốc Nam Kỳ ký Nghị định lấy một phần đất của 2 tiểu khu Sóc Trăng và Rạch Giá lập ra tiểu khu Bạc Liêu. Ngày 20-12-1899, Toàn quyền Paul Doumer, đổi tiểu khu thành tỉnh Bạc Liêu. Bạc Liêu có một vị trí khá quan trọng trong chiến lược khai thác và xây dựng của người Pháp. Bạc Liêu được phù sa bồi đắp, qua nhiều thế kỷ, đất đai màu mỡ, có những cánh đồng lúa bạt ngàn mênh mông, cò bay thẳng cánh, và những vườn cây trái sum suê. Bạc Liêu ít bị thiên tai, mưa thuận gió hòa. Đến Bạc Liêu du khách đừng quên ghé thăm sân chim, nghe kể giai thoại về công tử Bạc Liêu và thưởng thức đờn ca tài tử.

THẮNG CẢNH

Sân chim Bạc Liêu

Thuộc xã Hiệp Thành, cách thị xã Bạc Liêu 5km về phía Đông, là sân chim lớn nhất của tỉnh Bạc Liêu với hơn 40 loài chim và số lượng khoảng 60.000 con. Trong đó có những loài quý hiếm như: điên điển, quắm trắng, quắm đen, còng cọc, cò ngà, cò trắng, dang sen, diệc Sunatra... Bạc Liêu còn có vườn cò ở thị trấn Phước Long và xã Vĩnh Phú Tây thuộc huyện Phước Long. Đặc biệt ở huyện Đông Hải còn có một vườn chim với loài chim quý hiếm là loài dang sen.

Sân chim Bạc Liêu thuộc loại rừng ngập mặn như chà là, giá, cóc, lâm vồ... Bên dưới là thảm thực vật gồm cỏ và các loại

https://www.facebook.com/taybanganh/

dây leo. Theo thống kê của Viện Sinh vật học nhiệt đới, ở đây có khoảng 104 loài thực vật, 10 loài thú nhỏ, 8 loài bò sát.

Hằng ngày, từ sáng sớm chim bay đi kiếm ăn, đến lúc hoàng hôn từng đàn bay về, với những cánh cò nhuộm trắng cả khu rừng, trong tiếng kêu inh ỏi.

Sân chim Bạc Liêu là một trong những khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia của nước ta.

Ruộng muối Bạc Liêu

Ruộng muối Bạc Liêu được chia thành từng ô, từng hàng tít tắp tận chân trời, trông rất đẹp mắt. Vào những ngày hè, muối kết tinh trong từng ô trắng tinh, lóng lánh phơi mình dưới ánh nắng mặt trời gay gắt. Bạc Liêu có 156km bờ biển sạch, độ mặn nước biển cao, cho muối tốt, thu hoạch nhanh, sản lượng lớn. Nghề muối Bạc Liêu có từ lâu đời, cung cấp một số lượng muối khá lớn cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Tuy vậy, đời sống của người dân làm muối vẫn còn nhiều gian lao vất vả.

DI TÍCH

Tháp cổ Vĩnh Hưng

Cách thị xã Bạc Liêu 20km về phía Tây Bắc, thuộc ấp Trung Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi. Tháp Vĩnh Hưng là kiến trúc cổ duy nhất của người Khơme Nam Bộ còn lại ở đồng bằng sông Cửu Long.

Theo người dân ở đây kể lại: trong tháp có cốt tro di hài của vua Khơme Pudum Surivam, người đã có mặt ở đây khá lâu. Vào các năm 1911, 1917, 1959, các nhà khảo cổ tìm thấy ở đây di chỉ văn hóa Óc Eo, nhiều hiện vật thờ cúng, các công cụ sản xuất như: bàn nghiền, chày nghiền, cọc gỗ, nhiều lọ, bình, gốm... Riêng gốm ở đây có nhiều loại: gốm màu xám, pha nhiều hạt cát thô dày 0,7-0,8cm có hoa văn, gốm nâu hồng, giữa có màu xám đen, có hoa văn, gồm những vạch ngang, dọc, gốm mịn màu xám

https://www.facebook.com/taybanganh/

đen, bề ngoài màu đỏ..., đặc biệt có tấm bia trong chùa cạnh tháp khắc chữ Phạn (Sankrit), ghi rõ tháng Karhila năm 814, tương ứng với năm 892 sau Công nguyên, thời vua Yacovarman.

Kiến trúc chân tháp hình chữ nhật, dài 6,9m, rộng 5,6m, cao 8,9m, xây bằng gạch nung ghép kín không thấy vôi vữa kết dính. Nóc tháp uốn vòm với một cửa chính. Trong tháp có một bàn tay tượng thần bằng đồng, một phần thân dưới của tượng nữ thần bằng đá xanh, tượng nữ thần Brahma mặt bằng đồng, đầu tượng Phật bằng đồng.

Hằng năm nhân dân tổ chức giỗ lớn tại tháp vào ngày 15 tháng Giêng âm lịch.

Chùa Xiêm Cán

Còn gọi chùa Komphir Sakor Prêkchru, cách thị xã Bạc Liêu 12km về phía Đông Nam, trên tuyến đường ra sân chim Bạc Liêu. Chùa Xiêm Cán của đồng bào Khơme được dựng từ năm 1887, tọa lạc tại ấp Biển Đông B, xã Vĩnh Trạch Đông, thị xã Bạc Liêu. Kiến trúc Khơme chóp nhọn 3 cấp tượng trưng cho Tam bảo, đầu tường có chạm tượng thần Chằn để trừ khử tà ma. Chân tường uốn cong hình bán nguyệt như cánh tay vũ nữ Apsara, nhiều phù điêu, hoa văn rực rỡ.

Chùa Ông

Còn gọi là Quan Thánh cổ miếu, được xây năm 1835, theo kiến trúc truyền thống Trung Hoa.

Chùa ông là chùa cổ người Hoa thờ Quan Thánh Đế Quân, tức Quan Vân Trường thời Tam quốc. Trong chính điện thờ tượng Quan Công, Quan Bình và Châu Xương mặc giáp trụ. Người Hoa thờ ông tượng trưng cho tinh thần trung, hiếu, tín, nghĩa.

Trong chùa còn giữ nhiều hoành phi câu đối chạm nổi chữ Hán, sơn son thếp vàng, được khắc từ những năm 1865-1897 và giá binh khí thập bát ban võ nghệ bằng gỗ quý đen tuyền.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Mới Hòa Bình

Là ngôi chùa của người Khơme, còn gọi là chùa Se Rey Vongsa Phuth Lê Thmay, tọa lạc tại thị trấn Hòa Bình, huyện Vĩnh Lợi, cách thị xã Bạc Liêu 13km về phía Nam trên quốc lộ 1A từ Bạc Liêu đi thành phố Cà Mau. Chùa được xây năm 1952, kiến trúc độc đáo với cột bảo tháp cao lớn, theo truyền thống chùa Khơme Nam Bộ. Phía trước là nhà hội họp to rộng. Nghệ thuật trang trí có nhiều họa tiết hoa văn, phù điêu, mang đậm nét bản sắc tín ngưỡng dân tộc. Chùa Mới Hòa Bình còn là nơi đào tạo một số tín đồ Phật tử và tăng ni Khơme của tỉnh.

Chùa Vĩnh Hòa (chùa Mẹ Bồng Con)

Tọa lạc tại đường Cách Mạng, phường 1, thị xã Bạc Liêu. Chùa đã có từ lâu, đến năm 1961, khi Hòa thượng Trí Đức về trụ trì đã cho xây lại chùa, lập trường trung học Bồ Đề dạy chữ cho trẻ em, nên người dân địa phương quen gọi chùa Mẹ Bồng Con. Năm 1963, chùa trở thành trụ sở của Hội Phật giáo tỉnh Bạc Liêu.

Chùa Minh (Vĩnh Triều Minh Hội quán)

Chùa được xây năm 1865, kiến trúc hình chữ "công" (エ), tọa lạc tại phường 3, thị xã Bạc Liêu, hướng mặt ra sông Bạc Liêu.

Kiến trúc chùa Minh mang đậm nét kiến trúc cung đình Trung Hoa thời Tiền Minh. Trong chùa còn lưu giữ nhiều hiện vật quý như cột gỗ được chạm rồng nổi và đá hoa cương nguyên khối, các hoành phi, câu đối, phù điêu... đều được chạm nổi trên gỗ quý.

Chùa thờ Thành hoàng Bổn cảnh là các vị có công khai mở đất đai. Trên bàn thờ Thành hoàng có bộ lư đồng mắt tre quý giá, có một không hai ở nước ta.

Quần thể kiến trúc nhà Tây

Bạc Liêu hiện còn khá nhiều dinh thự được xây cất theo kiến trúc phương Tây, nằm dọc bờ sông. Hiện còn khoảng 30 biệt thự,

https://www.facebook.com/taybanganh/

dinh thự, tại công viên hàng me với những dinh thự, công sở trang nghiêm như: Tòa Hành chính, Tòa án, Dinh Bố (nhà quan chủ tỉnh), nhà Huyện Sơn, nhà Hội đồng Trạch... Các ngôi nhà Tây phần lớn được xây từ đầu thế kỷ XX, mỗi nhà đều nằm trong khuôn viên rộng thoáng đãng. Mái ngói hình bát giác, các xà nối ngang như ở chùa. Vì vậy quần thể kiến trúc nhà cổ Bạc Liêu mang sắc thái rất riêng, không giống các biệt thự Pháp xây ở Hà Nội, Sài Gòn, Đà Lạt...

Đền thờ Bác Hồ

Năm 1969, nhận được tin Bác Hồ mất, nhân dân xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi không ai cầm được nước mắt. Theo nguyện vọng của nhân dân, huyện ủy Vĩnh Lợi đã phát động nhân dân dựng đền thờ Bác. Vào lúc 10 giờ ngày 25 tháng 4 năm 1972, đền thờ Bác được khởi công xây dựng, đến ngày 19 tháng 5 năm 1972 khánh thành. Để phá đền thờ Bác, Mỹ-ngụy đã mở hàng trăm trận càn, trút hàng trăm tấn bom đạn vào khu vực này. Nhưng với lòng dũng cảm kiên cường, dân quân xã Châu Thới quyết tâm bảo vệ đền thờ Bác an toàn cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng: 30 tháng 4 năm 1975.

Đền thờ Bác nằm cạnh bờ kênh Bà Chăng, xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, cách thị xã Bạc Liêu 18km về hướng Tây Bắc.

Đền thờ được xây dựng với diện tích 18,24m2, tọa lạc trong một khuôn viên rộng 6.000m2. Hiện đền thờ được xây bằng gạch, đòn tay gỗ dầu, phía trước có mái hiên và ban công, đổ mái bằng. Nhà trưng bày có khoảng 300 tài liệu, hiện vật, tranh ảnh, phản ánh quá trình nhân dân Châu Thới chiến đấu bảo vệ đền thờ Bác.

Hằng năm có hai ngày lễ lớn được tổ chức tại đền thờ Bác là ngày 19 tháng 5 (sinh nhật Bác) và ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

LỄ HỘI

Bạc Liêu là nơi hội tụ 3 dân tộc anh em Kinh, Khơme và Hoa. Mỗi dân tộc đều có lễ tết đặc sắc, phong phú.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Kinh, người Hoa có Tết Nguyên Đán, Thanh Minh, Trung Thu, Đoan Ngọ, Nguyên Tiêu, Vu Lan, lễ Kỳ Yên cầu mừng mùa màng bội thu, tạ ơn trời đất, thánh thần phù hộ mưa thuận gió hòa, cúng tổ tiên, ông bà, báo hiếu người đã khuất.

Người Khơme có Tết Chol Chnam Thmay (giống Tết Nguyên Đán), lễ Dolta (cúng tổ tiên, ông bà), lễ hội Ok Om bok (lễ Cúng Trăng), đua ghe ngo mừng mùa màng bội thu.

Cái chung nhất của cả ba dân tộc chung sống ở Bạc Liêu là đều thích múa lân. Mỗi dịp lễ lạc, mừng công, tỏ lòng kính trọng... đều có tổ chức múa lân.

Đối với người dân Bạc Liêu, múa lân được nâng lên thành một nét văn hóa đặc sắc rất riêng của vùng đất này, không thể thiếu trong đời sống hằng ngày.

BẮC GIANG

Bắc Giang là một tỉnh vùng trung du, cách Hà Nội khoảng 50km về phía Bắc. Phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn, Tây và Tây Bắc giáp Thái Nguyên, Nam và Đông Nam giáp Bắc Ninh, Hải Dương và Quảng Ninh. Bắc Giang có diện tích tự nhiên 3.882,5km2, dân số gần 1,5 triệu người gồm 24 dân tộc anh em sinh sống, trong đó chủ yếu các dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Hoa, Sán Dìu, Sán Chỉ, Cao Lan, Dao... Về đơn vị hành chính, Bắc Giang có thị xã Bắc Giang và 9 huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang, Tân Yên, Yên Dũng, Hiệp Hòa và Việt Yên.

Địa hình Bắc Giang khá đa dạng, vừa miền núi vừa trung du, lại có một phần đồng bằng. Khí hậu tương đối ôn hòa, chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa đông từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, mùa hè từ tháng 4 đến tháng 9. Nhiệt độ trung bình cả năm là 24^0C.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bắc Giang có một hệ thống giao thông rất thuận tiện có cả đường bộ, đường sắt và đường sông thông thương dễ dàng với các tỉnh trong toàn quốc. Đường sắt từ Bắc Giang có thể đi Hà Nội, lên Lạng Sơn, sang Thái Nguyên. Đường bộ có quốc lộ 1A chạy qua, và nhiều tuyến tỉnh lộ. Về đường sông có 3 con sông lớn: sông Thương, sông Cầu và sông Lục Nam.

Bắc Giang là một miền quê yên tĩnh, với những trang trại trồng cây ăn quả trải dài mút tầm mắt, có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, được mệnh danh là "vùng đất cổ", một trong những cái nôi sinh tụ và phát triển đầu tiên của người Việt, luôn gắn chặt với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc.

THẮNG CẢNH

Khu du lịch Suối Mỡ

Thuộc xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, cách thị xã Bắc Giang 37km về phía Đông, theo đường tỉnh lộ 31 và đường 293, cách Hà Nội 87km. Suối Mỡ là tên một dòng suối bắt nguồn từ thung lũng Huyền Định, đã tạo ra nhiều tầng thác lớn nhỏ như thác Mẹ Con, thác Thùm Thùm, Đấu Đong Quân, quanh năm ì ào nước đổ, với những vực tắm thiên nhiên kỳ thú, chung quanh bạt ngàn rừng núi xanh ngắt. Ở đây có ngôi đền Suối Mỡ nổi tiếng, thờ Bà chúa Thượng Ngàn, tức Công chúa Quế Mỵ Nương, con gái thứ 10 của Hùng Định Vương. Đền Suối Mỡ gồm đền Hạ, đền Trung, đền Thượng, nằm dọc theo dòng Suối Mỡ. Đền được dựng từ thời Lê, thế kỷ XV-XVI. Hằng năm đền Suối Mỡ diễn ra lễ hội trong hai ngày vào khoảng tháng 4 âm lịch. Từ đền Hạ lên đến đền Thượng, du khách đi bộ mất khoảng 1 giờ, nếu đi theo dòng suối phải mất 2 giờ.

Cảnh đẹp nhất nơi đây là đoạn suối có 5 bậc thác Mẹ Con từ đền Trung lên đền Thượng. Dưới chân thác Mẹ Con có tảng đá lớn, theo thời gian bị nước xói mòn, khoét sâu thành giếng. Khắp lòng suối lô xô những tảng đá tròn lẳn như những hòn cuội khổng lồ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Di tích thắng cảnh Suối Mỡ còn có chùa Trứng, chùa Hồ Bấc, đình Xoan, bãi Quần Ngựa... Suối Mỡ được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa năm 1988. Hiện Suối Mỡ đang được đầu tư xây dựng thành khu du lịch văn hóa - sinh thái.

Khu du lịch Khuôn Thần

Từ thị xã Bắc Giang theo hướng Đông Bắc đi khoảng 40km đến phố Chủ, rẽ tay trái đi khoảng 10km là tới khu du lịch Khuôn Thần, thuộc huyện Lục Ngạn.

Khu du lịch Khuôn Thần có hồ nước thiên nhiên rộng 240ha, chung quanh là rừng thông bao phủ. Lòng hồ có 5 đảo lớn nhỏ, được trồng thông đuôi ngựa có tuổi từ 15-20 năm.

Rừng Khuôn Thần có diện tích khoảng 700ha, trong đó rừng tự nhiên chiếm khoảng 300ha, rừng trồng thông 400ha. Khuôn Thần nổi tiếng với những trang trại, đồi vườn cây ăn quả ngút ngàn như vải Thái Lan, vải thiều, hồng, na...

Tại khu vực này có đền Từ Mã, thờ vị danh tướng thời Trần, đã được Nhà nước xếp hạng di tích văn hóa.

Đến Khuôn Thần, du khách có dịp khám phá những điều kỳ thú khi cắm trại trên những đảo nhỏ, tham quan, dạo chơi trên hồ bằng thuyền đạp chân hoặc thuyền máy.

Du khách đến Khuôn Thần sẽ được thưởng thức những đặc sản mật ong, rượu tắc kè, hạt dẻ... và được tham dự các buổi sinh hoạt văn hóa lý thú của các dân tộc anh em sinh sống ở đây như hát soong hao của người Sán Chỉ, Cao Lan; hát sli lượn của người Tày, Nùng...

Thắng cảnh Nước Vàng

Nằm trên dãy Phật Sơn, Yên Tử, cánh rừng Nước Vàng thuộc xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, cách thị xã Bắc Giang 60km đi theo tỉnh lộ 31. Trải dài khắp một vùng Đông Bắc rộng lớn của

https://www.facebook.com/taybanganh/

tỉnh Bắc Giang là một màu xanh bất tận của những cánh rừng già. Nơi đây có dòng suối tự ngàn đời hối hả tuôn chảy một dòng nước có màu vàng óng ánh tựa mật ong. Một con suối bắt nguồn từ đỉnh Phật Sơn hiểm trở chảy qua hàng chục thác ghềnh, quanh năm nước đổ rì rào. Rừng Nước Vàng hoang sơ, khí hậu ôn hòa, là điều kiện thuận lợi cho các loài động thực vật phát triển. Độ cao của suối Nước Vàng dâng dần lên cao theo độ cao của núi Phật Sơn. Từ thượng nguồn (đỉnh Phật Sơn) xuống đến hạ nguồn, suối Nước Vàng chảy qua hơn chục thác lớn nhỏ.

Đến đây du khách sẽ được tham quan cảnh rừng nguyên sinh. Một khi du khách vượt qua đỉnh Phật Sơn, sẽ bắt gặp am Ngọa Vân, Thiền Viện Hồ Thiên, nơi vua Trần Nhân Tông tu hành giảng đạo.

Hồ Cấm Sơn

Thuộc huyện Lục Ngạn, giáp với tỉnh Lạng Sơn, cách thị xã Bắc Giang khoảng 50km về phía Đông Bắc, hồ Cấm Sơn là một thắng cảnh thiên nhiên hùng vĩ. Bình thường mặt hồ rộng 2.600ha, nhưng vào mùa mưa lũ lớn, nước dâng cao, mặt hồ có thể rộng tới 3.000ha. Chiều dài hồ khoảng 30km, bề ngang nơi hẹp nhất 200 mét, nơi rộng nhất 7km. Cấm Sơn quả là một bức tranh "sơn thủy hữu tình", bởi bao quanh hồ là những cánh rừng trùng điệp với những cây cao bóng cả soi mình trên mặt nước êm ả, lại được điểm tô bởi hàng trăm hòn đảo lớn nhỏ, trông giống như một "Hạ Long" thu nhỏ trên mảnh đất Bắc Giang.

Với những dự án quy hoạch xây dựng chung quanh khu vực hồ, chẳng bao lâu nữa Hồ Cấm Sơn sẽ trở thành một địa danh du lịch hấp dẫn du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng, tham gia nhiều loại hình du lịch lý thú: bơi thuyền, leo núi, câu cá, hay tản bộ trên các bản làng đồng bào dân tộc.

Rừng nguyên sinh Khe Rỗ

Khu rừng cấm nguyên sinh Khe Rỗ thuộc xã An Lạc, huyện Sơn Động. Khu bảo tồn thiên nhiên Khe Rỗ được thành lập năm

https://www.facebook.com/taybanganh/

1995, với diện tích 7.153ha, trong đó diện tích rừng tự nhiên 5.092ha. Khe Rỗ là khu rừng nguyên sinh đặc trưng nhất không chỉ của tỉnh Bắc Giang mà còn tiêu biểu cho cả vùng Đông Bắc Việt Nam. Khu bảo tồn Khe Rỗ nằm gọn trong lưu vực của hai con suối Khe Rỗ và Khe Đin. Khu vực này có độ cao tăng dần theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, chênh nhau tới 600-700mét. Phía Bắc và Tây Bắc thuộc đất của xã An Lạc, phía Đông và Đông Bắc giáp với huyện Đình Lập (Lạng Sơn), phía Nam và Đông Nam giáp huyện Ba Chẽ (Quảng Ninh). Rừng nguyên sinh Khe Rỗ là nơi sinh sống của nhiều loài động thực vật: 236 loài thực vật, cây lấy gỗ, 255 loài dược liệu quý, 37 loài thú, 73 loài chim, 18 loài bò sát. Đặc biệt có 7 loài động vật quý hiếm ghi trong sách đỏ.

Sống quanh khu bảo tồn là hai bản người Dao: Pác Duốc và Khe Đin. Rừng Khe Rỗ là một điểm du lịch hấp dẫn cho những ai thích mạo hiểm và muốn khám phá sự kỳ thú của thiên nhiên hoang dã.

DI TÍCH

Thành cổ Xương Giang

Thuộc xã Thọ Xương, cách thị xã Bắc Giang 4km, bên cạnh quốc lộ 1A Bắc Giang đi Lạng Sơn. Thành do nhà Minh xây dựng vào thế kỷ XV để trấn giữ cửa ngõ đường rút quân phía Bắc. Qua những dấu tích còn lại đến nay cho thấy thành cổ Xương Giang hình chữ nhật, dài 600m, có 4 cổng chính diện tích khoảng 27ha, tường cao đắp bằng đất, bốn góc có pháo đài canh giữ, bên ngoài có hào rộng bao quanh.

Thành Xương Giang đã bị nghĩa quân Lam Sơn của Lê Lợi do danh tướng Trần Nguyên Hãn chỉ huy vây hãm gần một năm. Ngày 28-9-1427, tại đây diễn ra trận công thành quyết chiến cuối cùng của nghĩa quân và đã giành thắng lợi. Nghĩa quân tiêu diệt quân Minh, chiếm thành Xương Giang. Cũng chính tại nơi đây diễn ra trận đánh lịch sử ngày 3-11-1427, tiêu diệt 10

https://www.facebook.com/taybanganh/

vạn quân Minh từ Lạng Sơn kéo xuống cứu viện sau khi thành Xương Giang bị thất thủ, đã chôn vùi mộng xâm lăng của đạo quân xâm lược. Kỷ niệm chiến thắng này, hằng năm tỉnh Bắc Giang tổ chức lễ hội Xương Giang vào hai ngày 6 và 7 tháng Giêng âm lịch.

Di tích khởi nghĩa Phồn Xương - Yên Thế

Huyện Yên Thế nằm về phía Tây Bắc cách thị xã Bắc Giang trên 70km. Yên Thế gắn liền với cuộc khởi nghĩa nông dân do thủ lĩnh áo vải Hoàng Hoa Thám (tức Đề Thám) lãnh đạo. Khởi nghĩa nông dân Yên Thế là sự minh chứng hùng hồn cho tinh thần bất khuất, tự lực tự cường của nhân dân Bắc Giang nói riêng, của nhân dân Việt Nam nói chung, là lần đầu tiên trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, giai cấp nông dân với người lãnh đạo của mình đã vùng lên chống lại ách đô hộ của thực dân Pháp trong suốt ba mươi năm.

Về thăm Yên Thế, du khách sẽ có dịp thăm đồn Phồn Xương, trung tâm của cuộc khởi nghĩa, thăm Bảo tàng Hoàng Hoa Thám, nơi lưu giữ các di vật của cuộc khởi nghĩa.

Di tích cách mạng Hoàng Vân

Thuộc huyện Hiệp Hòa, được gọi là An toàn khu (ATK), là căn cứ cho cuộc khởi nghĩa giành độc lập 1945, nơi ở và hoạt động của các đồng chí lãnh đạo Trung ương thời kỳ tiền khởi nghĩa 1940-1945.

Tại khu di tích này có 119 gia đình được công nhận là gia đình có công cách mạng và có 7 di tích được công nhận là di tích lịch sử cách mạng như đình Hoàng Vân, đình Vân Xuyên, Nghè Sư, đình Xuân Biểu, Xóm Đá... Tại đây, có nhà Bảo tàng của khu di tích cách mạng Hoàng Vân, nơi lưu giữ một số tài liệu hình ảnh và hiện vật của thời kỳ tiền khởi nghĩa.

Chùa Đức La

Chùa có tên chữ là Vĩnh Nghiêm tự, xưa kia là trung tâm Phật giáo do vua Trần Nhân Tông sáng lập vào thế kỷ XIII, nay

https://www.facebook.com/taybanganh/

vẫn trầm ngâm, uy nghiêm bên chân núi Cô Tiên. Chùa tọa lạc ở thôn Quốc Khánh, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, cách Hà Nội khoảng 80km. Bên trái chùa là bờ sông Lục, trước mặt là cánh đồng lúa xen kẽ những xóm làng trù phú, xa xa là rặng núi Nham Biền thơ mộng.

Chùa Đức La dựng vào thời Trần, có kiến trúc khá đồ sộ, nằm trên một trục dọc theo hướng Đông Nam gồm 4 khối lớn. Khối thứ nhất gồm chùa Hộ, tòa Thiêu Hương, chùa Phật, liên kết với nhau trong một khối kiến trúc kiểu chữ "công" (エ). Chùa Hộ còn lưu giữ nhiều tượng. Tòa Thiêu Hương lộng lẫy với ba lớp hoành phi và cửa võng sơn son thếp vàng, gian thứ 2 bày nhiều tượng Phật và tượng các vị La Hán. Chùa Phật mang dấu ấn nghệ thuật kiến trúc thời Lê, trong có vô số tượng Phật. Khối thứ hai cũng xây dựng theo kiểu chữ "công" (エ), nhưng thấp hơn và nhỏ hơn, kiến trúc giản đơn, đặc biệt có tấm hoành phi "Trúc Lâm Hội thượng" với ba pho tượng Trúc Lâm Tam Tổ (Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang). Khối thứ 3 là gác chuông cao hai tầng mái, và khối thứ 4 là nhà Tổ - đệ nhị, kết cấu kiểu chuôi vồ, có hai pho tượng theo phong cách tượng thời Nguyễn.

Đã hơn 7 thế kỷ trôi qua, chúa Đức La vẫn còn nguyên vẹn là một trung tâm Phật giáo lớn, nơi đào tạo nhiều tăng ni Phật tử cho cả nước.

Chùa Bổ Đà

Có tên chữ là "Tứ Ân tự", dân gian còn gọi là chùa Bổ, được xây dựng từ thời Lê (1667), thuộc xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, cách thị xã Bắc Giang 8km về phía Nam.

Chùa Bổ Đà tọa lạc trên một diện tích 51.784m2, chia làm 3 khu: khu vườn tháp, khu vườn và khu nội tự. Chùa Bổ Đà là trung tâm Phật giáo lớn của Bắc Giang, là nơi kế truyền các vị tổ sư khai trương thuyết pháp đào tạo tăng ni thuộc thiền phái Trúc Lâm hay Trúc Lâm Yên Tử. Hiện chùa vẫn là nơi đào tạo tăng ni Phật tử cho tỉnh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bên trong chùa còn lưu giữ nhiều hiện vật, tài liệu quý, tượng thờ 3 vị tổ... Các tổ sư của chùa đã cho khắc nhiều bản kinh phục vụ việc truyền bá kinh Phật, làm phong phú thêm kho tàng Pháp bảo của Phật giáo Việt Nam. Chùa nằm ở một vị trí cảnh quan đẹp. Hằng năm hội chùa được tổ chức từ ngày 15 đến 19 tháng 2 âm lịch, là ngày giỗ tổ khai sơn lập chùa.

Chùa Quang Minh

Thuộc xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang. Chùa tọa lạc trên một gò đồi bằng phẳng, cao ráo, phong quang, là một công trình nghệ thuật kiến trúc có giá trị. Bên trong còn lưu giữ gần như nguyên vẹn toàn bộ tượng gồm 26 pho tượng của đạo Phật Đại thừa. Tượng đều bằng gỗ mít, sơn son thếp vàng rực rỡ, đường nét chạm khắc công phu, tỉ mỉ, tự nhiên và rất sống động. Ngoài ra chùa còn lưu giữ nhiều đồ thờ tự cổ, tiêu biểu là chiếc khánh đồng đúc vào đầu thời Nguyễn. Lễ hội chùa Quang Minh hằng năm tổ chức vào 3 ngày từ 9 đến 11 tháng Giêng âm lịch. Chùa Quang Minh được Nhà nước xếp hạng cấp quốc gia năm 2001.

Chùa Tiên Lục

Chùa được xây dựng từ thế kỷ XVIII, với những nét kiến trúc cổ, độc đáo và hấp dẫn. Đặc biệt ở đây có cây dã hương ngàn năm tuổi, chu vi gốc hơn 13m, là một trong 2 cây dã hương già nhất thế giới. Tương truyền trong khoảng 100 năm trở lại đây, nhiều cành to bị gãy, làm cho tán lá thu hẹp dần, và mỗi lần bị gãy như vậy đều linh ứng với một sự kiện trọng đại của đất nước. Chẳng hạn năm 1945, trong một trận gió to, một cành lớn của cây dã hương bị gãy, chẳng bao lâu sau đó cuộc Cách mạng tháng Tám thành công.

Cây dã hương này là một tài sản vô giá được các cấp chính quyền và nhân dân địa phương bảo vệ, gìn giữ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Làng Vẽ

Tên chữ là Huyền Khuê tự, nằm ở trung tâm làng Vẽ và phường Thọ Xương. Chùa có kiến trúc liên hoàn kiểu "nội công ngoại quốc". Trước chùa là hồ nước rộng, cạnh đường dẫn vào chùa là cây đa đại thụ. Sân chùa lát gạch, giữa có cây hương đá cao 1,5m. Bốn mặt khắc chìm chữ Hán, ghi thời gian dựng chùa vào thời Lê, niên hiệu Vĩnh Thịnh (1705-1719) và tên người góp tiền của tu tạo chùa. Tiền đường gồm 5 gian 2 chái, kết cấu mái theo kiểu thượng con chồng giá chiêng, hạ kẻ truyền ở vì gian giữa và kẻ ngồi ở gian bên. Nối với Tiền đường là Thượng điện 4 gian. Trong chùa trưng bày nhiều tượng Phật theo một hệ thống hoàn hảo, tỉ mỉ, điêu khắc tinh xảo, đã trải qua trên 300 năm mà vẫn giữ được nếp sơn son thếp vàng lộng lẫy. Bên trong chùa hiện còn giữ được quả chuông lớn cao 1,5m, bốn mặt khắc chữ Hán, được đúc từ thời Lê Cảnh Hưng.

Chùa được Nhà nước công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật ngày 12-2-1994.

Chùa Đoan Minh

Còn gọi là chùa Thổ Hà thuộc thôn Thổ Hà, xã Vân Hà, huyện Việt Yên, cách thị xã Bắc Giang khoảng 25km về phía Tây Nam. Kiến trúc chùa theo kiểu "nội công ngoại quốc", gồm tòa Tiền tế 5 gian, 2 chái và hai dãy hành lang, mỗi dãy 10 gian. Chùa chủ yếu xây bằng gỗ lim, nền lát gạch vuông thời Lê. Kết cấu các vì kèo theo kiểu con chồng, mái bổ máng thượng, lợp ngói mũi hài. Chùa Đoan Minh không chỉ là một quần thể kiến trúc nghệ thuật, mà còn là một trung tâm sinh hoạt tôn giáo của nhân dân địa phương. Trong chùa hiện còn lưu giữ nhiều tượng Phật, hoành phi đại tự, câu đối, bia đá còn khá nguyên vẹn. Lễ hội chùa Đoan Minh hằng năm được tổ chức vào 2 ngày 21 và 22 tháng Giêng âm lịch. Chùa được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật ngày 5-2-1994.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đình Thổ Hà

Nằm cách chùa Thổ Hà (chùa Đoan Minh) không xa là ngôi đình cổ cùng tên được dựng vào thời Lê Hy Tông, trên khu đất rộng 3.000m2, được bao bọc bởi những cây cổ thụ, thuộc làng Thổ Hà, huyện Việt Yên. Đình được xây theo kiểu chữ "công" (工), tòa Bái đường dài 27m, rộng 16m; chung quanh bó đá tảng xanh chia làm 3 cấp. Mái đình lợp ngói mũi hài to bản, 4 góc là những đầu đao cao vút rất thanh thoát. Đầu bờ nóc uốn quanh hình lưỡi liềm, góc mái có gắn nghê, thú nhỏ làm bằng sành nung già lửa, đỏ au. Bái đường chia làm 7 gian, bộ khung mái được chạm trổ tinh vi, nhiều cảnh trí sinh động. Bức cửa võng thếp vàng chạm trổ lộng lẫy, làm cho bái đường càng thêm uy nghiêm, cổ kính.

Đình Lỗ Hạnh

Tọa lạc ở xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, là một công trình kiến trúc độc đáo được xây dựng từ thời nhà Mạc (1567), từng được khắc ghi "Đệ nhất Kinh Bắc". Lúc đầu đình Lỗ Hạnh chỉ là một tòa nhà đại đình hình chữ "nhất" (一). Sau lần trùng tu lần thứ nhất 1850, đình có kiến trúc hình chữ "công" (工) với hậu cung và hai dãy tả, hữu vu phía trước. Đình gồm 5 gian 2 chái, nền dài 23,5m, rộng 12,3m. Kết cấu các vì gian giữa theo kiểu chồng rường - giá chiêng, vì gian bên kiểu kẻ chuyền - giá chiêng. Các xà ngang liên kết các vì chuyền vươn xa, đưa mái vượt ra không gian lớn hơn.

Trong đình còn lưu giữ nhiều vật quý, bộ tranh gỗ phủ sơn thế kỷ XVIII-XIX, vẽ cảnh Bát tiên, dài 2,23m, cao 1m; đôi nghè gỗ thế kỷ XVII sơn son thếp vàng, tượng bà chúa Tiên Dung cùng các bài vị Cao Sơn Đại Vương, thần Thành hoàng làng.

Đình Vường

Là công trình nghệ thuật của thế kỷ XVII, đã trải qua hơn 300 năm nay, đình chưa một lần phải trùng tu lớn mà vẫn giữ

https://www.facebook.com/taybanganh/

được những nét văn hóa cổ kính ban đầu. Đình Vường là một ngôi đình đẹp. Quy mô xây dựng lớn, thuộc thôn Hậu, xã Liên Chung, huyện Tân Yên, tọa lạc trên một khu đồi nhỏ mang tên đồi Đình.

Đình có 3 gian 2 chái, kết cấu vì kèo theo kiểu chồng rường - giá chiêng. Trên các vì kèo chạm khắc hoa văn, mang phong cách điêu khắc thời Lê Trung Hưng khá độc đáo. Trên khám thờ vẫn còn lưu giữ được đủ cả long ngai, bài vị và những thứ đồ thờ tự, hệ thống bức bàn chạy suốt 5 gian. Toàn bộ mái đình lợp ngói mũi hài cổ dày dặn. Hệ thống bờ dải nóc, đao trái được trát đắp và đặt gạch trang trí hoa chanh làm cho mái đình thanh tao trang nhã.

Đình Phúc Long

Cách thị xã Bắc Giang 8km về phía Nam, được dựng từ thời Lê. Đình thờ 6 vị Đại vương và An Tôn Công chúa, những người có công lớn với đất nước. Đình có kiến trúc độc đáo. Vì kèo theo kiểu chồng rường - giá chiêng với 7 hiên, tất cả đều làm bằng gỗ lim với những mảng chạm khắc tinh vi mang đậm màu sắc dân tộc và tạo sự hài hòa giữa điêu khắc và kiến trúc. Tòa đại đình gồm 5 gian 2 chái, mái lợp ngói mũi hài.

Trong đình hiện còn lưu giữ một số tài liệu, hiện vật rất có giá trị trong việc nghiên cứu khoa học và giáo dục truyền thống. Đó là: bức đại tự, hương án, đồ thờ tự, bài vị bằng đá, bằng gỗ sơn son thếp vàng, ngựa gỗ, hai câu đối.

Đình Phù Lão

Là ngôi đình cổ nhất Bắc Giang, có niên đại cách nay hơn 300 năm, được dựng trên một khu đất cao thuộc làng Phù Lão, xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang. Trước mặt đình là ao sâu, rộng.

Trước đây, đình có kiến trúc kiểu chữ "nhất" (一), chỉ có tòa đại đình về sau ở gian giữa nối thêm 2 gian hậu cung, cách sân 5m xây thêm 3 gian nhà nhỏ làm tiền tế.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đại đình gắn với hậu cung, sân phía sau là chùa nhỏ. Các vì kèo được làm theo kiểu chồng rường - giá chiêng, đặc biệt ở 4 cột cái được thêm vào 4 bức cốn. Trong lòng tòa đại đình là một rừng chạm khắc với đủ các thủ pháp: chạm nền, chạm thủng, chạm kênh bong... Trải qua thời gian, đình Phù Lão vẫn giữ được vẻ đẹp khiêm nhường.

Bia đình dựng năm Chính Hòa thứ 15 (1694), do tiến sĩ khoa Canh Tuất họ Hoàng, hiệu Đơn Phủ soạn, nội dung nói về bà Đoàn Thị Hiền, người địa phương, chồng và cha đều là Quận công, bỏ số tiền lớn cùng dân làng làm đình. Bia này được khắc sau khi đình khánh thành được 6 năm. Đình dựng ngày 24 tháng 11 năm Mậu Thìn (1688).

Lăng họ Ngô

Ở thôn Thái Thọ, xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa. Bia đá 4 mặt "Linh Quang từ chỉ", cao 1,25m (không kể mái) dài 2,0m, rộng 0,50m, niên hiệu Chính Hòa 18 (1697) và niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ nhất (1705). Ông họ Ngô là quan võ thời Lê Trung Hưng chức "Đại tiến phụ quốc Thượng tướng quân vệ giám Tổng Thái giám đốc Dật Quận công Ngô Tướng công". Kiến trúc lăng còn tương đối nguyên vẹn. Mặt bằng hình chữ nhật (51,40x71,00)m, hai lớp bao bọc nhau. Trước còn có tường đá ong và lũy đất bao bọc. Lớp trong trung tâm có nhà mộ hình vuông 2 tầng mái đề "Ngô Tướng công chi mộ", tường đá vây 4 mặt, trổ một cửa ra vào đề 3 chữ: "Linh Quang từ", hai bên chạm nổi hình 2 võ sĩ. Lớp ngoài đặt hương án voi, ngựa và đồ thờ tự, cổng ra vào 2 tầng cũng chạm nổi hai võ sĩ.

LỄ HỘI

Lễ hội Xương Giang

Hằng năm được tổ chức vào 2 ngày 6 và 7 tháng Giêng âm lịch tại sân vận động thị xã Bắc Giang và dâng hương tưởng niệm các anh hùng nghĩa sĩ Lam Sơn ở thành Xương Giang thuộc ngã

https://www.facebook.com/taybanganh/

ba Quán Thành. Lễ hội Xương Giang tái hiện một phần chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn dưới sự chỉ huy của dũng tướng Trần Nguyên Hãn, phản ánh cuộc chiến hào hùng chống ngoại xâm của dân tộc ta. Trong ngày hội, từng đoàn người với cờ, trống, biểu ngữ giăng khắp các ngả đường. Tại sân vận động thanh niên nam nữ thi cắm trại, đoàn nghệ thuật tái hiện tại cuộc công thành Xương Giang thắng lợi năm xưa: Lễ đọc "Đại cáo bình Ngô", lễ xuất quân.

Lễ hội Yên Thế

Tổ chức tại Phồn Xương, đại bản doanh của nghĩa quân Yên Thế do Đề Thám trực tiếp chỉ huy trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Hằng năm lễ hội Yên Thế diễn ra vào ngày 16-3 âm lịch. Từ các làng quê chung quanh, người người lũ lượt kéo nhau trẩy hội, quần áo chỉnh tề, tham gia hội hóa trang, diễu hành và tái hiện cuộc khởi nghĩa Yên Thế, múa Kỳ Lân. Sau lễ là hội, các trò vui chơi, giải trí được tổ chức.

Lễ hội chùa La

Còn gọi là chùa Đức La, hay chùa Vĩnh Nghiêm. Lễ hội hằng năm diễn ra vào ngày 14-2 âm lịch. Đây là hội chùa giỗ tổ Trúc Lâm, vì vậy mang tính chất giỗ tổ nhiều hơn là hội. Tổ Trúc Lâm ở chùa Vĩnh Nghiêm gồm 3 vị: Giác Hoàng Điều Ngự Trần Nhân Tông, Thiền sư Pháp Loa và Thiền sư Huyền Quang, được nhiều người biết đến qua nội dung tấm bia đặt trong nhà tổ đệ nhất.

Lễ hội đền Suối Mỡ

Diễn ra ở cả đền Thượng, đền Trung và đền Hạ. Đền Hạ là nơi tập trung đông nhất. Đây là lễ hội cầu mùa màng bội thu, bởi đền Suối Mỡ là nơi thờ Công chúa con gái vua Hùng thứ 16 (Hùng Định Vương), người có công giúp dân làm ruộng, xây dựng cuộc sống, là vị nữ thần nông nghiệp của cư dân nông nghiệp cổ xưa.

Trong ngày hội đền diễn ra lễ tế theo tục lệ rất trang nghiêm. Sau lễ là phần hội, dân làng mở các trò vui chơi như đấu vật, bắn

https://www.facebook.com/taybanganh/

cung, hát chầu văn... Hội đền Suối Mỡ diễn ra trong 2 ngày 30-3 và 1-4 âm lịch hằng năm tại xã Nghĩa Phương, Lục Nam.

Lễ hội Tiên Lục

Hằng năm tổ chức vào các ngày mồng 9 tháng Giêng, 20 tháng 5, 20 tháng 8 và 20 tháng 11 âm lịch, tại xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang. Trong đó ngày hội mồng 9 tháng Giêng cũng là ngày hội xuân nên đông vui nhất.

Du khách về thăm hội Tiên Lục không chỉ được xem trò vui mà còn được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của xóm làng, của cây dã hương ngàn năm tuổi, bên cạnh mái đình Viễn Sơn.

Hội Tiên Lục diễn ra chủ yếu ở khu vực đình cây dã hương, đình Thuận Hóa, chùa Phục Quang và đình Tiên Lục.

Hội tháng Giêng bắt đầu từ 1 giờ sáng ngày mồng 9 tháng Giêng và lễ khai thanh rồi đến lễ tranh chiêng, tranh trống giữa làng. Tiếp đến là lễ rước kiệu vào đền, rồi làm lễ tế thần Cao Sơn. Sau lễ là các trò chơi: thi cướp cầu, thi cỗ, thi kéo chữ, kéo co, chọi gà...

Lễ hội Bổ Đà

Diễn ra từ ngày 16 đến 18 tháng 2 âm lịch hằng năm tại khu vực núi Bổ Đà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên. Lễ hội Bổ Đà gắn liền với các truyền tích dân gian được lưu giữ trong nhiều thế kỷ. Đó là truyền tích về Thạch tướng quân hiệu là Chuyển Hùng Thạch Đại vương đã giúp Hùng Tạo Vương đánh đuổi giặc Man, được thờ ở đền Hạ, đền Trung và đền Thượng.

Đến ngày hội, đền, chùa Bổ Đà đều mở cửa, cắm cờ đại, cờ ngũ hành rực rỡ trong tiếng chiêng, trống phách rộn ràng. Không khí lễ hội tưng bừng với các nghi thức tế lễ rước sách và các trò chơi dân gian.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ hội Y Sơn

Đền Y Sơn cứ 3 năm mở hội lớn một lần trong 3 ngày: 15, 16 và 17 tháng Giêng âm lịch. Các năm khác tổ chức 1 ngày vào ngày Tết Thượng Nguyên (rằm tháng Giêng), còn gọi là hội Phu nhân Thánh Mẫu. Lễ hội Y Sơn được tổ chức tại xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa. Lễ hội có những nghi thức cổ truyền được tổ chức khá chặt chẽ: ngày 15 tất cả các giáp rước kiệu, cờ quạt, chiêng trống tập trung về đền, rồi rước sang chùa. Ngày 16, tướng và quản tượng lên voi xe (voi giả có gắn bánh xe để đẩy đi được) vào chùa lễ Phật, tiếp đến là lễ "cuốn cờ đập đất" và "kéo chữ". Ngày 17 là ngày vui nhất có nhiều trò chơi dân gian, đánh đu, đánh cờ người, diễn tuồng, hát chèo...

Lễ hội Cầu Vồng

Diễn ra hằng năm vào ngày 15 tháng Giêng âm lịch tại đình Cầu Vồng, xã Song Vân, Tân Yên. Lễ hội gắn với truyền thống thượng võ của đồng bào Yên Thế đã nổi danh từ hằng trăm năm trước trong câu ca dao: "Trai Cầu Vồng, Yên Thế, gái Nội Duệ, Cầu Linh."

BẮC KẠN

Bắc Kạn thuộc miền núi Việt Bắc, phía Bắc giáp Cao Bằng, phía Đông Nam giáp Lạng Sơn, phía Tây giáp Tuyên Quang, phía Nam giáp Thái Nguyên, có diện tích 4.795,54km2, dân số trên 300 ngàn người, gồm nhiều dân tộc: Việt, Tày, Nùng, Dao... Về đơn vị hành chính, Bắc Kạn có thị xã Bắc Kạn và 5 huyện: Ba Bể, Ngân Sơn, Na Rì, Bạch Thông và Chợ Đồn.

Địa hình tỉnh Bắc Kạn chủ yếu là rừng núi với một hệ thống sông suối dày đặc.

Cũng như các tỉnh Việt Bắc, khí hậu Bắc Kạn có hai mùa rõ rệt, mùa khô và mùa mưa. Nhiệt độ trung bình cả năm là 25^0C.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bắc Kạn có hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy khá thuận lợi và ngày càng được cải tạo nâng cấp.

Ngoài tiềm năng khoáng sản, lâm sản phong phú với những khu rừng nguyên sinh giàu động thực vật, Bắc Kạn còn có tiềm năng lớn về du lịch văn hóa, sinh thái rất lớn. Đó là khu du lịch Ba Bể.

THẮNG CẢNH

Hồ Ba Bể

Hồ Ba Bể thuộc huyện Ba Bể. Từ Hà Nội, theo quốc lộ số 3, qua thành phố Thái Nguyên, đi khoảng 80km đến thị xã Bắc Kạn. Từ thị xã Bắc Kạn đi tiếp 40km đến hồ Ba Bể.

Ba Bể là hồ nước tự nhiên lớn nhất miền Bắc Việt Nam, nằm giữa vùng núi đá vôi, đá phiến với nhiều hang động kỳ khu và những con suối ngầm lúc ẩn lúc hiện. Hồ Ba Bể có độ cao 145m so với mặt nước biển, nước sâu trung bình 20-30m. Diện tích mặt hồ khoảng 500ha, chiều dài hơn 8km, nơi rộng nhất gần 2km. Hồ có tên là Ba Bể vì lòng hồ được thắt khúc thành 3 hố (Pé Lâm, Pé Lù và Pé Lèng). Trong lòng hồ có các hòn đảo nhỏ, trên đó có nhiều phong lan, chim muông. Ở giữa "hồ 1" (Pé Lâm) có một đảo nhỏ thơ mộng mang tên đảo Bà, nơi xưa kia Bà Góa đã sinh sống và đó cũng là cội nguồn của câu chuyện truyền thuyết để lý giải tại sao có hồ Ba Bể ngày nay. Toàn cảnh hồ như một bức tranh thủy mặc, "sơn thủy hữu tình". Bởi chung quanh là rừng núi trùng điệp, với những cây cao bóng tỏa, soi bóng mặt hồ.

Đến với hồ Ba Bể, cách thú vị nhất là đi theo đường thủy. Chiếc thuyền máy đưa du khách theo dòng sông Năng chảy quanh dưới những rặng núi đá vôi cao chất ngất, bên những bờ vách đứng, thuyền sẽ theo dòng nước xuyên qua núi Lung Nham, nơi đó gọi là động Puông. Thuyền nhỏ đi qua động, chập

https://www.facebook.com/taybanganh/

chờn trong ánh sáng mờ mờ ảo ảo, hằn lên những thạch nhũ với hình thù kỳ lạ. Đi khỏi cửa động khoảng 4km, thuyền vào địa phận hồ Ba Bể.

Động Puông

Động nằm trên dòng sông Năng, hay nói cách khác, sông Năng chảy xuyên qua rặng núi đá vôi Lung Nham tạo thành động Puông, cách thị trấn Ba Bể 5km. Động có chiều dài khoảng 300m, chiều cao 40m. Trong động có nhiều thạch nhũ, hình thù sống động với nhiều hình thú vật khác nhau và những cột đá, mầm đá. Đặc biệt, trong động có đàn dơi hàng chục vạn con đang sinh sống. Động Puông là một điểm du lịch sinh thái đặc biệt kỳ thú, hấp dẫn.

Thác Đầu Đẳng

Thác Đầu Đẳng dài 2km, là nơi sông Năng chảy vào địa phận tỉnh Tuyên Quang, bị những tảng đá khổng lồ chồng chất lên nhau chặn lại, với độ dốc khoảng 500m, tạo thành một thác nước ngoạn mục, kỳ vĩ. Thác nằm giữa cánh rừng nguyên sinh, càng tạo nên một ấn tượng đẹp khó quên. Đặc biệt ở đây có một loài cá, dân địa phương gọi là cá chiên, có con nặng đến 10kg. Loài cá này hiện nay rất hiếm thấy, phải chăng đã bị tuyệt chủng?

Ao Tiên

Là một hồ nước nhỏ, rộng chừng 3ha, nằm ngay trên đỉnh núi. Bao bọc chung quanh là những khu rừng nhiệt đới, nên khí hậu quanh năm mát mẻ và trong lành. Truyền thuyết kể rằng, nơi đây chính là bể tắm của các nàng tiên ở thượng giới xuống trần gian tắm và chơi cờ.

Vườn Quốc gia Ba Bể

Tuy chưa được UNESCO công nhận là di sản tự nhiên thế giới, nhưng rõ ràng Vườn Quốc gia Ba Bể là một di sản thiên nhiên quý giá hiếm có trên trái đất. Vườn Quốc gia Ba Bể chiếm một diện tích 23.340ha. Đây là một hệ thống rừng nguyên sinh

https://www.facebook.com/taybanganh/

trên núi đá vôi và đá phiến bao bọc hồ nước Ba Bể trong xanh. Theo điều tra sơ bộ của các nhà sinh học Việt Nam và tài liệu của các nhà khoa học lâm nghiệp Pháp để lại, rừng quốc gia Ba Bể có tới 417 loài thực vật, 299 loài động vật có xương sống, trong đó có nhiều loài động vật quý hiếm như phượng hoàng đất, gà lôi, voọc mũi hếch...

Cùng với hồ Ba Bể, Vườn Quốc gia Ba Bể là một di sản thiên nhiên đẹp vào bậc nhất của Việt Nam, một nơi du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và nghiên cứu khoa học rất hấp dẫn.

Thác Roọm

Thuộc xã Quang Thuận, huyện Chợ Đồn, là nơi có khí hậu ôn hòa, cách thị xã Bắc Kạn 8km theo tỉnh lộ Bắc Kạn - Chợ Đồn.

Khu du lịch thác Roọm gồm một quần thể những tảng đá dọc theo dòng sông chung quanh là núi rừng trùng điệp, tạo nên một cảnh thần tiên "sông núi, thác ghềnh". Thác Roọm là nơi con sông Cầu đang tuôn chảy bị chặn lại bởi bãi đá lô nhô dài khoảng 1km, tạo nên một cảnh quan tuyệt mỹ.

Hiện tỉnh Bắc Kạn đang có kế hoạch đầu tư xây dựng thác Roọm thành khu du lịch nghỉ dưỡng vui chơi cuối tuần với các loại hình giải trí, thể thao, leo núi, cắm trại...

Phya Khao

Điểm du lịch Phya Khao thuộc huyện Chợ Đồn, là nơi có khí hậu ôn hòa, môi trường xanh, sạch. Độ cao trung bình 800m so với mặt nước biển. Khí hậu ở đây mùa đông ấm áp, mùa hè mát mẻ. Dưới thời thực dân Pháp, chính quyền thuộc địa đã cho dựng ở Phya Khao nhiều khu biệt thự nghỉ mát sang trọng ở đây. Nhưng những công trình kiến trúc xinh đẹp này đã bị phá hủy trong chiến tranh. Ngày nay, chính quyền Bắc Kạn đang có kế hoạch xây dựng lại khu nghỉ mát này.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Động Nàng Tiên

Thuộc xã Lương Hạ, huyện Na Rì, là một trong những hang động tự nhiên ăn sâu vào trong lòng núi có độ dài hàng ngàn mét, với nhiều thạch nhũ hình thù kỳ lạ, tạo nên một cảnh đẹp diệu kỳ.

Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ

Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ thuộc huyện Na Rì, chiếm một diện tích hàng ngàn hécta, là nơi tạo nguồn và bảo tồn các nguồn gen động thực vật quý hiếm của đất nước ta. Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ còn là điểm du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học đầy thú vị và hấp dẫn.

Thác Nà Đăng

Thuộc xã Lương Thành, huyện Na Rì, là một thác nước khá lớn chảy từ đỉnh núi xuống ở độ cao trên 100m, tạo nên một cảnh đẹp thiên nhiên kỳ ảo. Mỗi buổi mai khi mặt trời chiếu sáng, dưới những làn "khói" nước tạo nên những cầu vồng muôn sắc.

DI TÍCH

Chùa Thạch Long

Chùa nằm trong một hang đá vôi tự nhiên thuộc xã Cao Kỳ, huyện Bạch Thông. Hang động này bao gồm 2 tầng, thông với nhau. Tầng trên gọi là tầng thiên (tầng trời), tầng dưới gọi là tầng âm (tầng đất). Trong thời kỳ chống thực dân Pháp, bộ đội ta đã sử dụng hang này làm xưởng sản xuất vũ khí. Hiện chùa là nơi sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của nhân dân địa phương, là nơi thờ Phật và Thánh Mẫu.

Đền Thắm

Thuộc thị trấn Chợ Mới, huyện Bạch Thông, được dựng một nửa trong lòng hang núi, một nửa lộ thiên. Trước đền là dòng sông Cầu uốn khúc, lờ lững trôi về xuôi, tạo nên phong cảnh "sơn thủy hữu tình". Đền thờ những người có công với nước với dân và là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân trong vùng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Di tích lịch sử Pò Két

Thuộc xã Văn Học, huyện Na Rì, là vùng cơ sở cách mạng, nơi đồng chí Phùng Chí Kiên và các đồng chí lãnh đạo cách mạng của Đảng ta thường dừng chân trên đường liên lạc từ La Hiên sang Văn Học đến Ngân Sơn, vào những năm 1931-1941.

Di tích hầm bí mật Dốc Tiên - hội trường chữ U

Thuộc phường Phùng Chí Kiên, thị xã Bắc Kạn, là nơi đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư của Đảng trên đường đi công tác đến thị xã Bắc Kạn, nhờ chiếc hầm bí mật này mà đã thoát chết năm 1947 khi quân đội Pháp nhảy dù xuống Bắc Kạn để hòng tiêu diệt cơ quan đầu não lãnh đạo cuộc kháng chiến của dân tộc.

Ngôi nhà hội trường chữ U là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện với các đại biểu của tỉnh Bắc Kạn về nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam tiến tới thống nhất nước nhà.

ATK (An Toàn Khu)

ATK thuộc thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, nơi các cơ quan Trung ương làm việc trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

LỄ HỘI

Bắc Kạn là một tỉnh có nhiều di tích lịch sử và cách mạng đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận. Bắc Kạn lại là tỉnh có nhiều dân tộc cư trú. Vì vậy, nền văn hóa cũng mang nhiều sắc thái, nhiều lễ hội truyền thống phong phú, đa dạng. Các lễ hội của người dân Bắc Kạn phần lớn được tổ chức vào sau Tết Nguyên Đán với nhiều trò chơi mang đậm bản sắc dân tộc.

Lễ hội Xuân Ba Bể

Lễ hội được tổ chức hằng năm vào mồng 10 tháng Giêng âm lịch, ngay bên bờ hồ Ba Bể xinh đẹp, thuộc xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ hội là nơi diễn ra nhiều trò chơi mang bản sắc dân tộc độc đáo như: đua thuyền độc mộc, tung còn, chọi bò, múa khèn, đấu võ dân tộc...

Lễ hội Phủ Thông

Lễ hội được tổ chức vào mồng 10 tháng Giêng âm lịch hằng năm, tại thị trấn Phủ Thông, là nơi diễn ra những trò chơi dân gian như tung còn, kéo co, hát sli lượn.

Lễ hội Lùng Tùng (lễ hội xuống đồng)

Được tổ chức ở hầu hết các địa phương trong tỉnh vào sau Tết Nguyên Đán. Tiêu biểu là lễ hội Lùng Tùng ở Bằng Khẩu, thuộc huyện Ngân Sơn, vào ngày 15 tháng Giêng âm lịch. Hội Lùng Tùng là dịp bà con các dân tộc tập trung vui chơi, với nhiều trò chơi truyền thống như: múa khèn, thổi sáo, tung còn, trai gái hát giao duyên... Sau đó nhân dân làm lễ cầu khấn thần linh phù hộ mùa màng bội thu, cho một năm mới tốt lành.

Hội chùa Thanh Long

Lễ hội được tổ chức trong 2 ngày 6 và 7 tháng Giêng âm lịch hằng năm, tại chùa Thanh Long, xã Cao Kỳ, huyện Bạch Thông.

Lễ hội là dịp nhân dân dâng hương tưởng nhớ tổ tiên ông bà. Sau lễ còn có hội với những trò chơi, các hoạt động thể thao văn hóa như kéo co, hát sli lượn, múa dân tộc... và leo núi thưởng ngoạn núi non hùng vĩ, hang động kỳ khu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

BẮC NINH

Bắc Ninh là tỉnh ở vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Giang, phía Đông và Đông Nam giáp tỉnh Hải Dương, phía Tây giáp Hà Nội, phía Nam giáp tỉnh Hưng Yên.

Bắc Ninh có diện tích tự nhiên gần 800km2, dân số gần 950 nghìn người, nơi có nhiều dân tộc anh em sinh sống như: Kinh, Tày, Hoa...

Về đơn vị hành chính, Bắc Ninh có thị xã Bắc Ninh và 5 huyện: Quế Võ, Gia Lương, Tiên Sơn, Thuận Thành, Yên Phong.

Địa hình Bắc Ninh chủ yếu là đồng bằng, một phần nhỏ thuộc vùng trung du với những đồi núi đã đi vào thơ ca, nhạc như núi Thiên Thai...

Nhiệt độ trung bình hằng năm khoảng 23,4^{0}C, rất thích hợp cho du lịch.

Bắc Ninh có hệ thống giao thông thuận lợi. Về đường bộ có đường quốc lộ 1A chạy qua, đi lên biên giới Việt Trung, có đường sắt Bắc Nam đi Lạng Sơn, có sông Cầu, một thời vang vọng chiến công cha ông thuở trước, rất thuận lợi cho giao thông đường thủy.

Bắc Ninh, vùng đất Kinh Bắc, nổi tiếng với các làn điệu dân ca quan họ và những làng nghề truyền thống nổi danh như làng tranh Đông Hồ...

THẮNG CẢNH

Sông Cầu

Con sông êm đềm chảy qua tỉnh Bắc Ninh. Hai bờ sông là những làng quê trù phú ngoài nông nghiệp còn có những nghề thủ công truyền thống như làng gốm Phù Lãng, làng tranh Đông Hồ...

Sông Cầu không chỉ đẹp và nên thơ vào những ngày hội liền chị, liền anh hát thâu đêm suốt sáng trên những bến nước sân

https://www.facebook.com/taybanganh/

đình, nó còn là một kỷ niệm chiến công, một mốc son chói lọi trong trang sử vẻ vang của dân tộc. Đó là vào tháng 10 năm 1076, Lý Thường Kiệt cho xây dựng phòng tuyến sông Cầu (còn gọi là sông Như Nguyệt). Sông Cầu được lợi dụng như một chiến hào thiên nhiên rất lợi hại. Đồng thời, dọc theo bờ sông Lý Thường Kiệt còn cho đắp một chiến lũy bằng đất cao mấy thước, sừng sững như một bức tường thành. Mặt ngoài chiến lũy, sát bờ sông, quân ta đóng tre làm dậu dày đặc. Sông Cầu, thành cao, dậu dày, tạo thành một tuyến phòng ngự rất kiên cố.

Mùa xuân 1077, dưới sự chỉ huy của Lý Thường Kiệt, quân ta đã đập tan cuộc xâm lăng của nhà Tống trên phòng tuyến sông Cầu đầy huyền tích này.

Núi Dinh

Còn gọi là núi Thanh hay núi Pháo Đài, nằm trên đất của hai phường Thị Cầu và Đáp Cầu. Núi Dinh không to lớn, nhưng hình dáng rất đẹp. Từ đỉnh núi Dinh du khách có thể ngắm dòng sông Cầu trong xanh nhè nhẹ trôi.

Nhưng có lẽ điều hấp dẫn nhất đối với du khách là: núi Dinh còn là một di tích lịch sử. Trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, núi Dinh luôn là phòng tuyến quan trọng của quân dân ta chống lại kẻ thù, là nơi diễn ra những cuộc chiến đấu ác liệt giữa ta và địch.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Tống vào thế kỷ XI, Lý Thường Kiệt đã cho đóng đại binh trên núi Dinh, từ đây quân ta đã tấn công đánh bại quân Quách Quỳ.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông vào thế kỷ XIII, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn cho xây hệ thống phòng thủ Xương Giang và Thị Cầu.

Thời Tây Sơn, núi Dinh cũng là nơi đóng quân của Quang Trung Nguyễn Huệ. Tại đây đã diễn ra cuộc giao tranh ác liệt

https://www.facebook.com/taybanganh/

giữa quân ta do tướng Phạm Văn Lân chỉ huy và quân nhà Thanh xâm lược.

Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, trên núi Dinh là trận địa pháo cao xạ, đã bắn rơi nhiều máy bay Mỹ.

DI TÍCH

Đền Đô

Còn gọi là Cổ Pháp điện hay đền Lý Bát Đế (đền thờ 8 vị vua nhà Lý).

Đền Đô là trung tâm thờ 8 vị vua Lý với các nghi lễ rất trọng thể hằng năm. Đền Đô nằm ở phía Đông Nam làng Đình Bảng. Đền và Lăng Lý Nam Đế được các triều đại phong kiến Việt Nam coi trọng là "khu sơn lăng cấm địa". Đền Đô được xây dưới thời nhà Lê, được trùng tu nhiều lần, nhất là vào thời Lê Trung Hưng thế kỷ XVII, với kiểu kiến trúc "nội công, ngoại quốc", chung quanh có tường thành vây bọc.

Đền được chia làm 2 khu vực: nội thành và ngoại thành. Nội thành gồm nội thất và ngoại thất. Nội thất có nhà hậu cung, đặt ngai thờ và bài vị 8 vị vua Lý. Bao quanh nội thất có tường gạch cao 3m, rộng 1m. Ngoại thất gồm: nhà vuông kiến trúc theo kiểu chồng diêm, 8 mái, gồm nhà chủ tế, nhà kho, nhà khách, đền vua Bà (Lý Chiêu Hoàng). Giữa khu ngoại thất là 5 cửa rồng có đường lát đá xanh, đi thẳng lên nhà vuông.

Khu vực ngoại thành, sát với tường thành ở 2 đầu hồi nhà khách, mỗi bên 4 gian nhà Kiệu. Từ 5 cửa rồng đi tới sát bờ hồ là nhà biểu diễn rối nước, kiến trúc theo kiểu chồng diêm, 8 mái, 8 đao cong. Bên hồ bán nguyệt là nhà bia. Hai bên giữa nội thành và ngoại thành là nhà văn chỉ bên trái, nhà võ bên phải.

Đền Đô còn lưu giữ nhiều cổ vật quý, trong đó có tấm văn bia "Cổ Pháp điện đạo bi" của Trạng nguyên Phùng Khắc Khoan, khắc năm 1602, nhân dịp trùng tu đền.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đền Bà Chúa Kho

Đền ở làng Cổ Mễ, thị xã Bắc Ninh, thờ Bà Chúa Kho - một người phụ nữ đã khéo tổ chức sản xuất, tích trữ lương thực, trông coi kho tàng quốc gia trong và sau chiến thắng quân Tống ở sông Như Nguyệt (sông Cầu ngày nay) vào năm 1077.

Tương truyền Bà Chúa Kho vốn là người chịu khó, sau khi lấy vua Lý, thấy ruộng đất vùng Vũ Minh, Cổ Mễ bị hoang hóa do chiến tranh, bà xin vua cho về đó chiêu dân lập ấp, khai khẩn ruộng hoang. Nhân đó nhà vua giao cho Bà trông coi kho quân lương và cai quản tù binh để khai khẩn ruộng hoang.

Với tài tổ chức của Bà, 72 trang ấp trong vùng làm ăn phát đạt, cuộc sống no đủ, thịnh vượng.

Không ai biết tên Bà, nhưng khi Bà qua đời, nhân dân lập đền thờ để ghi nhớ công đức. Công lao to lớn của bà được các triều đại phong kiến ghi nhận qua việc sắc phong đền thờ Bà là "Chủ khố linh từ" (Đền thiêng thờ Bà Chúa Kho).

Đền Bà Chúa Kho còn lại đến ngày nay là kiến trúc thời Nguyễn, xây đơn giản theo kiểu tam ban, cao dần trên sườn núi Kho, ban hạ kiến trúc kiểu tiền kê, hậu bẩy, ban trung theo kiểu chồng rường, hạ kê trong, còn ban thượng theo kiểu chồng rường giá chiêng.

Chùa Bút Tháp

Chùa có tên chữ là Ninh Phúc tự. Chùa có ngọn tháp hình cây bút, nên gọi là chùa Bút Tháp, tọa lạc ở thôn Bút Tháp, xã Đình Tổ, Thuận Thành (xưa là xã Nhạn Tháp, huyện Siêu Loại).

Chùa được xây từ thời vua Trần Thánh Tông (1258-1278), khi Hòa thượng Huyền Quang đến tu. Ông là một nhà sư giỏi, đỗ tiến sĩ năm 1297 và là một trong 3 vị Tổ của thiền phái Trúc Lâm. Ông cho xây ngọn tháp 9 tầng, trang trí hoa sen. Năm 1644, công chúa Diệu Tuệ và Hoàng hậu Diệu Viên đến tu ở chùa này, nhà sư Minh Hành (người Trung Quốc) làm Hòa thượng. Đến 1647, Chúa Trịnh Tráng cho trùng tu lại chùa theo kiểu

https://www.facebook.com/taybanganh/

chùa Trung Quốc (dưới sự hướng dẫn của Hòa thượng Minh Hành). Kiến trúc chùa có dạng "nội công ngoại quốc". Chùa có tam quan, gác chuông, tiền đường, thiêu hương, cầu đá, thượng điện, tích thiên am (tòa cửu phẩm), nhà chung, phủ thờ, hậu đường. Đặc biệt có tháp Báo Nghiêm là tháp đá cao 13m, trong đó có tượng thờ Thiền sư Chuyết Chuyết (vị tổ thứ nhất). Chùa xây năm Phúc Thái thứ 5 (1647). Tháp Tôn Đức cao 10m dựng năm 1660, trong tháp có tượng thờ thiền sư Minh Hành. Nghệ thuật trang trí theo phong cách thời Lý - Trần. Các bức trang trí chạm nổi trên đá ở cầu đá, ở lan can thượng điện chủ đề là tứ linh, hoa lá và có 2 hình người trang trí ở tháp cửu phẩm liên hoa (9 tầng). Có pho tượng Phật Quán Âm 1000 mắt, 1000 tay (thiên thủ thiên nhãn) đặt trên tòa sen do rồng đội.

Chùa Dâu

Còn gọi là Diên Ứng tự, hay chùa Pháp Vân. Vào đời Lý, chùa còn có tên là Thiên Định, ở làng Dâu (Khương Tự), xã Hạnh Phúc, huyện Thuận Thành.

Chùa cổ, xây từ thời Sĩ Nhiếp làm thái thú ở nước ta, vào thế kỷ II là trung tâm Phật giáo Luy Lâu. Khoảng năm 1313 (đời Trần Anh Tông), Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đứng ra vận động xây chùa thành 100 gian, dựng tháp 9 tầng và cầu 9 nhịp. Chùa thờ tượng Pháp Vân. Theo "Cổ Châu Vân Phật thưởng nhân sự tích, Man Nương truyện", vào thời Sĩ vương (tức Sĩ Nhiếp) ở làng Mãn Xá có cô gái là Man Nương, nhà nghèo, mộ phật đến tu ở chùa Linh Quang (hay chùa Phúc Nghiêm), Man Nương có thai, sinh hạ một người con gái (hay một cái bọc). Man Nương bèn đem bỏ vào một hốc cây đa ở trong rừng. Ít lâu sau, bão nổi, cây đa đổ trôi về thành Luy Lâu (làng Cổ Châu). Sĩ Vương cho người kéo lên không được. Man Nương nhận ra cây đa mình đã bỏ con, lấy dây buộc kéo lên được. Lúc xẻ cây đa, thấy có danh hiệu Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện, bèn cho tạc 4 pho tượng để thờ:

https://www.facebook.com/taybanganh/

_ Tượng Pháp Vân ở chùa Thiền Định (chùa Dâu).

_ Tượng Pháp Vũ ở chùa Thành Đạo (chùa Đậu).

_ Tượng Pháp Lôi ở chùa Phi Tướng.

_ Tượng Pháp Điện ở chùa Trí Quả.

Chùa Dâu là một trung tâm truyền đạo Phật ở nước ta ngày xưa.

Chùa có gác chuông xây gạch cao 3 tầng, dựng từ thế kỷ VI, với ý nghĩa như một thạch trụ ngăn luồng gió nghiệp chướng. Vì vậy tháp có tên Hòa Phong. Ở thành bậc của tháp có chạm khắc hình sấu đá. Thành bậc chùa có rồng đá. Bệ đá trong Thượng điện chạm hình hoa sen.

Chùa Phật Tích

Tên chữ là Vạn Phúc tự, tọa lạc ở lưng chừng núi Lạn Kha, làng Phật Tích, xã Phượng Hoàng, Tiên Sơn.

Chùa xây vào thời Lý Thánh Tông (1054-1079), năm Long Thụy Thái Bình thứ 4 (1057). Chùa là một kiến trúc nổi tiếng của dân tộc ta ở thế kỷ XI, đến thế kỷ XIII, chùa bị đổ nát. Trên nền cũ dân dựng lại chùa mới, gọi là Vạn Phúc tự.

Vào những năm 1947-1948, thực dân Pháp đã phá nát toàn bộ chùa Phật Tích. Nay trên nền chùa còn lại một dãy tượng 10 con vật trước tòa tiền đường, tượng A Di Đà ngồi trên tòa sen bằng đá cao 1m87 và khu tháp mộ.

Theo tài liệu để lại, ngay ở chân núi Lạn Kha là cổng ngoài, theo bậc thềm đá dẫn lên gác chuông, rồi tiếp theo các bậc thềm đá lên cao là Tiền đường chắn phía trước khu chùa đồ sộ. Trước bậc thềm đá, dựng một dãy tượng 10 con vật bằng đá có kích thước lớn, trong tư thế phủ phục, cao 1m20, đặt trên bệ đá chạm hoa sen.

Chùa có các tòa và cung điện thờ. Đằng sau chùa là khu mộ tháp của các vị sư tổ. Ngay trên đỉnh núi là một ngọn tháp, xây vào năm 1057, là tháp cao nhất thời Lý.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Phật Tích có quy mô kiến trúc lớn, gồm: gác chuông, tiền đường, thiêu hương, hậu đường, nhà thờ Đức Chúa (thờ tượng vợ Chúa Trịnh Tráng), nhà Tổ đệ nhất.

Đình làng Đình Bảng

Thuộc làng Đình Bảng, huyện Từ Sơn, được xây vào tháng 2 năm Bính Thìn (1736), niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 2, triều vua Lê Ý Tông.

Đình thờ 3 vị nhiên thần là: Cao Sơn Đại Vương (Thần Núi), Thủy Bá Đại Vương (Thần Nước), Bạch Lệ Đại Vương (Thần Đất). Cả ba vị thần đều có sắc phong. Đình còn là nơi thờ Lục tổ (sáu vị có công lập nên làng vào thế kỷ XV). Sau khi đền thờ Lý Bát Đế bị quân Pháp triệt phá, dân làng đã rước bài vị 8 vị vua nhà Lý về thờ trong đình.

Đình xây bằng gỗ lim, kiểu chữ "công" (工). Bái đường gồm 7 gian chính thông vào đến hậu cung. Kiến trúc đình theo kiểu chồng rường, mười hàng với 60 cột đại, gác câu đầu, có xà ngang, dọc và xà nách chia thành 10 vì kèo để đỡ bộ hoành mái. Bốn phía đình bưng cửa. Nền giữa gian thờ lát chéo gạch lá men. Các gian khác diềm lát ván sàn. Mái đình rộng lợp ngói mũi hài.

Kiến trúc theo nghệ thuật thời Hậu Lê. Chủ đề hội họa và điêu khắc: "rồng, mây đại hội", "sáu con rồng bay lên trời". Ngoài ra còn có những mảng chạm trổ tứ linh, tứ quý, phượng vũ...

Hội đình Đình Bảng vào ngày 12 tháng 2 âm lịch hằng năm.

Đình Cổ Mễ

Đình làng Cổ Mễ, xã Vũ Ninh, là một ngôi đình lớn được dựng vào năm 1681, đời vua Lê Hy Tông, thờ Trương Hống và Trương Hát, những người có công giúp Triệu Quang Phục (549-570) chống giặc Lương.

Kiến trúc đình Cổ Mễ theo kiểu chữ "nhất" (一) với 5 gian, các cột đều sơn son thếp vàng, nay đã phai màu. Các mảng chạm

https://www.facebook.com/taybanganh/

khắc rất đẹp, theo các đề tài: Long vân đại hội, Ngũ hổ tranh châu... Nghệ thuật điêu luyện. Trong đình còn có 10 tấm bia hậu, trong đó có tấm bia khắc năm Chính Hòa thứ 2 (1681).

Đình Đông Hồ

Còn gọi là đình Tranh, vì gắn bó với nghề làm tranh của làng Đông Hồ (còn gọi là làng Mái) thuộc xã Đông Hồ. Đình là nơi thờ Thành hoàng làng là Trấn Bắc. Xưa kia đình là nơi họp chợ tranh của làng. Đình xưa có 7 gian bái đường, 2 gian hậu cung, 2 dãy thảo xá ở tả, hữu, mỗi dãy 5 gian. Năm 1950, hai dãy thảo xá bị Pháp đốt cháy. Khoảng năm 1970, hai gian hồi bái đường cũng bị dỡ bỏ. Đình hiện còn 5 gian bái đường. Kiến trúc đình theo kiểu chữ "đinh" (丁), mái lợp ngói mũi hài nhỏ. Đình còn lưu giữ nhiều di vật quý. Hai tấm bia khắc năm Cảnh Trị thứ 6 (1668) và Tự Đức năm thứ 29 (1876), ghi lại các vị có công xây dựng đình làng.

Xưa kia, chợ tranh họp ở đình từ mồng 6 tháng chạp đến Tết Nguyên Đán. Đình còn là nơi mở hội thi hàng mã. Hội mở từ chiều 14 đến sáng 18 tháng 3 âm lịch. Trong ngày hội các loại hàng mã, tranh tiêu biểu được trưng bày trên bàn thờ tại đình.

LỄ HỘI

Kinh Bắc là nơi đạo Phật thâm nhập sớm nhất từ những thế kỷ đầu Công nguyên. Đến triều Lý, đạo Phật đạt đến độ cực thịnh. Tại đây nhiều chùa tháp được dựng lên.

Vùng Kinh Bắc, một trong những cái nôi của nền văn minh người Việt. Chính nơi đây đã sản sinh ra những làn điệu dân ca quan họ đặc sắc, một loại dân ca trữ tình tiêu biểu, đậm đà bản sắc dân tộc.

Cũng vì những yếu tố trên Bắc Ninh là một trong những địa phương có nhiều lễ hội truyền thống và mỗi độ xuân về người Kinh Bắc rủ nhau trẩy hội.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hội Lim

Lễ hội Lim gắn liền với một truyền thống văn hóa của đất Kinh Bắc là hát quan họ giao duyên. Trong hội các "liền anh, liền chị" hát đối đáp từng cặp, hát trên đồi, hát dưới thuyền, hát ở sân chùa... với đủ các làn điệu quan họ. Hội Lim sau phần lễ rước đến phần tế lễ, cuối cùng là phần hội với các trò chơi như đánh đu, vật...

Hội Lim diễn ra từ 11 đến 13 tháng Giêng âm lịch.

Hội đền Đô

Lễ hội được tổ chức tại đền Đô (nơi thờ 8 vị vua Lý). Mở đầu hội có lễ trình Thánh, có thi đấu cờ người, đấu vật và các trò vui khác. Đặc biệt có rước kiệu long trọng vào ngày chính hội 16 tháng 3 rất đông người tham dự.

Hằng năm lễ hội được tổ chức từ ngày 15 tháng 3 âm lịch và kéo dài 4 ngày. Hội mở đúng vào ngày vua Lý Thái Tổ lên ngôi hoàng đế (còn gọi là lễ đăng quang).

Lễ hội chùa Dâu

Chùa Dâu thờ Phật Man Nương. Đây là lễ hội tiêu biểu cho sự hội nhập tín ngưỡng của nền văn minh lúa nước vào đạo Phật. Trong hội, sau lễ rước tượng Bà Dâu đi qua các chùa trong hệ thống chùa Tứ Pháp gồm: chùa Đậu, chùa Dâu, chùa Phi Tướng và chùa Trí Quả, là phần hội có thi làm bánh giầy, đặc sản của làng Dâu.

Lễ hội mở vào ngày sinh của Man Nương, tức ngày 17 tháng Giêng âm lịch hằng năm tại làng Dâu.

Hội chùa Phật Tích

Hội chùa Phật Tích nhằm tưởng nhớ công ơn của vua Lý Thánh Tông. Lễ hội hằng năm mở ra từ ngày 4 đến 5 tháng Giêng âm lịch để khách hành hương đến lễ Phật, thỉnh kinh, cầu phúc, cầu yên, đồng thời cũng là chiêm ngưỡng cảnh đẹp của chùa.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hội đình Đình Bảng

Hằng năm lễ hội Đình Bảng diễn ra từ ngày 12 đến ngày 16 tháng 3 âm lịch, để tưởng nhớ 3 nhiên thần là Cao Sơn Đại Vương (Thần Núi), Thủy Bá Đại Vương (Thần Nước), Bạch Lệ Đại Vương (Thần Đất) và 6 vị nhân thần là 6 vị tổ của 6 dòng họ có công dựng lại làng sau cuộc tàn phá của quân Minh vào thế kỷ XV.

Sau lễ là phần hội, tổ chức các trò chơi đấu vật, chọi gà...

Hội Đông Hồ

Lễ hội làng Đông Hồ diễn ra từ mồng 4 đến 7 tháng Giêng tại đình làng Đông Hồ, xã Lạc Thổ, Thuận Thành. Lễ hội Đông Hồ mang đặc tính hội làng nghề. Trong những ngày hội bán tranh dân gian và các loại hàng mã thờ cúng.

Hội chùa Tổ (Đại Bi tự)

Lễ hội hằng năm diễn ra từ ngày 18 đến 23 tháng Giêng âm lịch tại làng Vạn Ty, xã Thái Bảo, huyện Gia Lương để tưởng nhớ người con của quê hương là thiền sư Huyền Quang (Lý Đạo Tái), một trong 3 vị tổ đầu tiên của Thiền phái Trúc Lâm đời Trần.

Phần lễ: có đọc kinh, rước oản, dâng hương.

Phần hội: thi vật, thi dệt vải, đua thuyền.

https://www.facebook.com/taybanganh/

BẾN TRE

Bến Tre là tỉnh đồng bằng nằm cuối nguồn sông Cửu Long, có hình dáng rẽ quạt, đầu nhọn nằm về phía thượng lưu, các nhánh sông lớn chảy qua Bến Tre tựa như những nan quạt, xòe rộng về phía Đông. Bến Tre được hợp thành bởi ba cù lao lớn: Cù Lao Bảo, Cù Lao Minh và Cù Lao An Hóa, được bồi đắp bởi phù sa của 4 nhánh sông Cửu Long là Tiền Giang, Ba Lai, Hàm Luông và Cổ Chiên. Phía Bắc giáp Tiền Giang, Tây giáp Vĩnh Long, Nam giáp Trà Vinh, Đông giáp biển, có bờ biển dài khoảng 65km.

Bến Tre có diện tích tự nhiên khoảng 2.300km2, dân số trên 1.300.000 người, gồm thị xã Bến Tre và 7 huyện: Giồng Trôm, Mỏ Cày, Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú, Châu Thành, Chợ Lách.

Bến Tre có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình cả năm là 26-270C. Lượng mưa trung bình hằng năm là 1.250-1.500mm.

Địa hình khá bằng phẳng, rải rác có những cồn cát xen kẽ với ruộng vườn. Không có rừng cây lớn, 4 bề sông nước bao bọc, giao thông thủy rất thuận tiện.

Bến Tre là vựa lúa đồng bằng sông Cửu Long, với nhiều sản vật, hoa quả. Bến Tre giàu thủy, hải sản.

THẮNG CẢNH

Cồn Phụng

Thuộc xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, cách thị xã Bến Tre 12km theo đường bộ và 25km theo đường thủy, nằm trên cù lao nổi giữa sông Tiền có diện tích rộng 52ha. Cồn Phụng được hình thành do phù sa bồi đắp, tạo nên những vườn cây trái trĩu cành, khí hậu mát mẻ, môi trường sinh thái trong lành.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Du khách đến đây được tham quan các kiến trúc độc đáo của nơi từng là thánh địa đạo Dừa, với một số di tích còn lại như tháp, sân rồng... Cồn Phụng còn là nơi có làng nghề sản xuất đồ gia dụng bằng vật liệu từ cây dừa.

Sân chim Vàm Hồ

Thuộc xã Bình Châu, huyện Ba Tri, nằm ven sông Ba Lai, sân chim Vàm Hồ có lượng chim tập trung đông nhất khoảng gần 500.000 con cò, vạc cùng các loại chim khác như cong cọc, le le, cò ngà, cò ruồi, diệc...

Sân chim Vàm Hồ rộng hơn 40ha, trong đó có 15ha rừng chà là nguyên sinh. Trên đường vào sân chim, dọc hai bên bờ sông Ba Lai là một thảm thực vật phong phú gồm ổi, so đũa, đậu ván, mãng cầu Xiêm, dừa nước... Trong sân chim chủ yếu gồm: đước đôi, chà là, bụp tra, ô rô, rau muống biển... Sân chim có 2 loài cây chính là chà là và đước, nhưng chim chỉ thích làm tổ trên cây chà là.

Đến sân chim vào mỗi buổi chiều, du khách có dịp được thưởng thức những âm thanh thú vị, đó là lúc các loài chim cò, cong cọc, le le... rủ nhau về tổ.

Sân chim Vàm Hồ ngoài chim ra còn có các loài thú hoang dại: chồn, rắn, trăn, dơi...

Rừng ngập mặn Khâu Băng

Bến Tre đang đầu tư phát triển khu bảo tồn thiên nhiên rừng ngập mặn Khâu Băng huyện Thạnh Phú. Rừng ngập mặn Khâu Băng có giá trị về sinh thái và bảo vệ bờ biển, làm sạch môi trường, gia tăng nguồn lợi thủy sản.

Vườn cây Cái Mơn

Nằm bên bờ sông Tiền thuộc xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, đây là cái nôi cây trái vùng Nam Bộ. Đến đây mùa nào cũng có các loại cây trái. Làng nghề Cái Mơn hằng năm cung cấp

https://www.facebook.com/taybanganh/

cho thị trường hàng triệu cây giống các loại như sầu riêng, măng cụt, xoài cát, nhãn tiêu, mít tố nữ... Cái Mơn còn là quê hương của nghề cây cảnh *Bonsai*.

Cồn Quy

Rộng 65ha, nằm trên sông Tiền, thuộc xã Tân Thanh và Quới Sơn, huyện Châu Thành, Cồn Quy nổi tiếng với những vườn cây ăn trái như sapô, nhãn, bưởi... Một buổi đi du thuyền trên sông Tiền, ghé vào Cồn Quy, du khách sẽ có dịp thưởng thức vị ngọt ngào của trái cây Cồn Quy nổi tiếng.

Cồn Ốc

Còn gọi là cồn Hưng Phong, nằm trên sông Hàm Luông, thuộc xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm, cách thị xã Bến Tre khoảng 10km về hướng Đông. Cồn dài 8,3km rộng 1 km, có nhiều vườn dừa, trồng xen cây ăn trái.

Cồn Tiên

Nằm trên sông Tiền, ngang với làng Cái Mơn, diện tích 7ha, thuộc xã Tiên Long, huyện Châu Thành, cách thị xã Bến Tre 23km theo đường bộ hoặc 15km theo đường sông. Cồn Tiên là một bãi cát đẹp, hằng năm vào dịp Tết mồng 5 tháng 5 có hàng vạn người đến tắm.

DI TÍCH

Chùa Hội Tôn

Chùa được Hồ Thượng Long Thiên dựng vào thế kỷ XVIII, tại ấp 8, xã Quới Sơn, huyện Châu Thành. Tại chính điện thờ tượng Thập Điện Minh Vương bằng đồng cao 0,70m được đúc tại Huế thế kỷ XIX.

Chùa được nhiều lần trùng tu sửa chữa vào các năm 1805, 1884, 1947 và 1992. Năm 1805, tôn tạo tượng Phật, pháp khí và đúc đại hồng chung.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đình Phú Lễ

Ở ấp Phú Khương, xã Phú lễ, Ba Tri, thờ Thành hoàng Bổn cảnh. Đình được xây vào năm Minh Mạng thứ 7 (1826). Đình tọa lạc trong một khuôn viên khá rộng với hằng trăm cây cổ thụ tỏa bóng. Thềm và móng đình được xây bằng đá xanh, trên xây gạch, gồm 10 gian. Sáu gian chính mái nối liền nhau. Bốn gian phụ bố trí theo lối chữ "*đinh*" (丁). Đình chính gồm võ ca, viên đường, thính đường, chính đường và hậu đường. Bên trong có những mảng điêu khắc khá tinh xảo, nghệ thuật cao, tất cả đều được sơn son thếp vàng.

Chùa Tuyên Linh

Ở ấp Tân Thới Đông B, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày, được dựng vào năm 1861 có tên là chùa Tiên Linh. Năm 1907, Hoà thượng Khánh Hoà về trụ trì đã cho tu sửa lớn và đổi tên thành chùa Tuyên Linh. Sau đó chùa còn được tu sửa và mở rộng 2 lần nữa vào các năm 1941 và 1983.

Từ năm 1920, chùa Tuyên Linh, trở thành nơi đào tạo tăng ni. Chùa có pho tượng hộ pháp bằng đồng cao 0,70m, ngoài vườn có tháp tổ.

Chùa Viên Minh

Ở 156 đường Nguyễn Đình Chiểu thị xã Bến Tre. Chùa đã có từ lâu, nhưng kiến trúc hiện nay được dựng từ năm 1951 đến 1959. Chùa hiện là nơi đặt văn phòng Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Bến Tre. Trước khuôn viên chùa có tượng Bồ Tát Quan Thế Âm.

Đình Bình Hoà

Thuộc xã Bình Hoà, huyện Giồng Trôm, là ngôi đình cổ nhất ở Cù Lao Bảo, có từ thế kỷ XIX, đến nay trên 200 năm. Đình làm bằng các loại gỗ tứ thiết, kết cấu bằng mộng chốt. Trang trí nội ngoại thất là sự kết hợp hài hoà các yếu tố nghệ thuật cung đình

https://www.facebook.com/taybanganh/

với nghệ thuật tôn giáo và được dân gian hóa ở những mức độ thích hợp. Lễ hội đình Bình Hoà hằng năm diễn ra 2 lần vào rằm tháng Giêng và rằm tháng chạp.

Lăng mộ Nguyễn Đình Chiểu

Thuộc xã An Đức, huyện Ba Tri. Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ yêu nước chống Pháp nổi tiếng ở miền Nam và cả nước. Ông sinh tại Gia Định (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Năm 1861, Cần Giuộc bị thất thủ, ông về Ba Tri ở ẩn và mất tại đây. Nhân dân lập khu mộ và đền thờ ông.

Mộ Võ Trường Toản

Xã Bảo Thạch, huyện Ba Tri. Võ Trường Toản là nhà Nho, kiến thức uyên bác, chí khí thanh cao, nổi tiếng trong cả nước. Ông có công đào tạo nhiều danh sĩ cho các tỉnh Nam Bộ. Võ Trường Toản sinh ở Gia Định, mất ngày 27-7-1727. Trong thời gian chiến tranh giữa Tây Sơn - Nguyễn Ánh, ông không tham gia chính sự, về quê ở ẩn, mở trường dạy học.

Đền thờ Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng

Ông người xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, giữ chức Lãnh binh dưới thời Thiệu Trị (năm 1848). Năm 1859, quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định, ông đã lãnh đạo nghĩa quân chống Pháp. Ngày 27-6-1866, ông hy sinh trong trận giao chiến với quân Pháp ở Gò Công, thi hài được đưa về quê an táng. Sau khi ông mất, Tự Đức phong sắc áo mũ và một thanh gươm. Ngày giỗ ông hằng năm vào ngày rằm tháng 5 âm lịch. Đền thờ Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng được công nhận di tích lịch sử cấp quốc gia.

Di tích Đồng Khởi

Tại xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày, là cái nôi của phong trào Đồng Khởi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (17-1-1960). Khu di tích Đồng Khởi tọa lạc trên một khu vực rộng hơn 5.000m^2, ngôi nhà 2 tầng, trên nóc là khối bê tông cốt thép cao

https://www.facebook.com/taybanganh/

12m màu đỏ, nhọn, tượng trưng cho ngọn lửa Đồng Khởi. Trong nhà trưng bày nhiều hiện vật và hình ảnh, tài liệu minh chứng cho hào khí của phong trào Đồng Khởi. Khu di tích Đồng Khởi được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận di tích lịch sử cách mạng cấp quốc gia ngày 7-1-1993. Hằng năm, ngày 17 tháng 1 đã trở thành ngày hội truyền thống cách mạng của tỉnh Bến Tre.

LỄ HỘI

Lễ hội nghinh Ông

Là một trong những lễ hội có quy mô lớn nhất của ngư dân Bến Tre, tổ chức vào ngày 16 tháng 6 âm lịch hằng năm tại các đền miếu và các làng ven biển. Trong lễ hội, các tàu thuyền được trang hoàng lộng lẫy đủ các màu sắc, tập trung neo đậu tại các cảng lớn để làm lễ, vui chơi giải trí với những trò chơi dân gian như múa lân...

Hội đình Phú Lễ

Là lễ hội được tổ chức ở đình làng để tưởng nhớ Thành hoàng làng, người có công khai hoang lập ấp. Hội đình Phú Lễ mỗi năm được tổ chức 2 lần: Lễ kỳ yên, ngày 18 đến 19 tháng 3 âm lịch, cầu cho mưa thuận gió hoà, và lễ cầu bông vào ngày 9 đến 10 tháng 11 âm lịch, cầu cho mùa màng tươi tốt. Lễ hội có rước sắc thần, lễ tế Thành hoàng. Sau lễ có tổ chức hội. Trong đêm hội thường có hát bội, đàn ca tài tử.

Ngoài ra còn có ngày hội truyền thống Cách mạng Đồng Khởi tổ chức vào ngày 17 tháng 1 hằng năm tại xã Định Thủy, Mỏ Cày. Ngày lễ truyền thống văn hóa tưởng nhớ nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu tổ chức vào đúng ngày sinh (1 tháng 7) cụ Đồ Chiểu, tại đền thờ ở xã An Đức, Ba Tri.

https://www.facebook.com/taybanganh/

BÌNH DƯƠNG

Bình Dương là một tỉnh miền Đông Nam Bộ, diện tích tự nhiên khoảng 2.700km^2, dân số trên 716.000 người, gồm thị xã Thủ Dầu Một và các huyện: Bến Cát, Tân Uyên, Dầu Tiếng, Phú Giáo, Dĩ An, Thuận An, là nơi cư trú của 3 dân tộc anh em: Kinh, Hoa, Khơme. Phía Bắc giáp Bình Phước, Nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh, Đông giáp Đồng Nai, Tây giáp Tây Ninh.

Bình Dương là vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam. Bình Dương có các vùng đất đỏ *bazan* rất thích hợp cho trồng cao su, cà phê, và vùng đất xám, nơi có đồng cỏ chăn nuôi và trồng hoa màu. Tại vùng đồng bằng, phù sa bồi đắp với những ruộng lúa, vườn cây ăn trái như Lái Thiêu, bạt ngàn sầu riêng, măng cụt, chôm chôm...

Bình Dương có mỏ cao lanh, đất sét, những mỏ nguyên liệu này tạo cho ngành gốm sứ của Bình Dương phát triển mạnh. Bình Dương có nghề sơn mài, điêu khắc gỗ.

Thị xã Thủ Dầu Một nằm ở tả ngạn sông Sài Gòn. Bình Dương có hệ thống giao thông đường thủy thuận lợi nhờ 3 con sông lớn chảy qua: sông Đồng Nai, sông Sài Gòn và sông Bé. Bình Dương có khí hậu nhiệt đới nóng ẩm với 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình cả năm là 26,20C.

Nhờ chính sách thông thoáng, ưu đãi trong đầu tư, từ năm 1997, kinh tế đã có một cuộc bứt phá khá ngoạn mục, Bình Dương trở thành một trong những tỉnh có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cao nhất nước. Đặc biệt trong lĩnh vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài với các khu công nghiệp lớn: Sóng Thần 1, Sóng Thần 2, Bình Đường, Việt Hương, Đông An, Mỹ Phước, Tân Đông Hiệp và Việt Nam - Singapore. Hiện Bình Dương đang triển khai xây dựng khu công nghiệp dịch vụ đô thị với diện tích 4.000ha, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Việt Hương 2 và Nam Tân Uyên.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bình Dương có thuận lợi cơ bản là nằm kề Thành phố Hồ Chí Minh, một trung tâm thương mại lớn nhất nước, lại thuận lợi về giao thông vận tải, gần kề sân bay, bến cảng. Bình Dương là miền đất hứa, có môi trường thuận lợi cho các ý tưởng phát triển kinh tế.

THẮNG CẢNH

Núi Châu Thới

Núi Châu Thới sừng sững nổi lên giữa vùng đồng bằng trù phú như một ngọn tháp thiên tạo, cách Thành phố Hồ Chí Minh không đầy 20km. Sách xưa nói rằng núi Châu Thới như một tấm bình phong che chắn các luồng gió dữ, điều hoà khí hậu cho một vùng rộng lớn. Núi Châu Thới cao 85m, được coi là thắng cảnh của Bình Dương. Sự có mặt của ngọn núi làm cho vùng đất này trở nên đặc sắc, đáng yêu hơn. Qua 209 bậc, du khách sẽ bước lên đỉnh núi, cảm nhận được luồng không khí mát mẻ trời đất ban cho Bình Dương. Từ đỉnh núi, du khách sẽ được ngắm nhìn cả một vùng nước non hùng vĩ, nhấp nhô những làng mạc, thành phố xinh đẹp. Trên đỉnh núi có ngôi chùa cổ do Thiền sư Khánh Long dựng khoảng thế kỷ XVII. Núi Châu Thới cùng với suối Lồ Ô, hồ Bình An tạo thành một quần thể du lịch hấp dẫn của xã Bình An, huyện Dĩ An.

Hồ Bình An

Thời Mỹ-ngụy, hồ Bình An từng là nơi đá gà của giới thượng lưu. Ngày nay hồ Bình An được tôn tạo thành khu du lịch thích hợp cho các chuyến du lịch vãn cảnh của du khách. Khu du lịch hồ Bình An nằm sát xa lộ Hà Nội trên tuyến đường từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Bình Dương. Thiên nhiên nơi đây trầm lắng yên tĩnh, đâu đó ríu rít tiếng chim hót, tạo nên một không gian trong lành thơ mộng. Giữa một vùng sôi động của những khu công nghiệp ồn ã, ầm ỳ của máy móc, ngổn ngang xi măng cốt thép... thì khu du lịch Bình An như một điểm xanh nhấn làm

https://www.facebook.com/taybanganh/

dịu lòng người dưới bầu trời đầy nắng gió của phương Nam. Lối đi quanh hồ đầy bóng cây râm mát. Chung quanh đâu đâu cũng nhìn thấy hoa lá muôn sắc tốt tươi. Lên chiếc cầu bắc qua đảo nhỏ, bạn đã có thể nhìn thấy những mái nhà cong thấp thoáng dưới rừng cây xanh um tùm. Quanh hồ có nhiều chỗ thích hợp cho du khách câu cá thư giãn...

Khi hoàng hôn buông xuống, hồ Bình An rực rỡ với hàng trăm hàng ngàn bóng đèn màu, lung linh trong ánh nước, làm cho khu du lịch thêm nét huyền diệu giữa màn đêm.

Khu du lịch Thanh Cảnh

Theo quốc lộ 13 đến ngã tư Bình Phước hướng về thị xã Thủ Dầu Một khoảng 2km, ngay bên đường, du khách đã nhìn thấy cổng chào lớn đề "*Khu du lịch Thanh Cảnh*". Khu du lịch này nằm sát sông Sài Gòn, trên một khoảnh đất khá rộng, kiến trúc kết hợp hài hoà giữa khung cảnh tự nhiên với những công trình nhân tạo: nhà hàng, nhà nghỉ... đầy đủ tiện nghi. Trong khuôn viên khu du lịch đầy cây xanh bóng mát, một vài nhà sàn xinh xắn nhô ra mặt nước như những nhà thủy tạ. Trung tâm hồ là ngôi đền được phỏng theo dáng chùa Một Cột ở Hà Nội. Ở đây có một con rạch tự nhiên nuôi những chú cá sấu, suốt ngày đầm mình trong nước. Tại đây, du khách có thể đi du ngoạn với tàu cao tốc trên sông Sài Gòn.

Khu du lịch Phương Nam

Cách Thành phố Hồ Chí Minh 10km, thuộc xã Vĩnh Phú, huyện Thuận An. Tuy mới xây dựng nhưng khu du lịch Phương Nam có nhiều tiềm năng và triển vọng phát triển lớn. Ở đây có những cây cổ thụ hàng trăm tuổi với những rặng dừa xanh tỏa bóng. Đây đó những khóm trúc, bụi tre... cùng hình ảnh chú mục đồng ngồi trên lưng trâu thổi sáo, tạo nên nét đẹp của vùng quê yên ả rơi giữa chốn thị thành náo nhiệt. Một chiếc cầu bắc qua con rạch, trên là giàn bầu như mái che tự nhiên, tạo cho du khách một cảm giác nhẹ nhõm, sảng khoái như đang được sống ở

https://www.facebook.com/taybanganh/

một làng quê yên bình, mộc mạc mà thanh cao. Trong "khu vườn xưa" của khu du lịch Phương Nam, đêm đêm có tổ chức ca nhạc tài tử do Đài truyền hình Bình Dương phối hợp tổ chức, với giọng ca của các nghệ sĩ nổi tiếng.

Khu du lịch Phương Nam có đủ hồ bơi, sân quần vợt tiêu chuẩn quốc tế. Đặc biệt du khách có thể lênh đênh trên chiếc thuyền câu giữa làn gió nhẹ hiu hiu, đâu đó một chú cá đang đớp mồi, quẫy nước tung tóe.

Khu du lịch sinh thái núi Cậu - hồ Dầu Tiếng

Hồ Dầu Tiếng là một biển nước mênh mông do con người tạo ra từ công trình thủy lợi, có khả năng tưới tiêu cho hàng trăm ngàn hécta đất trồng trọt. Không những thế, hồ còn là cảnh quan du lịch nổi tiếng. Phần lớn diện tích hồ thuộc tỉnh Tây Ninh, nhưng Bình Dương cũng có một phần không nhỏ. Nước hồ quanh năm trong xanh soi bóng dãy núi Cậu sừng sững trải dọc ven hồ, tạo nên bức tranh sơn thủy hữu tình. Quanh hồ là một thảm thực vật, cỏ xanh mướt, xen lẫn những loài hoa dại. Đây đó giữa hồ nổi lên những đảo nhỏ: đảo Tha La, đảo Xin, đảo Trắng, đảo Đồng Bò... như những nét chấm phá, làm tăng thêm sự hấp dẫn.

Vườn cây Lái Thiêu

Cách Thành phố Hồ Chí Minh 20km, thuộc huyện Thuận An, từ lâu đã nổi danh vùng cây thơm trái ngọt và là vùng du lịch nghỉ ngơi hấp dẫn. Vườn cây Lái Thiêu rộng 1.200ha, thuộc 4 xã: Hưng Định, An Thạch, An Sơn, Bình Nhâm. Đất đai màu mỡ, bằng phẳng, tơi xốp, thích hợp cho nhiều loài cây trái như sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, mít tố nữ...

Đến Lái Thiêu, du khách sẽ được tản bộ dưới những rặng cây ăn trái thoang thoảng mùi thơm quả chín, hoặc có thể đi bằng thuyền máy len lỏi qua những con kênh, hai bên bờ là những vườn cây trĩu quả.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Mùa trái cây bắt đầu từ tháng 4 và kết thúc vào cuối tháng 9, rộ nhất vào tháng 6. Tết Đoan Ngọ, mồng 5 tháng 5 âm lịch hằng năm là ngày hội lớn ở Lái Thiêu.

DI TÍCH

Chùa Hội Khánh

Tọa lạc ở trung tâm thị xã Thủ Dầu Một (số 35 đường Yersin, ấp Bọng Dầu, phường Phú Cường), là một ngôi chùa cổ do Thiền sư Đại Ngàn, thuộc dòng thiền Lâm Tế, tạo dựng năm 1741. Chùa bị cháy trong những năm chiến tranh. Năm 1868, chùa được xây dựng lại cách vị trí cũ khoảng 100m, trên một khu đất rộng 7.000m^2, đúng như kiến trúc hiện nay. Cổng chùa rất to, hai bên có hai con sư tử đắp nổi. Chùa gồm bốn khu: chánh đường và giảng đường liền nhau, theo kiến trúc ghép đôi song song, nằm vuông góc với chính điện và tiền điện. Bên hông giảng đường là Đông lang và Tây lang. Trong chùa còn lưu giữ nhiều pho tượng gỗ do những nghệ nhân bậc thầy thể hiện. Có một câu đối của cụ Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh). Sau chùa là khu tháp mộ các sư tổ 3 tầng khá cổ kính, chung quanh có tường trang trí đẹp với các con giống đắp nổi.

Chùa Hội Khánh có kiến trúc nghệ thuật độc đáo, mang dấu ấn kiến trúc vùng Nam Bộ. Đây là kiểu kiến trúc "*trùng triền trùng lương*" (mái ngói luôn liên kết gắn liền với nhau). Chùa có tiền điện, chính điện và hậu tổ, giảng đường có cấu trúc đòn ròng rọc.

Chùa Khánh Hội được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích văn hóa nghệ thuật cấp Quốc gia ngày 29-4-1993.

Chùa Bà

Còn gọi miếu thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, nằm ngay trung tâm thị xã Thủ Dầu Một, tại số 4 đường Nguyễn Du, được xây dựng cách nay hơn 400 năm do 4 bang người Hoa (là Hẹ, Quảng

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đông, Phúc Kiến, Triều Châu) thành lập. Trước kia chùa nằm bên bờ rạch Hương Chủ Hiếu, năm 1880, chùa xây thêm nhà hậu phía sau. Năm 1925, chùa được dời về vị trí hiện nay. Chùa Bà là nơi thờ tự và tín ngưỡng của người Hoa. Trong chùa thờ: Thổ Công, Môn quan, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Ngũ Hành Nương Nương (5 vị thánh mẫu: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ), vợ chồng Bốn Đầu Công. Hằng năm, chùa Bà tổ chức lễ vía Bà vào ngày rằm tháng Giêng âm lịch.

Chùa núi Châu Thới

Còn có tên chùa Thái Sơn núi Cậu, thuộc xã Bình An, huyện Dĩ An. Chùa do Thiền sư Khánh Long tạo dựng vào thế kỷ XVII, nhưng lâu ngày đã hư hại. Kiến trúc chùa hiện nay được xây lại từ năm 1954. Cổng tam quan dựng năm 1970. Chùa tọa lạc trên núi Châu Thới, là một trong những chùa cổ nổi tiếng của xứ Gia Định xưa. Trong điện Phật thờ 3 pho tượng cổ bằng đá.

Đình Bà Lụa

Là một quần thể kiến trúc cổ được xây trên sườn đồi, cạnh bến sông, cách thị xã Thủ Dầu Một khoảng 3km về phía Nam. Nguyên mẫu của ngôi đình được người Pháp làm mô hình thu nhỏ đưa dự triển lãm tại Hội chợ Marseille năm 1921. Đình được trùng tu nhiều lần. Đình Bà Lụa là một trong những đình đẹp nhất ở Nam Bộ.

Đình Phú Long

Một ngôi đình cổ, xây năm 1842 trên diện tích 1.300m^2, nằm cạnh bờ sông Sài Gòn, thuộc khu phố Hoà Long, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An. Đình có kiến trúc theo chữ "*tam*" (三), mái lợp ngói âm dương, hai hàng cột gồm 10 cây gỗ quý. Giữa là nhà trung tâm, chỉ mở cửa khi tế lễ, hội hè. Đình thờ Thành hoàng Bổn cảnh, có công với quê hương, được vua Tự Đức sắc phong ngày 29 tháng 11 năm 1852. Bên hương án có đôi quy hạc đứng chầu. Trong đình có nhiều câu đối được chạm khắc tinh vi,

https://www.facebook.com/taybanganh/

sơn son thếp vàng. Đặc biệt, trang trí nội ngoại thất đều dùng gốm sứ đắp nổi hình cá hóa rồng, rồng cách điệu, cảnh hội bát tiên...

Bảo tàng Bình Dương

Lưu giữ hơn 5.000 hiện vật, nhiều nhất và có giá trị nhất là các di vật khảo cổ tìm thấy ở khu di tích Dốc Chùa, tiêu biểu là chiếc trống đồng Bình Phú được phát hiện năm 1934 tại Thủ Dầu Một. Trống có niên đại cách nay từ 2000 đến 3000 năm, có nhiều hoa văn trang trí khá tinh vi. Ngoài ra còn có nhiều hiện vật lịch sử trong 2 cuộc kháng chiến của dân tộc, chủ yếu là các tài liệu, hình ảnh, dụng cụ sinh hoạt, đấu tranh của quân dân Bình Dương.

Khu di tích địa đạo Bến Cát

Khu di tích lịch sử địa đạo tam giác sắt vùng Tây Nam Bến Cát thuộc 3 xã: An Điền, An Tây và Phú An, huyện Bến Cát. Nơi đây còn lưu lại dấu tích những năm tháng chiến tranh khốc liệt mà quân dân Bình Dương đã gánh chịu. Địa đạo Bến Cát dài 30km, do nhân dân Bình Dương tạo nên để phục vụ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ-ngụy giải phóng miền Nam. Mỗi tấc địa đạo đều thấm đẫm máu và nước mắt của biết bao người đã ngã xuống cho nền độc lập tự do của Tổ quốc. Hiện chính quyền Bình Dương đang có kế hoạch từng bước tu bổ, bảo tồn khu trung tâm, khu dịch vụ du lịch, khu động thực vật...

Khu di tích nhà tù Phú Lợi

Nhà tù Phú Lợi do Mỹ-ngụy dựng lên, nơi đây đã có hàng ngàn tù nhân bị đầu độc. Có đến nơi đây, qua những hiện vật nhìn thấy, qua lời kể của các nhân chứng, mới thấy hết sự dã man tàn bạo của kẻ thù đối với những tù nhân, những người yêu nước.

https://www.facebook.com/taybanganh/

LỄ HỘI

Bình Dương không có nhiều lễ hội như những nơi khác, nhưng lễ hội Bình Dương mang những nét đặc trưng tiêu biểu là:

Lễ hội Chùa Bà

Hằng năm lễ hội chùa Bà tổ chức vào ngày rằm tháng Giêng tại chùa Bà Thiên Hậu. Truyền thuyết kể rằng, Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu quê ở Phúc Kiến, Trung Quốc, sống vào đời nhà Tống, có tài tiên đoán thời tiết, gió bão trên biển khơi, giúp dân lành thoát nhiều cơn nguy hiểm, nên được nhân dân tôn thờ như bậc thánh. Lễ cúng Vía Bà tiến hành vào lúc nửa đêm 14 tới sáng ngày 15. Trong ngày lễ, chùa được trang hoàng lộng lẫy với 12 chiếc lồng đèn lớn trang trí đẹp mắt tượng trưng cho 12 tháng trong năm, treo thành một hàng dài trước sân chùa. Ngày 15, lễ rước Bà được tổ chức theo nghi thức cổ truyền. Kiệu rước Bà đi quanh trung tâm thị xã, cùng đội múa lân, mọi người làm lễ cúng, lễ cầu phúc, cầu lộc cho cả năm tại chùa.

Ngoài ra còn có lễ hội chùa Bà Lái Thiêu, một lễ hội dân gian mang những nét văn hóa độc đáo của vùng đất phương Nam.

BÌNH ĐỊNH

Là tỉnh duyên hải miền Trung, diện tích tự nhiên trên 6.000km^2, dân số gần 1.500.000 người, gồm nhiều dân tộc: Kinh, Chăm, Ba Na... Về đơn vị hành chính có thành phố Quy Nhơn và các huyện An Lão, Hoài Ân, Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Vân Canh, An Nhơn, Tuy Phước. Phía Bắc giáp Quảng Ngãi, Tây giáp Gia Lai, Nam giáp Phú Yên, Đông giáp biển Đông.

Địa hình Bình Định đa dạng, gồm: vùng núi, trung du, đồng bằng và vùng bãi bồi ven biển. Bờ biển Bình Định dài hơn 100km, với nhiều đảo lớn nhỏ ngoài khơi.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bình Định thuộc miền khí hậu nhiệt đới gió mùa, mùa mưa từ tháng 8 đến tháng 12, tập trung 70-80% lượng mưa trong cả năm, với lượng trung bình năm là 1.700-1.800mm. Mùa khô từ tháng Giêng đến tháng 7.

Bình Định thuận tiện giao thông, có đường sắt, đường bộ Bắc Nam đi qua, có sân bay Phù Cát cách thành phố Quy Nhơn 36 km. Cảng biển Quy Nhơn là cảng lớn thuộc khu vực Nam Trung Bộ.

Bình Định có nhiều đặc sản nổi tiếng như tơ lụa, yến sào, tôm cá, gỗ quý, trầm hương...

THẮNG CẢNH

Gành Ráng

Cách Quy Nhơn khoảng 2km về hướng Nam, nối liền dãy núi Xuân Vân ở phía Tây. Gành Ráng có diện tích 35ha. Thắng cảnh Gành Ráng trải dài dọc bờ biển, uốn lượn hàng cây số, nước biển trong xanh. Nơi đây có bãi Đá Trứng còn gọi bãi tắm Hoàng Hậu với những tảng đá xanh tròn nhẵn, cạnh đồi Thi Nhân, với mộ nhà thơ Hàn Mặc Tử. Núi ở đây có hình dáng kỳ lạ với những tảng đá hình mặt người, đầu sư tử, hòn vọng phu, hòn chồng... Từ đây, du khách nhìn ra biển cách bờ khoảng 5km về hướng Đông sẽ thấy một hoang đảo gọi là Hòn Đất.

Đi men theo bờ biển, ta sẽ gặp nhiều hang động thiên nhiên kỳ thú.

Tại thắng cảnh này, vị vua cuối cùng của triều Nguyễn là Bảo Đại đã cho xây dựng một nhà nghỉ 3 tầng, quay mặt ra biển. Ngôi nhà có dáng như một con tàu đang lướt sóng, bên trong đầy đủ tiện nghi. Lầu Bảo Đại bị phá hủy trong chiến tranh.

Thắng cảnh Hầm Hô

Hầm Hô là tên một dòng suối lớn, thuộc thôn Phú Mỹ, huyện Tây Sơn, nơi gặp gỡ của hai nhánh sông Đồng Hưu và sông Cát

https://www.facebook.com/taybanganh/

đổ ra sông Phú Phong. Hai bên bờ đá dựng đứng, ở giữa lòng sông là những dãy đá hoa cương mang nhiều hình thù kỳ dị. Thắng cảnh Hầm Hô cách thành phố Quy Nhơn khoảng 55km về phía Tây Bắc. Đoạn sông này dài khoảng 1,5km, nơi rộng nhất khoảng 100m, về mùa mưa là một thác nước khổng lồ hung dữ, chảy xiết. Mùa khô nước rút nhanh để lộ ra những tảng đá hoa cương trắng.

Hầm Hô còn là địa danh lịch sử đóng vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh giữ nước của dân tộc. Từ phong trào nông dân do 3 anh em nhà Tây Sơn khởi xướng, đến thế kỷ XIX, trong phong trào Cần Vương chống Pháp đều là căn cứ của nghĩa quân. Đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Hầm Hô là căn cứ của du kích xã Bình Phú, Bình Tường và huyện đội Tây Sơn.

Phần lớn núi non vùng này là những khối đá hoa cương khổng lồ, do đó sông suối có độ dốc lớn, không thuận tiện cho giao thông, nhưng lại tạo nên cảnh quan du lịch ngoạn mục.

Vào những đêm trăng, ở lại Hầm Hô du khách mới cảm nhận hết vẻ đẹp của nơi hoang dã này. Ánh trăng phủ đầy lên các tảng đá hoa cương, phản chiếu tạo nên những vùng sáng tối... ta như lạc vào chốn thiên thai.

DI TÍCH

Điện thờ Tây Sơn

Thuộc thôn Kiên Mỹ, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, cách thành phố Quy Nhơn 45km về phía Tây Bắc. Điện thờ do nhân dân góp công xây dựng từ năm 1958 đến năm 1960 mới hoàn thành, nằm trên một khuôn viên rộng 2.325m^2. Quần thể di tích được Nhà nước công nhận xếp hạng vào ngày 29-4-1979.

Điện thờ xây bằng xi măng, phỏng theo kiểu dạng mái cong cổ kính. Trong điện có khám thờ các vua của phong trào Tây Sơn. Chính giữa là bàn thờ vua Quang Trung Nguyễn Huệ, phía

https://www.facebook.com/taybanganh/

sau có bức tranh nhà vua đang cưỡi ngựa. Trước là bình phong khảm xà cừ, hình lưỡng long chầu nguyệt, hai bên có 2 hạc chầu bằng gỗ sơn son thếp vàng, đứng trên lưng rùa. Phía trái thờ vua Thái Đức Nguyễn Nhạc, có bức đại tự đề 4 chữ: Thái Đức Hoàng đế. Bên phải thờ Đông Định Vương Nguyễn Lữ, cũng có bức đại tự đề Đông Định Vương.

Về phía hai đầu hồi có hai khám thờ các vị tướng lĩnh nhà Tây Sơn.

Điện thờ Tây Sơn hiện nay được dựng trên nền đình làng Kiên Mỹ xưa. Tương truyền đó là nền nhà cũ của Thủ lĩnh Tây Sơn và cũng chính là từ đường thờ ông bà Hồ Phi Phúc (bố mẹ của 3 anh em Tây Sơn, vốn dĩ là họ Hồ, người huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An)...

Khi Tây Sơn thất bại, Nguyễn Ánh thẳng tay đàn áp trả thù, từ đường họ Hồ bị phá hủy. Trên mảnh đất này dân làng cho xây ngôi đình bề thế, lấy cớ để thờ Thành hoàng làng, nhưng thực chất làm nơi thờ "Ba ngài Tây Sơn", còn các sắc phong vua ban, dân làng đưa ra thờ ở miếu Vĩnh An. Tại điện thờ còn lại một cây me cổ thụ có từ thời từ đường họ Hồ.

Nhà Bảo tàng Quang Trung

Nguyễn Huệ là một anh hùng dân tộc có công đánh đuổi ngoại xâm. Năm 1788, ông lên ngôi Hoàng đế hiệu là Quang Trung, rồi chỉ huy đại quân từ Phú Xuân (Huế) hành quân thần tốc 35 ngày đêm ra Bắc đánh tan 29 vạn quân Thanh xâm lược, giải phóng thành Thăng Long (Hà Nội).

Bảo tàng và tượng đài Quang Trung được dựng trên khu đất nơi sinh ra Nguyễn Huệ ở làng Kiên Mỹ, xã Bình Thạnh, huyện Tây Sơn, cạnh điện thờ Tây Sơn.

Nhà Bảo tàng Quang Trung trưng bày các hiện vật thể hiện những chiến tích của vua Quang Trung.

Đến Bảo tàng Quang Trung, du khách sẽ được xem màn múa trống võ Tây Sơn, môn võ truyền thống của Bình Định. Đặc biệt,

https://www.facebook.com/taybanganh/

cô gái biểu diễn trống trận là cháu 9 đời của vua Quang Trung Nguyễn Huệ.

Thành Hoàng Đế

Là Kinh đô của chính quyền Trung ương Hoàng đế Thái Đức Nguyễn Nhạc, thuộc địa phận ba thôn: Nam Tân, Bắc Thuận xã Nhơn Hậu và Bá Canh của xã Đập Đá, huyện An Nhơn, cách Quy Nhơn 27km về phía Tây Bắc.

Thành Hoàng Đế được xây dựng năm 1775 trên cơ sở thành Đồ Bàn của Vương quốc Chămpa để lại, nhưng quy mô lớn hơn thành Đồ Bàn và tên gọi chính thức là thành Hoàng Đế có từ năm 1778.

Nói đến thành Hoàng Đế, cũng cần điểm qua quá trình tồn tại của Kinh thành Đồ Bàn, tiền thân của di tích thành Hoàng Đế. Trong các thành cổ còn lại trên đất Bình Định, Đồ Bàn là thành còn lại dấu tích khá rõ nhất. Theo sách "Đồ Bàn thành ký" của Nguyễn Văn Hiển ghi: "*... thành xây hình vuông, tường xây gạch phía ngoài có lớp chông chò, bốn mặt mở bốn cửa, chu vi rộng 10 dặm, có tháp đá để hộ vệ, không cần hào sâu mà vẫn kiên cố, trong có lầu gác...*" Thành được xây dựng từ thế kỷ X dưới triều vua Yangpuku Vijaya. Đây là Kinh đô cuối cùng của Vương quốc Chămpa tồn tại từ thế kỷ X đến XV.

Sau 2 thế kỷ bị lãng quên hoang phế, năm 1775 Nguyễn Nhạc bắt đầu cho xây dựng lại thành Đồ Bàn và mở rộng thêm. Năm 1778, thành Đồ Bàn được chính thức đổi tên gọi là thành Hoàng Đế. Từ năm 1778-1786, thành Hoàng Đế giữ vai trò là đại bản doanh của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn. Từ năm 1786-1793, thành Hoàng Đế là Kinh đô của chính quyền Trung ương Hoàng đế Thái Đức Nguyễn Nhạc.

Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi, hiệu là Gia Long, đã trả thù cực kỳ dã man tàn bạo. Thành Hoàng Đế bị san bằng. Trên nền cũ, nhà Nguyễn cho xây khu mộ hai viên quan văn, võ nhà Nguyễn bị chết ở đây là Võ Tánh và Ngô Tùng Châu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Ngày nay, thành Hoàng đế còn bảo lưu là một tổng thế kiến trúc hình chữ nhật gồm 3 vòng thành: thành ngoại, thành nội và Tử Cấm thành, 4 cạnh phân bố đúng 4 hướng Đông, Tây, Nam, Bắc. Chu vi thành ngoại 7.400m.

Thành Thị Nại

Một thời là trung tâm của Vương quốc Chămpa. Thị Nại là đô thị cổ đại duy nhất và lớn nhất của Vương quốc Chămpa tồn tại trong suốt 5 thế kỷ, từ thế kỷ X đến thế kỷ XV. Thị Nại vừa là quân cảng vừa là thương cảng.

Theo tài liệu để lại, thành Thị Nại được xây cất sớm nhất vào khoảng năm 803, muộn nhất là vào khoảng năm 1000, khi người Chăm dời đô vào đóng ở Đồ Bàn (thế kỷ X) thì thành Thị Nại đã có rồi. Thành Thị Nại cách bờ Đông của đầm Thị Nại 5km, cách thành Đồ Bàn 22km ở phía Tây - Tây Bắc, cách Tháp Đôi (Quy Nhơn) 24km về hướng Đông - Đông Nam. Thành hiện còn dài 200m dày khoảng 3m, cao 1,8m. Bờ thành nằm dọc sông Côn thuộc xã Phước Quang, một phần xã Phước Hoà, Tuy Phước.

Chùa Thập Tháp

Thuộc thôn Vạn Thuận, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, do thiền sư Nguyễn Thiều sáng lập năm 1665.

Chùa nằm sát mặt thành phía Bắc kinh đô Đồ Bàn cũ (và thành Hoàng Đế sau này), trên một ngọn đồi cây cối um tùm, trong một khuôn viên rộng gần 1 km^2. Ngọn đồi này, xưa gọi là Long Bích Cương, trước mặt là ngọn Bút Sơn, khi xây dựng ngôi chùa này, Thiền sư Nguyễn Thiều lấy ngọn núi Bút Sơn làm bình phong che chắn cho mặt chính ngôi chùa. Sau lưng được bao bọc bởi chi lưu của sông Côn. Phía Bắc là sông Quai Vạc, xưa gọi là Bàn Khê, uốn lượn chạy về phía Đông. Đối diện với chùa là hồ sen rộng 500m^2.

Kiến trúc chùa Thập Tháp theo hình chữ "*khẩu*" (口), chia thành 4 khu vực: chính điện, phương trượng, Tây đường và Đông

https://www.facebook.com/taybanganh/

đường. Các khu này nối liền nhau bằng một khoảng sân bên trong, còn gọi sân Thiên tỉnh (giếng Trời), có tác dụng điều tiết ánh sáng cho 4 khu kiến trúc trên.

Trong 4 khu kiến trúc, chính điện có kiến trúc bề thế nhất, gồm 5 gian bằng gỗ. Trong lòng chính điện có các khám thờ, khám chính cao 5m, bên trên được chạm hình *lưỡng long tranh châu*, hai bên trang trí long phụng cách điệu mây lá, giữa ghi chữ Phúc, dưới khám là đề tài bút sách, tất cả được sơn son thếp vàng.

Kiến trúc chùa Thập Tháp hiện nay là kết quả qua nhiều lần trùng tu. Lần gần đây nhất vào năm 1997, chùa được nâng cao lên so với mặt bằng cũ 0,60m.

Ngoài giá trị kiến trúc, chùa Thập Tháp có nhiều tác phẩm điêu khắc giá trị được lưu giữ đến nay. Đó là 2 câu đối do chúa Nguyễn Phúc Chu ban năm Tân Tỵ, tấm hoành sơn thếp "*Thập Tháp Di Đà tự*" Minh Mạng nguyên niên (1820), tấm hoành ghi nội dung bài kệ tổ 21 phái Lâm Tế do Hoà thượng Minh Lý cung tạo năm Bính Tỵ (1874).

Về tượng, có bộ tượng Tam Thế bằng đồng thếp vàng, 2 tượng A Nan, Ca Diếp cao 1m, hai tượng Đạt Ma, Quan Âm bằng đất nung, tượng Hộ pháp, Kiên Lao và 18 tượng La Hán bằng gỗ.

Theo truyền thuyết, khi xây chùa người ta dùng gạch 10 ngọn tháp bị đổ của người Chăm nằm ở phía sau đồi Long Bích Cương. Có lẽ vì thế chùa có tên chùa Thập Tháp (10 tháp).

Chùa Long Khánh

Toạ lạc ở số 141 đường Trần Cao Vân, thành phố Quy Nhơn, được xây vào cuối thế kỷ XVII. Chùa do hoà thượng Đức Sơn (người Trung Quốc) sáng lập. Hiện chùa còn lưu giữ 2 hiện vật quý:

– Thái Bình hồng chung (chuông Hồng Thái) được đúc vào năm 1805 triều vua Gia Long.

https://www.facebook.com/taybanganh/

– Tấm dấu biểu trưng "Long Khánh tự" được in năm 1813 triều vua Gia Long.

Chùa Sơn Long

Ở xã Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn, chùa do Thiền sư Bửu Quang khởi dựng vào cuối thế kỷ XVII với tên gọi Thiền Thất Giang Long ở huyện Tuy Viễn, phủ Tuy Ninh, (nay là huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định) trấn Bình Định (cũ), đến năm 1774, chùa được Thiền sư Thanh Thiên cho di chuyển về địa điểm hiện nay và đổi tên thành chùa Sơn Long.

Đền thờ Đào Duy Từ

Đào Duy Từ là một danh nhân văn hóa, một tài năng lớn trong nhiều lĩnh vực. Ông sinh ra và lớn lên ở Thanh Hóa, nhưng sự cống hiến của ông lại là trên đất Bình Định. Sau khi ông qua đời, Chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên) thương tiếc, truy tặng ông "Hiệp niên đồng đức công thần, đặc tiến Kim tứ vinh lộc đại phu", thi hài ông đưa về an táng tại Tùng Châu, phủ Hoài Nhơn, nay là thôn Phụng Du, xã Hoài Bảo, huyện Hoài Nhơn.

Về đền thờ, trong *Đại Nam nhất thống chí* chép: "Đền Hoằng Quốc công ở thôn Cự Tài, huyện Bồng Sơn thờ khai quốc công thần Đào Duy Từ". Hiện đền thuộc thôn Ngọc Sơn, xã Hoài Thanh Tây, huyện Hoài Nhơn.

Đền xây năm Tự Đức thứ 12, được trùng tu nhiều lần.

Tại đền thờ ông, hằng năm cứ đến ngày 17 tháng 10 âm lịch, nhân dân địa phương và các cấp chính quyền tổ chức lễ dâng hương tưởng niệm.

Chùa Hang (chùa Thạch Cốc)

Còn gọi Thiên Sanh Thạch tự, tọa lạc tại núi Ly Thạch thuộc xã Mỹ Hoà, huyện Phù Mỹ. Chùa Hang tuy nhỏ nhưng mang nét đẹp riêng của chốn núi rừng thâm u, huyền bí.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa nằm trên sườn núi, dưới một tảng đá lớn dài 10m, rộng 5-6m nhô ra khỏi sườn núi. Mặt dưới tảng đá nhẵn thín, chỉ cách mặt đất chừng vài ba mét. Dưới mái hiên thiên tạo ấy là miệng hang dẫn vào lòng núi. Hang dài vài chục mét, rộng khoảng 5m, giữa là bàn thờ Phật. Trước bàn thờ có một miệng hang nữa đi vào lòng đất sâu thăm thẳm. Phía sau bàn thờ Phật có đường đi thẳng lên đỉnh núi. Hang lên trời này nhỏ hẹp, lòng hang chỉ đủ một người đi lọt. Chùa được lập vào cuối thế kỷ XIX dưới triều vua Thành Thái.

Tháp Dương Long

Người Pháp gọi đây là tháp Ngà (*Tour D'ivoire*), cách Quy Nhơn 50km về phía Tây Bắc. Tháp được dựng khoảng thế kỷ XII gồm 3 tháp. Tháp giữa cao 36m, hai tháp bên cao 29m. Cả 3 tháp đều được xây thẳng hàng, quay mặt về hướng Đông.

Cụm tháp được xây trên gò Dương Long. Sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi tên tháp là Dương Long. Khu di tích còn có tên là tháp An Chánh, vì nằm ở thôn An Chánh, xã Bình An (Tây Bình hiện nay).

Hiện nay tháp giữa và tháp phía Bắc của cụm tháp Dương Long thuộc xã Bình Hoà, tháp phía Nam thuộc thôn An Chánh, xã Tây Bình.

Về quy mô, tháp Dương Long được xem là đồ sộ nhất, hùng vĩ nhất trong những tháp Chàm còn sót lại. Trong 3 tháp ở cụm di tích này, mỗi tháp có một nét riêng không lặp lại trong cách tạo các mô-típ điêu khắc.

Tháp Bánh Ít

Cụm di tích gồm 4 tháp, nhân dân ở đây quen gọi tháp Bánh Ít. Bởi từ xa trông vào tháp lớn nhất trong 4 tháp thấy giống như chiếc bánh ít. Sử cũ ghi là tháp Thị Thiện, người Pháp gọi là tháp Bạc (Tour D'argent). Cụm tháp Bánh Ít nằm ở thôn Đại Lộc, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, đã được nhà nước xếp hạng di tích năm 1982.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tháp Bánh Ít là một cụm di tích đẹp, còn lại nhiều tháp nhất ở vùng này. Nằm ở trung tâm đồng bằng Bình Định, sát quốc lộ 1A, ai đi qua cũng nhìn thấy.

Cả khu di tích còn lại 2 tháp cổng, mỗi tháp có một dáng vẻ riêng. Tháp cổng phía Đông có quy mô nhỏ hơn so với tháp chính. Tháp chính là tháp lớn nhất trong quần thể kiến trúc, cao 24m, một cửa chính phía Đông, 3 cửa giả. Cụm tháp Bánh Ít có niên đại xây dựng vào cuối thế kỷ XI đầu thế kỷ XII.

Tháp Thủ Thiện

Thuộc thôn Thủ Thiện, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn. Sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi "*Thủ Hương cổ tháp, tục gọi là tháp Đồng*", người Pháp cũng gọi là tháp Đồng (*Tours de Cuivre*). Tháp nằm gần quốc lộ 19, ở vị trí đồng bằng, rất thuận tiện cho du khách đến tham quan. Tháp được xây trên một gò thấp, cho nên từ xa không chú ý sẽ không nhìn thấy.

Tháp Thủ Thiện cao khoảng 20m, hình vuông cửa chính quay về hướng Đông, mỗi cạnh nay còn đo được 8,5m, ngoài cửa chính, 3 cửa kia là cửa giả. Trong các vòm là những tượng thần ngồi và đứng, nhưng phần lớn tượng đã bị mất.

Tháp Thủ Thiện không còn vòm cửa chính, bị sụp lở vào sát thân tháp, chiều rộng cửa hiện còn 3,7m, chiều cao tính từ đỉnh vòm là 6,8m, cửa còn 1 lanh tô bằng đá gác ngang, phần chân của cửa vòm không còn. Đặc biệt nhất của tháp Thủ Thiện là bên trong lòng tháp có một hệ thống thờ trên mặt tường, nhưng đã bị mất, chỉ còn dấu tích.

Theo hình thức kiến trúc hiện còn thì tháp Thủ Thiện có thể được xây vào khoảng nửa đầu thế kỷ XII.

Tháp Phú Lốc

Trong tất cả các tháp Chàm hiện có ở Bình Định, thì tháp Phú Lốc ở vị trí cao hơn cả. Tháp có nhiền tên gọi khác nhau như: Phú Lốc, Thốc Lốc, Phú Lộc, Phước Lộc. Trong tư liệu của

https://www.facebook.com/taybanganh/

người Pháp gọi là tháp Vàng (Tour D'or). Tuy vậy, Phú Lốc vẫn là tên thường gọi. Tháp Phú Lốc thuộc thôn Châu Thành, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn. Tháp cao 29m, xây trên quả đồi cao 76m so với mực nước biển. Di tích có bình đồ vuông, mỗi cạnh 9,7m, cửa chính quay về hướng Đông và 3 cửa giả. Cửa chính rộng 3m, vòm cửa cao 6m so với mặt đất, hình mũi giáo. Từ đỉnh cửa chính lên đến đỉnh tháp có 3 đai đá, các đai này không trang trí.

Căn cứ vào phong cách kiến trúc, có thể đoán định rằng tháp Phú Lốc được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XII.

Năm 1995, tháp Phú Lốc được Nhà nước công nhận xếp hạng di tích.

Tháp Bình Lâm

Đặc biệt tháp Bình Lâm xây dựng ở vùng đồng bằng, sát ven sông Gò Tháp, nơi đổ ra cửa biển Thị Nại, thuộc xóm Long Mai, thôn Bình Lâm, xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước.

Tháp Bình Lâm có những đặc điểm không giống các tháp Chàm trong vùng, ngoài việc tháp xây ở vùng đồng bằng, chất liệu xây dựng hoàn toàn bằng gạch không dùng đá. Tháp cao 20m, bình đồ vuông, cửa chính quay về hướng Đông và 3 mặt kia là cửa giả. Những cửa giả này, phần vòm được tạo nhiều lớp mái vòm nhọn, mỗi vòm ta có cảm giác như một toà lâu đài thu nhỏ. Trong ô khám của các "toà lâu đài" đều có đặt tượng thờ thần bằng đất nung, nhưng đã bị mất.

Ở tháp Bình Lâm, các mô-típ hoa văn đều được tạo trực tiếp lên gạch với hình dáng tỉ lệ cân đối.

Căn cứ vào phong cách kiến trúc, các nhà nghiên cứu kiến trúc Chăm cho rằng tháp Bình Lâm có thể được xây dựng cuối thế kỷ X, đầu thế kỷ XI.

Tháp Bình Lâm được Nhà nước xếp hạng năm 1993.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tháp Cánh Tiên

Tháp Cánh Tiên nằm ở trung tâm thành Đồ Bàn (sau là thành Hoàng Đế). Theo bản đồ hiện nay, khu kinh thành Đồ Bàn nằm trong khu vực xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn. Còn tháp Cánh Tiên thuộc thôn Nam An, xã Nhơn Hậu. Tháp Cánh Tiên còn khá nguyên vẹn, trong khi nhiều di tích ở đây hoàn toàn bị đổ nát. Cánh Tiên là tên nhân dân cũng như sử sách nước ta thường gọi, còn người Pháp gọi là tháp Đồng (*Tour de Cuivre*). Tuy là tháp đơn nhưng tháp Cánh Tiên về cấu trúc không khác so với các tháp nhiều tầng xây bằng gạch vào loại lớn của người Chăm. Tháp cao 20m, và là một trong những tháp tiêu biểu cho phong cánh kiến trúc tháp Bình Định thế kỷ XII. Tháp có một cửa chính quay về hướng Đông. Ba cửa Nam, Bắc, Tây đều là cửa giả. Mỗi cửa giả đều có 3 tầng thu nhỏ về phía trên. Hai tầng trên của tháp Cánh Tiên thu vào khá mạnh và có hình dáng cấu trúc giống phần thân, nhưng đơn giản hơn. Tại 4 gốc của mỗi tầng tháp Cánh Tiên, các tháp trang trí góc và các phiến đá hình đuôi chim phượng nhô ra đỉnh các cột ốp góc tường còn nguyên vẹn.

Năm 1982, tháp Cánh Tiên được Nhà nước công nhận xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia.

Tháp Đôi

Tên tháp do người dân trong vùng đặt ra, bởi có hai tháp đứng cạnh nhau. Các tư liệu xưa gọi là tháp Hưng Thạnh, vì tháp nằm trong thôn Hưng Thạnh xưa. Nay Hưng Thạnh trở thành một phường của thành phố Quy Nhơn.

Tháp Đôi được các nhà nghiên cứu xếp vào loại đẹp "độc nhất vô nhị" của kiến trúc nghệ thuật Chămpa. Vì hai ngôi tháp này không hề giống bất cứ ngôi tháp Chàm nào hiện có trên đất nước ta.

Hai ngôi tháp nằm trên một khu đất bằng dưới chân một quả đồi và đều quay mặt về hướng Đông. Tuy hình dạng cấu

https://www.facebook.com/taybanganh/

trúc giống nhau, nhưng tháp phía Bắc cao hơn tháp phía Nam. Các nhà nghiên cứu cho biết theo truyền thống của kiến trúc Chămpa thì quần thể kiến trúc tháp Đôi phải có hai tháp hai bên như cụm tháp Dương Long. Phải chăng cụm tháp Đôi chưa xây xong (còn thiếu một tháp). Kiến trúc tháp Đôi không theo kiểu tầng như tháp Chàm truyền thống khác ở vùng này, nhưng vẫn mang đầy đủ tố chất kiến trúc của phong cách Bình Định - bình đồ vuông, cửa chính quay về hướng Đông, 3 mặt còn lại là cửa giả. Phía trên đỉnh cửa giả là khám thờ hình cao nhọn, cột ốp dọc thân tường trơn. Từ phong cách kiến trúc đó cho phép ta đoán định tháp Đôi có niên đại thế kỷ XII nhưng ở giai đoạn cuối.

Ngày 10-7-1980, tháp Đôi được Nhà nước công nhận xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa của quốc gia và được trùng tu trong các năm 1991-1996.

LỄ HỘI

Lễ cúng Cá Ông

Nhân dân các vùng ven biển nước ta từ Thanh-Nghệ cho đến các tỉnh miền Trung và Nam Bộ đều có truyền thống thờ và lễ Cá Ông (cá voi). Lễ hội cúng Cá Ông ở các làng ven biển Bình Định hằng năm vào ngày 15 tháng 3 âm lịch. Theo truyền thuyết, cá voi thường cứu giúp thuyền và người bị nạn trên biển. Ngoài nghi lễ truyền thống cúng bái, rước Ông, còn có tổ chức hội như hát bả trạo, hát bội...

Lễ hội Đống Đa

Lễ hội Đống Đa hằng năm được tổ chức vào mồng 5 tháng Giêng âm lịch tại Bình Khê, huyện Tây Sơn. Lễ hội được tổ chức để kỷ niệm chiến thắng Đống Đa lịch sử của người anh hùng áo vải Quang Trung Nguyễn Huệ, đã đánh tan 29 vạn quân Thanh vào mùa xuân năm 1789 tại Ngọc Hồi, Đống Đa.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trong lễ hội, ngoài các nghi lễ truyền thống, nhân dân Bình Khê, quê hương của 3 anh em nhà Tây Sơn, còn tổ chức nhiều hoạt động như đánh võ, đánh côn, đi quyền... là những môn phái đặc trưng của võ Bình Định, với sự tham gia của nhiều phụ nữ mà tài nghệ không thua kém gì nam giới.

Một tiết mục độc đáo nhất của lễ hội là cuộc thi đánh trống bộ, mỗi bộ 12 chiếc trống da, cũng còn gọi là thi đánh trống trận Tây Sơn.

Lễ hội Đổ Giàn

Hằng năm lễ hội này được tổ chức vào rằm tháng 7 tại chùa Bà, làng An Thái, huyện An Nhơn.

Ngoài ý nghĩa lễ Vu Lan - lễ báo hiếu nhà Phật - đây còn là lễ hội đua tài của các võ sĩ thuộc các làng võ quanh vùng. Trong lễ hội tổ chức nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật như hát bội. Phần chính của hội là thi tranh cướp lợn quay, con vật cúng thần từ trên giàn cao được ném xuống. Người thắng cuộc là người được dân làng ca ngợi.

Hội làng Thị Tứ

Hằng năm vào ngày 12 tháng 2 âm lịch, dân làng Thị Tứ xã Đập Đá, huyện An Nhơn, một làng có nghề truyền thống là rèn và chạm vàng tây, mở hội làng để tưởng nhớ công ơn của ông Đào Giả Tượng, ông Tổ của nghề rèn, đã có công truyền nghề cho dân làng. Lễ hội diễn ra sau nhà thờ họ Đào, nơi thờ tổ nghề để cúng lễ tổ nghề rèn, với cỗ bàn rất linh đình. Sau lễ là phần hội có vui chơi, ca hát văn nghệ như hát bài chòi, hát bội...

Hội xuân chợ Gò

Hằng năm Hội Xuân chợ Gò được tổ chức vào 2 ngày mồng 1 và mồng 2 Tết âm lịch tại chợ Gò, làng Trường UÙc, xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước. Tại Hội chợ bán nhiều hàng hóa, chủ yếu là trái cây các loại, đặc biệt là đồ chơi trẻ em... và tổ chức nhiều trò chơi dân gian như chọi gà, hát bài chòi, cờ người, hái lộc...

https://www.facebook.com/taybanganh/

BÌNH PHƯỚC

Bình Phước là một tỉnh miền núi thuộc Đông Nam Bộ, tiếp giáp giữa đồng bằng và cao nguyên. Bình Phước có nhiều rừng nhưng địa hình khá bằng phẳng, phía Bắc và Tây Bắc giáp Campuchia với đường biên giới dài 240km, Đông giáp Đắk Nông và Lâm Đồng, Nam giáp Đồng Nai và Bình Dương, Tây giáp Tây Ninh.

Bình Phước có diện tích gần 7.000km^2, dân số khoảng 750.000 người, gồm nhiều dân tộc sinh sống như: Kinh, Xtiêng, Khơme và M'nông... Về đơn vị hành chính, tỉnh gồm có thị xã Đồng Xoài và 7 huyện: Đồng Phú, Phước Long, Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Đốp, Bình Long, Chơn Thành.

Bình Phước có hai con sông chảy qua từ Bắc xuống Nam. Phía Tây là sông Sài Gòn, ranh giới giữa Bình Phước và Tây Ninh, phía Đông là sông Bé.

Khí hậu có 2 mùa: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Phía Bắc có nhiều rừng nên khí hậu ẩm ướt hơn phía Nam. Lượng mưa trung bình hằng năm là 2.110mm.

Bình Phước là một trong những tỉnh có nhiều cảnh quan thiên nhiên và di tích lịch sử. Đó là Thác Mơ, núi Bà Rá, đồng cỏ Bàu Lạch...

THẮNG CẢNH

Núi Bà Rá

Một cảnh đẹp nằm ở thị trấn Thác Mơ huyện Phước Long, ở độ cao 723m với diện tích 1.051ha, được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử.

Đứng trên núi Bà Rá, du khách có thể ngắm nhìn toàn cảnh thị trấn Thác Mơ xinh đẹp nép mình dưới những rặng cây xanh, xa xa là hồ Thác Mơ mênh mang trong màn sương mỏng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Từ chân núi, một con đường rải nhựa thoai thoải đưa du khách đến đồng Bằng Lăng, nơi có đền tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh cho nền độc lập, tự do của tổ quốc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Trên núi có động Hang Dơi, động Bà Bảy Tuyết, tháp truyền hình. Cũng tại nơi đây, thực dân Pháp đã xây dựng một nhà tù khét tiếng dã man để giam cầm những chiến sĩ cách mạng.

Ngày nay, hằng năm tỉnh tổ chức những cuộc thi leo núi cho các vận động viên nam nữ trong và ngoài tỉnh, nhân kỷ niệm ngày Phước Long chiến thắng 6-1-1975.

Thác Mơ

Năm 1991, Nhà nước cho xây dựng nhà máy thủy điện Thác Mơ, với lòng hồ rộng 10.300ha, cách thị trấn Thác Mơ 3km. Năm 1994, nhà máy thủy điện hoàn thành, hoà vào lưới điện quốc gia. Giờ đây hồ Thác Mơ là nơi lý tưởng cho những giờ phút thư giãn. Chung quanh hồ được bao bọc bởi đồi núi nhấp nhô, rợp bóng cây xanh mát. Giữa lòng hồ mênh mang nổi lên gần 10 đảo nhỏ, trên đó có đủ các loại hình vui chơi giải trí, dã ngoại, du thuyền...

Khu du lịch Sóc Xiêm

Thuộc thị trấn An Lộc, cách Thành phố Hồ Chí Minh 120km, là một trong những khu du lịch sinh thái hấp dẫn và thú vị. Hồ Sóc Xiêm thơ mộng nằm giữa thung lũng xanh, một bên là đồn điền cao su xanh bạt ngàn, một bên là khu dân cư thật thà chất phác. Đến đây du khách được câu cá, bơi thuyền, tham quan tìm hiểu văn hóa, phong tục tập quán của người Xtiêng. Mỗi lúc mệt mỏi, du khách có thể nghỉ chân trong những ngôi nhà rông Tây Nguyên soi bóng mặt hồ, đầy đủ tiện nghi, có nhà hàng đặc sản với những món ăn địa phương sẵn sàng phục vụ.

Khu du lịch Thác số 4

Bên cạnh hồ Sóc Xiêm quanh năm mát mẻ là Thác số 4, thuộc huyện Bình Long, được thành lập năm 1988, cách thị trấn An Lộc, huyện Bình Long 10km, trên diện tích khoảng 20ha. Đây là

https://www.facebook.com/taybanganh/

khu du lịch nghỉ dưỡng độc đáo với một dãy nhà nghỉ đầy đủ tiện nghi, bên cạnh nhà hàng đặc sản với những món ăn đặc trưng của vùng rừng núi Bình Phước. Tại đây du khách có thể tổ chức cắm trại trong rừng...

Vườn Quốc gia Bù Gia Mập

Cách thị trấn Thác Mơ 50km, thuộc xã Bù Gia Mập, tiếp giáp với Campuchia. Diện tích khu rừng 26.032ha. Đây là nơi bảo tồn động thực vật lớn với hàng trăm loài quý hiếm. Rừng nguyên sinh Bù Gia Mập là nơi thích hợp cho du lịch sinh thái, dã ngoại, cho những ai thích khám phá, mạo hiểm.

Khu du lịch Suối Lam

Cách thị xã Đồng Xoài khoảng 10km. Nơi đây có hồ nước rộng, quanh năm trong xanh, rợp bóng mát của những rừng cao su bao bọc quanh hồ.

Ven hồ là những công trình du lịch, có nhà hàng nổi với nhiều món ăn đặc sản của núi rừng Bình Phước. Ở đây bạn có thể chèo thuyền lênh đênh trên mặt hồ, thả hồn vào không gian yên tĩnh để cảm nhận hết sự bình yên của thiên nhiên, nghe tiếng rì rào sóng vỗ, nghe tiếng hót của các loài chim rừng. Và ở đây du khách còn có thể cắm trại dã ngoại.

Trảng cỏ Bàu Lạch

Trảng cỏ Bàu Lạch hình thành do sự hợp nhất của hơn 20 trảng cỏ lớn nhỏ khác nhau, tổng diện tích gần 500ha. Trảng cỏ lớn nhất rộng khoảng 140ha. Nơi đây chủ yếu là loài cỏ kim, cỏ chỉ, là thức ăn của các loài động vật nai, khỉ, thỏ, nhím... Trên thảm cỏ xanh mịn, du khách có thể tổ chức cắm trại, đi săn, nhảy dù... tạo cho mình những giờ phút nghỉ ngơi, thư giãn thú vị.

Trảng cỏ Bàu Lạch thuộc thôn Bàu Lạch, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, cách thị trấn Đức Phong 15km. Ngoài vui chơi giải trí, du khách đến đây còn có dịp tìm hiểu đời sống sinh hoạt của người Xtiêng, M'nông... được thưởng thức cơm lam (cơm nấu trong ống tre), thịt nướng, rượu cần, cưỡi voi, cưỡi ngựa, thả diều...

https://www.facebook.com/taybanganh/

DI TÍCH

Nhà Giao tế Lộc Ninh

Nhà Giao tế Lộc Ninh, xây trên nền cũ của Văn phòng Công ty Cao Su Lộc Ninh thành lập năm 1911. Trong thời gian chiến tranh, ngôi nhà này bị phá hủy hoàn toàn. Năm 1973, theo thiết kế của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát, ngôi nhà được xây dựng lại đáp ứng kịp thời yêu cầu của mặt trận ngoại giao, làm trụ sở để Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tiếp khách quốc tế và hội họp. Nhà Giao tế nằm ngay trung tâm thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, cách thị xã Đồng Xoài 90km. Vào những năm 1973-1975, Nhà Giao tế Lộc Ninh đã tổ chức nhiều cuộc họp bàn về chiến tranh Việt Nam của phái đoàn quân sự 4 bên, có sự giám sát của Ủy ban Quốc tế gồm Canađa, Hungari, Inđônêsia và Ba Lan.

Căn cứ Tà Thiết

Là khu căn cứ của Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam, thuộc ấp Tà Thiết, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, với diện tích rộng khoảng 16ha. Đồng thời đây là căn cứ dự trữ hậu cần chiến lược và là nơi đặt Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử...

Khu căn cứ được sửa chữa lại, khánh thành ngày 20-4-1995, gồm nhà trưng bày, nhà làm việc của Thượng tướng Trần Văn Trà - Tư lệnh các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam, Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Lê Đức Anh và Phó Tư lệnh Nguyễn Thị Định. Bên cạnh đó có hội trường, nhà bếp...

Sân bay quân sự Lộc Ninh

Cách nhà Giao tế Lộc Ninh khoảng 300m, thuộc huyện Lộc Ninh. Nơi đây ngày 7-4-1972 đã diễn ra cuộc chiến ác liệt và quân ta đã giải phóng được Lộc Ninh. Tại sân bay này đã diễn ra cuộc tiếp đón đồng bào, đồng chí từ các nhà tù Mỹ-ngụy được trao trả trở về.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Kho xăng Lộc Hóa - Lộc Ninh

Đây là Tổng kho nhiên liệu của Cục Hậu cần Miền với 7 bồn xăng, mỗi bồn có dung tích 250.000 lít để tiếp nhận nhiên liệu từ hậu phương miền Bắc chuyển vào dự trữ cho chiến trường miền Nam và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

LỄ HỘI

Tết mừng lúa mới của người M'nông

Khi cơn mưa rừng đã dứt, những vạt nắng mới tràn về là lúc người M'nông Bình Phước tổ chức "Tết lúa mới" vào đầu mùa thu hoạch. Gia đình nào cũng chuẩn bị heo, gà, rượu cần ngay từ những ngày đầu gieo hạt.

Lễ hội "Tết lúa mới" tổ chức vào khoảng đầu tháng 8. Ngay tại rẫy, người ta bày thịt, cơm để cúng Giàng, tạ ơn thần linh đã ban cho dân bản một mùa bội thu và cầu xin cho mùa sắp tới được tốt tươi hơn. Sau lễ cúng, mỗi người tuốt một nắm lúa bỏ vào gùi để "rước lúa về nhà". Khi màn đêm buông xuống, người ta quây quần quanh đống lửa giữa sân, cả làng cùng uống rượu cần và ăn thịt nướng. Tiếng chiêng, tiếng cồng nổi lên, con trai, con gái cùng nhau nhảy múa đến tận khuya.

Bình Phước là nơi định cư của nhiều dân tộc anh em, vì thế mà có nhiều nét văn hóa đặc sắc của các dân tộc. Ngoài lễ "Tết lúa mới", Bình Phước còn có các lễ hội khác của đồng bào thiểu số tổ chức trong tháng 12 hằng năm như:

– Lễ hội cầu mùa của người Xtiêng.

– Lễ bỏ mả.

– Lễ hội đâm trâu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

BÌNH THUẬN

Bình Thuận thuộc miền duyên hải cực Nam Trung Bộ, diện tích tự nhiên gần 8.000km^2, dân số trên 1 triệu người gồm nhiều dân tộc: Kinh, Chăm, Hoa, Cơ Ho, Chu Ru...

Về đơn vị hành chính, Bình Thuận có thành phố Phan Thiết và 8 huyện: Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Tân, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Đức Linh, Tánh Linh và huyện đảo Phú Quý.

Bình Thuận nằm trên vị trí quan trọng, là cửa ngõ giao lưu kinh tế - văn hóa - xã hội với các khu vực miền Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh và Tây Nguyên. Phía Đông Bắc và Bắc giáp Ninh Thuận, phía Bắc và Tây Bắc giáp Lâm Đồng, phía Tây giáp Đồng Nai, phía Tây Nam giáp Bà Rịa-Vũng Tàu, phía Đông và Đông Nam giáp biển Đông.

Địa hình có thể chia làm 3 vùng: rừng núi, đồng bằng và ven biển. Bờ biển dài 192km, từ mũi Đá Chẹt giáp Cà Ná (Ninh Thuận) đến bãi bồi Bình Châu, Bà Rịa-Vũng Tàu. Có nhiều mũi đâm ra biển như mũi La Gàn, mũi Nhỏ, mũi Hòn Rơm, mũi Né, mũi Kê Gà... tạo nên những cửa biển tốt. Ngoài khơi có đảo Phú Quý rộng 23km^2 là cầu nối giữa đất liền với quần đảo Trường Sa.

Bình Thuận có nhiều sông chảy qua, như sông La Ngà, sông Quao, sông Công và sông Dinh.

Bình Thuận nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, ít chịu ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc, khí hậu khô, nóng. Nhiệt độ trung bình cả năm là 26-27^{0}C, lượng mưa bình quân từ 800-1.150mm.

Bình Thuận có nhiều tiềm năng kinh tế, đặc biệt là ngành thủy sản và du lịch với nhiều khu nghỉ dưỡng nổi tiếng như Đồi Dương, Mũi Né, Đồi Sứ, La Gàn... Bình Thuận có nhiều công trình kiến trúc văn hóa cổ như tháp Poshanư, trường Dục Thanh, chùa Cổ Thạch...

https://www.facebook.com/taybanganh/

THẮNG CẢNH

Hòn Rơm

Hằng năm vào mùa mưa, cỏ dại mọc xanh tốt, khi mùa khô về, dưới cái nắng chói chang vùng nhiệt đới khô, cỏ dại trở nên vàng úa, từ xa trông ngọn núi nhô ra biển này như một đống rơm khô vàng óng. Vì thế người ta gọi ngọn núi này là Hòn Rơm. Ngày nay đến Hòn Rơm, ngoài tắm biển, đốt lửa trại, du khách có thể đến tham quan đồi Hồng, chinh phục đồi cát Mũi Né...

Mũi Né

Cách thành phố Phan Thiết 24km về phía Đông Bắc. Mũi Né là tên một làng chài. Mũi Né có đồi cát đẹp, từ bao năm qua đã trở thành đề tài sáng tác của các nhà nhiếp ảnh nghệ thuật và là nơi du lịch khám phá thú vị của du khách.

Dọc theo quốc lộ 706 từ thành phố Phan Thiết đi Mũi Né, một bên là dãy đồi đất thoai thoải và một bên là bãi cát trắng mịn và những rặng dừa soi bóng biển Đông.

Mũi Né có nhiều bãi biển xinh đẹp, ngày nay đã mọc lên những khu nghỉ dưỡng, khách sạn sang trọng như: Phú Hải, Victoria, làng Thụy Sĩ, Pamira, Sài Gòn - Mũi Né, làng Tre...

Suối Tiên

Nằm ở ngoại ô thành phố Phan Thiết, cách thành phố Phan Thiết khoảng 18km về hướng Đông Bắc, trên đường đi Mũi Né, Suối Tiên là điểm du lịch dã ngoại lý thú. Cảnh sắc nguyên sơ, trong lành, chưa có bàn tay con người tác động. Bên cạnh con suối nhỏ nước trong vắt nhìn thấu tận đáy là dãy núi sừng sững với sắc màu đỏ trắng pha trộn của đất và cát, với những hang động, mỏm núi nhấp nhô độc đáo và lạ mắt.

Bãi biển Đồi Dương

Bãi biển Đồi Dương là một trong những nơi lý tưởng có môi trường trong sạch. Bãi biển rộng thoai thoải cát trắng mịn chạy

https://www.facebook.com/taybanganh/

dài hàng chục kilômét. Biển êm, nước trong xanh. Trên bờ là những đồi phi lao xanh mát, quanh năm rì rào trong gió.

Bàu Trắng

Một thắng cảnh nổi tiếng của Bình Thuận, thuộc thôn Hồng Lâm, xã Hoà Thắng, huyện Bắc Bình, cách thành phố Phan Thiết 65km về phía Đông Bắc. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đây là vùng căn cứ kháng chiến. Bàu Trắng là một hồ nước ngọt, hình thành từ lâu đời, nằm giữa vùng đồi cát mênh mông. Bàu Trắng được ngăn đôi bởi một đồi cát. Từ xa xưa nhân dân quen gọi là Bàu Ông và Bàu Bà. Bàu Trắng khá rộng, nơi sâu nhất 19m, quanh hồ có nhiều sen mọc, hoa nở ngát hương. Bàu Trắng là một khu du lịch hấp dẫn.

Lầu Ông Hoàng

Một quần thể gồm đồi, núi, sông, biển, chùa, tháp, tạo thành thắng cảnh nổi tiếng của thành phố Phan Thiết. Đồi lầu Ông Hoàng cách Thành phố Phan Thiết 7km về hướng Đông Bắc.

Vào đầu thế kỷ XX, một người trong Hoàng tộc Pháp tên là De Montpensier sang Phan Thiết, thấy cảnh đẹp, ông nảy ý định mua đất xây cất biệt thự ngay trên ngọn đồi Ngọc Lâm. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ngôi biệt thự này bị phá hủy, nay chỉ còn lại móng nhà và hầm chứa nước.

Lầu Ông Hoàng nằm trong quần thể di tích bao gồm tháp Chàm cổ Poshanư, chùa Bửu Sơn, núi Cô, mộ Nguyễn Thông. Nơi đây từng chứng kiến hiện tượng nhật thực toàn phần ngày 24 tháng 10 năm 1995

Gành Son

Thuộc xã Chí Công, huyện Tuy Phong, là thắng cảnh đẹp kỳ thú mà thiên nhiên ban tặng cho tỉnh Bình Thuận. Những vỉa đất đỏ, dung nham nằm ven bờ biển, bị mưa gió, sóng biển bào mòn trải qua năm tháng đã tạo nên nhiều hang động với những khối hình lạ mắt.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vào những buổi sáng tinh mơ hay những chiều tà êm ả, từ trên Gành Son, du khách có thể nhìn thấy toàn cảnh nhộn nhịp của làng chài đón người thân trở về sau một ngày lao động ngoài biển khơi, hoặc tiễn chồng con ra khơi đánh cá.

Khu du lịch nghỉ dưỡng Vĩnh Hảo - Tuy Phong

Tuy Phong là huyện phía Bắc Bình Thuận, giáp với Cà Ná, Ninh Thuận, nằm trên đường xuyên Việt, nơi có suối nước khoáng nổi tiếng Vĩnh Hảo. Tuy Phong có bờ biển dài hơn 50km với nhiều khu nghỉ dưỡng như Vĩnh Hảo, Cù Lao Câu, Gành Son, bãi biển La Gàn với chùa Cổ Thạch, tháp Podam...

Đây là nơi hội tụ của du khách từ Thành phố Hồ Chí Minh ra, từ Đà Lạt xuống và từ Nha Trang vào, bởi vì ngoài việc đến đây tắm nước khoáng, tắm bùn, du khách còn được nghỉ ngơi trong những khách sạn sang trọng, đầy đủ tiện nghi.

Cù Lao Câu

Cù Lao Câu nằm cách bờ 9km, đi thuyền máy mất khoảng 50 phút, với chiều dài 1.500m, nơi rộng nhất gần 700m, nơi cao nhất 7m. Từ xa trông Cù Lao Câu như một chiến hạm nổi, chung quanh được bao bọc hàng vạn khối đá với màu sắc và hình thù khác nhau. Cù Lao Câu là một trong những thắng cảnh đẹp, vùng du lịch sinh thái quan trọng của Tuy Phong.

Hòn Bà

Là hòn đảo có nhiều cây cổ thụ, cách thành phố Phan Thiết khoảng 70km về phía Đông Nam.

Vào nửa đầu thế kỷ XVII, nơi đây người Chăm đã dựng một ngôi đền thờ Nữ thần Ana, vị thần thiêng liêng của người Chăm, để mong được Bà phù hộ.

Đảo Phú Quý

Có diện tích 16,5km^2, dân số gần 21.000 người. Phú Quý nằm trên tuyến giao lưu giữa đất liền với đảo Trường Sa, cách Phan

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thiết 120km, cách Vũng Tàu 200km, Côn Đảo 330km, cách Trường Sa 540km, nằm tiếp cận tuyến hàng hải quốc tế.

Phú Quý là điểm trung chuyển hậu cần quan trọng giữa đất liền và quần đảo Trường Sa, là "căn cứ nổi" phục vụ các đội tàu đánh bắt hải sản xa bờ. Với vị trí quan trọng đó, người ta đã xây trên đảo ngọn hải đăng để hướng dẫn tàu bè qua lại.

DI TÍCH

Trường Dục Thanh

Được xây dựng năm 1907 (cùng năm xây Trường Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội) tọa lạc trên đất của làng Thành Đức, nay là số 39 đường Trưng Nhị, Thành phố Phan Thiết, do hai cụ Nguyễn Trọng Lôi và Nguyễn Quý Anh (là 2 người con của nhà thơ yêu nước Nguyễn Thông) thành lập.

Năm 1910, trên hành trình đi tìm đường cứu nước, thầy giáo Nguyễn Tất Thành (sau là Chủ tịch Hồ Chí Minh) đã dừng chân dạy học ở Trường Dục Thanh một thời gian. Khoảng tháng 2 năm 1911, thầy giáo Thành rời trường vào Sài Gòn, xuất dương tìm đường giải phóng dân tộc. Hiện trường còn lưu giữ nhiều hiện vật quý gắn bó với thời gian dạy học của thầy giáo Thành như: án thư, nghiên mực, bộ tràng kỷ... Ngày nay Trường Dục Thanh trở thành một nơi tham quan du lịch.

Bảo tàng Hồ Chí Minh - chi nhánh Bình Thuận

Sau ngày giải phóng, chính quyền và nhân dân Bình Thuận đã xây dựng nên Bảo tàng Hồ Chí Minh trong một khuôn viên rộng, cạnh khu di tích Trường Dục Thanh, nằm bên bờ sông Cà Ty thơ mộng, để lưu lại cho con cháu mai sau những kỷ niệm thân thiết về Bác Hồ. Bảo tàng là một công trình đẹp, chia làm 2 phần: phần tượng đài Bác Hồ và vườn hoa, khu nhà 2 tầng có nhiều gian trưng bày hiện vật gắn liền với thầy giáo Thành và chặng đường hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đình làng Đức Thắng

Thuộc phường Đức Thắng, được xây vào cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX để thờ thần Thành hoàng làng. Lúc đầu chỉ là nhà tranh vách đất, đến năm 1811 đình được xây lại với qui mô như ngày nay, nhưng thời gian xây kéo dài cho tới năm 1847 mới hoàn thành. Đình Đức Thắng kiến trúc theo lối dân gian "*tứ trụ*" (dùng 4 cột lớn làm cột chính). Phần cổ lầu trên đình chính là nơi tập trung các tác phẩm trang trí nghệ thuật trên gỗ. Các nghệ nhân xưa dùng kỹ thuật chạm lộng để thể hiện. Đền hiện còn lưu giữ nhiều sắc phong do các vua triều Nguyễn ban tặng. Ngoại thất đình được trang trí bằng kỹ thuật đắp nổi và ghép mảnh sành sứ tạo nên nhiều tác phẩm đẹp. Đình Đức Thắng được Nhà nước xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật năm 1991.

Đình làng Đức Nghĩa

Được xây dựng vào những thập niên đầu của thế kỷ XIX, có tên là đình Thành Đức, sau đó do sự sáp nhập giữa làng Thành Đức và làng Vạn Nam Nghĩa, đình được mang tên ghép Đức Nghĩa như ngày nay. Đình tọa lạc trên đồi cát cao, phía trước có ao sen lớn thuộc phường Đức Nghĩa. Hiện đình có dạng kiến trúc gần như đình làng Đức Thắng, cổ lầu là nơi tập trung phần trang trí nghệ thuật đặc sắc. Nổi bật nhất ở đình Đức Nghĩa là nghệ thuật ghép sành sứ tạo nên hình tượng tứ linh.

Đình làng Đức Nghĩa còn lưu giữ nhiều di sản văn hóa Hán Nôm, như hoành phi, câu đối... được chạm trổ công phu và lưu truyền qua nhiều thế hệ.

Đình được Nhà nước xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật năm 1991.

Đình làng Tú Luông

Đặc trưng văn hóa người Việt ở Phan Thiết trong thế kỷ trước là các công trình kiến trúc dân gian cổ như làng Vạn, đình làng, chùa... Trong đó đình làng có số lượng nhiều nhất. Mỗi làng đều

https://www.facebook.com/taybanganh/

có một ngôi đình, là một thiết chế cơ bản của làng xã. Đình làng trở thành một yếu tố văn hóa quan trọng của làng xã. Đình làng Tú Luông là một thí dụ điển hình về nhu cầu tâm linh cơ bản trong xã hội người Việt ở Phan Thiết.

Tháp Poshanư

Nằm trên đồi Ông Hoàng thuộc xã Phú Hải, cách thành phố Phan Thiết khoảng 7km về hướng Đông Bắc, nằm sát đường Phan Thiết đi Mũi Né. Cụm tháp Poshanư do người Chăm xây dựng vào cuối thế kỷ VIII, thờ thần Shiva, vị thần được người Chăm tôn thờ.

Quần thể tháp Poshanư gồm 3 tháp, một tháp chính lớn và 2 tháp phụ nhỏ. Ngoài ra, tại đây người Chăm còn xây đền thờ công chúa Poshanư. Cũng chính vì thế mà cụm tháp có tên là Poshanư. Nhưng đáng tiếc ngôi đền bị vùi lấp trong lòng đất đã 300 năm nay.

Tháp chính cao 15m, mỗi cạnh đáy dài 10m, có 1 cửa chính lớn. Trong tháp có nhiều mảng chạm trổ công phu mang đậm phong cách nghệ thuật Chăm.

Chùa Ông

Ngôi chùa cổ lớn nhất của người Hoa, thuộc phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết. Chùa được xây dựng vào tháng 11 năm 1770, thờ Quan Công, không có sư trụ trì, dân trong vùng gọi là chùa Ông. Chùa có kiến trúc đẹp. Các cột, kèo đều được chạm khắc công phu. Tất cả các cột chính đều được trang hoàng lộng lẫy bằng các câu đối sơn son thếp vàng. Hiện trong chùa còn lưu giữ pho tượng Quan Công lớn (Quan Vân Trường) và một chuông đồng cổ đúc tại Quảng Đông, Trung Quốc.

Tháp nước Phan Thiết

Một biểu trưng của thành phố Phan Thiết được khởi công xây dựng năm 1928 và hoàn thành vào đầu năm 1934 do Kiến trúc sư, Hoàng thân Xuvanuvông (sau này là Chủ tịch nước

https://www.facebook.com/taybanganh/

CHDCND Lào) thiết kế. Tháp cao 32m, phần trên là bồn nước hình bát giác (chiều cao 5m, đường kính 9m), phần dưới thân đài cao 27m, hình trụ dưới to trên thu nhỏ dần.

Chùa Cổ Thạch

Còn gọi chùa Hang, thuộc xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, do thiền sư Bảo Tạng (đời thứ 40 thuộc phái thiền Lâm Tế) xây dựng vào khoảng năm 1835, tọa lạc bên trong động trên núi Cổ Thạch ở độ cao trên 64m.

Cổ Thạch tự gồm nhiều động thờ, mỗi động đều có bài vị các nhà sư có công xây dựng chùa. Khu chính điện nằm giữa hai phiến đá lớn dựng đứng, tiếp đến là nhà tổ, gác chuông, nhà thiền, từ đường... Nơi đây còn lưu giữ nhiều di sản văn hóa quý hiếm: câu đối, hoành phi, đại hồng chung, trống sấm...

Chùa Hang được Nhà nước xếp hạng "Di tích lịch sử văn hóa" quốc gia năm 1993.

Chùa Phật Quang

Thuộc phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết, xưa kia đây là vùng đồi cát trắng, nên chùa được gọi là chùa Cát. Chùa được xây dựng vào nửa đầu thế kỷ XVIII, kiến trúc giống với các chùa khác ở Phan Thiết. Trong chùa hiện còn lưu giữ nhiều di sản văn hóa quý báu, như bản gỗ để in bộ kinh Pháp Hoa gồm 118 bản khắc cả hai mặt bằng chữ Hán, rất sắc nét và đẹp, gồm 60 vạn lời, trong đó có 7 bản khắc họa hình ảnh đức Phật đang thuyết pháp, được 2 vị khất sĩ Minh Dung và Thiết Huệ khắc hoàn thành vào năm 1734.

Chùa núi Tà Cú

Chùa núi Tà Cú tọa lạc gần lưng chừng ngọn núi ở độ cao 475m thuộc xã Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam, cách thành phố Phan Thiết 30km về hướng Đông Nam, do nhà sư Trần Hữu Đức chủ trì xây dựng năm 1879. Đây là một công trình kiến trúc

https://www.facebook.com/taybanganh/

gồm cổng tam quan, điện thờ, tượng Phật, hang Tổ... ẩn mình dưới rừng cây cổ thụ.

Trước đây, để lên đến chùa, du khách phải vượt qua hàng trăm ngàn bậc tam cấp, theo những lối đi ngoằn nghèo giữa ngọn rừng già. Ngày nay, Công ty du lịch Bình Thuận đã lắp đặt xong hệ thống cáp treo và nhà ga để đưa du khách lên đỉnh núi một cách thuận tiện và nhanh chóng. Tại đây du khách sẽ cảm nhận được không khí mát lạnh của đỉnh núi cao thoáng mát.

Chùa núi Tà Cú mang vẻ cổ kính. Tại đây có tượng Phật "Thích Ca nhập *Niết-bàn*", còn gọi tượng Phật nằm, dài 49m, được tạc năm 1962, tượng nằm trong cụm di tích chùa Linh Sơn Trường Thọ, chùa Linh Sơn Long Đoàn, gọi chung là chùa núi Tà Cú.

Hải đăng Kê Gà

Được dựng vào tháng 2 năm 1897, do kiến trúc sư người Pháp là Chnavat thiết kế. Tháp cao 65m so với mực nước biển, có 184 bậc thang xoắn ốc bằng thép dẫn tới đỉnh. Đèn chiếu sáng làm tín hiệu hướng dẫn tàu bè qua lại có công suất 2.000w. Mỗi cạnh chân đế tháp có chiều dài hơn 20m, cùng ngôi nhà lớn hình vuông mỗi cạnh 40m.

Ngọn hải đăng Kê Gà cùng với cảnh quan chung quanh đảo tạo thành một thắng cảnh di tích đẹp, tráng lệ làm say đắm lòng người.

Vạn Thủy Tú

Nằm trên đường Ngư Ông, phường Đức Thắng, do ngư dân Thủy Tú xây dựng vào năm 1762 để thờ Ông (cá voi). Kiến trúc Vạn Thủy Tú theo hình chữ "tam" (三), mặt chính quay về hướng Đông. Mới đầu Vạn Thủy Tú xây gần cửa Vạn, cạnh bờ biển, sau đó dời về địa điểm hiện nay.

Cho đến nay Vạn Thủy Tú thờ gần 100 bộ xương cá voi. Quá nửa trong số đó đã có từ trên 100-150 năm. Đặc biệt, hiện ở dinh

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vạn Thủy Tú đang trưng bày bộ xương Ông (cá voi) rất lớn và dài đã có gần 200 năm nay. Trong khuôn viên Vạn Thủy Tú có khoảnh đất rộng dùng làm nơi mai táng cá Ông, mỗi khi Ông "lụy" dạt vào bờ. Vạn Thủy Tú là một trong những di tích cổ có số lượng sắc phong lớn của các vị vua triều Nguyễn.

Nhà lưu giữ bảo vật Vương quốc Chăm

Do bà Nguyễn Thị Thềm, hậu duệ dòng vua Chăm cuối cùng lưu giữ ở xã Phan Thanh, huyện Bắc Bình, cách thành phố Phan Thiết khoảng 60km về phía Bắc. Bộ sưu tập di sản văn hóa Hoàng tộc Chăm gồm những báu vật của vua Poklongmơnai và một số ít của các vị vua Chăm những thế kỷ trước. Bộ sưu tập hiện có hơn 100 di vật nguyên gốc, đủ các loại hình và chất liệu khác nhau. Trong đó đáng chú ý là các di vật bằng vàng (vương miện, bông tai, vòng xuyến...), áo bào, đôi hia của vua Poklongmơnai và Hoàng hậu Popia Sơm.

Đền thờ Pklongmơnai

Pklongmơnai, vị vua cuối cùng của người Chăm (đầu thế kỷ XVII). Đền thờ nằm trên đồi cao, cạnh quốc lộ 1A, cách Tp Phan Thiết khoảng 60km về phía Bắc, thuộc huyện Bắc Bình.

Hiện trong đền còn có 3 pho tượng bằng đá xanh tạc vua Pklongmơnai và hai bà hoàng hậu cùng một số tượng được chạm khắc tinh vi.

Dinh Thầy Thím

Thuộc huyện Hàm Tân. Theo truyền thuyết, dinh được xây dựng để thờ hai vợ chồng pháp sư chuyên trị bệnh giúp dân làng bằng pháp thuật. Hằng năm, vào ngày 15 và 16 tháng 9 âm lịch, nhân dân đến dinh Thầy Thím tổ chức lễ hội nhân dịp giỗ Thầy Thím.

Chùa Linh Sơn

Là ngôi chùa cổ ở huyện đảo Phú Quý tọa lạc trên đồi cát cao được dựng vào năm 1747 đời vua Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hưng thứ 8. Hiện còn lưu giữ nhiều văn tự viết về sự hình thành cư dân trên đảo với nhiều di sản văn hóa cổ.

LỄ HỘI

Hội dinh Thầy Thím

Hằng năm vào những ngày 15 và 16 tháng 9 âm lịch tại dinh Thầy Thím, Hàm Tân diễn ra lễ hội lớn nhân dịp giỗ Thầy - Thím. Ngày nay, trong lễ hội người dân địa phương đến dinh để cầu nguyện, cúng tế... trở thành một nét văn hóa đặc sắc, thu hút nhiều người tham gia.

Lễ hội Mbăng Katê

Là lễ hội quan trọng có quy mô lớn nhất của người Chăm theo đạo Bàlamôn, tổ chức vào tháng 8, tháng 9 âm lịch tại các lăng tẩm, đền miếu các gia đình đồng bào Chăm. Mbăng Katê là lễ Tết tưởng nhớ thần linh, các anh hùng, tổ tiên, các vị vua có công với nước đã được thần thánh hóa như Poklong Garai, Pôrômê... Đây cũng là dịp để nhân dân hành hương, tổ chức gặp mặt, thăm viếng và thờ phụng tổ tiên. Trong lễ thường có các nghi lễ dâng cúng và rước thần, đội mũ, mặc áo và tắm tượng. Sau buổi lễ, mọi người ngâm thơ, chơi nhạc và nhiều trò chơi giải trí khác.

Lễ hội cầu yên

Là lễ hội truyền thống của người Chăm Bà Ni, tổ chức vào đầu tháng Giêng theo lịch Chăm, tức là vào tháng 4 dương lịch. Người Chăm gọi là *Raja Prông*. Buổi lễ bắt đầu lúc chạng vạng tối. Đó là lúc dân làng làm lễ nguyện cầu những điều tốt lành sẽ đến trong năm mới. Sau phần nghi lễ, tổ chức các cuộc vui chơi văn nghệ.

Lễ hội Nghinh Ông

Lễ hội xuất phát từ tín ngưỡng thờ Cá Ông (cá voi), được tổ chức trùng với ngày Vía (ngày mất) của cá, kéo dài trong ba ngày từ 16 đến 18 tháng 8 âm lịch hằng năm, bao gồm lễ cúng Ông, lễ nghinh Ông (đón cá). Sau phần lễ là hội, tổ chức múa rồng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

CÀ MAU

Cà Mau, tách ra từ tỉnh Minh Hải, là một tỉnh ở cực Nam đất nước. Cà Mau là tỉnh có bờ biển dài nhất so với các tỉnh ven biển Việt Nam, vì ba mặt của Cà Mau đều là biển. Phía Bắc giáp Kiên Giang, phía Đông Bắc giáp Bạc Liêu, phía Đông và Đông Nam giáp biển Đông, phía Tây và Tây Nam giáp Vịnh Thái Lan. Cà Mau có diện tích tự nhiên trên 5.200km2, dân số trên 1 triệu người.

Về đơn vị hành chánh có tỉnh lỵ là thành phố Cà Mau và các huyện: Đầm Dơi, Ngọc Hiển, Cái Nước, Trần Văn Thời, U Minh, Thới Bình. Tỉnh Cà Mau là nơi sinh sống của các dân tộc Kinh, Hoa, Khơme và đồng bào Chăm.

Cà Mau là vùng đất bồi mới, bao gồm: đất mặn, đất phèn, đất than bùn và đất bãi bồi, tạo nên những cánh đồng phì nhiêu. Đây là vùng sông nước chằng chịt. Người dân Cà Mau ra khỏi nhà là bước lên thuyền ba lá hoặc xuồng máy... Có 7 con sông chính: Ông Đốc, Bảy Tháp, Cái Lớn, Gành Hào, Đầm Dơi, Trẹm và Bạch Ngưu. Ngoài khơi Cà Mau có các đảo Hòn Khoai, Hòn Chuối, Hòn Đá Bạc.

Cà Mau với bờ biển dài, ngư trường lớn, nguồn hải, thủy sản phong phú nên có khả năng đánh bắt hải sản rất lớn. Cà Mau cũng là nơi có nhiều nông trường nuôi tôm.

Cà Mau nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, có hai mùa rõ rệt. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 8. Mùa khô từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình hằng năm là 2.500mm. Nhiệt độ trung bình cả năm là 26-270C.

Cà Mau có giao thông thủy bộ thuận tiện. Đường số 4, Cần Thơ đi Cà Mau 180km, từ Cà Mau đi Năm Căn (qua Cái Nước) 55km. Từ Cà Mau đi Rạch Giá, Kiên Giang 130km. Là một tỉnh có nhiều kênh rạch chằng chịt nên phương tiện vận chuyển thủy rất thuận lợi.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thành phố Cà Mau trong những năm gần đây có tốc độ phát triển kinh tế nhanh. Đường quốc lộ 1A đoạn Cà Mau đi Ngọc Hiển đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Cảng biển quốc tế Năm Căn và các cảng cá, cũng như sân bay Cà Mau đang được cải tạo để đưa vào sử dụng. Thành phố Cà Mau là một trung tâm thương mại lớn với siêu thị Cà Mau và khách sạn sang trọng 3 sao đang là những điểm thu hút du khách.

Cà Mau, mảnh đất tận cùng của Tổ quốc, là một bức tranh hài hoà giữa trời, biển và rừng ven biển với một hệ động, thực vật phong phú ít nơi có được, phong cảnh hữu tình xinh đẹp như Hòn Khoai, Hòn Đá Bạc, với những sân chim kỳ thú như sân chim Ngọc Hiển, Đầm Dơi, Cái Nước, rừng tràm U Minh, rừng đước Năm Căn...

Cà Mau có nhiều di tích lịch sử văn hóa mang đậm nét đa sắc tộc.

THẮNG CẢNH

Vườn chim Đầm Dơi

Cách thành phố Cà Mau 45km về phía Đông Nam, thuộc huyện Đầm Dơi, vườn chim Đầm Dơi là nơi sinh sống, tụ tập của đàn cò đông đúc nhất gồm nhiều loại, và là nơi du khách dễ quan sát nhất. Sáng sáng, từng đàn cò bay đi kiếm ăn, khi hoàng hôn sắp buông xuống là lúc những đàn cò lục tục bay về tổ trong tiếng kêu vang vọng và tiếng vỗ cánh rập rình làm náo động cả không gian.

Hòn Khoai

Cụm đảo Hòn Khoai cách đất liền gần 15km, nằm về phía Tây Nam thị trấn Năm Căn, thuộc huyện Ngọc Hiển, gồm 5 đảo nằm liền kề nhau là: Hòn Khoai, Hòn Sao, Hòn Đổi Mới, Hòn Đá Lẻ và Hòn Tương, với tổng diện tích khoảng 4km2. Đảo cao nhất là 318m. Khác với các đảo ở đồng bằng sông Cửu Long, đảo

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hòn Khoai có cấu tạo bằng đá. Rừng gần như còn nguyên vẹn với nhiều loài động thực vật quý hiếm. Đảo Hòn Khoai đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích danh lam thắng cảnh năm 1994.

Hiện ngành du lịch Cà Mau đang đi vào khai thác tuyến du lịch Năm Căn - Hòn Khoai.

Vùng đất Năm Căn

Năm Căn là thị trấn huyện lỵ huyện Ngọc Hiển, cách thị xã Cà Mau 53km. Thị trấn Năm Căn nằm về phía Đông Vịnh Thái Lan, nơi các con sông Bảy Háp và Cồn Lớn đổ ra biển.

Năm Căn còn là một chợ nổi nổi tiếng miền Tây. Năm Căn có một sân bay nhỏ xây dựng từ trước năm 1975. Hãng hàng không dân dụng Việt Nam đang có kế hoạch nâng cấp sửa chữa sân bay này. Cảng biển Năm Căn (còn gọi là cảng Cà Mau) đang tiến hành nạo vét luồng lạch và đang xây dựng hệ thống cầu tàu, tạo cho tàu 5.000 tấn có thể ra vào dễ dàng ăn hàng. Cảng Năm Căn là nơi xuất khẩu trực tiếp của tỉnh.

Năm Căn có nguồn chất đốt khá quan trọng đó là than đước. Năm Căn còn có đặc phẩm thức ăn gia súc chế biến từ lá cây mắm trắng, một nguồn nguyên liệu vô tận.

Mũi Cà Mau

Thuộc huyện Ngọc Hiển, là mũi đất tận cùng của đất nước, cách thành phố Cà Mau 118km đường thủy. Nơi đây lượng phù sa bồi đắp hằng năm gần 100m ra phía biển. Đất bồi đến đâu, rừng sú vẹt mọc đến đó.

Hòn Đá Bạc

Thuộc huyện Trần Văn Thời, có diện tích tự nhiên gần 6,5ha, cách thành phố Cà Mau khoảng 50km đường thủy, là một cụm đảo đẹp gồm 3 đảo nằm sát bờ biển. Trên đảo có nhiều cảnh đẹp như sân Tiên, giếng Tiên, bàn chân Tiên, bàn tay Tiên, chùa Cá Ông. Hòn Đá Bạc có một hệ sinh thái thực vật phong phú.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lâm Viên 19-5

Nằm gần trung tâm thành phố, thuộc phường 1 thành phố Cà Mau, có diện tích rộng 18,2ha, là khu vui chơi giải trí cuối tuần của người dân thành phố Cà Mau. Nơi đây có sân chim rộng 2ha, nơi sinh sống của nhiều loài chim quý hiếm. Hiện Lâm Viên 19-5 đang được tỉnh đầu tư nâng cấp mở rộng sân chim lên tới 6ha, gấp 3 lần sân chim cũ.

Rừng U Minh

Nằm sát Vịnh Thái Lan, trải dài từ sông Ông Đốc (phía Nam) đến tận Rạch Giá (phía Bắc). Phần trên (phía Bắc) gọi là U Minh Thượng, phần dưới là U Minh Hạ. Con sông Trẹm và sông Cái Tàu chảy qua giữa U Minh Thượng và U Minh Hạ. Rừng U Minh chủ yếu là cây tràm, xen lẫn vào là các loài dây leo, thân thảo hoang dại. Dưới rừng U Minh suốt ngày chìm trong bóng tối, bởi tán rừng tràm và dây leo đan xen dày kín không một giọt nắng nào lọt qua nổi. Tràm có thể sống 25-30 năm và trở thành cây cổ thụ, gỗ có thể dùng làm nhà cửa.

Rừng tràm U Minh Hạ ở Cà Mau rộng khoảng 90.000ha. Rừng U Minh là căn cứ kháng chiến của nhân dân và quân đội ta trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ.

Rừng Sác

Là loại rừng ngập mặn ở vùng duyên hải, thành phần chủ yếu của rừng Sác là cây mắm, đước, dừa nước, chà là... Vùng đất mũi, thuộc miệt Năm Căn, Ông Bong, Bà Hương, Láng Tròn, Ông Đốc, Ông Sào đều là miền đất của rừng Sác. Do nước thủy triều, rừng Sác trở thành nơi lý tưởng cho các loài tôm, cá, chim, cò sinh sống. Người dân ở vùng này chủ yếu sống bằng nghề đánh bắt thủy sản và nuôi tôm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

DI TÍCH

Chùa Quan Âm

Nằm ở số 84/4 đường Rạch Chùa, phường 4, thành phố Cà Mau. Chùa do Hoà thượng Tô Quang Xuân dựng vào khoảng giữa thế kỷ XIX. Lúc đầu chỉ là một am nhỏ để hoà thượng tu hành và là nơi chữa bệnh cho dân. Sau đó hoà thượng về chùa Kim Chương (Gia Định) lấy pháp hiệu là Tri Tâm. Năm 1842, vua Thiệu Trị sắc phong hoà thượng và sắc tứ cho chùa Quan Âm.

Kiến trúc chùa hiện nay là do Hoà thượng Thiện Tường và Thiện Đức xây vào năm 1936. Trong chùa có bia dựng "Sắc tứ Quan Âm Cổ tự" và tháp Hoà thượng Tri Tâm.

Đình Tân Hưng

Đình Tân Hưng được xây dựng năm 1907, trên tuyến Kênh Rập, đường đi huyện Cái Nước thuộc địa phận xã Lý Văn Lam, thành phố Cà Mau, cách trung tâm thành phố Cà Mau khoảng 4km về phía Tây Nam. Trải qua 2 cuộc kháng chiến bị bỏ hoang phế, bị hư hỏng nặng toàn bộ. Trên nền cũ, nhân dân xây dựng lại ngôi đình mới nhỏ hơn, nền xây đá hộc, mái lợp ngói máng. Mặt trước có 4 cột bằng xi măng cốt thép. Dưới chân cột kê đá tảng. Cấu trúc mái đình giống chiếc bánh ít. Trên nóc có 2 rồng chầu.

Năm 1930, đình Tân Hưng là nơi đầu tiên ở Cà Mau treo cờ Đảng, lá cờ búa liềm. Đây cũng là nơi đóng quân của Bộ Chỉ huy mặt trận Tân Hưng, mặt trận chống quân Pháp ở Cà Mau.

Năm 1992, đình Tân Hưng được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử.

Chùa Hưng Quảng

Ở số nhà 26 đường Phan Ngọc Hiển, thành phố Cà Mau. Chùa xây dựng từ năm 1850, được Tịnh Độ Cư Sĩ, Phật hội Việt

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nam trùng tu vào năm 1963. Trong chùa có Phòng thuốc Nam Phước Thiện, trị bệnh miễn phí, được thành lập từ năm 1954 và hoạt động cho đến nay.

Hồng Anh Thư quán

Là cơ sở của Chi hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội tại Cà Mau được thành lập từ tháng 1 năm 1928. Chức năng, nhiệm vụ của chi hội là tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên, học sinh, đồng thời tạo điều kiện cho sự ra đời của các cơ sở Đảng Cộng sản tại Cà Mau.

Hồng Anh Thư quán vốn là hiệu sách tiến bộ của Chi hội đặt tại tầng 1, căn 2, nhà số 41 đường Phạm Văn Ký, phường 2 thành phố Cà Mau ngày nay. Hiệu sách của Chi hội chuyên bán các loại sách báo tiến bộ xuất bản ở Sài Gòn thời bấy giờ, trong đó có cuốn "Tư bản luận" của Mác và Ăngghen.

Hồng Anh Thư quán là ngôi nhà 2 tầng gồm 2 căn rộng 74m2, gần chợ Cà Mau, được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử Cách mạng năm 1992.

Khu căn cứ Tỉnh ủy ở Lung Lá, Nhà Thể

Nằm cách thành phố Cà Mau khoảng 15 km về phía Tây Nam thuộc xóm Lung Lá, Nhà Thể, được Tỉnh ủy Cà Mau chọn làm căn cứ từ năm 1938-1940. Nơi đây, bà Bùi Thị Thượng được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy đầu tiên. Ngày 26-11-1940, ông Trần Văn Thời, Bí thư Tỉnh ủy triển khai Nghị quyết khởi nghĩa Nam Kỳ của Xứ ủy. Tại cuộc họp này, ông Phan Ngọc Hiển được giao nhiệm vụ chỉ đạo khởi nghĩa Hòn Khoai và đã giành thắng lợi ngày 13-12-1940.

Để tưởng nhớ đến khu di tích cách mạng, ngày 9-8-1997, nhân dân Cà Mau đã khởi công xây dựng công trình khu di tích căn cứ Tỉnh ủy Lung Lá, Nhà Thể và khánh thành ngày 13-12-1997. Khu di tích gồm: Nhà lưu niệm ông Trần Văn Thời, Bia kỷ

https://www.facebook.com/taybanganh/

niệm di tích (rộng 144m^2), Nhà truyền thống (100m^2). Toàn bộ công trình tọa lạc trong một khuôn viên rộng 1.860m^2.

LỄ HỘI

Như trên đã nói Cà Mau là vùng đất mới được khai phá vào cuối thế kỷ XVII, người dân tới đây làm ăn sinh sống cũng muộn hơn. Người dân Cà Mau vốn là dân di cư tự do từ nhiều vùng khác nhau của đất nước, có cả người Kinh, Hoa, Khơme và Chăm... Vì vậy, các lễ hội truyền thống của vùng đất mới này mang đậm sắc thái đa dân tộc. Người Việt có Tết Nguyên Đán, người Khơme có Tết Chol Chnam Thmay, lễ Đôn Tà (Delta), lễ Cầu An. Trong đó đáng chú ý là:

Lễ cúng Kỳ Yên (Cầu An)

Đây là một lễ hội lớn rất phổ biến vùng sông nước đồng bằng sông Cửu Long, một sinh hoạt văn hóa tinh thần không thể thiếu đối với người dân miền Tây Nam Bộ.

Hằng năm lễ cúng Kỳ Yên được tổ chức vào 3 ngày từ 15 đến 17 âm lịch (còn tháng tùy từng địa phương lựa chọn). Lễ diễn ra hầu khắp các đình làng của Nam Bộ. Hầu hết các làng Nam Bộ đều có đình thờ thần. Thần có thể là người có công lớn đối với làng như người khai sơn lập ấp, hoặc ông tổ nghề truyền thống của làng... nên được dân làng lập đình thờ phụng, hoặc được vua ban sắc tứ, hoặc cũng có thể chỉ là nhân vật thần thoại được dân làng suy tôn.

Bắt đầu lễ cúng là lễ thỉnh thần về (đúng vào ngày rằm) với nghi lễ rước kiệu về đình làng. Đồ cúng là heo (lợn) quay, mâm xôi cẩm tím, bánh hỏi trắng tinh. Theo sau đám rước là đội múa lân, theo nhịp trống và tiếng nhạc lễ. Khách dự cúng xong xuống trai đường ăn cỗ làng. Sau lễ là phần hội được tổ chức linh đình, đặc biệt là hát bội. Hát thâu đêm suốt sáng, hát từ ngày này qua ngày khác cho hết 3 ngày lễ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

CAO BẰNG

Là tỉnh miền núi, vùng cao biên giới, nằm về phía Đông Bắc Bắc Bộ. Cao Bằng có tổng diện tích tự nhiên là 6.690km^2, dân số khoảng trên 560 nghìn người. Phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc với đường biên giới 311km. Phía Nam giáp tỉnh Bắc Kạn và Lạng Sơn, Tây giáp Tuyên Quang và Hà Giang. Về đơn vị hành chính có thị xã Cao Bằng và 12 huyện: Bảo Lạc, Hà Quảng, Thông Nông, Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Nguyên Bình, Hoà An, Bảo Lâm, Quảng Uyên, Phục Hoà, Hạ Lang và Thạch An.

Địa hình Cao Bằng chủ yếu là đồi núi, độ cao trung bình là 600 đến 700m với hệ thống núi đá vôi chạy dài dọc theo biên giới Việt - Trung phía Bắc. Với địa hình núi đá vôi, nên Cao Bằng có nhiều hang động kỳ thú như động Ngườm Ngao, hang Pắc Bó... rất hấp dẫn du khách mỗi khi tới thăm non nước Cao Bằng.

Cao Bằng có khí hậu gió mùa chí tuyến á nhiệt đới, mùa đông khá lạnh và khô. Một năm có 4 mùa rõ rệt: xuân, hạ, thu đông. Nhiệt độ trung bình mùa hè 25-28^{0}C, mùa đông 16-17^{0}C. Ở vùng núi cao như Trùng Khánh, Trà Lĩnh, mùa đông thỉnh thoảng có tuyết rơi.

Hệ thống sông suối phân bố khá đồng đều. Quốc lộ số 3 nối Cao Bằng với Hà Nội dài gần 300km.

Non nước Cao Bằng có nhiều núi cao, với những hang động kỳ khu, sông hồ, thác nước kỳ vĩ và những cánh rừng nguyên sinh phong phú động thực vật, tạo nên một cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, mang đậm nét hoang sơ, rất thích hợp cho du lịch dã ngoại...

Cao Bằng, mảnh đất nổi tiếng giàu đẹp qua câu ca dao:

"Nàng về nuôi cái cùng con,

Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng."

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đây là nơi sinh sống của nhiều dân tộc anh em như: Tày, Nùng, Dao, H'mông, Kinh, Hoa, Sán Chỉ...

THẮNG CẢNH

Thác Bản Giốc

Thác Bản Giốc là một tuyệt phẩm thiên nhiên vô giá mà trời đất đã ban tặng cho vùng đất Cao Bằng giàu truyền thống chống giặc ngoại xâm. Bản Giốc là một thác nước cao hùng vĩ và đẹp nhất Việt Nam, nằm trên biên giới Việt - Trung, thuộc địa phận xã Đạm Thủy, huyện Trùng Khánh, cách huyện lỵ Trùng Khánh khoảng 25km về phía Đông Bắc, cách thị xã Cao Bằng khoảng 90km. Theo đường tỉnh lộ 206 về phía Bắc qua thị trấn Nước Hai, vượt đèo Mã Phục, du khách sẽ đến huyện lỵ Trùng Khánh, đi tiếp 25km nữa sẽ đến thác. Thác nằm trên dòng sông Quây Sơn, bắt nguồn từ Trung Quốc chảy sang, sau khi len lỏi qua những cánh rừng và thung lũng, bỗng nhiên dòng sông bị chặn lại bởi những tầng đá cao ngất, dòng nước vội vã trút xuống xuôi về hạ lưu để quay về xứ sở bắt nguồn, Trung Quốc.

Bờ sông bên này, cảnh quan đẹp nên thơ với những thảm cỏ, núi rừng xanh ngắt, giữa trời cao, những áng mây trắng bồng bềnh, đang soi mình xuống dòng sông Quây Sơn trong vắt, hai bên bờ đầy hoa dại muôn sắc, chen lẫn giữa những thửa ruộng lúa vàng óng vào mùa vụ.

Ở độ cao 53m, thác Bản Giốc chia thành 3 tầng, gồm nhiều ngọn thác lớn nhỏ. Thác rộng khoảng 300m. Những khối nước đổ xuống qua nhiều bậc đá vôi tạo thành màn bụi nước trắng xóa. Vào những sáng mai hồng, khi mặt trời chiếu sáng qua màn sương nước tạo thành "bảy sắc cầu vồng" - Giữa thác có một khối đá rộng phủ đầy cây cối đã xẻ dòng thác thành ba luồng nước như ba dải lụa trắng. Ngày đêm thác nước cuồn cuộn đổ xuống những tảng đá phẳng làm tung lên vô vàn hạt bụi nước trắng xóa cả một vùng rộng lớn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Dưới chân thác là mặt sông rộng, nơi vui chơi của những du khách trên những bè mảng thô sơ hay những chiếc xe đạp nước, để thả hồn về nơi núi sông, thỏa chí thư giãn sau những ngày lao động mệt nhọc.

Cách thác Bản Giốc không xa là động Ngườm Ngao dài khoảng 3km, được đánh giá là một trong những hang động đẹp của Việt Nam.

Thác Bản Giốc không chỉ là điểm du lịch hấp dẫn đối với du khách trong nước, bạn bè quốc tế, đặc biệt là du khách Trung Quốc anh em, mà còn là nguồn thủy điện dồi dào trong một tương lai gần.

Hồ Thang Hen

Từ trên đỉnh núi cao xã Quốc Toản, huyện Phục Hoà nhìn xuống, giữa cảnh núi rừng trùng điệp, một cảnh thiên nhiên hùng vĩ hiện ra với những hàng cây xanh vươn mình trên những vách đá cheo leo, soi bóng xuống mặt nước trong xanh, uốn vòng theo lòng thung lũng, đây đó những tảng đá ngầm. Đó là hồ Thang Hen, gồm 36 hồ đẹp, nằm trên những đỉnh núi cao, cách mặt biển hàng ngàn mét.

Huyền thoại kể rằng, xưa ở vùng Quảng Hoà có một chàng trai thông minh, tuấn tú, đã làm thổn thức bao trái tim cô gái trong vùng. Chàng thi đỗ làm quan và được ban thưởng 7 ngày vinh quy về quê rồi vào kinh đô nhậm chức. Trước khi lên đường lai kinh, chàng đã kết duyên cùng nàng Bióoc nết na, xinh đẹp. Vui duyên mới, mải quyến luyến bên người vợ, chàng quên mất việc phải về kinh. Đến đêm thứ 7 chàng mới sực nhớ và hốt hoảng, vội chia tay người vợ mới cưới và bố mẹ, rồi dốc hết sức trai trẻ của mình chạy đi cho kịp. Vượt qua 36 thung lũng núi đá giữa đêm tối, chàng kiệt sức ngã khuỵu, đầu đập vào núi Mã Phục và chết. Ba mươi sáu thung lũng ấy chính là 36 hồ nước lớn nhỏ với những tên gọi khác nhau ở vùng rừng núi của huyện

https://www.facebook.com/taybanganh/

Quảng Hoà. Mùa mưa, nước ở các hồ dâng lên mênh mông. Mùa khô, hầu hết các hồ đều cạn, chỉ có hồ lớn là còn nước.

Hồ Thang Hen hình thoi, chiều rộng khoảng 300m, chiều dài khoảng 1.000m, nước trong xanh quanh năm, hằng ngày vẫn có hai đợt thủy triều lên xuống, phải chăng hồ Thang Hen ăn thông ra biển? Bên cạnh hồ Thang Hen còn có hồ Thang Luông, giữa hồ có một quả núi nhô lên trông rất ngoạn mục. Hồ Thang Hen là điểm du lịch sinh thái đầy hấp dẫn.

Hồ Khuổi Lái

Nằm giữa các sườn đồi huyện Hoà An, cách thị xã Cao Bằng 13km về phía Nam theo quốc lộ 3. Hồ rộng 27ha, nước quanh năm trong xanh, phẳng lặng. Chung quanh hồ là những rừng cây xanh mướt, khí hậu mát mẻ, trong lành. Hồ Khuổi Lái là địa điểm lý tưởng cho những chương trình du lịch sinh thái, câu cá, săn bắn (theo mùa), hoặc thơ mộng hơn, du khách có thể dùng du thuyền dạo chơi quanh hồ, tận hưởng không gian trong lành của thiên nhiên kỳ diệu.

Hồ Khuổi Lái không chỉ là nơi nghỉ ngơi thư giãn cuối tuần của người dân thị xã mà còn là nơi thưởng ngoạn của du khách thập phương có dịp tới thăm Cao Bằng.

Pắc Bó - Cội nguồn của Cách mạng Việt Nam

Từ thị xã Cao Bằng đi thêm khoảng 52km về hướng Bắc dễ dàng đến được khu di tích Pắc Bó. Pắc Bó theo tiếng dân tộc có nghĩa là "Đầu nguồn". Chính Pắc Bó thực sự trở thành cội nguồn của Cách mạng Việt Nam, bởi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, dưới cái tên Hồ Chí Minh, sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước đã quyết định chọn Pắc Bó làm căn cứ từ năm 1941 đến 1945 để lãnh đạo cuộc cách mạng tháng Tám thành công.

Tại đây Bác đã mở các lớp huấn luyện chính trị quân sự cho các cán bộ cách mạng, đồng thời dịch và xuất bản nhiều tài liệu tuyên truyền và đưa ra nhiều chủ trương quan trọng cho cuộc

https://www.facebook.com/taybanganh/

Cách mạng tháng Tám lịch sử. Đặc biệt, Người đã chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám, họp tại lán Khuổi Nậm (cách hang Pắc bó không xa) từ ngày 10-5 đến 19-5-1941, quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh và lập căn cứ cách mạng.

Ngoài hang Pắc Bó, nơi Bác Hồ sống, hoạt động trong giai đoạn 1941-1945 và lán Khuổi Nậm, khu di tích Pắc Bó còn có nhiều di tích lịch sử cách mạng quý giá khác như cột mốc biên giới 108, nơi Bác Hồ lần đầu tiên đặt chân lên đất Mẹ kể từ ngày rời đất nước trên bến cảng Nhà Rồng năm 1911, còn có bàn đá "*chông chênh dịch sử Đảng*", có suối Lênin, núi Các Mác....

Tại Nhà Bảo tàng Pắc Bó, du khách sẽ được nhìn thấy chiếc máy chữ, chiếc tráp mây cũ, đôi dép cao su giản dị... mà Bác đã dùng trong những năm tháng hoạt động ở đây.

Ngày nay Pắc Bó trở thành một địa danh thiêng liêng, là niềm tự hào của một thế hệ người Việt Nam, đồng thời Pắc Bó còn là điểm du lịch đặc sắc của "non nước Cao Bằng" "gạo trắng nước trong".

Đồi Ngườm Ngao

Cao Bằng không chỉ nổi tiếng với di tích Pắc Bó, thác Bản Giốc, mà còn lưu giữ cho mình một thắng cảnh tuyệt đẹp, đó là động Ngườm Ngao. Đây là một hang động kỳ thú được hình thành từ sự phong hóa lâu đời của đá vôi. Động nằm cách thác Bản Giốc khoảng 3km về phía hạ lưu sông Quây Sơn. Động Ngườm Ngao khá lớn: chiều dài trên 2km, gồm ba cửa chính. Trong động có nhiều nhũ đá hình thù kỳ lạ, đẹp như chốn non tiên.

Bước vào động, du khách sẽ choáng ngợp trước vẻ đẹp kỳ ảo của những dải thạch nhũ muôn màu từ trên vòm đá cao rủ xuống. Tạo hóa đã khéo khắc nên những dáng hình cho những khối đá vô tri, trở thành sống động. Kia là khối đá hình ông già, đang trầm ngâm suy nghĩ, đây là những chú voi, ngựa... đang tụ hội về đây vui hội, khiến du khách có cảm giác như mình đang

https://www.facebook.com/taybanganh/

sống trong chuyện cổ tích thần tiên. Xa xa trong hốc đá kia trông như một căn phòng "trướng rủ màn che" với nàng tiên xinh đẹp đang nghiêng mình chải tóc... Tất cả, tất cả đã phủ lên động một không gian huyền ảo, khiến du khách cảm nhận được sự giao hoà giữa đá và con người...

Với sự đặc sắc đó, động Ngườm Ngao đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là danh thắng quốc gia.

DI TÍCH

Rừng Trần Hưng Đạo

Từ thị xã Cao Bằng, đi khoảng 50km về hướng Tây Nam, sẽ đến khu rừng Trần Hưng Đạo thuộc xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình. Đây là khu rừng nguyên sinh đến nay vẫn giữ được nét hoang sơ, quanh năm khí hậu mát mẻ, nhiệt độ trung bình cả năm khoảng 15-20^{0}C.

Rừng Trần Hưng Đạo, nơi thành lập "Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân" (22-12-1944), tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam ngày nay. Khi mới thành lập "Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân" chỉ có 34 đội viên do ông Võ Nguyên Giáp chỉ huy với những vũ khí thô sơ giáo mác và súng kíp, nhưng chỉ sau 3 ngày thành lập, ngày 25-12-1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã lập nên chiến công đầu, đánh tan đồn Phai Khắt của giặc Pháp. Đây là bước ngoặt lịch sử quan trọng trên con đường đấu tranh cách mạng của dân tộc ta.

Di tích đồn Phai Khắt

Thuộc xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, vốn là một đồn binh của chính quyền thuộc địa Pháp, đã bị đội quân cách mạng non trẻ - Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, chỉ có 34 đội viên với những vũ khí thô sơ tự tạo do ông Võ Nguyên Giáp chỉ huy, đánh hạ vào ngày 25-12-1944. Hiện đồn Phai Khắt được tu sửa, trở thành nơi trưng bày hiện vật mang tính giáo dục.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Núi Lăng Đồn

Một di tích lịch sử cách mạng gắn liền với sự nghiệp hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong kháng chiến chống Pháp, núi Lăng Đồn là nơi Bác Hồ quan sát, chỉ huy Chiến dịch Biên giới năm 1950. Di tích núi Lăng Đồn, thuộc bản Nà Cạn, xã Đức Long, huyện Thạch An, cách thị xã Cao Bằng 60km theo quốc lộ 4 đi Lạng Sơn.

Di tích đồn Đông Khê

Thuộc thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, di tích đồn Đông Khê là một chứng tích lịch sử của Chiến dịch Biên Giới. Tháng 8-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thân chinh ra mặt trận trực tiếp chỉ huy đánh đồn Đông Khê. Chiến thắng Đông Khê vang dội cùng những tấm gương dũng cảm đã đi vào sử sách như Lý Viết Mưu, La Văn Cầu, Trần Cừ...

Núi Khắc Thiệu

Núi Khắc Thiệu nằm ở ranh giới giữa 2 xã Hồng Việt và Hoàng Tung, thuộc huyện Hoà An.

Núi mang tên một tù trưởng dân tộc Tày (Bế Khắc Thiệu) ở Cao Bằng đã chiêu mộ dân binh đứng lên khởi nghĩa chống quân xâm lược nhà Minh. Vị tù trưởng đã huy động quân dân xây thành, đắp lũy, tích trữ lương thực, chiêu mộ hiền tài, liên kết với Nông Đắc Thái ở Lam Sơn, phất cao ngọn cờ "Khắc Thiệu vi vương" và "Đắc Thái vi thần". Cuộc khởi nghĩa chống quân Minh nổ ra ở chiến trường Nà Khuổi (dưới chân núi Khắc Thiệu), đã trở thành mốc son chói lọi đáng tự hào về những người anh hùng Bế Khắc Thiệu, Nông Đức Thái. Dẫu đã mấy trăm năm trôi qua, nhưng những dấu tích của cuộc chiến chống ngoại xâm xưa vẫn còn rõ nét. Đó là thành đất chạy chung quanh đỉnh núi Khắc Thiệu với chu vi hơn 1km, cao 5m, chân thành rộng 0,5m. Ở chân núi có bãi bàn cờ bằng phẳng, rộng 20m, dài 100m.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Viên Minh

Ở xã Xuân Lĩnh, huyện Thạch An, chùa nằm đối diện với đền thờ Quang Triều và Hồng Liên công chúa. Chùa được dựng từ thời Lê, khoảng niên hiệu Kiền Thống (1593-1625). Chùa bị tàn phá và trở thành hoang phế. Khi nhà Lê Trung Hưng chiếm lại được Cao Bằng, chùa được sửa sang. Đến đầu đời Cảnh Hưng (1740-1786), khoảng năm Giáp Tý (1744), giặc giã nổi lên khắp nơi, chùa lại bị bỏ hoang phế, đến lúc bình yên, các thiện nam, tín nữ góp tiền đúc chuông đồng lớn, chu vi 7 thước 5 tấc, mở rộng tiền đường, Phật điện.

Chùa Sùng Phúc

Trước đây gọi là chùa Sùng Khánh, tọa lạc trên đỉnh núi Bo Càn thuộc làng Huyền Ru, xã Thanh Nhật, huyện Hạ Lang. Chùa được xây dựng khoảng giữa thế kỷ XIII. Trong Chính điện thờ Thành hoàng, Quan Âm Bồ Tát, chàng Vi Đồ và ông Thổ Thần. Chùa Sùng Khánh có quả chuông to. Khoảng năm Vĩnh Tộ (1619-1628), chuông bị rơi xuống đầm cạnh chùa, vì thế đầm này gọi là Đầm Chuông. Năm Chính Hoà (1680-1705), có người trong xã tìm thấy quả chuông ấy ở châu Thái Bình, Trung Quốc và lấy lại được. Người nhà Thanh nói quả chuông ấy từ sông Long Châu trôi ngược dòng đến bến Hắc Hà, quan châu cho thợ phá lấy đồng thì tự nhiên thấy chuông vã mồ hôi và nghe phát tiếng động dữ dội như sấm rền, bèn thôi không dám phá nữa. Đến niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786) chùa được dời đến xã Thanh Nhật và đổi tên chùa là Sùng Phúc.

Hằng năm vào 2 ngày 15 và 16 tháng Giêng âm lịch, nhân dân mở hội chùa với các trò chơi dân gian độc đáo. Chùa được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa.

Chùa Vân An

Tọa lạc tại làng Chùa, xã Hồng Trì, huyện Bảo Lạc, gồm 2 toà nhà to và đẹp. Chùa được xây dựng kiên cố, mái lợp ngói máng,

https://www.facebook.com/taybanganh/

trên nóc có đôi rồng chầu ngọc. Các vì kèo, quá giang, thượng lương trên mái đều được chạm trổ hoa văn công phu.

Trong toà nhà thứ nhất, chính giữa là bàn thờ công chúa Vân An thời nhà Lê, trước bàn thờ trang trí ô, lọng, rèm... bằng vải. Hai bên có đôi thiên nga bằng sứ, bên cạnh là chiếc kiệu sơn son thếp vàng. Phía sau bàn thờ công chúa là bàn thờ Ngọc Hoàng. Tượng Ngọc Hoàng ngồi, tay cầm thanh kiếm, hai bên có tượng Nam Tào, Bắc Đẩu. Bên trái bàn thờ công chúa là bàn thờ gồm nhiều tượng, xếp thành nhiều hàng.

Toà thứ hai, có cấu trúc bằng gỗ nghiến, có bệ thờ cao, dài, trên bệ là tượng Phật Bà Quan Âm, bên cạnh có tượng Vương Mẫu, Như Lai, Tích Ka Lý Phật, ngồi trên toà sen.

Chùa Quan Đế

Tọa lạc tại trung tâm thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, được xây dựng vào đời vua Tự Đức năm thứ 4 (1851), do nhân dân địa phương đóng góp tiền của.

Chùa Phố Cũ

Nằm ngay trung tâm thị xã Cao Bằng. Chùa được xây dựng để thờ vua Gia Long (1802-1820), Quận và Quan Thánh, các vị được nhân dân hết mực tôn kính. Hiện chùa còn lưu giữ 5 tấm bia khắc chữ Hán của 4 đời nhà Nguyễn: Gia Long, Minh Mạng, Tự Đức và Thành Thái.

Đền Kỳ Sầm

Thuộc xã Vĩnh Quang, huyện Hoà An, cách thị xã Cao Bằng 5 km trên đường thị xã Cao Bằng đi Pắc Bó. Đền thờ Đại vương Nùng Trí Cao, người dân tộc Tày, đời vua Lý Thái Tông (thế kỷ XI). Nùng Trí Cao được vua phong tước Thái Bảo và cho trấn giữ châu Quảng Nguyên. Sau khi mất ông lại được vua truy phong là Khâu Sầm Đại vương. Công lao của Nùng Trí Cao được người

https://www.facebook.com/taybanganh/

đời sau tưởng nhớ và lập đền thờ. Hằng năm vào ngày 10 tháng Giêng âm lịch, đền Kỳ Sầm mở hội với các trò chơi: tung còn, đấu vật, đấu võ, múa sư tử, múa rồng, múa lân...

Đền vua Lê

Cách trung tâm thị xã Cao Bằng 11 km, thuộc làng Đền, xã Hoàng Tung, huyện Hoà An. Đền do Nùng Tôn Phúc dựng, thờ vua Lê Thái Tổ (tức Lê Lợi Cao Hoàng đế). Đền là một di tích lịch sử gắn liền với những hoạt động của Đảng ta trong thời kỳ vận động cách mạng dân tộc, dân chủ. Tại đây, đồng chí Hoàng Đình Giong đã đứng ra thành lập "Đoàn Thanh niên Phản đế" (1930). Hiện đền thờ vua Lê được xem là di tích có giá trị đặc biệt về kiến trúc nghệ thuật. Hằng năm lễ hội đền vua Lê được tổ chức vào ngày 6 tháng Giêng âm lịch.

Đền Xuân Lĩnh

Ở xã Xuân Lĩnh, huyện Thạch An. Đền thờ Trần Quyết, người bản huyện. Vào năm Chính Hoà thứ 3 (1682) đời Lê Hy Tông, ông làm tướng tiên phong đi đánh nhà Mạc, đuổi quân Mạc đến tận biên giới, không may ông bị trọng thương tử trận, được triều đình phong hiệu là Kỳ Lịch Đại vương, tôn làm Phúc Thần. Dân bản dựng đền thờ để tưởng nhớ công lao ông.

Đền Giang Động

Cách thị xã Cao Bằng 20km, là nơi thờ thần đá và thần sông có cách nay 1000 năm. Hằng năm lễ hội đền Giang Động diễn ra vào ngày 15 tháng Giêng âm lịch. Đây là dịp để nhân dân trong vùng đến cầu may, cầu phước, mỗi độ xuân về.

Nhà thờ Thanh Sơn

Nằm trên đồi Nhà Thờ, cạnh con sông Hiến, thuộc phường sông Hiến, thị xã Cao Bằng. Nhà thờ Thanh Sơn là trung tâm tín ngưỡng của đồng bào Thiên Chúa giáo nơi đây, được xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ XX.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thành Nà Lữ

Do Cao Biền cho xây dựng vào đời Đường Ý Tông, khi đem quân xâm chiếm An Nam, cùng thời với thành Phục Hoà, thành Lạng Sơn và thành Đại La (Hà Nội). Thành thuộc làng Nà Lữ, xã Hoàng Tung, huyện Hoà An, nằm trên tuyến tỉnh lộ 203, phía Tây Bắc chợ Cao Bình. Thành có hình chữ nhật dài 800m, rộng 600m, có 4 cửa Đông, Tây, Nam, Bắc. Thành xây gạch vồ, chân thành xây bằng loại đá tảng to và phẳng. Cổng thành làm gỗ nghiến to, dày, rất kiên cố. Trong thành có 4 gò đất nổi. Mỗi gò được đặt tên: Long, Ly, Quy, Phượng. Gò đền chính là gò Long được xây cung điện chính tức đền vua Lê. Gò nổi cao nhất là gò Ly, gò lớn nhất là gò Quy ở phía Bắc thành. Chính giữa là gò Phượng.

Thành Phục Hoà

Nằm ngay cạnh quốc lộ 3, từ thị xã Cao Bằng đi cửa khẩu Tà Lùng, về phía Đông huyện Phục Hoà, cách thị trấn Phục Hoà 20km. Thành xây theo hình vuông mỗi chiều 400m, gồm 2 vòng thành, cách nhau 80m. Bên trong thành có chợ, đền và toàn bộ ruộng nhà đền.

Thành nhà Mạc

Trong cuộc nội chiến giữa họ Mạc và họ Trịnh, nhà Mạc bị thua, chạy lên Cao Bằng, chiếm thành Nà Lữ và cung điện để đóng đô. Trong những năm tháng lưu lại đất Cao Bằng, nhà Mạc cho xây dựng khá nhiều thành quách để phòng thủ và giao chiến với họ Trịnh. Ngày nay, du khách có dịp lên Cao Bằng sẽ tìm thấy nhiều thành nhà Mạc ở Bảo Lạc, Trùng Khánh, Phục Hoà... Có cả thành xây bằng đá trên núi Lam Sơn, thành xây đất ở Lũng Tàn, Nguyên Bình.

Di tích pháo đài Cao Bằng

Thuộc thị xã Cao Bằng, là một pháo đài quân sự do thực dân Pháp xây dựng. Trong chiến tranh, đây là nơi đóng quân của đạo

https://www.facebook.com/taybanganh/

quân thứ 2 của Pháp ở Đông Dương. Pháo đài được xây dựng theo mô hình chiến lũy Magino, có sở chỉ huy, trận địa pháo binh, kho vũ khí, bệnh viện dã chiến, hệ thống lô cốt, hầm ngầm phòng thủ, sân bay Nà Cạn... tạo nên một trận địa liên hoàn, phòng thủ kiên cố. Hiện pháo đài Cao Bằng không chỉ là một chứng tích lịch sử quan trọng mà còn là điểm tham quan hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

LỄ HỘI

Lễ hội mời Mẹ Trăng

Là lễ hội của người Tày vùng Đông Khê, tổ chức vào đầu xuân, diễn ra ở từng bản kéo dài từ 10 đến 15 ngày. Lễ hội cầu Mẹ Trăng ban điều lành cho dân bản, mùa màng bội thu, gia súc sinh sôi, con người khỏe mạnh... Mở đầu lễ hội là lễ dâng hoa rồi đến "*lượn hai*" (ca hát), để tiễn hồn đoàn người trần gian lên cung trăng, mời Mẹ Trăng xuống trái đất. Kết thúc lễ hội là lễ tiễn Mẹ Trăng về Trời (*slống hai*) diễn ra ở ngoài đồng. Cuối cùng, mọi người cùng nhau dùng bữa cơm vui hội của bản làng. Trong không khí lễ hội pha lẫn giữa cõi Trần và cõi Tiên là sự náo nhiệt của các trò chơi dân gian: chọi gà, đánh quay, tung còn...

Hội Lồng Tồng (Lễ hội xuống đồng)

Là lễ hội của dân tộc Tày - Nùng để mở mùa gieo trồng mới, diễn ra từ mồng 2 đến 30 tháng Giêng âm lịch. Mở đầu lễ hội là Trưởng bản đọc bài tế các thần, sau đó một lão nông có uy tín trong bản cày tượng trưng ở ruộng. Sau lễ, dân bản tổ chức các trò chơi dân gian hấp dẫn như: tung còn (trò chơi truyền thống của dân tộc Tày - Nùng), cờ tướng, đánh đu, rước rồng, múa lân, múa sư tử, tranh đầu pháo thăng thiên... Đặc biệt trong hội có hát Sli (Nùng) và lượn (của người Tày) giữa từng đôi nam nữ bên bờ suối, hay ở những cánh rừng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hội Thanh Minh

Được tổ chức tại xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên, vào khoảng tháng 3 âm lịch hằng năm. Hội gắn liền với truyền thuyết dân tộc Nùng về đôi trai gái yêu nhau nhưng không lấy được nhau. Cả hai đều nhảy xuống giếng tự vẫn. Cảm thương mối tình thủy chung ấy, dân bản lập miếu thờ và cứ mỗi dịp Tết Thanh Minh, dân bản mở hội với ý nghĩa cầu mùa cho bản, cầu phúc cho lứa đôi.

Hội Pháo hoa

Hội pháo hoa lôi cuốn nhiều chàng trai, cô gái khỏe mạnh từ nhiều nơi về tranh pháo hoa để giành chiếc vòng cầu phúc. Đây là một ngày hội vui khỏe mang tính lành mạnh với tinh thần thượng võ. Vì đây là Hội Pháo hoa đầu xuân, nên mọi người thường quan niệm ai được chiếc vòng cầu phúc thì cả năm sẽ gặp may mắn và phát tài, phát lộc. Hằng năm, hội được tổ chức vào mồng 2 tháng 2 âm lịch.

Hội đền chùa

Hằng năm, vào đầu xuân từ mồng 6 đến 15 tháng Giêng, các lễ hội diễn ra ở hầu hết các đền, chùa trong tỉnh Cao Bằng, đặc biệt là ở huyện Hoà An và thị xã Cao Bằng như đền vua Lê, chùa Đà Quận, đền Kỳ Sầm...

Đây là lễ hội cúng Thần, cúng Phật, cầu phúc cầu may, tưởng nhớ đến các bậc vĩ nhân, anh hùng dân tộc có công với nước, giúp đỡ nhân dân trong vùng. Sau lễ có các cuộc vui: thi tung còn, đánh đu và cũng là dịp để mọi người đi vãn cảnh, hái lộc đầu xuân.

https://www.facebook.com/taybanganh/

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Ngày 26-4-2003, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI đã thông qua Nghị quyết về việc chia tỉnh Cần Thơ thành thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang.

Thành phố Cần Thơ trực thuộc Trung ương có diện tích tự nhiên là 138.959,99ha với dân số 1.112.121 người, gồm 3 dân tộc: Kinh, Khơme, Hoa.

Ngày 2-1-2004, Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải đã ký Nghị định 05/2004/NĐ-CP thành lập 8 đơn vị hành chính mới trực thuộc thành phố Cần Thơ, gồm 4 quận và 4 huyện:

– Quận Ninh Kiều có 12 phường: Cái Khế, An Hoà, Thới Bình, An Nghiệp, An Cư, An Hội, Tân An, An Lạc, An Phú, Xuân Khánh, Hưng Lợi và An Bình.

– Quận Bình Thủy gồm 6 phường: Bình Thủy, An Thới, Trà Nóc, Long Hoà, Long Tuyền, Thới An Đông.

– Quận Cái Răng có 7 phường: Lê Bình, Thường Thạnh, Phú Thứ, Tân Phú, Ba Láng, Hưng Phú, Hưng Thạnh.

– Quận Ô Môn gồm 5 phường: Châu Văn Liêm, Thới An, Phước Thới, Trường Lạc, Thới Long.

– Huyện Phong Điền có 6 xã: Mỹ Khánh, Giai Xuân, Tân Thới, Nhơn Ái, Nhơn Nghĩa, Trường Long.

– Huyện Cờ Đỏ có 2 thị trấn: Thới Lai, Cờ Đỏ và 12 xã: Thới Thạnh, Định Môn, Thới Đông, Trường Thành, Trường Xuân, Trường Xuân A, Đông Thuận, Xuân Thắng, Thới Lai, Đông Bình, Đông Hiệp, Thới Hưng.

– Huyện Vĩnh Thạnh gồm thị trấn Thạnh An và 8 xã: Thạnh Lộc, Thạnh Quới, Thạnh Mỹ, Thạnh Phú, Thạnh Thắng, Trung Hưng, Vĩnh Trinh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

– Huyện Thốt Nốt gồm thị trấn Thốt Nốt và 7 xã: Thuận Hưng, Trung Nhất, Tân Lộc, Trung Kiên, Trung An, Trung Thạnh, Thới Thuận.

Trên cơ sở kế thừa những điều kiện thuận lợi về tự nhiên cũng như những thành quả kinh tế - xã hội của tỉnh Cần Thơ cũ, thành phố Cần Thơ đang tiếp tục chuyển đổi mạnh cơ cấu kinh tế, ổn định xã hội.

Thành phố Cần Thơ đang chú trọng rà soát lại quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội và đô thị; tập trung xây dựng trật tự đô thị; thực hiện có hiệu quả về cải cách thủ tục hành chính và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch và vững mạnh.

Thành phố tiếp tục phát triển công nghiệp theo hướng tập trung. Hiện nay trên địa bàn thành phố có 4 khu công nghiệp là: Trà Nóc I, Trà Nóc II, Hưng Phú I và Hưng Phú II.

Phát triển nông nghiệp năng suất cao. Hiện thành phố đang thực hiện hình thức tổ chức các nông lâm trường như nông trường Sông Hậu, nông trường Cờ Đỏ.

Cần Thơ thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa có gió Tây Nam từ tháng 4 đến tháng 11 và mùa khô có gió Đông Bắc từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau. Nhiệt độ trung bình cả năm là 27^0C, lượng mưa trung bình hằng năm là 1.635mm. Tổng giờ nắng trong năm là 2.582 giờ. Độ ẩm trung bình cả năm là 83%.

Thành phố Cần Thơ có hệ thống giao thông khá hoàn chỉnh. Về đường bộ có quốc lộ 1A đi qua, các đường liên tỉnh gần quốc lộ 91 đi An Giang, và quốc lộ 80 đi Kiên Giang. Về đường thủy, quan trọng nhất có tuyến sông Hậu, có cảng Cần Thơ. Về hàng không có sân bay Trà Nóc.

https://www.facebook.com/taybanganh/

THẮNG CẢNH

Bến Ninh Kiều

Nằm ngay trung tâm thành phố Cần Thơ, cạnh ngã ba sông Cần Thơ và sông Hậu, từ xa xưa bến Ninh Kiều đã nổi tiếng với vẻ đẹp bình dị của làng chài, bến nước, là nơi dạo chơi của nam thanh nữ tú. Từ đây thuyền bè xuôi ngược nối liền các bến sông của Thành phố Hồ Chí Minh. Du khách ngắm cảnh hoặc đến các chợ nổi, các điểm tham quan sông nước, đều xuất phát từ bến Ninh Kiều. Tại đây tập trung khá nhiều khách sạn sang trọng đầy đủ tiện nghi. Nổi lên giữa vườn hoa muôn sắc trên bến Ninh Kiều là tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh lồng lộng giữa trời mây.

Buổi tối không gì thú vị bằng được dạo chơi trên bến Ninh Kiều, ngắm mặt sông nước lấp lánh ánh đèn của những nhà hàng nổi và tàu thuyền qua lại. Trong những giây phút đó du khách mới cảm nhận trọn vẹn cái sắc thái vừa nên thơ, bình dị, lại vừa sầm uất hiện đại của nơi đây.

Hằng năm, mỗi độ xuân về Tết đến, hội hoa xuân truyền thống lại được tổ chức tại bến Ninh Kiều, càng làm tăng thêm sắc màu cho bến nước mang cái tên rất mỹ miều này.

Vườn du lịch Xuân Mai

Ở phường Phước Thới, quận Ô Môn, trên đường đi vườn cò Thốt Nốt. Vườn du lịch Xuân Mai có diện tích 12.000m^2, trong tương lai mở rộng thêm 9.000m^2 nữa. Đến đây du khách có thể tận hưởng không khí trong lành dưới tán những cây trái xanh tươi, thưởng thức những món ăn Nam Bộ đượm mùi đồng quê dân dã.

Làng du lịch Mỹ Khánh

Mỹ Khánh thuộc huyện Phong Điền, ngoại thành Cần Thơ. Làng du lịch Mỹ Khánh rộng 40.000m^2. Khu vườn cây ăn trái này có hơn 20 loài cây đặc sản miền Tây Nam Bộ. Đặc biệt ở đây

https://www.facebook.com/taybanganh/

có một hồ bơi, quanh năm nước trong xanh, dành cho du khách thích bơi lội. Đến đây du khách sẽ được ăn những món ăn đặc sản miệt vườn như tôm, cá, chim, ếch và được uống nước dừa và trái cây hái tại vườn, hoặc tự tay câu cá cho bữa ăn của mình.

DI TÍCH

Nhà cổ Bình Thủy

Ngôi nhà cổ Bình Thủy là một trong số ít nhà cổ của Tây Đô còn lại đến nay. Nhà cổ Bình Thủy được xây dựng vào năm 1870 trong một khuôn viên rộng 8.000m^2, trên đường Bùi Hữu Nghĩa, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Nhà được thiết kế theo kiến trúc cổ của Pháp, có pha trộn thêm vài chi tiết cách tân qua những lần tu sửa. Chiều ngang ngôi nhà 22m, sâu 16m. Toàn bộ nền nhà và một đường viền bề ngang 2m bao quanh nhà được lát gạch hoa hồng Pháp. Hơn 150m hàng rào sắt trước nhà cũng được đưa từ Pháp sang. Tuy vậy, nhìn kỹ vẫn thấy rõ nét đặc trưng của ngôi nhà nông thôn đồng bằng sông Cửu Long. Các đồ đạc bày biện bên trong rất cổ, như bộ salon đời Louis XV, ghế ngồi đời nhà Thanh, sập gụ thế kỷ XIX, chùm đèn treo thế kỷ XVIII...

Đã có nhiều đoàn làm phim trong và ngoài nước chọn ngôi nhà này đưa vào cảnh phim, trong đó có bộ phim "Người tình" nổi tiếng của Pháp.

Đình Bình Thủy

Tên cũ là đình Long Tuyền, được dựng vào năm 1814 tại phường Bình Thủy, cách trung tâm thành phố khoảng 5km về phía Tây Bắc.

Đình Bình Thủy khởi dựng bằng tranh tre, đến ngày 9 tháng Giêng năm 1853 được vua Tự Đức phong sắc "Bổn cảnh Thành hoàng". Năm 1909, ông Nguyễn Doãn Cung giúp tiền xây dựng kiên cố theo thiết kế của ông Huỳnh Trung Trinh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đình chia làm 2 khu vực: khu đình chính và khu lục ấp. Sở dĩ gọi là "lục ấp", vì dân 6 ấp tập trung ở đây. Khu đình chính gồm 5 ngôi nhà có chiều dài 38m, rộng 15,5m.

Cổng tam quan xây sát quốc lộ 1A, trên cổng có đề 4 chữ Hán "*Long Tuyền cổ miếu*". Mặt ngoài của bức bình phong dựng trước cửa đình, ở giữa đắp nổi hình rồng, mặt trong đắp nổi hình kỳ lân. Nhà tiền đình và chính điện kiến trúc theo kiểu hình vuông, mỗi chiều có 6 cột "*thượng thu hạ thách*". Mỗi hàng có 6 cột đỡ các vì kèo. Trên các cột của chính điện chạm hoa mẫu đơn. Hai cột trong chạm rồng nổi quấn quanh cột. Bức cửa võng cũng được chạm khắc tinh vi hình rồng, phượng, hoa cúc. Nhà tiền đình 2 mái chồng lên nhau. Nhà chính điện 3 mái chồng nhau theo kiểu kiến trúc "*thượng lầu hạ hiên*". Bờ nóc có gắn tượng thần "*Thái Dương Thiên Trĩ*" (thần mặt trời) và "*Thái Âm Hoàng Hậu*" (thần mặt trăng). Phía sau có tượng Nam Tào, Bắc Đẩu. Các đầu đao đắp dây lá cuốn, ở mỏm chót gắn cá hóa rồng.

Bàn thờ để chính giữa toà chính điện, bên trái sát vách có thờ hương chức, bên trong là bàn thờ hậu hiền. Bên phải sát vách là bàn thờ chức sắc và bàn thờ hậu thần.

Đình Bình Thủy thờ Thành hoàng làng và thờ các vị có công với nước như Đinh Công Tráng, Nguyễn Trung Trực, Bùi Hữu Nghĩa, Võ Duy Tập...

Mỗi năm đình Bình Thủy mở hội 2 lần: lễ Thượng điền từ ngày 12 đến 14 tháng 4 và lễ Hạ điền từ ngày 14 đến 15 tháng 12 âm lịch.

Chùa Nam Nhã

Chùa tọa lạc ở 612 đường Cách mạng táng Tám, phường An Thới. Trước là tiệm thuốc Bắc Nam Nhã Đường và là nơi hội họp, liên lạc của các phong trào yêu nước chống Pháp, như Việt Nam Quang Phục hội. Chùa do Nguyễn Giác Nguyên xây năm 1895, theo tông phái Minh Sư nên còn được gọi chùa Minh Sư. Năm

https://www.facebook.com/taybanganh/

1917, chùa được trùng tu. Sân chùa khá rộng, trồng nhiều cây, giữa sân là hòn non bộ cao hơn 2m.

Trong chính điện có bàn thờ sư cụ Giác Nguyên, Lịch Đại Tổ sư, bàn thờ Tam giáo với ba pho tượng đồng là tượng Đức Phật Thích Ca, Đức Khổng Tử và Đức Lão Tử. Tượng Hộ pháp cũng bằng đồng cao 0,30m. Hai bên chính điện là 2 ngôi nhà 5 gian dành cho phái nam và phái nữ ở. Phía sau là khu vườn mộ, nơi yên nghỉ của những người tham gia phong trào Đông Du và xây dựng chùa.

Chùa Hội Linh

Tọa lạc tại 314/36 đường Cách mạng tháng Tám, phường An Thới. Chùa được dựng năm 1907, lúc đầu bằng tre, lá, sau đó nhân dân quyên góp đã xây dựng lại vào năm 1914 kiên cố như hiện nay. Khi mới thành lập chùa có tên là Hội Long tự với ý nghĩa mong muốn sự thịnh vượng cho dân chúng quanh vùng. Cũng trong năm 1914, sau khi chùa xây xong, Hoà thượng Thích Hoằng Đạo về trụ trì chùa và đổi tên chùa là *Hội Linh cổ tự*.

Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, Hội Linh cổ tự là nơi nuôi giấu, đùm bọc các chiến sĩ cách mạng, góp phần vào chiến thắng của quân dân thành phố Cần Thơ.

Trong chùa còn lưu giữ nhiều tác phẩm nghệ thuật điêu khắc có giá trị như bức tượng gỗ Giám Trai, chuông đồng và bộ binh khí 16 chiếc và hàng chục bức tượng bằng thạch cao, xi măng và bằng gỗ.

Chùa Ông

Được xây từ năm 1894 đến 1896 ở đường Hai Bà Trưng, gần bến Ninh Kiều trên một khu đất rộng 532m^2. Chùa Ông còn có tên là Quang Triệu Hội quán. Năm 1993, chùa được Nhà nước công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật. Chùa Ông có lối kiến trúc độc đáo, được giữ gìn gần như nguyên vẹn. Chùa lợp mái âm dương với các gờ bó mái bằng ngói ống men xanh thẫm, trên

https://www.facebook.com/taybanganh/

bờ nóc có vô số hình nhân bằng gốm sứ đủ màu, có lưỡng long chầu nguyệt, cá hóa rồng, chim phượng. Ở hai đầu đao của nóc là hai tượng người cầm mặt trời, mặt trăng. Chùa thờ Quan Công (Quan Vân Trường) một vị tướng thời Tam quốc (Trung Quốc), một tấm gương trung hiếu, tiết nghĩa, ngoài ra còn thờ các vị Quan Âm Nam Hải, Thái Bạch Tinh Quân, Thổ Địa... Chùa Ông là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của người Hoa ở Cần Thơ.

Chùa Khánh Quang

Chùa do Hoà thượng Thích Huệ Thành dựng năm 1969, tại số 97 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Hiện nay chùa là nơi đặt trụ sở của Ban trị sự Phật giáo thành phố Cần Thơ.

Mộ danh nhân Phan Văn Trị

Tại Nhơn Lộc I, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Nhà thơ Phan Văn Trị quê ở Bến Tre, là một nhà Nho yêu nước nổi tiếng, đã viết nhiều tác phẩm lên án chế độ thực dân. Cụ Phan Văn Trị qua đời năm 1910 tại Cần Thơ, nhân dân thương tiếc nhà thơ đã chôn cất, lập mộ cho cụ. Mộ nằm dưới bóng mát êm ả của vườn cây hoa trái sum suê. Mộ nhà thơ Phan Văn Trị được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử cách mạng năm 1991.

Mộ Bùi Hữu Nghĩa

Bùi Hữu Nghĩa là một vị quan thanh liêm và là một soạn giả tuồng đầy tâm huyết với loại hình nghệ thuật này. Ông người thôn Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Năm 1835, Bùi Hữu Nghĩa đỗ Thủ khoa kỳ thi Hương, sau đó được bổ làm tri huyện Trà Vang.

Mộ của Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa nằm trên đường Cách mạng tháng Tám, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Năm 1994 đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử.

https://www.facebook.com/taybanganh/

LỄ HỘI

Thành phố Cần Thơ nằm giữa một vùng sông nước, là trung tâm kinh tế - văn hóa của miền Tây Nam Bộ, nơi đây mang nhiều nét văn hóa đặc sắc của vùng đồng bằng Nam Bộ, trong đó có sự kết hợp hài hoà của truyền thống văn hóa người Việt, Khơme, Hoa.

Hội đình Bình Thủy

Mỗi năm đình Bình Thủy tổ chức hai lễ hội là lễ hội Thượng điền và Hạ điền.

Lễ hội Thượng điền được tổ chức từ ngày 12 đến 14 tháng 4 âm lịch. Lễ Hạ điền tiến hành trong 2 ngày 14 và 15 tháng 12 âm lịch.

Trong lễ Thượng điền, người ta tổ chức thỉnh sắc thần. Xưa kia sắc thần được thỉnh trên chiếc bè làm từ 3 chiếc thuyền ghép lại. Trên bè trang trí nhiều màu sắc rất lộng lẫy. Sau này bè được thay bằng xe gọi là "*long xa phụng tán*" (xe rồng che tán phượng). Trong lễ Thượng điền, nhân dân tổ chức hát bội 3 ngày liền.

Trong lễ Hạ điền, có tổ chức thi làm bánh, mứt để tế thần.

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phố Đà Nẵng nằm ở miền Trung, trên trục đường bộ, đường sắt Bắc-Nam. Phía Bắc giáp Thừa Thiên-Huế, phía Tây và Nam giáp Quảng Nam, phía Đông giáp biển. Đà Nẵng có diện tích tự nhiên 1.256,2 km^2, dân số gần 750.000 người, là nơi sinh sống của các dân tộc Kinh, Hoa. Thành phố gồm 5 quận nội thành: Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Linh Chiểu và hai huyện: Hoà Vang, huyện đảo Hoàng Sa.

Địa hình Đà Nẵng khá đa dạng. Phía Bắc là đèo Hải Vân sừng sững. Phía Tây Bắc là vùng núi cao của huyện Hoà Vang

https://www.facebook.com/taybanganh/

với ngọn núi Mang cao 1.708 m và núi Bà Nà cao 1.478m. Phía Đông là bán đảo Sơn Trà hoang sơ với những bãi tắm tuyệt đẹp, chạy dài cho đến bãi biển Non Nước. Phía Nam có 5 ngọn núi Ngũ Hành Sơn: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Ngoài khơi có quần đảo Hoàng Sa.

Đà Nẵng nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, có hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12, mùa khô từ tháng 1 đến tháng 8. Nhiệt độ trung bình cả năm khoảng 28-29^{0}C. Tháng 9 và tháng 10 thường là thời gian bão lũ.

Thành phố Đà Nẵng mới thành lập năm 1888. Từ xa xưa, Đà Nẵng đã có hải cảng, là một trong những hải cảng quan trọng của Việt Nam. Ngày nay Đà Nẵng là một trung tâm kinh tế, một thành phố lớn nhất, năng động nhất ở các tỉnh duyên hải miền Trung. Đà Nẵng không chỉ có mối liên kết gắn bó với Quảng Nam mà còn với cả vùng Tây Nguyên rộng lớn, với các tỉnh miền Trung, với Lào và vùng Đông Bắc Campuchia như Môndônkiari và Natakiari.

Giao thông Đà Nẵng hết sức thuận lợi, ngoài đường bộ, đường sắt Bắc Nam, sân bay quốc tế, Đà Nẵng còn có cảng biển nước sâu Tiên Sa và 9 cầu cảng dọc sông Hàn.

Đến với thành phố biển này, du khách sẽ có dịp đi thăm các danh lam thắng cảnh: Ngũ Hành Sơn, núi Bà Nà, đèo Hải Vân, thăm các di tích chùa chiền miếu mạo và thỏa thích tắm biển.

THẮNG CẢNH

Đà Nẵng, thành phố bên sông Hàn

Sau năm 1741, Nhà nước Đại Việt chính thức tiếp nhận vùng đất mới Hàn Thị vào cương thổ của mình. Trong suốt dặm dài lịch sử, vùng đất mới Hàn Thị vững bước đi lên cùng đất Việt, và nay đã trở thành thành phố Đà Nẵng loại 1, trẻ trung đầy năng động, một trung tâm kinh tế lớn của khúc ruột miền Trung.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đà Nẵng, thành phố nằm soi bóng bên sông Hàn đầy thơ mộng, ngày một đổi thịt thay da với những đại lộ khang trang sạch đẹp ven sông, những chiếc cầu văng dây bắc qua sông Hàn, và những con tàu ngược xuôi cập cảng.

Hải Vân quan

Còn có tên gọi là Ải Vân. Đây là một đoạn đèo uốn lượn trải dài theo sườn núi Hải Vân trên 20km, từ vịnh Lăng Cô, Thừa Thiên-Huế đến Linh Chiểu, Đà Nẵng.

Hải Vân là ngọn đèo cao nhất Việt Nam (496m), đầy hiểm trở, một bên là biển sâu thăm thẳm, một bên là núi non như một bức tường thành dựng đứng. Bức tường thiên nhiên quan trọng này là một lá chắn ngăn các đợt gió mạnh từ phương Bắc thổi về. Nhờ vậy mà các tỉnh từ Đà Nẵng trở vào quanh năm ấm áp không bị ảnh hưởng lớn của các đợt gió mùa đông.

Hải Vân là đỉnh cuối cùng của dãy Trường Sơn hùng vĩ đâm ra biển.

Trên đỉnh đèo phân cách giữa hai tỉnh Thừa Thiên-Huế và Đà Nẵng, còn lưu di tích cửa ải qua đèo và thành lũy đắp ngang. Cửa hướng về Thừa Thiên-Huế đề 3 chữ "*Hải Vân quan*", cửa nhìn xuống đất Đà Nẵng đề 6 chữ "*Thiên hạ đệ nhất hùng quan*".

Đứng trên đỉnh đèo Hải Vân, ở độ cao 496m, du khách có thể ngắm nhìn toàn cảnh thành phố Đà Nẵng và cảnh thanh bình của làng chài Lăng Cô nằm ngay dưới chân đèo phía Bắc.

Để tránh tai nạn giao thông (hằng năm ở đây đã xảy ra hàng trăm vụ lớn nhỏ, làm thiệt mạng rất nhiều người), Nhà nước đã cho xây đường hầm ngầm qua đèo.

Ngũ Hành Sơn

Ngũ Hành Sơn là một cụm gồm 5 ngọn núi đá hoa cương cao, nằm cạnh nhau sừng sững bên bờ biển Đông quanh năm lộng gió. Cũng vì những ngọn núi này nằm sát bờ biển, nên nhân dân

https://www.facebook.com/taybanganh/

quen gọi là núi Non Nước. Từ xa xưa, dựa vào hình dáng, Ngũ Hành Sơn còn có các tên gọi là Ngũ Uẩn Sơn, Ngũ Chỉ Sơn. Ngũ Hành Sơn là một trong những biểu tượng đáng tự hào của Đà Nẵng, cách thành phố khoảng 8km về phía Đông Nam.

Đầu thế kỷ XIX, vua Gia Long ngự du qua đây, cảm phục trước vẻ đẹp của tạo hóa, nhà vua đã đặt tên cho cụm núi này là Ngũ Hành Sơn và đặt tên cho từng ngọn núi theo thuyết Ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Trong đó ngọn núi đẹp nhất và lớn nhất là ngọn Thủy Sơn. Ngũ Hành Sơn có nhiều hang động kỳ khu cũng được nhà vua ban tên: động Huyền Không, Hóa Nghiêm, Tàng Chân, Vân Nguyệt... Đây đó trên núi có những ngôi chùa cổ thâm nghiêm được sắc ban Quốc tự (chùa của đất nước) như: chùa Tam Thai, chùa Linh Ứng, gắn liền với những truyền thuyết linh hiển xa xưa.

Vào những ngày hè, du khách có dịp bước theo 108 bậc thang đá lên ngọn Thủy Sơn, ngắm nhìn dòng Trường Giang hiền hoà uốn lượn từ Vọng Giang đài xuôi về biển.

Thủy Sơn nằm trên một khoảnh đất rộng 15ha, có hình dáng một khối đá dựng đứng, đỉnh núi kéo dài chia thành 3 ngọn: Thượng Thai, Trung Thai và Tam Thai. Trong ngọn Thủy Sơn có nhiều hang động đẹp nổi tiếng như: động Huyền Không, Tàng Chân, Vân Thông, Linh Nham...

Động Huyền Không

Nằm bên phải, phía sau chùa Thiên Thai. Ở ngay cửa động có hai pho tượng ông Thiện và ông Ác đứng chống kiếm uy nghi. Bước vào lòng động, du khách sững sờ trước vẻ đẹp của luồng ánh sáng huyền ảo, mong manh, lung linh từ trên cao chiếu xuống như một dải lụa trắng mềm mại. Vách đá có nhiều màu sắc huyền ảo.

Động Huyền Không thoáng rộng. Nổi bật trên vách động là pho tượng Phật đang trầm tư trong một thế giới đầy biến động và nhiều bàn thờ khói hương nghi ngút.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Động Tàng Chân

Được tìm thấy từ thời những năm Cảnh Hưng (1740-1786) đời nhà Lê, nằm phía sau chùa Linh Ứng, thuộc ngọn Thủy Sơn. Động gồm 6 hang động nằm gần nhau, tạo thành một hệ thống hang động liên hoàn. Động chính như một toà lâu đài đồ sộ có chiều dài 10m, chiều rộng 7m, có cửa hang thông lên trời gọi là cửa "Thiên Long cốc". Nhờ vậy, động luôn luôn thoáng mát. Từ cửa Thiên Long Cốc, gió và ánh nắng luồn vào hang tạo thành cảnh trí huyền ảo. Giữa động là miếu thờ Thái Thượng Lão Quân, bên trái thờ Bát Bộ Kim Cang, bên phải thờ thần Chiêm Thành.

Ngoài động chính còn 5 hang động là: động Tam Thanh, hang Gió, động Chiêm Thành, động Bàn Cờ và hang Ráy. Động Tam Thanh thờ 3 vị Thánh: Thượng Thanh, Trung Thanh và Hạ Thanh. Tiếp đó là hang Gió quanh năm lộng gió. Động Chiêm Thành có hình bán nguyệt, thờ các vị thần Chiêm Thành như thần Shiva, Vishnu... Từ động chính leo lên khoảng 5m là hang Ráy, có nhiều khối đá màu sắc lung linh. Trong động Bàn Cờ có nhiều khối đá mặt trên bằng phẳng như những bàn cờ. Truyền thuyết kể rằng, xưa kia các vị tiên thường xuống ngồi đánh cờ nơi đây.

Động Quan Âm

Ở phía Nam ngọn Kim Sơn, đối diện với cửa động là khối thạch nhũ hình Quan Thế Âm Bồ Tát, cao bằng người thật, tay phải tượng nâng bình nước Cam Lộ, chân đứng trên đầu rồng đang cuộn mình giữa sóng nước. Một lớp đá mỏng lấp lánh như kim tuyến chạy từ bờ vai tượng xuống thân như tấm áo cà sa trông rất đẹp. Phía sau là Thiện Tài Đồng Tử, phía trên bên trái là chim Khổng tước, hai cánh xòe rộng, bên phải là khóm trúc, phía sau tượng là đám mây ngũ sắc. Vì vậy động có tên là động Quan Âm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Động Huyền Vi

Nằm phía sau lưng chùa Linh Sơn thuộc ngọn Hỏa Sơn. Năm 1953, Hội Phật giáo xã Hoà Hải đã phát hiện ra động này. Do sự xâm thực của nước và gió theo thời gian, động Huyền Vi đã trở thành một tác phẩm nghệ thuật khổng lồ với những hình thù kỳ thú. Ngay ở cửa hang là chú cá sấu đá thiên tạo. Trên các vách đá của động Huyền Vi là vô số những mảng "điêu khắc tự nhiên" hình cây cỏ, muông thú... Nơi này là "ngư ông ngồi câu" bên bờ nước trong xanh. Bên kia là 5 phiến đá được nghệ nhân Nguyễn Chất ngẫu hứng tạo thành 5 pho tượng Phật. Còn kia là giếng nước, được gọi là tuyền cầm. Cuối hang có chiếc "trống đất", lấy gậy gõ xuống nền, "trống đất" sẽ phát ra tiếng.

Bãi biển Non Nước

Bãi biển Non Nước với dải cát trắng mịn chạy dài 5km, phía Nam giáp biển Điện Ngọc, Bắc giáp bãi biển Bắc Mỹ An. Bãi biển Non Nước nằm kề với Ngũ Hành Sơn. Đây là bãi tắm có độ dốc thoai thoải, sóng êm, bốn mùa nước trong xanh. Một bãi tắm lý tưởng, cuốn hút du khách, là nơi nghỉ dưỡng để lấy lại sức khỏe sau những ngày lao động mệt mỏi.

Bãi biển Non Nước đặc biệt có các loài rong tảo quí hiếm như rong câu chỉ vàng, rong câu chân vịt, có giá trị xuất khẩu cao.

Bán đảo Sơn Trà

Bán đảo Sơn Trà được mệnh danh là "mái nhà xanh" của thành phố Đà Nẵng, cách thành phố khoảng 13km. Bán đảo Sơn Trà có chiều dài 15km, chỗ rộng nhất 5km, nơi hẹp nhất 1,5km, đỉnh núi cao nhất 696m. Trên bán đảo hiện còn 4.370ha rừng nguyên sinh, nơi giao lưu hai hệ động thực vật tiêu biểu của hai miền Nam-Bắc. Rừng nguyên sinh Sơn Trà là nơi sinh sống của họ hàng nhà khỉ. Trong đó có khoảng 400 chú *voọc chà* và nhiều khỉ đuôi dài, gà tiền mặt đỏ...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bán đảo Sơn Trà là chiếc bình phong khổng lồ vươn mình ra biển che chắn gió bão cho thành phố Đà Nẵng thơ mộng.

Từ độ cao trên bán đảo nhìn xuống, du khách sẽ thấy quanh đây là những bãi tắm xinh đẹp nổi tiếng như bãi Tiên Sa, bãi Bụt, bãi Xếp, bãi Nam... nối tiếp nhau với bãi cát trắng chạy theo hình vòng cung ôm lấy bán đảo.

Núi Bà Nà

Một ngọn núi thuộc huyện Hoà Vang, cách thành phố Đà Nẵng 38km về phía Tây Nam. Với diện tích 2,6ha, khu trung tâm du lịch Bà Nà là trên đỉnh núi Chúa, ở độ cao 1.478m so với mặt biển. Bà Nà với những cánh rừng nguyên sinh với hệ động thực vật phong phú. Đường lên núi quanh co gấp khúc dài trên 15km. Trên đỉnh Bà Nà địa hình bằng phẳng như một vùng cao nguyên thu nhỏ. Quanh năm mát mẻ, nhiệt độ trung bình cả năm là chỉ xê dịch từ 17 đến 20^0C. Chính nơi đây, vào năm 1920 người Pháp đã chọn làm nơi nghỉ mát và cho xây nhiều biệt thự. Những biệt thự ấy đã bị phá hủy trong chiến tranh.

Nói về tên gọi Bà Nà, có người giải thích *Bà* là thành tố chỉ những vật to lớn, linh thiêng, *Nà* chỉ khu đất rộng, bằng phẳng ở trên đỉnh núi. Nhưng cũng có cách giải thích khác, Bà Nà là tên gọi tắt của bà Pô Nagar tức bà Thiên Y A Na Thánh Mẫu. Như vậy tên Bà Nà có liên quan đến miền đất vốn xưa thuộc Vương quốc Chămpa.

Ở Bà Nà trong một ngày, bạn đã có thể cảm nhận được 4 mùa: sáng là mùa xuân, trưa là hạ, chiều là thu với ánh nắng vàng óng, và tối là đông, với tiết trời se lạnh. Bà Nà có những rừng cây tuyệt đẹp với những đồi thông xanh ngắt, phấn thông vàng. Một điều ít thấy ở những vùng núi cao nơi khác là, ở Bà Nà mây chỉ nằm lơ lửng lưng chừng núi, trong khi đỉnh núi luôn luôn quang đãng.

Bà Nà có suối Nai, thác Cầu Vồng, đồi Vọng Nguyệt, với nhiều loài động thực vật quý hiếm. Qua khảo sát bước đầu, ở đây có

https://www.facebook.com/taybanganh/

544 loài thực vật, 256 loài động vật, trong đó có những loài được ghi trong sách đỏ Việt Nam.

Ngày nay, với sự đầu tư của ngành du lịch Đà Nẵng, nhiều biệt thự, nhà nghỉ, khách sạn, nhà hàng mọc lên với đầy đủ tiện nghi, cùng với hệ thống cáp treo hiện đại, giúp du khách có điều kiện khám phá vùng đất lý tưởng này.

Sông Hàn

Sông Hàn vốn đã đẹp và nên thơ, càng thêm đẹp mỗi khi đêm về, để lại trong lòng du khách một ấn tượng khó phai mờ.

Hoàng hôn buông xuống cũng là lúc người dân thành phố lũ lượt kéo đến bờ sông Hàn đón gió từ khơi xa. Gió sông đưa về lồng lộng, một không gian mát rượi phủ lên bến bờ, khiến người dân thành phố quên đi cái nắng gay gắt của xứ Quảng miền Trung.

Cầu sông Hàn, cây cầu văng dây sừng sững là thế, mà về đêm trở nên mềm mại làm sao. Với dãy đèn cao áp lung linh ánh nước càng làm cho cầu sông Hàn trở nên duyên dáng, diệu kỳ.

Vào những đêm trăng sáng, mặt sông Hàn óng ánh như được dát một lớp bạc trắng. Ánh trăng trùm lên vạn vật mờ mờ tỏ tỏ, những vật thân quen giờ bỗng trở nên xa lạ trong ánh trăng khuya. Trong không gian yên ắng của trời đêm, nghe đâu đây tiếng mái chèo khua nước, vỗ mạn thuyền xa, xa mãi...

Cuộc sống của người dân chài trên sông Hàn giản dị theo dòng nước trôi đi cùng năm tháng.

Làng đá mỹ nghệ Non Nước

Sẽ là thiếu sót khi viết về Đà Nẵng mà không nhắc đến làng đá mỹ nghệ, những con người đã thổi hồn vào đá.

Làng đá mỹ nghệ Non Nước đã được ông Huỳnh Bá Quát, người gốc Thanh Hóa, tạo lập vào thế kỷ XVIII. Từ một khối đá vô cảm, qua bàn tay tài hoa khéo léo của nghệ nhân truyền cảm

https://www.facebook.com/taybanganh/

hứng vào tác phẩm, đã làm cho đá trở nên có hồn, mang hơi thở của sự sống. Theo từng nhát đẽo tỉ mỉ của nghệ nhân, những phong cảnh làng quê trù phú, những con vật quen thuộc dần dần hiện ra với những nét sống động, làm say đắm lòng người. Vâng, đó chính là tác phẩm nghệ thuật đá của làng nghề mỹ nghệ Non Nước.

Làng cổ Phong Nam

Đến Đà Nẵng mà chưa có dịp đi thăm làng cổ Phong Nam, quả là một thiệt thòi. Làng nằm gần quốc lộ 1A, cách Đà Nẵng chỉ khoảng 10km về phía Tây Nam.

Phong Nam là một làng quê đến nay vẫn còn giữ được những nét đặc trưng của một làng quê truyền thống Việt Nam.

Nơi đây, còn giữ được nhiều di tích cổ cách nay hàng thế kỷ, như nhà thờ tổ, chùa chiền, đền miếu, giếng nước cổ. Đặc biệt trong làng còn nhiều ngôi nhà cổ.

DI TÍCH

Chùa Phổ Đà

Chùa nằm ở số 332 đường Phan Chu Trinh, do Hoà thượng Thích Tôn Thắng khởi dựng năm 1927, kiến trúc theo chữ "khẩu" (口). Tại chính điện thờ 3 pho tượng bằng đồng, đúc năm 1947. Hai bên chính điện là nhà khách, nhà thiền và giảng đường. Trước chính điện là khoảng sân rộng 500m^2, có hồ nước hình bầu dục, giữa hồ đặt tượng Quan Thế Âm cao hơn 3m, đứng trên hòn non bộ. Hiện chùa Phổ Đà là trụ sở của trường Phật học cơ bản, dành cho các chức sắc, tín đồ Phật giáo.

Chùa Pháp Lâm

Nằm ở số 500, đường Ông Ích Khiêm. Chùa Pháp Lâm do một nhóm cư sĩ trí thức thuộc Chi hội Đà Nẵng của Hội An Nam Phật học đứng ra xây dựng năm 1936, trên một mảnh đất rộng

https://www.facebook.com/taybanganh/

khoảng 3.000m^2. Chùa xây theo phong cách kiến trúc Á Đông. Năm 1970, chùa được trùng tu. Trước đây, chùa là trụ sở của Chi hội An Nam Phật học tại Đà Nẵng. Từ sau năm 1975, chùa là trụ sở của tỉnh hội Phật giáo Đà Nẵng.

Chùa Tam Bảo

Tọa lạc tại số 327 đường Phan Chu Trinh, được khởi dựng vào những năm 1953-1963, và được trùng tu lớn năm 1990. Chùa có 5 ngọn tháp cao vút do những người thợ có tay nghề cao của Quảng Nam-Đà Nẵng pha màu trước khi nung ngói, tạo nên 5 màu sắc biểu tượng của Phật giáo.

Chùa gồm chính điện tầng trên thờ Phật tổ duy nhất. Cạnh điện thờ là tủ sách kinh điển gồm đủ Tam tạng (Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng). Tầng dưới là giảng đường. Tháp chùa là nơi cất giữ xá-lợi Phật.

Trước cửa chùa có 2 cây bồ đề là cây con được lấy từ cây bồ đề ở Bồ đề Đạo trường bên Ấn Độ (nơi đức Phật Thích-ca thành đạo). Phía sau chùa có 2 cây *sa-la* lấy từ vườn Lam-tì-ni (*Lumbini*, nơi đức Phật đản sanh). Chùa Tam Bảo là ngôi chùa thuộc Phật giáo Nam tông, được truyền từ Nam Ấn Độ. Đây là ngôi chùa có sức cuốn hút du khách phương Tây sang Việt Nam nghiên cứu Phật giáo.

Chùa Linh Ứng

Nằm trên sườn Thủy Sơn trông ra biển. Chùa được dựng từ thời vua Minh Mạng. Trải qua năm tháng và chiến tranh, chùa bị hư hỏng nặng. Năm 1970, tăng ni Phật tử góp công, góp của xây lại chùa mới như ngày nay. Chùa còn lưu giữ bộ tượng La Hán bằng đá trắng. Bên phải chùa là Vọng Hải Đài. Đứng trên Vọng Hải Đài có thể nhìn thấy rõ biển Non Nước.

Bảo tàng Chàm

Thành lập năm 1915, mang tên nhà sáng lập người Pháp Henri Pacmanchi, về sau đổi tên là Bảo tàng Chàm. Kiến trúc

https://www.facebook.com/taybanganh/

nhà Bảo tàng Chàm mang phong cách tháp Chàm. Đây là nơi trưng bày bộ sưu tập hiện vật điêu khắc Chàm bằng đá và đất nung có niên đại từ thế kỷ VII đến thế kỷ XV. Mỗi phòng trưng bày mang tên địa phương nơi tìm thấy hiện vật. Từ cổng đi vào, phòng bên trái trưng bày các công trình điêu khắc Chàm tìm thấy ở Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam), gồm các tượng lớn của thần Shiva, tượng Nữ thần Uma, tượng chạm nổi cảnh sinh hoạt các tầng lớp tăng lữ, quý tộc. Phòng tiếp theo là các cảnh sinh hoạt người người Chăm ở kinh thành Trà Kiệu (Quảng Nam). Sau phòng Trà Kiệu là nơi trưng bày các tượng Phật, tượng hộ pháp được tìm thấy ở Đồng Dương. Phần bên phải Bảo tàng là những di tích phát hiện được ở Chà Bàn (Bình Định) với các tượng thần, vũ nữ, nhạc công...

LỄ HỘI

Đà Nẵng nằm trên vùng đất cổ gắn liền với nền văn hóa Sa Huỳnh thuộc thời kỳ đồ sắt, cách nay khoảng 3.000 năm. Những cư dân ban đầu chính là tổ tiên của người Chăm, đã dựng lên Vương quốc Chămpa, một thời phát triển rực rỡ.

Đà Nẵng là vùng đất giàu truyền thống văn hóa. Nơi đây sản sinh ra nhiều nhà văn hóa lớn, nhiều nhà yêu nước nổi tiếng mà tác phẩm, tên tuổi mãi mãi được trân trọng. Đó là Trần Quý Cáp, Hoàng Diệu, Thái Phiên, Trần Cao Vân... Đà Nẵng còn có cả một kho tàng văn hóa dân gian, lễ hội phong phú:

Lễ hội Quan Thế Âm

Hằng năm được nhân dân Đà Nẵng tổ chức nhân ngày Vía đức Quan Thế Âm (19 tháng 2 âm lịch) tại danh thắng Ngũ Hành Sơn, với các nghi lễ nhà Phật như rước ánh sáng, rước kiệu, dâng hoa, lễ cầu nguyện, thuyết giảng về Bồ Tát Quan Thế Âm. Lễ hội kéo dài 3 ngày, từ 17 đến 19 tháng 2 âm lịch. Đây là lễ hội lớn để nhân dân cầu nguyện cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hoà. Và cũng là dịp nhân dân ôn lại truyền thống văn

https://www.facebook.com/taybanganh/

hóa, phong tục. Vào phần hội mang đậm nét văn hóa dân gian như hát tuồng, thi ca, thư pháp, thả đèn trên sông...

Lễ hội cá Ông

Còn gọi là lễ tế cá Voi, là lễ hội lớn nhất của ngư dân Đà Nẵng. Thờ cá Ông ở miền đất này không chỉ là sự tôn kính thần linh mà còn là cầu mong sự hưng thịnh của làng cá. Lễ hội cá Ông hằng năm diễn ra trong 2 ngày vào trung tuần tháng 3 âm lịch. Ngày đầu các nhà đều bày hương án để tế lễ. Lễ cầu an được tổ chức vào đêm đầu tiên tại làng. Sáng hôm sau, dân làng làm lễ rước trên biển, có dàn nhạc dân tộc trình diễn, hát bội. Trong hai ngày hội, tất cả tàu thuyền đều tập trung về bến để tham gia.

ĐẮK LẮK

Ngày 26-4-2003, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI đã thông qua Nghị quyết về việc chia tỉnh Đắk Lắk trước đây thành tỉnh Đắk Lắk (mới) và tỉnh Đắk Nông.

Tỉnh Đắk Lắk (mới) có diện tích tự nhiên 1.306.201ha và dân số hiện tại 1.666.854 người, bao gồm diện tích, dân số của thành phố Buôn Ma Thuột (tỉnh lỵ) và các huyện Ea Sup, Buôn Đôn, Cư M'gar, Krông Buk, Ea H'leo, Krông Năng, M'Đrăk, Ea Kar, Krông Pắk, Krông Bông, Krông Ana và Lắk.

Tỉnh Đắk Lắk thuộc Nam Tây Nguyên, nằm trên cao nguyên Đắk Lắk, một trong 3 cao nguyên lớn của Tây Nguyên, có độ cao trung bình từ 400-600m so với mực nước biển, là nơi sinh sống của nhiều dân tộc anh em: Kinh, EÂđê, M'nông, Nùng, Tày... Phía Đông giáp tỉnh Khánh Hoà, Phú Yên, phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai, Nam giáp tỉnh Đắk Nông, Tây giáp Campuchia.

Đắk Lắk có vùng đất *bazan* rộng lớn và tương đối bằng phẳng, rất màu mỡ, thích hợp cho các loại cây công nghiệp, thực phẩm

https://www.facebook.com/taybanganh/

như cà phê, ca cao, hồ tiêu, hạt điều, cao su, bông... Điều kiện tự nhiên của Đắk Lắk rất thuận lợi cho phát triển nông nghiệp toàn diện. Hiện nay toàn tỉnh có 210.000ha cà phê với sản lượng trên 350.000 tấn nhân mỗi năm, nhiều nhất nước. Sản lượng cà phê của tỉnh chiếm tỷ trọng 70% tổng giá trị kinh tế ngành nông nghiệp. Diện tích cao su khoảng 25.000 ha với sản lượng mủ khai thác 17.000 tấn mủ khô/năm. Diện tích cây bông vải đạt 12.000ha, cao nhất nước. Tuy vậy, ngành công nghiệp phát triển khá chậm. Công nghiệp tỉnh chủ yếu thuộc lĩnh vực chế biến nông sản thực phẩm với quy mô vừa và nhỏ. Đắk Lắk có trữ lượng gỗ dồi dào, nhiều động vật quý hiếm, đặc biệt là có hơn 300 con voi. Khí hậu ôn hoà, nhiệt độ trung bình cả năm là 24^0C. Có hai mùa khô và mưa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình năm là 1.700-2.000mm.

THẮNG CẢNH

Đến Đắk Lắk, du khách có thể thăm những ngọn thác hùng vĩ, những hồ nước trên cao nguyên đầy vẻ hoang sơ thơ mộng: hồ Lăk, hồ Buôn Triết..., thăm các khu rừng nguyên sinh: vườn quốc gia Yok Đôn, khu lâm viên Ea Kao, hoặc thăm Buôn Đôn, nơi có nghề săn bắt và thuần dưỡng voi.

Đèo Phượng Hoàng

Từ Khánh Hoà theo quốc lộ 26, bỏ lại sau cái nắng chói chang của vùng đồng bằng ven biển miền Trung, vượt qua những đèo dốc quanh co, một bên là núi cao, một bên là vực thẳm của ngọn đèo Phượng Hoàng nổi tiếng chất ngất, bạn sẽ đến với xứ sở chim ď'rao, hương vị cà phê và rừng đại ngàn của Đắk Lắk.

Dải núi đất được thiên nhiên tạo nên tựa như cánh chim phượng hoàng, người dân địa phương đã lấy hình tượng đó đặt tên cho ngọn đèo ngoạn mục của mình. Đèo Phượng Hoàng là một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ và giàu sắc quyến rũ với

https://www.facebook.com/taybanganh/

những dải núi đẹp, tựa như cánh chim xoải cánh bay đi giữa không gian.

Có dịp dừng chân lại đây, du khách sẽ nghe đâu đó tiếng rì rầm thác đổ, tiếng suối chảy róc rách, xa xa là những ngôi nhà sàn thấp thoáng ẩn hiện bên sườn núi, và ngắm nhìn những cơn mưa rừng bất chợt chỉ có ở cao nguyên, ít nhất bạn cũng sẽ cảm nhận được thế nào là Tây Nguyên.

Thành phố Buôn Ma Thuột

Buôn Ma Thuột, thủ phủ của Đắk Lắk, nhỏ bé và lặng lẽ, êm đềm, hiền hoà trong cái se lạnh của mùa đông cao nguyên. Là phố của núi với những cánh rừng bạt ngàn xanh mướt và mùi hương hoa cà phê thoang thoảng, với ánh lửa bập bùng ở những ngôi nhà sàn giản dị nơi phố núi, hay trong những đêm lửa trại bên ché rượu cần say sưa nghe đọc trường ca Đam San.

Buôn Ma Thuột ở độ cao 536m, nằm giữa vùng đông dân nhất Tây Nguyên, khu vực có nhiều người Eâđê sinh sống. Từ đây theo quốc lộ 14 đi Thành phố Hồ Chí Minh 352km, đi Plei Ku 200km, theo quốc lộ 26 đi Nha Trang 156km, và theo quốc lộ 27 đi Đà Lạt 193km.

Buôn Đôn

Là quê hương của những người thợ săn và thuần dưỡng voi nổi tiếng nước ta, Buôn Đôn thuộc xã Krông Ana, huyện Buôn Đôn, cách thành phố Buôn Ma Thuột 42km.

Buôn Đôn là một bản làng xinh đẹp với những mái nhà sàn đơn sơ giản dị của đồng bào M'nông, Eâđê, Gia Rai, Khơme và Lào. Buôn Đôn nằm bên dòng sông Krông Ana, một nhánh sông Sêrêpốc hiền hoà. Đây là một bản làng đã định canh, định cư từ hơn 100 năm nay, và là nơi mua bán voi sầm uất và thịnh vượng nhất của 3 nước trên bán đảo Đông Dương: Việt Nam, Lào và Campuchia, có mối liên hệ thân thiết qua lại với Thái Lan và Malaisia. Nghề săn và thuần dưỡng voi chẳng ai biết có từ bao

https://www.facebook.com/taybanganh/

giờ và cũng chẳng tính được đã có bao nhiêu chú voi rừng đã bị bắt và được thuần dưỡng. Chỉ biết rằng nghề săn voi đã tôn vinh cho biết bao già làng danh hiệu "vua săn voi" mà tiếng dân tộc gọi là Kru.

Buôn Đôn với núi rừng đại ngàn hoang sơ, nơi những chàng trai, cô gái đã qua không biết bao mùa lúa, say sưa trong những vũ điệu cồng chiêng.

Đến Buôn Đôn, bạn có dịp cưỡi voi dạo chơi, hoặc dùng thuyền xuôi dòng Sêrêpôk chiêm ngưỡng núi rừng Tây Nguyên hùng vĩ, nghe chim đ'rao gọi bạn. Ngoài ra, du khách còn có thể tham dự nhiều thú vui mà chỉ nơi đây mới có như thi bắn nỏ, sống trong những ngôi nhà ấm cúng dựng vắt vẻo trên những cây si cổ thụ.

Về Buôn Đôn, bạn sẽ khám phá ra vẻ đẹp của những ngôi nhà gỗ to lớn được khắc chạm tinh xảo, cầu kỳ, xen lẫn với những ngôi nhà sàn sơn đỏ mộc mạc. Tại đây, du khách sẽ được nghe ông già Y Prông Ê Ban, một dũng sĩ săn bắt và thuần dưỡng voi nổi tiếng với hơn 100 con voi rừng, kể lại chuyện ông đã săn bắt và thuần dưỡng voi kỳ công như thế nào. Và những kỷ niệm vui buồn của những chuyến đi săn thắng lợi... Y Prông Ê Ban sống trong ngôi nhà sát dòng sông Krông Ana, được xây dựng theo kiến trúc cổ của Lào. Ngôi nhà làm bằng loại gỗ quý, từ khung sàn đến mái lợp... cho đến hoa văn trang trí. Để xây xong ngôi nhà ông đã phải sử dụng trên 100m3 gỗ. Nhà có 3 gian có thể tháo rời. Đó là một ngôi nhà rất có giá trị thời bấy giờ, nó tương đương với 12 con voi ngà dài.

Vườn quốc gia Yok Đôn

Vườn quốc gia Yok Đôn, cách Buôn Ma Thuột 40km về phía Tây, thuộc huyện Buôn Đôn, là một trong những khu bảo tồn thiên nhiên lớn nhất Việt Nam, có diện tích 115.000ha. Du khách đến đây có thể sẽ phải sững sờ bởi sự phong phú của các loại rừng, gồm: rừng ẩm ướt, rừng rụng lá vào mùa khô, rừng cây bụi... Đặc biệt Yok Đôn là nơi cư trú của trên 62 loài động

https://www.facebook.com/taybanganh/

vật, 196 loài chim, 40 loài bò sát, 13 loài lưỡng cư và 464 loài thực vật. Trong đó có những loài quý hiếm đã được ghi vào sách đỏ như tê giác một sừng. Đặc biệt ở đây có đàn voi rừng khá lớn.

Vào mùa khô, bất chấp cái nắng gay gắt của Tây Nguyên, nơi đây vẫn mát mẻ như xứ sương mù Đà Lạt, quanh năm thoang thoảng mùi thơm hoa phong lan.

Đến thăm vườn quốc gia Yok Đôn, bạn sẽ được ngồi lên lưng voi vượt dòng sông Sêrêpôk, thưởng thức những món ăn truyền thống của dân tộc ở đây như cơm lam, gà rừng nướng, uống rượu cần, nghe già làng kể Khan, sử thi...

Hồ Lắk

Hồ Lắk nằm sát đường quốc lộ 27 đi Đà Lạt, cách thành phố Buôn Ma Thuột khoảng 56km về phía Nam.

Hồ Lắk dài uốn khúc hệt như một dải lụa thanh thiên bao bọc lấy thị trấn Lạc Thiên, huyện Lăk. Hồ rộng trên 500ha, thông với dòng sông Krông Ana bao quanh hồ. Chung quanh hồ là những cánh rừng nguyên sinh rộng lớn với hệ động thực vật rất phong phú đa dạng, có nhiều loài quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng. Ven hồ vào mùa hè có hoa sen nở rộ.

Vào mùa mưa, hàng trăm con suối lớn nhỏ thi nhau đổ vào hồ làm cho mặt hồ rộng thêm, mênh mông sóng cồn như biển, và dâng ngập cả những cánh đồng cỏ gần kề.

Hồ Lắk vừa là nơi cung cấp nhiều cá, vừa là hồ chứa nước ngọt khổng lồ cung cấp nước cho hàng trăm hecta ruộng lúa, vừa điều hoà vùng tiểu khí hậu nơi đây.

DI TÍCH

Chùa Khải Hoàn

Là ngôi chùa của người Việt sinh sống ở Đắk Lắk. Chùa được dựng năm 1951-1953, trên một khu đất rộng tại số 89A đường

https://www.facebook.com/taybanganh/

Phan Bội Châu, thành phố Buôn Ma Thuột. Chùa có kiến trúc chữ "*tam*" (三), trước là cổng tam quan, giữa là chính điện, sau là nhà hậu tổ. Cổng tam quan hai tầng với ba vòm cửa cao 7m, rộng 10,5m. Điện Quan Âm xây cách biệt với bố cục chính của chùa, hình lục giác với 6 cột trang trí hình rồng mây.

Chính điện gồm hai phần. Phần trước kiến trúc theo kiểu nhà dài của đồng bào Êđê Tây Nguyên, lại có cột kèo nhà rường của người Việt. Nửa sau xây theo lối hiện đại. Chính điện thờ Phật Thích Ca. Chùa có quả chuông nặng 380kg bằng đồng đúc năm 1954.

Biệt thự Bảo Đại

Từ Buôn Ma Thuột theo đường 27 đi Đà Lạt, qua đèo Lạc Thiện khoảng 10km đến thị trấn Lạc Thiện, rẽ phải vài trăm mét, bạn sẽ nhìn thấy ngôi nhà nghỉ mát của cựu hoàng Bảo Đại, vị vua cuối cùng của triều Nguyễn. Ngôi nhà nằm trên đỉnh đồi cao, nhìn ra mặt nước hồ Lắk.

Biệt thự này Bảo Đại thường dùng làm nơi nghỉ mát, đi săn bắn, ngoạn cảnh mỗi khi có dịp lên Buôn Ma Thuột. Ngôi nhà và khuôn viên bị hư hỏng nhiều. Chính quyền địa phương đã tu sửa khang trang. Hiện trở thành bảo tàng trưng bày hiện vật lịch sử văn hóa các dân tộc Đắk Lắk.

Tháp Yang Prong

Là ngọn tháp Chàm cổ duy nhất còn lại ở Tây Nguyên. Tháp nằm trong địa phận của Bản Đôn, huyện Ea Sup, cạnh dòng sông Ea Leo. Tháp có tên là tháp Chàm Rừng Xanh, thờ thần Shiva, dưới dạng Linga, một vị thần vĩ đại. Tháp có đáy vuông, đỉnh nhọn như củ hành, cửa chính quay về hướng Đông. Tuy vậy, tháp Yang Prong kiến trúc có nhiều điểm khác với các tháp Chàm được xây ở vùng đồng bằng duyên hải miền Trung.

https://www.facebook.com/taybanganh/

LỄ HỘI

Đắk Lắk có nền văn hóa cổ truyền đa sắc tộc và mỗi dân tộc có truyền thống bản sắc riêng. Nơi đây còn lưu giữ nhiều pho sử thi truyền miệng rất độc đáo như sử thi Đam San dài hàng ngàn câu. Đến Đắk Lắk, du khách sẽ được tham gia những lễ hội độc đáo còn nguyên chất dân gian như lễ đâm trâu, lễ cúng cơm mới, lễ bỏ mả...

Hội đua voi

Diễn ra vào mùa xuân, khoảng tháng 3 âm lịch ở các vùng dân tộc M'nông, Lào... Hội thường tổ chức ở Buôn Đôn hoặc ở những cánh rừng thưa ven sông Sêrêpôk.

Bãi đua voi là một dải đất tương đối bằng phẳng, thường là ngọn đồi bằng ít cây, đủ để 10 con voi giăng hàng ngang chạy cùng một lúc, chiều dài khoảng 1-2km.

Sau một hồi tù và rúc lên, từng tốp voi đứng vào vị trí xuất phát. Khi có lệnh xuất phát, các chú voi thi nhau phóng về phía trước, cùng với tiếng chiêng trống hò reo cổ vũ âm vang cả núi rừng. Cuộc đua kết thúc, những chú voi được giải giơ cao vòi vẫy chào mọi người, rồi ngoan ngoãn bước đi.

Ngày hội đua voi Tây Nguyên thể hiện tinh thần thượng võ của người M'nông, một dân tộc giàu đức tính dũng cảm.

Hội Xuân

Hội Xuân kéo dài khoảng 2 đến 3 tháng, ngay sau khi thu hoạch xong mùa màng và cơn mưa đầu mùa bắt đầu. Đó là thời gian tạm hoãn công việc sản xuất để cùng bạn bè, gia đình tham gia hội. Buôn làng được sửa sang sạch đẹp, từ làng nọ đến buôn kia tiếp nhau mở hội đâm trâu. Lễ hội đâm trâu để cúng thần xin thần linh phù hộ. Nhân lễ bỏ mả, người ta cũng làm lễ đâm trâu để đưa hồn trâu theo người đã khuất về bên kia thế giới.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ hội đâm trâu bắt đầu bằng việc buộc trâu vào cột nêu đã được trang trí với nhiều hoa văn rực rỡ và biểu tượng tượng trưng quyền lực của Giàng (thần linh). Người được vinh dự cử đâm trâu phải là chàng trai tài giỏi, khỏe trong buôn làng, đâm một lao phải trúng tim con vật, đó là điềm lành. Mọi người trong buôn cùng nhau xẻ thịt, cùng ăn, cùng uống rượu cần, nhảy múa trong tiếng cồng chiêng truyền thống. Cuộc vui kéo dài từ 5 đến 7 ngày.

ĐẮK NÔNG

Ngày 26-4-2003, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI đã thông qua Nghị quyết về việc chia tỉnh Đắk Lắk trước đây thành 2 tỉnh Đắk Nông và Đắk Lắk.

Tỉnh Đắk Nông nằm về phía Tây Nam của Tây Nguyên, diện tích tự nhiên là 651.438ha với số dân 363.118 người, gồm 18 dân tộc anh em cùng chung sống. Trong đó, đồng bào thiểu số chiếm 30,3%, nhiều nhất là đồng bào M'nông chiếm 9,5% dân số...

Tỉnh Đắk Nông, phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Tây Nam giáp tỉnh Bình Phước, phía Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk, phía Tây giáp Campuchia.

Đắk Nông có 7 đơn vị hành chính: thị xã Gia Nghĩa và 6 huyện: Đắk R'lấp, Đắk Nông, Đắk Song, Đắk Mil, Krông Nô và Cư Jút.

Trước đây thị xã Gia Nghĩa là huyện lỵ của huyện Đắk Nông. Sau khi tách tỉnh, thị xã Gia Nghĩa trở thành tỉnh lỵ của tỉnh Đắk Nông. Thị xã Gia Nghĩa cách Thành phố Hồ Chí Minh 235km về phía Đông Bắc, địa hình chủ yếu là đồi núi nhấp nhô, không thuận tiện cho việc xây dựng đô thị tập trung nhưng rất phù hợp với dạng đô thị sinh thái theo kiểu Đà Lạt, Sapa, với đặc điểm địa hình và khí hậu gần giống Đà Lạt. Vì thế, trước

https://www.facebook.com/taybanganh/

đây kiến trúc sư Ngô Viết Thụ đã có ý tưởng xây dựng Gia Nghĩa thành một "Đà Lạt thứ hai" của Việt Nam, nhưng mang phong cách Việt Nam (khác với Đà Lạt mang phong cách Pháp thế kỷ XIX).

Gia Nghĩa là thị trấn của những đồi thông bạt ngàn. Phần lớn các công trình kiến trúc ở đây phân thành 3 cấp: dưới chân đồi, lưng chừng đồi, và đỉnh đồi. Đứng ở đồi bên này, nhìn thấy những công trình kiến trúc ẩn hiện dưới những tán cây xanh ở đồi bên kia, trông rất ngoạn mục và hấp dẫn.

Thời tiết Đắk Nông mưa nhiều và kéo dài, có khí hậu mát mẻ rất thích hợp cho du lịch nghỉ dưỡng.

Đắk Nông nằm ở độ cao từ 600 đến 900m so với mực nước biển. Với địa hình bị phân cắt mạnh và phần lớn diện tích dốc thoai thoải là vùng đất giàu tiềm năng phát triển kinh tế, trước hết là kinh tế nông, lâm nghiệp. Đắk Nông có 394.037ha rừng và đất rừng (chiếm gần một nửa diện tích tự nhiên của tỉnh), độ che phủ rừng trên 60% với phần thực vật và hệ động vật phong phú. Phía Bắc là vùng đệm của vườn quốc gia Yok Đôn, phía Nam là vùng đệm của vườn quốc gia Cát Tiên, phía Đông là khu bảo tồn Tà Đùng, Nam Ka và với 204.014ha đất nông nghiệp để có thể phát triển một nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa. Trong đó có 70.000ha trồng cà phê, 6.000ha hồ tiêu, 5.000ha cao su và 20.000ha cây nông sản thực phẩm.

So với các tỉnh Tây Nguyên, Đắk Nông là một tỉnh nghèo, cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, nhưng có tiềm năng về khoáng sản và tài nguyên thiên nhiên to lớn. Vì thế, Đắk Nông có khả năng phát triển nhanh ngành công nghiệp khai khoáng với các loại khoáng sản quý như bôxít, nhôm, cao lanh, vàng, đá saphia, đá thạch anh, đá hoa cương, nước khoáng, đất sét, đá làm vật liệu xây dựng. Riêng trữ lượng bôxít của Đắk Nông lớn nhất vùng Đông Nam Á và đứng thứ 3 trên thế giới, ước tính 5 tỷ tấn, phân bố đều trên diện rộng của 4 huyện Đắk Nông, Đắk Song, Krông Nô và Đắk R'lấp. Đây là mỏ lộ thiên, rất dễ khai thác.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đắk Nông còn có nguồn tài nguyên nước rất dồi dào. Đó là các con sông Sêrêpôk, sông Krông Nô (ranh giới với tỉnh Đắk Lắk) và sông Đồng Nai (ranh giới với tỉnh Lâm Đồng). Nguồn nước này ngoài việc phục vụ sản xuất nông nghiệp còn cung cấp một nguồn năng lượng lớn cho Nhà máy thủy điện Đắk Nông.

Đắk Nông có nhiều cảnh quan du lịch lý thú, có nhiều tiềm năng mở rộng du lịch sinh thái như thác Đray Sáp, thác Trinh Nữ, Diệu Thanh...

Đắk Nông có nhiều lợi thế về giao thông, theo quốc lộ 14 đi Thành phố Hồ Chí Minh, quốc lộ 28 đi Lâm Đồng, Bình Thuận. Tuyến đường Hồ Chí Minh đi qua Đắk Nông đã đưa vào sử dụng.

THẮNG CẢNH

Thác Đ'ray Sáp

Đ'ray Sáp có nghĩa là thác Khói, bởi theo tiếng Êđê, Đ'ray là thác, Sáp là khói, vì lúc nào ở đây cũng có màn sương trông như làn khói. Thác Đ'ray Sáp thuộc huyện Krông Nô, là một trong những thác của Đắk Nông được Bộ Văn hóa-Thông tin công nhận là thắng cảnh đẹp nhất của Tây Nguyên. Thác cao 20m, rộng chừng 40m. Nước chảy xối xả ầm ầm từ trên cao xuống tung bọt trắng xóa tạo nên một màn sương kỳ ảo. Vào những buổi sớm mai, khi mặt trời gửi xuống những tia nắng đầu tiên, đứng ở những góc độ nhất định bạn sẽ nhìn thấy dải cầu vồng bảy màu rất đẹp mắt.

Thác Đ'ray Sáp là một thắng cảnh đẹp, nhờ sự hợp lưu của hai con sông Krông Nô và Krông Ana tạo nên. Người M'nông, người Êđê gọi hai con sông này là "sông chồng" và "sông vợ". Tình yêu chồng vợ, tình yêu lứa đôi đã tạo nên ngọn thác hùng vĩ giữa núi rừng Tây Nguyên. Chuyện kể rằng: Ngày xửa ngày xưa, có nàng H'mi xinh đẹp, hằng ngày vẫn cùng người yêu đi làm rẫy. Một ngày nọ, trong lúc đang ngồi nghỉ chân bên một

https://www.facebook.com/taybanganh/

tảng đá, bỗng có một con quái vật đầu to như quả núi, mắt lớn tựa chiếc nồi đồng, râu dài, răng nhọn hoắt, toàn thân đầy vảy lấp lánh như ánh bạc, hiện ra trên bầu trời, rồi bất ngờ sà xuống nước. Chiếc vòi của nó cắm sâu xuống lòng sông, một cột nước khổng lồ từ dưới mặt nước phun lên tạo thành cơn mưa dữ dội. Rồi con quái vật vỗ cánh bay đi mất. Trong cơn khiếp đảm, nàng H'mi trẻ trung kiều diễm bị cuốn vào đám mây mù, còn chàng trai biến thành một gốc cây lớn, cắm sâu vào ghềnh đá. Đó chính là thác Đ'ray Sáp ngày nay.

Tình yêu mãnh liệt của đôi trai gái đã tạo nên ngọn thác hùng vĩ giữa núi rừng Tây Nguyên mà không một thác nào sánh nổi.

Thác Diệu Thanh

Mang vẻ hoang sơ đầy thơ mông, thác Diệu Thanh tựa như một sơn nữ đang uốn mình giữa rừng xanh đại ngàn của Đắk Nông. Thác Diệu Thanh hùng vĩ gồm 3 cụm thác. Cụm thác chính lớn nhất cao 15m nằm giữa lòng sông, cụm thứ hai phía bên phải và cụm thứ ba nằm dưới thác chính. Nước từ trên cao đổ xuống tung bọt trắng tạo thành bụi nước li ti như một màn sương mỏng. Trong lòng thác là một hang sâu và nhiều tảng đá lớn nhỏ bằng phẳng, du khách có thể ngồi nghỉ chân chuyện trò trong tiếng ồn ào của thác vang vọng giữa tấm thảm xanh khổng lồ của núi rừng Tây Nguyên hùng vĩ.

Thác Thủy Tiên

Hiền hoà uốn lượn giữa rừng xanh Đắk Nông, thác Thủy Tiên đẹp như một nàng tiên ẩn mình giữa chốn thâm sâu của núi rừng. Du khách đến đây sẽ được thả hồn trong tiếng thác reo điệp trùng vô tận và được ngắm nhìn bức tranh huyền thoại, quê hương của những sử thi bất hủ. Từ độ cao trên chục mét, nước ầm ầm đổ xuống tạo ra một màn khói sương mờ ảo, trông xa như những đóa hoa xòe nở lung linh dưới ánh mặt trời. Chung quanh là những rừng cây đại thụ rợp bóng mát.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thác Trinh Nữ

Thác Trinh Nữ nằm cách huyện Cư Jút khoảng 1km về hướng Tây. Theo con đường uốn lượn, qua những bậc cấp bằng đá du khách có thể đi theo dòng chảy của con thác, hoà vào khung cảnh thiên nhiên thơ mộng của núi rừng Tây Nguyên để ngắm nhìn thác Trinh Nữ mộng mơ.

Truyền thuyết kể rằng, ngày xưa thật xưa, đã trải qua bao nhiêu mùa rẫy không ai còn nhớ nổi, chỉ biết rằng tại một buôn làng nọ của người M'nông, có nàng H'wing xinh đẹp tựa mặt trời, yêu một chàng trai khỏe mạnh trong buôn. Nhưng tình yêu của họ bị trắc trở, không được nên vợ nên chồng. Vì đã có lời nguyền sống chết có nhau, đôi trai gái đẹp đôi, đẹp lứa đã trầm mình xuống dòng thác bạc. Vì thế người ta đặt cho ngọn thác này là thác Trinh Nữ. Với cái tên đầy gợi cảm, với phong cảnh thiên nhiên hoang sơ, thanh khiết, và với huyền thoại tình yêu chung thủy, thác Trinh Nữ đã thu hút sự quan tâm của du khách gần xa.

Thác Ba Tầng

Từ thị xã Gia Nghĩa theo quốc lộ 14 về hướng Buôn Ma Thuột, đi khoảng 6km rồi rẽ phải, men theo con đường dốc đi khoảng 1km nữa, bạn sẽ đặt chân đến thác Ba Tầng.

Gọi là thác Ba Tầng, vì dòng nước dội xuống qua ba tầng đá mới đến lòng suối. Thác Ba Tầng đổ xuống nối tiếp nhau trên độ cao khoảng 40m.

Ngọn thác nước đổ xuống ầm ào suốt ngày đêm giữa khung cảnh núi rừng hoang vắng, thoảng nghe tiếng vượn hú chim kêu đâu đó giữa tầng tầng lớp lớp cây rừng.

Ở tầng thứ nhất, thác nước rơi ở độ cao 1,5m. Tầng thứ hai cách tầng thứ nhất khoảng 20m, có độ cao hơn 2m. Tầng thứ ba cách tầng thứ hai cũng khoảng 20m, vắt mình trên vách đá cao đến khoảng 20m, nước rơi xuống tung bọt trắng xóa tạo nên một màn sương mờ kỳ ảo.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Quanh thác Ba Tầng là rừng cây đại ngàn và những trảng cỏ rộng thoáng mát thích hợp cho những buổi cắm trại.

Thác Krông Kmar

Bắt nguồn từ đỉnh Cư Yang Sin, con thác ì ầm tạo nên âm thanh vang vọng giữa núi rừng. Giữa lòng suối có nhiều tảng đá bằng phẳng như được ai đẽo gọt. Đến đây bạn có thể dừng chân ngắm cảnh, hoặc tổ chức liên hoan. Bạn cũng có thể đi dọc theo suối ngược lên thượng nguồn của dòng Krông Kmar, nghe tiếng thông reo trong gió và tiếng hót của chim đ'rao gọi bạn tình. Thú vị hơn, ở đây bạn có thể cưỡi voi chinh phục đỉnh núi Cư Yang Sin, thưởng thức món thịt rừng nướng nhắm rượu cần.

Thác Gia Long

Thác Gia Long thuộc xã Đắk Sôr, huyện Krông Nô, là thác nằm phía thượng nguồn của dòng sông Sêrêpôk, trong hệ thống các thác: Gia Long, Đ'ray Nua, Đ'ray Sáp. Nhân dân quen gọi là thác Gia Long, bởi trong một lần tuần du đến đây, vua Gia Long xúc cảm trước cảnh đẹp của thác này, đã cho xẻ núi, phá rừng, làm con đường mòn dẫn đến thác và cho xây kè chắn nước, chống sự xâm thực phá vỡ cảnh quan núi rừng nơi đây.

Thác Gia Long cuồn cuộn chảy, treo mình trên vách đá cao khoảng 50m, với chiều rộng của lòng sông Sêrêpôk khoảng 100m.

Cách thác không xa là hồ Tiên, quanh năm nước trong xanh chảy ra từ lòng núi. Hồ rộng khoảng 80m2. Cùng với thác, cảnh quan hồ Tiên tạo nên một khu du lịch hấp dẫn thu hút nhiều du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng.

Thác Đắk G'lun

Thác Đắk G'lun thuộc xã Quảng Trực, huyện Đắk R'lấp, cách thị xã Gia Nghĩa khoảng 35km. Thác gồm hai nhánh thác cao khoảng 50m, trông xa tựa như hai dải lụa trắng lơ lửng, phơi mình trên vách đá giữa núi rừng xanh um. Phía trên dòng thác là những khối đá khổng lồ, bằng phẳng tựa như tấm thảm trải

https://www.facebook.com/taybanganh/

rộng để cho hai dòng nước ngày đêm tuôn chảy. Dưới chân thác lô nhô những mô đá lớn nhỏ với muôn vàn dáng vẻ, tựa như những vũ khúc điệu đàng. Và mỗi khi mặt trời lên, ánh nắng xuyên qua màn sương lóng lánh tạo nên những chiếc cầu vồng muôn sắc.

Chung quanh thác Đắk G'lun là cánh rừng nguyên sinh có nhiều loài gỗ quí hiếm.

Suối nước nóng Đắk Mol

Suối nước nóng Đắk Mol thuộc thị trấn Đắk Song, là một trong những khu du lịch nghỉ dưỡng và chữa bệnh có hiệu quả của tỉnh Đắk Nông. Nước khoáng nóng ở đây giàu Bicarbonat Natri ($NaHCO_3$), được lấy từ độ sâu 180m trong lòng đất.

Khi ngâm mình trong nước khoáng với độ nóng khoảng 31^0C, muối Carbonat Natri (Na_2CO_3) sẽ thấm sâu và giữ lại dưới da một lượng muối và một vi lượng nguyên tố khác, nhờ vậy mà khả năng đề kháng chống viêm nhiễm da được nâng cao. Tắm nước khoáng này có tác dụng chữa bệnh thấp khớp, thần kinh tọa. Đặc biệt sẽ giúp phục hồi tế bào da và làm dịu những cơn stress, tạo nên cảm giác dễ chịu, sảng khoái.

Hiện Công ty cổ phần khoáng sản Đắk Nông đang đầu tư xây dựng nơi đây thành một khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

DI TÍCH

Nhà mồ Tây Nguyên

Các dân tộc thiểu số Tây Nguyên không có tục thờ tổ tiên. Thương tiếc người đã mất, người còn sống giữ mồ mả, bằng cách làm một cái chòi trên nấm mồ để che mưa che nắng, trong chòi đặt đồ dùng của người chết. Hằng ngày, con cháu trong gia đình bỏ cơm xuống huyệt qua một ống nứa xuyên thẳng từ mặt đất xuống quan tài phía đầu huyệt.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sau 1 hoặc 3 năm người ta dựng nhà mồ. Đó là lúc làm lễ bỏ mả. Ngôi nhà mồ có hai mảnh trăng hình lưỡi liềm ở đầu mái, đó là biểu tượng của người đã chết. Thành ván trang trí hoa văn, cột "gưng kút" dựng ở 4 góc rào, cột klao vẽ xanh đỏ, hai đầu cột nối dây da trâu là đường lên làng Trời của linh hồn người chết. Chung quanh nhà mồ rào hàng rào và có nhiều tượng gỗ. Sau lễ này linh hồn người chết siêu thoát chuyển sang kiếp khác và mộ người chết trở nên vô chủ. Vì vậy, khi làm nhà mồ tức là làm lễ bỏ mả. Không còn ai trông coi nữa.

Chùa Pháp Hoa

Chùa Pháp Hoa tọa lạc trên một ngọn đồi ở ngay thị xã Gia Nghĩa được dựng năm 1957, gồm chính điện và tháp năm tầng hình trụ tròn, cao khoảng 2m. Kiến trúc chùa được mô phỏng theo kiểu kiến trúc nhà sàn Tây Nguyên, kết hợp với kiến trúc nhà vườn, tạo nên nét kiến trúc độc đáo.

Cổng chùa Pháp Hoa quay về hướng Đông Nam, nhìn ra đường Hùng Vương, phía trước là thung lũng. Từ khuôn viên chùa nhìn xuống, một quang cảnh tuyệt đẹp với những đồi núi nhấp nhô hiện ra trước mắt.

Trong chùa có pho tượng Bồ Tát Quan Âm tọa lạc trong một khoảng không rộng rãi. Chính điện có diện tích 160m^2. Khuôn viên chùa được trang trí nhiều chậu cảnh và trồng nhiều loại hoa.

Làng Văn hóa

Từ thị trấn Gia Nghĩa theo quốc lộ 14 về hướng Buôn Ma Thuột, đi khoảng 28km, rẽ trái khoảng 2km, du khách sẽ đến làng văn hóa của dân tộc M'nông, một trong những làng còn lưu giữ được những nét văn hóa độc đáo, đặc biệt là các tác phẩm sử thi, trường ca...

Làng văn hóa đồng bào M'nông có khoảng 1.500 dân, trong buôn Pu Prâng là buôn tiêu biểu còn lưu giữ được hơn 200 pho

https://www.facebook.com/taybanganh/

sử thi M'nông: Ót Nrông, có tính hệ thống cao và có giá trị nhân văn cao cả. Đặc biệt trong buôn Pu Prâng có gia đình nghệ nhân Điểu Kâu đã sưu tầm, biên dịch và lưu giữ hàng trăm Ót Nrông của vùng này. Ót Nrông là bài ca lúc lên rẫy, hát bên bếp lửa hồng trong các ngày lễ hội, cùng tiếng cồng chiêng rộn rã.

Có thể nói rằng, thông qua ngôn ngữ truyền khẩu, hát Ót Nrông thể hiện tình đoàn kết trong gia đình và xã hội, gắn liền với truyền thống giáo dục từ thế hệ này sang thế hệ khác, đồng thời còn là món ăn tinh thần không thể thiếu của đồng bào M'nông sau những ngày lao động cực nhọc.

LỄ HỘI

Lễ Lớn Khôn

Đây là lễ của người Êđê. Lễ này kéo dài 2 ngày. Tổ chức lễ Lớn Khôn là để xác nhận của dân làng rằng chàng trai Êđê đã đến tuổi trưởng thành. Lễ được tổ chức ở suối nước, trên đường và tại nhà chàng trai. Trong lễ Lớn Khôn, người ta tiến hành nhiều nghi thức truyền thống, sau lễ là phần hội với những sinh hoạt văn hóa, văn nghệ nhảy múa, và nghe kể chuyện dân gian hoặc nghe đọc sử thi.

Lễ Cúng cơm mới

Hằng năm vào tháng 11, khi những hạt lúa chín đầu tiên vừa được đưa về nhà, người Êđê bắt đầu tổ chức lễ Cúng cơm mới. Trong lễ có mời thầy cúng và dàn chiêng trống để mời Giàng về ăn cơm mới, để ban cho dân làng lúa ngô đầy nhà, mùa màng bội thu. Tiếng chiêng như để báo với thần linh rằng cái đói không còn nữa.

Lễ cúng lúa

Lễ cúng lúa là một trong những lễ hội truyền thống, thiêng liêng của người M'nông. Trong một năm, lễ cúng lúa được người M'nông tổ chức ba lần. Lễ cúng lúa là xuất phát từ tín ngưỡng

https://www.facebook.com/taybanganh/

thờ Thần Mẹ Lúa. Theo truyền thuyết, đây là vị thần bảo vệ mùa màng được người M'nông đặc biệt sùng bái. Khởi đầu là lễ xuống lúa (lần một) còn gọi là lễ khai mùa. Chuẩn bị cho ngày gieo trỉa lúa, từ đầu tháng 3 đến hết tháng 4, tất cả bà con trong buôn đều chuẩn bị một lễ cúng gồm: một ché rượu cần, một cặp gà trống, người chủ gia đình thành tâm khấn cầu Giàng (thần) cho cây lúa xanh tươi, mưa thuận gió hoà. Sang tháng 5, tháng 6 bà con lại tổ chức mừng cây lúa trên rẫy sắp trổ đòng đòng. Giữa tháng 12 là lúc thu hoạch lúa, buôn làng lại tổ chức lễ đón mừng hạt lúa trên rẫy sắp được đưa về nhà. Gia đình nào cũng chuẩn bị hai, ba ché rượu cần, nấu xôi, thổi cơm mới, rồi cùng nhau quây quần bên đống lửa, uống rượu cần, nghe già làng kể chuyện.

Lễ cúng lúa là nghi thức lễ hội nông nghiệp với mong ước có một cuộc sống no cơm ấm áo, xua đi cái đói, cái nghèo.

ĐIỆN BIÊN

Ngày 26-4-2003, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI đã thông qua Nghị quyết về việc chia tỉnh Lai Châu trước đây thành tỉnh Điện Biên và tỉnh Lai Châu.

Việc chia tỉnh Lai Châu cũ thành tỉnh Điện Biên và tỉnh Lai Châu là do địa hình của tỉnh Lai Châu cũ bị chia cắt bởi sông Đà và sông Mã. Khi công trình thủy điện Sơn La hình thành với mức nước dâng lên đến 215m, thì tỉnh Lai Châu cũ sẽ bị chia cắt thành hai vùng rõ rệt. Tả ngạn và hữu ngạn. Cơ sở hạ tầng thấp kém, đi lại khó khăn, các huyện phía Bắc như Mường Tè, Phong Thổ, Tam Đường, Sìn Hồ, cách trung tâm tỉnh lỵ trên 200km, các xã biên giới cách tỉnh lỵ bình quân từ 250km đến 300km, nên công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý điều hành gặp nhiều khó khăn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Việc chia tách tỉnh Lai Châu thành hai tỉnh Điện Biên và Lai Châu là nhằm tạo động lực mới, thời cơ mới để phát huy nội lực tốt hơn cho sự phát triển nhanh và bền vững cho cả tỉnh.

Tỉnh Điện Biên ở phía Nam sông Đà, có diện tích tự nhiên là 955.409,70ha và dân số 440.300 người, gồm nhiều dân tộc anh em sinh sống như Thái, Lô Lô, Lào, Lự, Hoa, Cống, Mường, Tày, Nùng...

Tỉnh Điện Biên có các đơn vị hành chính sau:

Thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Lai Châu (trừ phường Lê Lợi), các huyện: Mường Nhé, huyện Điện Biên, huyện Điện Biên Đông, huyện Tuần Giáo, huyện Tủa Chúa, huyện Mường Lay (trừ xã Pú Đao, xã Chăn Nưa, xã Nậm Hàng, bản Thành Chử thuộc xã Xá Tông). Thành phố Điện Biên Phủ là tỉnh lỵ của tỉnh Điện Biên.

Về vị trí địa lý, phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu, Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Sơn La, Tây Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), Tây và Tây Nam giáp cố đô Luông Phrabăng (Lào).

Điện Biên có khí hậu nhiệt đới gió mùa cao, mùa đông lạnh và ít mưa, mùa hè nóng gắt và mưa nhiều, ít chịu ảnh hưởng của bão lũ. Nhiệt độ trung bình cả năm là 21-23^{0}C. Lượng mưa trung bình 1.700-2.500mm. Độ ẩm trung bình 83-85%.

Điện Biên là một tỉnh giàu khoáng sản, chủ yếu là than mỡ, cao lanh, đá đen, vàng sa khoáng, nước khoáng...

Mạng lưới giao thông đường bộ khá thuận lợi. Từ thành phố Điện Biên Phủ có đường đến các huyện. Có sân bay Mường Thanh.

Thành phố Điện Biên Phủ, từ xa xưa có tên là Mường Theng hoặc Then (Theng tiếng Thái có nghĩa là Trời, âm Việt đọc chệch là Thanh) nên gọi là Mường Thanh. Qua thư tịch cổ, thời cổ đại Điện Biên là một đường chuyển tải văn hóa từ Ấn Độ qua Việt Nam với ảnh hưởng của đạo Bàlamôn và đạo Phật. Đến năm 1841, Mường Thanh đổi thành Điện Biên Phủ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Cách nay nửa thế kỷ, tập đoàn cứ điểm quân sự mạnh nhất của quân đội Pháp ở Đông Dương đã bị bộ đội ta đập tan. Toàn bộ Bộ chỉ huy của Tướng Đờ Cátơri và hàng vạn binh lính Pháp bị bắt làm tù binh. Kết cục đó đã dẫn đến việc ký kết Hiệp định Giơnevơ, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Mường Thanh - Điện Biên Phủ còn nổi tiếng là vùng đất cổ còn lưu giữ dấu vết của nền văn hóa cổ xưa nhất.

Năm 1955, được Chính phủ đặt là châu Điện Biên, trực thuộc Khu tự trị Đông Bắc. Tháng 12 năm 1962, tỉnh Lai Châu thành lập lại, châu Điện Biên đổi thành huyện Điện Biên thuộc tỉnh Lai Châu.

Năm 1990, trung tâm tỉnh lỵ Lai Châu được chuyển về Điện Biên. Ngày 18-4-1992, thị xã Điện Biên được thành lập. Ngày 26-9-2003, Chính phủ ra Nghị định thành lập thành phố Điện Biên Phủ. Và Điện Biên Phủ là thành phố đầu tiên của vùng Tây Bắc Việt Nam.

Thành phố Điện Biên Phủ ngày nay đã mang diện mạo mới. Thương mại, dịch vụ chiếm tới 60% GDP. Thành phố đã có cơ chế tạo mọi điều kiện thuận lợi, kêu gọi các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển thương mại, dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ du lịch, nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm.

Thuở xưa, Điện Biên có tên gọi là *Mường Thanh*, xa hơn nữa là *Mường Then* (nghĩa là Mường Trời) là vùng đất gắn liền với thần thoại và truyền thuyết về sự ra đời của dân tộc Thái. Đây là "đất tổ" của nhiều ngành Thái vùng Đông Nam Á. Vùng đất lòng chảo rộng lớn này có hai mường: Thanh Nưa (Thanh trên) từ bản Noọng Hét đổ về đầu nguồn sông Nậm Rốn và Thanh Tẩu (Thanh dưới) từ bản Noọng Hét đến cuối sông Nậm Rốn. Tại đây có Viềng Xam Mứn (thành Tam Van) cổ kính của người Thái xây dựng. Các mường thuộc Mường Thanh xưa có: Mường Phăng, Mường Nha, Mường Luân, Mường Lèo, Mường Lôi, nay thuộc huyện Điện Biên.

https://www.facebook.com/taybanganh/

THẮNG CẢNH

Đèo Pha Đin

Từ Hà Nội lên Điện Biên, nếu đi đường bộ, du khách sẽ theo đường số 6 qua đèo Pha Đin lịch sử. Theo tiếng địa phương, Pha Đin có nghĩa là trời đất. Theo truyền thuyết, núi non ở đây rất cao, nơi tiếp giáp giữa đất và trời.

Chuyện kể rằng, xưa kia có sự tranh chấp ranh giới giữa hai tỉnh Sơn La và Lai Châu (cũ), người ta đã giải quyết bằng một cuộc đua ngựa. Nơi hai đầu ngựa gặp nhau sẽ là biên giới của hai tỉnh. Ngựa Lai Châu phi nhanh hơn, vì phần lớn là xuống dốc, nên phần đèo thuộc về Lai Châu (nay là Điện Biên) nhiều hơn phần đèo của Sơn La.

Đèo Pha Đin rất hiểm trở, ở độ cao trên 1.000m, khi lên dốc, lúc xuống dốc, đường đi ngoằn ngoèo, chênh vênh, một bên là vực sâu thăm thẳm, một bên là núi cao dựng đứng, lại có nhiều đoạn cong hiểm trở. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, hàng vạn dân công, bộ đội, xe, pháo, xe thồ lương thực súng đạn đã vượt đèo vào chiến trường Điện Biên. Đèo Pha Đin dài hàng chục kilômét.

Hồ chứa nước Pa Khoang

Hồ nằm ở xã Mường Phăng, cách thành phố Điện Biên Phủ khoảng 10km. Xưa kia đây là suối Pa Khoang, sau người ta xây một con đập chắn ngang tạo thành hồ chứa nước rộng lớn để tưới tiêu cho hàng ngàn hécta ruộng của những cánh đồng lúa Mường Thanh.

Hồ Pa Khoang không chỉ là một công trình thủy lợi, nó còn là một thắng cảnh non, nước hữu tình. Hồ có diện tích trên 600ha. Chung quanh là những ngôi nhà sàn xinh xắn soi bóng mặt hồ lung linh. Đây đó những con thuyền độc mộc lướt nhẹ trên mặt hồ, làm cho cảnh sắc hồ Pa Khoang vốn đã thơ mộng càng thơ mộng hơn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Một lần đi chơi thuyền trên hồ Pa Khoang, du khách sẽ không thể nào quên được, bởi cảnh và người ở đây thật đẹp và hiền hoà.

Hang Thẩm Báng

Thuộc xã Báng Lao, huyện Tuần Giáo, là một hang cổ xưa, vẻ đẹp còn hoang sơ.

Lòng hang rộng và sâu, cao gần 100m. Trong hang có nhiều ngách. Giữa lòng hang có khối đá to, mặt trên bằng phẳng như mặt bàn. Hang có nhiều nhũ đá, măng đá, với những hình thù kỳ lạ như những con rồng, lân, phượng, sư tử, voi phủ phục, ngựa phi... Có thể nói, ở đây như là cả một thế giới động vật nghìn năm hóa đá.

Hang Thẩm Báng không chỉ là một hang động đẹp tuyệt vời, mà tại đây nhân dân địa phương còn tìm thấy các loại rìu, chày nghiền thức ăn bằng đá, một số xương động vật đã hóa thạch. Phải chăng đây là nơi ở của người Việt cổ đại từ thời kỳ đồ đá?

Ngoài ra ở Tuần Giáo còn có Thần Khuông, xã Chiềng Sinh cũng là một trong những hang động kỳ khu, hấp dẫn khách du lịch.

DI TÍCH

Thành Bản Phủ

Thuộc xã Noọng Hét, thành phố Điện Biên Phủ. Một di tích quan trọng về cuộc khởi nghĩa do nông dân Hoàng Công Chất lãnh đạo ở thế kỷ XVIII chống lại triều đình thối nát Lê-Trịnh, còn gọi là phong trào khởi nghĩa Sơn Nam.

Để nhớ ơn ông, nhân dân đã lập đền thờ ghi công lao ông một thời lừng danh chống ách bạo tàn.

Công trình thành Bản Phủ và đền thờ Hoàng Công Chất không chỉ mang ý nghĩa lịch sử mà còn là một công trình văn hóa kiến trúc. Vì vậy, điểm di tích này đã được Nhà nước xếp hạng tháng 7-1980.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đền Đại Giá Đại vương

Đền được xây dựng ở xã Mường Thanh, huyện Điện Biên. Đền thờ vị tướng đời nhà Trần (không rõ tên). Tương truyền, ông cầm quân đi đánh giặc, bị tử trận tại địa phương này, nhân dân quanh vùng thương tiếc, lập đền thờ để nhớ công ơn ông.

Di tích Noọng Nhai

Tại đây đã dựng lên một tượng đài cao lớn để ghi lại trận ném bom dã man tàn bạo của máy bay quân đội Pháp vào ngày 25-3-1954. Sau khi thất bại trên nhiều chiến trường và đang phải đối phó với lực lượng bộ đội ta tập trung tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, quân đội Pháp đã điên cuồng cho máy bay ném bom hủy diệt toàn bộ bản Noọng Nhai, làm nhiều người chết và bị thương. Trong đó phần lớn là đàn bà và trẻ con. Thực dân Pháp ra sức bắn phá hòng làm nhụt ý chí chiến đấu của quân và dân ta trên chiến trường. Nhưng chúng đã nhầm, chính sự kiện đẫm máu này đã dấy lên lòng căm thù của quân và dân ta trong cả nước, càng hun đúc thêm ý chí quyết tâm đánh giặc trả thù cho đồng bào Noọng Nhai. Ngày 7-5-1954, quân ta đã đập tan hoàn toàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Cụm di tích Điện Biên Phủ

Điện Biên Phủ "chấn động địa cầu" đã chứng minh một chân lý: một dân tộc nhỏ bé có thể thắng một đế quốc to lớn vì "không có gì quý hơn độc lập, tự do".

Nửa thế kỷ đã trôi qua, mảnh đất thiêng liêng này đã để lại bao di tích nằm rải rác khắp nơi trong vùng, từ Chỉ huy sở Mường Phăng đến đồi Him Lam, A1...

Di tích chiến thắng Điện Biên Phủ chủ yếu nằm ở trung tâm thành phố Điện Biên Phủ. Đây là một quần thể di tích gồm nhiều hạng mục đã được Nhà nước xếp hạng như các trận địa pháo, máy bay, xe tăng địch, cầu Mường Thanh, sông Nậm Rốn, hố bộc phá mở đầu đợt tổng tấn công, hệ thống hầm hào chiến đấu...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nghĩa trang đồi A1, nơi yên nghỉ những người con của dân tộc đã hy sinh anh dũng cho nền độc lập, tự do của Tổ quốc trong Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Đồi A1 là một cao điểm rất lợi hại, mang tính quyết định thắng bại ở chiến trường Điện Biên Phủ. Nơi đây, bộ đội ta đã quần nhau với giặc suốt 36 ngày đêm cực kỳ gian khổ, hy sinh mất mát khá nhiều. Tối ngày 6-5-1954, bộ đội ta đã san bằng và làm chủ trận địa.

Sân bay Mường Thanh: Một căn cứ tiếp vận rất quan trọng của địch, đã bị pháo binh Quân đội Nhân dân Việt Nam khống chế hoàn toàn. Ngày nay sân bay này đã được cải tạo nâng cấp thành sân bay dân dụng của thành phố Điện Biên Phủ, nằm trong hệ thống đường bay nội địa của hãng Hàng không Việt Nam.

Hầm của Tướng Đờ Cátơri đã được tu bổ, sửa chữa, giữ nguyên hình dáng, kích thước cấu tạo của hầm chỉ huy sở xưa. Hầm Tướng Đờ Cátơri nằm ở trung tâm lòng chảo Điện Biên Phủ.

Đồi Him Lam: Đây là cứ điểm và là cửa ngõ án ngữ cho tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, đã bị pháo binh ta san bằng đầu tiên vào ngày 13-3-1954.

Đồi Độc Lập: trận đánh giải phóng đồi này vào ngày 15-3-1954, sau hai ngày đập tan cứ điểm Him Lam.

Các đồi C, D, E là những nơi diễn ra những trận đánh ác liệt giữa ta và địch giành giật từng tấc đất. Toàn bộ ba đồi này vẫn được giữ nguyên trạng, tên mỗi đồi được gắn biển khá to, ở vị trí dễ nhìn thấy nhất và rõ nhất.

Hầm chỉ huy chiến dịch: Hầm chỉ huy của Đại tướng Võ Nguyên Giáp nằm trong một khu rừng nguyên sinh tại xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, cách thành phố Điện Biên Phủ khoảng 30km.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Di chỉ khảo cổ U Va

Trong quá trình thi công khu du lịch khoáng nóng U Va, các nhà khảo cổ học đã phát hiện ra ở đây có nhiều di vật cổ có giá trị, như các mảnh gốm có trang trí hoa văn lạ, mảnh sứ men ngọc đời Lý, bình vò cổ bằng đất nung... Đặc biệt, người ta tìm được một lưỡi cày sắt hình dáng rất lạ... Hiện Trưởng bản U Va là Vi Văn Lự đang giữ lưỡi cày này. Theo nhận xét của các nhà nghiên cứu thì "*lưỡi cày này hiện không thấy ai ở Điện Biên dùng cả*", đồng bào cho rằng đây là một lưỡi cày lạ chưa nhìn thấy bao giờ. Đặc biệt ở đây còn tìm thấy những hạt thóc cháy, được đánh giá "*là những di vật vô cùng quý giá để tìm hiểu lịch sử cây lúa ở vùng Điện Biên cũng như trên thế giới. Đã từ lâu, cây lúa và các đặc sản lúa ở Điện Biên được các giới khoa học rất quan tâm. Tại Điện Biên, các nhà nông học đã tìm thấy các mẩu lúa hoang dại rất hiếm hoi trên bán đảo Đông Dương*".

Theo nhận định của các nhà nghiên cứu khảo cổ học thì "đây là di chỉ khảo cổ đầu tiên được phát hiện ở Điện Biên, lại nằm trên một vị trí địa lý đặc biệt của vùng biên giới ba nước (Việt - Lào - Trung) nên nó không chỉ có ý nghĩa khoa học mà nó còn có ý nghĩa đặc biệt trong việc gìn giữ chủ quyền biên giới quốc gia".

Cũng trong thi công công trình du lịch khoáng U Va, người ta còn phát hiện được nhiều dây chuyền, vòng và trâm cài tóc, cái còn nguyên vẹn, cái đã bị đứt vỡ, tất cả đã bị gỉ sét. Chị Vi Thị Lan mang một mảnh ra nhờ hiệu kim hoàn thành phố Điện Biên Phủ xem thử. Sau khi thử, người thợ bảo rằng đây là bạc nguyên chất. Chị Lan về đã tổ chức nhặt nhạnh và mua thu gom được khoảng 4kg.

U Va nằm về phía Tây Nam thung lũng Mường Thanh, thuộc xã Noọng Luông, huyện Điện Biên, cách thành phố Điện Biên Phủ 15km.

Theo thống kê của Bảo tàng Điện Biên, đến nay trên diện tích 17.000 km^2 thuộc tỉnh Điện Biên đã phát hiện được 16 trống

https://www.facebook.com/taybanganh/

đồng, trong đó có một cái được tìm thấy ở khu vực U Va. Trống này nặng 17kg, cao 44cm, đường kính mặt trống 60cm, đường kính đáy 50cm, được xếp vào giai đoạn Hêgơ II và III, thuộc thời đại đồ đồng Đông Sơn.

Tương truyền khu vực U Va thuộc thành Tam Vạn, nơi các chúa Lự làm chủ trước khi chúa Thái Lạng Chượng đánh chiếm Mường Thanh. Vậy những vật tìm được ở di chỉ khảo cổ U Va, nếu không phải đồ tùy táng, thì phải chăng là của nả được chôn cất khi bị giặc giã đánh chiếm?

Ở đây có một bãi đất, bà con địa phương gọi "*Khuống xao phi nhổ*" tiếng Thái có nghĩa là sân chơi của những ma gái lớn. Điều đó cho phép chúng ta liên tưởng đến một trò chơi dân gian của đồng bào Thái tồn tại tới ngày nay có tên là Hạn Khuống. Rất có thể một đêm ở Hạn Khuống bất ngờ bị quân giặc tràn đến, rồi sát hại hàng loạt người tham gia hội. Vì thế trong dân gian vẫn lưu truyền câu chuyện vào những đêm trăng sáng, thấp thoáng có các ma hiện lên nô đùa ở đây (?). Chính tại U Va cũng có giả thiết là nơi tiễn hồn người chết lên trời. Hiện dưới hồ U Va có hàng trăm cột gỗ bằng đầu cắm sâu vào lòng đất. Phải chăng những cột gỗ này là dấu tích của một dàn tế thần?

Tuy chỉ mới là những nghiên cứu ban đầu, nhưng có thể kết luận rằng U Va là một di chỉ khảo cổ quan trọng của Điện Biên.

LỄ HỘI

Lễ kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ

Hằng năm vào ngày 7 tháng 5, tại Điện Biên Phủ, tỉnh Lai Châu, nay là tỉnh Điện Biên, tổ chức lễ kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ. Đặc biệt là vào những năm chẵn (5 năm, 10 năm...) Ngày 7-5-2004, nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, lễ hội kỷ niệm đã được tổ chức long trọng, có nhiều đoàn quốc tế tham gia, trong đó có các cựu chiến binh Pháp, Mỹ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ kỷ niệm bắt đầu bằng một cuộc míttinh trọng thể nhằm ôn lại những chiến thắng vẻ vang của quân và dân ta trong Chiến dịch Điện Biên Phủ. Sau cuộc míttinh có tổ chức nhiều trò chơi, và biển diễn ca nhạc, nghệ thuật...

Lễ Hạn Khuống

Hạn Khuống là một sinh hoạt văn hóa truyền thống lành mạnh, vui chơi, giàu sáng tạo qua lời hát truyện kể, không khí ấm cúng và tao nhã của người Thái. Đây là lễ hội được tiến hành sau vụ thu hoạch khoảng giữa mùa thu và mùa đông. Lễ Hạn Khuống thường được tổ chức trên một khoảnh đất rộng thoáng của bản. Tại đây thanh niên nam nữ dựng sàn cao khoảng 1,5m, có hàng rào bao quanh bằng phên mắt cáo, chỉ chừa một cửa ra vào. Cuộc vui mở vào ban đêm khi bếp lửa trại đỏ hồng. Thanh niên nam nữ đến hát, kể chuyện làm quen với nhau và thi tài khéo léo. Nam nữ hát đối đáp cho đến sáng mới chia tay nhau. Đêm hôm sau họ lại tiếp tục ca hát. Hạn Khuống do bên gái tổ chức, thực chất là cuộc vui tìm hiểu bạn đời.

ĐỒNG NAI

Đồng Nai là một tỉnh của miền Đông Nam Bộ, cửa ngõ phía Đông của Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích tự nhiên 5.864km^2, dân số gần 2 triệu người. Tỉnh lỵ là thành phố Biên Hoà, và 8 huyện: Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Long Khánh, Long Thành, Nhơn Trạch. Đồng Nai là nơi sinh sống của nhiều dân tộc anh em: Kinh, Hoa, Xtiêng, Êđê, Chơ Ro, Khơme, Chăm, Mạ...

Đồng Nai nằm trên lưu vực sông Đồng Nai và sông La Ngà, cách Thành phố Hồ Chí Minh 28km, phía Bắc giáp Lâm Đồng, phía Nam giáp Bà Rịa-Vũng Tàu, phía Tây giáp Bình Dương và Bình Phước, phía Đông giáp Bình Thuận.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Địa hình Đồng Nai không bằng phẳng, gồm một số thung lũng, đồng bằng nhiều gò, đồi thấp. Phần tiếp giáp với cao nguyên Di Linh và Lâm Viên thì địa hình tương đối cao. Đất Đồng Nai chủ yếu là đất đỏ bazan, đất xám và phù sa bồi đắp cũ, rất phù hợp cho việc trồng trọt, chăn nuôi, đặc biệt trồng cây công nghiệp: cao su, cà phê, ca cao, hồ tiêu, hạt điều và các loài cây ăn trái...

Khí hậu Đồng Nai có hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình cả năm là 25,4-27,2^{0}C.

Đồng Nai có hệ thống giao thông khá thuận lợi gồm đường bộ, đường sắt và đường thủy. Về đường bộ có quốc lộ 1A, quốc lộ 20 đi Lâm Đồng, quốc lộ 51 đi Bà Rịa-Vũng Tàu, có đường sắt Bắc-Nam. Đường thủy có sông Đồng Nai dài 101km nối sông Sài Gòn về tới Trị An.

Đặc biệt ngành công nghiệp Đồng Nai rất phát triển, thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài, đứng thứ 2 ở khu vực miền Nam, chỉ sau Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng Nai là một tỉnh có nhiều ngành nghề thủ công như gốm, sứ, sơn mài...

Ngoài vô số rừng cao su, cà phê, hồ tiêu, Đồng Nai còn có những khu vườn nguyên sinh rộng lớn như rừng quốc gia Nam Cát Tiên, lại có nhiều di tích lịch sử và phong cảnh đẹp như hồ Long Ẩn, thác Trị An, suối Tre, rừng Mã Đà... và các công trình văn hóa cổ: mộ cổ Hàng Gòn, đình Tân Lân, chùa Bửu Long...

THẮNG CẢNH

Thác Trị An

Thác Trị An cao 8m, rộng 30m, là một cảnh đẹp thiên nhiên hùng vĩ. Dưới thác có nhiều đảo nhỏ và các tảng đá lớn với nhiều hình thù kỳ lạ đẹp mắt, nằm rải rác giữa làn nước trong xanh, bốn mùa nghe thác đổ ầm ầm. Bên cạnh thác là Nhà máy thủy điện Trị An.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thác Trị An nằm ở hạ lưu sông Đồng Nai, cách thành phố Biên Hoà khoảng 50km.

Sông Đồng Nai

Bắt nguồn từ Tây Nguyên hùng vĩ, dài 480km, đoạn chảy qua tỉnh Đồng Nai dài 294km. Dọc hai bên bờ sông Đồng Nai là làng mạc của các dân tộc anh em sinh sống. Thỉnh thoảng giữa lòng sông nổi lên những đảo nhỏ, như những nét chấm phá trong bức tranh thiên nhiên thơ mộng.

Mặc dầu tốc độ đô thị hóa khá nhanh, nhưng những làng mạc ven sông Đồng Nai vẫn bình yên sau những rặng dừa, rừng cây vú sữa, vườn bưởi Tân Triều. Công ty du lịch Đồng Nai đang phát triển loại hình du lịch trên sông rất hấp dẫn, có thể thăm các làng đảo, vườn bưởi Tân Triều, lò gốm, lò ép mật thủ công...

Làng bưởi Tân Triều

Cách thành phố Biên Hoà khoảng 25km. Đến đây, dưới bóng mát của vườn bưởi du khách có thể thưởng thức những loại bưởi với nhiều hương vị khác nhau: ngọt lịm là bưởi đường, ngọt dịu pha ít chua là bưởi Thanh Trà, ruột hồng, vị ngọt mát là giống bưởi Xiêm... Làng bưởi Tân Triều là vùng đất thích hợp cho những buổi tham quan, dã ngoại.

Rừng quốc gia Nam Cát Tiên

Rừng Cát Tiên nằm gọn trong đoạn uốn khúc của sông Đồng Nai thuộc lãnh thổ của ba tỉnh: Đồng Nai, Bình Phước và Lâm Đồng. Còn khu rừng Nam Cát Tiên là phần cuối cùng và cao nhất thuộc huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, có diện tích 36.000ha, nơi có hệ động thực vật điển hình của Nam Bộ: hơn 600 loài thực vật bậc cao, hơn 100 loài cây gỗ quý, hàng trăm loài cây dược liệu, hơn 60 loài phong lan. Về động vật có 240 loài chim, trong đó có những loài chim quý hiếm như trĩ lông đỏ, cò quắm xanh, tê giác một sừng...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Rừng Nam Cát Tiên khá đa dạng: vừa có đồi núi lại có bãi bồi ven sông, vừa có các trảng rộng lớn bằng phẳng, lại có dòng sông chảy dốc đứng.

Vào mùa mưa, những dòng suối vốn dĩ hiền hoà, giờ trở thành các dòng thác hung dữ, chảy xiết đổ nước trắng xóa trên các triền đá lớn. Ở đây có nhiều bãi tắm suối tự nhiên với những bãi cát vàng rộng lớn. Huyền thoại kể rằng, nơi đây xưa kia các nàng tiên thường xuống hạ giới để vui đùa và tận hưởng dòng nước mát, nên được gọi "Nam Cát Tiên".

Giữa dòng sông rộng lớn, thỉnh thoảng nổi lên những hòn đảo nhỏ chạy dài theo con nước. Trên đảo là rừng cây cổ thụ, dưới tán lá sum suê là thảm cỏ xanh mềm mại, rất thích hợp cho việc cắm trại. Bên phải của con đường băng qua rừng Nam Cát Tiên là thác Trời, một ngọn thác kỳ thú, hùng vĩ nhất của rừng Nam Cát Tiên. Tiếp tục cuộc hành trình xuyên rừng, du khách sẽ tới Bàu Sấu, một vũng nước rộng nhất, sâu nhất, nằm ở trung tâm rừng quốc gia Nam Cát Tiên. Bàu Sấu có nhiều loại cá, đặc biệt loại cá sấu nước ngọt, chung quanh bàu là nơi sinh sống của nhiều đàn chim, như công, trĩ, gà lôi, mòng két, le le...

Rừng Nam Cát Tiên là khu rừng nguyên sinh tiêu biểu cho hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới vùng thấp.

Khu du lịch Bửu Long - Hồ Long Ẩn

Cách thành phố Biên Hoà 6km, khu du lịch Bửu Long xây dựng quanh một hồ nước nhân tạo có tên là hồ Long Ẩn, do việc khai thác đá mà thành. Hồ rộng hàng chục hécta, đẹp như một bức tranh thu nhỏ của vịnh Hạ Long. Giữa lòng hồ vô số vách đá lung linh soi bóng nước, tạo cho hồ một vẻ đẹp hấp dẫn, một cảnh sắc thiên nhiên mỹ lệ, núi cao, hồ rộng, nước trong xanh, hài hoà với công trình kiến trúc tôn giáo được dựng xây qua nhiều thế hệ.

Đến Bửu Long, du khách sẽ được leo lên ốc đảo cao khoảng 35m, nằm giữa lòng hồ, nơi quần tụ hàng chục loài chim quý

https://www.facebook.com/taybanganh/

hiếm, hoặc du ngoạn trên mặt hồ bằng thuyền máy hoặc xe đạp nước, tham quan con rồng đá khổng lồ ngày đêm phun nước. Tại đây có công viên Khổng Long khánh thành tháng 2 năm 1995.

Cạnh hồ có ngọn núi Bửu Long thấp, trên đỉnh có ngôi chùa cổ Bửu Long nổi tiếng, thấp thoáng sau cây bồ đề cổ thụ có Long Sơn Thạch Động.

Bãi tắm Long Hải

Cách thành phố Biên Hoà khoảng 100km về hướng Đông Nam. Bãi tắm Long Hải có bãi cát trắng mịn chạy dài, yên tĩnh, dành cho những ai yêu biển nhưng không thích náo động, ồn ào. Bãi tắm nằm ở vị trí đẹp nhất, nơi có toà biệt thự cũ của Pháp và vua Bảo Đại.

Quần thể đá chồng Định Quán

Cách thành phố Biên Hoà 50km, tại thị trấn Định Quán, trên quốc lộ 20 đi Đà Lạt. Quần thể đá chồng Định Quán nổi tiếng đẹp với những hình thù kỳ lạ.

Đặc biệt ở đây có 3 hòn đá nằm chồng lên nhau khá chông chênh ở độ cao 36m so với mặt đường, hòn Đá Chồng này nằm sát quốc lộ 20 về về hướng Đông Bắc như một tượng đài kỳ vĩ. Hòn đá dưới cùng lớn gấp hai hòn nằm trên, hòn trên cùng thì nằm nhô ra phần nửa bên ngoài như muốn đổ xuống bất cứ lúc nào.

Hòn Dìa nằm về phía Tây Bắc của hòn Đá Chồng. Hòn Dìa có hình chữ nhật không đều, đầu to, đầu nhỏ, nằm ở độ cao 43m so với mặt đất.

Núi Đá Vôi, còn gọi núi Bạch Tượng, ở phía Tây Nam của khu thắng cảnh, nằm sau chùa Thiện Chơn 10m. Núi có hình 2 con voi lớn nằm cạnh nhau. Trên đỉnh hòn đá Voi Đực có tượng Phật Thích Ca khổng lồ nhìn về hướng Đông, được xây cất năm 1970. Dưới chân núi Voi Đực có hang Bạch Hổ. Hòn bên cạnh là Voi Cái.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Làng gốm ven sông Đồng Nai

Làng gốm này nằm dọc theo sông Đồng Nai, từ Biên Hoà tới cù lao Mỹ Quới dài khoảng 10km, gồm nhiều làng mạc và các đảo nhỏ thuộc phường Tân Vạn, thành phố Biên Hoà. Tại đây có hàng trăm lò gạch, lò gốm sứ, trong đó đáng chú ý là xí nghiệp gốm DONA, có từ lâu đời với những sản phẩm dùng cho trang trí nội ngoại thất, đồ sành sứ, lọ cắm hoa, chậu cảnh, tượng người và vật... nổi tiếng trên thị trường thế giới từ năm 1920.

DI TÍCH

Mộ cổ Hàng Gòn

Mộ gồm hai hàng trụ bao quanh hầm mộ. Trong đó có 10 trụ đá cao từ 2,5-3m. Hầm mộ có kích thước 4,2 x 2,7m, cao 1,6m. Ngôi mộ cổ được ghép bởi những tấm đá hoa cương nặng hàng tấn, riêng nắp mộ nặng khoảng 10 tấn. Ngôi mộ này là di tích tiêu biểu cho loại hình "Dol Men" Đông Nam Á.

Từ năm 1992, mộ cổ Hàng Gòn được xây tường bảo vệ và lát gạch quanh hầm mộ chống xói mòn.

Mộ cổ Hàng Gòn là ngôi mộ cổ nhất tại Việt Nam còn lại đến nay. Mộ cổ Hàng Gòn thuộc xã Xuân Tân, huyện Xuân Lộc, ở độ cao 250m về phía Tây tỉnh lộ 2 (Long Khánh đi Bà Rịa) cách thành phố Biên Hoà 80km.

Mộ cổ Hàng Gòn là di tích văn hóa đã được xếp hạng, tiêu biểu cho nền văn hóa cổ đại cách nay khoảng 2.500 năm. Mộ cổ này do một kỹ sư cầu đường người Pháp là Bouchot phát hiện vào năm 1927, khi mở đường liên tỉnh 2.

Đình Tân Lân

Thuộc phường Hoà Bình, thành phố Biên Hoà, được xây từ thời Minh Mạng, là nơi thờ Trấn biên đô đốc Tổng quan Trần Thượng Xuyên, người có công mở mang Nông Nại Đại Phố (phố

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đồng Nai, thành phố Biên Hoà). Đình Tân Lân là công trình kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu thời Nguyễn kết hợp hài hoà với nghệ thuật kiến trúc đặc trưng vùng Hoa Nam (Trung Quốc). Trong đình còn lưu giữ nhiều tác phẩm điêu khắc đá, điêu khắc gỗ, phù điêu ghép sành sứ, cẩn xà cừ, tượng sành Hoa Nam...

Đền thờ Nguyễn Tri Phương

Ở phường Bửu Hoà, thành phố Biên Hoà, được dựng vào đầu thế kỷ XIV, thờ Thành hoàng làng. Đến năm 1873, Nguyễn Tri Phương mất, được nhân dân tạc tượng thờ tại đây.

Năm 1991, đền thờ Nguyễn Tri Phương được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa.

Đình An Hoà

Là di tích kiến trúc nghệ thuật thuộc xã An Hoà, huyện Long Thành, được dựng từ năm 1788-1792 và được trùng tu ba lần vào các năm 1944, 1953 và 1994. Đình có kiến trúc chữ "*công*" (工), hiện còn lưu giữ nhiều sắc phong của vua Tự Đức và nhiều hoành phi, câu đối từ các đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

Đình được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận Di tích lịch sử - văn hóa năm 1984.

Chùa Long Thiền

Thuộc phường Bửu Hoà, thành phố Biên Hoà được xây dựng vào năm 1664 và được trùng tu nhiều lần vào các năm 1748, 1842, 1952 và đầu thập niên 1990. Chùa Long Thiền là một trong 3 ngôi chùa cổ nhất của tỉnh Đồng Nai.

Chùa kiến trúc theo kiểu chữ "*tam*" (三), chạm trổ công phu. Ở điện Phật có nhiều pho tượng cổ bằng đất nung và bằng đồng. Chùa là nơi truyền bá Phật giáo đầu tiên ở Đồng Nai. Hiện đây là trụ sở của Giáo hội Phật giáo tỉnh Đồng Nai.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh

Đền nằm ở xã Hiệp Hoà, thành phố Biên Hoà, được xây cách nay khoảng 300 năm để tưởng niệm Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh (còn có tên là Nguyễn Hữu Kính), người có công lớn trong việc khai phá đất Đồng Nai. Đền thờ dựng bên dòng sông Đồng Nai thơ mộng. Đền được trùng tu nhiều lần. Dưới triều Nguyễn đền được trùng tu hai lần vào thời Gia Long năm thứ nhất (1802) và năm 1851.

Chùa Bửu Long

Nằm trên đỉnh ngọn núi Bửu Long, cạnh hồ Long Ẩn cách Biên Hoà 7km. Đến tham quan chùa Bửu Long, du khách đi qua 99 bậc đá sẽ lên tới chùa. Chùa được dựng năm 1679, kiến trúc theo kiểu chữ "*tam*" (三), gồm chính điện, giảng đường, nhà thờ tổ, ngoài ra còn có nhiều phòng ni phái và dưỡng tăng. Chùa có nhiều pho tượng mang đậm phong cách Á Đông và nhiều cổ vật quý như cặp nai vàng đời Nguyễn, đầu "phường cổ" (Nhà Phật), tượng Phật nằm, tháp Bửu Long. Chung quanh chùa có Long Đầu Thạch (còn gọi Hàm Rồng, Hàm Hổ) và Đài Tam Thế Phật. Nơi đây còn là địa điểm hoạt động của các cán bộ cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ.

LỄ HỘI

Đồng Nai là vùng đất cổ có nhiều di tích lịch sử văn hóa lâu đời như mộ cổ Hàng Gòn, di chỉ văn hóa Óc Eo, dấu tích nền văn hoà Phù Nam.

Đồng Nai nơi có nhiều dân tộc anh em sinh sống, nền văn hóa mang đậm nét đa sắc tộc, có nhiều lễ hội quanh năm.

Lễ Kỳ Yên (Cầu an)

Còn gọi lễ vía Thần (ngày mất của Thần), được tổ chức vào những thời điểm khác nhau trong năm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nghi thức lễ Kỳ Yên cũng gần giống nghi thức lễ cúng đình thờ Thành hoàng ở Nam Bộ, gồm: lễ cúng Tiền hiền, Hậu hiền, lễ rước Thần, lễ dâng lễ vật cúng Thần và lễ Tống ôn. Cứ 3 năm lễ Kỳ Yên có tổ chức hát bội.

Tại đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, lễ Cầu an được tổ chức vào ngày 26-6 và 11-11 âm lịch.

Tại đền Hoà An được tổ chức vào ngày 15 và 16 tháng 8 âm lịch. Sau phần lễ có đua thuyền, xô giàn thí thực. Đến giờ Ngọ (12 giờ) giàn được xô ra cho mọi người tranh lấy đồ cúng, như là sự ban phát của thần linh.

Tại đền thờ Nguyễn Tri Phương, lễ Kỳ Yên tổ chức vào 2 ngày 16 và 17 tháng 10 âm lịch.

Đình Tân Lân thờ Trấn biên đô đốc Trần Thượng Xuyên tổ chức vào ngày 23 tháng 11 âm lịch.

Ngoài ra, người Chăm ở đây có lễ hội Ramưvan Katê, người Khơme có Tết Chol Chnam Thmay...

ĐỒNG THÁP

Đồng Tháp nằm trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, là một trong ba tỉnh của vùng Đồng Tháp Mười, có diện tích tự nhiên 3.276km^2, dân số trên 1.500.000 người, là nơi sinh sống của nhiều dân tộc anh em: Kinh, Hoa, Khơme, Chăm...

Tỉnh lỵ của Đồng Tháp là thị xã Cao Lãnh. Ngoài ra là thị xã Sa Đéc và 9 huyện: Tân Hồng, Hồng Ngự, Tam Nông, Thạch Bình, Tháp Mười, Lấp Vò, Châu Thành, Lai Vung và Cao Lãnh. Tỉnh Đồng Tháp phía Bắc giáp Campuchia, Nam giáp Vĩnh Long, Tây giáp An Giang và Cần Thơ, Đông giáp Long An và Tiền Giang.

Đồng Tháp thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đồng Tháp là một tỉnh có nhiều sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, nhiều ao hồ lớn. Sông chính là sông Tiền chảy từ đầu tỉnh tới cuối tỉnh với tổng chiều dài 132km.

Giao thông Đồng Tháp khá thuận lợi, có 300km đường bộ, đặc biệt hệ thống đường thủy phát triển.

Là một tỉnh nông nghiệp, Đồng Tháp sản xuất nhiều lương thực và các loại nông, thủy sản có giá trị xuất khẩu cao. Đất đai màu mỡ nhờ phù sa sông Tiền, sông Hậu bồi đắp, xóm làng trù phú, bốn mùa cây trái sum suê.

THẮNG CẢNH

Vườn cò Tháp Mười

Cách thị xã Cao Lãnh 35km. Cò ở đây nhiều vô kể, đậu trắng cả một vùng trời. Vào những buổi chiều tà, hàng hàng lớp lớp những cánh cò trắng chao lượn trên không, những tiếng kêu oang oác khuấy động cả một vùng quê, trước khi chúng bay về tổ.

Tràm chim Tam Nông

Là đàn chim sống ở trong rừng tràm ở huyện Tam Nông. Đây là khu bảo tồn thiên nhiên rộng lớn có diện tích trên 7500ha, nằm giữa 4 xã Phú Đức, Phú Hiệp, Phú Thọ và Tân Công Sinh, huyện Tam Nông, cách thị trấn Tam Nông khoảng 800m đường chim bay. Khu bảo tồn thiên nhiên này chứa một lượng động thực vật vô cùng đa dạng. Trong số gần 200 loài chim, có những loài cực kỳ quý hiếm, trên thế giới nhiều nơi đã bị tuyệt chủng như loài sếu đầu đỏ cổ trụi, cò châu Á, gà đãi, giang sen, chảng bè... Trong đó sếu cổ trụi đầu đỏ về mùa đông từ tháng 2 đến tháng 7 hằng năm bay về tràm chim cư trú. Sếu đầu đỏ đến đây ăn củ năng. Sếu to, cao trên 1,7m, bộ lông xám mượt, cổ cao, đầu đỏ, đôi cánh sải rộng khi bay. Sếu đầu đỏ rất chung thủy, bao giờ cũng đi từng đôi vui đùa nhảy múa.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Người Việt Nam coi sếu đầu đỏ là chim hạc, một biểu tượng sức mạnh, sự trường tồn và lòng thủy chung son sắc thường vẫn được thờ trong các đền, chùa miếu và một số gia đình.

Ngoài ra, tràm chim còn có 40 loài cá, 140 loài thực vật có giá trị về dược liệu.

Khu tràm chim đã được Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế tài trợ để duy trì và phát triển. Nhiều du khách trên thế giới đã vượt hàng vạn cây số đến tràm chim Tam Nông để được nhìn thấy tận mắt sếu đầu đỏ.

Vườn hoa Tân Quy Đông

Cách thị xã Cao Lãnh khoảng 3km. Nơi đây nhân dân trồng nhiều loại hoa và cây cảnh, đặc biệt là các loại hồng và tùng hổ phách. Hoa Tân Quy Đông đã xuất đi nhiều nước trên thế giới và được nhiều người ưa thích. Vườn hoa Tân Quy Đông còn trồng cả cây dược liệu làm thuốc Nam chữa bệnh được nhiều người biết đến.

Cồn Tiên

Nằm trên bờ sông Hậu, đoạn chảy qua xã Định Hoà, huyện Lai Vung (phía Bến Bồi). Cồn Tiên, theo truyền thuyết kể lại có nghĩa là nơi tiên nữ giáng xuống cồn cát. Cồn Tiên là một bãi cát mịn trắng nổi lên giữa dòng sông Hậu, như một nàng tiên nữ đang phơi mình trong nắng của vùng sông nước Hậu Giang.

Du khách đến Cồn Tiên được tắm bên dòng sông Hậu với bãi tắm mịn màng, được thưởng thức rượu Sa Giang với các món ăn ốc gạo, tôm nước, cá sông Hậu ngon có tiếng.

Bãi tắm An Hoà

Nếu Cồn Tiên là một bãi cát phơi mình trên dòng sông Hậu, thì bãi tắm An Hoà là một cồn cát chơi vơi giữa sông Tiền, mênh mông nước chảy, cách thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành khoảng 2 hoặc 3km. Bãi tắm được phát hiện năm 1995. Bãi tắm

https://www.facebook.com/taybanganh/

thoai thoải, không có vùng trũng nên rất an toàn. Tuy mới khai thác, nhưng bãi tắm An Hoà đã thu hút nhiều du khách gần xa.

DI TÍCH

Đền thờ Thượng tướng Trần Ngọc

Còn gọi đền Đốc Binh Vàng, nằm ở ấp Nam, xã Tân Thạch, huyện Thanh Bình, cách thị xã Cao Lãnh 24km về phía Tây Nam. Thượng tướng Trần Ngọc, giữ chức Tổng binh, kiêm Chánh giải quân lương dưới triều vua Minh Mạng. Năm 1837, trên đường giải lương đến vùng biên giới An Giang, được tin báo thành An Giang thất thủ, bị giặc Pháp đánh chiếm, ông ra lệnh tiêu hủy đoàn thuyền tải lương, đồng thời cho giải giáp binh sĩ, sau đó ông rút gươm tự vẫn. Sau khi mất, triều đình ban tặng ông chức Thượng tướng quận công, dân chúng nhớ ơn ông, đã đặt tên con rạch là rạch Đốc Vàng và lập đền thờ ông tại địa điểm hiện nay. Năm 1965, đền được xây dựng lại bằng vật liệu kiên cố.

Hằng năm cứ vào hai ngày 15 và 16 tháng 2 âm lịch, nhân dân địa phương tổ chức kỷ niệm và cúng tế ông rất long trọng.

Chùa Kiến An Cung

Còn gọi chùa Ông Quách, tọa lạc tại trung tâm thị xã Sa Đéc. Chùa do người Hoa gốc ở tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc đến định cư tại Sa Đéc xây dựng vào năm 1924-1927 để thờ cúng tổ tiên và dạy dỗ con cháu.

Chùa có kiến trúc theo kiểu chữ "công" (工). Toàn bộ chùa không có kèo, chỉ có đòn tay ráp mộng lại. Mái ngói lợp theo dợn sóng rồng trải nền cho những ngọn sóng cong vút lên cao. Sáu đầu ngọn sóng là 6 cung điện thu nhỏ. Hai bên cửa vào chính điện là 2 con kỳ lân bằng đá xanh rất lớn. Tả, hữu vu là 2 vị thần Thiện và Ác. Trong sân là nơi cúng tế.

Trên các cột ở chính điện, các tấm hoành phi câu đối, bao lam... đều được chạm trổ hoa, lá, chim... sơn son thếp vàng lộng lẫy.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận di tích lịch sử văn hóa năm 1990.

Chùa Bà

Chùa Bà ở thị xã Sa Đéc đã có cách nay hơn 100 năm, do người Hoa ở Phúc Kiến, sau khi định cư ở Sa Đéc xây dựng. Chùa kiến trúc theo kiểu chữ "*thiên*", lợp ngói âm dương tạo gợn sóng.

Gian chính điện thờ Bà Thiên Hậu Ngươn Quân, được nhà Hán sắc phong (Thiên Hậu Thánh) vì bà có công cứu độ những người đi ghe thuyền ngoài biển bị đắm. Người Trung Quốc tôn thờ bà như một vị cứu tinh của họ. Bên phải chính điện thờ bà Kim Huệ (mẹ của Bà Thiên Hậu), bên trái thờ ông Địa và ông Thổ. Ngoài ra chùa còn thờ Phật Di Đà, Quan Âm Bồ Tát và Quan Thánh Đế.

Lễ hội chùa tổ chức vào ngày 23 tháng 3 và 9 tháng 9 âm lịch hằng năm.

Văn Thánh miếu

Là công trình văn hóa thờ Đức Khổng Tử được dựng năm 1875 tại thôn Mỹ Trà, huyện Kiến Phong, tỉnh Định Tường, nay là phường III, thị xã Cao Lãnh do ông Hồ Trọng Đinh, quan tri phủ huyện Kiến Tường đứng ra xây cất. Chính điện thờ Khổng Tử. Tả, hữu thờ Tứ Thánh (Tăng Tử, Nhan Hồi, Tử Tư và Mạnh Tử). Còn ở tả vu, hữu vu thờ Tiền hiền và Hậu hiền.

Đến năm 1878, Văn Thánh miếu được dời về vị trí ngày nay, đường Lý Thường Kiệt, phường 1, thị xã Cao Lãnh. Văn Thánh miếu được trùng tu nhiều lần trong các năm 1935 và 1940. Việc thờ phụng có sự sắp xếp lại. Trong chính điện, tả vu dùng làm thư viện, hữu vu dùng làm nơi hội họp.

Ngày nay, Văn Thánh miếu dùng làm thư viện tỉnh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Hương

Còn gọi là Phước Hưng cổ tự, là một trong những ngôi chùa cổ ở thị xã Sa Đéc. Chùa do người Hoa ở Sa Đéc dựng cách nay hơn một thế kỷ để thờ Phật. Chùa Hương có kiến trúc đẹp, 8 mái, 2 cấp, lợp ngói âm dương tạo nên gợn sóng, mái cong vút lên cao. Trên nóc là hình tứ linh: long, ly, quy, phượng.

Chùa thờ theo lối cổ, gồm 2 bộ tượng Tam Thánh Tây phương Cực lạc: Phật A Di Đà và 2 vị Bồ Tát là Quan Âm, Thế Chí. Trong chùa có một tượng A Di Đà bằng đất sét nung sơn thếp vàng có niên đại hơn 100 năm.

Đình Tân Phú Trung

Đình Tân Phú Trung nằm trên một khoảnh đất rộng 3.000m^2, giữa một vùng quê trù phú thuộc xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành. Cách thị trấn Châu Thành 17km, là một trong những ngôi đình cổ ở Đồng Tháp, được dựng vào khoảng giữa thế kỷ XIX, được vua Tự Đức phong sắc "Thành Hoàng Bổn cảnh" vào ngày 16/4/1858.

Kiến trúc đình theo kiểu cổ, mái xây theo hình chữ "*đại*", lợp ngói kiểu ống cổ, trên ngói có hình *lưỡng long tranh châu*, cột kèo bằng gỗ quý, được chạm khắc tinh vi.

Trong đình còn lưu giữ nhiều hiện vật cổ rất quý như các bức liễn bằng gỗ được chạm khắc kỹ lưỡng, sơn son thếp vàng. Giữa đình thờ Quan Thánh và Thành Hoàng Bổn cảnh. Hai bên thờ những người có công đóng góp cho đình làng. Lễ hội đình Tân Phú Trung tổ chức vào ngày 10 và 17 tháng 4 âm lịch (năm chẵn), ngày 12 và 13 tháng 5 âm lịch (năm lẻ).

Đình Định Yên

Được xây vào năm 1909, tại ấp An Lợi A, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, để ghi nhớ công lao ông Phạm Văn An, người khai sơn lập ấp đầu tiên nơi đây.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Kiến trúc đình theo kiểu "*nội công ngoại quốc*", cột gỗ, tường xây, lợp ngói đại ống, các kèo, cột được chạm trổ hoa văn, đầu rồng, lân khá tinh vi. Câu đối, liễn, bao lam được cẩn xà cừ hình cá hóa rồng, gương sen, mẫu đơn... sơn son thếp vàng, các bức tranh sơn thủy ca ngợi đất nước con người.

Trước sân đình là bồn hoa, cây phi lao cổ thụ cao vút. Chính điện thờ Thành Hoàng Bổn cảnh. Hai bên tả, hữu thờ thần là các vị Tiền hiền của đình.

Lễ hội đình Định Yên được tổ chức vào các ngày 16, 17 tháng 4 và 15, 16 tháng 11 âm lịch hằng năm. Lễ hội được tiến hành rất trọng thể.

Đình Long Khánh

Nằm trên cù lao Long Khánh giữa dòng sông Cửu Long thuộc huyện Hồng Ngự. Cấu trúc đình theo kiểu nhiều nhà vuông gắn liền nhau, có 4 hàng cột chính, mái lợp ngói âm dương, trên nóc có đắp hình *lưỡng long tranh châu*, kèo chạm đầu rồng. Đình thờ Thành Hoàng Bổn cảnh và các vị Tiền hiền, Hậu hiền, những người có công với làng xóm. Đình Long Khánh là cơ sở cách mạng, nơi đi lại hoạt động của các cán bộ trong 2 cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

Căn cứ Xẻo Quýt

Thuộc 2 xã Mỹ Hiệp và Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, cách thị xã Cao Lãnh hơn 30km. Theo quốc lộ 30 đến đoạn xã Mỹ Long rẽ trái đi chừng 7km sẽ đến khu rừng tràm nguyên sinh ngập nước rong 20ha. Đó là căn cứ Xẻo Quýt.

Xưa kia, nơi đây là chốn đồng không trống trải, kênh rạch chằng chịt, đi lại gặp nhiều khó khăn, được tỉnh ủy Kiến Phong (nay là Đồng Tháp) chọn làm căn cứ chiến lược từ cuối năm 1959 để lãnh đạo nhân dân kháng chiến.

Bên những công sự chiến đấu, những vạt tràm xanh tươi mọc lên, năm tháng trôi đi, rừng tràm ngày một lớn như thổi, tán

https://www.facebook.com/taybanganh/

sum suê giao nhau, trở thành một cánh rừng rậm rịt. Dưới tán rừng là những căn nhà hầm, nơi làm việc và những hầm trú ẩn của cán bộ các cơ quan chung quanh tỉnh ủy. Máy bay B52 của Mỹ đã nhiều lần rải thảm bom, và pháo bầy, pháo chùm từ các căn cứ của Mỹ-ngụy nã liên tục cùng với những cuộc càn quét vào căn cứ, tưởng chừng một gốc cây cũng không bỏ sót. Ấy vậy mà suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tỉnh ủy Kiến Phong vẫn bám trụ nơi căn cứ này. Người dân địa phương gọi căn cứ Xẻo Quýt là "căn cứ lòng dân".

Ngày nay, Xẻo Quýt trở thành khu du lịch hấp dẫn. Giữa rừng tràm sâu thăm thẳm, đầy những dây leo, những di tích được phục chế, nào công sự, hầm tránh bom đạn, hầm bí mật, nhà hầm nơi Tỉnh ủy họp, nhà ăn tập thể... tất cả còn nguyên vẹn như ngày nào. Đối diện với khu di tích là nhà thủy tạ hồ sen rộng trên 3.000m^2.

Khu di tích lăng cụ Phó Bảng

Nằm cách trung tâm thị xã Cao Lãnh khoảng 2 km, sát đường quốc lộ 23. Lăng được khởi công xây dựng 22-8-1975 và khánh thành ngày 13-2-1977, trong một khuôn viên rộng 1 ha. Đây là công trình ghi ơn cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc (Nguyễn Sinh Huy) sinh năm Nhâm Tuất (1802), tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, Nghệ An, nhà yêu nước đã sinh ra người con vĩ đại của dân tộc: Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Khu di tích lăng gồm: vòm mộ, hồ sao, nhà kiếng và nhà trưng bày. Vòm mộ: quay về hướng Đông, cao 10m, là một cánh hoa sen cách điệu. Hồ sao: nằm giữa khu vực, hình ngôi sao năm cánh, đường kính 30m (tính đến đỉnh chóp sao), giữa hồ là một đài sen trắng cách điệu, ốp đá trắng Italia, cao 6,5m. Nhà kiếng: cách hồ sao 30m, hình chữ nhật (24,2m x 11,5m), là nhà tiếp khách. Nhà trưng bày: kiến trúc hình bát giác, chung quanh

https://www.facebook.com/taybanganh/

trồng hoa mẫu đơn, là nơi trưng bày các hiện vật liên quan đến cuộc đời của cụ Phó Bảng, như: tiểu sử tóm tắt, sắc học, bút tích, hộp đựng thuốc...

LỄ HỘI

Đồng Tháp là tỉnh có khá nhiều tôn giáo: Cao Đài, Hoà Hảo, Phật giáo, Công giáo..., một tỉnh có nhiều dân tộc anh em sinh sống, một nền văn hóa đa sắc tộc phong phú với những phong tục tập quán và lễ hội mang đậm nét của mỗi dân tộc.

Về thăm Đồng Tháp, du khách như trở về với cội nguồn thiên nhiên, bởi bầu không khí trong lành, với những cánh đồng phì nhiêu, mênh mông cò bay thẳng cánh. Về với Đồng Tháp là về với lễ hội dân tộc.

Lễ hội Gò Tháp

Gò Tháp là một quần thể gồm 5 di tích tiêu biểu, trong đó có đền thờ cụ Đốc binh Kiều, bà Chúa Xứ là nổi danh hơn cả.

Lễ Vía Bà Chúa Xứ cử hành vào ngày 16 tháng 3 âm lịch hằng năm. Giỗ cụ Đốc binh Kiều vào 2 ngày 15 vá 16 tháng 11 âm lịch hằng năm. Nội dung lễ hội hầu như năm nào cũng giống nhau, gồm lễ cầu an, thảnh sanh, tế Thần Nông, cúng Ông (Đốc binh Kiều) hoặc cúng Bà Chúa Xứ. Các buổi lễ được tiến hành long trọng theo nghi thức cổ truyền.

Sau lễ có hội vui múa lân, hát bội, đấu võ, lửa trận. Lễ hội Gò Tháp là lễ hội cầu cho quốc thái dân an, mùa màng tươi tốt, bội thu.

GIA LAI

Là tỉnh miền núi phía Bắc cao nguyên Trung Phần, nằm trên độ cao từ 600-800m so với mặt nước biển, có diện tích tự nhiên trên 16.000km^2, dân số gần 850.000 người, bao gồm nhiều dân

https://www.facebook.com/taybanganh/

tộc: Kinh, Gia Rai, Ba Na, Xơ Đăng, Giẻ Triêng... Thành phố Plei Ku là tỉnh lỵ của Gia Lai. Tỉnh gồm có các huyện: Ayun Pa, Chư Păh, Chư Prông, Chư Sê, Đức Cơ, La Grai, Kbang, Krông Pa, Kong Chro, Mang Yang và An Khê.

Tỉnh Gia Lai phía Bắc giáp Kon Tum, Nam giáp Đắk Lắk, Tây giáp Campuchia với đường biên giới quốc gia dài trên 90km, Đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.

Gia Lai có khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên, có hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình cả năm từ 21-25^{0}C. Vùng Tây Trường Sơn có lượng mưa trung bình cao, từ 2.200-2.500mm, trong khi đó vùng Đông Trường Sơn chỉ từ 1.200-1.750mm.

Tỉnh Gia Lai có hệ thống đường bộ khá hoàn chỉnh. Có quốc lộ 19 nối với các tỉnh duyên hải miền Trung, từ Quy Nhơn đến Plei Ku dài 180km. Quốc lộ 14 đi Quảng Nam và các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Quốc lộ 25 nối với Phú Yên.

Thành phố Plei Ku nằm trên giao lộ của quốc lộ 19, quốc lộ 14 và quốc lộ 25. Tỉnh có sân bay Plei Ku.

Gia Lai là đầu nguồn của nhiều hệ thống sông đổ về miền duyên hải và Campuchia như sông Ba, sông Sê San. Đây là vùng đất có nhiều suối hồ, ghềnh thác, và đèo nổi tiếng như hồ Tơ Nưng, thác Yali, nay trở thành thủy điện có công suất lớn, có đèo Mang Yang, đèo An Khê lộng gió.

THẮNG CẢNH

Biển Hồ

Còn gọi là hồ Tơ Nưng, cách Plei Ku 6km về phía Bắc. Biển Hồ vốn là miệng của một ngọn núi lửa đã ngừng hoạt động từ lâu. Hồ có dạng hình bầu dục, rộng khoảng 250ha, độ sâu trung bình khoảng 29m.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hồ mang tên Tơ Nưng, tên một làng cổ trong huyền thoại. Nước hồ quanh năm đầy ắp, trong xanh tựa mắt ngọc, có thể nhìn thấy từng đàn cá bơi lượn dưới nước. Mặt nước hồ phẳng lặng, phong cảnh chung quanh vô cùng ngoạn mục. Từ những bụi cây ven hồ, đâu đó tiếng chim đ'rao hót trong lanh lảnh. Kề bên hồ là những ngọn núi không cao hình nấm tròn, uốn lượn trập trùng. Xa xa là những cánh rừng bạt ngàn đang rì rào cùng gió núi tạo nên một âm thanh lạ mà chỉ đến đây ta mới cảm nhận được. Vào những buổi chiều hôm khi ông mặt trời vừa gác núi, đâu đó trên mặt hồ xuất hiện những chàng trai, cô gái dân tộc đang lướt nhẹ trên chiếc thuyền độc mộc. Mặt hồ gợn sóng nhẹ như để vẫy chào du khách.

Hồ Tơ Nưng, một hạt ngọc của Plei Ku, và của Tây Nguyên hùng vĩ. Đây còn là vựa cá hằng năm cung cấp cho Plei Ku hàng trăm tấn cá.

Plei Ku, phố núi đầy sương

Plei Ku, thủ phủ của tỉnh Gia Lai, nằm ở ngã ba giao lộ của 3 quốc lộ 19, 14 và 25, cách thành phố Quy Nhơn khoảng 180km về phía Đông, cách Thành phố Hồ Chí Minh 541km về phía Đông Nam. Phố núi Plei Ku nằm ở độ cao 780m so với mực nước biển. Đến Plei Ku du khách sẽ được thả hồn về với thiên nhiên hoang sơ, cùng hít thở không khí trong lành của miền cao nguyên đầy nắng gió và cảm nhận được mùi hương của hoa phong lan rừng, của hoa cà phê trắng muốt... Plei Ku không có nét mộng mơ của Đà Lạt, nhưng Plei Ku có nét duyên thầm của phố Núi. Ở đây, bất cứ mùa nào chiều tối vẫn là mùa đông se lạnh, những hạt sương mong manh rơi nhè nhẹ, làm cho vạn vật, lúc ẩn, lúc hiện. Cái se se lạnh về đêm của phố Núi sẽ làm cho bạn nhớ đến ché rượu cần hoặc một tách cà phê Ban Mê. Phố Núi cao, phố Núi đầy trăng, phố Núi đầy sương, phố Núi của cây xanh và phố Núi của những đêm say rượu cần. Vâng! Đó chính là Plei Ku, phố Núi của Tây Nguyên xanh, rừng xanh xanh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hồ nước Ayun Hạ

Đây là hồ nước nhân tạo, được hình thành bởi con đập tràn ngăn sông Ayun Hạ vào đầu năm 1994, một công trình thủy lợi rất quan trọng cho những cánh đồng lúa Bắc Tây Nguyên, cách thành phố Plei Ku khoảng 70km. Hồ nước Ayun Hạ rộng mênh mông, có diện tích trên 3.700ha, dài 25km, dung tích chứa trung bình 253 triệu m^3 nước, bốn bề núi non trùng điệp tạo nên một cảnh quan thiên nhiên non nước hữu tình trên đất rừng H'bông thuộc huyện Chư Sê. Hồ Ayun Hạ, ngoài tác dụng thủy lợi tưới tiêu cho hàng ngàn héc ta đất trồng trọt, còn cung cấp nguồn thủy năng lớn cho khu vực Nhà máy thủy điện Ayun Hạ, mà năm 1991 đã hoà vào điện lưới quốc gia.

Du khách đến Ayun Hạ có thể đi du thuyền trên mặt hồ, câu cá hoặc dạo chơi dưới tán rừng. Tại đây du khách có điều kiện tìm hiểu nét văn hóa đặc sắc của một số dân tộc thiểu số anh em như Gia Rai, Ba Na...

Thác Xung Khoeng

Thuộc huyện Chư Prông, cao 40m, nước đổ ào ào, từ xa đã nghe tiếng thác ầm ỳ. Nước đổ từ trên độ cao 40m xuống như một dải lụa trắng nõn. Mặt thác lớn, trải rộng và tương đối bằng phẳng. Hai bên bờ cây cối mọc xanh um. Nước từ trên trên cao đổ xuống uốn cong theo triền đá đập vào các tảng đá lớn nhô lên khỏi mặt nước, tung bọt trắng xóa.

Thác Phú Cường

Thuộc xã Yun, huyện Chư Sê, cách thành phố Plei Ku 45km về phía Tây Nam. Thác tung bọt trắng tạo thành một màn sương kỳ ảo. Từ xa du khách đã nghe tiếng mời gọi của dòng thác, bởi tiếng nước đổ ầm ầm, rền vang cả một khu rừng. Bên cạnh thác là thảm thực vật xanh tốt. Thác Phú Cường nằm trên dòng chảy của con suối Ia Peet đổ ra sông Ayun rồi chảy vào hồ nước Ayun Hạ. Thác Phú Cường cho tới nay vẫn còn giữ được vẻ hoang sơ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thác Công Chúa

Thuộc Xã Ia Mơ Nông, huyện Chư Pah, cách thành phố Plei Ku 50km về phía Tây Bắc. Thác được tạo bởi nhiều tầng đá thấp, nước chảy xuống đều đặn trông rất mềm mại, uyển chuyển. Thác Công Chúa không cao, nhưng độ dốc khá dài, dòng chảy không dữ dội như thác Phú Cường hay thác Xung Khoeng.

Ia Ly

Ia Ly xưa nổi tiếng bởi ngọn thác hùng vĩ nhất của Tây Nguyên xanh, nay được thay bằng cảnh đẹp của một đập tràn xả lũ, ngăn sông Chư Sê tạo ra một hồ chứa nước rộng lớn trong xanh nằm giữa núi rừng Tây Nguyên giàu có.

Hồ nước Ia Ly có diện tích khá rộng, trên 64km^2 với dung tích 1,03 tỷ m^3 (ứng với mực nước dâng bình thường cao 515m, những năm mưa nhiều, nước lòng hồ còn dâng cao hơn nữa). Hồ nước này cung cấp năng lượng cho Nhà máy thủy điện Ia Ly.

Nhà máy thủy điện Ia Ly là một công trình trọng điểm quốc gia, lớn thứ 2 sau thủy điện Hoà Bình, với công xuất 72Mw, sản lượng điện trung bình năm là 3,7 tỉ Kwh.

Công trình nhà máy thủy điện Ia Ly đi vào hoạt động, đã có tác động rất tốt đến đời sống kinh tế - xã hội Tây Nguyên nói chung, đặc biệt Gia Lai nói riêng: nguồn điện Ia Ly hoà vào lưới điện quốc gia đã đưa ánh sáng đến cho đồng bào vùng sâu, vùng xa của bà con dân tộc. Điện đến với buôn làng góp phần không nhỏ trong việc nâng cao dân trí, nâng cao đời sống cho bà con dân tộc.

Trong tương lai không xa, cũng trên dòng sông Sê San này sẽ xây thêm 4 nhà máy thủy điện nữa, đó là Sê San 3, Sê San 4, Plei Krông và Thượng Kon Tum. Trong đó Sê San 3 và 4 nằm về phía hạ lưu của thủy điện Ia Ly.

Núi Chư H'rông

Nằm cách thành phố Plei Ku chừng 10km về phía Đông Nam. Ngọn núi Chư H'rông cao 1.600m. Đây là ngọn núi lửa đã ngừng

https://www.facebook.com/taybanganh/

hoạt động từ rất lâu. Núi tuy cao nhưng không dốc đứng. Đất đai chung quanh rất phì nhiêu, là nơi sinh sống của nhiều dân tộc anh em. Tại đây các nhà khảo cổ học đã khai quật nhiều di chỉ khảo cổ của các thời kỳ đồ đá.

Thế núi thoai thoải, nhưng đường lên đỉnh núi quanh co gấp khúc. Du khách đến Plei Ku có thể tham gia tour leo núi Chư H'rông đầy thú vị, mang lại cảm giác mạnh mỗi khi chinh phục được đỉnh núi.

DI TÍCH

Quần thể di tích Tây Sơn Thượng đạo

Đến Gia Lai, du khách có dịp đến thăm di tích Tây Sơn Thượng đạo, căn cứ địa của vua Quang Trung.

Tây Sơn Thượng đạo là một quần thể gồm 6 di tích, cách thành phố Plei Ku khoảng chừng 100km về hướng Đông, thuộc huyện An Khê, gồm: Đình An Khê, nằm tại thị trấn An Khê, nơi tụ tập nghĩa quân và dấy binh khởi nghĩa của 3 anh em Nguyễn Huệ; Gò Chợ: nơi giao lưu buôn bán của Nguyễn Nhạc để lấy tiền nuôi quân và tuyển nghĩa binh; Hòn đá ông Bình, Hòn đá ông Nhạc: nơi ngồi nghỉ của Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc, sau mỗi đợt luyện quân; Vườn mít - cánh đồng Cô Hầu (thuộc huyện Kbang), vùng căn cứ hậu cần, nơi tích trữ quân lương. Kho tiền (thuộc huyện Kong Chro), nơi cất giữ lương thực và tiền bạc cho cuộc khởi nghĩa và là nơi ở của ông Nhạc trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra.

Khởi nghĩa Tây Sơn là cuộc khởi nghĩa vĩ đại của nông dân do ba anh em nhà Tây Sơn lãnh đạo vào năm 1771, một trong những mốc son chói lọi nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, trong đó có sự đóng góp to lớn của các dân tộc anh em ở Gia Lai.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Làng kháng chiến Ster

Thuộc xã Nam, huyện Kbang, cách thành phố Plei Ku 70km. Đây là quê hương của anh hùng Núp của một thời "Đất nước đứng lên". Tại làng Ster này, anh Núp đã phát động bà con các dân tộc đứng dậy chống thực dân Pháp. Phát huy truyền thống đó, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, bà con làng Ster đã anh dũng chiến đấu chống Mỹ-ngụy. Làng Ster trở thành điểm sáng của các buôn làng Tây Nguyên. Và vì thế ngày 23-3-1993, làng Ster được Bộ Văn hóa Thông tin cấp bằng Di tích lịch sử.

Nhà tù Plei Ku

Nằm giữa trung tâm thành phố, cách bưu điện tỉnh Gia Lai khoảng 300m về phía Nam, do thực dân Pháp xây dựng vào năm 1925 để giam cầm, tra tấn các chiến sĩ yêu nước, cách mạng. Nhiều nhà cách mạng Việt Nam bị giam cầm ở đây, sau này đã trở thành cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Nhà tù Plei Ku được trùng tu sửa chữa năm 1997 để đón khách tham quan.

Chùa Bửu Nghiêm

Được dựng năm 1964, tại số nhà 200 đường Duy Tân, phường Diên Hồng, thành phố Plei Ku. Năm 1978, trùng tu ngôi chính điện. Những năm gần đây chùa tiếp tục sửa chữa dưới sự hướng dẫn của Hoà thượng trụ trì chùa. Điểm nổi bật của chùa là những năm qua, nhà chùa rất chú trọng công tác từ thiện, giúp đỡ người tàn tật, gia đình các thương binh, liệt sĩ.

Chùa Bửu Thắng

Chùa được khởi dựng vào thập niên 1930, trên một khuôn viên rộng trên 3.000m^2 tại số 1A đường Sư Vạn Hạnh, phường Hội Thương, thành phố Plei Ku.

Chùa đã được trùng tu nhiều lần qua các năm 1960, 1964 và 1992. Hiện nay, chùa là nơi đặt văn phòng Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Gia Lai.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tịnh xá Ngọc Phúc

Do nhà sư Giác An dựng năm 1964, thuộc giáo đoàn III, hệ phái Phật giáo Tăng già Khất sĩ Việt Nam. Tịnh xá tọa lạc ở số 342 đường Phan Đình Phùng, phường Yên Đổ, thành phố Plei Ku.

LỄ HỘI

Lễ hội Pơthi (lễ bỏ mả)

Nếu có dịp, mời du khách đến dự lễ bỏ mả (Pơthi) và làm nhà mồ. Đây là lễ hội khá quan trọng, mang đậm màu sắc dân gian nhất của đồng bào dân tộc Gia Rai. Khu vực an táng người chết nằm dưới một khu rừng già và cách làng không xa. Khuất sau những thân cây to là những ngôi nhà mồ được trang hoàng đẹp đẽ. Chung quanh nhà mồ được trang trí các tượng gỗ được đẽo gọt thô sơ nhưng rất sống động, đó là tượng nam nữ giao hợp, tượng đàn bà chửa, tượng người ngồi khóc, tượng thú vật: voi, chim... Đây là những tượng được sáng tạo từ tâm linh sâu thẳm của người đang sống, dâng hiến cho người đã về bên kia, nơi mà các linh hồn sẽ trở về với tổ tiên, ông bà. Con thuyền tang lễ được gắn vào nóc nhà mồ. Cột Klao, cột Cút dẫn linh hồn về trời, được dựng lên trong tiếng nhạc cồng chiêng trầm hùng, ai oán.

Một trong những nơi còn lưu giữ nguyên trạng lễ Pơthi của Gia Rai là làng Plei Phun, cách thành phố Plei Ku khoảng 40km, trên đường 14 đi Kon Tum, vẫn còn mang đậm màu sắc xưa.

Lễ hội bỏ mả của người Gia Rai, Ba Na... được xem là điển hình nhất của các dân tộc Tây Nguyên. Lễ tổ chức quanh nhà mồ người đã chết sau vài năm. Trong những ngày lễ này, người sống ăn bữa ăn cộng cảm cuối cùng với người chết, vì thế không một ai khóc lóc, mà xem là ngày hội vui của làng. Sau lễ Pơthi, sự ràng buộc giữa người sống và người chết không còn nữa. Nhà mồ bị bỏ phế.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ hội Ăn trâu

Còn gọi lễ hội Đâm trâu. Theo tục lệ, hằng năm dân làng tổ chức hội Đâm trâu một lần tại nhà rông. Con trâu là vật tế thần Giàng. Sau các nghi thức khấn cầu thần linh về chứng giám lòng thành của bà con buôn làng và nhận lễ vật, con trâu được dắt ra cột giữa sân, tất cả bà con buôn làng từ già đến trẻ, từ phụ nữ đến nam giới cùng nhau nhảy múa trong tiếng nhạc cồng chiêng dồn dập. Sang ngày thứ hai, tiếng cồng chiêng càng rộn rã, cuộc nhảy múa càng nhanh theo tiết tấu, những thanh niên khỏe mạnh của buôn làng được trang bị giáo mác và nghi thức đâm trâu diễn ra. Sau đó dân làng mổ trâu ăn mừng. Thịt trâu được chia đều cho từng bếp nhà trong buôn, một phần được để lại dành cho bữa rượu chung tại nhà rông.

Lễ Ăn trâu diễn ra khoảng 2 đến 3 ngày.

Lễ cơm mới

Được tổ chức để tạ ơn Thần Lúa, mừng mùa thu hoạch mới, cầu mong cho ruộng nương ngày càng nhiều thóc lúa. Dân làng cúng Thần Lúa bằng heo hoặc gà trước khi sử dụng lúa để ăn hoặc mang đi biếu. Lễ cơm mới được tổ chức tại nhà rông mà cũng có thể tổ chức tại nhà riêng của mỗi gia đình.

HÀ GIANG

Hà Giang, mảnh đất địa đầu cực Bắc của Việt Nam, nơi có những ngọn núi cao hùng vĩ, quanh năm mây phủ, có đỉnh Tây Côn Lĩnh cao tới 2419m, có nhiều khu rừng nguyên sinh với nhiều loại gỗ quý và có tới 1.000 loại cây dược liệu. Rừng Hà Giang có nhiều động vật quý hiếm như hổ, công, trĩ, phượng, tê tê....

Hà Giang có diện tích tự nhiên 7.884,3km, dân số trên 620.000 người, gồm 22 dân tộc anh em cùng sinh sống như H'mông, Tày, Dao, Giáy, Nùng, Bố Y, Lô Lô, La Chí... Tỉnh lỵ Hà Giang là

https://www.facebook.com/taybanganh/

thị xã Hà Giang cùng với các huyện: Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ, Bắc Mê, Hoàng Xu Phì, Xín Mần, Vị Xuyên, Bắc Quang.

Phía Bắc tỉnh Hà Giang giáp với Trung Quốc có đường biên giới dài trên 274km, phía Đông giáp Cao Bằng, phía Tây giáp Yên Bái và Lào Cai, phía Nam giáp Tuyên Quang.

Địa hình Hà Giang khá phức tạp, có thể phân thành 3 vùng.

Vùng cao núi đá phía Bắc nằm sát chí tuyến Bắc, tiêu biểu là Lũng Cú ở vĩ độ $23^0$22 Bắc, có độ dốc khá lớn, thung lũng và sông suối bị chia cắt nhiều. Khí hậu gần như ôn đới, chia thành hai mùa: mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình cả năm là khoảng 24-28^{0}C. Mùa đông nhiệt độ có khi xuống 5^0C.

Vùng cao núi đất phía Tây thuộc khối núi thượng nguồn sông Chảy. Thung lũng và lòng suối hẹp, nhiều đèo cao, núi dốc. Khí hậu vùng này chia thành hai mùa: mùa mưa và mùa khô.

Vùng thấp gồm vùng đồi núi thung lũng sông Lô và thị xã Hà Giang. Tại vùng này nhiệt độ trung bình cả năm khoảng 21-23^{0}C.

Trong quá trình lịch sử, Hà Giang đã ghi nhiều chiến công hiển hách, là nơi có nhiều di tích lịch sử, văn hóa được xếp hạng. Hà Giang có cao nguyên Đồng Văn nên thơ và quyến rũ, có chợ tình Khau Vai hấp dẫn.

THẮNG CẢNH

Thị xã Hà Giang

Nằm trong một thung lũng, quanh năm ngắm nhìn sông Lô cuộn chảy, bốn bề là núi non bao bọc như những bức tường thành bảo vệ vững chắc. Hà Giang cách Hà Nội gần 350km, là trung tâm kinh tế, chính trị và văn hóa của tỉnh. Thị xã có khu di chỉ khảo cổ Đồi Thông nằm ngay giữa lòng thị xã, nơi đã tìm thấy

https://www.facebook.com/taybanganh/

hàng ngàn di vật thời tiền sử và được các nhà khoa học xác định là một trong những vùng văn hóa sớm nhất của Việt Nam.

Cửa khẩu Thanh Thủy

Cách thị xã 23,5km, là vùng biên giới tiếp giáp với châu Vân Sơn, Trung Quốc. Trong tương lai không xa, theo dự án đã được Chính phủ phê duyệt, Thanh Thủy sẽ xây dựng thành cửa khẩu quốc tế với quy mô 360ha, dân số sẽ tới 300.000 người. Tổng số vốn đầu tư xây dựng ban đầu là 1.500 tỉ đồng. Thanh Thủy sẽ là vùng kinh tế mở, có tốc độ phát triển nhanh, trở thành khu đô thị mới, là điểm thu hút vốn đầu tư nước ngoài và là vùng du lịch hấp dẫn.

Suối Tiên

Cách thị xã Hà Giang 2km về phía Bắc. Suối Tiên cảnh đẹp nổi tiếng, phong cảnh nên thơ, với thác nước xinh xắn, dòng suối trong xanh. Trên các sườn đồi, dưới những tán rừng xanh mát là những biệt thự, nhà nghỉ... được xây theo lối vừa hiện đại lại vừa mang đậm bản sắc dân tộc, với đầy đủ tiện nghi, rất thích hợp cho du lịch nghỉ dưỡng. Ngoài ra, nếu thích du khách có thể leo núi, tắm suối, trượt thác...

Cổng trời Quản Bạ

Đây là một vùng núi non trùng điệp, cách thị xã Hà Giang khoảng 40km về phía Bắc. Tại đây, có núi Cô Tiên đầy thơ mộng. Khí hậu quanh năm mát mẻ, rất hợp cho du khách nghỉ dưỡng. Chắc chắn trong tương lai vùng này sẽ trở thành khu điều dưỡng, một khu nghỉ mát lý tưởng không thua kém Sa Pa, Đà Lạt hay Tam Đảo, Bà Nà...

Động Tiên

Nơi có suối Tiên mộng mơ, cách thị xã Hà Giang 2km về phía Bắc. Tương truyền rằng xưa kia các tiên nữ nhà Trời thường xuống động này để tắm vào dịp Tết, vì thế động có tên là động Tiên. Nhân dân quanh vùng, đặc biệt là bà con ở thị xã, vào lúc

https://www.facebook.com/taybanganh/

giao thừa, sắp bước sang năm mới thường đến động này lấy nước để rửa và cầu may.

Động Tiên cùng với Suối Tiên trong tương lai sẽ được quy hoạch thành khu du lịch nghỉ mát hiện đại và là nơi sẽ xây dựng làng văn hóa các dân tộc Hà Giang.

Hồ Noọng

Đã có từ xa xưa, nằm cách thị xã Hà Giang khoảng 17km thuộc xã Phúc Linh. Hồ có diện tích rộng trên 20ha. Bên cạnh là rừng nguyên sinh rộng trên 100ha, có hệ động thực vật phong phú và quý hiếm. Bao quanh hồ là những ngọn núi đất, đá thấp, tạo cho hồ Noọng một cảnh sắc xinh đẹp tầng tầng lớp lớp khi màn sương buông xuống trong những buổi sớm mai, hay những chiều tà se lạnh, những con thuyền lướt nhẹ trên mặt hồ, nghe đâu đó cất lên điệu dân ca tình tứ, rồi khuất dần trong không gian yên lặng, để lại trên mặt hồ chỉ còn là lung linh bóng nước của những cánh rừng ngập nước.

Hang động Phương Thiện

Cách thị xã Hà Giang khoảng 7km về phía Nam, là nơi có nhiều hang động tự nhiên tuyệt đẹp, trong đó có hang Phương Thiện là lớn nhất và đẹp nhất. Trong động có nhiều nhũ đá, măng đá hình thù kỳ thú, khiến du khách sững sờ trước vẻ đẹp tự nhiên hoang sơ.

Du khách đến đây ngoài tham quan động còn có thể thưởng thức các loại hoa trái đặc sản của Hà Giang như mận, lê, táo, cam, đặc biệt được uống trà Tuyết San cổ thụ mọc ở độ cao 900m.

Động Én

Động Én thuộc huyện Yên Minh, cách thị xã Hà Giang 60km. Từ thị xã Hà Giang, du khách đi qua Cổng Trời Quản Bạ, qua những cánh rừng thông quanh năm ngập chìm trong sương để tới Động Én. Động Én còn mang nhiều nét hoang sơ, nhưng có sức quyến rũ lạ thường, khiến cho du khách không khỏi bàng

https://www.facebook.com/taybanganh/

hoàng, sửng sốt bởi những nhũ đá, măng đá có những hình thù kỳ lạ và sinh động. Người ta có cảm giác nơi đây là chỗ trú ngụ của vạn vật ngàn năm xưa nay đã hóa đá.

Thác Thí

Cách huyện lỵ Bắc Quang khoảng 1,5km về phía Tây Bắc. Thác Thí tạo thành bởi dòng suối bắt nguồn từ điểm cuối của dãy Tây Côn Lĩnh hùng vĩ, là thác đẹp nhất, thơ mộng nhất của đất trời Hà Giang.

Thác Thí gồm 4 tầng, nước đổ xuống từ lưng chừng núi. Người dân địa phương ví Thác Thí như suối tóc của nàng tiên nữ trong huyền thoại của các dân tộc còn lưu lại đến nay. Thác Thí là điểm du lịch hấp dẫn của khách thập phương.

"Cổng Trời" Đồng Văn

Đồng Văn là huyện vùng cao biên giới của Hà Giang, nằm ở độ cao 1.100m so với mực nước biển. Mùa đông nhiệt độ có lúc xuống 1^0C. Mùa hè nóng nhất cũng chỉ khoảng 24^0C. Bầu trời hầu như quanh năm mưa hoặc mù. Người dân địa phương đã có câu ca: "Thấy nhau trong tầm mắt, gặp nhau mất nửa ngày" và "đất không ba bước bằng, trời không 3 ngày nắng". Lũng Cú thuộc huyện Đồng Văn, là điểm cực Bắc của tổ quốc. Người ta nói rằng đến Đồng Văn mà chưa đến Lũng Cú coi như chưa đến Đồng Văn, bởi Lũng Cú là "nóc nhà của Việt Nam" nơi mà "cúi mặt sát đất, ngẩng mặt đụng trời". Do đó gọi Đồng Văn là "Cổng Trời" là vậy.

Đến Đồng Văn là dịp thử thách lòng can đảm của du khách, bởi đèo cao vực thẳm, nhưng đổi lại được đắm mình trong thiên nhiên hùng vĩ. Bạn sẽ được thả hồn trong tiếng khèn, tiếng sáo của dân tộc H'mông mến khách.

Lũng Cú

Trên bản đồ Việt Nam, nằm ở biên giới phía Bắc, tại vị trí hình chóp nón nhô cao. Đó chính là Lũng Cú ở vĩ độ $23^0$22 Bắc,

https://www.facebook.com/taybanganh/

nơi đầu nguồn của dòng sông Nho Quế chảy qua Đồng Văn. Trên đỉnh núi Rồng, điểm cuối cùng cực Bắc Việt Nam, lá cờ tổ quốc luôn tung bay.

Lũng Cú ở độ cao 1.600m đến 1.800m so với mực nước biển, cách huyện lỵ Đồng Văn khoảng hơn 26km. Lũng Cú là nơi có nhiều trái ngon, quả ngọt như lê, đào, mận... Đến Lũng Cú, du khách được thưởng thức màn múa dân tộc của những cô sơn nữ dịu dàng xinh đẹp theo nhịp trống đồng của dân tộc Lô Lô.

Cửa khẩu Phó Bảng

Là một thị trấn sầm uất của Hà Giang. Dưới thời Pháp thuộc, người ta ví Phó Bảng là Ma Cao thứ hai của Việt Nam, nơi có nhiều sòng bạc lớn, những con bạc xuyên quốc gia, và là nơi thu gom thuốc phiện của vùng Đồng Văn núi đá, trồng nhiều thuốc phiện loại bậc nhất Việt Nam. Thuốc phiện từ Phó Bảng, Đồng Văn sẽ đi khắp mọi nơi, sang Trung Quốc, Campuchia, Myanma, rồi xuống tận Hải Phòng để sang trời Âu.

Ngày nay Phó Bảng không còn là nơi "cờ gian, bạc lận" và không còn là "vựa" thuốc phiện đưa đi tiêu thụ khắp nơi như xưa. Nhân dân Phó Bảng đã chuyển dịch kinh tế sang sản xuất, kinh doanh những sản vật mà Đồng Văn có lợi thế như hoa quả, dược liệu...

Mã Pì Lèng

Nằm ở đoạn cuối của quốc lộ 4C từ Hà Giang đi Đồng Văn - Mèo Vạc. Mã Pì Lèng nằm giữa Đồng Văn và Mèo Vạc. Đây là đoạn đường khá hiểm trở, nhất là đoạn qua Mã Pì Lèng dài khoảng 7km, đường quanh co, gấp khúc, một bên là vực sâu thăm thẳm, một bên là sườn núi dốc dựng đứng. Từ trên đỉnh núi Mã Pì Lèng, du khách sẽ nhìn thấy nơi xa xa dòng sông Nho Quế, lúc ẩn lúc hiện chảy qua dưới chân núi sâu gần ngàn mét, như một dải lụa mông mênh.

Con đường với độ dài 7km không hơn không kém đã dùng đến 33.000 ngày công, kéo dài ròng rã gần 2 năm mới hoàn thành.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đó là sức mạnh và lòng dũng cảm của đồng bào các dân tộc Hà Giang, đặc biệt trong đó có sự đóng góp lớn lao của những nam nữ thanh niên Cao - Bắc - Lạng - Thái - Hà - Tuyên, những con người đã chung lưng đâu cật để hoàn thành một đoạn đường không dài lắm (ở độ cao 1.600m đến 1.800m so với mức nước biển) nhưng đã phải đổ không biết bao công sức, mồ hôi, nước mắt.

Ruộng bậc thang

Phần lớn ở vùng núi phía Bắc nước ta, đâu đâu cũng có ruộng bậc thang, nhưng có lẽ không đâu có dáng hình đẹp như ruộng bậc thang ở Hoàng Xu Phì và Xín Mần, hai huyện phía Tây của Hà Giang. Vì thế ruộng bậc thang nơi này luôn luôn là đề tài sáng tạo của các nhà nhiếp ảnh nghệ thuật. Ruộng bậc thang Hoàng Xu Phì và Xín Mần đã đi vào trang sách ảnh nghệ thuật, là tác phẩm trang trí trên các tờ lịch hằng năm của nhiều nhà xuất bản.

Ruộng bậc thang nơi đây đẹp, trước hết do kiến tạo địa hình tự nhiên, cùng với bàn tay, khối óc của con người đã bao đời nay tạo nên những đường nét sinh động, màu sắc hài hoà.

Hang Tướng phỉ Vàng Vạn Ly

Hang Tướng phỉ Vàng Vạn Ly nằm trong khu rừng nguyên sinh rộng khoảng 500ha, chủ yếu là thông đá, thuộc xã Vần Chải, huyện Đồng Văn, quê hương của anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Sùng Dúng Lù, một mình dũng cảm vào hang đá gọi Tướng phỉ Vàng Vạn Ly ra hàng. Hang Tướng phỉ Vàng Vạn Ly cách trụ sở UBND xã Vần Chải khoảng 4km, nằm trên núi Trùng Tò Sá cao gần 2.000m. Khu nhà của Tướng phỉ cũng ở gần đấy. Hiện người con út của Vàng Vạn Ly là Vàng Sáu Pó đang sống và trông coi ngôi nhà này. Đây là ngôi nhà xây theo kiểu biệt thự Pháp.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chợ tình Khau Vai

Chợ chỉ họp mỗi năm một lần vào ngày 27-3 âm lịch tại Khau Vai, huyện Mèo Vạc.

Truyện kể rằng: Ngày xửa ngày xưa, có một đôi trai gái thuộc hai bộ tộc yêu nhau. Người con gái xinh đẹp, bộ tộc của cô không muốn cho cô lấy chồng thuộc bộ tộc khác. Còn bộ tộc của chàng trai lại rất muốn cô về làm dâu của bộ tộc mình. Từ đó sự hiềm khích giữa hai bộ tộc phát sinh, và mối thù giữa hai bộ tộc này ngày càng gay gắt, quyết liệt thì mối tình của đôi trai gái ngược lại càng thắm thiết, gắn bó sâu nặng. Vào một ngày kia, khi đôi trai gái đang ngồi tình tự trên đỉnh núi, bỗng nhìn thấy cảnh tượng hai bộ tộc đang đánh nhau dữ dội ở dưới chân núi. Đôi tình nhân cho rằng, tình yêu đôi lứa của họ chính là nguyên nhân cuộc chiến giữa hai bộ tộc. Để tránh đổ máu cho hai họ và bản làng, đôi trai gái quyết định chia tay nhau và hẹn sẽ gặp nhau mỗi năm một lần vào ngày này (ngày hai bộ tộc đánh nhau, 27 tháng 3 âm lịch). Địa điểm gặp nhau tại nơi họ vẫn thường hò hẹn. Từ đó Khau Vai trở thành nơi hò hẹn chung cho tất cả gái trai trong vùng. Đó là chợ tình Khau Vai.

Chợ Khau Vai ban đầu họp không có người mua mà cũng chẳng có người bán hàng hóa. Họ đến đây chỉ để nhìn lại bóng dáng tình nhân xưa, và trò chuyện cho thỏa nỗi nhớ mong.

Không phân biệt tuổi tác, họ mang đến đây thức ăn nấu sẵn, đến bữa cùng bỏ ra ăn với nhau.

Là người ở xa, họ đến chợ từ hôm trước để sáng hôm sau đã có mặt ở chợ, tìm lại người yêu xưa. Khi tìm được bạn rồi, cuộc trò chuyện không sao dứt nổi. Người chưa tìm được thì hồi hộp ngóng trông, mỏi mắt chờ mong. Còn người mới đến lần đầu tìm bạn thì mong sao nhanh chóng tìm được bạn để tâm tình.

Buồn nhất là lúc bóng chiều đã ngả, họ phải chia tay nhau, bịn rịn, nhớ thương như không thể nào dứt ra được.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Ngày nay do nhu cầu cuộc sống, chợ tình Khâu Vai có sự biến đổi. Ngoài việc hò hẹn gặp gỡ, người ta còn tranh thủ mang hàng hóa đến chợ bán. Và khi đã có người bán ắt sẽ có người mua.

DI TÍCH

Phố cổ Đồng Văn

Phố cổ Đồng Văn có hình cánh cung kéo dài hàng cây số, dựa theo vách núi đá cao sừng sững. Phố cổ Đồng Văn mang đậm nét văn hóa dân tộc cổ kính thâm trầm. Phố cổ Đồng Văn có niên đại hơn 100 năm. Nhà cửa kiến trúc theo kiểu phố núi vùng cao, nền lát đá, tường trình đất, mái lợp ngói âm dương. Trong nhà thường bố trí nhiều phòng nhỏ vừa tiện lợi vừa ấm cúng của vùng núi lạnh lẽo.

Phố cổ Đồng Văn, một di sản văn hóa quý của vùng núi cao nước ta, đến nay còn lại không nhiều, nên được nhân dân và chính quyền địa phương đang ra sức bảo tồn và gìn giữ.

Nhà của Vương Chí Sình

Nằm dưới một thung lũng nhỏ xinh đẹp thấp thoáng dưới rặng sa mu xanh thẳm, thuộc xã Sa Phìn, huyện Đồng Văn, cách trung tâm huyện lỵ 12km. Dòng họ Vương Chí, một thời được coi "Vua mèo Vạc" cai quản toàn bộ khu vực cao nguyên Đồng Văn Mèo Vạc, án ngữ con đường buôn bán thuốc phiện xuyên quốc gia qua cửa khẩu Phó Bảng vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Vương Chí Sình, là triều đại cuối cùng của "Vua Mèo", sau Cách mạng tháng Tám thành công, ông là Đại biểu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Kiến trúc ngôi nhà của Vương Chí Sình rất độc đáo, có giá trị nghệ thuật cao, mô phỏng theo kiến trúc Trung Hoa cổ, đời Mãn Thanh.

Nhà của họ Vương Chí không chỉ là dinh thự sang trọng giữa chốn rừng cao, mà còn là một pháo đài phòng thủ kiên cố, là điểm du lịch hấp dẫn của du khách.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Sùng Khánh

Còn gọi chùa Làng Nùng, nằm ở ngoại ô thị xã Hà Giang, cách thị xã khoảng 9km. Chùa do chú của Phụ Đạo (Tù trưởng) Nguyễn Ẩn khởi dựng vào tháng Giêng năm Bính Thân, niên hiệu Thiệu Phong thứ 16 (1356) đời Trần Dụ Tông.

Tháng 3 năm 1367, Thứ sử Tạ Thúc Ngao (hiệu Sở Khanh), nhân chuyến kinh lý qua vùng này được mời soạn văn bia cho nhà chùa. Năm 1705, chùa được trùng tu sửa chữa. Trong chùa có một quả chuông đồng cổ, trên đó có khắc bài minh nhắc nhở nhân dân đoàn kết, chăm lo sản xuất, giữ yên bờ cõi.

Căng Bắc Mê

Trước sự chống đối của nhân dân ta ngày một dâng cao, năm 1937, lợi dụng nơi rừng thiêng nước độc, thực dân Pháp đã dựng lên ở Bắc Mê một trại giam giữ tù chính trị, trong đó có các đồng chí Xuân Thủy, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Học, Tô Các, nhà văn Nguyên Hồng...

Nhà tù Bắc Mê (còn gọi Căng Bắc Mê) thuộc bản Sáp, xã Yên Phú, huyện Bắc Mê, điểm tận cùng của quốc lộ 34 Hà Giang-Bắc Mê. Khu nhà tù này tựa lưng vào đỉnh Pu Luông, Phia Khao, dưới một rừng cây tếch cổ thụ, phía trước là dòng sông Gấm.

Ngày nay, đây là điểm du lịch về nguồn lý thú và hấp dẫn.

LỄ HỘI

Lễ hội nhảy lửa

Lễ hội nhảy lửa của người dân Pà Thẻn hằng năm diễn ra sau khi thu hoạch sau vụ lúa. Gọi là lễ hội nhảy lửa, vì các diễn viên phải múa trên đám than cháy hồng bằng đôi chân trần (không đi giày dép). Đây là màn múa rất đặc sắc, người múa được chọn lựa trong số thanh niên khỏe mạnh. Mục đích của lễ hội nhảy lửa là trừ ma quỷ, cầu xin các thần linh phù hộ cho mùa màng

https://www.facebook.com/taybanganh/

bội thu, gia súc đầy đàn, nhà nhà con cháu khỏe mạnh. Người Pà Thẻn cho rằng, năm nào lễ hội nhảy lửa mà không có người bỏng chân, thì năm đó sẽ là năm mùa màng tươi tốt, được mùa, gia đình khỏe mạnh. Vì vậy các diễn viên tham gia múa hết sức bình tâm, không tỏ ra ngại ngùng, hy vọng một năm mới tốt đẹp sẽ đến với họ.

Lễ mừng nhà mới của dân tộc Lô Lô

Khi ngôi nhà cất xong, người Lô Lô tổ chức ăn mừng trong hai ngày hai đêm. Trong ngày lễ này, cả bản đều kéo tới mừng cho ngôi nhà mới. Trong buổi lễ, thầy cúng vừa đi vừa hát. Sau đó là ăn uống, vui chơi, ca hát giao duyên, nghe hoà tấu kèn và sáo.

Lễ hội mùa xuân

Của người H'mông và người Dao, lễ hội thường tổ chức sau Tết Nguyên Đán và kéo dài từ 3 đến 7 ngày. Lễ hội mang tính chất mừng công, cầu mưa, cầu sinh con trai nối dõi tông đường. Lễ hội có thi bắn nỏ, hát giao duyên, uống rượu, ném Pa páo...

Hội Lồng Tồng

Lễ hội của người Tày, hằng năm thường tổ chức vào mồng 5 tháng Giêng âm lịch, tại một cánh đồng bằng phẳng gần bản nhất.

Lễ hội Lồng Tồng là lễ hội cầu Trời, cầu Thần linh, cầu Phật cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, bội thu, con cháu đầy nhà, người người sống ấm no, hạnh phúc.

Trung tâm lễ hội là nơi cắm chân nến, một cây tre cao vút, trên ngọn có treo một vòng nguyệt, đáy dán giấy đỏ. Người nào ném "quả còn" qua vòng nguyệt, sự may mắn, hạnh phúc sẽ đến với người đó. Trong lễ hội, người nào có "quả còn" đẹp nhất sẽ được thưởng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

HÀ NAM

Hà Nam nằm về phía Nam châu thổ sông Hồng, cửa ngõ phía Nam của Thủ đô Hà Nội, diện tích tự nhiên 826,66km^2, dân số khoảng 825.000 người, gồm các dân tộc Kinh, Tày, Hoa... Tỉnh lỵ Hà Nam là thị xã Phủ Lý. Hà Nam có 5 huyện: Duy Tiên, Kim Bảng, Lý Nhân, Thanh Liêm và Bình Lục. Phía Bắc của tỉnh Hà Nam giáp Hưng Yên, Hà Tây, Đông giáp Thái Bình, Tây giáp Hoà Bình, Đông Nam và Nam giáp Nam Định và Ninh Bình.

Địa hình Hà Nam khá đa dạng, nhưng chủ yếu là vùng chiêm trũng, có một phần đồi núi và nửa đồi núi. Tuy là tỉnh đồng bằng nhưng lại có nhiều dãy núi đá vôi. Có hai con sông lớn chảy qua là sông Đáy và sông Châu Giang. Đất đai phần lớn do phù sa bồi đắp, ruộng đất rất phì nhiêu, là một tỉnh thuần nông, có năng suất cao.

Khí hậu nhiệt đới gió mùa, có hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình cả năm là 23^{0}C.

Hà Nam có hệ thống giao thông thuận lợi, có đường bộ, đường sắt và đường thủy, năng lực vận tải khá lớn, lại cách Thủ đô Hà Nội không đầy 60km.

Hà Nam là một trong những địa phương có nền văn hiến lâu đời, có nhiều di tích lịch sử và thắng cảnh thiên nhiên đẹp. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, thị xã Phủ Lý bị san bằng bởi bom đạn. Ngày nay, Phủ Lý là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh, đang ngày càng được xây dựng và mở rộng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

THẮNG CẢNH

Danh thắng Kẻm Trống

Kẻm Trống thuộc xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, là danh thắng sông núi hài hoà, sơn thủy hữu tình. Núi non, đồng ruộng, cây cảnh hoà đồng thành một quần thể với phong cảnh trời nước. Danh thắng Kẻm Trống đã đi vào thơ ca của bà chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương, khi đi qua đây bà đã phải thốt lên: "*Hai bên là núi, giữa là sông.*" Quả thật, còn gì đẹp hơn thế!

Hang Luồn - Ao Dong

Hang Luồn nằm cách Ngũ Động Sơn khoảng 1km, thuộc thôn Quyển Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng. Đây là một thủy động (động nước) rất đẹp, dài khoảng 500m, rộng từ 20m đến 30m. Muốn tham quan động, du khách phải ngồi thuyền. Ao Dong ở trong lòng động, rộng khoảng 0,7 ha. Bốn bề hang Luồn là núi đá cao, rừng rậm, cảnh quan tuyệt đẹp, vẫn còn hoang sơ. Đến với hang Luồn, du khách như được về với thiên nhiên hoang dã, không khí thoáng đãng, đâu đó chim muông hót líu lo. Đây là nơi hội tụ của nhiều loài chim.

Ngũ Động Sơn

Thuộc thôn Quyển Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, cách thị xã Phủ Lý 7km, theo quốc lộ 1A.

Ngũ Động Sơn có phong cảnh hữu tình, núi non điệp trùng, rộng khoảng 10ha. Tại đây có đền Trúc được xây dựng trong rừng trúc thờ người anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt. Trong cuộc hành quân chinh phạt giặc phương Nam, ông đã dừng chân tại nơi đây. Khi đại thắng trở về, ông cũng cho dừng quân trên núi, tổ chức ăn mừng chiến thắng.

Ngũ Động Sơn là một hệ thống gồm 5 động liên hoàn, trong đó có động lớn chứa được hàng ngàn người, nằm trong dãy núi Cấm. Trong động có nhiều nhũ đá hình thù kỳ lạ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

DI TÍCH

Chùa Long Đọi

Tọa lạc trên núi Long Đọi, thuộc xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên. Chùa có tên chữ là Sùng Thiện Diên Linh được tạo dựng từ thời Lý (khoảng 1121).

Mặt bằng chùa khá rộng, lưng tựa vào núi Điệp với ba dòng sông uốn khúc bao quanh, phía trước hướng ra sông Kinh, khống chế bình nguyên như thành lũy cổ. Chùa còn giữ một bia đá lớn và một vài tượng đầu người mình chim, 8 tượng kim cương (đã mất 2 tượng), đặc biệt trong khuôn viên chùa có ngọn tháp khá cao.

Theo văn bia còn ở chùa xác định, tháp Long Đọi (Sùng Thiện Diên Linh) cao 13 tầng, mở 40 cửa hứng gió. Các danh nhân cổ đều ngợi ca đây là một công trình kiến trúc phối cảnh với núi sông một cách kỳ vĩ nhất.

Chùa Đội

Tên chữ là Duyên Linh, được dựng ở núi Đội (Long Đội Sơn) thuộc xã Đội Sơn, huyện Duy Tiên. Chùa được dựng vào thời Lý (khoảng năm 1027), niên hiệu Thuận Thiên thứ 18 triều vua Lý Thái Tổ. Tương truyền chùa có quy mô to và đẹp, toàn bộ chùa có 125 gian, được xây dựng lần lượt từ chân đến đỉnh núi theo kiểu chữ T (chuôi vồ). Qua thời gian, toàn bộ chùa cũ bị đổ nát hoàn toàn, nay chỉ còn lại bia đá dựng từ thời Lý. Bia cao 2,8m, rộng 1m. Trần bia và diềm bia chạm trang trí hình rồng đặc sắc thời Lý. Hiện còn lại một ít gạch ngói đời Hán. Năm 1958, chùa được dựng lại như hiện nay.

Chùa Đình Xá

Tên chữ là Lam Yên Bảo Sơn Bà Đanh tự, tọa lạc tại xã Đình Xá, huyện Kim Bảng. Theo bia còn ở chùa, thì năm Cảnh Hưng thứ 37 (năm 1776), chùa bị đổ nát, dân làng vận động quyên góp

https://www.facebook.com/taybanganh/

tiền xây lại chùa. Hiện trong chùa còn lưu giữ tấm bia đá hai mặt Lam Yên Bảo Sơn Bà Đanh tự cũng được dựng năm Cảnh Hưng thứ 37 (năm 1776).

Chùa Bà Đanh

Tọa lạc ở xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, cách thị xã Phủ Lý 500m về phía hữu ngạn sông Đáy. Chùa nằm trong khuôn viên rộng khoảng 10 ha, với phong cảnh trời mây, sông nước hữu tình.

LỄ HỘI

Nằm ở cửa ngõ phía Nam Hà Nội, một trong những cội nguồn văn minh lúa nước, có nền văn hóa dân gian phong phú, Hà Nam là một trong những tỉnh đồng bằng Bắc Bộ có nhiều lễ hội dân gian phong phú.

Hội vật võ Liễu Đôi

Hằng năm vào ngày 5 tháng Giêng âm lịch, hội Vật võ được tổ chức ở làng Liễu Đôi, xã Liêm Túc, huyện Thanh Liêm để ghi nhớ công lao của chàng trai họ Đoàn giỏi võ nghệ, sức khỏe phi thường, đã có công dẹp giặc cứu nước, cứu dân. Được nhân dân trong vùng tôn là Thánh họ Đoàn. Đây là lễ hội có sức cuốn hút nhiều người tham gia đấu võ. Ngoài đấu võ, hội còn tổ chức thi nấu các món ăn dân dã, chế biến từ các đặc sản địa phương như ốc, ếch, cá...

Lễ hội đền Trúc (còn gọi là hội Ngũ Động Sơn)

Đền Trúc thờ người anh hùng Lý Thường Kiệt. Hằng năm lễ hội được tổ chức trong 6 ngày từ ngày 10 đến 15 tháng 2 âm lịch. Trong lễ hội có hát Dặm, múa bơi trải.

Hội chùa Đọi Sơn

Thờ Phật và thờ vua Lê Thái Tông, bà Nguyên phi Ỷ Lan và vua Lê Đại Hành. Hằng năm lễ hội diễn ra vào ngày 21 tháng 3 âm lịch. Sau phần tế lễ là đến phần hội có đấu vật, hát chèo.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hội đền Trần Thương

Hằng năm, hội đền Trần Thương tổ chức vào ngày 20 tháng 8 âm lịch tại đền Trần Thương, xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân. Đền thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, người anh hùng dân tộc có công ba lần đánh thắng quân Nguyên-Mông. Ngoài phần lễ tế còn có phần hội, trong đó tổ chức bơi trải và nhiều trò chơi khác.

Hội làng Duy Hải

Đình làng Duy Hải thuộc huyện Duy Tiên thờ Trần Khánh Dư. Hằng năm lễ hội tổ chức vào mồng 2 tháng Giêng âm lịch. Cùng với tế lễ ở đình Thượng, còn tổ chức nhiều tập tục truyền thống phong phú như: thi chạy giật cờ, diễn trò thủy chiến, làm bánh giầy cúng Thần.

Hội làng Võ Giàng

Hằng năm hội làng Võ Giàng được tổ chức vào ngày 15 tháng 2 âm lịch tại đình làng Võ Giàng, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm. Làng mở hội để kỷ niệm Thành hoàng làng là ông Vũ Cố, một vị tướng tài ba của Lê Lợi, từng lập chiến công lớn chống giặc Minh xâm lược trên đoạn sông Đáy. Cùng với tế tự và lễ thánh là các sinh hoạt văn hóa liên quan đến chiến công xưa như: đua thuyền, phóng lao và hát đối đáp nam nữ trên thuyền, hát giao duyên.

HÀ NỘI

Hà Nội, Thủ đô nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, nằm ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, phía Bắc giáp Thái Nguyên và Vĩnh Phúc, phía Tây giáp Vĩnh Phúc và Hà Tây, phía Đông giáp Hưng Yên và Bắc Ninh, phía Nam giáp Hoà Bình.

Hà Nội có diện tích tự nhiên 920,97 km^2, dân số trên 3.056.000 người, gồm các quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đa, Thanh Xuân, Hoàng Mai, Cầu Giấy, Tây Hồ, Long Biên và 5 huyện: Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Từ Liêm.

Từ năm 1954 đến nay, Hà Nội đã qua nhiều lần thay đổi:

– Ngày 4-11-1954, cả thành phố có 4 quận nội thành và 4 quận ngoại thành.

– Ngày 20-4-1961, Quốc hội nước VNDCCH khóa II phê chuẩn đưa huyện Đông Anh của Vĩnh Phúc, huyện Gia Lâm và một phần huyện Thuận Thành của Bắc Ninh, cùng hai huyện Từ Liêm, Thanh Trì của Hà Đông thuộc về Hà Nội. Từ đó Hà Nội có 4 khu phố nội thành và 4 huyện ngoại thành.

– Ngày 29-12-1978, Quốc hội khóa IV phê chuẩn mở rộng Hà Nội thêm các huyện Sóc Sơn, Mê Linh của Vĩnh Phú, các huyện Thạch Thất, Đan Phượng, Phúc Thọ, Ba Vì, Hoài Đức, thị xã Sơn Tây và một số xã của huyện Chương Mỹ, Thanh Oai của tỉnh Hà Sơn Bình. Từ đó, Hà Nội có 4 khu phố nội thành, 14 huyện ngoại thành và một thị xã.

– Tháng 6 năm 1981, đổi cách gọi khu phố thành quận. Ngày 12-8-1991, Quốc hội khóa VII điều chỉnh địa giới Hà Nội, chuyển trả lại các huyện đã nhập về Hà Nội năm 1978 về cho Vĩnh Phú và Hà Tây, nhưng vẫn giữ lại huyện Sóc Sơn. Từ đó Hà Nội có 4 quận nội thành và 5 huyện ngoại thành.

– Trong những năm gần đây, Hà Nội hai lần lập thêm quận. Ban đầu lập thêm quận Thanh Xuân, Cầu Giấy và Tây Hồ, mới đây thêm 2 quận: Hoàng Mai và Long Biên.

Hà Nội ở vị trí từ $20^0$25' đến $21^0$23' vĩ độ Bắc và từ $105^0$15'đến $106^0$03' kinh độ Đông. Hà Nội ở trong vùng nhiệt đới gió mùa, chủ yếu có hai mùa chính: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9, mùa khô từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau. Nếu phân biệt một cách chi tiết, Hà Nội có bốn mùa khá rõ: xuân, hạ, thu, đông. Nhiệt độ trung bình cả năm là 23,2^0C, lượng mưa trung bình năm 1.800mm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hà Nội có nhiều con sông chảy qua. Là vùng đất cổ, Hà Nội được sông Hồng và các phụ lưu bồi đắp tạo nên. Tên gọi Hà Nội có ý nghĩa là "vùng đất trong sông". Ngoài ra, Hà Nội còn có các sông Đuống, Cầu, Cà Lồ, Đáy, Nhuệ, Tích, Tô Lịch và Kim Ngưu. Sông Tô Lịch được nhắc đến nhiều trong văn chương Hà Nội. Ngày nay, sông Tô Lịch và Kim Ngưu chỉ còn tác dụng thoát nước cho thành phố.

Là một thành phố được phù sa bồi đắp, Hà Nội có nhiều hồ: Hoàn Kiếm, Hồ Tây, Giảng Võ, Trúc Bạch, Bảy Mẫu, Thiền Quang, Thủ Lệ...

Hà Nội là trung tâm giao thông của cả nước kể cả đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không.

Hà Nội sắp bước vào tuổi nghìn năm. Huyền thoại hay sự thực? Từ một giấc mơ "Rồng bay lên" để rồi Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La và mang một cái tên lịch sử đáng tự hào và thơ mộng: Thăng Long. Đó là năm Canh Tuất, 1010, khởi đầu sự nghiệp nhà Lý, đặt nền móng cho quốc gia Đại Việt hùng mạnh.

Nhưng vùng đất Thăng Long "*địa linh nhân kiệt*" này đâu phải chỉ bắt đầu từ thời Lý, mà cách đó 23 thế kỷ, thành Cổ Loa đã được chọn làm kinh đô nước Âu Lạc của An Dương Vương Thục Phán, người đã có công đầu "*khai sơn phá thạch*". Đến thế kỷ VI, quốc gia Vạn Xuân đã đặt kinh đô ở Long Biên và thế kỷ VIII của Phùng Hưng, thế kỷ X của họ Khúc, và thời Ngô Quyền, sau chiến thắng Bạch Đằng năm 938, Loa Thành vẫn được nhiều triều đại trước nhà Lý chọn làm kinh đô.

Đến đầu triều Hậu Lê, Lê Lợi đổi tên Thăng Long thành Đông Đô ở thế kỷ XV. Năm 1831, thời vua Minh Mạng triều Nguyễn, mảnh đất "rồng bay lên" lại được đổi tên là Hà Nội, khi vương triều này chọn Huế làm kinh đô và Hà Nội chỉ là một tỉnh.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời (nay là Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam) quyết định lấy Hà Nội làm thủ đô của cả nước.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Dù trải qua bao biến cố thăng trầm, từ Cổ Loa, đến Long Biên, rồi Đại La, đến Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội, thì mảnh đất "địa linh, nhân kiệt" này vẫn luôn là trái tim, là niềm kiêu hãnh của cả dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước.

Việc nhà Lý chọn Thăng Long làm kinh đô của nước Đại Việt, trước hết để đáp ứng yêu cầu về chính trị ở thế kỷ X, Đại Việt đã trên đà lớn mạnh, Thăng Long là địa điểm trung tâm của đất nước, uy quyền triều đình vươn tới khắp nơi. Đây là nơi kinh tế phồn vinh, nơi đầu mối giao thông của cả nước. Và một yếu tố không kém phần quan trọng đó là yêu cầu về phong thủy, một nguyên tắc bất di bất dịch của bất cứ triều đại phong kiến Việt Nam nào khi chọn lựa xây dựng kinh đô đều phải tuân thủ nghiêm ngặt luật phong thủy.

Theo sách phong thủy "*Thượng Kinh phong vận chí*" thì Thăng Long - Hà Nội, đáp ứng đầy đủ yêu cầu phong thủy. Ở giữa có núi Nùng, trên núi có lỗ lõm xuống, tức là rốn rồng. Phía Bắc có Tam Sơn, phía Tây có Thái Hoà, Tây Bắc có Khán Sơn. Phía trên một dải sông Lô tiếp giáp với Phong Châu, Tam Đài và Bạch Hạc, dưới liền với sông Đại Hoàng, Phủ Lý Nhân. Dòng sông chảy vòng quanh như chiếc vành khuyên là sông Nhĩ (sông Nhị Hà, hay sông Hồng). Sông Tô Lịch ở phía Đông thượng kinh, từ phía Bắc chuyển sang phía Tây, đến Hà Liễu nhập vào dòng sông Nhuệ, từng khúc, từng khúc như quay đầu về thượng kinh, nên gọi là Nghĩa Thủy. Phía Tây thượng kinh là hồ nước mênh mông, có trâu vàng ẩn hiện, có sen trắng nở mùa hè, đó là hồ Lãng Bạc. Bên trong La Thành có hai hồ Tả, Hữu Vọng. Phía Tây Nam thượng kinh có sông Kim Ngưu ôm vòng phía trước như đai ngọc.

Thành Thăng Long đời Lý đắp trên vị trí thành Đại La của Cao Biền. Nhà Hậu Lê đắp lại thành cũng trên nền cũ: Đông Tràng An, Tây Tràng An. Qua những năm chiến đấu chống quân xâm lược nhà Thanh, thành bị bỏ hoang phế. Năm 1802, Gia Long định đô ở Huế, thì Thăng Long là thành trì của Tổng trấn

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bắc Thành - Thành cũ của nhà Lê bị phá hủy, xây thành mới, vẫn ở vị trí cũ, nhưng quy mô nhỏ hơn. Thành hình vuông, chu vi thành 1258 trượng, 6 thước, 5 tấc (mỗi bề dài hơn 1km). Tường xây gạch hộp, chân thành 2 lớp, trên là đá ong, dưới đá tảng xanh. Tường cao 4 trượng 1 thước, dày một trượng. Thành có 5 cổng, ba cạnh Đông, Tây và Bắc mỗi cạnh một cổng. Cạnh phía Nam có 2 cổng: Đông Nam và Tây Nam. Trên mỗi nóc cổng có lầu canh, gọi là thú lâu.

Chung quanh tường thành phía ngoài có một khoảng đất rộng sát chân thành rồi mới đến hào sâu chừng 5m, rộng 20m.

Trong thành chia làm 4 khu:

– Khu trung tâm: chính giữa là điện Kính Thiên, xây hơi lệch về phía Tây (theo hướng phong thủy), bên ngoài tường bao quanh hình chữ nhật (350m x 120m). Trước điện là Đoan Môn.

– Khu phía Đông là dinh các quan lại.

– Phía Tây là kho lương thực, kho tiền, kho thuốc súng và dinh các quan phụ trách coi kho.

– Phía Đông Bắc là nhà ngục.

Cột cờ phía ngoài Đoan Môn xây năm Gia Long thứ 11 (1812). Cột cờ cao 60m, hình trụ lục lăng, dựng trên tam cấp hình vuông thu nhỏ dần về phía trên. Cột cờ và tam cấp xây gạch gốm. Tam cấp dưới mỗi chiều 42m, tam cấp trên cùng mỗi chiều 15m.

Cạnh cột cờ dựng một phương đình, trong đặt bia ghi công tướng sĩ.

Khi còn là Tổng trấn Bắc Thành, Thăng Long còn hai đàn Xã và Tắc để tế Trời và Đất ở bên trái Đoan Môn. Có đàn Sơn Xuyên tế Thần Sông, Núi, đàn Nghi Xuân, Võ Miếu ở bên phải Đoan Môn.

Sau khi thực dân Pháp chiếm được Việt Nam, thành Hà Nội bị phá hủy nhiều, hầu như không còn gì, ngoài cửa Bắc, cột cờ, một ít tường thành, cổng, bậc đá và rồng đá ở điện Kính Thiên...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Khi Minh Mạng lên ngôi Hoàng đế, ông bỏ đơn vị hành chính trấn và thành lập đơn vị hành chính tỉnh. Tỉnh Hà Nội được thành lập ngày 9-11-1831 đến nay vừa tròn 137 năm.

Ngày nay Hà Nội có nhiều đổi mới. Tiến tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long (2010), Thành Hà Nội từng bước được phục hồi như Đoan Môn, lầu Công Chúa, Cửa Bắc. Đầu năm 2004, trong khi đào móng để xây dựng toà nhà Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, những người công nhân xây dựng đã phát hiện ra dấu vết một phần kinh thành Thăng Long từ thời Lý - Trần - Lê, với những hiện vật vô cùng quý giá như giếng nước, những lá đề trang trí bằng gốm nung, màu đỏ gạch tươi nguyên... Đó là những cứ liệu cho các nhà khảo cổ học, các nhà lịch sử tiếp tục nghiên cứu.

Du khách đến thăm Hà Nội, sẽ bị cuốn hút bởi những di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc, khu phố cổ "36 phố phường".

THẮNG CẢNH

Phố Cổ - Phố Nghề

Tên phố cổ Hà Nội thường bắt đầu bằng chữ "hàng", tiếp sau là từ chỉ nghề nào đó. Thí dụ: Hàng Thiếc, Hàng Thùng, Hàng Khay...

Phố cổ Hà Nội, bắt đầu từ phía Bắc hồ Hoàn Kiếm qua Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường đến chợ Đồng Xuân vòng ra chợ Bắc Qua về Hàng Dầu, Hàng Bạc, Mã Mây, Hàng Buồm, Tạ Hiền...

Phố Hàng Đào có từ thế kỷ thứ XV, dân ở đây làm nghề nhuộm vải màu đỏ, màu hồng, màu hoa đào... nên có tên gọi Hàng Đào.

Người Trung Quốc đến Thăng Long làm ăn từ thời Lê, thế kỷ XV, chủ yếu buôn bán ở phố Hàng Ngang. Xưa hai đầu phố này có dựng hai cổng chắn ngang đường, tối đến đóng cổng lại. Do đó mà có tên phố là "Hàng Ngang".

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thuở trước phố Hàng Đường là nơi có rất nhiều cửa hàng bán đường.

Phố Hàng Mã sát chợ Đồng Xuân, nơi chủ yếu bán các mặt hàng truyền thống làm từ các loại giấy màu. Cho đến nay vẫn không thay đổi, phố này chuyên bán đồ chơi và đồ hàng mã muôn màu sắc: đèn ông sao, đèn kéo quân, đầu sư tử, các loại vàng, bạc... dùng cho cúng tế. Nối liền với Hàng Mã là Hàng Chiếu dài 276m, đến tận Ô Quan Chưởng, nơi chuyên bán các loại chiếu, thảm cói.

Hàng Thiếc là một phố nghề điển hình của Hà Nội "36 phố phường" vẫn còn như xưa. Đến đây bạn sẽ nghe đều đều tiếng búa gò những tấm tôn. Những người thợ thiếc suốt ngày cặm cụi, gò các đồ dùng như thùng, chậu, gáo múc nước, hòm...

Đầu tháng 10-2004, Nhà nước công nhận phố cổ Hà Nội là Di tích lịch sử quốc gia và Hà Nội khánh thành phố đi bộ Hàng Ngang-Đồng Xuân đầu tiên của Thủ đô.

Hồ Tây

Nằm về phía Tây Bắc thành phố, bên cạnh là hồ Trúc Bạch, giữa là đường Thanh Niên (trước có tên là đường Cổ Ngư) như một chiếc cầu bắc ngang qua giữa hai hồ nước. Hai bên đường là những hàng cây tỏa bóng mặt hồ.

Hồ Tây xưa có tên là hồ Kim Ngưu (trâu vàng). Thời Lý-Trần gọi là hồ Dâm Đàm (hồ mù sương). Sang thời Lê đổi tên là Hồ Tây. Hồ rộng khoảng 500ha, lớn nhất trong tất cả các hồ ở Hà Nội. Con đường vòng quanh hồ dài khoảng 17km, qua các làng Nghi Tàm, Tây Hồ, Nhật Tân, làng Bưởi... Từ xa xưa các triều đại phong kiến cho xây nhiều đình, chùa, miếu mạo và cung điện chung quanh hồ làm nơi nghỉ ngơi. Ngày nay, Hồ Tây là khu du lịch lớn nhất của Hà Nội, nơi có nhiều nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ dưỡng khang trang hiện đại, những khu vui chơi giải trí như công viên nước, bơi thuyền...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hồ Trúc Bạch

Từ đền Quan Thánh đi ra phía bờ sông Hồng, hồ Trúc Bạch nằm bên phải đường Thanh Niên. So với Hồ Tây, hồ Trúc Bạch nhỏ hơn nhiều, nhưng khá xinh đẹp. Cạnh hồ có quán bánh tôm nổi tiếng.

Từ thế kỷ XVIII, cạnh hồ Trúc Bạch Chúa Trịnh Giang cho xây một cung nghỉ mát gọi là viện Trúc Lâm. Sau viện này trở thành nơi giam giữ các cung nữ bị phạm tội, buộc họ phải tự trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa để kiếm sống. Lụa của các cung nữ dệt đẹp nổi tiếng khắp kinh kỳ, có tên là lụa làng Trúc. Vì vậy hồ này mang tên Trúc Bạch.

Ven hồ Trúc Bạch có nhiều di tích lịch sử như đền Quán Thánh, chùa Châu Long. Ở góc phía Bắc hồ có một đảo nhỏ (gần đường Thanh Niên), trên đảo có ngôi đền Cẩu Nhi.

Hồ Hoàn Kiếm

Nằm ở trung tâm thành phố nên được ví như lẵng hoa đẹp giữa lòng Hà Nội ngàn năm văn hiến. Hồ gắn với truyền thuyết trả gươm của vua Lê. Tương truyền, Lê Lợi được thần giúp cho thanh gươm để đánh giặc Minh. Sau khi kháng chiến thành công, nhà vua du thuyền trên hồ gặp rùa vàng nổi lên, bèn trả lại gươm thần cho rùa. Từ đó hồ có tên là hồ Hoàn Kiếm hay Hồ Gươm.

Trước đây hồ rất rộng, từ Hàng Đào thông ra sông Hồng tới khu vực Hàng Chuối ngày nay, chia làm hai phần gọi là Tả Vọng và Hữu Vọng. Phần hồ hiện nay là hồ Tả Vọng cũ. Thời Lý-Trần có tên là hồ Lục Thủy, thời Lê Lợi gọi hồ Thủy Quân, dùng làm nơi duyệt binh, đua thuyền. Giữa hồ về phía Nam có gò Rùa, bởi thỉnh thoảng các cụ rùa thường lên gò phơi nắng.

Chiếc cầu bắc qua hồ vào đền Ngọc Sơn gọi là cầu Thê Húc (đậu nắng ban mai). Cạnh cầu có ngọn Bút Tháp, trên thân tháp có tạc 3 chữ: "*Tả Thanh Thiên*" (viết lên trời xanh). Qua Bút

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tháp là tối Đài Nghiên bằng đá, hình nửa quả đào, do 3 con ếch đá đội. Bên kia cầu Thê Húc là Đắc Nguyệt Lâu (lầu được trăng) và cũng là cổng của đền Ngọc Sơn. Trước đền là Trấn Ba Đình (đình chắn sóng).

Phía Đông hồ có ngọn tháp Hoà Phong, di tích duy nhất còn lại của ngôi chùa Báo Ân, đã bị thực dân Pháp phá để xây nhà bưu điện.

Công viên Thống Nhất

Công viên nằm giữa bốn con đường Nguyễn Đình Chiểu, Trần Nhân Tông, Lê Duẩn và Đại Cồ Việt. Trong công viên có hồ khá rộng, khoảng 50ha. Xưa kia gọi là hồ Bảy Mẫu. Giữa hồ có đảo Hoà Bình, nơi trú ngụ của họ hàng nhà cò, cũng là nơi nghỉ ngơi, thư giãn tinh thần của người dân thủ đô sau những ngày làm việc căng thẳng. Công viên là nơi vui chơi giải trí của người Hà Nội. Trong công viên có khu vực vui chơi dành cho thiếu nhi như đu quay, tàu điện... có bến thuyền cho du khách du thuyền trên hồ.

Vào dịp Tết Nguyên Đán, công viên có tổ chức Hội hoa Xuân.

Công viên Thủ Lệ

Ở phía Tây thành phố, nằm kề đền Voi Phục (một ngôi đền cổ thờ Linh Lang Vương) trên một khu đất rộng khoảng hơn 30ha. Trong công viên có hồ nước trong xanh, có nhiều cầu uốn lượn bắc qua. Công viên có thế đất tự nhiên như rồng lượn. Ngoài hồ nước, khu vui chơi, công viên còn có vườn thú chia làm nhiều khu vực: khu nuôi cá, loài bò sát, có trăn, rắn... kỳ đà, cá sấu, nằm cạnh hồ nước. Khu nuôi chim muông có công, trĩ, uyên ương, hạc, cò, họa my, hoàng yến... khu thú dữ có hổ, báo, gấu, sư tử, voi... và các loài thú hoang dã như hươu, nai, lợn rừng... Bên cạnh khu vui chơi có khu nuôi trồng cây cảnh, phong lan, hoa...

Vườn thú Thủ Lệ tuy mới thành lập, tiếp thu từ vườn Bách Thảo, nhưng đã có quan hệ với nhiều vườn thú trên thế giới

https://www.facebook.com/taybanganh/

như Vườn thú Bắc Kinh (Trung Quốc), Vườn thú Berlin, Leipzig, Cộng hoà Liên bang Đức...

Sông Hồng

Hệ thống đê ở Hà Nội đã có bề dày gần 10 thế kỷ. Tuyến đê sông Hồng của Hà Nội dài hơn 150km. Sông Hồng là nơi chứng kiến biết bao chiến công hiển hách của cha ông thuở trước. Tháng 4 năm 1285, danh tướng Trần Nhật Duật đã đánh tan đoàn thuyền của giặc Nguyên-Mông ở cửa Hàm Tử, mở đường cho đại quân ta giải phóng Thăng Long. Cũng trong năm 1285, danh tướng Trần Quang Khải đập nát quân Nguyên-Mông ở bến Chương Dương.

Năm 1789, dưới tài chỉ huy thao lược của vua Quang Trung, nghĩa quân Tây Sơn đã tiến vào Thăng Long đánh tan quân Mãn Thanh. Tôn Sĩ Nghị, tướng giặc cùng quan quân tháo chạy qua cầu phao sông sông Hồng. Giặc chen nhau quá đông, cầu bị gãy sập, xác giặc trôi đầy sông.

Ngày 17 tháng 2 năm 1947, sau 60 ngày đêm, chiến đấu anh dũng trong từng căn nhà, góc phố, Trung đoàn Thủ đô đã rút qua sông Hồng, đoàn quân đã quay nhìn về Thủ đô hẹn ngày gặp lại.

Ngày 10-10-1954, tên lính Pháp cuối cùng rút qua cầu Long Biên bắc ngang sông Hồng.

Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, sông Hồng đã chứng kiến bao chiến công của quân dân Hà Nội, khi máy bay giặc Mỹ lao vào ném bom Hà Nội, đặc biệt là chúng muốn phá nát cầu Long Biên. Nhưng trước sự đánh trả quyết liệt của quân dân Hà Nội, cầu Long Biên vẫn sừng sững trên sông Hồng.

Nhưng không chỉ là những chiến công vang dội, Sông Hồng còn đem đến cho Hà Nội sức sống của một trung tâm thương mại. Và không chỉ hôm nay, mà ngay cả xưa kia, bến bờ sông

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hồng Hà Nội đã là nơi cập bến của tàu buôn các nước tận trời Âu như Pháp, Bồ Đào Nha, Italia và cả Nhật Bản, Trung Hoa...

Dọc theo sông Hồng, thuyền du lịch sẽ đưa du khách đến thăm làng gốm Bát Tràng và bãi Tự Nhiên, nơi xưa kia nàng công chúa Tiên Dung đẹp nhất trần thế, nhân chuyến du thuyền trên sông Hồng thấy phong cảnh đẹp đã cho dừng thuyền, sai thị nữ quây màn tắm trên bãi cát mịn. Nàng dội nước, cát dưới chân trôi đi, để lộ thân hình vạm vỡ của chàng trai Chử Đồng Tử. Cuộc kỳ ngộ này đã giúp cho chàng trai nghèo khổ không mảnh vải che thân đẹp đôi cùng nàng công chúa đẹp người đẹp nết. Để tưởng nhớ mối tình đẹp đẽ đó, nhân dân đã xây đền thờ Chử Đồng Tử và Tiên Dung, ngay tại xã Bình Minh, huyện Châu Giang, Hưng Yên.

Cầu Long Biên

Cầu Long Biên được tạo dáng đẹp như hình rồng lượn, khởi công xây dựng từ năm 1898 do người Pháp thiết kế và thi công, đến năm 1902 khánh thành. Để hoàn thành cây cầu, số thợ Việt Nam chết vì tai nạn lao động lên tới hàng ngàn người. Cầu dài 2.290m (kể cả cầu dẫn), có 9 nhịp dài, 10 nhịp ngắn, nặng 17.000 tấn. Cầu có một tuyến đường sắt chạy ở giữa, 2 bên có đường xe ô tô, xe máy. Ngoài cùng có 2 làn đường cho người đi bộ.

Từ lúc mới xây đến năm 1945, cầu mang tên Doumer (theo tên của viên Toàn quyền Đông Dương). Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, cầu mang tên Long Biên.

Trong những năm chiến tranh chống Mỹ, cầu Long Biên là mục tiêu đánh phá trọng điểm của máy bay Mỹ. Tổng cộng không lực Mỹ đã tiến hành 14 đợt ném bom và bắn tên lửa. Hai nhịp cầu bị phá hủy, nhưng sau đó đã được sửa chữa ngay, đảm bảo giao thông thông suốt.

Cầu Chương Dương

Được xây gần cầu Long Biên về phía hạ lưu. Đây là cây cầu đầu tiên do kỹ sư, công nhân Việt Nam tự thiết kế và thi

https://www.facebook.com/taybanganh/

công, hoàn thành trong hai năm. Cầu gồm 11 nhịp, chiều dài 1.210,96m (kể cả cầu dẫn). Chiều rộng 19,5m. Giữa là hai làn xe ô tô tải. Hai làn biên mỗi làn rộng 5m dành cho xe máy. Cầu được thông xe chính thức ngày 30-6-1985.

Cầu Thăng Long

Cách trung tâm Hà Nội 10km về phía Tây Bắc. Cầu dài 5.000m, kể cả cầu dẫn, cho đến nay là cây cầu lớn nhất ở vùng Đông Nam Á.

Cầu Thăng Long xây dựng trải qua hai thời kỳ. Từ năm 1971 đến 1978 là thời gian Trung Quốc giúp ta xây dựng. Tháng 7-1978, Trung Quốc cắt viện trợ, rút chuyên gia về nước. Công trình bị bỏ dở.

Bốn tháng sau, Chính phủ Liên Xô quyết định giúp ta tiếp tục xây dựng. Đó là thời kỳ thứ hai, bắt đầu từ năm 1979 đến năm 1985. Công trình được thi công tiếp với sự giúp đỡ của Liên Xô. Cầu có 2 tầng, tầng trên có 4 làn dành cho ô tô và 2 làn sát cạnh dành cho người đi bộ. Mặt ngang cầu rộng 19,5m. Tầng dưới gồm 2 làn đường xe lửa, và 2 tuyến cho xe thô sơ, mặt cầu rộng 17m.

Làng Lệ Mật

Nơi đây có nghề truyền thống nuôi rắn, cách nay gần 1.000 năm, cùng tuổi với Thăng Long-Hà Nội. Chuyện xưa kể rằng: dưới triều Lý Thái Tông (1072-1127) có một người họ Hoàng khỏe mạnh, đẹp trai, giàu lòng nhân đức. Một sớm xuân sang. tiết trời đẹp, công chúa cùng thị nữ du thuyền trên sông Thiên Đức (sông Đuống), bất ngờ bị một con thủy quái gây sóng to, gió lớn, nhấn chìm thuyền. Chàng trai họ Hoàng đang làm ruộng, thấy vậy không quản nguy hiểm đã lặn xuống sông sâu đánh nhau với thủy quái và cứu được công chúa.

Vua Lý Thái Tông cảm kích cử chỉ của chàng trai họ Hoàng đã cho gọi chàng vào cung trọng thưởng tiền bạc và chức tước.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nhưng chàng trai từ chối và chỉ xin cho chàng được đưa dân nghèo đi khai hoang lập ấp. Được vua chấp thuận, chàng trai chiêu mộ dân khai hoang, lập nên 13 trại ấp, thành một vùng nông nghiệp trù phú cạnh thành Thăng Long.

Làng Lệ Mật, một trong 13 ấp đó, ngày nay vẫn giữ truyền thống hằng năm mở hội vào ngày 23 tháng 3 âm lịch để ghi ơn tráng sĩ họ Hoàng và diễn lại trận chiến giữa tráng sĩ và thủy quái.

Làng gốm Bát Tràng

Làng gốm Bát Tràng thuộc huyện Gia Lâm, nằm sát sông Hồng, cách Hà Nội khoảng 10km, nghề làm gốm ở Bát Tràng đã có từ thế kỷ XV.

Gốm Bát Tràng làm từ một loại đất sét trắng đặc biệt, chỉ có ở làng Bát Tràng. Sau khi đất sét đã được nhào trộn kỹ, người thợ dùng bàn xoay để tạo dáng sản phẩm, sau đó đem phơi sấy khô và vẽ hoa, tráng men (men gốm của Bát Tràng cũng có nhiều loại) rồi đưa vào lò nung. Trước đây, lò gốm Bát Tràng nung bằng than đá, hoặc củi gỗ, gây ô nhiễm, hiện người ta dùng lò nung bằng dầu hoặc gas, vừa sạch lại vừa điều khiển được nhiệt độ, một trong những yếu tố ảnh hưởng đến màu sắc và chất lượng sản phẩm.

Các sản phẩm gốm Bát Tràng rất đa dạng, mẫu mã luôn cải tiến phù hợp với yêu cầu thị hiếu của người tiêu dùng. Vì thế, gốm Bát Tràng được nhiều người ưa chuộng, có mặt khắp thị trường trong nước và xuất khẩu ra các nước lớn như Nhật Bản, Mỹ, Italia...

Đồ gốm Bát Tràng rất có uy tín, đã đi vào ca dao, tục ngữ:

Ước gì anh lấy được nàng

Để anh mua gạch Bát Tràng về xây.

https://www.facebook.com/taybanganh/

DI TÍCH

Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Năm 1070, Lý Thánh Tông cho xây Văn Miếu ở phía Nam kinh thành để thờ vị tổ khai sáng Nho học là Khổng Tử. Năm 1076, vua Lý Nhân Tông lại cho lập tại đây nhà Quốc Tử Giám, làm nơi dạy học cho các hoàng thái tử. Đây được xem là trường đại học đầu tiên của nước ta. Đến đời Trần đổi tên là Viện Quốc học, với thành phần học sinh được mở rộng, thu nhận cả con em quan lại trong triều và những học sinh giỏi con nhà dân thường. Đến đời Lê, Viện Quốc học được đổi thành Thái học.

Văn Miếu-Quốc Tử Giám trước tọa lạc trên 2 thôn Cổ Giám và Văn Hương, nay thuộc phường Văn Miếu (Đống Đa). Trước cổng chính có hồ Văn, giữa hồ có đảo Kim Châu.

Tại đây, năm 1482 vua Lê Thánh Tông cho dựng nhà bia đá, ghi khắc họ tên, quê quán những người thi đỗ Trạng nguyên, Bảng nhãn và Tiến sĩ của 82 khoa thi từ năm 1442 đến năm 1799. Hiện nhà bia còn lưu giữ 82 tấm bia, ghi danh 1306 vị.

Văn Miếu-Quốc Tử Giám được các nhà nghiên cứu văn hóa phương Đông đánh giá cao, coi đây là di tích cổ duy nhất tiêu biểu cho nền cao học ở vùng Đông Nam Á.

Nhân kỷ niệm 990 năm, để tiến tới 1000 năm Thăng Long, nhà Thái học ở phía sau (bị phá trong chiến tranh) đã được xây dựng lại, đúc chuông đồng, và được khánh thành vào năm 2000. Cũng vào dịp này, Bill Clinton, Tổng thống thứ 42 của Hoa Kỳ đến thăm Việt Nam đã vào tham quan Văn Miếu-Quốc Tử Giám. Trong chuyến thăm Việt Nam năm 2001, Tổng thống Liên bang Nga Putin cũng đã vào thăm địa danh này.

Đền Ngọc Sơn

Tọa lạc trên một đảo nhỏ hình tròn có tên là đảo Ngọc, nằm về phía Bắc hồ Gươm. Trên hòn đảo này, Trịnh Giang cho xây cung Khánh Thụy, sau bị Lê Chiêu Thống phá hủy năm 1787.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đến thế kỷ XIX mới xây dựng chùa Ngọc Sơn, sau đổi thành đền Ngọc Sơn vào năm 1843, thờ Tam Thánh.

Năm 1865, Phương đình Nguyễn Văn Siêu cho bắc cầu Thê Húc, nối từ bờ ra đảo. Trên núi Độc Tôn, ông cho xây một tháp đá, đỉnh là hình nhọn bút lông, gọi là tháp Bút. Trên thân tháp tạc 3 chữ: "Tả Thanh Thiên" (viết lên trời xanh). Qua tháp Bút là đài Nghiên bằng đá, có hình dạng nửa quả đào, do 3 chú ếch đá đội.

Bên kia cầu là cổng đền Ngọc Sơn. Đền Ngọc Sơn có 3 nếp nhà chính. Ngoài cùng là Bái đường, nếp giữa thờ Văn Xương, nếp sau thờ Trần Hưng Đạo. Trước Bái đường là Trấn Ba Đình (đình chắn sóng).

Thành Cổ Loa

Toà thành này thuộc xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, cách trung tâm Hà Nội 18km. Đây là thủ đô thứ hai của nước ta, sau Phong Châu thời vua Hùng.

Thành do An Dương Vương Thục Phán dựng vào năm 257 trước Công nguyên, có nhiều tên gọi khác như thành Cổ Việt Thường, thành Tử Long, Loa Thành, Kiển Thành, Chủ Thành...

Cổ Loa từng là kinh đô nước Âu Lạc của An Dương Vương Thục Phán, của Lý Nam Đế (570-602), của Ngô Quyền.

Thành Cổ Loa đắp bằng đất, có nhiều vòng trôn ốc, nay còn lại 3 vòng: Thành trong, thành giữa và thành ngoài. Tổng độ dài 16km, lấy sông Thiếp (tức dòng Hoàng Giang) làm hào tự nhiên.

Cổ Loa, thành cổ nhất, có quy mô lớn nhất và rất đặc biệt (hình trôn ốc), là một công trình phòng ngự chống ngoại xâm nổi tiếng của dân tộc ta vào thế kỷ III trước Công nguyên.

Ngoài thành lũy, hiện Cổ Loa còn các di tích:

– Cầu Sa, nơi thần Kim Quy hiện lên trao cho Thục Phán "*Nỏ Thần*".

https://www.facebook.com/taybanganh/

– Đình làng Cổ Loa, nơi bá quan triều hội. Cạnh đình là đền Công chúa Mỵ Châu, gọi là am Bà Chúa, trong có tảng đá hình người cụt đầu, các cụ già bảo đó là tượng Mỵ Châu, bị cha chặt mất đầu.

– Đền thờ An Dương Vương được dựng trên nền nội cung ngày trước. Trong đền có tượng An Dương Vương bằng đồng. Trước đền là giếng Ngọc, tương truyền là nơi Trọng Thủy tự tử vì hối hận.

– Cạnh đền An Dương Vương là nhà bia Cổ Loa.

Chùa Bà Đá

Tên chữ Linh Quang tự, ở số 3 phố Nhà Thờ. Chùa được dựng từ thời Lê Thánh Tông (1460-1497). Tương truyền khi đào đất đắp thành Thăng Long, một người thợ đào được pho tượng hình dáng phụ nữ, nên đã lập đền thờ, gọi là đền Bà Đá. Sau này thờ cả Phật nên gọi chùa Bà Đá.

Chùa có tiền đường xây theo hình chữ "nhất" (一), trung đường xây theo kiểu chữ "đinh" (丁).

Trong chùa có nhiều tượng gỗ, có hai quả chuông đúc năm 1823 và 1881, một khánh đúc năm 1842.

Chùa Bà Đá nguyên là tổ đình của Thiền phái Lâm Tế.

Chùa Hòe Nhai

Ở 19 Hàng Than. Chùa xây từ đời Lý được sửa chữa nhiều lần. Theo bia dựng năm Chính Hoà thứ 24 (1703) ghi, chùa được dựng tại bến Đông Bộ Đầu, nơi diễn ra trận đánh quân Nguyên-Mông ngày 29-1-1258.

Chùa gồm hai bái đường. Mỗi toà năm gian. Chính điện có ba gian. Nhà tổ bảy gian ở phía sau. Trong thượng điện có nhiều bức cốn chạm tứ linh. Chùa có nhiều tượng Phật bày thành sáu lớp, trong đó có nhiều tượng giá trị nghệ thuật cao.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hai bên tả hữu thượng điện có pho tượng đặc biệt không chùa nào có là tượng Phật ngồi trên, một ông vua đang phủ phục bên dưới.

Chùa có một quả chuông mang niên hiệu Tự Đức 17 (1864), một khánh đồng đúc niên hiệu Long Đức 3 (1734) đời Lê Thuần Tông.

Chùa Liên Phái

Ở ngõ Liên Phái, phố Bạch Mai. Chùa dựng năm 1726. Lúc mới dựng có tên là Liên Hoa, năm 1733 đổi tên là chùa Liên Tông. Năm 1840, vì kiêng húy của vua Thiệu Trị, chùa phải đổi tên là Liên Phái.

Chùa do Lâm Giác Thượng sĩ tên thật Trịnh Thập (1679-1733) con Trịnh Bính, em ruột Chúa Trịnh Cương dựng.

Chuyện kể rằng, ông có khuôn viên ở phường Hồng Mai (sau đổi Bạch Mai). Một hôm quân lính đào đất, bắt được một ngó sen rất lớn. Ông cho đó là điềm xuất gia, bèn sửa nhà làm chùa, đặt tên là Liên Hoa.

Trước cổng chùa có ngọn tháp Diệu Quang hình lục lăng, cao 10 tầng. Trong tháp đặt hài cốt đã hỏa táng của sư Diệu Quang cùng 5 vị sư khác. Nhân dân thường gọi tháp chùa Liên Hoa.

Sau chùa có khu vườn tháp gồm 9 tháp xây thành 3 hàng. Hàng giữa có tháp Cửu Sinh xây bằng đá, nơi táng vị sư tổ thứ nhất Lâm Giác Thượng sĩ, đã có hơn 250 năm. Đây là ngôi tháp cổ nhất của Hà Nội.

Chùa được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật năm 1962.

Chùa Kim Liên

Tên chữ là Đại Bi tự, còn gọi Hoàng Ân tự, ở thôn Nghi Tàm, Quảng An. Chùa có từ thời Lý, là nơi ở riêng của Công chúa Từ Hoa (1128-1138). Vì nhà vua muốn cho con gái mình am hiểu nghề nông và biết nỗi gian truân của người nông dân, cho nên

https://www.facebook.com/taybanganh/

cho công chúa và cung nữ ra đây trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ dệt lụa. Nơi này được gọi trại Tầm Tang, sau đổi thành Nghi Tàm.

Đến đời Trần (1225-1400) đổi thành chùa Đống Long, được dựng trên nền cũ của cung Từ Hoa. Đầu thế kỷ XVII gọi chùa Đại Bi. Trong chùa còn bia đá "Đại Bi tự bi ký" dựng năm Thái Hồ nguyên niên (1443) cho biết chùa được xây vào thời Lê Nhân Tông, có tên là Đại Bi. Chùa đã được sửa chữa và làm lại nhiều lần vào những năm 1531, 1736, 1771.

Đến đời Trịnh Sâm (1760-1782), chùa được trùng tu và đổi thành chùa Kim Liên. Trong chùa có bia đá dựng năm 1868, do Bùi Huy Cận soạn, nói rõ năm Cảnh Hưng thứ 32 (1771) Chúa Trịnh Sâm sai Quận Thiều Phạm Huy Đỉnh và Thái giám Tân Sinh hầu Nguyễn Khắc Tuân trùng tu mở rộng chùa.

Ô Quan Chưởng

Ở cuối phố Hàng Chiếu. Đây là cửa ô duy nhất còn lại ở Hà Nội. Tên chính thức là Đông Hà Môn. Cửa ô có một cửa chính và một vọng lâu. Trên tường phía trái có gắn tấm bia khắc năm 1882 của Tổng đốc Hoàng Diệu, cấm lính sách nhiễu dân.

Chùa Quán Sứ

Có từ thế kỷ XVII, ở phố Quán Sứ. Vào thời Trần Dụ Tông (1341-1396) vùng này có nhà công quán của triều đình đón tiếp sứ thần các nước như Chiêm Thành, Vạn Tượng... Các sứ thần phần nhiều theo đạo Phật, nên cạnh công quán lập một ngôi chùa để họ đến cầu kinh lễ Phật. Vì thế chùa có tên là Quán Sứ. Hiện chùa là trụ sở của Hội Phật giáo Việt Nam.

Khu di tích Đống Đa - chùa Bộc

Nơi diễn ra chiến thắng oanh liệt của nghĩa quân Tây Sơn do đích thân Hoàng đế Quang Trung Nguyễn Huệ chỉ huy, đêm mồng 4 rạng ngày mồng 5 tháng Giêng năm Kỷ Dậu (đêm 29 rạng sáng 30 tháng 1 năm 1789), diệt tan 29 vạn quân Thanh ở Tây thành Thăng Long, kinh đô Thăng Long hoàn toàn giải phóng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Gò Đống Đa là nơi chôn xác hàng chục vạn quân Thanh. Đằng sau gò này, sát đường Đặng Tiến Đông (một danh tướng của nghĩa quân Tây Sơn) mới đây người ta đã cho dựng bức tượng vua Quang Trung rất lớn đặt trên bệ đá hoa cương khá cao. Tượng tọa lạc trong một khuôn viên rộng. Hằng năm, vào mồng 5 Tết nhân dân đến đây cử hành trọng thể lễ kỷ niệm chiến thắng Đống Đa.

Cách gò Đống Đa khoảng 1 km về phía Nam, sát đường chùa Bộc, có một ngôi đền được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng di tích mang tên Thiên Phúc tự, nhân dân quen gọi là chùa Bộc. Chùa thờ Phật, nhưng đặc biệt bên trong có bức tượng lớn, nhân dân thường gọi tượng Đức Ông. Năm 1962, các nhà sử học đã phát hiện sau bệ tượng có khắc dòng chữ "*Bính Ngọ tạo Quang Trung tượng*" (tượng vua Quang Trung tạo năm Bính Ngọ). Điều này nói lên tấm lòng tôn kính của nhân dân ta đối với vị anh hùng Nguyễn Huệ. Nhưng vì lo sợ triều Nguyễn trả thù nên về hình thức chùa Bộc thờ Phật, nhưng thực chất thờ vua Quang Trung. Đặc biệt vị trí chùa nằm trong khu vực trận địa của đại quân Tây Sơn Nguyễn Huệ.

Chùa Một Cột

Là cụm kiến trúc ngôi chùa và toà đài xây dựng giữa hồ vuông. Chùa có tên là Diên Hựu, toà đài có tên là Liên Hoa. Đài Liên Hoa, lâu nay nhân dân ta quen gọi là chùa Một Cột. Chùa hình vuông, mỗi chiều 3m, mái cong, dựng trên một cột đá hình trụ tròn. Cột có đường kính 1,2m cao 4m (chưa kể phần chôn dưới đất). Tầng trên là hệ thống những thanh gỗ tạo bộ khung sườn kiên cố đỡ cho tầng đài dựng bên trên, khác nào một đóa sen vươn thẳng trong hồ. Chung quanh hồ có tường gạch bao. Bờ ngoài có cầu thang xây gạch dẫn lên Phật đài. Trên cửa Phật đài có biển ghi: "Liên Hoa đài", nhằm ghi nhớ sự tích của vua Lý, dẫn tới việc xây đài.

Tương truyền năm 1049, vua Lý Thái Tông chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi trên toà sen, vua cũng được dắt lên đó. Khi

https://www.facebook.com/taybanganh/

tỉnh giấc, vua đem việc đó hỏi các quan. Sư Thiền Tuệ khuyên vua xây chùa, dựng cột đá ở giữa hồ, làm toà sen của Phật đặt trên cột tựa như một bông sen mà vua thấy trong mộng. Chùa xây xong, cho các sư chạy đàn, tụng kinh cầu cho vua sống lâu, vì thế gọi là chùa "Diên Hựu" (kéo dài cõi phúc).

Theo bia ký chùa Đọi (Hà Nam) thì quy mô Liên Hoa đài thời Lý to hơn ngày nay nhiều. Năm 1954, khi thực dân Pháp rút khỏi miền Bắc, chúng đã cho phá tan chùa Một Cột. Sau khi Chính phủ ta về tiếp quản Thủ đô đã cho xây lại chùa Một Cột như hiện nay.

Chùa Láng

Tên chữ là Chiêu Thiền tự, được dựng từ thời Lý Thần Tông (1128-1138), trên nền nhà cũ của ông Từ Vinh và bà Nguyễn Thị Loan, thân sinh của vị thiền sư nổi tiếng Từ Đạo Hạnh, tên thật là Từ Lộ.

Chùa thờ Từ Đạo Hạnh. Truyền thuyết kể: Từ Đạo Hạnh thù ghét sư Đại Điên đã dùng phép thuật giết chết cha mình, nên ông lên chùa Thầy đi tu. Khi đắc đạo có phép mầu nhiệm đã giết chết sư Đại Điên trả thù cho cha. Sau ông hóa kiếp làm Dương Hoán, con trai Sùng Hiền Hầu, em ruột vua Lý Nhân Tông. Vì không có con trai, nên vua lấy Dương Hoán làm Hoàng Thái tử, sau là vua Lý Thần Tông (1128-1138). Vì vậy chùa Láng còn thờ cả vua Lý Thần Tông.

Trong khuôn viên chùa có nhà bát quái, tả vu và hữu vu, trong cùng là đền thờ. Chùa còn lưu giữ tấm bia dựng năm Thịnh Đức thứ 4 (1656) cao 1,4m, rộng 0,8m, có hoa văn rồng chầu mặt nguyệt, hai bên riềm có phượng chầu hoa sen và hai tiên nữ với đôi cánh bay lượn trên trời. Chùa còn có 15 bia, bên trái trên tường có gắn một tấm bia Phúc Điện ghi Trịnh Tạc cùng vợ là công chúa Lê Thị Ngọc cúng một mẫu ruộng vào chùa. Chùa còn có quả chuông đúc năm 1740 và khánh đúc (1738).

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hiện chùa còn lưu giữ 12 đạo sắc phong của các triều vua Lê, Tây Sơn và triều Nguyễn. Hội chùa Láng vào ngày mồng 7 tháng 3 âm lịch hằng năm. Chùa được xếp hạng di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật ngày 28-4-1962.

Chùa Trấn Quốc

Tọa lạc trên hòn đảo nhỏ Hồ Tây. Nguyên xưa ở bãi Yên Hoa cạnh sông Hồng xây vào đời Lý Nam Đế (541-547) là một ngôi chùa cổ nhất, gọi là chùa Khai Quốc. Đến đời Lê Thái Tông, niên hiệu Đại Bảo (1440-1442) gọi là chùa An Quốc. Đến đời Lê Kính Tông (1600-1618) niên hiệu Hoằng Định thứ 16 (1615), bãi sông Hồng bị lở sát đến chùa, nên chùa được dời vào địa điểm ngày nay. Nơi này vốn là cung Thủy Hoa, dựng từ thời Lý, đến đời Trần là điện Hàm Nguyên, dùng làm nơi hóng mát, xem đua thuyền.... Đời Lê Hy Tông (1675-1705) chùa đổi tên là Trấn Quốc.

Vào đời Lê Thần Tông (1619-1643), dân làng Yên Phụ và Yên Quang đắp đập Cổ Ngư (đường Thanh Niên), nhân đó đắp luôn đường từ đập Cổ Ngư vào chùa.

Chùa Trấn Quốc đã qua nhiều lần sửa chữa vào các năm 1624, 1628, 1639, 1815 nhưng vẫn còn giữ được lối kiến trúc độc đáo. Chùa được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa ngày 28-4-1962.

Đền Quán Thánh

Năm 1010, khi xây thành Thăng Long, Lý Thái Tổ cho xây một quán thờ vị thần Huyền Thiên Đế, trấn giữ phía Bắc Thăng Long, gọi là Trấn Võ Quán, sau gọi là đền Trấn Võ rồi đổi thành đền Quán Thánh. Từ khi xây dựng (1010) cho đến nay, đền đã qua nhiều lần trùng tu. Năm 1677, niên hiệu Vĩnh Trị thứ 2 đời Lê Hy Tông, Trịnh Tạc (1657-1682) sau khi đánh thắng nhà Mạc về cho trùng tu và đúc tượng đồng Trấn Võ cao gần 4 m, nặng 4 tấn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đền Quán Thánh thờ Huyền Thiên Trấn Võ, mặc áo đội mũ, có người cho đó là tượng của người có công đúc tượng Trấn Võ.

Đền Hai Bà Trưng

Còn có tên là chùa Viên Minh, ở phố Đồng Nhân. Nguyên đền ở bãi Đồng Nhân (gần bờ sông Hồng), bờ bị sạt lở, nên đến năm 1819 dân làng Đồng Nhân dời đền vào địa điểm hiện nay.

Đền cũ dựng năm 1142 (niên hiệu Đại Định thứ 3, triều vua Lý Anh Tông). Đền thờ hai vị nữ anh hùng dân tộc là Trưng Trắc và Trưng Nhị. Hai bà có công đánh đuổi quân xâm lược Đông Hán, giành độc lập cho đất nước vào năm 40.

Trong đền có tượng Hai Bà, hai bên có 12 tượng nữ thần, là những nữ tướng đã giúp Hai Bà trong cuộc khởi nghĩa thắng lợi. Hằng năm, đến ngày mồng 5 tháng 2 âm lịch, nhân dân mở hội đền và là ngày giỗ Hai Bà.

Cụm di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh

Gồm Nhà sàn, Lăng và Bảo tàng. Nhà sàn là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời sống và làm việc ở Hà Nội. Ngôi nhà xây theo kiểu nhà sàn dân tộc. Trước mặt có ao cá, cạnh bờ có hai cây dừa và ở góc nhà có cây vú sữa do đồng bào miền Nam gửi tặng Bác. Chung quanh vườn có nhiều cây ăn quả như bưởi, hồng xiêm... quanh năm xanh tốt, trĩu quả. Tầng trệt là nơi hội họp. Tầng trên là phòng ngủ của Người, ngoài chiếc giường ngủ đơn sơ giản dị, có một bàn làm việc, có một tủ đựng vài bộ quần áo.

Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, nơi Người yên nghỉ giữa lòng Thủ đô Hà Nội. Sau hai năm xây dựng, ngày 29-8-1975, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được long trọng khánh thành. Mặt chính Lăng quay ra Quảng trường Ba Đình lịch sử, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 2-9-1945 đọc Bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là CHXHCN Việt Nam.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lăng có hình dáng bông sen nở, gồm 3 cấp với chiều cao 21,6m. Lớp dưới tạo dáng bậc thềm tam cấp. Cấp dưới của bậc thềm là lễ đài dành cho Đoàn Chủ tịch các cuộc mít tinh tổ chức ở Quảng trường. Lớp giữa là trung tâm của Lăng, nơi có phòng đặt di hài. Lớp trên là mái lăng cũng hình tam cấp. Mặt chính lăng có dòng chữ "Chủ - tịch - Hồ - Chí - Minh" bằng đá hồng ngọc màu mận chín.

Lăng là nơi gìn giữ thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà yêu nước vĩ đại, được UNESCO tặng danh hiệu "*Danh nhân văn hóa thế giới và Anh hùng giải phóng dân tộc*" nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người.

Quảng trường Ba Đình

Gắn liền với những sự kiện quan trọng của đất nước, có chiều dài 320m, rộng 100m với 168 ô cỏ xanh, phía Tây của Quảng trường là khu lưu niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh như Nhà sàn, Bảo tàng.

Bảo tàng Hồ Chí Minh

Trưng bày hiện vật giới thiệu thân thế, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bảo tàng được xây dựng phỏng theo hình bông sen. Khánh thành ngày 19-5-1990, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người.

Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam

Từ ngày 24-6-1966, ngôi nhà số 66 đường Nguyễn Thái Học trở thành Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Nội dung giới thiệu nền nghệ thuật Việt Nam từ buổi đầu dựng nước tới nay. Bảo tàng có nhiều bộ sưu tập tranh quý của những họa sĩ nổi tiếng như Tô Ngọc Vân, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Phan Chánh, Bùi Xuân Phái...

Bảo tàng Lịch sử

Được thành lập năm 1926, với tên gọi "*Viễn Đông Bác cổ*". Năm 1958, viện được tu bổ sửa chữa lại và đổi tên thành *Viện*

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Nội dung giới thiệu hệ thống quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, từ buổi bình minh của lịch sử đến ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

Bảo tàng Cách mạng

Thành lập năm 1959, nội dung trưng bày hiện vật giới thiệu quá trình đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đến ngày nay.

Tượng đài vua Lý Thái Tổ

Vua Lý Thái Tổ tên húy là Lý Công Uẩn, người làng Cổ Pháp, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, sinh ngày 12 tháng 2 năm Giáp Tuất (974) mất ngày Mậu Tuất tháng 3 năm Mậu Thìn (1028), trị vì được 18 năm, thọ 55 tuổi.

Lý Thái Tổ là vị vua đầu tiên của triều Lý, sau khi lên ngôi Hoàng đế năm 1010, tháng 7 cùng năm đã hạ chiếu dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La. Một buổi sáng đẹp trời, thuyền vừa rời bến, nhà vua chợt trông thấy rồng vàng bay lên, do đó đặt tên là Kinh đô Thăng Long (tức Hà Nội ngày nay).

Để tưởng nhớ công lao vị vua "Khai đô lập quốc" và nhân kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Thủ đô (10-10-1954 - 10-10-2004), đồng thời hướng tới 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, ngày 7-10-2004, Thành ủy, UBND Thành phố, Mặt trận Tổ quốc Thành phố đã long trọng tổ chức khánh thành tượng đài Lý Thái Tổ tại vườn hoa Chí Linh, bên Hồ Gươm huyền thoại.

Tượng đài Lý Thái Tổ soi bóng mặt nước Hồ Gươm là một trong những biểu tượng đẹp của Thủ đô Hà Nội, một công trình văn hóa, nghệ thuật của thời đại Hồ Chí Minh quang vinh, một thời đại kế tục vô cùng xứng đáng và hiển hách truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, đã xây dựng thủ đô và đất nước ta ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn.

Tượng đài Lý Thái Tổ được đúc bằng đồng trong vòng 4 tháng, tại một làng nghề thuộc huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, có tổng

https://www.facebook.com/taybanganh/

trọng lượng 34 tấn (tượng 14 tấn, bệ 20 tấn), với chiều cao 10,10 m, trong đó tượng cao 3,35m, bệ cao 6,75m, quy thành 1010cm, trùng hợp với năm dời đô, ngày khai sinh đô thành Thăng Long và cũng trùng hợp với ngày giải phóng thủ đô khỏi ách chiếm đóng của thực dân Pháp 10-10.

LỄ HỘI

Hội Cổ Loa

Diễn ra từ ngày 6 đến 16 tháng Giêng âm lịch để tưởng nhớ Thục Phán An Dương Vương, người được vua Hùng thứ 18 nhường ngôi. Lễ hội gắn liền với sự tích truyền thuyết "Nỏ Thần" và chuyện tình Mỵ Châu - Trọng Thủy.

Lễ hội có đám rước thần của 12 xóm. Sau lễ có hội, tổ chức nhiều trò chơi như thổi cơm thi, chơi đu, hát chèo...

Hội đền Sóc

Thôn Vệ Linh xã Phù Linh, Sóc Sơn. Đền thờ Thánh Gióng, người anh hùng chống giặc Ân.

Lễ hội được tổ chức hằng năm vào ngày 7 tháng Giêng âm lịch tại đền Sóc. Trong lễ hội có lễ tắm tượng, rước voi, rước trầu không... Theo truyền thuyết, đền Sóc là nơi Đức Thánh Gióng sau khi đánh tan giặc Ân đã cởi áo giáp rồi cùng ngựa sắt bay về trời.

Hội Đống Đa

Hằng năm diễn ra vào mồng 5 Tết Nguyên Đán. Đây là lễ hội chiến thắng, mừng công tích chống ngoại xâm lừng lẫy của dân tộc do Hoàng đế Quang Trung lãnh đạo. Cuộc tế diễn ra ở đình Khương Thượng, lễ cầu siêu ở chùa Đồng Quang. Sau đám rước "rồng lửa Thăng Long" là lễ dâng hương, lễ đọc văn. Ngày nay, lễ hội được diễn ra trong khuôn viên trước tượng đài Quang Trung, phía sau gò Đống Đa. Trong lễ hội có nhiều trò vui.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hội đền Hai Bà Trưng

Hằng năm lễ hội đền Hai Bà Trưng được mở từ mồng 3 tới mồng 6 tháng Hai âm lịch để tưởng nhớ công ơn Hai Bà, những vị nữ anh hùng có công đánh đuổi giặc ngoại xâm, giành độc lập cho đất nước. Phần hội có nhiều trò đặc sắc, nhiều trò chơi.

Hội làng Triều Khúc

Thuộc làng Triều Khúc, Thanh Trì. Hội làng Triều Khúc diễn ra từ ngày 10 đến 12 tháng Giêng âm lịch hằng năm tại đình Sắc và đình Lớn, nhằm ghi nhớ công ơn người anh hùng dân tộc Phùng Hưng và tôn vinh nghề dệt. Trong thời gian tế có biểu diễn múa rồng, một điệu múa cổ. Sau tế có tổ chức hội múa lân, đấu vật, hát chèo...

HÀ TÂY

Hà Tây thuộc châu thổ sông Hồng, diện tích tự nhiên 2.148km^2, dân số gần 2.500.000 người. Thị xã Hà Đông là tỉnh lỵ của Hà Tây. Ngoài ra Hà Tây còn có: thị xã Sơn Tây và các huyện: Ba Vì, Phúc Thọ, Đan Phượng, Thạch Thất, Hoài Đức, Quốc Oai, Chương Mỹ, Thanh Oai, Thường Tín, Mỹ Đức, Ứng Hoà, Phú Xuyên.

Hà Tây là nơi sinh sống của nhiều dân tộc anh em: Kinh, Mường, Dao...

Phía Bắc Hà Tây giáp Vĩnh Phúc, phía Tây giáp Hoà Bình, Phú Thọ, phía Đông giáp Hà Nội, Hưng Yên, phía Nam giáp Hà Nam.

Do địa hình khá phức tạp, đa dạng gồm đồi núi, đồng bằng, trung du, nên Hà Tây có nhiều vùng tiểu khí hậu khác nhau. Nhiệt độ trung bình cả năm là 23,8^{0}C. Vùng gò đồi có nhiệt độ trung bình cả năm là 23,5^{0}C, chịu ảnh hưởng khí hậu lục địa gió Lào, trong lúc đó vùng Ba Vì mát mẻ, nhiệt độ trung bình cả năm là khoảng 18^{0}C.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hà Tây có nhiều hồ nước lớn như Đồng Mô, Suối Hai... Hà Tây có nhiều thuận lợi về giao thông bao gồm đường bộ, đường thủy, lại là cửa ngõ phía Tây của Hà Nội, việc giao lưu rất dễ dàng.

Hà Tây là vùng đậm đặc di tích lịch sử và thắng cảnh nổi tiếng như Hương Tích, Ba Vì, chùa Thầy, chùa Tây Phương, chùa Trầm... Hà Tây quê lụa có nhiều lễ hội nổi tiếng.

THẮNG CẢNH

Hương Tích

Hương Tích là một quần thể kiến trúc và danh lam thắng cảnh nổi tiếng gồm một hệ thống hang động, đền chùa xen lẫn giữa màu xanh bất tận của núi rừng trùng điệp của huyện Mỹ Đức.

Qua nhiều thế kỷ, Hương Tích "Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt". Cảm cảnh Hương Tích, nhà thơ Tản Đà đã phác họa bức tranh sơn thủy của Hương Sơn:

"*...Chùa Hương trời điểm lại trời tô*

Một bức tranh tình trải mấy thu

Xuân lại, xuân đi không dấu vết

Ai về, ai nhớ vẫn thơm tho".

Năm tháng trôi qua, hết thế hệ này đến thế hệ khác, trải qua bao cuộc bể dâu, Hương Sơn vẫn xuân xanh trường tồn với thời gian.

Đến Hương Sơn, du khách sẽ được thả hồn vào cái đẹp thanh cao, sắc hương đậm đà của non sông đất Việt trời Nam.

Do sự xâm thực của thiên nhiên, bào mòn của nước, trong dãy núi Hương Sơn có nhiều hang động kỳ khu. Vào thăm hang động Hương Sơn ta có cảm giác như đang lạc vào chốn thiên thai, giữa

https://www.facebook.com/taybanganh/

một thế giới động vật ngàn năm hóa đá. Trong số những hang động đó, đáng chú ý nhất là: động chùa Tiên Sơn, động Hinh Bồng, động Hương Tích, động Hương Đài...

Động Hương Tích là điểm chính của thắng cảnh Hương Sơn. Hình thể động như một con rồng khổng lồ đang há miệng. Vào năm Canh Dần (1770), khi chúa Trịnh Sâm tuần du qua đây, cảm trước vẻ đẹp của động đã tạc vào vách đá ở cửa động "*Nam Thiên đệ nhất động*" và người đời sau có thơ rằng:

Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt

Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây.

Ngoài hệ thống hang động mà cũng là nơi thờ cúng Thần, Phật, Hương Tích còn có cả một loạt đền, chùa, miếu uy nghiêm như chùa Bảo Đài - Tuyết Sơn, chùa Long Vân, đền Trình, chùa Hương Trản, đền Đục Khê, đền Hữu Vĩnh, chùa Thiên Trù...

Văn cảnh chùa Hương, du khách không thể không đến Thiên Trù. Theo sử chép vào tháng Giêng năm Đinh Hợi (1467), vua Lê Thánh Tông tuần thú qua đây, cho quân dừng lại nghỉ qua đêm. Vua xem thiên văn, chợt thấy vùng này thuộc vào địa phận của sao Thiên Trù (sao chủ về ăn uống) nhân đấy đặt tên cho vùng này là Thiên Trù (Bếp Trời).

Đối với Chu Mạnh Trinh, Thiên Trù đẹp vô ngần:

Tiếng đâu văng vẳng chuông vàng,

Khói đâu nghi ngút mùi nhang Thiên Trù.

Còn nhà thơ Xuân Diệu thì:

Thiên Trù một khoảng êm phơi phới,

Núi ngắm nhau xanh một sắc hiền.

Ngày nay chùa Hương là điểm du lịch trọng điểm của Hà Tây. Lễ hội chùa Hương kéo dài hàng tháng, bắt đầu từ sau Tết Nguyên Đán. Khách thập phương đến lễ hội chùa Hương để lễ Phật, cầu phúc và trước hết là để được hoà mình vào thiên nhiên.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Khu du lịch Ba Vì

Trước hết, du khách đến thăm hồ Suối Hai. Thuyền du lịch sẽ đưa du khách dạo quanh hồ và ghé thăm các đảo trồng cây dược liệu, đảo chim, đảo cò... để tận hưởng cảnh sắc thiên nhiên đầy thơ mộng.

Tiếp đó, xe sẽ đưa bạn đi về phía Bắc đỉnh Ba Vì đến thăm khu du lịch Ao Vua. Nơi đây có dòng thác tuyệt đẹp. Du khách có thể leo lên ba tầng thác. Nếu leo đến độ cao 400m, bạn sẽ thấy dấu tích một khu nghỉ mát của người Pháp có từ những năm 1940. Lên đến độ cao 1.200m, bạn có thể nghỉ lại trong khách sạn sang trọng để ngắm trời sao Ba Vì.

Nếu có dịp, mời du khách thám hiểm rừng nguyên sinh Ba Vì có diện tích 76.000ha, nằm ở độ cao từ 200m đến 1.300m so với mặt biển. Khí hậu quanh năm mát mẻ, có thảm thực vật phong phú, có tới 1.700 loài thực vật. Động vật có những loài quý hiếm như công, hươu sao, chim Aves...

Hồ Quan Sơn

Một thắng cảnh đẹp của huyện Mỹ Đức, cách Hà Nội 50km. Chung quanh hồ Quan Sơn có nhiều núi non hùng vĩ kéo dài, ôm ấp lấy hồ nước trong xanh. Giữa lòng hồ nổi lên những ngọn núi đá dựng đứng với nhiều tên gọi khác nhau: núi Trâu Trắng, đảo Sư Tử, núi Quai Chèo, đồi Voi Phục... Trên những đảo đá đó, có nhiều hang động kỳ thú như Linh Sơn Động, Ngọc Long Động, có nhiều nhũ đá hình thù kỳ lạ, khiến du khách ngẩn ngơ trước vẻ đẹp thiên tạo ở đây.

Quan Sơn có thể ví như một Hạ Long thu nhỏ, giữa mênh mông hồ nước là những đảo đá xanh um soi bóng mặt hồ. Hơn thế nữa, trên những hòn núi của hồ Quan Sơn còn có nhiều đền, chùa, như chùa Linh Sơn nằm ở núi Linh Sơn, được dựng từ thế kỷ XVII, vào thời nhà Mạc, cạnh chùa là động Linh Sơn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thắng cảnh núi Trầm

Còn gọi núi Tử Trầm. Giữa vùng đồng bằng trù phú của huyện Chương Mỹ, nổi lên một dãy núi đá cao ngất. Năm 1516, vua Lê Chiêu Tông cho dựng hành cung, rồi sai đào sông, khai suối quanh núi để du ngoạn. Hiện nay chung quanh núi Tử Trầm còn nhiều di tích kiến trúc của các thời như chùa Long Tiên, chùa Quan Âm, chùa Vô Vi, chùa Ba Lang, đền Mẫu, đền Cao Sơn...

Trên núi Tử Trầm có nhiều hang động đẹp, điển hình là động Long Tiên, một động đẹp chưa từng thấy. Cửa động tuy nhỏ, nhưng lòng động khá lớn và cao. Trong động có nhiều nhũ đá buông rũ xuống với những hình dáng lạ kỳ. Trong động có nhiều tượng đá quý, đặc biệt là tượng A Di Đà ngồi trên toà sen trong tư thế thiền, vẻ mặt đôn hậu. Tượng được tạc với nghệ thuật tinh xảo. Trên trần và vách đá gần cửa động có nhiều bút tích của các danh tài, nho sĩ từ cuối Lê, đầu Nguyễn với gần 20 bài minh văn ngợi ca cảnh đẹp của núi Tử Trầm.

Tại đây, trong những ngày đầu chống Pháp, Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam đã phát đi Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19-12-1946) của Hồ Chủ tịch.

Hằng năm núi Tử Trầm có tổ chức lễ hội vào mồng 2 tháng 2 âm lịch, thu hút nhiều khách thập phương về tham dự.

Khu du lịch Đồng Mô

Có hồ nước rộng trên 1.300ha với nhiều đảo và bán đảo bên hồ. Tại đây có sân *golf* 18 lỗ theo tiêu chuẩn quốc tế ở đảo Vua (còn gọi đảo Đầm), nằm ngay chính giữa lòng hồ Đồng Mô với diện tích 350ha.

Ngoài sân *golf*, rừng cây, hồ nước và những biệt thự xinh đẹp soi bóng mặt hồ, Khu du lịch Đồng Mô còn đang xây dựng làng văn hóa các dân tộc Việt Nam. Một khi làng văn hóa này hoàn thành, Đồng Mô sẽ trở thành khu du lịch nổi tiếng thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Khoang Xanh, Suối Tiên

Đây là khu du lịch có môi trường sinh thái còn tương đối nguyên sơ, nơi có nhiều đồng bào Mường sinh sống, cách thị xã Sơn Tây 20km, cách Hà Nội 60km.

Khu du lịch nằm trong một thung lũng xanh thơ mộng bên núi Tản Viên - Ba Vì, nơi có dòng Suối Tiên, sau khi len lỏi qua những sườn đá, rừng cây rậm rạp, đổ nước xuống vực sâu trông như một dải lụa trắng mềm mại khổng lồ trải giữa rừng xanh ngút ngàn. Suối có nhiều đoạn nước róc rách chảy rất ngoạn mục. Từ thác Tràn ngược lên hòn Chồng khoảng 1km, du khách sẽ còn được ngắm nhìn nhiều thác đẹp với những tên gọi rất gợi cảm như thác Mơ, thác Mâm Xôi, thác Hoa Lan...

Sau khi tắm suối thỏa thuê, du khách có thể leo lên đỉnh núi Vua, nơi có khu rừng nguyên sinh với hệ động thực vật rất phong phú.

Làng Nhị Khê - Khu tưởng niệm Nguyễn Trãi

Làng Nhị Khê thuộc huyện Thường Tín, cách Hà Nội khoảng 20km về phía Nam. Tại đây có khu tưởng niệm danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Trãi, gồm nhà thờ, mặt trước có hồ bán nguyệt và tượng toàn thân của Nguyễn Trãi đặt trên bệ đá hoa cương cao. Nhà thờ Nguyễn Trãi còn lưu giữ nhiều di vật quý, bức chân dung của Nguyễn Trãi, nhiều hoành phi, câu đối và các đạo sắc phong.

Tại làng Nhị Khê còn có một số di tích gắn liền với dòng họ Nguyễn Trãi như "Ao Huê", "Trại Ổi" là nơi thân phụ Nguyễn Trãi mở trường dạy học sinh con em trong làng. Tại nhà bia Bãi Sếu, người ta còn lưu giữ được tấm bia cổ dựng năm 1690, ghi tên những người quê ở Nhị Khê, Trung Thôn đã đỗ đạt. Nhị Khê còn có nhà thờ tổ nghề tiện.

Làng Đường Lâm

Cách thị xã Sơn Tây khoảng 4km, là làng Việt cổ ở vùng Trung Du. Đường Lâm, làng của hai vua: Bố Cái Đại Vương

https://www.facebook.com/taybanganh/

Phùng Hưng và Ngô Quyền, hai vị anh hùng dân tộc có công đánh đuổi quân xâm lược phương Bắc, giành độc lập cho đất nước vào thế kỷ VIII và thế kỷ X.

Tại đây có đền thờ Phùng Hưng, đền và lăng Ngô Vương với chuông đồng, khánh đá, đồ gốm sứ, các bức chạm trổ và nhiều bia đá cổ lớn. Nơi đây còn có những hiện vật quý, ghi dấu một thời lịch sử hào hùng của dân tộc như Giếng Ngọc, Rặng Duối cổ thụ nơi Ngô Quyền buộc voi trận.

Làng Đường Lâm còn nhiều ngôi nhà cổ, cổng cổ, đặc biệt cổng làng cho ta hình dung về một làng quê của người Việt cổ.

Tại nhà truyền thống xã Đường Lâm còn lưu giữ nhiều di vật quý: cọc gỗ Bạch Đằng, Ngô Quyền dùng đóng trên sông Bạch Đằng chặn đánh quân Nam Hán, rìu đá...

Đường Lâm, phong cảnh hữu tình, sông Tích trong xanh, uốn lượn quanh làng trên những gò đồi thoai thoải với những rộc sâu (ao sâu).

Làng Vạn Phúc

Nằm bên bờ sông Nhuệ hiền hoà, thuộc thị xã Hà Đông, cách Hà Nội khoảng 10km. Làng có nghề dệt lụa tơ tằm nổi tiếng từ xưa. Lụa Vạn Phúc là mặt hàng quý được nhiều người ưa chuộng khắp trong Nam ngoài Bắc, bởi "mịn mặt, mát tay" với thương hiệu "lụa Hà Đông".

Ngày nay dân làng vẫn tiếp tục nghề truyền thống đó với quy mô lớn hơn. Lụa Vạn Phúc không chỉ nổi tiếng trong nước mà còn là mặt hàng xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới.

Du khách đến Vạn Phúc không chỉ để mua hàng mà còn là dịp tham quan ngắm cảnh. Bởi làng Vạn Phúc có cảnh quan rất đẹp, con người mến khách. Trong làng có vườn hoa muôn sắc, có vườn cây ăn trái với những hồ sen rực rỡ ngát hương. Làng còn có đền thờ bà tổ dạy cho dân nghề nuôi tằm dệt lụa.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đặc biệt trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Hồ Chủ tịch đã về sống và làm việc tại ngôi nhà 2 tầng ở làng Vạn Phúc. Tại đây Người viết Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19-12-1946).

DI TÍCH

Chùa Thầy

Tên chữ là Thiên Phúc, được dựng từ thời Lý, dựa vào sườn Tây Nam núi Thầy, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai. Phía trước chùa bên trái là ngọn Long Đẩu và một hồ rộng mang tên Long Chiểu, ở giữa có thủy đình, nơi diễn trò rối nước. Hai chiếc cầu ngói cổ kiểu "*thượng gia, hạ kiều*", ba nhịp có mái che, dựng năm 1602. Cụm kiến trúc chính là chùa Cả, gồm ba lớp nhà lớn, dựng trên nền cao, bó đá hộc xanh. Lớp ngoài là nhà tiền tế, lớp giữa thờ Phật, lớp trong cùng thờ Từ Đạo Hạnh. Mái chùa lợp ngói mũi hài to bản, dày, 4 góc cong vút, đặt trên bộ khung 4 cột cái và 12 cột quân bằng đá quý, kê trên đá tảng, liên kết với nhau bằng một hệ thống xà, hoành. Chung quanh dựng ván bưng đố ba lụa có nhiều mảng trang trí chạm hình rồng, lân...

Trong chùa có ba pho tượng, diễn tả ba kiếp của thiền sư Từ Đạo Hạnh. Chính giữa là tượng Thiền sư đã thành Phật, đội mũ hoa sen, tay chắp trước ngực, khoác áo vóc vàng. Bên trái là tượng toàn thân Thiền sư bằng gỗ, chân tay chốt khớp cử động được. Bên phải là tượng Thiền sư sau khi đầu thai trở thành vua Lý Thần Tông. Tượng đội mũ bình thiên, mình khoác long bào, ngồi trên ngai vàng. Trong chùa còn có tượng bố mẹ Thiền sư, đặt trên ngai.

Hai bên chùa là hành lang dài thờ 18 vị La Hán. Phía sau là gác chuông, treo quả chuông cổ đúc từ thời Lý và lầu trống treo trống lớn. Quanh chùa có hang Phật Tích, hang Cắc Cớ, hang Gió, chùa Cao, đền Thượng, chùa Một Mái...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Tây Phương

Tên chữ Sùng Phúc Tự, tọa lạc trên núi Tây Phương, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất. Chùa được xây từ đời Cao Biền (865-875). Vào niên hiệu Chính Hoà (1680-1705), Tây Vương Trịnh Tạc cho sửa chữa lại chùa và xây tam quan. Sau đó chùa bị phá. Ngôi chùa còn đến ngày nay được xây lại trên nền chùa cũ vào khoảng 1788-1789 dưới triều Tây Sơn.

Trong chùa hiện còn chuông đồng đúc năm Bính Thìn (1796). Chùa gồm ba toà xếp thành chữ "*tam*" (三), nhưng không nối liền mà mỗi toà cách nhau một quãng. Thềm toà nọ cách thềm toà kia là 1m60, nên nội thất mỗi toà đều được chiếu sáng.

Nghệ thuật trang trí kiến trúc chùa được biểu hiện qua đề tài: rồng, phượng, hoa lá ở trên các vì, xà... với kỹ thuật chạm bẹt (chạm nông). Các góc đầu đao mái chùa Tây Phương cong vút, trông rất đẹp mắt.

Tượng chùa Tây Phương là những di sản quý giá bao gồm tượng Phật, tượng các vị tổ. Tổng cộng có tới 62 tượng. Trong đó có 18 tượng La Hán được tạo tác tinh vi.

Chùa Đậu

Tên cũ là Thành Đạo hay Pháp Vũ tự, tọa lạc ở thôn Phúc Xá, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín. Chùa được dựng từ đời Sĩ Vương (210), đã qua nhiều lần trùng tu. Chùa thờ nữ thần Pháp Vũ.

Kiến trúc chùa theo kiểu "*nội công, ngoại quốc*", tiền đường có 9 gian. Nghệ thuật chạm trổ tinh vi, theo các chủ đề tứ linh: Long, Ly, Quy, Phượng mang phong cách nghệ thuật thời Lê. Chùa có tiền đường và nội cung.

Đặc biệt chùa còn lưu giữ 2 pho tượng quý là nhục thân (tượng táng) của hai vị thiền sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường đã trụ trì ở chùa vào khoảng thế kỷ XVII. Tượng táng bị hư hỏng nặng, nay đã được các nhà khoa học phục hồi lại như cũ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Mía

Tên chữ Sùng Nghiêm tự, ở làng Mía, xã Phùng Hưng, huyện Ba Vì. Chùa được dựng vào thời Trần. Đến thế kỷ XVII, bà Nguyễn Thị Rong, vợ chúa Trịnh Tráng, tức bà Chúa Mía, đã cho xây dựng lại. Văn bia chùa ghi lại việc trùng tu vào năm 1632.

Chùa thờ Phật và thờ Bà Chúa Mía, tức bà Nguyễn Thị Rong.

Trong chùa hiện còn 287 pho tượng là tác phẩm nghệ thuật điêu khắc nổi tiếng, như pho tượng Tuyết Sơn, tượng Bát Bộ Kim Cương, tượng Quan Âm Tống Tử, tượng 18 vị La Hán và núi Tây Vực.

Chùa còn lưu giữ nhiều cổ vật như đại hồng chung đúc năm 1743, khánh đồng đúc năm 1846, bia Bà Chúa Mía dựng 1632.

Đền Và

Nằm ở làng Vân Giá, huyện Ba Vì, nay thuộc xã Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, còn gọi là Đông Cung.

Đền Và xây trên một khu đồi, giữa một rừng lim nguyên sinh. Đền được dựng từ thời Hùng Vương thứ 18. Theo Ngọc Phả, Đức Thánh Tản, tức Sơn Tinh, sinh ngày 15 tháng Giêng, năm Đinh Hợi, thuộc đạo Hưng Hóa, xã Nam Sơn, nay là xã Trung Nghĩa, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Ngài được Thái Bạch Kim Tinh ban cho chiếc gậy thần "*đầu sinh, đầu tử*" để cứu nhân độ thế, được Long Vương tặng cuốn "*Thần thư thi pháp truyền*" (sách ước), nên đã lấy được Mỵ Nương con gái vua Hùng. Thủy Tinh (thần nước) đến sau không lấy được Mỵ Nương, bèn nổi giận dâng nước lên đánh, nhưng Thủy Tinh đã thất bại rút quân về. Sơn Tinh đại thắng, mở tiệc ăn mừng và lập lâu đài kỷ niệm chiến thắng, đó chính là đền Và ngày nay.

Sau đó Ngài đi khắp đây đó để cứu giúp dân lành, nơi nào Ngài đến đều được nhân dân lập đền thờ. Vì vậy 4 ngôi đền thờ đều được gọi theo chữ "Cung":

https://www.facebook.com/taybanganh/

– Đông Cung tức đền Và, thị xã Sơn Tây.

– Tây Cung ở làng Thủ Pháp, huyện Bất Bạt.

– Nam Cung ở làng Yên Cự, huyện Tùng Thiện nay là Ba Vì.

– Bắc Cung tức đền Rọi, làng Dư Bình, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đền Và thờ thần Tản Viên. Ở đền có đắp nổi hình rồng lấy nước và cá hóa rồng.

Ở đền thượng có 3 cỗ ngai thờ Đức Thánh Tản là Nguyễn Tuấn và 2 vị tướng giỏi của Người là Nguyễn Hiển và Nguyễn Sùng (hai em con ông chú của Nguyễn Tuấn).

Đền Trung có 4 pho tượng lớn, ba ngựa hồng và nhiều đồ tế tự.

Đền Hạ có nhiều hoành phi, câu đối. Sân đền khá rộng, có tả mạc, hữu mạc. Cổng Nghi môn có 3 cửa lớn.

Thần Tản Viên được nhân dân tôn là:

– Tản Viên Sơn Thần

– Đệ nhất Phúc đẳng thần

– Nam Thiên Thánh tổ

Đền Và từ khi xây dựng đến nay, trải qua các triều đại Lý, Trần, Nguyễn đều được trùng tu sửa chữa. Đặc biệt vào thời Duy Tân (triều Nguyễn), năm 1907 đền được xây dựng lại có quy mô như ngày nay.

Hội chính đền Và vào ngày 15, 16, 17 tháng Giêng âm lịch (cứ 3 năm một lần vào các năm: Tý, Ngọ, Mão, Dậu, rước Thánh sang đền Rọi (Bắc Cung) - Vĩnh Phúc.

Hội tế cá ngày 15 tháng 9 (lễ dâng cá lên đức Thánh).

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Trăm Gian

Còn có tên chùa Tiên Lữ, tọa lạc ở thôn Tiên Lữ, xã Tiên Phương, huyện Hoài Đức. Chùa được xây từ thời Lý, được trùng tu nhiều lần. Chùa có đủ 100 gian. Tam quan có 8 mái, tọa lạc trên đồi cao với hàng trăm bậc gạch.

Trong chùa còn giữ nhiều cổ vật quý. Ở Thượng điện có một bệ bằng đất nung hình chữ nhật. Ở sân chùa có gác chuông 2 tầng 8 mái, được dựng năm 1693, trên treo khánh đồng đúc năm 1749, trong chùa có pho tượng Tuyết Sơn bằng gỗ mít đen. Chung quanh chùa có nhiều cây cổ thụ, tùng, bách, có nhiều bảo tháp xây kiên cố.

Chùa Trầm

Tên chữ là Long Châu tự, còn gọi là chùa Tử Trầm, tọa lạc ở núi Tử Trầm, thôn Liên Minh, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ.

Chùa được xây vào năm Cảnh Trị thứ 7 (1669), đã qua nhiều lần sửa chữa. Hiện chùa còn lưu giữ nhiều tượng Phật mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVIII và XIX với những nét chạm khắc tinh vi. Trên nền cao tam cấp bằng đá của chùa, ở phiến đá chính giữa có chạm nổi hai con thằn lằn rất đẹp. Tại đây còn có ngôi chùa trong động Long Tiên.

Sử ghi rằng, khoảng thế kỷ XVI, khi triều đình nhà Lê lục đục, vua Lê nhờ Mạc Đăng Dung đưa về đây ở ẩn. Nhưng sau đó biết được âm mưu của Mạc Đăng Dung, vua Lê chạy lên Sơn Tây. Nhân dân ở đây cùng nhau lập một ngôi đền nhỏ để thờ Phật trong động Long Tiên. Năm 1616 đời Lê Kính Tông, nhân dân tạc 48 pho tượng đá để thờ trong hang động.

Năm 1913, Tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phụ cho dân sửa lại chùa và gọi là chùa Long Châu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đình Chu Quyến

Ở làng Chu Quyến, xã Chu Minh, huyện Ba Vì, thờ Nhã Lang, con trai của Lý Phật Tử (thế kỷ VI). Tương truyền mẹ của Nhã Lang người làng Chu Quyến, nên trong đình có cả ngai thờ bà mẹ.

Đây là ngôi đình lớn nhất xứ Đoài, dài 30m, ba gian, hai chái, cấu trúc hình chữ "*nhất*" (一), mỗi vì có 6 cột theo kiểu chồng rường. Cột cái có chu vi đến 2m. Các cột đều theo kiểu "*thượng thu, hạ thách*" (dưới to trên nhỏ). Mái đình thấp, nhưng góc đao vút cong.

Đình có sàn gỗ, chia thành ba lớp, để phân ngôi thứ, hàng giáp cho những ngày có việc làng.

Trang trí nghệ thuật trên gỗ phong phú, đề tài chủ yếu rồng, phượng: rồng chầu mặt nguyệt, rồng chụm đầu vờn hạt ngọc, rồng và người, rồng và hổ... Ngoài ra còn có các cảnh sinh hoạt của con người như cảnh uống nước, có người dắt voi ngựa đứng hầu, cảnh cống nạp gà cho quan, gảy đàn, hát múa...

Đình Tây Đằng

Thuộc làng Tây Đằng, huyện Ba Vì, thờ Tản Viên Sơn Thánh. Đình được xây vào nửa cuối thế kỷ XVI. Ngoài hai ngôi nhà tả mạc và hữu mạc ở hai bên sân, thì ngôi đình chỉ có một nếp, kiểu chữ "*nhất*" (一), không có hậu cung, không có tiền tế. Nhưng điều quý giá nhất của ngôi đình là nghệ thuật điêu khắc dân gian.

Đình 5 gian, 4 chái, các góc đầu đao đều cong vút có gắn long, ly, quy, phượng bằng đất nung màu gan trâu. Tất cả các xà, kèo, cốn đều có chạm khắc, chủ yếu là hình rồng, phượng, hoa lá. Rồng ở đây phần lớn hình vóc nhỏ, có mắt, râu thưa, khúc uốn không cong nhiều, rồng có thêm cặp sừng và tai giống loài thú 4 chân, mang phong cách rồng đời Trần. Chim phượng được chạm theo lối phượng múa, cánh xòe cả hai bên như hình trăng lưỡi liềm, đầu to, cổ mập, mỏ ngắn, đuôi cũng ngắn. Đây là loại hình

https://www.facebook.com/taybanganh/

điêu khắc đặc biệt ít có ở các đình khác. Nhưng có lẽ độc đáo nhất trong nghệ thuật điêu khắc trang trí ở đây chính là những bức chạm trên các bức cốn, các ván long... phản ánh sinh động nhiều mặt của cuộc sống lao động, vui chơi của người dân lao động như cảnh tiều phu đốn củi, vất vả như người mẹ gánh con trong thúng, hào hứng như người làm trò trồng cây chuối.

LỄ HỘI

Là một tỉnh có nhiều dân tộc anh em cư trú, Hà Tây có một kho tàng văn học dân gian và lễ hội truyền thống phong phú:

Hội chùa Hương

Đây là lễ hội kéo dài thời gian nhất ở nước ta, từ 15 tháng Giêng đến 15 tháng 3 âm lịch. Trong mỗi lần lễ hội, có hàng chục vạn người từ khắp nơi trong nước đổ về dự hội. Đến hội chùa để cầu phúc, cầu may, lại được thăm thú cảnh đẹp núi non hùng vĩ, sông suối nên thơ, hang động kỳ khu. Quả thật Hương Sơn là chốn bồng lai tiên cảnh.

Lễ hội chùa Thầy

Chùa thờ Phật Thích Ca, thờ thiền sư Từ Đạo Hạnh với ba kiếp sống của Thiền sư. Lễ hội chùa Thầy hằng năm diễn ra từ mồng 5 đến mồng 7 tháng 3 âm lịch. Trong những ngày diễn ra lễ hội còn có nhiều trò chơi, đặc biệt có màn múa rối nước.

Trẩy hội chùa Thầy, ngoài việc lễ Phật, khách hành hương còn được leo núi, thưởng ngoạn cảnh trí thiên nhiên của Hà Tây quê lụa. Đặc biệt du khách sẽ được chiêm ngưỡng ba pho tượng chuyển tiếp ba kiếp của thiền sư Từ Đạo Hạnh.

Hội chùa Tây Phương

Hội chùa hằng năm diễn ra vào mồng 6 tháng 3 âm lịch. Khách thập phương đến dự lễ hội vừa cầu kinh niệm Phật, cầu phúc, cầu yên vừa được tham quan cảnh chùa, một công trình

https://www.facebook.com/taybanganh/

kiến trúc nổi tiếng thời Hậu Lê và đặc biệt chiêm ngưỡng nghệ thuật điêu khắc gỗ các tượng Phật, nhất là 18 tượng La Hán.

Hội Đền Và

Thuộc xã Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, thờ thần Tản Viên. Lễ hội được tổ chức ba năm một lần vào ngày 15 tháng Giêng âm lịch. Mở đầu là lễ rước kiệu thánh Tản Viên từ Đông Cung lên đền thờ Thánh ở núi Ba Vì. Sau đó có tục lệ đánh cá, lấy nước sông Hồng tắm tượng Thánh ở đình.

Hội làng Nhị Khê

Hằng năm lễ hội làng Nhị Khê diễn ra vào ngày 15 tháng 10 âm lịch tại làng Nhị Khê, Thường Tín để tưởng nhớ ông tổ của nghề tiện, một nghề truyền thống của làng đã có từ lâu, là ông Doãn Văn Tài. Thợ tiện khắp nơi kéo về giỗ tổ rất đông. Phần hội có đánh cờ, hát chèo...

HÀ TĨNH

Hà Tĩnh cùng chung dải đất miền Trung nắng gió. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh trên 6.054km^2, dân số 1.358.500 người gồm các dân tộc Kinh, Chứt... Phía Đông là bờ biển dài 137km, Bắc giáp Nghệ An, Tây giáp nước bạn Lào, Nam giáp Quảng Bình qua dãy đèo Ngang. Hà Tĩnh có 2 thị xã: thị xã Hà Tĩnh vừa là tỉnh lỵ của tỉnh, thị xã Hồng Lĩnh và 8 huyện: Hương Sơn, Hương Khê, Đức Thọ, Nghi Xuân, Can Lộc, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh.

Hà Tĩnh địa hình đa dạng, chủ yếu là đồi núi, đồng bằng chỉ là một dải đất hẹp ven biển và chung quanh các trục đường quốc lộ. Núi rừng chiếm diện tích. Núi Hồng Lĩnh, 99 ngọn cao vút, một trong 21 danh sơn đất Việt, có hang động sâu thẳm, có "*ao Trời*", "*suối Ngọc*", "*bàu Tiên*", những rừng thông, rừng trúc đại ngàn xanh biếc, hàng chục chùa chiền, đền miếu cổ kính, đặc

https://www.facebook.com/taybanganh/

biệt chùa Hương Tích "*Hoan Châu đệ nhất danh lam*" và Đài Trang Vương 99 bậc.

Về phía Tây, dãy Thiên Nhẫn 999 ngọn chạy dọc theo sông Ngàn Phố như nghìn con ngựa phi. Đặc biệt khu rừng bảo tồn thiên nhiên Vũ Quang có tới 60 loài thú, 137 loài chim, 38 loài bò sát. Trong đó đáng chú ý là loài sao la vừa mới phát hiện, có tên khoa học là *Pseudoryx Nghetinhensis*.

Sông ngòi Hà Tĩnh khá dày đặc, là mạng lưới giao thông thuận lợi với hai con sông chính: Ngàn Phố và Ngàn Sâu từ Hương Sơn, Hương Khê chảy về ngã ba Tam Soa, hợp thành dòng sông La, rồi nhập vào sông Lam xuôi về cửa Hội.

Hà Tĩnh có nhiều bãi tắm đẹp như Thiên Cầm, Xuân Thành. Về phía Tây Hà Tĩnh có cửa khẩu Kẹo Nưa thông thương với nước bạn Lào, Thái Lan.

Hà Tĩnh thuộc vùng nắng nóng, nhiệt độ trung bình cả năm là 23,7^{0}C.

Hà Tĩnh không chỉ có nhiều danh lam, di tích thắng cảnh mà còn là quê hương của nhiều danh nhân: Đại thi hào Nguyễn Du, nhà thơ, nhà quân sự, nhà khai hoang "lấn đất lập ấp" Nguyễn Công Trứ, danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, nhà sử học nổi tiếng Phan Huy Chú...

THẮNG CẢNH

Đèo Ngang

Phía Bắc Đèo Ngang thuộc huyện Kỳ Anh, cách thị xã Hà Tĩnh 75km. Đèo Ngang, ngọn núi vắt qua dãy núi Ngang (Hoành Sơn), một chi của dãy Trường Sơn Bắc, mọc lấn ra tận biển Đông với điểm chót là Mũi Đao, Mũi Độc. Dãy Hoành Sơn chiếm một diện tích khoảng 1.500km^2, có ngọn Ba Cốc cao 823m, đèo Ngang chỉ cao 256m. Đèo Ngang là địa giới hành chính giữa hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình và cũng là địa giới khí hậu: Hà Tĩnh

https://www.facebook.com/taybanganh/

thuộc khí hậu khu vực phía Bắc, mùa đông có gió mùa Đông Bắc mạnh, còn mùa hè có gió Lào nóng dữ dội.

Vùng đèo Ngang có nhiều khe suối đẹp: Khe Đá, Bàn Thạch chảy về sườn núi phía Nam vào đất Quảng Bình. Cách nay 150 năm, Cao Bá Quát nhân qua đây, xuống khe tắm đã ngâm mấy câu thơ:

Sáng lên đứng Hoành Sơn,

Chiều xuống tắm Bàn Thạch.

Nhặt đá cầm trong tay,

Non sông chưa đầy vốc.

Dưới các triều đại Lý, Trần, Lê, đèo Ngang thường náo động bởi những cuộc hành quân Nam chinh của các vua quan Đại Việt. Đặc biệt vào tháng Giêng năm Ất Dậu, trong cuộc xâm lược lần thứ ba, 50 vạn quân Nguyên-Mông từ phía Nam tràn qua đèo Ngang đánh ra Nghệ Tĩnh đã bị quân dân nhà Trần đánh đuổi.

Trong hai cuộc nội chiến dưới triều Lê, đèo Ngang vẫn là nơi hiểm yếu, lúc quân Mạc hoặc quân Lê, lúc quân Nguyễn hoặc quân Trịnh chiếm giữ. Đặc biệt đợt thứ 5 cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn kéo dài 4 năm (1655-1658), đèo Ngang là nơi tranh chấp quyết liệt, có lúc trở thành chiến địa đẫm máu.

Đời Tây Sơn, ở đèo Ngang có một đội quân của Đô đốc Dương Văn Tào trấn giữ.

Năm Quý Tỵ, vua Minh Mạng cho xây cửa quan trên đỉnh đèo. Cổng cao 10 thước (4 mét), hai bên có tường trụ dài 75 thước (30 mét). Hiện chỉ còn lại cổng chính. Năm Mậu Tuất, Minh Mạng thứ 19 (1838) cho đúc 9 đỉnh đồng đặt ở Thế Miếu, kinh thành Huế, hình tượng Hoành Sơn - đèo Ngang được chọn khắc vào "Huyền đỉnh".

Trong quá khứ cho đến thời chống Mỹ cứu nước, đèo Ngang luôn luôn là "điểm nóng", là phòng tuyến, là chiến địa của nhân

https://www.facebook.com/taybanganh/

dân ta. Tuy vậy, trên hết Hoành Sơn - đèo Ngang vẫn là một danh thắng, thu hút du khách, là đề tài văn học cho những tao nhân mặc khách khi qua đây. Bà Huyện Thanh Quan khi qua đèo Ngang đã thổ lộ:

"Bước tới đèo Ngang bóng xế tà,

Cỏ cây chen đá lá chen hoa.

Lom khom dưới núi tiều vài chú,

Lác đác bên sông chợ mấy nhà..."

Hồ Kẻ Gỗ

Là một công trình đại thủy nông được khởi công xây dựng ngày 26-3-1976, hoàn thành vào ngày 26-3-1979 và trong tương lai sẽ trở thành khu du lịch hấp dẫn. Hồ nằm phía Tây huyện Cẩm Xuyên. Hồ có chiều dài 29km, chứa 345 triệu m^3 nước từ nhiều nguồn khe, suối đổ về. Chiều sâu của hồ khi nước dâng cao nhất là 37,5m, khi mực nước thấp nhất là 17,9m. Đập chính dài 1.100m, 3 đập phụ dài 3.600m. Tràn xả lũ lưu lượng 1.200m^3/giây. Một cống lấy nước lưu lượng 28m^3/giây, kết hợp phát điện ở hạ lưu. Ba tổ máy phát điện 2.100kw/h điện. Hồ Kẻ Gỗ có thể tưới cho 21.136ha.

Trước đây chưa có hồ Kẻ Gỗ, vào mùa mưa bão lớn, hầu hết hai huyện Cẩm Xuyên và Thạch Hà thường bị lũ quét trên diện rộng. Từ khi có hồ Kẻ Gỗ, tai nạn lũ quét chấm dứt.

Vùng sinh thái hồ Kẻ Gỗ còn khá nguyên sơ. Điểm nổi bật của hồ là có rừng bao quanh. Trong số 23.871 ha lưu vực hồ, có 11.811 ha rừng tự nhiên nguyên sinh, 261ha rừng trồng đã giao tán. Thảm thực vật khá phong phú, gồm trên 40 họ và 300 loài cây thân gỗ. Đây cũng là vùng sinh sống phát triển thuận lợi của nhiều loài động vật như voi, nai, lợn rừng, chim, rắn, rùa... Theo điều tra của các nhà khoa học, rừng Kẻ Gỗ có nhiều động vật quý: trĩ sao, vượn đen, voi, gà lôi hồng tía, đặc biệt giống gà lôi lam mào đen.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hồ Kẻ Gỗ mỗi năm thu hoạch khoảng 60 tấn cá, trong đó có con nặng tới 40kg.

Hồ Kẻ Gỗ khí hậu mát mẻ quanh năm, rất phù hợp cho du lịch nghỉ dưỡng, nghiên cứu khoa học và leo núi...

Núi Quỳnh Sơn

Còn gọi là Quỳnh Viên, là tên xưa nhất của núi Nam Giới. Lê Thánh Tông khi qua đây đã viết: "*Danh sơn do thuyết cổ Quỳnh Viên*" (ngọn núi nổi tiếng này xưa còn gọi là núi Quỳnh Viên).

Mặt trước dãy núi Nam Giới - Quỳnh Viên lấn ra tận bờ biển Đông, có đoạn sóng vỗ ầm ầm vào bờ đá, có đoạn là bãi cát đẹp làm nơi tắm biển khá thú vị. Ở mỏm cuối giáp đất Dương Luật (Thạch Hải) có ngôi miếu nhỏ thờ Thánh Mẫu.

Mặt sau, phía Tây sông Sót, theo triền sông tiếp giáp với ngọn Long Ngâm là ngọn Nam Sơn. Trên núi Nam Sơn có ngôi đền Thánh Mẫu, thường gọi đền Nam Sơn. Đền không lớn, nhưng cảnh quan vô cùng ngoạn mục. Cạnh ngọn Nam Sơn là ngọn Hỏa Hiệu, nơi khi xưa mỗi lần có giặc về đốt lửa báo hiệu. Trên núi có ngôi đền thờ cá Voi gọi là "Nhân Ngư Linh Ứng".

Quỳnh Sơn - Nam Giới, nơi có nhiều khe suối, đền miếu với cửa biển, lạch sông, với bến thuyền, chợ cá với truyền thuyết lịch sử về vua Lê Thánh Tông, về cuộc huyết chiến của chiến thuyền Trịnh - Nguyễn ở vùng Cửa Sót, và huyền thoại dân gian Chử Đồng Tử và Bà Chúa Liễu Hạnh... từ xa xưa đã có sức cuốn hút tao nhân mặc khách.

Khu bảo tồn thiên nhiên Vũ Quang

Thuộc phía Đông Hương Khê và phía Tây Hương Sơn. Phía Bắc có sông Ngàn Trươi chảy qua, phía Nam giáp tỉnh Khăm Muộn (Lào). Rừng Vũ Quang thuộc dãy Bắc Trường Sơn ở độ cao từ 200-2.000m. Độ cao trung bình 800m. Khu bảo tồn có ba hệ suối lớn chảy qua là: Khe Truồi, Khe Tre, Khe Mang Đằng, đổ vào sông Ngàn Sâu và sông Ngàn Phố.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vũ Quang nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ bình quân cả năm 23,5^{0}C. Chịu ảnh hưởng chế độ mưa của hai sườn Đông và Tây Trường Sơn, nên lượng mưa lên tới 2.300mm/năm. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 tới tháng 11. Khu bảo tồn có 99% diện tích là rừng tự nhiên. Trong đó 76% là rừng nguyên sinh, rộng khoảng 40.000ha với hai kiểu rừng chính: rừng á nhiệt đới phân bố ở độ cao 1.000m, rừng nhiệt đới ở dưới độ cao 1.000m. Đây là khu rừng nguyên sinh lớn nhất miền Bắc Việt Nam. Hệ thực vật phong phú, có trên 307 loài thực vật bậc cao. Đặc biệt có một số loài cây tiêu biểu cho hệ thực vật phía Nam cũng có trong khu bảo tồn này như cẩm lai, song bột... Trong đó có 10 loài thực vật quý hiếm cần được bảo vệ: trầm hương, cẩm lai, kiền kiền, pơmu, thông tre, song bột, gụ lau, ba kích, sến mật, sao hải nam. Có 103 loài cây cho gỗ, 52 loài cây cảnh, 26 loài ăn quả, 77 loài dược liệu.

Động vật có 60 loài, trong đó có 26 loài quý hiếm. Đáng chú ý nhất 3 loài thú đặc hữu: Chà vá chân nâu, voọc gáy trắng, vượn má vàng. Voi còn khoảng 3 đàn, chừng vài chục con, bò tót còn 4-5 đàn. Đặc biệt các nhà nghiên cứu đã phát hiện ra ở đây có loài sao la (dê sừng dài). Loài sơn dương này có trọng lượng bình quân 70kg, có con trên 100 kg. Theo kết quả điều tra, hiện chúng còn khoảng 100 con.

Vũ Quang còn là thế giới của các loài chim. Đã thống kê được 137 loài trong đó có những loài quý hiếm như trĩ sao, gà lam đuôi trắng... Có tới 38 loài bò sát, trong đó có 9 loài rùa vàng.

Rừng núi Vũ Quang không chỉ giàu động thực vật mà còn giàu về khoáng sản như quặng sắt, vàng, thạch anh, đá granít, thiếc...

Rừng núi Vũ Quang hiểm trở, "non rất cao mà núi rất xanh". Vì thế, cuối thế kỷ XIX, hưởng ứng chiếu Cần Vương, Phan Đình Phùng và Cao Thắng cùng nghĩa quân xây dựng căn cứ chống Pháp ở khu rừng Vũ Quang này và là nơi rèn đúc vũ khí cung cấp cho nghĩa quân đánh giặc.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Núi Hồng Lĩnh

Hồng Lĩnh có "99 ngọn" núi là con số ước lệ, chỉ một đại lượng không thể đếm. Thực ra Hồng Lĩnh có nhiều ngọn, nếu không hàng ngàn, cũng phải là hàng trăm có thừa, như ngọn núi Ông, ngọn Tháo Cờ là đỉnh cao nhất của dãy núi này cũng chỉ cao 676m. Ấy vậy mà Nguyễn Du đã viết: "*Hồng Sơn cao ngất mấy trùng*". Hồng Lĩnh có núi đá hoa cương, có nhiều khe suối, nước ngầm, lại có nhiều dải truông dài ngắn ngang dọc khác nhau. Dưới chân dãy Hồng Lĩnh là một hệ thống hồ. Có những hồ uốn lượn vòng vèo, kéo dài trên 8km như bàu Mỹ Dương.

Hồng Lĩnh là dãy núi đồng bằng ven biển, cây cối bị chặt phá. Tuy vậy, dễ có điều kiện phát triển cây cối, đặc biệt thích hợp là cây thông. Hiện có ba khu rừng thông, tuy đang non tơ, nhưng phát triển khá nhanh.

Trên dãy Hồng Lĩnh có khoảng trên 100 ngôi chùa và đền miếu. Trong đó, đáng chú ý nhất là chùa Hương Tích và động Trang Vương, hay chùa Chân Tiên, chùa Thiên Tượng...

Núi Hồng Lĩnh có bề dày văn hóa - lịch sử. Những di tích thắng cảnh của nó mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc và những nét sắc thái riêng của xứ Nghệ - Tĩnh.

La Giang - Tùng Lĩnh

La Giang chỉ có 15km chiều dài, nhưng hai chi lưu thượng nguồn Ngàn Sâu (121km) và Ngàn Phố (69km) hằng năm đổ qua đây 6.000 triệu m^3 nước.

Đây là vùng đất "địa linh nhân kiệt", sản sinh ra nhiều nghĩa sĩ, chí sĩ, anh hùng như: Nguyễn Biểu, Đinh Lễ, Đinh Liệt... trong kháng chiến chống quân Minh, Phan Đình Phùng, Lê Ninh trong phong trào Cần Vương, các ông Lê Văn Huân, Phạm Văn Ngôn, Trần Phú... trong phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược.

Đây còn là vùng đất chữ nghĩa, quê hương của ông Trạng Đào Tiêu, Khôi nguyên Đoàn Xuân Lôi (đời Trần), những ông nghè,

https://www.facebook.com/taybanganh/

ông cống... với những tên tuổi lẫy lừng: nhà văn Hoàng Trừng, nhà địa chí học Bùi Dương Lịch, nhà triết học Phan Bá Đạt, các nhà thơ: Mai Doãn Thường, Phan Trọng Mưu... Thời hiện đại có các nhà thơ, văn: Hoàng Ngọc Phách, nhà giáo Lê Thước, nhà toán học Lê Văn Thiêm, nhà sinh học Võ Quý...

Dọc đôi bờ sông La có nhiều đền miếu, chùa chiền, nhà thờ... có giá trị lịch sử và văn hóa. Nhiều đền miếu nổi tiếng đó thờ các nhân vật lịch sử kiệt xuất như đền Nghĩa vương Nguyễn Biểu, đền Trung Mục Vương Đinh Liệt...

Có thể nói, nếu La Giang là thắng cảnh bậc nhất đất Chi La - La Sơn, thì Tam Soa là điểm hội tụ vẻ đẹp trong vùng La - Việt (bởi người xưa gọi vùng đất này là Việt Yên).

Tùng Lĩnh, mảnh đất nằm bên bờ sông La, quê hương của Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

La Giang - Tùng Lĩnh xưa nay vẫn là đất văn chương nghĩa khí, là vùng thắng tích nổi tiếng của Hà Tĩnh.

Núi Thiên Cầm

Cách thị xã Hà Tĩnh khoảng 20km, núi không cao, nằm sát biển, tạo cho non nước Thiên Cầm phong cảnh hữu tình. Cách chân núi một bãi cát là chùa Yên Lạc được dựng vào thế kỷ XIII, nơi có bộ tranh "*Thập điện Diêm Vương*" nổi tiếng. Ngôi chùa đã được Nhà nước xếp hạng di tích.

Từ đầu thế kỷ XX, người Pháp đã chọn Thiên Cầm làm nơi nghỉ mát, đã cho xây dựng ở đây nhiều khu nghỉ mát khang trang hiện đại. Nhưng tất cả đã bị phá hủy trong chiến tranh. Ngày nay, ngành du lịch Hà Tĩnh đang từng bước xây dựng lại.

DI TÍCH

Chùa Chân Tiên

Nằm trên núi Tiên An, sát bờ biển thuộc xã Thịnh Lộc, huyện Can Lộc. Chùa được dựng vào đời Trần (thế kỷ XIII), thờ Phật tổ

https://www.facebook.com/taybanganh/

và Thánh Mẫu. Chùa có diện tích 50,2m^2, kiến trúc theo kiểu tứ trụ gồm ba gian, lợp ngói âm dương, có tường bao ba mặt. Mặt tiền có ba chữ Hán "Chân Tiên tự", 2 bên chùa có tượng quan văn, quan võ.

Chùa thờ Thánh Mẫu còn gọi là điện Thánh Mẫu, gồm thượng điện, Kiệu, Long Đình, bái đường có tổng diện tích 56m^2. Trước cửa Thượng điện có 4 chữ Hán: "*Thiên hạ mẫu nghi*" và hình con phượng đang bay lên. Giữa đỉnh nóc có hình mặt nguyệt. Bốn góc mái có hình rồng và hoa lá viền quanh. Trong điện trên mái có ba chữ Hán "*Thượng Thánh cung*".

Nhà bái đường trước cửa có ba chữ Hán "*Tạ Phúc đường*". Bốn cột nhà đều có treo câu đối ca ngợi công đức Thánh Mẫu. Trong chùa Chân Tiên có 14 tượng Phật bằng gỗ mít, một bàn thờ, một lư hương, một hương án, trống mõ...

Trên núi Tiên An, ngoài chùa Chân Tiên còn có nhiều hang động đẹp như Động Trúc, Động Mai, Động Thạch Thất...

Chùa Chân Tiên còn là một di tích lịch sử, cách mạng. Thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh từ 1655 đến 1666, Ninh quận công Trịnh Toàn đem quân vào đánh chúa Nguyễn đã lập căn cứ tại vùng đất này và lấy chùa Chân Tiên bố trí đội quân hỏa lực. Từ năm 1885-1896, Phan Đình Phùng từng chọn rừng thông ở chùa Chân Tiên làm nơi luyện tập binh pháp. Từ ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, chùa Chân Tiên trở thành nơi họp của chi bộ Đảng Yên Điền.

Chùa Hương Tích

Chùa Hương Tích nằm trên núi Hồng Lĩnh, thuộc xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, ở độ cao 650m so với mặt nước biển, được dựng vào đời Trần, có thể cùng thời với chùa Yên Tử ở Quảng Ninh, thế kỷ XIII. Chùa dựng theo truyền thuyết Phật giáo. Chuyện kể rằng: Đức Diệu Thiện (còn gọi là Chúa Ba), con gái Sở Trang Vương, vì ghét vua cha độc ác, nên sang đây tu hành

https://www.facebook.com/taybanganh/

từ 500 năm trước Công nguyên và hóa thân ở động Hương Tích. Từ động đá đó, nhân dân đã tôn tạo xây phụ thêm như một tháp sen nằm trên tảng đá lớn, thành am Quan Âm. Năm 1774, nhân chuyến lên thăm chùa, La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp ghi lại:

"Hương Tích ngôi chùa đời Trần

Dựng trên ngọn núi đẹp nhất ngàn Hống

Am cũ còn lưu lại đá trắng

Nền Trang Vương xưa chỉ những thông xanh".

Chùa gồm hai toà, toà trong và toà ngoài, am Thánh Mẫu, đền Thiên Vương, nền Trang Vương và nhà tăng...

Nền Trang Vương là một bức thành đá, bên thành có 99 cái nền, cái nào cũng đều ghép bằng đá được đẽo gọt trơn phẳng. Trước cửa thành có hai cây thông đứng đối xứng nhau. Dưới chân thành khoảng sáu bảy chục mét có am đá trắng, hai bên có vách đá dựng đứng, phía trên có tảng đá che phủ, đứng ngoài nhìn vào thấy như một hang động sâu. Trong am có tượng Quan Âm. Bên phải am có chùa Phật. Bên trái có đền thờ Đại Vương núi Hồng, còn gọi là Thiên Vương. Chùa Hương Tích còn gắn liền với truyền thuyết về Diệu Thiện, con gái của Sở Trang Vương. Vì vậy, hằng năm đến ngày 18 tháng 2 âm lịch, ngày Diệu Thiện hóa Phật là ngày hội chùa Hương Tích Hà Tĩnh.

Chùa Thiên Tượng

Dựng trên ngọn núi cùng tên, phía Tây dãy Ngàn Hồng thuộc làng Bân Xá, xã Trung Lương thị xã Hồng Lĩnh.

Chùa được dựng vào thời Trần. Ở thế kỷ XIV, khi đang làm Chuyển vận sứ Nghệ An, Phạm Sư Mạnh đã có lần đến thăm chùa Thiên Tượng (voi trời). Là một ngôi chùa nằm gần đường thiên lý Bắc Nam, nên thu hút đông khách thập phương. Nhiều tao nhân mặc khách, từ Nguyễn Huy oánh đời Lê, đến Nguyễn Công Trứ đời Nguyễn... đã từng đặt chân đến đây. Khi đến thăm

https://www.facebook.com/taybanganh/

chùa, Thám Hoa Nguyễn Huy oánh, cảm kích trước vẻ đẹp trang nghiêm của chùa, đã có thơ:

Trải xem thế giới khắp ba nghìn

Đòi một là đây chốn Tượng Thiên.

Năm Ất Dậu (1885) cũng như Hương Tích, chùa Thiên Tượng bị đốt cháy. Tổng đốc An Tĩnh Đào Tấn đã nhiều lần đến thăm chùa, đứng ra hô hào giúp đỡ tu sửa hai ngôi chùa lớn của Hồng Lĩnh là Thiên Tượng và Hương Tích vào năm Thành Thái 13 (1901).

Chùa Tượng Sơn

Chùa được xây từ thời Hậu Lê, đầu thế kỷ XVIII ở làng Yên Hạ, xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn. Vì sau chùa có núi Voi, nên chùa có tên Tượng Sơn (núi Voi). Cạnh núi Voi có ngọn suối (khe) đổ nước xuống thác ầm ầm, nên chùa còn có tên là chùa Ầm Ầm. Chùa do bà Bùi Thị Thưởng, thân mẫu Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác sáng lập và do hai anh em Lê Hữu Trác trực tiếp xây.

Từ ngày xây đến năm Mậu Thìn, Bảo Đại thứ 3 (1928) đã có 6 nhà sư kế tiếp nhau trụ trì chùa. Mỗi nhà sư đều có công tu bổ, tôn tạo chùa ngày càng khang trang. Trong đó hai nhà sư có nhiều công lao hơn cả là Thích Phổ Quang và Thích Quảng Vân.

Tháng 7-1835, Minh Mạng thứ 16 có mở khoa thi Tam giáo cho các nhà sư trong cả nước. Nhà sư Thích Phổ Quang đỗ thứ 7 trên 44 vị, được nhà vua chiêu đãi thụ yến tại chùa Thiên Mụ. Khi bái mạng ra về, vua lại ban cho một ngọn long đao, một đạo long điệp, 8 lạng bạc và tiền lộ phí về quê.

Chùa Tượng Sơn, ngôi chùa cổ, một di tích lịch sử, gắn liền với Đại danh y Lê Hữu Trác.

Hằng năm ngoài những ngày lễ nhà Phật, còn có những lễ hội như lễ Thượng Nguyên, lễ cầu yên cho nhân dân và con cháu họ Lê Hữu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đền Cả

Còn gọi đền Lớn hoặc Tam Toà Đại Vương ở xã Ích Hậu, huyện Can Lộc. Đây là khu vực Lý Nhật Quang, hoàng tử thứ 8 của vua Lý Thái Tổ, được cử giữ chức Tri Châu nhiều năm ở vùng Nghệ - Tĩnh. Ông có công tổ chức khai phá lưu vực sông Lam, sông La và ven núi Hồng Lĩnh. Từ năm Canh Ngọ (1030) đến năm Bính Tý (1036), Lý Nhật Quang cùng hai vương hầu Lý Đạo Thành, Lý Thái Giai hướng dẫn nhân dân vùng Tây Nam Hồng Lĩnh khai hoang lập ấp, trong đó có làng Kẻ Ngật. Đến đời Lê, nhân dân lập đền thờ trên nền đất mà ông đã đóng quân, gọi là "Tam Toà Đại vương". Về sau đền còn thờ hai vị tiếp tục công việc của ba vị họ Lý là Trần Quang Khải và Trần Khánh Dư.

Ba toà ngôi đền được xây vào những thời điểm khác nhau. Thượng điện do Tiến sĩ Nguyễn Đức Mậu người làng Ích Hậu, được vua Lê Thánh Tông giao cho xây dựng vào niên hiệu Hồng Đức năm thứ 6, tức là năm Giáp Ngọ (1475), lấy tên Điện Xuân Đài. Trung Điện do vua Lê Thế Tông giao cho Tiến sĩ Nguyễn Văn Giai, cũng người làng Ích Hậu, chỉ huy xây vào niên hiệu Quang Hưng năm thứ 6 (1583). Hạ Điện dựng năm Đinh Sửu (1877) dưới triều vua Tự Đức.

Kiến trúc đền Cả theo chữ "*tam*" (三). *Hạ Điện* có kích thước dài 11,9m, rộng 9,5m, gồm 5 gian, 2 hồi. Hai đầu xây tường bịt nóc, kiến trúc theo kiểu "*tiền bông, hậu bẫy*", gồm 6 cột cái, 8 cột quân. *Trung Điện* được xây trên diện tích 13m x 7m, gồm 3 gian, 4 mái. Mặt trước, bờ nóc nhà có hình lưỡng long chầu nguyệt, đắp nổi, ghép sành sứ, các góc mái có đầu đao. *Nhà cầu* nối Trung Điện với Thượng Điện. Mọi kiến trúc tôn giáo thời Hậu Lê đều có nhà cầu, vừa làm tăng vẻ bề thế, vừa đảm bảo sự kín đáo, thâm nghiêm của ngôi đền. Nhà cầu kiến trúc theo kiểu gác chuông, 2 tầng, 6 mái. *Thượng Điện* dựng trên mặt bằng 6,6m x 5,2m, kiến trúc theo kiểu *tam oai, tứ trụ*, gồm 16 cột, 3 gian, 4 vì kèo, 2 hồi xây tường bịt nóc.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đền Cả là di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật cổ có giá trị nhiều mặt. Đền được sửa chữa qua nhiều lần vào các năm 1961 và 1983.

Đền Củi

Còn gọi Linh Từ Thánh Mẫu, thờ Liễu Hạnh Công chúa. Đền tọa lạc ở lưng chừng núi, ngoảnh mặt về hướng Tây, nhìn ra sông Lam. Chung quanh có nhiều cây cối, cây ăn quả, sau lưng là dãy núi Ngũ Mã, thuộc xã Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân.

Theo sách "Vân Cát Thần Nữ và Bà Chúa Liễu" của Đoàn Thị Điểm, thì Liễu Hạnh là con gái ông Lê Thái, quê ở Thanh Hóa, thuộc dòng dõi vua Lê Thái Tổ, ngụ cư ở quê vợ làng An Thái, huyện Vụ Bản, Nam Định. Tiên chúa có công phù hộ triều đình nhà Lê, trừ xong giặc bà được triều đình phong tặng Chế Thắng Hoà Diệu Đại vương. Nhân dân khắp nơi tôn bà làm Thánh Mẫu và lập đền thờ, trong đó có đền Củi.

Đền Củi được xây trong khoảng niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786) thời Lê. Đến nay được trùng tu nhiều lần. Đền có ba toà: Thượng Điện, Trung Điện và Hạ Điện. Hạ Điện có diện tích 51,5m^2. Hạ Điện có hai cấp mái, cách nhau bởi bức tường dài 9m, rộng 0,6m. Trên tường có 4 chữ Hán: *Thánh Mẫu Linh Từ*. Trung Điện gồm ba gian, hai hồi, lợp ngói ép. Trong Trung Điện có 6 tượng bằng gỗ mít sơn son thếp vàng. Thượng Điện nhỏ và cao hơn hai toà Hạ và Trung Điện, nối với Trung Điện bằng bức tường gấp khúc.

Đền Củi sau này còn thờ cả Đức Thánh Trần Hưng Đạo.

Đền thờ Nguyễn Biểu

Thuộc xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ. Đền được dựng vào thời nhà Lê để tưởng nhớ công lao của Nguyễn Biểu. Nguyễn Biểu đỗ Thái học sinh cuối đời Trần, từng theo giúp vua Trùng Quang nhà Hậu Trần từ khi vua mới lên ngôi, tính thẳng thắn, dám nói thật, được phong chức Điện Tiền thị ngự sử. Ông là một nhà

https://www.facebook.com/taybanganh/

ngoại giao có tài, được vua Trùng Quang cử đi sứ vào năm 1413.

Mùa hạ, tháng 5 năm Quý Tỵ (1413), giặc Trương Phụ nhà Minh đánh vào Nghệ An, vua sai Nguyễn Biểu làm sứ cầu phong, mang sản vật đến cống. Bị Trương Phụ giữ lại, Biểu tức giận mắng rằng: "*Bên trong thì nghĩ kế đánh chiếm, bên ngoài lại rêu rao là quân nhân nghĩa. Ban đầu nói lập con cháu nhà Trần, nay lại đặt quận huyện. Không chỉ cướp bóc của cải, mà còn tàn hại dân sinh, thực là loài giặc tàn ngược.*" Phụ giận tím mặt, đem giết Biểu.

Vua Trùng Quang được tin Biểu chết, sai làm văn dụ tế. Ở đền Nguyễn Biểu hiện còn hai tấm bia đá. Một tấm bia ghi thân thế sự nghiệp và bài minh ca ngợi Nguyễn Biểu, đề ngày 2 tháng 5 năm Tự Đức thứ 28 (15-6-1875), do Cử nhân Hoàng Xuân Phong soạn. Tấm bia kia do dân hai thôn Nội Diên và Yên Phúc xã Yên Hồ dựng, đề ngày 8 tháng 10 năm Tự Đức thứ 30 (12-11-1877), do Cử nhân Lê Viết Huy nhuận sắc.

Đền có bái đường, thượng điện, cột nanh, tắc môn...

Khu lưu niệm Nguyễn Du

Nguyễn Du (1765-1820), là Đại thi hào Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới. Đền thờ Nguyễn Du được dựng vào năm 1825 tại quê hương ông, làng Tiên Điền, Nghi Xuân. Mang dòng họ "*trâm anh thế phiệt*" của xứ Nghệ, sinh ra ở Thăng Long, lại thêm dòng máu của mẹ là dân xứ Kinh Bắc, Nguyễn Du chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hóa của ba vùng: xứ Nghệ hùng vĩ, Thăng Long văn vật và Kinh Bắc thanh lịch. Nhưng cuối cùng Nguyễn Du đã phải sống trong cảnh bần bách, bệnh hoạn...

Toàn bộ khu lưu niệm Nguyễn Du và dòng họ Nguyễn Tiên Điền nằm rải rác trong vùng đất rộng chừng 20ha, từ bờ Nam sông Lam đến Đồng Cùng, cách Bến Thủy 7km về phía Đông. Đó là: khu lưu niệm, đền thờ Nguyễn Nghiễm (thân sinh Nguyễn Du), Nguyễn Trọng. Từ đây đi về hướng Đông khoảng 1km, tới

https://www.facebook.com/taybanganh/

phần mộ Đại thi hào Nguyễn Du được táng tại xứ Đồng Cùng gồm: bàn thờ, phần mộ và vườn cây. Riêng khu lưu niệm rộng 2ha. Từ cổng chính vào, qua bệ đá khắc hai chữ "*hạ mã*" (xuống ngựa), đến nhà khách, nhà Tư văn 2, nhà Tư văn 1, bia tưởng niệm Nguyễn Quỳnh, nhà thờ Nguyễn Du, nhà Bảo tàng Nguyễn Du. Nhà Bảo tàng còn lưu giữ một số hiện vật quý: nghiên mực, đĩa mai hạc Nguyễn Du được tặng trong thời gian đi sứ, la bàn đi săn, nậm rượu và chén rượu, hòm sắc của Nguyễn Nghiễm.

Nhà lưu niệm Trần Phú

Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà lưu niệm ông được xây dựng tại vị trí nhà thờ chi họ Trần gồm ba gian lợp ngói vảy, tường bao bằng đá ong, nằm trong một khuôn viên rộng 2ha, gồm hai khu vực: nhà trưng bày và khu nhà thờ. Nhà trưng bày có diện tích 90m^2, trưng bày trên 200 hiện vật và tài liệu giới thiệu về thời niên thiếu và cuộc đời hoạt động cách mạng của Trần Phú. Đặc biệt có một số tài liệu gốc về thời kỳ Trần Phú học ở Trường Đại học Phương Đông, tham gia Quốc tế Cộng sản và hoạt động ở Trung Quốc cùng một số hiện vật trong thời gian đồng chí viết Luận cương Chính trị như gối, ấm chén uống nước, bộ quần áo...

Nhà thờ ở về phía Tây nhà trưng bày có các đồ tế tự, hoành phi cửa võng, đặc biệt có bài vị họ Trần. Khu lưu niệm nằm trong một công viên có nhiều cây xanh, đáng chú ý có một số cây do các đồng chí Trường Chinh trồng năm 1976, cây phượng do đồng chí Võ Chí Công trồng năm 1990.

Ngã ba Đồng Lộc

Là giao điểm của hai tỉnh lộ số 5 và 15, thuộc xã Đồng Lộc, huyện Can Lộc. Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, Ngã ba Đồng Lộc là trọng điểm đánh phá ác liệt của máy bay Mỹ. Trong 8 năm (1964-1972), Mỹ đã ném xuống ngã ba này 42.900 quả bom phá, 2000 quả bom từ trường, 96 quả bom bi mẹ, 94 quả rốc két. Chỉ trên một đoạn đường chưa

https://www.facebook.com/taybanganh/

đầy 20km đã phải hứng chịu 2.057 trận bom.

Để đảm bảo giao thông thông suốt, ta đã điều đến đây nhiều đơn vị như Đại đội 2, chủ lực của phong trào giao thông huyện, các đơn vị C551, C552 thuộc Tổng đội 55-P18, Thanh niên xung phong Hà Tĩnh, đội cơ giới C100, cùng nhiều đơn vị phá bom nổ chậm, bom từ trường. Tại đây có sự đóng góp lớn lao của nhân dân Đồng Lộc, cùng với bộ đội bắn rơi 7 máy bay Mỹ. Trong đó có những tấm gương tiêu biểu như: Anh hùng La Thị Tám 19 tuổi, thuộc đơn vị C2 huyện, suốt 70 ngày đêm đứng trên đài quan sát trực chiến, Anh hùng Nguyễn Trí An, đại đội trưởng C552, một mình phá 54 quả bom từ trường, bom nổ chậm...

Vào lúc 16 giờ ngày 24-7-1968, trong giờ cao điểm đánh phá của giặc Mỹ, 10 cô gái thuộc C552 đã xung phong ra vùng ngã ba dựng và đắp lại hầm chữ A. Trong lúc đang mải mê làm việc, máy bay Mỹ đã ném xuống đây 60 quả bom tấn. Toàn bộ 10 cô gái đã hy sinh khi tuổi đời của họ chỉ mới vừa mười tám, đôi mươi.

Ngày nay, tại ngã ba có một biểu tượng cao 19,5m có phù điêu ba mặt hình vành tay lái ô tô giữa bông lúa và vòng hoa chiến thắng, khẩu súng trường và chiếc cuốc chim. Mặt còn lại ghi chiến tích lịch sử quân và dân ta trong cuộc chiến đấu chống giặc Mỹ. Cách đấy không xa là khu mộ 10 cô gái anh hùng của ngã ba Đồng Lộc. Mỗi ngôi mộ đều ghi rõ họ tên, năm sinh, quê quán, ngày mất...

LỄ HỘI

Dân số Hà Tĩnh chủ yếu là người Việt, nên Hà Tĩnh mang đậm nét văn hóa, phong tục, tập quán lễ hội của dân tộc Việt. Truyền thống văn hóa đó được thể hiện qua hàng chục lễ hội truyền thống được tổ chức hằng năm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ chùa Hương Tích

Chùa Hương Tích thuộc xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc. Chùa thờ Phật và thờ cả công chúa Sở Trang Vương. Hằng năm vào ngày 19-2 âm lịch nhân dân khắp nơi đổ về đây cúng Phật, cầu yên, tham quan cảnh đẹp của chùa. Đây là một lễ hội trang nghiêm và vào loại lớn nhất của Hà Tĩnh.

Hội đua thuyền

Hằng năm vào mồng 4 Tết Nguyên Đán, nhân dân thị xã Hồng Lĩnh tổ chức hội đua thuyền. Đây là lễ hội có quy mô lớn của nhân dân Hà Tĩnh. Hội đua thuyền còn được tổ chức ở một số nơi nữa như Cửa Nhượng, huyện Cẩm Xuyên.

Hội đua thuyền được tổ chức nhằm chọn lựa những tay đua tài giỏi, và rèn luyện sức khỏe cho người dân vùng sông nước, bão lụt, đồng thời cũng là truyền thống của nhân dân địa phương để cầu yên cho xóm làng.

Lễ Hạ Thủy

Cứ sau Tết Nguyên Đán, nhân dân Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên tổ chức lễ Hạ Thủy tại bãi biển của xã, nhằm cầu Thần Biển giúp cho ngư dân thuận buồm xuôi gió, và phù hộ cho vụ đánh bắt được nhiều tôm cá.

Lễ hội Chiêu Trưng

Được tổ chức ở đền Chiêu Trưng, xã Thạch Kim, huyện Thạch Hà. Hằng năm nhân dân xã Thạch Kim tổ chức lễ hội vào ngày 3 đến 5 tháng 5 âm lịch. Trong ngày lễ nhân dân đến dâng hương và lễ vật để tưởng niệm ngày mất của Chiêu Trưng Đại Vương Lê Khôi, thụy là Võ Mục, con ông Lê Trừ, anh thứ hai của Lê Lợi, tham gia nghĩa quân Lam Sơn, ngay từ ngày đầu đến khi giải phóng hoàn toàn đất nước. Ông là người lập nhiều chiến tích, cùng tướng Lê Sát, Lê Phấn bắt sống tướng nhà Minh là Chu Kiệt, giết chết tướng Hoàng Thanh...

Lễ hội Chiêu Trưng nhằm tưởng nhớ công lao của vị anh hùng Lê Khôi.

https://www.facebook.com/taybanganh/

HẢI DƯƠNG

Hải Dương nằm ở trung tâm châu thổ sông Hồng, Bắc giáp Bắc Ninh, Bắc Giang, Đông giáp Hải Phòng, Quảng Ninh, Tây giáp Hưng Yên và Nam giáp Thái Bình. Diện tích tự nhiên 1.648km^2, dân số trên 1.700.000 người, gồm các dân tộc Kinh, Hoa, Sán Dìu, Tày... Hải Dương có thành phố Hải Dương và 11 huyện: Chí Linh, Nam Sách, Thanh Hà, Thanh Miện, Kinh Môn, Kim Thành, Gia Lộc, Tứ Kỳ, Cẩm Giàng, Bình Giang, Ninh Giang. Hải Dương nằm trong khu vực tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Hải Dương thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có hai mùa rõ rệt. Mùa nóng từ tháng 4 đến tháng 10, mùa lạnh từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Địa hình khá bằng phẳng, là vùng đồng bằng, một trong những vựa lúa của đồng bằng Bắc Bộ, đất đai màu mỡ, phì nhiêu.

Giao thông thủy, bộ, đường sắt rất thuận lợi, lại gần Thủ đô Hà Nội, cách Hà Nội chỉ trên 50km.

Hải Dương là một tỉnh có tiềm năng du lịch dồi dào, là một trong những cái nôi của nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc đã để lại cho vùng đất này một di sản vô giá với hàng trăm di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc với những danh thắng Côn Sơn, Kiếp Bạc, Lục Đầu Giang, Bến Bình Than, Khu tưởng niệm Chu Văn An, Khu tưởng niệm Đại danh y Tuệ Tĩnh...

Hải Dương còn là nơi sản sinh ra những đặc sản nổi tiếng trong cả nước từ nhiều thế kỷ nay với bánh đậu xanh rồng vàng, bánh gai Ninh Giang, các loại sành sứ...

DANH THẮNG

Một vùng non xanh nước biếc

Là vùng đất có tiềm năng du lịch hấp dẫn, non xanh nước biếc, phong cảnh hữu tình. Thiên nhiên đã ban tặng cho Hải

https://www.facebook.com/taybanganh/

Dương nhiều núi non xanh thẳm, thác cao, sông dài... Những điều kiện tự nhiên đó đã tạo cho vùng đất này bốn mùa hoa thơm quả ngọt. Bên này sông là núi An Phụ sừng sững một kỳ tích thiên nhiên. Bên kia là núi Phượng Hoàng ẩn chứa bao huyền thoại làm say đắm bao thế hệ con cháu.

Hải Dương có sông Thái Bình, sông Lục Đầu chảy qua, suối Côn Sơn quanh năm róc rách, có động Kính Chủ kỳ thú, có hồ xanh, suối mát. Thiên nhiên kỳ thú của vùng đất này là nguồn cảm hứng thi ca của nhiều thi nhân kim cổ. Vì vậy ta không lấy làm lạ lúc sinh thời người anh hùng dân tộc, nhà văn hóa, danh nhân thế giới Nguyễn Trãi đã chọn Côn Sơn, Hải Dương làm nơi ẩn dật. Nếu Hải Dương tự hào có Hội nghị Bình Than tỏ rõ quyết tâm đánh giặc Nguyên - Mông của quân dân nhà Trần, thì cũng đau thương rơi lệ cho một Lệ Chi Viên, một nỗi đau "*tru di tam tộc*".

Côn Sơn

Cách Hà Nội khoảng 80km, Côn Sơn là một danh thắng nằm ở huyện Chí Linh, vùng "*địa linh nhân kiệt*" với nhiều tên tuổi gắn liền với vận mệnh quốc gia, lịch sử, văn hóa và tôn giáo như: Đại tư đồ Trần Nguyên Đán; Hưng Đạo Vương, danh tướng lừng lẫy thời Trần ba lần chiến thắng quân Nguyên-Mông; Nguyễn Trãi, nhà quân sự thiên tài, nhà chính trị lỗi lạc, nhà ngoại giao tài giỏi, danh nhân văn hóa thế giới.

Đến Côn Sơn, du khách không chỉ được hoà mình vào lễ hội đặc sắc, tưởng nhớ vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi mà còn được ngắm nhìn non nước Côn Sơn mỹ lệ, thực ảo đan xen. Côn Sơn có gió ngàn thông reo, có núi hình kỳ lân phủ phục, thấp thoáng tháp Huyền Quang trầm mặc, xa xa là dòng sông Phả Lại mênh mông. Vào thế kỷ XIV, trong chuyến thăm Côn Sơn, cảm xúc trước thiên nhiên núi non hùng vĩ, vua Trần Nghệ Tông đã ban tặng Côn Sơn ba chữ "*Thanh hư động*" (nơi thanh vắng như chốn bồng lai).

https://www.facebook.com/taybanganh/

"*Thanh hư động*", nơi *sơn thủy hữu tình*, nên chi vị khai quốc công thần Nguyễn Trãi đã chọn làm chốn an dưỡng tuổi già. Nhưng oan nghiệt thay, cũng chính chốn này đã chứng kiến bản án oan nghiệt "*Lệ Chi Viên*" của triều đình phong kiến nhà Lê, đối với bậc đại nhân đại nghĩa.

Côn Sơn còn có thôn Chi Ngãi bình yên, quê hương yêu dấu của Nguyễn Trãi.

Khu di tích, thắng cảnh Côn Sơn, đang được tôn tạo trở thành một điểm tham quan, du lịch nổi tiếng của đất nước. Nơi đây có đền thờ và nhà lưu niệm Nguyễn Trãi. Lúc sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lần đến thăm, chăm chú đọc bia Nguyễn Trãi.

Núi Phượng Hoàng

Thuộc xã Văn An, huyện Chí Linh. Phong cảnh nơi đây trữ tình, đầy ngoạn mục, bởi rừng thông xanh, phấn thông vàng, rì rào trong gió mát, suối nước róc rách chảy suốt ngày đêm, nghe như tiếng đàn thổ lộ nỗi ai oán của hàng trăm năm có lẻ. Xa xa là 72 ngọn núi nhấp nhô, ẩn hiện trong lớp mây bàng bạc vắt qua bầu trời. Phượng Hoàng, một danh thắng rất đáng tự hào, bởi nơi đây nhà giáo Chu Văn An đã yên nghỉ ngàn thu, có đền thờ, người dám tâu xin vua "*trảm thất*", người thầy tiêu biểu cho tài cao đức trọng. Trên núi Phượng Hoàng còn có chùa Huyền Thiên, cung Tử Cục, điện Liên Quang, am Lệ Kỳ, Giếng Soi...

Bến Bình Than

Là một bến sông Lục Đầu Giang, xã Trần Xá, huyện Chí Linh. Bến Bình Than, một di tích lịch sử nổi tiếng, nơi diễn ra sự kiện quan trọng có liên quan đến vận mệnh dân tộc: Đó là vào năm 1282, trước nguy cơ nước nhà bị đế quốc Nguyên-Mông xâm lăng, vua Trần Nhân Tông thân hành ngự giá ra bến Bình Than để họp mặt các vương hầu, khanh tướng, bá quan văn võ trong triều trên một chiến thuyền, bàn cách đánh giặc, bảo vệ Tổ quốc, gọi là Hội nghị Bình Than lừng danh trong lịch sử. Cũng

https://www.facebook.com/taybanganh/

tại đây, đã lưu truyền câu chuyện về Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản, mới 15 tuổi nên không được tham dự Hội nghị bàn việc đánh giặc cứu nước. Hoài Văn Hầu quá uất ức đã bóp nát quả cam cầm trong tay vua vừa ban.

Nam Thiên Đệ lục động

Động Kính Chủ nằm trong dãy núi đá vôi Dương Nham thuộc huyện Kinh Môn, là một hang động kỳ vĩ mà thiên nhiên đã ban tặng cho vùng đất này. Động Kính Chủ gồm ba động: Động chính là động Kính Chủ, động Thăng Thiên và động Voi.

Động Thăng Thiên, lòng động rộng khoảng 300m, có cấu tạo hình xoắn trôn ốc. Từ dưới lòng động, nơi có hồ nước nhỏ, du khách có thể nhìn thấy bầu trời qua đỉnh trôn ốc.

Động Voi ở về phía Đông động Thăng Thiên. Trong động Voi có khối đá tựa hình một chú voi khổng lồ. Phía trước là một hồ nhỏ nước đầy quanh năm.

Động chính là động rộng nhất và sâu nhất. Từ động chính, du khách có thể đi trong lòng động để sang dãy núi bên kia. Lên đến lưng chừng núi là động Bảy nàng Tiên, hồ Tình Yêu, gắn liền với nhiều truyền thuyết.

Động Kính Chủ được coi là một trong những hang động đẹp nổi tiếng ở nước Nam mà người xưa gọi: "*Nam Thiên Đệ Lục Động*". Trong động có chùa Kính Chủ, thờ Phật, Minh Không Thiền sư, Lý Nhân Tông, Huyền Quang và nhiều tượng Phật trong Kinh Phật tạc bằng đá. Trên vách đá của động có hơn 40 văn bia, ghi lại tình cảm của các bậc tiền nhân, trong đó có cả vua, chúa, quan lại và các danh nhân trong suốt 7 thế kỷ đến thăm động.

Đảo Cò

Đảo Cò nằm giữa một hồ nước mênh mông thuộc xã Chi Lăng vùng phía Nam huyện Thanh Miện. Trên đảo nhỏ này có hàng vạn cánh cò, từ các đồng đất về đây trú ngụ. Cò ở đây có nhiều

https://www.facebook.com/taybanganh/

loại: cò lửa, cò trắng, cò hương, cò ruồi... Ngoài ra còn có nhiều loài chim quý hiếm khác như: hạc, bồ nông, mòng két, le le...

Mỗi khi hoàng hôn buông xuống, từng đàn cò bay trắng cả một vùng trời với những âm thanh oang oác làm náo động không gian làng quê. Đó là không khí sau một ngày bay đi kiếm ăn những chú cò trở về tổ trú ngụ và mớm cho con. Và khi mặt trời hửng sáng, hàng vạn cánh cò lại bay vút lên giữa trời xanh báo hiệu một ngày mới bắt đầu.

DI TÍCH

Đền thờ Nguyễn Trãi

Tọa lạc trong khu di tích Côn Sơn rộng khoảng 10.000m^2, nằm dưới chân dãy Ngũ Nhạc, liền với núi Kỳ Lân. Đền chia làm nhiều cấp, càng tạo thêm vẻ thâm u. Phía trước là hồ nước mênh mông, giao điểm của hai ngọn núi Phượng Hoàng và Chúc Thôn. Xa xa là ngọn An Lạc, An Phụ trùng điệp, bên cạnh là suối Côn Sơn, róc rách, nỉ non như tiếng đàn xưa vọng lại.

Con đường lát gạch vào đền dẫn du khách qua chiếc cầu đá lên tam quan nội. Tiếp đến là sân, hai bên là tả vu, hữu vu, sừng sững đôi rồng chầu. Trong đền có các đại tự: *Tâm quang khuê tảo*, *Duy nhạc giáng thần* và câu đối ngợi ca công đức lớn lao của Nguyễn Trãi, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.

Trong đền thờ pho tượng Nguyễn Trãi đúc bằng đồng lấy mẫu từ bức họa trong nhà thờ họ Nguyễn ở Nhị Khê (Thường Tín, Hà Tây), cao 1,4m nặng 600kg.

Đền Kiếp Bạc

Tọa lạc ở xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh, cách Hà Nội khoảng 80km, cách Côn Sơn chừng 10km. Kiếp Bạc là tên ghép của hai làng Vạn Yên (xưa có tên là làng Kiếp) và Dược Sơn (tên xưa là làng Bạc). Đền nằm trong một thung lũng phì nhiêu, trù phú, chung quanh có núi Rồng bao bọc, tạo cho Kiếp Bạc một vẻ đẹp thơ mộng lại vừa kín đáo, thâm u.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vào thế kỷ XIII, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, Tổng chỉ huy quân đội trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên-Mông xâm lược đã chọn nơi đây đóng quân và làm phủ đệ.

Đền thờ Hưng Đạo Vương ở Kiếp Bạc được dựng vào thế kỷ XIV trên một khu đất rộng. Trong đền hiện còn 7 tượng đồng gồm: tượng Trần Hưng Đạo, phu nhân, hai con gái, tướng quân Phạm Ngũ Lão, Nam Tào, Bắc Đẩu, và 4 bài vị thờ 4 người con trai của Hưng Đạo Vương.

Hằng năm hội đền Kiếp Bạc được tổ chức vào ngày mất của Trần Hưng Đạo, ngày 20-8 âm lịch.

Chùa Kính Chủ

Nằm trong động Kính Chủ, thuộc xã An Sinh, huyện Kinh Môn. Chùa được dựng từ thế kỷ XII vào đời Lý và được trùng tu nhiều lần. Chùa Kính Chủ thờ Phật, Thiền sư Minh Không, Lý Thần Tông, Huyền Quang và nhiều tượng Phật trong Kinh Phật được tạc bằng đá.

Chùa Giám

Thuộc thôn An Trang, xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Giàng. Chùa được dựng từ thời Hậu Lê, thế kỷ XVII. Trước đây chùa nằm ngoài đê sông Thái Bình, nhưng do bị lở đất năm 1971, chùa được đưa vào dựng ở địa điểm ngày nay. Lúc sinh thời, danh y Tuệ Tĩnh từng sống, học tập và nghiên cứu Đông y trong nhiều năm ở ngôi chùa này. Đặc biệt chùa có toà *Cửu phẩm liên hoa* bằng gỗ rất đồ sộ, nghệ thuật điêu khắc tinh tế.

Chùa có toà tháp, tiền đường, thượng điện, có toà cửu phẩm liên hoa và nhà tổ. Trong thượng điện có tượng Ca Diếp, tượng Di Đà, tượng Thích Ca, Cửu Long và tượng Quan Âm, Chuẩn Đề. Ở nhà tổ có tượng Đức Thánh Mẫu cao 1,65m và tượng Cậu cao 0,70m

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Đông Ngọ

Chùa do nhà sư Khuông Việt khởi dựng vào năm 971, đến nay trên 1000 năm tuổi.

Chùa Đông Ngọ là một trong những chùa cổ nhất ở tỉnh Hải Dương thuộc huyện Thanh Miện. Hiện chùa còn lưu giữ nhiều di vật quý trong đó có 48 pho tượng Phật, thờ Mẫu, thờ quan Ông. Đặc biệt, toà Cửu phẩm Liên Hoa là tác phẩm điêu khắc gỗ độc đáo của thế kỷ XVII.

Đền thờ Đại danh y Tuệ Tĩnh

Tọa lạc tại trang Nghĩa Lư, quê hương của danh y Tuệ Tĩnh. Tổng thể kiến trúc ngôi đền đến nay vẫn còn nguyên vẹn. Hiện đền còn lưu giữ khoảng 50 cổ vật quý: chuông đồng, sắc phong của nhiều triều đại.

Hằng năm vào rằm tháng Giêng, dân làng mở hội để tưởng nhớ công đức của Đại danh Y.

Đền Cao

Tọa lạc trên núi Thiên Bồng, giữa khu rừng lim già 1000 năm tuổi, thuộc xã An Lạc, huyện Chí Linh, cách Hà Nội 80km. Đền thờ Vương Minh Đức - Thiên Bồng Đại tướng quân Đại vương, kiến trúc theo kiểu chữ "*đinh*" (丁). Leo khoảng 100 bậc gạch rêu phong, du khách sẽ được chiêm ngưỡng 99 con voi đá gắn liền với nhiều huyền thoại. Chính diện có bức đại tự viết theo lối thảo gồm 4 chữ: "*Thánh Thọ Vô Cương*", bên tả "*Cao Sơn Ngưỡng Tử*", bên hữu "*Cao Cao Tại Thượng*".

Đình Vạn Niên

Một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu của thế kỷ XVII, XVIII, được dựng ở huyện Nam Sách. Đình thờ danh nhân Nguyễn Quý Minh. Hằng năm vào ngày 12 tháng Giêng âm lịch, nhân dân trong vùng tổ chức lễ hội để tưởng nhớ công ơn của những người có công với nước với dân.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đình Mộ Trạch

Còn có tên đình làng Trăm Phượng hay đình làng Tám, thuộc xã Tân Hồng, huyện Cẩm Bình, cách thành phố Hải Dương 20 km về phía Tây Bắc. Xưa đình được dựng ở thôn Tây Trù, khoảng giữa thế kỷ XVII dời về địa điểm hiện nay. Kiến trúc đình theo kiểu chữ "*đinh*" (丁), mặt quay về hướng Đông.

Đình Mộ Trạch có 3 lớp: đình ngoài, đình trong và hậu cung. Đình ngoài, nằm phía bên ngoài, mái lợp ngói, bờ nóc gắn hai hàng gạch, hai đầu bờ mái gắn hình dây cuốn. Phía trong của đình ngoài là đình trong và cửa đóng kín, nối liền với hậu cung theo kiểu kiến trúc hình chuôi vồ. Hậu cung có mái chồng diêm, bờ nóc đắp tượng nổi hình lưỡng long chầu nguyệt. Bốn đầu nóc mái cong vút. Hai bên hậu cung là hai nhà giải vũ hình thước thợ. Tất cả kèo, cột, xà, cốn, ván bưng... đều được chạm khắc hình rồng phượng.

Gian giữa, đình ngoài treo bức hoành phi "*Thánh Thọ vạn niên*". Hai gian kề bên, xây sàn theo bậc cao thấp khác nhau, để họp làng, khi ngồi phân biệt ngôi thứ trong làng. Đình Mộ Trạch thờ Thành hoàng làng là Vũ Hồn, ông tổ của họ Vũ.

Hằng năm vào ngày 8 tháng Giêng âm lịch, dân làng tổ chức đám rước Thành hoàng từ miếu ra ngoài đồng rồi về đình làng tế lễ. Sau lễ dân làng tổ chức vui chơi văn nghệ, hát chèo... Sau đó là lễ rước Thành hoàng về miếu.

LỄ HỘI

Hải Dương là một trong những cái nôi văn hóa lâu đời của dân tộc, nơi có những danh nhân nổi tiếng như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, các anh hùng dân tộc như Mạc Đĩnh Chi, Phạm Sư Mạnh, nơi sinh ra Đại danh y Tuệ Tĩnh...

Hải Dương còn là vùng đất có nhiều lễ hội truyền thống:

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ hội Côn Sơn

Đền Côn Sơn thuộc huyện Chí Linh, thờ Huyền Quang (Lý Đạo Tái), một trong ba vị sáng lập Thiền phái Trúc Lâm, và Nguyễn Trãi, nhà văn, nhà quân sự, chính trị, ngoại giao đại tài, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Lễ hội mở vào ngày 18 đến 23 tháng Giêng âm lịch hằng năm, nhằm tưởng nhớ công lao to lớn của Nguyễn Trãi và vị tổ thứ ba Thiền phái Trúc Lâm.

Hội đền Kiếp Bạc

Đền Kiếp Bạc thờ Trần Hưng Đạo, vị tướng kiệt xuất tài đức song toàn đời Trần thế kỷ XIII. Hằng năm, vào ngày 18 đến 20 tháng Tám âm lịch, nhân dân tổ chức lễ hội tại đền Kiếp Bạc, xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh để tưởng nhớ công lao của Hưng Đạo Đại Vương. Lễ hội diễn ra hết sức ngoạn mục, gồm lễ rước, diễn thủy binh trên sông Lục Đầu, tái hiện lại những trận đánh của Hưng Đạo Vương.

Lễ hội đền Cao

Hằng năm, lễ hội đền Cao diễn ra từ ngày 22 đến 24 tháng Giêng âm lịch. Ngày 22 rước Thánh ở đền Cả. Sáng 23 lễ hội bắt đầu rước kiệu, đi đầu là đội cồng và kỳ lân, tiếp theo là 6 kiệu và kiệu Thành hoàng làng. Đám rước đi từ đền Cả qua đền Bến Cả, đến Bến Tràng rồi về đền Cao. Sau lễ dâng hương kiệu được đặt an vị tại đền Cao. Ngày cuối lễ hội rước kiệu đưa về đền Cả.

Hội đền Yết Kiêu

Vị danh tướng của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Yết Kiêu nổi tiếng về câu chuyện đục thủng thuyền giặc. Hằng năm, hội đền Yết Kiêu được tổ chức vào mồng 8 tháng Hai âm lịch tại đền thờ Yết Kiêu, làng Hạ Bì, quê hương của ông, để tưởng nhớ công lao của vị tướng kiệt xuất trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông ở thế kỷ XIII. Sau phần nghi lễ, dâng hương, còn có phần hội tổ chức vui chơi, đánh cờ, bơi lội...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hội đền Quan lớn Tuần Tranh

Theo truyền thuyết đền Quan lớn Tuần Tranh thờ thần Sông Nước. Hằng năm, lễ hội đền Quan lớn Tuần Tranh diễn ra vào ngày 25 tháng Hai âm lịch gần bến đò Tranh, huyện Ninh Giang để cúng thần Sông, cầu mong bình yên cho thuyền bè đi lại trên sông nước. Ngoài nghi thức lễ bái cổ truyền, lễ hội còn có lên đồng, hầu bóng, hát chầu văn.

HẢI PHÒNG

Thành phố biển, đô thị loại I cấp quốc gia, là một trong những trung tâm du lịch lớn của Việt Nam, nằm trên bờ biển Đông - Thái Bình Dương. Diện tích tự nhiên 1.503km^2, dân số 1,7 triệu người, phân bố tại trung tâm thành phố, thị xã Đồ Sơn và 8 huyện: Thủy Nguyên, An Hải, An Lão, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Cát Bà và Bạch Long Vĩ. Phía Bắc giáp Quảng Ninh, Đông giáp biển Đông, Tây giáp Hải Dương, Nam giáp Thái Bình, cách Hà Nội 102km. Hải Phòng, một trọng điểm của tam giác kinh tế Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh.

Hải Phòng thuộc khu vực nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình cả năm khoảng 23-24^{0}C. Lượng mưa trung bình hằng năm khoảng từ 1.600-1.800mm.

Với di chỉ Cái Bèo (Cát Bà) mà các nhà khảo cổ học phát hiện được, chứng tỏ cách đây 6.000 năm ở Hải Phòng đã có con người sinh sống.

Nằm trong tuyến du lịch Hà Nội-Hải Phòng-Vịnh Hạ Long, Hải Phòng lại có khu nghỉ mát nổi tiếng Đồ Sơn, với những bãi biển thoai thoải chạy dài uốn lượn theo bán đảo Đồ Sơn vươn mình ra biển Đông hơn 5km.

Từ Đồ Sơn, hoặc ngay thành phố, du khách có thể đi tàu cao tốc hoặc tàu cánh ngầm thăm đảo và rừng nguyên sinh Cát Bà, một vùng du lịch lý tưởng xanh, sạch, đẹp, với những khu rừng, bãi biển còn hoang sơ đầy quyến rũ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hải Phòng, miền đất có nhiều lễ hội vang vọng bốn phương, như lễ hội chọi trâu, một lễ hội độc đáo, nổi tiếng của Đồ Sơn. Lễ bắt đầu tiến hành trước một ngày diễn ra hội chọi trâu. Lễ nghi rất trang trọng, tổ chức theo nghi lễ truyền thống, có lọng che, kiệu rước thần, có phường bát âm... Sau lễ là hội chọi trâu.

Hải Phòng còn là vùng đậm đặc di tích lịch sử văn hóa như chùa Dư Hàng, đình Hàng Kênh, đền Nghè, đền thờ bà Lê Chân...

Hải Phòng đẹp bởi nhiều danh lam thắng cảnh như bán đảo Đồ Sơn, núi Voi, đảo Cát Bà, Bạch Đằng Giang, Tràng Kênh lịch sử...

Hải Phòng, một cảng biển lớn nằm trên đường hàng hải quốc tế Đông-Tây, Bắc-Nam. Đường sắt, đường bộ, đường thủy và đường hàng không đều rất thuận lợi. Sân bay Cát Bi đã được hiện đại hóa trong những năm gần đây.

Hải Phòng, một thương cảng, một trung tâm thương mại, một thành phố công nghiệp lâu đời... Với chính sách thông thoáng, Hải Phòng đang được các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến làm ăn ngày một nhiều hơn.

THẮNG CẢNH

Bán đảo Đồ Sơn

Đồ Sơn cách thành phố Hải Phòng khoảng 22 km về phía Đông Nam, nằm giữa hai cửa sông Vạn UÙc và sông Lạch Tray. Đồ Sơn là một bán đảo vươn ra phía biển hơn 5km.

Dưới thời thuộc địa, người Pháp đã xây dựng Đồ Sơn thành một khu nghỉ mát dành cho các sĩ quan Pháp, quan lại và giới thượng lưu lắm tiền nhiều của Việt Nam. Năm 1950, sân bay Đồ Sơn được xây dựng.

Bãi tắm Đồ Sơn gồm ba khu. Mỗi khu đều có bãi tắm đẹp, rừng thông reo trong gió. Ở khu II, xưa kia Bảo Đại, vị vua cuối

https://www.facebook.com/taybanganh/

cùng của Triều Nguyễn, đã cho xây dựng một ngôi biệt thự nghỉ mát. Khu III có một công trình kiến trúc tuy nhỏ nhưng mang dáng dấp ngôi chùa cổ, thời Pháp người ta gọi là Pagodon. Ở vào cuối bán đảo trên ngọn đồi cao có Khách sạn Pionte (*Hotel de la Pionte*) nay là Khách sạn Vạn Hoa, hiện là sòng bạc lớn ở Việt Nam dành cho người nước ngoài. Toà nhà có hai tháp hình chóp, trông tựa như một lâu đài cổ ở trời Âu. Lâu đài được bao bọc bởi một bức tường đá xây từ mép biển lên đến đỉnh đồi, tạo cho lâu đài bề thế vững chắc.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bán đảo Đồ Sơn là nơi xuất phát của những con tàu không số, theo đường Hồ Chí Minh trên biển, chi viện cho chiến trường miền Nam vũ khí, đạn dược...

Núi Voi

Đây là một quần thể thiên nhiên kỳ vĩ gồm những đồi núi chạy dài, một vùng núi đá vôi, có hình dáng một chú voi con đang nằm, nổi lên giữa cánh đồng bằng phẳng của huyện Kiến An. Vì vậy núi có tên gọi là núi Voi. Núi Voi là ngọn núi cao nhất ở Hải Phòng, nằm bên bờ sông Lạch Tray, cách thành phố Hải Phòng khoảng 20 km.

Núi Voi, nơi có nhiều hang động đẹp: Hang Voi, hang Chiêng, hang Cá Chép, hang Bể... Ngay dưới chân núi có động Long Tiên, miếu thờ nữ tướng Lê Chân, người khai sáng ra mảnh đất Hải Phòng. Trong động có nhiều phiến đá khi gõ nghe như tiếng trống thùng thùng. Về phía Nam núi Voi có động Nam Tào, phía Bắc có động Bắc Đẩu. Trong các động có nhiều nhũ đá hình thù kỳ lạ như: rồng chầu, hổ phục, voi quỳ... Trên đỉnh núi có khoảnh đất bằng phẳng, nhân dân gọi là bàn Cờ Tiên. Ở đây có nhiều dấu tích đền chùa và thành nhà Mạc được xây vào thế kỷ XVI. Ngoài ra các nhà khảo cổ học đã tìm thấy ở núi Voi nhiều di vật của người xưa như rìu đá, đục bằng đá... có niên đại cách nay 3.000 năm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, núi Voi còn là căn cứ kháng chiến của quân dân Hải Phòng, họ đã có câu thề:

Đứng trên đỉnh núi ta thề,

Không giết được giặc không về núi Voi.

Đảo Cát Bà

Là một quần đảo gồm 306 đảo lớn nhỏ. Đảo chính và lớn nhất là Cát Bà, rộng khoảng 100km^2, cách Hải Phòng 30 hải lý, điểm tiếp giáp với Vịnh Hạ Long.

Cát Bà còn là vườn quốc gia, có diện tích 15.200ha, trong đó có 9.800ha rừng và 4.200ha biển. Rừng Cát Bà thuộc loại rừng nguyên sinh, chưa bị con người tác động nhiều, có hệ động thực vật rất phong phú. Tại đây hệ động vật có 20 loài thú, 69 loài chim, 20 loài bò sát và lưỡng cư, 11 loài ếch nhái. Cát Bà đặc biệt có loài voọc đầu trắng, tìm thấy ở những vách đá cheo leo ven biển. Đây là loài thú quý hiếm được ghi vào sách đỏ, trên thế giới không còn tìm thấy loài voọc này.

Về thực vật, theo điều tra sơ bộ, ở đây 745 loài thực vật gồm 149 họ. Trong đó có 350 loài cây dược liệu. Có nhiều loài cây quý cần được bảo vệ như chò đôi, trai lý, lát hoa, kim giao...

Ngày nay Cát Bà là khu du lịch nhộn nhịp, nhiều nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ. Đường sá được mở rộng khang trang. Nhiều tàu cao tốc, tàu cánh ngầm hiện đại nhanh chóng đưa du khách từ Hải Phòng đi Cát Bà.

Sông Bạch Đằng

Nằm về phía Đông Bắc Hải Phòng, cách trung tâm thành phố khoảng 20km. Bạch Đằng là dòng sông nổi tiếng với những chiến công nối tiếp chiến công vang dội trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Năm 938, Ngô Quyền, người con của đất Đường Lâm, đã đánh tan đạo thủy binh lớn của quân Nam Hán.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Cùng trong thế kỷ đó, năm 981, Lê Hoàn (Lê Đại Hành) đã tiêu diệt toàn bộ đạo quân Tống cũng trên dòng sông lịch sử này.

Ở thế kỷ XIII, năm 1288, quân dân nhà Trần, dưới sự chỉ huy tài tình của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã nhấn chìm hàng trăm chiến thuyền, giết chết hàng ngàn quân Nguyên-Mông, bắt sống tướng giặc Ô Mã Nhi. Hằng năm, nhân dân tổ chức ngày hội bơi thuyền trên sông này.

Tràng Kênh

Là một quần thể đồi núi đá vôi có nhiều hang động, quanh năm soi bóng nước Bạch Đằng Giang. Cảnh trí thiên nhiên thật thơ mộng, thuộc huyện Thủy Nguyên, cách Hải Phòng 20km. Cảnh trí Tràng Kênh giống vịnh Hạ Long, được mệnh danh là "*Hạ Long cạn*". Trong quần thể núi đồi Tràng Kênh, có một ngọn mang tên U Bờ, tương truyền là nơi Hưng Đạo Vương đặt đại bản doanh, đứng chỉ huy trận thủy chiến chống quân Nguyên-Mông trong thế kỷ XIII. Ngày nay du khách đứng trên ngọn núi này sẽ được ngắm nhìn toàn cảnh sông Bạch Đằng đổ nước ra biển, cảnh vật tĩnh lặng, trời nước mênh mông, đây đó còn lại những cọc gỗ của một thời hào hùng, cha ông đánh giặc ngoại xâm.

Quanh dãy núi đá vôi Tràng Kênh có nhiều hang động kỳ thú, trong đó nổi tiếng nhất là hang Vua. Hang rộng từ 5 đến 10m, cao khoảng 15-18m, trần hang vút nhọn chẳng khác nào gác chuông nhà thờ. Trong hang có khối đá tựa bức tranh được chạm khắc sinh động. Hang có nhiều ngách, có suối nước trong mát quanh năm.

DI TÍCH

Chùa Dư Hàng

Còn có tên Phúc Lâm tự, ở phường Hồ Nam, quận Lê Chân, cách trung tâm thành phố 2 km về phía Tây Nam. Chùa được

https://www.facebook.com/taybanganh/

dựng vào thời Tiền Lê (980-1009), đã được trùng tu nhiều lần. Chùa Dư Hàng là một trong những nơi truyền bá đạo Phật. Vua Trần Nhân Tông (1258-1308), vị vua sùng đạo Phật, đã từng đến chùa này giảng đạo. Trong chùa hiện còn lưu giữ nhiều hiện vật quý như tượng Phật, đỉnh đồng, chuông, khánh... Đặc biệt có bộ kinh Trường A Hàm là một tư liệu cổ về giáo lý đạo Phật ở Việt Nam.

Đình Dư Hàng

Được xây dựng trên phần đất của Dư Hàng Kênh, huyện An Hải. Vào thế kỷ XVII, làng Hàng Kênh do có dân số tăng nhanh nên được tách làm hai làng: làng Hàng Kênh và làng Dư Hàng. Khi chia tách, làng Dư Hàng có chùa nhưng không có đình, do đó dân đóng góp dựng lên ngôi đình như ngày nay. Kiến trúc ngôi đình Dư Hàng giống như ngôi đình Hàng Kênh. Đình dựng vào cuối thế kỷ XIX, làm toàn bằng gỗ lim.

Các đồ tế lễ còn lại trong đình không nhiều, gồm nhang án gỗ, long đình, kiệu, bát cống, kiệu phương tượng Ngô Quyền, đại tự, bát bửu.

Đình Dư Hàng thờ Ngô Quyền làm Thành hoàng làng.

Đình Hàng Kênh

Tên chữ là Nhân Thọ, còn gọi là đình Kênh, ở phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, được xây vào năm Mậu Tuất niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 14 (1718). Đình xây theo kiểu chữ "*công*" (工), 7 gian, sàn lát gỗ. Nhà tiền tế có 5 gian chính, hai gian phụ, cao 6,50m, dài 32m, rộng 13,20m, gồm 40 cột gỗ lim. Mái lợp ngói ta. Bờ nóc có hai hàng gạch, trong đó có một hàng đắp nổi hình hoa chanh cách điệu. Chính giữa nóc gắn "*lưỡng long chầu nhật*". Đầu đao gắn rồng, sấu, phượng xen kẽ, cong vút. Hai đầu bờ nóc gắn hai tượng rồng. Gian chính giữa nhà tiền tế có cửa ra vào. Hai gian bên dựng hai cột phụ, không có kèo. Các gian đầu hồi không xây tường, dùng chấn song. Ván nong xen giữa các xà đều

https://www.facebook.com/taybanganh/

được chạm khắc hoa văn rồng mây... Sàn đình lát gỗ lim. Từ cửa nhà tiền tế vào có 7 lớp trang trí. Mỗi lớp mang một vẻ riêng. Tất cả có 268 mảng chạm khắc, chủ đề chính của điêu khắc là rồng, mỗi con một vẻ, có tất cả 400 con to nhỏ khác nhau.

Đình đã qua nhiều lần sửa chữa. Trong đình hiện còn nhiều đồ tế lễ: chuông, đỉnh đồng, khánh đồng, hạc, độc bình, bát hương, tượng, hoành phi, câu đối, cửa võng, kiệu bát cống, voi, ngựa gỗ được chạm khắc tinh vi, sơn son thếp vàng. Ở Văn chỉ có 5 bia đá, trong đó có bia ca ngợi trận Bạch Đằng của Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán. Đình có tượng thờ Ngô Quyền.

Lễ hội đình Hàng Kênh, cứ 5 năm một lần, mở hội vào trung tuần tháng 2 âm lịch để tưởng nhớ Ngô Vương.

Đình Nhân Mục

Ở làng Nhân Mục, xã Nhân Hoà, huyện Vĩnh Bảo. Đình được xây vào thế kỷ thứ XVII, ngôi đình hiện tại là sản phẩm của lần sửa chữa năm 1941. Đình gồm 5 gian tiền đường, dài 15m, rộng 5m. Hậu cung dài 9m, rộng 1m. Mái lợp ngói mũi hài. Đình Nhân Mục còn giữ được những nét kiến trúc tiêu biểu của thế kỷ XVII. Đao đình là sự tiếp nối của bờ xối, kết hợp với mái tàu. Đình có bộ sườn bằng gỗ lim được liên kết bằng vì kèo với kỹ thuật xâm mộng.

Đình còn lưu giữ nhiều cổ vật quý như kiệu bát cống thế kỷ XVII, gồm đao rồng bằng đất nung mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVII, bia đá cao 1,8m, dài 2,6m là tác phẩm chạm khắc tuyệt vời hoàn thành năm Chính Hoà thứ 15 (1694), bình pha trà gốm men ngọc thế kỷ XIV.

Hằng năm nhân dân Nhân Mục mở hội tại đình, diễn trò nghệ thuật múa rối độc đáo.

Đền Nghè

Ở ngõ Nghè, quận Lê Chân, thờ bà Lê Chân, nữ tướng tài ba của Hai Bà Trưng. Lúc đầu đền dựng bằng tre nứa lá, sau xây

https://www.facebook.com/taybanganh/

thành miếu gạch. Đền hiện nay được xây dựng theo kiến trúc gỗ thời Nguyễn vào năm 1920. Hậu cung gồm ba gian được đỡ bởi 16 cột gỗ lim hình vuông, kê trên 16 đế đá vuông.

Trong đền còn lưu giữ nhiều hiện vật quý như cửa võng, long đình, long ngai, khánh đá, cây đá, voi, ngựa đá, bộ bát bửu và nhiều bát chén cổ.

Hội đền Nghè hằng năm mở vào mồng 7 tháng 2 âm lịch, kỷ niệm ngày mất của Bà.

Chùa Phổ Chiếu

Chùa tọa lạc ở xã Dư Hàng Kênh, huyện An Hải, do nhà sư Ngô Chân Tử kiến lập và trụ trì vào năm 1953. Lúc đầu chùa được gọi là Tam Giáo đường, thờ Tam Giáo đồng nguyên. Đến năm 1954, Hoà thượng Thích Thanh Quang, thuộc Thiền phái Lâm Tế từ chùa Vọng Cung về trụ trì, cho trùng tu và mở rộng ngôi chùa thờ Phật và đổi tên là chùa Phổ Chiếu.

Chùa hiện còn giữ một số di vật bằng đá cổ và đất nung như những viên gạch cổ có chiều ngang 0,22m, dài 0,33m, dày 0,05m, có khắc hai dòng chữ Hán "*Lý gia đệ tam đế Long Thụy*" và "*Thái Bình tứ niên tạo*". Các mảng trang trí ở tháp cổ Tường Long, những tháp đất nung cổ, 4 tầng có 4 cạnh, cao 0,35 m.

Khu di tích Nguyễn Bỉnh Khiêm

Khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, tọa lạc ở thôn Trung Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo. Nguyễn Bỉnh Khiêm là danh sĩ thời nhà Mạc. Năm 1535, ông thi đỗ Trạng nguyên, làm quan tới chức Tả thị lang Bộ Lễ và được vua Mạc Phúc Hải phong tước Trình Quốc công. Ông là người nổi tiếng tài đức song toàn.

Sau khi Nguyễn Kim chết, con trai là Nguyễn Hoàng đứng trước nguy cơ bị ám hại. Mẹ Nguyễn Hoàng là Phạm thị lo lắng, sai người đến yết kiến Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm để xin được chỉ dạy. Trạng Trình không nói, lặng thinh dạo bước

https://www.facebook.com/taybanganh/

quanh hòn non bộ trước sân. Lát sau, thấy đàn kiến bò men dưới chân núi giả, ông cười nói: "*Hoành Sơn nhất đái vạn đại dung thân.*" (Núi Ngang một dải có thể dung thân ngàn đời.) Người của Phạm thị hiểu ý, trở về thưa lại với bà. Theo lời chỉ dạy đó, Nguyễn Hoàng liền nhờ chị gái (vợ Trịnh Kiểm) vận động xin anh rể cho được vào trấn giữ đất Thuận Hóa (vượt Đèo Ngang). Trong thực tế, đây đúng là kế sách hoàn hảo nhất vào lúc ấy, và các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã tồn tại được qua 9 đời, không kể đến hậu duệ là Nguyễn Ánh (tức vua Gia Long) về sau dựng nên triều Nguyễn.

Khu di tích Nguyễn Bỉnh Khiêm gồm 9 hạng mục: tháp bút thiên, nhà trưng bày, phần mộ cụ thân sinh, tượng Nguyễn Bỉnh Khiêm, hồ bán nguyệt, chùa Song Mai, nhà tổ có thờ tượng bà Minh Nguyệt - vợ Nguyễn Bỉnh Khiêm và Quán Trung Tân, nơi lưu giữ những tài liệu luận bàn về quan niệm mới đối với chữ "trung" hướng lòng theo "chí trung, chí thiện". Ngày nay, được sự quan tâm của chính quyền và nhân dân địa phương, khu di tích đã được trùng tu sửa chữa khá khang trang, trở thành nơi du lịch văn hóa hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước.

Kinh đô Dương Kinh

Tập đoàn phong kiến triều Lê ngày càng thối nát. Năm 1527, Mạc Đăng Dung xuất thân trong một gia đình đánh cá ở Nghi Dương, Hải Phòng, lợi dụng sự xung đột của các phe phái trong triều đình, từ một sĩ quan cấp thấp, đã phế truất triều Lê lập nên triều Mạc. Mạc Đăng Dung, vị vua đầu của triều Mạc (1527-1592), sau khi lên ngôi đã cho xây kinh đô thứ hai tại quê hương ông ở Nghi Dương, xã Cổ Trai, huyện Kiến Thụy, cách Hải Phòng 15km về phía Nam, gọi là Dương Kinh (kinh đô ở Nghi Dương).

Tại đây, vương triều Mạc đã cho xây thành quách, cung điện, mà tiêu biểu là điện Phúc Hưng, khu lăng tẩm thái miếu, từ đường họ Mạc... Ngày nay, di tích kinh đô Dương Kinh chỉ còn lại Từ đường họ Mạc, Gò Gạo, điện Tường Quan, xứ Mã Lăng. Ngoài

https://www.facebook.com/taybanganh/

ra còn có một số cổ tự, các tác phẩm điêu khắc gỗ, đá, đồng khá độc đáo và một số gốm sứ tuyệt mỹ mang phong cách nghệ thuật thời Mạc như hệ thống tượng pháp: tượng Khiêm Vương Mạc Đôn Nhượng, tượng Mạc Đăng Dung và các tượng Phật, chân dung các ông hoàng, bà chúa...

LỄ HỘI

Hải Phòng, vùng đất có truyền thống văn hóa, nơi sản sinh nhiều danh nhân, một vùng đậm đặc di tích lịch sử và văn hóa. Do đó, Hải Phòng quanh năm có hội. Mùa xuân có lễ hội ở các đền chùa. Vào mùa thu tham dự hội chọi trâu...

Lễ hội chọi trâu

Chọi trâu là một lễ hội độc đáo, nổi tiếng, thu hút đông đảo du khách và người dân bán đảo Đồ Sơn. Đây là một lễ hội với lễ nghi trang trọng, rước kiệu thần, có lọng che, phường bát âm...

Lễ hội chọi trâu diễn ra 2 ngày, từ 8 đến 9 tháng Tám âm lịch.

Mở đầu trận đấu là màn múa cờ của mấy chục nam nữ thanh niên khỏe mạnh, tươi tắn trong những bộ trang phục dân tộc đầy ấn tượng, rực rỡ. Sau tiếng loa cất lên, từng cặp trâu bước vào sới chọi. Có nhiều cặp trâu thi đấu, chúng xông vào nhau, dùng sức mạnh để húc, để ghì và khóa sừng nhau. Con trâu nào bỏ chạy là thua. Trâu thắng được vào chung kết ngày 9 tháng 8. Trâu nào dành giải nhất được rước về đình làng trong tiếng hò reo, cổ vũ phấn khởi của công chúng.

Trong cuộc đấu, trâu thắng hay thua cũng đều bị làm thịt để cúng thần linh và chia cho mọi người lấy "lộc".

Lễ hội xuống biển

Được tổ chức ở làng chài Trân Châu (Cát Bà), hằng năm vào ngày 4 đến 6 tháng Giêng âm lịch. Đây là một trong những lễ hội ở Hải Phòng, có lượng du khách tham quan nhiều nhất. Sau khi

https://www.facebook.com/taybanganh/

tiến hành làm lễ tế thủy thần Long Vương, một hồi trống lệnh sẽ gióng lên, hàng trăm trai tráng khỏe mạnh, ngực nở căng, tay cầm chèo vừa reo hò, vừa chạy tới thuyền mình để kịp ra nơi quy định. Một người chèo, một người tung lưới và gõ nhịp vào mạn thuyền. Gõ càng mạnh, càng dồn dập, cá càng hoảng sợ, vội bơi nhanh nên mắc vào lưới càng nhiều. Đến trưa, nổ pháo lệnh thu quân. Mọi người khiêng cá của thuyền mình lên đình để các bô lão chấm thẻ. Cá ngon nhất được chọn nướng ngay trên đống lửa đỏ rực ở sân đình để tế Thần.

Ai đánh được cá to nhất, ngon nhất và nhiều nhất thì được trao giải.

Lễ đu xuân ở Thủy Nguyên

Nhiều nơi ở Thủy Nguyên, hằng năm vào ngày Tết Nguyên Đán thường tổ chức vui xuân bằng cây đu quen thuộc. Từ khoảng 28-29 Tết, mỗi địa phương trồng từ một đến nhiều cây đu trên nhiều vùng khác nhau.

Đánh đu trước hết phải có lòng dũng cảm. Bởi đây là một cuộc đua tài đòi hỏi người chơi gan dạ, có kỹ thuật, đưa đu lên càng cao, càng tốt và đẹp mắt. Đu có nhiều loại: đu đơn, đu một người; đu đôi, một nam một nữ, đu hai cặp nam nữ. Nhưng đẹp mắt nhất, hào hứng nhất là đu đôi - một trai, một gái.

Đây là trò chơi dân tộc có từ lâu ở các làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ, là dịp để trai gái gặp gỡ nhau, nên lễ hội được tuổi trẻ hưởng ứng nhiệt liệt.

Hội đình Dư Hàng

Diễn ra ở đình Dư Hàng, xã Dư Hàng Kênh, huyện An Hải, vào ngày 18 tháng 2 âm lịch hằng năm. Lễ hội được tổ chức trang nghiêm, có nhiều cuộc tế lễ, dâng hương, rước thần vị sang các xã giao hảo như Hàng Kênh, Phụng Tháp... Sau lễ có tổ chức hội, ở sân đình có đấu vật, đánh cờ, chọi gà, đánh tổ tôm, hát ca trù, diễn chèo, hát chầu văn...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hội đền An Lư

Hội diễn ra ở đền An Lư, huyện Thủy Nguyên, nơi thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và thân phụ của ông là An Sinh Vương Trần Liễu.

Hằng năm vào ngày 11 tháng 11 âm lịch, lễ được tổ chức với lễ dâng hương rất trang nghiêm. Sau phần lễ tế là phần hội với nhiều trò chơi dân gian như hát đúm nam nữ, chọi gà, chơi đu.

Hội đền Phò Mã

Còn gọi đền Dẹo, tọa lạc ở thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thờ danh tướng Lại Văn Thành, một vị danh tướng tài giỏi vào đời Trần. Hằng năm, ngày 15 tháng Giêng âm lịch, lễ hội được tổ chức nhằm tưởng nhớ công tích của ông.

HẬU GIANG

Ngày 26-4-2004, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI đã thông qua Nghị quyết về việc chia tách tỉnh Cần Thơ thành tỉnh Hậu Giang và thành phố Cần Thơ.

Tỉnh Hậu Giang có diện tích tự nhiên là 160.773,49 ha với dân số hiện tại là 766.105 người. Các đơn vị hành chính gồm: thị xã Vị Thanh, huyện Phụng Hiệp, huyện Long Mỹ, huyện Vị Thủy, huyện Châu Thành và Châu Thành A. Tỉnh lỵ đặt tại thị xã Vị Thanh.

Hậu Giang là vùng đất sông nước tươi đẹp, nơi sinh sống của nhiều dân tộc anh em Kinh, Khơme, Hoa...

Hậu Giang khí hậu điều hoà, ít gió bão, quanh năm nóng ẩm, không có mùa lạnh. Mỗi năm có hai mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Về địa giới hành chính, tỉnh Hậu Giang Đông giáp tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Sóc Trăng, Tây giáp tỉnh Kiên Giang, Nam giáp tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Sóc Trăng, Tây giáp thành phố Cần Thơ.

Tỉnh Hậu Giang tiếp tục phát triển nhờ những thế mạnh sẵn có của mình. Tuy là một tỉnh mới chia tách, nhưng so với 13 tỉnh thành của vùng đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh Hậu Giang có tốc độ tăng trưởng đứng thứ 6, giá trị sản xuất nông nghiệp đứng thứ 8, đặc biệt có thế mạnh về công nghiệp chế biến, cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch khá. Hậu Giang có những nhà máy chế biến thủy sản có thể xuất khẩu 200 triệu USD hải sản mỗi năm. Hậu Giang có tiềm năng phát triển mạnh du lịch như khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng, chợ nổi Phụng Hiệp. Vị Thanh, tỉnh lỵ của Hậu Giang có cơ sở hạ tầng khá vì trước ngày giải phóng Vị Thanh đã từng là thủ phủ của tỉnh Chương Thiện.

Tỉnh Hậu Giang có vị trí quan trọng, là điểm gắn kết giữa Tây sông Hậu và bán đảo Cà Mau, là cầu nối giữa thành phố Cần Thơ với tỉnh Kiên Giang, Bạc Liêu... tạo nên trục phát triển kinh tế xã hội mới cho vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng. Hậu Giang có hệ thống giao thông với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, nên có khả năng giao lưu và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Nam sông Hậu và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

THẮNG CẢNH

Khu du lịch sinh thái Tân Bình

Thuộc địa bàn huyện Phụng Hiệp, cách trung tâm thành phố Cần Thơ khoảng 30km. Khu du lịch sinh thái Tân Bình được khai trương vào cuối năm 2001, trở thành điểm du lịch rộng nhất, hấp dẫn nhất tỉnh Hậu Giang.

Khu du lịch sinh thái Tân Bình là một quần thể thiên nhiên, bao gồm cây trái, hoa cảnh, chim thú hoang dã ở trên một vùng

https://www.facebook.com/taybanganh/

đất có hồ nước rộng, có những đảo nhỏ, kênh rạch. Du khách đến đây có thể dạo chơi dưới những vườn nhãn bạt ngàn hoặc bơi thuyền ra các đảo nhỏ giữa hồ xem những chú khỉ đang đùa nghịch tranh nhau ăn, hoặc ngắm những loại chim muông lạ, trông rất hấp dẫn.

Ở đây có những căn nhà nghỉ với nhiều kiến trúc khác nhau, tạo nên một sự phong phú, du khách tha hồ lựa chọn nghỉ ngơi sau những ngày lao động căng thẳng. Bạn có thể ăn ở các nhà hàng với những món ăn đặc sản đồng quê bình dân nhưng ngon miệng.

Chợ nổi Phụng Hiệp

Điểm độc đáo của Hậu Giang nói riêng, miền Tây Nam Bộ nói chung là chợ nổi. Chợ nổi Phụng Hiệp là nơi gặp nhau của 7 con kênh mà người dân nơi đây vẫn gọi là chợ nổi Ngã Bảy. Mặt sông mênh mông rẽ về 7 ngả, từ các ngả thuyền bè tấp nập tụ về đây. Chợ trên mặt đất có những thứ gì, thì chợ nổi Ngã Bảy cũng có đủ những mặt hàng ấy, từ cái kim sợi chỉ cho tới áo quần giày dép, thức ăn, rượu thịt cho tới các đồ gia dụng, thiết bị điện tử ti vi, tủ lạnh, cát sét... Đặc biệt, trái cây nhiều vô kể. Trên bờ sông Phụng Hiệp nổi tiếng là nơi bán rùa, rắn, chim, sóc, kỳ đà nhiều nhất vùng miền Tây.

Chợ nổi vùng miền Tây hầu như nơi nào cũng có, nhưng chợ nổi Phụng Hiệp là lớn nhất, nổi tiếng nhất, nó như là chợ đầu mối của vùng sông nước Hậu Giang và cả miền Tây.

Vườn cò Long Mỹ

Đến Long Mỹ du khách có dịp thăm vườn cò độc đáo được hình thành từ năm 1986, tại xã Xà Phiên, với hàng chục ngàn con cò các loại, cùng 30 loài chim đặc trưng của sông nước miền Tây Nam Bộ. Đến Long Mỹ, du khách được ăn trái cây, nghe chim muông ca hát.

https://www.facebook.com/taybanganh/

DI TÍCH

Di tích Long Mỹ

Long Mỹ là một huyện của tỉnh Hậu Giang, cách thành phố Cần Thơ 60km về hướng Tây Nam, là vùng đất nằm giữa vùng U Minh và vùng sông nước Hậu Giang. Đây là vùng rừng tràm, bần cổ thụ có cách nay hơn 200 năm.

Vào khoảng năm 1920, vùng Long Mỹ mới bắt đầu được khai phá và ngày nay đã trở thành một vùng quê trù phú, đồng lúa mênh mông bát ngát, cây trái sum suê. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của nhân dân ta, Long Mỹ là vùng căn cứ Cách mạng của tỉnh Cần Thơ (cũ) và Khu Tây Nam Bộ, là vùng "chiến địa" giành nhau từng tấc đất giữa ta và địch.

Đến với Long Mỹ, du khách có dịp đến viếng đền thờ Bác Hồ ở xã Lương Tam do Đảng bộ và quân dân Long Mỹ lập nên từ năm 1969, lúc Bác qua đời. Mặc dầu bị Mỹ - ngụy tìm mọi cách phá hoại, nhưng nhân dân kiên quyết bảo vệ và đã tồn tại cho đến ngày nước nhà hoàn toàn độc lập, thống nhất. Đền được trùng tu sửa chữa, mở rộng trên một khu đất có diện tích hơn 1 ha. Hằng năm, vào những ngày 19 tháng 5 và 2 tháng 9, đông đảo nhân dân trong và ngoài tỉnh tụ họp về đây tham quan và tưởng niệm Hồ Chủ tịch.

Long Mỹ còn có khu "Di tích chiến thắng 75 tiểu đoàn quân ngụy" tại xã Vĩnh Viễn, được xây dựng trên một khu đất rộng gần 2 ha, gồm nhiều công trình phục vụ du khách tìm hiểu về quá khứ oanh liệt của quân và dân Hậu Giang. Nơi đây còn có khu vui chơi giải trí.

Di tích căn cứ tỉnh ủy

Căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ (cũ) còn gọi là căn cứ Bà Bái, nằm ở ấp Phương Quới, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp. Khu di tích được xây dựng trên một khoảnh đất rộng hơn 6 ha, được bao bọc bởi 4 chiến hào có sẵn. Đó là Kênh Xáng, Lái Hiếu (nằm

https://www.facebook.com/taybanganh/

ở phía Đông Nam), Kênh Cả Cường (phía Đông Bắc), Kênh Cũ (phía Tây Bắc) và Kênh Bà Bái (phía Tây Nam).

Trong chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 của toàn miền Nam, các cán bộ trong Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ cũng từ căn cứ này đi theo các mũi tiến công về Cần Thơ, Vị Thanh và các trọng điểm khác của "Vùng IV chiến thuật", đánh chiếm sân bay Trà Nóc, dinh Tỉnh trưởng Cần Thơ.

Khu di tích bao gồm: Hội trường, nơi diễn ra các cuộc họp quan trọng của Tỉnh ủy Cần Thơ, rộng 151m^2, hội trường được dựng bằng gỗ, lợp lá dừa nước. Trong hội trường có văn phòng làm việc của Ban Thường vụ và đồng chí Bí thư. Từ năm 1980, ngôi nhà này trở thành nơi trưng bày các hiện vật về di tích này. Ngoài ra chung quanh còn nhiều lán trại, nơi làm việc của các cơ quan trực thuộc.

Năm 1986, khu di tích này được trùng tu xây dựng lại, bằng bê tông cốt thép, nhưng vẫn đảm bảo hình dáng màu sắc, quy cách giống xưa.

HÒA BÌNH

Hoà Bình là tỉnh miền núi, nằm ở cửa ngõ Tây Bắc Thủ đô Hà Nội, cách Hà Nội khoảng 70km về phía Tây theo quốc lộ số 6. Hoà Bình có diện tích tự nhiên 4.612km^2, dân số khoảng 800.000 người, nơi sinh sống của nhiều dân tộc anh em: Kinh, Mường, Thái, Tày, H'mông, Dao... Hoà Bình có tỉnh lỵ là thị xã Hoà Bình và các huyện: Đà Bắc, Mai Châu, Kỳ Sơn, Lương Sơn, Kim Bôi, Tân Lạc, Lạc Sơn, Lạc Thủy, Yên Thủy.

Hoà Bình, phía Bắc giáp Phú Thọ và Hà Tây, phía Nam giáp Ninh Bình và Thanh Hóa, phía Đông giáp Hà Tây và Hà Nam, phía Tây giáp Sơn La.

Địa hình Hoà Bình chủ yếu là rừng núi, đồi gò, xen kẽ giữa các đồi núi là những thung lũng hẹp, có nhiều khe suối chảy quanh qua những vùng đồi gò.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hoà Bình nằm trong khu vực khí hậu nóng ẩm. Nhiệt độ trung bình cả năm khoảng 22,9-25^{0}C. Giao thông thủy, bộ khá thuận lợi, có nhà máy thủy điện lớn nhất nước ta, là nguồn cung cấp điện chính cho lưới điện quốc gia.

Hoà Bình là vùng đất cổ, có nhiều hang động kỳ khu với những bản làng còn giữ nguyên bản sắc dân tộc, một vùng đất giàu truyền thống văn nghệ dân gian, với những điệu xòe Thái, những đêm hội cồng chiêng của người Mường... đó là những điểm du lịch hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

THẮNG CẢNH

Thung lũng Mai Châu

Theo quốc lộ số 6 khoảng 70 km đến thị xã Hoà Bình, nằm nghiêng soi bóng Đà Giang, bạn đi tiếp 60 km, qua dốc Cun quanh co, cao ngất dài trên 15km, sẽ đến thung lũng Mai Châu.

Từ trên đỉnh cao phóng tầm mắt, thung lũng Mai Châu hiện ra với bao vẻ đẹp kỳ lạ. Giữa núi rừng hoang vu, chim kêu vượn hú, lại có một vùng đất bằng phẳng xanh um với những đồng lúa vàng óng đang vào mùa thu hoạch, lớp lớp những nếp nhà sàn đều tăm tắp, khang trang sạch đẹp. Phải chăng đây là chốn "bồng lai tiên cảnh" của Tây Bắc "núi vút ngàn trùng xa".

Điều đặc biệt là các nhà sàn của đồng bào dân tộc ở Mai Châu ngăn nắp, có đường đi lối lại, sạch sẽ, khô ráo. Nhà sàn cách mặt đất khoảng 1,5m, cột nhà bằng gỗ lim chắc chắn. Sàn nhà được lát tre bương láng bóng, trông rất mát mắt. Mái lợp lá gồi hoặc lá mây. Nhà có cửa sổ khá lớn để đón gió thoáng mát và cũng là nơi treo những giỏ phong lan rừng rực rỡ sắc hoa, hương thơm ngào ngạt, hoặc treo những lồng chim cảnh hót líu lo, đâu đó cất lên tiếng "chào khách" của chú chim sáo, yểng. Ở một ô cửa sổ bạn sẽ nhìn thấy cô gái Thái trắng nõn nà, đang cặm cụi trên khung cửi dệt vải thổ cẩm muôn sắc tươi thắm. Người con trai

https://www.facebook.com/taybanganh/

muốn tìm hiểu vợ, chỉ cần nhìn lên giá xếp chăn, đệm, gối gọn gàng, sạch sẽ với những hoa văn tươi tắn, là biết được đức hạnh, tài nữ công gia chánh của người vợ tương lai của mình. Còn cô thôn nữ muốn biết người con trai tương lai sẽ là chồng mình, chỉ cần nhìn lên cột nhà, nếu nhìn thấy vô số vảy cá to và nhiều đuôi cá dán lên cột nhà, thì hãy yên dạ rằng người con trai nhà này lao động giỏi, cần mẫn, sẽ là người "tham công tiếc việc" rất mực thương vợ, thương con.

Khách đến nhà cần nhớ một điều, trước khi bước lên cầu thang xin hãy múc nước rửa chân, bạn sẽ được chủ nhà trải chiếu hoa trân trọng mời ngồi và bày ra giữa chiếu một vò rượu cần bằng nếp cẩm ngon tuyệt vời. Còn bà chủ vội vàng nổi lửa đồ xôi trong cái chõ cao ngất nghểu.

Hạnh phúc thay, nếu có một đêm được nghỉ lại nhà sàn Mai Châu, du khách sẽ được thưởng thức những màn múa hát, điệu xòe người Thái trong tiếng nhạc cồng chiêng dịu êm.

Hang Muối

Ở huyện Tân Lạc. Hang được phát hiện vào năm 1961. Tại đây các nhà khảo cổ học đã tìm thấy rất nhiều di vật cổ có giá trị lịch sử như: 500 loại đồ đá, hai mộ phần và nhiều xương động vật.

Hang Muối đẹp, có nhiều nhũ đá hình thù kỳ thú rất hấp dẫn du khách, đặc biệt thu hút các nhà khảo cổ học. Đây là di chỉ khảo cổ cần được nghiên cứu kỹ lưỡng. Từ đây có thể góp phần làm sáng tỏ thêm nguồn gốc người Việt cổ.

Bản dân tộc Mường

Hoà Bình là một trong những cái nôi sinh sống của dân tộc Mường. Người Mường Hoà Bình được phân nhiều nhánh, như Mường Bi cách thị xã Hoà Bình khoảng 35km về phía Tây Nam, nơi có nhiều ngôi nhà cổ nhất của người Mường, có nhiều hang động, nơi hàng vạn năm xưa tổ tiên người Mường chọn làm nơi

https://www.facebook.com/taybanganh/

sinh sống, để cho xứ Mường trở thành cái nôi của nền văn hố khảo cổ học - văn hố Hoà Bình.

Mường Chậm nằm ở Thung Mây trên độ cao 1.200m so với mặt biển. Từ trên đỉnh Mường Chậm, du khách nhìn xuống bản làng Mường Bi lộng lẫy dưới nắng chiều. Bản làng rải rác cùng những trái núi cô đơn... trôi bồng bềnh giữa biển lúa vàng.

Xứ Mường không có cái hùng vĩ của núi cao, rừng rậm, cái bát ngát mênh mông của biển lớn, sông sâu. Xứ Mường yên ả nằm trong những hẻm núi. Cứ qua một khúc đường ngắn lách qua một dãy núi thấp lại mở ra một cánh đồng nhỏ với năm bảy nhà sàn, rồi núi đồi lại ôm tròn lấy bản Mường.

Riêng Mường Chậm, nhà không san sát nhau thành cụm ven chân núi, mà trải theo các sườn thoai thoải lẫn vào giữa rừng cây, bên suối nước.

Vùng sinh thái Mường Chậm hoang dã hơn Mường Bi. Rừng cây còn nhiều nên nghề săn bắt còn phổ biến. Nền văn hố xứ Mường được biểu hiện rõ nét qua trang phục, như cạp váy Mường, qua những nghi lễ trong đời sống như cưới xin, ma chay, trong những áng mo vĩ đại "Đẻ đất, để nước".

Trong đời sống âm nhạc của người Mường, trống, chiêng giữ vai trò quan trọng.

Suối nước nóng Kim Bôi

Xưa kia nói đến Kim Bôi, Hạ Bì, người ta ghê sợ bởi cho đó là nơi rừng thiêng nước độc. Ngược lại, ngày nay Kim Bôi không chỉ là nơi tham quan du lịch cảnh trí thiên nhiên đẹp, mà còn là nơi nghỉ dưỡng, có suối nước khoáng lớn nhất. Những mạch nước nóng phun lên ào ào thành con suối, nước luôn luôn ở nhiệt độ 36^0C. Qua kiểm nghiệm sinh hố, nước khoáng Kim Bôi đủ tiêu chuẩn dùng làm nước uống, để tắm chữa bệnh, đặc biệt các bệnh viêm khớp, đường ruột, dạ dày, huyết áp, bệnh ngoài da...

Nước khoáng Kim Bôi dùng làm nước giải khát sánh ngang với nước khoáng Paven Barbia của Hungarie, Kumdua của Nga...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Công trình thủy điện Hoà Bình

Là công trình thủy điện lớn nhất Việt Nam do Liên Xô giúp xây dựng. Công trình được khởi công ngày 6-11-1979, gồm hàng trăm hạng mục lớn nhỏ như: đập tràn xả lũ, hồ chứa nước, nhà máy thủy điện ngầm trong lòng núi, âu thuyền, trạm phân phối điện ngoài trời...

Nhà máy có 8 tổ máy hoạt động, công suất thiết kế mỗi tổ máy là 240.000kw.

Nhà máy thủy điện Hoà Bình, một công trình kinh tế, nhưng đồng thời cũng là điểm tham quan du lịch hấp dẫn với vẻ đẹp hoành tráng, đồ sộ của công trình và hồ chứa nước, là một thắng cảnh cho du khách du ngoạn, thăm thú các hang động ngập trong nước.

DI TÍCH

Chùa Kè

Ngôi chùa cổ ở xã Phú Vinh, huyện Tân Lạc. Tương truyền trong chùa có hòn đá gọi là Bụt Mọc. Hằng năm, hội chùa Kè được nhân dân tổ chức vào ngày 16 tháng 2 âm lịch để viếng đất Bụt Mọc. Sau lễ còn có hội, tổ chức nhiều trò vui dân gian.

Tam Động Sơn

Chùa toạ lạc trong động núi Tam Động nhìn ra bờ sông, cảnh trí thật nên thơ, thuộc xã Phục Cổ, huyện Lạc Sơn. Ngọn núi này có ba động khá đẹp là động Ngọc, động Quang và động Bạc.

LỄ HỘI

Hoà Bình là một trong những cái nôi của người Việt cổ sinh sống cách đây hàng vạn năm. Nơi đây, các nhà khảo cổ học tìm thấy nhiều dấu vết di chỉ của nền văn hố Hoà Bình qua việc tìm thấy 47 chiếc trống đồng cổ, trong đó có trống đồng sông Đà và Miếu Môn, thuộc loại rất cổ và đẹp tuyệt vời.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hoà Bình lại là một tỉnh có nhiều dân tộc anh em cùng nhau sinh sống. Hoà Bình có một nền văn hố đa sắc tộc. Mỗi dân tộc vừa giữ bản sắc văn hố dân tộc mình, lại vừa có sự giao thoa, hoà đồng trong cộng đồng các dân tộc, để càng làm phong phú thêm bản sắc văn hố dân tộc mình.

Hằng năm, các dân tộc Hoà Bình có nhiều lễ hội, trong đó đáng chú ý nhất là các lễ hội:

Hội Cầu mưa

Hằng năm vào tháng 3 hoặc tháng 4 âm lịch, thời tiết ít mưa, hanh khô, để chuẩn bị cho vụ gieo trồng, người Thái Hoà Bình tổ chức lễ hội cầu mưa. Đầu tiên, một đoàn thanh niên nam nữ kéo vào nhà của một bà già nhất trong bản và bắt đầu làm lễ hát cầu mưa. Buổi tối, đám thanh niên này rước đuốc đi quanh bản, hát bên bờ suối, té nước cho nhau, cho tới khi mọi người đều ướt, cũng là lúc tan hội.

Lễ Cầu phúc

Hằng năm, vào lúc chuẩn bị cày vụ mùa, người Thái Mai Châu thường tổ chức lễ cầu phúc nhằm cầu Thần phù hộ cho dân bản sống hạnh phúc và cũng là dịp cúng rửa lá lúa, xua đuổi thần trùng.

Ngày hội, các miếu thờ trong bản và miếu thờ thổ công, thổ địa ở từng nhà phải được quét dọn sạch sẽ. Bờ ruộng, bờ mương được tu sửa, be cao, đón nước về. Sau phần nghi lễ là đến phần hội có tổ chức múa xoè, thi bắn cung nỏ, nam nữ nổi trống, chiêng.

Lễ cầu mát

Người Mường quan niệm rằng, nhà nào có hỏa hoạn là do mạch đất nóng quá. Để không xảy ra hoả hoạn, người Mường cần phải làm lễ cầu mát. Vào buổi lễ, thầy mo khấn vái cầu xin 4 vị thần: Trời, Đất, Nước, Lửa (Thiên, Địa, Thủy, Hỏa) phù hộ cho dân bản luôn được mát mẻ. Sau đó một lão nông Mường cày một luống trong bản. Một người khác lấy nước đổ vào đường cày

https://www.facebook.com/taybanganh/

đó với ý nghĩa làm cho lòng đất được mát mẻ. Lễ thường diễn ra khi một nhà nào đó trong bản bị hỏa hoạn. Lễ cầu mát không tổ chức thường xuyên.

Hội Xên Bản

Hằng năm vào mùa xuân, khi hoa mận, hoa mơ, hoa ban nở trắng rừng Tây Bắc và có tiếng ầm ầm từ đầu nguồn sông Đà dội về thì dân bản người Thái Mai Châu bắt đầu tổ chức lễ hội Xên Bản. Lễ hội diễn ra trong ba ngày. Ngày đầu là đám rước từ nhà chủ Mường ra đình làng để tế Thần. Ngày thứ hai tổ chức thi bắn cung nỏ, tìm người tài. Ngày thứ ba, tổ chức các trò vui như tung còn, tìm bạn, thi hát đối đáp, thi thổi kèn. Hội Xên Bản là hội cầu mùa, cầu phúc cho người Thái.

Lễ Cơm mới

Đối với đồng bào Mường Hoà Bình, nghề nông là nghề sống chính, cuộc sống của họ phụ thuộc rất lớn vào vụ mùa. Để cầu mong cho một vụ mùa bội thu, đồng bào Mường Bi Hoà Bình hằng năm tổ chức lễ cơm mới tại mỗi gia đình. Từng gia đình làm cỗ mừng thu hoạch, thường gói bánh chưng, có lễ cúng vía lúa và giỗ cúng bố mẹ.

Hội Cồng Chiêng

Người Mường gọi là Hội Xéc bùa. Đây là ngày hội lớn của dân tộc Mường Hoà Bình. Theo tiếng Mường, *Xéc bùa* là việc xách cồng chiêng đi hát của các phường bùa. Phường bùa gồm những người biết hát, múa và đánh cồng chiêng.

Thường mỗi khi đi chúc Tết, hay chúc mừng một gia đình nào đó, phường bùa đi theo thứ tự: đánh chiêng, đọc thơ theo lối ứng khẩu, ca ngợi gia chủ mà mình đến thăm, chúc cho họ làm ăn phát đạt và bình an vô sự. Chủ nhà mang lễ vật ra cùng hát đối đáp. Phường bùa đi hết nhà này sang nhà nọ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh trước gọi là Sài Gòn. Tên gọi Sài Gòn có từ thế kỷ XVII, trước đó nữa có tên Tân Bình huyện, Phiên Trấn dinh, Bến Nghé. Tuy là vùng đất mới, nhưng Sài Gòn nhanh chóng chiếm được vị trí khá quan trọng trên thương trường quốc tế, từng được mệnh danh là "*Hòn ngọc Viễn Đông*".

Sau khi đất nước thống nhất, ngày 2-7-1976, Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã quyết định đổi tên thành phố Sài Gòn thành Thành phố Hồ Chí Minh, theo nguyện vọng của đồng bào miền Nam. Bởi năm 1911, Chủ tịch Hồ Chí Minh, lúc đó là Nguyễn Tất Thành đã rời bến cảng Nhà Rồng (Sài Gòn), lên một chiếc tàu buôn La Toustreville, ra đi tìm đường cứu nước.

Sài Gòn, mảnh đất lịch sử đã có trên 300 năm nay. Kể từ năm 1698, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh (Nguyễn Hữu Kính) vâng mệnh chúa Nguyễn vào Nam kinh lý. Thấy nơi đây "*dân dư tứ vạn hộ*", đất khai mở "*ngàn dặm*", ông bèn cho lập phủ Gia Định, dựng dinh Trấn Biên, lấy xứ Sài Gòn dựng dinh Phiên Trấn. Từ đó phố thị Sài Gòn - Bến Nghé, phủ lỵ Gia Định ra đời và ngày càng phát triển nhanh chóng.

Năm 1779, Phủ Gia Định gồm: dinh Phiên Trấn (Sài Gòn), dinh Trấn Biên (Biên Hoà), dinh Trường Đồn (Định Tường), dinh Long Hồ (Vĩnh Long, An Giang) và trấn Hà Tiên. Diện tích phủ Gia Định lúc bấy giờ gồm toàn Nam Bộ, rộng khoảng 64.743km^2.

Đến năm 1802, vua Gia Long đổi phủ Gia Định thành trấn Gia Định, việc đặt trấn Gia Định là để cai quản 5 trấn: trấn Phiên An, trấn Biên Hoà, trấn Định Tường, trấn Vĩnh Long và trấn Hà Tiên.

Năm 1836, vua Minh Mạng đổi ngũ trấn thành lục tỉnh.

Năm 1859, thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn, phá thành Gia Định. Năm 1867, Pháp bỏ tên Gia Định và gọi là tỉnh Sài

https://www.facebook.com/taybanganh/

Gòn. Năm 1885, đổi hạt Sài Gòn thành hạt Gia Định, để phân biệt với thành phố Sài Gòn.

Về tên gọi Sài Gòn, có nhiều giả thuyết khác nhau. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, do vùng đất này xưa kia là một vùng rừng, chủ yếu là cây bông gòn. Chữ "Sài" ở đây được hiểu là rừng, là cây.

Năm 1861, Pháp đã cho quy hoạch thành phố Sài Gòn theo kiểu "đô thị phương Tây". Thành phố Sài Gòn lúc bấy giờ còn rất nhỏ bé, nằm gọn trong một góc của quận 1 ngày nay. Chợ Lớn là thành phố loại 2, chỉ là một phần nhỏ của quận 5 bây giờ. Giữa thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn là ruộng rẫy hoang vu.

Năm 1931, cả hai thành phố được mở rộng và nối liền nhau, trở thành một đơn vị hành chính gọi là thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn.

Năm 1997, Thành phố Hồ Chí Minh được mở rộng rất nhiều, gồm 17 quận nội thành, từ quận 1 cho đến quận 12 và các quận Thủ Đức, Tân Bình, Phú Nhuận, Bình Thạnh, Gò Vấp và 6 huyện ngoại thành: Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn, Nhà Bè, Cần Giờ và huyện Thủ Đức, với diện tích tự nhiên lên tới 2.090 km^2, dân số trên 5 triệu người.

Thành phố Hồ Chí Minh nằm giữa vùng đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên.

Thành phố ở vào tọa độ $10^0$22'13" - $11^0$22'17" vĩ độ Bắc, và từ $106^0$01'25" đến $107^0$01'10" kinh độ Đông. Trung tâm thành phố cách bờ biển Đông chừng 50km đường chim bay. Thành phố có 12 km bờ biển. Thành phố Hồ Chí Minh cách Thủ đô Hà Nội 1.738km đường bộ.

Khí hậu có 2 mùa rõ rệt, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình cả năm là 27^0C, không có mùa đông. Các hoạt động du lịch có thể thực hiện quanh năm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thành phố Hồ Chí Minh có hệ thống giao thông thuận lợi nhất cả nước, bao gồm cả đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không. Thành phố Hồ Chí Minh là đầu mối giao thông quan trọng. Từ thành phố, theo đường bộ có thể dễ dàng đi khắp đất nước, sang cả Campuchia và Thái Lan. Đường hàng không, không chỉ đi trong nước, từ Thành phố Hồ Chí Minh du khách còn có thể đi khắp năm châu bốn biển, sang nhiều nước châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Đại Dương và châu Mỹ.

Thành phố Hồ Chí Minh không chỉ là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật quan trọng của đất nước mà còn là một điểm du lịch lớn đầy hấp dẫn. Ngoài những khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thành phố còn nhiều nơi tham quan, nghiên cứu như khu lưu niệm Nhà Rồng, khu vui chơi giải trí Thảo Cầm Viên, Đầm Sen, Suối Tiên...

THẮNG CẢNH

Thảo Cầm viên

Còn gọi là Sở Thú, vườn Bách Thú hoặc Bách Thảo, ở số 2B đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, quận I. Thảo Cầm Viên Sài Gòn là một địa chỉ văn hóa, nơi bảo tồn động thực vật có tuổi đời đứng hàng thứ 8 trên thế giới, cùng thời với vườn Bách thảo Mátxcơva (1864, Nga), vườn Bách thảo Tôkyô (1862, Nhật Bản) và còn sớm hơn vườn Bách thảo Budapest (1886, Hungari).

Thảo Cầm viên Sài Gòn được khởi dựng từ tháng 3 năm 1864, khánh thành năm 1865 trên một khu đất rộng 12 ha, nằm cạnh sông Rạch Lăng, do một chuyên viên khảo cứu thực vật nhiệt đới người Pháp là ông J. B. Louis Pierre phụ trách. Mới đầu chỉ là nơi thử nghiệm trồng một số cây công nghiệp nhập nội như cà phê, ca cao, cao su... và một số cây rừng quý như trắc, gõ, cẩm lai... Sau đó mở rộng thêm 8 ha và đưa thêm một số động vật vào nuôi dưỡng, rồi đổi thành Sở thú. Đến năm 1924, Sở thú mở rộng thêm qua bên kia sông Thị Nghè 13 ha nữa, tổng cộng 33ha.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Năm 1927, xây chiếc cầu bắc qua sông Thị Nghè nối hai phần của Sở thú. Ngày 27 tháng 11 cùng năm, người Pháp cho xây Viện Bảo tàng cổ vật trong khuôn viên Sở thú theo thiết kế giống cung điện Mùa Hè, Bắc Kinh (Trung Quốc).

Năm 1929, cũng tại công viên này Pháp còn cho xây *Temple du Souvenir*, kiến trúc giống đền thờ ở lăng tẩm Huế. Trên lầu có thư viện khá rộng.

Năm 1959-1960, chính quyền Ngô Đình Diệm biến ngôi biệt thự (của Bảo Đại trước đây) thành phòng điều tra của Sở Tình báo Trung ương, gọi là P.42.

Từ 1989, Thảo Cầm Viên được chỉnh trang gồm hai cổng: cổng ở đường Lê Duẩn và cổng ở đường Xô Viết Nghệ Tĩnh. Thảo Cầm viên chia làm nhiều khu vực: khu vực cầm thú, khu cây xanh và vườn phong lan, cây cảnh, khu vui chơi.

Về thực vật: có hàng ngàn loài cây quý, có những cây cổ thụ và nhiều thảo mộc có nguồn gốc châu Mỹ, châu Phi. Trong công viên có nhiều hồ nước thả hoa sen, hoa súng nhiều màu sắc hình dáng lạ.

Về động vật: nuôi hàng chục loài có vú, hàng chục giống chim, nhiều loài bò sát, giống có cánh, nhiều dã thú: voi, sư tử, hổ, gấu, báo, hươu, nai, heo rừng...

Năm 1990, Thảo Cầm viên Thành phố Hồ Chí Minh là thành viên chính thức của Hiệp hội các vườn thú Đông Nam Á.

Khu du lịch suối Tiên

Thuộc huyện Thủ Đức, cách Thành phố Hồ Chí Minh 19 km về hướng Đông Bắc, cạnh đường Hà Nội. Suối Tiên, tên con suối uốn lượn giữa hai cánh rừng, cùng với những công trình kỳ vĩ do con người tạo nên mang tính khắc họa lại lịch sử dân tộc ta từ buổi đầu dựng nước như: "*Bàn chân Giao Chỉ*", đài tưởng niệm vua Hùng với sự tích bánh chưng, bánh giầy, hồ Gươm với Rùa Thần, Lạc Long Quân và nàng Âu Cơ với con rồng khổng lồ ngẩng cao đầu, miệng phun nước, bên ổ trăm trứng trắng hồng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Khu du lịch Suối Tiên rộng khoảng 100 ha. Bước đầu mới xây dựng khoảng hơn diện tích. Ngoài những khu vui chơi, giải trí, Suối Tiên có khu nuôi nhiều thú vật quý hiếm, đặc biệt có hồ nuôi cá sấu trên 2000 con. Đã có khu thể thao, nghỉ dưỡng như sân quần vợt, biển nhân tạo, khu nhà nghỉ qua đêm cho du khách.

Đến Suối Tiên, du khách sẽ được hoà nhập vào thiên nhiên và được tắm mình vào những trang sử hào hùng đầy huyền tích của dân tộc.

Công viên Đầm Sen

Rộng hơn 50ha, nằm ở góc đường Lạc Long Quân và Hoà Bình thuộc quận 11. Công viên chia thành nhiều khu vực. Khu vui chơi giải trí: có trò chơi điện tử, sân khấu, cổ tích, non bộ thủy cung, nhà sinh vật biển, rối nước, vườn chim, vườn bướm thiên nhiên, vườn hoa phong lan, cây cảnh, khu câu cá. Khu trò chơi mạo hiểm: đi thuyền vượt thác, đi tàu điện Monorail. Khu dịch vụ thể thao: bowling, ô tô điện, hồ Thiên Nga, hồ ngựa phi, vườn hoa châu Âu, Quảng trường La Mã, Quảng trường Văn hóa, sân khấu nhạc nước. Chùa cổ, quán trà đạo, nhà hàng thủy tạ.

Ngoài ra công viên Đầm Sen còn dành một khoảng đất rộng cho những ai có nhu cầu cắm trại.

Khu vực lòng hồ dành cho các hoạt động trên mặt nước như bơi xuồng, câu cá, sân khấu rối nước...

Khu du lịch Kỳ Hoà

Nằm gần trung tâm thành phố, số 12, đường 3 tháng 2, quận 10. Khu du lịch rộng hơn 14ha trong một vùng thiên nhiên thoáng rộng, có khu công viên, có trung tâm hội chợ quốc tế, có khách sạn hiện đại và có một hệ thống nhà hàng khang trang sạch đẹp, cạnh nhà hát Hoà Bình, một nhà hát lớn của thành phố, một trung tâm biểu diễn văn nghệ, thời trang, thi hoa hậu...

Khu du lịch Kỳ Hoà gồm Kỳ Hoà 1 và Kỳ Hoà 2 nối với nhau qua một chiếc cầu xinh xắn bắc qua một hồ nước đẹp. Tại đây có

https://www.facebook.com/taybanganh/

đủ loại hình vui chơi, giải trí như bơi thuyền, đu quay, đi xe lửa, cầu trượt, nhà trưng bày sinh vật biển, sàn trượt patin...

Tại công viên có khu vườn thần tiên, sân khấu dành cho thiếu nhi, sân khấu Đồi Hoa Vàng với hơn 1000 chỗ ngồi bên bờ hồ thơ mộng.

Vườn Tao Đàn

Dân chúng quen gọi là "Vườn ông Thượng". Ngày 19-4-1984, vườn Tao Đàn được chính thức đổi tên là Công viên Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 90.503m^2, nằm gọn giữa 4 con đường Nguyễn Du, Nguyễn Thị Minh Khai, Huyền Trân Công chúa và Cách mạng Tháng Tám.

Nơi đây thường xuyên diễn ra các chương trình lễ hội dân tộc như Tết Nguyên Đán, Hội hoa xuân, Hội đền Hùng, Hội Văn hóa các dân tộc...

Công viên Văn hóa còn là nơi luyện tập thể thao, thể dục của người dân thành phố và các hoạt động ca nhạc, xiếc...

Công viên nước Sài Gòn (Saigon water park)

Khai trương từ ngày 13-12-1997, là khu giải trí hiện đại dưới nước đầu tiên ở Việt Nam bao gồm các trò chơi: cầu trượt nước, hồ bơi theo tiêu chuẩn quốc tế.

Công viên nằm trên diện tích 5 ha cạnh sông Sài Gòn thuộc quận Thủ Đức, cách trung tâm thành phố khoảng 10km.

Tới đây du khách có thể tham gia trò chơi: "Thác bạc, Ghềnh sông" từ độ cao 15m của 6 cầu trượt khác nhau, thả mình trượt qua 120m gồm nhiều khúc quanh vòng vèo trước khi "liều mình bay" xuống hồ nước trong xanh. Thấp hơn có cầu trượt dài chỉ 70m, cao 12m. Sau khi xuống nước, du khách được thả mình trong hồ để thưởng thức những đợt sóng nhân tạo, tạo cảm giác mạnh, hoặc thả mình trên những chiếc phao lớn bồng bềnh trên sông dài 350m, nước lững lờ trôi.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Khu du lịch "Một thoáng Việt Nam"

Là một quần thể các làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam, với diện tích 22,5ha, nằm tại bến Bò Cạp, ấp Phú Bình, huyện Củ Chi, gần sông Sài Gòn. Khu du lịch gồm 30 hạng mục, là một Việt Nam thu nhỏ qua những đặc trưng của mỗi vùng, như: đền thờ đất nước, sa bàn nước Việt Nam, lầu vọng, đường Trường Sơn lịch sử, ba khu tiêu biểu cho 3 miền đất nước: Bắc, Trung, Nam. Bên cạnh khu văn hóa ẩm thực, đảo nuôi chim thú tự nhiên, khu chợ hàng tiểu thủ công nghiệp, chợ nổi trên sông, vườn cây ăn trái.

Tại đây nhiều người thợ thủ công tài ba thuộc nhiều dân tộc, đến từ nhiều miền khác nhau, cùng lao động trong một số nghề thủ công truyền thống tiêu biểu: mây tre đan, dệt tơ lụa, thổ cẩm, gốm sứ, nón lá, thêu ren, giấy dó, in khắc tranh dân gian, điêu khắc đá, chạm trổ mộc, chế biến mía đường thủ công, trồng lúa, nuôi trồng thủy sản, trồng hoa, cây cảnh...

Thăm khu du lịch "*Một thoáng Việt Nam*" sẽ để lại trong lòng du khách những ấn tượng khó quên về một Việt Nam hoà bình, hữu nghị, con người sáng tạo và cần cù.

Bà Điểm-Mười Tám thôn Vườn Trầu

Thuộc huyện Hóc Môn, cách thành phố 20km. Từ thành phố theo quốc lộ 1 đi về phía Tây Bắc khoảng 10km, qua cầu Tham Lương một đoạn rẽ trái vào tỉnh lộ 14, du khách sẽ thấy hai bên đường san sát những vườn trầu, nằm nép mình dưới những hàng cau cao vút.

Theo truyền thuyết, muốn đi vào mười tám thôn vườn trầu thì phải qua một quán trà Huế của bà Điểm. Vì vậy người dân quen gọi vùng này là Bà Điểm. Bà Điểm là tên gọi của thị trấn Tân Thới Nhất, Hóc Môn.

Địa danh 18 thôn vườn trầu và Bà Điểm nói riêng không chỉ nổi tiếng là vùng trồng nhiều trầu, cau, mà còn nổi tiếng về lịch

https://www.facebook.com/taybanganh/

sử của nó. Năm 1861, Trương Định, một nhà quân sự đại tài, rời thành Chí Hoà về đây củng cố quân cơ bàn mưu đánh Pháp. Năm 1871, Nguyễn Ảnh Thủ cùng nghĩa quân đánh chiếm Thuận Kiều. Mười ba năm sau (1844), Phan Công Hớn làm cuộc khởi nghĩa lấy tên "Thập bát phù viên", đánh chiếm dinh quận Hóc Môn, giết chết đốc phủ Trần Tử Ca.

Làng hoa mai Thủ Đức

Hoa đào tiêu biểu cho ngày Tết miền Bắc, thì hoa mai là loài hoa đặc trưng cho ngày Tết ở miền Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Làng hoa Thủ Đức thuộc ấp Hiệp Bình Chánh và Hiệp Bình Phước. Ở đây có nhiều cây mai thế khá đẹp, được chăm sóc kỳ công.

Hoa mai Thủ Đức cùng "sánh vai" đón Tết với hoa đào Hà Nội, cùng lên máy bay xuất cảnh sang các vùng miền thế giới, làm ấm lòng người Việt xa xứ mỗi độ xuân về.

Vườn cò Thủ Đức

Ở ấp Gò Công, xã Long Thạch Mỹ, huyện Thủ Đức, cách thành phố khoảng 20km. Vườn cò, cảnh trí thiên nhiên hoang dã nhưng rất đẹp. Đây là nơi trú ngụ của đàn cò hàng ngàn con gồm nhiều loại cò quý hiếm. Mặc dầu chưa được quan tâm đầu tư, nhưng là một khu thiên nhiên nằm ngay cạnh thành phố, là một địa chỉ du lịch không phải thành phố nào cũng có, nó luôn luôn hấp dẫn các đoàn khách nước ngoài và các đoàn học sinh, sinh viên đi dã ngoại.

Khu rừng Sác ngập mặn Cần Giờ

Cách thành phố 79km theo đường Nhà Bè - Duyên Hải, diện tích hơn 40.000 ha, thuộc huyện Cần Giờ. Rừng Sác kéo dài từ Nhà Bè đến tận Ghềnh Rái. Trước đây, khu rừng Sác khá rậm rạp với quần thể thực vật rất phong phú, đã bị tàn phá nhiều trong hai cuộc kháng chiến. Ngày nay đang được đầu tư khôi

https://www.facebook.com/taybanganh/

phục, trồng mới. Đây là khu rừng ngập mặn lớn nhất nước ta, rất hấp dẫn những ai muốn tìm hiểu sinh thái vùng ven biển Việt Nam.

DI TÍCH

Chùa Giác Lâm

Vùng Phú Thọ Hoà, số 118 đường Lạc Long Quân, quận 11, là ngôi chùa cổ xưa nhất của thành phố. Chùa còn có tên là Cẩm Sơn hoặc Cẩm Điện. Đến năm 1772, có một vị hoà thượng đến trụ trì, từ đó chùa được đổi tên là Giác Lâm.

Chùa được dựng năm 1744, đời chúa Nguyễn Phúc Khoát và qua nhiều lần trùng tu vào các năm 1804, 1909. Trên cổng có 3 chữ Hán "Giác Lâm tự". Vì trong chùa có tháp của sư tổ phái Lâm Tế ở miền Nam, nên chùa Giác Lâm còn được gọi là đình Giác Lâm.

Chùa tọa lạc trong một khuôn viên rộng, kiến trúc khá đặc sắc. Cột chùa rất to lớn, màu nâu đậm, trên đó chạm khắc những câu đối mạ vàng gồm 143 cặp câu đối. Ban công chùa chạm các loại hoa mai, hoa cúc và 9 con rồng. Chính điện thờ Phật Di Đà, dưới thờ Phật Thích Ca, Di Lặc, hai bên thờ Quan Thế Âm, Thế Chí, tượng Cửu Long. Hai bên là tượng 18 vị La Hán, Thập điện Diêm vương, Tổ sư Đạt Ma, tượng Long Vương. Có 113 tượng Phật bằng đồng và gỗ quý có niên đại 200 năm.

Chùa được công nhận di tích lịch sử văn hóa.

Chùa Giác Viên

Thuộc vùng Bình Thới, đường Lạc Long Quân, Quận 11, xưa chỉ là một am nhỏ có tên là Quan Âm các, được dựng vào năm 1798. Năm 1850 được trùng tu và đổi thành chùa Giác Viên. Năm 1902, chùa được mở rộng bề thế như hiện nay. Chùa nằm trong công viên Đầm Sen, trên một đảo nhỏ, là một trong những

https://www.facebook.com/taybanganh/

thắng cảnh Gia Định xưa, mà cách đây trên hai thế kỷ Trịnh Hoài Đức đã có thơ vịnh: "*Chim ngủ trên đầm sen*".

Hiện chùa còn lưu giữ nhiều tác phẩm điêu khắc, đường nét chạm trổ tinh vi, như những tấm thêu trên mặt gỗ, một đặc trưng quý báu cho kiến trúc cổ phương Nam. Trong những lần trùng tu vào các năm 1958, 1961, 1962, ở đây đã xuất hiện những nét kiến trúc phương Tây, không mấy hoà nhập. Trong chùa còn giữ được chiếc giá võng của triều Nguyễn tặng vị sư tổ Hải Tịnh, người sáng lập chùa Giác Viên và một gốc mai, tương truyền của Mạc Cửu, người mở đất Hà Tiên đem đến trồng. Chùa còn có 153 pho tượng, 60 bao lam lớn nhỏ, chạm khắc 18 vị La Hán, muông thú, hoa lá. Chung quanh chùa có một tu viện, dành cho những nhà hành đạo, có một nhà in và trung tâm huấn luyện bồi dưỡng cho các vị cao tăng.

Chùa Phụng Sơn

Chùa do Thiền sư Liễu Thông tạo lập vào đầu thế kỷ XIX đời Gia Long (1802-1820) trên nền chùa Miên cũ, của một gò đất cao, nên còn gọi chùa Gò. Tọa lạc ở số 1408, đường 3 tháng 2, quận 11. Chùa đã qua hai lần đại trùng tu, lần thứ nhất do Thiền sư Tuệ Minh tổ chức từ 1904 đến 1915. Nhiều pho tượng thờ trong chùa được tạc trong thời gian này. Lần thứ hai vào năm 1960, kiến trúc chùa không có gì thay đổi.

Chùa thờ Phật, hiện còn lưu giữ nhiều cổ vật quý như tượng Phật cổ bằng gỗ trầm hương, một tượng Phật bằng đá trắng. Tổng số tượng Phật gồm 40 pho chủ yếu tượng gỗ sơn son thếp vàng. Ở nhà tổ có tượng Phật Nhật Bản, tượng Phật Thái Lan.

Vào các năm 1988 và 1991, các nhà khảo cổ học đã phát hiện nhiều hiện vật như mặt người bằng đất nung, đồ gốm... thuộc nền văn hóa cổ Óc Eo, khoảng thế kỷ XIII.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Cây Mai

Tọa lạc ở số 28B đường Hùng Vương, quận 11, là ngôi chùa Việt được dựng vào năm 1815 trên nền cũ của ngôi chùa Miên.

Chung quanh chùa trồng nhiều mai trắng, giống mai quý và hiếm ở miền Nam, nên chùa có tên gọi chùa Cây Mai, còn có tên là chùa Thiếu Lĩnh.

Xưa kia, nơi đây hằng năm thường tổ chức đua ghe ngo, lễ đưa nước vào đồng đầu vụ mùa. Vốn là một trong 30 thắng cảnh của Gia Định thành. Đây còn là nơi ngâm thơ phú của nhóm *Bạch Mai thi xã* thành lập năm 1858, một văn đàn lớn của văn sĩ miền Nam trước ngày Pháp chiếm Gia Định.

Chùa Bà Thiên Hậu

Còn gọi Tuệ Thành Hội quán, nằm ở số 710 đường Nguyễn Trãi, quận 5, là một trong những ngôi chùa cổ nhất của người Hoa ở vùng Sài Gòn - Chợ Lớn. Trong chùa hiện còn một chuông đồng ghi ngày đúc năm 1796 và một bia đá khắc 1859.

Kiến trúc chùa theo kiểu chùa Hoa cổ, từ màu sắc bên ngoài cho đến bài trí nội thất với nhiều đồ sứ tráng men màu sắc sặc sỡ, và là nơi thờ Bà Thiên Hậu.

Theo truyền thuyết, bà là người cứu vớt, phù hộ cho những người đi biển tai qua nạn khỏi.

Chùa Ông

Còn gọi là Nghĩa An Hội quán, tọa lạc tại 676-678 đường Nguyễn Trãi, quận 5, thờ Quan Công (Quan Vân Trường), một nhân vật nổi tiếng dũng cảm và trung nghĩa thời Tam Quốc (Trung Quốc), và cũng là nơi hội họp của người Triều Châu vùng Chợ Lớn.

Chùa được dựng năm 1840, lúc đầu chỉ là ngôi chùa nhỏ, đã qua nhiều lần trùng tu, lần cuối cùng vào năm 1968, có quy mô như ngày nay.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trong chùa, ngoài tượng Quan Công cao 2,2m còn có tượng Quan Bình, Châu Xương... và nhiều hiện vật cổ quý như bình men màu cổ của Nhật, Trung Quốc có cái cao 1m, một chuông đồng có niên đại 100 năm.

Rằm tháng Giêng là ngày hội lớn của chùa, kéo dài 10 ngày.

Chùa Vĩnh Nghiêm

Tọa lạc ở 339 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3. Chùa mang tên Vĩnh Nghiêm là do vị sư tổ trụ trì trước đây tu ở núi Yên Tử, Quảng Ninh, thuộc thiền phái Trúc Lâm đời Trần.

Chùa được dựng từ 1964 đến 1973 hoàn thành. Đây là công trình tiêu biểu kiến trúc Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX, do kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng thiết kế, kỹ sư Nguyễn Văn Tố cùng nhiều nghệ nhân như ông Thuyết, ông Thêm... tham gia trang trí nội thất.

Kiến trúc chùa theo lối chùa cổ miền Bắc, nhưng với kỹ thuật, vật liệu hiện đại, tọa lạc trong một khuôn viên rộng 8.000m^2. Mặt bằng chính điện hình chữ "*công*" (工), có hành lang phía trước, hai bên có 2 pho tượng Kim Cương cao 2m. Trong tháp chuông treo một chuông lớn có đường kính 1,8m do Phật tử dòng Tào Động Nhật Bản quyên góp đúc năm 1971 gửi tặng.

Bảo tháp của chùa (mang dáng dấp tháp Nhật Bản) hình vuông vút lên, mỗi cạnh đáy 6m, cao gần 35m, gồm 9 tầng, là ngôi tháp đồ sộ nhất trong các bảo tháp của Phật giáo Việt Nam.

Trên vách của 9 tầng tháp, đắp nổi 25 pho tượng Thất Phật Thế Tôn và các vị tổ.

Phía sau chùa có tháp Xá Lợi 4 tầng, cao 25m, dựng năm 1982.

Điện Phật được thiết kế trang nghiêm. Gian giữa thờ Phật Thích Ca, hai bên thờ Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền. Hai bên vách đặt 6 phù điêu La Hán bằng gỗ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đây là ngôi chùa Phật giáo Đại thừa lớn nhất thành phố, do Hoà thượng Thích Thanh Kiểm (1920 - 2000), Ủy viên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam trụ trì từ trước cho đến khi viên tịch vào năm 2000. Chùa còn là nơi đặt Trường Cao Trung Phật học của Thành phố.

Chùa Xá Lợi

Tọa lạc tại 89 đường Bà Huyện Thanh Quan, quận 3, được khởi công xây dựng vào ngày 5 tháng 8 năm 1956, trong một khuôn viên rộng 2.500m^2 theo bản thiết kế của kiến trúc sư Trần Văn Đường và Đỗ Bá Vinh. Lễ khánh thành tổ chức từ ngày 2 đến ngày 4 tháng 5 năm 1958.

Chùa do Hội Phật học Việt Nam xây cất để thờ Xá Lợi Phật, các chư tăng ni, Phật tử. Do đó chùa lấy tên là Xá Lợi.

Điện thờ ở lầu 1, được bài trí đơn giản, thờ tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bằng đá cao 6,5m, do điêu khắc gia Lê Văn Mậu tạc vào năm 1954-1955. Ở đây có đặt thờ ngọc Xá Lợi Phật, do ngài Ranada ở Tích Lan dâng cúng cho Phật giáo Việt Nam.

Bên trái cổng tam quan có tháp chuông cao 7 tầng, được xây dựng từ năm 1960, hoàn thành cuối năm 1961.

Bát Bửu Phật đài

Thuộc xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, cách trung tâm thành phố khoảng 30km về phía Tây Nam. Phật đài được xây dựng năm 1959, hoàn thành vào năm 1961, trên một khuôn viên rộng 1.000m^2. Kiến trúc Phật đài hình bát giác, cao 3m. Trên cùng đặt tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cao 7m, nặng 4 tấn, do nhà điêu khắc Nguyễn Thanh Thu tạc năm 1958.

Trong chiến tranh, đây là vùng bị đánh phá ác liệt, nhưng rất may Phật đài không bị hư hấn gì. Đến nay Bát Bửu Phật đài được sửa sang và xây dựng thêm nhiều hạng mục công trình trên diện tích 5ha.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Ấn Quang

Tọa lạc ở số 243 đường Sư Vạn Hạnh, quận 10. Chùa được Hoà thượng Thích Trí Hữu, từ chùa Linh Ứng ở Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng vào dựng lên năm 1948, mang tên Ứng Quang Tự. Đến năm 1950, Hoà thượng Thích Thiện Hoà tôn tạo ngôi chùa và cho xây thêm chính điện, lập trường Phật học. Sau đó chùa được đổi tên là chùa Ấn Quang. Từ năm 1955 đến 1978, Hoà thượng Thích Thiện Hoà tiếp tục cho tái thiết ngôi chùa bằng vật liệu kiên cố, theo đồ án thiết kế của kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thiện. Điện Phật được bài trí đơn giản, chính giữa thờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Từ 1982, chùa được chọn đặt trụ sở của Ban Trị sự Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh.

Thiền viện Vạn Hạnh

Tọa lạc ở số 716 đường Nguyễn Kiệm, quận Gò Vấp. Thiền viện nằm trong một khuôn viên rộng khoảng 1ha, gồm chính điện, nhà tổ và dãy nhà trụ sở Trường cao cấp Phật học Việt Nam, Văn phòng Viện nghiên cứu Phật học và Văn phòng Hội đồng phiên dịch Đại tạng kinh Việt Nam.

Thiền viện thường xuyên đón tiếp các đoàn đại biểu Giáo hội Phật giáo trên thế giới. Vào những ngày lễ Phật Đản, Vu Lan, hay những buổi giảng kinh Phật, đông đảo Phật tử gần xa đến dự.

Đền thờ Trần Hưng Đạo

Tọa lạc tại số 36 đường Võ Thị Sáu, quận I. Trong số các đền thờ Trần Hưng Đạo thì đây là ngôi đền lớn nhất ở miền Nam. Đền nằm trong một khuôn viên rộng, vốn xưa là đất của chùa Vân An. Đến năm 1932 đền thờ Trần Hưng Đạo được xây cất sát chùa. Năm 1958 cả đền thờ lẫn chùa được phá bỏ để xây lại đền thờ Trần Hưng Đạo to lớn khang trang như ngày nay. Kiến trúc đền theo bản thiết kế của kiến trúc sư Nguyễn Mạnh Bảo. Đền xây theo kiểu hình chữ "*đinh*" (丁), rộng 200m^2, có 3 dãy cửa liền nhau nhìn ra sân, với 2 tầng mái chồng lên nhau, tám đầu mái

https://www.facebook.com/taybanganh/

cong, đắp hình hoa lá. Trước cửa đền có 2 câu đối, nói về hùng khí Vạn Kiếp và Lục Đầu Giang "*Vạn Kiếp hữu sơn giai kiếm khí, Lục Đầu vô thủy bất thu thanh*". Trong đại sảnh có hoành phi câu đối ngợi ca tài năng công đức và những chiến công hiển hách của Hưng Đạo Vương trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông ở thế kỷ XIII.

Trong đền còn thờ các vị có công với nước thuộc đời Trần như Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư, Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng. Tại nơi thờ chính có tượng Trần Hưng Đạo bằng đồng, tư thế ngồi cao 1,7m, do thợ Ngũ Xã đúc năm 1957, phía trái đặt bài vị hai người con gái của Hưng Đạo Vương, bên phải thờ 4 người con trai.

Sân đền thoáng rộng, ở giữa đặt bức tượng Trần Hưng Đạo đứng, đúc bằng xi măng, rất uy nghi. Bên phải sân đền là nhà bảo tàng nhỏ, trưng bày một số hiện vật, văn bản, bản đồ, đoạn trích bài Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo.

Lăng Ông

Nằm ở đầu đường Đinh Tiên Hoàng giáp với đường Phan Đăng Lưu, quận Bình Thạnh, là nơi chôn cất và thờ cúng Tả quân Lê Văn Duyệt, viên võ quan dưới triều Nguyễn.

Người xây lăng Ông cũng chính là người xây lăng Tự Đức ở Huế.

Tuy đã qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa nhưng lăng vẫn giữ được vẻ cổ kính nguyên sơ ban đầu. Nổi bật là 4 cột gỗ chạm rồng ở chính điện với đường nét độc đáo tuyệt đẹp.

Ngoài cùng của khuôn viên lăng có cổng tam quan, kiến trúc theo kiểu 2 tầng 8 mái. Ngoài phần mộ của Tả quân còn có hai phần mộ của hai phu nhân ông. Nằm ngoài khuôn viên lăng còn có hai phần mộ của hai nàng hầu, một ở phía Tây, một nằm ở phía Đông lăng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nhà thờ Đức Bà

Mặt chính nhìn ra đường Nguyễn Du, lưng giáp đường Lê Duẩn, hai bên hông là Quảng trường Công xã Paris, là một công trình kiến trúc lớn, được đặt viên gạch đầu tiên vào ngày 7-10-1877, và khánh thành vào ngày 11-4-1880. Nhà thờ do người Pháp thiết kế tại Paris theo mẫu Nhà thờ Đức Bà Paris. Việc thi công xây dựng cũng do kỹ sư người Pháp tên Baurad chỉ huy thực hiện. Tổng kinh phí xây dựng 2,5 triệu *franc* lúc bấy giờ, do Thống sứ Nam Kỳ cung cấp.

Ngôi thánh đường nguy nga tráng lệ, rộng 35m, dài 93m, cao 21m, với hai ngọn tháp vuông cao 26,6m, đến năm 1894, xây tiếp hai ngọn tháp nhọn vút cao 57m.

Một điều đặc biệt không một nhà thờ nào ở Việt Nam có là nhà thờ này được xây bằng gạch trầm, một loại gạch phải chở từ Marseilles tới. Gạch luôn luôn đỏ au, không bị phai màu cùng thời gian, không bị bụi bặm, rong rêu bám. Các lỗ thông hơi được chạm thẳng vào tường rất khéo như những hoa văn trên lụa là, gấm vóc, khiến cho nhà thờ luôn luôn mát mẻ. Trên hai lầu chuông có 6 quả chuông lớn nặng 25.850kg.

Năm 1959, trước sân nhà thờ có thêm tượng "Nữ vương hoàn cầu" làm bằng đá cẩm thạch, đặt tạc tại Italia cao 4,2m, nặng 8 tấn rưỡi.

Năm 1962, nhà thờ này được Tổ thánh Vatican nâng lên hàng "*Vương cung Thánh đường*".

Nhà thờ Huyện Sỹ

Còn gọi nhà thờ Chợ Đủi, nằm ở số 1 đường Tôn Thất Tùng, quận 1, dựng năm 1902, do đức cha Bouttier thiết kế.

Công trình sử dụng chủ yếu đá granít Biên Hoà để lát mặt tiền, các phần đế và dùng làm cột chính điện. Loại đá này rất cứng nên không chạm khắc.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nhà thờ có kiến trúc theo nghệ thuật *Gothique* mới. Chính điện có vòm chịu lực dạng cung nhọn, cửa sổ có vòm đỉnh nhọn.

Tường tuy có cửa sổ nhưng ánh sáng khó lọt vào bên trong. Hậu cung có mộ ông bà Huyện Sĩ (Lê Phát Đạt), được xây bằng đá cẩm thạch kể cả tượng thờ hai ông bà.

Huyện Sĩ là người giàu có, đã bỏ tiền ra xây cất ngôi nhà thờ này, nên nhà thờ được đặt tên là Huyện Sĩ.

Nhà thờ Chợ Quán

Ở số 120 đường Trần Bình Trọng, quận 5. Họ đạo ở vùng Chợ Quán là họ đạo lâu đời nhất của Tổng giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đây đã xây ngôi nhà nguyện đầu tiên vào năm 1674, do giáo dân từ miền Bắc và miền Trung vào xây. Ngôi nhà thờ Chợ Quán được xây đi xây lại nhiều lần. Năm 1887 cha xứ Nicola Hamm đã khởi công xây nhà thờ mới. Công việc xây dựng kéo dài trong 4 năm, đến năm 1891 mới hoàn thành và được khánh thành vào mồng 4 Tết Bính Thân (1896) và tồn tại cho đến ngày nay.

Nhà thờ Chợ Quán kiến trúc theo nghệ thuật Gothique. Trải qua hơn 100 năm nhưng vẫn còn uy nghi.

Nhà thờ Cha Tam

Ở số 25 đường Học Lạc, quận 5. Đây là ngôi nhà thờ dành cho người Hoa, được khởi dựng vào ngày 3-12-1900, do đức cha Mossard, Giám mục Sài Gòn, đặt viên đá đầu tiên. Đây là ngày lễ thánh Francisco Savier, nên nhà thờ cũng được gọi nhà thờ Francisco Savier. Sau hai năm, nhà thờ xây xong, lễ khánh thành được tiến hành vào ngày 10-1-1902. Sau khi xây Nhà thờ Cha Tam, còn xây thêm một trường học, nhà nuôi trẻ, một nhà nội trú và một số nhà cho thuê.

Năm 1934, Cha Tam qua đời, an táng ngay tại khu vực tường cửa vào nhà thờ. Do đó dân thường gọi là Nhà thờ Cha Tam.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Năm 1963, Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu ẩn trốn ở trong ngôi nhà thờ này, đã bị quân đảo chính bắt và giết chết.

Năm 1990, tháp chuông nhà thờ được sửa lại và tân trang cung thánh. Đây là ngôi nhà thờ duy nhất ở thành phố có trang trí hoành phi, liễn đối giống như đền chùa người Hoa.

Bảo tàng lịch sử

Trước đây có tên là Bảo tàng *Blanchard de la Brosse*, người sáng lập ra bảo tàng này. Đến năm 1954 được đổi tên là Viện Bảo tàng Quốc gia Sài Gòn. Bảo tàng được xây vào ngày 24-11-1927, hoàn thành vào ngày 1-1-1929, do kiến trúc sư *Delaval* thiết kế, toạ lạc tại số 2 đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, quận 1, trong khuôn viên của Thảo Cầm Viên. Đây là ngôi nhà cất theo lối kiến trúc châu Âu, nhưng mái nhà kiểu Trung Hoa rất duyên dáng, hao hao hình dáng cung điện Mùa Hè ở Bắc Kinh (Trung Quốc).

Bảo tàng trưng bày trên 5.000 cổ vật mang tính chất văn hố khác nhau của Việt Nam và nhiều quốc gia khác như Campuchia, Lào, Champa, Phù Nam, Nhật Bản, Inđônêsia, Trung Quốc... Đặc biệt có nhiều bia đá, tượng Phật, bình lọ gốm sứ, các loại trang phục dân tộc... rất đặc sắc của các tỉnh thành từ Bình-Trị-Thiên trở vào, phần lớn đều có niên đại từ 1000 năm trở lên.

Bảo tàng Cách mạng

Ở 25 Lý Tự Trọng, quận 1, được xây vào năm 1885, do kiến trúc sư người Pháp *A. Foulhou* thiết kế và hoàn thành vào năm 1890. Lúc đầu ngôi nhà này được gọi là Bảo tàng Thương mại, trưng bày các sản phẩm Nam Kỳ. Nhưng khi xây xong, Thống đốc Nam Kỳ lấy làm tư dinh. Sau đó, ngôi nhà này lần lượt làm dinh Thống đốc Nhật Minôda, dinh Khâm sai đại thần Nguyễn Văn Sâm, rồi là trụ sở UBHC lâm thời Nam Bộ, trụ sở Cao uỷ Cộng hoà Pháp, dinh Thủ hiến Nam Kỳ Trần Văn Hữu, dinh Thủ hiến Nam Phần và dinh Gia Long của Ngô Đình Diệm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Năm 1963, trong cuộc đảo chính, Ngô Đình Diệm và cố vấn Ngô Đình Nhu đã theo đường hầm trong ngôi nhà này chạy trốn lên Nhà thờ Cha Tam.

Đường hầm này được khởi công xây dựng tháng 3-1962, ở phía sau dinh, tiếp giáp với sân quần vợt, hoàn thành vào ngày 28-10-1963. Hầm có chiều dài 33m, rộng 7m, cao 2,2m, có 6 lỗ thông hơi. Trong hầm có 6 phòng. Nắp hầm bằng bê tông cốt sắt, trên đổ một lớp đất dày 1 thước trồng hoa kiểng. Hầm có 2 lối lên lô cốt phía sau. Trong dinh có hai lối xuống, có bốn lối lên: hai lối lên lầu, hai lối lên tầng trệt.

Dưới thời Nguyễn Văn Thiệu, ngôi nhà này dùng làm trụ sở Tối cao Pháp viện. Ngày 12-8-1978, ngôi nhà này được dùng làm Bảo tàng Cách mạng Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội trường Thống Nhất

Cuối đường Lê Duẩn, nơi cắt đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Đầu tiên đây là Phủ toàn quyền Đông Dương có tên là dinh *Norodom*, được xây năm 1868, đến cuối năm 1869 mới xong, do kiến trúc sư người Pháp *Hermitte* thiết kế. Sau Hội nghị Geneve năm 1954 trở thành Phủ Tổng thống và là nơi ở của gia đình Ngô Đình Diệm.

Tháng 2-1962, dinh Tổng thống bị quân đảo chính ném bom, hư hỏng hoàn toàn, Diệm cho xây lại mới và đặt tên là dinh Độc Lập. Công trình được khởi công từ ngày 1-7-1962, đến ngày 31-10-1966 hoàn thành. Công trình do kiến trúc sư Ngô Viết Thụ thiết kế. Dinh có 4 tầng lầu, gồm 100 phòng. Mỗi phòng đều có cách bài trí theo những nét riêng.

11 giờ 30 ngày 30-4-1975, tại đây toàn bộ nội các Dương Văn Minh đầu hàng Quân giải phóng.

Tháng 12-1975, tại nơi đây đã diễn ra Hội nghị Hiệp thương thống nhất đất nước. Dinh Độc Lập được đổi thành dinh Thống Nhất.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bảo tàng Chứng tích chiến tranh

Ở đường Võ Văn Tần, được thành lập tháng 9-1975, tiền thân là Nhà trưng bày tội ác chiến tranh Mỹ-nguỵ. Bảo tàng trưng bày một số hiện vật, hình ảnh về tội ác của Mỹ-nguỵ theo các chủ đề: lính Mỹ tàn sát nhân dân, rải chất độc hố học, tra tấn tù đày, gây chiến tranh phá hoại miền Bắc. Hiện vật như: máy bay, đại bác, xe tăng, máy chém và hai ngăn "chuồng cọp" ở nhà tù Côn Đảo.

Bảo tàng còn trưng bày cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam, chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc.

Làng ngầm dưới lòng đất

Còn gọi là địa đạo Củ Chi, một di tích lịch sử nổi tiếng của Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, cách trung tâm thành phố khoảng 70km về phía Tây Bắc.

Đây là một hệ thống đường hầm nằm sâu trong lòng đất, có nhiều tầng, nhiều ngõ ngách liên kết với nhau, có nơi ăn ở, hội họp, sinh hoạt, chiến đấu. Hệ thống đường hầm này đã có từ năm 1948, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, lúc đó chỉ có 17km. Sau năm 1960, hệ thống này được sửa sang và phát triển lên tới 250km, gồm 3 tầng, tầng sâu nhất từ 8-10m. Trong những năm chống Mỹ, quân dân Củ Chi đã sống và chiến đấu ở dưới những tầng hầm cho đến ngày toàn thắng 30-4-1975.

Quân Mỹ, đặc biệt sư đoàn "Tia chớp nhiệt đới" đã nhiều lần dùng xe tăng, đại bác, máy bay ném bom đủ loại tấn công vào địa đạo Củ Chi, nhưng chưa một lần phá được làng ngầm. Địa đạo Củ Chi là một di tích lịch sử.

Hiện tại, đây trở thành khu du lịch hấp dẫn, thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước.

Đền tưởng niệm liệt sĩ Bến Dược

Toạ lạc trong một khuôn viên rộng 7ha, nằm trong quần thể khu di tích lịch sử Củ Chi, được khởi công xây dựng ngày 19-5-

https://www.facebook.com/taybanganh/

1993, khánh thành giai đoạn 1 vào ngày 19-12-1995 gồm cổng tam quan, nhà văn bia, tháp 9 tầng, cao khoảng 40m, chính điện và vườn hoa.

Tấm bia đá cao 3m, nặng 3,7 tấn, đặt giữa nhà văn bia khắc bài văn "Đời đời ghi nhớ" của nhà văn Viễn Phương.

Điện thờ trong chính điện được bài trí tôn nghiêm. Chính giữa thờ tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ba mặt chung quanh ghi tên các anh hùng liệt sĩ vào bia đá hoa cương, chữ mạ vàng. Đợt 1, có tên của 41.447 liệt sĩ, trong đó có tên 971 bà mẹ Việt Nam anh hùng, 38 anh hùng liệt sĩ và 8.972 liệt sĩ quê quán ở 25 tỉnh, thành khác đã chiến đấu hy sinh trên vùng đất Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định. Tầng dưới đền trưng bày các hiện vật, hình ảnh, sa bàn... về chủ đề "*Củ Chi đất thép thành đồng*".

Trụ sở Ủy ban Nhân dân thành phố

Thời Pháp thuộc gọi là Dinh Xã Tây, dùng làm trụ sở chính quyền thành phố, được xây dựng vào tháng 3 năm 1898, do kiến trúc sư *Gardes* người Pháp thiết kế và nhà thầu *Lailharar* thi công xây cất. Việc trang trí giao cho nhà thầu nghệ thuật *Bonnet* trang trí hoàn chỉnh. Tổ nhà này mãi đến năm 1908 mới khánh thành có kiểu dáng như hiện nay.

Trước năm 1954, tổ nhà này được gọi là Tổ Thị sảnh, từ 1954 đến 1975 gọi là Tổ Đô chính Sài Gòn và nay là Trụ sở Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, toạ lạc trên đường Lê Thánh Tôn và đầu đại lộ Nguyễn Huệ. Tổ nhà gồm tổ chính và 2 cạnh hình chữ nhật. Trên nóc ở giữa hai tầng mái là một gác chuông được đặt trên một cái bệ có dạng Kim tự tháp, mang dáng dấp kiến trúc thời Phục hưng, Ý. Trên các gờ tường, có hình đắp nổi được phối trí theo thể thức tam giác: người phụ nữ, những đứa trẻ con và các con vật được lồng vào trong một tam giác, trông rất sinh động.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vào lúc 10 giờ, ngày 25 tháng 8 năm 1945, tại đây đã diễn ra cuộc mít tinh thành lập Ủy ban Hành chính Lâm thời Nam Bộ, có hàng vạn quần chúng tham gia.

Nhà Bưu điện

Được xây cất năm 1886, hoàn thành năm 1891, theo đồ án của Kiến trúc sư Vilodiơ, toạ lạc trên khu đất bên hông nhà thờ Đức Bà (Vương cung Thánh đường) ở Quảng trường Công xã Paris. Đây là một công trình kiến trúc mang đặc trưng kiến trúc châu Âu có kết hợp nghệ thuật phương Đông. Mặt tiền nhà được trang trí theo từng ô hình chữ nhật, ghi danh những nhà phát minh ra ngành điện và điện tín. Trên các ô này có đắp các đầu hình nữ nhi đội vòng nguyệt quế. Ở giữa vòng cung ngôi nhà có chiếc đồng hồ lớn, có tuổi thọ ngang với tuổi thọ ngôi nhà. Hiện chạy vẫn chính xác.

Trong tổ nhà có 35 quầy phục vụ khách hàng với nhiều dịch vụ: bưu phẩm trong và ngoài nước, phát chuyển nhanh, điện hoa, fax...

Nhà hát Thành phố

Trước gọi là Nhà hát Lớn, được dựng năm 1898 và khánh thành vào ngày 1-1-1900 theo đồ án thiết kế của kiến trúc sư Berger.

Tổ nhà hình chữ nhật này, nằm ở ngã ba đường Lê Lợi và Đồng Khởi. Nơi đây ngày trước chỉ dành riêng cho những yếu nhân thời Pháp thuộc. Thời Mỹ-ngụy, nhà hát biến thành Hạ nghị viện của chế độ Sài Gòn và nay là Nhà hát thành phố. Nhà hát đã được trùng tu sửa chữa trong năm 2000.

Chợ Bến Thành

Trước khi Pháp chiếm Sài Gòn (1859), cạnh bờ sông *Bến* Nghé sát *Thành* Sài Gòn có một ngôi chợ. Vì vậy, ngôi chợ này mang tên ghép là chợ Bến Thành. Xưa chỉ là ngôi chợ nhỏ xây gạch, sườn bằng gỗ, lợp tranh. Năm 1870, chợ bị cháy một phần.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Để có một ngôi chợ lớn, đáp ứng yêu cầu của người dân Sài Gòn-Chợ Lớn đang phát triển lúc bấy giờ, năm 1911 người ta đã phá chợ cũ, đồng thời tại vùng đầm lầy M. Boress mà người dân Sài Gòn lúc đó gọi là ao *Bò-rệt*, một khu chợ mới được xây lên. Cuối tháng 3-1914 chợ được khánh thành. Lúc đó người Hoa, Chợ Lớn gọi là "*Tân giai thị*" hay "*Cái xị*". Đấy là xuất xứ của chợ Bến Thành.

Năm 1985, chợ được sửa chữa toàn bộ bên trong, bên ngoài, mặt trước với tháp đồng hồ vẫn giữ nguyên dáng cũ. Đây là chợ đầu mối của Thành phố Hồ Chí Minh, bán đủ loại hàng hố.

LỄ HỘI

Lễ hội Hùng Vương

Hằng năm, đến ngày 10 tháng 3 âm lịch tiến hành giỗ Quốc Tổ tại đền thờ vua Hùng trong Thảo Cầm Viên, do Sở Văn hố-Thông tin thành phố tổ chức, kết hợp giữa lễ hội cổ truyền với hoạt động văn hố hiện đại. Các đại diện chính quyền, đại diện thanh niên thành phố đọc bài nhớ ơn các vua Hùng và nguyện quyết tâm giữ nước. Sau đó là phần lễ bái, tế lễ cổ truyền của mọi tầng lớp nhân dân, phần hội có các trò chơi: đánh cờ người, võ thuật, múa lân...

Ngày giỗ Trần Hưng Đạo

Hằng năm vào ngày 20-8 âm lịch (ngày mất của Hưng Đạo Vương) nhân dân tổ chức lễ giỗ long trọng trang nghiêm ở đền thờ ông tại số 36 đường Võ Thị Sáu, quận 1. Đây là ngày hội có quy mô tổ chức khá lớn. Lễ diễn ra trong 3 ngày từ 19 đến 21 với các nghi thức tế lễ cổ truyền Bắc Bộ, bao gồm nam tế, nữ tế, nghi thức hát chầu văn ca ngợi công đức của Đức Thánh Trần. Sau lễ là phần hội, tổ chức chơi cờ người, múa hát dân tộc...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ giỗ Lê Văn Duyệt

Được tổ chức ở Lăng Ông vào 2 ngày 29 và 30 tháng 7 âm lịch hằng năm. Trong lễ giỗ, ngoài phần lễ bái theo nghi thức cổ truyền Nam Bộ, còn tổ chức hát bội. Nơi diễn là sân khấu được dựng ngay trong gian tiền điện, diễn xướng với nhiều nhân vật, nhiều tích trò... Đây cũng là lễ hội lớn nhất của vùng đất Nam Bộ. Người đến chiêm bái còn "xin xăm" cầu phúc, cầu may, cầu tài, cầu lộc.

Ngoài ra vào mồng 1 và 2 tháng Giêng âm lịch ở đây còn diễn ra hội xuân, dâng hương cầu chúc năm mới.

Lễ Giáng sinh

Hằng năm, lễ hội Thiên Chúa giáo lớn nhất tại Vương cung Thánh đường vào đêm 24 rạng ngày 25-12 âm lịch, rất đông giáo dân và nhân dân đến dự.

Trong dịp lễ Giáng sinh, các nhà thờ đều trang hoàng lộng lẫy. Đặc biệt là ở nhà thờ Đức Bà, những dây đèn chạy từ công viên trước nhà thờ lên tận thánh giá trên 2 tháp chuông cao gần 60m.

Trong đêm 24, trong nhà thờ diễn ra các nghi lễ tôn giáo kỷ niệm ngày Chúa Jesus ra đời, do cha xứ và các tín đồ cử hành trong bầu không khí trang nghiêm. Khoảng 20 giờ trở đi, khu vực chung quanh nhà thờ Đức Bà đông nghẹt nam nữ thanh niên.

Lễ hội ngư dân (Cần Giờ)

Còn gọi là lễ rước Ông (cá voi), được tổ chức quy mô ở xã Cần Thạch, huyện Cần Giờ vào ngày 16 tháng 8 âm lịch hằng năm. Vào ngày này, ngư dân nghỉ ra khơi để tham gia lễ. Lễ Nghinh Ông bắt đầu từ 9 giờ đến 13 giờ là lễ cúng Tiền Hiền, Hậu Hiền, để tưởng nhớ công lao những người đã đến đây lập nghiệp đầu tiên, rồi đến lễ cúng chánh tế. Đồ cúng không dùng sản vật biển mà dùng heo quay, xôi các màu, rượu, trà. Sau lễ còn có hội tổ chức nhiều trò vui dân gian: kéo dây, đi cà kheo.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ hội người Hoa

Phần lớn người Hoa ở Chợ Lớn đều theo tín ngưỡng dân gian Hoa Nam, thờ nhiều thần thánh. Mỗi vị thần có ngày vía (mất) riêng. Vào những ngày đó, người Hoa đều đến lễ bái ở các đền, miếu thờ những vị thần này.

Tuy vậy, lễ hội lớn nhất trong năm đối với người Hoa là lễ Nguyên Tiêu vào ngày rằm tháng Giêng âm lịch. Trong ngày này tất cả người Hoa đều tập trung đến lễ ở các đền miếu của cộng đồng mình để tạ ơn thánh thần đã phù hộ công việc làm ăn trong năm cũ, cầu thần thánh phù hộ công việc làm ăn buôn bán trong năm mới được tốt hơn.

Sau lễ Nguyên Tiêu, người Hoa mới bắt tay vào công việc làm ăn mới.

Lễ hội của người Khơme

Cộng đồng người Khơme ở Thành phố Hồ Chí Minh khá đông. Trong một năm, người Khơme có nhiều lễ hội, nhưng đáng chú ý nhất là các lễ hội sau:

Tết Chol Chnam Thmay (Tết năm mới)

Bắt đầu vào các ngày 13, 14, 15 tháng 4 dương lịch hằng năm tại các ngôi chùa Khơme ở đường Trần Quốc Thảo, quận 3, với nghi lễ rước "Đại lịch", mở đầu cho những ngày Tết. Tiếp là lễ dâng cơm cho sư sãi, lễ đắp núi cát ở quanh chùa, lễ quy y... Ngoài ra còn có các tục tắm tượng Phật, té nước vào sư, ông già và khách quý, vui chơi, múa hát và ăn uống, thăm hỏi, chúc tụng nhau.

Lễ Đôn Ta (Lễ cúng ông bà)

Tổ chức vào cuối tháng 8 đầu tháng 9 âm lịch, để tưởng nhớ ông bà, tổ tiên và công lao những người đã khuất. Vào dịp này, người Khơme đến chùa làm lễ rước vong linh ông bà tổ tiên về nhà mừng lễ với con cháu. Ngoài ra còn có tục thả thuyền bằng bẹ chuối, trên các sông rạch gần nhà.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ Ok Om bok (Lễ cúng Trăng)

Vào rằm tháng 10 âm lịch hằng năm. Lễ vật cúng là các sản phẩm nông nghiệp. Lễ cúng được tổ chức vào lúc mặt trăng lên cao trên trời toả sáng. Cúng xong, chủ nhà gọi các em bé lại, lấy ít cốm dẹp và vài thứ hoa đút vào miệng các em, vừa vỗ vào lưng hỏi các cháu muốn gì. Qua câu trả lời các em, chủ nhà đoán được kết quả vụ mùa sắp tới.

Lễ hội người Chăm

Cộng đồng người Chăm ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng khá nhiều, phần lớn theo đạo Hồi, họ có đền thờ riêng. Hằng năm người Chăm theo Hồi giáo có các lễ hội:

Lễ sinh nhật Thiên sứ Muhanmed

Tức là người vâng lệnh Thánh Alah giảng truyền kinh Coran và người khai sáng Hồi giáo. Lễ được tổ chức vào ngày 12-3 Hồi lịch.

Lễ Ramada (tháng nhịn ăn)

Còn gọi là tháng chay, từ ngày 1 đến 30 tháng 9 Hồi lịch.

Lễ Bố thí

Diễn ra ngày 1 tháng 10 Hồi lịch. Ngoài ra người Chăm theo Hồi giáo còn cố gắng thực hiện lễ hành hương về Thánh địa Mecca (thuộc Arập Xêút) vào ngày 10 tháng 12 Hồi lịch hằng năm để thực hiện tín điều của Kinh Coran.

HƯNG YÊN

Hưng Yên là một tỉnh nằm giữa vùng châu thổ sông Hồng, có diện tích tự nhiên gần 900km^2, dân số trên 1 triệu người, gồm các dân tộc Kinh, Hoa, Sán Dìu, Tày... Thị xã Hưng Yên là tỉnh lỵ của tỉnh Hưng Yên. Hưng Yên còn có 6 huyện: Mỹ Văn, Châu Giang, Ân Thi, Kim Động, Phù Cừ, Tiên Lữ. Hưng Yên phía Bắc

https://www.facebook.com/taybanganh/

giáp Bắc Ninh, phía Đông giáp Hải Dương, phía Đông Nam giáp Thái Bình, phía Tây và Tây Bắc giáp Hà Tây và Hà Nội, phía Nam và Tây Nam giáp Hà Nam.

Là một tỉnh thuần nông, nhưng xa xưa Hưng Yên là một trong những trung tâm thương mại nổi tiếng của xứ Đàng Ngoài với phố Hiến, mà câu ca xưa đã hát: "*Nhất Kinh kỳ, nhì Phố Hiến*", sánh ngang với Hội An, thương cảng lớn của xứ Đàng Trong.

Thời kỳ phồn thịnh nhất của thương cảng Phố Hiến là vào cuối thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVIII... Thời ấy, ở cửa sông Hồng thuộc trấn Sơn Nam, cửa ngõ của kinh thành Thăng Long, là nơi hội tụ giao lưu buôn bán của thương nhân nhiều quốc gia. Từ châu Âu tới có người Hà Lan, Bồ Đào Nha, Anh, Pháp..., từ châu Á sang có Ấn Độ, Mã Lai (Malaisia), Cao Ly (Triều Tiên), nhưng nhiều hơn cả là người Nhật và Trung Quốc. Thời bấy giờ dân cư Phố Hiến lên tới hơn 2000 nóc nhà và đã hình thành tới 20 phường làm ăn buôn bán.

Lịch sử Hưng Yên - Phố Hiến đã trải qua nhiều biến đổi, thăng trầm. Trong sự đổi mới chung của đất nước, phát huy truyền thống lịch sử, Hưng Yên đang vững bước đi lên trên con đường hội nhập, phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế du lịch. Ngoài di tích Phố Hiến, một thương cảng sầm uất trong thế kỷ XVII, Hưng Yên còn có nhiều công trình văn hóa, di tích lịch sử độc đáo.

Địa hình bằng phẳng có nhiều ao, sông ngòi, thuận tiện giao thông vận tải, đường bộ, đường thủy thuận lợi. Hưng Yên còn là một nơi có nhiều hoa thơm quả ngọt như nhãn lồng, từng là loại đặc sản tiến vua.

Hưng Yên thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm hai mùa: mùa nóng và mùa lạnh. Nhiệt độ trung bình cả năm là 23^0C.

https://www.facebook.com/taybanganh/

THẮNG CẢNH

Phố Hiến

Cách Thăng Long hơn 50km về phía Nam, nơi dải đất hơi cao này đã có cư dân sinh sống từ lâu, chủ yếu làm ruộng và chài lưới. Đó là Bến Vạn, tên gọi Chợ Vạn (tức Vạn Chài) nói lên đây là tụ điểm dân cư sông nước. Thế kỷ X, vùng Xích Đằng là khu vực hùng cứ của Sứ quân Phạm Phòng Ất. Thế kỷ XIII, một số người Hoa lánh nạn quân Nguyên-Mông xâm lược đã phiêu dạt đến đây lập ra làng Hoa Dương và các làng Lương Điền, Phương Cái, Mậu Dương... Khi nhiều làng mọc lên, thì cũng là lúc xuất hiện chợ, bến sông. Đến đầu thế kỷ XVII, Phố Hiến trở thành một đô thị có nhiều dinh thự quan lại, binh lính và cảng thương gia đến buôn bán, làm ăn ngày càng nhiều.

Văn bia chùa Thiên Ứng dựng năm Vĩnh Tộ thứ 7 (1625) viết: "*Hiến Nam danh thị tứ phương đô hội tiểu Trường An dã*" (Phố Hiến nổi tiếng là nơi đô hội tiêu biểu Trường An của phố phường). Chính chữ "Hiến" trong Hiến Nam hay Hiến Danh là cơ quan hành chính của trấn Sơn Nam. Đó là lý do địa điểm này có tên là Phố Hiến.

Thời ấy phạm vi Phố Hiến gồm từ Đằng Châu xã Lam Sơn đến Nễ Châu huyện Tiên Lữ ngày nay. Như vậy Phố Hiến kéo dài trên 5 km dọc sông Hồng.

Trung tâm Phố Hiến thuộc khu Dốc Đá ngày nay, nơi có thương điếm của người nước ngoài.

Nét đặc sắc của Phố Hiến là trong 20 phường có 8 phường làm nghề thủ công.

Hoạt động tấp nập của Phố Hiến chỉ tồn tại được 64 năm, tính theo thời gian từ khi mở đến khi đóng thương quán của Công ty Đông Ấn Hà Lan, là công ty có mặt ở đây sớm nhất và thịnh đạt nhất trong số các công ty phương Tây.

Sự suy tàn của Phố Hiến có nhiều nguyên nhân. Trước tiên do sông Hồng đổi dòng. Vào đầu thế kỷ XVIII, lụt lớn đê sông

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hồng bị vỡ. Sông Hồng chảy cách xa Phố Hiến 2km. Sự thay đổi tự nhiên ảnh hưởng đến vị thế kinh tế, chính trị của Phố Hiến. Theo quyết định của triều Lê - Trịnh, do dòng sông đổi dòng, nên bến đò lớn của trấn Sơn Nam (Phố Hiến) cũng không quan trọng nữa, đổi đi nơi khác. Điều quan trọng nữa là kinh tế thế giới có sự thay đổi lớn. Kinh tế Nhật Bản phát triển mạnh. Hàng hóa Trung Quốc được xuất đi nhiều nước. Là một nước chậm tiến, hàng hóa của ta lạc hậu, không có sức thu hút khách hàng quốc tế.

Phố Hiến ngày nay còn giữ được cho mình một quần thể kiến trúc gồm 60 di tích lịch sử, 100 bia ký và nhiều đền, chùa...

Hồ Bán Nguyệt

Hồ Bán Nguyệt nằm ngay giữa lòng thị xã Hưng Yên, điểm xuyết cho đô thị một nét duyên dáng trong khung cảnh phố phường buôn bán sầm uất.

Dáng hồ cong như hình trăng khuyết cho nên đặt tên là Hồ Bán Nguyệt. Đây là khúc bỏ lại của sông Hồng sau khi đổi dòng. Cách đây khoảng hơn 1000 năm, một nhánh sông Hồng chảy từ Đằng Châu qua cửa Càn xuống cống Vân Tiêu đổ nước ra cửa Luộc. Khu vực Phố Hiến khi đó là bãi bồi vùng cửa sông rộng lớn. Vào thời ấy cửa Càn, biển rộng sóng to, thuyền bè thường bị đắm. Cũng vì lẽ đó mà Phố Hiến có nhiều đền miếu thờ các vị thần sông nước. Nhánh sông Hồng nay bị phù sa lấp dần, để lại hàng loạt các hồ đầm suốt từ Đằng Châu tới Nễ Châu, trong đó có Hồ Bán Nguyệt.

Hồ Bán Nguyệt, phong cảnh nên thơ, nước trong xanh, phẳng lặng, bốn bề cây cối xanh um, mát dịu. Một bên là phố Nguyệt Hồ, một bên là đê Đại Hà. Không gian khoáng đãng, dịu êm giữa phố thị là nguồn thi hứng cho những tao nhân mặc khách.

Kia hồ là cảnh hữu tình, khi soi xuống hồ thì có nguyệt

Mà nguyệt vốn kho vô tận, ngửng trông lên còn nguyệt ấy là hồ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Năm 1905, Tổng đốc Lê Hoan tổ chức thi thơ vịnh Kiều ở Tao đàn Hưng Yên, bên cạnh hồ Bán Nguyệt, để lại nhiều giai thoại văn chương lý thú.

Hồ được sửa sang nhiều lần.

DI TÍCH

Chùa Pháp Vân

Còn gọi chùa Thái Lạc, tọa lạc ở xã Lạc Hồng, huyện Mỹ Văn, được dựng từ thời Trần, thế kỷ XIV theo kiểu "*nội công ngoại quốc*" nhỏ hẹp. Nhà tiền đường và thiêu hương nối với thượng điện, sau đó đến gác chuông, đã hỏng, nay cải tạo thành tăng phòng. Vì kèo gỗ thượng điện, chỉ còn giữ lại những thành phần vì nóc trên cao và các ván bưng, chạm khắc trang trí của các thế kỷ XIII, XIV. Các hàng cột qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa đã bị thay thế, lối kết cấu giá chiêng kết hợp chồng rường, bốn cột chính liên kết giản đơn, chéo và ngang với các cột phụ tạo thành ô trung tâm vuông ở nội thất, giống thượng điện chùa Bối Khê, song các tuyến ngang dưới khung chéo được mở rộng thành các khoang chữ nhật, nối với các hoành liên kết cột, ở đó có lắp ghép các ván bưng hình vuông, chữ nhật rất dày, vừa làm nền trang trí, vừa có tác dụng chịu lực.

Chùa Phú Thị

Tọa lạc ở thôn Phú Thị, xã Mễ Sở, huyện Châu Giang. Chùa được dựng thời Hậu Lê trong một khuôn viên rộng. Kiến trúc chùa theo kiểu chữ "*đinh*" (丁), cửa nhìn về hướng Tây Nam. Tiền đường gồm 5 gian, kiến trúc theo kiểu chồng diêm, cao ráo, thoáng mát, bốn hàng cột lim. Trên xà ngang trung tâm tiền đường được bài trí một cửa võng chạm nổi "*lưỡng long chầu nguyệt*" sơn son thếp vàng. Giáp tường phía trong đặt 6 pho tượng: ông Thiện, ông Ác, Thần Sấm, Thần Sét. Tiếp tiền đường là 4 gian hậu cung. Hậu cung có kiến trúc khá đặc biệt, bộ kèo gỗ

https://www.facebook.com/taybanganh/

được gia công hình càng cua, trên trần gỗ hình cuốn vòm khiến cho hậu cung như sâu thêm và làm cho nơi thờ Phật càng thêm u tịch. Phía dưới được sắp đặt bệ thờ rất cân xứng.

Chùa Hiến

Ở địa phận Phố Hiến, thuộc xã Hồng Châu, thị xã Hưng Yên, được dựng vào cuối triều Lý, đầu triều Trần có tên là Thiên Ứng tự. Thiên Ứng là gọi theo niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình (1232-1250) dưới triều vua Trần Thái Tông (1225-1258). Tương truyền ông Tô Hiến Thành là quan đại thần nhà Lý, có công lớn trong việc lập ngôi chùa này. Chùa được dựng trong khung cảnh thiên nhiên khoáng đạt, phố phường sầm uất.

Chùa có kiến trúc theo kiểu "*nội công ngoại quốc*", gồm ba gian tiền đường, ba gian thiêu hương và ba gian hậu cung. Tiền đường và thiêu hương thờ Phật, hậu cung thờ Mẫu. Đây là cách thờ tự phổ biến trong các chùa cổ ở Việt Nam: "*tiền Phật, hậu Mẫu*". Phần điêu khắc với con rồng đầu đao, kẻ bẩy chạm: cá hóa rồng là nét nghệ thuật điêu khắc cổ rất quen thuộc ở các đền, đình chùa. Kiến trúc toà thiêu hương nổi lên với hai lớp mái và ống thoát khói hương chịu ảnh hưởng của kiến trúc chùa Huế.

Trước cửa chùa có cây nhãn "*tiến*" nổi tiếng lâu đời. Mỗi mùa nhãn chín, được hái dâng cúng Phật, cúng vị thần Thành hoàng làng và để quan lại địa phương mang tiến vua chúa, nên gọi là *nhãn tiến*. Trước sân chùa có hai tấm bia cổ nhất, ghi quá trình tụ cư của thương cảng Phố Hiến.

Đền Chử Đồng Tử

Thuộc xã Bình Minh, huyện Châu Giang, cách Hà Nội khoảng 25km theo đê sông Hồng, còn gọi đền Đa Hoà, thờ Đức Thánh Chử Đồng Tử, được tôn vinh là một trong Tứ Bất Tử của thần linh Việt. Tương truyền Chử Đồng Tử là con của Chử Vi Vân, quê ở thôn Chử Xá, nhà nghèo đến nỗi không có áo quần mặc, hai cha con chỉ có chung một cái khố. Khi cha chết, Chử Đồng Tử

https://www.facebook.com/taybanganh/

không nỡ táng trần, đã dùng cái khố ấy liệm theo cha. Một hôm, Chử Đồng Tử trần truồng ra sông câu cá, chợt có đoàn thuyền của Tiên Dung Mị Nương, con gái thứ ba của vua Hùng đi du ngoạn ghé lại bến sông. Thấy quân binh đông đảo, Chữ Đồng Tử hoảng sợ liền moi cát thành hố rồi chui xuống, lấp cát lại để ẩn mình. Không ngờ công chúa Tiên Dung cho dừng thuyền lên bến dạo chơi, sai quây màn để tắm, lại đúng ngay chỗ Đồng Tử đang nấp. Công chúa cởi bỏ xiêm y vào tắm, nước dội trôi cát, bất ngờ bỗng lộ ra chàng trai Chử Đồng Tử trên người không mảnh vải che thân. Tiên Dung cho là duyên trời định, bèn xin vua cha kết duyên với Đồng Tử. Sau Đồng Tử theo thuyền buôn đến núi Quỳnh Viên, học được phép lạ của sư Phật Quang. Tiếp đó Đồng Tử đưa Tiên Dung đi học đạo, mới đến gần bãi tự nhiên thì trời tối. Chử Đồng Tử cắm gậy, úp nón lên nghỉ ngơi. Ngay lập tức chỗ ấy hiện lên một tồ lâu đài lộng lẫy, có thành quách bao quanh, quân tướng, người hầu đầy đủ.

Hùng Vương nghe tin nơi hai người ở có đủ thành quách, quân tướng, tưởng rằng con gái muốn làm loạn, liền sai quân đi dẹp. Chử Đồng Tử và Tiên Dung sợ mệnh vua cha, trong đêm hố phép bay về trời cùng với thành quách lâu đài. Chỗ ấy sụt xuống thành đầm gọi là đầm Dạ Trạch, hay còn gọi là đầm "*Nhất Dạ*", nghĩa là cái đầm có sau một đêm.

Người đời sau tưởng nhớ sự tích lập đền thờ. Đền thờ Chử Đồng Tử nằm trên một khu đất cao, rộng và bằng phẳng, hình chữ nhật, có diện tích 18.720m^2, quay mặt về hướng chính Tây, nhìn thẳng sang bãi Tự Nhiên.

Ngọ Môn gồm ba cửa: cửa chính là tồ nhà ba gian cao rộng, trên đỉnh nóc đắp "*lưỡng long chầu nguyệt*", chỉ mở vào những ngày đại lễ. Hai cửa bên để đón khách. Qua sân Đại là đến Đại tế, tồ thiêu hương, cung đệ nhị, cung đệ tam, và cuối cùng là hậu cung. Trong đền có các pho tượng Đức Thánh Chử Đồng Tử và phu nhân bằng đồng rất đẹp.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đền Phượng Hoàng

Ở xã Minh Tiến, huyện Phù Cừ, thờ Cúc Hoa, một người con gái có nhan sắc, con nhà giàu có, nhưng biết trọng lẽ phải và thương người nghèo.

Kiến trúc chùa theo hình chữ "*tam*" (三). Hai đầu là hai cột trụ. Trên mỗi đầu cột tạo dáng hình búp sen. Kiến trúc thuộc đời Nguyễn theo kiểu chồng rường đấu xen. Hàng kèo hiên chạm hoa dây. Trung tâm tổ tiền tế bài trí một bàn thờ, hai bên là hai câu đối ca ngợi công đức Cúc Hoa. Bến trái treo quả chuông lớn đúc thời Bảo Đại. Tổ trung từ, gian chính điện đặt một cỗ khám lớn. Trong khám là tượng Cúc Hoa, hai bên khám thờ Đức Ông và Thành hoàng. Phía trong cùng kiến trúc theo kiểu chồng diêm, bài trí tượng Phật.

Chùa Chuông

Còn gọi là Kim Chung tự, nằm ở thôn Nhân Đục, phường Hiến Nam, thị xã Hưng Yên. Chùa có từ bao giờ, đến nay chưa xác định được. Theo văn bia đặt ở chùa thì năm 1702, chùa đã trùng tu thượng điện và đắp tượng - Cột lầu khánh, khắc rõ thời gian dựng cột năm Quý Dậu niên hiệu Chính Hoà thứ 14 (1693). Cây cột khác ghi tên người cúng tiến với số tiền 10 quan. Điều đó xác định rằng muộn nhất thì vào thế kỷ XVII đã có chùa Chuông. Mái thượng điện lợp ngói mũi hài gần giống ngói thời Trần. Năm 1707, chùa lại được trùng tu lớn, hầu hết mọi hạng mục công trình được làm lại, như hành lang thượng điện, gác chuông, gác khánh, cầu đá. Chùa có quy mô hoàn chỉnh của chùa Việt thời Hậu Lê.

Truyền thuyết kể rằng: chùa được gọi là Kim Chung (chùa Chuông Vàng) là do vào một năm đại hồng thủy, có một quả chuông vàng trên một chiếc bè trôi dạt vào bãi sông thuộc thôn Nhân Đục. Các nơi đua nhau tới kéo về địa phương mình, nhưng không sao kéo được, chuông không nhúc nhích một bước. Các bô lão Nhân Đục làm lễ khấn trời đất, rồi hô hào con em trong làng

https://www.facebook.com/taybanganh/

ra kéo, chuông di chuyển nhẹ nhàng. Dân làng cho là do Trời Phật giúp đỡ, bèn góp công xây dựng chùa, xây lầu treo chuông. Và gọi chùa là chùa Chuông.

Qua cầu đá, đến khoảng sân rộng, rồi đến nhà tiền đường, hai bên có hành lang với lầu chuông, lầu khánh được nối lại bởi tồ hậu đường tạo nên một hình chữ nhật kín. Bên trong có hai tồ thiêu hương và thượng điện nối nhau theo kiểu chữ "*đinh*" (丁). Một số cột ở hai lầu chuông, gác khánh và nhà hậu đường có chạm khắc những đàn nghê mẹ con đùa giỡn.

Trong chùa có hoành phi, câu đối, tượng Phật. Hai bên hành lang có 18 vị La Hán, 8 vị Kim Cương, 2 ông Hộ pháp.

Đền Mây

Đền nằm trên bến đò Mây, dựng từ thời nhà Đinh, đền đời nhà Lý được tôn tạo lại. Trước đền có một cây đa cổ thụ, tương truyền được trồng cùng thời gian tu sửa đền lần đầu. Đền thờ tướng quân Phạm Phòng Ất, còn gọi là Phạm Bạch Hổ.

Ông sinh ngày 10 tháng Giêng năm Canh Ngọ (910), trong một gia đình tiểu thương tại trấn Đằng Châu. Từ nhỏ, ông nổi tiếng là thông minh, cương trực. Năm Đinh Hợi (927) làm hào trưởng trấn Đằng Châu, là danh tướng của Ngô Quyền. Năm 937, ông đem 1000 quân đến hợp binh với quân của Ngô Quyền tại Gia Viễn (Châu Ái). Cùng năm đó, Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ (cha vợ Ngô Quyền), đoạt chức Tiết Độ Sứ. Để củng cố địa vị, Kiều Công Tiễn cầu cứu quân Nam Hán sang xâm lược nước ta. Ngô Quyền cử Phạm Bạch Hổ, Dương Tam Kha, Ngô Xương Ngập... đem 5.000 quân về thành Đại La diệt Kiều Công Tiễn.

Năm Mậu Tuất (938) trong trận thủy chiến ở Bạch Đằng Giang, ông được Ngô Quyền giao làm tướng tiên phong nhử giặc. Dưới sự chỉ huy của Ngô Quyền, quân ta đánh tan quân Nam Hán.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Ngô Quyền mất, Dương Tam Kha, em vợ Ngô Quyền, đoạt ngôi, Phạm Bạch Hổ đã giúp con trai thứ của Ngô Quyền là Ngô Xương Văn đoạt lại ngôi vua. Khi triều Ngô mất, ông là một trong Thập nhị sứ quân, đại bản doanh đóng ở Đằng Châu.

Phạm Bạch Hổ mất ngày 16 tháng 11 năm Đinh Mão (967). Nhân dân lập đền thờ nơi dinh lũy cũ trên đất Đằng Châu. Các triều đại về sau, mỗi khi đăng quang đều truy phong ông "*Khai thiên trấn quốc trung phu tá dực đại vương*".

Đền Mây được xây theo kiểu chữ "*tam*" (三) gồm tiền tế, trung tế và hậu cung.

Gian giữa tiền tế treo bức đại tự "*Thái Bình vương phủ*" (đây là Vương phủ Thái Bình) khảm trai, hai bên có các hoành phi "*Phúc dẫn Đằng Lưu*" (sông Đằng dẫn Phúc), "*Anh Phi châu quận*" (Quận Châu Anh Phi) và một tấm y môn thêu 4 chữ "*Tuấn nghiệp hoằng khai*" (Nghiệp sáng rộng mở). Trong đền có 27 pho tượng, tạc thời Lê, hai cỗ kiệu bát cống, một lư hương đồng.

Văn Miếu Xích Đằng

Được xây dựng năm 1838, thời Minh Mạng, trên nền chùa Xích Đằng cũ. Ngôi chùa lớn này bị phá hủy từ thời Lê Trung Hưng. Văn Miếu thờ Đức Khổng Tử cùng với chư hiền của Nho giáo.

Hiện Văn Miếu Xích Đằng chỉ còn lại: cổng tam quan, 8 bia tiến sĩ thuộc đất Hưng Yên xưa - Tam quan có gác trên lầu nhìn được cả một vùng ven sông Hồng màu mỡ, kiến trúc bề thế mang dáng dấp cổng Văn Miếu Hà Nội. Phía trong có lầu chuông, gác khánh, hai dãy tả, hữu vu, giữa là gian đại bái. Tám tấm bia khắc tên các vị đại khoa gồm 102 người của các địa phương: Khoái Châu, Kim Động, Ân Thi, Phù Cừ, Tiên Lữ... thuộc các triều đại Trần, Mạc, Lê đến Nguyễn. Học vị cao nhất là Trạng nguyên Tống Trân, người thôn An Cầu, huyện Phù Cừ, thời Trần. Trên loạt bia này, đứng đầu bảng số người đỗ đại khoa là xã Thổ Hoàng, huyện Ân Thi.

Hằng năm, hai kỳ xuân, thu, Văn Miếu đều có tế lễ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

LỄ HỘI

Hưng Yên là một trong những cái nôi người Việt cổ. Phố Hiến một thương cảng nổi tiếng từ thế kỷ XVII. Tại đây còn lưu giữ nhiều di tích kiến trúc cổ với những đền, chùa... Hưng Yên cũng là quê hương của nhiều danh nhân văn hố, anh hùng dân tộc, nơi đây còn bảo tồn nhiều vốn cổ văn hố dân gian đặc sắc và các lễ hội, tiêu biểu là:

Hội Chử Đồng Tử

Hằng năm diễn ra trong 3 ngày từ mồng 10 đến 12 tháng 3 âm lịch tại đền Chử Đồng Tử - Lễ có đám rước rồng. Sau lễ có tổ chức hội với nhiều trò chơi: vật, võ, múa sư tử, hát chèo, bơi thuyền.

Lễ hội chùa Tư Pháp

Chùa Tư Pháp thuộc huyện Mỹ Văn, thờ bốn bà Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Lễ hội chùa Tư Pháp được tổ chức vào ngày 8 tháng 4 âm lịch hằng năm. Lễ hội có cuộc rước lớn giữa các làng thờ ba bà Vân, Vũ, Lôi đến với bà Điện (ở chùa Un, làng Ôn Xá). Đây cũng là lễ hội cầu mưa.

Hội Phù Ủng

Hằng năm lễ hội diễn ra từ ngày 11 đến ngày 25 tháng 11 âm lịch tại xã Phù Ủng, huyện Ân Thi. Đền Phủ Ủng thờ Phạm Ngũ Lão, một danh tướng thời Trần, một tướng tài của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, đã có nhiều công lao trong việc đánh đuổi giặc Nguyên - Mông ở thế kỷ XIII.

Đặc biệt có đám rước tượng quận chúa Thủy Tiên, con gái độc nhất của Phạm Tướng quân về đền chính và có hội Kỳ Anh là hội của các vị chức sắc (trên 50 tuổi) tế ngoài. Sau lễ có hội tổ chức các trò chơi đánh cờ người, thi vật, hát chèo...

https://www.facebook.com/taybanganh/

KHÁNH HOÀ

Khánh Hoà là tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 5.257km^2, dân số trên 1.300.000 người, gồm các dân tộc Kinh, Raglai, Êđê, Giẻ Triêng, Chăm... Khánh Hoà phía Bắc giáp Phú Yên, phía Nam giáp Ninh Thuận, phía Tây giáp Đắk Lắk và Lâm Đồng, phía Đông giáp biển Đông. Khánh Hoà có tỉnh lỵ là Thành phố Nha Trang, thị xã Cam Ranh và 6 huyện lỵ: Vạn Ninh, Ninh Hoà, Diên Khánh, Khánh Vĩnh, Khánh Sơn và huyện đảo Trường Sa nằm ở điểm cực Đông Việt Nam, nơi nhận được ánh sáng ban mai sớm nhất nước.

Khánh Hoà địa hình thấp dần từ Tây sang Đông, bao gồm núi đồi, đồng bằng ven biển và hải đảo. Bờ biển Khánh Hoà dài trên 200km với 200 hòn đảo lớn nhỏ. Trong đó, riêng huyện đảo Trường Sa chiếm khoảng 100 hòn đảo. Khánh Hoà có hai con sông chảy qua là sông Cái, đổ ra biển ở cửa Nha Trang và sông Dinh. Đây là một tỉnh có ngư trường lớn, nguồn lợi thủy, hải sản dồi dào, đặc biệt là yến sào, sản lượng hằng năm lên tới 2,5 tấn, có nguồn nước khoáng nóng rất phong phú với hai con suối nước nóng trữ lượng hàng triệu mét khối. Đây là nguồn nước uống quý, có tác dụng chữa bệnh, nâng cao sức khỏe.

Khánh Hoà chịu sự chi phối của khí hậu nhiệt đới gió mùa, vừa chịu tác động của khí hậu đại dương, nhờ vậy khí hậu Khánh Hoà tương đối ôn hoà. Nhiệt độ trung bình cả năm là khoảng 26,5^{0}C. Lượng mưa trung bình năm khoảng 1.200mm.

Giao thông vận tải ở Khánh Hoà rất thuận lợi, có đường bộ, đường sắt Bắc-Nam đi qua, có quốc lộ 26 nối với Đắk Lắk, Tây Nguyên có sân bay Nha Trang, nay lại có sân bay Cam Ranh được sửa chữa nâng cấp rất thuận lợi cho việc đi lại trong và ngoài nước.

Đặc biệt Khánh Hoà có cảng biển Cam Ranh vào loại cảng biển tốt nhất thế giới sánh tầm với cảng Francisco của Hoa Kỳ, nước sâu và kín gió cho tàu bè neo đậu mỗi khi gió bão.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Khánh Hoà được thiên nhiên ưu đãi có nhiều thắng cảnh đẹp, có sông suối, thác ghềnh, có rừng biển và đảo, lại có nhiều công trình di tích kiến trúc cổ, lại là tỉnh có cơ sở hạ tầng tương đối tốt. Tất cả những lợi thế đó đã giúp cho Khánh Hoà phát triển nhanh kinh tế, đặc biệt là ngành du lịch, một ngành công nghiệp không khói hết sức quan trọng đối với Khánh Hoà.

THẮNG CẢNH

Hồ cá Trí Nguyên

Nằm trên đảo Bồng Nguyên, còn gọi là Hòn Miễu, cách cảng Cầu Đá Nha Trang 20 phút đi thuyền máy. Hồ cá Trí Nguyên do ông Trí Nguyên xây dựng năm 1971, dài 160m, rộng 130m, chia làm ba ô nuôi cá: cả cảnh, cá thịt và cá dữ với hàng trăm loài cá khác nhau. Giữa hồ có nhà thủy tạ, làm nơi nghỉ ngơi giải trí, phục vụ ăn uống cho du khách. Trên đảo còn có khu bãi tắm sạch đẹp, được nhiều người ưa thích.

Với sự cố gắng của ban quản lý hồ, trong năm qua, đã xây xong thủy cung Trí Nguyên. Thủy cung gồm nhiều bể thủy tinh to, nuôi các sinh vật biển, đặc biệt là loại cá mú khổng lồ, những chú cá mập hàm răng nhọn hoắt ...

Viện Hải Dương học

Là cơ quan lưu giữ những tiêu bản và các công trình nghiên cứu về biển nhiệt đới, được thành lập năm 1923, nằm trên một khu đất rộng, cạnh bến cảng Cầu Đá, cách thành phố Nha Trang 6km về hướng Đông Nam. Đây là một trong những cơ sở nghiên cứu khoa học về biển ra đời sớm nhất ở Việt Nam. Hiện viện đã sưu tập được trên 20.000 mẫu của hơn 4.000 loài sinh vật biển và nước ngọt, bên cạnh những mẫu vật sống được nuôi thả trong các bể kính. Tại đây du khách sẽ được ngắm nhìn bộ xương cá voi khổng lồ dài gần 26m, cao 3m với 48 đốt sống.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hòn Chồng

Ở ngay thành phố, cạnh bờ biển Đông. Quần thể Hòn Chồng gồm hai nhóm đá, một nhóm nằm ở biển sát bờ, một nhóm nằm trên bãi cát, sát chân đồi Cù Lao. Nhóm ngoài biển gọi là Hòn Chồng với các khối đá chìm và khối đá nổi trên mặt sóng nước, lớp lớp chồng lên nhau, thành nhiều tầng, nhiều ngách chạy từ bờ cao xuống biển. Có khối đá khổng lồ nằm trên những khối đá nhỏ, trông rất chênh vênh, như sắp đổ nhào! Từ bờ, những khối đá theo nhau chạy ra biển, rồi đột ngột vươn lên thành tảng đá cao lớn sừng sững giữa trời nước mênh mang sóng vỗ. Trên tảng đá cao lớn này lại có một viên đá dáng tròn chễm chệ ngồi, mặt hướng ra biển khơi, trên đó có dấu năm đầu ngón tay to vấu lại in sâu vào đá, tương truyền là dấu trong tay của ông khổng lồ để lại thuở xa xưa. Từ Hòn Chồng nhìn lên phía Bắc, du khách sẽ nhìn thấy núi Cô Tiên, với hình dáng của một người con gái dậy thì đang nằm xõa tóc.

Nhóm đá trên bãi cát, dân địa phương gọi là Hòn Vợ, với những tảng đá to chồng lên nhau, nhưng không nhẵn nhụi, bởi không được sóng vỗ bào mòn. Hòn Vợ có hai tảng đá hình khối chữ nhật đứng song song, cùng đỡ hai hòn đá nhỏ hình vuông. Trông xa như hình hai người phụ nữ đang mặc áo nhìn ra biển.

Dốc Lết

Là bãi tắm biển xinh đẹp thuộc huyện Ninh Hoà cách Nha Trang 50km về phía Bắc. Dốc Lết có những cồn cát trắng mịn chạy dài, cao hàng chục mét, bao quanh bởi những hàng phi lao xanh thẫm. Đường đến tuy có mệt mỏi, bởi sau khi "lết" qua những cồn cát, du khách mới có thể đặt chân lên bãi tắm tuyệt vời với bãi cát trắng phau, phẳng lỳ, chạy dài theo bờ biển hơn 10km, nhưng nước biển trong xanh với muôn vàn lớp sóng vỗ nhẹ vào bờ sẽ cho bạn được dịp thỏa sức vẫy vùng trên sóng nước.

Đến Dốc Lết, ngoài việc tắm biển du khách có thể đi thăm làng chài, đồng muối Hòn Khói, đẹp như tranh vẽ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bãi Trũ

Nằm ở đảo Hòn Tre, trước mặt thành phố Nha Trang. Từ trong đất liền nhìn ra Hòn Tre, trông giống hình con cá sấu khổng lồ đang vươn mình xuống biển. Tại đây có một bãi tắm thiên nhiên tuyệt đẹp có một không hai ở thành phố biển Nha Trang. Đó là một bãi tắm còn hoang sơ, rất lý tưởng cho những ai dù khó tính đến mấy cũng đều phải ngạc nhiên trước vẻ đẹp thuần phác, êm đềm, đặc biệt là môi trường sạch sẽ của bãi tắm. Nước trong xanh có thể nhìn thấy tận đáy, bờ biển thoai thoải dần, ra tận xa. Bãi tắm sóng êm, vì hướng về đất liền, bởi đằng sau là Hòn Tre, như một bức tường thành chắn gió.

Vịnh Văn Phong

Cách thành phố Nha Trang khoảng 80km về phía Bắc. Nơi đây rất thích hợp cho loại hình du lịch thể thao như: lặn biển, lướt ván, bơi thuyền buồm, leo núi, tắm nước khoáng nóng... Vịnh Văn Phong có phong cảnh hữu tình, được tạo bởi đồi cát trắng kéo dài trên 18km, nằm giữa đất liền và đảo. Trong vịnh có nhiều rặng san hô, bãi đá ngầm, nơi trú ngụ của nhiều đàn cá trông rất đẹp mắt.

Trong tương lai không xa, Vịnh Văn Phong sẽ được đầu tư phát triển thành một trung tâm du lịch nổi tiếng ở Việt Nam.

Suối Ba Hồ

Cách Nha Trang khoảng 25km về phía Bắc thuộc huyện Ninh Hoà, suối Ba Hồ, bắt nguồn từ đỉnh Hòn Sơn cao 660m, chảy giữa hai triền núi đá xuống cánh đồng thôn Phú Hữu, xã Ninh Ích rồi đổ ra đầm Nha Phu. Gọi là suối Ba Hồ bởi trên hành trình đưa nước ra biển Đông, con suối ba lần mở lòng suối rộng ra liên tiếp tạo thành ba hồ, ngay trên lưng chừng núi với cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, mỗi hồ một vẻ đẹp khác nhau. Nếu du khách làm một cuộc leo núi men theo dòng suối cheo leo đi từ Hồ Nhất qua Hồ Hai, từ Hồ Hai ngược lên khoảng 300-400m, qua những vách đá, lau sậy um tùm, sẽ đến Hồ Ba. Vào mùa khô,

https://www.facebook.com/taybanganh/

nước suối chảy róc rách, mặt hồ ít gợn sóng. Ven suối những hòn đá nằm nghiêng ngả, những chùm rễ cây vắt mình qua đá, trông chẳng khác nào bầy trăn, lũ rắn đang nằm phơi mình trên đá. Trên cao, những cây cổ thụ tán giao nhau, tạo nên vòm xanh cho suối, càng thêm mát mẻ cho cuộc hành trình leo núi của bạn.

Đầm Nha Phu

Nước không sâu, chung quanh núi bao bọc, quanh năm nước ấm áp, mặt nước tĩnh lặng như mặt hồ, mặc dầu mặt nước Nha Phu khá rộng.

Đến Nha Phu, ngoài việc tắm biển du khách còn có thể đi tham quan Hòn Thị, Hòn Lao, Hòn Hèo và leo núi...

Hòn Lao, còn gọi là đảo khỉ, trên đó có một rạp xiếc gấu, xiếc chó mở cửa cho du khách xem miễn phí. Dưới những tán dừa xanh là những ngôi nhà nghỉ khang trang sạch đẹp, trước mỗi nhà đều có dàn mướp và dàn hoa giấy rực rỡ đáng yêu.

Hòn Thị lớn nhất trong các hòn, có chu vi 6.700m. Tại đây có nước ngọt, có những thửa ruộng trồng lúa và hoa màu. Người dân trên đảo nuôi thả hươu, nai và những chú đà điểu được mang về từ lục địa đen.

Hòn Hèo, cách Hòn Thị không xa, phong cảnh rừng núi thơ mộng rất phù hợp cho những ai thích khám phá và thử sức. Hòn Hèo là một bán đảo lớn có cả rặng núi đại ngàn xanh biếc với những giỏ phong lan muôn hồng nghìn tía, đang bám vào những thân cây cổ thụ, ngát hương. Rõ là chốn "*bồng lai tiên cảnh*".

Suối Tiên

Nằm ở phía Nam huyện Diên Khánh, cách thành phố biển Nha Trang khoảng 20 km về phía Tây Nam. Ngọn suối bắt nguồn từ Hòn Bà, một ngọn núi cao hơn 800m. Sau khi đã lượn quanh qua nhiều thác ghềnh, quanh co trong những thung lũng, hẻm núi, cây rừng, để rồi trước khi đổ nước xuống vùng đồng bằng, dòng nước gặp phải một bức "*tường thành*" bằng đá chắn ngang,

https://www.facebook.com/taybanganh/

dòng suối phân thành hai nhánh, một nhánh chảy về hướng Bắc tắm tưới cho cánh đồng của xã Suối Cát (nay là xã Suối Tiên), còn một nhánh chảy tràn qua bãi đá chắn ngang, theo hướng Đông nhập vào suối Dầu, đổ nước vào sông Cái.

Truyền thuyết kể rằng, nơi đây xưa kia là chỗ các ông tiên ngồi đánh cờ trên các bàn đá.

Biển Đại Lãnh

Nằm kề ranh giới giữa 2 tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà, cách Nha Trang khoảng 90km, cách Tuy Hoà (tỉnh lỵ Phú Yên) 30km. Phía Bắc biển Đại Lãnh là Đèo Cả, con đèo dài 12km quanh co, nhiều cua tay áo, một bên núi cao sừng sững, một bên là vực thẳm.

Biển Đại Lãnh trong xanh, với bãi tắm đẹp lý tưởng, bờ biển thoai thoải, có thể thoải mái bơi lội xa bờ. Bãi cát trắng mịn, nằm dưới rừng phi lao, lao xao gió. Cách bãi tắm không xa là một hồ nước ngọt. Sau khi tắm biển thỏa chí, du khách có thể đắm mình trong dòng nước ngọt để cảm nhận hết sự thú vị của tắm biển ở Đại Lãnh.

Phong cảnh Đại Lãnh từ xa xưa đã được các vua chúa liệt vào danh thắng của đất nước. Năm 1836, vua Minh Mạng đã cho chạm khắc cảnh Đại Lãnh vào một trong 9 chiếc đỉnh đồng đặt ở trước sân Thế Miếu. Trong cuốn Tự điển quốc gia có nói đến phong cảnh Đại Lãnh.

DI TÍCH

Tháp Bà (Pô Nagar)

Còn gọi tháp Pô Inưnơgar, nằm trên ngọn đồi Hoa Cương, phía Tây Bắc Nha Trang. Đồi Hoa Cương gần cù lao Huân, phía Bắc cầu Xóm Bóng, cạnh quốc lộ 1A.

Tại đây, từ đầu Công nguyên đến thế kỷ XII, người Chăm đã cho xây nhiều đền đài, tháp miếu. Nhưng đến nay chỉ còn lại 4

https://www.facebook.com/taybanganh/

ngọn tháp được dựng vào khoảng thế kỷ IX và được tu sửa ở thế kỷ XII. Từ năm 1999, tháp được trùng tu sửa chữa lớn.

Tháp Pô Nagar là tên chung của khu di tích, nhưng thực ra đó là tên ngọn tháp lớn nhất trong bốn ngọn tháp. Tháp chính nằm ở phía Bắc là tháp lớn nhất cao 23m, do vua Srima xây năm 817. Trên cửa tháp chính có phù điêu tượng thần Civa bốn tay, chân đạp lên mình bò thần Nandin, đang nhảy múa giữa hai nhạc công thổi sáo và kèn *saranac*. Phía trước tháp chính có hai hàng cột hình bát giác, xây gạch, có một cổng vào và gác làm nơi nghỉ chân, trước khi leo lên tháp. Nay vẫn còn vết tích. Tháp chính thờ tượng bà *Po Inưnơgar* và con gái bà. Phía Nam tháp chính có hai tháp phụ. Một tháp được xây năm 774, bị người Malaisia xâm chiếm phá hủy, được vua Yavarman trùng tu lại vào năm 784. Tháp này thờ Thái tử. Kế đó là một tháp nhỏ hơn được xây vào thế kỷ XII do Chiêm hoàng Jayaindravarman II xây, thờ hai người con của bà. Phía sau tháp chính về hướng Tây Bắc có một tháp phụ do Harivarman II xây, thờ bà cụ nuôi bà lúc còn bé.

Tất cả bốn tháp đều có cửa ra vào và đều quay về hướng Đông, ba cửa còn lại (Nam, Bắc, Tây) là cửa giả, phía trên cửa chính có vòm cuốn trang trí nhiều hoa văn.

Chung quanh các tầng tháp, mỗi góc tường có hình vũ nữ Apsara và bò thần Nandin. Dưới vòm cuốn các cửa giả có hình người đứng chắp tay kính cẩn chư thần.

Tháp mang tên Pô Inưnơgar, hay tháp Pô Nagar, vì bà là người có công khai hóa mở mang dân tộc Chăm, nên được các vua chúa sau này xây tháp, tạc tượng bà thờ trong tháp và tôn làm Đức Bà, vì vậy còn gọi là tháp Bà.

Thành cổ Diên Khánh

Đến nay tại miền Trung, ngoài thành Huế chỉ còn thành Diên Khánh ở Khánh Hoà, được xây năm 1793, sau khi Nguyễn Huệ qua đời, nhà Tây Sơn suy yếu dần. Nguyễn Ánh cùng Võ

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tánh và Nguyễn Văn Trương đem quân tiến đánh Diên Khánh. Sau khi đẩy lùi được nghĩa quân Tây Sơn, thấy nơi đây là địa bàn chiến lược quan trọng lâu dài, Nguyễn AÙnh quyết định xây thành Diên Khánh làm vành đai phòng ngự kiên cố từ xa. Kiến trúc theo kiểu Vauban (một kiểu cấu trúc thành quân sự phổ biến ở châu AÂu vào thế kỷ XVII, XVIII), cách Nha Trang khoảng 10km về hướng Tây. Thành Diên Khánh nằm gần quốc lộ 1A, diện tích khoảng 36.000m^2. Thành đắp bằng đất, dài khoảng 2.690m. Tường thành hình lục giác không đều nhau. Trên mỗi cạnh chia ra nhiều đoạn nhỏ, uốn lượn nên các góc thành không nhô hẳn ra, do đó vẫn đảm bảo quan sát được cả hai bên. Mỗi góc có pháo đài cao 2m. Tường cao 3,5m, bên trong đắp thoai thoải, được đắp thành hai bậc, làm đường vận chuyển vũ khí quân lương rất thuận lợi và an toàn. Mặt ngoài dựng đứng. Trên mặt tường trồng tre gai. Bên ngoài thành có hào sâu từ 3 đến 5m bao quanh.

Thành Diên Khánh, mỗi cạnh có một cửa. Hiện nay chỉ còn bốn cửa: Đông, Tây, Nam (cửa Tiền) và Bắc (cửa Hậu), trong đó hai cửa Đông và Tây là còn nguyên vẹn, hai cửa Tả và Hữu bị lấp vào năm 1823. Cửa thành xây bằng gạch nung cao 4,5m, rộng 16,8m. Ở giữa xây vòm cuốn cao 3,4m, rộng 3m. Trên cổng là vọng lâu hình tứ giác, mỗi cạnh 3,5m. Mái lầu uốn cong, lợp ngói.

Cửa Tiền dành cho vua đi, Hoàng thành có cấu trúc độc đáo, tính từ cửa Tiền vào có cột cờ, đến Hoàng cung, kiến trúc kiểu Á Đông (giống điện Thái Hóa - Huế). Trên nóc đúc hai con rồng, uốn cong quay đầu vào một quả cầu thủy tinh lớn. Giữa Hoàng cung là ngai vàng, đặt trên một bệ gỗ cao ba tầng. Trước Hoàng cung là sân chầu. Bên trái Hoàng cung là dinh Tuần Vũ, tiếp đến là dinh Án sát, dinh Lãnh binh.

Chùa Long Sơn

Chùa tọa lạc dưới chân núi Trại Thủy ở số 20, đường 23-10 phường Phương Sơn, Thành phố Nha Trang. Chùa do Hoà thượng

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thích Ngộ Chí dựng trên đỉnh núi Trại Thủy vào năm 1886, có tên là chùa Đăng Long. Năm 1900, do một cơn bão mạnh, chùa bị đổ, nên được dời xuống địa điểm hiện nay. Chùa Long Sơn là ngôi chùa lớn nhất Nha Trang. Năm 1936, chùa được chọn làm trụ sở Hội Phật học tỉnh Khánh Hoà. Chùa được trùng tu vào các năm 1940, 1971 và 1975. Trong khuôn viên chùa dựng pho tượng Bồ Tát Quan Thế Âm. Trên đỉnh núi Trại Thủy dựng pho tượng Kim thân Phật tổ.

Nhà thờ Chánh Toà

Còn gọi nhà thờ Núi, nằm ở góc đường Thái Nguyên và Nguyễn Trãi được dựng vào năm 1928, mãi đến năm 1934 mới hoàn thành với 10 hạng mục công trình. Trong nhà thờ có ba quả chuông lớn do hãng Bour Dons Carillons cung cấp vào năm 1934. Tháng 12 năm 1935, lắp thêm đồng hồ trên tháp chuông. Tồn tại trên 70 năm, nhà thờ Chánh Toà vẫn giữ nguyên màu xám của tường xi măng không bị rêu phong. Chính điều này đã gây ấn tượng mạnh đối với du khách.

Mộ Bác sĩ Yersin

Yersin sinh năm 1863 tại Thụy Sĩ. Cha người Thụy Sĩ, mẹ người Pháp. Lúc nhỏ học ở Thụy Sĩ, lớn lên học ở Pháp, đậu Tiến sĩ Y khoa ở Pháp và nhập quốc tịch Pháp.

Tháng 7-1891, Bác sĩ Alexandre Yersin lần đầu tiên đặt chân tới Nha Trang. Đó là chuyến thăm để lại trong ông nhiều ấn tượng. Cuối năm 1899, ông trở lại nơi đây và lập ra Viện Pasteur. Gần 50 năm Yersin sống độc thân ở thành phố Nha Trang. Ông dành trọn cuộc đời cho sự nghiệp khoa học vì con người và cho con người. Ông đã nghiên cứu thành công thuốc chữa bệnh dịch hạch, khám phá ra Đà Lạt...

Ông mất tại Nha Trang, ngày 1-3-1943. Theo di chúc để lại của ông, khi khâm liệm người ta đặt ông nằm sấp, đầu quay về biển, để ông được mãi mãi ôm lấy mảnh đất quê hương thứ hai của mình.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Mộ của ông đặt trên một ngọn đồi nhỏ không tên tại khu vực suối Dầu, huyện Diên Khánh. Ngôi mộ hình chữ nhật, xây xi măng, sơn màu xanh dịu. Trên phần mộ có hàng chữ Alexandre Yersin (1863-1943). Trong điện thờ của chùa Long Tuyền, nằm cạnh mộ ông, ảnh thờ của "ông Năm Yersin", theo cách gọi thân thiết của người dân Khánh Hoà, được đặt ngang hàng với tượng thờ Bồ Tát.

LỄ HỘI

Khánh Hoà là mảnh đất có lịch sử văn hóa lâu đời. Cách đây hàng ngàn năm, nơi đây đã có con người sinh sống. Cách đây 2.000 năm, Nha Trang đã có trống đồng. Khánh Hoà là vùng đất có nhiều dân tộc anh em sinh sống, nên nơi đây có nhiều lễ hội mang bản sắc dân tộc đậm đà.

Lễ hội cá Voi

Truyền thuyết kể rằng cá voi thường cứu người bị nạn trên biển, nên hằng năm ngư dân Khánh Hoà thường tổ chức lễ hội để tỏ lòng thành kính cá voi. Nghi lễ như cúng tế ở đình làng. Trong lễ hội có tổ chức hát Bả Trạo, nghinh rước...

Lễ hội Tháp Bà

Hằng năm lễ hội Tháp Bà được tổ chức vào 4 ngày, từ ngày 20 đến ngày 23 tháng 3 âm lịch tại khu tháp Pô Nagar, thành phố Nha Trang. Đây là lễ hội lớn nhất trong năm của Khánh Hoà để tưởng niệm Nữ Thần Mẹ xứ sở (tiếng Chăm là Po Inưnơgar). Theo truyền thuyết, Mẹ Xứ sở là người có công tạo lập xứ sở, duy trì nòi giống, người tìm ra cây lúa, dạy dân cày cấy trồng trọt. Thường nghi lễ có hai phần. Vào ngày 20-3 là lễ thay y, tháo bỏ xiêm y, mũ miện cũ, tắm tượng Nữ Thần, bằng nước lá thơm và thay xiêm y, mũ miện mới. Lễ cầu cúng diễn ra ngày 23-3. Đây là phần lễ được tổ chức hết sức tôn nghiêm, ca ngợi công đức Mẹ Xứ sở và cầu cho dân an, sống ấm no, hạnh phúc.

Sau phần lễ có tổ chức hội múa dâng bông, hát bộ, diễn ra các tích tuồng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ Am Chúa

Hằng năm diễn ra vào ngày 22 tháng 4 âm lịch tại Am Chúa, nơi thờ Nữ thần Pô Nagar (còn gọi Thiên Y A Na), nằm trên núi Đại An (còn gọi núi Chúa), xã Diên Điền huyện Diên Khánh. Sau phần lễ theo nghi thức cổ truyền là phần hội có múa các điệu múa gắn liền với truyền thuyết về Thiên Y A Na.

KIÊN GIANG

Kiên Giang vùng đất nằm về phía Tây Nam của Tổ quốc, là một trong những trọng điểm kinh tế của đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên 6.269km^2, dân số gần 1,5 triệu người, nơi sinh sống của các dân tộc: Kinh, Hoa, Khơme.... Tỉnh lỵ Kiên Giang là thị xã Rạch Giá, ngoài ra còn có thị xã Hà Tiên và 8 huyện đất liền: Hòn Đất, Tân Hiệp, Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao, An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận và 2 huyện đảo: Phú Quốc và Kiên Hải. Kiên Giang là nơi sinh sống của người Việt, Khơme và Hoa...

Kiên Giang, phía Đông và Đông Nam giáp An Giang, Cần Thơ, phía Nam giáp Cà Mau, Bạc Liêu, phía Bắc giáp Campuchia với đường biên giới dài 54km, phía Tây là vịnh Thái Lan. Ngoài đảo Phú Quốc, Kiên Giang còn có 100 đảo lớn nhỏ ngoài vịnh.

Kiên Giang là một tỉnh có tiềm lực kinh tế với những cánh đồng màu mỡ, có khoáng sản, rừng nguyên sinh, biển và đảo là nơi có nhiều loài động thực vật rất phong phú, đa dạng.

Kiên Giang có cảnh quan kỳ thú với nhiều hang động huyền ảo, rừng vàng, biển bạc, đồng ruộng thẳng cánh cò bay... Một vùng đất có truyền thống đấu tranh với những trang sử hào hùng của thời mở cõi, chống giặc ngoại xâm, mà tên tuổi vẫn sống mãi với non sông đất nước.

Đến với Kiên Giang là đến với "*Hà Tiên thập cảnh*", là đến với vẻ đẹp núi sông hùng vĩ, với rừng U Minh lịch sử, rừng nguyên sinh Phú Quốc...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Kiên Giang nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình cả năm là 27-27,5^{0}C. Quanh năm thời tiết không quá nóng mà cũng không quá lạnh, khí hậu có hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Tuy ở sát biển nhưng không mấy khi chịu trực tiếp gió bão nhiều. Lượng mưa trung bình năm 2.016mm.

Kiên Giang là một vùng giàu nắng gió. Biển Kiên Giang giàu hải sản, với những ngư trường rộng lớn, có những bãi tôm, luồng cá đầy đàn, trong đó có những loài cá thơm ngon: chim, thu, bạc má, cá thiều...

THẮNG CẢNH

Kim Dự Lan Đào

Trong "*Hà Tiên thập cảnh*" (10 cảnh đẹp Hà Tiên) thì Kim Dự Lan Đào (Đảo vàng chắn gió) được người xưa xếp đầu bảng. Kim Dự Lan Đào là một hòn đảo nhỏ, ở ngay cửa biển Hà Tiên, được nối với đất liền vào đầu thế kỷ XX, nay có thêm cầu Tô Châu làm cho hòn đảo "Vàng" này càng gắn bó với đôi bờ của cửa biển Hà Tiên. Xưa kia trên hòn đảo nhỏ này có một pháo đài canh giữ cửa biển, bảo vệ trấn Hà Tiên chống giặc ngoại. Vì vậy nhân dân quen gọi là Kim Dự pháo đài.

Khi mặt trời ngả dần xuống biển, pháo đài rực rỡ màu đỏ, lúc đó chúng ta mới cảm nhận hết, đó chính là hòn đảo Vàng.

Dưới chân là ngọn hải đăng càng làm tăng thêm vẻ đẹp cho đảo. Trên pháo đài xưa kia người Pháp cho xây dựng một ngôi nhà nhỏ một tầng (*bungalow*), và nay có khách sạn dùng cho du khách dừng chân ngắm cảnh.

Núi Lăng

Còn có tên Bình San Điệp Thúy, là một trong 10 cảnh đẹp của Hà Tiên. Bình San Điệp Thúy là một ngọn núi chạy dài xanh mượt, nối liền với Kim Dự Lan Đào.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Gọi là núi Lăng, bởi trên ngọn núi này có lăng tẩm của Mạc Cửu, vị khai trấn quốc công, vị tướng kiêm nhà thơ Mạc Thiên Tích, cùng lăng tẩm của nhiều vị văn quan võ tướng của triều Nguyễn đã được xây dựng ít nhất cách nay hơn 300 năm. Dưới chân núi Lăng có chùa Trung Nghĩa thờ Mạc Công tam vị, trầm mặc, uy nghiêm, nhân dân còn gọi là miếu ông Lịch với hai câu đối "*Nhất môn trung nghĩa gia thịnh trọng, Thất diệp phiên hàn quốc sủng vinh*". Đó là lời ghi lại công lao to lớn của họ Mạc đối với đất Hà Tiên. Trong miếu còn giữ được bút tích của chí sĩ Nguyễn Thần Hiến, trên tường ghi lại những bài thơ Nôm do Mạc Thiên Tích sáng tác. Trước miếu là 3 hoa sen.

Cảnh đẹp Đông Hồ

Còn gọi Đông Hồ Ẩn Nguyệt. Đứng trên cầu Tô Châu, nhìn vào phía trong, du khách sẽ nhìn thấy một cái đầm nước rộng khoảng 14km^2. Vì chiếc hồ nằm phía Đông tỉnh lỵ Hà Tiên nên được gọi Đông Hồ (hồ ở phía Đông).

Nước sông Hậu, theo kênh Vĩnh Tế, hợp lưu với sông Giang Thành, rồi đổ nước vào Đông Hồ trước khi chảy ra biển. Bên phải có núi Ngũ Hổ, bên trái là dãy núi Tô Châu.

Một hồ nước phẳng lặng bốn bề núi non ngàn năm soi bóng nước, phong cảnh hữu tình. Chả thế mà nhà thơ Mạc Thiên Tích đã xếp Đông Hồ là 1 trong 10 cảnh đẹp của Hà Tiên. Không chỉ vì ở bên hồ, mà vì Đông Hồ rất thơ mộng, nhà thơ Lâm Tấn Phác đã lấy bút danh là Đông Hồ. Hiện nay nhà lưu niệm của ông vẫn còn ở đây với người bạn đời, bạn thơ là nữ sĩ Mộng Tuyết. Cái đặc sắc của Đông Hồ là mỗi năm có hai mùa nước ngọt và mặn, đó là điều kiện tự nhiên thuận lợi phát triển các loài thủy hải sản Đông Hồ.

Mũi Nai

Còn gọi Lộc Trĩ thôn cư, cách thị xã Hà Tiên khoảng 4km, ở độ cao 100m, nhô ra biển. Có người giải thích rằng, lấy tên là

https://www.facebook.com/taybanganh/

Mũi Nai, bởi phần núi nhô ra biển giống đầu một con nai đang nghếch mõm. Nhưng cũng có người nói rằng ngày xưa nơi đây có nhiều bầy nai sinh sống như câu thơ của Mạc Thiên Tích viết:

"...Lâm Lộc ai bằng thú chả thanh
Nửa kề nước biếc, nửa non xanh..."

Ở đây có bãi tắm, tuy không rộng, cát không trắng, nhưng biển rất êm đềm, những ngọn sóng lăn tăn vỗ nhẹ vào bờ. Phía sau bãi là những rặng cây xanh, bóng mát. Bãi tắm thoai thoải, không sâu, rất an toàn cho du khách tắm biển.

Nam Phố

Có nghĩa là một xóm phía Nam. Cách thị xã Hà Tiên khoảng 10km về phía Kiên Lương, chúng ta sẽ gặp hai bãi tắm xinh xắn là bãi Hòn Heo và bãi Ớt. Ở đây bãi cát vàng mịn, nước trong xanh, cảnh vật yên tĩnh. Dãy núi bãi Ớt nhô hẳn ra ngoài khơi như một bức bình phong khổng lồ che chắn gió bão. Vào mùa biển động, cả vùng biển Hà Tiên, nơi nào cũng cuộn sóng, riêng vùng biển bãi Ớt sóng yên, biển lặng. Nhà thơ Mạc Thiên Tích cũng đã chọn nơi đây là một trong mười cảnh đẹp của Hà Tiên với tên gọi "*Nam Phố trừng ba*".

Cảnh sắc nơi đây còn khá hoang sơ, dân cư cần cù. Dưới thời thuộc địa, nhiều quan chức người Pháp đã chọn Nam Phố xây nhà làm nơi nghỉ dưỡng.

Lư Khê

Nơi mà vị tướng tài ba, nhà thơ Mạc Thiên Tích có nhiều bài thơ vịnh và xây dựng nơi đây thành một "điếu đình" để thưởng nhàn. "Lư" là một loài cá chẻm, được gọi là cá vược, nên nơi đây nhân dân thường gọi là Rạch Vược. Mạc Thiên Tích gọi đây là "Lư Khê ngư bạc" có nghĩa là xóm chài Rạch Vược, cách trung tâm thị xã Hà Tiên khoảng 3km về hướng Kiên Lương. Rạch Vược xưa kia có nhiều loài cá vược. Mạc Thiên Tích đã có bài phú khá nổi tiếng còn truyền lại hôm nay với nhan đề "*Lư Khê nhàn điếu phú*".

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thạch Động

Là khối đá vôi khổng lồ nằm ở lưng chừng một ngọn núi cách biên giới Việt Nam-Campuchia khoảng 3km. Vào những ngày trời mây u ám, mây xuống thấp, những đám mây ùn ùn sà vào hang động, tưởng như hang động đang nuốt những đám mây. Phải chăng nhìn thấy cảnh này mà Mạc Thiên Tích đặt tên cho động này là "*Thạch Động thôn vân*" chẳng? Có nghĩa là *động đá nuốt mây*. Thạch Động là một trong "*Hà Tiên thập cảnh*".

Trong động có ngôi chùa Tiên Sơn. Trước cửa chùa có đề ba chữ "*Tiên Sơn tự*", hai bên là hai câu đối "*Thạch thương linh, lung lưu ngọc dịch. Động trung tĩnh, địa ẩn kim tiên*". Trong lòng động rất mát mẻ. Tại đây du khách được nghe về truyền thuyết Thạch Sanh qua thạch nhũ có hình Thạch Sanh và hình Công chúa. Thạch Động cũng từng chứng kiến mối tình éo le của cô gái Việt và hai chàng trai Nhật Bản. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ cũng như cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam, Thạch Động là nơi diễn ra những trận chiến ác liệt chống kẻ thù xâm lược.

Phía sau hang là một không gian thoáng đãng, một vùng trời biên giới cùng biển xanh và những đảo nhỏ nhấp nhô trên sóng.

Đá Dựng

Phía sau Thạch Động về hướng Tây Bắc, giữa cánh đồng mênh mông nổi lên một ngọn núi có dáng hình thang cân, đó là nơi trú ngụ của nhiều loài chim cò. Trong núi Đá Dựng có nhiều hang động, trong mỗi hang động có nhiều thạch nhũ, măng đá lấp lánh như châu ngọc. Đó chính là *Châu Nham lạc lộ* (cò về núi Ngọc) mà người dân địa phương quen gọi là Đá Dựng. Trong số những hang động ở Đá Dựng, đáng chú ý nhất là hang Bồng Lai, Sân Tiên. Trên mặt đá của hang Bồng Lai có dấu chân tiên rất lớn, thạch nhũ viền chung quanh, như một con rồng và con rắn nối nhau. Trong hang có một hố không sâu lắm chỉ vài chục centimét, nhưng quanh năm đầy nước, nên người ta gọi là giếng

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tiên, ngoài ra còn có khối đá giống cây đàn của chàng Thạch Sanh, lại có khối đá hình tượng Phật mặc áo cà sa, có lầu trống, lầu chuông.

Đá Dựng quả là một địa điểm du lịch lý thú, lại là một di tích lịch sử của Hà Tiên, bởi nơi đây trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, các chiến sĩ biệt động Hà Tiên đã sống và chiến đấu kiên cường lập nên những chiến công xuất sắc.

Thị xã Rạch Giá

Là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của Kiên Giang. Theo sử sách của triều Nguyễn, Rạch Giá có tên là Giá Khê. Rạch Giá là thủ phủ của tỉnh Kiên Giang, từng chứng kiến bao biến thiên của lịch sử. Trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược, nơi đây đã diễn ra cuộc chiến đấu ngoan cường của người anh hùng Nguyễn Trung Trực vào năm 1868. Rạch Giá có nhiều di tích lịch sử văn hóa như đền thờ Nguyễn Trung Trực, đình Vĩnh Hoà, chùa Phật Lớn, chùa Đế Quang, mộ nhà thơ Huỳnh Mẫn Đạt...

Thị xã Rạch Giá có sân bay, bến cảng, là đầu cầu để du khách đi tới các khu du lịch nổi tiếng như đảo Phú Quốc, Hà Tiên, vườn Quốc gia U Minh Thượng, Hòn Đất...

Đảo Phú Quốc

Là hòn đảo lớn nhất Việt Nam, nằm trong vịnh Thái Lan. Thị trấn Dương Đông, thủ phủ của huyện đảo Phú Quốc, cách thị xã Rạch Giá 120km và Hà Tiên 45km. Huyện đảo Phú Quốc gồm 22 hòn đảo lớn nhỏ. Trong đó đảo Phú Quốc lớn nhất với diện tích 573km, dài 50km, nơi rộng nhất (về phía Bắc) 25km. Có rừng nguyên sinh được công nhận là vườn quốc gia với nhiều loài động thực vật quý hiếm, có sông, suối, thác, ghềnh. Ngoài thủy hải sản trai ngọc, Phú Quốc có vườn tiêu bạt ngàn.

Phú Quốc được mệnh danh là đảo ngọc, bởi sự giàu có của thiên nhiên và tiềm năng du lịch phong phú. Viền quanh đảo là

https://www.facebook.com/taybanganh/

những bãi tắm tuyệt vời, như bãi Trường, bãi Khem, ghềnh Dầu, Rạch Tràm... nếu bạn không thích tắm biển, đi tắm suối cũng là một thú vui, giữa rừng nguyên sinh hoang dã.

Phú Quốc cũng là nơi có nhiều di tích lịch sử như khu căn cứ của Nguyễn Trung Trực, những kỷ vật của Nguyễn Ánh (vua Gia Long) trong những năm trôi dạt ra đảo.

Thị trấn Dương Đông

Thủ phủ của huyện đảo Phú Quốc. Ở đây có sân bay và khách sạn sang trọng. Dương Đông có nhiều cảnh đẹp nổi tiếng như Dinh Cậu, nơi có một ngôi đền thờ được xây dựng vào năm 1937 để thờ Cậu, mong cậu che chở cho dân chài khi gặp mưa to, gió lớn, bão bùng. Dinh Cậu nằm sát ngay bờ biển, còn giữ những nét kiến trúc cổ.

Suối Tranh

Con suối bắt nguồn từ dãy núi đá Hàm Nghinh nằm về phía Đông Bắc đảo Phú Quốc. Suối Tranh là hợp lưu từ nhiều dòng suối nhỏ chảy từ các khe núi, len lỏi qua các rừng cây, bãi cỏ, rồi đổ vào dòng suối lớn dài trên 16km. Có những đoạn lòng suối là những phiến đá liền nối tiếp nhau chạy dài. Làn nước trong xanh lững lờ chảy qua trên những phiến đá đó. Ở đây có ngọn thác khá đẹp, cũng gọi là Thác Tranh.

Suối Đá Bàn

Nằm về phía Nam trung tâm đảo Phú Quốc. Suối Đá Bàn nước chảy róc rách quanh năm. Phong cảnh hữu tình nên thơ. Cũng như Suối Tranh, lòng suối Đá Bàn là những tảng đá phẳng lỳ to lớn. Hai bờ suối là rừng cây cổ thụ, nguyên sinh, vào mùa xuân hoa rừng đua nở, đặc biệt phong lan rừng tỏa ngát hương.

Nước suối khá sâu, có thể bơi lội thỏa thích giữa thiên nhiên của núi rừng nhiệt đới.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bãi Trường

Một bãi tắm lý tưởng, bờ biển thoai thoải, bãi cát trắng mịn chạy dài trên 20km từ Dinh Cậu đến tận bãi Tàu Rũ. Bãi tắm sạch đẹp, nước trong xanh nhìn tận đáy. Có lẽ vì thế mới gọi là bãi Trường (dài) nằm ngay trung tâm của thị trấn Dương Đông.

Quần đảo An Thới

Quần đảo An Thới nằm về phía Nam đảo Phú Quốc, quần đảo này gồm 15 đảo lớn nhỏ, nằm dọc theo hướng Tây Nam. Biển ở đây khá sâu, có nơi sâu gần 30m, nước trong vắt, xanh biếc một màu. Đây là vùng biển rất thích hợp cho du lịch khám phá đại dương, bơi lặn và câu cá. Quần đảo An Thới gồm nhiều hòn đảo như Hòn Dân, Hòn Dừa, Hòn Rọi, Hòn Thơm...

Chùa Hang - Hòn Phụ Tử

Đây là một cụm di tích thắng cảnh thuộc xã Bình An, huyện Kiên Lương. Chùa đặt trong một hang đá. Trước cổng chùa, trên vách đá có hàng chữ "*Hải Sơn tự*". Bên trong hang, qua gian chính điện sẽ là một hang khá rộng thông ra bãi biển. Trên vách đá cửa hang nhìn ra biển còn giữ lại những mảnh hàu bám vào núi, điều đó chứng tỏ đã có một thời biển lấn và lại lùi. Trong chùa Hang có thờ hai tượng Phật rất lớn mang phong cách Nam Tông đặt trên bệ cao. Tương truyền đây là hai pho tượng do vị Hoàng tử Thái Lan tặng trong những ngày lánh nạn được Mạc Thiên Tích cưu mang.

Ra cửa hang nhìn về phía biển thấy ngay hòn Phụ Tử và xa xa là quần đảo Bà Lụa. Đến vùng biển này ta có cảm giác như đang đứng ở một góc nào đó của Hạ Long. Hòn Phụ Tử có nhiều truyền thuyết thú vị đầy tính nhân văn. Tương truyền rằng, đã lâu lắm rồi, không ai nhớ ngày nhớ tháng, chỉ biết rằng có hai cha con ở tận miền Trung vào đây khai thác tổ yến, khi lên hòn có hai cột đá dựng, người cha bất ngờ bị một con thuồng luồng to lớn nuốt chửng, người con đau đớn, tìm cách trả thù nhưng không may cũng bị con thuồng luồng giết nốt. Sau đó nhân dân

https://www.facebook.com/taybanganh/

quanh vùng lập kế giết được thuồng luồng trừ hại cho dân. Vì cả hai cha con cùng chết trên hòn này, nên người ta mới gọi tên là hòn Phụ Tử (hòn cha con).

Lại có truyền thuyết khác giải thích rằng: trong một vụ đắm tàu ngoài khơi có xác hai cha con trôi dạt vào hòn đảo này, nên nhân dân gọi là hòn Phụ Tử.

Hang Tiền

Hang Tiền ở trên một đảo đá, nằm ngoài biển, muốn đi đến đó phải theo đường biển bằng ghe xuồng nhỏ. Bắt đầu đi từ Ba Hòn hoặc Hòn Chông đến. Đường đi khá khó khăn, phải là người thông thuộc vùng này mới cho thuyền cập bến đúng vào cửa hang, bởi hang Tiền nằm khuất bên những ghềnh đá. Không quen rất khó phát hiện. Ngay ở cửa hang là một phiến đá bằng phẳng rất to. Bên trong hang có một giếng nước ngọt không to nhưng khá sâu, nước trong và mát không bao giờ cạn. Ngày ngày ngư dân đi đánh cá, thường ghé qua đây lấy nước ngọt để ăn uống và họ gọi đây là giếng Gia Long, vì tương truyền xưa kia vua Gia Long từng ghé qua đây. Có lẽ thuở trước nơi đây là xưởng đúc tiền? Hoặc là nơi ai đó cất giấu tiền bạc, nên nhân dân vùng này đã nhặt được những cọc tiền kẽm. Phải chăng vì thế mới có tên là hang Tiền?

Hang Tiền có nhiều ngách và có nhiều nhũ đá trông lạ mắt rất đẹp.

Núi Tô Châu

Thị xã Hà Tiên có hai ngọn núi cùng mang tên Tô Châu, đó là Đại Tô Châu và Tiểu Tô Châu. Tiểu Tô Châu nằm sát bờ Đông Hồ, thuộc phường Thuận Yên. Từ bờ Đông Hồ nhìn qua sẽ thấy Tiểu Tô Châu như là một chú voi nằm phục mà vòi là cánh rừng nằm ở Kim Dự, còn đuôi là chân núi phía Đông Hồ.

Từ nửa đầu thế kỷ XX trên đỉnh Tiểu Tô Châu chỉ có một tịnh xá, nhưng đến thập niên 1970, nhiều nhà tu hành đã đến đây xây thêm nhiều ngôi tịnh xá, có ngôi rất khang trang, to lớn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Từ chân núi đi lên đến tịnh xá, phải qua nhiều vườn cây ăn trái và vườn hồ tiêu sai quả rồi mới đến khu vực tịnh xá. Trong đó nổi bật nhất là tịnh xá Ngọc Tiên.

DI TÍCH

Chùa Tam Bảo

Ở số 6 đường Thích Thiện Ân, thị xã Rạch Giá. Chùa được dựng vào đầu thế kỷ XIX, lúc đầu xây bằng gỗ, lợp bằng tranh tre. Năm 1917, Hoà thượng Thích Thiền đã cho trùng tu xây dựng lại bằng gạch, lợp ngói. Trong chùa hiện còn giữ bức tượng Phật A Di Đà, tạc bằng đá xanh, cao 1,03m. Trong chùa có phòng khám bệnh miễn phí Tuệ Tĩnh đường. Chùa hiện là văn phòng Ban trị sự Phật giáo tỉnh Kiên Giang.

Chùa Tam Bảo

Tọa lạc ở số 328, ấp Ao Sen, đường Phương Thành, thị xã Hà Tiên. Chùa do Thống binh Mạc Cửu, một người Hoa có công khai sơn phá thạch vùng đất Hà Tiên, dựng vào khoảng đầu thế kỷ XVIII. Ngôi chùa xưa do Mạc Cửu xây bị hư hỏng hoàn toàn. Ngôi chùa hiện nay do Hoà thượng Phước Ân cho xây lại trên nền ngôi chùa cũ vào năm 1930.

Trong điện Phật còn bảo tồn được pho tượng A Di Đà đúc bằng đồng cao 2,9m (kể cả kệ), riêng tượng cao 1,4m, do Mạc Cửu cúng tiến. Trước chùa còn dựng pho tượng Bồ Tát Quan Thế Âm.

Chùa Làng Cát

Ở khu phố 4, phường Vĩnh Lạc, thị xã Rạch Giá. Chùa được dựng từ lâu, có lối kiến trúc độc đáo của người Khơme Nam Bộ. Trong những năm gần đây chùa được trùng tu sửa chữa lớn. Hoà thượng Danh Nhường hiện đang trụ trì chùa này là Ủy viên Hội đồng Chứng minh và là Phó ban Tăng sự Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Nơi đây từng ghi dấu ấn sự kiện lịch

https://www.facebook.com/taybanganh/

sử chống giặc ngoại xâm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và cuộc biểu tình đấu tranh chống Mỹ - ngụy tháng 6-1974 của quân và dân Kiên Giang.

Nhà thờ, lăng mộ dòng họ Mạc

Lăng tẩm dòng họ Mạc được xây dựng cách đây hơn 300 năm, trên một ngọn đồi thuộc thị xã Hà Tiên, cách trung tâm thị xã khoảng 2km về phía Tây. Ở giữa khu mộ là mộ của Mạc Cửu, hai bên là mộ con, cháu như Tổng binh Đại đô đốc Mạc Thiên Tích, Tham tướng Mạc Tử Hoàng, lăng bà Mạc Thiên Tích, Mạc Công Du và Mạc Công Tây.

Dưới chân đồi là nhà thờ họ Mạc, luôn luôn được mở cửa, đón khách thập phương đến tham quan và thắp nén hương tưởng nhớ đến vị có công khai sơn phá thạch vùng này là Quốc công Mạc Cửu.

Nơi đây còn dấu tích của một chiến lũy là một bờ thành được trồng tre gai dài gần 2km, rộng khoảng 1m, để ngăn chặn giặc đến xâm phạm bờ cõi nước ta. Chiến lũy này do Mạc Thiên Tích xây dựng.

Mộ và đền thờ Nguyễn Trung Trực

Đền thờ và mộ của Nguyễn Trung Trực tọa lạc trên địa phận phường Vĩnh Thanh, thị xã Rạch Giá. Đền được xây theo kiểu chữ "*tam*" (三). Trước cửa chính điện có đặt một lư hương đá. Trên nóc mái có đắp hình "*lưỡng long tranh châu*", các góc mái đắp hình lá cúc cách điệu và hình rồng. Bên trong treo nhiều hoành phi, nằm trên bài vị và di ảnh Nguyễn Trung Trực có ghi 4 chữ: "*Anh khí như hồng*" (khí tiết người anh hùng rực rỡ như cầu vồng bảy sắc).

Nguyễn Trung Trực (1838-1868) là một trong những thủ lĩnh của phong trào chống Pháp hồi giữa thế kỷ XIX. Ông lớn lên trong cảnh vận mệnh Tổ quốc "ngàn cân treo sợi tóc", nguy cơ bị giặc xâm chiếm do triều đình hèn nhát đầu hàng. Dưới quyền

https://www.facebook.com/taybanganh/

của Lãnh binh Trương Định, ông tham gia vào việc phòng thủ đồn Chí Hoà. Ông cùng nghĩa quân lập nên chiến công vang dội như đốt tàu L'Espérance, trên sông Nhật Tảo vào ngày 10-12-1961.

Mộ và đền thờ ông được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử văn hóa.

Chùa Phù Dung

Còn gọi là Phù Cừ am tự, do Tổng trấn Hà Tiên Mạc Thiên Tích (Mạc Thiên Tứ) xây dựng vào khoảng giữa thế kỷ XVIII, dưới chân núi Bình Sơn, thị xã Hà Tiên, cho nàng Ai Cơ Phù Cừ (Nguyễn Thị Xuân) vợ thứ hai của ông. Mạc Thiên Tích là con của Mạc Cửu và là một danh sĩ, được Chúa Nguyễn phong là Tông Đức Hầu, vì ông là người có công nối nghiệp cha, mở mang trấn Hà Tiên xưa. Chùa được trùng tu nhiều lần. Tại chính điện có nhiều tượng Phật, đặc biệt có tượng Phật Thích Ca bằng đồng đưa từ Trung Quốc về thờ. Sau chính điện có điện thờ Ngọc Hoàng.

Trong khuôn viên chùa có khu mộ tháp của Bà Nguyễn Thị Xuân.

Nhà tù Hà Tiên

Từ thời thực dân Pháp đô hộ nước ta, để đàn áp những người yêu nước Việt Nam, chúng đã xây nhà tù khắp trên đất nước ta, trong đó có nhà tù Hà Tiên, không khác một địa ngục (hơn cả địa ngục), để đày ải giết dần giết mòn các chiến sĩ cách mạng. Đây là một di tích tội ác của thực dân Pháp, nơi ra đời và hoạt động như là một chi bộ chính thức ngay trong nhà tù của giặc.

LỄ HỘI

Kiên Giang, vùng đất có nhiều dân tộc anh em sinh sống. Mỗi dân tộc có những nét văn hóa đặc sắc. Vì vậy Kiên Giang có nhiều lễ hội văn hóa, đặc biệt của người Khơme. Trong đó có nhiều lễ hội tiêu biểu:

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ hội tưởng niệm anh hùng Nguyễn Trung Trực

Tổ chức tại đền thờ Nguyễn Trung Trực, số 14 Nguyễn Công Trứ, phường Vĩnh Thanh, thị xã Rạch Giá, vào 3 ngày từ 27 đến 29 tháng 8 âm lịch hằng năm, để tưởng nhớ Nguyễn Trung Trực người anh hùng có công lao to lớn chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước, với lời nói bất hủ trước khi hy sinh: "Bao giờ nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây".

Trong ngày lễ giỗ có hàng vạn khách thập phương về tham dự. Vào sáng ngày 28-8 âm lịch là lễ Cộ hoa (lễ rước kiệu hoa).

KON TUM

Kon Tum nằm về phía Bắc Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên trên 9.900km^2, dân số 269.000 người, có nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống như: Kinh, Xơ Đăng, Ba Na, Gié Triêng, Gia Rai... Thị xã Kon Tum là tỉnh lỵ của Kon Tum, ngoài ra còn có các huyện: Dăk Glei, Ngọc Hồi, Đắk Tô, Kon Plông, Dăk Hà, Sa Thầy.

Kon Tum, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, Đông giáp Quảng Ngãi, Nam giáp Gia Lai, về phía Tây Bắc giáp với Hạ Lào và phía Bắc với Campuchia, có đường biên giới dài 275km.

Phần lớn lãnh thổ của Kon Tum nằm về phía Tây Trường Sơn. Địa hình Kon Tum theo hướng thấp dần từ Tây sang Đông và từ Bắc xuống Nam. Phía Bắc Kon Tum có những dãy núi đá hoa cương cao nhất miền Nam, với các đỉnh Ngọc Linh cao 2.596m, đỉnh Ngọc Phan 2.251m. Dãy núi này chính là nơi bắt nguồn của những con sông Tranh, sông Thu Bồn, sông Trà Khúc và sông Ba. Rừng chiếm hơn 50% diện tích tỉnh, chủ yếu là rừng nguyên sinh, nơi có nhiều loại động thực vật quý hiếm.

Kon Tum còn là vùng đất bazan, thích hợp trồng trọt các cây công nghiệp như cao su, chè, cà phê, ca cao, mía, dâu tơ tằm... Đặc biệt có nhiều đồng cỏ mênh mông xanh mượt.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Kon Tum có khí hậu cao nguyên nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình cả năm là 23,4^{0}C, lượng mưa trung bình năm 1884mm. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

Giao thông ở Kon Tum khá thuận lợi, có quốc lộ 14 chạy từ Quảng Nam qua thị xã Kon Tum, xuống Gia Lai, Đắk Lắk đến Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc lộ 24 nối Kon Tum với Quảng Ngãi. Từ Kon Tum đi Atôpơ Lào theo quốc lộ 40.

Thị xã Kon Tum xinh đẹp nằm soi bóng bên dòng sông Đắk Pla, một nhánh của sông Pô Cô cách Thành phố Buôn Ma Thuột 246km, cách Thành phố Quy Nhơn 215km, cách thành phố Plei Ku 49km. Xưa kia dưới thời thuộc địa, Kon Tum là trung tâm hành chính của chính quyền Pháp ở Tây Nguyên.

Kon Tum có nhiều cảnh đẹp như núi Ngọc Linh, các khu rừng nguyên sinh Chư Mô Ray, Sa Thầy, khu du lịch Đắk Tre, ở huyện Kon Plong, suối nước nóng Đắk Tô. Kon Tum có nhiều di tích lịch sử, văn hóa: nhà tù Kon Tum, ngục Đắk Lei.

THẮNG CẢNH

Làng người Ba Na

Ba Na là một trong ba dân tộc có số dân đông nhất Tây Nguyên. Đặc biệt người Ba Na sinh sống nhiều ở Kon Tum.

Người ta giải thích rằng, theo tiếng dân tộc Ba Na thì Kon là *làng*, Tum là *hồ*, Kon Tum là làng có nhiều ao hồ.

Người Ba Na ở nhà sàn, nhưng nhà sàn người Ba Na có những nét riêng biệt. Nếp nhà sàn người Ba Na hình vuông hoặc hình chữ nhật, cầu thang lên nhà bằng thân một cây gỗ, được đục, đẽo thành từng bậc lên xuống.

Người Ba Na, là dân tộc đầu tiên ở Tây Nguyên biết dùng chữ viết để học tập và dùng trâu, bò cày ruộng thay sức người. Tuy

https://www.facebook.com/taybanganh/

vậy, một số nếp sinh hoạt vẫn còn giữ như cũ, thí dụ: trong gia đình ăn ngày nào giã gạo ngày đó. Lấy nước chỉ đủ dùng trong ngày. Kinh tế vẫn theo kiểu tự cung, tự cấp. Người Ba Na có tài săn bắn. Trong nhà người Ba Na bao giờ cũng có treo vài ba cây nỏ bằng gỗ rất chắc khỏe.

Bếp lửa của người Ba Na đặt ngay giữa nhà. Bếp lửa không bao giờ tắt, luôn luôn đỏ hồng. Đây là nơi gia đình quây quần, ăn uống, chuyện trò và ngủ quanh bếp lửa.

Điều đặc biệt là tất cả đàn ông Ba Na đều có vết sẹo ở ngực do chính họ làm ra, bằng cách lấy lửa dí vào ngực, hoặc lấy than hồng dí vào, hoặc dùng dao rạch ngực mỗi khi trong nhà có người qua đời, đó là cử chỉ tỏ lòng thương tiếc đối với người quá cố.

Thác Yaly

Yaly xưa là một trong những thác đẹp và hùng vĩ nhất Tây Nguyên, nằm trên dòng sông Pô Cô. Ngày nay nơi đây đã xây dựng nhà máy thủy điện Yaly với công suất 720MW với sản lượng điện 3,68 tỷ Kw/h. Nhà máy đã hoàn thành đi vào hoạt động từ năm 2001 và đã hoà vào lưới điện quốc gia.

DI TÍCH

Chùa Bác Ái

Tọa lạc ở đường Trần Phú và Phan Chu Trinh, thị xã Kon Tum. Chùa do ông Võ Chuẩn, quản đạo, tỉnh Kon Tum thiết kế và xây dựng vào năm 1932.

Trước đây chùa dựng trong một khu rừng già rậm rạp đã được dân khai phá. Chùa được vua Bảo Đại ban tấm biển "Sắc tứ Bác Ái tự".

Từ năm 1933 đến nay chùa đã trải qua 5 đời trụ trì của các vị hoà thượng. Trong chùa có tháp tổ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Hồng Từ

Ở số 245 đường Trần Hưng Đạo, phường Quyết Thắng, thị xã Kon Tum. Chùa do Hoà thượng Thích Đức Thiệu xây dựng vào năm 1958. Chùa đã qua 6 đời trụ trì của các hoà thượng và được trùng tu sửa chữa nhiều lần vào các năm 1969 và 1986. Trong chính điện thờ Phật có pho tượng Phật Thích Ca bằng đồng nặng 1000kg, cao 1,20m được đúc ngay tại chùa.

Hiện chùa là văn phòng của Ban trị sự Phật giáo tỉnh Kon Tum.

Ngục Kon Tum

Để đàn áp phong trào cách mạng và giam cầm những người yêu nước đặc biệt là các chiến sĩ cộng sản, bộ máy cai trị của thực dân Pháp đã xây dựng hệ thống nhà tù hầu khắp đất nước ta, mà sự dã man tàn bạo của những nhà tù này không một sách vở nào mô tả hết được. Một trong những nhà tù khét tiếng đó phải kể đến ngục Kon Tum. Ngục Kon Tum nằm ở phía Tây thị xã Kon Tum.

Sau năm 1975, khi cuộc chiến tranh kết thúc, ngục Kon Tum trở thành di tích lịch sử cách mạng nổi tiếng và trở thành địa điểm du lịch tham quan.

Ngục Kon Tum sau bao năm đã bị hư hỏng nhiều, nay chỉ còn bia kỷ niệm và mộ của 8 liệt sĩ cách mạng.

Chiến trường Đắk Tô

Trong cuộc chiến đấu chống Mỹ-ngụy, Đắk Tô là một địa danh lịch sử nổi tiếng nơi diễn ra trận đánh ác liệt giữa quân Giải phóng miền Nam Việt Nam và lính thủy đánh bộ Mỹ vào năm 1972. Đắk Tô cách thị xã Kon Tum 42 km về phía Bắc. Đắk Tô trở thành quen thuộc với các cựu chiến binh Mỹ, khi họ trở lại tham quan chiến trường xưa.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nhà rông

Phần lớn các buôn làng ở phía Bắc Tây Nguyên, đặc biệt ở hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum, mới có nhà rông. Mỗi buôn đều có một ngôi nhà rông, to nhỏ tùy khả năng của buôn làng. Nhà rông là một ngôi nhà sàn khang trang, được trang trí đẹp, thường nằm giữa buôn ở vị trí đẹp nhất, thoáng rộng nhất. Nhà rông là nơi diễn ra những sự kiện quan trọng của buôn làng như: lễ tết, hội làng, đám cưới, lễ cầu nguyện và là nơi hội họp của buôn làng, gần như đình làng của người Việt ở vùng châu thổ.

Nhà rông của mỗi dân tộc đều có những nét riêng trong kiến trúc, tạo dáng trang trí hoa văn nội thất cũng như ngoại thất. Có một điểm rất chung, đã là nhà rông, phải là ngôi nhà sàn to nhất, đẹp nhất buôn làng, có mái xuôi dốc, cột nhà rất to, thường là 8 cột bằng những cây đại thụ, thẳng, thuộc loại gỗ chắc (thường dùng gỗ tứ thiết mộc). Mái nhọn lợp bằng tranh (nay nhiều nơi thay bằng mái tôn). Trên những vì kèo được trang trí hoa văn dân tộc màu sắc sặc sỡ mang tính tôn giáo thờ cúng, đó là những hình ảnh mô tả sự tích huyền thoại của những dũng sĩ xưa hoặc những thú vật cách điệu, những cảnh sinh hoạt của nhân dân trong buôn làng, như nấu cơm, lấy nước, cảnh săn bắn... Nhưng nổi bật nhất là hình ảnh Thần Mặt Trời.

Nhà mồ Tây Nguyên

Tùy từng dân tộc có những nhà mồ khác nhau. Nhưng theo phong tục chung, trong một gia đình nào đó có người chết sau khi đã chôn cất, người ta dựng ngay trên ngôi mộ một chòi nhỏ sơ sài làm bằng tranh tre để che mưa che nắng cho người đã khuất. Trong chòi đặt một số đồ dùng của người chết, và ngày ngày gia chủ vẫn đưa bát cơm ra mộ. Vì đồng bào Tây Nguyên quan niệm khi chết, con người vẫn tiếp tục sống ở thế giới khác. Và sau hai hoặc ba năm, gia đình người chết phá chòi cũ đi và dựng một ngôi nhà mồ đẹp có trang trí màu sắc, có đặt tượng gỗ và xây hàng rào chung quanh nhà mồ. Theo quan niệm của

https://www.facebook.com/taybanganh/

người Ba Na, khi xây nhà mồ cho người chết là để tiễn đưa họ sang thế giới bên kia.

Tượng nhà mồ Tây Nguyên rất sống động, đặt quanh nhà mồ. Đây là một dòng nghệ thuật cổ của người dân Tây Nguyên. Tượng nhà mồ có thể gồm ba loại: về thế giới con người, những con vật gần gũi với con người như voi, chó, trâu... và những sinh hoạt như thể thao, văn nghệ, săn bắn...

Lệ phá chòi cũ làm nhà mồ thường tiến hành vào mùa xuân, và đó là một lễ hội có quy mô lớn của đồng bào Tây Nguyên, gọi là lễ Bỏ mả, tiếng dân tộc là lễ "Pơ Thi". Mọi người trong buôn tập trung ở nghĩa địa cùng với rượu thịt và các đồ cúng lễ. Trong lễ bỏ mả có múa cồng chiêng.

LỄ HỘI

Kon Tum, một tỉnh của Tây Nguyên có nhiều dân tộc sinh sống. Nơi đây có cả chùa chiền và chủng viện, nhà thờ... Kon Tum có một nền văn hóa đa sắc tộc phong phú, có nhiều lễ hội đặc sắc:

Lễ cúng Đất

Đây là lễ hội của dân tộc Ba Na sống ở Kon Tum và Gia Lai. Lễ cúng Đất của người Ba Na được tiến hành vào cuối tháng 2 đầu tháng 3 âm lịch, lúc buôn làng chuẩn bị cho vụ sản xuất mới, hoặc khi dọn đến vùng đất mới.

Đặc biệt trước khi dựng buôn làng mới, người Ba Na làm lễ cúng bái kéo dài hai ngày. Họ khấn bái mong thần linh phù hộ cho buôn làng làm ăn thuận lợi.

Lễ Bỏ mả (Pơ Thi)

Người Ba Na, người Gia Rai, EÂđê... không có phong tục thờ cúng tổ tiên như người Việt. Thương tiếc người đã khuất họ chỉ giữ gìn mồ mả trong một thời gian rồi sau khi đã làm nhà mồ họ

https://www.facebook.com/taybanganh/

sẽ tiễn đưa vĩnh viễn người chết về bên kia thế giới bằng lễ Bỏ mả mà người Gia Rai gọi là lễ Pơ Thi. Đây là lần cuối cùng tiễn đưa người chết sang thế giới thần linh và cũng là phần quan trọng nhất trong tang lễ. Lễ Bỏ mả được tổ chức trang trọng từ 2 đến 5 ngày tại nghĩa địa, chung quanh nhà mồ vào sau mùa thu hoạch.

Lễ Bỏ mả đặc sắc nhất là của người Gia Rai. Trong ngày lễ, ngoài việc ăn uống, trẻ già, trai gái đều cùng nhau múa hát chung quanh nhà mồ theo nhịp cồng chiêng. Sau lễ này, người chồng hoặc vợ góa được tự do, có thể đi bước nữa.

Lễ ăn trâu

Đây là lễ hội phổ biến nhất của các dân tộc Tây Nguyên và là một sinh hoạt văn hóa dân gian nổi bật nhất. Trong lễ hội này, nhiều loại hình nghệ thuật dân gian như âm nhạc, sân khấu, múa hát, múa kiếm, nghệ thuật tạo hình... đều được huy động tham gia.

Lễ ăn trâu thường hằng năm tiến hành vào dịp mừng chiến thắng, mừng buôn làng được mùa, khánh thành nhà rông, hoặc lễ cầu an, lễ xua đuổi điềm xấu, điềm gở cho buôn làng. Cũng có khi do một gia đình trong buôn đứng ra tổ chức để tạ ơn thần thánh, nhưng cả cộng đồng đều tham gia vào lễ hội.

LAI CHÂU

Ngày 26-4-2003, tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI đã thông qua Nghị quyết về việc chia địa giới hành chính tỉnh Lai Châu (cũ) thành tỉnh Lai Châu (mới) và tỉnh Điện Biên.

Tỉnh Lai Châu (mới) nằm về phía Bắc sông Đà, có diện tích tự nhiên là 906.512,30ha; dân số 313.511 người, là nơi sinh sống của các dân tộc Kinh, Thái, H'mông, Mảng, Kháng, Xinh Mun,

https://www.facebook.com/taybanganh/

La Hủ, Phù Lá, Khơ Mú, Cống. Lai Châu bao gồm các huyện Phong Thổ, Tam Đường, Mường Tè, Sìn Hồ và Than Uyên (trước của tỉnh Lào Cai). Tỉnh lỵ của tỉnh Lai Châu đặt tại thị trấn Tam Đường.

Tam Đường là nơi có quỹ đất xây dựng rộng rãi, hội đủ các điều kiện cần thiết cho việc quy hoạch trung tâm tỉnh lỵ mới. Khu vực Tam Đường thuộc huyện Tam Đường là một trong 6 huyện, thị của tỉnh Lai Châu. Huyện Tam Đường vừa mới tách ra từ huyện Phong Thổ theo Nghị định 08/2002/NĐ-CP, ngày 14-1-2002 của Thủ tướng Chính Phủ. Từ một huyện biên giới, nay trở thành huyện tuyến sau. Tam Đường có điều kiện để tập trung toàn diện cho việc phát triển kinh tế-xã hội theo đặc thù nông - lâm - công nghiệp và dịch vụ.

Khu vực Tam Đường bao gồm 5 xã vùng cao, 5 xã vùng thấp và 1 thị trấn huyện lỵ Tam Đường. Cả khu vực có 11 đơn vị hành chính, có diện tích tự nhiên 43.567ha, dân số gần 31.000 người với 15 dân tộc anh em cùng nhau sinh sống.

Tam Đường nằm trên quốc lộ 4D, cách thành phố Điện Biên Phủ 206km về phía Bắc, cách thị trấn Sa Pa (Lào Cai) 75km về phía Nam. Phía Tây Nam Tam Đường là dãy Pu Sam Cáp, một dãy núi có hình dáng con rồng khổng lồ có cái đuôi vòng xuống tận Bình Lư. Phía Đông Tam Đường được án ngữ bởi rặng Hoàng Liên Sơn với đỉnh Phanxipăng cao chất ngất, bên kia là huyện Bát Xát của tỉnh Lào Cai. Tam Đường là một trong 6 vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Lai Châu. Thiên nhiên đã phú cho Tam Đường nhiều thuận lợi để nền kinh tế nông - lâm có cơ hội phát triển nhanh, mạnh mẽ. Tam Đường đang thực huyện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo tiềm năng và thế mạnh của mỗi vùng. Tam Đường có nhiều tiềm năng phát triển cây công nghiệp với công nghiệp chế biến và dịch vụ thương mại. Chè Tam Đường là một trong hai loại cây công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Đã hình thành được 2.300ha chè. Sản lượng đạt được trên 7.000 tấn/năm và hai nhà máy chế biến chè xuất khẩu hiện đại, cùng

https://www.facebook.com/taybanganh/

hàng trăm cơ sở chế biến khác, tạo thế để chè Tam Đường vươn tới thị trường nước ngoài như Ấn Độ, Inđônêsia, Iraq. Ngoài ra Tam Đường còn nổi tiếng bởi các sản vật như: gạo cẩm (Thèn Sin), ngô nếp (Tả Lèng), rượu ngô (Sùng Phái), chạm bạc ở Bản Giang, dệt thổ cẩm ở Bản Hon, chế biến mật mía ở San Thàng.

Về phát triển nông nghiệp, Bình Lư là nơi sản xuất lúa gạo chỉ đứng sau vùng lòng chảo Điện Biên, nay đang chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa toàn diện.

Tam Đường còn là địa phương sử dụng lồng ghép các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, khai hoang trồng rừng, phát triển kinh tế-xã hội, đối với các bản làng đặc biệt khó khăn đã mang lại hiệu quả rõ nét nhất.

Trên cơ sở đó, Lai Châu đang tích cực đẩy mạnh phát triển du lịch, một nơi có nhiều tiềm năng thế mạnh, nhiều phong cảnh đẹp còn hoang sơ, lại cách Sapa - khu nghỉ dưỡng của du khách không xa.

THẮNG CẢNH

Hang Động Tiên

Thuộc xã Bình Lư, huyện Phong Thổ, một hang động đẹp nổi tiếng trong vùng. Lòng hang khá rộng và sâu. Đáy hang khá phẳng, trần hang cao, có nhiều nhũ đá, măng đá với nhiều hình thù kỳ thú, làm cho du khách sững sờ trước vẻ đẹp của những nhũ đá sinh động.

Mỏ nước nóng

Ở Phong Thổ, Lai Châu có mỏ nước nóng tạo thành suối, ở đây có bể tắm nước nóng rất lý thú, về mùa đông trời càng lạnh, xuống tắm nước nóng ở Phong Thổ, du khách sẽ cảm thấy sảng khoái. Hiện Lai Châu đang có kế hoạch xây dựng ở Phong Thổ một khu du lịch nghỉ dưỡng khang trang hiện đại.

https://www.facebook.com/taybanganh/

LỄ HỘI

Lễ hội Mừng măng mọc

Đây là lễ hội của các dân tộc Mảng, Kháng, Xinh Mun, La Hủ, Khơ Mú, Phù Lá... đang sinh sống trên mảnh đất Lai Châu.

Lễ hội Mừng măng mọc thường diễn ra đầu mùa mưa, khi những búp măng bắt đầu mọc, mà theo quan niệm của đồng bào dân tộc đó chính là thời điểm bắt đầu của mùa sản xuất trong năm. Người dân nơi đây mở hội Mừng măng mọc với một niềm mong ước cầu xin Trời Đất, Thần linh phù hộ cho một mùa nương rẫy mưa thuận gió hoà, lúa ngô đầy bồ, bản làng no ấm. Và đó cũng là dịp tạ ơn Trời, Đất, Thần linh.

Lễ cúng bản

Đây là lễ của người Cống ở Lai Châu. Hằng năm cứ đến tháng 3 âm lịch các bản người Cống đều tổ chức cúng bản trước khi vào vụ gieo hạt.

Trong ngày lễ, các ngả đường vào bản đều được làm cổng chào, trang hoàng rực rỡ, cắm dấu hiệu kiêng kỵ một ngày mà người lạ không ai được vào bản. Sau đó từng gia đình làm lễ cúng trên nương rẫy trước khi kết thúc công việc gieo trồng. Đây chính là lễ cầu mùa màng tốt tươi cho một mùa bội thu.

Tết cơm mới của người La Hủ

Người La Hủ tổ chức Tết Cơm mới vào đầu tháng 10 hoặc 11 âm lịch hằng năm, đó là lúc dân bản vào vụ thu hoạch lúa, nhà nhà có thóc, gạo mới. Trong dịp Tết Cơm mới, người La Hủ kiêng không ra ngoài hái rau, lấy củ, chặt cây, phát cỏ cây trong rừng, tức là không đụng chạm đến các loài thực vật để cầu mong cho vạn vật cây cỏ tốt tươi quanh năm. Trong lễ tết người La Hủ dùng trống để giữ nhịp cho các điệu xòe của các đôi nam thanh, nữ tú trong bản.

https://www.facebook.com/taybanganh/

LẠNG SƠN

Lạng Sơn là tỉnh miền núi phía Bắc của Tổ quốc có diện tích tự nhiên 8.187km^2, dân số gần 730.000 người là nơi sinh sống của các dân tộc anh em Kinh, Tày, Nùng, Dao, H'mông, Sán Chay, Ngái...

Tỉnh lỵ là Thành phố Lạng Sơn. Ngoài ra có 10 huyện là: Tràng Định, Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn, Hữu Lũng, Chi Lăng, Cao Lộc, Lộc Bình và Đình Lập.

Lạng Sơn có biên giới tiếp giáp với tỉnh Quảng Tây của nước CHND Trung Hoa dài 253km, phía Bắc giáp Cao Bằng, phía Nam giáp Bắc Giang, phía Đông giáp tỉnh Quảng Tây Trung Quốc, phía Đông Nam giáp Quảng Ninh, phía Tây Nam giáp Bắc Kạn.

Địa hình Lạng Sơn chủ yếu là rừng núi. Mật độ sông suối Lạng Sơn khá dày với tổng chiều dài hơn 400km, chia làm hai hệ thống chính là hệ thống sông Kỳ Cùng nằm về phía Bắc và hệ thống sông Thương ở phía Nam.

Tuy là một vùng rừng núi nhưng Lạng Sơn vẫn có những cánh đồng, thung lũng khá rộng thích hợp cho thâm canh lúa nước, như vùng Thất Khê (Tràng Định), Bình Gia, Hữu Lũng... Đặc biệt hiện Lạng Sơn còn nhiều khu rừng nguyên sinh.

Lạng Sơn ở vào độ cao khá lớn nhưng về khí hậu thì căn bản không khác các tỉnh Bắc Bộ nhiều, vẫn có mùa mưa, mùa khô, mùa nóng và mùa lạnh.

Lạng Sơn có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình cả năm là từ 17^{0}C-22^{0}C. Mùa đông kéo dài và khá lạnh, nhiều năm nhiệt độ xuống thấp nước đóng băng. Lượng mưa trung bình hằng năm là 1.400-1450mm.

Lạng Sơn là một tiểu vùng văn hóa. Nói đến xứ Lạng, là người Việt Nam hầu như ai cũng thuộc câu ca:

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,

Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh.

Ai lên xứ Lạng cùng anh,

Bõ công bác mẹ sinh thành ra em.

Những ấn tượng địa - văn hóa đó có lẽ còn đọng mãi với thời gian và là niềm cảm hứng vô tận cho văn nghệ sĩ.

Trong tiến trình lịch sử lâu dài với vị trí địa lý đặc biệt mà thiên nhiên ban tặng cho Xứ Lạng với những thắng cảnh sơn thủy hữu tình núi non hùng vĩ, nơi có nhiều di tích nổi tiếng như chùa Tiên, động Tam Thanh, Nhị Thanh, sông Kỳ Cùng... Lạng Sơn còn là một trong những cái nôi của loài người với việc phát hiện những di tích cổ sinh học, khảo cổ học thời tiền sử, sơ sử như Thẩm Khuyên, Thẩm Hai... cách nay hàng mấy chục vạn năm, cho đến những di chỉ của nền văn hóa Bắc Sơn - Mai Pha nổi tiếng sau này.

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, Lạng Sơn có vị trí đặc biệt trở thành phên dậu bảo vệ cho cả một dải quê hương đất nước. Lạng Sơn đã chứng kiến bao sự kiện và những chiến công hiển hách của dân tộc trong sự nghiệp chống giặc ngoại xâm. Có thể nói mỗi tấc đất, mỗi địa danh Xứ Lạng đều thấm đẫm chiến công nối tiếp chiến công, là nỗi kinh hoàng của kẻ thù xâm lược.

THẮNG CẢNH

Núi Mẫu Sơn

Cách thành phố Lạng Sơn khoảng 30km về phía Đông Bắc. Đây là một dãy núi cao nằm theo hướng Đông-Tây chạy dài từ Câu Lâu-Xuất Lễ của huyện Cao Lộc và xã Hữu Khánh, Yên Khoái huyện Lộc Bình sang tận Trung Quốc. Núi Mẫu Sơn có đỉnh cao nhất nằm ở độ cao 1.541m so với mặt nước biển, thường xuyên có mây bao phủ. Núi Mẫu Sơn còn có tên gọi núi Công Mẫu hay Núi Mẹ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Về dãy núi này, truyền thuyết kể rằng: "Ngày xưa, núi cũng biết đi lại, biết làm việc, cũng có chồng, có vợ, con cái và biết chống lại kẻ ác. Một hôm núi cha thấy có mùi thơm của mật, nghĩ rằng quanh đây chắc có giếng mật, nên đi dọc theo con suối, nơi có mùi thơm để tìm kiếm. Đi được một lúc thì thấy có nước đục ngầu chảy đến và có mùi hôi khó chịu. Núi Cha liền nhìn về trước mặt, giật mình thấy có nhiều Núi Lạ đi tới. Thấy những ngọn Núi Lạ này hung hăng gian ác như lũ cướp. Núi Cha nghĩ cách ngăn chúng lại, không để cho chúng gây tội ác. Núi Cha gọi núi bạn quanh đó nhập vào mình và vươn lên thật cao, để chặn đường đi của bọn Núi Lạ. Núi Lạ nhiều vô kể nhưng thấp, lùn và núi trọc, không nhập vào nhau được, nên lủi thủi quay trở lại. Không thực hiện được ý định, bọn Núi Lạ bàn cách sẽ theo con suối nước trong đi chiếm giếng mật. Biết được mưu mô của lũ Núi Lạ, mặc dầu nhớ Núi Mẹ và thương Núi Con, nhưng Núi Cha không thể về được, mà tiếp tục đứng đấy để chặn đường bọn Núi Lạ, đề phòng chúng quay trở lại. Ở nhà chờ lâu, không thấy Núi Cha về, Núi Mẹ nóng ruột lo lắng quyết định đi tìm Núi Cha. Một tay cầm thỏi bạc, một tay cầm thỏi vàng, lưng cõng Núi Con, Núi Mẹ đi theo con suối nước trong có mùi thơm của mật để tìm Núi Cha, bỗng gặp một tên Núi Lạ, nó sán lại gần tán tỉnh, muốn chiếm Núi Mẹ làm vợ. Núi Mẹ hoảng sợ vội vàng đi nhanh, tên Núi Lạ đi theo không rời nửa bước. Nhìn thấy Núi Mẹ cõng Núi Con đi, lại có tên Núi Lạ theo sau, cả hai đang tiến về phía mình, Núi Cha hồi hộp theo dõi. Để che không cho tên Núi Lạ nhìn thấy, Núi Cha kéo mây xuống phủ kín. Khi Núi Mẹ tiến đến gần, thấy hai dòng lệ cứ trào tuôn trên khuôn mặt đầy lo lắng, Núi Cha hiểu được sự tình, bèn vén mây lên. Thấy Núi Cha bất ngờ xuất hiện, Núi Mẹ xúc động, vội giang tay đón Núi Cha. Còn tên Núi Lạ thấy Núi Cha thì vội vàng chuồn mất".

Ngày nay dưới chân núi Mẫu Sơn, còn có một bản gọi là bản Vàng (bản Kim) mõ Bạc, đó chính là nơi Núi Mẹ để thỏi vàng, thỏi bạc.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vào mùa xuân, cả vùng Mẫu Sơn đỏ rực sắc hoa đào. Đào trái Mẫu Sơn nổi tiếng vừa to, vừa ngọt, thơm. Mẫu Sơn còn có một đặc sản quý đó là chè Mẫu Sơn. Vị chè thơm, ngọt, uống một lần rồi sẽ không bao giờ nguôi ngoai nỗi nhớ.

Thành phố Lạng Sơn

Nằm ở tả ngạn sông Kỳ Cùng, trên độ cao 500m so với mặt nước biển. Thành phố Lạng Sơn trải mình trong một thung lũng lớn. Con sông Kỳ Cùng sau khi đã lượn lờ qua những hẻm núi rừng cây, uốn mình chảy qua thành phố tô điểm cho Lạng Sơn thêm duyên dáng của một phố núi rộn ràng trên đôi bờ nước êm đềm trôi về xuôi. Cầu Kỳ Cùng nối liền hai bờ, khiến cho du khách dễ dàng đến với danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Xứ Lạng. Đó là động Tam Thanh, Nhị Thanh, là nàng Tô Thị... Bên kia sông là chợ Kỳ Lừa, lúc nào cũng đông vui tấp nập kẻ mua, người bán.

Chợ Kỳ Lừa

Đã có cách nay hàng trăm năm, nằm ở trung tâm thành phố Lạng Sơn, là nơi buôn bán sầm uất nhất của Xứ Lạng. Chợ Kỳ Lừa còn là nơi giao lưu văn hóa của các dân tộc ít người. Vào những ngày chợ Phiên, nam nữ thanh niên các dân tộc Tày, Nùng, Dao... súng sính trong những bộ áo quần dân tộc tuyệt đẹp, nô nức kéo về chợ để mua sắm hàng hóa và cũng là dịp gặp bạn tình trò chuyện.

Núi Tô Thị

Nằm về phía Tây Bắc núi Tam Thanh, còn gọi là núi Vọng Phu. Trên đỉnh núi có tảng đá tự nhiên giống một phụ nữ bồng con nhìn về phương trời xa. Từ xa xưa, tảng đá hình người đàn bà bế con đã gắn với truyện cổ tích nàng Tô Thị bồng con chung thủy đứng chờ chồng đi chinh chiến ở phương Bắc. Chờ mãi không thấy chồng trở về, nàng đã hóa đá. Vì thế người đời sau gọi tảng đá là nàng Tô Thị.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tượng đá nàng Tô Thị xứ Lạng không chỉ sống trong chuyện kể dân gian mà còn xuất hiện trong hội hè và trở thành tín ngưỡng thờ cúng của nhân dân.

Nàng Tô Thị nổi tiếng bởi những bài thơ vịnh của các nhà nho, các thi sĩ danh tiếng như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du với bài "Đá vọng phu".

Về đá Vọng Phu Xứ Lạng, truyền thuyết kể rằng: Có hai vợ chồng nhà họ Tô sinh được một cậu con trai và một con gái, lúc bố mẹ vắng nhà, anh nhặt đá ném chim, chẳng may trúng phải đầu em, máu chảy lênh láng. Người anh sợ quá chạy trốn sang Trung Quốc. Năm 30 tuổi, chàng trở về sinh cơ lập nghiệp ở Xứ Lạng, sau đó lấy vợ sinh được một bé trai đầu lòng. Sau đó vô tình người chồng phát hiện vết sẹo trên đầu vợ, hỏi chuyện mới biết mình lấy nhầm em.

Biết rõ sự thật, người chồng đau buồn, nhưng vẫn không cho em biết. Nhân lúc nhà vua bắt lính, người chồng ra đi và dặn vợ: Nếu sau 3 năm không thấy anh về thì em đi lấy chồng khác. Ở nhà người vợ chờ chồng đã 3 năm, rồi 5 năm, không thấy chồng về, ngày ngày nàng bồng con lên núi, mặt hướng về nơi chồng ra đi. Rồi một ngày mưa to, nàng đứng mãi không về, lúc mọi người lên núi tìm thì thấy mẹ con nàng đã hóa đá. Người ta gọi hòn đá ấy là Tô Thị Vọng phu.

Chợ Đồng Đăng

Từ thành phố Lạng Sơn đi tiếp về phía Bắc 14km nữa là đến thị trấn Đồng Đăng, một thị trấn nằm sát biên giới Việt-Trung. Thị trấn Đồng Đăng cách biên giới Việt-Trung chỉ 3km. Đứng ở Đồng Đăng vẫn nhìn thấy cửa Hữu Nghị quan. Trước thời Pháp thuộc gọi là Ải Nam quan, hoặc Mục Nam quan.

Từ thế kỷ trước, nơi đây đã là cửa khẩu trao đổi hàng hóa quan trọng ở vùng biên giới giữa hai nước. Ngày nay, đây là cửa khẩu quốc tế quan trọng, tạo thuận lợi cho việc buôn bán, giao

https://www.facebook.com/taybanganh/

lưu văn hóa, du lịch giữa nhân dân hai nước Việt-Trung. Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị quan là một cửa khẩu quan trọng, tạo điều kiện cho chợ Đồng Đăng phát triển buôn bán tấp nập, một chợ đầu mối xuất nhập hàng hóa giữa hai nước Việt-Trung.

Động Tam Thanh

Nằm ở phía Tây phố Kỳ Lừa thuộc thành phố Lạng Sơn. Thành phố Lạng Sơn có ba động: Nhất Thanh, Nhị Thanh và Tam Thanh. Nổi tiếng nhất là động Tam Thanh. Động Tam Thanh ở lưng chừng núi. Cửa hang nhìn về hướng Đông, cao chừng 8m, có lối đi lên theo bậc đá đục vào vách đá, có nhiều cây cối che khuất ánh nắng. Vách động bên phải có bài thơ của Ngô Thì Sĩ (1726-1780) khi ông làm Đốc trấn Lạng Sơn. Bài thơ ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên hùng vĩ: "Suối trong tuôn chảy trên hàng trăm mỏm đá như đang trò chuyện. Quay sang ngọn núi phía trước thấy hòn vọng phu".

Trong động Tam Thanh có Hồ Cảnh (Hồ Âm Ty) nước trong xanh quanh năm không bao giờ cạn. Động dài hơn 50m, chạy từ cửa trước ra cửa sau với muôn vàn nhũ đá thiên tạo từ ngàn xưa, làm nên những hình thù sinh động đẹp mắt. Gần cửa sau có cửa Thông Thiên, thông lên đỉnh núi.

Chùa Tam Thanh tọa lạc ngay trong động Tam Thanh, có từ thời Lê. Trải qua thăng trầm của lịch sử, chùa Tam Thanh vẫn giữ được dáng đẹp ban đầu.

Động Tam Thanh "*... là kỳ quan do trời đất tạo ra, nơi đây là thắng cảnh của vùng đất thiêng, người giỏi, thực khó mà miêu tả, tô vẽ được".*

Ngoài giá trị danh thắng, động chùa Tam Thanh còn nổi tiếng bởi giá trị văn hóa, nghệ thuật, lưu lại ở di tích qua tấm bia có niên đại cổ nhất là tấm bia số 4 (bia Ma Nhai) được dựng vào thời Lê, Vĩnh Trị năm thứ 2 (1677), bia có tên "*Thiền Động Pháp Luân Thường Chuyển*". Nội dung bia ghi lại việc xây dựng và tôn tạo chùa.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trong chùa còn lưu giữ một hệ thống tượng pháp phong phú, trong đó giá trị nhất là bức phù điêu Phật A Di Đà, được tạc vào vách đá phía trên cung Tam Bảo. Pho tượng mang phong cách nghệ thuật thời Lê - Mạc (thế kỷ XVI-XVII).

Động Nhị Thanh - chùa Tam Giáo

Động Nhị Thanh - chùa Tam Giáo gắn liền với danh nhân Ngô Thì Sỹ, khi ông giữ chức Đốc trấn Lạng Sơn. Ông có công phát hiện và tôn tạo 8 cảnh đẹp của xứ Lạng. Động Nhị Thanh - chùa Tam Giáo là một trong 8 thắng cảnh đó (*trấn doanh bát cảnh*). Trong bài ký động Nhị Thanh, Ngô Thì Sỹ nói rõ lý do xây dựng và tôn tạo khu thắng cảnh này: "*do tính ưa suối đá, phong cảnh đẹp nên khi phát hiện ra, đã bỏ tiền của để tôn tạo"* (tháng 5-1779), thuê thợ khởi công tôn tạo động. Thấy thế đất tốt, cho xây chùa Tam Giáo thờ 3 vị Thánh: Khổng Tử, Phật Thích Ca và Lão Tử.

Động Nhị Thanh ở bên dưới chùa Tam Giáo, là hang đá tự nhiên, từ cửa trước ra cửa sau dài hơn 500m. Đây là nơi Ngô Thì Sỹ thường đến du ngoạn giải trí. Động Nhị Thanh thời Ngô tiên sinh là một câu lạc bộ văn hóa rất nổi tiếng. Ông cùng bạn đến đây làm thơ phú, đàn hát, vui chơi. Ở cửa động ông cho xây các điểm đình: "*Thạch Miên am*" (am ngủ trên đá), "*Thụy Tuyền Hiên*" (Hiên ngủ bên suối). Từ động có suối Thụ Phúc chảy ra ao Nhật Bích ở trước cửa động.

Điều quý giá nhất của động Nhị Thanh là hệ thống văn bia tạc trên vách đá của các danh nhân, thi sĩ qua các thời kỳ lưu lại.

Hang Gió

Ở về phía Tây Bắc bản Sao Thương huyện Chi Lăng. Cửa chính của động ở về phía Đông của dãy núi Mai Sao. Hang động này có quy mô rất lớn, chiều dài hàng trăm mét, rộng khoảng 50-70m. Hang có 4 tầng. Trần hang thấp dần. Nền hang có dạng như ruộng bậc thang, cao lên dần và cuối cùng là trần hang và

https://www.facebook.com/taybanganh/

nền hang gặp nhau. Trong động có vô vàn nhũ đá, măng đá, hình thù kỳ thú, như vú sữa, dòng nước mắt, voi mẹ, voi con, ngựa, hổ, cò, sếu... Có chỗ măng đá, cột đá, chuông đá sắp xếp như mê cung của vua chúa.

DI TÍCH

Chùa Tiên

Còn có tên chùa Song Tiên, ở ngoài cửa Nam của Đoàn Thành Lạng Sơn, có một ngọn núi trông giống hình voi phục gọi là núi Đại Tượng. Trong lòng núi có một động lớn. Vào thời Lê Thánh Tông (1460-1497), người ta xây một ngôi chùa trong động đó lấy tên là chùa Tiên. Trong chùa có một nhũ đá lớn nhô lên, tựa hình người ngồi trên bệ đá lớn. Tương truyền đó là Tiên ông xuống trần, giẫm chân xuống đá thành giếng nước, giúp dân chống hạn cứu mùa màng. Giếng nước đó nằm trong động gọi là Giếng Tiên. Quanh năm nước đầy trong vắt. Nhân dân địa phương tạc tượng Phật lập bàn thờ để thờ Tiên ông, còn gọi là Thần Nông. Hằng năm cứ đến tháng 6 âm lịch dân đến đây mở hội cúng Thần Nông.

Chùa Diên Khánh

Chùa Diên Khánh trước kia nằm cạnh Đoàn Thành Lạng Sơn thuộc xã Mai Pha - Châu OÂn. Chùa do nhân dân trong vùng dựng nên vào thời Lê khoảng thế kỷ XV, lúc đó có tên chùa Hương Lâm còn gọi là chùa Thành. Vào năm Cảnh Thịnh thứ 4 (1796) chùa được chuyển về địa điểm bây giờ, nằm bên bờ Nam sông Kỳ Cùng và lấy tên là Diên Khánh tự, chùa Diên Khánh. Cấu trúc chùa theo kiểu "*nội công ngoại quốc*" gồm đủ: tam quan, tiền tế, hậu cung, nhà tổ, cung mẫu... Tam quan theo lối chồng diêm 8 mái, 4 trụ cổng, phía trên nóc đắp *lưỡng long chầu nhật*. Tiền đường và thượng điện giữ nguyên gốc như trước. Toà phương đình ở giữa theo kiểu chồng diêm 8 mái, trên đỉnh đắp búp sen.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bàn thờ trong chùa có toà Cửu Long, tượng Phật, tượng La Hán. Đặc biệt chùa có quả chuông do nhân dân địa phương và khách buôn Trung Quốc cúng tiến vào năm Lê Huyền Tông (1671).

Trước đây chung quanh chùa Diên Khánh còn có một số đền miếu, nhưng nay không còn nữa. Theo lời kể dân gian, phía Nam chùa còn có đền Quan Thánh do thương nhân Hoa Kiều dựng, phía Bắc chùa cũng có chùa Tiên Hiền, còn gọi là Văn Miếu, theo tương truyền được dựng vào thời Lý, dưới thời vua Gia Long, Minh Mạng được trùng tu sửa chữa. Ngoài ra, còn có bia Lạng Sơn văn chỉ, nhưng nay không còn.

Đền Tả Phủ

Tên chữ là Tả Phủ Linh Từ. Đền Tả Phủ là di tích kiến trúc nghệ thuật lưu niệm danh nhân. Đền được dựng năm Chính Hoà thứ 4 (1683), đến nay hơn 300 năm, ở trung tâm phố Kỳ Lừa, phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Lạng Sơn. Đền thờ một vị tướng thời Hậu Lê là Thân Công Tài, người có công rất lớn góp phần đô thị hóa trấn lỵ Lạng Sơn. Nhân dân còn truyền tụng rằng, Thân Công Tài có công san đồi làm thành 7 con đường, lập nên 7 phường cho phố Kỳ Lừa, tạo cho phố chợ phồn vinh, thu hút khách hàng trong nước và nước ngoài tới kinh doanh buôn bán.

Sở dĩ đền có tên "Tả Phủ", bởi chức của ông là Tả Đô đốc Hán quận công. Ông người xã Như Thiết, huyện Yên Dũng, phủ Lạng Giang (nay Nghi Thiết, huyện Việt Yên, Bắc Giang). Xuất thân trong một gia đình quý tộc nhiều đời làm quan, được Chúa Trịnh Tạc trọng dụng bổ lên Lạng Sơn làm phó tướng giúp việc cho Vi Đức Thắng trấn giữ biên thùy.

Đền được hưng công là do sự đồng tâm ngưỡng mộ của nhân dân Kỳ Lừa, Đoàn Thành và thương khách 13 tỉnh Trung Quốc. Đền còn giữ tấm bia nói về việc xây đền. Tấm bia tôn ông là thầy, làm cha "*Tôn sư phụ bi*".

https://www.facebook.com/taybanganh/

Kiến trúc đền gồm hai toà nhà kết cấu theo chữ "*công*" (工), hiện chỉ còn toà nhà ngoài, còn giữ được tương đối nguyên vẹn, toà bên trong bị đổ nát, được làm lại theo lối mới, lợp ngói tây.

Đền còn giữ một số đầu pháo gắn với lễ hội đầu pháo cổ truyền của Lạng Sơn được diễn ra vào các ngày từ 22 đến 27 tháng Giêng âm lịch hằng năm tại đền Tả Phủ.

Đền Kỳ Cùng

Bên bờ tả ngạn sông Kỳ Cùng, ở phố Đầu Cầu, phường Vĩnh Trại (trước thuộc châu Thoát Lãng) Thành phố Lạng Sơn.

Đền xây vào lúc nào đến nay chưa xác định được, theo hồi ức của những người già thì đền đã có từ rất lâu và được sửa chữa nhiều lần nhưng vẫn chỉ là một ngôi đền nhỏ làm bằng đất lợp ngói. Trước đền là bến đá Kỳ Cùng (Kỳ Cùng Thạch Lộ), từng được Ngô Thì Sỹ xếp hạng là 1 trong 8 thắng cảnh của xứ Lạng từ thế kỷ XVIII.

Trước đây đền vốn thờ Thần Giao Long (thần sông Kỳ Cùng), Tương truyền có con Giao Long đào hang ở đây. Hang ăn sâu vào tận động Nhị Thanh. Trước đây các sứ bộ của ta trên đường qua lại đây đều vào đền yết lễ.

Trong quá trình biến đổi của lịch sử, đền thay việc thờ Thần Giao Long bằng thờ Quan Tuần Tranh, một vị tướng nhà Trần. Theo truyền thuyết để lại: cuộc đời và sự nghiệp của ông gắn bó với khu di tích này.

Kiến trúc đền theo kiểu chữ "*đinh*" (丁), đây là kiến trúc mới được phục hồi lại. Đền không làm nghinh môn riêng, mà ở đây nghinh môn gắn liền với không gian chính gồm ba cửa xây vòm cuốn với hai trụ gạch vuông bổ gờ xoi, phía trên đắp nổi hoa văn, trên cùng là bộ tam khí gồm đỉnh và lọ hoa thờ hai bên. Phía ngoài, phía tả hữu của đền đều có xây tháp chồng diêm kiểu gác chuông để treo chuông, trống.

Hiện đền còn lưu giữ khá nhiều hiện vật quý như bia trùng tu đền (*trùng tu từ bi*) ghi lại quá trình trùng tu và lịch sử ngôi đền,

https://www.facebook.com/taybanganh/

được tạc tháng 2-1931. Các hoành phi - đại tự có niên đại đời Lê (1784) và Nguyễn (thời Khải Định, Bảo Đại) và nhiều đồ thờ tự: chuông, ngai, đỉnh rồng, tán lộng, bát bửu... và một số pho tượng cổ có giá trị mỹ thuật lớn và có niên đại cao.

Hằng năm lễ hội đền Kỳ Cùng tổ chức vào các ngày 22 đến 27 tháng Giêng. Trong ngày lễ có rước kiệu từ đền Kỳ Cùng lên đền Tả Phủ để tạ ơn. Vì tương truyền rằng vị thần Tả Phủ có công trong việc minh oan cho Quan Tuần Tranh, khi đã bị kết tội oan, cho đến ngày 27 rước kiệu về.

Đền Kỳ Cùng được xếp là di tích quốc gia.

Đền Bắc Lệ

Tên chữ là Bắc Lệ Linh Từ. Đền Bắc Lệ là một quần thể di tích nằm trên một quả đồi của khu Nam phố Bắc Lệ, thuộc xã Tân Thanh, huyện Hữu Lũng. Cho đến nay chưa xác định được chính xác thời gian xây dựng đền, nhưng căn cứ vào 2 văn bia hiện còn tạc năm 1919 và 1933, đền Bắc Lệ từ đầu thế kỷ XX đến nay đã trải qua 5 lần tu sửa tôn tạo. Theo văn bia khắc năm Khải Định thứ 4 (1919) thì trước đó đền chỉ là một am thờ nhỏ, bị cháy, sau đó nhân dân địa phương cúng tiến xây ngôi đền 3 gian gồm 3 cung: Đệ nhất, đệ nhị và đệ tam (cung cấm). Trong đợt sửa chữa lần 2 (1933) và lần 3 (1940), ngôi nhà 3 gian cũ quay lại và xây thêm cung đệ tam mới ở phía sau, đồng thời xây tam quan to cao, phía ngoài có bậc tam cấp lên đền. Theo Thần tích xã Tiên Lệ cho biết, Trạng nguyên Phùng Khắc Khoan đã cho tiền chi phí và cúng lễ vào năm ông được cử đi sứ sang Trung Quốc.

Tuy qua nhiều lần sửa chữa, nhưng nhìn chung diện mạo vẫn giữ được dáng cổ truyền. Đền Bắc Lệ chủ yếu thờ Bà chúa Thượng Ngàn, một trong ba vị Mẫu vẫn được thờ phụng trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam. Đền có quy mô to lớn, khang trang tráng lệ mà lại khiêm tốn, ẩn mình dưới bóng lá sum suê của những cây cổ thụ hàng trăm tuổi. Đền nằm trên đồi cao, từ

https://www.facebook.com/taybanganh/

đây có thể nhìn thấy con suối Bắc Lệ. Từ dưới đi lên phía bên trái là Am Chầu Bé Bắc Lệ.

Đền chính có cấu trúc hình chữ "*đinh*" (丁) gần tiền tế và hậu cung. Nhà tiền tế phần nóc mái đắp tượng long chầu lưỡng nghi, tượng trưng cho trời và đất, âm và dương. Âm dương hài hoà vạn vật sinh sôi. Nhà bái đường gồm 6 gian, gian phía trong thờ Ngọc Hoàng Thượng đế, ông Hoàng Mười, Hoàng Bảy, gian chính cung thờ Tam toà Thánh Mẫu, 2 bên am thờ Trần Hưng Đạo và chúa Sơn Trang.

Mặc dù bị thất lạc nhiều, song đến nay đền vẫn còn giữ được một số di vật quý gồm 19 pho tượng lớn nhỏ, chủ yếu bằng gỗ, nhiều y môn sặc sỡ, 2 văn bia và nhiều hoành phi, câu đối.

Đền Cửa Đông

Ngôi đền này xây ở cửa phía Đông thành cổ Lạng Sơn, nên có tên gọi như vậy. Đền Cửa Đông có tên cũ là đền Bạch Đế, thờ Thần sông Kỳ Cùng. Kiến trúc đền theo kiểu chữ "*đinh*" (丁), mặt trước nhìn ra sông Kỳ Cùng, gồm 3 phần Tam quan, chính điện và tả, hữu vu, xây bằng gạch, theo lối kiến trúc chồng diêm 8 mái. Trên cùng tường gạch có đắp hình "*lưỡng long chầu nhật*" và chữ "*Phúc*" (福) hình tròn. Đền Cửa Đông, ngoài thờ Thần Sông "Bạch Đế" còn là nơi thờ Tứ Mẫu với số lượng tượng thờ khá nhiều.

Đền Mẫu được bài trí hai bên gồm: cung thờ Tứ: Mẫu Thiên, Mẫu Thoải, Mẫu Thượng Ngàn cùng Thập Nhị Tiên cô ở bên trái, và cung Cô Ba bên phải. Tượng các ông Hoàng được trưng bày cạnh cung thờ Thần Sông ở chính điện.

Trước đây đền có một số sắc phong của đời vua Thành Thái vào năm 1889.

Đền Cửa Tây

Nằm ở phường Chi Lăng, cửa phía Tây thành cổ Lạng Sơn. Đền được xây vào năm 1924 để thờ Đức Trần Hưng Đạo và các vị Thánh Mẫu, đền có tên Ngũ Nhạc Linh Từ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Theo tài liệu của Trường Viễn Đông Bác Cổ chép: "Nơi này có một ngôi đền làm trên một mảnh đất trông xuống sông Tam Kỳ (Kỳ Cùng), đây trước là núi Ngũ Nhạc...".

Kiến trúc đền gồm: Tam quan ở ngoài, phía trong có hai điện thờ. Toà thứ nhất được dựng 1934 là điện Thờ Mẫu. Theo truyền thuyết đền này phải gắn liền với sự kiện Mẫu Liễu Hạnh gặp Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan. Toà thứ hai có kiến trúc theo kiểu chữ "*đinh*" (丁), thờ Đức Thánh Trần cùng các công chúa và con trai Ngài cùng các vị tướng tài: Phạm Ngũ Lão, Dã Tượng, Yết Kiêu...

Trong đền hiện còn lưu giữ được nhiều hiện vật có giá trị đó là các bức hoành phi, câu đối và ba tấm bia là nguồn sử liệu tra cứu về di tích lịch sử.

Chùa Mẫu Sơn

Còn gọi là chùa Trung Thiên, xưa ở xã Khuất Xá (nay là xã Tú Đoan) Lộc Bình. Chùa ở chân núi Mẫu Sơn, còn gọi Núi Mẹ.

Đây là ngôi chùa cổ nhất còn lại ở Xứ Lạng, với ba gian lợp ngói máng, ẩn mình trong những hàng cây cổ thụ âm u, soi mình trên dòng nước Kỳ Cùng lững lờ trôi. Cửa chùa nhìn lên đỉnh Mẫu Sơn điệp trùng lãng đãng mây.

Chùa do Vi Đức Thắng tổ chức xây dựng và tạc bia lưu lại hậu thế. Ông là người được Chúa Trịnh Tạc cắt cử giữ chức Chánh Tuần phủ, coi giữ cả Xứ Lạng. Tấm bia đá ở cửa chùa cho biết chùa được dựng vào năm Chính Hoà thứ nhất (1680).

Chùa Mẫu Sơn thờ cả Trời lẫn Phật. Tên chữ "Trung Thiên là có ý tỏ lòng trung thành với đấng cao xanh và khí thiêng sông núi miền đất được ông cai quản".

Đình Nông Lục

Thuộc thôn Nông Lục, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn. Đình Nông Lục là một trong số 20 di tích kiến trúc nghệ thuật - tôn

https://www.facebook.com/taybanganh/

giáo còn tồn tại ở Lạng Sơn. Đình Nông Lục là sự kết hợp hài hoà giữa ngôi đình cổ đồng bằng Bắc Bộ và kiến trúc nhà sàn truyền thống của người Tày Lạng Sơn.

Đình được xây dưới thời Nguyễn (1927), kiến trúc theo kiểu chữ "*nhất*" (一). Diện tích đình 180m^2, phía Nam là miếu thờ thần có diện tích 5m^2.

Kết cấu bộ vì kèo đình Nông Lục theo kiểu vì "ván mê" được thể hiện hết sức cầu kỳ, có giá trị nghệ thuật cao. Các đề tài chạm khắc mang đậm phong cách nghệ thuật đời Nguyễn.

Gian chính điện được chạm *lưỡng long chầu nguyệt*. Mái của khám thờ chạm tứ linh: *long, ly, quy, phượng*.

Trên cùng là xà nóc, dưới có chạm trổ hổ phù lớn được đỡ bằng ván mê, hai bên chạm rồng nhả mây.

Đình Nông Lục còn là di tích cách mạng, nơi đã diễn ra cuộc họp quan trọng của các cán bộ, đảng viên quyết định khởi nghĩa Bắc Sơn tháng 10 năm 1940, giành chính quyền về tay nhân dân.

Đình Nông Lục được xếp hạng di tích quốc gia năm 1993.

Đình Làng Long Đống

Thuộc huyện Bắc Sơn, được xây dưới thời Gia Long năm thứ 12 (1813) và hoàn thành vào tháng 12-1814. Năm 1910, đình làng Long Đống được sửa chữa.

Truyền thuyết dân gian kể rằng: Có ông bà họ Phan ở làng Mông Ân, tổng Bình Gia, nhờ có công lớn giúp vua diệt phỉ bên kia biên giới sang quấy nhiễu cướp bóc dân lành, nên ông bà được vua ban thưởng cho đất lập làng và ban tước "*Hoàng tộc vị thân*", được đổi từ họ Phan sang họ Hoàng. Sau khi ông bà mất, dân làng đã tôn ông bà là Thành Hoàng làng.

Đình làng xây theo kiến trúc hình chữ "*nhất*" (一) gồm 8 gian, bộ mái được 48 chiếc cột đỡ với tám hàng ngang, 6 hàng dọc.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trên các đầu bẩy, xà dư, xà nóc, ván gió... đều được chạm khắc theo các đề tài *hổ phù, phượng vũ, tứ linh, tứ quý*... phong cách điêu khắc mang đậm nét nghệ thuật chạm khắc dân gian thời Nguyễn.

Cầu lợp Long Đống

Liền với đình làng là chiếc cầu đá bắc ngang suối. Cầu được xây năm Chính Hoà thứ 20 (1699), kiến trúc theo kiểu "*Thượng gia, hạ kiều*". Lầu được tạo dáng hình vòng cung để chịu lực tốt. Chiều rộng lòng cầu 4m, chiều dài 22,4m. Cầu bắc qua suối với 8 nhịp, khoảng cách mỗi nhịp và 2,8m. Hiện phần trên (*thượng gia*) bị hư nát, nhưng các nhịp cầu vẫn còn.

Thành nhà Mạc

Nằm cạnh núi Vọng Phu - Nàng Tô Thị. Hiện còn lại hai đoạn tường thành xây bằng đá, giữa hẻm núi. Đây là một kiến trúc quân sự, phản ảnh một thời kỳ chiến tranh huynh đệ tương tàn trong lịch sử Việt Nam.

Vào năm 1527, lợi dụng nhà Lê suy yếu, Mạc Đăng Dung phế ngôi Lê Chiêu Tông, lập nên nhà Mạc, tồn tại hơn một thế kỷ (từ Mạc Đăng Dung đến Mạc Kính Vũ - 10 đời). Năm 1592, nhà Lê được chúa Trịnh giúp đỡ đánh bật nhà Mạc ra khỏi kinh thành Thăng Long. Tàn dư nhà Mạc chạy lên các tỉnh phía Bắc như Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn... lập căn cứ chống lại tập đoàn Lê - Trịnh.

Tại Lạng Sơn do Ngụy Đôn Hầu Mạc Kính Cung chiếm giữ, ra lệnh xây thành ở núi Vệ Sơn. Đây là bức thành hiểm yếu trấn giữ con đường độc đạo nối nước ta và Trung Quốc. Suốt cả thập niên cuối thế kỷ XVI và đầu thế kỷ XVII, Lạng Sơn là bãi chiến trường diễn ra cảnh "*nồi da xáo thịt*" giữa hai tập đoàn phong kiến Mạc và Lê - Trịnh.

Mãi đến năm 1667, Trịnh Tạc đem đại binh theo đường Lạng Sơn và cho Trịnh Căn theo đường Cao Bằng đánh xuống đã đuổi được Mạc Kính Vũ. Từ đó Lạng Sơn mới tạm yên cuộc nội chiến.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đoàn Thành Lạng Sơn

Là di tích kiến trúc quân sự, nằm ở phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn. Đoàn Thành có vị trí quan trọng trong việc trấn giữ, phòng thủ quân sự nơi cửa ngõ đất nước, nằm trong thung lũng Thành phố Lạng Sơn, chung quanh có núi bao bọc gọi là núi Hồi Đoàn, phía Nam có núi Công Mẫu, vì thế rất có thể hai chữ Đoàn Thành xuất phát từ đấy chăng? Lại có một giả thuyết nói rằng ở góc Tây Bắc thành tròn như hình chiếc quạt, nên gọi là Đoàn Thành?

Theo sách "Lạng Sơn Đoàn Thành đồ" của Nguyễn Nghiễm thì Đoàn Thành Lạng Sơn do Trương Phụ, tướng nhà Minh xây dựng, đến năm Hồng Đức thứ 26 (1495) nhà Lê, thành được sửa sang lại. Nhưng rồi do thời gian, mưa gió tàn phá bị đổ nát. Đến năm Bính Tý (1756) Đốc trấn Lạng Sơn Mai Thế Chuẩn cho tu bổ. Chu vi trong thành là 219 *tầm* 2 *xích* 5 *thốn* (các đơn vị chiều dài cổ). Chu vi ngoài 586 *tầm* 8 *xích* 7 *thốn*. Mặt Đông rộng 153 *trượng* 7 *xích*, mặt Tây rộng 140 *trượng*, mặt Nam rộng 273 *trượng* và mặt Bắc là 292 *trượng*.

Hiện Đoàn Thành không còn nguyên vẹn như xưa. Trong bốn cửa thành xưa, nay chỉ còn lại hai cửa: Cửa Nam và cửa Tây. Cổng thành xây khá chắc chắn. Móng xây bằng đá xanh. Cổng xây vòm cuốn. Chiều cao từ chân đến đỉnh là 5m, rộng 4m. Hiện cửa phía Tây xây bít, cửa phía Nam mở làm lối đi lại.

Ải Chi Lăng

Ải Chi Lăng là một thung lũng hẹp, hình bầu dục, chiều dài Bắc Nam khoảng 4km. Khoảng rộng nhất 1km. Chung quanh bốn bề núi cao, có sông Thương chảy qua. Phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ. Ải Chi Lăng như một trận đồ hiểm trở ngăn bước quân thù.

Tại đây ông cha ta đã xây những công trình quân sự: thành lũy từ Tây sang Đông là các núi chắn ngang thung lũng như

https://www.facebook.com/taybanganh/

núi Mặt Quỷ, núi Quỷ, núi Nà Nông, núi Ma Sẩn. Ngoài ra còn có các di tích Thành Ngăn, Đấu Đong quân, đồn Quỷ Môn, Bãi Hào...

Do vị trí địa hình đặc biệt của cửa ngõ phên dậu đất nước, nơi có con đường độc đạo từ biên giới phía Bắc vào nước ta, nên rất thuận tiện cho quân ta mai phục chặn đánh, truy đuổi quân thù. Địa danh này đã làm cho kẻ thù khiếp sợ phải thốt lên rằng: "*Mười người đi, chín người không trở về*".

Năm 981, trong cuộc kháng chiến chống quân Tống lần thứ nhất, dưới tài chỉ huy của Lê Hoàn (Lê Đại Hành), quân ta đã đánh tan cuộc xâm lược tại ải Chi Lăng, giết tướng giặc Hầu Nhân Bảo.

Năm 1077, vào thời Lý, Thân Cảnh Phúc đã đánh tan quân Tống lần thứ hai cũng tại nơi đây.

Thế kỷ XIII, cả thế giới kinh hoàng dưới vó ngựa của đế quốc Nguyên-Mông, nhưng cả ba lần xâm lược Việt Nam, chúng đều bị thất bại thảm hại ngay tại ải Chi Lăng này. Đó là:

Năm 1284 quân Nguyên-Mông qua đường Chi Lăng bị quân ta chặn đánh kịch liệt, giết chết tướng giặc Nghê Nhuận. Tháng 5-1285, tại Ma Lục (Chi Lăng) quân ta đã diệt tên phản quốc Trần Kiện và bọn bán nước.

Năm 1287, giặc Nguyên-Mông xâm lược lần thứ 3, cánh quân do Trịnh Bằng Phi và Bôn Kha Đa theo đường bộ qua Chi Lăng, bị quân ta chặn đánh tan tành...

Ngày nay di tích này không còn nguyên vẹn. Nhưng Chi Lăng mãi mãi là niềm tự hào dân tộc ta.

LỄ HỘI

Lạng Sơn là một trong những nơi phát hiện ra di chỉ của người Việt thời sơ sử, tiền sử. Lạng Sơn in đậm dấu ấn nền văn

https://www.facebook.com/taybanganh/

hóa truyền thống của các dân tộc. Mỗi dân tộc cùng chung sống trên mảnh đất Xứ Lạng có một kho tàng văn hóa dân gian và họ có những lễ hội đặc sắc:

Hội chợ Kỳ Lừa

Hằng năm Hội chợ Kỳ Lừa diễn ra tại hang Khẩu Lừ, phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, từ 22 đến 27 tháng Giêng âm lịch. Đền thờ được lập bên sông Kỳ Cùng để thờ Thần Sông. Lễ hội diễn ra khá nhộn nhịp, có nhiều trò vui như múa sư tử, đấu võ, hát sli, hát lượn thâu đêm suốt sáng. Lễ hội kết hợp với chợ, nơi mua bán các loại đặc sản trong vùng.

Hội đền Tả Phủ

Hội đền Tả Phủ có quy mô lớn, đặc sắc nhất trong các lễ hội dân gian ở Lạng Sơn, hằng năm được tổ chức vào ngày 15 tháng 3 âm lịch tại đền Tả Phủ, nơi thờ Thân Công Tài, người có công mở mang phố thị Lạng Sơn, để tưởng nhớ công ơn ông. Sau phần lễ, có có tổ chức hội với rất nhiều trò chơi như múa rồng, sư tử, đặc biệt là tục cướp đầu pháo.

Hội Lồng Tồng

Còn gọi là hội xuống đồng của người Tày, Nùng cư trú ở các huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Tràng Định, Cao Lộc...

Hội được tổ chức vào đầu xuân trong các làng bản. Đây là dịp để người dân tỏ lòng thành cầu mong mưa thuận gió hoà, mong cho mùa màng, hoa màu tươi tốt, dân làng bình yên.

Sau những nghi thức cúng khấn truyền thống, là các trò chơi múa hát, múa võ dân tộc, kéo co, múa sư tử, tung còn, chơi đáo quay, hát sli, lượn...

Hội chùa Tam Thanh

Hội chùa Tam Thanh diễn ra vào ngày 15 tháng Giêng âm lịch hằng năm, người dân địa phương còn gọi lễ hội này là lễ hội chúng sinh. Người ta đi hội là để thắp hương ở chùa cầu trời,

https://www.facebook.com/taybanganh/

khấn Phật ban phước lành, để sống bình yên, hạnh phúc, làm ăn phát tài, phát lộc... Sau lễ là hội như thả cá xuống hồ (phóng sinh), múa lân, múa sư tử, đánh cờ người...

Hội đền Bắc Lệ

Nơi thờ Bà chúa Thượng Ngàn (Nữ Thần Núi) và các cô, các cậu.

Hội đền diễn ra từ ngày 10 tháng Giêng đến 15 tháng 2 âm lịch hằng năm. Trong lễ có tục lệ rước cô Bơ Bắc Lệ (từ đền Kẻng) lên đền Bắc Lệ (cô Bơ lên hầu Đức Mẫu Thượng Ngàn).

LÀO CAI

Từ khi được thành lập tháng 7-1907, gần 100 năm thì ít nhất Lào Cai đã có một lần nhập với Yên Bái để thành tỉnh Hoàng Liên Sơn. Năm 1991, Lào Cai được tách ra khỏi Hoàng Liên Sơn thành một tỉnh riêng.

Lào Cai là tỉnh vùng núi cao biên giới có diện tích tự nhiên trên 8.000km^2, dân số gần 600.000 người, nơi sinh sống của nhiều dân tộc: Kinh, H'mông, Tày, Dao, Thái, Giáy, Nùng, Lự, Bố Y, Kháng, La Chí, Phù Lá (Xá Phó), Hà Nhì, Mường, La Ha.

Lào Cai có Thành phố Lào Cai là tỉnh lỵ và thị xã Cam Đường cùng với các huyện Mường Khương, Bát Xát, Bắc Hà, Bảo Thắng, Sa Pa, Bảo Yên, Văn Bàn.

Lào Cai phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam, Trung Quốc với 203km đường biên giới, phía Tây giáp Lai Châu, phía Đông giáp Hà Giang, phía Nam giáp Yên Bái và Sơn La.

Địa hình Lào Cai chủ yếu là đồi núi và thung lũng, với đỉnh Phanxipang cao chất ngất. Hệ sông ngòi chằng chịt, lắm thác nhiều ghềnh. Lào Cai có đường sắt nối Côn Minh (Trung Quốc) và Hà Nội, Hải Phòng, có đường bộ nối liền với Vân Nam, Trung

https://www.facebook.com/taybanganh/

Quốc. Cửa khẩu quốc tế Lào Cai đóng vai trò khá quan trọng cả về kinh tế, chính trị và văn hóa...

Khí hậu Lào Cai có thể phân thành nhiều vùng: Ở vùng thấp mang tính chất khí hậu nhiệt đới. Nhiệt độ trung bình ở những vùng này từ 20-22^{0}C. Ở các vùng cao 700m trở lên, khí hậu mang tính chất á nhiệt đới pha chút ít ôn đới. Nhiệt độ trung bình cả năm là ở những vùng này 18-20^{0}C. Riêng Sapa có năm nhiệt độ xuống 0^{0}C và có tuyết rơi.

Lào Cai có cảnh quan thiên nhiên kỳ thú như thác Bạc, cầu Mây, núi Hàm Rồng, làng thổ cẩm Tả Phìn... (Sapa), lại có nhiều di tích văn hóa lịch sử như quần thể hang động Mường Vi, đền Thượng, đền Bảo Hà, khu bãi đá cổ...

Lào Cai với những dải rừng lớn có nhiều gỗ quý như pơmu, lát hoa, chò chỉ..., đặc biệt cây dược liệu rất phong phú. Động vật có nhiều loại quý hiếm như hổ, báo, lợn rừng...

Lào Cai không chỉ đẹp về thiên nhiên, giàu về tài nguyên, phong phú về di tích văn hóa, Lào Cai với Sapa còn là nơi nghỉ dưỡng tuyệt vời.

THẮNG CẢNH

Thị xã Lào Cai

Trước Công nguyên, vùng mà nay gọi là thị xã Lào Cai là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa ven bờ sông Cái (sông Hồng). Tên Lào Cai bắt nguồn từ chữ "Lão Nhai" nghĩa là "phố cổ". Trên đường Ngô Quyền hiện nay, trước kia là khu nghĩa địa cổ. Dưới những ngôi mộ cổ ở đây, người ta đã tìm thấy những di vật đồ đồng chôn theo thuộc nền văn hóa Đông Sơn.

Với một hệ thống đền chùa như đền Mẫu, đền Thượng thờ Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương... thành cổ với pháo đài cổ, oanh liệt một thời, tất cả thể hiện rõ, Lào Cai mảnh đất của một thời hào hùng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Giờ đây, với tài nguyên phong phú, lao động có tay nghề, cần cù chịu khó, có cửa khẩu quốc tế với hệ thống giao thông thủy bộ và đường sắt thuận lợi, thị xã Lào Cai đang nhanh chóng phát triển kinh tế.

Cầu Hồ Kiều

Bắc qua dòng Nậm Thi nối Lào Cai với huyện Hà Khẩu, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, đến nay đã hơn 100 tuổi. Sách "*Đại Nam nhất thống chí*" ghi: Vào đầu thế kỷ XIX, Lào Cai là một cửa khẩu lớn thứ ba trong toàn quốc. Đầu thập niên 80 của thế kỷ XIX, hàng tháng có tới 30-40 lượt tàu thuyền cập bến "Lão Nhai". Để mở rộng thương trường giao lưu quốc tế, ngày 28-3-1898, cầu Hồ Kiều được khánh thành. Ngày 8-4-1910, khu chợ lớn có mái che được khai trương. Ngay từ tháng 11-1903, chợ mới Cốc Lếu đã có người mua kẻ bán tấp nập sau khi tuyến đường sắt Hải Phòng - Lào Cai - Côn Minh hoàn thành (1901-1912).

Ngày nay, sự giao lưu buôn bán giữa hai nước qua cửa khẩu Lào Cai ngày một phát triển. Để đáp ứng nhu cầu phát triển đó, giữa hai nước đã quyết định xây thêm cầu Hồ Kiều 2 và đã đưa vào sử dụng năm 2003.

Núi Phanxipăng

Khoảng 600 triệu năm trước, cả vùng Tây Bắc Việt Nam còn chìm sâu dưới sóng biển. Sau ba lần vận động tạo sơn, đến thời kỳ tân kiến tạo cách nay trên 100 triệu năm, Hoàng Liên đột ngột nhô lên thành một dãy trùng điệp. Với chiều dài 280km, từ Phong Thổ đến Hoà Bình, chiều ngang chân núi rộng nhất 75km hẹp nhất 45km, gồm 3 khối: Bạch Mông Lương, Phanxipăng và Pú Luông. Trong 3 khối, khối cao nhất, nhiều bí ẩn nhất là Phanxipăng, cao 3.143m. Cả khối là một bảo tàng thiên nhiên kỳ vĩ, ẩn chứa cả một thảm thực vật với hơn 700 loài đặc hữu và cả một khối lượng lớn động vật quý hiếm.

Dưới chân núi là những cây gạo (Cốc Lếu = gốc gạo), cây mít (Cốc San = gốc mít). Từ đây đến độ cao 700m, là vành đai nhiệt

https://www.facebook.com/taybanganh/

đối với những cánh rừng nguyên sinh rậm rạp, dây leo chằng chịt. Từ 700m trở lên là tầng cây lá kim như pơmu, có những cây 3, 4 người ôm không xuể, cao 50-60m, tuổi đời tới vài trăm năm. Xen lẫn với rừng cây lá kim là các loài hoa đỗ quyên, phong lan, hoàng anh rực rỡ.

Lên cao 2.400m, gió mây quyện hoà với cây rừng. Từ 2.800m, mây mù bỗng tan biến, bầu trời trong xanh. Ở đây phủ kín mặt đất là trúc lùn thấp, khoảng 25-35cm. Đất xương xẩu trơ đá gốc, gió thổi không ngớt, khí hậu lạnh giá.

Trên điểm cao 2.963m có cột mốc đánh dấu năm 1905 người Pháp đã đến chinh phục đỉnh cao. Lên nữa là một khối đá khổng lồ được kê lên trên một hòn đá nhỏ. Đấy chính là đỉnh Phanxipăng. Tiếng địa phương gọi là *Huasipan*, có nghĩa là phiến đá khổng lồ nằm chênh vênh. Đỉnh Phanxipăng cao ngất, nóc nhà của Tổ quốc Việt Nam, được kết cấu bởi chỉ một phiến đá khổng lồ, cao 180m.

Núi Hàm Rồng

Cách thị trấn Sapa khoảng 6km có một dãy núi đứng giữa khoảng trống bao la, cao gần 2.000m so với mặt nước biển, đó là núi Hàm Rồng. Cả dãy núi trông giống một con rồng với thân dài uốn lượn với mỏm đá cao tựa đầu rồng.

Hình tượng núi có hình dáng rồng gợi ta nhớ tới huyền thoại: Thuở hồng hoang có đôi rồng đang quấn quýt bên nhau, trong khi cơn hồng thủy đang ào ạt dâng sóng mà vẫn không hay biết. Đến khi choàng tỉnh, hoảng hốt rời nhau, nhưng không kịp. Tức thì mỗi con chạy một ngả. Giờ đây rồng vợ đã hóa đá, nhưng bản năng sinh tồn vẫn còn mãnh liệt, vẫn cố ngước nhìn theo rồng chồng bay lên dãy Hoàng Liên về phía Tây.

Du khách lên núi đá Hàm Rồng sẽ có cảm giác như lạc vào chốn bồng lai tiên cảnh, mà người xưa khéo tưởng tượng đó là những móng vuốt, lông vảy của rồng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lần theo vách đá lên cổng trời, du khách đứng trên mỏm đá sẽ có cảm giác như đang bay lượn. Nơi đây, đất trời như đã gặp gỡ, kia là chàng mây không giấu giấc mộng với nàng đá, dưới ánh sáng mờ ảo lung linh.

Hang Tiên

Từ trung tâm xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà, thuyền sẽ đưa du khách theo sông Chảy qua thành cổ Trung Đô. Đến đây, dòng sông Chảy thắt lại, tạo thành dòng sâu, len lỏi giữa hai bờ vách dựng đứng. Đó chính là Suối Tiên.

Qua Suối Tiên 200m, sẽ gặp một hang lớn có sức chứa hàng trăm người, du khách cảm thấy như đang đứng trước một mê cung kỳ vĩ do thiên nhiên ban tặng, đá xếp thành tầng thành lớp, tạo nên những thành lũy tự nhiên. Ngược lên 500m là cả một rừng nhũ đá với những hình thù kỳ lạ: nào tháp cổ, cung điện, những động vật hóa đá: voi, ngựa, hổ, báo... Cả một thế giới đang đứng lặng yên trước sự ngỡ ngàng của du khách.

Hang Tiên gắn liền với huyền thoại về ba nàng tiên. Huyền thoại kể rằng: xưa có ba nàng tiên được vua cha cho xuống thăm cõi trần gian, thấy nơi đây sơn thủy hữu tình, các nàng không muốn trở về thượng giới. Đã hết hạn, chưa thấy con về, Ngọc Hoàng nổi giận sai Thiên Lôi xuống trị tội. Ba nàng trốn trong hang cao hơn mặt nước khoảng 200m. Do không tuân chỉ, Thiên Lôi nổi giận giẫm sạt một góc núi, nơi ba nàng ẩn náu. Biết không thể thoát, cả ba nàng gieo mình xuống dòng suối tự vẫn. Thi hài ba cô được dòng nước nâng niu xuôi về hạ lưu, tại trung tâm xã Bảo Nhai, được dân bản vớt lên, chôn cất và lập miếu thờ. Ngôi miếu mang tên miếu Ba cô.

Núi Cô Tiên

Nằm gần thị trấn Bắc Hà, vách núi đá phẳng rộng như được bàn tay nghệ nhân đẽo gọt tạo thành am nhỏ, đặt tượng Bà Quan Âm mặt quay về phương Nam. Tục truyền rằng có một nàng tiên

https://www.facebook.com/taybanganh/

xuống hạ giới du xuân, tới đây thấy cảnh đẹp lạ thường, nên nặng lòng, đành ở lại. Vì vậy núi này được gọi là núi Cô Tiên.

Truyền thuyết kể rằng: Một ngày nọ, có hai cha con đi chợ Pac Kha (chợ Bắc Hà ngày nay). Đến đây, người con gái bị cảm nặng và qua đời. Đau buồn, tuyệt vọng, ông lão đành lấy lá đắp xác con, rồi xuống bản xin nén nhang thắp cho vong hồn con. Bà con dân bản cùng ông lão lên núi làm ma cho cô gái. Khi nén nhang còn đang cháy dở, thì bỗng dưng cô gái tỉnh dậy, nói năng hoạt bát và kể cho mọi người nghe rằng cô gái đã được gặp Quan Âm Bồ Tát. Phật Bà dặn dò cô việc thờ phụng ở chốn dương gian, rồi dẫn cô về cõi trần. Mọi người ngơ ngác nhìn lên bầu trời, bắt gặp đám mây ngũ sắc tụ trên đỉnh núi. Thấy đây là điềm lành và để tạ ơn Quan Âm Bồ Tát cứu mạng cho con gái, người cha cùng dân bản đã thuê người đục am trên vách đá cao và tạc tượng Quan Âm Bồ Tát để thờ.

Ngày nay, hằng năm cứ đến ngày 19-9 âm lịch dân bản lại mang đồ cúng vải đỏ tới đây cầu cúng Quan Âm Bồ Tát xin điềm lành, xóa đi điềm dữ.

Mường Vi

Cách thị xã Lào Cai 28km về phía Tây Bắc qua huyện lỵ Bát Xát tới bản Vược, rẽ trái là đến Mường Vi. Mường Vi nằm trong một thung lũng rộng, chung quanh là những dãy núi đá vôi trùng điệp bao bọc. Trong những dãy núi này có nhiều hang động kỳ khu, mà người ta thường gọi là quần thể hang động Mường Vi. Đến nay người ta mới tìm thấy 4 hang động.

Động Ná Rin là động lớn nhất thuộc thôn Ná Rin, trong động có nhiều thạch nhũ màu ánh bạc lấp lánh, trong suốt, đan xen vào nhau tạo thành những bức màn gió đẹp. Nổi lên giữa nền hang là những cột đá to, khi gõ vào phát ra âm thanh như tiếng trống. Giữa hang là một dòng suối với những đàn cá bơi lội. Vào sâu hơn, ở hai vách hang là những nhũ thạch gấp nếp buông xuống tự nhiên như vạt áo cà sa khổng lồ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Động Cám Rang nằm lưng chừng núi, ở vị trí cao, ít hơi nước, màu nhũ hơi nâu sẫm. Cửa hang là nơi cư trú của đàn dơi hàng vạn con. Bên trong có nhiều thạch nhũ, hình thù đủ loại, nào quả bầu, mâm ngũ quả...

Dưới động Cám Rang là động Cám Rúm, tức là hang Gió, do thường xuyên có một luồng gió thổi ngược từ trong hang ra. Hang có số lượng nhũ đá rất lớn và rất đẹp.

Cám Tẩm tức là "hang thấp" nằm dưới cùng sát chân núi. Ở cửa hang có những cột thạch nhũ, ánh bạc cao tới 3m hình lục lăng chóp nhọn. Số lượng thạch nhũ hang Cám Tẩm không nhiều bằng ba hang kia, nhưng mang vẻ huyền bí linh thiêng.

Quần thể hang động Mường Vi được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là Di tích thắng cảnh quốc gia.

Sapa

Sapa nằm dưới chân núi Hoàng Liên, ở độ cao 1.600m so với mặt biển, cách Hà Nội 330km, cách thị xã Lào Cai 38km. Sapa là tuyệt phẩm của thiên nhiên. Sapa mang dáng vẻ kiều diễm của một phố thị hiền hoà ẩn trong sương mây, một nàng công chúa bình yên trong mộng đẹp.

Sapa với 200 biệt thự, kiến trúc đa dạng (nay bị hư hỏng nhiều) nằm xen giữa rừng đào thơ mộng và những rặng xamu xanh ngắt. Sapa còn mang màu sắc rực rỡ qua trang phục thường ngày và phiên chợ cuối tuần của các dân tộc ở đây...

Sapa là vùng cây trái ôn đới, mang vẻ đẹp của nhiều loài hoa, một vùng cây thuốc, dược liệu quý.

Trong một ngày ở Sapa có thể có thời tiết của bốn mùa: vào buổi sáng vạn vật bừng nở, mùa xuân đến với Sapa. Buổi trưa có cái nắng vàng dịu của mùa hè, chiều về nắng vàng mùa thu chiếu qua đôi vai tròn lẳn của nàng thiếu nữ. Đêm đến mang theo cái lạnh của mùa đông. Quanh năm Sapa mát mẻ, nhiệt độ trung bình cả năm từ 15-18^{0}C. Từ tháng 5 đến tháng 8 Sapa có mưa nhiều.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Có những năm cả Sapa ngập chìm trong mưa tuyết. Tuyết nằm trên ngọn cây, nóc nhà, đường phố. Cả Sapa là một màu trắng tuyệt đẹp.

Sapa là một vùng du lịch nghỉ dưỡng tuyệt vời. Vào những năm cuối cùng của thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, ngoài Đà Lạt, Bạch Mã, Bà Nà, Tam Đảo, người Pháp còn xây dựng khu nghỉ mát Sapa. Năm 1912, con đường từ Lào Cai lên Sapa được mở rộng, người Pháp bắt đầu xây dựng một số công trình ở Sapa và một loạt biệt thự, khách sạn ra đời.

Bãi đá cổ Sapa

Đây là những tảng đá lớn nhỏ khác nhau nằm rải rác trên những thửa ruộng bậc thang thuộc thung lũng Mường Hoa trên một diện tích rộng khoảng 8km^2. Điều đặc biệt là trên những tảng đá đó có nhiều lớp chạm khắc với những đường nét, hình thù lạ mà cho đến nay chưa một nhà nghiên cứu nào đưa ra được kết luận cụ thể những mảng chạm khắc đó là gì, mặc dầu bãi đá cổ này đã được phát hiện và nghiên cứu từ năm 1925. Bãi đá này gồm khoảng 200 hòn với những hình thù, kích thước khác nhau. Hòn lớn nhất, người dân địa phương gọi là hòn bố, dài 15m, cao 6m. Trong số những hòn đá đáng chú ý nhất là hòn đá vợ, đá chồng, đàn hổ đá và tấm bia trên có khắc chữ, mà theo truyền thuyết dân gian kể thì đó chính là những câu thần chú của nhóm thợ đá nhằm tiêu diệt đàn hổ đến quấy phá bản làng. Còn tảng đá vợ, đá chồng nói về mối tình chung thủy của đôi trai gái vượt qua bao gian nan, trở ngại lễ giáo phong kiến, môn đăng hộ đối, để mong tìm được hạnh phúc, cho dù phải hóa đá, đôi trai gái vẫn hướng về nhau, lần tìm đến nhau.

Các mảng chạm khắc trên những tảng đá này gồm nhiều loại hình khác nhau: như hoa văn trang trí, tranh vẽ tả thực, hình người, nhà sàn và các đường nét, các ký hiệu mà rất có thể là chữ viết (?) nhưng cho đến nay chưa một ai giải mã được.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thác Bạc, cầu Mây

Cách thị trấn Sapa khoảng 2km, gần ngay quốc lộ Sapa đi Tam Đường, Lai Châu. Từ trên ngọn núi cao hàng trăm mét, những dòng nước ầm ầm đổ xuống, tung bọt trắng xóa như những đóa hoa, nhất là vào những ngày mưa, cả vùng đồi núi nhuộm một màu bạc trắng. Vì vậy mà người dân gọi đây là thác Bạc.

Cách thác Bạc khoảng 500m có một chiếc cầu xưa được làm bằng những sợi mây song đan tết lại với nhau, bắc qua suối Mường Hoa. Trụ cầu về hai phía là những cây cổ thụ. Người ta gọi là cầu Mây. Nhiều du khách đi qua cầu cảm thấy sợ vì cầu treo chao đi chao lại.

Động Tả Phìn

Cách thị trấn Sapa khoảng 12km về hướng Đông Bắc có một ngọn núi đá vôi lừng lững, một nhánh của dãy Hoàng Liên Sơn hùng vĩ, trên đó có động Tả Phìn, bởi dãy núi này thuộc bản Tả Phìn, của người Dao và người H'mông sinh sống. Cửa đợng rộng 3m, cao 5m, có lối đi xuyên xuống đất. Vào sâu khoảng 30m là một động đá, trong động có một tảng đá hình dáng giống như một thiếu phụ đang bồng con, có hòn thì giống mâm xôi, có hòn giống nàng thiếu nữ buông mái tóc đào. Từ trên trần hang, nhiều sợi nhũ đá buông xuống trông giống như bức màn the lấp lánh màu ngọc bích.

DI TÍCH

Thành cổ Nghị Lang

Được xây vào những năm từ 1527 đến 1533, là trung tâm kinh tế, chính trị của cả vùng sông Chảy đầu thế kỷ XVI.

Thành cổ Nghị Lang nằm ở thung lũng Phố Ràng, huyện Bảo Yên. Hiện bức thành chỉ còn để lại một ít dấu tích, còn phần lớn bị hư hỏng. Về phía Đông thành là sông Chảy, một chiến hào tự nhiên, nước chảy xiết, từ suối Lự đến suối Ràng là những đoạn

https://www.facebook.com/taybanganh/

lũy cổ, dùng tre đóng cọc ken dày, bên kia sông Chảy là bãi Soi Bầu (Bầu là từ cổ, nghĩa là bề trên, chỉ anh em Vũ Văn Yên và Vũ Văn Mật). Tương truyền đây là bến thuyền, căn cứ thủy quân của các chúa Bầu, ở đó có đồi khao quân. Phía Bắc thành, một bên dựa vào núi cao hiểm trở, chân núi là Suối Ràng. Trên bờ chiến hào, các chúa Bầu còn cho trồng tre theo hình tam giác ken chặt bờ thành. Phía Nam và phía Tây thành đều dựa vào núi cao. Trong thành có lầu chỉ huy, có xưởng rèn vũ khí, sản xuất gạch ngói, có trại lính và chợ búa, trường học. Trong thành còn có ngôi chùa Phúc Khánh, quy mô lớn nhất vùng. Chùa đã bị phá, chỉ còn lại một bia đá lớn khổ 33 x 55cm với con rùa đá đội bia, trên bia còn hàng chữ: "Phúc Khánh Tự".

Phía Bắc thành có hồ sen, nơi du ngoạn của chúa Bầu, với phong cảnh hữu tình. Cạnh hồ là lò gốm, lò gạch. Trên một ngọn đồi cạnh đó, rộng hàng ngàn mét vuông, còn ngổn ngang các mảnh gốm sứ, nhiều nhất là ngói cổ thời Lê Trung Hưng.

Ở Cạm Véo, chốt tiền tiêu phía Tây thành, tìm thấy một khẩu súng lệnh bằng đồng, dài 40cm, đường kính 12cm. Trên khẩu súng còn khắc hàng chữ "Nghị Lang thủ ngự". Đây là khẩu súng lệnh mang số hiệu 29, của thủ lĩnh đơn vị hộ vệ thành Nghị Lang.

Đây là dấu tích oanh liệt, hùng cứ một phương chống nhà Mạc tiếm ngôi, bảo vệ biên cương của chúa Bầu.

Lâu đài Hoàng Yến Chao

Là một công trình kiến trúc kết hợp khá nhuần nhuyễn phong cách nghệ thuật kiến trúc phương Tây và phương Đông, được xây dựng từ đầu thế kỷ XX, nằm trên địa phận bản Nà Hối Thổ, huyện Bắc Hà, nay thuộc thị trấn Bắc Hà, cách chợ Bắc Hà khoảng 300m.

Lâu đài gồm hai tầng, nơi ở của Hoàng Yến Chao (sau này là nơi ở của con trai ông ta là Hoàng A Tưởng, hiện là nhà khách

https://www.facebook.com/taybanganh/

Ủy ban huyện Bắc Hà), đồng thời là pháo đài phòng thủ, nằm ở vị trí quan trọng chi phối cả thung lũng Bắc Hà. Lâu đài có hệ thống lô cốt, thành lũy xây kiên cố, với hệ thống lỗ châu mai tỏa ra bốn phương. Hiện thành lũy đã bị hư hỏng nặng.

Đền Bảo Hà

Thờ ông Hoàng Bảy, một vị tướng tài thời nhà Lê niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786), đánh giặc phương Bắc bảo vệ bản làng, được triều đình nhà Lê phong tặng "*Trấn An Hiển Liệt*", đã hiển thánh được thờ ở điện thờ đạo Mẫu Việt Nam.

Ngôi đền được xây vào thế kỷ XVII, dưới chân đồi Trúc, bên dòng sông Hồng, cách thị xã Lào Cai khoảng 60km về phía Nam.

Hội đền Bảo Hà hằng năm được tổ chức vào ngày 17 tháng 7 âm lịch (đúng ngày giỗ tướng Hoàng Bảy), thu hút du khách thập phương về dự. Trong lễ hội có tổ chức rước kiệu, tế thần, dâng hương tưởng niệm, sau lễ có tổ chức vui chơi.

Đền Mẫu

Được dựng từ đầu thế kỷ XVIII, thuộc làng Lão Nhai (nay là thị xã Lào Cai), nằm ngay tại ngã ba sông Hồng và sông Nậm Thi. Thờ Mẫu là một tín ngưỡng có từ xa xưa của người Việt Nam. Đền Mẫu là một công trình kiến trúc thể hiện tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt sống ở vùng biên cương của Tổ quốc.

Đền Thượng

Nằm cách đền Mẫu khoảng 300m, tọa lạc trong một khuôn viên rộng hàng chục hecta. Đền Thượng là ngôi đền cổ được xây dựng vào đầu thế kỷ XIX đã qua nhiều lần trùng tu sửa chữa. Đền Thượng thờ Đại vương Trần Hưng Đạo, một vị tướng tài ba, lừng lẫy ba lần đánh thắng quân xâm lược thiện chiến Nguyên - Mông trong thế kỷ XIII.

Trong khuôn viên có mấy cây đa cổ thụ rất đẹp, càng làm tăng thêm vẻ cổ kính, u tịch chốn linh thiêng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

LỄ HỘI

Lào Cai một trong số ít tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống. Lào Cai không chỉ có phong cảnh hữu tình, nhiều di tích văn hóa lịch sử, Lào Cai còn có nhiều lễ hội đặc sắc, mang đậm nét văn hóa dân gian truyền thống:

Hội chơi núi mùa Xuân

Đây là lễ hội của người H'mông, còn gọi là Gầu Tào, hoặc Sán Sải (có nghĩa đi chơi dã ngoại, hoặc chơi núi). Hằng năm lễ hội thường diễn ra sau Tết Nguyên Đán, từ mồng 3 đến 5 tháng Giêng âm lịch. Nơi diễn ra hội thường ở trên một khu đồi thoai thoải, hoặc một khoảnh rộng bằng phẳng gần bản. Lễ hội mang màu sắc tín ngưỡng dân gian. Trong lễ hội người ta cầu khấn: cầu mệnh (cầu sống lâu), cầu con (đông con cái), cầu may (làm ăn phát đạt), cầu phúc...

Lễ hội là ngày vui của bản làng, trai gái xúng xính trong những bộ trang phục mới. Sau lễ là phần hội, tổ chức nhiều trò vui như: thi bắn súng kíp, bắn nỏ, hát giao duyên, múa khèn, múa võ, ném Pa páo (giống quả còn của người Tày Nùng...), cuối cùng là ăn uống.

Lễ tết "Nhảy" của người Dao Đỏ

Tết Nhảy của người Dao Đỏ diễn ra cuối giờ Thìn đầu giờ Tỵ ngày mồng 1 hoặc mồng 2 Tết Nguyên Đán của ba dòng họ lớn người Dao Đỏ ở xã Tả Phìn là Lý, Bàn và Triệu.

Một tốp thanh niên dưới sự hướng dẫn của thầy cả, tổ chức nhảy 14 điệu diễn mở đường, bắc cầu đưa đón tổ tiên, thần linh về dự Tết. Điệu chào tổ tiên, bố mẹ đã khuất là nhảy múa một chân, đầu cúi, ngón tay trỏ giơ cao. Điệu nhảy mời tiên nữ giáng trần, diễn tả bằng điệu múa cò (mô phỏng cò bay). Điệu múa mời tổ sư thầy cả về dự Tết, diễn tả kiểu đi của hổ... Mỗi điệu múa mang hình tượng khái quát cao, diễn tả các thiên thần tổ tiên về hạ giới dự Tết với con cháu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Kết thúc điệu nhảy mở đường, đón chào tổ tiên, thần linh, cả dòng họ làm lễ rước tượng tổ tiên. Tượng tổ tiên là các tác phẩm nghệ thuật điêu khắc độc đáo của người Dao. Tượng được chạm khắc tinh vi, dài 20-25cm, đường kính thân 5cm. Bàn tay phải các tượng đều cầm thẻ bài ghi rõ tên ông Tổ. Ngày Tết, con cháu rước xuống làm lễ tắm gội, thay xiêm y mới.

Sau lễ tắm tượng, con cháu tổ chức các điệu nhảy dâng gà. Thầy cả và ba thanh niên tay cầm con gà trống đỏ, vàng nhảy theo nhiều động tác dâng gà. Kết thúc là điệu múa cờ.

Hội Lồng Tồng

Đây là lễ hội của người Tày Văn Bàn huyện Bắc Hà. Hằng năm, lễ hội thường tổ chức và ngày 5 hoặc 15 tháng Giêng âm lịch, tại một khu ruộng đẹp cao ráo gần bản, trung tâm lễ hội là cây nêu trên có vòng tròn để ném quả còn. Lễ hội mang nét văn hóa tín ngưỡng cầu mong mùa màng tươi tốt, con người khỏe mạnh, con đàn cháu lũ... Phần lễ có nhiều nghi thức quan trọng: rước nước, cúng thần bản, thần suối, thần núi, cúng cây còn. Trong phần hội có nhiều trò chơi: Kéo co, chọi gà bằng hoa chuối, chọi trâu bằng măng vầu. Nam nữ múa hát xòe, hát giao duyên.

Lễ Lập tịch của người Dao

Đây là lễ Lập tịch của người Dao, bản Khe Mạ, huyện Bảo Thắng. Hằng năm lễ thường được tổ chức vào dịp nông nhàn, tức là sau khi mùa màng gặt xong, trước hoặc sau Tết Nguyên Đán. Lễ này thường diễn ra ở gia đình hoặc ở bản của người được lập tịch, tức là được chính thức nhận vào dòng họ. Đây là nghi lễ ở những gia đình khi có con trai 14-15 tuổi thì mời thầy đến làm lễ. Nghi lễ có nhảy từ một tháp cao xuống lưới võng hứng ở dưới, lễ răn dạy... Sau phần lễ trang trọng có tổ chức múa hát, múa sạp, múa gà...

Lễ hội đền Lão Nhai (tên gọi khác của Lào Cai)

Hằng năm lễ hội diễn ra trong ba ngày, từ ngày 11 đến ngày

https://www.facebook.com/taybanganh/

13 tháng Giêng âm lịch, tại đền thờ Thánh Mẫu và Thiên Hậu Nương Nương và cả ở khu vực bãi sông, nơi hai sông Nậm Thi và sông Hồng hợp lưu. Phần lễ có rước Thánh Mẫu cùng Thiên Hậu Nương Nương từ đền đi qua các phố của thị xã Lào Cai rồi qua cầu Cốc Lếu, sau đó quay lại đền làm lễ. Lễ tế tổ chức vào ngày 12, lễ tạ vào ngày 13. Mọi người đi lễ để cầu "người yên, vật thịnh", làm ăn phát tài, phát lộc. Phần hội có nhiều trò vui như thi thổi cơm, múa hát...

LÂM ĐỒNG

Lâm Đồng, một tỉnh phía Nam Tây Nguyên, nằm trên cao nguyên Lâm Viên - Di Linh, vùng đất cao nhất Tây Nguyên, ở độ cao 1.500m so với mặt biển, có diện tích 10.400km^2, dân số trên 85 vạn người, nơi sinh sống của nhiều dân tộc anh em như Kinh, Cơ Ho, Mạ, Lạt, Chu Ru... Lâm Đồng có tỉnh lỵ là Thành phố Đà Lạt và các huyện thị: Thị xã Bảo Lộc, huyện Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Bảo Lâm, Di Linh, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên. 70% diện tích Lâm Đồng là rừng núi, phía Bắc giáp Đắk Lắk, phía Đông Nam giáp Khánh Hoà, Ninh Thuận và Bình Thuận, phía Tây giáp Bình Phước và Đồng Nai.

Với độ cao từ 900 đến 1500m, những dòng chảy trên cao nguyên này đã tạo ra nhiều thác nước kỳ thú như Cam Ly, Prenn, Pongour, Gougah, Datanla, Dambri... Lâm Đồng còn nổi tiếng là nơi có nhiều hồ nước xinh đẹp nên thơ như hồ Xuân Hương, Than Thở, Tuyền Lâm, Đa Nhim...

Với nguồn đất đỏ bazan phong phú, phù sa màu mỡ trên những cánh đồng ven sông và những đồng cỏ mênh mông với khí hậu thích hợp cho cây trồng vật nuôi, đặc biệt là các cây công nghiệp như chè, cà phê, dâu tằm... chăn nuôi bò sữa cao sản, tạo điều kiện cho Lâm Đồng phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vốn rừng Lâm Đồng rất lớn, rừng lá rộng, lá kim thuần chủng, rừng tre nứa. Đặc biệt Lâm Đồng còn có rừng nguyên sinh Cát Tiên. Do có khí hậu và thổ nhưỡng thích hợp nên Lâm Đồng, đặc biệt là Đà Lạt, Lạc Dương, Di Linh... là nơi hội tụ những rừng thông lớn nhất nước. Thông Lâm Đồng không chỉ cung cấp gỗ, mà còn cung cấp nguyên liệu giấy và sản phẩm Côlôphan cho cả nước.

Lâm Đồng có Thành phố Đà Lạt với nhiều cảnh quan đa dạng đặc sắc, là nơi có nhiều danh lam thắng cảnh di tích nổi tiếng, quanh năm khí hậu trong lành mát mẻ. Đà Lạt là vùng du lịch quan trọng bậc nhất nước ta.

Du lịch Đà Lạt rất phong phú, ngoài tham quan du ngoạn, Đà Lạt còn là nơi nghỉ dưỡng, du lịch leo núi... Các nhà khí hậu học gọi Đà Lạt là "thành phố của mùa xuân", vì nhiệt độ trung bình cao nhất trong ngày không quá 24^0C và nhiệt độ trung bình thấp nhất trong ngày không dưới 14^0C. Lượng mưa trung bình năm 1.755mm. Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 11, mùa khô, từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau. Nói chung trong tất cả các mùa Đà Lạt đều có nắng.

Lâm Đồng nói chung, Đà Lạt nói riêng, là một thiên đường du lịch của nước ta, một nơi xinh đẹp, khí hậu mát mẻ, một vùng đất đầy hoa, con người thanh lịch và giản dị.

THẮNG CẢNH

Thành phố Đà Lạt

Nằm ở độ cao 1.450m là nơi nghỉ mát nổi tiếng của Việt Nam. Mùa hè nóng nhất ở đây tối đa cũng chỉ 19^0C. Có thể nói Đà Lạt không có mùa hè, khí hậu quanh năm phảng phất một mùa xuân bất tận.

Đà Lạt hình thành từ năm 1893, khi Bác sĩ A. Yersin, người Pháp gốc Thụy Sĩ trong chuyến đi thám hiểm cao nguyên Langbiang đã tìm ra Đà Lạt. Ông thấy khí hậu ở đây rất lý

https://www.facebook.com/taybanganh/

tưởng và đề nghị xây dựng Đà Lạt thành một nơi nghỉ dưỡng. Từ đó Thành phố Đà Lạt dần dần hình thành. Hai chữ Đà Lạt có nhiều cách lý giải, nhưng có lẽ có cơ sở hơn cả là xuất phát từ một tên gọi mang tính dân tộc học. Quanh khu vực thung lũng Hồ Xuân Hương, trước đây có một bộ tộc người Lạch sinh sống. Lần đầu tiên người Pháp tiếp xúc với cư dân ở đây, nghe hai chữ Đạ Lạch (Đạ là nước, Lạch người Lạch) có nghĩa rằng đây là vùng sông suối của người Lạch. Và người Pháp dùng hai từ này đặt tên cho vùng này và dần dần đọc lệch thành Đà Lạt.

Ngoài cái tên gọi rất thân quen, thành phố này còn có nhiều tên gọi khác rất gợi cảm, xuất phát từ cảnh sắc thiên nhiên làm ngây ngất lòng người. Có người gọi Đà Lạt là "thành phố trên cao nguyên", trong tâm trạng lâng lâng, sảng khoái, hít bầu không khí trong lành, mát rượi ở độ cao 1500m. Có người gọi Đà Lạt là "thành phố của rừng thông" bởi coi rừng thông là bản sắc thanh cao của xứ sở, coi tiếng thông reo là bài ca bất tận của non sông đất nước. Có người gọi Đà Lạt là "thành phố của mùa xuân". Đà Lạt còn có một cái tên nữa mang tính so sánh với một thành phố hoa lệ bên trời Âu, nổi tiếng thế giới: "Paris nhỏ". Đà Lạt còn mang nhiều cái tên khác được đặt theo nguồn cảm hứng của du khách. Tựu trung lại, tất cả những tên gọi ấy đều xuất phát từ chỗ coi Đà Lạt là thành phố thiên đường của du lịch.

Đà Lạt có sức cuốn hút du khách, bởi những rừng thông bạt ngàn, những thác nước hùng vĩ, kiêu sa như Cam Ly, Prenn, Datanla... những hồ nước thơ mộng được kiến tạo tự nhiên như hồ Xuân Hương, Than Thở, Đa Thiện, Suối Vàng, Tuyền Lâm... và những vườn hoa muôn hồng nghìn tía. Đà Lạt có rừng trong phố, vườn trong phố... những con đường uốn lượn theo sườn núi, sông suối như ôm ấp, che chở những biệt thự xinh đẹp trên thành phố sơn nguyên này.

Đà Lạt còn là mảnh đất giàu truyền thống văn hóa với nét đặc sắc của các dân tộc Mạ, Cơ Ho, Chu Ru... gắn liền với vũ hội cồng chiêng, những vũ điệu bên ngọn lửa trại đêm cùng ché rượu cần...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đà Lạt là thành phố trẻ trung, nơi cộng cư của nhiều nhóm dân cư, nhiều miền quê, và cũng là nơi gặp gỡ của nhiều nền văn hóa khác nhau, nên số lượng chùa chiền, nhà thờ khá nhiều, tiêu biểu như chùa Linh Sơn, Linh Phong, Linh Phước... Các nhà thờ Domain, nhà thờ Con Gà, các biệt điện và hàng trăm biệt thự, các công trình kiến trúc, văn hóa, nhiều di tích lịch sử và cách mạng.

Hồ Xuân Hương

Khi bác sĩ A.Yersin đặt chân lên cao nguyên này thì chưa có hồ Xuân Hương ngày nay, mà chỉ là một thung lũng có con suối chảy qua. Do quy hoạch xây dựng thành phố, thung lũng này dần biến thành hồ có tên gọi là Xuân Hương - Hồ Xuân Hương, chiếc hồ đẹp nhất nằm ngay trung tâm thành phố, là danh thắng đầu tiên của Lâm Đồng được công nhận danh thắng cấp quốc gia năm 1988. Hồ rộng chừng 5km^2. Hồ có dạng hình trăng lưỡi liềm, nơi cuốn hút du khách, mà cũng là nơi hò hẹn lứa đôi.

Mặt hồ phẳng lặng như một tấm kính pha lê, soi bóng những hàng thông reo. Con đường quanh hồ và những vườn hoa muôn sắc, rợp bóng những cây tùng, mỗi khi mùa xuân về hoa anh đào nở rộ, quanh hồ rực lên một màu hồng dịu.

Vào những lúc rảnh rỗi, du khách có thể ngồi dưới gốc tùng già buông câu, hoặc du thuyền trên mặt hồ, hoặc dừng chân ở nhà thủy tạ để thưởng thức nước ngọt đậm đà hương vị Đà Lạt, phố núi.

Thác Prenn

Nằm ở chân đèo Prenn, cạnh đường 20 từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Đà Lạt, cách trung tâm Đà Lạt 12km qua đèo Prenn. Theo tiếng Chăm, Prenn là ranh giới. Nguyên trước đây nhiều thế kỷ, người Chăm luôn có những cuộc giao tranh với các bộ tộc ít người ở Lâm Đồng. Prenn là ranh giới giao tranh và cũng là nơi phân định ranh giới. Từ Prenn trở xuống Đơn Dương, Phan Rang là của người Chăm, từ Prenn trở lên là của người Cơ Ho, Mạ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thác Prenn cao khoảng 6m. Nước từ trên những tảng đá rơi xuống, và từ dưới trông lên cứ tưởng như nước từ trên trời rơi xuống. Nên người Sài Gòn đã gọi thác này là Thiên Sa.

Từ năm 1998, được sự đầu tư nâng cấp về các dịch vụ du lịch ở đây, Thác Prenn trở thành điểm cuốn hút du khách.

Prenn có một món ăn đặc sắc không thể không nhắc tới, đó là món cháo cá lóc vào loại ngon nhất Đà Lạt.

Thác Đatanla

Cách trung tâm Đà Lạt 5km, cạnh đường đèo Prenn vào thành phố. Thác nằm khá sâu, lọt thỏm giữa một vùng đồi núi. Đây từng là nơi lánh nạn của một cánh quân của dân tộc bản địa trong cuộc giao tranh với người Chăm cách nay hàng trăm năm. Nhờ có thác này, nên một cánh quân đã trụ lại và bảo toàn lực lượng. Theo tiếng dân tộc thì tên thác Đatanla là nước dưới đá, nước dưới lá.

Cũng theo truyền thuyết thì Đatanla là nơi dũng sĩ K'lang và nàng H'biang gặp nhau. Nơi đây chàng K'lang đã giao chiến với bầy thú dữ gồm hai con rắn hổ tinh, bảy con chó sói và hai con cáo. Cuộc giao tranh diễn ra ác liệt. Lợi dụng lúc hai con rắn lè lưỡi, K'lang rút dao chặt đứt hai lưỡi của rắn, rồi lấy chín mũi tên bắn vào bầy chó sói và cáo làm chúng bỏ chạy tán loạn. Cây cối bị đổ tạo nên những hố sâu, mà một trong những hố sâu đó là vực Tử Thần ở chân thác. Từ đó Đatanla trở thành nơi hò hẹn của đôi trai gái K'lang và H'biang.

Phía đầu nguồn thác là rừng thông bạt ngàn, có tuổi đời hàng trăm năm, có những cây thông một người ôm không hết.

Hồ Than Thở

Cách trung tâm thành phố khoảng 5,5km về phía Bắc, theo đường Quang Trung - Hồ Xuân Hương. Từ lâu, hồ Than Thở đã nổi tiếng với câu thơ:

"Đà Lạt có thác Cam Ly.
Có hồ Than Thở anh đi sao đành"

https://www.facebook.com/taybanganh/

Và cho đến nay vẫn còn đó câu chuyện Thảo-Tâm, gắn liền với sự tích "*Đồi thông hai mộ*". Hiện vẫn còn ngôi mộ của người con gái xấu số tên là Thảo nằm lạnh lẽo ở "*Đồi thông hai mộ*".

Truyền thuyết xa xưa còn kể rằng vào thế kỷ XVIII, khi người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ dấy binh đánh đuổi bọn xâm lược nhà Thanh, trai tráng khắp nơi hưởng ứng đăng lính, trong đó có Hoàng Tùng. Trước lúc lên đường tòng quân nhập ngũ, Hoàng Tùng và Mai Nương rủ nhau ra bờ hồ Than Thở hẹn thề. Chàng hẹn đến mùa xuân, khi hoa mai, anh đào nở sẽ đem tin thắng trận trở về. Ở nhà Mai Nương được tin Hoàng Tùng tử trận, nên nàng quyết định gieo mình xuống hồ tự trẫm. Trớ trêu thay, đến mùa xuân thắng trận, Hoàng Tùng trở về, chàng đau khổ khi biết tin người yêu đã tự tử.

Mấy năm sau, khi nhà Tây Sơn sụp đổ, Gia Long trả thù những người có công với triều Tây Sơn, nên Hoàng Tùng đã nhảy xuống hồ tự tử để được hạnh phúc với người yêu nơi chín suối. Từ đó hồ có tên là Than Thở cho đến nay.

Từ năm 1997, hồ Than Thở được giao cho Công ty TNHH Thùy Dương quản lý, đầu tư và khai thác có hiệu quả. Công viên hồ ngày một đẹp xinh.

Thung lũng Tình yêu - Hồ Đa Thiện

Cách Đà Lạt khoảng 5,5km về hướng Bắc. Nguyên trước đây là một thung lũng lớn, có tên là thung lũng Tình Yêu. Phong cảnh rất đẹp. Dưới thời Pháp thuộc, thung lũng này được biết đến dưới cái tên *Valle D'Amour*. Năm 1953, theo chủ trương của Hội đồng thị xã Đà Lạt, người ta đã Việt hóa thành tên gọi thung lũng Tình Yêu. Năm 1972, chính quyền Đà Lạt cho xây một con đập ngăn nước, tạo nên một hồ chứa nước rộng lớn, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp khu vực Đa Thiện (nay là phường 8 Đà Lạt) nên hồ có tên là hồ Đa Thiện.

Cũng có giả thiết cho rằng thung lũng này gần Viện Đại học (nay là Đại học Đà Lạt), là nơi sinh viên thường hẹn hò vào cuối

https://www.facebook.com/taybanganh/

tuần để thổ lộ tình yêu, nên đã được sinh viên gọi là thung lũng Tình Yêu. Cũng còn có ý kiến cho rằng, cái tên thung lũng Tình Yêu xuất phát từ tên cuốn tiểu thuyết "*Thung lũng Tình Yêu*" được xuất bản vào đầu thập niên 1970 của một nữ văn sĩ.

Thắng cảnh thung lũng Tình Yêu-Hồ Đa Thiện, có nhiều đồi thông đẹp, thoai thoải, thích hợp cho các cuộc dã ngoại vào ngày nghỉ, ngày lễ với diện tích trên 242ha. Diện tích hồ là 13ha. Trong dãy đồi thông trùng điệp có một ngọn đồi mang tên "Vọng Cảnh", trên có một ngôi nhà dành cho khách nghỉ chân và ngắm cảnh. Từ đây có thể ngắm nhìn núi Langbiang huyền thoại và toàn cảnh của hồ.

Sân golf - Đồi Cù

Đà Lạt có ba đồi Cù liền nhau, trước kia được người Pháp xây dựng thành sân golf 9 lỗ. Khi còn làm vua, nhất là khi đứng đầu chính phủ Hoàng triều cương thổ, Bảo Đại thường xuyên chơi golf ở đây cùng với các quan chức Pháp.

Đầu thập niên 1990, sân gofl được đưa vào liên doanh giữa Công ty Du lịch Lâm Đồng với công ty DANAO (Hồng Kông) và xây thành sân golf quốc tế 18 lỗ.

Sân golf Đồi Cù, Đà Lạt là một sân golf vào loại đẹp nhất thế giới.

Hồ Dankia-Suối Vàng

Cách thành phố Đà Lạt 12km về hướng Bắc. Hồ Dankia-Suối Vàng trông như một thiếu nữ vừa bước vào tuổi thanh xuân, nằm phơi mình bên những đồi thông xanh ngắt một màu. Nơi đây, năm 1893, bác sĩ Yersin đã từng ngây ngất trước vẻ đẹp thần tiên của những núi non hùng vĩ trên cao nguyên Langbiang. Và cũng từ đây nảy ra những ý tưởng thiết lập một trạm nghỉ dưỡng trên cao nguyên này - Thành phố Đà Lạt.

Hồ Suối Vàng gồm hai hồ: Dankia và Ankorét có sức chứa khoảng 21 triệu km^3 nước, cung cấp nước cho hai nhà máy điện

https://www.facebook.com/taybanganh/

và nước sinh hoạt cho người dân thành phố Đà Lạt. Ngay dưới hồ Dankia có thác nước Bảy Tầng rất đẹp. Cái tên suối Vàng không biết ai đặt cho, phải chăng là do ở đây có rất nhiều vàng sa khoáng?

Nơi đây có nhà máy thủy điện Ankorét, nhà máy thủy điện đầu tiên ở Việt Nam vào năm 1943. Năm 2000, tại khu vực hồ Dankia - Suối Vàng đã khánh thành công trình nâng cấp cải tạo nhà máy nước. Theo quy hoạch đã được Chính phủ phê duyệt, nơi đây sẽ hình thành một Đà Lạt thứ 2, với những khu nhà, biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp, những khu vui chơi giải trí, sẽ có một con đường cao cấp từ sân bay Cam Ly đến Dankia - Suối Vàng.

Núi Langbiang

Thuộc xã Lát, huyện Lạc Dương, cách thành phố Đà Lạt khoảng 10km về phía Bắc. Dãy Langbiang gồm ba ngọn núi chính là núi Ông khổng lồ K'yut, núi Ông Lâm Viên và núi Bà (Biđúp).

Ở lưng chừng núi có một thung lũng rộng, nơi tổ chức thành công lễ hội kỷ niệm 100 năm thành lập thành phố Đà Lạt, nên giờ có tên là thung lũng Trăm Năm, nơi có thể đáp ứng tốt nhu cầu cắm trại, sinh hoạt lửa trại đêm cho hàng ngàn du khách. Tại đây, du khách có thể ngủ lại qua đêm trong lều bạt, được xem lễ hội cồng chiêng của người Cơ Ho sống ở chân núi.

Từ thung lũng, có xe U oát chở du khách lên đỉnh núi Rada để được tận hưởng những giây phút giao hoà tuyệt diệu của đất trời. Những đám mây mù lơ lửng trên đầu tưởng như đã rất gần trời xanh. Phía Tây Suối Vàng, những dòng suối chảy uốn cong, vắt ngang như những dải lụa thanh thiên. Vào những ngày trời quang, từ đây du khách có thể phóng tầm mắt xuống tận Phan Rang, Nha Trang, miền thùy dương cát trắng.

Đến Langbiang, bạn sẽ được giải thích tên núi Langbiang qua "thiên tình sử" giữa chàng trai K'lang và cô gái H'biang,

https://www.facebook.com/taybanganh/

người của hai bộ tộc khác nhau. Họ yêu nhau say đắm, thề non, hẹn biển. oái ăm thay, hai bộ tộc đã có mối thù và lời nguyền không được lấy nhau. Nhưng đôi tình nhân đã quyết tâm vượt qua lời nguyền. Họ quyết định lên đỉnh núi cao nhất sinh sống, lập nghiệp. Một thời gian sau, không may H'biang ngã bệnh, K'lang tìm mọi cách chữa chạy nhưng không khỏi, bèn về cầu cứu buôn làng. Hay tin, một đoàn người kéo đến, khi gần đến chỗ của đôi trai gái, một người trong đoàn rút mũi tên tẩm thuốc độc, H'biang kịp nhìn thấy và nhanh chóng gắng gượng lấy sức yếu ớt của mình che chắn cho K'lang, và nàng đã trúng tên thuốc độc chết. K'lang đau buồn, khóc H'biang suốt ba đêm ba ngày, nước mắt của chàng đã tuôn thành hồ, thành suối lớn để làm nên thủy điện Đa Nhim ngày nay (*Đa Nhim* hay Đạ Nhim theo tiếng dân tộc là *nước mắt*). Cảm phục trước tình yêu của hai người buôn làng lấy tên của họ đặt cho đỉnh núi cao nhất Langbiang. Ngọn núi có hai đỉnh được đặt là núi Ông và núi Bà (thường gọi chung là núi Bà, vì theo chế độ mẫu hệ).

Hồ Tuyền Lâm

Cách trung tâm Đà Lạt 7km về hướng Nam, cách thác Đatanla 2km. Từ đường 20 (Thành phố Hồ Chí Minh đi Đà Lạt) rẽ xuống dốc khoảng 2km sẽ đến hồ Tuyền Lâm, một hồ rộng 350ha. Đi thuyền trên mặt hồ, du khách có cảm giác sảng khoái với màu nước xanh mênh mông kéo dài tận tít tắp chân trời.

Sát hồ là một đỉnh núi cao, Thiền viện Trúc Lâm tọa lạc trên đó.

Du khách đến Tuyền Lâm, ngoài du thuyền, có thể cưỡi voi dạo chơi quanh hồ.

Thác Đambri

Cách thị xã Bảo Lộc 18km. Thác cao 57m. Năm 1999, Công ty du lịch Đambri đầu tư 1,5 tỷ đồng làm thang máy xuống thác và xây dựng khu rừng rộng 5ha nuôi 500 con khỉ và các loài hươu nai, gấu, beo, cá sấu, và một bộ sưu tập chim hàng trăm loài...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Có thể coi đây là một vườn bách thú nhỏ giữa rừng xanh.

Thác Đambri theo tiếng dân tộc có nghĩa là thác *Đợi Chờ*. Chuyện kể rằng, ngày xửa ngày xưa có một đôi nam nữ yêu nhau. Chàng tên là Đam và cô gái tên là H'bi. H'bi là con gái một tù trưởng giàu có, quyền thế, hung ác không muốn con gái mình lấy anh chàng Đam nghèo kiết, nên tìm cách đày Đam đến một nơi xa lắc, xa lơ. Vì quá thương nhớ người yêu, ngày ngày H'bi ra đây khóc lóc, mong mỏi đợi người yêu. Nhưng đợi mãi, đã qua mấy mùa rẫy mà vẫn không thấy Đam về. Một hôm, buôn làng nghe một tiếng thét ầm vang. Cả buôn làng chạy ra, thì H'bi đã hóa thân thành một dòng thác. Từ đó dân làng đặt tên thác là Đambri.

Thác Pongour

Thuộc xã Tân Hội, huyện Đức Trọng, cách Đà Lạt 54km, cách đường 20 khoảng 7km. Thác Pongour thuộc loại thác đẹp và hùng vĩ nhất Tây Nguyên, với chiều cao 20m, bề mặt thác dài hàng trăm mét và thềm thác rộng hàng chục hécta. Vào mùa khô, nước không nhiều, có thể tổ chức cho hàng ngàn người vui chơi ở đây cùng một lúc. Các nhà du lịch sành sỏi đã không ngần ngại gọi thác Pongour là "*Nam phương đệ nhất thác*".

Thác Pongour gắn liền với câu chuyện về nàng Ka Nai, một tù trưởng xinh đẹp đã có công xây dựng nên cuộc sống thịnh vượng cho đồng bào Cơ Ho. Tương truyền rằng nàng Ka Nai có 4 con tê giác, Pongour là dấu vết của các con tê giác cắm sừng xuống đất.

Hằng năm, vào rằm tháng Giêng âm lịch, nơi đây tổ chức ngày hội thác có hàng ngàn người tham gia, đa phần là thanh niên nam nữ.

Thác Hang Cọp

Thuộc thôn Túy Sơn, xã Xuân Thọ, cách Đà Lạt 15km về phía Đông Bắc (gần Trại Mát). Tên thác Hang Cọp do dân địa phương đặt, bởi dưới chân thác có một cái hang khá rộng, ngày xưa có

https://www.facebook.com/taybanganh/

cọp ở. Tương truyền rằng có một con cọp ba chân hung dữ ở đây. Sau đó vào khoảng những năm 1950, con cọp dữ này đã bị người dân bẫy, nay chỉ còn lại hang. Chung quanh thác có rừng thông bạt ngàn và rừng hỗn giao xanh tốt.

Từ Đà Lạt đi về phía Trại Mát 12km, rẽ trái đi tiếp khoảng 3km nữa là đến thác Hang Cọp.

Thác Cam Ly

Không cao lắm, nhưng rất đẹp, nằm ngay giữa lòng thành phố. Thác Cam Ly được tạo thành từ dòng suối Cam Ly chảy từ trên cao qua hồ Xuân Hương rồi len lỏi qua những phố dân cư, hướng về phía Tây rồi đổ nước xuống thành thác. Thác Cam Ly mỹ lệ đã đi vào lòng người qua thơ ca, âm nhạc:

Đà Lạt có thác Cam Ly,

Có hồ Than Thở anh đi sao đành?

Thác Liên Khương

Nằm sát quốc lộ 20, thuộc huyện Đức Trọng, cách Đà Lạt 27km. Thác cao 50m, có bề mặt khá dài khoảng 200m, và cũng là một trong những ngọn thác hùng vĩ của Lâm Đồng. Nhưng về mùa khô, thác Liên Khương rất ít nước.

Thác Gogah

Còn gọi thác Ổ Gà, cách Đà Lạt 38km, cách quốc lộ 20 chừng 300m. Từ Đà Lạt về Thành phố Hồ Chí Minh qua thị trấn Liên Nghĩa khoảng 8km, gặp ngã ba rẽ tay trái.

Theo truyền thuyết, Gogah xưa kia là một vực sâu, là kho báu của Hoàng hậu Naf Biut (vợ của vua Chămpa). Naf Biut vốn là người Việt, lấy vua Chămpa, được nhà vua sủng ái. Để chữa bệnh cho hoàng hậu, quần thần tâu rằng cần phải xây một cung điện ngoài vương quốc Chămpa để hoàng hậu dưỡng bệnh, vua Chăm chấp thuận. Về sau hoàng hậu qua đời, nhà vua an táng hoàng hậu nơi hoang dã này và chôn theo bao ngọc ngà châu báu

https://www.facebook.com/taybanganh/

để hoàng hậu dùng. Và theo người Chăm kể lại, hoàng hậu đó chính là Huyền Trân công chúa, con gái vua Trần. (Theo chính sử thì không đúng.)

Thác Ngà Voi (Pô Pla)

Thuộc xã Liên Đầm, huyện Di Linh, cách Đà Lạt hơn 80km, cách thị xã Bảo Lộc 25km. Thác nằm cách quốc lộ 20 khoảng 300m, người dân tộc gọi thác này là thác Pô Pla hay là Ngà Voi, người Việt gọi là Bobla hoặc thác Liên Đầm.

Thác nằm lọt thỏm giữa hai ngọn đồi có hình voi phục. Dưới thác là một hồ nhỏ do nước đổ xuống, lâu ngày tạo thành. Cạnh hồ là những tảng đá lớn như những bàn đá của trời, với những cây cổ thụ cao to che mát cả một vùng trời.

Thác Ngà Voi có mặt thác hẹp, cao khoảng 20m.

Chuyện xưa kể rằng, khi người Chăm cai quản xứ Di Linh này, họ bắt dân bản xứ phải nộp thuế bằng các sản vật của rừng như da thú, sừng tê giác, ngà voi. Ngà voi phải chọn cái to. Người tù trưởng các bộ tộc nơi có ngọn thác đã tìm được một cặp ngà voi cao quá đầu người. Vua Chăm thích quá nên đặt tên cho nơi này là Po Pla, và dòng thác từ đó cũng mang tên Po Pla.

Còn tên Liên Đầm là do đọc trại từ hai chữ Liang Dăm, một chàng trai tài giỏi đã cứu giúp dân làng Liang Trăk Mur ra khỏi nạn cướp phá của giặc. Trong một lần quân giặc tiến đánh buôn làng, cả làng sợ hãi bỏ chạy, chỉ có Liang Dăm không bỏ chạy. Anh bẻ một cành cây trâm bên bờ thác và chỉ về hướng quân thù, lạ thay, khi cành cây gãy tới đâu thì quân giặc tan vỡ tự đâm chém nhau mà chết. Giặc tan rồi, Liang Dăm lặng lẽ đi về phía thác rồi biến mất, dân làng không kịp tạ ơn. Để ghi nhớ công ơn của Liang Dăm, dân làng đặt tên buôn là Liang Dăm, và thác cũng mang tên này, nhưng do người Việt đọc trại đi thành Liên Đầm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

DI TÍCH

Chùa Linh Sơn

Nằm trên một quả đồi, trên đường Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Đà Lạt, được dựng năm 1936, năm 1940 hoàn thành. Kiến trúc chùa theo lối Á Đông, phía trước có bốn trụ lớn, dưới diềm mái trang trí hoa văn chữ "*vạn*" (卍) cách điệu. Chính điện thờ tượng Phật Thích Ca bằng đồng, đúc vào năm 1952, cao 1,72m, nặng 1.250kg, ngồi trên toà sen. Bên phải nội điện có đại hồng chung nặng 450kg, treo trên giá gỗ. Phía sau là tổ đường, nơi thờ Tổ Đạt Ma và các vị tăng sĩ viên tịch.

Chùa Linh Sơn có một giảng đường lớn được xây năm 1972, nay là trường Cơ bản Phật học của Lâm Đồng.

Chùa Linh Phong (Chùa Sư Nữ)

Nằm trên ngọn đồi cao nhất đường Hoàng Hoa Thám, Thành phố Đà Lạt, được dựng năm 1944, vốn là Niệm Phật đường do Hoà thượng Thích Bích Nguyên trụ trì. Năm 1948 đến 1962, sư bà Thích Nữ Từ Hương trùng tu thành Linh Phong ni tự như hiện nay.

Chùa có kiến trúc kiểu đình làng, cổng Tam quan hai tầng, lợp ngói, phía dưới có ba cửa vòm cuốn, trên có một cửa hình chữ nhật uốn góc và bảng hiệu "*Linh Phong tự*".

Giữa sân trước chính điện là tượng Phật Bà Quan Âm bằng thạch cao trắng đứng trên đài sen.

Chính điện thờ tượng Phật A Di Đà, sơn son thếp vàng, cao 1,8m, được tạc năm 1949. Hai bên thờ Quan Âm và Đại Thế Chí. Phía sau thờ Tổ Đạt Ma và Hoà thượng Thích Quảng Đức. Sau nữa là nhà hậu tổ, nơi ở của Sư bà và miếu Âm Linh.

Chùa Linh Phước

Nằm ở khu Trại Mát, cách Đà Lạt 8km, gần bên quốc lộ 27 cũ (Phan Rang - Đà Lạt), thuộc phường 11, Thành phố Đà Lạt,

https://www.facebook.com/taybanganh/

được xây vào năm 1949, hoàn thành vào năm 1952, được Đại đức Thích Tâm Vị cho trùng tu lại năm 1990.

Kiến trúc chùa theo kiểu Á Đông. Cổng tam quan sát ngay quốc lộ 27. Trước sân là điện thờ Phật Bà Quan Âm. Chính điện thờ Phật Thích Ca, cao 4,9m (kể cả toà sen). Hai bên nội điện là hai hàng cột khảm sành hình rồng, trên là những bức phù điêu khảm sành sứ, kể về lịch sử Đức Phật. Trước là bức cửu long môn uốn mình chầu Phật. Mặt trước chùa là bảo tháp cao 27m. Tổ đường ở bên phải chính điện. Cạnh đó là vườn hoa và bảo tháp Hoà thượng. Bên trái chính điện là Long Hoa viên có tượng Bồ Tát Di Lặc tọa lạc trên hòn giả sơn.

Trúc Lâm Thiền viện

Thiền viện tọa lạc trên núi Voi, nhìn ra hồ Tuyền Lâm, thuộc phường 3, Thành phố Đà Lạt. Thiền Viện được khởi công xây dựng vào ngày 28-5-1993, trên một khu đất rộng 25ha, trong đó có 2ha xây thiền viện và 23ha vườn bao quanh.

Thiền viện được khánh thành vào ngày 19-3-1994. Vị Viện chủ tạo dựng nên Thiền viện Trúc Lâm là Hoà thượng Thích Thanh Từ, đồng thời là Viện chủ Thiền viện Thường Chiếu ở Đồng Nai.

Chùa Thiên Vương Cổ Sát

Còn gọi chùa Tàu hay chùa Phật Trầm. Chùa do Hoà thượng Thọ Dã, người Hoa xây dựng vào năm 1953, trên một đồi thông xanh mát, tại số 385 đường Khe Sanh, Thành phố Đà Lạt. Năm 1989, ông Lê Văn Cảnh đứng ra tổ chức trùng tu.

Chùa Thiên Vương theo hệ phái (tông) Hoa Nghiêm của Phật giáo Trung Quốc. Chùa gồm ba toà nhà màu vàng. Ở Minh Quang bảo điện thờ Tây Phương Tam Thánh, Phật A Di Đà, Bồ Tát Quan Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí. Mỗi tượng cao 4m, nặng 1,5 tấn, được Hoà thượng Thọ Dã đặt từ Hồng Kông đem về năm 1958.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trong chùa còn có tượng Tứ Thiên Vương cao 2,6m bằng xi măng.

Chùa Linh Quang

Chùa do Hoà thượng Thích Nhân Thứ tạo lập năm 1931, tọa lạc tại số 133 đường Hai Bà Trưng, Thành phố Đà Lạt. Sau đó được các hoà thượng kế tiếp trụ trì chùa cho trùng tu. Đặc biệt vào các năm 1958 và 1972 dưới thời Hoà thượng Thích Minh Cảnh trụ trì, chùa được sửa chữa lớn. Ở các góc mái chùa được đắp nổi hình chim phượng rất cầu kỳ, tinh xảo. Trong khuôn viên chùa có khu tháp mộ.

Nhà thờ Con Gà, nhà thờ Chính Toà

Dân địa phương gọi là nhà thờ Con Gà, vì trên nóc tháp chuông có mô hình con gà. Nhà thờ được xây dựng vào năm 1931, có tháp chuông cao 47m. Nhà thờ nằm trong một khuôn viên rộng giữa trung tâm thành phố.

Nhà thờ Domain

Có tên là nhà thờ Mai Anh,vì trước đây khu vực này có rất nhiều hoa mai và hoa anh đào. Từ năm 1940 đến 1943, đây là nhà nguyện của nữ tu dòng Bác Ái. Năm 1943, nhà thờ được xây lại theo kiểu kiến trúc lạ, không giống bất cứ nhà thờ nào.

Tuy nhà thờ không có tháp chuông trên đỉnh, nhưng đỉnh là một tam giác cân, mặt trước được trang trí các cửa vòm nhỏ. Tường xây bằng đá chẻ tới ngang bệ cửa sổ theo kiểu kiến trúc Normandie (Pháp). Không gian nội thất được chiếu sáng bằng những khung kính màu. Nhà thờ có pho tượng Đức Mẹ ban ơn cao 3m nặng 1 tấn, là quà tặng của Phu nhân Toàn quyền Pháp Decoux.

Nhà thờ Domain chỉ dùng vôi hồng quét tường. Đây là nơi yên nghỉ của phu nhân Decoux, an táng ở hành lang phía sau của nhà thờ. Bà là người đỡ đầu cho nhà thờ và nguyện vọng của bà là sau khi mất được chôn cất ở nhà thờ này.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Ga Đà Lạt

Nằm về phía Đông, cách hồ Xuân Hương 500m. Đây là nhà ga xe lửa cho đoạn đường sắt Đà Lạt đi Phan Rang-Tháp Chàm. Đoạn đường sắt này được khởi công xây dựng từ năm 1915, dài 84km, và đưa vào sử dụng từ năm 1928, đến năm 1964 thì ngừng hoạt động vì chiến tranh. Ngày nay nhà ga Đà Lạt chỉ phục vụ hành khách đi trên đoạn đường 8km từ ga Đà Lạt xuống Trại Mát.

Kiến trúc nhà ga là sự kết hợp hiện đại với kiểu nhà rông dân tộc Tây Nguyên khá độc đáo.

Trường Đại học Đà Lạt

Tọa lạc trên khu đồi đầy cây xanh ở cuối Đồi Cù, phía Bắc hồ Xuân Hương, trên đường Phù Đổng Thiên Vương, trên một khuôn viên rộng 40ha. Trường được thành lập vào thập niên 1950, với tư cách là một Viện Đại học tư thục, thuộc Hội đồng Giám mục Công giáo miền Nam Việt Nam. Trước là trường Thiếu sinh quân hỗn hợp Âu - Á.

Trước năm 1975, Viện Đại học này có các khoa chính trị, kinh doanh... tập hợp được nhiều sinh viên về đây học tập, có khóa số sinh viên lên đến 1.000 người. Trên các toà nhà hay giảng đường của Viện đều được mang những tên lấy từ những sách Trung Dung và Kinh thư như: Năng Tĩnh, Đạt Nhân, Tri Nhất, Minh Thành...

Sau ngày Giải phóng, trường được nhanh chóng khôi phục thành một Trường Đại học Tổng hợp, đa ngành, đáp ứng nhu cầu đào tạo tri thức cho vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Sinh viên theo học ở khắp các vùng miền đất nước. Số lượng sinh viên hằng năm theo học tăng. Mỗi năm trường thu nhận khoảng 10.000 đến 13.000 sinh viên cho 22 chuyên ngành của 10 khoa.

Dinh 1 (Biệt điện 1)

Theo đường Trần Hưng Đạo - Hùng Vương đến ngã ba Trại Hầm rẽ trái chừng 400m sẽ đến Dinh 1. Nguyên là cơ ngơi của

https://www.facebook.com/taybanganh/

một người Pháp, Bảo Đại mua lại, cho xây thành Tổng hành dinh của Chính phủ Hoàng Triều Cương thổ. Đến đời Ngô Đình Diệm, được gia cố thêm thành một lâu đài tráng lệ, kiên cố. Dưới toà nhà chính, có một đường hầm thoát hiểm, cửa chính xuống hầm nằm ngay cạnh phòng ngủ của Ngô Đình Diệm (nằm ở lưng chừng cầu thang lên lầu, nhìn vào tưởng như một phòng bình thường, nên khó phát hiện). Đường hầm thoát hiểm ra phía sau biệt điện đến nơi có sân bay trực thăng dài khoảng 100m. Dinh nằm trong một khuôn viên rộng rất nhiều cây thông cổ thụ và vườn hoa.

Dinh Toàn quyền (Biệt điện số 2, Dinh 2)

Dinh Toàn quyền nằm cạnh đường Trần Hưng Đạo, tọa lạc trên một ngọn đồi cao 1.533m. Ở vào một vị trí khá đẹp, một mặt nhìn xuống hồ Xuân Hương, một mặt nhìn ra rừng thông. Khi còn đương chức, Toàn quyền Decoux cho xây dựng dinh thự này làm nơi nghỉ mát mùa hè. Để tránh nguy hiểm, viên Toàn quyền này đã cho xây dựng đường hầm bí mật, để khi có sự cố có thể thoát ra ngoài. Nhiều năm không được bảo dưỡng, đường hầm đã bị hư hại nhiều.

Đến đời Ngô Đình Diệm, dinh này dành riêng cho gia đình ông cố vấn Ngô Đình Nhu.

Bên cạnh dinh, người Pháp còn xây một văn phòng khá bề thế. Trong dinh có một số hiện vật quý như bức liễn khảm xà cừ, khắc những bài thơ của vua Tự Đức, chiếc đàn dương cầm của phu nhân Decoux.

Dinh 3

Nằm trên đường Triệu Việt Vương, cách trung tâm Thành phố Đà Lạt khoảng 2,5km về phía Nam, được xây vào năm 1933. Năm 1937 khánh thành, cựu hoàng Bảo Đại dùng nơi này làm nơi nghỉ mát mùa hè. Đến khi Pháp trở lại Việt Nam, đưa Bảo Đại làm Quốc trưởng bù nhìn vào năm 1950, thì ông dùng nơi đây làm nơi ở và làm việc.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Biệt điện có hai tầng, tầng trệt làm nơi hội họp, yến tiệc, tiếp khách ngoại quốc, các quan chức chính phủ Hoàng triều Cương thổ. Gồm các phòng: làm việc, tiếp khách, khánh tiết, phòng bí thư riêng, phòng vui chơi của công chúa và hoàng tử. Tại phòng khánh tiết còn treo bức tranh đền Angkor Vat do Hoàng thân Sihanúc (Campuchia) tặng Bảo Đại.

Ở trên lầu là phòng ngủ của Bảo Đại, hoàng hậu Nam Phương, Thái tử Bảo Long, các công chúa Phương Mai, Phương Liên, Phương Dung và Hoàng tử Bảo Thăng. Phía ngoài phòng nghỉ của Bảo Đại là lầu vọng nguyệt, dùng làm nơi ngắm trăng.

Đến thời Ngô Đình Diệm và sau này là Nguyễn Văn Thiệu, dinh này là nơi nghỉ mát cao cấp của chính quyền Sài Gòn.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, biệt điện này thuộc Ban Quản trị tài chính Tỉnh ủy Lâm Đồng, nay giao lại cho Công ty Du lịch Lâm Đồng quản lý.

Quần thể di tích Cát Tiên

Thuộc xã Quảng Ngãi, huyện Cát Tiên, cách quốc lộ 20 khoảng 35km. Từ Thành phố Hồ Chí Minh đến ngã ba Mađagui rẽ trái theo tỉnh lộ 721 đi khoảng 35km sẽ đến khu di tích.

Khu di tích được phát hiện năm 1985, đến nay đã có 3 đợt khai quật khảo cổ. Khu di tích gồm những đền tháp, mộ tháp của Vương quốc Phù Nam, đã bị diệt vong cách nay 13, 14 thế kỷ.

Quy mô lớn nhất của khu di tích là đền Dốc Khỉ (gò 1A), nằm trên quả đồi cao nhất, mặt quay về hướng Đông. Tại đền tháp này, đã tìm thấy bộ Linga - Joni (vật thờ của Đạo Bàlamôn) khổng lồ, nhẵn bóng. Theo tín ngưỡng, cư dân Bàlamôn mỗi khi lên đền đều múc nước đổ lên tượng. Muốn sinh con gái, thì sờ lên Joni, muốn sinh con trai sờ lên Linga, và hứng nước từ khe tượng Joni chảy ra để uống sẽ được như ý.

Gần đền 1A còn có các đền nhỏ, trong đó có một đền sát bờ sông Đồng Nai có tường bao rất đẹp.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Quần thể di tích Cát Tiên được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng di tích quốc gia.

LỄ HỘI

Lâm Đồng có nhiều công trình văn hóa và di tích lịch sử. Lâm Đồng mang trong mình bản sắc văn hóa Tây Nguyên đẹp như huyền thoại, một vùng có nhiều dân tộc còn giữ được những phong tục lễ hội truyền thống:

Lễ hội ăn trâu

Của dân tộc Cơ Ho, thường được tổ chức linh đình vào sau vụ thu hoạch, chuẩn bị cho mùa rẫy mới. Trong những ngày lễ này, người Cơ Ho chơi nhiều nhạc cụ dân tộc cổ truyền.

Bên bếp lửa và ché rượu cần, già làng kể cho con cháu nghe nhiều sự tích, truyền thuyết, huyền thoại, giảng giải thơ, ca dao về nòi giống và quê hương.

Lễ cúng Thần Suối

Của dân tộc Mạ. Người Mạ tin vào các thần: Trời là Thần tối cao, Thần Sông, Thần Núi, Thần Hỏa... trong đó lễ cúng Thần Suối của người Mạ mang nhiều sắc thái tín ngưỡng dân gian.

Lễ cúng Thần Bơ Mung

Đây là lễ cúng Thần đập nước của người Chu Ru, một lễ lớn nhất trong năm của dân tộc Chu Ru, Lâm Đồng. Lễ thường được tổ chức vào tháng Hai âm lịch hằng năm. Nghi lễ này gắn liền với các nghi lễ nông nghiệp như cúng Thần Mương nước, Thần Lúa, ăn mừng lúa mới...

Lễ cúng Cơm mới

Là một trong những lễ hội truyền thống của người Mạ, người Cơ Ho tại B'lao, thị xã Bảo Lộc. Ngày lễ này gần trùng với ngày Tết Nguyên Đán của người Việt. Trong ngày lễ họ cầu mưa

https://www.facebook.com/taybanganh/

thuận, gió hoà, ngăn thú rừng không cho phá nương rẫy. Cúng Cơm mới, lúa mới là để cho con cháu biết quý hạt thóc, hạt gạo. Lễ cúng gồm: gạo thơm mới, ché rượu cần, gà trống giò, heo đực thiến, và các thú rừng bẫy được.

Lễ hội bắt đầu bằng việc khấn Giàng của thầy cúng, kế đến tục vẩy rượu để chúc tụng mọi người. Cuối cùng uống rượu, hát tình ca, trường ca... trong tiếng cồng chiêng rộn rã.

LONG AN

Tỉnh Long An ngày nay bao gồm phần lớn của tỉnh Chợ Lớn và tỉnh Tân An cũ hợp lại, có diện tích khoảng 4.500km^2, dân số trên 1,3 triệu người, là nơi sinh sống chủ yếu của người Kinh, Khơme và một số người Hoa. Phía Đông giáp Thành phố Hồ Chí Minh và sông Soài Rạp, phía Tây giáp Đồng Tháp, Nam giáp Tiền Giang, Bắc giáp Tây Ninh và tỉnh Svâyriêng, Campuchia. Thị xã Tân An là tỉnh lỵ của Long An, ngoài ra còn có các huyện: Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc, Châu Thành, Đức Hoà, Đức Huệ, Mộc Hóa, Tân Thạnh, Tân Trụ, Thạch Hóa, Thủ Thừa, Vĩnh Hưng và Tân Hưng.

Long An chỉ cách Thành phố Hồ Chí Minh 47km, là cửa ngõ của đồng bằng sông Cửu Long, một vùng đất nông nghiệp màu mỡ, trải rộng trên hai triền sông của hai con sông lớn: Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây. Ở phía Bắc Long An có một số gò đồi thấp, còn lại phần lớn là bằng phẳng. Về phía Tây Long An thuộc vùng trũng của Đồng Tháp Mười, mênh mông trời nước.

Long An, một trong những tỉnh Nam Bộ có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, nối liền nhau, chia cắt địa hình thành nhiều vùng.

Long An thực ra không phải là tỉnh của đồng bằng sông Cửu Long mà là một tỉnh của đồng bằng sông Vàm Cỏ, nằm giữa hệ thống sông Đồng Nai và sông Cửu Long.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Long An thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có hai mùa mưa, nắng rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình 1.620mm/năm. Nhiệt độ trung bình cả năm là 27,4^{0}C.

THẮNG CẢNH

Ngôi nhà 120 cột

Thuộc xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đước, cách thị xã Tân An 50km.

Ngôi nhà làm bằng các loại gỗ quý như cẩm lai, gỗ gụ... được xây dựng cách nay hơn 100 năm với vẻ rêu phong cổ kính. Kiến trúc ngôi nhà cổ rất độc đáo, ở đầu các kèo, cột đều được bàn tay khéo léo của những nghệ nhân tài hoa từ miền Bắc vào thi công, làm cho nội thất ngôi nhà như một bảo tàng mỹ thuật cổ điển với những hoa văn trang trí khiến cho du khách có cảm giác mình đang lạc vào một khu rừng đầy hoa lá cỏ cây, chim muông, thú vật...

Là những người thợ điêu khắc miền Bắc, nhưng họ đã biết kết hợp những ưu điểm điêu khắc của 3 miền, nên đã tạo cho ngôi nhà những mảng điêu khắc, những tác phẩm thể hiện rõ sự kết hợp tinh túy của nghệ thuật điêu khắc 3 miền.

Khu du lịch sinh thái Đồng Tháp Mười

Đồng Tháp Mười, một vùng du lịch sinh thái đặc trưng của vùng đất trũng Nam Bộ, cách thị xã Tân An khoảng 50km, thuộc các huyện Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Thạch Hóa và Tân Thạnh.

Ở đây có những cánh rừng tràm bạt ngàn với hàng vạn đàn ong làm tổ, cả một vùng thoang thoảng hương mật hoa tràm. Và đây cũng là nơi bát ngát những đầm sen khoe sắc dưới nắng hè, đồng nước mênh mông. Đồng Tháp Mười có nhiều loại động vật quý hiếm đang được bảo vệ nghiêm ngặt, đó là các loại sếu đầu đỏ, cò, rùa, rắn...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tại đây, du khách sẽ được thưởng thức những món ăn đặc sắc của vùng sông nước Đồng Tháp. Đó là canh chua bông điên điển, gỏi ngó sen, cá lóc nướng trui chấm muối ớt và vài ly rượu đế Gò Đen.

Cụm vườn Thanh Long

Thuộc huyện Châu Thành, cách thị xã Tân An 5km về phía Nam. Nơi đây nổi tiếng về thanh long và dưa hấu. Thanh long là cây đặc sản của vùng này, có giá trị dinh dưỡng và kinh tế cao. Quả thanh long ngọt mát. Khi thanh long vào vụ, cả một vùng cây xanh trở thành đỏ rực, trông rất vui mắt. Để có những trái thanh long trái mùa, người ta dùng biện pháp chiếu sáng ban đêm bằng đèn điện, kích thích thanh long ra hoa kết trái. Thanh long trái mùa bán được cao giá hơn.

Vườn hoa kiểng Thanh Tâm

Nằm ngay trung tâm thị xã Tân An. Vườn hoa kiểng Thanh Tâm có nhiều loại, có loại đã 100 tuổi hoặc trên 100 tuổi. Nhiều cây đã được tặng huy chương vàng tại các hội hoa xuân ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và hội chợ hoa xuân Thành phố Hồ Chí Minh.

Với tài nghệ và bàn tay khéo léo, khối óc thông minh, các kỳ quan thế giới được thu nhỏ trong vườn như núi Phú Sĩ (Nhật Bản), đền AngKor Vat (Campuchia), Kim Tự Tháp (Ai Cập), thành nội Huế... tạo nên một vùng "*du lịch thế giới*" hấp dẫn.

DI TÍCH

Bình Tả

Đây là cụm di tích Kiến trúc nghệ thuật và Khảo cổ học Bình Tả gồm Gò Xoài, Gò Đồn và Gò Năm Tước tại ấp Bình Tả, xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà. Nằm trong một quần thể di tích từ thời tiền sử đến sơ sử, được phân bố theo các trục lộ cổ và sông Vàm Cỏ Đông. Cụm di tích khảo cổ Bình Tả thuộc nền văn hóa Óc Eo - Phù Nam có niên đại từ thế kỷ I đến thế kỷ VII.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Cụm di tích này có thể còn nhiều nơi, nhưng đến nay các nhà khảo cổ chỉ mới khai quật được 3 di chỉ: Gò Năm Tước, Gò Xoài và Gò Đồn. Cả ba di chỉ đều ở gần nhau. Ngôi đền Gò Xoài nằm ở độ sâu 1,7 đến 1,9m. Đây rất có thể là địa điểm hành lễ cho cuộc rút quân khỏi Kinh đô Vương quốc Phù Nam (huyện Đức Hoà). Trong số 26 di vật bằng vàng của bộ sưu tập tìm thấy ở Di chỉ Gò Xoài có một bản văn bằng chữ Phạn cổ (Sanskrit), khắc trên một lá vàng mỏng, ghi lệnh rút quân của vua Phù Nam là Bhavavarman vào năm 550, tại thành Đắc Mục, Kinh đô của Vương quốc Phù Nam khi quân Chân Lạp đánh chiếm và vua Phù Nam thua phải bỏ chạy về phía Nam. Nhiều di vật khai quật được ở đây rất có giá trị về lịch sử, nghệ thuật, tôn giáo như tượng thần Shiva, thần giữ đền, tượng thần Vishnu, các linh vật Linga, Yoni, nhiều mảnh gốm mịn của nền văn hóa Óc Eo, các mảnh kim loại, đá quý... và hàng loạt di chỉ khác về con người từ thời tiền sử chung quanh ngôi đền trong khoảng bán kính 10km.

Các kiến trúc phát hiện được tại cụm di tích Bình Tả là các đền thờ Thần Shiva thuộc đạo Bàlamôn, xuất phát từ Ấn Độ vào thế kỷ thứ I trước Công nguyên, được truyền bá mạnh mẽ vào miền Nam Đông Dương từ đầu Công Nguyên.

Đồn Rạch Cốc

Là đồn binh to nhất, nhì ở Việt Nam dưới thời Pháp thuộc, được xây dựng vào năm 1903. Chiều dài khoảng 300m, chiều cao 100m, có 5 tầng, trong đó 3 tầng chìm dưới mặt đất, 2 tầng nổi. Tường xây dày 60-100cm. Nhờ vậy mà các gian hầm lúc nào cũng mát lạnh, ngay cả vào những ngày hè nóng nhất, ở đây cũng mát mẻ. Đứng bên cạnh những khẩu pháo 105mm trên nắp hầm, bạn có thể ngắm nhìn cảnh đẹp của vùng sông nước Gò Công ở phía xa.

Chùa Tôn Thạnh

Thuộc ấp Thanh Ba, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc. Chùa Tôn Thạnh là ngôi chùa cổ nhất của tỉnh Long An, được xây dựng

https://www.facebook.com/taybanganh/

năm 1803, do Hoà thượng Viên Ngộ khai sáng với cái tên ban đầu là Lan Nhã. Trong chùa còn lưu giữ nhiều pho tượng cổ có giá trị nghệ thuật cao mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XIX. Trong đó có pho tượng Bồ Tát Địa Tạng bằng đồng được đúc ngay tại chùa. Trong khuôn viên chùa có dựng tấm bia kỷ niệm nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu dựng năm 1973 và tháp Hoà thượng Viên Ngô.

Ngôi chùa này từng là nơi ở, làm việc và viết những áng văn thơ bất hủ trong những năm từ 1895-1861 của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu.

Chùa Linh Sơn (chùa Núi)

Chùa nằm ở khu vực khảo cổ Rạch Núi. Chùa do Hoà thượng Minh Nghĩa khai sáng vào thế kỷ XIX, được trùng tu, sửa chữa vào các năm 1926, 1970 và 1988.

Kiến trúc chính điện hiện nay không còn như cũ, mà do Hoà thượng Thiện Lợi sửa chữa vào năm 1970.

Trong chùa còn lưu giữ trên 100 pho tượng, trong đó có nhiều pho tượng cổ bằng gỗ quý như tượng Tiêu Diện cao 0,4m. Trong khuôn viên chùa có tháp Hoà thượng Quảng Trí và Hoà thượng Thiện Lợi.

Chùa Kim Cang

Tọa lạc ở ấp Bình Cang, xã Bình Thạch, huyện Thủ Thừa, được dựng vào khoảng giữa thế kỷ XIX và sau đó được trùng tu, sửa chữa nhiều lần. Chùa hiện còn lưu giữ nhiều bản kinh Kim Cang chữ Hán khắc gỗ, nét chữ còn rất sắc. Đây là những bản khắc quý.

Hoà thượng Minh Lương - Chánh Tâm đệ tử của Hoà thượng Tiên Giác - Hải Tịnh ở chùa Giác Lâm Sài Gòn là vị Hoà thượng có công tu bổ, trùng tu chùa.

Chùa có tượng gỗ La Hán cao 0,49m và vườn tháp.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lăng Nguyễn Huỳnh Đức

Thuộc xã Khánh Hậu, thị xã Tân An, cách thị xã khoảng 3,5km về phía Tây Nam trên quốc lộ 1A, Lăng Nguyễn Huỳnh Đức được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng di tích năm 1993. Đây là một quần thể kiến trúc cổ nhất Long An, đầu thế kỷ XIX đến nay còn tương đối nguyên vẹn, do nhân dân và dòng họ Nguyễn Huỳnh thường xuyên bảo quản. Lăng gồm có cổng ngoài, cổng trong và đền thờ, lăng mộ và nền nhà của tiền quân Nguyễn Huỳnh Đức (1748-1819).

Ngoài giá trị về kiến trúc, di tích còn thể hiện được nét đẹp của văn hóa truyền thống dân tộc.

LỄ HỘI

Long An, vùng đất hấp dẫn du khách bởi giá trị nhân văn của nền văn hóa Óc Eo, một nền văn hóa hình thành và phát triển rực rỡ trên châu thổ sông Cửu Long, từ thế kỷ I đến thế kỷ VI. Nền văn hóa đó đã tiếp nhận có chọn lọc những tinh hoa văn hóa Ấn Độ. Long An, một vùng đất văn hóa có nhiều lễ hội dân gian truyền thống, tiêu biểu nhất là lễ hội cầu mưa, nét đặc sắc của vùng sông nước, nông nghiệp.

Lễ Cầu Mưa

Vào những năm hạn hán, trời nắng nhiều ngày như thiêu như đốt, nhân dân vùng lúa Long An, lấy nông nghiệp làm nguồn sống chính, thường tổ chức cầu đảo để mong trời mưa. Họ làm lễ tế trời, mong thần linh ban cho mưa xuống để lấy nước cấy cày. Lễ cầu mưa gồm 2 phần: phần lễ theo nghi thức cổ truyền và phần hội là các cuộc đua ghe trên sông rạch, có nơi còn làm lễ rước rồng.

Sau khi đua ghe, dân chúng kéo về đình làng làm lễ cúng thần linh và tổ chức ăn uống vui chơi.

https://www.facebook.com/taybanganh/

NAM ĐỊNH

Nam Định là tỉnh nằm phía Nam châu thổ sông Hồng, có diện tích tự nhiên trên 1.670km^2, dân số gần 2 triệu người, nơi sinh sống chủ yếu của người Việt, một ít người Hoa... Thành phố Nam Định là tỉnh lỵ, ngoài ra có các huyện: Vụ Bản, Mỹ Lộc, Ý Yên, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, Giao Thủy, Nghĩa Hưng và Hải Hậu.

Nam Định, phía Bắc giáp Thái Bình, Hà Nam, phía Tây và Tây Nam giáp Ninh Bình, phía Đông và Nam giáp biển Đông, có bờ biển dài trên 72km, nối tiếp với hai cửa biển và hai dòng sông lớn là sông Hồng và sông Đáy. Chính vì vậy, Nam Định có một vị trí khá quan trọng về quân sự, chính trị, kinh tế và văn hóa.

Nam Định gồm vùng đồng bằng chiêm trũng, vùng đồng bằng ven biển và vùng bãi bồi, cồn cát lượn sóng. Nam Định cũng có một ít vùng đồi núi và nửa đồi núi.

Nam Định có 3 dòng sông lớn: sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ và một số sông nhỏ khác, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đường thủy phát triển. Hệ thống đường bộ, đường sắt khá thuận lợi.

Là một vùng đồng bằng phù sa bồi đắp, đất đai đồng ruộng Nam Định phì nhiêu, nông nghiệp phát triển nhanh. Bờ biển Nam Định có tới 5 cửa sông, nhiều ngư trường, trữ lượng cá lớn. Nam Định có những sân chim lớn như sân chim Cồn Lu, Cồn Ngạn, nơi quy tụ nhiều loài chim quý hiếm đã được các nhà sinh vật học nổi tiếng về đây nghiên cứu.

Khí hậu nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa. Có hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình cả năm là 23^{0}C.

Nam Định là vùng đất văn hóa có nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh với bao chùa tháp, đền đài nổi tiếng trong cả nước. Nam Định là một tỉnh có nhiều tiềm năng du lịch.

https://www.facebook.com/taybanganh/

THẮNG CẢNH

Khu bảo tồn thiên nhiên Giao Thủy

Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước huyện Giao Thủy cách Hà Nội khoảng 130km. Đây là 2 khu bãi bồi Cồn Lu và Cồn Ngạn, nơi cửa sông Hồng đổ nước ra biển Đông, là kết quả của quá trình bồi tụ phù sa qua hàng vạn năm mới hình thành nên một hệ sinh thái bền vững. Đây cũng là nơi có hai sân chim lớn nhất miền Bắc Việt Nam với vô số loài chim quý hiếm hội tụ. Trong khoảng thời gian từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, tức là vào mùa khô, hai sân chim Cồn Lu và Cồn Ngạn trở thành một nơi hội tụ của hàng chục ngàn con chim từ phương Bắc bay về kiếm ăn, sinh sống, trong đó có nhiều loài quý được ghi vào sách đỏ.

Với giá trị sinh thái đó, nhà nước Việt Nam đã chọn Cồn Lu - Cồn Ngạn đăng ký vào danh sách các vùng bảo vệ quốc tế và Việt Nam trở thành nước đầu tiên ở Đông Nam Á gia nhập Công ước Ramsar. Hai bãi bồi Cồn Lu và Cồn Ngạn cũng được Chính phủ Việt Nam đưa vào danh sách các khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia với diện tích 10.000ha và vùng đệm, 7.100ha vùng được bảo vệ nghiêm ngặt.

Làng hoa Vị Khê

Đây là một làng gần ngoại thành Nam Định, thuộc xã Nam Điền, huyện Nam Trực, cách thành phố Nam Định khoảng 4km, nơi chuyên trồng hoa các loại và cây cảnh. Làng hoa này có từ thời Lý, rất nổi tiếng với nghệ thuật uốn tỉa cây thế và trồng hoa, cây cảnh.

Hoa, cây cảnh Vị Khê không chỉ cung cấp cho Thành phố Nam Định, những vùng chung quanh, mà còn bán ra nhiều nơi ở các tỉnh miền Bắc. Đặc biệt, quất Vị Khê nổi tiếng ở thị trường Hà Nội và nhiều tỉnh phía Nam, nhất là thị trường Thành phố Hồ Chí Minh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bãi biển Thịnh Long

Bãi biển Thịnh Long là một bãi tắm lý tưởng, nằm ngay thị trấn Hải Thịnh, huyện Hải Hậu.

Tuy mới đưa vào khai thác chỉ mấy năm nay, nhưng ngày càng thu hút nhiều du khách, nhất là các thành phố Hà Nội, Hà Nam, Hà Tây... bởi bãi tắm tuyệt vời, bãi cát mịn, trắng phau, bờ biển thoai thoải dài hàng cây số. Nước biển có độ mặn tương đối cao, sóng lớn, nước trong xanh, môi trường trong sạch, càng hấp dẫn du khách trong những ngày hè nóng nực.

DI TÍCH

Chùa Cổ Lễ

Còn gọi là Thần Quang tự, nằm ở thị trấn Cổ Lễ, huyện Nam Ninh. Chùa vốn có từ lâu, tương truyền do thiền sư Nguyễn Minh Không sáng lập vào thế kỷ XII, thời Lý. Chùa Cổ Lễ hiện nay là do Hoà thượng Phạm Quang Tuyên xây dựng vào tháng 11 năm 1920. Chùa dựng trên một nền đất vuông vức có sông nhỏ và hồ bao quanh thật thơ mộng. Trước chùa có tháp "*Cửu phẩm Liên Hoa*" được dựng vào khoảng năm 1926-1927. Tháp gồm 12 tầng, cao 32m và một tầng đế tháp. Tháp có 8 mặt, mỗi mặt có một dòng chữ Hán đắp nổi như: "*Nam mô Liên trì hội thượng Phật Bồ Tát", "Nam mô thanh tịnh đại hải chúng Bồ Tát", "Tây phương Cực lạc A Di Đà như lai*"... Tháp được đặt trên lưng con rùa, đầu rùa hướng vào chùa. Dọc các cạnh tháp có đắp nổi những con rồng. Ở tầng thứ hai và thứ ba từ dưới lên, xây mái cong theo kiểu giả ngói ống, các đế từ tầng 4 trở lên đều đắp cánh sen.

Trong lòng tháp có một cột trụ rất lớn, có 60 bậc thang xây quanh cột trụ, từ đế tháp lên đỉnh tháp theo đường trôn ốc. Đứng từ đỉnh tháp có thể nhìn thấy toàn cảnh chung quanh.

Từ khu tháp qua chiếc cầu cong tới khu "*Phật giáo Hội quán*" được xây dựng năm 1936. Cấu trúc mái vòm cao, trên nóc mái

https://www.facebook.com/taybanganh/

có đầu đao, kiểu đình làng, 4 góc đắp mặt hổ phù. Bên trái hội quán là dãy nhà ba gian thờ Hưng Đạo Vương và hai cha con vị đại khoa người làng Cổ Lễ, thế kỷ XIV (thời Trần Dụ Tông) là ông Đào Sư Tích đỗ Bảng Nhãn năm 1374 và Đào Toàn Phú (con trai) đỗ Tiến sĩ. Trước nhà có văn bia soạn khắc năm 1856, do Tiến sĩ Ngô Thế Vinh soạn nói về văn nghiệp hai ông.

Từ khu Hội quán, qua hai cầu quả núi có mái ngói che, tới chùa chính (thượng điện). Giữa chùa đặt một quả chuông lớn trên gò đất vuông cao 4,2m. Đường kính chuông 2,2m, cao 3,2m, nặng 9 tấn. Trên chuông có họa tiết cánh sen, sóng nước. Chuông được đúc năm 1936. Toà Thượng điện có tượng Phật Thích Ca cao 4m, rộng 3,5m bằng gỗ sơn son thếp vàng. Nhà tổ thờ pho tượng Hoà thượng Phạm Quang Tuyên.

Chùa Cổ Lễ ngoài thờ Phật còn thờ thiền sư Nguyễn Minh Không, người làng Điềm Xá, xã Gia Thanh, Gia Viễn, Ninh Bình, là y sư từng chữa bệnh cho vua Lý Thần Tông thoát khỏi hiểm nghèo.

Chùa còn lưu giữ nhiều di vật quý như đại hồng chung, trống đồng thời Lý và một túi đựng đồng. Chùa Cổ Lễ được công nhận là di tích văn hóa.

Chùa Phổ Minh

Còn gọi chùa Tháp, nằm cách khu đền Trần khoảng 300m về phía Tây, tại một vị trí xa làng xóm, thuộc thôn Tức Mạc, ngoại thành Nam Định. Đây là quê hương của các vua Trần. Sau khi vương triều Trần được thành lập, liên tục trong mấy chục năm, nhiều cung điện, dinh thự, đền miếu, chùa chiền đã được xây dựng trên mảnh đất này. Theo lời văn khắc trên bia đá và chuông đồng thì chùa Phổ Minh được xây vào thời Lý và đã được vương triều Trần mở rộng vào năm 1262. Đây là một ngôi chùa có quy mô to lớn. Trong chùa có nhà thủy tạ, có hồ sen và nhiều cây cổ thụ. Trước cửa chùa có một đỉnh đồng nặng trên 7 tấn, là một trong bốn vật quý được sử sách liệt vào hàng "*tứ đại khí*" của

https://www.facebook.com/taybanganh/

nước ta, xếp ngang hàng với tháp Báo Thiên cao 70m, chuông Quy Điền ở chùa Một Cột (Hà Nội) nặng khoảng 7,2 tấn và tượng đồng chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh) cao trên 20m.

Chùa đã qua nhiều lần tu bổ, nay bị thu hẹp lại rất nhiều so với 7 thế kỷ trước. Tuy vậy, chùa vẫn giữ được nhiều dấu tích nghệ thuật đời Trần. Cụm kiến trúc chính của chùa gồm chín gian tiền đường, ba gian thiêu hương, toà thượng điện cũng ba gian nhưng rộng hơn, xếp theo hình chữ "*công*" (工). Bộ cửa gian giữa nhà tiền đường gồm bốn cánh bằng gỗ lim, chạm rồng, sóng nước, hoa lá và văn hoa hình học. Hai cánh ở giữa chạm đôi rồng lớn chầu mặt nhật trong khuôn hình lá đề, được coi là một tác phẩm điêu khắc khá hoàn mỹ. Cũng như đôi sấu đá trên thành bậc tam quan và đôi rồng trên thành bậc gian giữa tiền đường, bộ cánh cửa này mang dấu ấn nghệ thuật khắc chạm đời Trần.

Trong chùa có tượng Trần Nhân Tông nhập Niết-bàn (tượng nằm); tượng Trúc Lâm Tam tổ dưới bóng trúc và một số tượng Phật. Chuông lớn của chùa có khắc bản văn "*Phổ minh đỉnh tự*", đúc năm 1796.

Phía trước tiền đường là một công trình kiến trúc quý được xây từ thời Trần vào năm 1305, đó là tháp Phổ Minh. Tháp cao 21m, gồm 14 tầng, là nơi chứa tro thiêu xác Trần Nhân Tông.

Phật giáo truyền đến đời Trần thì được chia thành nhiều phái. Một trong những tông phái mới là Trúc Lâm. Chính Trần Nhân Tông là ông tổ thứ nhất của Trúc Lâm, cùng với Pháp Loa và Huyền Quang được gọi chung là Trúc Lâm Tam tổ. Tục truyền rằng Trần Nhân Tông là hậu thân của Phật tổ Thích Ca. Bởi ông là một vị vua đã ba lần đánh thắng quân Nguyên-Mông và là người sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm, cho nên tháp chứa tro của ông phải đặc biệt như đối với một vị Bồ Tát.

Tất cả nền đá ở dưới đều được chạm trổ. Nét chạm bị thời gian làm mờ đi, nhưng những phần còn lại cho thấy các nghệ nhân điêu khắc đời Trần có quan niệm đúng về nghệ thuật trang

https://www.facebook.com/taybanganh/

trí: đó là những ngọn sóng, vân (mây) xoắn ốc, trên những đường nước gợn song song, phía trên hình sóng nước này là cánh hoa sen chạm nổi cao. Do đó toàn bộ nền dưới của tháp tượng trưng cho hoa sen nở trên mặt nước ba đào. Tháp chứa tro Trần Nhân Tông (tháp Phổ Minh) như nằm trên một toà sen của một vị Phật.

Đền Trần

Đền thờ 12 vị hoàng đế triều Trần, tại xã Tức Mạc, nay là xã Lộc Vượng, ngoại thành Nam Định. Căn cứ vào sử sách còn ghi lại và các tự liệu khai quật khảo cổ thì khu đền Trần được xây dựng trên nền cũ của cung điện Trùng Quang và Trùng Hoa. Bao quanh hai cung điện chính còn có cung Đệ Nhất, cung Đệ Nhị, cung Đệ Tam, và cung Đệ Tứ là nơi hoàng tộc và các quan lại ở. Các cung này nằm án ngữ các con sông: Hoàng Giang, Nhị Hà và Vị Hoàng. Nó như là vòng đai bảo vệ phía ngoài cho hai cung điện Trùng Quang và Trùng Hoa.

Như vậy, vào thời bấy giờ, Tức Mạc là một kinh thành lớn chỉ đứng sau Thăng Long. Nhưng tiếc thay, những cung điện, lầu son, gác tía thuở nào đã bị giặc ngoại xâm tàn phá.

Trong đợt khai quật khảo cổ thám sát năm 1976, đã tìm thấy ở lòng đất Tức Mạc - Thiên Trường nhiều nền móng cung điện lớn sâu rộng, có cống thoát nước bằng ống sành, giếng nước có thiết bị lọc, gạch ngói cổ, thạp men trắng ngà trang trí sen, cúc, rồng, phượng, bát đĩa có ghi "*Thiên Trường phủ chế*" (làm tại phủ Thiên Trường), kiểu dáng đẹp, hoa văn thanh nhã, tinh tế.

Đến Thiên Trường hôm nay du khách không nhìn thấy phủ đệ, cung điện... mà chỉ có hai khu đền: Đền Thiên Trường, còn gọi là đền Thượng và đền Cổ Trạch, còn gọi là đền Hạ, được xây dựng sát nhau, gọi chung là đền Trần.

Đền Trần rộng khoảng 8ha, nằm trên một khu đất cao. Dòng Vĩnh Giang, nước chảy quanh di tích, tạo thành thế tay ngai ôm

https://www.facebook.com/taybanganh/

lấy khu vực này. Mảnh đất này có dạng ngọa long (rồng nằm). Theo thuyết phong thủy thì đây là mảnh đất đẹp, thế phát vương.

Trước đền còn có bốn cột đồng uy nghi soi bóng nước mặt hồ. Hai bên sân rộng là hai dãy giải vũ và một đôi voi nằm phủ phục, chầu ngang lối vào.

Đền Thiên Trường được dân làng dựng lên để thờ phụng vua cha, lúc đó gọi là nhà thờ Đại Tôn. Đến năm Chính Hoà thứ 15 (1695), nhà thờ mới chỉ dựng bằng gỗ lim. Năm 1705, chính thức được gọi là Trần Miếu và hằng năm triều Lê có ban sắc phong.

Năm Tự Đức thứ 5 (1852), đền Thượng được sửa chữa lớn.

Trong lần tu sửa đền Thượng năm 1852, đào được tấm bia đá có dòng chữ "*Hưng Đạo Thân vương Cổ Trạch*" (nhà cũ của Hưng Đạo Vương). Vì vậy nhân dân dựng ngay đền thờ ông. Về quy mô, đền Cổ Trạch (thờ Hưng Đạo Vương) có nhiều nét tương đồng như đền thờ Thiên Trường. Bao gồm nhà đại bái, thiêu hương, cung Đệ Nhị, cung Đệ Nhất. Thiêu hương, cùng tả hữu vu, cung điện và cung Đệ Nhị thờ các vị tướng văn quan, võ quan của Hưng Đạo Đại Vương. Cung Đệ Nhất dành riêng thờ vương phụ, vương mẫu cùng phu nhân là Thiên Thành công chúa.

Đền Bảo Lộc

Trước đây có tên là đền An Lạc thuộc làng Bảo Lộc, huyện Mỹ Lộc, Thành phố Nam Định, là quê hương của vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo.

Theo sách "*Nam Định địa dư chí*" của Ngô Giáp Đậu thì làng Bảo Lộc là nơi lập ấp của An Sinh Vương Trần Liễu, thân sinh Trần Hưng Đạo, và là anh trai của Trần Cảnh (tức Trần Thái Tông, vị vua thứ nhất triều Trần).

Qua cuộc khai quật khảo cổ tháng 4-1979 đã phát hiện ra nhiều gạch ngói, đầu rồng, bệ tháp có niên đại thế kỷ XIII, XIV.

Chính mảnh đất lịch sử này có nhiều gắn bó với gia đình và thuở thiếu thời của Hưng Đạo Vương, nên nhân dân lập đền thờ ông và những người thân ngay sau khi ông qua đời.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đền Bảo Lộc trước đây nằm ven bờ Châu Giang, sau sông bị lở, đền được chuyển vào khu vực hiện nay.

Ngôi đền hiện tại do Lê Quý Chấn, một chủ thầu khoán Nam Định đứng ra chủ trì, hưng công xây dựng vào năm 1928 và phải 5 năm sau mới hoàn thành.

Kiến trúc đền theo kiểu chữ "*đinh*" (丁), đằng trước có dãy non bộ. Tiền đường gồm bảy gian rộng, trung đường năm gian, hậu cung ba gian. Đền giữa thờ Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại Vương, bên trái là chùa thờ Phật, bên phải là phủ thờ Mẫu, phía sau là Khải Thành thờ thân phụ Hưng Đạo Vương.

Trong đền không chỉ thờ bài vị mà còn có hai pho tượng (một bằng gỗ, một bằng đồng) tạc Trần Hưng Đạo. Trong đền ngoài việc thờ cha, mẹ, vợ và các con, kể cả con rể Phạm Ngũ Lão cũng được tạc riêng để thờ ở đây, và Yết Kiêu, Dã Tượng, những vị tướng tài ba của Hưng Đạo Vương cũng được thờ trong đền. Đền còn thờ cả thầy dạy học của Trần Hưng Đạo.

Đền Bảo Lộc cùng đền Trần, chùa Tháp, Phổ Minh tạo thành một quần thể kiến trúc vừa có giá trị lịch sử cao, vừa là địa điểm du lịch hấp dẫn.

Khu di tích Phủ Giầy

Phủ Giầy là tên gọi chung cho các di tích thờ Bà Chúa Liễu Hạnh thuộc xã Kim Thái, huyện Vụ Bản.

Đây là một quần thể di tích được xây dựng trong một khu vực có nhiều dấu vết văn hóa của cư dân Việt xưa và nay. Khu di tích Phủ Giầy, từ bao đời nay thu hút khách tín ngưỡng, và còn có giá trị rất cao về kiến trúc, nghệ thuật, được coi là tài sản văn hóa dân tộc.

Nguyên xưa kia hai thôn Vân Cát và Tiên Hương là một. Ngôi phủ thờ "*Tam Toà Thánh Mẫu*" ở xã An Thái, huyện Thiên Bản còn đơn sơ, được xây dựng trong khoảng niên hiệu Cảnh Trị (1663-1671) thời Lê Huyền Tông. Sang đầu thời Nguyễn (1806)

https://www.facebook.com/taybanganh/

mới tách thành hai thôn Vân Cát và Tiên Hương. Từ đó hai thôn đều xây phủ thờ riêng Bà Chúa Liễu Hạnh.

Phủ Tiên Hương

Phủ Tiên Hương được xây dựng từ niên hiệu Cảnh Trị thời Lê (1663-1671), nhưng đã qua nhiều lần tu tạo, đến năm 1914, dưới thời Duy Tân, Tổng đốc Nam Định là Đoàn Triển đứng ra hưng công xây dựng, nên công trình còn lại đến ngày nay có quy mô bề thế hơn xưa nhiều.

Phủ Tiên Hương có 19 toà với 81 gian lớn nhỏ, mặt phủ quay về phía Tây Nam, nhìn sang dãy núi Tiên Hương. Trước phủ có hồ bán nguyệt và một sân rộng, có ba toà nhà dàn hàng ngang hai tầng, tách mái. Đây là Phương Du, nơi đón khách tới hành hương. Phương Du có cấu trúc cân đối, các mảng chạm khắc trên các thành phần kiến trúc rất hài hoà, thể hiện hình rồng, hình phượng (hai trong bốn con vật linh). Tiếp đó là hồ bán nguyệt thả sen, được ghép bằng những khối đá lục lăng, có đường kính 26m. Hệ thống lan can xây quanh hồ rất mỹ thuật, hai cầu nước được chạm khắc hình con rồng với móng vuốt sắc nhọn.

Phủ có bốn lớp thờ (4 cung):

– Cung Đệ Nhất (chính cung) có một khám thờ, khảm trai. Bên trong có năm toà Long Cung, sơn son thếp vàng, nơi đặt năm pho tượng: Thánh phụ, Thánh Mẫu và Tam toà Thánh Mẫu.

– Cung Đệ Nhị: được trang trí lộng lẫy, nơi thờ "Khải sinh Thánh phụ Trần Quý Công", "Khải sinh Thánh Mẫu Trần môn chính thất" và Trần Đào Lang (là cha, mẹ và chồng của Bà chúa Liễu Hạnh).

– Cung Đệ Tứ: được chạm khắc tinh vi, thể hiện các đề tài hổ phù, phượng, rồng, vân ám... Trên các bức cốn được chạm khắc theo các chủ đề: "ngũ phúc", "tứ linh", "tứ quý".

https://www.facebook.com/taybanganh/

Phủ Vân Cát

Một công trình kiến trúc quy mô, được xây trên một khu đất rộng gần 1ha, đứng biệt lập. Phủ Vân Cát quay về hướng Tây Bắc, trước mặt là cánh đồng lúa. Kiến trúc phủ Vân theo kiểu "*nội trùng thiêm, ngoại chữ quốc*", nghĩa là các toà nhà chính bên trong song song chung thềm, hai bên có hành lang nhà ngang, mặt trước có ngọ môn khép kín.

Tuy bị hư hỏng nặng, nhưng đến nay Phủ Vân vẫn còn bảy toà với ba mươi gian lớn nhỏ. Cung Đệ Nhất mái cong, làm theo kiểu chồng diêm tám mái. Trên các thành phần kiến trúc được chạm khắc phượng múa theo nhiều dáng, "quy" (rùa) ẩn hiện nơi ao sen, bầy "ly" vui đùa uốn lượn ở các góc xà, đầu bẩy...

Hệ thống cửa Ngọ môn xây dựng theo kiểu chồng diêm ba tầng, với hàng chục cột trụ, năm gác lâu, tường bao quanh, nhiều văn bia được đặt dưới Ngọ Môn, ghi chép về việc Bà chúa Liễu giáng sinh và sự đóng góp tiền của những người hảo tâm xây dựng đền. Phía ngoài Ngọ Môn có hồ bán nguyệt, giữa hồ là thủy lâu, ba gian, mái cong. Công trình này được gia công rất công phu, từ viên đá ghép móng, hệ thống lan can chung quanh hồ với các họa tiết "*tứ linh*", "*tứ quý*", đến hai cầu đá bắc qua hai đầu hồ vào thủy lâu cũng thể hiện tài nghệ của các nghệ nhân xưa.

Phủ Vân cũng có bốn lớp thờ tự (4 cung).

Cung Đệ Nhất thờ tượng "Tam toà Thánh Mẫu", tượng ở Phủ Vân nền nã và dịu dàng.

Lăng Bà Chúa Liễu

Một công trình nằm trong quần thể di tích Phủ Giầy, được xây dựng vào năm 1938. Theo lời kể của người già, thì lăng Bà chúa Liễu do Hoàng hậu Nam Phương (vợ Bảo Đại) hưng công. Lăng xây bằng đá xanh, trên một diện tích 625m^2, gồm năm vòng đường hình vuông, mỗi cạnh 24m. Mỗi vòng đường đều có bốn cửa vào lăng theo đúng bốn hướng: Đông - Tây - Nam - Bắc.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Các cửa đều có trụ cổng, trên đặt những đóa hoa sen hàm tiếu. Năm vòng đường ở độ cao khác nhau (thấp dần ra phía ngoài), để tạo mảng sân bậc thang bao quanh lấy phần mộ. Các vòng tường bao được chạm khắc tinh vi theo từng chủ đề ở những vị trí thích hợp như: chấn song, con tiện chữ thọ, chữ vạn nổi... Lăng mộ ở vị trí trên cùng hình bát giác, có đường chỉ viền chạy chung quanh, tạo thành 88 "núm vú" như 88 bông hoa chạy viền quanh mộ. Tương truyền đây là hình tượng "bầu sữa mẹ".

Toàn lăng có 60 búp sen hàm tiếu, từ xa trông vào tưởng như một hồ sen cạn. Trong khuôn viên lăng có hai toà phương đăng xây bằng đá xanh rất công phu, nơi đặt bàn thờ công chúa và văn bia ngợi ca công đức của bà.

Đình Hương Lộc

Thuộc xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, được xây dựng từ lâu. Đến năm Thành Thái thứ 4 (1893) được trùng tu. Vào năm Bảo Đại thứ 4 (1930) đình được xây dựng lại hoàn toàn mới. Đền Nghĩa Thịnh thờ Phan Cự Lượng, danh tướng thời Tiền Lê, có công đánh quân xâm lược nhà Tống.

Nét đặc sắc của ngôi đình là toà hậu cung với ba gian dọc, ba vì, kết cấu lối chồng rường.

Nghệ thuật kiến trúc của đình mang phong cách thời Hậu Lê, tiêu biểu là nghệ thuật chạm khắc gỗ dân gian. Đề tài điêu khắc chủ yếu là sinh hoạt, vui chơi của nam nữ rất sinh động.

Chùa Keo Hành Thiện

Điều đặc biệt thú vị là ở hai bờ sông Hồng thuộc hai tỉnh Nam Định và Thái Bình, mỗi bên đều có một ngôi chùa cổ, nằm đối diện nhau, cùng xây một thời, tên nôm đều gọi là chùa Keo, tên chữ là Thần Quang Tự, cùng thờ đức Thánh Thiền sư Không Lộ thời Lý.

Chùa Keo thượng ở làng Dũng Nhuệ (nay là xã Duy Nhất), huyện Vũ Thư, Thái Bình, ở về phía tả ngạn sông Hồng, còn

https://www.facebook.com/taybanganh/

chùa Keo hạ ở làng Hành Cung (nay là Hành Thiện), xã Xuân Hồng, huyện Xuân Thủy, Nam Định ở về phía hữu ngạn.

Tại miền đất này, cách nay gần 1000 năm, triều Lý Thánh Tông đã cho xây nhiều đền đài, cung điện... Nhiều chùa chiền mọc lên, trong đó có chùa Nghiêm Quang được coi là một danh thắng của Đại Việt thời bấy giờ. Đến năm 1167, đời Lý Anh Tông đã cho đổi tên chùa Nghiêm Quang thành Thần Quang. Chùa Thần Quang nằm trên đất ấp Keo (gồm hai làng: Dũng Nhuệ và Hành Cung), huyện Giao Thủy, nên nhân dân gọi nôm na là chùa Keo.

Đến năm Tân Hợi (1611), một trận lũ lụt lớn làm lở đất đá chôn vùi nhiều đền đài, cung điện và các chùa chiền, trong đó có chùa Thần Quang đã vĩnh viễn lùi vào quá khứ, khép lại một thắng tích huy hoàng sau trên 500 năm tồn tại.

Sau sự kiện đó, dân ấp Keo gồm hai làng phải dời đi hai nơi. Làng Dũng Nhuệ dời sang tả ngạn sông Hồng (nay thuộc Thái Bình) lập lên làng Dũng Nhuệ, còn dân Hành Cung dời về phía Đông Nam hữu ngạn sông Hồng lập ấp xây chùa. Đến đời Minh Mạng (1820-1840), làng Hành Cung đổi thành làng Hành Thiện. Để phân biệt với chùa Keo của làng Dũng Nhuệ (Thái Bình), nhân dân Hành Thiện gọi chùa làng mình là chùa Keo Hành Thiện.

Chùa Keo Hành Thiện nằm trên một khu đất rộng chừng 5 mẫu, giáp sông Hồng. Trước chùa có hồ bán nguyệt nước trong xanh. Chùa gồm 13 toà rộng, dãy dài gần 121 gian, nối tiếp nhau.

Trước chùa là gác chuông theo kiểu chồng rường, hai tầng, kết hợp hài hoà cấu trúc của tam quan nội năm gian, cao 7,50m. Mái cong, phía dưới là tám đại trụ và 16 cột quân, đặt trên đá tảng có chạm khắc hoa văn cánh sen nở.

Qua hai cửa tả, hữu của tam quan, có hai con đường lát gạch, kế liền là hai dãy hành lang, mỗi dãy gồm 40 gian. Điều đặc biệt

https://www.facebook.com/taybanganh/

là các nhà kiến trúc thời Hậu Lê có một lối kiến trúc rất đăng đối. Trước hết phải tạo ra được một kiến trúc trung tâm nổi bật, rồi các kiến trúc phụ trợ khác mới được bố trí đăng đối qua trục thần đạo.

Cụm kiến trúc trung tâm của chùa Keo Hành Thiện là toà tiền đường năm gian mái cong, toà đệ nhị ba gian, toà thờ Phật và ba toà sau thờ Thánh tổ Thiền sư Không Lộ. Điều đặc biệt là trên tất cả các thành phần kiến trúc được các nhà điêu khắc trang trí chạm khắc rất tinh vi. Trong đó đáng chú ý là trên ba bộ cánh cửa gồm mười cánh được chạm khắc thể hiện mười đề tài khác nhau như: long cuốn thủy, ly ngậm ngọc, phượng ngậm cành hoa, tứ linh, tứ quý, nghê đội nóc đao, vân mây uốn lượn...

Sau toà Phật là đền Thánh thờ Thiền sư Không Lộ với ba toà quy mô được xây theo kiểu "*thượng bó cuốn, hạ kẻ bẩy*". Nội thất được chạm khắc hoa văn có tượng thiếu nữ.

Cuối cùng là mười gian nhà tổ, nhà sàn.

Trong chùa hiện còn lưu giữ nhiều di vật cổ có giá trị của thế kỷ XVII, thời Hậu Lê, đó là án thư, sập thờ, tượng pháp, nhiều chuông, khánh, văn bia cổ, hoành phi câu đối, sách chữ Hán nói về lịch sử chùa Keo.

Chùa Lương

Còn gọi là chùa Trăm Gian, tên chữ là Phúc Lâm Tự, được xây dựng vào đời vua Lê Hồng Thuận (1509-1515) tại xã Hải Anh, huyện Hải Hậu. Vào cuối thế kỷ XV, đầu thế kỷ XVI, khi công việc quai đê lấn biển đạt được nhiều kết quả, bốn ông tổ cùng dòng họ của mình mới dồn sức chăm lo đời sống tinh thần, cho xây đền, chùa, bắc cầu, mở chợ...

Chùa Lương ban đầu là một ngôi chùa nhỏ, qua nhiều lần trùng tu được mở rộng. Hàng chữ ghi trên thượng lương "Dương Hoà nguyên niên" (1635), bia khắc Chính Hoà năm thứ 3 (1682), bia Chính Hoà năm thứ 5 (1684) đã cho biết rõ công việc tu sửa

https://www.facebook.com/taybanganh/

chùa, dựng hai dãy hành lang Đông - Tây, làm đồ thờ tự bằng đá. Các tấm bia thời Vĩnh Thịnh, Vĩnh Khánh, Cảnh Thịnh nói đến việc xây dựng thượng điện, tiền đường, tam quan, tạc tượng Tam thế. Sang đến thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, chùa tiếp tục được sửa chữa, có lần trùng tu lớn, đổi cả hướng chùa quay ra phía Nam.

Ngôi chùa hiện nay gồm 100 gian, mang phong cách kiến trúc dân tộc của nhiều thời đại, nhưng đậm nét nhất vẫn là phong cách của thế kỷ XVII và XVIII.

Trước chùa là hồ nước, rộng hàng mẫu, cùng với nhiều cây cổ thụ làm cho chùa càng thêm thâm u. Khu vực chính của chùa có 49 gian, gồm: Tiền đường, Tam bảo, gác chuông, hậu đường và hai dãy hành lang Đông Tây, được liên kết lại theo lối giao mái. Vật liệu xây tường được dùng là gạch Bát Tràng vuông 30x30cm, mái lợp ngói ta. Nổi bật hơn cả là tiền đường năm gian vẫn còn giữ nguyên phong cách kiến trúc thời Hậu Lê. Công trình không phát triển theo trục dọc (chiều cao) mà mở rộng theo trục ngang (chiều rộng), nên có dáng thấp với mái cong mềm mại.

Ngoài ra chùa Lương còn có nhà tổ, tăng phòng, nhà kho, nhà bếp... gồm 49 gian lớn nhỏ. Phía Bắc chùa có một vườn tháp với hàng chục tháp mộ.

Chùa Lương có kiến trúc đẹp, phần điêu khắc lại rất đặc sắc, càng làm cho ngôi chùa có một giá trị nghệ thuật cao.

Trong chùa có khá nhiều câu đối, tượng Phật. Có những tượng Phật lớn như tượng A Di Đà, Bồ Tát, Bát vị Kim Cương, Hộ Pháp... Đặc biệt có ba pho tượng Tam Thánh, tượng ông tổ khai sáng. Hai dãy hành lang Đông Tây lưu giữ một khối lượng lớn văn bia có giá trị nhiều mặt với hơn 40 bia.

Cầu ngói chợ Lương

Cầu ngói cách chùa Lương khoảng 100m, nằm ngay trên đường vào chùa, gắn với ngôi chùa thành một cụm di tích. Cầu

https://www.facebook.com/taybanganh/

ngói cũng được xây dựng cùng thời gian với chùa. Nhân dân quen gọi cầu này là cầu ngói chợ Lương vì cầu ở liền chợ. Cầu ngói chợ Lương là một trong mười cầu cổ của đất Quần Anh xưa (Hải Anh). Quần Anh có mười giáp, thì chín giáp dựng cầu bằng đá, kiến trúc đơn giản, mục đích là để đi lại thuận tiện. Riêng giáp thứ mười, ở gần chùa, gần chợ là chốn đô hội của Quần Anh lại dựng cầu ngói.

Buổi ban đầu, mái cầu chỉ lợp rơm rạ, về sau nâng quy mô cầu, lợp ngói để phù hợp với không gian chùa Phúc Lâm. Lần trùng tu vào năm 1922 làm cho cầu không còn giữ được phong cách kiến trúc thế kỷ XVII nữa. Song vẫn được coi là một di tích kiến trúc độc đáo của Nam Định.

Cầu ngói chợ Lương bắc qua sông Hoành, chảy dọc theo ấp Quần Anh xưa. Cầu xây theo kiểu "*thượng gia, hạ kiều*" (trên là nhà, dưới là cầu). Cầu xây trên 18 cột đá vuông, mỗi cạnh 35cm, xếp thành sáu hàng cột để gánh sáu vì, đỡ toàn bộ sáu gian nhà cầu. Trên các cột đá là hệ thống xà ngang và xà dọc bằng gỗ lim to chắc, đỡ các dầm cầu, nâng sàn và nhà cầu. Sàn cầu gồm hai phần: phần sàn của lòng cầu rộng 2m được lát bằng những thanh gỗ lim ghép lại, nằm trên hàng dầm uốn cong về hai đầu cầu. Hai bên lòng cầu là hai dãy hành lang cũng uốn cong theo lòng cầu. Ở hành lang cũng được ghép ván. Phía ngoài hành lang là hàng lan can với các đố thượng, đố hạ, con song. Hệ thống xà dầm bố cục chặt chẽ nâng gọn 40 cột cái, cột quân, cấu kiện chủ yếu của nhà cầu. Các vì kèo, 36 xà dọc, thượng lương, xà ngang, xà máng trên, máng dưới, hệ thống hoành rui... đều được gia công tỉ mỉ, đạt yêu cầu kỹ, mỹ thuật, khiến bộ khung vừa cong, vừa uốn lượn mà vẫn khít xà, ăn mộng. Mái được lợp rất khéo, không bị xô, không dột. Các mảng chạm khắc không nhiều và có phần đơn giản. Trong đó đáng chú ý là cuốn thư tạo dáng đẹp đề 4 chữ: "Quần Phương xã kiều" (Cầu xã Quần Phương - tức là Quần Anh).

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Nộn Sơn

Ở xã Hổ Sơn, huyện Thiên Bản, trấn Sơn Nam, nay xã Liên Minh, huyện Vụ Bản.

Chùa có từ đời Trần, thờ Công chúa Huyền Trân, con vua Trần Nhân Tông. Ông vua này sau khi nhường ngôi cho con, lên làm Thái Thượng Hoàng, rồi xuất gia đi tu, vân du sang kinh đô Chiêm Thành, và hứa gả con gái cho vua Chiêm là Chế Mân. Đến năm Hưng Long thứ 14 (1306), Chế Mân cho người sang dâng biểu, dâng Châu Ô và Châu Lý làm sính lễ cầu hôn. Trong hoàng tộc có người phản đối, nhưng Thái Thượng hoàng không muốn thất tín, bèn cho công chúa Huyền Trân về với vua Chiêm. Chưa đầy một năm sau thì Chế Mân qua đời (1307). Theo phong tục của Chiêm Thành, khi vua mất thì hoàng hậu phải lên dàn thiêu chết theo chồng. Vua Trần Anh Tông (anh của công chúa) sợ cho tính mạng em mình, sai Trần Khắc Chung, mượn cớ sang điếu tang, rồi dùng mưu, dùng thuyền nhẹ cướp công chúa mang về. Sau khi về nước (1308), công chúa xuất gia đi tu ở chùa này. Khi công chúa mất, dân bản xã thờ phụng công chúa ở chùa.

LỄ HỘI

Nằm trong vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, Nam Định có nền văn hóa dân gian phong phú. Một nơi có nhiều đền đài, miếu mạo, chùa chiền, cung điện... cũng từ đó nảy sinh nhiều lễ hội dân gian, lễ hội tưởng nhớ công ơn những người có công với dân với nước.

Lễ hội Phủ Giầy

Nơi thờ Bà chúa Liễu Hạnh thuộc xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, cách Thành phố Nam Định 15km. Hằng năm, hội Phủ Giầy tổ chức từ ngày 1 đến ngày 10 tháng 3 âm lịch. Chính hội vào ngày 3 tháng 3. Trong dân gian, Bà chúa Liễu Hạnh được suy tôn là Thánh Mẫu, nằm trong "Tứ bất tử" của Thánh thần Việt Nam.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nét tiêu biểu nhất của lễ hội là nghi lễ rước Thánh Mẫu và hội kéo chữ. Trong hội có nhiều trò vui như hát chèo, hát trống quân, hát xẩm, hát văn, múa hầu bóng... và thi đấu vật, đấu võ, kéo co, chọi gà, đánh cờ người.

Hội Phủ Giầy còn là ngày hội chợ. Vào ngày này, người nông dân quanh vùng đem các loại nông sản thực phẩm và các hàng hóa thủ công mỹ nghệ đến đây mua bán, trao đổi.

Hội đền Bảo Lộc

Thuộc huyện Mỹ Lộc, quê hương của Hưng Đạo Đại Vương. Đền Bảo Lộc thờ Trần Hưng Đạo. Lễ hội đền Bảo Lộc mở vào ngày 20 tháng 8 âm lịch hằng năm, nhằm vào ngày mất của Hưng Đạo Đại Vương, để tưởng nhớ công lao của ông đối với dân với nước. Lễ hội có tế lễ, dâng hương và nhiều trò chơi dân gian.

Hội chùa Cổ Lễ

Hằng năm hội chùa Cổ Lễ mở ra từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 9 âm lịch tại chùa Cổ Lễ, thuộc thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh. Hội có tổ chức giảng kinh và đua thuyền.

Hội Keo Hành Thiện

Hằng năm, hội Keo Hành Thiện mở ra từ ngày 12 đến ngày 15 tháng 9 âm lịch, kỷ niệm Thiền sư Không Lộ, người có tài chế ngự sông nước, chinh phục đầm lầy, đánh cá trừ thủy quái. Trong hội có thi bơi thuyền và múa ếch.

NGHỆ AN

Nghệ An là một tỉnh lớn ở phía Bắc Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 16.371km^2, dân số trên 2.880.000 người, là nơi sinh sống của các dân tộc Kinh, Khơ Mú, Sán Dìu, H'mông... Thành phố Vinh là tỉnh lỵ của Nghệ An, ngoài ra còn có thị xã Cửa Lò và các huyện Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Đô Lương, Yên Thành, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương, Tân Kỳ, Anh

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sơn, Con Cuông, Nghĩa Đàn, Quỳ Hợp, Quỳ Châu, Quế Phong, Tương Dương, Kỳ Sơn.

Nghệ An phía Bắc giáp Thanh Hóa, phía Nam giáp Hà Tĩnh, phía Tây giáp Lào, phía Đông giáp biển Đông.

Địa hình Nghệ An gồm đồi núi, thung lũng, đồng bằng, độ dốc thoải dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Hệ thống sông ngòi dày đặc. Nghệ An có bờ biển khá dài trên 94km, có đường biên giới với Lào trên 419km.

Nghệ An có hệ thống giao thông thuận lợi, có đường bộ, đường sắt Bắc - Nam chạy qua, có cảng biển Cửa Lò và cảng sông Bến Thủy, có sân bay Vinh đã được nâng cấp.

Nghệ An là vùng chuyển tiếp giữa hai miền Bắc và Nam, nên Nghệ An có khí hậu lạnh của miền Bắc và khô nóng của miền Nam. Nhiệt độ trung bình cả năm từ 23-24^{0}C.

THẮNG CẢNH

Bãi biển Cửa Lò

Cách thành phố Vinh khoảng 18km về phía Đông Bắc. Bãi biển dài trên 10km, nước trong xanh, độ mặn từ 3,4-7,5%, bãi cát trắng mịn, bờ biển dốc thoai thoải. Nhiệt độ mùa đông khoảng 18 đến 20^{0}C, mùa hè trung bình khoảng 25^{0}C.

Dưới thời thuộc địa, người Pháp đã nhận thấy Cửa Lò là vùng biển nghỉ mát tốt nên đã cho xây dựng một khu biệt thự dành riêng cho người Pháp với hàng chục ngôi nhà xinh xắn. Những ngôi biệt thự này đã bị phá hủy trong chiến tranh.

Sau ngày đất nước thống nhất, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, nhân dân và đảng bộ, chính quyền Nghệ An đã cho xây dựng thị xã Cửa Lò thành một trung tâm nghỉ mát lớn của sáu tỉnh Bắc miền Trung với nhiều khách sạn, nhà hàng đầy đủ tiện nghi, mở rộng đường sá, nhiều công viên cây xanh, vườn hoa...

Mỗi năm khu nghỉ mát Cửa Lò thu hút rất nhiều du khách.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thác Xao Va

Ngọn thác Xao Va thuộc loại thác đẹp, hùng vĩ nhất của miền rừng núi Nghệ An, thuộc xã Tiền Phong, huyện Quỳ Châu, cách quốc lộ 48 khoảng 3km. Thác khá cao, khoảng 40m. Dòng chảy thoải tạo thành những dải lụa trắng giữa núi rừng xanh biếc. Đường đến thác khá thuận lợi. Khách đến đây có thể nghỉ ngơi, tắm thác. Thác Xao Va là vùng du lịch sinh thái tuyệt vời.

Khu bảo tồn thiên nhiên Phù Mát

Phù Mát là một khu rừng nguyên sinh đặc biệt quý hiếm với diện tích hằng trăm hécta, thuộc địa phận của 3 huyện Anh Sơn, Con Cuông và Tương Dương. Rừng nguyên sinh Phù Mát rất phong phú và đa dạng về động thực vật. Riêng về thực vật, rừng Phù Mát đã có tới 986 loài thực vật bậc cao, thuộc 552 chi với 153 họ. Rừng Phù Mát còn là kho cây dược liệu quý như hà thủ ô, thổ phục linh, quế, ba kích, hoài sơn... Các loài cây lấy gỗ như sến, táu, lim, đặc biệt có trầm hương, gần 100 loài rau và cây ăn quả.

Hệ động vật ở đây cũng rất phong phú. Theo thống kê của Cục Điều tra Lâm nghiệp, rừng Phù Mát có 241 loài thú của 86 họ, 28 bộ. Trong đó có 24 loài dã thú và 137 loài chim, 25 loài bò sát, 15 loài lưỡng thê. Đặc biệt có những loài thú quý hiếm như voi, hổ hoa mai, báo gấm, lợn rừng, sơn dương, voọc, vượn đen, gấu chó, sao la... Các loài chim quý như: công, trĩ, gà lôi, gà tiêu...

Rừng nguyên sinh Phù Mát thích hợp cho loại hình du lịch sinh thái và nghiên cứu.

Thác Khe Kẽm

Nằm trong khu bảo tồn thiên nhiên Phù Mát, cách trung tâm huyện Con Cuông và quốc lộ 7 khoảng 15km. Thác Khe Kẽm cao trên 120m. Nước từ độ cao đó đổ xuống qua ba bậc thang đá, làm tung bọt trắng xóa cả một góc rừng nguyên sinh, trông rất đẹp. Cùng với khu rừng nguyên sinh Phù Mát, thác Khe Kẽm đang được ngành du lịch Nghệ An đầu tư khai thác.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hang Thẩm Ồm

Nằm trong dãy núi đá vôi lừng lững thuộc huyện Quỳ Châu, cách đường 48 khoảng 7km. Đây là một hang động đẹp, được thiên nhiên cấu tạo rất đa dạng. Qua các hiện vật do các nhà khảo cổ học tìm thấy ở hang động này như vỏ sò ốc, xương răng động vật... chứng tỏ rằng người Việt cổ đã từng sinh sống ở hang động này. Hiện hang Thẩm Ồm đang được ngành du lịch Nghệ An đầu tư tôn tạo, để trong một tương lai gần có thể đón khách tham quan.

DI TÍCH

Đền Cuông

Đền thờ An Dương Vương Thục Phán, người kế tục sự nghiệp vua Hùng dựng nước, nằm trên núi Mộ Dạ, cạnh đường quốc lộ 1A, huyện Diễn Châu.

Tương truyền sau khi nỏ thần bị đánh tráo, vua An Dương Vương bị thua Triệu Đà, phải chạy về phía Nam. Vua dừng lại xã Cao Xá (huyện Diễn Châu ngày nay), thấy quân Triệu Đà đuổi rất gấp, nhà vua bèn mời Thần Kim Quy hiện lên. Thần nói: kẻ thù ngay sau lưng nhà ngươi, vua quay lại chém đầu Mỵ Châu rồi nhảy xuống giếng tự tử. Nhân dân thương tiếc dựng đền thờ trên núi. Năm Minh Mạng thứ nhất (1820), triều đình sai quan đến tế, về sau giao việc cúng tế này cho tỉnh Nghệ An. Núi Mộ Dạ trước có nhiều chim công (người Nghệ An gọi là cuông) sinh sống, tương truyền là loại chim Thần canh giữ đền. Do đó, đền có tên là đền Cuông. Năm Thành Thái thứ 14 (1902) triều đình cấp 300 đồng bạc trùng tu sửa chữa đền.

Đền Cuông nằm ở vị trí xưa kia còn là vùng biển mênh mông, trải qua thời gian, phù sa bồi đắp và ngôi đền ở vị trí như ngày nay. Đền xây theo lối chữ "*tam*" (三) gồm ba nếp nhà nằm song song. Tam quan có 3 tầng cấp. Trước cửa tam quan có sân rộng. Bờ nóc mái đền có đắp hình lưỡng long triều nguyệt và hình nghê chầu sư tử.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đình Hoành Sơn

Thuộc xã Khánh Sơn, Nam Đàn, thuộc loại đình lớn nhất của tỉnh Nghệ An, thờ Lý Nhật Quang, con trai Lý Công Uẩn (còn gọi là Tam toà Đại vương), người có công lớn trong việc khai phá vùng Nam Kim ở giữa thế kỷ XI, và thờ thần tứ vị.

Đình Hoành Sơn còn có tên là đình Ngang do ông Đặng Thạc đứng ra xây dựng vào năm 1763, niên hiệu Cảnh Hưng dưới triều Lê, do năm hiệp thợ giỏi thi công. Đình nằm sát đê sông Lam. Đình đã qua nhiều lần trung tu sửa chữa, thay hoành phi và xây tường gạch. Đình gồm năm gian và hai chái lớn, hậu cung nhỏ ở phía sau. Gian giữa đại bái có cửa rộng, có hai cột vuông, xây gạch đỡ mái hiên. Đình có kiến trúc hình chữ "*đinh*" (丁). Cả toà đình được chịu bởi 12 cột chính có chu vi 2m và 20 cột phụ, cột nào cũng to, chu vi 200cm. Số cột chia bốn hàng dọc, tám hàng ngang. Các vì kèo có cấu trúc kiểu chồng rường. Gian giữa lát gạch, các gian bên lát sàn gỗ, nay không còn. Trên các xà, kèo, cốn... đều được chạm trổ hình mây lá, rồng, bầy rồng con, chim phượng đang giang rộng cánh bay, có người cưỡi trên thân, hình voi, người dắt ngựa, các ông nghè vinh quy bái tổ, sư tử xem bảng vàng... Cửa võng cũng được chạm trổ, sơn son thếp vàng.

Đình Hoành Sơn mang phong cách nghệ thuật đời Lê, mang tính khái quát cao trong bố cục, có sự hài hoà giữa từng phần và toàn cục, giữa đường nét và hình khối.

Hằng năm làng tổ chức hội đình vào ngày 15 tháng 6 âm lịch. Trong ngày hội dân làng rước Đức Thánh Cả, Đức Thánh Nhì, Đức Thánh Ba, Đức Thánh Tư, Đức Thánh Năm về đình và tổ chức bơi thuyền...

Đình Trung Cần

Ở xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, nằm dọc sông Lam, cách đình Hoành Sơn khoảng 5-6km. Đình dựng vào khoảng cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Theo tài liệu để lại, có khả năng đình dựng vào năm Tân Sửu (1781), nghĩa là sau đình Hoành Sơn khoảng 30 đến 40 năm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đình Trung Cần có quy mô xây dựng nhỏ, gồm ba gian hai chái, nhưng hậu cung được xây sau khi xây đình 3 năm, với quy mô lớn hơn và tách biệt với đình. Kiến trúc đình theo lối vì kèo chồng rường.

Đình còn giữ được nghệ thuật trang trí nguyên vẹn. Trên các thành phần kiến trúc đều được chạm trổ hình rồng, phượng. Trên các bức cốn chạm khắc cảnh sinh hoạt hoặc các sự tích cũ. Loại rồng, phượng theo kiểu cung đình không có ở đình Trung Cần, chỉ có kiểu rồng "cá hóa rồng", tức đầu rồng, mình rồng, đuôi cá, hoặc rồng ổ. Rồng ở đây gần gũi với con vật. Phượng cũng có nhiều kiểu khác nhau: tư thế đang bay, ngậm cành hoa... Ở đây còn có thú bốn chân như: hươu, nai, hình chim... Đề tài tích cũ chủ yếu của Trung Quốc như: "Thành Thang nghinh Y Doãn", "Văn Vương nghinh Thái Công"... Đề tài sinh hoạt như: ông nghè vinh quy, chèo thuyền...

Hồ Thành

Hồ Thành thuộc xã Hồng Long, huyện Nam Đàn, cách thị trấn Nam Đàn khoảng 9km về phía Nam, cách Kim Liên 4km về phía Tây. Đây là một toà thành xây bằng đất, có bình đồ hình chữ nhật, dài 200m, rộng gần 100m, quay về 4 hướng Đông - Tây - Nam - Bắc.

Tường thành phía Bắc và phía Nam bị san bạt làm đường đi, chiều cao chỉ còn lại 0,5m. Tường thành phía Đông và phía Tây còn lại khá lớn, có chân thành rộng khoảng 8m. Thành lấy đê sông Lam làm tường thành ngoại, lấy sông Lam làm ngoại hào. Phía Bắc thành có một địa danh đáng chú ý, đó là Long Môn (cửa rồng). Long Môn ngày nay là tên gọi của một làng. Người địa phương cũng gọi Long Môn là Nha Môn và trong Hồ Thành còn có địa danh cổ được lưu truyền là "chợ huyện". Gắn kết Nha Môn với chợ huyện, cho thấy rất có khả năng đây là trụ sở của huyện Nam Đàn xưa?

Khu vực Hồ Thành còn liên quan tới ngôi tháp cổ có tên là Tháp Nhạn. Qua khai quật cho thấy Tháp Nhạn có niên đại xây

https://www.facebook.com/taybanganh/

dựng vào khoảng thế kỷ V-VI. Và như vậy phải chăng Hồ Thành cũng có từ thế kỷ V-VI.

Di tích lưu niệm cụ Phan Bội Châu

Đây là ngôi nhà nơi Phan Bội Châu tiên sinh sinh ra, lớn lên và sống cho đến năm 38 tuổi, thuộc thôn Sa Nam, xã Đông Liệt, thị trấn Nam Đàn. Ngôi nhà của nhà yêu nước, nhà thơ, nhà văn hóa lớn Phan Bội Châu rất đơn sơ như bao nhà khác trong làng, nay được sửa sang tôn tạo, đồng thời cạnh ngôi nhà này, chính quyền địa phương cho xây dựng một bảo tàng giới thiệu cuộc đời và sự nghiệp của Phan Sào Nam tiên sinh (tức Phan Bội Châu). Ngôi nhà và bảo tàng trở thành khu du lịch hấp dẫn du khách.

Làng Sen

Làng Sen, quê nội của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Làng Sen tên chữ là Kim Liên (bông sen vàng), cách thành phố Vinh khoảng 14km. Làng có nhiều hồ sen dọc hai bên đường vào làng. Mùa sen nở, cả không gian ngát hương sen. Ngôi nhà, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh sống hồi còn nhỏ làm bằng tranh tre nứa lá và gỗ. Nhà năm gian lợp tranh. Cũng như bao nhà nông thôn khác quanh vùng, trong nhà có phản gỗ, chõng tre, võng gai và bàn thờ... Ngôi nhà tranh của Bác được dựng vào khoảng 1901, do công sức, tiền của dân làng quyên góp lại làm tặng ông Nguyễn Sinh Sắc, thân phụ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, khi ông đỗ Phó Bảng mang vinh dự về cho làng.

Làng Chùa

Là quê ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nơi bé Nguyễn Sinh Cung, sau này là Nguyễn Tất Thành, Anh Ba, Nguyễn Ái Quốc... và Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam) cất tiếng khóc chào đời, được bà mẹ Hoàng Thị Loan nuôi dạy những ngày ấu thơ.

Làng Chùa có tên chữ là làng Hoàng Trù, huyện Nam Đàn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Mộ bà Hoàng Thị Loan

Bà Hoàng Thị Loan là mẹ của cậu bé Nguyễn Sinh Cung, sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bà mất tại Huế, được con cả là ông Nguyễn Sinh Khiêm mang về an táng ở núi Động Tranh, huyện Nam Đàn.

Năm 1985, nhân kỷ niệm ngày sinh lần thứ 95 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Nghệ An đã hoàn thành lăng mộ. Từ chân núi du khách đi qua non 300 bậc đá, lên đến lăng mộ của Bà. Trên mộ có mái che là dàn bê tông xi măng, được cách điệu như hình chiếc khung cửi dệt vải, mà thuở sinh thời bà vẫn dệt cửi lấy tiền nuôi con ăn học.

Đền Mai Hắc Đế

Ở xã Hương Lâm, huyện Nam Đàn (trước là Khả Lãm, huyện Nam Đường). Mai Hắc Đế tên húy là Mai Thúc Loan, người làng Mai Phục, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, vốn dòng dõi nhà tướng. Mùa thu năm Nhâm Tuất (722), niên hiệu Khai Nguyên thứ 10 đời Đường Huyền Tông, ông tập hợp dân chúng đứng lên khởi nghĩa, chống lại ách đô hộ nhà Đường, đồng thời liên kết với Lâm AÁp, Chân Lạp đánh đuổi quân đô hộ, giải phóng đất nước, tự xưng đế, đóng đô ở Vạn An. Sau, tướng giặc là Dương Tư Húc phản công, ông bị thua lui về đóng đồn ở Hùng Sơn rồi mất, con còn nhỏ lên nối ngôi bị Dương Tư Húc và đô hộ sứ Nguyễn Sở Khách đánh bại. Ông giữ ngôi vua được 13 năm.

Sau khi ông mất, nhân dân nhớ công lao ông lập đền thờ.

Đền Nguyễn Biểu

Ở núi Tuyên Nghĩa, còn gọi núi Hùng Sơn, xã Phú Điền, huyện Hưng Nguyên. Đền thờ La Sơn ngự sử Nguyễn Biểu.

Cuối thời Trần, quân Minh sang xâm lược nước ta, tướng giặc là Trương Phụ vào đánh phá Nghệ An đóng quân trên núi Hùng Sơn này. Vua Trần Trùng Quang sai Nguyễn Biểu tới đàm phán với Trương Phụ. Bị Phụ bắt giữ, Nguyễn Biểu khảng khái mắng

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trương Phụ: "*Bên trong thì mưu kế đánh chiếm, bên ngoài thì rêu rao là quân nhân nghĩa. Đã hứa lập con cháu họ Trần, lại đặt thành quận huyện, không chỉ cướp bóc của cải châu báu, lại còn tàn hại dân sinh, thực là loài giặc dữ*". OÂng đã bị Trương Phụ sát hại. Đến đời Hồng Đức nhà Lê, ông được phong là Nghĩa sĩ Đại vương và dựng đền thờ.

Đình Võ Liệt

Còn gọi Quán Hàng Tổng, nằm ở xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tọa lạc ở cánh đồng Rẻ, cách huyện đường Thanh Chương cũ 500m về phía Đông Nam, cách khu dân cư gần nhất 150m. Đình do Hoàng Chính Trực, người làng Võ Liệt, sau khi đỗ cử nhân năm 1858, tự thiết kế và xây dựng. Gia phả họ Hoàng ghi "*...Văn chỉ trùng diêm ở Võ Liệt quy thức kiến trúc thời Lý Thánh Tông ở Hà Nội. Khi lớn lên ông ra Thăng Long chơi, ông đến xem và vẽ mẫu Quán Hàng Tổng*".

Đình nằm trên một gò đất cao, cửa hướng về Đông Bắc, chung quanh thoáng đãng. Cổng đình gồm hai trụ cao, nối với tường gạch nhô ra ngoài liền với hai cửa phụ tả, hữu. Trong sân có hai dãy nhà bia gồm sáu bia đá lớn, ghi rõ họ tên của 377 người đỗ tú tài, hai người đỗ tiến sĩ và 63 người đỗ cử nhân thuộc tổng Võ Liệt.

Kiến trúc đình theo kiểu chữ "*điền*" (田), gồm các toà nhà nối liền nhau, ở giữa là sân thiên tĩnh (giếng trời). Ngôi nhà phía trước cao khoảng 5m, gồm năm gian chính và hai gian phụ nối với hai dãy nhà tả, hữu, mỗi nhà ba gian, bốn cột cao 4,3m, rồi nối với toà nhà trung diêm phía sau gồm 5 gian chính, hai gian phụ ở hai đầu, cao 7m. Bốn mặt tầng lầu bưng ván kín, xây tường kín, chỉ để một số cửa sổ nhỏ, kiểu dựng đứng viên gạch chỉ.

Đình có 54 cột gỗ lim, 6 dãy cột trước, mỗi cột có chu vi 0,90m, có 40 cột, mỗi cột có chu vi 0,80m. Bốn tàu mái chung quanh sân thiên tĩnh hình chữ nhật có bốn cột vuông xây gạch để đỡ. Mái

https://www.facebook.com/taybanganh/

lợp ngói vẩy âm dương. Bốn đầu đao hơi uốn cong, bờ nóc có gắn hình rồng cách điệu. Các đồ tế tự nay không còn. Tổng diện tích ngôi đình là 346,8m^2.

Đền Cờn

Nằm trên cửa Lạch Càn, thuộc xã Quỳnh Phương, huyện Quỳnh Lưu. Đền thờ mẹ con Dương Thái Hậu, vợ Tống Đế Bình (Trung Quốc). Nhà Tống bị quân Nguyên đánh tan ở Như Sơn, Dương Thái Hậu cùng 3 công chúa chạy ra biển, bị bão chết đuối, xác trôi dạt vào cửa Lạch Càn (còn gọi cửa Cờn), nhan sắc vẫn tươi như lúc sống. Dân địa phương cho mai táng và lập đền thờ.

Năm 1304, Trần Anh Tông trên đường đi dẹp quân Chiêm Thành xâm lấn bờ cõi, thuyền nhà vua qua đây, đêm được báo mộng, khi chiến thắng trở về, vua cho sửa sang và mở rộng đền, gia phong "Quốc gia Nam hải đại càn Thánh Nương". Các triều vua tiếp theo cũng chú ý đến việc thờ cúng tế lễ ở đền và có đạo sắc phong.

Là một ngôi đền lớn ở miền Bắc và là một trong bốn đền linh ứng xưa nay: Đền Cờn, đền Cá, đền Bạch Mã (Hà Nội) và đền Chiêu Trưng.

Đền xây theo từng cấp từ dưới sông lên qua cổng vào sân, lên nhà nghi môn, tầng gác lầu, lên nhà ca vũ (tiền đường) rồi đến nhà chữ "*công*", lên nữa là chính điện, trung điện, thượng điện. Đền xây bằng gỗ, chung quanh đóng cửa gỗ, theo lối chồng rường.

Nghệ thuật điêu khắc theo phong cách Lê Cảnh Hưng. Chủ đề: rồng uốn giữa mây, hoa lá...

Hiện trong đền còn có bốn cỗ kiệu bát cống, tượng mẹ con Dương Thái hậu bằng gỗ.

Cuối năm 1965, máy bay Mỹ ném bom phá mất nhà chữ "*công*".

https://www.facebook.com/taybanganh/

LỄ HỘI

Nghệ An là xứ sở của những lễ hội cổ truyền diễn ra trên sông nước như lễ hội Cầu Ngư, Rước hến, đua thuyền. Lễ hội làm sống lại những kỳ tích lịch sử được nâng lên thành huyền thoại, giàu chất sử thi, đậm đà tính nhân văn như lễ hội đền Cờn, đền Cuông, lễ hội làng Sen.

Lễ hội đền Cuông

Để tưởng nhớ công ơn Thục Phán An Dương Vương, người có công lớn sáng lập nên nước Âu Lạc, hằng năm nhân dân tổ chức lễ hội vào ngày 15 tháng 12 âm lịch tại đền Cuông, huyện Diễn Châu. Lễ hội diễn ra rất long trọng. Trong phần hội tổ chức nhiều trò chơi, có hát ví, hát phường vải, hát dặm...

Lễ hội vua Mai

Hằng năm lễ hội diễn ra vào 2 ngày 16-17 tháng Giêng âm lịch tại đền Mai Hắc Đế, xã Vân Diên, huyện Nam Đàn.

Mai Hắc Đế, tên húy là Mai Thúc Loan, vị vua có công lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống ách đô hộ của nhà Đường. Trong lễ hội có rước kiệu vua Mai, tế lễ long trọng, phần hội có trò đấu vật, cướp cờ, đua thuyền...

Hội Quỳnh

Quỳnh là một làng cổ thuộc xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, có lịch sử trên 500 năm tồn tại. Đây là một làng nổi tiếng về học hành, đã có 60 người đỗ tiến sĩ.

Để ghi nhớ công ơn của tổ các dòng họ đã có công lập làng, hằng năm nhân dân mở hội vào ngày 27 tháng 12 âm lịch. Lễ hội có tế lễ lớn, rước thần về đình. Trong hội có tổ chức trò vui: đấu vật, đánh đu...

Hội Thanh Đàm

Hội diễn ra từ 15 đến 18 tháng 2 âm lịch hằng năm, tại làng Thanh Đàm, xã Nam Tân, huyện Nam Đàn. Đây là lễ hội cầu

https://www.facebook.com/taybanganh/

no đủ, mùa màng bội thu. Vào ngày chính hội có đoàn rước hến (đủ nghi tượng), đi giữa sông. Chủ tế thả dần từng nắm hến cầu mong thủy thần giúp cho hến sinh sôi nảy nở để dân có đủ thức ăn.

NINH BÌNH

Ninh Bình là tỉnh nằm về phía Nam đồng bằng Bắc Bộ, nơi tiếp giáp giữa miền Bắc với miền Trung bởi dãy núi Tam Điệp hùng vĩ, có diện tích tự nhiên 1.388km^2, dân số trên 900.000 người. Thị xã Ninh Bình là tỉnh lỵ, ngoài ra là thị xã Tam Điệp và các huyện Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Mô, Yên Khánh, Kim Sơn. Tại đây có nhiều dân tộc sinh sống như: Kinh, Mường, Thái, Hoa, H'Mông, Dao...

Phía Bắc và Đông Bắc Ninh Bình giáp Hoà Bình và Hà Nam, phía Nam giáp Thanh Hóa và biển Đông, phía Tây giáp Thanh Hóa, phía Đông giáp Nam Định.

Ninh Bình thuộc tiểu vùng khí hậu của đồng bằng sông Hồng, thuộc vùng nhiệt đới gió mùa. Có hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình cả năm là 24,4^{0}C.

Ninh Bình là vùng đất có đồng bằng, miền núi và vùng biển, tạo điều kiện cho Ninh Bình phát triển một nền nông nghiệp đa dạng, có thế mạnh về trồng các loại cây công nghiệp, cây ăn quả, trồng rừng, chăn nuôi các loại gia súc, đẩy mạnh đánh bắt hải sản.

Ninh Bình cách Hà Nội chỉ khoảng 90km về phía Nam, có rất nhiều tiềm năng du lịch. Thiên nhiên đã ban tặng cho vùng đất từng là cố đô của thời đại Đinh-Lê nhiều danh lam thắng cảnh kỳ thú, nhiều hang động kỳ khu như Tam Cốc, Bích Động... Lại có vườn Quốc gia Cúc Phương là một nơi giàu có về động, thực vật, với cây chò 1000 năm tuổi, động Người Xưa, nơi tổ tiên loài người từng sinh sống.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Với Hoa Lư từng là cố đô của nước Đại Cồ Việt, Ninh Bình càng có nhiều di tích lịch sử, kiến trúc hết sức mỹ lệ, như quần thể nhà thờ đá Phát Diệm, chùa Non Nước...

THẮNG CẢNH

Bích Động

Là một động nước xuyên qua núi Ngũ Nhạc Sơn thuộc thôn Đam, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Muốn vào thăm động, du khách phải đi thuyền. Con thuyền nhỏ sẽ đưa du khách đi quanh co trong hang động. Du khách cảm thấy như đang đi trong chốn hư vô bởi sự huyền ảo, lộng lẫy của hang động kỳ khu này. Bởi vậy, vào thế kỷ XIX, trong dịp tuần du ra Bắc, vua Tự Đức đã ghé thăm Bích Động. Ngẩn ngơ trước vẻ đẹp diệu kỳ của núi, sông, hang động và những ngôi chùa xinh xinh nép mình bên vách núi đá, Tự Đức đã hạ bút đề tặng cho Bích Động danh hiệu "*Nam Thiên đệ nhị động*".

Tam Cốc

Tam Cốc gồm ba hang: hang Cả, hang Hai và hang Ba. Mỗi hang xuyên qua một quả núi, giữa hang này cách hang kia một quãng trống. Du khách ngồi thuyền rời Bích Động, tiếp tục sẽ đến Tam Cốc. Lúc thuyền đi vào ba hang, du khách sẽ cảm thấy mát lạnh như mình đang ở chốn thiên thai. Cảnh hang động đẹp đến kỳ lạ. Thạch nhũ từ trần hang rủ xuống lô nhô, óng ánh như những châu sa. Vào tham quan động Tam Cốc, du khách cảm thấy như mình đang được sống trong chuyện cổ tích huyền thoại, bởi sự lung linh của ánh nước và những âm thanh rì rào của những ngọn gió luồn qua hang núi.

Động Tiên

Thuộc thôn Đam Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, cách Bích Động khoảng 1km. Động Tiên còn có tên là động Móc. Đến thăm Động Tiên, du khách có thể đi bộ hoặc đi thuyền.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Động Tiên gồm ba hang lớn, rộng và cao, sâu thăm thẳm. Lối vào động phải qua một kẽ hang hẹp, mấp mô. Trần động, đầy những thạch nhũ rủ xuống, lô nhô, lấp lánh bảy sắc cầu vồng trông rất kỳ thú. Nhiều khối nhũ đá to lớn như những gốc đa cổ thụ từ trần hang rủ xuống nền hang cao hơn chục mét. Tùy theo sự tưởng tượng và cảm nhận của mỗi du khách mà các nhũ đá có những tên gọi nào là: cây tiền, đụn thóc, ông già Tiên, con voi, con hổ... Trong động Tiên đâu đâu cũng có nhũ đá, măng đá, được thiên nhiên chạm trổ vừa tinh xảo, vừa sống động. Cảm giác đầu tiên khi vào động du khách sẽ tưởng đây là một lâu đài nguy nga tráng lệ chỉ có trong các truyện thần thoại.

Động Hoa Sơn

Thuộc thôn Áng Ngũ, xã Ninh Hoà, huyện Hoa Lư. Động nằm ở lưng chừng quả núi thuộc dãy núi phía Đông Nam cố đô Hoa Lư. Động Hoa Sơn là một trong những động đẹp nhất của tỉnh Ninh Bình.

Từ dưới chân núi, du khách đi qua 153 bậc đá là đến cửa động. Trước cửa hang đặt ngay hai pho tượng đá bóng nhẵn, thờ hai ông bà có công tu sửa chùa "Bà Đẻ" dựng trong động. Động Hoa Sơn, quanh năm có mây vờn, sương phủ, nước nhỏ tí tách từ đầu ngọn của các nhũ đá. Động dài khoảng 100m xuyên qua núi, gồm ba hang liền nhau là hang Hạ, hang Trung và hang Thượng.

Từ cửa tiền đi vào khoảng 3m là đến hang Hạ, trong có ngôi chùa thờ Phật (chùa Bà Đẻ). Hai bên chùa là hai lối lên hang Trung. Hang Trung giống như một ngôi nhà vòm rộng khoảng 30m. Trần hang và vách hang có nhiều nhũ đá hình khối rất sinh động. Từ hang Trung đi khoảng 8m là đến hang Thượng, bước lên cao khoảng 2m nữa là đến cửa hậu. Đứng ở đây du khách sẽ nhìn thấy toàn cảnh non nước Ninh Bình kỳ thú.

Động Hoa Sơn là động khô xuyên qua núi, nên mùa hè dù ngoài trời nóng như thiêu như đốt, nhưng vào hang sẽ mát lạnh. Mùa đông vào trong hang lại ấm áp.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Động Địch Lộng

Ở xã Gia Thành, huyện Gia Viễn. Động Địch Lộng được phát hiện khá sớm, vào năm 1739, cách nay gần 300 năm.

Trong động có một khối đá giống tượng Phật, nên nhân dân lập bàn thờ Phật. Đến năm 1740, người ta mới chính thức xây chùa trong động để thờ Phật. Động Địch Lộng rộng chừng mười gian nhà. Trong động có nhiều tượng Phật, tượng La Hán, tượng Hộ Pháp, được đặt trên các bệ đá rất uy nghiêm. Trong đó có hai tượng Phật được tạc bằng đá xanh nguyên khối cao lớn. Động gồm ba hang liền nhau. Hang ngoài thờ Phật, đến hang Tối, và hang Sáng. Trong động Địch Lộng, nhũ đá nhiều vô kể với đủ loại hình thù khác nhau: đây là chú voi đang uống nước, kia là hổ phục, phượng múa, rồng phun nước, khỉ cõng con... Mỗi không gian của vách động, trần động là một bức tranh nghệ thuật, một nét chạm khắc tuyệt diệu của thiên nhiên, của thời gian. Vào thăm động Địch Lộng ta có cảm giác như đang lạc vào chốn cung đình bằng đá được xây cất hàng vạn năm về trước.

Điều kỳ diệu là nhũ đá ở đây màu sắc thay đổi theo hướng chiếu sáng của mặt trời, lúc bình minh có màu hồng, buổi trưa lấp lánh như pha lê và khi hoàng hôn về chuyển dần sang màu đỏ thẫm. Trong động có lối lên trời và có lối xuống âm ty. Lối xuống âm ty đầy huyền bí, những giọt nước từ những nhũ đá đều đặn rơi như một bản nhạc không bao giờ dứt.

Động Địch Lộng là một trong những động đẹp của nước ta, vua Minh Mạng trong lần tuần du Bắc Hà đã ghé thăm động. Trước cảnh đẹp của hang động, nhà vua đã ban tặng cho động danh hiệu "*Nam thiên đệ tam động*".

Núi Non Nước

Núi Non Nước, nằm về phía Đông Bắc thị xã Ninh Bình, ở bờ Nam ngã ba sông Đáy và sông Vân Sàng, còn gọi là núi Dục Thúy. Ngọn núi này cao khoảng 70m, trên đỉnh núi tương đối bằng phẳng. Du khách đi qua 100 bậc đá sẽ lên tới đỉnh núi. Xưa

https://www.facebook.com/taybanganh/

kia, núi Dục Thúy còn là vọng gác tiêu biểu của cố đô Hoa Lư dưới triều đại Đinh, Lê. Đứng trên đỉnh núi Non Nước, du khách sẽ nhìn thấy toàn cảnh thị xã Ninh Bình và cảnh non nước bao la, sơn thủy hữu tình. Vì thế tại nơi đây còn lưu giữ trên 40 bài thơ được tạc trên vách đá của các danh nhân văn hóa, lịch sử của đất nước, ngợi ca cảnh đẹp của núi Dục Thúy.

Đèo Tam Điệp

Thuộc thị xã Tam Điệp, cách thị xã Ninh Bình 18km về phía Nam. Đèo Tam Điệp gồm ba dãy núi đá vôi chạy từ Hoà Bình xuống rồi ăn sâu ra biển theo hướng Đông Bắc - Tây Nam và hạ thấp dần. Chỗ núi đá hạ thấp xuống gọi là đèo. Đèo là địa giới giữa hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hóa, mà cũng là địa giới giữa Bắc Bộ và Trung Bộ. Từ Bắc vào đến địa điểm này có ba đèo liền nhau, nên mới gọi là Tam Điệp. Đèo thứ nhất cao khoảng 68m, đèo thứ hai ở giữa, cao 110m, đèo thứ ba phía trong cùng cao 80m (so với mực nước biển).

Đèo Tam Điệp là lá chắn giữa Bắc Bộ và Trung Bộ, một tuyến phòng ngự rất lợi hại, một vị trí chiến lược quân sự rất quan trọng, như bức tường thành thiên nhiên án ngữ trên con đường thiên lý ra Bắc vào Nam. Tháng Chạp năm Mậu Thân (1788), vua Quang Trung trên đường hành quân thần tốc ra Bắc lần thứ hai đánh đuổi quân xâm lược nhà Thanh, đã cho hội quân ở đèo Tam Điệp và mở tiệc khao quân, trước khi vào Thăng Long.

Tam Điệp không chỉ là cảnh thiên nhiên đẹp mà còn là một di tích lịch sử nổi tiếng đã đi vào thơ văn của các thi sĩ, văn sĩ xưa nay.

Núi Ngọc Mỹ Nhân

Tục gọi là núi Cánh Diều, nằm ở phía Đông thị xã Ninh Bình. Ngọn núi Cánh Diều ăn ra tận bờ sông. Nhìn cảnh sông núi ở đây rất thơ mộng. Núi Ngọc Mỹ Nhân gắn liền với truyền thuyết về sự hóa thân của tướng tài Cao Biền, là một pháp sư giỏi ma thuật đời nhà Đường (Trung Quốc).

https://www.facebook.com/taybanganh/

Núi Ngọc Mỹ Nhân gồm ba ngọn, ngọn ở giữa cao nhất, hai ngọn bên phải, bên trái chỗi ra như hai cánh chim đại bàng. Trên núi có chùa. Chung quanh có nhiều hang động tuyệt đẹp.

Từ xa nhìn ngọn núi này, sẽ thấy hình thù giống như một cô gái đẹp, tóc xõa, mình trần, nằm trên cánh đồng rộng mênh mông. Vì thế nhân dân gọi ngọn núi này là Ngọc Mỹ Nhân. Ngọc Mỹ Nhân là một ngọn núi đẹp nhất của tỉnh Ninh Bình.

Hồ Đồng Chương

Đây là một hồ nước rộng mênh mông, nước trong xanh, chung quanh là những đồi thông xanh ngắt một màu soi bóng nước, càng làm cho cảnh sắc hồ Đồng Chương thêm thơ mộng.

Hồ Đồng Chương thuộc địa phận hai xã Phú Lộc và Phú Long, huyện Nho Quan. Đến đây du khách có thể đi thuyền du ngoạn trên hồ, thả hồn vào thiên nhiên hoang dã.

Gần hồ Đồng Chương có thác Ba Tua hùng vĩ và dòng chín suối như những dải lụa thanh thiên treo giữa trời mây. Đặc biệt trên một đồi thông cao ngất, tại đỉnh đồi có một chiếc ao lớn gọi là Ao Trời, nước trong xanh quanh năm, không bao giờ cạn.

Vườn Quốc gia Cúc Phương

Vườn Quốc gia Cúc Phương nằm giữa ba tỉnh Ninh Bình, Hoà Bình và Thanh Hóa. Trong đó, phần lớn diện tích thuộc về tỉnh Ninh Bình. Vườn Quốc gia Cúc Phương cách Hà Nội chưa đầy 100km, cách biển khoảng 60km, chiếm một diện tích khoảng 25.000ha, trong đó là núi đá vôi bao bọc, cao từ 300 đến 600m so với mặt biển.

Cúc Phương là khu rừng nguyên sinh được các nhà khoa học lâm nghiệp phát hiện vào năm 1960 và năm 1962 được công nhận là vườn Quốc gia.

Trong vườn Quốc gia Cúc Phương có nhiều hang động đẹp như động Trăng Khuyết, động Người Xưa, có cây chò 1000 năm

https://www.facebook.com/taybanganh/

tuổi, có đỉnh Mây Bạc, từ đây bạn có thể thấy toàn cảnh non nước Ninh Bình.

Theo thống kê của cục Điều tra Lâm nghiệp, rừng nguyên sinh Cúc Phương có khoảng 2.000 loài thực vật. Riêng hoa phong lan có khoảng 50 loài, có loài hoa hương thơm ngát như phong lan tai trâu. Về động vật, rừng Cúc Phương có 262 loài động vật có xương sống, nhiều loài chim, thú quý như: gấu ngựa, lợn lòi, hổ, báo, chồn, khỉ, sóc bay... Tại đây có khu chăn nuôi nửa tự nhiên với các loài hươu sao, nai, khỉ vàng, voọc quần đùi, sóc bay, thằn lằn bay...

DI TÍCH

Cố đô Hoa Lư

Sau khi dẹp được nạn cát cứ 12 sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế năm 968, lấy Hoa Lư làm kinh đô của nước Đại Cồ Việt. Kinh đô Hoa Lư tồn tại được 41 năm, trong đó 12 năm thuộc triều nhà Đinh và 29 năm kế tiếp thuộc triều đại nhà Lê, tức Lê Hoàn, lên ngôi Hoàng đế năm 980, hiệu là Lê Đại Hành.

Lên ngôi vua, Lê Đại Hành cho mở mang xây dựng cung điện làm cho kinh đô Hoa Lư ngày càng nguy nga tráng lệ.

Đến 1010, vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Kinh đô Hoa Lư từ đó bị hoang phế.

Ngày nay du khách đến thăm Hoa Lư không còn cung điện lầu son gác tía, kinh đô xưa của nước Đại Cồ Việt, thay vào đó là hai ngôi đền cách nhau chừng 500m được xây trên nền cũ của cung điện xưa. Một đền thờ Đinh Tiên Hoàng, một đền thờ Lê Đại Hành, đều nằm trên địa phận xã Trường Yên, huyện Hoa Lư. Vì hai ngôi đền ở gần nhau, nên nhân dân quen gọi chung là đền Đinh - Lê.

Đền Vua Đinh

Thường gọi là đền Thượng. Tọa lạc dưới chân núi Long Triều, thôn Yên Thượng, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư. Vua Đinh Tiên

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hoàng, tên húy là Đinh Bộ Lĩnh, người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng, nay là làng Đại Hữu, xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, cha là thứ sử Hoan Châu Đinh Công Trứ. Năm 968, dẹp yên các sứ quân, lên ngôi Hoàng đế, hiệu là Đinh Tiên Hoàng, đóng đô ở Hoa Lư, quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Ở ngôi được 12 năm (968-979), có tài năng sáng suốt, dũng cảm, mưu lược, thống nhất đất nước sau những năm loạn lạc thời cát cứ của các sứ quân. Nhà vua bị tên phản nghịch Đỗ Thích giết, thọ 55 tuổi (924-979), mộ táng ở làng Trường Yên.

Đền thờ Đinh Tiên Hoàng khởi dựng dưới triều vua Lê Đại Hành, nhưng chỉ là một miếu nhỏ, trong một khuôn viên rộng 5ha. Qua các triều đại đền vẫn được thờ phụng. Nhưng do lâu ngày, đền cũ bị đổ nát. Cuối đời Lê - Mạc, khoảng thế kỷ XVI, tướng nhà Lê (hậu Lê) là Mỹ Quận Công Bùi Văn Khuê, đóng quân ở vùng này, đứng ra tu sửa đền vào năm 1598, hiện còn bi ký nói về lần trùng tu sửa chữa này và lần trùng tu năm 1823.

Khu đền gồm ba lớp: bái đường, nhà thiêu hương và hậu cung. Trong hậu cung thờ tượng vua Đinh Tiên Hoàng đúc bằng đồng, hai bên là tượng Nam Việt Vương Đinh Liễn, Vệ Vương Đinh Toàn và Hạng Lang (các con của vua Đinh). Tương truyền xưa có tượng Đỗ Thích quỳ ở đây. Hằng năm đến ngày kỷ niệm sự biến bi thảm này, tượng Đỗ Thích bị đưa ra trước sân rồng để dân chúng xúm lại quất roi vào mặt và xỉ vả. Ở sân đền có sập đá chạm rồng và nhiều bức cốn được chạm rồng, phượng.

Hội đền vua Đinh hằng năm mở vào ngày 15 tháng 2 âm lịch.

Tương truyền đền thờ vua Đinh được xây trên nền cung điện chính thuở xưa. Đền được xây từ thời Lý, tựa lưng vào dãy núi Phi Vân, phía trước là Mã Yên Sơn, quay mặt về hướng Bắc. Sau đợt trùng tu lớn cuối thế kỷ XVI, đền mới quay về hướng Đông. Đền làm theo kiểu "*nội công ngoại quốc*". Ngoài cùng là Ngọ môn, tiếp là hồ sen, núi giả, đến nghi môn ngoại, một con đường lát gạch dẫn tới hai cột trụ cao với đôi câu đối, nói về vị trí hiểm

https://www.facebook.com/taybanganh/

trở của núi sông Hoa Lư. Hai bên đường là vườn hoa. Gần đó là tấm bia dựng năm 1669, ca ngợi công đức vua Đinh. Qua hai trụ cổng là sân rồng. Giữa sân là sập rồng đặt trên bệ cao, dài 1,9m, rộng 1,4m, gọi Long sàng. Hai bên sập rồng có hai con nghê đá chầu, tạc bằng đá xanh nguyên khối.

Trong nhà thiêu hương, kiến trúc theo kiểu ống muống, nơi thờ tứ trụ triều đình nhà Đinh, bốn bậc khai quốc công thần là: Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Trịnh Tú và Lưu Cơ.

Đền vua Lê Đại Hành

Nằm trong thành nội Hoa Lư, cách đền vua Đinh 500m, bên một chi nhánh sông Hoàng Long, dựa vào núi Đìa, trước mặt là núi Đèn. Đền nằm ở địa phận thôn Trường Yên Hạ, nên gọi là đền Hạ.

Đền xây theo kiểu "*nội công ngoại quốc*", có nghi môn ngoại (cửa ngoài), hồ sen, núi giả, rồi đến nghi môn nội, sân rồng, long sàng, bia dựng năm 1608, ca ngợi công đức vua Lê Đại Hành; ba toà bái đường, thiêu hương và chính cung. Đền vua Lê có quy mô nhỏ hơn đền vua Đinh, nhưng do ít được trùng tu, sửa chữa nên đền vua Lê còn giữ được nhiều dấu tích trang trí cổ. Đặc biệt có sáu đầu bảng, chạm sáu con rồng, mỗi con một dáng vẻ, con vờn ngọc, con đấu hổ, con phun lửa... Bộ cánh cửa của toà chính cung có hình độc long, trên nền gấm chữ triện hoa chanh, chạm trổ công phu. Trên cốn, ván bưng, con chồng rường, trên diềm bia, bệ đá đều được chạm trổ khéo léo, hình rồng ổ, rồng đàn, tôm, cua, khỉ, sóc...

Trong chính cung đền vua Lê thờ tượng vua Lê Đại Hành, ngồi trên ngai vàng, mang dáng dấp võ tướng, bên phải là tượng Lê Long Đĩnh (Lê Ngọa Triều), bên trái là tượng Dương Vân Nga, xiêm y lộng lẫy, nét mặt thanh tú.

Nghệ thuật chạm khắc gỗ đền vua Lê Đại Hành là nghệ thuật thế kỷ XVII đạt đến trình độ điêu luyện, tinh xảo.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lăng Đinh Tiên Hoàng

Đặt trên đỉnh Mã Yên Sơn, huyện Hoa Lư, giữa đỉnh núi hơi võng xuống, hình yên ngựa, khá rộng rãi và bằng phẳng. Đường lên Sơn Lăng phải bước qua gần 300 bậc đá, gập ghềnh cheo leo. Lăng xây bằng đá tảng, có bệ thờ, lư hương cũng bằng đá.

Trước lăng có tấm bia lớn ghi: "Đinh triều Tiên Hoàng đế chi lăng".

Đền Thái Vy

Tọa lạc ở phía Tây thôn Văn Lâm, xã Hải Ninh, huyện Hoa Lư. Đền thờ vua Trần Thái Tông, Hoàng hậu Thuận Thiên và vua Trần Thánh Tông là vị vua có công rất lớn đối với làng Văn Lâm.

Đền Thái Vy, xây theo kiểu "*nội công ngoại quốc*". Trước đền có giếng Ngọc xây bằng đá xanh. Qua cửa nghi môn bên phải là gác chuông hai tầng, tám mái, kiến trúc theo kiểu chồng diêm. Gác chuông dựng bằng gỗ lim, mái lợp ngói mũi hài. Các đầu đao cong vút như đuôi chim phượng. Bên hông có quả chuông đúc năm 1698.

Từ sân bước lên các bậc đá có độ cao 1,2m là đến Ngũ đại môn (năm cửa lớn) có sáu hàng cột đá tròn song song đều được khắc chạm nổi, chầu vào chính điện.

Qua Ngũ đại môn là bái đường năm gian, có sáu cột đá vuông chạm khắc câu đối mặt ngoài, các mặt khác chạm nổi: long, ly, quy, phượng, cá chép hóa rồng.

Qua trung đường vào năm gian chính tẩm cũng có tám cột đá tròn, được chạm khắc nổi các đề tài: cầm, kỳ, thi, họa. Trong cung khám của chính tẩm, giữa là tượng Trần Thánh Tông (con trưởng Trần Thái Tông). Bên trái là tượng Trần Thái Tông, bên phải là tượng Hoàng hậu Thuận Thiên (vợ vua Trần Thái Tông). Trong chính tẩm có thờ bài vị Trần Nhân Tông, con đầu của Trần Thánh Tông và Trần Anh Tông con trưởng của Trần Nhân Tông. Như vậy, đền thờ Thái Vy thờ bốn đời vua nhà Trần.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Bích Động

Thuộc thôn Đam Khê, xã Ninh Hải, Hoa Lư. Kiến trúc chùa theo kiểu chữ "*tam*" (三), dọc theo triền núi từ thấp lên cao: Hạ, Trung, Thượng.

Chùa Bích Động được dựng với quy mô lớn từ đầu thời Lê. Trong chùa có quả chuông lớn đúc từ thời Lê Thái Tổ (1428-1433), mộ tháp của các vị Hoà thượng có công xây dựng chùa. Trong khoảng niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786), chùa được trùng tu mở rộng thêm. Vào chùa Hạ phải qua một cầu đá ba nhịp. Chùa xây bằng đá tảng mài nhẵn nguyên khối, nền được kè đá chung quanh, cao 2m. Cột đền, lan can, chủ yếu được tạo dựng bằng đá. Mái chồng lợp ngói mũi hài to bản. Hai bên là giải vũ, phía trước sân gạch rộng và phương đình. Bên trái chùa Hạ có lối lên chùa Trung, nằm kề cửa động, trên vách có khắc hai chữ Hán: "*Bích Động*" cực lớn. Phía trái có tấm bia "*Bích Sơn thiền tự bi*", dựng vào thời Lê Dụ Tông (1705-1729), bên phải là tấm bia thời Cảnh Hưng (1740-1786), tạc ngay vào vách núi. Từ chùa Trung trèo 22 bậc đá nữa qua hang Tối, có chuông cổ, tượng Phật bằng đồng, qua cổng đá cuốn, sẽ lên tới chùa Thượng. Chùa dựng trên đỉnh cao chót vót gần đỉnh núi. Chùa đã bị đổ nát, chỉ còn lại mấy cột đá. Đứng trên nền chùa Thượng có thể nhìn thấy toàn cảnh Bích Động như một bức tranh sơn thủy tuyệt đẹp.

Bích Động là một ngôi chùa cổ, mang đậm tính phương Đông: động, núi, chùa đan quyện vào nhau với những cây cổ thụ quanh năm xanh mát, càng làm cho chùa thêm uy nghi, huyền ảo.

Chùa Nhất Trụ

Còn gọi là chùa Một Cột, ở thôn Yên Thành, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, được dựng năm 995 dưới triều vua Lê Đại Hành (941-1005). Trong khuôn viên của chùa còn một cột đá hình trụ 8 cạnh, cao 3,6m (kể cả bệ), phần cột cao 2,65m, chu vi 2,22m. Trên các mặt trụ khắc các bài thần chú trong kinh "*Lăng nghiêm*" có ghi chú "*Đại Thánh minh hoàng đế Lê tổ tự thừa thiên mệnh*".

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trên cột kinh cũng cho biết là Nam Việt Vương Đinh Liễn đã cúng vào chùa 100 cột kinh vào năm Quý Dậu (973) và một số bài kệ. Trên đỉnh cột chạm hình bông sen cách điệu. Ngôi chùa cũ bị phá và được dựng lại năm 1944 và năm 1992 được sửa chữa.

LỄ HỘI

Ninh Bình là vùng đất lịch sử, là cố đô từ hơn 1.000 năm trước. Ninh Bình có nhiều lễ hội đặc sắc. Một số lễ hội tiêu biểu:

Lễ hội Trường Yên

Hội Trường Yên diễn ra ngày 10 tháng 3 âm lịch hằng năm trên cố đô Hoa Lư của nước Đại Cồ Việt xưa. Lễ hội kéo dài trong 3 ngày từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 3. Ngày 10 tháng 3 là ngày chính hội. Phần lễ tế được tiến hành rất nghiêm trang ở đền vua Đinh, vua Lê. Phần hội có nhiều trò chơi như cờ lau tập trận, kéo chữ...

Lễ hội Yên Cư

Lễ hội Yên Cư diễn ra vào ngày 20 tháng 8 âm lịch hằng năm ở xã Khánh Cư, huyện Yên Mô, nơi có đền thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo, phu nhân và quận chúa. Phần lễ có rước kiệu qua sông Đáy tới làng Phú Hào. Điều đặc biệt, theo nhân dân cho biết, trong lễ hội này cá kéo về quần tụ ở đây như mừng hội.

NINH THUẬN

Là tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 3.427km^2, dân số khoảng 485.000 người, gồm nhiều dân tộc: Kinh, Chăm, Raglai, Cơ Ho, Hoa...

Ngoài thị xã Phan Rang là tỉnh lỵ, Ninh Thuận còn có các huyện: Ninh Hải, Ninh Phước, Ninh Sơn.

Ninh Thuận phía Bắc giáp Khánh Hoà, Nam giáp Bình Thuận, Tây giáp Lâm Đồng, Đông giáp biển Đông. Địa hình toàn

https://www.facebook.com/taybanganh/

tỉnh chia làm 3 khu vực rõ nét gồm miền núi, đồng bằng và vùng ven biển. Ninh Thuận có hai hệ thống sông: Hệ thống sông Cái gồm các sông nhánh như: sông Mê Lam, sông Sắt, sông Ông, sông La, sông Quao... và một hệ thống gồm các sông suối nhỏ như sông Trâu, sông Bà Râu...

Về khí hậu, Ninh Thuận là vùng khô hạn vào loại bậc nhất nước, thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với tính chất đặc trưng là khô, nóng, gió nhiều, bốc hơi mạnh. Đặc biệt Ninh Thuận không có mùa đông, quanh năm nắng gió. Nhiệt độ trung bình cả năm là 27^0C. Lượng mưa trung bình là 705mm và tăng dần theo độ cao lên đến 1.100mm thuộc vùng núi. Ninh Thuận có hai mùa rất rõ: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

Thị xã Phan Rang nằm trên giao điểm của trục giao thông đường sắt và đường bộ. Trước chiến tranh có đường sắt Bắc - Nam đi qua và đường sắt Phan Rang đi Đà Lạt. Về đường bộ có quốc lộ 1A đi qua và đường 11 Phan Rang đi Đà Lạt. Thị xã Phan Rang cách Đà Lạt khoảng 110km, cách Thành phố Hồ Chí Minh 350km về phía Nam, cách Nha Trang 105km về phía Bắc.

Ngày nay Ninh Thuận đang hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh như: nho, mía, bông, hành, tỏi và nuôi trồng thủy, hải sản.

Về đánh bắt hải sản, Ninh Thuận có nhiều thế mạnh. Ninh Thuận có ngư trường vào loại lớn của nước ta, trữ lượng các loài tôm, cá... rất lớn và phong phú về loài. Ninh Thuận là một trong những tỉnh khá nghèo, nhưng đã hài hoà được giữa ba vùng đồng bằng, miền núi và ven biển.

Nằm trong cụm du lịch quốc gia thuộc tuyến Đà Lạt - Nha Trang - Phan Rang, Ninh Thuận có nhiều danh lam thắng cảnh như: bãi biển Ninh Chữ, bãi biển Cà Ná, đèo Ngoạn Mục... Về di tích lịch sử kiến trúc có tháp Chàm Pô Klongirai, Pôrômê, Hoà Lai...

https://www.facebook.com/taybanganh/

THẮNG CẢNH

Núi Đá Trắng

Thuộc xã Phước Thái, huyện Ninh Phước. Cấu tạo của ngọn núi này hoàn toàn bằng đá màu trắng, nên người dân địa phương gọi là núi Đá Trắng, còn người Chăm gọi là núi Ông Vua. Truyền thuyết kể rằng, vua Chăm đã giấu nhiều của cải tại núi này. Để giữ kho báu của mình, nhà vua đã yểm ở đây một cặp rắn thần rất lớn làm thần giữ của. Vì vậy, hằng năm nhà vua tổ chức lễ tế thần rất trang trọng. Lễ tế thần thường là một con trâu nướng. Ngày nay cứ vào tháng Giêng theo lịch người Chăm, nhân dân quanh vùng chỉ cúng bằng xôi thịt, không có trâu nướng. Theo các cụ kể lại, vào thời kỳ phát xít Nhật xâm chiếm nước ta, bọn chúng đã từng đến đây nghiên cứu dò tìm kho báu, nhiều nhà nghiên cứu của họ đã bị chết, do bị "Thần Rắn" ám hại.

Bờ biển Ninh Chữ

Thuộc xã Khánh Hải, huyện Ninh Hải, cách thị xã Phan Rang khoảng 6km về phía Đông. Bờ biển Ninh Chữ là một bãi tắm đẹp, cát trắng phau mịn màng, nước biển xanh ngắt soi bóng rừng phi lao rì rào trong gió. Bờ biển nông, thoai thoải kéo dài trên 10km, chạy theo hình vòng cung. Cách bờ không xa là các ngọn núi Đá Chồng, núi Tây An, núi Cà Đú... Tại đây, ngoài thú tắm biển, du khách còn có thể tham gia các hoạt động du lịch khác như leo núi, săn bắn, lướt ván, du thuyền...

Bờ biển Cà Ná

Giáp với tỉnh Bình Thuận, cách thị xã Phan Rang 32km về phía Nam, cách thành phố Phan Thiết 114km, bờ biển Cà Ná nằm sát ngay quốc lộ 1A và đường sắt Bắc-Nam. Trên bờ là những khối đá hình thù kỳ lạ, lô nhô, quanh năm sóng vỗ tung bọt trắng xóa, tạo nên một không gian kỳ ảo với những hang động ngoạn mục như: động ông Phật, ghềnh ông Nồng, núi Bạc, giếng Đục... Tại đây có một làng du lịch với những ngôi nhà nho

https://www.facebook.com/taybanganh/

nhỏ, đủ tiện nghi cho một gia đình bốn người hoặc đôi vợ chồng trẻ đến nghỉ ngơi tham quan vãn cảnh, tắm biển, leo núi...

Vịnh Vĩnh Hy

Thuộc xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, cách thị xã Phan Rang 42km về hướng Đông Bắc. Vĩnh Hy là một vùng vịnh còn hoang sơ, với những bãi cát trắng mịn chạy dài, quanh bờ là những đồi núi trập trùng với những ngọn núi đá chứa đựng bao huyền tích của những hang động nơi đây. Cảnh quan thiên nhiên vịnh Vĩnh Hy còn nguyên vẹn những nét cổ xưa, hầu như chưa bị ô nhiễm bởi tác động của con người. Thật là một vùng du lịch sinh thái, tắm biển lý thú.

Đèo Ngoạn Mục

Nằm trên đường 11 Phan Rang đi Đà Lạt, dưới chân đèo là thị trấn Sông Pha xinh đẹp. Từ xa du khách đã có thể nhìn thấy hai ống kim loại trắng toát nổi lên giữa cánh rừng xanh bạt ngàn, đó là ống dẫn nước cho nhà máy thủy điện Đa Nhim.

Đèo Ngoạn Mục là con đèo quanh co, uốn khúc với nhiều "cua tay áo". Từ trên đỉnh đèo nhìn xuống du khách sẽ nhìn thấy toàn cảnh "nước non" Ninh Thuận nên thơ, đây đó nổi lên những bản làng xanh đậm giữa những cánh đồng lúa chín vàng, và đây nữa, những hồ, những ao, những cánh đồng nho đang vào mùa chín rộ, những cánh đồng bông, những quả bông phơi trắng mình dưới nắng chói chang của mảnh đất Phan Rang - Tháp Chàm giàu nắng gió... Phải chăng từ những cái nhìn xinh đẹp đó mà người ta đặt tên cho ngọn đèo này là Ngoạn Mục?

DI TÍCH

Tháp Pô Klongirai

Tọa lạc trên núi Trầu, cách thị xã Phan Rang 5km về phía Tây Bắc, gần ga xe lửa, nên ga này mang tên ga Tháp Chàm. Tháp Pô Klongirai do vua Jaya Simhavarman III, tức là Chế

https://www.facebook.com/taybanganh/

Mân, xây dựng vào thế kỷ XIII để thờ vua Pô Klongirai (1151-1205), người có nhiều công lao đóng góp cho dân tộc Chăm trong việc dựng nước và giữ nước.

Tháp Pô Klongirai gồm nhiều hạng mục công trình lớn nhỏ khác nhau, nhưng theo thời gian, nhiều công trình bị hư hỏng không còn. Hiện còn lại ba ngôi tháp gồm: tháp cổng, tháp lửa và tháp chính. Tháp chính cao 21,59m, năm tầng. Tháp hình vuông mỗi cạnh rộng hơn 10m. Nội thất hình chữ nhật theo hướng Đông Tây, cửa mở về hướng Đông. Bên trong thờ tượng vua Pô Klongirai và bò thần Nandin nằm phủ phục trước cửa, chầu vào tượng vua. Trên các góc và đỉnh tháp gắn nhiều vật bằng đá sa thạch trang trí, tượng thần Shiva sáu tay, tượng hộ pháp, hình các thú vật, ngọn lửa lá đề...

Mặt trước tháp chính là tháp nhỏ còn gọi tháp Cổng, hai cửa thông nhau, tạo thành cổng ra vào dâng lễ. Kế đó là ngôi tháp lửa với hai mái cong hình chiếc thuyền, nơi đặt xiêm y, đại mão và các đồ lễ vật. Trong các dịp lễ hội như Mbăng Katê... đèn đuốc thắp sáng liên tục (có thể vì thế mới gọi tháp này là tháp lửa chăng?).

Cụm tháp Pô Klongirai được trùng tu sửa chữa qua nhiều năm: 1981, 1983, 1984, 1985 và 1987.

Trước đây, trong khi khai quật nghiên cứu, các nhà khảo cổ học người Pháp đã tìm thấy quanh vùng tháp một số bát bằng vàng, bạc và đồ trang sức quý. Trong những năm trùng tu, sửa chữa, các nhà khảo cổ Việt Nam cũng tìm thấy một số bát vàng.

Tháp Pôrômê

Ở xóm Sỏi, làng Ninh Hà trước kia, nay thuộc thôn Hậu Sanh, xã Hữu Phước, huyện Ninh Phước. Tháp được xây vào cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, cách quốc lộ 1A khoảng 3km về phía Tây Nam. Tháp tọa lạc trên đồi Bolcho. Dưới chân đồi có một con suối chảy qua. Bao quanh đồi là những cánh đồng lúa. Từ

https://www.facebook.com/taybanganh/

trên đồi, tháp nhìn về bốn phương tám hướng trông rất ngoạn mục. Tháp Pôrômê xây còn đơn sơ, kém mỹ thuật so với tháp Pô Klongirai, hay Po Nagar (Nha Trang). Cửa ra vào tháp chính nhìn về hướng Đông. Trước kia, phía trước tháp có một ngôi nhà làm bằng gỗ, mái lợp tranh, để bà con nghỉ ngơi trong những ngày hành lễ, nay không còn. Ngoài tháp chính thờ vua Pôrômê, còn có một tháp nhỏ ở phía Nam, cũng xây sơ sài, tháp này bị sụp đổ, hiện không tìm thấy dấu vết. Ngoài hai tháp trên còn hai miếu nhỏ. Một ở phía Tây Nam của tháp chính thờ tượng Hoàng hậu, bà Bia Thanh Chanh. Một ở phía Đông Bắc tháp chính, bên trong đặt một tấm bia hình vuông, miếu này hiện cũng không còn nữa. Dưới đồi tháp có tượng hai con sư tử, đã bị vỡ nát.

Tháp chính Pôrômê có bình đồ vuông, bốn tầng, cao 8m, đáy rộng gần 8m. Tháp Pôrômê là một trong rất ít tháp Chăm còn lại khá nguyên vẹn cho đến ngày nay, là nơi người Chăm thường xuyên làm lễ cầu khấn vị vua Pôrômê đã được thần hóa.

Tháp Hoà Lai

Còn gọi là Ba Tháp, tọa lạc ở thôn Gò Đền, xã Tân Hải, huyện Ninh Hải, cách thị xã Phan Rang 14km về hướng Bắc. Từ phía Bắc vào, tháp Hoà Lai nằm bên trái cách quốc lộ 1A chưa đến 10m. Tháp được xây vào thế kỷ IX.

Khác với nhiều tháp Chăm hiện còn được xây trên những đồi cao, tháp Hoà Lai được xây trên một khu đất rộng khá bằng phẳng, giữa vùng đồng bằng.

Nguyên thủy tháp Hoà Lai có 3 tháp chính và một số tháp phụ. Hệ thống xây theo hướng Nam Bắc nhưng không thẳng hàng với nhau. Hiện chỉ còn lại hai tháp: tháp Bắc và tháp Nam. Tháp giữa bị đổ nát. Hai tháp còn lại, chỉ tầng dưới còn nguyên vẹn. Các tầng trên bị đổ lở nhiều. Tất cả các cửa tháp đều xây về hướng Đông. Ba mặt tường Tây, Nam, Bắc ở tầng dưới của cả tháp đều có cửa giả nhô ra khỏi mặt tường.

https://www.facebook.com/taybanganh/

So với các tháp Chàm khác, tháp Hoà Lai có một số điểm khác biệt:

– Các mặt tường Tây, Nam, Bắc được trổ lỗ để nhận ánh sáng chiếu vào.

– Tầng trệt của tháp xây theo bình đồ hình vuông, còn phần lớn tầng trệt của các tháp khác xây theo hình chữ nhật.

– Phía trong tháp không có thờ tượng vua chúa, thánh thần nào cả. Do đó người dân địa phương không tổ chức thờ cúng ở đây.

Bẫy đá của anh hùng Pi Năng Tắc

Bẫy đá này là một vũ khí đánh giặc Mỹ, do anh hùng Pi Năng Tắc xây dựng vào cuối năm 1959 đầu năm 1960, thuộc xã Phước Bình, huyện Ninh Sơn. Đây là nơi diễn ra trận phục kích, giết giặc bằng bẫy đá trưa ngày 8-4-1961, của đội du kích Raglai dưới sự chỉ huy của Pi Năng Tắc, để bảo vệ buôn làng. Bẫy đá Pi Năng Tắc được cài đặt trên triền núi cao, gồm 17 chiếc bẫy đá liên hoàn. Mỗi chiếc cách nhau khoảng 20m. Khi quân địch vào đúng vị trí, những người du kích đồng loạt lật bẫy đá ào ào lao xuống như thác lũ dội vào đầu giặc. Vì quá bất ngờ, lại bị khóa đầu, chặn đuôi, nên nhiều tên giặc đã phải đền tội.

LỄ HỘI

Ninh Thuận là tỉnh giàu truyền thống văn hóa, mang đậm nhiều màu sắc dân tộc. Vì vậy Ninh Thuận là vùng đất có nhiều lễ hội dân tộc truyền thống. Người Chăm có lễ hội Mbăng Katê, lễ Cha Bun..., người Raglai có lễ hội Đền ơn đáp nghĩa Cha Mẹ...

Lễ hội Mbăng Katê

Đây là lễ hội lớn nhất, có quy mô lớn nhất của người Chăm Ninh Thuận theo đạo Bàlamôn, được tổ chức vào ngày 1 tháng 7 lịch Chăm (tương ứng với 8-9 âm lịch) tại tháp Pô Klongirai

https://www.facebook.com/taybanganh/

hoặc các tháp Chàm khác. Nhưng lễ hội lớn nhất, số người tham dự đông nhất vẫn là ở Pô Klongirai. Đây là lễ hội tưởng nhớ thần linh, các anh hùng, tổ tiên, các vị vua có công với nước với dân tộc đã được thần thánh hóa như Pô Klongirai, Pôrômê...

Đây cũng là dịp để nhân dân hành hương, tổ chức gặp mặt, thăm viếng nhau. Trong lễ hội thường có các nghi thức như lễ dâng cúng, rước thần, đội mũ, tắm cho tượng, mặc xiêm y mới cho tượng. Cuối lễ là lúc mọi người múa hát, ngâm thơ, chơi nhạc và tham gia nhiều trò chơi khác.

Lễ Cha Bun

Tổ chức tại đền tháp Pô Klongirai vào tháng 10 Chăm lịch. Lễ Cha Bun thường diễn ra trong hai ngày. Đây là lễ cúng thần mẹ Pônergan và Thần Đất. Vào ngày lễ, tất cả những người Chăm theo đạo Bàlamôn đều tập trung lên tháp để tạ ơn Thần mẹ Pônergan và Thần Đất đã phù hộ cho mùa màng tươi tốt, vụ mùa bội thu.

Lễ Jon Jang

Đây là lễ cầu đảo, cầu Thần Nông, cầu mưa cho mùa lúa tốt tươi, hoa màu xanh biếc. Lễ Jon Jang cũng được tổ chức tại đền tháp Pô Klongirai và Pôrômê trong hai ngày vào tháng 4 lịch Chăm của đồng bào Chăm Ninh Thuận.

Trong những ngày này, các thầy cúng và đồng bào Chăm đều lên tháp làm lễ cúng Thần Nông cầu mưa. Sau khi làm lễ xong, những người tham dự lễ kéo nhau ra đập Đa Nhim, đập sông Cấm để cúng, cầu mưa.

Lễ đền ơn đáp nghĩa Cha Mẹ

Đây là lễ hội của đồng bào dân tộc Raglai để đền ơn đáp nghĩa cha mẹ, được tổ chức tại gia đình. Thời gian tổ chức lễ hội trong năm không cố định. Khi thấy cha mẹ có biểu hiện sức yếu, con cái trong gia đình phải lo lễ vật và mời thầy cúng đến để làm lễ, cầu mong cho cha mẹ sống lâu. Trong ngày lễ này, bà con họ

https://www.facebook.com/taybanganh/

hàng sống trong buôn làng đều tề tựu đông đủ. Người Raglai cho rằng bất hạnh lớn nhất của con người là khi cha mẹ qua đời mà người con chưa kịp làm lễ "Đền ơn đáp nghĩa". Vì thế người Raglai rất coi trọng ngày lễ này.

Lễ đền ơn đáp nghĩa Cha Mẹ gồm có: lễ cúng Giàng, tổ tiên, những người đã khuất. Sau đó người con lớn nhất trong gia đình dâng món ăn ngon nhất lên mời cha mẹ và chủ nhà mời bà con cùng hưởng lễ. Sau phần lễ còn tổ chức vui chơi, múa hát...

PHÚ THỌ

Phú Thọ là vùng đất Tổ, cội nguồn của dân tộc Việt Nam. Nơi đây, từ buổi bình minh của dân tộc, các vua Hùng dựng nước Văn Lang, quốc gia đầu tiên của dân tộc ta, lấy Phong Châu làm thủ đô.

Ngày nay, Phú Thọ là một tỉnh trung du miền núi với diện tích tự nhiên gần 3.500km^2, dân số gần 1.300.000 người, gồm các dân tộc: Kinh, Mường, Dao, Sán Chay, Sán Dìu... Ngoài Thành phố Việt Trì là tỉnh lỵ, Phú Thọ còn có thị xã Phú Thọ và các huyện: Hạ Hoà, Thanh Ba, Đoan Hùng, Lâm Thao, Yên Lập, Thanh Sơn, Tam Thanh, Phong Châu. Phú Thọ phía Bắc giáp Tuyên Quang, phía Đông giáp Hà Tây, phía Tây giáp Sơn La, phía Nam giáp Hoà Bình.

Địa hình Phú Thọ chủ yếu là đồi núi trung du, ngoài ra có những thung lũng hẹp. Phú Thọ có ba con sông lớn chảy qua là sông Hồng (đoạn chảy qua Phú Thọ là sông Thao), sông Lô và sông Đà.

Về giao thông vận tải, Phú Thọ có nhiều thuận lợi cả đường bộ, đường sắt và đường thủy, lại cách Hà Nội không đầy 90km.

Phú Thọ nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình cả năm khoảng 23,4^{0}C.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Phú Thọ có nhiều tiềm năng du lịch với những vùng văn hóa, di tích lịch sử nổi tiếng như đền Hùng, chùa Phúc Thánh, đầm Ao Châu...

THẮNG CẢNH

Rừng Xuân Sơn và hang động Xuân Sơn

Rừng Xuân Sơn có những loài cây lạ, trong một ngày có thể thay đổi màu lá tới bốn lần. Ngoài thực vật phong phú, rừng Xuân Sơn còn có nhiều động vật quý hiếm như sóc bay, cầy bay...

Trong rừng Xuân Sơn có nhiều hang động kỳ ảo, nằm sâu trong rừng cây bạt ngàn đầy bí ẩn thuộc xã Xuân Sơn, huyện Thanh Sơn, về phía Tây Bắc tỉnh Phú Thọ. Trong hang động Xuân Sơn có nhiều nhũ đá rủ xuống, hình thù kỳ thú, huyền ảo. Trong số các hang động Xuân Sơn, đáng chú ý nhất, và cũng kỳ vĩ nhất là động Tiên. Động Tiên là một hang ngầm trong lòng núi đá cẩm thạch dài khoảng 10km. Trong động có lỗ thông gió thẳng lên đỉnh núi, làm cho không khí trong động luôn luôn mát dịu. Hồ nước trong động có nhiều loài cá lạ sinh sống.

Với những hang động đầy hấp dẫn và núi rừng, thiên nhiên trong lành, Xuân Sơn thực sự là một khu du lịch quyến rũ du khách.

Núi Thắm

Còn có tên là núi Đầu Rồng, dài khoảng 4km, chạy dọc theo con đường vào khu công nghiệp Thanh Ba. Trên đỉnh núi Thắm có một ao nhỏ gọi là Ao Tiên, quanh năm nước trong xanh, không bao giờ cạn. Chung quanh núi Thắm có hàng trăm ngọn đồi thấp thoai thoải nằm kề nhau. Phần lớn những ngọn đồi này đều được trồng các loại cây công nghiệp như cây sơn, trẩu, chè...

Gần ngọn núi Thắm, nhiều nhà máy được xây dựng như nhà máy chế biến chè, nhà máy rượu, nhà máy phân lân nung chảy, nhà máy xi măng và những trang trại chăn nuôi bò sữa.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hồ Ao Châu

Ao Châu là một hồ nước lớn thuộc xã Ấm Thượng, huyện Hạ Hoà, diện tích gần 2km^2. Hồ Ao Châu có hình dáng như một chiếc đầu trâu có hai sừng chỗi về hai phía sông Thao và sông Chảy. Hồ có 99 ngách xen giữa những dãy đồi núi. Chung quanh hồ là những đồi cây trĩu quả. Trong hồ có loại rùa vàng, một loài thủy sản quý hiếm.

DI TÍCH

Khu di tích lịch sử đền Hùng

Khu di tích lịch sử đền Hùng tọa lạc trên núi Nghĩa Lĩnh cao 175m so với mặt biển, thuộc thôn Cổ Tích, xã Hy Cương, huyện Phong Châu, cách thành phố Việt Trì 10km, cách thủ đô Hà Nội gần 100km (dọc theo quốc lộ 2). Đây là vùng đất Tổ Hùng Vương, nơi Nhà nước Văn Lang ra đời từ trước Công nguyên với 15 bộ lạc, dưới sự trị vì của 18 đời vua Hùng, đã dẫn dắt người Việt cổ từ thời kỳ đồ đá mới, qua sơ kỳ đồng thau, để vươn lên thịnh vượng trong giai đoạn văn hóa đồng thau và sắt sớm.

Nhà nước Văn Lang ổn định, các vua Hùng đã có công xây dựng và phát triển một nền văn hóa mang sắc thái và tính cách núi rừng của người Việt. Chính nhờ gốc rễ bền vững đó mà qua bao thăng trầm lịch sử, kể cả hàng ngàn năm bị phong kiến phương Bắc đô hộ và tìm mọi cách đồng hóa, nhưng dân tộc Việt vẫn giữ gìn được bản sắc riêng, bản sắc dân tộc Việt, văn hóa dân tộc Việt cho đến ngày nay.

Khu di tích lịch sử đền Hùng gồm nhiều công trình quan trọng. Ngay từ chân núi du khách sẽ bước qua cổng đền, trèo 225 bậc thang đá sẽ đến đền Hạ và chùa Thiên Quang Tự, được xây dựng từ thế kỷ XV. Tương truyền nơi đây bà Âu Cơ sinh được một bọc 100 trứng, nở thành 100 người con. Sau vợ chồng chia con, 50 con theo mẹ Âu Cơ lên núi, cha Lạc Long Quân dẫn 49 người con xuống biển, để lại người con trưởng làm vua hiệu là

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hùng Vương, đóng đô ở Phong Châu, lập ra Nhà nước Văn Lang. Từ đó sinh sôi nảy nở ra các dân tộc Việt Nam ngày nay.

Ngày 19-9-1954, trên đường về tiếp quản thủ đô Hà Nội, Bác Hồ đã ghé thăm đền Hùng. Tại dưới gốc cây Thiên tuế ở đền Hạ, Bác đã nói chuyện với các chiến sĩ Đại đoàn Quân Tiên phong:

"Các vua Hùng có công dựng nước
Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước."

Từ đền Hạ leo lên 168 bậc nữa sẽ đến đền Trung (tức Hùng Vương Tổ miếu). Tương truyền đây là nơi các vua Hùng lập quán xá để nghỉ ngơi và bàn việc nước với các lạc hầu, lạc tướng. Tại nơi đây, vua Hùng thứ 6 cho thi món ăn ngon và Hoàng tử Lang Liêu đã dâng bánh chưng (hình vuông, tượng trưng cho đất - theo quan niệm lúc bấy giờ quả đất vuông) và bánh giầy (hình tròn, tượng trưng cho trời).

Từ đền Trung đi tiếp 102 bậc nữa sẽ đến đền Thượng, còn gọi là đền Thượng Kinh thiên linh điện (điện thờ Trời). Tương truyền, đây là nơi các vua Hùng thờ trời, thờ thần lúa. Vua Hùng thứ 6 lập miếu thờ Thánh Gióng - người có công đánh đuổi giặc Ân. Đây cũng là nơi vua Hùng thứ 18 truyền ngôi cho cháu là Thục Phán. Thục Phán An Dương Vương đã dựng hai cột đá thề rằng sẽ trông nom ngôi miếu và giữ gìn cơ nghiệp vua Hùng.

Cách đền Thượng không xa là lăng vua Hùng. Tương truyền đây là lăng vua Hùng thứ 6. Sau khi Thánh Gióng đánh đuổi được giặc Ân bay lên trời, thì vua Hùng thứ 6 cũng cởi áo bào vắt lên cành kim giao rồi hóa ở đó.

Đền Giếng nằm ở dưới chân núi Nghĩa Lĩnh về phía Đông Nam. Tương truyền hai nàng công chúa Tiên Dung và Ngọc Hoa, con vua hùng thứ 18, thường chải tóc, chít khăn bên giếng này.

Trên khu vực núi Nghĩa Lĩnh, các nhà khảo cổ học tìm thấy nhiều di vật và phế tích từ thời Văn Lang đến thời Đại Việt như rìu đá, giáo đồng, bát, đĩa gốm sứ, cột đá, thạp đất nung, gạch ngói...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đền Hùng là mảnh đất cội nguồn dân tộc Việt Nam ta, vì vậy hằng năm cứ đến ngày 10 tháng 3 âm lịch, nhân dân khắp nơi trong cả nước đều về núi Nghĩa Lĩnh giỗ Tổ Hùng Vương. Trong dân gian đã có câu ca truyền tụng từ đời này sang đời khác:

Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ Tổ mồng mười tháng ba.

Chùa Phúc Thánh

Chùa Phúc Thánh ở trên núi Ngọc Phúc, xã Hương Nộn, huyện Tam Thanh. Chùa do bà Lê Thị Lan Xuân, vợ của vua Lý Thần Tông dựng năm 1145, đời vua Lý Anh Tông. Tương truyền thời xa xưa qua một đêm mưa gió, sấm chớp ầm ầm, sáng ra đã thấy trên núi mọc lên một ngôi chùa, nên còn gọi là chùa Thiên Tạo. Chùa làm bằng gỗ tốt, cột to đến 2 thước, dài 8-9 thước, kê trên đá xanh dày hàng thước. Trên cột chạm khắc hoa văn cánh sen.

Theo sử sách để lại, chùa Phúc Thánh là nơi bà Lê Thị Lan Xuân tu hành và mất tại đây (1171). Trên điện thờ hiện vẫn còn tượng thờ bà, gọi là tượng Thánh Mẫu. Mộ của bà táng ở phía Tây chùa.

Chùa Phúc Thánh là một trong số ít những ngôi chùa thời Lý còn lại đến ngày nay với những nét kiến trúc nghệ thuật đặc trưng thời Lý.

Đền thờ Noa Cả Đại vương

Ở xã Hữu Phụ, tổng Sơn Dương, huyện Sơn Vi, nay là huyện Phong Châu. Tương truyền Đại vương tên là Đinh Công Tuấn, người xã Hữu Phụ, là võ tướng giữ chức Đô úy thời Thục Phán An Dương Vương. Khi Triệu Đà đem quân sang đánh nước ta, ông vâng mệnh vua cầm quân giết giặc ở Tiên Du (nay là Tiên Sơn, Bắc Ninh). Về sau An Dương Vương giảng hoà với Triệu Đà, ông không đồng tình, cáo quan về quê. Triệu Đà sai sứ mời ông vào triều, ông nổi giận mắng vua tôi nhà Triệu. Triệu Đà tức

https://www.facebook.com/taybanganh/

giận đem quân tiến đánh, ông tập hợp gia thần và dân chúng quanh vùng chống cự lại. Sau khi ông qua đời, dân chúng quanh vùng nhớ công ơn ông lập đền thờ.

Đình Hữu Bổ Thượng

Ở làng Bổ Thượng (tên nôm là làng Kệ Gó), xã Kinh Kệ, huyện Lâm Thao.

Đình xây theo kiểu "chồng bồn con lọn" gồm năm gian hai chái (nay còn ba gian hai chái). Sàn lát gỗ. Trên các thành phần kiến trúc đều có chạm trổ trang trí. Đề tài chạm khắc là rồng có tai dơi, mồm rộng, lông mày nhô, ngoài ra còn có hình các cô tiên múa, hình lân có người cưỡi.

Đình Hữu Bổ Thượng thờ Đức Thánh Vương (tên húy là Đinh Công Tuấn), người có công phò Thục Phán An Dương Vương chống quân xâm lược Triệu Đà và thờ Đức Thánh Mẫu (mẹ của Đinh Công Tuấn) thường gọi là Công chúa Xuân Dung.

Đình được dựng vào khoảng thế kỷ XVII.

LỄ HỘI

Phú Thọ là vùng đất Tổ, nơi có nhiều dân tộc anh em sinh sống, có truyền thống văn hóa, âm nhạc, lễ hội phong phú. Trong đó đáng chú ý nhất là lễ hội đền Hùng, hội Bạch Hạc... Phần lớn các lễ hội ở Phú Thọ thường diễn ra vào mùa xuân.

Hội đền Hùng

Lễ hội đền Hùng là lễ giỗ Tổ thiêng liêng nhất của dân tộc Việt. Ngày nay Đảng và Nhà nước quyết định lễ giỗ Tổ Hùng Vương là ngày Quốc giỗ. Hằng năm lễ hội được tổ chức vào mồng 10 tháng 3 âm lịch. Chính hội bắt đầu từ ngày mồng 8 tháng 3 và kết thúc vào ngày 11 tháng 3. Sáng mồng 10 tháng 3 là ngày Quốc lễ, các nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta đến dâng hương bái cúng, sau đó là đám rước đặc sắc, các cuộc hát

https://www.facebook.com/taybanganh/

thi như hát ca trù, hát xoan... cùng các trò chơi truyền thống của người Việt.

Ngày hội đền Hùng, nhân dân cả nước đều hướng về đất Tổ, nô nức hành hương, tưởng niệm các vua Hùng, dòng vua mở nước, dựng nghiệp, lập ra Nhà nước Văn Lang cổ đại đầu tiên của dân tộc Việt. Hội đền Hùng là một ngày hội quần tụ, ca ngợi sự hưng thịnh của giống nòi, là biểu tượng của tinh thần cộng đồng cao cả, nhắc nhở con dân nước Việt chung sức xây dựng đất nước mạnh giàu.

Hội Bạch Hạc

Còn gọi là Hội tung còn, diễn ra từ mồng 3 đến mồng 5 tháng Giêng và từ mồng 10 đến 13 tháng 3, tổ chức bơi trải vào ngày 20 tháng 5 âm lịch hằng năm tại xã Bạch Hạc, Thành phố Việt Trì, nơi thờ Thổ Lệnh Đại Vương, dân gian quen gọi là Thánh Hạc. Lễ hội có tục tế, rước Thánh qua sông Lô, sang làng kết nghĩa Tiên Cát (nơi thờ Thạch Khanh, anh em sinh đôi với Thổ Lệnh Đại vương).

Mở đầu hội là tung còn - cướp còn, diễn ra vào mồng 3 tháng Giêng. Gồm có rước còn (một bộ còn có một quả mẹ và tám quả con), cúng còn và cướp còn. Tất cả các quả còn đều được thờ ở đình cho đến ngày hội năm sau, rồi thay bộ còn mới.

Thi bơi trải ở Bạch Hạc diễn ra vào 20-5 âm lịch (cũng có tài liệu ghi vào mồng 5 tháng 3). Cuộc thi bơi trải ở Bạch Hạc có bốn trải của bốn giáp tham dự, bơi thuyền gỗ chò nguyên cây, tạo dáng thuyền rồng, đủ chỗ cho 48 tay bơi và hai người cầm lái, mõ hiệu. Mỗi trải một màu sơn và kể cả khố của các tay bơi. Mở đầu cuộc bơi trải, làng bày tiệc cáo Thành hoàng ở đình, rồi các trải xuất phát trên bến sông trước đình về tới Kê Cát (làng Tiên Cát), xong quay lại nơi xuất phát.

Hội Chu Hóa

Lễ hội hằng năm diễn ra ở xã Chu Hóa, huyện Phong Châu, vào mồng 5 tháng Giêng âm lịch để tưởng nhớ ba vị Thành hoàng

https://www.facebook.com/taybanganh/

làng, cũng là ba anh em có hiệu là Cả Đông, Nhị Đông, Tam Đông, tương truyền là do rắn thác sinh vào làm con một quả phụ và trở thành tướng tài ba của vua Hùng thứ 18.

Hằng năm, Kẻ Khống (tên Nôm của Chu Hóa) vào hội tế lễ Thành hoàng diễn lại sự tích của ba vị với nhiều hình thức phong phú:

Tiệc cầu đãi bách thần tổ chức vào mồng 5 tháng Giêng âm lịch, trình diễn trò *chạy Kem.*

Lễ tiệc chào mừng Đức Tam Đông vào mồng 5 tháng Ba âm lịch, làng tổ chức *hát trống quân và múa trình đầu rồi.*

Hội Xoan

Lễ hội được mở từ mồng 7 đến 10 tháng Giêng âm lịch hằng năm tại Kẻ Xoan, tức là làng Hương Nha, huyện Tam Thanh, để tưởng nhớ Xuân Nương, một nữ tướng tài giỏi của Hai Bà Trưng.

Khởi đầu lễ hội là tiệc cầu Xuân dâng Thành hoàng, theo truyền thống dọn cỗ chay, có củ mài và mật ong. Tục truyền việc mổ trâu "nồi da xáo thịt" diễn lại sự tích năm tướng của vua Hùng nhờ thần sông mà thoát nạn, khi lên bờ tìm trâu mổ thịt, lấy da làm nồi nấu để tế thần sông.

Mồng 10 tháng Giêng diễn trò trình nghề ở bãi sông trước đình làng. Các vai diễn cày, bừa, gieo mạ, tát nước, bán con ngài tằm, bán bông... rất hấp dẫn.

Hội Đình Xốm

Hội lễ đình Xốm, tên chữ là đình Hùng Lô, xã Hùng Lô, huyện Phong Châu. Đình thờ vua Hùng thứ 18.

Hằng năm dân làng mở hội từ ngày mồng 9 đến 11 tháng 3 âm lịch, đúng vào dịp giỗ Tổ Hùng Vương. Ngoài các lễ nghi truyền thống, hội lễ đình Xốm có rước kiệu từ đình về đền Hùng vào mồng 10 tháng 3 rất long trọng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sáng mồng 9 làng làm lễ tại đình. Sau lễ bắt đầu rước kiệu: đi đầu là đoàn hát chèo, đội múa lân, 300 nam áo quần trắng, thắt lưng màu hoa lý, nón chóp, chân quấn xà cạp, rước chấp kinh, bát bửu... đi trước và sau kiệu để làm nhiệm vụ bảo vệ. Dẹp đường cho Kiệu là 12 ông coi cờ cưỡi ngựa, mỗi ông có năm người phục dịch. Đi sau đoàn rước kiệu, là các cô gái làng gánh cơm nước phục vụ. Tối mồng 9, đoàn rước đến chân đền Hùng, làm lễ hạ kiệu, nghỉ ngơi, xem hát.

Sáng mồng 10, rước kiệu lên đền Thượng làm lễ các vua Hùng. Chiều rước kiệu về làng.

Hội đánh cá

Là lễ hội của đồng bào Mường, thuộc xã Thanh Liệt, huyện Thanh Sơn. Đây là lễ hội mừng xuân, diễn ra tại một khu vực sát bản vào ngày 3 tháng Giêng dương lịch. Vào ngày này tất cả dân bản, trai gái, trẻ già hoặc dùng gậy và bất cứ thứ gì để đập nước, làm rung động nước của con suối, làm cho cá hoảng sợ chui vào các rọ ẩn nấp. Sau một hồi chuông vang lên, người ta kéo rọ lên. Cá to dành cho lễ cúng, còn lại chia đều cho các gia đình.

PHÚ YÊN

Phú Yên là một tỉnh thuộc duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 5.278km^2, dân số khoảng 770.000 người, gồm nhiều dân tộc sinh sống: Kinh, Chăm, Êđê, Ba Na... Ngoài Thị xã Tuy Hoà là tỉnh lỵ, Phú Yên còn có các huyện: Đồng Xuân, Sông Cầu, Tuy An, Sơn Hoà, Tuy Hoà, Sông Hinh.

Phú Yên, phía Bắc giáp Bình Định, phía Nam giáp Khánh Hoà, phía Tây giáp Đắk Lắk và Gia Lai, phía Đông giáp biển Đông.

Địa hình Phú Yên có thể chia làm 2 khu vực lớn: vùng phía Tây, sườn Đông của dãy Nam Trường Sơn là vùng núi bán sơn

https://www.facebook.com/taybanganh/

địa, vùng này gồm các huyện Sơn Hoà, Sông Hinh, Đồng Xuân và phần phía Tây của các huyện Sông Cầu, Tuy An, Tuy Hoà. Đây là vùng núi non trùng điệp, tuy không cao lắm, ngoài ngọn Vọng Phu cao nhất là 2.064m.

Vùng đồng bằng gồm thị xã Tuy Hoà, phần phía Đông của huyện Tuy An, Sông Cầu, Tuy Hoà với những cánh đồng bát ngát.

Phú Yên phong cảnh đẹp, rừng núi có nơi chạy dài ra sát biển, chia cắt dải đồng bằng Cù Mông, vịnh Xuân Đài, đầm Ô Loan, Vũng Rô.

Phú Yên có ba dòng sông chính chảy qua, đó là sông Đà Rằng, sông Kỳ Lộ (sông Cái) và sông Bàn Thạnh.

Phú Yên khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều. Nhiệt độ trung bình cả năm là 26,5^{0}C, cao nhất là 39^{0}C, thấp nhất là 15,5^{0}C. Lượng mưa trung bình năm 1.600mm.

Về giao thông vận tải, Phú Yên có đường sắt Bắc - Nam, đường bộ 1A đi qua, lại có đường thủy với bờ biển dài.

Phú Yên vùng đất có nhiều di tích lịch sử, văn hóa như núi Nhạn nằm ngay trung tâm thị xã, bên dòng sông Đà Rằng với Tháp Nhạn, chùa Đá Trắng, bãi Tiên, gành Đá Đĩa...

THẮNG CẢNH

Gành đá Đĩa

Dọc bờ biển Phú Yên có nhiều gành đá, song có lẽ độc đáo và hấp dẫn nhất là khu gành Đá Đĩa ở thôn 6, xã An Ninh Đông, huyện Tuy An. Đây thực sự là một thắng cảnh kỳ thú hiếm thấy của thiên nhiên.

Nhìn từ xa, khu gành Đá Đĩa rộng hơn 1km^2 như một tổ ong khổng lồ. Đá ở đây có cấu tạo kỳ lạ, gồm nhiều tảng đá lớn dựng đứng xếp đều đặn theo hình trụ lục giác, ngũ giác, hình trụ tròn,

https://www.facebook.com/taybanganh/

hình trụ vuông, lớp nọ xếp liền khít theo lớp kia đều tăm tắp gồm đá đứng, đá ngồi như những cột chống trời. Các cột đá có nhiều tiết diện khác nhau, nhưng đa phần là lục giác, hình tròn giống như các đĩa đựng thức ăn. Do đặc điểm đó mà khu gành này có tên gọi là gành Đá Đĩa.

Gành Đá Đĩa nằm trên một diện rộng, một phần trên đất liền, một phần chìm trong nước biển. Khi nước triều rút xuống, bày ra một bãi đá mênh mông. Phần nửa nổi trên bờ biển, ở giữa gành có một lõm trũng, lâu ngày nước mưa, nước biển đọng lại tạo thành một vũng, nơi sinh sống của những đàn cá nhỏ, đủ màu xanh, tím, đỏ, vàng bơi lội tung tăng.

Cạnh gành Đá Đĩa là bãi Bàng với những tảng đá màu vàng sáng, nằm dưới những tán cây bàng rợp bóng, là nơi nghỉ ngơi cắm trại lý tưởng của du khách.

Phía trước gành Đá Đĩa là một hang đá sâu và rộng có thể chứa hàng trăm người.

Gành Đá Đĩa đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích thắng cảnh.

Đầm Ô Loan

Nằm dưới chân đèo Quán Cầu, là đầm nước lợ (vừa mặn vừa ngọt) rộng hơn 1.200 ha, tiếp giáp với các xã An Cư, An Thạch, An Hải, An Ninh của huyện Tuy An, cách thị xã Tuy Hoà khoảng 20km về phía Bắc, là một trong những thắng cảnh thiên nhiên kỳ thú của tỉnh Phú Yên.

Vẻ đẹp kỳ thú của đầm Ô Loan được tạo thành bởi nhiều yếu tố. Về mặt tự nhiên, đó là sự hài hoà đến mức tuyệt diệu giữa "*sơn*" và "*thủy*", đúng như người xưa gọi là "*sơn thanh, thủy tú*".

Hình ảnh đầm Ô Loan đã từng đi vào ca dao, in ậm trong tâm hồn tình cảm của người dân quê hương Phú Yên. Đã có biết bao thi sĩ, nhạc sĩ, họa sĩ và du khách từ khắp mọi miền đất nước đến chiêm ngưỡng và cảm nhận vẻ đẹp huyền ảo của trời - mây -

https://www.facebook.com/taybanganh/

non - nước Ô Loan. Trải qua thời gian còn lắng đọng mãi nơi đây những vần thơ đầy cảm xúc của các thi sĩ Tản Đà, Xuân Diệu...

Vẻ đẹp của Ô Loan, thi sĩ Xuân Diệu viết:

..."Đầm Ô Loan, đầm Ô Loan
Nước trời cùng với mây liên hoàn
Mặt đầm: đôi cánh chim Loan nở
Khi mát loan bay, sắc đẹp tràn..."

Ngoài phong cảnh đẹp, đầm Ô Loan còn nổi tiếng là nơi có nhiều hải sản quý, đặc biệt là sò huyết.

Khi mùa xuân về, dòng người từ muôn phương lại đổ về đầm Ô Loan để tham dự lễ hội đua thuyền được tổ chức vào mồng 7 tháng Giêng âm lịch hằng năm.

Đầm Ô Loan được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích thắng cảnh vào ngày 26-9-1996.

Khu bảo tồn Krong Trai

Thuộc huyện Sơn Hoà, nằm về phía Tây Nam tỉnh Phú Yên. Rừng Krong Trai có diện tích 22.290ha, trong đó rừng tự nhiêm chiếm 71,8%, nơi có nhiều loài động thực vật quý hiếm.

Nơi đây còn bảo tồn các loại tài nguyên thiên nhiên và văn hóa của các dân tộc ít người. Khu bảo tồn thiên nhiên Krong Trai rất thích hợp cho loại hình du lịch sinh thái và nghiên cứu tìm hiểu về sinh vật học.

Đèo Cả - Vũng Rô

Dãy núi Đèo Cả hay Đại Lãnh là một nhánh của Nam Trường Sơn đâm ra biển Đông, không những tạo ra một Vũng Rô hữu tình mà dọc theo sườn Bắc và sườn Đông còn có nhiều cảnh quan thiên nhiên rất thích hợp cho những người thích du lịch sinh thái. Rừng nguyên sinh Bắc Đèo Cả rộng 8.740 ha, có hàng trăm loài thực vật, hàng chục loài chim và thú quý. Con đường mòn theo từng bậc đá lên đến tận đỉnh núi Đèo Cả, nơi có Đá Bia

https://www.facebook.com/taybanganh/

(còn gọi là "*bi thạch*"), là con đường dành cho những ai thích thể thao mạo hiểm. Quốc lộ 1A uốn lượn quanh co ngang lưng đèo nối liền Phú Yên với Khánh Hoà, với những vực thẳm, khe sâu, núi đá dựng đứng rất thích hợp cho loại hình du lịch mạo hiểm và leo núi.

Dưới chân núi, bên bờ biển là Vũng Rô, rộng 1.460ha, ba bề Bắc, Tây, Đông là núi non bao bọc, Vũng Rô có độ sâu nước lớn, thích hợp cho việc xây cảng biển nước sâu, làm nơi trú bão cho tàu thuyền. Ven bờ biển là những bãi tắm đẹp với cát mịn màng. Vũng Rô có nhiều bãi: Bãi Chùa như vầng trăng khuyết, rợp bóng dừa xanh, bãi Chính, bãi Bàng, bãi Lau, bốn mùa lặng sóng, du khách thỏa sức tha hồ bơi lặn trong làn nước trong xanh êm ả, phơi nắng trên bờ cát trắng, hoặc vào rừng tắm suối.

Vũng Rô không chỉ là một thắng cảnh mà còn là một di tích quốc gia, là bến cảng của "Đường mòn Hồ Chí Minh trên biển", đã từng tiếp nhận bốn con tàu không số của miền Bắc chi viện cho chiến trường miền Nam trong những năm tháng chống Mỹ.

Cửa ngõ phía Nam của Vũng Rô là hòn Nưa rộng 60ha, quanh đảo là nơi sinh sống của nhiều loại cá cảnh, các loại động vật hiếm và nhiều bãi tắm có độ dốc thoai thoải.

Mũi Đại Lãnh

Còn có nhiều tên gọi khác nhau như mũi Điện, mũi Kê Gà, hay *Cap Varella*, là điểm cực Đông trên dải đất Việt Nam, nằm ở tọa độ $12^0$53'48" vĩ độ Bắc và $109^0$27'06" kinh độ Đông. Đây là nơi gần hải phận quốc tế nhất và cũng là nơi đón ánh bình minh sớm nhất trên lãnh thổ Việt Nam. Tại mũi Đại Lãnh, năm 1890, người Pháp cho xây dựng một ngọn hải đăng cao lớn, nhưng ngọn hải đăng này đã bị tàn phá bởi chiến tranh. Năm 1996, Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã cho xây dựng lại ngọn hải đăng này có chiều cao 25,6m, tầm chiếu sáng là 27 hải lý. Đây là một công trình kiến trúc giàu tính nghệ thuật.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Dưới chân mũi Đại Lãnh có một bãi cát trắng mịn, rộng khoảng 16ha, là một bãi tắm lý tưởng. Tại cánh rừng này có suối nước ngọt chảy từ trong lòng núi ra, không bao giờ khô cạn. Khu vực mũi Đại Lãnh là một khu vực nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao rất hấp dẫn.

Để đến mũi Đại Lãnh, du khách có thể theo các đường từ Tuy Hoà, từ Vũng Rô, hoặc từ khu công nghiệp Hoà Hiệp.

Bãi biển Long Thủy

Còn gọi bãi biển Mỹ Á, nằm cách Tuy Hoà khoảng 12km, gần sát quốc lộ 1A. Long Thủy chạy theo vòng cung sát biển với những rừng dừa xanh cao ngả bóng trên bãi cát dài mịn màng, trắng muốt. Một bãi tắm hấp dẫn đối với du khách. Ngoài khơi xa là hòn Chùa, hòn Dứa, hòn Than. Quanh các đảo này có những rặng san hô có diện tích khoảng 100ha. Quanh chân đảo có nhiều tảng đá bằng phẳng như những tấm phản, du khách có thể nằm nghỉ ngơi. Long Thủy có hệ sinh thái phong phú rất thích hợp cho du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, bơi lặn, lướt ván...

Hằng năm, tại Long Thủy ngư dân thường tổ chức lễ hội Cầu Ngư vào trung tuần tháng 6 âm lịch.

DI TÍCH

Tháp Nhạn

Tọa lạc trên đỉnh núi Nhạn, quanh năm soi bóng nước sông Đà Rằng, thuộc phường 1, thị xã Tuy Hoà. Đây là một công trình kiến trúc nghệ thuật cổ của người Chăm. Tháp Nhạn được xây dựng vào cuối thế kỷ XI. Cũng như các tháp Chàm khác, tháp Nhạn là một ngôi đền có hình dáng tượng trưng cho ngọn núi Mêru - trung tâm vũ trụ (theo quan niệm của đạo Bàlamôn), nơi hội tụ của tinh thần. Tháp có bình đồ vuông, mỗi cạnh dài 10m, cao 25m, với ba bộ phận chính: đế, thân và mái. Cửa chính mở về hướng Đông. Mái tháp có 3 phần thu nhỏ dần về phía đỉnh theo

https://www.facebook.com/taybanganh/

kiểu giật cấp. Đỉnh tháp là một Linga bằng đá hình chóp. Trong lòng tháp tường xây thẳng đứng cao vút từ mặt bằng lòng tháp cho đến hết phần thân. Phần mái tường được xây thu nhỏ dần cho đến đỉnh tạo thành hình chóp nón. Chất liệu để xây tháp là gạch và một số mảng trang trí bằng đá sa thạch. Gạch xây được xếp liền khít nhau, không có mạch hồ, nhưng lại kết dính rất vững chắc.

Toàn bộ tháp được trang trí, chạm khắc những hoa văn rất phong phú, kỹ thuật chạm khắc tinh vi, đường nét mềm mại.

Tháp Nhạn được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia ngày 16-11-1988.

Chùa Từ Quang

Còn gọi là chùa Đá Trắng, tọa lạc trên núi Đá Trắng, thuộc thôn Cần Lương, xã An Dân, huyện Tuy An, cách thị xã Tuy Hoà 36km về phía Bắc.

Từ quốc lộ 1A, đi qua chân núi Đá Trắng, du khách theo con đường dốc thoai thoải, được lát bằng những phiến đá lớn rất công phu và khéo léo, khoảng 200m, là đến chùa Từ Quang.

Chùa Từ Quang ở độ cao 100m so với mặt biển, là một vùng linh địa, cây cối tốt tươi, cảnh trí đẹp đẽ. Chùa được tạo lập từ năm Đinh Tỵ (1797) dưới triều vua Quang Toản, đời Tây Sơn. Tổ khai sơn là vị thiền sư tên húy Pháp Chuyên, tự Luật Truyền, hiệu Diệu Nghiêm, thuộc phái Lâm Tế đời thứ 36. Sau Ngài là 9 vị Tổ khác nối tiếp nhau trụ trì. Đến nay là tổ thứ 10, là thiền sư tên húy Quảng Niệm, hiệu Thiện Tu đại sư, thuộc phái Lâm Tế đời thứ 45.

Từ Quang là một trong những ngôi chùa cổ nổi tiếng nhất của Phú Yên. Năm Kỷ Sửu, Thành Thái nguyên niên (1889), chùa Từ Quang được vua ban sắc tứ. Chùa có giá trị về mặt kiến trúc nghệ thuật, đặc biệt là khu mộ tháp của các vị Tổ. Các bảo tháp được xây dựng với quy mô lớn nhỏ, cao thấp khác nhau, nhưng

https://www.facebook.com/taybanganh/

đều được trang trí hoa văn, phù điêu và tượng rất phong phú, độc đáo.

Chung quanh chùa là vườn xoài cổ thụ, ngon có tiếng. Xưa kia xoài Đá Trắng là đặc sản dùng để tiến vua.

Chùa Từ Quang còn là một di tích lịch sử quan trọng liên quan tới phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân Phú Yên hồi cuối thế kỷ XIX.

Năm Ất Dậu 1885, hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi, ông Lê Thành Phương đứng lên chiêu tập nghĩa quân Cần Vương Phú Yên, dựng cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp. Các tín đồ, sư tăng, đạo hữu Phật tử chùa Từ Quang đã hưởng ứng tham gia cuộc khởi nghĩa do ông Lê Thành Phương lãnh đạo (1885-1887).

Chùa Từ Quang là nơi gặp gỡ, bàn bạc của các sĩ phu, văn thân yêu nước, nơi đặt bản doanh của nghĩa quân Cần Vương Phú Yên. Đặc biệt còn là nơi tụ họp của Bộ chỉ huy cuộc khởi nghĩa của Võ Trứ - Trần Cao Vân năm 1898.

Chùa Từ Quang được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử nghệ thuật cấp quốc gia ngày 23-1-1997.

Mộ và đền thờ Lê Thành Phương

Lê Thành Phương sinh năm 1825, người làng Mỹ Phú, tổng Xuân Vinh, nay xã An Hiệp, huyện Tuy An. Năm 1855, ông thi đỗ tú tài, nhưng không ra làm quan, về quê mở trường dạy học.

Năm 1885, hưởng ứng phong trào Cần Vương chống Pháp, ông đã đứng lên chiêu tập nghĩa quân dựng cờ khởi nghĩa, được vua Hàm Nghi phong làm "*Thống soái Quân vụ Đại thần*".

Tháng 2-1887, ông bị địch bắt và xử tử. Ông đã nêu cao tấm gương anh dũng hy sinh vì nước vì dân. Mộ phần của ông được đặt trên núi Đá Trắng gần đèo Quán Cau. Đền thờ của Lê Thành Phương được nhân dân xây dựng dưới chân núi Đá Chồng, cạnh

https://www.facebook.com/taybanganh/

ngôi trường ông dạy học lúc sinh thời. Địa điểm này thuộc quê ông và cũng là nơi đặt pháo đài chỉ huy của ông trong thời kỳ kháng chiến. Cảnh trí nơi đây xinh đẹp. Trước mặt đền, phía Nam là cánh đồng lúa bát ngát. Xa xa là gò Mừng Quân, là thao trường luyện tập của nghĩa quân. Từ đây có thể nhìn bao quát vùng quê ông và thắng cảnh đầm Ô Loan.

Hằng năm lễ hội đền thờ Lê Thành Phương được tổ chức vào ngày giỗ ông (28 tháng Giêng âm lịch), có hàng ngàn người về dâng hương để tưởng nhớ người con anh dũng hy sinh cho nền độc lập tự do của Tổ quốc.

Mộ và đền thờ Lê Thành Phương được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia ngày 27-9-1996.

Mộ và đền thờ Lương Văn Chánh

Lương Văn Chánh là danh nhân lịch sử hàng đầu của tỉnh Phú Yên. Ông là người có công lớn trong việc tổ chức và lãnh đạo nhân dân khai khẩn mở mang vùng đất này vào những năm cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII. Sau khi qua đời ngày 19 tháng 9 năm Tân Hợi, (1611). Lương Văn Chánh được triều vua Nguyễn ban nhiều sắc phong "*Thượng đẳng thần - bảo lộc hộ dân*". Dưới thời vua Minh Mạng, năm 1822 ông lại được phong là "*Thế phổ Cao Hoàng Dĩ*", được nhân dân Phú Yên tôn là Thành hoàng và xây đền thờ.

Mộ và đền thờ Lương Văn Chánh tọa lạc ở dưới chân núi Cẩm Sơn thôn Long Phụng xã Hoà Trị, thị xã Tuy Hoà. Đền và mộ được dựng vào những năm 30 của thế kỷ XVII.

Đền và mộ của ông đặt ở vị trí rất đẹp. Trước mặt là sông Bến Lội, sau lưng là hòn Cẩm Sơn và làng Long Phụng được lập từ cuối thế kỷ XVI, có nghề gốm cổ truyền.

Hằng năm, lễ hội đền Lương Văn Chánh được tổ chức vào ngày 19 tháng 9 âm lịch để tưởng nhớ ngày mất của ông. Đông đảo nhân dân Phú Yên về dự hội, dâng hương tưởng niệm người có công khai sơn phá thạch.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Mộ và đền thờ Lương Văn Chánh được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận di tích lịch sử cấp quốc gia ngày 27-9-1996.

Thành Hồ

Thành Hồ Phú Yên là một toà thành lớn của người Chăm xưa, nằm ở xã Hoà Định Đông, huyện Tuy Hoà. Thành Hồ là một thành trì quan trọng trong lịch sử của dân tộc Chăm. Trong quá trình tồn tại, thành Hồ bị hư hại nặng do nhiều nguyên nhân. Hiện chỉ còn lại một vài phế tích như tháp Hòn Mốc, tháp Bàu Sen, tượng và một vài đoạn tường thành.

Về quy hoạch xây dựng thành Hồ, các nhà nghiên cứu cho rằng: Thành Hồ gồm hai khu. Khu Đông và khu Tây. Khu Tây là khu vực quan trọng. Đây là thành nội, có phế tích tháp Chămpa, móng tháp có bình đồ vuông mỗi cạnh rộng 9,5m. Gạch xây tháp có khoảng 20 loại kiểu dáng và kích thước khác nhau. Trong ba tường thành còn lại cho đến ngày nay (trừ tường thành phía Nam bị nước sông Đà Rằng xói lở), tường có chiều cao 3m đến 5m, rộng từ 15 đến 25m. Cách thành Hồ về phía Đông Bắc khoảng 150m, còn lại phế tích tháp Bàu Sen. Hiện chỉ còn lại nền tháp có chu vi 16m, nền tháp còn lại cao 1,8m. Tại khu vực thành Hồ, các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều tượng Chămpa như tượng người, tượng voi. Trên bệ thờ trong lòng tháp còn tìm thấy Linga - Jony, tạo dáng hình vuông.

Qua khảo cứu, các nhà khoa học đoán định rằng thành Hồ có thể được xây dựng vào trong khoảng thế kỷ XV đến XVI. Đây chính là kinh thành của Vương quốc Chămpa xưa.

LỄ HỘI

Phú Yên là quê hương của nhiều dân tộc, nên có một nền văn hóa, phong tục, lễ hội rất phong phú, tiêu biểu nhất là các lễ hội đâm trâu, lễ hội cồng chiêng, hội đánh bài chòi, lễ hội cầu ngư...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hội đánh bài chòi

Trong những ngày vui Tết, trên những quãng đất trống hay ở một góc chợ quê, người ta dựng lên những chòi cao, vững chãi, được trang trí lộng lẫy, đẹp mắt. Người điều khiển cuộc chơi vừa hát những làn điệu bài chòi, vừa rút những chiếc thẻ, trong đó ghi những ký hiệu ứng với thẻ của một trong những người chơi ngồi trên chòi. Người tham gia trò chơi ngồi trên chòi, nếu trúng thưởng sẽ dùng mõ tre để báo hiệu. Xen giữa những ván bài chòi là phần biểu diễn các trích đoạn tuồng.

Lễ hội Đâm trâu của dân tộc Ba Na

Là lễ hội lớn nhất của người Ba Na, sống ở phía Đông dãy Trường Sơn Nam thuộc các vùng Thổ Lồ, Xí Thoại, nơi tiếp giáp ba tỉnh Gia Lai, Bình Định và Phú Yên. Lễ hội Đâm trâu không phải năm nào cũng tổ chức. Đây là lễ hội tạ ơn Trời Đất của người Ba Na sau khi vượt qua những tai ương như mất mùa, đau ốm, súc vật chết... Trong những trường hợp ấy, người Ba Na sẽ tổ chức lễ hội Đâm Trâu để cúng Giàng và hứa sẽ tạ ơn bằng một con trâu. Ba năm sau buôn làng xây cột đâm trâu. Họ sẽ chuẩn bị một con trâu đực, 3-4 con bò và 5-7 con lợn, hàng chục con gà, trăm ché rượu cần, ba chục gùi gạo và mời khách các buôn làng chung quanh đến vui chung.

Việc chọn địa điểm xây cột đâm trâu do già làng quyết định. Tại vị trí đó người ta trồng một cây gôn (giống như cây gạo dưới xuôi) làm cột chính. Khi cây gôn đâm chồi, nảy lộc, thì chọn ngày lành tháng tốt dân làng dựng nêu. Cây nêu là bốn cây cột bằng gỗ bút trắng, được chạm khắc hoa văn, có tô màu. Trên đỉnh cột chính đặt bàn thờ Giàng, bọc vải uy nghi.

Lễ hội kéo dài ba ngày. Ngày đầu, bắt đầu bằng ba hồi cồng, thầy cúng làm lễ trong nhà rông. Sau đó, dắt trâu vào cột chính để cúng Trời. Ngày thứ hai sau lễ cúng Giàng, dân làng cử một thanh niên đâm trâu một cách tượng trưng. Đến ngày thứ ba nghi lễ đâm trâu chính thức được tiến hành. Đầu trâu được đưa

https://www.facebook.com/taybanganh/

vào nhà rông vào ban đêm để cúng. Dân làng làm cỗ ăn mừng. Mọi người nắm tay nhau nhảy múa trong tiếng cồng chiêng vang lên rộn rã.

Lễ hội Đâm Trâu của người Ba Na, Phú Yên có khác với lễ hội ăn Trâu của các dân tộc khác ở Tây Nguyên, nhưng về ý nghĩa giống nhau là mang lại niềm tin, tạo sức mạnh cho con người chiến thắng tai ương, đẩy lùi nghèo đói.

Lễ hội Cầu Ngư

Thường được tổ chức ở những làng chài ven biển vào tháng 3 âm lịch hằng năm, khi ngư dân bước vào vụ đánh bắt cá chính của năm. Phần lễ chủ yếu cúng tế các vị tiên hiền địa phương và thần ông Nam Hải Đại vương (ông cá voi), cầu cho biển lặng sóng êm, cá đầy thuyền. Lễ Cầu Ngư với nhiều nghi thức: lễ dâng cúng vật phẩm, lễ đọc văn tế, tiết mục múa thiêng, hò Bả Trạo... Phần hội là tiệc chiêu đãi, tổ chức các trò vui dân gian.

QUẢNG BÌNH

Quảng Bình là tỉnh miền Trung có diện tích tự nhiên 7.984km^2, dân số khoảng hơn 806 nghìn người, nơi cư trú của nhiều dân tộc anh em như Kinh, Vân Kiều, Bru, Chứ, Lào... Ngoài Thành phố Đồng Hới (được Chính phủ công nhận là Thành phố vào tháng 8-2004) là tỉnh lỵ, Quảng Bình còn có các huyện: Lệ Thủy, Quảng Ninh, Quảng Trạch, Bố Trạch, Tuyên Hóa và Minh Hóa.

Quảng Bình phía Bắc giáp Hà Tĩnh, phía Nam giáp Quảng Trị, phía Tây giáp Lào, phía Đông giáp biển Đông.

Địa hình tỉnh khá phức tạp. Phần lớn dải Trường Sơn chạy ra gần sát biển, tạo thành độ dốc cao dần từ Đông sang Tây. Đồng bằng nhỏ hẹp, có nhiều sông suối, độ dốc lớn, lại ngắn, mỗi mùa mưa bão đến thường gây lụt úng. Bờ biển dài trên 110km, phần lớn là đồi cát trắng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Quảng Bình thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình cả năm là 25-26^{0}C.

Về giao thông Quảng Bình có đường sắt Bắc Nam, đường quốc lộ 1A đi qua, lại có nhiều sông và bờ biển dài, khả năng vận chuyển thủy lớn.

Quảng Bình là vùng đất có nhiều phong cảnh đẹp, xúc động lòng người. Khi qua đèo Ngang, Bà Huyện Thanh Quan đã phải thốt lên:

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi tiều vài chú,
Lác đác bên sông chợ mấy nhà...

Quảng Bình trải qua hai cuộc chiến tranh, hầu hết các công trình văn hóa đều bị phá hủy, như thành Đồng Hới nay chỉ còn là vết tích, Lũy Thầy cũng cùng chung số phận. Cổng Quảng Bình Quan tuy nay đã được dựng lại, nhưng trước đó nó đã bị nát vụn dưới bom đạn của giặc Mỹ.

Nhưng may thay, Quảng Bình còn có động Phong Nha - Kẻ Bàng, một di sản nổi tiếng thế giới đã được UNESCO đưa vào danh sách Di sản của nhân loại năm 2003.

THẮNG CẢNH

Động Phong Nha - Kẻ Bàng

Thuộc loại thủy động lớn (động nước) với dòng sông ngầm dài ngót 14km, khi chảy ra khỏi động trở thành dòng sông Son. Điều đặc biệt là nguồn nước sông ngầm này không bao giờ cạn, chiều sâu trung bình từ 6 đến 10m, có chỗ sâu tới 83m. Cho tới nay chưa một nhà khoa học nào tìm ra chỗ khởi nguồn của dòng sông ngầm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Động Phong Nha - Kẻ Bàng nằm phía Tây Bắc tỉnh Quảng Bình, gần biên giới Việt - Lào, cách thành phố Đồng Hới khoảng 50km về hướng Tây Bắc. Du khách đi thăm động, từ trong Nam ra hay ngoài Bắc vào theo quốc lộ 1A, đến ngã ba Hoàn Lão, đi ngược lên phía Tây tới xã Sơn Trạch. Sau đó đi thuyền ngược sông Son khoảng 30 phút sẽ đến động.

Sách "*Đại Nam Nhất thống chí*" gọi động Phong Nha là động Thần Tiên. Các triều đại phong kiến Việt Nam đã phong thần cho động Phong Nha như "Hiển Linh". Đến triều Minh Mạng sắc phong là "Diệu ứng chi thần" (1824).

Qua dấu tích những văn tự Chămpa cổ khắc trên vách động gồm 27 chữ, do ông Leopold Cadiere, một linh mục người Pháp, thám hiểm cuối thế kỷ XIX phát hiện, cho thấy động Phong Nha đã được người Chăm biết đến từ xa xưa. Linh mục Cadiere suy tôn động Phong Nha là "Đông Dương đệ nhất động". Tiếp đó nhà nghiên cứu người Anh Baton vào tháng 7-1924 đã đến tìm hiểu. Ông Baton thì cho rằng Phong Nha là chốn mê cung, có thể so sánh với các hang động nổi tiếng trên thế giới như Padirac (Pháp), Cuevas del Prac (Tây Ban Nha)...

Vào những năm 1990, 1992 và 1994, đoàn thám hiểm hang động Hoàng gia Anh (BCRA), phối hợp với Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (Đại học Quốc gia Hà Nội), tiến hành khảo sát kỹ hơn động Phong Nha và đã công bố: Động Phong Nha dài 7.729m. Cửa hang rộng 20 đến 25m, cao khoảng 10m và cho rằng: Phong Nha là động nước vào loại đẹp nhất thế giới. Ông Tim Allen thì nhận xét: "*Động Phong Nha thuộc loại kỳ quan của Việt Nam và của thế giới đạt 7 tiêu chí quan trọng nhất về hang động: Hang có dòng sông ngầm dài nhất (13.969m); có cửa hang cao và rộng nhất; có bãi cát và bãi đá ngầm đẹp nhất; có hang khô, rộng và đẹp nhất; Có hồ nước ngầm đẹp nhất; có hệ thống nhũ tráng lệ, kỳ ảo nhất; hang dài nhất".*

Sức hấp dẫn của động Phong Nha còn ở vẻ đẹp lộng lẫy kỳ thú của các thạch nhũ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chất liệu đá trong động Phong Nha có nhiều loại khác nhau. Đẹp nhất là loại đá sa khoáng lấp lánh và phát sáng.

Động Phong Nha hình thành từ xa xưa, nhưng tất cả còn mang vẻ hoang sơ đầy quyến rũ. Dáng hình động vẫn được giữ nguyên vẹn. Hang có nhiều nhũ đá tuyệt đẹp, màu cẩm thạch, vòm hang rộng.

Điều đặc biệt quan trọng là tại khu di sản tự nhiên của thế giới động Phong Nha, còn có cả một khu rừng nguyên sinh nhiệt đới với độ che phủ trên 95%. Đây là một trong những vườn quốc gia có giá trị nhất Việt Nam, có diện tích 85.754ha.

Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng có độ đa dạng sinh học cao nhất trong các vùng rừng Việt Nam với trên 95% diện tích rừng nguyên sinh trên núi Kẻ Bàng.

Về thực vật, hiện có 32 bộ, 98 họ, 257 giống, 381 loài của 4 lớp động vật có xương sống ở trên cạn. Trong đó có 66 loài động vật quý hiếm được ghi vào sách đỏ Việt Nam, 23 loài được xếp vào loài được ưu tiên bảo vệ trên thế giới. Tại đây có nhiều loài động vật quý hiếm: voọc, gấu, hổ, sao la, gà lôi lam, vượn bạc má, rùa vàng...

Động Phong Nha - Kẻ Bàng được UNESCO công nhận là Di sản tự nhiên của thế giới năm 2003.

Đèo Ngang

Còn gọi Hoành Sơn. Nói đến Hoành Sơn, gợi nhớ về truyền thuyết khi Nguyễn Hoàng xin chúa Trịnh vào trấn ở đất Thuận Hóa, đã yết kiến Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm và được sấm truyền: "*Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân".*

Hoành Sơn - Đèo Ngang, nằm ở cực Bắc tỉnh Quảng Bình, trên trục đường quốc lộ 1A, trước đây là đường thiên lý Bắc - Nam, cách thành phố Đồng Hới 80km. Đèo Ngang là một nhánh của dãy Trường Sơn chạy ra sát biển Đông. Đèo Ngang dài 256m. Đường đèo quanh co uốn khúc vượt qua nhiều sườn đồi, một bên

https://www.facebook.com/taybanganh/

là vực thẳm, một bên là núi cao. Vượt Đèo Ngang, du khách có cảm giác như đang bồng bềnh giữa các mỏm núi đá hoa cương. Từ sự quanh co, khúc khuỷu, rất dễ gây tai nạn giao thông, ngành đường bộ Việt Nam đã cho đào đường hầm xuyên núi, đến nay đã đưa vào sử dụng (năm 2004).

Đỉnh núi cao nhất của Đèo Ngang khoảng 250m. Đứng từ đỉnh đèo, nơi có Hoành Sơn quan, địa giới giữa Quảng Bình - Hà Tĩnh, một khung cảnh vô cùng ngoạn mục hiện ra dưới mắt du khách. Phía Tây là một màu xanh bạt ngàn của Trường Sơn hùng vĩ, phía Đông là những đồi cát trắng thoai thoải, lô xô những rặng phi lao rì rào trong gió nắng. Xa xa là biển cả mênh mông, đây đó nổi lên những hòn những đảo xa mờ vẫn một niềm hướng về đất mẹ.

Sông Gianh

Sông Gianh, con sông bắt nguồn từ Khe Nẹt, chảy từ cao nguyên đá vôi Kẻ Bàng xuống. Sông Gianh là nơi hợp lưu của ba nguồn nước: một nguồn từ núi Hương Sơn (Hà Tĩnh), một nguồn từ núi Kim Linh và một nguồn từ núi An Náu. Sông Gianh dài 158km. Dòng sông được chảy qua vùng núi đá vôi, nên đã tạo nên những hang động đẹp như hang Minh Cầm, động Lạc Sơn...

Trong cuộc Trịnh - Nguyễn phân tranh, sông Gianh đã trở thành giới tuyến. Phía Bắc sông Gianh trở ra thuộc chúa Trịnh, gọi là Đàng Ngoài, từ Nam sông Gianh trở vào thuộc chúa Nguyễn gọi là xứ Đàng Trong. Cuộc phân tranh Trịnh Nguyễn kéo dài hàng thế kỷ, mãi đến thế kỷ XVIII, tình trạng đất nước chia cắt mới được chấm dứt, non sông thống nhất.

Mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, sông Gianh là một trong ba địa điểm đầu tiên bị máy bay Mỹ đánh phá ác liệt vào ngày 5-8-1964. Và sau đó, đây trở thành mục tiêu trọng điểm đánh phá của giặc Mỹ, hòng cắt đứt con đường tiếp viện cho chiến trường miền Nam.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sông Gianh, con sông lịch sử ôm hận phân ly thuở nào, giờ đã có chiếc cầu lồng lộng bắc qua sông.

Bãi tắm Đá Nhảy

Nằm sát đường quốc lộ 1A, dưới chân đèo Lý Hoà, cách thành phố Đồng Hới 24km về phía Nam, cách Đèo Ngang 50km về phía Bắc. Đá Nhảy là những đảo đá nhỏ nhấp nhô trên sóng nước gần bờ. Đi giữa hàng trăm đảo đá lớn nhỏ, sừng sững cao thấp khác nhau, mỗi hòn một vẻ, hình thù kỳ thú, ta có cảm giác như đang lạc vào một thế giới động vật trải qua hàng triệu năm hóa đá. Đá Nhảy Lý Hoà có thể ví như một Hạ Long thu nhỏ, dưới bàn tay sắp đặt thần kỳ của tạo hóa, không chỉ tạo nên những tác phẩm điêu khắc hoành tráng mà còn tạo nên những công trình kiến trúc tự nhiên kỳ vĩ.

Cách đó không xa là một bờ cát trắng mịn chạy dài, nước biển trong xanh, những con sóng lô xô vỗ nhẹ vào bờ, được gọi là bãi tắm Đá Nhảy, một nơi tắm biển nghỉ ngơi lý tưởng sau những ngày lao động mệt nhọc. Trên bờ là những triền núi nhấp nhô phù hợp cho những tour du lịch sinh thái, leo núi thú vị. Sáng sáng hoà vào tiếng sóng vỗ là tiếng thông reo, tiếng xào xạc của những rặng phi lao ngút ngàn trên những đồi cát.

Đá Nhảy có mùa gió nồm Nam, ngọn gió vô tận thổi từ đại dương mang vào đất liền cái mát lạnh của biển cả. Những sớm mai hè khi vì sao mai còn thắp sáng trên đỉnh Hoành Sơn, dọc bãi bờ Đá Nhảy ta bắt gặp những du khách ngồi đón gió và ngắm mặt trời đàng Đông rực lên một màu hồng nhẹ lấp lánh trên mặt nước. Chiều hè khi nắng tắt, mặt biển chuyển dần từ xanh lục sang màu tím sẫm.

Mùa thu mang đến cho Đá Nhảy những đêm trăng huyền diệu. Mùa xuân đến, trên bờ Đá Nhảy, rừng hoa mua, hoa sim tím hồng đua nhau nở đón những đàn chim phương Bắc trở về kiếm ăn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đá Nhảy, một khu du lịch không lớn, nằm trên đường thiên lý Bắc Nam, là điểm đón khách dừng chân cho một cuộc viễn du kỳ thú vào hang động Phong Nha - Kẻ Bàng, một di sản tự nhiên của thế giới.

Suối nước khoáng Bang

Thuộc vùng Tây Nam huyện Lệ Thủy, cách thành phố Đồng Hới khoảng 60km về phía Tây Nam. Đây là nguồn nước khoáng quý hiếm có nhiệt độ sôi khoảng 105^0C.

Hiện nơi này đã có nhà máy nước khoáng đóng chai, nổi tiếng khắp thị trường trong nước. Trong tương lai không xa, có sự đầu tư thích đáng, vùng nước khoáng Bang sẽ trở thành khu nghỉ dưỡng và chữa bệnh cho khách trong cũng như ngoài nước.

Bãi tắm Nhật Lệ và Bàu Tró

Bãi tắm Nhật Lệ đẹp với bãi cát trắng mịn màng chạy dài thoai thoải, phong cảnh hữu tình. Ngay sát bãi tắm còn có một hồ nước ngọt, quanh năm nước đầy có tên gọi là Bàu Tró. Du khách đến tắm biển ở bãi tắm Nhật Lệ còn được thăm di tích vùng Bàu Tró, nơi mà năm 1923 người Pháp khai quật khảo cổ đã tìm thấy dấu tích người nguyên thủy thời kỳ đồ đá, cách nay 5.000 năm. Bãi tắm Nhật Lệ cách thành phố Đồng Hới 2km về phía Bắc.

Làng chiến đấu - Làng du lịch sinh thái

Đến Quảng Bình, nhiều du khách hết sức ngỡ ngàng khi thăm một làng được dựng lại theo kiểu thời chiến chống đế quốc Mỹ do ông Nguyễn Văn Liêu, cựu chiến binh, dân gốc Hà Nội, đầu tư xây dựng. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ông từng sống và chiến đấu ở vùng đất lửa Quảng Bình, vùng đất này đã để lại trong ông nhiều kỷ niệm sâu sắc về đất nước và con người Quảng Bình thân thương. Ông đã quyết định rời bỏ Hà Thành, quê hương yêu dấu của ông, nơi có vợ, có con và gia đình đang sống hạnh phúc, vào miền Tây Quảng Bình, mua một miếng đất rộng khoảng 10ha, ở khu vực Quành thuộc thành phố Đồng

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hới, cách Đồng Hới 10km để dựng lại một làng kháng chiến, một làng du lịch sinh thái văn hóa. Việc làm của ông không phải được mọi người đồng tình, kể cả gia đình, vợ con ông. Tuy vậy, ông vẫn kiên trì ý tưởng của mình. Sau gần ba năm xây dựng, đến nay trước mắt chúng ta là một làng quê Quảng Bình trong thời chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ đã hình thành. Ông đã tái hiện được một làng Quảng Bình điển hình bước vào cuộc sống thời chiến trong tư thế hiên ngang. Trên mặt đất cùng với bộ đội pháo binh, phòng không, người dân Quảng Bình tay cày tay súng chiến đấu và sản xuất. Dưới lòng đất là các lớp học, bệnh xá, hội trường hội họp vẫn diễn ra bình thường đều đặn... Cảm động nhất là ông đã dựng lại cảnh nhà mẫu giáo dưới lòng đất với những chiếc nôi đung đưa như ru giấc ngủ của bé thơ và nghe đâu đó tiếng ru hời của người mẹ cất lên trong khát vọng hoà bình.

Giặc Mỹ ôm mộng đưa "miền Bắc trở lại thời kỳ đồ đá", nhưng con người Việt Nam nói chung, người dân Quảng Bình nói riêng quyết không lùi bước, cuộc sống chiến đấu, sản xuất, sinh hoạt vẫn diễn ra bình thường.

Đến với khu du lịch này ta gặp lại những nếp nhà tranh truyền thống, tường đất bao quanh. Trong nhà có hầm trú ẩn, có hào giao thông chạy ra ngoài mỗi khi nhà bị bom đốt cháy. Ngoài những ngôi nhà dân thời chiến, ta còn thấy những kho lương thực, kho vũ khí, quân trang của quân đội, của Nhà nước không cần những trạm gác nhưng vẫn được người dân Quảng Bình nâng niu bảo vệ. Ông còn xây dựng những chiếc cầu treo đung đưa gập ghềnh, những con đường mòn trong rừng giúp người xem hình dung được một phần con đường Trường Sơn, con đường mòn Hồ Chí Minh trong những năm chiến tranh.

Được biết sắp tới ông còn dành 7ha đất lập vùng sinh thái trồng các cây bản địa như lim, dẻ, trầm gió... để du khách không chỉ hiểu về một thời oanh liệt mà còn được hưởng sự trong lành của một làng sinh thái Quảng Bình từng đi qua chiến tranh ác liệt.

https://www.facebook.com/taybanganh/

DI TÍCH

Chùa Hoằng Phúc

Tên cổ là chùa Kính Thiên ở làng Thuận Trạch, huyện Lệ Thủy. Chùa Kính Thiên là một ngôi chùa cổ lớn ở phủ Tân Bình, địa danh cũ của tỉnh Quảng Bình dưới triều Lê. Chùa có chín quả chuông nặng hàng ngàn cân. Xưa chùa từng có tăng quan trụ trì và được cấp sái phu (người quét dọn chùa) để phụng sự.

Năm Kỷ Dậu (1609), tức năm thứ 52 sau khi vào trấn thủ Thuận Hóa, Đoan Quốc công Nguyễn Hoàng cho làm lại chùa trên nền cũ và đặt tên là chùa Kính Thiên. Năm Bính Thân (1716), chúa Nguyễn Phúc Chu (1692-1725) cấp tiền tu sửa và ban một biển đề tên chùa, một biển đề bốn đại tự "*Vô song phúc địa*" (đất phúc khôn sánh) và năm câu đối chữ Hán.

Đền Anh Quốc Công

Ở ấp Trang Tiệp, huyện Phong Lộc, nay là huyện Quảng Ninh. Đền Anh Quốc công thờ vị công thần nhà Nguyễn, Tiết chế Anh Quốc công Nguyễn Hữu Tiến (1602-1666). Ông vốn người xã Vân Trai, huyện Ngọc Sơn (nay là huyện Đông Sơn) Thanh Hóa, theo cha mẹ vào sinh sống ở phủ Hoài Nhơn, Bình Định. Năm 30 tuổi được Đào Duy Từ, người cùng quê gả con gái cho và cùng vào Nam giúp chúa Nguyễn. Nghe lời tiến cử của Lộc Khê hầu Đào Duy Từ, Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên cho Hữu Tiến giữ chức đội trưởng đội thủy quân nội cung, rồi được thăng chức Chưởng cơ. Năm 1648, cầm quân chống quân Trịnh ở cửa Nhật Lệ. Năm 1655, giữ chức Tiết chế, cùng Nguyễn Hữu Dật chỉ huy quân vượt Đèo Ngang đánh chiếm bảy huyện của Nghệ An. Hai bên cầm cự gần sáu năm, cuối cùng quân Nguyễn mới quay về bên này sông Gianh. Nguyễn Hữu Tiến ở lại Quảng Bình làm trấn thủ đạo Lưu đồn. Mùa thu năm Bính Ngọ (1666) ông qua đời. Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần phong là Hiệp Mưu Tá Lý Công Thần Tả quân Đô đốc chưởng phủ sự, tước Thuận Quận công và giao cho dân ở đạo Lưu đồn dựng đền thờ ở ấp Trang

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tiệp. Năm Gia Long thứ 4 (1805), xếp ông vào hàng khai quốc công thần, được thờ ở Thái miếu (Hoàng thành, Huế). Năm Minh Mạng thứ 16 (1835) phong tước Anh Quốc công và thờ ở võ miếu.

Lũy Đào Duy Từ

Còn gọi là Lũy Thầy. Hệ thống lũy Đào Duy Từ, do Đào Duy Từ thiết kế chỉ huy, bắt đầu xây dựng từ năm 1630 đến năm 1662 mới hoàn thành, để ngăn chặn các cuộc tấn công của quân Trịnh ở Đàng Ngoài.

Hệ thống Lũy Thầy gồm 4 lũy chính:

– *Lũy Trường Dục:* dài 10km, bắt đầu từ chân núi Trường Dục đến đầm phá Hạc Hải.

– *Lũy Nhật Lệ:* bắt đầu từ cửa biển Nhật Lệ đến núi Đâu Mâu, dài khoảng 12km. Lũy cao 6m, phía ngoài đóng gỗ lim, trong đắp đất làm 5 bậc.

– *Lũy Trường Sa*: dài 7km, chạy dọc theo bờ biển phía Nam cửa Nhật Lệ.

– *Lũy Trấn Ninh:* Thuộc 2 xã Trấn Ninh và Đông Hải.

Đây là dấu ấn khổ đau của một thời nội chiến "*nồi da xáo thịt*", Trịnh - Nguyễn phân tranh, chia cắt đất nước kéo dài trên 200 năm.

Chùa Kim Phong

Tọa lạc trên đỉnh núi Thần Đinh, huyện Phong Lộc, nay là huyện Quảng Ninh, có truyền thuyết cho rằng: chùa được dựng dưới thời Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên. Nội tán Đào Duy Từ (1572-1634) được cử ra giữ chức Thống suất đạo Lưu đồn thường lên chơi ở núi Đâu Mâu. Một hôm Đào Duy Từ gặp một cụ già râu tóc bạc phơ, hiệu là Hoàng Phủ dặn Duy Từ đến chùa ở núi Thần Đinh cụ sẽ trao cho pho sách Thần. Đúng hẹn, Duy Từ tìm đến chùa và được cụ Hoàng Phủ trao cho pho sách, rồi biến mất.

Chùa lâu năm bị hoang phế, đến năm Minh Mạng thứ 6 (1825), Trần Gia Hội trụ trì ở chùa cho dựng lại bằng tranh tre.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Năm Minh Mạng thứ 10 (1829), một người địa phương là Lê Văn Trúc quyên tiền xây chùa bằng gạch ngói. Cùng thời gian ấy, thuyền buôn vớt được quả chuông ở cửa Nhật Lệ đem cúng vào chùa.

Quảng Bình quan

Là một công trình kiến trúc khá đồ sộ gồm có cổng và hệ thống thành lũy được xây vào năm 1630 để bảo vệ từ xa kinh đô Phú Xuân của Chúa Nguyễn. Quảng Bình Quan đã bị phá hủy trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Hiện nay, Quảng Bình quan đã được phục chế lại như nguyên bản cách nay ba thế kỷ, nhưng chưa xây dựng lại hệ thống thành lũy.

Quảng Bình quan là một di tích kiến trúc có giá trị lịch sử và nghệ thuật đã được nhiều văn nhân mọi thời đại ngợi ca.

Đình Lý Hoà

Nằm ở địa phận làng Lý Hoà, xã Hải Trạch, huyện Bố Trạch. Đình được dựng vào năm 1737, tọa lạc ngay giữa làng, trên một khu đất cao ráo, hướng về phía Nam, gần bên cửa sông Lý Hoà. Sách "*Phủ biên tạp lục*" của nhà bác học Lê Quý Đôn viết về làng Lý Hoà như sau: "*Làng Lý Hoà giàu nhất nhì tỉnh Quảng Bình, làng ấy còn có tiếng văn vật".*

Tương truyền, lúc mới xây dựng, đình chỉ có cột, lúc nào có hội mới lợp tranh, hết hội lại hạ mái xuống. Nhưng đến khoảng những năm 1804-1808, bắt đầu lợp ngói vĩnh cửu. Năm 1824, xây cất thêm phần ngoài.

Khu đình có tường bao, gồm các cổng hạ, sân hạ, bình phong, tầng cấp, cổng thượng, sân thượng, đình tiền, đình trung và đình hậu.

Tam quan gồm ba cửa, cửa chính có hai mái. Trên mái cổng chính có bình rượu và hai tượng rồng chầu, bốn góc mái đều có tượng rồng quay đầu ra bốn phía, được gắn ốp mảnh sứ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Cổng chính cao 5m, rộng 1,5m, hai bên tả, hữu đền có đắp nổi đôi câu đối, phía trên vòm cổng khoảng 1,4m đắp nổi mặt rồng. Hai cổng bên trái và bên phải không những giống nhau về kích thước, mà còn giống nhau cả về kiểu dáng.

Cổng hạ có 2 mảng tường, hai bên cổng liền với cột có hai hình con ngựa đắp nổi.

Kiến trúc đình gồm năm gian: ba gian chính và hai gian phụ hai bên dài 20m, rộng 10m. Mỗi vì kèo có bảy cột gỗ lim. Cột cao nhất 5,4m, cột thấp nhất 4m. Ở các vì kèo, đầu bẩy đều được chạm trổ. Bốn góc mái có rồng uốn lượn. Chính giữa bờ nóc có tượng lưỡng long triều nguyệt.

Đình giữa có kiến trúc như đình tiền, dài 15m, rộng 7m. Trên các bộ vì kèo đều được chạm trổ hình rồng, hoa lá. Bốn góc mái có tượng rồng uốn lượn.

Đình hạ ba gian, có bệ thờ Thành hoàng. Đình thờ Cương Khẩu Đại vương và các vị thi đỗ đại khoa.

Thành Đồng Hới

Thành Đồng Hới được vua Minh Mạng cho xây vào năm 1824, có chu vi 1872m, mặt thành rộng 1,2m, cao 4,6m. Thành có ba cửa: cửa Tả, cửa Hữu và cửa Hậu, tất cả đều xây bằng gạch. Thành Đồng Hới đã bị máy bay Mỹ ném bom, bắn phá, hầu như bị san bằng. Hiện chỉ còn lại một mảng tường thành ngắn.

Đền Mại Bản

Tọa lạc ở xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy. Đền thờ xã trưởng Mai Văn Bản. Tương truyền, vào khoảng niên hiệu Quang Thuận (1460-1469) đời Lê Thánh Tông, nhà vua thân chinh đi dẹp giặc Chiêm Thành, qua địa phận xã Liên Thủy, sai quân dân đào cảng thông đường vận tải. Xã trưởng Mai Văn Bản đến trước vua tâu rằng vùng này toàn đất cát, không thể mở cảng được, đào chỉ uổng sức quân dân. Vua giận Bản trái lệnh, sai chém đầu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Quả nhiên sau đó việc đào cảng không thành, bởi đào bao nhiêu thì lại bị cát lấp bấy nhiêu. Lúc đó vua mới thấy lời tâu của Bản là đúng. Sau khi bình Chiêm trở về, voi nhà vua đi qua chỗ đào cảng bị sa lầy. Vua cho là Bản hiển linh, bèn khấn thì thầm, bỗng nhiên voi đi tiếp được. Vua phong cho Mai Văn Bản làm Thổ Thần và cho lập đền thờ Bản.

LỄ HỘI

Quảng Bình là vùng đất, một thời từng là ranh giới giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài, là điểm giao thoa hội tụ nhiều luồng văn hóa, là chiến trường ác liệt qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Quảng Bình còn là nơi sinh sống của nhiều dân tộc anh em. Và vì thế, ngày nay Quảng Bình còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử văn hóa của nhiều thời đại khác nhau, và là nơi có nhiều lễ hội truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc.

Lễ hội làng Cảnh Dương

Mang tính chất lễ hội nông nghiệp cổ truyền. Hằng năm hội được mở vào mồng 3 tháng Giêng âm lịch tại làng Cảnh Dương, huyện Bố Trạch. Lễ hội có nhiều trò chơi dân gian. Trong đó đặc sắc nhất là thi bơi trải và thi nấu cơm nhanh...

Lễ hội Bảo Ninh

Làng Bảo Ninh nằm bên kia sông Nhật Lệ đối diện với thị xã Đồng Hới, gần bờ biển, là quê hương của Mẹ Suốt anh hùng. Hằng năm lễ hội mở ra vào ngày 14 đến 16 tháng 4 âm lịch tại đình làng Bảo Ninh, huyện Quảng Ninh. Đình làng thờ thần nhân (hai cha con người đánh cá) và cá Ông (cá voi). Mở đầu lễ có tục rước cốt Ông từ làng về đình, có diễn trò "*hò khoan, chèo cạn*", múa bông. Tiếp theo là hội xuống biển, có thể thả thuyền giấy, cá giấy xuống biển, làm lễ cầu khấn. Kết thúc lễ hội là "rước Ông về đình mở hội". Sáng 15, làng tổ chức bơi thuyền với các làng khác lân cận. Sáng 16 rước Ông về làng.

Trong ngày hội có diễn nhiều trò, chèo cạn, múa bông.

https://www.facebook.com/taybanganh/

QUẢNG NAM

Là tỉnh nằm ở trung điểm miền Trung Việt Nam, có diện tích tự nhiên 10.708km^2, dân số 1,4 triệu người, gồm các dân tộc Kinh, Cơ Tu, Xơ Đăng, Gié Triêng, Co... Về địa giới, phía Bắc giáp Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng, phía Nam giáp Quảng Ngãi và Kon Tum, phía Tây giáp Lào, phía Đông giáp biển Đông.

Quảng Nam có 2 thị xã: Tam Kỳ và Hội An. Tam Kỳ là tỉnh lỵ, ngoài ra còn có 14 huyện là: Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Thăng Bình, Quế Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước, Phước Sơn, Núi Thành, Nam Trà My, Bắc Trà My.

Quảng Nam là vùng non xanh nước biếc, đồi núi chiếm khoảng diện tích với nhiều ngọn núi cao thuộc dãy Trường Sơn hùng vĩ như: Ngok Lum Heo cao 2.045m, Ngok Tion cao 2.032m... Vùng đất thấp nằm ven biển là đồng bằng chiếm diện tích, tập trung dọc hai bên quốc lộ 1A.

Quảng Nam có các con sông lớn: Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang, Vu Gia, đều bắt nguồn từ dãy Trường Sơn.

Quảng Nam nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ven biển và khí hậu ôn đới vùng cao, do đó Quảng Nam có hai mùa: Từ tháng 2 đến tháng 4 là khí hậu nóng và khô, từ tháng 9 đến tháng 12 là mùa mưa. Lượng mưa trung bình năm ở Quảng Nam là 2.000mm.

Qua nhiều lần khai quật, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy ở Quảng Nam dấu tích văn hóa thời đại kim khí ở thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên. Đó là nền văn hóa Sa Huỳnh, rồi đến nền văn hóa Chămpa kế thừa và phát triển. Vương quốc Chămpa đã trải qua 2 thời kỳ cực thịnh với những cung điện, đền đài, thành quách nguy nga tráng lệ. Đó là thánh địa Mỹ Sơn, kinh thành Trà Kiệu, Phật viện Đồng Dương và nhiều tháp được xây dựng ở Bằng An, Chiên Đàn, Khương Mỹ trong khoảng thời gian từ thế kỷ I đến thế kỷ IX.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Năm 1306, vùng Quảng Nam trở thành đất của Đại Việt. Đây là vùng đất sính lễ của vua Chế Mân dâng lên vua Trần Anh Tông xin cưới công chúa Huyền Trân làm hoàng hậu Vương quốc Chămpa.

Năm 1507-1606, Chúa Nguyễn Hoàng khi làm lãnh trấn Quảng Nam đã coi Đà Nẵng là cửa ngõ yết hầu miền Thuận Quảng. Nguyễn Hoàng đã chiêu mộ dân Bắc vào khai canh lập ấp, mở mang sản xuất và dùng thương cảng Hội An giao thương với bên ngoài. Năm 1832, dưới thời Minh Mạng, xứ sở này đổi thành Quảng Nam dinh. Nhưng trước đó, năm 1831, tỉnh Quảng Nam đã chính thức được thành lập.

THẮNG CẢNH

Phố cổ Hội An

Trước đây gọi là cảng Đại Chiêm, một trong những đô thị cổ nhất vùng Đông Nam Á, đến nay vẫn giữ được gần như nguyên vẹn. Phố cổ Hội An nằm cách thành phố Đà Nẵng khoảng 30km về phía Đông Nam, từ lâu đã trở thành một địa danh nổi tiếng của Việt Nam. Từ thế kỷ XVI, đây đã là thương cảng lớn nhất xứ Đàng Trong, có nhiều tàu thuyền các nước trên thế giới: Nhật Bản, Trung Hoa, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha... cập bến, mua bán trao đổi hàng hóa. Vì thế Hội An là nơi giao thoa của các nền văn hóa phương Đông và phương Tây được thể hiện qua các công trình kiến trúc còn nguyên vẹn cho đến ngày nay.

Ngoài giá trị văn hóa kiến trúc đồ sộ và đa dạng, Hội An còn lưu giữ một di sản văn hóa phi vật thể hết sức phong phú thể hiện qua các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội, văn nghệ dân gian...

Phố cổ Hội An rộng khoảng 2km^2, gồm các phố cổ hẹp, ngắn, chia cắt nhau như bàn cờ. Giá trị đặc biệt của di tích này là sự hiện diện của hàng trăm ngôi nhà cổ, một hoặc hai tầng, mái lợp ngói cổ, tường hồi sát mái, cao thấp lô nhô, đứng tựa vào

https://www.facebook.com/taybanganh/

nhau 2 bên phố. Nhà ở đây chủ yếu làm bằng gỗ có chạm trổ hoa lá, chim thú. Trong nhà trang trí hoành phi câu đối, cuốn thư. Hàng hiên thường lắp "vỉ vỏ cua", mặt trước là cửa hiệu. Lòng nhà hình ống khá sâu, nhưng sáng sủa, mát mẻ, thoáng nhờ có "giếng trời" ở giữa lòng nhà.

Hội An có kiến trúc nhà rường. Nhà có khung gỗ, được chạm trổ tinh vi. Hiện trên đường phố Trần Phú, Nguyễn Thái Học còn nhiều ngôi nhà rường. Nhà cổ Hội An là linh hồn phong vị tạo ra nếp sống cũ. Nhà cổ Hội An thuộc loại nhà ống, thường thông ra 2 mặt phố, tiện cho việc làm ăn. Điển hình là ngôi nhà ông Tấn Ký có tuổi thọ trên 200 năm. Ngôi nhà cổ này đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích kiến trúc văn hóa nghệ thuật đầu tiên vào năm 1985.

Phố cổ Hội An được UNESCO ghi vào Danh sách Di sản văn hóa thế giới năm 1999.

Cù Lao Chàm

Cù Lao Chàm từng có nhiều tên gọi: Puliciam, Pulucham, Chiêm Bất Lao, Tiên Bích La..., là một quần đảo gồm bảy hòn đảo lớn nhỏ: hòn Lao, hòn Mố, hòn Dài, hòn Khô Mé, hòn Khô Con, hòn Lá, hòn Tai, quần tụ thành một vòng cung hình như một bức bình phong che chắn cho Cửa Đại của thương cảng Hội An. Cù Lao Chàm nằm cách thị xã Hội An 16km về hướng Đông Bắc. Tổng diện tích các đảo trên 15km^2, trong đó rừng chiếm khoảng 90%. Đảo lớn nhất là đảo hòn Lao, đảo nhỏ nhất là hòn Khô Con. Đến đây vào những ngày trời đẹp, không có gió lớn, du khách chỉ đi bằng thuyền máy khoảng 1 giờ là đến được Cù Lao Chàm. Trong những triền núi trên các đảo có nhiều suối đẹp, nước trong vắt. Theo các dòng suối đi sâu vào những cánh rừng già rậm rạp. Đây là những rừng nguyên sinh, động thực vật khá phong phú, trong đó có nhiều loại gỗ quý và nhiều loài động vật quý hiếm, nhiều nhất là khỉ, trăn, thỏ rừng...

Thời tiết Cù Lao Chàm rất dễ chịu, nhiệt độ khá ổn định. Nhiệt độ trung bình cả năm là từ 20-24^{0}C. Mùa đông ấm áp,

https://www.facebook.com/taybanganh/

mùa hè mát dịu, không có sương mù. Đây là những yếu tố hết sức quan trọng cho sự phát triển nuôi trồng thủy sản và dịch vụ du lịch.

Trên đảo hòn Lao có nhiều bãi tắm thú vị, cát trắng mịn, nằm dọc theo bờ phía Tây như: bãi Bắc, bãi Ông, bãi Làng, bãi Xếp, bãi Chồng, bãi Pìm, bãi Hương và bãi Nần.

Các nhà khảo cổ học tìm thấy ở những bãi biển Cù Lao Chàm nhiều mảnh vỡ của các đồ gốm cổ của người Chăm, của các tín đồ đạo Hồi ở Trung Đông, Thái Lan, Ấn Độ và Trung Quốc có niên đại trong khoảng từ thế kỷ VIII đến thế kỷ X. Điều đó chứng tỏ rằng Cù Lao Chàm của Quảng Nam là điểm dừng chân của các tàu buôn quốc tế ghé vào hoặc buôn bán trao đổi hàng hóa, lương thực... hoặc để tránh gió bão. Cù Lao Chàm là tấm bình phong khổng lồ trên biển Hội An, nơi còn chứa đựng bao điều bí ẩn, chưa được các nhà khảo cổ phát hiện.

Sông Thu Bồn

Dòng sông quanh năm soi bóng nước phố cổ Hội An. Con sông gắn liền với cuộc sống và chứng kiến bao nỗi thăng trầm của người dân phố cổ.

Sông Thu Bồn bắt nguồn từ núi Ngọc Linh cao tới 2.598m, chảy qua bao thác ghềnh trước khi đến đất quế Trà My, hoà mình vào sông Tranh, sông Tiên mang phù sa bồi đắp cho Gò Nổi.

Vào những đêm hội, trên dòng sông Thu Bồn đoạn chảy qua phố cổ là một dòng sông ánh sáng muôn sắc, một đêm hội hoa đăng trên mặt nước lung linh.

Thánh địa Mỹ Sơn

Là khu đền tháp cổ của Vương quốc Chămpa, được một học giả người Pháp là M. C. Paris tìm thấy năm 1898 trong thung lũng Mỹ Sơn thuộc xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, cách Thành phố Đà Nẵng 68km về phía Tây Nam, cách Kinh đô Trà Kiệu của Vương quốc Chămpa cũ 30km về phía Tây.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chọn Mỹ Sơn, một vùng thung lũng bao quanh là núi non, làm thánh địa, ngoài ý nghĩa tôn giáo, làm nơi thờ phụng, chắc hẳn các vua Chăm xưa đã có ý định tìm một nơi kín đáo an toàn để có thể rút lui về ẩn náu, một khi Kinh đô Trà Kiệu bị uy hiếp. Theo các nhà nghiên cứu người Pháp L. Firot, L. de Lajonquiere và H. Parmentier thì Mỹ Sơn là khu Thánh địa quan trọng nhất của Vương quốc Chămpa cổ, cho đến khi chấm dứt sự tồn tại của Vương quốc này vào thế kỷ XV.

Là thánh địa quan trọng nhất, bởi Vương quốc Chămpa có hai thánh địa thuộc hai tộc lớn: Thánh địa Mỹ Sơn thuộc thị tộc Dừa (tiếng Sanskrit: *Narikelaramsa*) trị vì phía Bắc Vương quốc (miền Aravati) thờ Thần Serisanabhadresvara và Thánh địa Ponaga (Nha Trang) thuộc thị tộc Cau (tiếng Sanskrit: *Kaukavamsa*) trị vì ở phía Nam Vương quốc (miền Kauthara), thờ Nữ thần Ponaga của Vương quốc. Trong hai thánh địa, thì Mỹ Sơn được chọn làm thánh địa chính của Vương quốc Chămpa, nên mỗi một vị vua lên ngôi đều đến đây làm lễ thánh tẩy. Do đó, Mỹ Sơn được các vua Chămpa chăm sóc, liên tục phát triển từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIII. Tại đây có nhiều bia ký có từ thế kỷ IV đến thế kỷ XIII. Trong đó vua Bhadravarman, vị vua đầu tiên của Chămpa xuất hiện trên bia ký, đã cho xây dựng ở đây ngôi đền thờ Thần Shiva vào thế kỷ IV. Nhưng đến thế kỷ VI, ngôi đền bị hỏa hoạn thiêu hủy. Sang thế kỷ VII, vị vua kế nghiệp của Rudravarman là vua Sambhavarman đã cho xây lại ngôi đền bằng gạch, và từ đó, tại đây các triều đại nối tiếp nhau cho tôn tạo và xây mới nhiều đền tháp nguy nga tráng lệ.

Sau đó, có thể do sự phát triển mạnh của Phật giáo (thế kỷ VIII đến thế kỷ X) dưới hai vương triều Hoàn Vương và Đồng Dương (tức Indrapura) Mỹ Sơn không còn giữ được vai trò thánh địa quốc gia nữa.

Đầu thế kỷ X, Shiva lấy lại được vị thế trong đời sống tinh thần của Vương quốc Chămpa, thánh địa Mỹ Sơn được phục hồi và các công trình lớn đẹp nhất còn tồn tại tới ngày nay đều được xây dựng trong thế kỷ X.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tiếp đó, Mỹ Sơn lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Chiến tranh kết thúc, vua Harivarman IV (1074-1080) cho khôi phục lại. Dưới Vương triều Vijaya, Vương quốc Chămpa chìm đắm trong những cuộc chiến tranh liên miên, thánh địa Mỹ Sơn một lần nữa bị tàn phá. Năm 1149, sau khi đánh bại quân Khơme, vua Jaya Harivarman cho phục hồi lại toàn bộ đền đài bị phá hủy. Từ năm 1167 trở đi, các vương triều tiếp theo, đặc biệt dưới thời vua Jaya Simhavarman III (vua Chế Mân) đều cho tu bổ và cho xây mới nhiều đền đài cho tới năm 1470, khi vương triều Chămpa chấm dứt sự tồn tại, thì thánh địa Mỹ Sơn cũng bị bỏ hoang phế cho tới khi người Pháp tìm thấy (1898). Theo thống kê của H. Parmentier, thì thánh địa Mỹ Sơn có tới 70 đền tháp.

Suốt 40 năm đầu của thế kỷ XX, nơi đây được Viện Viễn Đông Pháp cho trùng tu nhiều lần.

Từ năm 1945, chiến tranh nổ ra, Mỹ Sơn không những không được tu bổ mà còn bị phá hủy. Đặc biệt, đợt ném bom B52 của giặc Mỹ cuối năm 1969 đã phá hủy toàn bộ khu tháp chùa xây bằng đá, trong đó có ngọn tháp kỳ vĩ cao 24m. Hiện Mỹ Sơn chỉ còn lại khoảng 20 ngọn tháp, nhưng bị hư hỏng nhiều.

Đền chính có cửa chính mở ra hướng Đông, thờ Linga - Yoni, biểu hiện sinh lực sáng tạo. Kiến trúc đền tháp theo kiểu truyền thống Chămpa. Mặt bằng hình vuông. Tháp chùa gồm ba tầng, tầng trên là hình thu nhỏ của tầng dưới. Phần đế tháp tượng trưng cho thế giới trần gian, thân tháp biểu tượng cho thế giới thần linh. Toàn bộ tháp được chạm khắc tinh vi với các hình chim, thú, hoa lá, vũ nữ Apsara...

Thánh địa Mỹ Sơn có bảy đại diện tiêu biểu của tất cả các giai đoạn và phong cách nghệ thuật kiến trúc Chămpa. Thánh địa Mỹ Sơn được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới năm 1999.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bãi tắm Tam Thanh

Thuộc xã Tam Thanh, cách thị xã Tam Kỳ 7km về phía Đông, là một bãi tắm sạch đẹp, rộng chừng vài chục hécta, rất thích hợp cho du lịch dã ngoại, tắm biển, cắm trại, bơi lội...

Bãi Rạng

Thuộc xã Tam Nghĩa, cách thị trấn Núi Thành khoảng 5km về phía Đông. Bãi Rạng nằm dọc theo căn cứ Chu Lai cũ, hiện còn lưu giữ nhiều chiến tích của quân dân ta trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai. Bãi Rạng với những ghềnh đá hoang sơ và những ngọn đồi ăn thông ra biển. Phía sau các bãi tắm là rừng phi lao xanh tươi, bốn mùa tỏa bóng mát. Sau khi tắm biển thoải mái, du khách có thể ghé thăm tượng đài chiến thắng Núi Thành, ghi lại chiến công vang dội của Quân giải phóng ngày 26-5-1965.

Bãi tắm Cửa Đại

Cách phố cổ Hội An chừng 4km về phía Đông. Đây là bãi tắm lý tưởng. Bãi cát trắng mịn, thoai thoải, sóng nhỏ, lại gần thị xã.

DI TÍCH

Tháp Chiên Đàn

Nằm cạnh quốc lộ 1A thuộc xã Tam An, thị xã Tam Kỳ, cách tỉnh lỵ Tam Kỳ 5km về phía Bắc, gồm 3 tháp: Bắc - giữa – Nam, đứng thẳng hàng theo trục Bắc Nam. Ba tháp này thờ ba vị thần: Shiva, Vishnu và Brahma của dân tộc Chăm. Tháp Chiên Đàn được xây vào cuối thế kỷ XI, hình dáng 3 tháp giống nhau trên mặt bằng hình vuông, mái tháp từng tầng thu nhỏ vươn cao. Thân tháp không có hoa văn trang trí. Cửa chính quay về hướng Đông, còn ba phía là cửa giả. Hiện trong khuôn viên tháp có nhà trưng bày các hiện vật cổ Chămpa như các phù điêu, tượng Nữ thần, vũ nữ Apsara, tượng Linga Yoni..., có giá trị nghệ thuật cao.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tháp Bằng An

Tọa lạc ở xã Điện An, huyện Điện Bàn, cách Thành phố Đà Nẵng khoảng 30km về phía Đông Nam, cách thị xã Hội An chừng 14km. Tháp Bằng An là tháp Chămpa duy nhất có mặt bằng lục giác mỗi cạnh dài 4m tồn tại tới ngày nay. Tháp được xây dựng vào cuối thế kỷ XII. Có chiều cao hơn 20m, không có trụ áp tường, không có cửa giả và hoa văn trang trí, chóp nhọn và thon. Nhìn vẻ ngoài thấy tháp có dáng một Linga khổng lồ vươn cao biểu tượng cho sức sống mãnh liệt của vũ trụ. Ngay ở cửa ra vào đặt hai tượng con Gajasimha, đầu voi mình sư tử bằng đá.

Tháp Khương Mỹ

Thuộc xã Tam Xuân, huyện Núi Thành, cách thị xã Tam Kỳ 2km về phía Tây Nam. Tháp Khương Mỹ là một tổ hợp gồm 3 tháp Chămpa truyền thống với mặt bằng gần vuông, mái tháp có ba tầng, trên đỉnh là chóp tháp xây bằng đá sa thạch. Tháp Khương Mỹ được xây vào thế kỷ X, hoa văn trang trí theo mô típ nghệ thuật Khơme... với nhiều cành lá cuốn vành ở đầu mút, lá có rãnh sâu.

Tại khu vực tháp Khương Mỹ, các nhà khảo cổ học tìm thấy nhiều chum vại có niên đại vài trăm năm.

Phật viện Đồng Dương

Được xây dựng vào năm 875 dưới triều vua Indravarman II, thuộc xã Bình Định, huyện Thăng Bình, cách thị xã Tam Kỳ 40km về phía Bắc, là di tích quan trọng bậc nhất của kiến trúc Phật giáo Chămpa. Do sự tàn phá của chiến tranh và sự hủy hoại của thời gian, Phật viện Đồng Dương nay chỉ còn lại một mảng tường tháp, một số vật trang trí điêu khắc và nền móng của công trình.

Kinh thành Trà Kiệu

Còn gọi Kinh thành Sư Tử hay là thành Simhapura. Ngày nay Kinh thành Trà Kiệu đã bị tàn phá nặng nề, không còn nữa,

https://www.facebook.com/taybanganh/

chỉ còn một đoạn tường thành dài khoảng 1km cao 3m nằm trên một vùng đồng bằng dân cư đông đúc. Theo ghi chép trong Thủy Kinh Chú ở thế kỷ XV, thì Kinh thành Trà Kiệu (thuộc huyện Duy Xuyên) được bao bọc bằng một hệ thống thành quách, hào, lũy đồ sộ vững chắc, được xây dựng theo kỹ thuật xây thành lũy của người Trung Hoa. Tại kinh thành cũng có những đền thờ to lớn để tưởng nhớ thần linh (phần lớn các tác phẩm điêu khắc trên các thành phần kiến trúc ở Kinh thành Trà Kiệu hiện được trưng bày tại Bảo tàng điêu khắc Chămpa, Đà Nẵng).

Trong những năm 1980, nhân dân quanh vùng Trà Kiệu đã tìm thấy một số lượng lớn hiện vật bằng vàng. Đó là những đồ trang sức được chế tác rất tinh xảo. Qua những hiện vật tìm thấy cho thấy sự phồn vinh vốn có của kinh đô này, đã một thời lừng danh trong vùng Đông Nam Á.

Nhà thờ Trà Kiệu

Nằm ở khu vực thành cổ Trà Kiệu, được xây vào năm 1722, cách Đà Nẵng 37km về hướng Đông Nam, đến năm 1865, nhà thờ được chuyển tới địa điểm hiện nay. Nhà thờ hiện tại là do linh mục Lê Như Hảo xây năm 1971, theo mẫu kiến trúc nhà thờ phương Tây "thời kỳ Ánh sáng", kết hợp với những nét hoa văn trang trí mang đậm tính dân tộc.

Tại cổng nhà thờ có đặt hai con rồng dài khoảng 20m, uốn lượn theo đường lên hành lang tầng trên vào chính điện của nhà thờ.

Cạnh nhà thờ là tu viện Mến Thánh giá, được xây dựng năm 1867, nhà thờ truyền thống và nhà thờ Đức Mẹ xây năm 1898, trên một ngọn đồi cao 60m.

Chùa Cầu

Ở cuối đường Trần Phú, thị xã Hội An có một chiếc chùa Cầu, do thương gia Nhật Bản xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ XVII theo kiểu "*thượng gia hạ kiều*" (trên là nhà dưới là cầu). Chùa Cầu còn có tên chữ là "*Lai Viễn Kiều*" (cầu của những khách

https://www.facebook.com/taybanganh/

phương xa), nối khu dân cư người Nhật làm ăn buôn bán ở Hội An với khu dân cư người Việt - Hoa. Chùa Cầu bắc qua con lạch chảy ra sông Thu Bồn.

Chùa Cầu có cấu trúc đặc biệt, chiều dài khoảng 18m, rộng 3m, có mặt cầu cong lên ở giữa và mái lợp ngói âm dương che kín cả chiếc cầu cũng uốn cong theo mặt cầu một cách mềm mại. Chùa có mặt bằng hình vuông, nối với cầu ở đoạn giữa theo dạng chuôi vồ. Chùa và cầu đều làm bằng gỗ sơn son được chạm trổ rất công phu. Mặt chùa quay về phía sông. Hai đầu cầu, một bên có tượng khỉ (Thân) và bên kia có tượng chó (Tuất), ngụ ý xây dựng từ năm Thân đến năm Tuất, ba năm mới hoàn thành. Cũng có ý kiến cho rằng đó là hai con vật mà người Nhật sùng bái thờ tự trong nhiều công trình tín ngưỡng từ cổ xưa? Phần chính giữa (gọi là chùa) thờ một tượng gỗ Bắc Đế Trấn Võ - vị thần bảo vệ xứ sở, ban niềm vui hạnh phúc cho con người. Chùa được trùng tu vào các năm 1763, 1817, 1915, 1986.

Chùa Chúc Thánh

Tọa lạc ở phường Cẩm Phô, thị xã Hội An, nằm cách trung tâm thị xã Hội An khoảng 2km (theo đường Huỳnh Thúc Kháng). Chùa Chúc Thánh nổi tiếng bởi là nơi khởi xướng chi phái thiền Chúc Thánh của Thiền phái Lâm Tế. Chùa được dựng vào khoảng cuối thế kỷ XVII kiến trúc theo lối chữ "*tam*" (三), có dạng kiến trúc tổng hợp truyền thống của Trung Hoa và Việt Nam, có nhiều tượng lớn. Ở chính điện thờ Tam Thế Phật, Di Lặc và 18 vị La Hán. Trước sân có tượng Quan Thế Âm Bồ Tát. Trong khuôn viên chùa có nhiều bảo tháp của các tổ sư Minh Hải, thiền sư Thiết Thọ (đời 35), Ấn Bích (đời 39)... Hiện nay Hoà thượng Thích Trí Nhạn trụ trì chùa. Chùa được trùng tu vào các năm 1956, 1964.

Chùa Phước Lâm

Tọa lạc tại phường Cẩm Hà, thị xã Hội An. Chùa do Hoà thượng Âu Triêm khai sơn vào năm 1666, đã qua nhiều lần

https://www.facebook.com/taybanganh/

trùng tu trong các thế kỷ XVIII và XIX. Chùa thuộc hệ phái thiền Lâm Tế - Chúc Thánh. Kiến trúc chùa theo phong cách Á Đông cổ, kiểu chữ "*môn*" (門), gồm ba gian, hai chái, hai bên có hai lầu chuông hình tháp. Trong chùa hiện còn nhiều tượng và cổ vật quý. Chùa Phước Lâm còn là nơi đào tạo danh tăng Việt Nam như Hoà thượng Thích Tịnh Khiết, Thích Giác Nhiên, đệ I và đệ II Tăng thống Phật giáo Việt Nam trước năm 1975. Chùa được trùng tu vào các năm 1822, 1893.

Chùa Vạn Đức

Còn gọi là chùa Cây Cau, ở xã Trường Lệ, huyện Diên Phước, nay là huyện Điện Bàn. Chùa do Thiền sư Minh Lượng xây dựng vào cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII. Nằm ngay bên bờ sông Cổ Cò. Chùa Vạn Đức có quy mô lớn tráng lệ, là một trong những ngôi chùa đẹp nhất của tỉnh Quảng Nam.

Chùa là nơi gặp gỡ của các thương nhân qua lại ghé thăm chùa cúng bái, cầu an...

Đến nay chùa còn lưu giữ nhiều pho tượng thờ, kinh sách và các tài liệu quý liên quan đến lịch sử hình thành phố cổ Hội An và lịch sử Phật giáo trong vùng Quảng Nam - Đà Nẵng.

Chùa Ông

Nằm ngay trước chợ Hội An, còn gọi là miếu Quan Công, do Hoa kiều xây dựng vào giữa thế kỷ XVII, gồm 4 ngôi nhà cao to, vây quanh một khoảnh sân. Những cột gỗ lớn và bộ khung đỡ mái được chạm trổ tỉ mỉ. Chùa Ông trải qua nhiều lần trùng tu, lần trùng tu lớn nhất vào năm 1825 do vua Minh Mạng chu cấp kinh phí. Trong chùa còn giữ tượng Quan Công to lớn, quắc thước, mặt đỏ, râu dài, áo bào xanh, uy nghi, oai vệ... hai bên là tượng Châu Xương và Quan Bình.

Trước gian chính điện có treo bức hoành phi lớn chạm bài từ dài của Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm (cha của Nguyễn Du). Chùa Ông là một kiến trúc độc đáo, kết hợp nhiều đường nét hài hoà nằm trong không gian yên tĩnh, bốn bề cây cối xanh tươi.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hội quán Phúc Kiến

Hội quán này do người Hoa gốc ở Phúc Kiến xây dựng vào năm 1795, ngay từ buổi ban đầu tới sinh sống tại Hội An. Kiến trúc đồ sộ này do những bàn tay khéo léo, tài hoa của những nghệ nhân đến từ Trung Hoa. Hội quán Phúc Kiến được xây theo kiểu chữ "*tam*" (三), sâu đến 120m, không gian được phô bày chi tiết từ trong ra ngoài, nguy nga và lộng lẫy. Chính điện thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thế Âm Bồ Tát, Thần Tài, Bà Chúa sanh thai và 12 bà mụ theo tín ngưỡng dân gian người Trung Hoa. Ngoài ra, trong Hội quán còn có nhiều tượng thờ, trống đồng, chuông đồng, lư hương...

Hội quán Triều Châu

Còn có tên là chùa Ông Bổn, được xây dựng vào năm 1845, tọa lạc trên đường Nguyễn Duy Hiệu, thị xã Hội An. Hội quán xây theo kiểu "*nội công ngoại quốc*", bộ vì "*chồng rường giả thủ*", trên các thành phần kiến trúc bằng gỗ được chạm trổ những nét tinh vi, hình ảnh xoay quanh các đề tài tứ linh, long mã, điểu, thú... Phần điêu khắc này mang đầy màu sắc tâm linh. Hội quán Triều Châu thờ vị thần chính là Phục Ba, người chinh phục sóng gió, mà sau này dân gian đồng hóa với Phục Ba tướng quân.

Chùa Quảng Triệu

Còn gọi là Hội quán Quảng Đông, do người Hoa gốc Quảng Đông, Trung Quốc sống ở Hội An xây dựng vào năm 1855, tại 176 phố Trần Phú, thị xã Hội An. Chùa được trùng tu lớn nhiều lần vào các năm 1915, 1990. Kiến trúc chùa theo kiểu chữ "*quốc*" (國). Chùa có quy mô hoành tráng. Bên trong còn lưu giữ được nhiều hiện vật quý như bốn bức hoành phi lớn, một lư trầm lớn bằng đồng cao 1,6m, rộng 0,6m, một cặp đôn sứ, men ngọc Trung Quốc.

Di tích Núi Thành

Thuộc xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành. Năm 1965, quân Mỹ ồ ạt đổ bộ vào Đà Nẵng và lập căn cứ quân sự ở Chu Lai

https://www.facebook.com/taybanganh/

(Núi Thành). Ngày 16-5-1965, đại đội 2, tiểu đoàn 70, bộ đội địa phương Quảng Nam, lần đầu tiên đánh tan đại đội quân Mỹ, mở đầu cho phong trào "tìm Mỹ mà đánh" trên toàn miền Nam. Sau trận đánh mở màn này Đảng và Bác Hồ tặng cho quân dân Quảng Nam tám chữ vàng: "Trung dũng, kiên cường, đi đầu diệt Mỹ". Năm 1980, một tượng đài chiến thắng đã được dựng lên gần nơi xảy ra trận đánh.

Khu di tích Nước Oa

Thuộc xã Trà Tân, huyện Trà My, cách thị trấn Trà My khoảng 8km về phía Tây Nam. Đây là căn cứ cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, là nơi đặt cơ quan đầu não về quân sự, chính trị của chiến trường khu V. Khu di tích bao gồm nhà ở, nhà làm việc, nhà ăn tập thể, hội trường hội họp, hầm trú ẩn, nằm ở giữa vùng núi rừng rậm rạp. Khu di tích được trùng tu sửa chữa năm 1986.

Mộ Hoàng Diệu

Thuộc xã Điện Quang, huyện Điện Bàn. Ngôi mộ tọa lạc trên một khu đất rộng, là nơi cải táng cụ Hoàng Diệu, một công thần của triều Nguyễn, có công bảo vệ thành Hà Nội và đã anh dũng hy sinh ngày 25-4-1882.

LỄ HỘI

Lễ hội Long Chu

Là lễ hội của ngư dân các làng chài ven biển quanh thị xã Hội An, để tống ôn và dịch bệnh vào lúc chuyển mùa.

Hằng năm lễ hội được tổ chức vào ngày rằm tháng 7 âm lịch tại đình làng hoặc tại nhà trưởng thôn, ấp. Lễ hội có tục rước Long Chu (thuyền rồng làm bằng cót tre, bồi giấy hoặc vải) từ đình làng đến bến nước rồi đẩy thuyền trôi ra sông biển.

Trước ngày tiến hành lễ, các thầy cúng đặt hương án và yểm bùa nơi có ma quỷ, theo sau thầy cúng là đoàn người nam nữ tay cầm dao, mác phát quang sạch sẽ đường làng, bờ bụi, miệng hò

https://www.facebook.com/taybanganh/

hát đối đáp vui vẻ. Vào ngày lễ chính, thầy cả làm lễ tế và sau đó là lễ rước "Long Chu" đi trừ tà ma dịch bệnh. Sau lễ có tổ chức các trò vui.

Lễ hội bà Thu Bồn

Lễ hội tổ chức vào ngày 12 tháng 2 âm lịch hằng năm tại dinh bà Thu Bồn, người Chăm gọi là Bô Bô phu nhân.

Lễ hội diễn ra trong không khí tưng bừng, náo nhiệt suốt từ sáng đến tối mịt mới kết thúc. Ngoài phần tế lễ còn tổ chức đua thuyền, rước cộ và hát bội. Người từ nhiều nơi khác cũng đến tham gia tranh tài. Theo tục lệ, thuyền thuộc lăng miếu nào, thì được thần ở lăng miếu đó bảo hộ. Trước khi đua thuyền, cả đoàn trạo thủ phải làm lễ khấn vái trước lăng, rồi mới xuất phát. Mỗi thuyền đua cử ra một người ngồi ở mũi thuyền mặc áo đỏ, đội khăn đỏ, được coi là "tùy phái" của thần chủ thuyền. Người này có nhiệm vụ vừa hát vừa múa khích lệ trạo thủ. Các trạo thủ khi nghe tiếng hát của "tùy phái" sẽ cảm thấy mình được thần linh trợ lực nên bơi khỏe hơn.

Tiếp đó là lễ rước cộ. Cộ là một bàn lớn, được hóa trang lộng lẫy, bên trong để nhiều thức ăn như bánh, hoa quả, gạo, thịt... Người rước cộ ăn mặc theo kiểu truyền thống của làng. Dân làng tham gia cùng hát múa.

Lễ tế cá Ông

Lễ hội tổ chức ở những vùng ven biển của những ngư dân làng chài. Hầu như làng nào ven biển cũng đều có thờ cá Ông (cá voi) và mỗi năm họ đều tổ chức lễ tế Ngài. Lễ tế cá Ông của các làng chài Hội An thường tổ chức vào dịp cầu ngư hằng năm trong khoảng hạ tuần tháng 2 âm lịch. Trong những ngày lễ hội có hát chèo Bả Trạo. Những người tham gia vừa hò vừa lĩnh xướng và làm động tác chèo thuyền ở trên cạn nhằm miêu tả cảnh hoạt động của dân chài trên sông nước. Những câu hát điệu múa là nhằm tri ân cá Ông đã cứu giúp người dân đi biển thoát khỏi hoạn nạn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

QUẢNG NGÃI

Là một tỉnh duyên hải miền Trung, có tổng diện tích tự nhiên 5.177km^2, dân số trên 1 triệu 200 ngàn người, là nơi sinh sống của nhiều dân tộc anh em: Kinh, Hrê, Xơ Đăng... Thị xã Quảng Ngãi là tỉnh lỵ, ngoài ra còn có 12 huyện là: Lý Sơn, Bình Sơn, Trà Bồng, Sơn Tịnh, Sơn Tây, Sơn Hà, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long, Mộ Đức, Đức Phổ và Ba Tơ.

Quảng Ngãi, phía Bắc giáp Quảng Nam, phía Nam giáp Bình Định, Tây Nam giáp Kon Tum, phía Đông giáp biển Đông với bờ biển dài trên 130km.

Địa hình Quảng Ngãi gồm bốn vùng: vùng rừng núi, vùng bán sơn địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng hải đảo.

Quảng Ngãi có khí hậu khá khắc nghiệt, nắng lắm, mưa nhiều. Nhiệt độ trung bình cả năm từ 25,5^{0}C đến 26,5^{0}C. Nhiệt độ cao nhất có khi lên tới 41^{0}C và thấp nhất 12^{0}C. Quảng Ngãi nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa có hai mùa rõ rệt. Mùa nóng từ tháng 4 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12. Mùa lạnh nhất từ tháng Giêng đến tháng 3. Lượng mưa trung bình năm 1.900mm, cao nhất có khi lên đến 3.500mm, gây bão lụt dữ dội.

Quảng Ngãi có 3 con sông lớn chảy qua là: sông Trà Khúc, sông Trà Bồng và sông Vệ. Giao thông Quảng Ngãi khá thuận lợi, có đường sắt Bắc - Nam, đường bộ có quốc lộ 1A đi qua, lại có sông ngòi và đường biển. Quảng Ngãi hiện đã có cảng Dung Quất, một cảng nước sâu đang được hoàn thành khá hiện đại, phục vụ cho khu công nghiệp và nhà máy lọc dầu Dung Quất và thành phố Vạn Tường hiện đại.

Quảng Ngãi là tỉnh có nền văn hóa lâu đời và tiêu biểu là nền văn hóa Sa Huỳnh với những con người cần cù sáng tạo, đầy tinh thần yêu nước và cách mạng, với những tên tuổi lừng danh cả nước như Huỳnh Thúc Kháng, Phạm Văn Đồng ...

https://www.facebook.com/taybanganh/

THẮNG CẢNH

Đèo Violắc

Nằm trên quốc lộ, cách huyện lỵ Ba Tơ 23km về phía Tây. Đèo Violắc quanh co, một bên là rừng nguyên sinh với những cây cối um tùm rậm rạp, một bên là vực sâu thăm thẳm. Dưới chân đèo là làng Violắc với 43 ngôi nhà sàn mang kiến trúc đặc biệt của dân tộc Hrê, lúc ẩn, lúc hiện rất kỳ ảo, ngoạn mục. Từ cầu sông Re uốn lượn dưới chân đèo lên đến điểm ranh giới giữa hai tỉnh Quảng Ngãi và Kon Tum là 19km, nằm ở độ cao 1.400m so với mặt nước biển. Càng lên cao khí trời càng lạnh. Từ trên đỉnh đèo, du khách sẽ nhìn thấy bản làng ẩn hiện trong những làn sương mờ kỳ ảo, những thửa ruộng bậc thang đang trải rộng hai bên bờ sông Re.

Đảo Lý Sơn

Vốn xưa kia có tên gọi là cù lao Ré. Tuy nằm giữa biển khơi bao la trời nước, nhưng cuộc sống của người dân nơi đây rất khấm khá, nhờ nghề đánh bắt hải sản và trồng tỏi nổi tiếng trong cả nước. Nhiều người gọi Lý Sơn là "Vương quốc của tỏi". Huyện đảo Lý Sơn nằm cách cửa biển Sa Kỳ 18 hải lý về phía Đông. Đảo rộng khoảng 11km^2 gồm hai xã Lý Vĩnh và Lý Hải. Trên vùng đất Lý Sơn có nhiều di tích lịch sử văn hóa, phong cảnh nên thơ với nhiều đền, đình, lăng, miếu. Đặc biệt có nhiều vết tích của nền văn hóa Sa Huỳnh và văn hóa Chămpa qua các cuộc khai quật của các nhà khảo cổ ở xóm Ốc, suối Chình, chùa Hang và đình Lý Hải.

Hằng năm, từ mồng 4 đến mồng 7 Tết cổ truyền, nhân dân huyện Lý Sơn tổ chức hội đua thuyền, có nhiều người tham gia.

Làng biển Sa Cần

Cửa biển Sa Cần còn gọi Thái Cần, Thế Cần, Sơn Trà, nằm về phía Đông Bắc huyện Bình Sơn, nơi dòng sông Trà Bồng đổ ra biển Đông. Cửa biển Sa Cần cách thị trấn Châu Ô 17km. Cửa

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sa Cần rộng khoảng 200m, độ sâu khoảng 4-6m. Giữa cửa có 2 gành đá nhô cao mang tên hòn Ông và hòn Bà, gắn liền với một câu chuyện hoang đường. Xa xa về hướng Đông có mũi Co Co nhô ra biển tạo nên eo biển kín gió, mặt biển khá phẳng lặng và núi Nam Châm án ngữ trước mặt với một màu xanh thẫm nổi lên giữa trời biển mênh mông tạo thành một bức tranh thiên nhiên hữu tình thơ mộng.

Hai bên cửa biển Sa Cần là xóm làng đông đúc ẩn mình dưới những rặng dừa xanh trĩu quả.

Suối Cà Đú

Từ miền biển mênh mang sóng nước, mời du khách lên thăm núi rừng Quảng Ngãi từng làm say đắm lòng người bởi sông suối và thác đổ. Một trong những suối đẹp của rừng núi Quảng Ngãi trước hết phải kể đến suối Cà Đú, cách huyện lỵ Trà Bồng khoảng 2km về phía Tây Bắc, với độ dốc khá cao, nước chảy xiết tạo nên nhiều thác ghềnh, quanh năm nước đổ ầm ào giữa núi rừng hoang sơ, môi trường xanh tươi, trong sạch. Đi về phía Tây của dòng suối ta bắt gặp hệ thống thủy điện Cà Đú, cung cấp điện chủ yếu cho huyện Trà Bồng và các vùng lân cận.

Nơi đây còn có thác Xeng Bay cao hơn 15m, ẩn hiện giữa vùng đồi núi ở phía Tây Nam, cách suối Cà Đú khoảng 1km.

Thác Trắng

Nằm ngay giữa huyện Minh Long, chung quanh là vùng đồi núi trập trùng, một màu xanh bất tận, không khí mát mẻ quanh năm. Dòng nước từ độ cao 40m đổ xuống các ghềnh đá, làm tung bọt trắng xóa cả một vùng, tạo nên những âm thanh như sấm động rền vang. Dưới chân thác là hai hồ nước kề nhau, mỗi hồ rộng trên 100m^2, mặt nước trong xanh quanh năm. Vào những ngày nắng nóng, được ở bên Thác Trắng, du khách sẽ được tận hưởng cái se lạnh với bụi nước mịt mù, ta có cảm giác như đang ở một thác nào đó trên cao nguyên Lâm Viên, Đà Lạt, Lâm Đồng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Cổ Lũy Cô Thôn

Nằm ở trung tâm xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa, cách thị xã Quảng Ngãi khoảng 10km về hướng Đông là thắng cảnh núi Phú Thọ và Cổ Lũy Cô Thôn. Núi cao 60m, rộng khoảng 8ha với phong cảnh "*nhất bộ, dị trạng*" (đi một bước đã thấy hình thù đổi khác). Những hòn Chuông, hòn Trống, hang Xeo Quẹo... bằng đá granit xám xen lẫn thảm thực vật xanh mát tạo nên một quang cảnh hoang sơ thú vị. Đặc biệt trên núi có thành lũy của người Chăm xưa như thành Bàn Cờ, thành Hòn Yàng... Dưới chân núi Phú Thọ đầy huyền tích là thôn Cổ Lũy đa sắc màu hiện ra với dáng vẻ u tịch. Màu xanh của dừa đung đưa trong nắng gió, màu trắng của sóng lùa trên biển xanh, màu vàng lấp lánh của cát trong ánh nắng của phương Nam và màu xanh lồng lộng của đất trời miền Trung giàu nắng gió, đã tạo nên bức tranh thiên nhiên quyến rũ, là nguồn cảm hứng dạt dào của thi nhân mặc khách.

Núi Ấn, sông Trà

Viết cho đầy đủ là núi Thiên Ấn, sông Trà Khúc, đây là cảnh đẹp nổi tiếng của đất trời Quảng Ngãi. Từ cầu Trà Khúc, nằm trên quốc lộ 1A, chạy qua thị xã Quảng Ngãi, bạn đi dọc theo tả ngạn sông Trà khoảng 1.000m, sẽ gặp núi Thiên Ấn, cao khoảng 100m, đỉnh núi bằng phẳng rộng lớn, quanh năm soi bóng dòng sông Trà. Trên đỉnh núi Thiên Ấn có mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng, từng là quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Núi Ấn sông Trà cũng như hình với bóng, tạo nên một cảnh đẹp non nước hữu tình.

Từ chân núi Ấn có đường xoáy ốc lên tận đỉnh, hai bên đường là những rặng phi lao rì rào trong gió và những cây đa cổ thụ rợp bóng mát. Đứng trên đỉnh Thiên Ấn, du khách sẽ được thưởng thức hết vẻ đẹp của Quảng Ngãi và dòng sông Trà Khúc với những bờ xe nước cao lớn, có cái đường kính tới 12m, đang từ từ cuộn tròn theo dòng nước, đưa nước vào ruộng đồng tắm tưới cho những đồng lúa gặp lúc khô hạn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bờ biển Sa Huỳnh

Nằm sát quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam, rất tiện cho du khách, lại cách thị xã Quảng Ngãi chỉ trong vòng 1 giờ đồng hồ đi xe máy. Đây là một điểm du lịch tắm biển lý tưởng. Ngành du lịch Quảng Ngãi đã cho xây dựng ở Sa Huỳnh những Motel (kiểu nhà nghỉ, khách sạn có nhà để xe, có bếp cho du khách tự nấu nướng theo sở thích) để đón khách dừng chân nghỉ lại đôi ba ngày trước khi tiếp tục hành trình.

Bãi biển Mỹ Khê

Có hình cong lưỡi liềm và xiết lại ở vịnh Vĩnh An, với bãi cát vàng mịn chạy dài hơn 10km, quanh bờ là những rặng phi lao xanh ngút ngàn, bãi tắm thoai thoải, nước trong xanh, sạch đẹp, không có nước xoáy ngầm. Bãi tắm Mỹ Khê cách thị xã Quảng Ngãi khoảng 12km về hướng Đông, cách cảng biển Dung Quất 16km, gần cảng Sa Kỳ, thuộc xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh. Đây là một bãi tắm lý tưởng của Quảng Ngãi.

DI TÍCH

Di tích khảo cổ Sa Huỳnh

Thuộc 2 xã Phổ Thạch và Phổ Khánh, huyện Đức Phổ, cạnh khu du lịch biển Sa Huỳnh, cách thị xã Quảng Ngãi 60km về phía Đông Nam.

Di chỉ khảo cổ Sa Huỳnh gồm các di chỉ mộ táng ở các cồn cát ven biển. Đầu năm 1902, nhà khảo cổ học người Pháp, Vinet, đã tìm thấy một số lượng lớn chum gốm, các vật dụng bằng gốm, dụng cụ bằng sắt và đá, chứng tỏ sự tồn tại của nền văn hóa Sa Huỳnh của cư dân cổ, cách đây 2.000 năm, thuộc thời kỳ đồ sắt. Trong lần khai quật năm 1978, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã thu lượm được 114 di vật. Những di vật này mang giá trị cao về sự hình thành và phát triển của nền văn hóa Sa Huỳnh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Hang

Thuộc xã Lý Hải, nằm về phía Đông Bắc đảo Lý Sơn, dưới chân núi Thới Lới. Chùa Hang còn có tên "*Thiên Không Thạch tự*" (chùa đá trời sinh) do các vị Tiền hiền họ Trần ra khai khẩn hoang đảo, mở đất dựng làng Lý Hải và Lý Vĩnh và lập chùa vào thời Lê Kính Tông cách nay khoảng trên 300 năm.

Gọi là chùa Hang, vì chùa nằm trong hang núi, muốn đến chùa phải men theo con đường độc đạo cheo leo bên vách núi, sát mép biển và lên cao dần, rồi lại phải xuống hơn 40 bậc tam cấp mới tới được cửa hang. Lòng hang khá sâu và rộng, dài 24m, ngang 20m, trần hang cao 3,2m, với diện tích 480m^2. Trước sân chùa đặt một pho tượng Quan Âm cao 7m, đứng trên bệ giữa hồ sen nhìn ra biển cả mênh mông. Trong chùa có bàn thờ phật Di Đà, Thích Ca, Di Lặc, Tổ Đạt Ma và các sư tổ trụ trì. Các bệ thờ được tạo nên từ các bệ đá tự nhiên càng làm tăng thêm vẻ thâm nghiêm, huyền bí. Chung quanh chùa là những cây bàng biển cổ thụ hàng trăm năm tuổi, gốc rễ xù xì, cành lá sum suê, che bóng mát rượi. Trước cửa chùa là những bãi đá san hô được sóng đẽo gọt. Sát mép nước là những bãi cát vàng mịn màng, sạch sẽ.

Chùa Ông

Thuộc thị tứ Thu Xà, xã Nghĩa Hoà, huyện Tư Nghĩa, cách thị xã Quảng Ngãi 10km về hướng Đông. Chùa Ông do người Hoa thuộc các tỉnh Phúc Kiến, Triều Châu, Hải Nam, Quảng Đông (Trung Quốc) sinh sống ở Quảng Ngãi lập nên vào năm 1821 (năm Minh Mạng thứ 2). Chùa Ông thờ bái theo kiểu "*tiền Thánh, hậu Phật*". Chùa có kiến trúc hình chữ "*tam*" (三), quay mặt về hướng Đông. Chùa đã qua nhiều lần sửa chữa, nhưng vẫn giữ nguyên kiến trúc ban đầu, với nghệ thuật trang trí tinh xảo hài hoà giữa đắp nổi, chạm nổi, chạm thủng, chạm lộng trên các bình phong, vách gỗ, khám thờ, vì kèo, các câu đầu, đòn bẩy, xà ngang... Đây là một công trình kiến trúc nghệ thuật tôn giáo được xây dựng công phu, đẹp đẽ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Thiên Ấn

Tọa lạc trên núi Thiên Ấn thuộc xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh, cách thị xã Quảng Ngãi 3,5km về hướng Đông Bắc. Vốn trước đây chỉ là một thảo am tĩnh mịch dưới lùm cây cổ thụ, được Hoà thượng Pháp Hoa xây dựng mở rộng vào năm 1695 vào thời Hậu Lê, được Chúa Nguyễn Phúc Chu ban biển ngạch "*Sắc tứ Thiên Ấn tự*" vào năm 1716. Trước chùa có giếng cổ sâu đến hơn 50m, nước trong và ngọt. Tương truyền khi Hoà thượng xây chùa này xong, thấy chùa hiếm nước, bèn tự mình khổ công đào giếng này trong suốt 20 năm, giếng đào xong thì Hoà thượng cũng qua đời. Năm 1947, chùa bị hư hỏng hoàn toàn. Ngôi chùa hiện tại được xây vào năm 1959 và được trùng tu năm 1992. Ở chính điện có pho tượng Đức Phật bằng gỗ cao 0,95m, và một chiếc đại hồng chung được đúc năm 1845. Do vị thế đất thiêng, đông đảo tăng ni, Phật tử đã tôn xưng chùa là Tổ đình Thiên Ấn. Cách chùa Thiên Ấn không xa về phía Tây Nam là mộ chí cụ Huỳnh Thúc Kháng, một nhà nho yêu nước, một nhà báo nổi tiếng, một vị quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Năm 1990, núi Thiên Ấn, cùng chùa Thiên Ấn và mộ cụ Huỳnh đã được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng di tích quốc gia.

Thành cổ Châu Sa

Là một toà thành cổ đồ sộ, còn khá nguyên vẹn, được xây dựng vào khoảng thế kỷ IX, cao 5m, hình vuông, có hai vòng thành: nội và ngoại. Mỗi cạnh dài 800m. Thành cổ Châu Sa, nằm ở thôn Phú Bình, xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh, cách thị xã Quảng Ngãi khoảng 8km về phía Đông Bắc, trên bờ Bắc gần cửa biển sông Trà, một thời là thương cảng buôn bán nhộn nhịp của cư dân Chămpa từ thế kỷ IX đến thế kỷ XIV. Tại đây còn có đồn Cổ Lũy, nằm ở núi Phú Thọ, Cổ Lũy Cô Thôn. Thành này cao 25m, xây nhô ra biển để án ngữ cửa Đại, bảo vệ thành Châu Sa.

Di tích Ba Tơ

Thuộc xã Ba Đông, huyện Ba Tơ, cách thị xã Quảng Ngãi 60km về phía Tây Nam. Là di tích lịch sử cách mạng Việt Nam,

https://www.facebook.com/taybanganh/

là căn cứ địa của đội du kích Ba Tơ trong những năm 1942-1945. Nơi đây có 9 địa điểm để lại nhiều dấu ấn của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và chính quyền cách mạng đầu tiên được thành lập tại Quảng Ngãi.

Năm 1985, Bảo tàng Ba Tơ được xây dựng khá quy mô, tại địa điểm đồn Ba Tơ và sân vận động, trong đó trưng bày nhiều hiện vật và hình ảnh về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ.

Di tích Chiến thắng Vạn Tường

Nằm cách thị xã Quảng Ngãi 35km về phía Đông Bắc, gồm 8 điểm ghi lại Chiến thắng Vạn Tường ngày 18-8-1965 của quân giải phóng miền Nam, nằm trên địa bàn hai xã Bình Hoà và Bình Hải, huyện Bình Sơn.

Hiện nay, nơi đây đã hình thành một thành phố Vạn Tường hiện đại đang ngày càng hoàn thiện.

Chứng tích Sơn Mỹ

Gồm 8 điểm thuộc hai thôn Tư Cung và Cổ Lũy, xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, cách thị xã Quảng Ngãi 12km về phía Đông.

Nơi đây người ta đã xây một tượng đài, để tưởng nhớ đến vụ thảm sát tàn khốc của một đơn vị đặc nhiệm quân đội Mỹ đối với đồng bào Sơn Mỹ xảy ra rạng sáng ngày 16-3-1968. Đây là vụ thảm sát thương tâm nhất, khốc liệt nhất, một vụ giết người hàng loạt trong những năm tháng chiến tranh: 504 người chết, hầu hết là người già, phụ nữ và trẻ em vô tội. Tội ác này của đế quốc Mỹ, trời không dung, đất không tha.

Hiện chứng tích Sơn Mỹ được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng di tích đặc biệt quan trọng.

LỄ HỘI

Quảng Ngãi là tỉnh có nền văn hóa lâu đời, có nhiều di tích lịch sử và cách mạng với nhiều danh lam thắng cảnh đẹp, có

https://www.facebook.com/taybanganh/

núi Ấn, sông Trà, có Cổ Lũy Cô Thôn rợp mát bóng dừa. Quảng Ngãi còn là cái nôi cách mạng đầu tiên ở miền Trung Trung Bộ, có chiến thắng Ba Gia, Vạn Tường... Các dân tộc anh em sống trên mảnh đất Quảng Ngãi đã bao đời nay vẫn luôn giữ được đời sống văn hóa, phong tục lễ hội. Trong đó có những lễ hội tiêu biểu như: lễ hội nghinh Ông, lễ hội Đâm Trâu, hội Đua Thuyền...

Lễ hội Nghinh Ông

Còn gọi là lễ cúng Cá Ông (cá voi) gắn liền với tục thờ cá Ông của các ngư dân sống ven biển nước ta, từ Đèo Ngang, Quảng Bình đến tận Hà Tiên, Phú Quốc thường được tổ chức vào đầu mùa đánh cá ở hầu hết các làng chài. Vì từ lâu người dân vùng ven biển vẫn cho rằng loài cá voi là sinh vật thiêng liêng ở biển, là cứu tinh của những người đi biển.

Lễ hội Nghinh Ông thường được tổ chức tại các lăng, miếu thờ cá Ông, không theo một ngày nào nhất định, mà tùy đặc điểm từng vùng, nhưng có một thời gian chung được tổ chức trước khi vào vụ đánh cá. Trong ngày lễ, lăng, miếu thờ cá Ông được trang hoàng lộng lẫy, trang nghiêm. Các gia đình ngư dân đặt hương án, đèn nhang, bánh trái, hoa, xôi... Ban đêm có treo đèn lồng. Các tàu thuyền đều được neo đậu ở bến. Lễ hội diễn ra trên biển, ngoài khơi, vào hội có rước kiệu, đội trống chiêng, ban nhạc, đội gươm và đội chèo Bả Trạo diễn xướng theo nghi lễ, có hàng ngàn người tham gia.

Lễ hội Đâm Trâu

Của các dân tộc Hrê, Co, Cơ Dong, tổ chức vào thời gian lúa rẫy đã thu hoạch xong tức là vào khoảng tháng 11 hoặc tháng 12 âm lịch. Lễ hội diễn ra trong 4-5 ngày với sự tham gia đầy đủ của dân bản. Đây là dịp để dân bản tạ ơn thần linh, tổ tiên và chiêu đãi họ hàng, sau thời gian gia đình làm ăn khấm khá.

Hội Đua thuyền

Được tổ chức vào những ngày đầu xuân, với những tay chèo khỏe mạnh. Thuyền được trang trí, vẽ hình long, ly, quy, phượng.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vùng hạ lưu sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Trà Bồng, hằng năm đều có tổ chức hội đua thuyền với sự tham gia cổ vũ của hàng vạn người.

QUẢNG NINH

Là một tỉnh ở vị trí địa đầu vùng Đông Bắc có diện tích tự nhiên 5.938km^2, dân số trên 1 triệu người, là nơi sinh sống của nhiều dân tộc anh em như Kinh, Tày, Dao, Sán Chỉ, Cao Lan, Sán Dìu, Hoa...

Quảng Ninh, phía Tây Bắc giáp Trung Quốc có đường biên giới dài hơn 170km, phía Nam giáp Hải Phòng, phía Tây giáp các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Hải Dương, phía Đông giáp vịnh Bắc Bộ với bờ biển dài 250km.

Địa hình Quảng Ninh gồm nhiều vùng: vùng đồi núi gồm hai dãy núi chính ở phía Đông là Quang Nam Châu và Cao Xiêm và những dãy núi thuộc cánh cung Đông Triều, đây chính là vùng "*vàng đen*" của Quảng Ninh. Vùng trung du và vùng đồng bằng ven biển như đồng bằng Yên Hưng, Đông Triều là những vựa lúa chính của tỉnh. Vùng hải đảo rộng lớn với những đảo nổi tiếng như Vân Đồn, Quan Lạn... Đặc biệt vùng biển Hạ Long với trên 2.000 hòn đảo lớn nhỏ, với những bãi cát trắng mịn màng tuyệt đẹp.

Quảng Ninh, mảnh đất giàu tiềm năng có rừng có biển giàu tài nguyên, thiên nhiên với trữ lượng than đá lớn nhất đất nước, nhiều hải sản quý. Quảng Ninh với vịnh Hạ Long vùng du lịch nổi tiếng nhất của Việt Nam, quanh năm mát mẻ, nhiệt độ trung bình cả năm là vào khoảng 25^{0}C.

THẮNG CẢNH

Vịnh Hạ Long

Đầu năm 1995, Ủy ban UNESCO đã ghi tên Hạ Long vào Di sản tự nhiên thế giới.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vịnh Hạ Long, Đông giáp đảo Cái Bầu, cảng Cửa Ông, Tây giáp đảo Tuần Châu, một phần đảo Cát Bà, phía Nam là tuyến đảo chạy dài từ các đảo Ba Mùn, Phượng Hoàng, Hạ Mái đến các đảo Đầu Bê, Mái Nhà. Hạ Long rộng khoảng 1.500km^2, với trên 1.600 hòn đảo lớn nhỏ có tên. Nếu kể cả những đảo không tên, số lượng đảo lên tới trên 2.000.

Dưới bàn tay sắp xếp thần kỳ của tạo hóa, đảo đá Hạ Long không chỉ tạo nên những tác phẩm điêu khắc hoành tráng mà còn là những công trình kiến trúc kỳ vĩ, mỹ lệ. Đảo đá Hạ Long có muôn hình vạn trạng: có đảo đứng đơn độc giữa những luồng lạch như hòn Đũa, hòn Gà Chọi... hoặc dựa vào sườn một đảo khác lớn hơn như hòn Yên Ngựa, hòn Bướm... Có hòn bề thế bốn mặt nhẵn bóng, phẳng lỳ như hòn Âm, Đỉnh Hương... Có hòn càng lên cao càng sắc nhọn, trên đó các loài dây leo, cây dại, các loài thân gỗ như dổi, sầm, thông đá... phủ một màu xanh mượt. Vào mùa hạ, lớp dây leo, phong lan, cây dại đua nhau nở hoa, muôn hồng ngàn tía. Giữa trưa hè bỗng dưng gió đại dương ngừng thổi, cái nóng oi nồng trùm lên bãi bờ, ấy là lúc báo hiệu một trận mưa rào, hay một cơn bão dữ dằn đang xuất hiện đâu đó trên Thái Bình Dương.

Mùa Thu mang đến cho Hạ Long những đêm trăng huyền diệu. Ánh trăng vàng chiếu xuống mặt vịnh. Mặt nước như được dát một lớp thủy ngân óng ánh. Dưới ánh trăng mờ ảo, đảo đá im lìm hiện lên trong cảnh tranh tối, tranh sáng. Đảo quen giờ trở nên xa lạ, huyền bí trong đêm trăng thu.

Mùa Xuân về, khi rừng táo, rừng mơ quanh Vịnh nở trắng một góc trời, là lúc Hạ Long mở ra một thế giới huyền ảo. Hạ Long chập chờn trong làn sương mung lung. Thuyền đi trong sương, ta ngỡ như đi trong mây bồng bềnh.

Trong hàng ngàn đảo đá với hình hài kỳ thú có biết bao hang động kỳ khu, mà mỗi hang, mỗi động đều mang đến cho du khách bao nỗi đam mê, sửng sốt trước vẻ đẹp do tạo hóa sinh thành.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Dưới con mắt giàu tưởng tượng của du khách, các bức chạm nổi tự nhiên hiện lên với bao hình thù vừa quen thuộc, vừa xa lạ, vừa thật, vừa ảo... Đó là các hang Sửng Sốt, động Thiên Cung, động Hoa Cương, Tam Cung, hang Trinh Nữ...

Vịnh Hạ Long là nơi quần tụ những ngọn núi đá hình thù kỳ thú như hiện thân sự sống của những động vật khổng lồ từng ngự trị nơi đây hàng triệu năm, giờ đã hóa đá: Nơi này đôi gà chọi đang sải cánh chọi nhau (hòn Gà Chọi), nơi kia là nàng thiên nga đang bơi lội (hòn Thiên Nga), xa xa là chú ngựa chiến đang phi nước đại (hòn Yên Ngựa)...

Vịnh Hạ Long không chỉ đẹp mà còn là kho báu vô tận về thủy hải sản. Biển Hạ Long có gần 1.000 loài cá, trong đó có 730 loài cá đã có tên và nổi tiếng thơm ngon là chim, thu, nụ, đé... Ngọc trai Hạ Long là mặt hàng xuất khẩu có giá trị trên thế giới.

Hạ Long vang vọng chiến công của cha ông thuở trước và con cháu hôm nay. Đây chính là nơi các triều đại Ngô Quyền, Lê Đại Hành, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo... nối tiếp lập chiến công hiển hách. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, quân dân Hạ Long đã bắn rơi nhiều máy bay và bắt giặc lái Mỹ.

Vịnh Hạ Long có nhiều trũng biển kín đáo. Đáy vịnh khá sâu. Đó là những hải cảng thiên nhiên, đảm bảo cho tàu bè ẩn náu trong những lúc mưa bão, cũng là vị trí trọng yếu cho Hải quân Việt Nam lúc phòng thủ và tấn công.

Hạ Long còn là vùng di chỉ văn hóa lâu đời của dân tộc. Cách nay hàng vạn năm, biển Hạ Long đã có con người sinh sống. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy dấu tích của con người thời đại đồ đá cũ. Vì vậy Hạ Long lại được UNESCO công nhận Di sản thế giới lần thứ hai về địa chất vào năm 2000.

Núi Bài Thơ

Trước đây có tên là núi Truyền Đăng, năm 1468, vua Lê Thánh Tông đi kinh lý qua đây, xúc cảm trước cảnh thiên nhiên

https://www.facebook.com/taybanganh/

kỳ vĩ đã làm một bài thơ và được tạc vào đá núi. Bài thơ khắc trên vách núi trong một khung hình vuông, mỗi chiều dài 1,5m, đi thuyền cách bờ vịnh khoảng 300m có thể nhìn thấy. Từ đó núi này có tên gọi là núi Bài Thơ. Năm 1729, An Đô Vương Trịnh Cương cũng có một bài thơ khắc vào vách núi này.

Núi Bài Thơ thuộc loại "*danh sơn*" của Việt Nam, cao 106m. Cách nay khoảng trên 100 năm, núi Bài Thơ còn là một đảo đá nằm chơi vơi giữa Vịnh, do khai thác than, đem đất đá đổ xuống bờ vịnh và tạo thành mặt bằng của các phố Hòn Gai hôm nay.

Bãi Cháy

Là bờ biển phía Tây vịnh Hạ Long, cạnh sông Cửa Lục nổi tiếng. Nói là "bãi" nhưng thực ra là dải đồi kéo dài hơn 3km, từ Cửa Lục đến Cái Dăm. Trước mặt Bãi Cháy là vịnh Hòn Gai, rộng gần 100km^2.

Cái tên Bãi Cháy gợi lên một vùng khô cháy, tro bụi. Ý nghĩa đó đúng như tên Bãi Cháy lúc mới đặt. Sử chép rằng: Xưa kia, phía Tây vịnh Hạ Long là một khu rừng rậm rạp. Tháng 2-1288, đoàn thuyền lương thực của giặc Nguyên-Mông bị quân của Đại tướng Trần Khánh Dư chặn đánh đã cố chạy về hướng sông Bạch Đằng, hy vọng quân của Ô Mã Nhi đi trước quay lại cứu. Nhưng không ngờ vừa đến Cửa Lục đã sa vào trận địa mai phục của quân ta, bị đánh tơi tả. Quân ta đi thuyền nhẹ xông ra đánh xáp lá cà. Nhiều thuyền nan, bè nứa của quân ta chất đầy rơm rạ, cỏ khô và dầu thông đang bốc cháy cho lao vào thuyền giặc. Quân giặc chết như rạ, tướng giặc Trương Văn Hổ hoảng sợ cướp thuyền con bỏ chạy một mạch về đảo Hải Nam. Trong chiến thắng Cửa Lục, chiến thuật hỏa công của ta góp phần quan trọng làm cháy nhiều thuyền lương của địch. Thuyền địch bị cháy, theo gió mùa Đông Bắc tạt vào bờ phía Tây Vịnh Hòn Gai, làm cháy khu rừng rậm rạp đang mùa khô hanh. Từ đó dãy đồi núi rậm rạp xưa kia bị cháy trong trận đánh hỏa công của quân ta, mang cái tên tên lịch sử "Bãi Cháy" như ngày nay.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bãi Cháy là một khu trong lành, yên tĩnh, thích hợp với nghỉ ngơi du lịch. Dọc bờ vịnh dài trên 3km uốn cong như chiếc vai cày với hàng dừa, rặng phượng xanh mướt tỏa bóng mát rượi. Đâu đó dưới chân đồi hay trên đỉnh đồi cao, lớp lớp những ngôi biệt thự nghỉ mát, những nhà hàng khách sạn sang trọng mọc lên. Dọc bờ biển, thấp thoáng dưới những hàng cây xanh là những kiốt xinh xắn đông vui tấp nập.

Biển bờ Bãi Cháy quanh năm lộng gió, nhiệt độ trung bình cả năm là khoảng 23^0C. Dọc bờ biển đã có Công viên Quốc tế Hoàng Gia dài 1.500m, là nơi vui chơi giải trí, ăn uống nghỉ ngơi. Xa xa là đảo Tuần Châu, nay đã có đường bộ ra đảo. Một nơi nghỉ ngơi, biểu diễn văn nghệ lý tưởng cho du khách.

Hang Đầu Gỗ

Cách Bãi Cháy 8km, đảo Đầu Gỗ là một đảo lớn, cao 189m. Trong sử sách gọi là đảo Vạn Cảnh. Trong đảo có hang Đầu Gỗ cách mép nước 90 bậc đá. Hang có ba ngăn: ngăn ngoài, giữa và trong cùng. Ngăn ngoài thấp hơn cửa hang 4m, là một lòng chảo chứa được 3-4 nghìn người. Trong hang có nhiều măng đá, nhũ đá hình thù kỳ lạ như hình con rùa, mai rùa có nhiều rãnh nhỏ, sâu chạy dọc ngang trên các mô đá lô nhô. Tương truyền đó là sa bàn trận đại thắng Bạch Đằng tháng 4-1288 của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Ngoài ra còn nhiều hình thù khác như đầu sư tử, đầu nghê, hình vị La Hán...

Theo một lối hẹp quanh co dẫn vào ngăn thứ hai. Ở giữa ngăn có một khối đá cao 1m, tròn, trong suốt. Khi ánh đèn chiếu vào khối đá sáng rực lên, phản chiếu lại vô số luồng sáng xanh đỏ, tím, vàng...

Ngăn thứ ba như đáy chiếc vó, có nhiều măng đá kích thước nhỏ, nhưng nhiều hình thù kỳ thú.

Tháng 10-1957, lần đầu tiên Bác Hồ đến thăm hang Đầu Gỗ. Bác tần ngần ngạc nhiên trước vẻ đẹp của những nhũ đá.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đảo Tuần Châu

Là đảo đất duy nhất nằm lẫn trong rừng đảo đá trùng điệp ở phía Tây và Tây Nam vịnh Hạ Long. Đảo này vốn nằm giữa biển, cách Cái Dăm 2km về phía Nam, cách đảo Đầu Gỗ 3km về phía Tây. Dưới các triều đại phong kiến, ở Tuần Châu thường xuyên có một đội lính tuần do một tri châu điều khiển, kiểm soát đường biển từ Móng Cái vào. Đảo có tên Tuần Châu là do ghép hai chữ *tuần* (lính tuần) và *châu* (tri châu) lại mà thành.

Từ năm 2002, một con đường hiện đại từ đất liền ra đảo đã được xây dựng. Ban đêm hai bên rực sáng ánh đèn chiếu xuống mặt vịnh. Đảo Tuần Châu nay trở thành khu du lịch nổi tiếng, có diện tích rộng khoảng 400ha. Khu du lịch tổng hợp mới được xây dựng đã biến Tuần Châu thành bán đảo du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển, vui chơi giải trí đứng hàng đầu Đông Nam Á. Trên đảo có nhà hát mái vòm 2.500 chỗ ngồi, mang hình dáng cánh chim hải âu khổng lồ đang tung cánh, dùng để biểu diễn nghệ thuật, ca nhạc và thường xuyên biểu diễn cá heo, sư tử biển. Ngoài ra có khu ẩm thực với hàng chục toà nhà theo kiểu cung đình sang trọng ẩn mình dưới những rặng thông già xanh mát, cụm nhà nghỉ Bungalow, các dịch vụ vui chơi ngoài trời: tắm biển, trượt thác nhân tạo, suối Thiên Thai, leo núi...

Trong tương lai không xa sẽ có đường thủy cung xuống động Thiên Cung, cáp treo đến đảo Cát Bà, sân golf, sân bay trực thăng, nhà hàng nổi, casino, làng du lịch sinh thái...

Động Thiên Cung

Thiên Cung là một động lớn và đẹp mới được phát hiện trong những năm gần đây. Động nằm về phía Bắc đảo Đầu Gỗ, cùng nằm trên một sườn đảo với hang Đầu Gỗ và cách hang Đầu Gỗ khoảng 200m, cách Bãi Cháy khoảng 4km, rộng gần 10.000m^2.

Hang cao 25m, cửa hang hẹp. Lòng động hình tứ giác với chiều dài 250m, rộng 25m cách mặt nước khoảng 80m. Đi sâu vào phía trong hang thông ra ngoài bằng một cửa nhỏ, nhìn xuống một vịnh biển nhỏ, bị vây kín bởi một vòng cung núi.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Động Thiên Cung thực sự là "cung điện nhà trời".

Ngay ở cửa hang chính là một khối đá, hình chú đại bàng đang xõa cánh, như đang đứng canh giữ động. Trong động có những khu như cung điện, có nhiều nhũ đá hình thù kỳ lạ như nhũ đá "*Vú mẹ Âu Cơ*", gậy Tôn Ngộ Không...

Hang Sửng Sốt

Ở trên đảo Bồ Hòn, trong cùng một rặng núi với hang Cửa Giữa. Đường vào hang là những bậc đá ghép quanh co, chếch với mặt nước khoảng 45^0. Hang Sửng Sốt có hai ngăn. Ngăn ngoài vuông vức, bốn vách dựng đứng. Trần và nền hang bằng phẳng. Ngăn ngoài đi vào ngăn trong qua một khe đá hẹp. Ngăn trong có 5 nhũ đá hình ông tượng, ở năm tư thế khác nhau bằng thạch nhũ trắng. Nằm trước nhóm tượng là cả một thế giới loài nghê, sóc, cá sấu... Ở chính giữa lòng hang một khối thạch nhũ trắng toát, mang dáng vẻ một vị tướng đời xưa, khoác hoàng bào, ngồi trên lưng ngựa...

Hang Sửng Sốt rộng 12.200m^2 vào loại đẹp nhất vịnh Hạ Long. Cửa hang cách mặt nước biển 25m. Dưới ánh sáng mờ ảo và bàng bạc hơi nước, các măng đá, trụ đá, nhũ đá trong hang giống người và các loài động vật, chừng như sống dậy, cử động khiến cho du khách bàng hoàng, sửng sốt.

Hang Cửa Giữa

Còn có tên hang Con Gái, hay hang Trinh Nữ. Tên hang bắt nguồn từ một câu chuyện tình đau khổ: Thuở ấy ở vùng Phong Cốc (Yên Hưng) có đôi vợ chồng nghèo làm nghề chài lưới thuê, sinh được một cô con gái xinh đẹp tên là He. Bố mẹ He quanh năm sống nhờ vào thuyền lưới của tên chủ giàu có trong vùng. Thấy He tuổi dậy thì xinh đẹp, tên chủ ngư gọi bố mẹ He đến, bảo đưa He đến làm vợ kế cho nó. Hắn dọa: nếu bố mẹ He không nghe lời, thì lập tức trả thuyền lưới cho hắn. Thương con đứt ruột, nhưng vì sự sống còn của gia đình, bố mẹ He đành ngậm

https://www.facebook.com/taybanganh/

đắng nuốt cay, mang con gái đến cho tên chủ ngư. Tên chủ ngư hí hửng, nhưng hắn đã nhầm, He đến nhà hắn nhưng quyết không làm vợ kế hắn. Sau nhiều lần dụ dỗ rồi hăm dọa, đánh đập tàn nhẫn vẫn không làm xiêu lòng He. Tên chủ liền sai gia nhân trói tay chân He đưa xuống thuyền, đày ra hang Cửa Giữa. He bị buộc chặt vào vách đá trước cửa hang và bỏ đói khát. Tuy vậy, ngày ngày He vẫn cất tiếng hát cho tới lúc kiệt sức. Cô chết, bà con ngư dân trên vịnh Hạ Long thương nhớ, chôn cất cô ngay ở cửa hang và lập miếu thờ bên hốc đá. Tại nơi cô He bị cột vào vách đá và chết, sau đó ít lâu bỗng mọc lên một cột đá giống hình người con gái. Từ đó nhân dân quen gọi hang Cửa Giữa là hang Con Gái hoặc hang Trinh Nữ.

Hang Trống

Ở cùng một trũng biển với hang Cửa Giữa, cách hang Cửa Giữa khoảng 500m về phía Tây Bắc. Hang Trống có hai cửa rộng thông nhau theo chiều Đông Tây qua một vách đảo. Cửa hang phía Đông sát mép nước. Cửa phía Tây cao hơn mép nước 5m. Ở cửa này từ trên trần hang rủ xuống những chùm thạch nhũ trắng bạc, lơ lửng, tựa những chùm dây hoa phong lan.

Đứng trong hang Trống, ta nghe đâu đây vang lên tiếng trống đều đặn, xa vời... Đó là tiếng gió lùa vào các lèn đá, dội trở lại vách hang nghe như tiếng trống. Có lẽ vì thế người dân địa phương mới gọi là hang Trống chăng?

Động Hang Hanh

Cách thị xã Cẩm Phả 9km về phía Tây, là một đường hầm uốn khúc quanh co dài gần 2km. Một con thuyền nhỏ len lỏi qua những phiến đá nằm so le trước cửa động sẽ đưa du khách vào thăm động. Càng vào sâu vẻ đẹp của động càng trở nên huyền bí. Nhũ đá từ trên trần hang rủ xuống với muôn hình muôn vẻ. Có những khối nhũ đá trông tựa ngôi chùa cổ, có nhũ đá mọc thẳng đứng hình trụ tròn như cây cột đình làng lớn được dát những hạt cườm óng ánh. Lại có vách đá bị lõm vào tưởng như một sân khấu tròn, mà dàn diễn viên là những thạch nhũ có dáng hình

https://www.facebook.com/taybanganh/

như vũ nữ, ca sĩ... Càng vào sâu trong động không gian càng thêm huyền bí, du khách có cảm giác như đang lạc vào một thế giới của những câu chuyện cổ tích.

Hòn Đỉnh Hương

Nằm trên tuyến du lịch Đỉnh Hương - Gà Chọi. Hòn Đỉnh Hương là một ngọn núi đá có hình đỉnh hương không cao lắm. Trong hải đồ của Pháp trước đây, hòn Đỉnh Hương được gọi là hòn Bình Phong. Nó nằm chắn ngang lạch nước. Lúc triều lên cao nó giống một tấm bình phong vuông vắn. Nhưng khi nước triều xuống để lộ 4 chân uốn khúc mảnh khảnh, nâng khối đá hình chữ nhật, trông lại tựa chiếc đỉnh hương.

Hòn Gà Chọi

Qua khỏi hòn Đỉnh Hương khoảng 1km về phía Đông Bắc, du khách sẽ không khỏi ngạc nhiên khi nhìn thấy hai khối đá, như một đôi gà chọi khổng lồ đang giang cánh chọi nhau trên mặt nước. Đó là hòn Gà Chọi. Viết về hòn Gà Chọi, nhà thơ Xô Viết Gurơxanốp mô tả:

Núi chừng xích lại gần nhau,
Khổng lồ hai con gà trống.
Chọi nhau nào có nghỉ đâu,
Mà vẫn đứng yên không động.

Hòn Yên Ngựa

Tuy là một ngọn núi không lớn nhưng có dáng rất kỳ vĩ. Từ hai phía Đông và Tây nhìn về, đảo Yên Ngựa giống con ngựa màu xám đang phi nước đại, lao mình về trước, nhưng bốn vó vẫn giẫm trên mặt nước cuộn sóng. Vào những lúc gió mạnh, khóm cây dại trên đỉnh đảo bị nghiêng ngửa, lại càng giống bờm con ngựa đang phi.

Hòn Rồng

Phía Đông vũng Tàu Đắm,[1] một đảo đá vút lên sừng sững như ngọn tháp cổ. Đó là Hòn Rồng, lặng lẽ trang nghiêm như

https://www.facebook.com/taybanganh/

người lính đứng gác. Trong cuộc kháng chiến chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, khi máy bay Mỹ xuất hiện, các chiến sĩ trên đảo hòn Rồng đã nổ súng đánh trả quyết liệt.

Các chiến sĩ trên đảo không bao giờ quên một vinh dự lớn lao đã đến với họ: Đó là vào một ngày cuối tháng 10-1959, Bác Hồ đã đến thăm đảo. Bác đã tặng đơn vị chiếc đài bán dẫn còn mới nguyên, do một Đảng bạn tặng Bác. Bác âu yếm nói với các chiến sĩ: "*Mỗi khi các chú mở nghe Đài tiếng nói Việt Nam, là các chú hiểu rằng Bác luôn luôn ở bên cạnh các chú*".

Hòn Đũa

Còn gọi là hòn Ông Cụ, cách Bãi Cháy khoảng 15km về hướng Đông. Đây là một ngọn núi đá cao khoảng 40m, hình tròn như chiếc đũa phơi mình giữa đại dương. Nhưng nếu nhìn hòn Đũa từ hướng Tây Bắc, ta bỗng thấy nó có hình thù khác: đầu hơi loe và nghiêng xuống, bụng phình ra. Ở hướng này, hòn Đũa giống một vị quan văn đời xưa, mặc áo thụng xanh, đầu đội mũ cánh chuồn, hai tay chắp trước ngực. Vì vậy, hòn Đũa có tên là hòn Ông Cụ.

Đảo Ngọc Vừng

Là đảo đất, hình gần vuông, mỗi chiều 4km. Cách nay 5.000 năm, người nguyên thủy thời đại đồ đá mới đã đến cư trú. Trong lúc làm ruộng, người dân ở đây đã nhặt được rìu đá, bôn đá vừa có vai, vừa có nấc, chì lưới, bàn mài có rãnh... đó là những di sản mà người nguyên thủy sinh sống ở Ngọc Vừng đã sử dụng.

Vào cuối những năm 1930, một chủ lò thủy tinh ở Ngọc Vừng đã phát hiện ra di chỉ đá mới. Các nhà khảo cổ Pháp đã đến đảo này, căn cứ vào hình dáng của những di vật thu lượm được trên đảo, họ đã đặt tên cho di chỉ đồ đá ở đây là "Nền văn hóa Danhdôla" (tên đảo Ngọc Vừng ghi trên hải đồ của người Pháp).

Cách di chỉ cư trú của người nguyên thủy 500m về phía Bắc, còn vết tích một nhà tù của thực dân Pháp, nơi giam cầm các

https://www.facebook.com/taybanganh/

lãnh tụ và nghĩa quân trong phong trào Cần Vương bị Pháp bắt, trong đó có Đề Hồng, Cái Thái, Lãnh Hy, Lãnh Pha, là những lãnh tụ của các cuộc khởi nghĩa chống Pháp hoạt động ở vùng Hạ Long. Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân trên quần đảo Vân Hải kéo đến Ngọc Vừng phá nhà tù, thấy trên các tường buồng giam loang lổ những chữ viết bằng máu: "Việt Nam độc lập", "Diệt Pháp hưng quốc"...

Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, ngày 24-12-1972, bằng 14 phát đạn 12,7mm, quân dân đảo Ngọc Vừng đã bắn rơi chiếc máy bay F.4E của giặc Mỹ đến gây tội ác và là chiếc thứ 200 của quân dân Quảng Ninh bắn hạ.

Đảo Quan Lạn

Cách Ngọc Vừng 16km về phía Đông Nam. Trên đảo có nhiều đồi cát trắng, nối tiếp nhau chạy theo chiều dài của đảo. Cát Quan Lạn (còn gọi cát Vân Hải) có nhiều tầng, trong đó hai tầng có giá trị công nghiệp lớn là tầng cát trắng và tầng cát trắng sữa. Hai tầng này nằm lộ thiên và phân bố rộng khắp. Cát Quan Lạn phần lớn là tinh thể thạch anh, có độ cứng vạch được thép, được dùng xuất khẩu và là nguyên liệu cung cấp cho nhà máy thủy tinh Hải Phòng, nhà máy bóng đèn phích nước Hà Nội...

Cách nay 700 năm, từ triều đại nhà Lý trở đi, đảo Quan Lạn là một thương cảng, tấp nập thuyền bè các nước Lộ Lạc, Xiêm La, Trảo Oa... vào buôn bán làm ăn. Dấu vết của thời thương cảng sầm uất còn để lại đến ngày nay là các dãy nền nhà cũ trên các bến thuyền. Ở trên mỗi bến thuyền đều có một giếng nước ngọt. Trên bến Cái Láng có giếng Hệu (hay giếng Nàng Tiên). Trên bãi Con Quy có giếng Rùa Vàng...

Đảo Cô Tô

Còn gọi là đảo Ngọc, cách Bãi Cháy hơn 100km, cách xã Thạch Hà, huyện Cẩm Phả 60km. Cô Tô có 32 hòn đảo. Có hai đảo lớn là Cô Tô Lớn, dài 12km, rộng 2,5km và Thanh Lân dài 9km, rộng 3km, cách Cô Tô Lớn 3km.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thanh Lân nổi tiếng là hòn đảo cam. Trên những ngọn đồi thoai thoải cao không quá 30-40m là vùng đất đỏ với những vườn cam ngút ngàn.

Nhưng nói đến Cô Tô là phải kể đến ngọc trai. Ngọc trai Cô Tô nổi tiếng trong cả nước. Xưa kia ngọc trai, ngọc điệp ở vịnh Hạ Long nhiều đến nỗi đêm đêm ánh hào quang của ngọc từ đáy biển hắt lên sáng một vùng vịnh. Tên các đảo trong vùng vịnh có nhiều ngọc trai, ngọc điệp đều gắn liền với nguồn lợi này như: Minh Châu (ngọc sáng), Ngọc Vừng (ngọc phát sáng)... Sách "*Đại Việt sử ký toàn thư*" chép: "... biết vịnh Hạ Long nhiều ngọc trai, ngọc điệp, bọn con buôn ngoại quốc từ thế kỷ XV đã ngầm đến vùng biển này lén lút mua ngọc trai." Dưới thời thống trị của bọn phong kiến thực dân, nhân dân các đảo quanh năm phải lặn lội khổ sở để mò ngọc trai dâng cho chúng. Vì thế, trong một thời gian dài, ngọc trai, ngọc điệp vùng biển Quảng Ninh bị tuyệt giống.

Trà Cổ

Nằm về phía Đông Nam vịnh Hạ Long cách Bãi Cháy 195km đường bộ, 202km đường biển, bán đảo Trà Cổ gồm xã Bình Ngọc và xã Trà Cổ.

Nhân dân Trà Cổ kể rằng, xưa kia Trà Cổ là nơi hoang vu, chỉ có sú vẹt và dứa dại mọc. Một gia đình ngư dân Đồ Sơn không may bị bão dạt vào nơi đây. Lưới thuyền bị rách nát, lương thực không còn, không thể tìm đường về quê cũ, bèn quyết định ở lại Trà Cổ làm ăn. Ngày ngày họ khai sơn phá thạch làm nhà, cày cấy. Cuộc sống của họ ngày một khấm khá dần, con đàn, cháu đúm, sinh sôi phát triển. Đó là những người dân đầu tiên của xóm làng Trà Cổ.

Bãi biển Trà Cổ là một trong những bãi biển đẹp nhất Việt Nam, bãi rộng bằng phẳng, nền cát trắng mịn, chắc, chạy dài tới 15km. Sáu trăm năm trước, đại thi hào Nguyễn Trãi đã đến thăm Trà Cổ. Dưới con mắt của ông, Long Vĩ (tên xưa của Trà

https://www.facebook.com/taybanganh/

Cổ) không chỉ là nơi "trời trong, biển biếc, cánh buồm như say" mà còn là "Long vĩ sơn hoành han yếu xung" (Long vĩ giăng ngang chặn hiểm xung).

DI TÍCH

Đình Trà Cổ

Tọa lạc ở giữa bán đảo Trà Cổ, được xây dựng vào khoảng năm 1462, thờ 6 vị Thành hoàng có công khai sơn lập ấp. Đình có kiến trúc theo kiểu chữ "*công*" (工), trên diện tích 400m^2. Tiền đường gồm năm gian hai chái và ba gian hậu cung. Bên trong gác dầm lát ván với 48 cột gỗ lim, cột cái cao 4,5m, chu vi 1,5m. Bộ khung mái làm bằng gỗ quý chạm trổ tinh vi. Nóc đình hơi võng, bốn đầu đao uốn cong. Bức cửa võng lớn chạm tiên cưỡi rồng, lưỡng long chầu nguyệt. Những bức hoành phi câu đối sơn son thếp vàng, đồ thờ bằng đồng có kích cỡ lớn. Đặc biệt đôi hạc gỗ cao 1,5m.

Đình Quan Lạn

Tọa lạc trên đảo Quan Lạn, thuộc quần đảo Vàm Thư, cách Hải Phòng 120km, cách Hòn Gai 55km.

Đình được xây vào cuối thời Lê, thờ Thành hoàng làng là ông Trần Khánh Dư, một vị quan đã từng trấn thủ ở đây nhiều năm và là vị tướng chỉ huy trận chiến thắng quân Nguyên-Mông vào đầu năm 1288. Dưới triều Nguyễn, đình được tu sửa nhiều lần. Đình gồm có bái đình năm gian, hai dãy ống muống, nối mái đình với hậu cung có ba gian. Đình có 32 cột cái, 26 cột quân làm bằng gỗ mần lái. Các mảng chạm khắc trong đình rất công phu tinh xảo tạo nên một bức tranh liên hoàn hoành tráng với các đề tài rồng phượng, hoa lá...

Chùa Quỳnh Lâm

Thuộc xã Tràng An, huyện Đông Triều một trong những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Theo truyền thuyết, tại chùa Quỳnh Lâm, Pháp sư Không Lộ đời Lý, đã cho đúc pho tượng Di Lặc bằng đồng cao khoảng 20m, được xếp vào hàng "*tứ đại khí*" của Việt Nam thời bấy giờ.

Sau những biến cố, chùa bị hư hỏng. Năm 1629, chùa được trùng tu với Phật điện, nhà thiêu hương, tiền đường, giải vũ, nhà hậu Phật, hành lang tả, hữu, nhà tăng, tam quan, gác chuông...

Hiện còn những tấm bia đá dựng trước chùa cao 2,46m, rộng 1,53m. Trong chùa còn có một số chân cột to đường kính 1,28m, có chạm trổ hoa sen theo phong cách thời Lý.

Trong khuôn viên chùa có một số tháp mộ của các vị sư tổ dựng vào thời Hậu Lê (1664).

Đền Cửa Ông

Còn có tên chữ là "Đông Hải Linh từ" tức là đền thiêng thờ vị Đông Hải, tước phong của Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng, người con thứ ba của vị anh hùng dân tộc Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Đền tọa lạc trên một ngọn đồi thấp, bên bờ vịnh Bái Tử Long, thuộc phường Cửa Ông, thị xã Cẩm Phả. Đền đã trải qua nhiều lần đổi tên gắn liền với những truyền thuyết.

Đền gồm: đền Thượng, đền Trung, đền Hạ. Nay chỉ còn đền Thượng. Nguyên xưa đền có tên là miếu Hoàng Cần, một người có công đánh giặc ngoại xâm. Sau đổi tên là miếu Đức Ông, rồi đến đền Cửa Suốt, cuối cùng là đền Cửa Ông. Tên miếu Đức Ông xuất hiện khi nhân dân đưa Trần Quốc Tảng, một vị tướng nhà Trần vào miếu này thờ.

Đền có nhiều pho tượng các tướng lĩnh nhà Trần có công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên-Mông năm 1288 như: Trần Hưng Đạo, Trần Khánh Dư, Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Chế Nghĩa...

Hằng năm vào mùa xuân đến, hàng chục vạn người từ khắp nơi về trẩy hội và hành hương.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Di tích An Sinh

Ở xã An Sinh, huyện Đông Triều, là khu đền thờ và lăng mộ của các vua Trần (1225-1400):

– *Mộ và đền thờ Trần Nhân Tông* (1279-1293) ở núi Ngọc Vân, có lẽ được xây vào thời Hậu Lê, gồm ba cấp: trên cùng là am Ngọc Vân, giữa là cổng tam quan Ngọa Tự Vân, bên trái có miếu Thiên Sơn, dựng năm Vĩnh Thịnh thứ 3 (1707), dưới cùng có hai tháp Phật và lăng vua Trần Nhân Tông.

– *Mộ Trần Anh Tông* (1293-1313) còn gọi lăng Đồng Thái ở đồi Táng Quỷ, dựng từ thời Trần, gồm ba phần. Nhưng hiện chỉ còn vết tích nền lăng ở đỉnh đồi với các bậc thềm đá và hai bên thềm là rồng đá mang phong cách nghệ thuật đời Trần. Tấm bia dựng năm Canh Tý (1840) xác định đây là lăng vua Trần Anh Tông.

– *Lăng mộ Trần Minh Tông* (1314-1329), còn gọi lăng Đồng Mục, nằm ở chân núi, trước lăng Trần Anh Tông, được xây từ thời Trần. Nền lăng chiều Đông Tây dài 10 trượng, Nam Bắc rộng 6 trượng. Có 5 cửa: phía trước ba cửa, mỗi cửa rộng 4 thước, hai bên bậc cửa có rồng đá. Giữa lăng là phần mộ và toà điện nhỏ. Nay chỉ còn vết tích. Tấm bia dựng năm Canh Tý (1840) xác định đây là lăng vua Trần Minh Tông.

– *Lăng Trần Hiển Tông* (1329-1341), còn gọi lăng Nghệ Sơn, xây từ đời Trần. Khu lăng có tường đất bao quanh, bên phải chếch về phía sau có tượng chó đá, trâu đá, chếch về phía trước có hai dãy tám tượng đá: hai người đá, ngựa đá, dê đá và hai hổ đá. Phần mộ có tường gạch bao quanh. Nay chỉ còn lại vết tích một số tường đá và tấm bia dựng Canh Tý (1840) xác định đây là lăng vua Trần Hiển Tông.

– *Lăng Trần Nghệ Tông* (1370-1372) ở xóm Bãi Đá, còn gọi là khu Khe Nghệ, xây từ thời Trần. Chỉ còn tấm bia dựng năm Canh Tý (1840) xác định đây là lăng vua Trần Nghệ Tông.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Yên Tử

Giữa núi rừng hình cánh cung trùng điệp của khu Đông Bắc, Yên Tử vút lên tựa một vọng gác ở độ cao 1068m. Từ xa xưa Yên Tử đã nổi tiếng là một nơi ngoạn mục. Các triều đại phong kiến nước ta đã xếp Yên Tử vào loại "*danh sơn*". Sau khi phái Trúc Lâm Tam Tổ do Trần Nhân Tông chủ xướng ra đời, tại đây người ta xây dựng một hệ thống chùa tháp uy nghi làm cho Yên Tử càng thêm quyến rũ.

Ngày nay Yên Tử thuộc thị xã Uông Bí. Xưa kia Yên Tử có tên là núi Voi. Trong sử sách, Yên Tử còn có tên Bạch Vân Sơn (núi Mây Trắng).

Tục truyền rằng từ thời Ngô Vương ở Yên Tử đã có chùa thờ Phật. Thuở ấy có đạo sĩ Yên Kỳ Sinh đến tu hành ở chùa này và đã đắc đạo, thành Phật. Từ đó chư tăng đệ tử của Yên Kỳ Sinh gọi ngôi chùa nơi ông tu hành là "chùa Ông Yên", tên chữ là Yên Tự (tự là chùa). Về sau người đời quen gọi là Yên Tử.

Đạo Phật thịnh hành ở nước ta bắt đầu từ thời Lý, ngôi chùa dựng sớm nhất trong thời kỳ này là chùa Phú Văn. Vào đời Trần, vị cao tăng trụ trì chùa Phú Văn được mệnh danh là Phú Văn Quốc sư. Ngày 3-4-1237, Trần Thái Tông (tức Trần Cảnh) một mình một ngựa đến Yên Tử để bái yết Phú Văn Quốc sư

Cảnh núi non hùng vĩ, thơ mộng quyện với cảnh chùa am, tháp miếu cổ kính ở Yên Tử đã thu hút Trần Nhân Tông đến nơi đây tu hành và sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm nổi tiếng.

Trần Nhân Tông là con vua Trần Thánh Tông, sinh năm 1258 và mất năm 1308. Ông sống trong những năm tháng sôi động nhất của dân tộc ta. Trong vòng 30 năm (1258-1288), quân dân Đại Việt đã ba lần đánh thắng quân Nguyên-Mông, nhất là trận đại thắng Bạch Đằng mùa xuân 1288 đã đập tan vĩnh viễn mộng xâm lăng của quân Nguyên-Mông. Trong trận chiến đấu này, Trần Nhân Tông đã cùng với vua cha chỉ huy đạo thủy quân hùng mạnh của nhà Trần đóng dưới chân núi Kinh Chủ (Đông Triều) hỗ trợ đắc lực cho bộ binh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Dưới triều Lý, Phật giáo được truyền bá rộng rãi. Đến triều Trần, Phật giáo càng phát triển. Với tầm mắt nhìn xa trông rộng. Trần Nhân Tông đã tìm thấy ở đạo Phật một vũ khí sắc bén để củng cố và duy trì triều đại của mình. Nhưng Phật giáo mà Trần Nhân Tông truyền bá không phải Phật giáo Đại thừa của Ấn Độ, lại càng không phải là Phật giáo Thiền Tông của Trung Quốc, mà là một kiểu Phật giáo được sáng tạo rất Việt Nam. Nó kế thừa mặt tích cực của Phật giáo Đại Thừa và Phật giáo Thiền Tông. Nó không kêu gọi thoát ly trần tục và không ngăn cản cuộc đấu tranh của giai cấp bị bóc lột. Nó là giáo lý điều hoà giai cấp, có khả năng đoàn kết dân tộc để chống kẻ thù xâm lược.

Năm 1299, Trần Nhân Tông lên Yên Tử đi tu, nhiều người trong triều và Hoàng tộc không hiểu được động cơ vừa bí ẩn vừa cao thượng này của Trần Nhân Tông. Duy chỉ có Huyền Quang tôn giả là hiểu được tấm lòng cao đẹp của Trần Nhân Tông. Ông là người sáng tạo ra một giáo lý khác nhiều so với giáo lý đạo Phật bấy giờ. Đối với ông "Phật tức là đời" và ông lấy câu "Thiền tại tâm" làm trung tâm học thuyết của mình.

Vãn cảnh Yên Tử thực chất là một cuộc leo núi đầy thú vị. Trong cuộc hành trình lên Yên Tử du khách đi qua một hệ thống kiến trúc được gọi tên theo những quan niệm trong đạo Phật như: Giải Oan, Vân Yên, Vân Tiêu, Bia Phật, Trần Gian - Lưng Trời - Cung Trời - Ngoài Trời.

Chùa Giải Oan, có suối Giải Oan chạy qua trước cửa chùa. Qua Giải Oan ta đến Lò Rèn. Đây là nơi chư tăng làm ra dao, cuốc để chăm nom vườn tược.

Từ am Lò Rèn, ngược lên Hòn Ngọc, ta theo con đường xếp đá, hai bên là rặng tùng, cổ thụ có từ thời Trần Nhân Tông đến Yên Tử. Trải qua 700 năm, các chùa tháp ở đây xây bằng gạch đá, nhiều cái đã bị hư hại.

Hòn Ngọc, ở độ cao 400m. Đây là gò đất nhô lên cao 1m, mặt rộng và phẳng. Hòn Ngọc còn gọi là núi Hạ Kiệu (nơi vua đến

https://www.facebook.com/taybanganh/

vãn cảnh phải hạ kiệu, đi bộ lên chùa). Trên mặt gò Hòn Ngọc có hơn chục ngọn tháp hình trụ tứ giác cao từ 1m đến 1,8m, là lăng mộ chư tăng tu hành ở Yên Tử từ thời Hậu Lê đến đầu thời Nguyễn.

Cao hơn Hòn Ngọc 100m là khu tháp Tổ, tức Huệ Quang kim tháp (tháp tổ Trần Nhân Tông).

Khu tháp Tổ rộng 300m gồm 45 tháp với nhiều quy mô và kiểu dáng. Chính giữa khu tháp Huệ Quang là lăng Quy Đức, nơi an táng vua Trần Nhân Tông. Lăng Quy Đức có một ngọn tháp lớn ở giữa, bốn mặt có tường vây. Đây chính là tháp Tổ có quy mô lớn nhất, cổ nhất Yên Tử.

Tháp Tổ cao 10m, có chín tầng, mỗi tầng là một khối đá xanh vuông, càng lên cao càng thu nhỏ, nền tháp hình lục lăng, ghép 46 tảng đá. Mặt các tảng đá khắc hoa văn sóng nước, hình núi, trong lòng đặt tượng Trần Nhân Tông bằng đá cẩm thạch, tượng ngồi xếp bằng trên bệ đá chạm rồng, vẻ mặt thanh thản, tượng cao 6,5m.

Chùa Hoa Yên xây phía sau khu tháp Tổ, trên độ cao 8m so với mặt nền tháp. Ngay sát lối lên sân chùa Hoa Yên là cây đại cổ thụ 700 tuổi. Chùa có quy mô lớn nhất và đẹp nhất Yên Tử, nên xưa có tên là chùa Cả. Chùa có hai phần: tiền sảnh và hậu cung, rộng 100m^2, thờ hàng trăm pho tượng đồng. Tượng đồng lớn nhất là tượng Trần Nhân Tông đặt chính giữa hậu cung, ngồi xếp bằng trên toà sen.

Trước kia chùa Hoa Yên còn có lầu chuông, lầu trống, am thiền định, nhà dưỡng tăng, nhà khách, nay không còn.

Phía sau chùa Hoa Yên, trên độ cao 20m, là chùa Phổ Đà, nay chỉ còn phế tích.

Sau chùa Hoa Yên, men theo đường vắt qua sườn núi ta đến am Ngọc Vân, ta vượt Thác Tử. Thác Tử ở trên lèn đá cao 10m đổ nước xuống.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Am Ngọc Vân đối diện với Thác Tử, nằm ở sườn núi, đứng dưới hai cây tùng cổ thụ.

Từ am Ngọc Vân đi lên, con đường gần như dựng đứng. Tột cùng con đường này là chùa Bảo Sái. Chùa không lớn, ở vị trí cheo leo. Chùa thờ các pho tượng bằng đồng. Trong đó có 3 pho tượng Trúc Lâm Tam Tổ và tượng Bảo Sái là lớn nhất. Bảo Sái là một đệ tử được Trần Nhân Tông yêu mến, giao cho việc trông coi Ngộ Ngữ Viện.

Cách chùa Bảo Sái 200m về phía Tây và ở cùng độ cao là chùa Vân Tiêu. Chùa bị cháy cuối thế kỷ XIX, nay chỉ còn phế tích.

Rời chùa Vân Tiêu, du khách tiếp tục lên chùa Đồng. Trước khi đến chùa Đồng, du khách sẽ nhìn thấy một nhà sư mặc áo thâm, hai tay chắp trước ngực, đứng lặng lẽ nhìn ra lối đi như đang cầu nguyện. Đó là hình một măng đá cao 3,5m, ở góc độ nào cũng nhìn thấy giống một nhà sư. Truyền thuyết kể rằng, khi Yên Kỳ Sinh đắc đạo thành Phật đã nhập vào măng đá này. Từ đó người đời gọi là tượng Yên Kỳ Sinh (hay An Kỳ Sinh). Dưới chân tượng có am nhỏ.

Vùng chóp núi Yên Tử là một tảng đá nguyên khối hình cánh quạt, nghiêng từ Tây sang Đông. Chùa Đồng dựng trên một mô đá cao ngất và khá bằng phẳng, như cái chốt quạt.

Chùa Đồng xưa gọi là chùa Thiên Trúc. Chùa xây dựng lần đầu là một khối hình trụ chữ nhật cao 1,35m, đáy rộng 1,1m và dài gần 1,4m, trong chùa có tượng đồng. Đến đời Lê Hiển Tông, cả chùa lẫn tượng bị mất cắp. Đến thời Nguyễn chùa được dựng lại, bằng kích thước cũ nhưng bằng xi măng cốt thép.

Di tích Bạch Đằng

Thuộc huyện Yên Hưng, nơi lưu giữ những di tích văn hóa lịch sử cấp quốc gia gắn liền với chiến công hiển hách của dân tộc, mà tiêu biểu là Ngô Quyền chống quân Nam Hán năm 938 và Trần Hưng Đạo chống quân xâm lược Nguyên-Mông năm 1288.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Di tích Bạch Đằng là một quần thể gồm: bãi cọc Bạch Đằng, hai cây lim ở Giếng Rừng, đền thờ Trần Hưng Đạo, miếu Vua Bà và đình Trung Bản.

Bãi cọc Bạch Đằng ở sát đường số 10, được phát hiện năm 1953 trên một khu đất rộng nhiều hécta, hiện chỉ khoanh một vùng khoảng 300m^2 với hàng trăm chiếc cọc bằng gỗ lim, cắm sâu xuống lòng đất. Tại đây, ngày 9-4-1288, dưới tài chỉ huy thao lược của Hưng Đạo Vương, toàn bộ 400 chiến thuyền của Ô Mã Nhi và hơn 4 vạn quân giặc đã bị tiêu diệt.

Từ ngã ba bến phà Rừng, rẽ trái một đoạn ngắn là đến đền thờ Trần Hưng Đạo và miếu Vua Bà trên một khu đất rộng gần bờ sông Bạch Đằng. Hằng năm, dân thập phương về đây tưởng niệm người anh hùng dân tộc.

LỄ HỘI

Lễ hội Yên Tử

Vùng đất được coi là "*núi Tổ miền Đông Hải*". Đây là nơi phát tích Thiền phái Trúc Lâm của đạo Phật. Hằng năm vào mùa xuân, mọi người đều đến dự lễ hội, vừa tỏ lòng thành kính đối với Phật, vừa để tưởng nhớ đến một giai đoạn phát triển rực rỡ về mọi mặt của đất nước.

Lễ hội Trà Cổ

Hằng năm tổ chức vào ngày 30-5 đến 7-6 âm lịch tại làng Trà Cổ để kỷ niệm thành lập làng chài cách nay 600 năm. Phần lễ gồm rước ngai của một vị đại vương, từ đình ra miếu (mỗi năm 1 vị). Tại đây tiến hành lễ tế, sau đó rước về đình. Phần hội tổ chức nhiều trò chơi: kéo co, bơi trải, hội hóa trang. Đặc biệt có tục lệ 12 đám rước mang lợn ra tế thần, rồi thi lợn, đám nào có con to nhất sẽ được lĩnh thưởng...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ hội đền Đức Ông

Hằng năm vào ngày 24-3 âm lịch, hội đền Đức Ông được tổ chức tại chùa Long Tiên dưới chân núi Bài Thơ, Thành phố Hạ Long. Đền thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và một số tướng sĩ nhà Trần.

Mở đầu lễ là rước bài vị Đức Ông từ đền đến chùa Long Tiên, sau khi làm xong lễ tế lại rước về đền. Trong ngày hội có tổ chức vui chơi: đấu cờ tướng, đấu vật, hát chầu văn, diễn chèo...

Lễ hội đền Cửa Ông

Còn gọi là đền Cửa Suốt, thuộc phường Cửa Ông, thị xã Cẩm Phả, thờ Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng (ở bái đường) và Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (ở hậu cung). Trong đền có 30 pho tượng đều là các vị danh tướng của nhà Trần. Lễ hội đền Cửa Ông hằng năm diễn ra ngày 3-2 âm lịch để tưởng nhớ công ơn hai cha con Trần Quốc Tuấn và Trần Quốc Tảng cùng các danh tướng của ông.

Lễ hội đình Quan Lạn

Lễ hội của làng chài ở đảo Quan Lạn, huyện Cẩm Phả. Đình Quan Lạn thờ Trần Khánh Dư, được tôn vinh là Thành hoàng làng, cùng ba anh em họ Phạm là tướng tài của Trần Khánh Dư. Hằng năm lễ hội diễn ra ngày 26-6 âm lịch gồm nhiều lễ: lễ sửa soạn thuyền đua, lễ nghinh thần tại đình, lễ rước bài vị Trần Khánh Dư.

Trong hội có tổ chức nhiều trò chơi như kéo co, đánh đu, cờ người, diễn chèo.

Ngày cuối của lễ hội là lễ cầu yên tại đình, đốt thuyền giấy, rước bài vị Thành hoàng làng về.

https://www.facebook.com/taybanganh/

QUẢNG TRỊ

Là một tỉnh miền Trung, có tổng diện tích tự nhiên 4.588km^2, dân số 562.300 người, gồm nhiều dân tộc: Kinh, Bru, Vân Kiều, Pa Cô, Tà Ôi, Nùng, Xtiêng, Xu Đăng, có thị xã Đông Hà là tỉnh lỵ, ngoài ra còn có thị xã Quảng Trị và các huyện: Vĩnh Linh, Do Linh, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng, Hương Hóa, Đa Krông.

Quảng Trị có dòng sông Bến Hải, cầu Hiền Lương, một thời là giới tuyến chia cắt hai miền Nam - Bắc Việt Nam trong hơn 20 năm (1954-1975).

Quảng Trị, phía Bắc giáp Quảng Bình, phía Nam giáp Thừa Thiên Huế, phía Tây giáp tỉnh Savanakhẹt (Lào), phía Đông giáp biển Đông với bờ biển dài 75km.

Địa hình khá đa dạng, bao gồm đồi núi, đồng bằng, cồn cát và bãi biển. Mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhất là các huyện miền núi, tiềm năng thủy điện lớn.

Khí hậu Quảng Trị khá khắc nghiệt, có gió Tây Nam, gió Lào khô và nóng.

Về giao thông Quảng Trị khá thuận lợi, có đường 9 nối với nước bạn Lào, qua cửa khẩu Lao Bảo, có đường sắt, quốc lộ 1A đi qua.

Trong những năm chiến tranh chống Mỹ, Quảng Trị là một trong những mảnh đất nóng bỏng, bom đạn Mỹ cày đi xới lại hàng trăm lần.

Ngày nay, Quảng Trị là một trong những nơi có nhiều di tích lịch sử cách mạng. Qua cầu Đa Krông là đến đường mòn Hồ Chí Minh lịch sử, còn ghi đậm kỳ tích oai hùng của nhân dân Việt Nam trong thời kỳ chống Mỹ.

Thành cổ Quảng Trị trước chỉ là đống gạch vụn, nay được tái thiết, là nơi gắn liền với chiến dịch lịch sử mùa hè 1972 và với biết bao địa danh khác nổi tiếng khắp cả nước: địa đạo Vĩnh

https://www.facebook.com/taybanganh/

Mốc, đảo Cồn Cỏ, Khe Sanh, căn cứ Cồn Tiên, Dốc Miếu, hàng rào điện tử Macnamara.

Quảng Trị có bãi tắm Cửa Tùng được coi là bãi tắm Hoàng hậu của các bãi tắm Đông Dương.

THẮNG CẢNH

Khu danh thắng Đa Krông

Thuộc vùng núi phía Tây Quảng Trị. Tại đây có dòng sông Đa Krông thơ mộng, ẩn giấu trong mình những huyền thoại đầy chất sử thi và nhân văn. Trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, đây là điểm nút quan trọng của đường mòn Hồ Chí Minh và đường 9, con đường xuyên Á qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo - Đen Savẳn, cửa khẩu quốc tế quan trọng giữa Việt Nam và Lào. Lao Bảo cách thị xã Đông Hà 80km, ngay cạnh sông Sêpôn. Chợ Lao Bảo cách cửa khẩu biên giới 2km. Nhiều hàng hóa các nước Đông Nam Á được đem bày bán ở đây. Từ năm 1993, Lao Bảo trở thành một cửa khẩu quốc tế quan trọng trong thương mại và du lịch giữa Lào, Thái Lan với các tỉnh miền Trung Việt Nam.

Cửa Tùng

Một bãi biển đẹp, nơi nghỉ ngơi tắm biển lý tưởng của tỉnh Quảng Trị. Cửa Tùng là cửa biển của dòng sông Bến Hải đổ nước ra biển Đông, nơi từng chứng kiến cảnh đất nước bị chia cắt trong suốt 20 năm, với bao cảnh đau thương và uất hận.

Bãi tắm Cửa Tùng tuy không rộng, không dài nhưng mang một dáng vẻ đẹp rất riêng của Quảng Trị, mảnh đất đầy nắng gió. Bãi biển rất bằng phẳng, cát trắng phau và mịn màng, nước biển trong xanh như mắt mèo.

Dưới ánh nắng chói chang của miền Trung nước Việt, mặt nước biển Cửa Tùng luôn thay đổi màu sắc từng phút từng giờ, tạo nên một bức tranh thiên nhiên sinh động đầy quyến rũ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nếu có dịp, mời bạn xuôi thuyền theo dòng sông Bến Hải, lướt nhẹ trên dòng nước trong xanh, từng làn sóng gợn lăn tăn, gió rì rào thổi. Trên đôi bờ là làng mạc, những ruộng lúa, nương ngô giờ đã khai hoa, kết trái, trải dài một màu xanh bất tận từ cầu Hiền Lương đến Cửa Tùng. Nơi đây đã một thời không tiếng chim kêu, không tiếng gà gáy sáng, không màu xanh, chỉ một màu khói bom và thuốc súng, là "*dây thép gai đâm nát trời chiều*".

Rú Lịnh

Là một khu rừng tiêu biểu cho rừng già nhiệt đới. Thảm thực vật ở đây thuộc kiểu rừng tán lá khép kín, quanh năm xanh um. Rú Lịnh (rừng Lịnh) có một hệ động thực vật phong phú. Về thực vật có nguồn gốc chủ yếu từ khu hệ thực vật đệ tam Việt Bắc - Hoa Nam có khoảng 200 loài, trong đó có 13 loài thú và 60 loài chim quý.

Rú Lịnh rất thích hợp cho du lịch nghiên cứu và sinh thái.

Suối nước nóng Tân Tâm

Ở thượng nguồn sông Hiếu có hai chi lưu chảy vòng vèo, ôm ấp cả một khu vực rộng lớn. Cùng với sông Hiếu, hai chi lưu này là những đường giao thông thủy rất thuận lợi cho người dân Quảng Trị có việc phải lên miền ngược. Nổi lên giữa khu vực của những con sông bao quanh, đó là những lèn (núi) đá vôi, trong đó có nhiều mạch nước nóng, trào phun thành những dòng suối, có trữ lượng lớn, chất lượng tuyệt vời, có thể sánh ngang với nước suối nổi tiếng Vĩnh Hảo ở Bình Thuận.

Đây sẽ là điểm du lịch hấp dẫn và nơi chữa bệnh lý tưởng.

DI TÍCH

Chùa Sắc Tứ

Có tên chữ là Tịnh Quang tự, tọa lạc ở xã Ái Tử, huyện Triệu Phong, do Hoà thượng Tú Pháp dựng vào năm 1739 đời vua

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lê Ý Tông (tức Lê Duy Thần 1719-1759) năm thứ 2, đời Chúa Nguyễn Phúc Khoát, lấy tên chùa là Tịnh Nghiệp. Năm 1941, chùa được trùng tu sửa chữa. Do chiến tranh ác liệt, năm 1972 chùa bị phá hủy hoàn toàn. Sau năm 1975, đất nước thống nhất, chùa Sắc Tứ được nhân dân xây dựng lại. Hiện nay chùa chỉ còn lại một hiện vật quý có giá trị nghệ thuật đó là pho tượng Đức Phật A Di Đà.

Thành cổ Quảng Trị

Thành cổ Quảng Trị được xây bằng đất vào năm 1824. Bốn năm sau (1828), thành được xây bằng gạch, có bốn cửa ra vào theo bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc. Bên ngoài tường thành có hào sâu bao quanh ngăn cách.

Năm 1972, trong chiến dịch Quảng Trị, tại thành cổ diễn ra những trận đánh ác liệt giữa Quân Giải phóng miền Nam và quân Mỹ - ngụy. Chỉ trên phạm vi chưa đầy 2km, thành cổ đã phải gánh chịu một lượng bom đạn có sức công phá bằng tám quả bom nguyên tử của Mỹ thả xuống Hirôshima và Nasaka (Nhật Bản) khi sắp kết thúc Đại chiến thế giới thứ II, 1945.

Trong suốt 81 ngày đêm trong điều kiện hết sức ác liệt, Quân Giải phóng vẫn hiên ngang bám thành chiến đấu anh dũng. Nhiều chiến sĩ đã vĩnh viễn nằm lại nơi này. Ngày đó, báo chí nước ngoài gọi thành cổ Quảng Trị là "cối xay thịt" hay "mùa hè đỏ lửa".

Ngày nay có dịp đến thăm thành cổ, nhìn thấy phần tường còn lại, vết đạn chi chít, hằn sâu vẫn còn. Đó chính là tượng đài hoành tráng nhất, cảm động nhất về những người con dũng cảm hy sinh.

Vương cung thánh đường La Vang

Cách thành cổ Quảng Trị 6km về phía Tây Nam, là nơi "cứu rỗi linh hồn" của đồng bào theo đạo Kitô giáo dưới thời Tây Sơn, vào niên hiệu Cảnh Thịnh (1793-1801). Đức mẹ Đồng Trinh

https://www.facebook.com/taybanganh/

Maria, hiện lên nơi đám cỏ trên ba gốc đa to để cứu rỗi những linh hồn vướng nạn đang ngày đêm nguyện cầu ơn cứu rỗi của Đức Mẹ.

Nhà thờ Đức Mẹ La Vang được xây dựng vào những năm đầu của triều vua Minh Mạng. Năm 1886, nhà thờ được xây dựng lại khang trang, to lớn hơn và cho đến năm 1900 mới hoàn thành. Đến năm 1924, nhà thờ được trùng tu mở rộng to lớn hơn. Nhưng trong chiến tranh nhà thờ đã bị phá hư hại một phần.

Vào năm 1961, nhà thờ La Vang được Giáo hội La Mã phong là "Vương cung thánh đường La Vang". Như vậy, ở Việt Nam có hai nhà thờ được Toà thánh Vatican phong "*vương cung thánh đường*" là nhà thờ Đức Bà (Thành phố Hồ Chí Minh) và nhà thờ Đức mẹ La Vang (Quảng Trị).

Đền Trần Danh Tướng

Tọa lạc cạnh thành cổ Chămpa tại xã Đan Duệ, huyện Minh Linh (nay là Do Linh). Đền thờ hai danh tướng thời Trần là Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật và Huệ Vũ Vương Trần Quốc Chân. Tương truyền hai ông đem quân theo vua Trần Anh Tông đi dẹp Chiêm Thành. Trong cuộc hành quân chiến đấu, Trần Nhật Duật giữ nghiêm quân kỷ, quân lệnh, không cho quân lính cướp bóc của cải và quấy nhiễu dân, được dân mến, dân yêu. Dân biết ơn dựng đền thờ ông.

Sau này, một lần vua Lê Thánh Tông đi đánh trận qua đền, được hai vị thần báo mộng, xin đi theo giúp. Chiến thắng trở về vua Lê cho trùng tu và sắc phong Đại Vương.

Di tích Khe Sanh

Khe Sanh cách Hà Nội 600km, cách thị xã Đông Hà khoảng 60km về phía Tây. Đây là một thung lũng mỗi chiều dọc, ngang khoảng chưa đến 10km, bốn bề là núi rừng trùng điệp.

Về địa hình, Khe Sanh có dạng như Điện Biên Phủ, một lòng chảo. Trong những năm 1966-1967, Mỹ cho xây dựng ở đây một

https://www.facebook.com/taybanganh/

căn cứ quân sự cực mạnh và rất quan trọng, một tuyến phòng thủ như người Mỹ tuyên bố là "bất khả xâm phạm". Căn cứ quân sự Khe Sanh gồm ba cụm: Cứ điểm Tà Cơn có sân bay dã chiến, Cứ điểm Làng Vây ở phía Tây Nam Tà Cơn, Cứ điểm Hương Hóa ở phía Đông Làng Vây.

Đóng tại căn cứ Khe Sanh gồm trên 10.000 quân thường trực, ngoài ra còn nhiều lực lượng khác sẵn sàng tiếp viện. Tổng thống Mỹ Giôn xơn đã từng yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Mỹ ký cam kết bằng mọi giá phải giữ cho được Khe Sanh. Bởi Khe Sanh có vị trí chiến lược quan trọng đối với Mỹ. Từ Khe Sanh chúng sẽ kiểm soát được giới tuyến, con đường sang Lào và vào miền Nam.

Về phía Quân Giải phóng, bằng mọi quyết tâm phải đập nát căn cứ Khe Sanh. Cuộc chiến đấu diễn ra từ tháng 1-1968 đến 9-7-1968 kết thúc. Cờ giải phóng tung bay trên cứ điểm Tà Cơn, Khe Sanh thất thủ. Thế là thêm một Điện Biên Phủ thứ hai ở Việt Nam là Khe Sanh.

Đình Hà Thượng

Còn gọi là đình Chợ Cầu, được xây dựng vào khoảng thế kỷ XV, dưới triều Lê Thánh Tông, nằm trên phần đất thôn Hà Thượng, xã Gia Châu, huyện Gio Linh, cách thị xã Quảng Trị 12km về phía Tây Nam và cách quốc lộ 1A 1km về phía Đông Nam. Đình Hà Thượng nằm trên một khu đất rộng khoảng 8.450km^2. Đình qua nhiều lần trùng tu sửa chữa lớn.

Đình hiện nay được dựng lại năm 1690. Đến năm 1903, đình Hà Thượng được dân làng sửa chữa lớn, xây thêm cổng đình, tường bao... Đặc biệt các kết cấu bên trong đình đều được thay đổi.

Năm 1987, do một cơn bão tàn phá, đình lại trải qua một đợt trùng tu khá quy mô. Đình quay về hướng Đông. Kiến trúc theo kiểu chữ "*công*" (工). Điều đặc biệt là các thành phần kiến trúc

https://www.facebook.com/taybanganh/

không theo kiểu đối xứng truyền thống. Nhà đại đình nằm theo chiều dọc, trong khi mặt tiền của đại đình ở phía hồi. Rõ ràng đây là một biệt lệ của kiến trúc đình miền Trung.

Đình chia làm hai ngăn: Tiền sảnh gồm hai gian và một chái trước, hậu cung có ba gian và một chái sau, ngăn cách giữa phần trước và phần sau là hệ thống cửa bức bàn thay cho vách ngăn.

Phần hậu cung để thờ cúng, còn chái phía sau là nơi cất giữ đồ tế tự. Tiền sảnh là nơi hội họp dân làng và liên hoan ăn uống mỗi khi tổ chức tế lễ. Mái lợp ngói liệt, bờ nóc đắp vữa cao, thân thẳng, các đầu đao trang trí hồi văn và rồng. Mặt tiền đắp nổi một cuốn thư trang trí tứ linh.

Khám thờ bằng gỗ sơn son thếp vàng, bốn chân chạm đầu hổ phù. Chung quanh khám chia thành nhiều ô, trang trí theo các đề tài khác nhau với các họa tiết như hổ phù, rồng cách điệu, hoa lá...

Đình thờ Thành hoàng là vị thiên thần và hai vị họ Lê và họ Nguyễn đã có công lập làng Hà Thượng và thờ các vị tổ của tám dòng họ.

Lễ hội hằng năm được tổ chức vào tháng 6 âm lịch, gọi là lễ tế Cảnh quân.

Địa đạo Vĩnh Mốc

Là một công trình độc đáo được hình thành từ những năm 1965-1966 trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ.

Địa đạo Vĩnh Mốc có độ dài hàng ngàn mét, nay chỉ còn khoảng 1.701m, cùng hàng ngàn mét giao thông hào chiến đấu. Địa đạo là một hệ thống liên hoàn được kết nối với nhau bằng 13 cửa ra vào, trong đó có bảy cửa thông ra biển, sáu cửa thông lên đồi cao.

Cấu trúc địa đạo chia làm ba tầng, tầng sâu nhất cách mặt đất 23m. Các tầng được nối với nhau bởi đường trục chính dài

https://www.facebook.com/taybanganh/

768m, cao từ 1,6-1,8m, rộng từ 1,2-1,5m. Hai bên trục chính cứ 3-5m là các ô của hộ gia đình. Toàn địa đạo có một hội trường lớn với sức chứa từ 50-80 người dùng làm nơi hội họp, chiếu phim, biểu diễn văn nghệ, có trạm phẫu thuật, có nhà hộ sinh, nhà trẻ... Ngoài ra, địa đạo còn có bốn giếng thông hơi, hai đài quan sát và ba giếng nước.

Địa đạo Vĩnh Mốc là hình ảnh thu nhỏ của làng quê được xây dựng dưới lòng đất, làm nơi ăn ở, sinh hoạt, phòng tránh bom đạn cho nhân dân, vừa là nơi đóng trụ sở của chính quyền, kho hậu cần, cất giữ lương thực, vũ khí chi viện cho đảo Cồn Cỏ và chiến trường miền Nam và cũng là trận địa chiến đấu trực tiếp để bảo vệ Vĩnh Linh, đất thép kiên cường.

Cầu Hiền Lương - sông Bến Hải

Sông Bến Hải xưa còn có tên là Rào Thành, bắt nguồn từ dãy Trường Sơn hùng vĩ chảy ra Cửa Tùng dài trên 100km. Lòng sông nơi rộng nhất 200m, nơi bắc cầu Hiền Lương rộng 170m.

Theo Hiệp định Giơnevơ về Việt Nam, sông Bến Hải nằm trên vĩ tuyến 17 được chọn làm giới tuyến tạm thời và cầu Hiền Lương bắc qua sông cũng chia làm hai nửa.

Cầu Hiền Lương do công binh Pháp xây dựng năm 1952, trước đây dân hai bên bờ Hiền Lương qua lại bằng thuyền. Cầu gồm 7 nhịp dài 183,8m, được lát bằng 894 miếng ván. Theo Hiệp định Giơnevơ quy định mỗi bên có chủ quyền 91,9m cầu.

Theo Hiệp định, sông Bến Hải chỉ là giới tuyến tạm thời, không thể coi là ranh giới về chính trị hay lãnh thổ, để sau hai năm sẽ tổ chức tổng tuyển cử, thống nhất đất nước.

Nhưng do Mỹ-Diệm phá hoại Hiệp định, giới tuyến tạm thời đã phải kéo dài 20 năm. Cho đến Đại thắng mùa Xuân 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất, giới tuyến này mới chính thức xóa bỏ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hàng rào điện tử Mắc Namara

Hàng rào điện tử nổi tiếng trong cuộc xâm lược của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, mang tên người sáng lập ra nó là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ Mắc Namara. Mỹ thiết lập hàng rào điện tử này là nhằm ngăn chặn sự chi viện của nhân dân miền Bắc cho chiến trường miền Nam.

Hàng rào này kéo dài từ sông Cửa Việt tới vùng Sêpôn của Lào, gồm hai hệ thống, hệ thống chống bộ binh và hệ thống chống xe cộ.

Hàng rào chống bộ binh được thiết lập dọc sườn phía Nam khu phi quân sự dài khoảng 20km.

Hàng rào chống xe cộ, nằm về phía Tây khu phi quân sự, dài 100km, rộng 40km. Đoạn phía Đông của hàng rào chạy ra biển có thêm một hệ thống đồn bốt do lính canh giữ. Toàn tuyến hàng rào đều có máy thu tiếng động, mỗi khi có tiếng chân người, tiếng động cơ, các máy thu tiếng động này lập tức báo về trung tâm. Sau khi nhận được tín hiệu, lập tức máy bay sẽ đến oanh kích. Máy móc làm việc suốt 24/24 giờ. Cùng với hàng rào, còn được rải mìn trên một dải dài 200km, rộng 5km. Chi phí cho hàng rào điện tử này là 800 triệu USD/năm.

Tuy tốn kém và rất hiện đại, nhưng Mỹ-ngụy vẫn không ngăn cản được sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam. Kế hoạch này đã nhanh chóng bị phá nát trong cuộc tổng tấn công và nổi dậy của quân dân miền Nam năm 1972.

LỄ HỘI

Quảng Trị là vùng văn hóa đa sắc tộc, một nơi có nhiều lễ hội, phong tục khác nhau. Trong đó có một số lễ hội điển hình như:

Hội cướp cù

Đây là hội làng được tổ chức hằng năm vào ngày 4 tháng Giêng âm lịch tại đình Mỹ An, đình Cẩm Phổ, xã Gio Mỹ, huyện

https://www.facebook.com/taybanganh/

Gio Linh. Lễ hội kéo dài trong hai ngày. Sau lễ tế cầu an là phần hội tổ chức cướp cù. Nét độc đáo của lễ hội này là bên nào vận động được nhiều người tham gia thì càng dễ thắng cuộc. Người tham gia bao gồm cả trẻ, già, trai, gái, không phân biệt tuổi tác, giới tính. Đây thực chất là một hình thức thể thao dân gian.

Hội Thượng Phước

Hằng năm lễ hội Thượng Phước thường được tổ chức trong ba ngày từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 3 âm lịch tại thôn Thượng Phước xã Thượng Triệu, huyện Triệu Phong để ghi nhớ công lao của Quận công Hoàng Dũng, người có công khai sơn phá thạch dựng lên làng Thượng Phước.

Ngày 13-14 bắt đầu lễ hội cả làng Thượng Phước đi săn, lấy đầu muông thú để làm lễ vật dâng cúng. Sáng ngày 15, làng bắt đầu tổ chức tế lễ. Cuộc cúng tế kéo dài đến hết ngày 15.

Lễ hội La Vang

Đây là một lễ hội lớn, khá độc đáo ở Quảng Trị, không chỉ riêng đồng bào Công giáo của Quảng Trị mà còn có nhiều tín đồ Công giáo các nơi trong cả nước tới tham dự. Hằng năm lễ hội tổ chức vào ngày 15 tháng 8 Dương lịch. Lễ hội tổ chức "kiệu". Đặc biệt vào những năm chẵn, tổ chức "kiệu" to hơn tổ chức "kiệu" năm lẻ. Cứ ba năm một lần gọi là "kiệu đại hội" và kiệu 100 năm lớn hơn kiệu 50 năm, 40 năm.

SÓC TRĂNG

Sóc Trăng là tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, cách Thành phố Hồ Chí Minh 231km, cách Cần Thơ 60km, có diện tích tự nhiên 3.191km^2, dân số 1.254.500 người, gồm nhiều dân tộc: Kinh, Khơme, Hoa. Tỉnh lỵ là thị xã Sóc Trăng với 7 huyện: Kế Sách, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thạch Trị, Long Phú, Vĩnh Châu, Cù Lao Dung.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sóc Trăng phía Tây Bắc giáp Cần Thơ, Kiên Giang, Đông Bắc giáp Trà Vinh, Tây Nam giáp Bạc Liêu, phía Đông giáp biển Đông với 72km bờ biển.

Sóc Trăng là vùng đất bồi, hiện có 30.000ha đất bãi bồi. Sóc Trăng có khí hậu đại dương với hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình cả năm là 26-28^{0}C.

Sóc Trăng là tỉnh nông nghiệp có diện tích trồng trọt lên tới 259.799ha. Trong đó đất trồng lúa chiếm 94%, ngoài ra diện tích còn lại trồng ngô, đậu xanh, đậu nành và vườn cây ăn quả như dừa, nhãn, chôm chôm, sầu riêng, măng cụt, cam quýt...

Sóc Trăng có hệ sinh thái tự nhiên rất phong phú, đa dạng, đặc biệt là hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển như rừng tràm ở vùng đất phèn, trũng, có nhiều cù lao cây trái xum xuê chạy dọc theo hai bên dòng sông Hậu.

THẮNG CẢNH

Khu văn hóa du lịch Bình An

Nằm cạnh quốc lộ 1A, phường 2, thị xã Sóc Trăng với khung cảnh thiên nhiên hài hoà, bốn mùa hoa lá xanh tươi. Nơi đây có các công trình kiến trúc nghệ thuật mang hình dáng cổ kính với những tác phẩm điêu khắc dân gian, đậm nét văn hóa dân tộc... Khu vui chơi giải trí, hệ thống vườn hoa, cây xanh, hoa trái, ao cá... được bố trí khá hợp lý, đem đến cho du khách những giờ nghỉ ngơi, thư giãn lý thú. Phía sau sân khấu trong khu du lịch là trái núi nhân tạo có tượng Phật Bà Quan Âm trên đỉnh, cùng với tượng Phật Di Lặc. Dưới chân núi là ao cá, cạnh núi là ngôi biệt thự hai tầng, một mô típ kiến trúc kết hợp giữa kiểu Nga và Trung Đông.

Khu văn hóa du lịch Bình An là hình ảnh thu nhỏ của miền cao nguyên, xứ sở của cà phê, chim ch'rao, với những thảm cỏ xanh, những ngôi nhà nghỉ xinh xắn, thoáng mát với trang thiết bị nội thất cực kỳ hiện đại, đầy đủ tiện nghi.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đến Bình An, du khách sẽ được nghe hát, thưởng thức những làn điệu dân ca, đàn ca tài tử Nam Bộ.

Vườn cò Tân Long - Thạch Trị

Vườn cò Tân Long thuộc xã Long Bình, huyện Thạch Trị, cách thị xã Sóc Trăng khoảng 40km, rộng trên 15.000m^2. Vườn cò Tân Long gồm nhiều họ hàng nhà cò. Nhiều loài quý hiếm đều có mặt ở đây. Du khách đến vườn cò sẽ được leo lên tháp cao khoảng 10m để ngắm nhìn đàn cò mỗi sáng bay đi kiếm ăn, chiều tối bay về tổ ấm. Và mỗi lần như vậy, cả không gian nơi đây bỗng nhiên náo động bởi tiếng kêu gọi bạn đời của họ hàng nhà cò.

Cồn Mỹ Phước

Giữa lòng sông Hậu hiền hoà nước xuôi về biển cả, một dải màu xanh nhô lên, đó là cồn Mỹ Phước, còn gọi cồn Công Điền, một vùng du lịch sinh thái hạ lưu sông Hậu dài 60km. Từ thị xã Sóc Trăng, du khách đi thuyền máy độ chừng nửa giờ là có thể đặt chân lên cồn Mỹ Phước, nếu không thích đi thuyền máy, đi đường bộ theo quốc lộ 60 từ thị xã đến Đại Ngãi bạn đã đến đất cồn Mỹ Phước, nơi có đủ các loài cây trái của xứ nhiệt đới.

Hằng năm cứ đến ngày 5 tháng 5 âm lịch là ngày hội của mọi người về thăm đất cồn.

Vườn nhãn Vĩnh Châu

Nhãn Vĩnh Châu nổi tiếng thơm ngon, nhiều nước. Vườn nhãn Vĩnh Châu kéo dài hơn 17km trên một khu đất cao ráo.

Du khách đến thăm Vĩnh Châu, nhà vườn nào ở Vĩnh Châu cũng sẵn lòng đón tiếp bạn đi tham quan vườn nhãn nhà mình và tận tay bạn hái những quả ngon từ trên cành, còn tươi rói.

Đến Vĩnh Châu, bạn còn có cơ hội thăm ruộng muối, vuông tôm, rừng ngập mặn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hồ nước ngọt

Nằm sát đường quốc lộ 1A, cửa ngõ vào thị xã Sóc Trăng, rộng trên 20ha, gồm một hồ nhỏ ở phía trước và hồ lớn ở phía sau vừa được cải tạo xây mới. Vòng quanh hồ là những hàng liễu rủ, tựa như những nàng thiếu nữ kiêu sa, soi mình trên mặt nước trong xanh. Giữa hồ nhỏ mang tên là Tịnh Tâm có một cù lao với nhà hàng thủy tạ và hòn giả sơn, chung quanh hồ là những vườn hoa, khu vui chơi giải trí, khu văn hóa, thường xuyên tổ chức những buổi biểu diễn văn nghệ rất hấp dẫn du khách.

Vào những ngày hè oi ả, được thả mình trên chiếc võng đung đưa dưới những hàng cây xanh mát rượi, hoặc nghỉ ngơi trên chiếc ghế đá dọc theo bờ hồ, du khách sẽ đón nhận được những làn gió mát trong lành, xua đi cái oi nồng của miền Tây nắng gió.

DI TÍCH

Chùa Dơi

Tên thật là Wathsêrâytêchô - Mahatup, về sau do đọc trại đi thành Mã Tộc. Vì thế chùa còn có tên là chùa Mã Tộc. Nơi đây nhiều dơi sinh sống nên gọi là chùa Dơi.

Chùa Dơi thuộc khóm 9, phường 3, thị xã Sóc Trăng, cách trung tâm thị xã khoảng 3km về phía Tây Nam.

Chùa Dơi là một tổng thể kiến trúc gồm: chính điện, sa la (nhà hội của sư sãi và tín đồ), các nhà tăng của sư sãi, nhà Đại đức chủ trì, các tháp để tro người chết, lò thiêu xác người chết, phòng khách... Toàn bộ các công trình tọa lạc trong một khuôn viên rộng khoảng 4 ha.

Theo tiếng Khơme: Mahatup có nghĩa là trận đánh lớn (*tup*: trận đánh, *maha*: lớn). Thật vậy, xưa kia nơi đây đã diễn ra một trận đánh lớn, ác liệt của phong trào nông dân nổi dậy chống phong kiến. Sau trận đánh thắng lợi đó, dân chúng tản cư trở về, họ bàn bạc với nhau và cho rằng đây là vùng đất có điềm lành, nên xây chùa thờ Phật, lấy tên là chùa Mahatup.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Theo sử cũ của chùa kể lại, chùa Mahatup được khởi công xây dựng từ năm 1569, do ông Thạch Út đứng ra xây. Chùa đã qua nhiều lần trùng tu sửa chữa. Năm 1960, chùa được sửa chữa lớn ở chính điện.

Đến nay chùa đã trải qua 19 đời Đại đức. Đời thứ 19 hiện nay là Đại đức Kim Rêu cùng hai phó Đại đức là Kim Sung và Thạch Tha.

Theo người già kể lại: dơi có mặt ở đây lúc bắt đầu xây dựng chùa. Dơi ở chùa có đến hàng triệu con. Về loài dơi ở chùa có nhiều chuyện lạ: Dơi chủ yếu ăn hoa quả, nhưng hoa quả trong khuôn viên chùa chúng không hề đụng đến. Khi hoàng hôn buông xuống, là lúc xuất phát của đàn dơi nhà chùa đi kiếm ăn. Dơi đầu đàn bay lên dẫn đầu, sau đó cả đàn bay theo, chúng vừa bay vừa xếp hàng, lượn vài vòng trên khu vực nhà chùa, như để cầu khấn Đức Phật ban phước lành trước khi đi kiếm ăn. Dơi bay đi đường nào, lại về đường ấy. Khi dơi bay về cũng như bay đi, không bao giờ bay qua nóc ngôi chính điện chùa. Đặc biệt hơn là dơi chỉ đậu trên những tán cây của khuôn viên chùa, chúng không bao giờ đậu trên những tán cây của dân ở chung quanh. Mặc dầu những cây này của dân cũng rất to lớn và gần chùa.

Theo quan niệm của người Hoa: con dơi là điềm phúc. Con dơi đậu quay đầu xuống dưới, đó là chữ "*phúc*" (福) treo ngược. Người Hoa gọi đó là "*phúc đáo*" (福到) có nghĩa là "*phúc đến rồi*".

Năm 1990, chiếc tàu thám hiểm đại dương Calipso do ông Yves Cous Teaux đã đến chùa Dơi nghiên cứu. Ông Cous Teaux đã cho máy bay trực thăng bay trên những tán cây trong khuôn viên chùa, đàn dơi bay lên đen nghịt cả một góc trời. Đoàn quay phim của ông Cous Teaux đã quay được cảnh này.

Một sự kiện lạ ở chùa Dơi là, vùng này người dân nuôi lợn (heo) nái đẻ ra có những con chân 5 móng (giống chân người 5 ngón), dân không dám ăn thịt, nên đem gửi vào chùa, trong đó có cả heo đực và heo cái, gồm 7-8 con. Tục nhà chùa không cho

https://www.facebook.com/taybanganh/

thiến heo đực và nuôi thả chung với heo cái trong khuôn viên, nhưng chúng không hề phát dục, cả heo đực lẫn heo cái. Đặc biệt cứ vài tháng một lần, cả bầy: heo lớn đi trước, heo nhỏ đi sau, tự động kéo nhau "*đi dạo*" một vòng từ chùa ra chợ Sóc Trăng cả vài cây số, rồi cùng nhau về chùa đầy đủ. Khi về theo một hàng dọc trật tự như khi đi.

Hiện chùa Dơi còn lưu giữ nhiều hiện vật quý như: tượng Phật Thích Ca ngồi thiền định cao 2m bằng xi măng cốt thép. Khung cửa võng (bao lam) bằng gỗ sơn son thếp vàng, chạm trổ chim muông, hoa lá, đặc biệt có họa tiết hình dơi.

Chùa Đất Sét

Tên chữ là Bửu Sơn tự, tọa lạc ở đường Lương Đình Của, thị xã Sóc Trăng, là ngôi chùa của người Hoa sinh sống ở Sóc Trăng, được xây dựng toàn bằng đất sét, thậm chí các tượng Phật trong chùa cũng được nặn bằng đất sét. Vì vậy dân gian gọi chùa là chùa Đất Sét. Du khách đến đây sẽ hết sức ngạc nhiên và khâm phục trước tài năng và sức sáng tạo cần mẫn của thầy Ngô Kim Tòng, đã dồn hết trí lực trong 42 năm để tạo nên các tác phẩm tượng Phật, linh thú, bảo tháp 13 tầng... mà thoạt nhìn không ai có thể tin rằng chúng được tạo ra từ đất sét.

Đặc biệt, trong chùa có sáu cây thắp nến lớn mỗi cây nặng 200kg, hai cây nhỏ mỗi cây nặng 100kg và ba cái đỉnh mỗi cái cao 2m. Tất cả đều làm bằng đất sét.

Chùa Khleang

Tọa lạc ở số 71 đường Mậu Thân, khóm 5, phường 6, thị xã Sóc Trăng. Chùa Khleang là một trong những ngôi chùa Khơme cổ nhất của Sóc Trăng, được xây dựng vào năm 1533. Lúc đầu làm bằng gỗ, lợp lá, sau được xây cất lại bằng gạch lợp ngói. Kiến trúc hiện nay là do lần trùng tu cách nay trên 80 năm.

Chùa Khleang nằm trong một khuôn viên rộng 3.825m^2, vòng rào ngoài cùng, cửa ra vào xây rất công phu. Kiến trúc chính của

https://www.facebook.com/taybanganh/

chùa là ngôi chính điện với lối kiến trúc khá phức tạp, độc đáo. Bộ mái gồm 3 cấp, mỗi cấp lại có ba nếp. Nếp giữa lớn hơn hai nếp phụ hai bên và không có tháp nóc. Chính điện được dựng từ năm 1918 bằng sáu hàng cột dọc, gồm 60 cây cột trụ. Ngoài ra chùa còn có Sala, nhà hội của Phật tử và sư sãi. Sala là một dãy nhà sàn bằng gỗ, mặt sàn cách mặt đất 1m. Có một gian rộng, dùng để cử hành lễ dâng cơm và nơi tổ chức các sinh hoạt.

Chùa Khleang, kể từ Đại đức Thạch Sóc là vị tổ đầu tiên cho đến nay đã trải qua 21 đời truyền thừa. Trong chùa còn lưu giữ bản sao tài liệu ghi chép từ thư tịch cổ, trong đó có nói về nguồn gốc địa danh Sóc Trăng, lịch sử của chùa.

Chùa Sà Lôn

Tọa lạc bên cạnh quốc lộ 1A đi về hướng Bạc Liêu, cách thị xã Sóc Trăng khoảng 7km, được xây dựng vào khoảng thế kỷ XIX. Đến năm 1969, vị sư cả Tăng Đuch cho xây lại ngôi chùa theo như kiến trúc hiện nay.

Chùa Sà Lôn là ngôi chùa cổ của đồng bào Khơme Sóc Trăng, có quy mô khá lớn gồm: chính điện, nhà Sala (nhà hội) và bảo tháp, nhà để sách kinh và dạy học. Để trang trí ngôi chùa, sư cả dùng các mảnh chén, đĩa kiểu bằng sành sứ, nên ngôi chùa còn có tên rất mộc mạc, chùa Chén Kiểu.

Chùa Bốn Mặt

Nằm cách thị xã Sóc Trăng 6km về hướng Tây Bắc. Đây là ngôi chùa được xây dựng theo đúng kiến trúc chùa Khơme với những hoa văn rất tinh xảo. Ngoài những tượng Phật như các chùa Khơme khác, chùa Bốn Mặt còn có tượng Phật bằng đá với bốn mặt Phật quay về bốn hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc.

Bảo tàng Khơme

Được xây dựng năm 1938, tọa lạc tại trung tâm thị xã Sóc Trăng, gồm hai khu: khu trưng bày hiện vật là nhà hội Xamacum và khu văn phòng mới được xây dựng. Đây là nơi trưng bày nhiều

https://www.facebook.com/taybanganh/

hiện vật, giới thiệu về các hoạt động của đồng bào Khơme qua nhiều thế hệ. Trong đó bao gồm các dụng cụ sản xuất, các trang phục cưới xin, các kiểu nhà ở, mô hình chùa Khơme và một số loại nhạc cụ dân tộc Khơme.

LỄ HỘI

Lễ Ok Om Bok

Còn gọi lễ cúng Trăng của đồng bào Khơme Nam Bộ nói chung đồng bào Khơme Sóc Trăng nói riêng. Lễ hội hằng năm được tổ chức vào hai ngày 14 và 15 tháng 10 âm lịch. Đây là lễ hội rộn rã nhất, tưng bừng nhất của người Khơme.

Đối với người Khơme, Trăng được xem như là một vị thần điều tiết mùa màng giúp họ làm ăn phát đạt trong năm. Lễ vật cúng tế trong ngày lễ là lúa nếp giã thành cốm dẹp cùng các loại trái cây.

Trước khi làm lễ cúng, mọi người cùng làm một cái cổng chào bằng hoa lá với hai cây tre làm trụ và một cây làm đà ngang. Trên cổng, được giăng một sợi dây trầu không gồm 12 lá được cuộn tròn, tượng trưng cho 12 tháng của năm và một nhánh của buồng cau gồm 7 quả, được chẻ ra như hai cánh con ong, tượng trưng cho 7 ngày trong tuần.

Trong đêm cúng trăng, người ta còn tổ chức thả đèn gió bay lên trời. Chiếc đèn mang theo ngọn lửa tượng trưng cho việc tống tiễn những rủi ro, xua đuổi ma quỷ, đồng thời cầu mong nhiều điều tốt lành. Đèn càng bay xa, bay cao, sự may mắn càng nhiều.

Trong ngày hội có tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ dân gian: hát dukê, múa lăm vông, thi đấu cờ ốc, thả đèn nước... Đặc biệt đua ghe Ngo. Đây là một hoạt động văn hóa thể thao không thể thiếu trong lễ hội Óc Om Bók. Ghe Ngo có chiều dài khoảng 24m, ngang 1,2m, mũi và lái đều cong lên, được trang trí hoa văn Khơme rất đẹp, đầu ghe vẽ hình con thú. Mỗi chiếc

https://www.facebook.com/taybanganh/

ghe Ngo sản xuất ra là do sự đóng góp của bà con phum sóc. Sau khi dùng đua trong ngày hội, ghe Ngo được đưa về bảo quản tại chùa. Hằng năm chỉ được đưa xuống nước một lần trong ngày hội Óc Om Bók. Lễ hạ thủy ghe Ngo hằng năm trong lễ hội Óc Om Bóc cũng rất công phu và tốn kém. Trước ngày hội, các chàng trai được chọn vào đội đua được tập dượt kỹ lưỡng. Người được chọn ngồi ở mũi thuyền để chỉ huy là người có uy tín nhất trong phum sóc.

Lễ hội Nghinh Ông

Là ngày lễ mang đậm tính truyền thống của những ngư dân miền biển Sóc Trăng. Để tỏ lòng kính trọng và cầu mong mưa thuận gió hoà, sóng yên biển lặng, hằng năm lễ hội Nghinh Ông được tổ chức vào ngày 21 tháng 3 âm lịch tại vùng biển Kinh Ba, Long Phú.

Vào ngày hội, tất cả thuyền bè đều được trang hoàng lộng lẫy cùng những thức cúng như heo quay, hoa quả, nhang đèn... tập trung ra cửa biển làm lễ rước Ông vào. Các nghi lễ cúng tế được tổ chức long trọng tại lăng Ông (lăng cá voi). Trước và trong ngày hội, tại lăng Ông còn tổ chức hát bội, các trò chơi dân gian, thi đấu thể thao... có nhiều người tham gia.

Tết Chol Chnam Thmay

Là tết cổ truyền của người Khơme, mừng mọi người thêm một tuổi, thường diễn ra vào 3 ngày 13, 14, 15 tháng 4 dương lịch. Tết Chol Chnam Thmay mang đậm nét văn hóa truyền thống với nhiều nghi thức văn hóa dân gian. Vào những ngày này, mọi người trong gia đình người Khơme đều lên chùa để cầu nguyện. Ngày thứ nhất gọi là ngày Châul Sây Cran Thmay, ngày thay năm cũ vào năm mới. Trong ngày này, mọi người ăn mặc đẹp, mang theo đèn, lễ vật vào chùa làm lễ rước Maha Sâng Kran mới (Thmay). Ngày thứ hai gọi là ngày Vonbất, ngày lễ dâng cơm cho sư sãi, lễ đắp núi cát, tượng trưng cho sự bền vững của vũ trụ, nếu là vào năm nhuận, thì ngày Vonbất kéo dài hai ngày, còn

https://www.facebook.com/taybanganh/

năm thường một ngày. Ngày thứ ba gọi là Longsak, ngày đầu của năm mới. Trong ngày này, làm lễ tắm tượng Phật để tỏ lòng tưởng nhớ, biết ơn Đức Phật, cũng là để tẩy sạch phiền muộn và những điều không may mắn của năm cũ, tiếp đến là lễ cầu siêu cho vong linh của những người quá cố. Cuối cùng mọi người về nhà tổ chức lễ tắm tượng Phật thờ ở nhà, xin ông bà, bố mẹ đã qua đời, tha thứ cho mọi tội lỗi năm qua và dâng quà chúc mừng mọi người năm mới.

SƠN LA

Sơn La là tỉnh miền núi thuộc vùng cao Tây Bắc, với tổng diện tích tự nhiên 14.055km, dân số 846.900 người, gồm các dân tộc: Kinh, Dao, Xinh Mun, Khơ Mú, Kháng, La Ha, Thái, Mường, H'mông... Thị xã Sơn La là tỉnh lỵ, ngoài ra còn có các huyện Quỳnh Nhai, Mường La, Thuận Châu, Phù Yên, Bắc Yên, Mai Sơn, Sông Mã, Yên Châu, Mộc Châu.

Tỉnh Sơn La có độ cao trung bình 600m so với mặt nước biển. Thị xã Sơn La cách Hà Nội 320km. Tỉnh Sơn La phía Bắc giáp Yên Bái, Lào Cai, phía Tây giáp Điện Biên, phía Đông giáp Phú Thọ và Hoà Bình, Đông Nam giáp Thanh Hóa và Hoà Bình, phía Nam giáp Lào, có chung đường biên giới dài trên 250km.

Địa hình tỉnh Sơn La chia thành những vùng đất có đặc trưng sinh thái khác nhau. Cao nguyên Mộc Châu đất đai màu mỡ, phì nhiêu mang đặc trưng vùng khí hậu á nhiệt đới với độ cao trung bình 1.050m so với mặt nước biển, là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển cây công nghiệp như chè, và các cây ăn quả... Đồng cỏ cao nguyên Châu Mộc rất thuận lợi cho việc chăn nuôi bò sữa cùng các loại gia súc ăn cỏ. Mộc Châu còn là vùng kỳ thú với nhiều hang động kỳ khu, sẽ là điểm du lịch hấp dẫn.

Cao nguyên Nà Sản chạy dài theo trục quốc lộ 6, vùng đất khá phì nhiêu, thuận lợi cho việc phát triển các loại cây công

https://www.facebook.com/taybanganh/

nghiệp: mía, chè, cà phê, dâu tằm... và các loại cây ăn quả như xoài, nhãn, dứa, chuối...

Vùng lòng hồ sông Đà, nơi nay mai sẽ là nhà máy thủy điện lớn nhất cả nước, kéo dài từ Song Khua đến Tạ Bú, sẽ là điểm du lịch kỳ thú, và là tiềm năng phát triển nghề nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

Sơn La có mạng lưới sông suối dày đặc, nguồn nước dồi dào. Vì vậy, Sơn La có nhiều tiềm năng thủy điện.

Đến với Sơn La, du khách sẽ được chiêm ngưỡng nhiều hoạt động văn hóa, lễ hội rất cuốn hút của đồng bào Thái, H'mông, Khơ Mú... và để thưởng thức hương vị men rượu cần thơm của lá cây rừng, cùng với những làn điệu dân ca mời rượu làm say đắm lòng người.

Sơn La là một tỉnh miền núi, thuộc vùng sâu, vùng xa, nhưng giao thông cũng khá thuận lợi, có đường bộ với quốc lộ số 6, đường hàng không với sân bay Nà Sản.

THẮNG CẢNH

Thị xã Sơn La

Là thị xã miền núi, một vùng lòng chảo, chung quanh bao bọc bởi những ngọn núi đá vôi, nơi có nhiều hang động kỳ vĩ. Thị xã Sơn La ở độ cao 600m so với mực nước biển, có sông Nậm Na chảy qua. Giữa lòng thị xã nổi lên một ngọn đồi cao. Trên đó, năm 1908 thực dân Pháp cho xây một nhà tù kiên cố để giam cầm các chiến sĩ cộng sản và các nhà yêu nước Việt Nam. Tại đây có mộ đồng chí Tô Hiệu và cây đào do đồng chí trồng, mỗi năm xuân về, Tết đến, cây đào nở hoa đỏ tươi, gợi nhớ đến hình ảnh người chiến sĩ cộng sản trung kiên đã hy sinh cho nền độc lập tự do của Tổ quốc.

Hang Thẩm Ké

Nằm trong dãy núi đá vôi thuộc xã Chiềng An, thị xã Sơn La, cách trung tâm thị xã không quá 3km. Trong hang có tấm

https://www.facebook.com/taybanganh/

văn bia của vua Lê Thái Tông được khắc lên vách đá năm 1440. Tương truyền mùa xuân 1440, trên đường tuần du Tây tiến, khi ngang qua đây, nhà vua đã ghé vào thăm động, thấy cảnh quan thiên nhiên nơi đây hùng vĩ, nhà vua xúc động làm bài thơ nhan đề "*Quế Lâm động chủ ngự chế*" và cho khắc lên vách đá động.

Để nhớ ơn nhà vua, nhân dân bản xã đã cho tạc tượng và lập bàn thờ vua trong động. Ngày nay đã xây đền thờ ở phía ngoài cửa động, và tượng nhà vua được rước về thờ trong đền.

Hang Thẩm Tát Toòng

Một thắng cảnh tuyệt đẹp, cách trung tâm thị xã Sơn La khoảng 2km, thuộc xã Chiềng An, thị xã Sơn La. Đây là một hang động, nằm trong hệ núi đá vôi bao quanh thị xã, dài trên 150m, được phân ra nhiều đoạn. Phía trên hang là những dãy núi đá vôi trùng điệp chạy dài với những cây rừng xanh ngắt. Lòng hang là dòng nước trong xanh, ngày ngày tuôn trào đổ nước thành thác trắng xóa, những hàng cột đá chen chúc nhau, nép mình dọc hai bên vách hang, thẳng đứng như những thân cây trúc.

Vào những buổi sáng, khi ông mặt trời chiếu sáng, từ cửa hang nhìn vào là cả một thế giới huyền ảo đầy màu sắc lấp lánh của các thạch nhũ soi bóng mặt nước lung linh.

Suối nước nóng Bản Mòng

Về mùa đông cũng như mùa hè, du khách có dịp đến đây tắm, sẽ cảm thấy tâm hồn nhẹ nhàng, sảng khoái. Suối nước nóng Bản Mòng thuộc xã Hua La, thị xã Sơn La, nước khoáng thiên nhiên ở đây có nhiệt độ trung bình khoảng 35-40^{0}C.

Đây là khu du lịch rất thích hợp cho việc nghỉ dưỡng và chữa bệnh.

Cao nguyên Mộc Châu

Mộc Châu ở độ cao khoảng 1050m so với mực nước biển, cách Hà Nội 199km theo quốc lộ 6. Đây là một cao nguyên lớn, dài

https://www.facebook.com/taybanganh/

trên 80km, rộng 25km, với một đồng cỏ bao la chiếm một diện tích trên 14.000ha, rất thích hợp cho việc phát triển chăn nuôi đàn gia súc, đặc biệt là nuôi bò sữa cao sản. Cao nguyên Mộc Châu còn là nơi rất phù hợp cho việc trồng các loại cây công nghiệp như chè, cà phê, dâu tằm... và các loại cây ăn quả như mận, lê, táo...

Năm 1958, nông trường Mộc Châu được thành lập với hàng ngàn con bò giống Hà Lan thuần chủng, được lai tạo với bò mẹ Tây Bắc.

Nông trường Mộc Châu là nguồn cung cấp sữa tươi chủ yếu cho Hà Nội và các tỉnh để sản xuất sữa hộp, sữa chua và các sản phẩm khác từ sữa bò.

Mộc Châu có khí hậu mát mẻ, với mùa hè, nhiệt độ trung bình chỉ khoảng 20^0C, là một nơi du lịch nghỉ dưỡng rất thú vị.

Huyện Yên Châu

Huyện Yên Châu, nằm trên quốc lộ 6, cách Hà Nội 260km, cách thị xã Sơn La khoảng 60km, nơi có nhiều loài cây ăn trái nổi tiếng như: xoài, chuối, nhãn. Đặc biệt, xoài Yên Châu tuy quả không to, vỏ xanh, hạt to, thịt ít, nhưng lại có vị ngon thơm đặc biệt, được khách nước ngoài thưởng thức tấm tắc khen. Ăn xoài Yên Châu một lần, không thể nào quên nổi, bởi nó có vị ngọt đậm đà, có mùi thơm quyến rũ.

Xoài Yên Châu chín rộ vào khoảng tháng 5, tháng 6. Vào thời gian này, du khách có dịp lên Sơn La, không thể không dừng chân ở Yên Châu để thưởng thức món xoài đặc biệt này.

Đến Yên Châu, bạn còn được ngắm nhìn bức tượng dân quân Yên Châu bắn rơi máy bay Mỹ trong những năm đánh trả cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của giặc Mỹ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

DI TÍCH

Chùa Chiền Viện

Ở xã Mộc Thượng, huyện Mộc Châu. Trong chùa còn lưu giữ một pho tượng Phật lớn và tám pho tượng vừa, 56 pho tượng nhỏ, đều được đúc bằng đồng rất quý. Ngoài ra, chùa còn có hai pho tượng bằng thiếc, đặc biệt có một pho tượng nhỏ bằng ngà voi.

Tháp Mường Và

Tọa lạc ở xã Mường Và, huyện Sông Mã. Tháp Mường Và là ngọn tháp cổ có quy mô lớn hơn tất cả các ngôi tháp hiện có ở vùng Tây Bắc, như tháp Thạc, A Chàng, tháp Mường Luân, tháp Mường Hét...

Nghệ thuật kiến trúc tháp Mường Và mang phong cách nghệ thuật như ở các tháp ở Lào.

Nhà tù Sơn La

Trong những năm đầu của thế kỷ XX, các phong trào yêu nước của nhân dân ta vẫn tiếp tục nổi lên chống thực dân Pháp đô hộ. Để đối phó với tình hình ấy, thực dân Pháp tiến hành xây dựng nhiều nhà tù trong cả nước để giam cầm những người yêu nước chống Pháp.

Nhà tù Sơn La chính thức được xây vào năm 1908. Vào những năm sau khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, phong trào đấu tranh càng mạnh mẽ, thực dân Pháp cho mở rộng nhà tù Sơn La vào những năm 1930-1940. Lúc đầu mới xây dựng, chỉ là nhà tù nhỏ hàng tỉnh. Từ 1930-1945, nhà tù Sơn La, trở thành nơi giam cầm hàng ngàn người Việt Nam yêu nước, trong đó chủ yếu là các chiến sĩ cộng sản như đồng chí Tô Hiệu, Trường Chinh... Nhiều người bị giam cầm ở đây sau này trở thành cán bộ chủ chốt của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Khu di tích nhà tù Sơn La, tuy đã bị phá hư hỏng nặng, nhưng khách tham quan vẫn nhận ra các xà lim ngầm, xà lim chéo, trại

https://www.facebook.com/taybanganh/

ba gian, trại lớn cũ cùng với hàng trăm hiện vật... Qua đó, du khách đã có thể nhìn thấy cuộc sống cơ cực, khổ sở của những tù nhân và khâm phục ý chí quật cường, khí phách anh hùng của họ trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù của dân tộc.

Nhà tù Sơn La được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng di tích cách mạng năm 1962.

Bên cạnh khu di tích là bảo tàng tổng hợp của tỉnh đang được mở rộng và bổ sung hoàn chỉnh các hiện vật.

LỄ HỘI

Sơn La là tỉnh có 12 dân tộc sinh sống. Mỗi dân tộc có những lễ hội rất riêng, mang đậm nét văn hóa riêng của dân tộc mình. Trong đó có những lễ hội tiêu biểu như lễ hội Hoa Ban, lễ hội Tung Còn...

Lễ hội Hoa Ban

Đây là lễ hội của người Thái, Sơn La, có tên là hội Xên Bản, Xên Mường, được tổ chức vào tháng 2 âm lịch hằng năm, khi hoa ban bắt đầu nở trắng rừng Tây Bắc.

Lễ hội Hoa Ban, mang tính chất cầu mùa, cầu phúc. Trong lễ hội họ gửi gắm ước vọng của mình cầu mong cho cuộc sống bình yên, no ấm, hạnh phúc và cũng là dịp thi tài, vui chơi, hát giao duyên trong những đêm trăng thanh vắng.

Vào ngày hội Hoa Ban, nam nữ thanh niên rủ nhau đi hái hoa mừng xuân, vui chơi, ca hát, đánh đàn tính, thổi kèn, múa xòe, trao và đón nhận tình yêu.

Lễ hội Tung Còn, tìm bạn

Trò tung còn, tìm bạn, tìm duyên là của đồng bào dân tộc Tày, Tây Bắc. Đây không chỉ là trò chơi giải trí mà là một hình thức giao duyên tế nhị mang màu sắc lễ nghi, tín ngưỡng, được tổ chức hằng năm vào sau 3 ngày Tết Nguyên Đán, để trước hết

https://www.facebook.com/taybanganh/

cầu chúc cho một năm mới no đủ, tốt lành, trai gái thành lứa đôi hạnh phúc.

Bãi chơi là một khu đất bằng phẳng gần bản. Quả còn được khâu bằng nhiều múi vải màu sắc rực rỡ, bên trong nhồi thóc hoặc hạt bông. Ở giữa bãi đất trồng một cây tre, trên treo một vòng tròn bằng tre được bồi viền giấy hồng. Theo lệ, mỗi nhà phải có một mâm cơm mang ra bản để cúng Trời - Đất, trên mâm có hai quả còn. Sau phần nghi lễ là bắt đầu tổ chức trò chơi. Mọi nhà đều tung còn lên. Quả còn nào lọt vào vòng tròn treo trên cây tre là gặp nhiều may mắn.

Tết cơm mới

Người Khơ Mú thường tổ chức Tết Cơm mới. Hội lễ hằng năm mở vào sau vụ gặt tháng 10 âm lịch. Đây là dịp vui của bản làng sau một thời gian lao động mệt nhọc. Tết cơm mới thể hiện sắc thái văn hóa dân tộc, để tưởng nhớ, biết ơn sự phù hộ của thần thánh cho mùa màng tốt tươi, nhà nhà bội thu, no đủ.

TÂY NINH

Tây Ninh là một tỉnh biên giới của miền Đông Nam Bộ, có diện tích tự nhiên 4.029km^2, dân số 1 triệu người, gồm các dân tộc: Kinh, Chăm, Khơme. Tây Ninh có Thị xã Tây Ninh là tỉnh lỵ, ngoài ra là các huyện: Tân Biên, Tân Châu, Dương Minh Châu, Châu Thành, Hoà Thành, Bến Cầu, Gò Dầu và Trảng Bàng.

Tây Ninh, phía Bắc và phía Tây giáp 3 tỉnh Campuchia với đường biên giới dài 240km, phía Đông giáp Bình Dương, Bình Phước, phía Nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh và Long An. Tỉnh Tây Ninh có hai cửa khẩu quốc gia là Mộc Bài và Xa Mát. Tây Ninh có vị trí đặc biệt quan trọng, là cửa ngõ phía Tây khu kinh tế trọng điểm phía Nam, có đường xuyên Á đi qua, là cầu nối giữa hai thành phố lớn là Thành phố Hồ Chí Minh và Thủ đô Phnom Penh của Vương quốc Campuchia.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Địa hình Tây Ninh không đồng nhất. Phía Bắc, từ thị xã Tây Ninh trở lên có nhiều rừng núi, cao nhất là núi Bà Đen cao 980m, có hai con sông lớn chảy qua là sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông. Hồ nước Dầu Tiếng xây dựng ở thượng nguồn sông Sài Gòn với diện tích mặt nước 27.000ha, có sức chứa 1,5 tỷ m^3, có khả năng tưới tiêu cho 17.500ha đất nông nghiệp.

Tây Ninh tiếp giáp với vùng núi cao nguyên Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, thuộc vùng đất cao của Nam Bộ. Phần lớn đất Tây Ninh là đất đỏ và đất xám, rất phù hợp cho trồng cây công nghiệp: cao su, cà phê...

Tây Ninh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình cả năm là từ 26-27^{0}C. Có hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

Tây Ninh giàu truyền thống yêu nước, là căn cứ địa cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Tây Ninh là căn cứ của Trung ương Cục, căn cứ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam.

Tây Ninh là trung tâm của đạo Cao Đài.

THẮNG CẢNH

Núi Bà Đen

Cách thị xã Tây Ninh 11km về phía Tây Bắc, cao 986m, xa trông như một chiếc nón lá khổng lồ úp giữa đồng bằng rộng lớn. Đường lên đỉnh núi quanh co, qua nhiều ghềnh thác, suối nước chảy róc rách.

Trải qua nhiều thế kỷ, núi Bà Đen là nơi thờ cúng của nhân dân trong vùng. Núi Bà Đen cảnh trí thiên nhiên vô cùng đẹp. Từ trên đỉnh núi, nhìn xuống cả một cánh đồng mênh mông bát ngát, đây đó những xóm làng sầm uất nổi lên. Về phía Tây là hòn núi Cậu, phía Tây Bắc là núi Heo và núi Phụng. Trong núi có nhiều hang động kỳ khu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lên đến độ cao 700m, du khách sẽ được nhìn ngắm động Ông Hổ, được tạo nên bởi các tảng đá to, xếp chồng lên nhau, phía trên có cây đa đại thụ. Tại đây bạn có thể nghỉ ngơi lấy lại sức để tiếp tục cuộc hành trình. Kế đó là hố Bảy Ngày sâu hun hút.

Vượt qua mấy con dốc dựng đứng, băng qua rừng tre già, đến đây bạn cảm thấy mát lạnh, chung quanh bao phủ sương mù. Lên cao nữa, bạn sẽ có cảm giác mình đang ở đâu đó của vùng đất Đà Lạt, bởi nhiệt độ ở đây quanh năm dao động trong khoảng 12-25^{0}C, chênh với chân núi gần 10^{0}C.

Núi Bà Đen nổi tiếng là nơi linh thiêng thờ cúng, với sự kỳ ảo của truyền thuyết Linh Sơn Thánh Mẫu. Núi Bà Đen còn là nơi ghi dấu chiến công của quân dân Tây Ninh trong cuộc kháng chiến giành độc lập. Tại đây có ba khu triển lãm giới thiệu một phần hiện vật và hình ảnh của cán bộ, chiến sĩ Quân Giải phóng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ trước đây.

Núi Bà Đen là một vùng đất văn hóa. Truyền thuyết kể rằng: xưa ở huyện Quang Hóa (nay là Trảng Bàng) có đôi trai tài, gái sắc yêu nhau. Chàng Lê Sỹ Triệt vì nghĩa lớn lên đường đánh giặc. Nàng Lý Thị Thiên Hương ở nhà một lòng thủy chung chờ đợi. Hai người nguyện thề với nhau, bao giờ hết cảnh binh đao chàng sẽ trở về cùng nàng kết tóc xe tơ.

Là người mộ đạo, mỗi lần Tết Nguyên Tiêu nàng thường lên núi Bà Đen lễ Phật. Một ngày kia, trên đường lễ chùa, nàng bị bọn thảo khấu chặn đường, làm điều xằng bậy. Vì giữ trọn tiết hạnh với hôn thê, nàng liều mình nhảy xuống vực sâu quyên sinh. Hồn người con gái trung trinh ấy báo mộng cho nhà sư trụ trì trên núi. Sáng hôm sau, nhà sư tìm được xác nàng và cho mai táng. Dân gian truyền nhau rằng, nàng Thiên Hương rất linh hiển, luôn phù hộ cho nhân dân lương thiện trong vùng. Từ đó khu điện Bà được lập nên để thờ phụng và ngọn núi mang tên Bà Đen từ đó.

Khi Chúa Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi, lấy hiệu là Gia Long, nhớ lại chuyện được Bà mách bảo để thoát nạn trong bước đường

https://www.facebook.com/taybanganh/

bôn tẩu, đã sai Tả quân Lê Văn Duyệt làm lễ sắc phong cho Bà danh hiệu "Linh Sơn Thánh Mẫu", đặt tên chùa Bà là "Linh Sơn Tiên Thạch Động" và tạc tượng Bà bằng đồng đen để nhân dân chiêm bái. Về sau sắc phong đó bị thất lạc, đến triều Bảo Đại lại tái sắc phong cho Bà.

Hiện chùa được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia. Ngành Du lịch Tây Ninh đã đầu tư xây dựng cáp treo đưa vào sử dụng từ tháng 3 năm 1998, là cáp treo đầu tiên trong cả nước để nhân dân lên xuống dễ dàng.

Hồ Dầu Tiếng

Cách thị xã Tây Ninh 20km về phía Đông Bắc, cách Thành phố Hồ Chí Minh 70km về phía Bắc. Hồ Dầu Tiếng là công trình thủy lợi, là một trong những hồ lớn nhất nước ta, với diện tích mặt nước 27.000ha, sức chứa 1,5 tỷ m^3. Hồ Dầu Tiếng đủ khả năng cung cấp nước tưới cho 172.000ha đất nông nghiệp của Tây Ninh và một phần của Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Long An.

Giữa hồ là những đảo với rừng cây xanh soi bóng mát. Không khí trong lành, thoáng mát tạo cho du khách cảm giác thoải mái mỗi lần được đi thuyền du ngoạn trên hồ. Đặc biệt đến đây du khách sẽ được thưởng thức các món ăn đặc sản địa phương.

Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát

Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát thuộc ba xã: Tân Lập, Tân Bình và Hoà Hiệp (huyện Tân Biên), cách thị xã Tây Ninh khoảng 30km về phía Tây Bắc. Đây là khu vực đệm giữa miền Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long, và là vùng giáp ranh biên giới Việt Nam - Campuchia. Đây cũng là địa danh nổi tiếng trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, nơi lập căn cứ cách mạng của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Rừng Quốc gia Lò Gò - Xa Mát, thuộc hệ sinh thái rừng nhiệt đới với những trảng cây họ dầu rụng lá vào mùa khô, ngập nước

https://www.facebook.com/taybanganh/

trong mùa mưa. Các trảng cỏ bị ngập nước trong mùa mưa, theo định kỳ từng thời gian chứa đựng sự phong phú đa dạng của các loài thủy sinh vật và thích hợp cho các loài chim vốn ở các đầm lầy đến định cư. Theo sự điều tra của tổ chức Đời sống các loài chim (Birdlife) Việt Nam cho biết, đây là nơi cư trú của trên 130 loài chim quý hiếm được ghi vào sách đỏ Việt Nam.

Nhờ những giá trị sinh thái tự nhiên và lịch sử, vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát trở thành nơi tham quan, học tập nghiên cứu và là điểm du lịch sinh thái hấp dẫn.

DI TÍCH

Tháp cổ Bình Thạnh

Đây là một tháp Chàm cổ được xây dựng cách nay 1.000 năm, ở xã Bình Thạnh, huyện Trảng Bàng. Tháp cổ Bình Thạnh một di tích kiến trúc cổ Chăm thuộc nền văn hóa Óc Eo, được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử. Tháp xây bằng gạch, cửa chính quay về hướng Đông. Ngọn tháp cao 10m, qua thời gian lớp ngoài của tháp bị hư hại một phần. Năm 1999, tháp được trùng tu sửa chữa.

Toà Thánh Tây Ninh

Một trong những công trình nổi bật nhất ở thị xã Tây Ninh là toà Thánh Tây Ninh hay còn gọi là toà Thánh Cao Đài, cách thị xã Tây Ninh 4km về hướng Đông. Toà Thánh Cao Đài là một công trình kiến trúc nghệ thuật nổi tiếng, nơi thờ phụng tôn giáo có xuất xứ ngay trong nước, được khởi dựng từ năm 1936 đến năm 1947 hoàn thành, tọa lạc trong một khuôn viên rộng hơn 1km^2. Là một công trình kiến trúc độc đáo, với những nét đặc trưng tiêu biểu của kiến trúc đền chùa Việt Nam, nhưng đồng thời mang dáng dấp bề thế nguy nga của cung điện phương Tây, lại đặc biệt không do một kiến trúc sư nào thiết kế vẽ kiểu. Nhưng những công trình hiện hữu đã được các nhà xây dựng

https://www.facebook.com/taybanganh/

công trình thể hiện sự hài hoà giữa mỹ thuật kiến trúc truyền thống Á Đông và phương Tây. Với các vòm mái và hoa văn trang trí khéo léo, tinh xảo biểu hiện tinh thần tam giáo. Sự phối hợp hài hoà giữa Đông Tây thể hiện rõ qua nội thất Thánh đường, những cột trụ to lớn kiểu cung điện, giáo đường phương Tây, với các hình chạm khắc rồng mây tinh xảo, tỉ mỉ mang biểu tượng phương Đông. Qua lá cờ đạo ba màu: vàng, xanh, đỏ là sự hoà hợp các tôn giáo Đông Tây. Vàng là biểu tượng Phật giáo, xanh là biểu tượng vĩnh cửu của đạo Lão, đỏ là biểu tượng của các vị Thánh đạo Thiên Chúa và đạo Khổng.

Điện thờ chính mang dáng dấp nhà thờ Công giáo, dài 100m với hai ngọn tháp cao sừng sững; 28 con rồng được đắp nổi trong toà Thánh tượng trưng cho đấng cao siêu mà giáo lý Cao Đài tôn vinh: Đức chúa Giêsu, Đức Phật, Thánh Muhammad và Thánh nữ Jeanne d'Arc... Đạo Cao Đài thờ Thiên Nhãn (mắt trái, mắt gần trái tim) tượng trưng cho Thượng đế.

Hằng năm toà Thánh Cao Đài mở hội vào mồng 9 tháng Giêng và rằm tháng Tám âm lịch. Lễ hội mang tính tôn giáo, có tổ chức vui chơi: múa rồng, múa lân, đua thuyền...

Toà Thánh Cao Đài là nơi hành hương của các tín đồ Cao Đài trong cả nước.

Căn cứ Trung ương Cục miền Nam

Thuộc khu rừng Rùm Đuôn, cách thị xã Tây Ninh 64km về phía Tây Bắc, cách cửa khẩu Xa Mát không quá 3km, nằm giữa một khu rừng nhiệt đới. Đây là căn cứ địa cách mạng miền Nam, nơi lãnh đạo, chỉ đạo quân dân miền Nam trong suốt 20 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, nơi mà các phương tiện thông tin đại chúng của ta và của phương Tây thường nói đến đó là vùng "*Móc Câu*", một địa danh đã đi vào lịch sử, đã trải qua bao năm tháng bom rơi, đạn réo, chà đi xát lại của kẻ thù. Đó là chưa kể những trận càn với hàng chục tiểu đoàn tinh nhuệ của Mỹ - ngụy có pháo bầy, máy bay, xe tăng,

https://www.facebook.com/taybanganh/

xe bọc thép thi nhau nhả đạn không kể ngày đêm... tưởng như không một sinh vật nào có thể sống sót. Ấy thế mà cơ quan đầu não, linh hồn của cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam vẫn tồn tại và không ngừng lớn mạnh đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đến thắng lợi 30 tháng 4 năm 1975.

Việc Trung ương Cục chọn Rùm Đuôn làm căn cứ, còn gọi là căn cứ Chàng Riệc, ngoài ý nghĩa chiến lược, nó còn là một vị trí gần sát đường mòn Hồ Chí Minh, thuận tiện cho việc liên lạc với Trung ương, lại có đường thông với căn cứ Bộ chỉ huy Miền ở Tà Thiết (Lộc Ninh, Bình Phước).

Căn cứ Rùm Đuôn gồm hai khu: khu vực vòng ngoài cùng là nơi làm việc của Ban An ninh. Vòng trong là nơi đóng của cơ quan Trung ương Cục, gồm nhà làm việc của ông Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Chí Thanh, Phạm Hùng, Võ Văn Kiệt...

Ngày nay, du khách đến đây sẽ thấy thấp thoáng dưới cây rừng là những ngôi nhà được xây nổi trên mặt đất. Toàn bộ cột kèo, tường đều làm bằng gỗ tốt nguyên cây, không cưa xẻ, bóc vỏ. Mái lợp lá trung quân, một loại lá sẵn có nhiều ở rừng Trường Sơn, mang những đặc tính tốt: lâu mục, khó cháy lúc bị bom đạn. Mỗi căn nhà đều có hầm chữ A kiên cố, chìm sâu trong lòng đất và được nối với một hệ thống giao thông hào chằng chịt chạy ra ngoài, mỗi khi có sự cố.

Có đến đây mới càng thấy tự hào rằng sự tồn tại của một căn cứ lớn cực kỳ quan trọng của cách mạng nằm ngay giữa lòng miền Nam, cách sào huyệt Mỹ-ngụy Sài Gòn không xa (trong vòng bán kính 50km), luôn bị quân thù vây bủa, bắn phá ác liệt mà vẫn tồn tại, đã trở thành một biểu tượng của tinh thần chiến đấu của nhân dân miền Nam.

Ngày nay đến Rùm Đuôn, mảnh đất đã đi vào lịch sử, không còn nhìn thấy cảnh bom rơi, đạn cháy, rừng đã lại xanh um, hố bom cây cối đã mọc đầy, nhưng vẫn còn đó những mái nhà đơn sơ, những bếp ăn "Hoàng Cầm", những hội trường nửa chìm,

https://www.facebook.com/taybanganh/

nửa nổi, những hào giao thông, hầm trú ẩn... và có thêm một nhà bảo tàng lưu niệm mới xây dựng.

Chùa núi Bà

Quần thể núi Bà có nhiều chùa, am, miếu. Ngay lưng chừng núi là điện Bà được xây dựng dựa vào thế núi từ một mái đá tự nhiên nhô ra thành một am động thờ Bà, vòm cao 2,5m, cửa động rộng 6m, bên trong có ban thờ đặt tượng thờ Bà Đen, khoác áo đỏ. Điện Bà là nơi thờ phụng chính gắn liền với lễ hội và tên gọi núi Bà Đen.

Ngoài ra trên núi Bà còn có chùa Hang, chùa Hạ, chùa Trung là những ngôi chùa có quy mô lớn, đã được trùng tu, sửa chữa, sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Trong quần thể núi Bà Đen có khu vực Suối Vàng, còn gọi là Ma Thiên Lãnh, nằm ở phía Tây núi Phụng với hồ Chằm, đền thờ Ông Lớn Trà Vong.

LỄ HỘI

Lễ hội núi Bà

Lễ hội núi Bà Đen là lễ hội lớn nhất ở Tây Ninh, được tổ chức vào tháng Giêng âm lịch hằng năm. Sau Tết Nguyên Đán, thời tiết khô ráo, không khí mát mẻ, người dân Tây Ninh tưng bừng mở hội đón Xuân ở núi Bà. Lễ hội núi Bà thu hút nhiều du khách thập phương dự hội, vì nhu cầu tín ngưỡng, nhưng số người đi tham quan du lịch, vui chơi cũng chiếm một tỷ lệ rất lớn. Trong những ngày này, trên đoạn đường từ thị xã Tây Ninh đến núi Bà Đen, xe cộ đi lại tấp nập. Đặc biệt đường cáp treo hoạt động hết công suất vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu, du khách phải chờ đợi.

Hội Vía Bà

Tổ chức vào hai ngày 5 và 6 tháng 5 âm lịch. Ngày 5 là ngày chính hội. Vào lúc 0 giờ đêm ngày 4 rạng ngày 5, lễ tắm tượng Bà

https://www.facebook.com/taybanganh/

được tổ chức trang nghiêm tại điện thờ. Lúc này, cửa điện được đóng kín, không cho khách vào. Điều hành lễ tắm Bà là một phụ nữ cao tuổi, tốt tính được mọi người yêu mến. Tắm xong, thay xiêm y cho Bà và lần lượt lạy Bà. Lúc bấy giờ nhang đèn trong điện được thắp sáng, và các điện mở cửa cho khách vào lễ bái.

Đến khoảng 6 giờ sáng ngày 5 thì các sư ở các chùa lân cận lần lượt đến làm lễ. Trong ngày chính hội, từ sáng tinh mơ cho tới tối, khói hương nghi ngút ở các bàn thờ Linh Sơn Thánh Mẫu và Bà Chúa Xứ, bàn thờ Phật, bàn thờ Hộ Pháp...

THÁI BÌNH

Thái Bình là tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng, vùng đất có truyền thống văn hiến trải qua hơn 2000 năm lịch sử, có diện tích tự nhiên 1.543km^2, dân số 1,814 triệu người, chủ yếu là dân tộc Kinh.

Thành phố Thái Bình (được Chính phủ công nhận là thành phố vào năm 2004) là tỉnh lỵ, ngoài ra là các huyện: Hưng Hà, Quỳnh Phụ, Thái Thụy, Đông Hưng, Vũ Thư, Kiến Xương và Tiền Hải.

Tỉnh Thái Bình phía Bắc và Đông Bắc giáp Hải Dương và Hải Phòng, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây và Tây Bắc giáp Hà Nam và Hưng Yên, phía Nam giáp Nam Định.

Thái Bình mang đậm nét văn hóa truyền thống đặc trưng của nền văn minh lúa nước. Từ thời Hùng Vương dựng nước, cư dân nơi đây đã biết trồng lúa nước, trồng dâu nuôi tằm, dệt vải...

Thái Bình không có núi non, bốn bề là sông biển bao quanh, bờ biển dài trên 50km, có cảng biển Diêm Điền được xây dựng, đang đi vào hoạt động.

Thái Bình ở vào vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình cả năm là khoảng 23-24^{0}C. Mùa đông thường ấm hơn

https://www.facebook.com/taybanganh/

so với các tỉnh nằm sâu trong đất liền. Mùa hè tuy nóng, nhưng nhờ có ngọn gió đại dương thổi vào làm cho không khí có phần mát mẻ.

Giao thông thuận lợi, đặc biệt là giao thông thủy. Thái Bình có những khu rừng ngập mặn và có nhiều cồn cát ven biển như bãi biển Đồng Châu, Cồn Vành, Cồn Thủ, Cồn Đen.

Thái Bình là vùng đất đậm đặc di tích lịch sử và văn hóa như chùa Keo, đền Đồng Bằng, khu di tích nhà Trần, đền Tiên La, nhà thờ Lê Quý Đôn, khu lưu niệm Bác Hồ...

Thái Bình là vùng đất nhiều nghề truyền thống, cũng là một vùng du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng được nhiều du khách rất quan tâm.

THẮNG CẢNH

Làng vườn Bách Thuận

Thuộc huyện Vũ Thư, cách thành phố Thái Bình 10km. Làng Bách Thuận ở ven sông, rìa làng là bãi phù sa trồng dâu tằm, chanh, táo, cam, hồng xiêm, bưởi, chuối, ổi... Đặc biệt là táo, một đặc sản của làng Bách Thuận. Táo Bách Thuận đều trái, khá to, thơm ngon và ngọt nước. Hai bên đường làng chủ yếu trồng cây ngâu. Tinh dầu hoa ngâu là mặt hàng xuất khẩu có giá trị của Bách Thuận. Vào mùa hoa ngâu nở, cả làng Bách Thuận ánh lên một màu vàng rực rỡ, càng làm cho cảnh làng quê thêm đẹp. Nghề làm vườn ở Bách Thuận đã trở thành một nghệ thuật, một nghề kinh doanh có lãi.

Vào mùa nước, đường làng Bách Thuận ngập nước, trở thành những dòng sông nhỏ, từ nhà nọ sang nhà kia phải đi thuyền, có cảm giác như một "Venice nông nghiệp".

Bãi biển Đồng Châu

Thuộc huyện Tiền Hải, cách thành phố Thái Bình khoảng 30km, theo quốc lộ 39B. Bãi tắm Đồng Châu dài 5km, còn hoang

https://www.facebook.com/taybanganh/

sơ. Nhưng thú vị nhất là từ Đồng Châu du khách có thể đi xuồng máy ra tham quan và tắm biển ở Cồn Thủ, Cồn Vành, cách đất liền 7km. Đây là vùng sinh thái rừng ngập mặn, nổi lên giữa biển xanh bao la như hai ngọn sóng xanh trên cồn cát rộng khoảng 5ha. Trên cồn có rừng thông, phi lao xanh ngắt, có những bãi tắm nhỏ kín đáo và thơ mộng.

Bãi biển Đồng Châu chưa được đầu tư thích đáng, nhưng là một vùng khí hậu mát mẻ trong lành. Bãi tắm luôn luôn lặng gió, sóng chỉ vỗ nhẹ vào bờ, là một nơi thích hợp cho nghỉ dưỡng và chữa bệnh.

Làng Nguyên Xá

Cách thành phố Thái Bình 10km, thuộc huyện Đông Hưng. Trong kháng chiến chống Pháp, Nguyên Xá là làng căn cứ kháng chiến.

Làng Nguyên Xá không chỉ nổi tiếng về nghề dệt lụa, mà còn nổi tiếng về nghề làm bánh cáy. Bánh cáy Nguyên Xá được khách hàng trong và ngoài nước rất ưa thích.

Từ xa xưa cho tới nay, Thái Bình lừng danh trong cả nước về phát triển múa rối nước, mà tiêu biểu là làng Nguyên Xá. Các nghệ nhân nông dân làng Nguyên Xá đã tự sáng tạo ra những con rối phục vụ cho các vở diễn của mình rất sinh động.

Làng nghề Chiếu Hới

Làng Hới, thuộc huyện Hưng Hà, có nghề dệt chiếu lâu đời, nổi tiếng ở nước ta. Chiếu làng Hới đã trở thành một sản phẩm tiêu biểu của Thái Bình.

Chiếu Hới có nhiều loại, chiếu cài hoa, chiếu đậu, chiếu đót, chiếu sợi xe... với nhiều kích cỡ khác nhau. Người dân địa phương đã có câu ngợi ca chiếu Hới: "*Ăn cơm hom, nằm giường hòm, đắp chiếu Hới*", bởi chiếu Hới không chỉ đẹp, bền mà còn có thể dùng đắp thay chăn rất ấm. Xưa kia, ở nông thôn nước ta, ai đã từng ăn cơm mới, cá rô vàng, nằm ổ rơm, đắp chiếu đậu, mới thấm

https://www.facebook.com/taybanganh/

thía hết ý nghĩa của câu ca này, mới cảm nhận được cái ấm áp, thơm thơm của chiếu cói.

Chiếu chèo làng Khuốc

Làng Khuốc thuộc huyện Đông Hưng. Cũng như bao làng quê đồng bằng Bắc Bộ, làng Khuốc ngoài nghề làm ruộng, trồng dâu nuôi tằm còn có một vốn văn hóa, một nghệ thuật truyền thống quí giá, đó là nghệ thuật chèo.

Chèo là một nghệ thuật truyền thống, một di sản văn hóa quý báu, một đặc trưng tiêu biểu của cư dân đồng bằng Bắc Bộ, nhưng nổi tiếng nhất trước hết phải kể đến chèo làng Khuốc. Chiếu chèo làng Khuốc đã truyền được 13 thế hệ nghệ nhân. Xưa kia, nghệ nhân làng Khuốc đã từng được các triều đại vua chúa mời về cung đình biểu diễn phục vụ. Ngày nay, chèo làng Khuốc vẫn được bảo tồn và phát huy.

Du khách đến đây vào những ngày hội sẽ được chứng kiến không khí tưng bừng của tiếng trống chèo và các làn điệu chèo mượt mà của những nghệ sĩ nông dân vừa rời tay liềm, tay cuốc.

DI TÍCH

Chùa Keo

Tên chữ là Thần Quang tự, thuộc xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư. Chùa tọa lạc trong một khuôn viên rộng 108.000m^2. Đặc biệt, chín gác chuông chùa Keo là một công trình nghệ thuật bằng gỗ độc đáo, có một không hai, tiêu biểu cho kiến trúc cổ Việt Nam ở thế kỷ XVII.

Tương truyền chùa cũ ở làng Ngọc Cúc, giáp làng Hành Thiện, Nam Định. Niên hiệu Đức Long thứ 4 triều vua Lê Thần Tông (1632), chùa được dời đến vị trí như ngày nay. Có tài liệu nói chùa được dựng dưới triều vua Lý Thánh Tông (1054-1072), nhưng cũng có tài liệu cho rằng chùa được dựng vào năm 1632, thời Hậu Lê. Rất có thể chùa được dựng dưới triều Lý và được trùng tu mở rộng dưới triều Hậu Lê chăng?

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lúc đầu chùa có tên là Nghiêm Quang. Năm 1067, vua Lý Thánh Tông đến lễ chùa, ban tiền tu sửa và cho đổi tên thành Thần Quang.

Chùa Keo thờ Phật, toà Thánh thờ vị tổ sư của chùa là Không Lộ thiền sư, pháp hiệu Minh Quang, người có công giúp Lý Thánh Tông đánh đuổi quân Chiêm Thành và có công chữa khỏi bệnh hóa hổ cho vua Lý Thần Tông. Không Lộ còn là ông tổ của nghề đúc đồng ở nước ta.

Kiến trúc chùa được bố trí từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Ngoài cùng là Tam quan ngoại, đi vòng theo hồ hình chữ nhật vào tam quan nội, tiếp đó là khu chùa chính, kiến trúc theo lối "*nội công, ngoại quốc*". Ở giữa là hạ điện, trung điện và thượng điện. Toà ngoài cùng có tượng Hộ pháp, nên có tên chùa Ông Hộ. Toà giữa thờ Giá Roi (7 gian) nên còn gọi là chùa Giá Roi. Cuối cùng là gác chuông ba tầng cao 11m, là nơi tập trung cao độ của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc gỗ tinh vi của thời Hậu Lê.

Bộ cánh cửa tam quan nội chạm rồng là đôi cửa điển hình nhất của nghệ thuật điêu khắc đời Lê. Bẩy góc chùa Ông Hộ có sen che lưng cá hóa rồng là bức tranh miêu tả sinh động Thiền sư Không Lộ. Hệ thống 84 con sơn nội, con sơn ngoại với đề tài long phi, long giáng, long cuốn, nghê đội, nghê gánh xà, bẩy là 84 tác phẩm điêu khắc sinh động. Hệ thống đấu củng, đấu vọi những đàn chim sải cánh nâng đỡ toà mái nhà gác chuông là sự sáng tạo trong kiến trúc cổ tiêu biểu nhất, đưa gác chuông chùa Keo thành tác phẩm điêu khắc độc nhất vô nhị.

Các học giả gọi chùa Keo là "Chùa vàng lại có Phật vàng", là "một bảo tàng tượng cổ và đồ tế khí cổ" thời Lê với gần 100 pho tượng như Tam Thân, A Di Đà, Quan Âm tọa sơn, Quan Âm Thị Kính, Hoa Nghiêm Tam Thánh (Thích Ca, Văn Vương, 18 vị La Hán), Hộ Pháp, Kim Cương... Đặc biệt hơn cả là tượng Không Lộ, tạc bằng gỗ trầm. Trong chùa có những hiện vật liên quan

https://www.facebook.com/taybanganh/

đến Không Lộ như ba vỏ ốc để ngửa làm chén uống nớc, một bộ tràng hạt của thiền sư đeo, một bình vôi to, một gậy trúc dài 3 thước ta (đã bị mất), một cột gỗ chò cao 25m, một pho tượng gỗ trầm hương thờ trong cung cấm. Tương truyền, khi tịch Không Lộ hóa thành Thánh Tượng.

Xưa kia, hằng năm chùa Keo có nhiều ngày hội, như hội vui xuân thi nấu cơm, ném pháo vào mồng 4 tháng Giêng âm lịch, hội ngày 3 tháng 6 âm lịch, là hội 100 ngày sau khi Không Lộ tịch. Chùa Keo là một di tích văn hóa được xếp hạng.

Đền Tiên La

Còn gọi là Tiên La Linh Từ, ở thôn Tiên La, xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà, cách thành phố Thái Bình 35km về phía Bắc.

Đền Tiên La thờ Bát Nàn Tướng quân, là nữ tướng của Hai Bà Trưng có công đánh giặc Tô Định. Theo thần phả, Bát Nàn tướng quân tên thật Vũ Thị Thục, thường được gọi Thục Nương, sinh ngày 5-8 năm Tân Sửu, quê ở Trang Phượng Lưu, huyện Bạch Hạc, Phú Thọ. Cha là Vũ Công Chất, mẹ là Hoàng Thị Màu. Thục Nương đính hôn với Phạm Hương, dòng dõi một Lạc Tướng làm Quận trưởng Nam Châu. Nước ta thời đó bị Thái thú Tô Định nhà Hán cai trị. Biết Thục Nương là cô gái tài sắc vẹn toàn, Tô Định sai bắt phụ thân và chồng chưa cưới vào ép buộc phải gả Thục Nương cho hắn. Vũ Công Chất và Phạm Hương không chịu, hắn đã sai lính đánh chết hai người.

Biết tin cha và người yêu bị giết, Thục Nương đưa mẹ già đi gửi, đồng thời một mình xông vào giết giặc trả thù. Nàng đã chém giết nhiều tên giặc và về làng Tiên La nương náu. Tại đây, nàng tổ chức nghĩa quân dựng cờ khởi nghĩa.

Tới mùa xuân năm 40, được tin Hai Bà Trưng khởi nghĩa ở Hát Môn, Bát Nàn vô cùng phấn khởi, và được Bà Trưng Trắc sai sứ mang sắc chỉ đến mời tụ nghĩa, Bát Nàn đem quân của mình đến hợp với quân Hai Bà Trưng và được phong chức "Đông

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nhung Đại Tướng quân". Cuộc khởi nghĩa do Hai Bà Trưng lãnh đạo giành toàn thắng vào mùa xuân năm 40.

Bị thất bại thảm hại, nhà Hán sai hai tên tướng Mã Viện và Lưu Long sang nước ta đàn áp cuộc khởi nghĩa. Thế giặc quá mạnh. Năm 43, cuộc kháng chiến chống xâm lược của Trưng Vương thất bại. Hai Bà đã anh dũng hy sinh. Bát Nàn và nghĩa quân lui về Tiên La cố thủ. Cuối cùng căn cứ Tiên La bị quân Hán phá hủy, Bát Nàn Tướng quân tự sát tại gò Kim Quy. Nhân dân thương nhớ lập đền thờ ngay trên mảnh đất bà đã hy sinh.

Từ đó đền Tiên La đã trải qua nhiều lần tu bổ, lần gần đây nhất vào năm 1937-1939.

Ngôi đền có quy mô lớn, tọa lạc trên một gò đất rộng 4.000m^2, nằm ngay cạnh đê sông Tiên Hưng. Toà bái đường và thượng điện kiến trúc bằng gỗ tứ thiết. Nội thất được chạm trổ công phu, xoay quanh đề tài tứ linh "*long, ly, quy, phượng*" đan xen với tứ quý "*thông, trúc, cúc, mai*". Ở Y môn, cửa Võng, đại tự, cuốn thư, câu đối đều được bài trí đẹp đẽ, trang nghiêm.

Đền còn lưu giữ nhiều đồ tế khí quý giá, như đôi ché gốm, niên đại đời Lê, các câu đối khảm trai và tượng thờ Bát Nàn Tướng quân tại thượng điện. Ngoài ra còn có sắc phong thần từ thời Lê đến thời Nguyễn, bia đá, chuông đồng...

Hằng năm lễ hội đền Tiên La mở vào trung tuần tháng 3 âm lịch.

Đền Đồng Bằng

Thuộc thôn Đồng Bằng, xã An Lễ huyện Quỳnh Phụ. Làng Đồng Bằng xưa là trang Đào Động, một trong những phòng tuyến quân sự của nhà Trần thế kỷ XIII.

Tục truyền, đền được khởi dựng khá sớm từ thời Duệ Vương (Hùng Vương thứ 18), qua các triều đại được tu tạo, sửa chữa nhiều lần. Công trình kiến trúc hiện nay có niên đại Khải Định năm thứ 10 (1926), và cũng được trùng tu qua nhiều năm 1940,

https://www.facebook.com/taybanganh/

1950, 1984. Đền tọa lạc trên diện tích 6.000m^2, mặt quay về hướng Tây. Đền thờ Đức vua Cha Bát Hải Động Đình, người có công lớn trong việc bình giặc Thục giữ yên bờ cõi, đưa con Lạc cháu Hồng vào thiên niên kỷ thứ nhất.

Công trình đền Đồng Bằng gồm 13 toà nhà, 60 gian. Cấu trúc theo kiểu: tiền chữ "*nhị*" (二), hậu chữ "*đinh*" (丁). Bố cục theo lối liên hoàn, khép kín, rất uy nghi, bề thế, nhưng vẫn phóng khoáng, nhẹ nhàng, duyên dáng. Đền Đồng Bằng mang phong cách kiến trúc truyền thống ở các làng xã Bắc Bộ, nhưng có phần ảnh hưởng kiến trúc xứ Huế hồi đầu thế kỷ. Đó là nghệ thuật ghép gốm và mái tứ diện chồng diêm.

Trong đền, các mảng điêu khắc hết sức tinh vi, mềm mại như những bức tranh lụa với các đề tài tứ quý, tứ linh. Hệ thống rường, cột xà, cốn, kẻ bẩy được nghệ nhân chạm khắc công phu.

Hàng trăm câu đối, đại tự, cuốn thư, cửa võng đều được sơn son thếp vàng, với những đường nét chạm trổ, chạm lộng... với các họa tiết cá hóa rồng, rồng cuốn thủy, nhị thập bát tú, hoa lá, chim muông... Có thể nói, đền Đồng Bằng là một bảo tàng mỹ thuật điêu khắc gỗ của vùng quê lúa.

Hằng năm, lễ hội đền Đồng Bằng diễn ra vào ngày 20 tháng 8 âm lịch, có tổ chức đua thuyền truyền thống. Nhân dân đã có câu ca:

Dù ai buôn bán trăm nghề,

Hai mươi tháng tám nhớ về Đào thôn.

Đền Chòi

Tại xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, cách thành phố Thái Bình 30km về phía Đông Bắc. Đền Chòi thờ hai vị thần là Trần Đông và Trần Điểm, có công đánh giặc Xích Tụy (dân gian gọi là giặc mũi đỏ) thời vua Hùng. Nơi đây vào thế kỷ XIII, có chòi gác tiền tiêu tại cửa sông Hóa, thời Trần là cửa biển Đại Bàng. Tại vùng này, ngày 6 tháng Giêng năm 1288, quân đội nhà Trần

https://www.facebook.com/taybanganh/

dưới tài chỉ huy của Phạm Ngũ Lão đã đánh trận thủy chiến ở cửa Đại Bàng làm cho 300 chiến thuyền quân Nguyên tan tành, mở đầu cho chiến dịch phản công đánh đuổi ra khỏi đất nước toàn bộ quân địch do Thoát Hoan và Ô Mã Nhi cầm đầu sang cướp nước ta lần thứ ba.

Ngoài giá trị lịch sử, đền Chòi còn là một di tích có giá trị về kiến trúc nghệ thuật đặc trưng phong cách thời Nguyễn cuối thế kỷ XIX dưới triều vua Thành Thái.

Đền Chòi có quy mô lớn. Từ ngoài vào trong đền có các bộ phận như: toà tắc môn, kiến trúc theo kiểu chồng diêm, ba tầng, nhìn ra cửa biển Hóa Giang. Qua sân tế đến đại bái, gồm năm gian, nội thất có giang án, bàn thờ, hoành phi, đại tự, câu đối sơn son thếp vàng. Tại các mảng cốn, thành rường, đều được chạm trổ theo các đề tài *tứ linh, tứ quý*. Kỹ thuật chạm khắc rất tinh xảo. Toà điện đệ nhị gồm năm gian. Toà điện đệ tam (thượng điện) là nơi bài trí bài vị của các vị thần. Các hiện vật này đều có từ đời Lê và đời Nguyễn.

Hằng năm đền Chòi mở hội vào đầu tháng 7 âm lịch. Hội chính vào ngày 12 tháng 7 là một hội lớn của đồng bào Thái Thụy.

Đền thờ Lê Quý Đôn

Lê Quý Đôn là nhà bác học lỗi lạc của Việt Nam vào thế kỷ XVIII. Cụm di tích lưu niệm danh nhân Lê Quý Đôn thuộc thôn Đồng Phú, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, cách thành phố Thái Bình 35km về phía Bắc.

Lê Quý Đôn nguyên tên là Lê Danh Phương, tự là Doãn Hậu, hiệu Quế Đường, sinh ngày 5 tháng 7 năm Bính Ngọ (2-6-1726), ở làng Diên Hà, trấn Sơn Nam Hạ, nay là thôn Đồng Phú, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà.

Thuở nhỏ Lê Quý Đôn đã nổi tiếng thần đồng. Năm 1739, ông theo cha lên kinh đô học thầy là Tiến sĩ Lê Hữu Kiều. Năm

https://www.facebook.com/taybanganh/

18 tuổi thi Hương đậu Giải nguyên, ở nhà dạy học và viết sách. Năm 27 tuổi, thi Hội, đậu đầu, thi Đình đậu Bảng nhãn. Ông từng làm việc tại Viện Hàn Lâm, Ban Toản Tu Quốc sử, đi liêm phóng, tham gia việc binh, đi sứ Trung Quốc... Được thăng các chức: Hàn Lâm Viện Thừa chỉ, Tư nghiệp Quốc Tử Giám, Quốc sử Tổng Tài, Hiệp Trấn... Năm 1784, được thăng Thượng thư Bộ Công, tước Nghĩa Phái hầu. Ông mất ngày 1-6-1784 tại làng Nguyên Xá, huyện Duy Tiên, Hà Nam (quê ngoại).

Sự nghiệp sáng tác của Lê Quý Đôn hết sức đồ sộ, khoảng 40 bộ sách bao quát hầu hết các tri thức đương đại như: sử học, thơ văn, triết học, nông học, xã hội... Trong đó đáng chú ý là bộ *Vân Đài loại ngữ* được các nhà khoa học đánh giá như một bộ Bách khoa thư Việt Nam.

Khu từ đường: gồm cổng vào có đề năm chữ Hán: "Lê Tướng công cổ trạch" (nhà cũ của Tướng công họ Lê, tức là nhà của Tiến sĩ Lê Trọng Thứ thân sinh ra Bảng Nhãn Lê Quý Đôn). Từ đường gồm hai toà, mỗi toà ba gian, một bên là bia: "Hà Quốc công bi ký" được làm vào năm Tự Đức thứ 12 (1860), do Cử nhân Phạm Chi Hương, cháu ngoại Lê Trọng Thứ soạn. Một bên là bia ghi tiểu sử nhà bác học Lê Quý Đôn và bài lưu bút của nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười khi về thăm từ đường ngày 16-2-1996. Tấm bia này do gia tộc và Bảo tàng Thái Bình dựng tháng 1-1999.

Khu lưu niệm Nguyễn Đức Cảnh

Nguyễn Đức Cảnh sinh ngày 2-2-1908, tại thôn Diêm Điền, xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy (nay là thị trấn Diêm Điền). Ông là một trong 7 đảng viên của chi bộ đầu tiên của Đảng và là một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Việt Nam, từng làm Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ. Ông được Đảng giao trách nhiệm triệu tập Đại hội Đại biểu Công nhân Bắc Kỳ nhóm họp ngày 28-7-1929, thành lập Công hội Đỏ, tiền thân của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ngày nay và là người đứng đầu Ban Chấp hành Tổng Công hội Đỏ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tháng 10-1930, ông tham gia Thường vụ Xứ ủy Trung Kỳ, hoạt động tại Nghệ An. Ngày 9-4-1931, ông bị thực dân Pháp bắt tại Thành phố Vinh và bị kết án tử hình, và bị chúng giết tại Hải Phòng ngày 31-8-1932.

Ông tuy không hoạt động ở Thái Bình, nhưng là người con của Thái Bình trung kiên, bất khuất. Vì vậy Thường vụ Tỉnh ủy Thái Bình quyết định xây dựng khu lưu niệm Nguyễn Đức Cảnh tại mảnh đất quê hương ông.

Khu lưu niệm là một quần thể kiến trúc được phục dựng lại năm 1984, trên chính khu đất của gia đình ông gồm: ba gian nhà gỗ, diện tích 26m^2, ba gian nhà ngang, nơi sinh ra ông, diện tích 25m^2, nhà bếp, nhà bia, khu vườn hoa cây cảnh và nhà trưng bày lưu niệm về ông với tổng diện tích toàn bộ khu lưu niệm là 1.650m^2.

Đền Hét

Nằm ở thôn Bích Du, xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, cách thành phố Thái Bình 35km về phía Đông Bắc. Đền nằm ngay sát cửa biển Diêm Điền. Thời Trần, cửa biển này có tên là Đại Toàn, là một cửa biển xung yếu, thông từ biển Đông vào đồng bằng Bắc Bộ và khu lăng tẩm vua Trần. Vì vậy quân đội nhà Trần chú ý xây dựng ở đây một hệ thống phòng thủ chống xâm nhập.

Đền Hét được dựng từ thời nhà Trần và được trùng tu sửa chữa dưới triều Nguyễn vào đời Tự Đức. Đền tọa lạc trên một cồn cát cao vùng cửa sông ven biển. Kiến trúc theo kiểu tiền chữ "*nhất*" (一), hậu chữ "*đinh*" (丁).

Qua cổng đền là một quãng sân rộng, nơi thường diễn ra lễ hội vật đầu xuân hằng năm, rồi đến một nền cao, nơi dân làng dựng rạp để tế lễ mỗi khi làng vào đám.

Toà tiền tế (còn gọi bái đường) gồm năm gian, kiến trúc theo kiểu "*hồi văn, ngũ đấu*", ba gian giữa được đóng cánh cửa khay soi chỉ kép bằng gỗ lim, hai gian hai hồi xây cửa sổ đắp chữ Thọ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hệ thống các vì kèo của toà điện được chạm khắc hoa văn lá lật xen với triện kỳ hà.

Toà trung tế, nối bái đường với hậu cung, gồm năm gian, có phần hiên, được làm rộng hai đầu hồi để đặt hai pho tượng quan võ và quan văn. Trong toà trung tế, các bức đại tự, hoành phi, câu đối và các cửa võng đều được chạm trổ, đề tài "*tứ quý*" và "*tứ linh*". Tại gian trung tâm có treo bức đại tự đề bốn chữ Hán: "*Xuân dục hải hà*", bên dưới là bộ cửa võng, chạm khắc với nội dung "*Phù dung chim trĩ*" phần trên có "*lưỡng long chầu nguyệt*", phần bên cửa võng thể hiện "*mai hóa long*", được phủ nhũ vàng, làm cho bộ cửa võng đẹp lộng lẫy.

Hậu cung chỉ có ba gian. Gian giữa đặt một cỗ khám, gian trong có tượng Phạm Ngũ Lão, đặt trong một cỗ luyện thờ được chạm trổ tinh xảo.

Đền Hét thờ Phạm Ngũ Lão, một vị tướng tài ba của nhà Trần. Ông người làng Đường Hào, thuộc tỉnh Hải Dương, sinh năm 1254, là một tướng tài, thân cận của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, ông được thăng tới chức Điện súy Đại tướng quân, tướng cột trụ của triều Trần.

Chùa Cổ Tuyết

Còn có tên chùa Rét, tên chữ là Linh Ứng tự, sau đổi là Cao Lăng tự, tọa lạc tại làng Cổ Tuyết, tên nôm là làng Rét, xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, được khởi dựng vào năm Quảng Hoà thứ 3 đời Mạc Phúc Hải (1543), với tên gọi Linh Ứng tự. Chùa được trùng tu vào thời Lê Trung Hưng và thời Nguyễn.

Năm Gia Long thứ 10 (1812) chùa được đổi tên là Cao Lăng tự. Đến năm Bảo Đại thứ 15 (1945), chùa được trùng tu. Chùa nằm trên một khu đất rộng 8 sào Bắc Bộ. Đây là một di tích nghệ thuật kiến trúc lớn, hoành tráng, bố cục đẹp theo kiểu chồng diêm, mái cong, dao guột, tạo thành một quần thể kiến trúc chín mái, quay mặt về hướng Tây.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bằng lối kiến trúc cuốn vòm và hệ thống cột tròn, gia cố lực nâng bộ mái kiến trúc truyền thống, người thợ tạo hệ thống hành lang chung quanh toà Phật rất liên hoàn, phóng khoáng, rộng rãi, có sức chứa hàng ngàn Phật tử.

Chùa Cổ Tuyết đã qua bảy đời sư tổ trụ trì. Hiện bảo tháp của các Sư Tổ vẫn còn bảo lưu.

Tượng pháp chùa Cổ Tuyết có niên đại đầu thế kỷ XIX. Trong chùa lưu giữ rất nhiều tượng, bia đá, cây trúc đài quý hiếm của tỉnh Thái Bình.

Đình Kênh

Một trong những ngôi đình cổ có quy mô to lớn, kiến trúc hoành tráng, nghệ thuật điêu khắc tinh tế, nằm trên đất làng Kênh, xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng.

Đình Kênh, nơi tưởng niệm An Hạ Vương Trần An Quốc, một trong những khai quốc công thần đời Trần, lập nhiều công trạng lớn, được vua Trần sủng ái. Đình Kênh còn gắn bó với bà Đàm Chiêu Trinh cùng Vương Phu Quân (An Hạ Vương), xây dựng thái ấp Hà Nội trong đó có làng Kênh. Đình cũng gắn bó với Thanh Hà đại vương, người đại diện lòng dân và chí trai hương binh thái ấp Hà Nội, anh dũng hy sinh trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông năm 1258. Ngoài ra đình còn thờ Nam Hải đại vương (An Dương Vương Thục Phán) và Đông Hải đại vương Đoàn Thượng.

Tương truyền đình được xây từ thời Trần và được xây dựng lại vào năm Bảo Đại thứ 11 (1936).

Đình hiện tại kiến trúc theo kiểu chữ "*công*" (工) gồm ba toà, mười một gian. Toà tiền tế năm gian, kiến trúc kiểu chéo đao, tàu góc, nóc đắp ngạc long ngậm đại bờ. Bờ nóc đắp nổi hoa chanh, đao đắp song loan.

Kiến trúc nội thất theo kiểu lòng thuyền tứ trụ, chồng cốn. Cốn thượng chạy suốt từ đỉnh cột cái tiền đến cột cái hậu dài 2,4m, cao 1m, hai mặt chạm hổ phù, ngậm chữ thọ lớn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Toà bái đường chạm mười bức hổ phù trên nóc, mười hai vì cốn tiền và hậu đều chạm tứ linh. Hệ thống mười đầu dư đồ sộ dài 1,6m, cao 0,35m, dày 0,3m. Góc hồi sau bên phải có hai con sơn chạm rồng thời Lê.

Hàng cột cái hậu lắp ba gian cửa võng lớn, chia thành mười bốn ô trang trí, chính tâm chạm hổ phù, các ô khác chạm tứ linh, tứ quý. Riềm cửa võng chạm tứ bình.

Toà ống muống ba gian, nối bái đường với hậu cung, kiến trúc theo lối lòng thuyền, chồng rường, đầu chạm hoa sen.

Toà hậu cung ba gian, chạm vân mây, lá lật, hiên lắp ngưỡng đơn, ngạch đơn. Kiến trúc nội thất chồng cốn, chạm văn triện...

Đình Kênh còn lưu giữ nhiều đồ tế khí như ba án thờ thời Nguyễn, ba sập thờ chân quỳ dạ cá, một cỗ kiệu bát cống, một cỗ khám gian lớn, ba cỗ ngai, ba bộ bát biểu và nhiều cuốn thư, đại tự, cây đèn, bát hương, độc bình...

LỄ HỘI

Hội chùa Keo

Ở làng Keo, huyện Vũ Thư. Hội chùa Keo, mỗi năm tiến hành hai lần: Hội vui xuân vào ngày 4 Tết và hội tháng 9 âm lịch là chính hội, tổ chức trong ba ngày 13 đến 15.

Hội vui xuân: mang tính chất nghi lễ nông nghiệp và thi tài với các trò chơi: thi bắt vịt, thi ném pháo, thi nấu cơm... Đồng thời lễ Phật cầu mong cho một năm mới tốt lành.

Hội lễ chính suy tôn Thiền sư Không Lộ là người thông tuệ Phật pháp, giỏi cả pháp thuật, có công chữa bệnh cho vua Lý, là một vị quốc sư thời Lý, đã từng trụ trì chùa Keo và là vị tổ thứ nhất của chùa. Ngày 13 tháng 9 là tuần 100 ngày mất (Không Lộ tịch vào ngày 3-6-âm lịch), ngày 14 tháng 9 là ngày sinh của thiền sư.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sáng 13-9 lễ hội bắt đầu, có cuộc rước nhang án, thuyền rồng và tiểu đĩnh từ chùa ra tam quan, tối rước vào và cuộc thi bơi trải của tám giáp trên sông Trà Lĩnh từ cửa chùa ra đến sông Hồng. Chiều 13, tại Giá Roi có cuộc thi các thầy cúng có giọng đọc hay. Tối 13, sau cuộc rước vào chùa là lễ Thánh, sau đó là cuộc thi chọn người thổi kèn và đánh trống hay nhất.

Ngày 14-9, hội kỷ niệm ngày sinh của Thánh với lễ rước kiệu long trọng.

Hội làng Dương Xá

Xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, xưa là thái ấp của Trần Nhật Hiệu. Hội mở vào ngày 5-6 Tết hằng năm, gọi là lễ tế cá để tưởng nhớ công ơn của Trần Nhật Hiệu, người được làng Dương Xá thờ làm Thành hoàng.

Ngoài các nghi lễ tế thần long trọng, lễ Phật, lễ mừng thắng trận, còn tổ chức các trò vui, múa hát, đánh gậy, bơi trải...

Cá làm lễ vật cho ngày hội phải là cá trắm. Từ chiều mồng 5 các giáp chuẩn bị nướng cá và làm bánh giầy. Mâm cỗ cúng phải có cá nướng, cá kho, canh cá (cá luộc nước gừng lọc nấu với ngồng cải thái nhỏ) và bánh giầy, cơm gạo tám xoan.

Trong ngày hội cá, cả làng rước tượng Trần Nhật Hiệu từ miếu thờ ở thôn Lễ về đình Dương Trung với các lễ mừng chiến công để kỷ niệm ông.

Hội làng An Cố

Thuộc xã Thụy An, huyện Thái Thụy, diễn ra vào các ngày 10 tháng 2 và 15 tháng 11 âm lịch hằng năm để kỷ niệm công ơn Thành hoàng làng: Phạm Hải, người có công với dân trong vùng. Ông được dân làng An Cố thờ phụng với tên hiệu Nam Hải đại vương. Tương truyền ông sinh ngày 10 tháng 2 và hóa ngày 15 tháng 11 âm lịch.

Mở đầu hội là đám rước Thành hoàng từ miếu ra đình. Tế thần ở An Cố có nét riêng, đó là 24 người chầu tế, mũ đa, đi hia, áo giáp, tay cầm gươm chỉ xuống đất.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ vật tế Thành hoàng do các giáp lo liệu, tế xong tất cả đều thụ lộc.

Hội đền Hét

Thuộc thôn Bích Du, xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy. Đền thờ Phạm Ngũ Lão, một danh tướng lừng lẫy thời Trần. Khi ông qua đời, dân làng lập đền thờ ông. Hằng năm từ ngày mồng 6 đến mồng 9 tháng 3 âm lịch dân làng mở hội.

Ngày 8 tổ chức môn vật cầu. Tương truyền đó là ngày tướng quân chiến thắng quân Nguyên - Mông ở cửa biển Đại Toàn.

Môn vật cầu có quả cầu làm bằng gốc cây chuối hột, nặng khoảng 10kg. Sân chơi kẻ một gạch ngang. Chính giữa vạch đào một lỗ đặt quả cầu. Hai bên vạch đặt hai chiếc sọt. Sọt làm bằng cây luồng to, gốc chôn xuống đất, phần ngọn trên cao 1,8m, chẻ làm mười tám nan, rồi đan theo hình loa, bồi giấy ngũ sắc. Sọt bên trái màu đỏ, bên phải màu xanh, có ghi "tả", "hữu". Đấu thủ là các trai làng khỏe, đại diện cho các giáp, chia làm hai phe tả, hữu. Mỗi bên chín người: một tướng và tám quân. Quân cởi trần, đóng khố, mỗi bên đeo đai màu đỏ và màu xanh ứng với màu sọt tả, hữu. Tướng chít khăn cùng màu với quân.

Vào đấu, quân tả, hữu xếp hàng hai, hai tướng đứng đầu để vào làm lễ thánh. Người được Thánh nhập vào hét lên một tiếng vang trời (vì tiếng hét mở đầu cho lễ hội, nên gọi là đền Hét).

Quả cầu chôn sâu 2m trong hố, lấp đất không để lại dấu vết. Rồi cho quân hai phe đi tìm và dùng chân gẩy đất cho đến khi lộ quả cầu. Quân và tướng hai bên dùng tay cướp quả cầu, chuyền cho nhau ném vào sọt đối phương là thắng cuộc. Bên nào thắng thì được nhận phần thưởng. Nếu sau 2 giờ vẫn bất phân thắng bại thì hoà.

Hội đền Tiên La

Thuộc xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà, thờ Bát Nàn Vũ Thị Thục, một nữ tướng tài ba của Hai Bà Trưng, hy sinh tại Tiên

https://www.facebook.com/taybanganh/

La ngày 18 tháng 3 năm Quý Mão (43). Hội đền Tiên La mở vào ngày hóa của Bát Nàn Tướng quân, từ ngày 16 đến 18 tháng 3 âm lịch hằng năm.

Mở đầu hội là rước kiệu thánh từ đền Rẫy về đền Tiên La. Khi kiệu về đến đền, người ta tổ chức nhiều trò chơi: chọi gà, đấu vật, múa rồng, múa sư tử... có thi bơi trải và diễn trận là hai hoạt động gây nhiều hứng thú.

Bơi trải là cuộc đua của tám trải do các trai làng thực hiện từ sông trước cửa đền đến Cầu Buộm. Trong khi đó trên bờ, các cô gái chưa chồng, đầu chít khăn mỏ quạ, tay cầm cung nỏ, gươm giáo, đóng làm quân của Bát Nàn. Cô gái đóng vai nữ tướng tay cầm cờ, mang gươm, áo dài buộc túm phía bụng, còn các trai làng đóng giả làm giặc. Hai bên dàn quân thành thế trận, đánh nhau.

Hội đền Đồng Bằng

Còn có tên là đền Đức Vua, hay Bát Hải động đình của thôn Đào Động (cũng gọi là Đồng Bằng) xã An Lễ, huyện Quỳnh Phụ. Hằng năm mở hội từ ngày 20-26 tháng 8 âm lịch, để kỷ niệm Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn và hai vị tướng có công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông thế kỷ XIII, sau đó chia tay nhau về lập làng: một về làng Nuôi (Thanh Miện, Hải Dương) một về Đào Động. Lễ hội tổ chức theo trình tự như sau:

– Sáng 21-8 rước "Đức Vua" (Trần Hưng Đạo) từ đền thờ ra đình để khai hội.

– Ngày 22-8, hội tổ chức bơi trải. Cuộc thi bơi trải kéo dài bốn ngày đến ngày 25 làm lễ hạ trải và phát thưởng cho trải nào thắng.

– Sáng 26-8 làng tổ chức rước "Đức Vua" về đền Đồng Bằng trong không khí trang nghiêm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

THÁI NGUYÊN

Thái Nguyên là tỉnh vừa miền núi, vừa thuộc vùng trung du, nằm về phía Đông Bắc Việt Nam, có tổng diện tích tự nhiên 3.769km^2, dân số trên 1 triệu người. Thành phố Thái Nguyên là tỉnh lỵ, Thái Nguyên còn có các huyện: Định Hóa, Đại Từ, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Lương, Phú Bình, Phổ Yên. Vùng Thái Nguyên có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống như: Kinh, Tày, Nùng, Dao, H'mông, Sán Dìu...

Thái Nguyên phía Bắc giáp Bắc Kạn, phía Tây và Tây Nam giáp Tuyên Quang và Vĩnh Phúc, phía Đông và Đông Nam giáp Lạng Sơn, Bắc Giang, phía Nam giáp Thủ đô Hà Nội.

Địa hình Thái Nguyên chủ yếu là đồi núi, có hệ thống sông suối dày đặc.

Thái Nguyên nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có hai mùa rõ rệt: mùa nóng từ tháng 5 đến tháng 10, mùa mưa từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình cả năm là 25^{0}C.

Thái Nguyên là tỉnh có truyền thống cách mạng, có nhiều di tích lịch sử cách mạng, một nơi có nhiều danh thắng cảnh đẹp như hồ Núi Cốc, hang Phượng Hoàng... rất hấp dẫn du khách. Giao thông Thái Nguyên khá thuận lợi, có đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên, có quốc lộ 3 đi qua.

Thái Nguyên còn là vùng đất giàu tài nguyên khoáng sản như sắt, than đá...

THẮNG CẢNH

Hồ Núi Cốc

Hồ Núi Cốc là hồ nhân tạo, đây là một công trình thủy lợi, chắn ngang dòng sông Công, thuộc địa phận huyện Đại Từ, nằm ở độ cao lưng chừng núi, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên

https://www.facebook.com/taybanganh/

15km về phía Tây Nam. Hồ nằm giữa một vùng núi non kỳ thú, sơn thủy hữu tình. Nổi lên giữa hồ đây đó là 89 hòn đảo to nhỏ, cây cối mọc xanh um, rất thích hợp cho những cuộc dạo chơi trên đảo. Trên một số đảo là nơi trú ngụ của những đàn cò, có đảo là quê hương của những đàn dê và trên một đảo khá lớn có đền Bà Chúa Thượng Ngàn.

Núi Cốc, tên gọi của vùng đất, vùng hồ nên thơ đã đi vào huyền thoại, về một câu chuyện tình thủy chung đẹp, trong sáng trong truyền thuyết dân gian giữa nàng Công và chàng Cốc.

Hồ Núi Cốc được khởi công xây dựng từ năm 1993 và hoàn thành cơ bản vào năm 1994. Hồ gồm một đập chính dài 480m và sáu đập phụ. Diện tích mặt hồ rộng khoảng 25km^2, lòng hồ sâu trung bình 23m, dung tích là 175 triệu m^3. Hồ nuôi thả một lượng cá khá lớn, có khả năng đánh bắt mỗi năm từ 600-800 tấn. Hồ Núi Cốc tưới tiêu cho cánh đồng Đại Từ và một số huyện lân cận trong tỉnh Thái Nguyên.

Chung quanh hồ có một hệ thống nhà nghỉ, khách sạn, khu vui chơi giải trí, công viên hoa và cây xanh, hồ nuôi cá sấu...

Hồ Núi Cốc là một công trình thủy nông nhưng cũng là một thắng cảnh đẹp, một nơi du lịch và nghỉ dưỡng lý tưởng.

Hang Phượng Hoàng và hang suối Mỏ Gà

Thuộc xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, cách thành phố Thái Nguyên 42km về phía Đông Bắc. Đây là một quần thể thắng cảnh đẹp, bởi phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ, núi non trùng điệp, hang động kỳ khu. Nơi đây còn có suối nước trong xanh, quanh năm róc rách chảy. Về mùa hè khí hậu mát mẻ.

Hang Phượng Hoàng nằm trên đỉnh núi, hõm sâu xuống lòng núi. Từ chân núi lên đến cửa hang phải leo qua 100m, toàn đá tai mèo. Lòng hang rộng, có hai cửa thông sáng. Trong hang có những hồ nước, có nhiều măng đá, nhũ đá hình thù kỳ lạ khiến cho du khách mặc sức tưởng tượng. Giữa lòng hang có một khối đá giống con phượng hoàng đang giang cánh. Có lẽ vì vậy mà người dân địa phương gọi là hang Phượng Hoàng chăng?

https://www.facebook.com/taybanganh/

Việc phát hiện ra hang Phượng Hoàng có liên quan đến một sự kiện lịch sử. Cách đây tròn 60 năm (năm 1944) đội Cứu quốc 2 đã cùng với 373 gia đình xã Phú Thượng rời bỏ bản làng lên núi chống sự khủng bố của thực dân Pháp. Chính vào lúc này, ông Hoàng Văn Thảm, người địa phương đã phát hiện ra hang Phượng Hoàng. Lòng hang từ đó trở thành nơi sinh sống và là pháo đài vững chắc chống trả lại sự tấn công của quân đội Pháp.

Dưới chân núi là hang suối Mỏ Gà. Cửa hang rộng, nước suối liên tục chảy từ trong hang ra. Trước cửa hang có ghềnh thác, nhiều bến tắm, nhiều mô đá, đảo đá, bậc đá phẳng lỳ, nước trong mát.

Di tích thắng cảnh hang Phượng Hoàng, suối nước, bến tắm hang Mỏ Gà được Nhà nước xếp hạng Di tích cấp quốc gia năm 1994.

DI TÍCH

Chùa Cao

Còn gọi là chùa Đôi Cao, thuộc xã Tân Hương, huyện Phổ Yên, được dựng vào thời Hậu Lê và đã qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa lớn. Ngôi chùa hiện nay được xây dựng hoàn tất vào ngày 21-7-1992. Trong khuôn viên chùa còn giữ nguyên một số tháp cổ xây gạch, bia cổ và cột đá. Trong đó đáng chú ý nhất là tấm bia được dựng từ thế kỷ XVII, chữ trên mặt bia còn khá sắc nét. Điện Phật thờ nhiều tượng.

Đình Phương Độ

Ở làng Phương Độ, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, cách thành phố Thái Nguyên 30km về phía Đông Nam, cách sông Cầu khoảng 50m về phía Đông. Đình Phương Độ ở một nơi khá sầm uất trên bến dưới thuyền. Đình được xây dựng vào thời Lê, ban đầu được xây gần bờ ruộng, đến năm 1901, được chuyển vào vị trí ngày nay, trên một diện tích khá rộng, nhưng những nét

https://www.facebook.com/taybanganh/

kiến trúc thời Lê vẫn giữ được nguyên vẹn. Đình lợp ngói, gồm ba gian hai chái, với 48 cột gỗ lim được chuyển từ Thanh Hóa ra, đường kính cột khoảng từ 0,3m đến 0,4m. Chung quanh đình tường xây bao kín. Gian chính giữa có cửa ra vào. Mặt trước của hai chái có cửa sổ rộng chấn song gỗ. Bờ nóc gắn hai hàng gạch, trong đó có một hàng dùng gạch hộp hoa chanh. Chính giữa bờ nóc gắn hình nổi lưỡng long chầu nguyệt. Bốn nóc mái bằng gỗ cong vút. Trước đây đình lát sàn gỗ, do lâu ngày gỗ bị hỏng, nay là nền đất.

Kết cấu các vì kèo theo kiểu giá chiêng, tiền kẻ hậu bẩy, gồm các đầu trụ, xà ngang, xà dọc, nối với nhau bằng mộng, các xà ngắn thu dần lên nóc. Trên, dưới các đầu trụ, câu đầu xà dọc, xà ngang, ván thưng chung quanh đều được chạm khắc hoa văn và tứ linh.

Trên thượng cung ở giữa có cửa võng chạm trổ tinh xảo, sơn son thếp vàng, có đề chữ Hán "*Dực bảo trung hưng, Thánh cung vạn tuế*". Trong cung đặt tượng thờ Dương Tự Minh và hai tượng bộ hạ, hai bên đều có đôi hạc gỗ đứng trên lưng rùa.

Đình Phương Độ thờ Dương Tự Minh làm Thành hoàng làng. Ông là phò mã thời Lý, một tướng tài có công lớn trong việc giữ gìn biên cương.

Hằng năm lễ hội được tổ chức vào ngày 10 tháng 10 âm lịch và rằm tháng Giêng.

Chùa Hang

Thuộc huyện Đồng Hỷ, cách thành phố Thái Nguyên 2km về phía Tây Bắc. Chùa được dựng trong lòng núi. Trong chùa có một tấm bia khắc vào đá có tên là Tiên Lữ Đồng Lâu, nội dung ca ngợi chùa Hang là nơi có núi cao trăm trượng, cỏ cây xanh tươi, hoa lá đua nở, là nơi du khách thập phương lui tới viếng thăm. Bia đá khắc vào năm Hồng Đức thứ 27 (1496) thời Lê. Tấm bia là hiện vật lịch sử minh chứng một thời vua sáng, tôi hiền.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đình Quán Triều

Thuộc xã Quán Triều, huyện Phú Lương. Tương truyền dưới thời vua Lê Đại Hành (Lê Hoàn), năm Tân Tỵ, niên hiệu Thiên Phúc thứ 2 (981) có người tên là Quán Triều ở Thái Nguyên, sống bằng nghề chài lưới, gặp tiên nữ, được tiên nữ tặng chiếc áo tàng hình. Quán Triều dùng chiếc áo đó đi ăn trộm của cải của những nhà giàu chia cho dân nghèo. Không may chiếc áo tàng hình bị rách phải vá bằng mụn vải trắng. Một hôm Quán Triều vào kho nhà vua ăn trộm, vì chiếc áo vá, nên không còn linh nghiệm lắm, chàng bị quân canh của triều đình bắt giam. Lúc bấy giờ, quân Tống ào ào kéo sang xâm lược nước ta, triều đình vô cùng lo lắng. Quán Triều xin đi giết giặc lập công. Chàng mặc chiếc áo tàng hình xông vào chém giết quân giặc như vào chỗ không người. Quân Tống chết như rạ, thua bỏ chạy. Quán Triều được nhiều công tích, được hưởng thực ấp một vùng thuộc hai phủ Phúc Bình và Bắc Bình (Cao Bằng). Sau khi ông mất, vợ chồng được phong Phúc Thần có đền thờ ở bản xã.

Khu khảo cổ học Thần Xa

Thuộc huyện Võ Nhai, cách thành phố Thái Nguyên 40km. Năm 1972, Khoa Sử trường Đại học Sư phạm Việt Bắc kết hợp với Viện Khảo cổ học Việt Nam khảo sát một số hang động vùng Thần Xa, Xẻng Mộc, Thương Chung và khai quật hang Phiêng Tung (hang Thần Xa). Kết quả cho thấy quá trình phát triển con người ở vùng này có trước thời văn hóa Bắc Sơn.

Năm 1973, Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam phối hợp với Ty Văn hóa - Thông tin Bắc Thái (hồi Bắc Kạn, Thái Nguyên sáp nhập) tiếp tục điều tra vùng Thần Xa, có thêm một bộ sưu tập mới về hang Phiêng Tung. Năm 1980, kết hợp với Khoa Bảo tàng Trường cao đẳng Nghiệp vụ Văn hóa (nay là Đại học Văn hóa Hà Nội) tiếp tục nghiên cứu hang Phiêng Tung và tìm thấy thêm hang Miệng Hổ và một số di chỉ khác.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Qua những di chỉ khảo cổ về con người sống cách chúng ta chừng hai đến ba vạn năm được phát hiện ở di chỉ Phiêng Tung, Ngườm Thẳm Choong, Nà Ngườm đã chứng minh rằng tại đây đã tồn tại một nền văn hóa cổ nhất cho tới nay được biết đến ở Việt Nam và vùng Đông Nam Á.

Khu di tích núi Văn, núi Võ

Nằm dưới chân núi Tam Đảo, thuộc hai xã Vân Yên và Kỳ Phụ, huyện Đại Từ, cách thành phố Thái Nguyên 30km về phía Tây. Đây là một di tích lịch sử gắn với tên tuổi một vị tướng lừng danh của nghĩa quân Lam Sơn tên là Lưu Nhân Chú, người đã từng dự thề Lũng Nhai năm 1416, kết nghĩa anh em với Lê Lợi và các chiến binh khác, mưu khởi nghĩa chống lại chế độ đô hộ hà khắc của nhà Minh. Năm 1425, ông cùng với Nguyễn Xí mang quân đánh úp Tây Đô. Năm 1426, chỉ huy giải phóng một vùng đồng bằng rộng lớn từ châu thổ sông Hồng đến Lạng Sơn. Năm 1427, ông cùng với Lê Sát chỉ huy trận quyết chiến ở ải Chi Lăng, chém tướng giặc Liễu Thăng và trận Xương Giang đánh tan hoàn toàn 10 vạn quân viện binh, ông cùng Hoàng tử Tử Tế (con cả Lê Lợi) xây dựng thành Đông Quan, chính ông làm "con tin" đàm phán buộc Vương Thông rút về nước để Đại Việt ta mở nền thái bình muôn thuở. Năm 1485, Lê Thánh Tông truy phong ông tước "Thái phó Vinh Quốc công".

Di tích lịch sử làng Quặng

Làng Quặng thuộc xã Định Biên, huyện Định Hóa, cách thành phố Thái Nguyên 60km, nơi gắn liền với sự trưởng thành của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ngày 15-5-1945, tại đình làng Quặng, hai đội quân vũ trang cách mạng là Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân do ông Võ Nguyên Giáp chỉ huy và Đội Cứu quốc quân II đã làm lễ hợp nhất thành Đội Việt Nam Giải phóng quân, tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Và hơn 3 tháng sau, Đội Việt Nam Giải phóng quân do ông Võ Nguyên Giáp chỉ huy kéo về giải phóng tỉnh lỵ Thái Nguyên (20-8-1945).

https://www.facebook.com/taybanganh/

Di tích rừng Khuân Mánh

Rừng Khuân Mánh là nơi ra đời Trung đội Cứu quốc quân II, một trong những tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam ngày nay, thuộc xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai, cách thành phố Thái Nguyên khoảng 50km về phía Đông Bắc.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về việc thành lập các lực lượng vũ trang cách mạng chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa mỗi khi thời cơ đến, ngày 15-9-1941, thay mặt Thường vụ Trung ương Đảng, ông Hoàng Quốc Việt đã đến căn cứ Khuân Mánh chứng kiến lễ ra mắt và trao nhiệm vụ cho Đội Cứu quốc quân II. Trung đội Cứu quốc quân II lúc đầu gồm 36 đội viên, trong đó có 3 đội viên nữ, sau đó lên tới 46 người, trang bị vũ khí thô sơ chủ yếu là súng kíp. Sau ngày thành lập, đội đi sâu xây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng và tăng cường hoạt động vũ trang ở vùng Tràng Xá, Đình Cả, gây cho giặc mất ăn mất ngủ. Tháng 11-1944, Trung đội Cứu quốc quân II đã giao chiến với quân Pháp ở cầu Đông Thu, đèo Khế, gốc đa La Hán, núi Đá Đỏ, hang Mỏ Gà... Đó là những chiến công lừng lẫy đầu tiên của quân dân Võ Nhai.

Di tích cách mạng xã Tiền Phong

Xã Tiền Phong, huyện Phổ Yên, cách thành phố Thái Nguyên khoảng 40km về phía Nam, là một trong ba xã nằm ven sông Cầu được Xứ ủy chọn làm An toàn khu II trong khoảng thời gian từ năm 1942 đến 1945. Đây vừa là nơi đặt trụ sở các cơ quan của Xứ ủy, vừa là điểm dừng chân của các cán bộ Trung ương về công tác Xứ ủy và các cán bộ vùng xuôi lên căn cứ địa Việt Bắc, trong đó có nhà của các gia đình như: nhà ông Ngô Hải Long, nơi làm việc của các ông Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt trong Xứ ủy Bắc Kỳ thời kỳ năm 1941 đến 1942, nhà bà Hoàng Thị Tỳ, nơi ông Trường Chinh chủ trì hội nghị phổ biến chủ trương Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (12-1942), hay vùng Soi Quýt, nơi ông Trường Chinh ẩn náu khi bọn giặc đuổi bắt (19-11-1942)...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Nhà tù Chợ Chu

Do thực dân Pháp xây dựng vào năm 1916 để giam cầm những người yêu nước và các chiến sĩ cách mạng. Từ năm 1933, chúng đã giam giữ ở đây hàng trăm chiến sĩ cộng sản đưa từ các nhà tù Sơn La và một số nơi khác về. Đặc biệt sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (Lạng Sơn) thất bại vào năm 1940, thực dân Pháp đã đưa nhiều gia đình vợ con của các thành viên tham gia khởi nghĩa ở đây về đày ải ở nhà tù Chợ Chu. Năm 1943, thực dân Pháp mang hàng trăm chính trị phạm từ các nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội), Sơn La, Hoà Bình... về nhà tù Chợ Chu giam giữ. Bởi nhà tù Chợ Chu là một trại giam kiên cố, một nơi hẻo lánh.

Tuy vậy, hoạt động của tổ chức chi bộ Đảng trong nhà tù rất chặt chẽ và khá mạnh. Ngày 2-10-1944, dưới sự chỉ đạo của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ, chi bộ nhà tù đã tổ chức cho 12 chiến sĩ vượt ngục thành công, trong đó có các ông: Song Hào, Lê Hiến Mai, Tạ Xuân Thu, Phạm Ngọc Bảy, Vũ Phong, Hoàng Bá Sơn, Lê Cung Đình...

Hiện nhà tù Chợ Chu còn khá nguyên vẹn, là một nơi tham quan có giá trị nghiên cứu, giáo dục truyền thống cho các thế hệ trẻ.

Đền Khuông Quang Trợ hóa Đại vương

Ở xã Quán Triều, huyện Phú Lương, thờ phò mã triều Lý là Dương Tự Minh, người xã Quán Triều. Năm Đại Định thứ 3 (1142), đời Lý Anh Tông, ông được triều đình sai đi chiêu dân lập ấp Châu Quảng Uyên, được vua Lý Anh Tông gả công chúa Thiên Dung, phong làm phò mã. Bấy giờ tướng nhà Tống là Đàm Hữu Lượng cho quân sang quấy phá vùng Quảng Uyên đã bị quân dân Quảng Uyên dưới sự chỉ huy tài ba của tướng quân Dương Tự Minh đánh cho tơi tả, Đàm Hữu Lượng đã phải rút chạy về nước. Tương truyền ông được hai vị tiên lão tặng cho chiếc áo có phép tàng hình, nhờ thế ông lập được nhiều chiến công.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sau khi đánh đuổi được quân Tống, ông trở về triều bàn mưu kế với các vương hầu trừ diệt gian thần Đỗ Anh Vũ, nhưng việc không thành. Đồng Lợi, Vũ Đái... bị chém đầu, Dương Tự Minh và ba người nữa bị đày biệt xứ. Ít lâu sau, ông lâm bệnh rồi chết. Dân bản xứ lập đền thờ để tưởng nhớ công ơn ông.

Đồi Cọ

Thuộc xã Điềm Mặc, huyện Định Hóa. Nơi đây, ngày 15-3-1953 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 147-SL thành lập Doanh nghiệp Quốc gia chiếu bóng và Chụp ảnh Việt Nam, tiền thân của Cục Điện ảnh và Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam.

Đồi Cọ, thuộc Bản Bắc, xã Điềm Mặc, nơi đặt nhà khách của Trung ương Đảng. Năm 1952, Phòng Điện - Nhiếp ảnh - Nha Thông tin - Tuyên truyền từ Bình Ca về Đồi Cọ. Phòng do nhà đạo diễn Phạm Văn Khoa phụ trách, có khoảng 30 anh chị em. Ban Phụ trách gồm 9 người. Ban Quản trị có Ban Biên tập chính trị do ông Vũ Phạm Từ phụ trách, gồm các nhà nhiếp ảnh, họa sĩ, nhạc sĩ... Bộ phận kỹ thuật do ông Phan Nghiêm và ông Hồng Nghi chịu trách nhiệm.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng tới Đồi Cọ xem phim và chụp ảnh chung với anh em văn nghệ sĩ. Các ông Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng và Tổng Bí thư Trường Chinh cũng đã từng đến thăm và làm việc tại đây.

Năm 1997, Cục Điện ảnh cùng xã Điềm Mặc đã góp công góp của sửa chữa tôn tạo đường vào khu Đồi Cọ. Đồng thời đã xác định vị trí và đã cắm mốc bảo vệ khu di tích. Theo kế hoạch, trong một tương lai gần ở đây sẽ lập nhà bia, ghi dấu nơi khai sinh nền Điện ảnh và Nhiếp ảnh cách mạng Việt Nam.

Ngày 22-7-2004, UBND tỉnh Thái Nguyên đã có quyết định số 1720/QĐ-UB xếp hạng Đồi Cọ vào danh sách di tích lịch sử - văn hóa của tỉnh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

LỄ HỘI

Lễ hội Đền Đuổm

Đền Đuổm nằm ở chân núi Đuổm xã Động Đạt, huyện Phú Lương, cách Thái Nguyên 24km về phía Tây Bắc. Đền được xây từ thời Lý, thờ phò mã Dương Tự Minh và hai người vợ là Diên Bình công chúa và Thiên Dung công chúa.

Hội đền Đuổm diễn ra tại đền vào ngày 6 tháng Giêng âm lịch hằng năm, nhằm tưởng nhớ phò mã Dương Tự Minh và hai người vợ của ông là công chúa Diên Bình và công chúa Thiên Dung, có công đánh đuổi giặc Tống. Trong lễ hội có dâng hương, hát giao duyên nam nữ.

Lễ hội chùa Hang

Lễ hội diễn ra vào ngày 20 tháng Giêng âm lịch hằng năm tại chùa Hang, cách Thành phố Thái Nguyên 2km về phía Tây Bắc. Đây là lễ hội chùa lớn nhất trong năm, người đến lễ chùa cầu Phật, chúc phúc, cầu may. Cùng với lễ hội là hoạt động vui chơi với nhiều trò chơi dân gian truyền thống.

Lễ hội làng Cơm Hòm

Lễ hội làng Cơm Hòm được tổ chức vào ngày 6 tháng Giêng âm lịch hằng năm tại đình Tiên Phong, huyện Phổ Yên. Tương truyền đình thờ một phụ nữ vô danh có công bày mưu đánh giặc Minh sang xâm lược nước ta vào đầu thế kỷ XV. Lễ hội có tổ chức nhiều trò vui diễn lại các phong tục tập quán cũ, đặc biệt có tục thờ xôi nén trong hòm.

THANH HÓA

Là một tỉnh lớn của Việt Nam, nằm ở cực Bắc Trung Bộ, cửa ngõ nối liền Trung Bộ với Bắc Bộ, có diện tích tự nhiên 11.168km^2, dân số trên 3 triệu người, gồm các dân tộc: Kinh, Mường, Thái,

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lào, Lự. Thành phố Thanh Hóa là tỉnh lỵ, ngoài ra có thị xã Sầm Sơn, thị xã Bỉm Sơn và các huyện Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Cẩm Thủy, Lang Chánh, Thạch Thành, Ngọc Lạc, Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh, Vĩnh Lộc, Hà Trung, Nga Sơn, Yên Định, Thọ Xuân, Hậu Lộc, Thiệu Hóa, Hoằng Hóa, Đông Sơn, Triệu Sơn, Quảng Xương, Nông Cống và Tĩnh Gia.

Phía Bắc giáp Sơn La, Hoà Bình và Ninh Bình, phía Nam giáp Nghệ An, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp Lào.

Địa hình Thanh Hóa khá phức tạp, đa dạng, thấp dần từ Tây sang Đông, gồm 4 vùng: rừng núi, trung du, đồng bằng và vùng ven biển.

Về khí hậu, Thanh Hóa là vùng chuyển tiếp giữa Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Nhiệt độ trung bình cả năm là khoảng 23-24^{0}C. Nằm gần biển, Thanh Hóa có mùa đông không lạnh lắm, mùa hè tương đối dịu mát. Giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy thuận lợi lại gần Thủ đô Hà Nội. Thành phố Thanh Hóa cách Hà Nội khoảng 150km.

Thanh Hóa là vùng đất có truyền thống hiếu học, tự hào là vùng đất sinh ra hai vua: Lê Đại Hành (Lê Hoàn) và Lê Thái Tổ (Lê Lợi). Lê Hoàn chiến thắng quân xâm lược Tống (981), Lê Lợi chiến thắng quân Minh (1428). Đây cũng là quê hương của các chúa Nguyễn. Sau này là các vua Nguyễn.

Qua các hiện vật khảo cổ tìm thấy từ thời đồ đá cũ ở núi Đọ, đồ đá giữa ở Cẩm Thủy, đồ đồng ở Đông Sơn... có thể khẳng định rằng Thanh Hóa là một trong những địa bàn cư trú đầu tiên của con dân nước Việt.

Thanh Hóa là vùng đất có tiềm năng du lịch lớn với những thắng cảnh đặc sắc như bãi biển Đồ Sơn, động Hồ Công, núi Hàm Rồng, hang cá Cẩm Lương... Thanh Hóa lại có nhiều di tích gắn liền với lịch sử dân tộc như Lam Kinh, Thành nhà Hồ và nhiều đền chùa, miếu mạo như lăng Bà Triệu, đền thờ Lý Thường Kiệt...

https://www.facebook.com/taybanganh/

THẮNG CẢNH

Bãi biển Sầm Sơn

Nằm bên bờ biển Đông, Sầm Sơn giống như một hòn đảo xanh. Cách đây hàng ngàn năm, vùng đất Sầm Sơn là một vịnh nông. Do hoạt động của các dòng hải lưu xuôi ngược trên vịnh nước cạn dần bởi sự bồi đắp phù sa và những lớp bùn của các con sông cuộn đến, vịnh bị lấp dần, thành bãi cát, chỗ nổi, chỗ chìm, cao thấp khác nhau. Chính dòng sông Mã đã lấn biển không biết mệt mỏi để tạo nên vùng đất mới này, và vì vậy mà đến đầu thế kỷ XX mới có tên gọi Sầm Sơn.

Giờ đây Sầm Sơn đã trở thành một thị xã sầm uất. Bãi biển Sầm Sơn cách thành phố Thanh Hóa 16km về phía Đông. Đây là nơi tắm biển tốt nhất mà người Pháp đã khai thác từ năm 1906. Từ đó Sầm Sơn đã trở thành nơi nghỉ mát nổi tiếng của xứ Đông Dương. Trước năm 1945, ở đây có nhiều biệt thự xinh đẹp mọc lên. Bảo Đại, ông vua cuối cùng của triều Nguyễn, cũng sở hữu một biệt thự ở đây.

Sầm Sơn không chỉ là nơi nghỉ dưỡng tắm biển mà còn là nơi du ngoạn với nhiều thắng cảnh như hòn Trống Mái, núi Cô Tiên và nhiều đền miếu như đền Độc Cước...

Hòn Trống Mái

Hòn Trống Mái nằm trên đỉnh núi Trường Lệ thuộc thị xã Sầm Sơn. Hòn Trống Mái là sự sắp đặt của thiên nhiên với ba khối đá có từ bao đời nay. Hòn lớn bằng phẳng ở dưới trông như cái bệ lớn. Một hòn có đầu nhọn nằm chồng lên trông như hình dáng con gà trống, hòn đối diện nhỏ hơn, có dáng tựa con gà mái. Càng đứng lùi xa trông hòn Trống Mái như đôi gà trống và mái khổng lồ đang chụm đầu, nghiêng mỏ nghe sóng nước vỗ dạt dào dưới chân mình. Các khối đá có hình dáng đẹp, được gắn với câu chuyện tình chung thủy. Truyền thuyết kể rằng: vào một năm nước dâng ngập Sầm Sơn, cuốn tất cả ra biển, có hai vợ chồng

https://www.facebook.com/taybanganh/

nghèo nhờ bám vào ngọn cây gạo sống sót. Khi nước rút, không còn gì để ăn. Hai vợ chồng đói quá. Người chồng thấy diều hâu lượn trên đầu núi, ông nghĩ chắc trên đó có gì ăn được, bảo vợ chờ ông lên xem thử. Giữa đường mệt quá, ông nằm nghỉ. Ở dưới, người vợ chờ mãi không thấy chồng về, mới lần theo dấu chân chồng lên núi tìm. Đến chân núi, nhìn lên chỉ thấy quạ là quạ. Biết chuyện chẳng lành, bà quyết tâm leo lên núi, mặc dầu quá đói đã kiệt sức. Lên đến đỉnh, thấy chồng đã chết, bà gục xuống chết theo chồng. Tiên ông cảm phục trước mối tình của đôi vợ chồng nghèo, biến họ thành đôi chim bay trên trời để không bao giờ phải khổ về nạn nước lụt nữa. Thành chim rồi, họ phải theo tiên ông về trời, nhưng vì lưu luyến quê hương Sầm Sơn, họ muốn ở lại. Vì thế, tiên ông đã biến họ thành đôi đá để họ sống mãi bên nhau ở chốn đất này.

Núi Trường Lệ

Tức là núi "dài" và "đẹp". Người dân Sầm Sơn có câu ca về núi Trường Lệ:

Sầm Sơn phong cảnh hữu tình,

Hòn Kèo cao nhất, hòn Ngành thứ hai.

Thứ ba hòn núi Phù Thai,

Thứ tư Cổ Giải nằm ngoài Đầu Voi.

Đây là những hòn núi được tạo hóa sắp xếp, hòn thấp, hòn cao tạo thành dãy Trường Lệ, đẹp như bức tranh sơn thủy hữu tình. Có nhiều truyền thuyết về dãy núi tôn vẻ đẹp tuyệt vời cho vùng Sầm Sơn này.

Chuyện kể rằng, thuở khai thiên lập địa, vùng này còn là biển mênh mông, có một bà mẹ đang mang thai, thương cảnh đất trời chật hẹp, tình nguyện nằm trên bãi cát ngầm làm con đê chắn sóng. Vùng đất dần hình thành bên trong con đê "Bà mẹ". Dân làng biết ơn, đem đá đến đắp lên chỗ bà mẹ nằm, theo hình dáng bà đang nằm ngửa, trong bụng mang thai. Từ đó dáng núi

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trường Lệ được tạo thành. Trên đó có hòn Trống Mái, một kỳ quan của Sầm Sơn. Đứng trên đỉnh núi Trường Lệ du khách có thể nhìn toàn cảnh thị xã Sầm Sơn nép mình bên biển Đông xinh đẹp.

Núi Vọng Phu

Thuộc xã Đông Hưng, huyện Đông Sơn, cách thành phố Thanh Hóa 3km về phía Tây Nam. Đây là ngọn núi đá vôi, thiên nhiên tạo nên một hòn đá hình người phụ nữ, quay mặt về biển Đông. Đây là một hình tượng tiêu biểu gắn liền với truyền thuyết người vợ chung thủy thờ chồng đến hóa đá, vì thế mới có tên là núi Vọng Phu (núi chờ chồng).

Động Tiên Sơn

Men theo chân núi Hàm Rồng, ngược lên các bậc đá dốc khoảng 30m du khách sẽ đến động Tiên Sơn, người dân địa phương còn gọi là động Tiên. Đây là một hang núi khá rộng, gồm ba ngăn. Đặc biệt trong động Tiên có một "*Tháp Tiên*" lộng lẫy, chung quanh là bộ tứ linh: *long, ly, quy, phượng*. Ngăn hai được xem như "*con đường xuống âm ty*", có suối nước chảy róc rách suốt ngày đêm. Ngăn ba có tên "*đường lên thiên đàng*". Trong cả ba động đều có nhiều nhũ đá hình thù kỳ thú, màu sắc lung linh, du khách khi nhìn thỏa sức tưởng tượng. Từ những ngách hang, vách đá, đâu đâu cũng thấy trăm ngàn vạn vật đang hiện diện trong dạng hóa đá đầy sinh động.

Động Tiên Sơn nằm trên núi Hàm Rồng thuộc làng Đông Sơn, phường Hàm Rồng, Thành phố Thanh Hóa.

Động Trường Lâm

Động Trường Lâm nằm trên mặt ngọn núi đá vôi thuộc xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, là một quần thể hang động vừa mới được phát hiện. Hiện tại đã đưa vào sử dụng khai thác hai động: động Ngọc Hoàng và động Tiên Nữ. Động Trường Lâm, có cảnh quan môi trường còn hoang sơ, đầy tự nhiên, chưa bị

https://www.facebook.com/taybanganh/

con người tác động nhiều, bên trong có nhiều thạch nhũ muôn sắc, hình thù kỳ ảo. Miệng động khá rộng. Dưới chân núi là một thung lũng thoáng rộng, tạo cho hang động mang vẻ bình yên, trầm lắng.

Động Hồ Công

Động Hồ Công nằm trên dãy núi Xuân Đài, thuộc xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc. Núi Xuân Đài trông tựa như những phiến đá xanh chồng chất lên nhau vuông vắn, các góc cạnh dường như có ai dày công đẽo gọt nên rất nhẵn, làm thành nhiều hình nhiều vẻ. Động Hồ Công cách huyện lỵ Vĩnh Lộc khoảng 3km về phía Đông Bắc. Đến chân núi Xuân Đài, men theo con đường quanh co lúc xuống, lúc lên dẫn đến động. Ngay dưới chân núi có ngôi chùa Duy Anh tự (còn gọi là chùa Thông). Lên khoảng lưng chừng núi, du khách sẽ thấy một tảng đá tự nhiên rất lớn, trên mặt phẳng nhẵn có khắc bốn chữ "*Thanh kỳ khả ái*" (cảnh đẹp xứ Thanh).

Động Hồ Công sâu khoảng 40-50m, rộng và thoáng. Cuối động, trên vách đá có thờ một vị Tiên ông. Theo truyền thuyết, đây là nơi cư ngụ của một vị Tiên chuyên bốc thuốc chữa bệnh tên là Hồ Công Lông.

Vườn quốc gia Bến Én

Là một khu du lịch sinh thái nổi tiếng của Thanh Hóa, với phong cảnh sơn thủy hữu tình, thuộc xã Hải Vân, huyện Như Thanh, cách Thành phố Thanh Hóa 36km về phía Tây Nam.

Bến Én có tổng diện tích rừng là 16.634 ha, trong đó khoảng 4.000 ha mặt hồ nước. Vườn Quốc gia Bến Én có một hệ động thực vật phong phú đang được bảo vệ nghiêm ngặt. Hồ nước Bến Én rộng, với 21 hòn đảo lớn nhỏ và nhiều bán đảo. Sát cạnh hồ là dãy núi Hải Vân. Trên núi có cụm hang Ngọc, hang Lò Cao gắn liền với lịch sử chống thực dân Pháp của quân dân ta. Những hang này còn là Xưởng quân khí của giáo sư, viện sĩ, thiếu tướng

https://www.facebook.com/taybanganh/

Anh hùng Quân đội Nhân dân Việt Nam Trần Đại Nghĩa, người cùng với các chiến sĩ quân giới chế tạo và sản xuất được nhiều vũ khí phục vụ cho cuộc kháng chiến giành độc lập, tự do.

Cửa Hà

Cửa Hà là một thắng cảnh miền núi xã Cẩm Phong, huyện Cẩm Thủy, có ngọn núi đá vôi cao 220m, vách đá dựng đứng, quanh năm soi bóng nước dòng sông Mã hiền hoà xuôi về biển cả. Đỉnh núi gồm nhiều điểm nhấp nhô, tạo nên những hình thù kỳ dị. Đoạn sông Cửa Hà rộng tới 200m, bờ sông được bồi đắp bằng cát pha sỏi vàng, óng ánh dưới ánh nắng vàng thu, trông xa như một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ. Về phía tả ngạn có một ghềnh đá nhô ra mặt nước, tạo cho cảnh Cửa Hà thiên nhiên thơ mộng. Đến thăm Cửa Hà du khách còn được thăm Sơn Hà tự, Thung Chẹ, căn cứ cũ của nghĩa quân Lam Sơn. Cửa Hà không chỉ là thắng cảnh thanh bình kỳ thú mà còn là nơi thích hợp cho những ai thích mạo hiểm leo núi, với những vách núi dựng đứng, dưới là dòng sông êm đềm chảy.

Động Từ Thức

Thuộc xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, trước gọi là động Bích Đào, sau đổi tên động Từ Thức gắn với truyền thuyết về mối tình "Từ Thức lấy vợ Tiên", được lưu truyền trong dân gian. Từ Thức là một nhân vật có thực ở xã Hà Châu, huyện Hà Trung đời Trần (1396).

Động Từ Thức dài 150m, cao trung bình 28m gồm hai ngăn. Ngăn ngoài hẹp nhưng sáng sủa, có miếu thờ "Sơn Thần". Qua cửa động, trên vách đá có tấm bia chữ Hán khắc bài thơ của Lê Quý Đôn, trong đó có câu: "*Người thế tục khổ vì giấc mơ lên tiên*". Ngăn trong rộng hơn có nhiều cảnh trí tuyệt đẹp. Các nhũ đá ở đây hình như đang làm sống lại câu chuyện tình xưa kia. Cảnh Từ Thức gặp Giáng Hương. Cảnh lên Thiên Đình làm lễ giao duyên. Cảnh Từ Thức xin về hạ giới vì nhớ quê nhà, và cuối cùng là cảnh chia tay nhau. Vào thăm hang động Từ Thức du

https://www.facebook.com/taybanganh/

khách như được bước vào thế giới thần tiên huyền ảo với quả đào tiên, khóm mẫu đơn, quả phật thủ, rồng ấp trứng, bãi tắm tiên, ao bèo...

Hang động Từ Thức từ xa xưa đã là nơi dừng chân của bao tao nhân mặc khách, khơi nguồn cảm hứng cho thi ca, nghệ thuật... Hiện động đã được xếp hạng thắng cảnh cấp quốc gia.

Núi Rồng - Núi Ngọc

Thuộc thành phố Thanh Hóa, bên sông Mã, con sông lớn nhất xứ Thanh. Sông có lòng rộng, đoạn thượng lưu lắm ghềnh, nhiều thác, nước chảy xiết, sau khi chảy qua làng Đông Sơn là gặp ngay núi Hàm Rồng. Núi Hàm Rồng nằm trong dãy núi Ngũ Hoa Phong gồm 99 ngọn trùng điệp, uốn quanh co chạy dọc theo dòng sông. Bên bờ Nam sông, dãy núi đột ngột vươn cao, giống hình đầu Rồng, nên nhân dân gọi là núi Hàm Rồng. Đối diện với núi Hàm Rồng, bên bờ Bắc sông Mã là núi Ngọc hay còn gọi là núi Châu Phong. Nhìn xa dãy núi giống như con rồng đang vờn hạt ngọc.

Cầu Hàm Rồng bắc qua sông Mã ở giữa hai ngọn núi đó. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cầu Hàm Rồng nổi tiếng và đã đứng vững dưới làn mưa bom của giặc Mỹ.

Suối cá Cẩm Lương

Ở làng Ngọc, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy, cách Thành phố Thanh Hóa 80km về phía Tây. Suối cá Cẩm Lương gắn liền với truyền thuyết xưa nói về sự xuất hiện của Vó cá, với ý nghĩa đây là những vị thần linh của núi, của sông bảo vệ cho cuộc sống yên vui của bản làng. Vì vậy, ngày qua ngày, đời này sang đời khác, thế hệ này sang thế hệ khác, đàn cá suối Ngọc luôn là bầu bạn của người dân, sinh sôi nảy nở ngày càng nhiều mà không ai bắt ăn thịt, và phong cho chúng là cá Thần.

Suối Ngọc chảy ra từ một hang đá lớn trong núi Bồ Um. Cửa hang nhỏ, chỉ lọt một người, nhưng lòng hang vừa rộng, vừa

https://www.facebook.com/taybanganh/

sâu. Từ cửa hang ra tới đền Ngọc khoảng 150m. Nước suối Ngọc trong vắt, bên dưới lòng suối là lớp đá cuội lóng lánh dưới ánh mặt trời như những viên ngọc. Trong hang cá nhiều vô kể, có nhiều cá chúa nặng từ 20-30kg, mang cá có viền đỏ, ánh vàng. Vào mùa nước lũ về, cá chúa mới ra khỏi hang, nhưng không mấy người được trông thấy.

Cạnh suối Ngọc có đền Ngọc, thờ tứ phủ Long Vương. Vào các ngày rằm, mồng một tháng Giêng, dân quanh vùng đến thắp hương, tế cúng, cầu khấn thần linh phù hộ cho được sức khỏe, làm ăn thuận lợi.

Phía trên suối Ngọc là dãy núi Trường Sinh. Nơi đây có động Cây Đăng (hay còn gọi là hang Rơi). Động ở độ cao 70m so với khu vực suối, đường lên xuống dễ dàng nhờ các bậc đá tự nhiên. Trong động có nhiều nhũ đá đẹp với nhiều hình thù kỳ thú, tạo nên sức tưởng tượng phong phú cho khách tham quan. Cửa hang phía sau thông ra một khu rừng của làng Ngọc, nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào Mường.

Đàn cá thần suối Ngọc, Cẩm Lương nhiều không sao đếm được, là một sản phẩm độc đáo của thiên nhiên với cảnh quan tuyệt đẹp, có rừng, có suối, có hang động kỳ khu, có bản làng yên bình... hoà thành một bức tranh sơn thủy.

Hang Con Moong

Hang Con Moong thuộc bản Nọ, xã Thành Yên, huyện Thạch Thành. Đây là một hang rộng, có hai cửa thông nhau. Qua những di vật tìm thấy ở hang này cho thấy ở đây mang dấu tích của ba nền văn hóa liên tục từ thời đại đồ đá cũ đến nền văn hóa thời đại đá mới là văn hóa Sơn Vi, văn hóa Hoà Bình, văn hóa Bắc Sơn. Hang Con Moong được các đoàn nghiên cứu khoa học lịch sử và khảo cổ của nhiều nước trên thế giới đến tìm hiểu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

DI TÍCH

Di tích Lam Sơn

Khu di tích Lam Sơn nằm trong một khu vực khá rộng thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, cách Thành phố Thanh Hóa khoảng 50km về phía Tây.

Khu di tích Lam Sơn gồm điện Lam Kinh, nhà bia, lăng mộ của các vị Hoàng đế và Hoàng hậu nhà Lê như: điện Lam Kinh, Lăng và đền thờ Lê Thái Tổ (Lê Lợi), Lăng Lê Thái Tông, Lăng Lê Nhân Tông (Băng Cơ), Lăng Lê Thánh Tông, Lăng Lê Hiến Tông, Lăng Lê Túc Tông, Lăng bà hoàng Ngô Thị Ngọc Giao, Lăng bà hoàng Nguyễn Thị Ngọc Huyên. Khu di tích Lam Sơn bị phá hỏng nhiều, hiện chỉ còn một số bia đá lớn dựng ở mỗi lăng và một số tượng con vật bằng đá, chạm trổ khá tinh vi, cung cấp cho ta nhiều tài liệu quý khi nghiên cứu khu di tích này.

Điện Lam Kinh

Điện Lam Kinh, thuộc khu di tích Lam Sơn, xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, đã bị phá hủy hoàn toàn, nay chỉ còn nền điện với các bậc thềm đá, đặc biệt ở thành bậc đi lên dãy nhà sau cũng được chạm hình rồng. Rồng ở tư thế xoải bước. Chân trước vuốt râu, đầu rồng trông có vẻ dữ, có bờm tóc dài, mình ngắn, ít uốn khúc, đường vây chạy dọc sống lưng. Trên mình rồng thỉnh thoảng điểm một vài đám mây có hình dáng mềm mại và rồng xoải bước đi trên sóng.

Rồng ở điện Lam Kinh rất giống rồng ở điện Kính Thiên, trong Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội), vì đều được chạm khắc theo phong cách nghệ thuật thời Lê.

Muốn vào khu chính điện Lam Kinh, phải qua Ngọ Môn và sân rồng. Ngọ Môn là một kiến trúc hoành tráng gồm hai tầng mái, ba hàng cột, có ba cửa ra vào, gồm ba gian. Sân rồng trải rộng khắp chiều ngang của điện Lam Kinh với diện tích 3.539,25m^2. Chính điện Lam Kinh gồm 3 toà điện lớn xây trên

https://www.facebook.com/taybanganh/

một khu đất rộng: Điện Quang Đức, Sùng Hiếu, Diên Khánh. Hai điện Quang Đức và Diên Khánh đều có chín gian với diện tích mỗi điện là 707,77m^2. Riêng điện Sùng Hiếu chỉ có 229,5m^2.

Từ sân rồng lên chính điện là thềm rộng có chín bậc, hai lối lên. Hai bên lối giữa trang trí hình rồng tạc tròn. Phía sau điện Diên Khánh là khu Thái miếu triều Lê Sơ gồm chín toà. Thái miếu thờ Thái Hoàng, Thái Phi. Tường thành phía Bắc xây hình vòng cung bao bọc toàn khu cung điện và khu Thái miếu.

Lăng Lê Thái Tổ

Còn gọi là Vĩnh Lăng, tức là lăng của Lê Lợi (1285-1433), vị vua sáng lập triều Lê, ở ngôi 6 năm (1328-1433), niên hiệu Thuận Thiên. Thái Tổ Cao Hoàng đế từ trần ngày 23-10-1433, tức ngày 22 tháng 8 năm Quý Mùi, thi hài nhà vua được đưa về an táng tại Vĩnh Lăng - Lam Sơn. Lăng được xây trên một dải đất bằng phẳng, phía Nam chân núi Dầu, có hình lập phương, chung quanh xây tường cao 1m, cách điện Lam Kinh 300m, cách nhà bia Vĩnh Lăng vài chục mét. Lăng xây đơn giản bằng đất, chung quanh xây gạch, trên để trần. Phía trước mộ còn hai dãy tượng đá, đối diện với nhau từng đôi một gồm: người hầu, long mã, lợn, ngựa, hổ.

Phía Nam chính điện Lam Kinh, cách 300m là nhà bia Vĩnh Lăng. Bia làm bằng đá trầm tích nguyên khối cao 2,7m, rộng 1,94m, dày 0,27m, đặt trên lưng rùa lớn. Nhà bia gần vuông, 4 mái cong, lợp ngói mũi hài. Bài văn bia do Nguyễn Trãi soạn, mô tả gia thế, sự nghiệp, công lao và cả tấm lòng khoan dung của vua Lê Thái Tổ.

Lăng Lê Thái Tông

Còn gọi là Hựu Lăng, nằm ở đồi Luồng, cách núi Dù khoảng 200m, thuộc di tích Lam Sơn.

Lăng Lê Thái Tông, tức Hoàng tử Nguyên Long (1423-1442), con của Lê Lợi, lên ngôi vua từ 1433-1442. Lăng là một ngôi

https://www.facebook.com/taybanganh/

mộ đất, có một số hiện vật còn lại như bia đá, tượng lân, tượng người, ngựa. Bia đá "*Lam Sơn Hựu Lăng bi*" dựng năm Đại Bảo thứ 3 (1442), khá lớn nhưng không bằng bia Vĩnh Lăng. Riềm bia ba phía trang trí hoa dây chứ không phải rồng cuốn. Phía dưới cùng chạm hình sóng nước, chia thành hai lớp, lớp trên sóng dài, lớp dưới sóng nhỏ, nhấp nhô. Các tượng đá ở lăng được chạm khắc trang trí phức tạp so với Vĩnh Lăng. Tượng có kích thước như thật.

Lăng Lê Thánh Tông

Còn gọi là Chiêu Lăng, là lăng vị vua thứ ba của triều Lê, ở ngôi vua từ năm 1460 đến 1497, niên hiệu Quang Thuận (1460-1469) và Hồng Đức (1470-1497). Ông là con vua Lê Thái Tông và bà Ngọc Giao, ở điện Huy Văn, tên húy là Lê Tư Thành (1442-1497). Lăng mộ và bia đá, thuộc khu di tích Lam Sơn, đặt ở hai đồi cách nhau một quãng, quay về hướng Nam. Bia đá "*Thánh Tông Thuần Hoàng đế Chiêu lăng bi*" dựng năm Cảnh Thống nguyên niên (1498). Kích thước tương tự với các bia ở khu Lam Sơn. Hình thức trang trí trên bia đá giống bia đá lăng bà Ngọc Giao: trán bia có ba rồng chầu, riềm bia chạm rồng leo, nhưng mình ngắn hơn, nên có đến 18 con rồng.

Mặt sau bia đề thơ, chạm trổ như mặt trước. Trước lăng có hai dãy tượng đá, từng cặp đối diện như người, tê giác, ngựa, lân, voi.

Di tích Đông Sơn

Nằm bên bờ sông Mã, thuộc phường Hàm Rồng, Thành phố Thanh Hóa. Đây là nơi lần đầu tiên phát hiện dấu vết văn hóa Việt Nam vào năm 1924. Địa danh Đông Sơn được dùng đặt tên cho một nền văn hóa tiêu biểu đầy tài năng sáng tạo của người Việt thời kỳ dựng nước và giữ nước. Đó là nền văn hóa Đông Sơn. Văn hóa Đông Sơn là nền văn hóa cổ nổi tiếng của Việt Nam và thế giới, một biểu trưng của nền văn hóa này là trống đồng Đông Sơn, một loại trống đẹp và tinh xảo bậc nhất, đồng thời có

https://www.facebook.com/taybanganh/

niên đại xưa nhất (vào khoảng đầu thiên niên kỷ I trước Công nguyên). Toàn tỉnh có 56 chiếc, thì riêng làng Đông Sơn tìm được 23 chiếc. Ngoài ra có 169 mộ cổ với 16 mộ chôn theo hiện vật bằng đá, 44 mộ chôn theo hiện vật bằng đồng. Các hiện vật khảo cổ rất đa dạng, gồm dụng cụ sản xuất, vũ khí, đồ trang sức, nhạc khí... Tất cả cho thấy tài năng khéo léo của người thợ đúc đồng thời Việt cổ, từ việc tạo dáng cho tới trang trí hoa văn khá sắc sảo, thể hiện một trình độ thẩm mỹ cao.

Thành nhà Hồ

Thành nhà Hồ ở làng Tây Giai và Xuân Giai, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, cách Thành phố Thanh Hóa 50km về phía Tây, còn gọi là thành Tây Đô (Tây Giai) do Hồ Quý Ly cho xây dựng vào năm 1397, trong một thời gian rất ngắn, chỉ 3 tháng (từ tháng Giêng đến tháng Ba) là hoàn thành. Quốc sử ta viết: "*Mùa xuân năm Đinh Sửu, niên hiệu Quang Thái thứ 10 (1397), tháng Giêng, Hồ Quý Ly sai Lại bộ Thượng thư kiêm Thái sư lệnh Đỗ Tỉnh đi coi đất rồi đo đạc động An Tôn, phủ Thanh Hóa, đắp thành đào hào lập nhà Tông miếu, dựng đàn xã tắc, mở đường phố, có ý muốn dời đô. Việc ba tháng thì xong.*" Tuy vậy, đây là tường thành bằng đá kỳ vĩ nhất ở thế kỷ XIV. Thành xây trên một khu đất khá rộng hình chữ nhật, gần vuông, hai mặt Bắc Nam dài 870,5m, Đông Tây dài 883,5m, cao trung bình 5-6m, có nơi cao 10m. Toàn bộ tường thành bên ngoài đều xây bằng những khối đá xanh được đẽo vuông thành sắc cạnh, nặng hàng tấn, có khối đá dài 4-5m, rộng 1m, nặng từ 15-20 tấn. Bên trong thành đắp đất. Thành có 4 cổng theo 4 hướng Đông, Tây, Nam, Bắc ở chính giữa, gọi là cổng Tiền, Hậu, Tả, Hữu. Trong đó cổng Tiền là đồ sộ nhất và hiện vẫn còn nguyên vẹn, gồm ba cửa ra vào. Cửa giữa rộng 5,82m, cao 5,75m. Hai cửa hai bên rộng 5,45m, cao 5,35m. Cổng thành xây cuốn, xếp đá theo hình múi cam. Tường thành phía Nam có hai cổng phụ. Ngoài thành có hào sâu bao quanh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trong thành có dấu vết cung điện xưa và hai con rồng đá ở bậc thềm cung điện. Đặc biệt mới đây đoàn khảo cổ Nhật Bản phối hợp với các nhà khảo cổ Việt Nam, khai quật trên một diện tích hẹp ở thành nhà Hồ đã khẳng định xưa kia trong thành có cung điện và nhiều công trình nguy nga khác nữa.

Các toà thành cổ trước kia của nước ta như Cổ Loa, Hoa Lư... đều đắp đất, hoặc xây gạch như thành Thăng Long, riêng thành nhà Hồ được xây bằng những khối đá lớn, nói lên sự sáng tạo và sức lao động phi thường của nhân dân lao động cách nay bảy thế kỷ.

Bảy năm triều Hồ chỉ là cái chớp mắt của lịch sử. Nhưng những gì triều Hồ đã làm được, các nhà nghiên cứu còn phải tốn nhiều công sức, giấy mực.

Đền Độc Cước

Ở trên đỉnh hòn Cổ Giải nằm trong dãy Trường Lệ, sát bờ biển, thuộc làng Trường Lộc, huyện Quảng Xương (nay là thị xã Sầm Sơn). Đền mang tên Độc Cước, có nghĩa là một chân.

Về đền Độc Cước, có nhiều truyền thuyết. Sách "Thanh Hóa lỉnh chí" ghi: Ngày xưa có một vị thần giáng xuống ngọn Miết Cảnh (Cổ Giải), in dấu chân trái dài 1 trượng, rộng 5 tấc vào đá, dân địa phương bèn dựng miếu ngay trên núi để thờ.

Lại có truyền thuyết nói rằng: sau một đêm mưa to gió lớn, nước dâng ngập đỉnh núi, sáng hôm sau dân làng thấy đỉnh núi in một dấu chân người khổng lồ và cho là dấu chân thần, bèn dựng miếu thờ, ngày rằm, mồng một hương hoa lên miếu cúng lễ.

Chung quanh vị thần một chân mang tên Độc Cước này còn có nhiều truyền thuyết khác như: khi bà mẹ mang thai, nằm làm con đê chắn sóng, thì từ trong bụng bà mẹ, chui ra một cậu bé cực kỳ to lớn. Cậu bé vác đất đá đắp lên thi hài mẹ, biến vùng này thành núi Trường Lệ. Về sau cậu bé khổng lồ ra tay trừ giặc biển, hóa thành Thần Độc Cước.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lại có sách ghi: Thần họ Cao tên tự là Độc Cước, một vị thần sư thời Lý. Theo Cực truyện thì các thiền tăng chỉ đứng một chân để truyền giảng đạo rồi siêu hóa, dân lập đền thờ ở chỗ có dấu vết chân để lại.

Cũng có truyền thuyết kể, có một chàng trai khổng lồ đã tự xé đôi thân mình để vừa đánh giặc quỷ biển ngoài khơi vừa để đánh giặc trong đất liền cứu dân làng. Tưởng nhớ công ơn chàng, người dân Sầm Sơn lập miếu thờ chàng ngay bên tảng đá có vết lõm dấu chân khổng lồ, tương truyền là bàn chân của chàng, và vì thế gọi là đền Độc Cước.

Kiến trúc đền Độc Cước có hình chuôi vồ (chữ T), là kiểu kiến trúc phổ biến ở thế kỷ XII. Đền thờ thần Mặt Trăng mà hình ảnh là Thần Độc Cước. Đây là một hiện tượng hiếm thấy trong kiến trúc đình chùa Việt Nam (phổ biến thờ Thần Mặt Trời). Đáng chú ý trong đền có bức "Diệp Thượng", còn gọi là "ván gió", "cửa võng". Bức chạm chia làm hai phần theo chiều ngang: trên lớn, dưới nhỏ, trên hai rồng chầu mặt trời, đuôi là phượng vũ. Trong đền có tượng Thần Độc Cước bằng gỗ chỉ có một tay, một chân. Chân tượng dựng vững chắc trên hòn đá tảng, tay tượng có cây búa ở tư thế đang vung về phía sau, lấy đà chém loài quỷ biển.

Đền Bà Triệu

Tọa lạc trên núi Gai, cạnh quốc lộ 1A, thôn Phú Điền, xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, thờ bà Triệu Thị Trinh, người đã khởi binh chống lại quân xâm lược nhà Ngô giữa thế kỷ III. Tương truyền đền đã có từ lâu, vốn là một ngôi nhà nhỏ lợp tranh vách đất. Sau vua Lý Nam Đế (549-602) cấp tiền cho dân sở tại xây dựng lại to đẹp hơn để ghi công ơn bà đã phù hộ cho nhà vua đánh thắng giặc.

Gần sát với đường quốc lộ 1A là cổng vào đền với bốn cột trụ cao và hai mảng tường ngăn. Qua cổng là hồ sen, bốn bề kè đá. Bên hồ có gốc đa cổ thụ, sau hồ là sân gạch rộng có tường hoa bao quanh. Tiếp đó là nhà tiền đường năm gian, cột đá mài vuông

https://www.facebook.com/taybanganh/

cạnh. Sau tiền đường là sân nhỏ, có giả sơn, cây cảnh, hai bên là dãy hành lang, cuối sân là ba gian hậu cung, dựng trên mặt bằng cao hơn. Đối diện với đền trên núi Gai (núi Ải), phía bên kia quốc lộ 1A là núi Tùng, nơi nhân dân xây lăng dựng tháp ghi dấu nơi bà về trời. Hiện lăng và tháp vẫn còn, tuy đơn sơ giản dị, nhưng tôn nghiêm, thể hiện khí phách hào hùng của một vị nữ tướng đã hy sinh cho nền độc lập của đất nước.

Đền Hàn Sơn

Còn gọi là đền Ông, nằm trên sườn đồi phía Bắc sông Lèn, thuộc làng Chi Phúc, xã Hoà Sơn, huyện Hà Trung, cách Thành phố Thanh Hóa 25km về phía Bắc. Khuôn viên đền rộng khoảng 120m^2. Đền có từ thời nhà Lê. Vào những năm 1956-1958, đền bị phá hỏng. Năm 1992, mới được xây dựng lại gồm hai nhà: nhà ngoài xây cấp bốn thờ chính chủ Lê Hữu Công Thành, nhà trong xây theo kiểu nhà vòm với ba cung thờ: cung đệ nhất thờ Mẫu, cung đệ nhị và đệ tam thờ Hội đồng quan. Nằm bên kia bờ sông Mã, cách đền Hàn Sơn 1-1,5km là đền thờ Ngã Ba Bông (đền Cô Ba), người có công giúp Lê Hữu Công Thành dẹp giặc thắng lợi.

Đền Sòng Sơn

Còn gọi đền Sòng hay đền Sùng Trấn, ở xã Cổ Đạm và Phúc Dương thuộc huyện Tống Sơn cũ, nay là phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn. Đền được xây dựng trong khoảng niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786) triều vua Lê Hiển Tông, thờ bà công chúa Liễu Hạnh. Kiến trúc đền khá đơn giản nhưng uy nghi. Mặt đền hướng về phía Tây Bắc, phía trước có một hồ nước ngọt tự nhiên hình bán nguyệt, gọi là hồ Cá Thần.

Đền gồm bốn cung: cung một thờ Mẫu chúa Liễu Hạnh, cung hai thờ Đức Vua cha Ngọc Hoàng, cung ba thờ Hội đồng quan lớn, cung bốn thờ tứ phủ cộng đồng. Đền Sòng gắn liền với sự tích công chúa Liễu Hạnh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đền Cô Tiên

Tọa lạc ở một vị trí đẹp thoáng đãng, phía Nam núi Trường Lệ, thị xã Lam Sơn. Đứng ở đền có thể quan sát Hòn Mê, cả vùng biển Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, bãi biển các xã Quảng Vinh, Quảng Hùng của huyện Quảng Xương.

Truyền thuyết kể rằng, ngôi đền này thờ một người con gái làm nghề thuốc cứu dân độ thế. Cô gái vì không vâng lời bố mẹ lấy một kẻ giàu có nên bị bố mẹ đuổi đi. Sau đó cô làm bạn trăm năm với một chàng trai hiền lành tốt bụng tên là Côi. Cuộc sống chung chưa được bao lâu, nàng mắc căn bệnh quái ác: bệnh hủi. Nàng được một cụ già chạy chữa bằng nước suối ở vụng Tiên. Cụ già ra đi để lại cho vợ chồng Côi một tay nải và giỏ mây. Tay nải dùng để che mưa, chiếc giỏ dùng để đựng các loại hoa, lá làm thuốc cứu người.

Một lần nọ hai vợ chồng đi chữa bệnh về khuya, trời mưa to, nhớ lời ông cụ, họ ngồi tựa vào nhau, lấy tay nải che đầu, rồi thiếp đi lúc nào không hay. Đến sáng tỉnh dậy, hai vợ chồng đã thấy mình ngồi trong một ngôi nhà ba gian khang trang. Từ đó hai vợ chồng Côi sống ở ngôi nhà này và hết lòng cứu chữa cho mọi người.

Một sáng mùa xuân, đẹp trời, hai vợ chồng mặc đẹp, dắt nhau lên đỉnh núi, rồi không thấy về nữa. Từ đó ngôi nhà trở thành ngôi đền "Cô Tiên" được dân làng khói hương, quét dọn, thờ cúng.

Chùa Sùng Nghiêm

Tọa lạc ở làng Duy Tinh, xã Văn Lộc, huyện Hậu Lộc, cách thành phố Thanh Hóa khoảng 20km. Chùa được xây vào thế kỷ XI, thời nhà Lý. Năm 1116, vua Lý Nhân Tông đi tuần du phương Nam, xa giá dừng ở trị sở Ái Châu (Thanh Hóa) rồi trở về. Nhân dịp ấy Tri châu Thanh Hóa quân sư cho họ Chu bàn với các thuộc viên và phụ lão ở địa phương muốn làm công đức để báo ơn vua, chúc quốc vận trường tồn. Họ Chu bàn giao cho huyện lệnh là Lê Chiếu dựng lại ngôi chùa cổ đã nát. Dân bản

https://www.facebook.com/taybanganh/

huyện góp lương góp sức san nền lấp trũng, thợ mộc, thợ nề gắng sức trong hơn hai năm dựng xong chùa vào năm 1118.

Chùa có quy mô kiến trúc to lớn, chạm trổ công phu. Bài văn bia còn lại ở chùa mô tả rằng: "*... Nóc chùa uốn cong như trĩ bay xòe cánh, dấu chạm trổ như phượng múa lân châu. Mái cong lấp lánh dưới ánh mặt trời, hiên lượn quanh co trước gió...*" Lại quyên góp đồng tốt hơn 2.000 cân để đúc chuông và ba pho tượng Như Lai cùng tượng các Bồ Tát Ca Diếp và Di Lặc. Qua các triều đại kế tiếp, chùa Sùng Nghiêm là một thiền viện có tiếng ở đất Ái Châu.

Tuy nhiên, qua thời gian chùa bị đổ nát, được trùng tu sửa chữa nhiều lần. Kiến trúc chùa hiện nay thuộc thời Nguyễn, gồm năm gian tiền đường, bốn gian hậu cung, bảy gian nhà tổ. Hiện vật trang trí nội thất bên trong còn khá đầy đủ, được bảo vệ tốt. Đặc biệt còn một tấm bia do Thông Thiền Hải Chiếu Đại sư, tự Pháp Bảo, soạn năm 1118.

Chùa Du Anh

Ở dưới chân núi đá phía Tây núi Xuân Đài thuộc xã Thọ Vực (tên cũ là Thiên Vực) nay là xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc.

Chùa có từ thế kỷ XVII, nhưng do lâu ngày chùa đã bị đổ nát. Đầu niên hiệu Hoằng Định (1601-1619) Quảng Quận Công Trịnh Vĩnh Lộc xuất tiền xây lại chùa từ năm Tân Sửu (1601) đến năm Ất Tỵ (1605) mới hoàn thành. Chùa trông ra núi Trác Phong. Bên hữu có am Công chúa ở lưng chừng núi đá, bên tả có gác Ngọc Hoàng đã đổ nát. Góc núi phía Đông Nam là động Hồ Công.

Trong chùa có bia ký và bài minh do Thượng thư Phùng Khắc Khoan soạn năm Hoằng Định thứ 6 (1605), ca ngợi công đức của Quảng Quận công Trịnh Vĩnh Lộc. Đầu đời Lê Trung Hưng, thời Bình An Vương Trịnh Tùng, ông được phong Tuyên Lực Công Thần đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân Đô đốc phủ đô đốc đồng trì.

https://www.facebook.com/taybanganh/

LỄ HỘI

Thanh Hóa đặc sắc không chỉ vì thiên nhiên kỳ thú, những di tích lừng danh, mà còn nhờ vào chất nhân văn của những lễ hội còn được lưu giữ đến ngày nay, dầu đã trải qua bao thăng trầm của lịch sử. Vùng đất xứ Thanh có khá nhiều lễ hội, trong đó tiêu biểu nhất là:

Lễ hội Lam Kinh

Là lễ hội lớn nhất ở tỉnh Thanh Hóa. Hằng năm lễ hội diễn ra ba ngày từ 21-23 tháng 8 âm lịch, tại khu di tích Lam Sơn, xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân.

Lễ hội Lam Kinh gồm 2 phần: phần lễ và phần hội. Sau lễ dâng hương tưởng niệm tại đền thờ là phần hội với các trò diễn truyền thống như múa cờ, múa đèn chạy chữ, biểu diễn võ dân tộc cổ truyền, múa cồng chiêng...

Lễ hội Phủ Na

Được tổ chức hai lần trong năm, lần thứ nhất từ tháng Giêng đến hết tháng Hai âm lịch, lần hai từ ngày 1 đến ngày 15 tháng Tám âm lịch, tại khu vực Na Sơn động phủ, xã Xuân Du, huyện Như Thanh, cách Thành phố Thanh Hóa 30km.

Đây là lễ hội tín ngưỡng dân gian, được hình thành từ rất lâu và ngày càng phát triển. Vào những ngày hội, khách thập phương về đây dâng hương, lễ bái, cầu tài, cầu lộc... rất đông. Na Sơn động phủ gồm: đền thờ Cô Ba nằm bên trái chiếc cầu bắc qua con suối vào khu vực chính của Na Sơn động phủ, được xây dựng năm 1993. Đền thờ Đức Ông (đệ nhất, đệ nhị, đệ tam), đền thờ Nguyệt Nga Thánh Mẫu, cách đền Đức Ông 50m, gồm ba toà nhà lợp ngói mũi hài liền thông với nhau. Đây là khu đền chính của lễ hội. Đền thờ Chúa Thượng và đền thờ cô Chín được xây phía trong, sát bên thác nước trên núi, ở một vị trí đẹp.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ hội đền Sòng

Hằng năm được tổ chức vào ngày 15 tháng Ba âm lịch tại đền Sòng thuộc thị xã Bỉm Sơn. Hội lễ để tưởng nhớ bà chúa Liễu Hạnh, người được nhân dân tôn là Thánh Mẫu. Lễ hội đền Sòng thu hút nhiều khách thập phương tham gia. Với tấm lòng thành kính, mọi người về đây cầu xin Mẫu ban cho nhiều may mắn.

Lễ hội Mai An Tiêm

Truyền thuyết về Mai An Tiêm với quả dưa hấu đỏ thời Hùng Vương đã đi vào sử sách, sống mãi với non sông đất nước và người dân Nga Sơn, Thanh Hóa. Họ rất tự hào về sự tích quả dưa hấu đỏ năm xưa, tự hào về chàng Mai An Tiêm và coi đó là biểu tượng đầu tiên của tinh thần vượt khó, cần cù lao động của người dân Nga Sơn. Đền thờ Mai An Tiêm nhỏ nhắn đơn sơ nằm ngay cửa hang. Tương truyền đây là nơi ở của gia đình Mai An Tiêm xưa kia.

Hằng năm nhân dân trong vùng tổ chức lễ hội để tướng nhớ Mai An Tiêm vào ngày 12 - 14 tháng 3 âm lịch. Ngoài phần nghi lễ, còn có phần hội vui chơi thu hút nhiều người tham gia.

Lễ hội đền Bà Triệu

Được tổ chức từ ngày 20 tới 23 tháng 3 âm lịch hằng năm tại xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc. Nhân dân các nơi về dự hội, nhắc lại câu nói đầy khí phách của Bà: "Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô, cởi ách nô lệ, chứ tôi không chịu khom lưng làm tì thiếp người".

THỪA THIÊN-HUẾ

Là một tỉnh miền Trung, có diện tích tự nhiên 5.010km^2, dân số 1.041.900 người, gồm nhiều dân tộc: Kinh, Tà Ôi, Cà Tu, Bru-Vân Kiều, Hoa... Thành phố Huế là tỉnh lỵ, ngoài ra còn có các

https://www.facebook.com/taybanganh/

huyện: Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà, Phú Vang, Phú Lộc, Hương Thủy, A Lưới và Nam Đông.

Thừa Thiên-Huế phía Bắc giáp Quảng Trị, phía Nam giáp Thành phố Đà Nẵng, Tây Nam giáp Quảng Nam, phía Tây giáp Lào, phía Đông giáp Biển Đông.

Địa hình Thừa Thiên-Huế chia làm ba vùng rõ rệt: vùng rừng núi chiếm khoảng diện tích, nằm ở biên giới Việt - Lào và kéo dài tới tận Đà Nẵng. Vùng trung du chiếm khoảng diện tích, vùng này ở độ cao trung bình dưới 500m so với mực nước biển. Đặc điểm chủ yếu là núi đồi của vùng này đỉnh rộng, sườn thoai thoải, phần lớn là đồi bát úp với chiều rộng vài trăm mét. Vùng đồng bằng, bề ngang hẹp và chiều dọc kéo dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, nằm song song với bờ biển, có nhiều cồn cát và đầm phá. Diện tích vùng đồng bằng chiếm khoảng 1.400km^2.

Hầu hết những con sông lớn của Thừa Thiên-Huế đều bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, chảy ngang qua đồng bằng xuống đầm phá trước khi đổ nước ra biển như sông Ô Lâu, sông Bồ, sông Hương, sông Truồi, sông Cầu Hai... Trong đó sông Hương là con sông thơ mộng nhất và lớn nhất, sau một hồi uốn lượn quanh co trong dãy Trường Sơn, rồi thả mình chảy ngang giữa lòng Thành phố Huế, một thời là kinh đô của triều Nguyễn.

Bờ biển Thừa Thiên-Huế dài trên 120km có cảng biển Thuận An và cảng nước sâu Chân Mây nằm ngay dưới chân đèo Hải Vân, có độ sâu từ 18-20m.

Về giao thông vận tải, Thừa Thiên-Huế có nhiều lợi thế, có cả đường thủy với hai hải cảng lớn và một hệ thống sông ngòi và biển cả, có đường hàng không nội địa và quốc tế với sân bay Phú Bài được nâng cấp hiện đại, có đường sắt Bắc - Nam, có đường quốc lộ 1A và con đường Hồ Chí Minh vừa được xây dựng đi qua.

Thừa Thiên-Huế nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có bốn mùa rõ rệt: mùa xuân mát mẻ, ấp áp, mùa hè nóng bức,

https://www.facebook.com/taybanganh/

mùa thu dịu êm, mùa đông khá rét. Nhiệt độ trung bình cả năm là 25^0C. Mùa du lịch đẹp nhất từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau. Đây là thời gian mùa khô.

Cảnh sắc thiên nhiên Thừa Thiên-Huế nên thơ. Hai bên bờ sông Hương là những khu vườn sum suê, trĩu quả, với những đồi thông soi bóng. Tựa lưng vào Trường Sơn hùng vĩ, Thừa Thiên-Huế tự hào có khu nghỉ dưỡng Bạch Mã, thuộc khu nghỉ mát độc đáo của xứ Đông Dương, nó có cái mát mẻ của rừng núi Sapa (Lào Cai), của Bà Nà (Đà Nẵng) của Đà Lạt mộng mơ (Lâm Đồng), nó lại có cái hơi mặn mòi của Nha Trang, Vũng Tàu miền biển.

THẮNG CẢNH

Kinh thành Huế

Huế là một vùng đất cổ. Vào thế kỷ XIII, vùng đất thơ mộng này đã hoà nhập vào Đại Việt như một món quà tặng, là của hồi môn của vua Chiêm khi cưới công chúa Huyền Trân nhà Trần. Phong cảnh tươi đẹp, địa hình hiểm trở đã tạo cho Huế có một vị trí đặc biệt trong lịch sử Việt Nam.

Trên thế giới hiếm thấy một đô thị cổ nào như Huế được bảo lưu còn tương đối nguyên vẹn diện mạo của một kinh đô thời quân chủ. Có người coi Huế như một đô thị thời Trung cổ, bởi Huế chưa bị hiện đại hóa, công nghiệp hóa một cách hấp tấp không có quy hoạch như nhiều thành phố khác trên thế giới.

Trong mấy ngàn năm lập quốc, cho đến thế kỷ XVI, từ thời dựng nước cho đến Đinh, Lê, Lý, Trần đều đóng đô tại những nơi thuộc miền Bắc. Từ giữa thế kỷ XVI, do biến động lịch sử, chúa Nguyễn Hoàng đã chọn Phú Xuân làm kinh đô xứ Đàng Trong (1558). Cuối thế kỷ XVIII, được vua Quang Trung chọn làm kinh đô triều đại Tây Sơn (1788-1802), vua Gia Long chọn làm kinh đô của triều Nguyễn (1802-1945). Trong hơn 400 năm

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thừa Thiên-Huế nói chung và Huế nói riêng là trung tâm chính trị, văn hóa của nhà nước phong kiến Việt Nam.

Năm 1788, để chuẩn bị Bắc tiến đánh đuổi quân xâm lược nhà Thanh ra khỏi kinh thành Thăng Long, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, đặt niên hiệu là Quang Trung, lấy Phú Xuân, vốn là thủ phủ Đàng Trong làm thủ đô của đất nước.

Năm 1802, sau khi đánh bại nhà Tây Sơn, Nguyễn Phúc Ánh thành lập Vương triều Nguyễn, lấy hiệu là Gia Long, đóng đô ở Huế. Các công trình kiến trúc, các di sản của Huế còn lại đến hôm nay trong thành phố Huế, nằm dọc theo đôi bờ sông Hương, được UNESCO ghi vào danh sách Di sản văn hóa thế giới năm 1993, đều được xây dựng kế tiếp nhau dưới các triều đại vua Nguyễn.

Kinh thành Huế nằm ở phía Bắc sông Hương, vốn xưa là thủ phủ Phú Xuân được mở rộng trên dải đất của tám làng thuộc hai tổng An Vân và Phú Xuân thuộc huyện Hương Trà. Kinh thành Huế được bao bọc bởi ba vòng thành cùng chung một trục hướng, lấy núi Ngự Bình bên bờ Nam làm tiền án, lấy Cồn Hến làm Tả Thanh Long, Cồn Dã Viên làm Hữu Bạch Hổ. Diện tích toàn kinh thành là 520ha.

Thành ngoài cùng gọi là kinh thành, theo dạng gần như vuông, chu vi 9.950m. Để phù hợp với việc phòng thủ mỗi khi có biến, các cạnh đều được xây theo hình "dích dắc" theo kiểu thành Vauban,[1] một kiểu thành phòng ngự hiện đại của châu Âu thời bấy giờ. Thành cao 6,60m, mặt trên rộng 6m, dưới chân rộng 21m, có tiết diện hình thang vuông. Mặt ngoài thẳng đứng, mặt trong nghiêng thoải. Cốt thành nhồi đất nện chặt. Hai lớp áo ngoài xây bằng gạch vồ dày 1,5m. Trên 4 mặt thành bố trí 21 pháo đài, quanh thành đặt 400 pháo nhẫn và đường di chuyển binh lính lúc lâm trận.

Ngoài thành còn có hào sâu, rộng bao quanh gọi là hộ thành hào, thông với sông Hương, tạo nên một tuyến phòng ngự vững

https://www.facebook.com/taybanganh/

chắc, gây khó khăn cho kẻ thù khi tấn công, vừa tạo thành một mạng lưới giao thông thuận tiện cho việc tiến, thoái. Bốn phía thành có mười một cửa ra vào.

Các cổng thành có cấu trúc đặc biệt, xây tầng cao, tiện cho việc quan sát không gian bên ngoài. Để đảm bảo độ bền chắc, gạch xây theo kiểu múi cam, tạo nên vòm cuốn, cao vững chãi mà trông thấy nhẹ nhàng.

Trong kinh thành có hàng trăm hạng mục công trình đồ sộ như Lục Bộ, Tôn Nhơn, Xã Tắc...

Thành giữa gọi là Hoàng thành, xây gạch cao 4m, dày 1m, có hào sâu, rộng bao bọc bên ngoài. Để đi qua hào sâu này, người ta cho xây mười chiếc cầu uốn cong đi vào Hoàng thành. Hoàng thành có hình gần vuông, mỗi cạnh dài khoảng 600m, có bốn cửa: Ngọ Môn (mặt trước) cửa Nam, Hoà Bình (cửa sau) cửa Bắc, Hiển Nhơn (bên trái) cửa Đông, Chương Đức (bên phải) cửa Tây.

Mặt bằng Hoàng Thành chia làm chín khu vực ứng với chín ô của Hà Đồ trong kinh dịch:

– Ô chính diện: Từ cửa Ngọ Môn qua sân chầu đến điện Thái Hoà, nơi cử hành Đại lễ, mỗi lúc nhà vua ngự triều.

– Ô số 2: bên phải, là khu miếu thờ các vua Nguyễn gồm Hiển Lâm Các, Thế Miếu, Hưng Miếu...

– Ô số 3: bên trái, khu điện thờ các chúa Nguyễn gồm Thái Miếu, Triệu Miếu...

– Ô số 4: Ở giữa, bên trái, khu nội phủ, vườn Cơ Hạ.

– Ô số 5: Ở giữa, bên phải, khu điện Phụng Tiên, cung Diên Thọ, cung Trường Sinh, Trường Du Tạ... dành cho nữ giới và là nơi ở của Hoàng Thái hậu và Thái Hoàng Thái hậu.

– Ô số 6, 7, 8: từ trái qua phải là hồ Bắc Đẩu, còn gọi là Hồ Hoà Bình.

https://www.facebook.com/taybanganh/

– Ô số 9: nằm ở vị trí trung tâm của Hoàng thành là Tử Cấm thành, có hình vuông, mỗi cạnh dài chừng 300m, xây gạch cao 3,7m, dày 0,8m, có mười cửa mở ra bốn phía. Trong Tử Cấm thành có 40 kiến trúc đồ sộ, nhưng nay đã bị hư hỏng, làm cho di sản Huế nghèo kiệt.

Trong số hàng chục lăng tẩm, đền chùa, cung điện... đã có những di tích bị phá hủy hoàn toàn như: điện Cần Chánh, điện Càn Thành, điện Kiến Trung, Khôn Thái... Lăng Gia Long. Một số di tích bị hư hỏng nặng như: Ngọ Môn, điện Thái Hoà, Tả, Hữu Vu, lăng Tự Đức, lăng Minh Mạng, Thiệu Trị... Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước Việt Nam và sự giúp đỡ có hiệu quả của UNESCO, một số công trình quan trọng đã được sửa chữa lớn.

Sông Hương

Huế đẹp, Huế mơ chính là nhờ có sông Hương. Nói cách khác, nếu không có sông Hương thì đâu còn là Huế thơ, Huế mộng mơ...

Gọi là sông Hương, vì từ xa xưa dòng sông này chảy qua những cánh rừng nhiều thảo mộc có hương thơm, nên khi vào thành Huế, dòng sông đem theo hương thơm của cây cỏ thiên nhiên.

Sông Hương bắt nguồn từ dải Trường Sơn hùng vĩ, chảy quanh co uốn khúc qua những núi, rừng trùng điệp rồi đổ nước vào phá Tam Giang trước khi ra cửa biển Thuận An với độ dài trên 80km. Sông Hương lượn lờ quanh thành phố Huế như một sự sắp đặt của tạo hóa để làm vui lòng du khách mỗi lần đến thăm Huế. Du thuyền sẽ đưa du khách dạo khắp kinh thành, vượt qua các cầu Dã Viên, Phú Xuân, Tràng Tiền, đưa du khách lên thăm lăng Minh Mạng, điện Hòn Chén, chùa Thiên Mụ... hoặc xuôi về Thuận An tắm biển, thưởng thức món ăn đặc sản biển. Hoặc muốn suy ngẫm cuộc đời, xin mời bạn ngược dòng sông lên chơi rừng thông làng Thiên Thọ (lăng Gia Long) để

https://www.facebook.com/taybanganh/

nghe vi vút thông reo... Và khi màn đêm buông xuống, dưới ánh trăng sao, mặt nước sông Hương lấp lánh như dát một lớp bạc óng ánh, xa xa đâu đó những giọng hò man mác cất lên trong tiếng mái chèo khua nhẹ nước. Ôi Huế ngọt ngào đến vậy!.

Núi Ngự Bình

Hay núi Ngự, còn có tên là Băng Sơn, ngọn bình phong án ngữ kinh thành Huế, cách trung tâm 3km về phía Nam. Núi Ngự Bình có dạng hình thang cân cao 105m. Đỉnh núi bằng phẳng.

Cùng với sông Hương, núi Ngự Bình là quà tặng vô giá của tạo hóa, hoà quyện vào nhau tạo nên vẻ đẹp sơn thủy hữu tình của Huế. Vì thế, mỗi khi nhắc đến Huế không thể không nói đến sông Hương. Và mỗi khi nhắc đến sông Hương, không thể không nói đến núi Ngự Bình. Nó đã trở thành một cụm từ: sông Hương, núi Ngự để chỉ về Huế thân thương. Cũng như khi nhắc đến Nghệ Tĩnh là nói đến sông Lam, núi Hồng...

Từ bao thế hệ, lớp lớp tao nhân mặc khách từng coi nơi đây là chốn thưởng ngoạn thiên nhiên kỳ thú. Vào những ngày đẹp trời, đứng trên núi Ngự Bình có thể bao quát toàn bộ thành phố, với cung điện nguy nga, những mái chùa cổ kính soi bóng dòng sông Hương xanh biếc uốn lượn, quanh co.

Một điều kỳ diệu hiếm thấy ở nơi khác, đó là những chiều bảng lảng hoàng hôn, nước sông Hương trong xanh giờ trở nên tím thẫm, cũng là lúc tiếng chuông Thiên Mụ ngân xa, xa mãi, khiến người đi xa chạnh nhớ quê nhà. Phải chăng vì thế mà con gái Huế vẫn thích nhẹ nhàng trong chiếc áo dài màu tím?

Đồi Vọng Cảnh

Nằm về phía bờ Nam sông Hương, cách núi Ngự Bình vài ba km. Từ đồi Vọng Cảnh chẳng những nhìn thấy dòng sông Hương uốn lượn qua kinh thành Huế mà còn nhìn thấy những vườn cây ăn quả mướt xanh của những xóm nhà vườn bên bờ Bắc, và những lâu đài, cung điện, lăng tẩm cổ kính trầm mặc dưới những rừng thông bạt ngàn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vào những sớm mai hồng, hay những buổi chiều tà, khi ông mặt trời gác sau rặng Trường Sơn tím sẫm, du khách có dịp đứng trên đồi Vọng Cảnh mới thấy hết vẻ đẹp của sông Hương, núi Ngự, một bức tranh sơn thủy dát bạc, dát vàng mà không một họa sĩ nào tả nổi. Bởi thế nên người dân Huế mới gọi tên ngọn đồi này là Vọng Cảnh.

Rừng quốc gia Bạch Mã

Cách Thành phố Huế khoảng 50km về phía Nam. Bạch Mã là hiện thân của Sapa, của Bà Nà, Đà Lạt, nhưng hơn hẳn Sapa, Tam Đảo, Bà Nà là Bạch Mã ở gần bờ biển nên nhiệt độ không bao giờ xuống quá dưới 4^0C, nhiệt độ cao nhất vào mùa hè không vượt quá 26^0C.

Do những ưu điểm đó, ngay từ những năm 1930, người Pháp đã cho xây dựng ở Bạch Mã một khu nghỉ mát lớn ở độ cao 1.000m đến 1.444m. Toàn khu nghỉ có 139 biệt thự, điều đặc biệt là không có biệt thự nào giống biệt thự nào. Ngoài ra còn có những công trình phụ trợ như nhà bưu điện, ngân hàng, hồ bơi, sân quần vợt... và một đường ô tô chạy lên núi dài 19km nối từ quốc lộ 1A đến khu nghỉ mát.

Tuy nhiên toàn bộ khu nghỉ mát này đã bị tàn phá trong chiến tranh.

Chung quanh khu nghỉ dưỡng là một khu rừng nguyên sinh, được nhà nước công nhận là vườn quốc gia, bởi rừng Bạch Mã có một hệ động thực vật hết sức phong phú với diện tích trên 22.031ha.

Ngày nay khu du lịch Bạch Mã đang được phục hồi đón khách.

Bãi tắm Lăng Cô

Nằm ngay cạnh đường quốc lộ 1A, dưới chân đèo Hải Vân, cách khu nghỉ mát Bạch Mã khoảng 24km. Bãi tắm Lăng Cô thoai thoải, cát trắng mịn, nước trong xanh, độ sâu trung bình dưới 1m. Bãi tắm kéo dài hơn 10km. Mùa tắm biển vào khoảng tháng 4 đến tháng 7, nhiệt độ trung bình 25^0C.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Du khách đến đây ngoài tắm biển còn được thưởng thức đặc sản biển của Lăng Cô như sò huyết, tôm hùm, tôm sú, tôm he, tôm vằn...

Gần bãi biển là làng chài Lăng Cô, thắng cảnh Chân Mây.

Bãi tắm Thuận An

Nằm cạnh cửa biển Thuận An, nơi dòng sông Hương đổ nước ra phá Tam Giang rồi thông ra biển. Bãi Thuận An cách kinh thành Huế không đầy 13km. Đầu thế kỷ XIX, vua Minh Mạng chính thức đặt tên cho cửa biển này là cửa biển Thuận An và cho xây Trấn Hải Đài, lập đồn lũy phòng ngự mặt biển.

Thuận An là bãi tắm thú vị cho mọi du khách, sau một ngày tham quan du lịch kinh thành, lăng tẩm, chùa chiền, đền miếu...

Do bãi tắm gần thành phố, nên người dân Huế sau một ngày làm việc mệt nhọc, người người phóng xe xuống Thuận An tắm biển hoặc hóng mát trong những ngày hè nóng nực chốn đô thành.

Ngoài tắm biển, du khách còn được tham quan miếu thờ cá voi, con vật được người dân miền biển tôn thờ, hoặc thăm miếu Thái Dương với sự tích nữ thần Thái Dương được làng Thuận An rất sùng bái.

Làng Dương Nỗ

Nằm cạnh con đường từ Thành phố Huế xuống cửa biển Thuận An, sát bờ sông Phổ Lợi, cách trung tâm thành phố Huế 7km. Đây là một làng người Việt khai sơn phá thạch lập nên rất sớm. Cách đây vài thế kỷ, Dương Nỗ là làng quê rất sầm uất, giàu có và là mảnh đất có truyền thống văn võ. Tại đây có ngôi đình làng khá nổi tiếng bởi quy mô kiến trúc đẹp và thâm nghiêm, một di tích tiêu biểu cho mô hình đình cổ Việt Nam.

Năm 1898, cụ Nguyễn Sinh Huy (Nguyễn Sinh Sắc) thân sinh Bác Hồ, được ông Nguyễn Việt Tuyên, người làng Dương Nỗ

https://www.facebook.com/taybanganh/

mời về dạy cho các con mình đang chuẩn bị kỳ thi Hương. Thời gian này, cậu bé Nguyễn Sinh Cung (tên Bác Hồ khi đó) được theo cha về Dương Nỗ sinh sống. Cậu Cung đã sống với cha ở Dương Nỗ cho tới năm 1900, đến khi cụ Huy đi nhận chức giám thị tại kỳ thi Hương ở Thanh Hóa, cậu trở lại nội thành sống với mẹ, bà Hoàng Thị Loan ở nhà số 112 Mai Thúc Loan, Huế. Sau ngày miền Nam giải phóng, ngôi nhà ở Dương Nỗ, nơi Bác Hồ một thời đã sống, được phục hồi, làm nhà lưu niệm.

DI TÍCH

Thừa Thiên-Huế có rất nhiều di tích lịch sử văn hóa, riêng kinh thành Huế đã có hàng trăm công trình tiêu biểu như:

Ngọ Môn

Là cửa chính của Hoàng thành, được xây năm 1833 dưới thời Minh Mạng. Ngọ Môn dài 57,95m, cao 14,8m, gồm hai phần chính:

– Phần dưới: nền lát bằng đá ghép, có năm lối ra vào. Kiến trúc theo lối "*thượng thu hạ thách*" với độ dốc gần như thẳng đứng, tạo một thế đứng hơi chỗi chân, tạo nên cảm giác sừng sững thành vại của những dãy nhà kín cổng cao tường.

– Phần trên: lầu Ngũ Phụng hai tầng, bằng gỗ sơn son thếp vàng, có 100 cột lớn nhỏ. Kiến trúc theo lối liên kết chín bộ mái riêng biệt, to nhỏ, cao thấp khác nhau, đặt trên một nền đài bằng đá chữ U, tạo nên vẻ nhấp nhô của các hình khối trong không gian như hình chim Phụng (phượng) xòe cánh bay. Vì vậy nhân dân quen gọi là lầu Ngũ Phụng (thực tế có chín nóc nhà, nhưng nhìn chính diện chỉ thấy năm lầu, với những bộ mái cong lên như năm con phượng xòe cánh).

Kiến trúc lầu Ngũ Phụng, các kiến trúc sư có sự tính toán kỹ để cho công trình tối ưu về mặt công năng và đẹp. Đó là sự bỏ trống các liếp che quanh lầu (trừ phía sau), làm mái hiên ngắn,

https://www.facebook.com/taybanganh/

cao hẳn lên, làm cho công trình thoáng đãng, tầm nhìn từ trên lầu xuống được mở rộng cả trục tung lẫn trục hoành.

Về trang trí, dùng ngói ống tráng men xanh có in hình hoa văn ở diềm mái. Những hình trang trí như dơi ngậm tiền, bướm và rồng cách điệu, được ghép bằng mảnh sành sứ.

Ngọ Môn là một kiệt tác nghệ thuật được người đời ngợi ca qua bài thơ khắc trên lầu Ngũ Phụng:

Công tương gia ngôn lặc,
Côn Cương danh cửu trí.
Âm tiêu dương trưởng hậu,
Thiên đạo thái lai thì.

Bài thơ ca ngợi người thợ như lời nói khắc vào đá, lưu lại tiếng đẹp như núi Côn Cương. Khi khí âm suy, khí dương thịnh, ấy là lúc đạo trời mở đường đưa lại thái bình.

Điện Thái Hoà

Xây vào tháng 2-1805, gồm hai ngôi nhà lớn ghép lại theo kiểu "*trùng thiềm điệp ốc*", với hai tầng mái trước của tiền doanh và mái trước của hậu doanh làm thành ba lớp, gây ấn tượng trùng điệp thể hiện "*tam tài*" (thiên, địa, nhân) để cho chín con rồng uy nghi trên nóc điện bay vút lên giữa trời xanh, ẩn hiện trong những áng mây xanh, vàng của mái ngói thanh lưu ly, hoàng lưu ly, tạo thành sức mạnh uy quyền của triều đình.

Là toà nhà chính, nơi cử hành các nghi lễ lớn của triều đình, điện Thái Hoà được xây trên nền cao 1m, diện tích 1.200m^2, trông ra sân chầu rồng.

Nét đặc sắc của nghệ thuật kiến trúc điện Thái Hoà là sự ghép nối giữa hai ngôi nhà rường để tạo nên không gian nội thất lớn. Cấu trúc này là sự ghép sát hai công trình riêng. Ở đây các nhà xây dựng ứng dụng kiểu trần vòm mai cua. Trần mai con cua này nối với trần nửa trong công trình tạo ra được một không gian nội thất liên tục, thống nhất, rộng rãi, không còn cảm giác

https://www.facebook.com/taybanganh/

hai toà nhà ghép lại nữa. Nhờ có mảng trần vòm mai cua này mà người xem đỡ hẫng khi đi từ không gian nửa trong điện là nhà có trần và không gian nửa ngoài điện không có trần và ngược lại. Lối kiến trúc này là một sáng tạo, trí tuệ của nhà thiết kế, vì nửa ngoài là nơi mọi người đến hành lễ, cần có không gian cao, rộng, thoáng, sáng sủa. Hơn nữa không làm trần là để tận dụng hết chiều cao kiến trúc, nơi cần có nhiều diện tích cho các hình trang trí đẹp. Ngược lại nửa trong nơi vua ngự, để quần thần bái vọng, chiêm ngưỡng, cần kín đáo, thâm nghiêm, nên cần che trần làm hạn chế không gian, góp phần mang lại hiệu quả tôn nghiêm.

Tại điện Thái Hoà còn lưu giữ 197 bài thơ dạt dào tâm hồn các thi sĩ đầu thế kỷ XIX, nói lên niềm khao khát của người con dân Việt mong muốn hoà bình và lòng tự hào đất nước.

Khu Thế Miếu

Nơi thờ các vua Nguyễn. Đáng chú ý ở đây có chín đỉnh đồng cực lớn, đặt cạnh trước Hiển Lâm Các, được đúc vào năm 1835, dưới thời Hoàng đế Minh Mạng, đến đầu năm 1837 thì hoàn thành. Đây là các tác phẩm đúc đồng hoàn mỹ, độc đáo nhất của Việt Nam. Trên mỗi đỉnh đồng có chạm nổi 18 hình sông, núi, biển trời, cây cỏ, cầm thú, trăng sao, mưa gió và phong cảnh của mọi miền đất nước, tượng trưng cho sự bền vững, thịnh vượng của Tổ quốc Việt Nam.

Hiển Lâm Các, một ngôi nhà ba tầng duy nhất ở kinh thành Huế, mang biểu tượng "*tam tài*": Thiên, Địa, Nhân, như một sự bố cáo trước trời, đất và con người về công mở mang bờ cõi của triều đình.

Lăng Gia Long

Là nơi táng vua Gia Long (Thế tổ Cao Hoàng đế), vị vua đầu tiên của triều Nguyễn. Gia Long lên ngôi năm 1802, sau một thời gian tìm cát địa (đất tốt), mãi đến năm 1814, tức năm Gia Long thứ 12 mới bắt đầu dựng lăng. Từ việc chọn đất, kiểu xây... vua đều đích thân tham gia. Năm 1819, Gia Long qua đời, năm

https://www.facebook.com/taybanganh/

sau lăng xây xong vào tháng 5-1820. Lăng mang tên Thiên Thọ, cách kinh thành Huế 16km về phía Tây Nam. Lăng nằm giữa một vùng núi hoang sơ, xanh rợp bóng thông cổ thụ, có 36 ngọn núi châu tuần chung quanh, hai bên là nguồn Hữu Trạch, Tả Trạch như vòng tay ôm ấp.

Lăng được xây theo kiểu đơn sơ, nhưng hoành tráng, bên chân núi Đại Thiên Thọ, được lấy làm tiền án có dựng hai cột biểu cao. Trước lăng là hồ bán nguyệt. Phía sau hồ là sân chầu, rồi đến sân tế sáu bậc cao dần, cuối cùng là Bửu Thành, nơi đặt mộ nhà vua và mộ Thừa Thiên Cao Hoàng hậu, nằm song song bên nhau, theo kiểu song táng. Phía trước có bình phong lớn che chắn. Bên trái Bửu Thành là nhà bia, bên phải là điện Minh Thành thờ vua và Hoàng hậu. Các thành phần kiến trúc bằng gỗ đều để mộc, không sơn son thếp vàng, nhưng được chạm trổ công phu, tinh tế, thanh nhã. Lăng Gia Long không có thành bao, nằm trên một diện tích rộng 2.875ha.

Lăng Gia Long hầu như bị phá hủy hoàn toàn do đạn pháo của quân Pháp bắn phá trong cuộc kháng chiến chống Pháp 9 năm.

Lăng Minh Mạng

Được khởi công xây dựng năm 1840, sau hàng chục năm lựa chọn đất tốt, năm 1843, gần ba năm sau khi vua Minh Mạng qua đời, lăng mới xây xong, mang tên Hiếu Lăng, cách kinh thành Huế 12km về phía Tây Nam, nằm trên đồi Cẩm Kê, chiếm một diện tích 26ha, gồm gần 30 công trình kiến trúc lớn nhỏ.

Lăng gồm hai khu vực, nơi thờ và nơi đặt mộ, nằm trên một trục dọc xuyên suốt cả khu lăng. Những công trình chủ yếu đều được xây dựng trên trục chính này. Các công trình khác nằm đăng đối ở hai bên trục này theo một trật tự nghiêm ngặt.

Trong khu lăng được điểm xuyết bằng những hồ sen, cầu cống, đình tạ, vườn hoa, cây cảnh, rừng thông... rất ngoạn mục. Quanh lăng là la thành hình bầu dục, chu vi gần 1.800m. Tường

https://www.facebook.com/taybanganh/

thành cao 3m, dày gần 1m. Phía trước có ba cổng lớn. Cổng chính giữa là Đại Hồng Môn, hai bên là tả, hữu Hồng Môn. Sau Đại Hồng Môn là sân chầu, hai bên có tượng đá văn quan võ tướng và voi ngựa chầu. Tiếp đó là bi đình, một toà nhà vuông, dựng trên nền ba tầng. Trong bi đình đặt tấm bia "*Thánh đức thần công*" cao trên 3m, rộng gần 2m, khắc bài văn bia do vua Thiệu Trị soạn. Sau bi đình là sân tế, chia làm bốn cấp cao dần. Cuối sân là Hiển Đức Môn. Tiếp là một sân rộng. Cuối sân là điện Sùng Ân, điện thờ chính, dựng theo kiểu "*trùng thiềm, điệp ốc*". Hai bên sân là điện Đông Phối và điện Tây Phối. Sau điện Sùng Ân có một sân nữa. Hai bên sân là Tả, Hữu Sùng viện. Cuối sân là cửa Hoàng Trạch. Qua cửa Hoàng Trạch có lối dẫn tới cầu Trung Đạo bắc qua hồ Trường Minh. Hai bên cầu Trường Minh là cầu Tả Phù, Hữu Bật. Qua cầu Trung Đạo, cách một sân hẹp là đến Minh Lâu, toà nhà vuông hai tầng, tám mái, lợp ngói lưu ly, dựng trên nền cao. Đi tiếp theo đường Thần đạo, hai bên có vườn hoa, giả sơn và hai trụ biểu, cao 21m, sẽ đến cầu Thông Minh Chính Trực, bắc qua hồ Tân Nguyệt. Hai đầu cầu có dựng bài môn, trụ đồng, xà đồng trang trí bằng các tấm men pháp lam các màu. Qua cầu là một sân hẹp, tiếp đó là một hệ thống bậc đá dẫn tới Bửu Thành, trong đó đặt mộ vua.

Lăng Tự Đức

Cách kinh thành Huế 7km về phía Tây Nam, giữa một rừng thông bát ngát. Khu vực lăng được bao quanh bằng một vòng la thành, đoạn thẳng, đoạn gấp khúc, tạo nên một hình đa giác, mở bốn cửa: mặt trước hai cửa: Tự Khiêm và Tượng Khiêm cách nhau một quãng ngắn.

Lăng chia làm hai khu vực: nơi thờ cúng và nơi đặt mộ, nhưng không bố trí theo một trục chính xuyên suốt như lăng Minh Mạng. Ở đây có sự phá cách theo bố cục tự do, nhưng vẫn tuân thủ tư tưởng chủ đạo trong ý đồ xây dựng lăng tẩm của các bậc đế vương và đáp ứng đầy đủ nhất những chuẩn mực của thuật phong thủy.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Khởi dựng vào tháng 12-1864 và cuối năm 1867 hoàn thành, nhưng mãi đến 16 năm sau (1883) vua Tự Đức mới qua đời. Lúc còn sống nhà vua vẫn lên đây nghỉ ngơi, đọc sách, ngâm thơ, vì vậy trong lăng còn có nhiều công trình kiến trúc rất nên thơ như cung điện, lầu gác, đình tạ, cầu quán, hồ sen, vườn cảnh, nhà hát...

Lúc đầu lăng mang tên Khiêm Cung, sau đổi thành Khiêm Lăng. Tên các công trình trong lăng đều có chữ Khiêm nhằm biểu đạt ý nguyện khiêm nhường của nhà vua.

Qua cửa Vụ Khiêm, theo con đường uốn cong mềm mại, dẫn đến các khu vực khác trong lăng. Bên phải lối đi là hồ Lưu Khiêm, giữa có đảo Tịnh Khiêm, nơi nuôi chim thú nhỏ, cây cảnh... vào đảo đi qua một cầu quán. Ven hồ có nhà thủy tạ: Xung Khiêm tạ, nơi ngắm trăng đọc sách, ở bên kia hồ là một kiểu nhà ghép tiếp mái gồm hai toà nhà đặt trên hai độ cao chênh nhau: toà phía sau dựng trên đất liền, toà phía trước nhô ra hồ, được đỡ bằng ba hàng cột (54 cột), phía trên không có tường bao, chung quanh chạy lan can. Dũ Khiêm Tạ, ở bên này hồ, nơi câu cá, đối diện với Khiêm Cung Môn, cổng chính vào điện Hoà Khiêm, nơi thờ vua và hoàng hậu. Phía trước điện thờ là sân rộng, hai bên có hai dãy tả vu và hữu vu. Sau điện thờ là sân hẹp, hai bên sân là hai toà nhà: một bên là Minh Khiêm Đường - nhà hát, có sân khấu cánh gà, buồng trò, chỗ ngồi xem. Đối diện với Minh Khiêm Đường là nơi ở của các cung nhân trông coi việc đèn nhang. Phía sau là điện Lương Khiêm, nơi thờ mẹ vua.

Theo trục chính bên ngoài Khiêm Cung Môn, đi tiếp về hướng Bắc sẽ sang khu đặt mộ, nằm bên trái khu điện thờ. Phía ngoài cổng là Bái Đình, rộng thênh thang, hai bên có 2 hàng tượng bá quan văn võ, voi ngựa... tiếp đó là Bi Đình, trong đặt tấm bia lớn nhất ở Huế. Sau Bi Đình là hai cột trụ biểu, tiếp là hồ Bán Nguyệt, cuối cùng là Bửu Thành, nơi đặt mộ nhà vua. Kiến trúc phần mộ đặt trên sườn đồi thoai thoải, càng lùi sâu vào càng lên cao dần.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Toàn bộ lăng rộng 12ha với hơn 50 công trình kiến trúc lớn nhỏ. Khiêm Lăng thực sự là một công viên hoàng cung.

Lăng Khải Định

Còn gọi Ứng Lăng, tọa lạc trên đồi Châu E, phía hữu ngạn Hương Giang, cách thành phố Huế 10km về phía Tây Nam.

Quần thể kiến trúc Lăng Khải Định gồm: Điện Khải Thành, Cung Thiên Định, nhà bia, nhà phụng trực quan cự, cửa tam quan.

Toàn bộ kiến trúc lăng bố trí trên một khu đất hình chữ nhật dài 111m, rộng 49m. Lăng được khởi xây từ 4-9-1920, mãi đến 12 năm sau (1931) mới hoàn thành.

Vật liệu xây dựng ngoài các thứ trong nước, còn dùng một số vật liệu châu Âu như: ngói đá đen lợp mái cung Thiên Định, gạch men lát nhà, các mảng tường ghép gốm sứ màu, tạo tranh môdaíc Hy Lạp, La Mã qua phong cách Pháp. Chiếu sáng bằng điện. Có lắp hệ thống thu lôi chống sét.

Khải Định là vị vua thứ mười một trong mười hai đời vua triều Nguyễn, ở ngôi 10 năm (1916-1925), là người sùng bái văn minh phương Tây cả về vật liệu lẫn hình thức kiến trúc trong xây dựng lăng mình.

Khuôn viên lăng trườn lên theo triền núi, lừng lững tách biệt chung quanh. Các mảng tường phẳng trang trí dày đặc bằng nghệ thuật khảm gốm sứ bát đĩa vỡ. Vì kèo bằng bê tông, ít dùng vật liệu gỗ. Cột biểu ở hai góc theo dáng dấp nhà thờ đạo Kitô...

Hổ Quyền

Là trường đấu giữa voi và hổ, một kiến trúc độc đáo, cách kinh thành Huế 4km, bên bờ Nam sông Hương, được xây dựng năm 1830, dưới thời vua Minh Mạng, gồm hai vòng tường thành hình tròn đồng tâm, xây bằng gạch vồ, ngoài trát vôi vữa. Đường kính vòng ngoài 45m, cao 4,5m. Đường kính vòng trong 35m,

https://www.facebook.com/taybanganh/

cao 6m. Nơi đây thường tổ chức đấu giữa voi và hổ để giải trí cho vua chúa.

Trận đấu cuối cùng tại Hổ Quyền được tổ chức vào năm 1904, dưới thời vua Thành Thái.

Chùa Thiên Mụ

Còn gọi là chùa Linh Mụ, tọa lạc trên gò đất Thiên Mụ, xã An Ninh, cách kinh thành Huế khoảng 7km về phía Tây. Chùa được xây vào năm Tân Sửu (1601), thời chúa Nguyễn Hoàng.

Ở xã An Ninh có một gò đất cao hình rồng, trông ra sông Hương, tương truyền ngày xưa có người trông thấy một bà già mặc quần áo xanh đỏ ngồi trên gò nói: "*Phải có người tới dựng chùa ở đây mà thu góp khí thiêng để giữ vững long mạch*". Từ đó gò đất này có tên Thiên Mụ (tiếng Huế: mụ = mẹ, bà già) và ngôi chùa xây trên gò này được gọi là chùa Thiên Mụ. Chùa đã qua nhiều lần trùng tu. Năm 1665, Chúa Nguyễn Phúc Tần cho trùng tu. Năm 1701, Chúa Nguyễn Phúc Chu cho đúc quả đại hồng chung cao 2,5m, nặng 3.385 cân. Năm 1715, Chúa cho dựng tấm bia cao 2,85m, rộng 1,2m đặt trên lưng rùa bằng đá cẩm thạch. Năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) cho xây tháp Phúc Duyên ở chính giữa ngoài cửa Nghi Môn gồm bảy tầng, cao 21m. Mặt phía Nam mỗi tầng tháp có một cửa cuốn đặt tượng Phật như một khám nhỏ. Riêng tầng trên cùng đặt ba pho tượng (trước bằng vàng đã bị mất, nay thay bằng đồng).

Năm 1943, chùa bị hư hỏng nặng. Năm 1945, Hoà thượng Thích Đôn Hậu cho đại trùng tu. Từ năm 2003, Trung tâm bảo tồn di tích Huế đã cho trùng tu. Trong quá trình sửa chữa đã phát hiện, mặt ngoài của các ô đề thơ (chữ Hán), trên còn có những bài thơ chữ Hán khác. Do để bảo vệ công trình, nhà chùa đã dùng một lớp dầu nhớt quét lấp.

Chùa Diệu Đế

Tọa lạc ở số 100 đường Bạch Đằng, phường Phú Cát, Thành phố Huế, do vua Thiệu Trị xây dựng vào năm 1842, trên nền phủ

https://www.facebook.com/taybanganh/

đệ cũ của nhà vua, nơi nhà vua ra đời năm 1807. Chùa trông ra bờ sông Đông Ba. Điện thờ chính gọi là điện Đại Giác, phía trước chùa là ngọn tháp gọi là gác Đạo Nguyên, tả đường gọi là Cát Tường thứ nhất, hữu đường gọi là Trí Tuệ tịnh xá. Trước sân còn có lầu chuông, trống, nhà bia đều được dựng vào năm 1844. Chùa xây dựng khá to lớn, nhưng bị hư hỏng nhiều trong chiến tranh. Năm 1889, Hoà thượng Tâm Huyên được vua Thành Thái ban tiền để trùng tu. Năm 1904, chùa lại bị hư hại do cơn bão lớn tàn phá.

Kiến trúc hiện nay được xây vào năm 1953. Trong đó có bia đá khắc bài thơ đề chùa Diệu Đế của vua Thiệu Trị.

Chùa Từ Đàm

Còn gọi là chùa Ấn Tôn, xây trên một quả đồi, bờ Nam sông Hương, thuộc phường Tràng An, Thành phố Huế, cách trung tâm thành phố Huế khoảng 2km, theo đường Điện Biên Phủ, qua cầu Nam Giao, vượt hết con dốc đầu tiên là đến cổng chùa.

Theo tài liệu để lại, chùa do một vị Hoà thượng Trung Quốc là Minh Hoàng Tử Dung, một trong những vị hoà thượng không chịu nổi chế độ hà khắc của nhà Thanh đã bỏ sang Việt Nam xây nên chùa này vào khoảng đời vua Lê Anh Tông (1556- 1573). Năm 1703, Chúa Nguyễn Phúc Chu ban cho chùa tấm biển "Sắc Tứ Ấn Tôn tự". Đến năm 1841, vua Thiệu Trị đổi tên chùa là Từ Đàm.

Chùa quay về hướng Đông Nam, phía trước lấy núi Kim Phụng làm án ngữ, bên trái có chùa Linh Quang và nhà thờ Phan Bội Châu, bên phải là đường Điện Biên Phủ, phía sau, sát khuôn viên chùa là chùa Thiên Minh.

Chùa xây theo kiểu "chùa Hội". Cổng tam quan cao và rộng, có mái ngói. Ngay trong cổng có cây bồ đề cổ thụ. Chùa chính gồm tiền đường, nhà tổ. Tiền đường xây trên nền móng bằng đá hoa cương cao 1,5m, mái xây theo kiểu cổ lầu, tạo cho chùa dáng

https://www.facebook.com/taybanganh/

vẻ cao to, uy nghi. Trên bờ mái, nóc chùa đắp những cặp rồng uốn cong, mềm mại, đối xứng. Dưới mái cổ lầu là những bức đắp nổi nói về sự tích Đức Phật. Hai bên trái, phải sát tiền đường có lầu chuông, lầu trống. Trong điện có pho tượng Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni ngồi trên toà sen.

Chùa Thuyền Tôn

Thuộc thôn Ngũ Tây, xã Thủy An, Thành phố Huế, do Thiền sư Liễu Quán khai sáng vào đầu thế kỷ XVIII, tọa lạc trên một đồi cao, bên phải là núi Thiên Thai, nên xưa kia chùa có tên là Thiên Thai Thuyền Tôn tự hoặc Thiên Thai Nội tự.

Năm 1746, ông Mai Văn Hoan, một tín đồ mộ đạo Phật đứng ra vận động xây dựng lại chùa có quy mô lớn hơn.

Đến năm 1808, bà Lê Thị Tạ giúp chùa trùng tu sửa chữa. Năm 1937, chùa bị hư hỏng nặng, Hoà thượng Thích Giác Nhiên đã trùng tu sửa chữa lớn.

Cổng chùa xây bốn trụ biểu lớn, cạnh có cây bồ đề cành lá sum suê. Sân chùa rộng, trồng nhiều loại cây cảnh, giữa sân có pho tượng Quan Âm. Chùa xưa xây theo kiểu chữ "*khẩu*" (口). Bên triền núi phía Đông Nam là tháp Tổ Liễu Quán. Tháp có lối kiến trúc độc đáo. Trước cổng tháp có đề bảy chữ "*Đàm hoa lạc khứ hữu dư hương*" (ý: Ngài đã viên tịch, nhưng đạo đức còn lưu truyền mãi, như hoa ưu đàm đã rã cánh mà hương thơm vẫn còn phảng phất). Phía sau chùa có ngọn tháp kiến trúc uy nghi của Đệ nhị Tăng Thống Thích Giác Nhiên, cố thiền sư trụ trì chùa Thuyền Tôn.

Đình làng Dương Nỗ

Thuộc xã Phú Dương, huyện Phú Vang, cách cửa biển Thuận An 7km về phía Đông, cách kinh thành Huế 5 km về phía Tây.

Đình dựng trên một khu đất rộng khoảng 420m^2. Mặt đình nhìn ra sông Phổ Lợi. Xưa kia đình được làm bằng tranh tre nứa lá. Đến năm 1808, được Quận công Nguyễn Đức Xuyên ủng hộ

https://www.facebook.com/taybanganh/

tiền bạc, đình xây lại bằng gỗ lim, lợp ngói âm dương, bờ nóc hình thuyền, giữa có đắp nổi hình "lưỡng long triều nhật". Đình gồm năm gian hai chái và hai nhà hậu đình. Năm 1943, đình bị hư hỏng nặng. Khi sửa chữa phải thu nhỏ lại còn ba gian hai chái.

Từ ngoài vào là hai trụ biểu cổng đình, đến sân đình, rồi đến Đại đình. Diện tích đình là 209,3m^2. Chiều dài 18,2m, chiều rộng 11,5m. Chiều cao vách tường là 2,65m. Mặt sau đình có tường hậu và tường bên trái, bên phải. Mặt trước chỉ có tường ở hai chái, trên tường của hai chái có trang trí hoa văn, mảng trên là bốn con dơi chầu ở bốn góc tượng trưng cho chữ "*phúc*" (福), giữa dùng mảnh sành sứ màu ốp nổi thành chữ "*thọ*" (壽), mảng dưới là hình "*long mã phụ hà đồ*".

Mặt trước hai gian giữa hai bên không có cửa. Chính diện gồm bốn vì kèo, tám cột cái, tám cột quân và bốn cột phụ ở hai chái. Gian thờ chính giữa có sáu cánh cửa hương song hạ bản trong khung đỡ. Ở các ô đều có chạm trổ "*lưỡng long triều nhật*", mặt hổ phù chạm nổi, hai bên là lan can con tiện.

Gian giữa đặt bàn thờ ba tầng: tầng một đặt đôi hạc gỗ khá cao, giữa đặt án tam sơn để đài nước. Tầng hai là bát nhang, tầng ba đặt hòm ban sắc.

Đình làng Dương Nỗ thờ Thành hoàng làng là 7 vị tiền hiền của 7 dòng họ trong làng đã có công khai phá vùng đất này và một số quan lại cao cấp vốn là người của làng.

Điện Hòn Chén

Ngự trên núi Ngọc Trản, ở ngay trên bờ Bắc sông Hương, thuộc huyện Hương Trà. Từ thời Gia Long, điện này là một kiến trúc đa thần nổi tiếng, chủ yếu thờ phụng theo Đạo giáo. Năm 1832, điện được trùng tu sửa chữa. Dưới thời Đồng Khánh (1886-1888), lại được sửa chữa lớn và đổi tên là điện Huệ Nam. Hiện kiến trúc điện thuộc về năm 1886 với hơn mười công trình: trung

https://www.facebook.com/taybanganh/

tâm là Minh Kính đài, kích thước 15m x 17m, có ba cung: Minh Kính cao đài đệ nhất cung, Thượng điện, hai tầng thờ Thiên Y A Na Thánh Mẫu, dưới là nơi ở của Thủ từ; Minh Kính cao đài đệ nhị cung, cung Hội đồng; Minh Kính cao đài đệ tam cung, tiền điện, nơi hành lễ.

Điện Hòn Chén còn lưu giữ khá nhiều các đồ tế khí khá quý giá thời Nguyễn, niên hiệu chủ yếu thời Đồng Khánh, có khoảng 664 hiện vật thuộc 284 chủng loại.

LỄ HỘI

Thừa Thiên-Huế là nơi tiếp giáp hai vùng Nam Bắc, một vùng văn hóa cố đô, có nhiều nét sinh hoạt văn hóa đặc sắc, với nhiều lễ hội mang tính tín ngưỡng như:

Lễ hội điện Hòn Chén

Mỗi năm diễn ra hai lần: Lễ hội vào tháng 2 gọi là lễ Xuân Tế, và vào tháng 7 gọi là lễ Thu Tế.

Lễ hội điện Hòn Chén diễn ra trên núi Ngọc Trản và đình làng Hải Cát, huyện Hương Trà. Lễ hội suy tôn Thiên Y A Na Thánh Mẫu (mẹ Xứ Sở). Theo truyền thuyết Chăm, Thiên Y A Na Thánh Mẫu là thần sáng tạo ra đất đai, cây cối, rừng gỗ quý... và dạy dân cách trồng trọt.

Lễ hội điện Hòn Chén gồm nhiều nghi thức tạo nên không khí tôn giáo thiêng liêng, giữa khung cảnh thiên nhiên thơ mộng.

Lễ hội Cầu Ngư

Diễn ra ở làng Thái Dương Hạ, huyện Phong Điền, hằng năm được tổ chức vào ngày 12 tháng Giêng âm lịch, để tưởng nhớ vị Thành hoàng là Trương Quý Công (biệt danh của Trương Thiều), người gốc miền Bắc, có công dạy cho dân nghề đánh cá và buôn bán ghe mành. Đặc biệt, cứ ba năm dân làng lại tổ chức đại lễ rất linh đình. Trong hội có tổ chức trò diễn tả những sinh hoạt nghề biển như: trò diễn "bủa lưới", "giăng câu"...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vật võ làng Sình

Làng Sình nằm ở bờ Nam sông Hương, thuộc huyện Hương Phú. Vật võ làng Sình thường diễn ra vào mồng 10 tháng Giêng âm lịch hằng năm. Các thầy trò lò vật trong vùng nô nức đến hội vật võ làng Sình để tranh tài giật giải.

Lễ hội vật võ làng Sình diễn ra rất sôi động, nhiều thanh niên nam nữ ở các làng khác quanh vùng cũng đến xem vật hoặc tham dự thi tài.

Vật võ làng Sình là truyền thống thượng võ đẹp của người dân xứ Huế đã có từ lâu đời.

TIỀN GIANG

Tiền Giang là sự hợp nhất của hai tỉnh Mỹ Tho và Gò Công, có diện tích tự nhiên 2339km^2, dân số gần 1,8 triệu người, gồm các dân tộc Kinh, Hoa, Khơme... Thành phố Mỹ Tho là tỉnh lỵ, ngoài ra là thị xã Gò Công và các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông.

Tiền Giang Phía Bắc giáp Long An, phía Nam giáp Bến Tre, phía Tây giáp Đồng Tháp, phía Đông giáp biển Đông. Thành phố Mỹ Tho cách Thành phố Hồ Chí Minh 70km.

Tiền Giang là tỉnh thuộc vùng châu thổ sông Cửu Long, địa hình chia làm ba vùng rõ rệt: miệt vườn, ven sông Tiền vùng trồng cây trái, vùng Đồng Tháp Mười và vùng ven biển Gò Công. Tiền Giang có 32km bờ biển, nguồn lợi thủy sản dồi dào. Tiền Giang đất đai phì nhiêu, là một trong những vựa lúa lớn của đồng bằng Nam Bộ. Một vùng đất nổi tiếng về hoa trái như: vú sữa, xoài cát, cam sành, ổi Cái Bè, mận Trung Lương...

Tiền Giang thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có hai mùa: mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Nhiệt độ trung bình cả năm khoảng 27^{0}C, lượng mưa trung bình năm là 2.300mm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tiền Giang là một tỉnh có nhiều sông ngòi, kênh rạch, với ba con sông chính chảy qua là: sông Tiền, sông Gò Công và sông Bảo Định.

Đường sông, biển khá thuận lợi, có thể theo đường thủy lên Thành phố Hồ Chí Minh hoặc sang Phôm Pênh, Campuchia dễ dàng. Tiền Giang còn có quốc lộ 4 đi qua.

THẮNG CẢNH

Đồng Tháp Mười

Đồng Tháp Mười của Tiền Giang vốn là vùng đất chua phèn, đã bao đời bị bỏ hoang hóa, sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, người nông dân Tiền Giang được sự giúp đỡ của Nhà nước đã biến vùng chua phèn thành những nông trường trồng dứa (khóm) với hàng trăm hecta, bằng sức lao động quên mình, áp dụng kỹ thuật trồng trọt đã làm cho vùng đất trở nên tươi tốt, một vùng màu xanh chạy tít tắp tận chân trời. Những nông trường cách thành phố Mỹ Tho không đầy 20km, mang một cái tên rất có ý nghĩa: Tân Lập (mới thành lập).

Đến đây du khách sẽ được thưởng thức vị ngọt đậm, thơm tho của loại dứa Đồng Tháp Mười và sẽ được chiêm ngưỡng cảnh đẹp hoang dã của những cánh rừng Đồng Tháp Mười với bạt ngàn hoa sen đang vào mùa nở rộ, ngát hương.

Cồn Thới Sơn

Công ty du lịch tỉnh Tiền Giang đã đầu tư xây dựng cù lao Thới Sơn, một hòn đảo nằm giữa sông Tiền, đối diện với thành phố Mỹ Tho, thành một điểm du lịch sinh thái thú vị. Du khách đến cồn Thới Sơn sẽ được thưởng ngoạn những vườn cây trái sum suê, trĩu quả.

Từ thành phố Mỹ Tho, thuyền du lịch sẽ đưa du khách lên nhà nghỉ của khu du lịch ở cồn Thới Sơn, và đi thăm những vườn cây trái như vườn nhãn, mận, sabôchê... Thú vị biết bao khi bạn

https://www.facebook.com/taybanganh/

có thời gian tạm xa nơi đô hội ồn ào để được dạo chơi và nghỉ ngơi trong những vườn cây trái mát rượi nổi tiếng của miệt vườn thanh thản.

Chợ nổi Cái Bè

Nếu Hậu Giang có chợ nổi ngã bảy Phụng Hiệp, thì Tiền Giang có chợ nổi Cái Bè nằm ở đoạn sông Tiền giáp ranh giữa ba tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long và Bến tre. Nói như người dân vùng này, ở đây con gà gáy ba tỉnh đều nghe là vậy. Tại chợ nổi Cái Bè, hằng ngày có khoảng từ 400 đến 500 lượt thuyền cỡ lớn đầy ắp các loại trái cây, neo đậu dọc hai bên bờ sông Tiền để chờ các chủ thương lái đến cất hàng. Trong thuyền bán những loại trái cây nào, thì chủ hàng treo hàng mẫu lên cây sào cao trên mui thuyền để quảng cáo cho khách hàng từ xa. Trên mặt sông dày đặc những thuyền con, thoắt đi, thoắt đến như những lá tre trôi nổi trên sông không sao đếm được, tạo nên một cảnh sinh hoạt trên sông nước rất nhộn nhịp. Cũng có thể nói chợ trên đất liền có thứ gì, thì chợ nổi Cái Bè có đủ những thứ ấy. Ngoài trái cây là chính, còn có cả những thứ tiêu dùng nhỏ nhặt như chiếc kim cuộn chỉ, tấm bánh, bát phở, hủ tiếu... cho đến vật dụng đắt tiền, catxét, áo quần... đều có bán.

Trại nuôi rắn Đồng Tâm

Cách thành phố Mỹ Tho khoảng 9km. Đây là một trại nuôi nhiều loại rắn để lấy nọc độc xuất khẩu và chế dược phẩm, đồng thời trại cũng kết hợp trồng cây dược liệu và nghiên cứu, điều trị rắn cắn cho nhân dân. Trại còn nuôi cả cá sấu và các loại trăn. Trại nuôi rắn Đồng Tâm mới được xây dựng sau ngày giải phóng, nhưng phát triển khá nhanh và trở thành một nơi tham quan nổi tiếng của Tiền Giang.

Du khách đến đây sẽ được xem khu nuôi rắn theo kiểu công nghiệp với hàng chục loại rắn khác nhau, đặc biệt là những con rắn dữ cực độc như hổ mang, cạp nong... và được xem cảnh cho rắn ăn, rất thú vị.

https://www.facebook.com/taybanganh/

DI TÍCH

Di tích văn hóa Óc Eo Gò Thành

Thuộc xã Tân Thuận, huyện Chợ Gạo. Tại đây các nhà khảo cổ đã ba lần khai quật và tìm thấy nhiều di vật rất có giá trị về lịch sử và nghệ thuật, trong đó có nhiều tượng quý như tượng thần Vishnu, tượng Negasa, Nam thần và nhiều hiện vật bằng vàng, đồng và gốm.

Đây là một di chỉ đặc biệt quan trọng, có giá trị trong việc nghiên cứu về nền văn hóa Phù Nam tại tỉnh Tiền Giang, mà các nhà khoa học còn gọi là nền văn hóa Óc Eo Gò Thành, vì nó được phát hiện đầu tiên ở Gò Thành, xã Tân Thuận.

Lũy Pháo Đài

Thành đồn Pháo Đài là một kiến trúc kiên cố, chân móng xây bằng đá ong, đá xanh, cao tới 8m. Bốn phía có cổng, vọng, rào chắn. Ở giữa đồn là kho vũ khí, giếng nước và vọng gác lầu chỉ huy. Thành xây theo kiểu lục lăng. Đá kè sông, lấy từ Biên Hoà chở thuyền về, rồi đục thủng cho cả thuyền chìm xuống để không bị dòng nước cuốn đi và tồn tại đến ngày nay. Di tích Lũy Pháo Đài thuộc xã Phú Tân, huyện Gò Công Đông, do chính Trương Định chỉ huy nhân dân xây dựng trên một địa hình đặc biệt, bởi được bao bọc bởi biển cả, bãi cát bồi, sình lầy và rừng rậm. Đặc biệt mặt Bắc là sông Cửa Tiểu có đập đá phòng ngự - nơi đặt súng thần công để trấn giữ cửa biển quan trọng phía Nam của tổ quốc.

Đền thờ Thủ Khoa Huân

Tên thật là Nguyễn Hữu Huân, sinh năm 1830, người huyện Chợ Gạo, được triều đình bổ làm Giáo thụ phủ Kiến An, sau đỗ thủ khoa kỳ thi Hương tại Gia Định. Là người học rộng tài cao, ông từng chiêu mộ nghĩa binh đứng lên chống Pháp, nêu cao tấm gương "*tận trung báo quốc*". Ngày 15-5-1875, ông bị giặc Pháp bắt. Đến ngày 19-5-1875, chúng giải ông về quê xử chém, giữa niềm thương tiếc vô hạn của nhân dân.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Mộ ông được lập ở xã Hoà Thịnh, huyện Chợ Gạo. Đền thờ ông rộng 300m^2 xây theo dạng chữ T, gồm võ ca, nhà cầu, nhà thờ chính và nhà khói.

Lăng Trương Định

Trương Định gốc người Quảng Nam, sinh năm 1820, lấy vợ quê ở Tiền Giang và sống luôn ở quê vợ, là người đi đầu khai hoang lập ấp ở huyện Tân Hoà (nay là thị xã Gò Công), từng được triều đình bổ chức Quản Cơ. Những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, ông đã lãnh đạo nhân dân đứng lên khởi nghĩa, làm cho giặc bao phen kinh hồn bạt vía. Nhưng do sự phản bội của tên chó săn Huỳnh Công Tấn, Trương Định tử tiết ngày 20-8-1864, nhân dân an táng ông tại thị xã Gò Công.

Hiện khu di tích Trương Định gồm lăng và đền thờ tại thị xã Gò Công. Mộ được xây bằng đá ong trên diện tích 67m^2. Trên tấm bia có khắc "*Đại Nam Thần Đông Đại Tướng Quân, Trung Tặng Ngũ Quân, Quận Công Trương Công Định chi mộ*".

Lăng Hoàng Gia

Tọa lạc tại gò Sơn Quy, thị xã Gò Công, được xây dựng trên một khuôn viên rộng 2987m^2 vào năm 1826. Lăng gồm mộ dòng họ Phạm Đăng Hưng, người nổi tiếng lỗi lạc, hiền đức, cùng nhà thờ với các cột cao to, sơn son thếp vàng. Đây là khu di tích thể hiện nghệ thuật kiến trúc cao thời Nguyễn và nghệ thuật chạm khắc truyền thống của Gò Công. Nơi đây còn nhiều bia đá ghi lại một thời lịch sử xa xưa của vùng miền Tây Nam Bộ.

Quần thể mộ đá Hoà Bình

Là một quần thể mộ táng kiến trúc bằng đá nằm giữa cánh đồng lúa mênh mông của ấp Lợi An, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, cách thị trấn Vĩnh Bình 4km về hướng Bắc. Mộ đá Hoà Bình là công trình chạm khắc trên đá sắc sảo nhất ở nước ta hiện nay. Quần thể gồm mười ngôi mộ với nhiều kiểu khác nhau, trong đó có một ngôi mộ được chạm khắc 80 bức phù điêu

https://www.facebook.com/taybanganh/

thể hiện 40 đề tài khác nhau, phản ánh sinh hoạt, tập tục thờ cúng rất sinh động.

Di tích lịch sử Rạch Gầm-Xoài Mút

Tháng 7-1784, thủy quân Xiêm đã đổ bộ lên đất Gia Định, chiếm một nửa phần đất Gia Định và Mỹ Tho.

Đầu năm 1785, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy vượt biển tiến vào Mỹ Tho. Lúc này quân Xiêm chiếm đóng miền Tây Tiền Giang và đang chuẩn bị đánh căn cứ quân Tây Sơn ở thành Mỹ Tho. Hằng ngày Nguyễn Huệ cho những đội chiến thuyền theo dòng sông Tiền tập kích doanh trại địch nhằm khiêu khích, nhử địch ra khỏi căn cứ. Trong lúc đó đoạn sông từ Rạch Gầm đến Xoài Mút dài khoảng 6km, giữa sông có cù lao Thới Sơn, thuộc xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, hai bên bờ cây cỏ rậm rạp, được Nguyễn Huệ chọn làm trận địa quyết chiến với quân địch.

Đêm 19 rạng ngày 20 tháng 1 năm 1785 (tức đêm mồng 9 rạng mồng 10 tháng Chạp năm Giáp Thìn), quân địch huy động toàn bộ lực lượng, tiến công vào căn cứ quân Tây Sơn ở Mỹ Tho. Nguyễn Huệ nhử địch lọt vào trận địa mai phục. Pháo binh Tây Sơn bắt đầu nhả đạn vào các chiến thuyền địch. Trong lúc địch đang hỗn loạn, quân thủy bộ của ta từ các vị trí mai phục xông ra tiêu diệt. Gần 4 vạn quân Xiêm bị giết tại trận, đội quân của Nguyễn Ánh cũng bị tiêu diệt gần hết. Nguyễn Ánh thoát chết, cùng với một nhóm tàn quân chạy trốn sang Xiêm (Thái Lan).

Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút là một chiến thắng vang dội trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Chùa Vĩnh Tràng

Ngôi chùa lớn nhất tỉnh Tiền Giang, thuộc xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho. Chùa do ông Bùi Công Đạt xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ XIX trong một khuôn viên đầy cây xanh rộng hơn 2000m^2. Đầu năm 1849, hoà thượng Huệ Đăng ở chùa Giác

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lâm (Gia Định) về trụ trì chùa này và tổ chức xây dựng, mở rộng thành ngôi chùa lớn khang trang, đặt tên là chùa Vĩnh Tràng. Năm 1907, hoà thượng Chánh Hậu cho trùng tu, sửa chữa, tạo ra một ngôi chùa mang dáng vẻ kiến trúc châu Á pha lẫn kiến trúc châu Âu. Sự kết hợp hài hoà và nhuần nhuyễn giữa hai phong cách kiến trúc Âu-Á đã tạo nên một vẻ đẹp lộng lẫy mà thanh thoát nơi cửa Phật, bởi những hàng đá hoa rực rỡ, với những bộ cột, những bức hoành phi được chạm khắc công phu, tinh xảo... Tất cả đã phản ánh tinh hoa nghệ thuật điêu khắc Việt Nam cách nay hơn 100 năm.

Trong Phật điện còn lưu giữ 60 pho tượng bằng gỗ quý, đặc biệt là bộ tượng 18 vị La Hán được tạo vào năm 1907, là đỉnh cao của nghệ thuật tạc tượng vùng đồng bằng sông Cửu Long hồi bấy giờ.

Chùa Linh Thứu

Chùa Linh Thứu tọa lạc gần chợ Xoài Hột, xã Thanh Phú, huyện Châu Thành. Chùa được xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ XVIII. Đến năm 1811, vua Gia Long đổi tên chùa Linh Thứu thành Long Tuyền. Năm 1841, vua Thiệu Trị quyết định lấy lại tên chùa là Linh Thứu. Chùa Linh Thứu được trùng tu sửa chữa nhiều lần dưới thời Thiền sư Nguyệt Hiện (giữa thế kỷ XVIII), dưới thời Hoà thượng Chánh Hậu (cuối thế kỷ XIX) và các sư bà: Như Nghĩa, Thông Tuệ, Như Chơn.

Chùa Hội Thọ

Chùa tọa lạc ở ấp Mỹ Hưng, xã Thiện Trì, huyện Cái Bè. Nguyên gốc trước đây là chùa Kim Cương ở Gia Định, Hoà thượng Minh Giác cùng đệ tử về Cái Bè lập chùa và đổi tên chùa là Hội Thọ.

Trong chiến tranh, chùa hầu như bị hư hỏng hoàn toàn. Ngôi chùa hiện nay xây dựng rất sơ sài vào năm 1982, và sau đó lại được trùng tu.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hiện chùa còn lưu giữ một số di vật cổ, một số tượng thờ, bài vị, pháp khí, tự khí vốn của chùa Kim Cương như tượng Tiêu Diện bằng gỗ cao 1,34m. Tượng Thập Điện Minh Vương cũng bằng gỗ cao 0,70m, tượng Phật Di Đà bằng đất cao 0,55m. Trong khuôn viên chùa có dựng tháp thờ Hoà thượng Thiệu Long.

Chùa Bửu Lâm

Ở phường 3, thành phố Mỹ Tho. Chùa do bà Nguyễn Thị Đạt xây dựng vào năm 1803, trong một khuôn viên khá rộng. Chùa đã trải qua mười đời truyền thừa, người trụ trì đầu tiên là Hoà thượng Từ Lâm, nguyên ở chùa Hội Tôn (Bến Tre). Đến năm 1905, Hoà thượng Thiên Trường cho trùng tu, sửa chữa chùa. Hiện Hoà thượng Huệ Thông đang tiếp tục công việc tôn tạo chùa.

Trong chùa có bộ tượng Thập Điện Minh Vương, đặc biệt bộ cửa ở Bát Nhã đường được chạm khắc rất tinh vi, có giá trị nghệ thuật cao.

Đình Long Hưng

Còn gọi là Miếu Chánh, được xây dựng cách đây hơn 150 năm, nằm bên bờ kênh Nguyễn Tấn Thành, thuộc ấp Long Thành, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, cách thành phố Mỹ Tho 12km về phía Tây, cách quốc lộ 1A 2,5 km về phía Nam. Đình Long Hưng là nơi thờ cúng chính của làng nên nhân dân quen gọi là Miếu Chánh.

Kiến trúc đình theo kiểu chữ "*công*" (工), quay mặt về hướng Đông, trước đình dựng một bình phong cao 1,5m, hai bên có hai miếu thờ.

Đình gồm: đình chính và nhà cầu với diện tích 9.200m^2. Cột đình làm bằng gỗ tròn có đường kính 0,3m, đặt trên tảng đá kẻ hình cổ bồng, cao 0,5m. Mái lợp ngói âm dương. Hai đầu bờ nóc đình gắn hai con rồng bằng sứ chầu mặt trời (lưỡng long chầu nhật). Các đầu đao ở bốn góc đình đều được đắp nổi hình cá hóa

https://www.facebook.com/taybanganh/

rồng. Nền đình đắp cao 0,5m, lát gạch hoa. Chung quanh để trống không thưng vách. Chỉ đình chính có vách gỗ thủng.

Năm 1961, đình bị sụp đổ hoàn toàn. Năm 1987, đình được xây dựng lại trên diện tích 129,6m^2, theo kiểu tứ trụ, mái lợp ngói âm dương, chung quanh xây tường bao bọc, gồm điện chính thờ cúng và nhà võ ca.

Đình thờ các vị Thành hoàng và còn thờ Tả quân Lê Văn Duyệt, một khai quốc công thần của triều Nguyễn, quê ở Long Hưng.

Đình Long Hưng không chỉ là nơi thờ cúng, mà là một di tích lịch sử cách mạng, nơi đặt bản doanh của cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ (1940), và cũng là nơi treo lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên ở vùng đất Nam Bộ. Chính quyền cách mạng tỉnh Kiên Giang cũng đã ra đời tại nơi đây.

Chùa Thanh Trước

Tọa lạc ở ấp Gò Tre, xã Long Thuận, thị xã Gò Công. Chùa được dựng năm 1826, trong một khuôn viên khá rộng có nhiều cây xanh, có tên là chùa Phật Linh. Năm 1851, Hoà thượng Chơn Hội đứng ra tổ chức tái thiết lại chùa và cho đổi tên là chùa Thanh Trước. Chùa đã trải qua bảy đời trụ trì của các hoà thượng. Năm 1896, Hoà thượng Hải Tràng cho trùng tu chùa lần thứ nhất, Hoà thượng Hoằng Thông tiếp tục cho sửa chữa vào các năm 1941, 1946, 1958 và 1989.

Trong chùa còn lưu giữ nhiều di vật quý như tượng Đức Phật, chân dung tổ *Tì-ni-đa-lưu-chi* (*Vinītaruci*), vị Tổ đầu tiên của dòng thiền *Tì-ni-đa-lưu-chi* tại nước ta. Trong khuôn viên chùa có tháp tổ.

Di tích Ấp Bắc

Ấp Bắc là tên một ấp nhỏ nằm trong ấp Tân Bình, xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, cách Thành phố Mỹ Tho 20km về phía Tây. Ấp Bắc là tên một trận đánh vào ngày 2-1-1963 của Quân Giải

https://www.facebook.com/taybanganh/

phóng, gồm 2 tiểu đoàn 261 và 514 bộ đội địa phương cùng dân quân du kích xã Tân Phú, huyện Châu Thành, đã đập tan cuộc càn quét quy mô lớn của trên 2.000 quân Mỹ-ngụy với nhiều xe tăng, máy bay, tàu chiến yểm trợ.

Chiến thắng oanh liệt của quân Giải phóng tại Ấp Bắc đã đập tan chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận và kế hoạch lập ấp chiến lược của địch. Đây là một di tích lịch sử cách mạng nổi tiếng thời đánh Mỹ ở Tiền Giang.

LỄ HỘI

Tiền Giang là một trong những cái nôi của ca nhạc cải lương nổi tiếng, nơi diễn ra sự kiện lịch sử Rạch Gầm - Xoài Mút, Giồng Dừa, Ấp Bắc... là quê hương của Trương Định, Thủ Khoa Huân. Tiền Giang, mảnh đất có nhiều tôn giáo: Nho giáo, Phật giáo, Kitô giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hoà Hảo... Tiền Giang lại là vùng có nhiều đình chùa, miếu mạo... vì thế Tiền Giang trong năm có nhiều ngày hội lớn.

Hội Vàm Láng

Đây là lễ hội Nghinh Ông (cá voi) của hầu hết ngư dân ở các làng ven biển từ Nam Trung Bộ đến các tỉnh Nam Bộ nói chung. Lễ hội Vàm Láng diễn ra vào ngày 10 tháng 3 âm lịch tại xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông.

Vào đêm hội, lễ nghi được tổ chức tại chùa thờ cá Ông, dân làng dâng lễ vật, các nhà sư tụng kinh, hóa vàng mã.

Lễ Nghinh Ông được cử hành vào lúc 1 giờ sáng ngày 16 tháng 6 hằng năm, thuyền Nghinh Ông được trang hoàng lộng lẫy, trên đặt bàn thờ có mâm xôi cỗ mặn, từ rạch Vàm Láng tiến ra sông Xoài Rạp. Lễ rước có tấu nhạc, ca xướng. Khi quay về, các thuyền thắp đèn kết hoa rực rỡ, sau đó là lễ cúng vong Ông. Kết thúc là lễ an vị Ông, đưa Ông về thờ ở chùa. Trong ngày hội, dân làng tổ chức ăn uống, vui chơi, biểu diễn cải lương.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hội Tứ Kiệt

Ở xã Thanh Hoà, huyện Cai Lậy. Hội diễn ra trong hai ngày từ ngày 15 đến ngày 16 tháng Tám âm lịch hằng năm để tưởng nhớ bốn vị anh hùng là các ông: Đuốc, Long, Rông, Thận, những người đã nổi lên chống thực dân Pháp. Các ông bị chúng bắt và hành quyết. Mộ của bốn ông gọi là lăng Tứ Kiệt, ở xã Thanh Hoà. Tục truyền các vị này rất linh thiêng, nên dân chúng quanh vùng tham dự lễ hội rất đông.

Sau phần lễ tế, cúng bái là đến các mục vui chơi, sinh hoạt văn nghệ và trò vui dân gian truyền thống.

TRÀ VINH

Trà Vinh là tỉnh nằm ở hạ lưu sông Mê Kông được bao bọc bởi sông Tiền và sông Hậu, có diện tích tự nhiên 2.369km^2, dân số trên 1 triệu người gồm các dân tộc: Kinh, Khơme, Hoa. Thị xã Trà Vinh là tỉnh lỵ, ngoài ra còn có các huyện: Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải.

Trà Vinh, phía Bắc giáp Bến Tre, Tây Nam giáp Sóc Trăng, phía Tây và Tây Bắc giáp Vĩnh Long, Cần Thơ, phía Đông giáp biển Đông. Trà Vinh có bờ biển dài 65km.

Địa hình Trà Vinh khá đơn giản, là một dải đồng bằng ven biển gồm vùng châu thổ đã được hình thành từ lâu và vùng đất mới bồi. Trà Vinh ở độ cao trung bình từ 2 đến 3m so với mặt nước biển, có nhiều sông ngòi, kênh rạch tự nhiên và kênh đào, tạo nên một hệ thống tưới tiêu rất có hiệu quả và cũng là nguồn cung cấp phù sa bồi đắp cho châu thổ. Vì thế ruộng đất Trà Vinh phì nhiêu tươi tốt. Đất Trà Vinh có khá nhiều gò, giồng đất.

Trà Vinh nằm trong vùng khí hậu gió mùa cận xích đạo, quanh năm nóng ẩm. Khí hậu chia ra làm hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 và mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình năm vào khoảng 1.400-1.600mm.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trà Vinh tuy nằm ven biển nhưng không mấy khi bị bão lụt. Nhiệt độ trung bình cả năm từ 25-27^{0}C.

Trà Vinh là vùng đất nông nghiệp và nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản.

THẮNG CẢNH

Ao Bà Om

Còn gọi là Ao Vuông, là một cảnh đẹp nổi tiếng của Trà Vinh nói riêng và của vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung, thuộc ấp Tà Cụ, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, cách thị xã Trà Vinh khoảng 7km về hướng Tây Nam.

Ao Bà Om có dạng gần vuông, dài khoảng 500m, rộng khoảng 350m, nằm sát quốc lộ 53. Chung quanh ao là gò cát cao, rợp bóng cây sao, cây dầu cổ thụ có tuổi thọ hàng trăm năm, có những cây gốc rễ tạo dáng kỳ lạ, trông rất bắt mắt. Nước trong ao phẳng lặng xanh ngắt, đây đó mùa sen nở ánh lên một màu tím của hoa sen dại, nhẹ nhàng như bức tranh lụa.

Không khí mát lạnh trong lành. Du khách đến đây sẽ được nghe kể truyền thuyết ly kỳ và hấp dẫn về ao Bà Om. Chuyện kể rằng: mỗi khi nam nữ trong buôn muốn cưới nhau, không bên nào ngỏ lời trước vì phải chịu một phí tổn rất lớn cho việc mua sắm lễ vật. Nhân chuyện đào ao lấy nước, dân làng cho 2 bên nam nữ thi đua, mỗi bên đào một hồ, bên nào thua phải chịu tốn kém tiền bạc cho việc cưới xin. Người lãnh đạo phái nữ là Bà Om liền nghĩ ra một cách để chiến thắng, khi trời vừa sập tối, bà cho bày tiệc thết đãi đám đàn ông. Vì quá chén và ỷ lại sức mạnh của mình nên các chàng trai quên mất nhiệm vụ. Nửa đêm Bà Om treo ngọn đèn lên cành cây làm họ lầm tưởng là sao Mai mọc, liền mang dụng cụ đi về. Các bà ở lại cắm cúi đào và chiến thắng. Địa danh ao Bà Om có từ đấy. Cạnh ao, người ta xây dựng một toà nhà Bảo tàng Khơme khá hiện đại, trưng bày nhiều hiện vật về nền văn hóa Óc Eo. Cách ao Bà Om không xa là chùa Âng, ngôi chùa nổi tiếng cổ nhất trong số các chùa Khơme ở Trà Vinh.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Cồn Nghêu

Còn gọi là cồn Ngạnh, là một cồn cát thuộc xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, cách bờ biển Mỹ Long không xa, khoảng 10 phút đi ca nô, độ chừng 3 đến 4km. Vào lúc nước thủy triều lên, toàn bộ cồn Nghêu đều bị chìm ngập trong nước biển, và khi thủy triều xuống cồn cát mới hiện ra.

Du khách đến cồn Nghêu, ngoài việc hưởng không khí trong lành của đại dương còn được thưởng thức món nghêu của cồn Nghêu thịt ngọt. Cồn Nghêu có rất nhiều nghêu, một đặc sản quý, nổi tiếng của vùng này, vì vậy mới có tên là cồn Nghêu.

Trên cồn Nghêu người ta đã dựng ba nhà ăn, nghỉ, theo kiểu nhà sàn, cao hơn mặt nước biển, để phục vụ du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng.

Bãi biển Ba Động

Thuộc xã Trường Hoà, huyện Duyên Hải, cách thị xã Trà Vinh khoảng 55km. Bãi biển Ba Động cát trắng phau, mịn màng, bờ biển thoai thoải chạy dài hàng chục cây số, nước quanh năm trong xanh, trông rõ tận đáy biển, quả là một bãi tắm lý tưởng của vùng phương Nam giàu nắng gió. Không khí trong lành. Thời Pháp thuộc, trước năm 1945, người Pháp đã xây dựng ở đây nhiều biệt thự sang trọng, tạo thành khu nghỉ mát và thường xuyên đến ăn chơi và tắm biển.

DI TÍCH

Chùa Hang

Chùa Hang thuộc ấp Tầm Phương, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, cách thị xã Trà Vinh khoảng 5km về hướng Nam, còn có tên là chùa Mồng Rầy (Kamponynixprdle), nhưng người dân quen gọi là chùa Hang, vì chùa có cổng kiến trúc như một cái hang. Chùa Hang là một ngôi chùa Khơme cổ, tọa lạc trên một khuôn viên rộng khoảng 10ha, trong khuôn viên có nhiều cây cổ

https://www.facebook.com/taybanganh/

thụ cao to, rợp bóng mát như cây sao, cây dầu, nơi sinh sống của nhiều loài chim, đặc biệt là các loài cò. Ban ngày chúng bay đi kiếm ăn và kéo nhau về vào lúc hoàng hôn làm cho không gian chùa náo động, tạo nên một cảnh đặc sắc của ngôi chùa.

Chùa Cò

Còn gọi chùa Nodol hay chùa Giồng Lớn, thuộc ấp Giồng Lớn, xã Đại An, huyện Trà Cú, cách thị xã Trà Vinh khoảng 40km về phía Nam.

Chùa Cò là một ngôi chùa Khơme cổ to lớn. Về kiến trúc xây dựng giống như các ngôi chùa Khơme khác trong vùng, vẫn mang nét kiến trúc đặc sắc của nền văn hóa Khơme ở Trà Vinh. Vẫn một cụm kiến trúc bao gồm cổng chùa, ngôi chính điện, tháp đựng tro cốt, các sa la (nhà tăng, nhà hội...). Ngôi chính điện với những góc mái uốn cong theo hình đuôi rồng Phu Chông, những đỉnh tháp nhọn theo hình nhọn núi Xôme và những hình tượng quen thuộc như Riehu, thần bốn mặt Mohabrom, chim thần Kâyno, Mahaknốt... Chùa Nodol được bao bọc bởi những rặng tre xanh, những hàng cây sao, dầu, là nơi làm tổ cho những đàn cò.

Điểm hấp dẫn đặc biệt của chùa Nodol là quang cảnh thiên nhiên còn mang đậm nét hoang sơ với sự hiện diện của đàn cò. Ở đây vào ban ngày không lúc nào ngớt tiếng cò coọc, coọc, coọc... Người Khơme gọi con cò là kok, phải chăng là tên gọi dựa vào âm thanh này? Đặc biệt vào buổi sáng khi đi kiếm ăn và quay về tổ, trên nền trời chấp chới những đàn cò trắng cả một góc trời cùng với tiếng kêu inh ỏi. Chùa Nodol là nơi trú ngụ của đàn cò, vì vậy người dân gọi ngôi chùa này là chùa Cò.

Cò đậu trong khuôn viên chùa khoảng 3ha với mật độ khá dày đặc, ước tính có tới hàng vạn con. Vào thời điểm đông nhất, người ta thấy ở đây có cò trắng, cò ngà, cò cổ đỏ, cò ma, cò đốm, cò quắm... Đến nay, các lão nông tri điền Trà Vinh vẫn còn tin rằng: năm nào cò ngà về nhiều thì năm đó mưa thuận

https://www.facebook.com/taybanganh/

gió hoà, mùa màng tươi tốt, và ngược lại, thời tiết tai ương, mùa màng thất bát.

Chùa Samrôngek

Đây là ngôi chùa cổ Khơme Nam Bộ tọa lạc tại ấp Đôn Hóa, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành.

Tương truyền chùa được dựng vào khoảng giữa thế kỷ thứ VII (khoảng năm 642), nhưng lại có thuyết cho rằng chùa dựng vào thế kỷ XIV (1373). Nhưng ngôi chùa cũ đã bị hư hỏng nặng. Ngôi chùa hiện tại mới được xây dựng lại năm 1850. Năm 1944, toà chính điện được trùng tu, sửa chữa.

Hiện trong chùa còn lưu giữ một số đồ vật quý như tượng cổ Noria bằng đá quý và bia đá khắc chữ Khơme. Chung quanh chùa có nhiều tháp mộ.

Chùa Lưỡng Xuyên

Còn gọi là chùa Long Phước, tọa lạc ở số 3 đường Lê Lợi, phường 1, thị xã Trà Vinh. Chùa được xây dựng vào khoảng thế kỷ XIX. Năm 1834, Hoà thượng Khánh Hoà trụ trì chùa, cho trùng tu sửa chữa lớn và đặt tên chùa là Long Phước. Năm 1987, thầy Minh Hà trụ trì chùa lại cho đổi tên là Lưỡng Xuyên.

Trong chùa hiện còn giữ bộ Đại tạng kinh, đặt trong hai tủ, do Hoà thượng Khánh Hoà thỉnh về.

Đền thờ Bác Hồ

Thuộc ấp Vĩnh Hội, xã Long Đức, thị xã Trà Vinh, cách trung tâm thị xã Trà Vinh khoảng 5km. Đền thờ Bác được nhân dân xây dựng vào năm 1970, sau khi Bác qua đời, giữa lúc vùng này nằm dưới quyền kiểm soát của Mỹ-ngụy. Mỹ-ngụy đã nhiều lần cho quân vào đốt phá đền, nhưng trước sức đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân trong ấp, xã, bọn chúng không sao phá nổi.

Đền thờ lúc đầu chỉ làm bằng tranh tre, nứa lá, nhưng nó là tấm lòng, là bảo vật của văn hóa tinh thần của nhân dân Trà

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vinh tưởng nhớ vị cha già vĩ đại của dân tộc. Và vì thế ngôi đền đã được nhân dân Trà Vinh ra sức bảo vệ, giữ gìn dù phải hy sinh xương máu cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Sau năm 1975, đền thờ Bác được nhiều lần trùng tu, thành khu di tích lịch sử khá quy mô. Ngôi đền cũ do nhân dân xây dựng năm 1970 được giữ nguyên, và xây trùm lên một toà nhà bê tông, lợp ngói để bảo vệ ngôi đền làm bằng nứa lá. Ngoài ra, trong khu di tích còn có các hạng mục khác như: nhà truyền thống, ao sen, đài tưởng niệm, cổng đền, nhà tiếp khách...

Ngày nay, vào các dịp lễ tết, ngày cưới hoặc khi đạt thành tích trong lao động, học tập, công tác, nhiều gia đình cán bộ và quân dân trong tỉnh Trà Vinh đến viếng và thắp hương tại đền và báo công lên Bác. Đây là nếp sinh hoạt mới thể hiện tấm lòng của đông đảo cán bộ nhân dân trong tỉnh Trà Vinh đối với Bác Hồ kính yêu.

Khu di tích này được công nhận là di tích lịch sử cách mạng cấp quốc gia vào ngày 5-9-1989.

Chùa Angkorette Pali

Còn gọi là chùa Âng. Chùa Âng là một trong những ngôi chùa cổ nhất trong toàn bộ chùa cổ Khơme ở Trà Vinh. Chùa Âng ẩn mình dưới những rừng cây cổ thụ râm mát cạnh ao Bà Om thơ mộng, cách thị xã 7km. Chùa tọa lạc trên một khuôn viên rộng hơn 4ha thuộc ấp Tà Cụ, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành. Đây là một ngôi chùa kiến trúc cổ, hài hoà trong cảnh sắc thanh u, yên tĩnh, có kiến trúc độc đáo. Những hình ảnh trang trí nơi chính điện mang nét tiêu biểu của văn hóa Khơme, có liên quan chặt chẽ đến văn hóa Ấn Độ. Các gò mái có rắn thần Naga, đuôi cong vút, tượng trưng cho sự vĩnh cửu, trường tồn, dũng mãnh. Ngay dưới mái là những tượng người đầu chim (Garuda) với hai tay chống đỡ mái. Rắn thần và chim thần là hai đối nghịch luôn luôn cùng hiện diện. Ô tam giác đầu hồi, được đắp nổi trang trí tỉ mỉ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Âng đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là Di tích văn hóa cấp quốc gia.

LỄ HỘI

Trà Vinh là vùng đất có nhiều danh lam thắng cảnh, chùa chiền thanh u, nơi sinh sống của hai dân tộc chủ yếu là Việt và Khơme, có một truyền thống văn hóa lâu đời và có nhiều lễ hội văn hóa đặc sắc. Đặc biệt người Khơme, trong năm có nhiều ngày lễ.

Tết năm mới (Chol Chnam Thmay)

Tức là tết năm mới của người Khơme Nam Bộ nói chung, của đồng bào Khơme Trà Vinh nói riêng, được tổ chức vào tháng 4 dương lịch (kéo dài ba ngày, thường chọn những ngày 13, 14 và 15).

Lễ Đolta

Tức là lễ cúng ông bà. Đây là một lễ lớn của đồng bào Khơme đồng bằng sông Cửu Long. Mỗi năm lễ Đolta được tổ chức trong ba ngày từ 29 tháng 8 đến 1 tháng 9 âm lịch.

Lễ Ok Om Bok

Gọi là lễ cúng trăng của đồng bào Khơme, được tổ chức vào ngày 15 tháng 10 âm lịch. Đồng bào Khơme tổ chức cúng Trăng để tưởng nhớ công ơn của Mặt Trăng, mà người Khơme coi là vị Thần điều tiết mùa màng, giúp họ làm ăn phát tài, phát lộc trong năm. Trong dịp lễ Ok Om Bok, người dân Khơme còn tổ chức đua ghe ngo, được đông đảo bà con tham dự.

Lễ Dâng Bông

Mỗi lần trong phum, sóc tiến hành xây dựng cầu cống, đường sá, trường trạm, chùa chiền hoặc những công trình phúc lợi công cộng... dân trong phum, sóc đều tổ chức lễ dâng bông, để quyên góp tiền xây dựng trước khi tiến hành xây. Trong ngày này, sư

https://www.facebook.com/taybanganh/

sãi các chùa trong vùng đọc kinh cầu nguyện, có tổ chức vui chơi ca hát mọi người tham gia.

Lễ hội Nghinh Ông

Đây là lễ hội của ngư dân vùng biển Mỹ Long, còn gọi là lễ cúng biển. Lễ cúng biển Mỹ Long được tổ chức trong ba ngày từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 5 âm lịch hằng năm tại miếu Bà Chúa Xứ, biển Mỹ Long, xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang. Trong ba ngày này, có nhiều nghi lễ diễn ra trọng thể như lễ Nghinh Ông Nam Hải (trên thuyền nghinh các vị hóa trang thành Quan Công, Châu Xương, Quan Bình), lễ rước Bà Chúa Xứ, rước Cậu, lễ Nghinh Ông (rước cá Ông để tỏ lòng biết ơn cá Ông đã giúp đỡ mỗi lần tàu thuyền đi biển gặp nạn), lễ tế Thần nông, chánh tế, lễ nghinh ngũ phương đi bộ vòng quanh thị trấn. Trong lễ hội có nhiều trò chơi dân gian truyền thống như kéo co, nhảy bao... kết thúc lễ hội với việc đưa tàu ra khơi.

Lễ hội Nghinh Ông do người dân chài ven biển Mỹ Long tổ chức lần đầu vào năm 1937 với mục đích cầu an, dần dần lôi cuốn được nhiều người tham gia.

TUYÊN QUANG

Tuyên Quang là tỉnh vùng núi phía Bắc, là căn cứ Cách mạng trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, có diện tích tự nhiên 5.801km^2, dân số khoảng 700.000 người, gồm nhiều dân tộc sinh sống: Kinh, Tày, H'mông, Dao, Nùng, Cao Lan, Hoa, Sán Dìu... Thị xã Tuyên Quang là tỉnh lỵ, ngoài ra là các huyện: Na Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn và Sơn Dương.

Phía Bắc giáp Hà Giang, phía Tây giáp Hà Giang và Yên Bái, phía Nam giáp Phú Thọ, phía Đông giáp Thái Nguyên, Bắc Kạn, phía Đông Bắc giáp Cao Bằng. Thị xã Tuyên Quang cách Hà Nội 165km.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Địa hình tỉnh Tuyên Quang không đồng nhất, chia làm ba vùng: vùng núi phía Bắc, miền đồi núi ở giữa và vùng đồi núi phía Nam.

Tuyên Quang thuộc vùng khí hậu nhiệt đới, chịu ảnh hưởng của khí hậu lục địa Bắc Á. Có hai mùa: mùa khô và mùa mưa. Nhiệt độ trung bình cả năm từ 22-24^{0}C. Mùa hè mưa nhiều.

Tuyên Quang có hệ thống sông suối khá nhiều, phân bố tương đối đều giữa các vùng.

Là tỉnh miền núi, nhưng về giao thông không đến nỗi khó khăn. Tuyên Quang là một tỉnh có tiềm năng kinh tế về khoáng sản, đá quý, lâm thổ sản, nhưng chưa được khai thác bao nhiêu. Rừng nguyên sinh Tuyên Quang có nhiều gỗ quý như lát hoa... có hệ động vật phong phú và quý hiếm.

THẮNG CẢNH

Rừng nguyên sinh Na Hang

Rừng nguyên sinh Na Hang, tiếp giáp với vườn Quốc gia Ba Bể của Bắc Kạn. Rừng Na Hang có thảm thực vật dày, độ che phủ lớn và phong phú về chủng loại, trong đó có những loại gỗ quý hiếm như lát hoa, lim, sến, táu... Đặc biệt về động vật có nhiều loại thuộc sách đỏ như voọc mũi hếch là loại thú rất hiếm hoi trên thế giới.

Rừng nguyên sinh Na Hang đã được bảo tồn và trở thành khu du lịch sinh thái hấp dẫn, một nơi tham quan nghiên cứu rất bổ ích.

Suối nước khoáng Mỹ Lâm

Suối nước khoáng Mỹ Lâm có nhiệt độ nóng khoảng 62^{0}C. Theo các nhà khoa học nước khoáng Mỹ Lâm khá tốt, có nhiều lưu huỳnh, manhê, canxi và các loại khoáng khác có tác dụng chữa bệnh. Suối khoáng Mỹ Lâm cách thị xã Tuyên Quang

https://www.facebook.com/taybanganh/

khoảng 15km, giao thông thuận tiện. Đây sẽ là nơi du lịch nghỉ dưỡng rất thích hợp cho du khách tăng cường sức khỏe.

DI TÍCH

Thành cổ nhà Mạc

Từ đầu thế kỷ XVI, triều đình phong kiến nhà Lê xảy ra các cuộc tranh giành, thoán đoạt và xung đột gay gắt giữa các phe phái. Năm 1527, tập đoàn phong kiến do Mạc Đăng Dung cầm đầu thắng thế, phế truất nhà Lê, lập ra nhà Mạc. Triều Mạc kéo dài từ 1527 đến đời Mạc Mậu Hợp (1562-1592) bị thủy quân Lê - Trịnh bắt giải về kinh đô Đông Đô, treo sống ba ngày rồi đưa ra chém đầu ở bãi Bồ Đề, chính thức chấm dứt triều Mạc.

Tuy vậy, con cháu họ Mạc nghe theo lời Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm rút lên Cao Bằng còn kéo dài đến năm 1677 mới bị diệt hẳn. Như vậy nhà Mạc tồn tại chính thức trên ngai vàng 65 năm và kéo dài cho đến khi bị tiêu diệt hoàn toàn là 150 năm. Trong thời gian trị vì, nhà Mạc xây nhiều thành lũy, trong đó có thành cổ nhà Mạc ở Tuyên Quang.

Thành được dựng năm 1552, vào thời Mạc Phúc Nguyên (1546-1561), nằm ở trung tâm thị xã Tuyên Quang. Thành án ngữ bên bờ sông Lô, được xây bằng đá kiên cố. Hiện di tích chỉ còn lại hai cổng thành phía Tây và phía Bắc cùng một số đoạn tường thành, còn phần lớn đã bị phá hủy.

Chùa Bảo Minh Sùng Phúc

Tương truyền chùa có từ thời Lý, nhưng địa điểm cho đến nay chưa xác định chính xác được ở chỗ nào trong các xã An Nguyên, Hoà Phúc, huyện Chiêm Hóa.

Chùa do Thái Phó Hà Hưng Tông (1069-?), còn có tên Hà Di Khánh, tri châu Vị Long, khởi công xây dựng năm Đinh Hợi, niên hiệu Long Phù Nguyên Hóa thứ 7 (1107) đời Lý Nhân Tông. Chùa đã bị phá hủy từ lâu, nhưng tấm bia nói về việc dựng chùa

https://www.facebook.com/taybanganh/

ở xã An Nguyên do triều thỉnh đại phu Lý Thừa Ân soạn và khắc dựng cùng thời hoặc dựng sau năm 1107. Bia cho biết một phần tiểu sử của Hà Hưng Tông, ông vốn là người Châu Ung (Trung Quốc), từ thời Cao Tổ là Hà Đắc Trọng theo về làm thái thú của vương triều nước ta. Ông nội làm quan đến chức Thái Bảo triều Lý, lấy vợ là công chúa thứ ba của Lý Thái Tổ, sinh ra thân phụ của Hà Hưng Tông. Thân sinh Hà Hưng Tông năm Ất Mão, niên hiệu Thái Ninh năm thứ 4 (1075) từng tham gia chiến dịch bao vây thành Châu Ung, lập công lớn được ban chức Đoàn huyện sứ, tước Hữu Đại diên ban. Hưng Tông là con thứ tư, mẹ là Lý Thị. Vì là cháu ngoại của Lý Thái Tổ, Hưng Tông được Lý Nhân Tông đón về kinh năm 1078 cho kết duyên cùng công chúa Khâm Thánh. Ông ở Thăng Long đến năm Nhâm Tuất (1082) đưa vợ về quê ở châu Vị Long. Năm Bính Dần (1086), Lý Nhân Tông xuống chiếu cho Hà Hưng Tông được nối chức cha làm tri châu Vị Long, tước Kiên Tả diên ban kim tử Vinh Lộc đại phu, hàm Thái Phó.

Đền Hạ

Ở thị xã Tuyên Quang. Đền được xây dựng năm 1738 thời Lê Cảnh Hưng (hậu Lê), cạnh sông, nơi khúc sông có hình dáng uốn lượn như rồng bay, toàn bộ khu đền in bóng lung linh mặt nước.

Đền lợp ngói vẩy, có mái đao cong duyên dáng cùng những biểu tượng rồng, nghê đắp nổi. Đền Hạ là một di tích tôn giáo biểu hiện rõ nét qua các mảng hoa văn và các bức chạm trổ theo phong cách nghệ thuật cuối đời Lê, đầu Nguyễn.

Hiện đền còn lưu giữ nhiều pho tượng cổ có giá trị về mặt nghệ thuật và lịch sử.

Đền Y La

Ở xã Y La, huyện Hàm Yên. Đền thờ công chúa Ngọc Lâm và Phương Dung. Tương truyền hai công chúa theo vua (?) đi tuần du các địa phương, khi đến xã Y La, trời đổ mưa to, gió lớn, hai

https://www.facebook.com/taybanganh/

công chúa cho thuyền cập bến bên bờ sông, rồi cưỡi mây bay về kinh. Dân xã cho là sự tích linh dị, nên góp công của lập đền thờ hai nàng công chúa Ngọc Lâm và Phương Dung ở hữu ngạn sông Lô.

Khoảng năm Minh Mạng thứ 14 (1833) Tổng đốc Lê Văn Đức đem quân đi đánh Nùng Văn Vân, dừng chân nghỉ đêm ở bản xã vào cầu đảo ở đền. Sau thắng trận trở về, Lê Văn Đức đem sự việc tâu lên, vua Minh Mạng ban sắc cho Phương Dung công chúa làm Hiệp Thuận du thần.

Đình Hồng Thái

Ở xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, cách đình Tân Trào khoảng 1km trên đường từ đèo Chấn sang huyện lỵ Sơn Dương. Đình Hồng Thái, đình Tân Trào và cây đa Tân Trào đều nằm trong cụm di tích lịch sử cách mạng Tân Trào.

Kiến trúc đình Hồng Thái hoàn toàn giống đình Tân Trào, khung đình làm bằng gỗ, mái lợp lá cọ, gồm ba gian hai chái. Đình lát sàn gỗ, cao cách mặt đất khoảng 0,5-0,6m. Ở gian giữa phía trước không lát ván. Chung quanh đình để trống, không thưng vách. Ở bốn cột sàn lửng, có bốn câu đối chữ Hán. Nhang án đặt ở dưới đất gian giữa phía ngoài. Ba mặt của nhang án được chạm trổ hoa văn trong các ô vuông và ô chữ nhật, được sơn son thếp vàng.

Đình Hồng Thái là nơi dừng chân đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đường từ Pắc Bó, Cao Bằng về Tân Trào dự Quốc dân Đại hội ngày 16 và 17 tháng 8 năm 1945, chỉ trước ngày Tổng khởi nghĩa hai ngày. Tại đây, Người đã tiếp và trao đổi với các cán bộ, lãnh đạo đặc khu Nguyễn Huệ. Đình Hồng Thái còn là nơi đón tiếp các đại biểu cả nước về dự Đại hội. Trong thời kỳ 9 năm chống Pháp, đình Hồng Thái là nơi đặt trạm thường trực của An Toàn Khu (ATK).

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đình Tân Trào

Đình Tân Trào được xây dựng năm Quý Hợi (1923) tại thôn Tân Lập, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương.

Đình xây dựng theo kiểu nhà sàn dân tộc, khung bằng gỗ, mái lợp lá cọ, gồm ba gian hai chái. Ở gian giữa nửa phía trước không lát sàn. Phần sau của gian giữa và các gian khác đều được lát ván gỗ. Đình không thưng vách. Sàn gỗ cao hơn mặt đất khoảng 0,5-0,6m. Ở gian giữa phía trước có một nhang án đặt trên nền đất, ba mặt nhang án đều có chạm khắc hoa văn các ô vuông và ô chữ nhật được sơn son thếp vàng.

Đình Tân Trào là một di tích lịch sử cách mạng quan trọng của dân tộc. Nơi đây trong hai ngày 16 và 17 tháng 8 năm 1945, Quốc dân Đại hội đã họp thông qua lệnh Tổng khởi nghĩa cướp chính quyền từ tay phát xít Nhật và thực dân Pháp. Đồng thời Quốc dân Đại hội đã thông qua mười chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh và cử ra Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam, tức là Chính phủ Lâm thời do cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Ngày 17 tháng 8 kết thúc Đại hội Quốc dân, Hồ Chủ tịch đã đọc lời thề quyết tâm giành độc lập bảo vệ dân tộc trước Quốc dân Đại hội.

Cây đa Tân Trào

Cách đình Tân Trào 500m. Dưới bóng cây đa này, chiều ngày 16-8-1945, Quân giải phóng do ông Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã làm lễ xuất kích trước sự chứng kiến của nhân dân xã Tân Trào và hơn 60 vị đại biểu trong cả nước dự Đại hội Quốc dân Tân Trào. Ông Võ Nguyên Giáp đã đọc bản Quân lệnh số 1 và Quân giải phóng đã lên đường qua Thái Nguyên về giải phóng Thủ đô.

Khu di tích cách mạng Tân Trào.

Tân Trào là một thung lũng nhỏ thuộc huyện Sơn Dương, nằm lọt giữa những ngọn núi cao và rừng cây bạt ngàn, cách thị xã Tuyên Quang khoảng 40km về phía Tây Bắc, cách Hà Nội khoảng 200km. Ở đây có nhiều đồng bào Tày Nùng sinh sống.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tân Trào là khu di tích lịch sử, trước tháng 8 năm 1945, Tân Trào là căn cứ địa cách mạng, là Thủ đô lâm thời của khu giải phóng, nơi Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành Hội nghị toàn quốc ngày 13-8-1945, quyết định Tổng khởi nghĩa, nơi họp Quốc dân Đại hội từ 16-17 tháng 8 năm 1945 tại đình Tân Trào thông qua lệnh Tổng khởi nghĩa và mười chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh, bầu ra Chính phủ lâm thời do cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và cũng là nơi Đội Việt Nam Giải phóng quân làm lễ ra quân tại cây đa Tân Trào. Đặc biệt, cách đình Tân Trào khoảng 100m về phía Bắc là lán ở của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1945, trước khi Người về Hà Nội.

Lán Nà Lừa

Lán Nà Lừa cách đình Tân Trào khoảng 100m về phía Bắc, nơi Hồ Chủ tịch sống và làm việc từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1945, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa vũ trang trong toàn quốc vào ngày 19-8-1945. Lán được dựng bằng tre nứa lá theo kiểu nửa nhà sàn, nửa trệt. Chính tại nơi đây Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập Hội nghị cán bộ ngày 4-6-1945 bàn việc củng cố căn cứ địa, thành lập "khu giải phóng, quân giải phóng". Đồng thời tại đây, Bác đã chuẩn bị cho Hội nghị Toàn quốc của Đảng họp từ 13 đến ngày 15 tháng 8 năm 1945, quyết định Tổng khởi nghĩa và chuẩn bị cho Quốc dân Đại hội Tân Trào ngày 16-17 tháng 8 năm 1945.

Hiện lán Nà Lừa vẫn còn nguyên vẹn, hằng ngày vẫn đón khách tham quan.

Hang Bóng

Nằm trên lưng chừng núi Bóng, dưới chân núi là dòng sông Đáy uốn khúc quanh co, cách đình Hồng Thái và Tân Trào vài ba km. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp từ 1950-1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở hang này. Tại đây, ngày 22-2-1950, Hồ Chủ tịch đã ký sắc lệnh Tổng động viên nhân tài vật lực cho kháng chiến. Cũng chính tại hang này, ngày 25-7-1950,

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bác đã trả lời phỏng vấn của nhà báo Mỹ về vấn đề Mỹ can thiệp vào Đông Dương. Cũng tại đây, Bác chỉ đạo sát sao Chiến dịch Biên giới 1950 và dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, 1951.

Di tích lịch sử Đá Bàn

Ở làng Ngói, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn. Đây là nơi làm việc của Hoàng thân Xuvanuvông, sau này là Chủ tịch nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, từ năm 1945-1951, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân hai nước Việt Nam và Lào. Khu di tích này là một biểu tượng về tình hữu nghị đoàn kết, sắc son thủy chung giữa hai dân tộc Việt - Lào. Khu di tích được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử.

Khu di tích lịch sử Kim Bình

Sau Chiến dịch Biên giới 1950 thắng lợi, cả một dọc biên giới được giải phóng, nối liền với các nước xã hội chủ nghĩa. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta chuyển sang một giai đoạn mới. Đầu năm 1951, Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ II họp tại Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang. Đây là Đại hội lịch sử, quyết định đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đến thắng lợi.

LỄ HỘI

Tuyên Quang là tỉnh có nhiều dân tộc anh em sinh sống, một mảnh đất có truyền thống đoàn kết chiến đấu chống ngoại xâm, một căn cứ địa vững chắc của cách mạng và kháng chiến. Tuyên Quang có một nền văn hóa đa sắc tộc, có nhiều lễ hội dân gian truyền thống như:

Lễ hội bản Giếng Tanh

Hằng năm lễ hội diễn ra vào mùa xuân tại đền bản Giếng Tanh, huyện Yên Sơn, vùng dân tộc Cao Lan, để tưởng nhớ công ơn của hai vị Ngọc Sơn và Nghiêm Sơn có công đánh giặc ngoại xâm là người con của vùng núi sơn cước này.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Sau phần tế lễ là phần hội có nhiều trò vui đặc sắc như ném còn, đánh đu, múa dân gian...

Lễ hội quá tang của người Dao

Là lễ hội cấp sắc danh cho nam giới người Dao. Theo tục lệ cổ truyền của dân tộc Dao, người con trai từ 18 tuổi trở lên đều được làm lễ để công nhận là người đã đến tuổi trưởng thành, có đầy đủ tư cách chịu trách nhiệm về mình. Sau phần lễ trang nghiêm là đến phần hội. Những làn điệu dân ca vũ hội nổi lên trong tiếng chuông, tiếng trống, chũm chọe náo nhiệt, mọi người vừa múa hát vừa uống rượu cần.

VĨNH LONG

Vĩnh Long nằm ở trung tâm và là hình ảnh thu nhỏ của đồng bằng sông Cửu Long, bởi sự đa dạng và trù phú của vùng đất nằm giữa hai dòng sông lớn: sông Tiền và sông Hậu, có diện tích tự nhiên 1.487km, dân số 1,2 triệu người, gồm các dân tộc Kinh, Khơme, Hoa.

Về đơn vị hành chính, tỉnh Vĩnh Long có thị xã Vĩnh Long là tỉnh lỵ và các huyện: Long Hồ, Măng Thít, Bình Minh, Tam Bình, Trà Ôn, Vũng Liêm.

Phía Bắc tỉnh Vĩnh Long là Tiền Giang, Tây Bắc giáp Đồng Tháp, Đông giáp Bến Tre, Đông Nam giáp Trà Vinh, phía Nam giáp Cần Thơ.

Vĩnh Long là vùng đất ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, địa hình tương đối bằng phẳng, lắm sông rạch, giao thông hết sức thuận tiện. Trên địa bàn tỉnh có quốc lộ 1A và quốc lộ 53 đi qua. Nhất là từ khi cầu văng dây Mỹ Thuận khánh thành, và rồi đây khi cầu Cần Thơ xây xong, Vĩnh Long càng có cơ hội giao thương dễ dàng, bởi Vĩnh Long là cầu nối giữa Thành phố Hồ Chí Minh với Cần Thơ, vùng Tây Đô giàu có và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vĩnh Long nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới có hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình cả năm là 27^0C. Lượng mưa trung bình năm 1.300-1.500mm.

Vĩnh Long là vùng đất màu mỡ, được thiên nhiên ưu ái. Bên cạnh 90% đất đai trồng lúa, mỗi năm người dân Vĩnh Long còn thu hoạch hàng trăm ngàn tấn hoa quả các loại như: cam, nhãn, quýt, bưởi, dừa...

THẮNG CẢNH

Cù Lao An Bình

Giữa sông Tiền, đối diện với thị xã Vĩnh Long nổi lên một cù lao xanh tốt. Đó chính là cù lao An Bình rộng khoảng 60km^2 gồm bốn xã: An Bình, Bình Hoà Phước, Hoà Ninh, Đồng Phú. Đất đai cù lao An Bình phì nhiêu màu mỡ, nước ngọt quanh năm. Cả một cù lao là vườn cây ăn trái như: chôm chôm, xoài, mít, nhãn, sầu riêng...

Ở đây có nhiều điểm du lịch nổi tiếng như vườn cảnh bonsai của ông Sáu Giáo tại ấp Bình Thuận, xã Hoà Ninh với hàng trăm loài cây cảnh: mai vàng, mai chiếu thủy... Chung quanh nhà là vườn nhãn, ao nuôi cá tai tượng, loại cá thịt thơm ngon.

Tại rạch Ninh Hoà có ngôi nhà sàn cất bằng gỗ, mộc mạc nhưng thoáng mát, đó là nhà ông Mười Đầy. Vườn nhà ông đầy cây trái, nào là nhãn, bưởi, sapôchê... Ngôi nhà được ngành du lịch Vĩnh Long chọn làm nơi ăn trưa và nghỉ qua đêm cho chương trình du lịch "*Đi trong màu xanh đồng bằng sông Cửu Long*".

Ngôi nhà cổ của ông Hai Hoàng xây theo kiến trúc Pháp thế kỷ XIX, có khoảnh sân khá rộng, phía sau nhà là vườn chôm chôm, vườn nhãn, đây cũng là địa điểm cho khách ở lại ăn trưa và nghỉ qua đêm...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Khu du lịch Trường An

Nằm ngay cửa ngõ thị xã Vĩnh Long, với diện tích rộng 16ha, sát bờ sông Tiền, cách trung tâm thị xã Vĩnh Long khoảng 4km. Tại đây có khoảng 50 biệt thự, kiến trúc theo kiểu nhà rông Tây Nguyên, có bể bơi, sân quần vợt, có nhà hàng ăn uống đầy đủ tiện nghi, có tàu thủy đưa du khách vào vùng sông nước mỗi khi có yêu cầu. Trong thời gian thi công cầu Mỹ Thuận, khu biệt thự này chủ yếu dành cho chuyên gia, cán bộ kỹ thuật các nơi đến giúp thi công xây dựng cầu, nên trang thiết bị nội thất của các biệt thự này đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Trường An có khung cảnh thiên nhiên hữu tình, cây trái quanh năm xanh tươi, không khí trong lành với mùi thơm của hoa, hương đồng nội, và tiếng chim ríu rít gọi bầy... một khung cảnh hoà bình và thanh khiết.

Làng nghề truyền thống

Đi thuyền trên sông Cổ Chiên, du khách có dịp ghé thăm những làng nghề ven sông như làng rèn, nung gạch, lò gốm sứ, nung vôi bằng vỏ sò, ốc... dệt chiếu, sản xuất tương chao, làm nón lá, đóng ghe thuyền... Đặc biệt hơn cả là nghề làm bánh tráng, bánh phồng tôm, đã gắn bó với người dân nơi đây từ bao đời nay, chủ yếu tập trung ở xã Thuận An, huyện Bình Minh. Bánh tráng vùng này có ba loại: bánh tráng dừa (bánh tráng dày, có nước cốt dừa và vừng), bánh tráng ngọt và bánh tráng mỏng nhúng nước. Bánh tráng ngon phụ thuộc chủ yếu vào nguyên liệu và cách tráng bánh. Bánh tráng, bánh phồng Vĩnh Long được bán đi khắp nơi, như là một đặc sản của Vĩnh Long.

Gốm sứ Vĩnh Long từ xưa đã có tiếng. Gốm có màu đỏ, chỉ dùng sản xuất một mặt hàng là gạch, để xuất sang các nước châu Âu.

Làng bưởi Năm Roi

Vĩnh Long được phù sa của hai dòng sông lớn: sông Tiền và sông Hậu bồi đắp quanh năm, tưới mát ruộng vườn, là môi

https://www.facebook.com/taybanganh/

trường thuận lợi cho cây trái đâm chồi nảy lộc, đơm hoa kết trái. Đến Vĩnh Long, đâu đâu cũng thấy một màu xanh bất tận hoà cùng sắc trời, và ánh nắng giàu có của phương Nam, tạo nên một không gian trong lành và mát dịu. Những vườn cây trái bạt ngàn là niềm tự hào của người dân miệt vườn. Trái cây hầu như có quanh năm, mùa nào thức ấy. Mỗi loại mang một hương vị riêng. Đặc biệt bưởi Năm Roi, Bình Minh nổi tiếng cả nước. Cùng với bưởi Phúc Trạch, Hà Tĩnh, bưởi Năm Roi, Bình Minh giờ đã có thương hiệu trên thị trường thế giới.

Vào các vườn cây vùng sông nước Nam Bộ, ngả lưng trên võng, dưới những tán cây bóng mát, nghe ríu rít tiếng chim gọi bạn, du khách cảm thấy mình như đang sống trong vườn cổ tích, sẽ cảm nhận được phần nào cuộc sống mộc mạc của làng quê Việt Nam.

Cầu văng dây Mỹ Thuận

Từ bao đời nay, người dân miền Tây muốn lên Thành phố Hồ Chí Minh, hoặc ngược lại đều phải qua phà Mỹ Thuận với bao nỗi cực nhọc đợi chờ. Phà Mỹ Thuận đã đi vào câu ca, điệu hò của vùng sông nước Cửu Long.

Trước đòi hỏi của cuộc sống và vì sự phát triển kinh tế của vùng, Nhà nước đã quyết định xây dựng cầu Mỹ Thuận. Cầu Mỹ Thuận là cây cầu văng dây đầu tiên được khởi công xây dựng từ năm 1998 tại Việt Nam, nối liền hai bờ sông Tiền. Phía bờ Bắc là xã Hoà Hưng, huyện Cái Bè, Tiền Giang, phía bờ Nam là xã Tân Ngãi, thị xã Vĩnh Long. Cầu có tổng chiều dài 1.535m. Hai cầu dẫn mỗi bên 11 nhịp, mỗi nhịp 40m. Chiều dài phần cầu chính 650m, chia thành ba nhịp, hai nhịp bên mỗi nhịp dài 150m, riêng nhịp giữa dài 350m. Độ cao thông thuyền 37,5m. Mặt cầu rộng 23,6m, chia thành bốn làn xe cơ giới ở giữa, hai làn hai bên cùng cho người đi bộ và xe thô sơ. Hai trụ treo hình chữ "H" cao 123,5m. Đây là công trình giao thông hợp tác giữa chuyên gia kỹ sư hai nước Australia và Việt Nam, được đưa vào sử dụng ngày

https://www.facebook.com/taybanganh/

21-5-2000. Cầu Mỹ Thuận hoàn thành tạo thuận lợi rất lớn cho sự phát triển kinh tế các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

DI TÍCH

Văn Thánh Miếu

Trước kia tại Nam Bộ, việc thành lập các tỉnh chưa hoàn tất dưới triều Nguyễn thì quân Pháp kéo sang xâm lược, do đó dân ta chưa kịp xây dựng Khổng miếu ở các nơi. Dưới thời Tự Đức, toàn miền chỉ mới có Văn Thánh Miếu ở Bình Dương. Năm 1863, khi Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông, Phan Thanh Giản được sự hưởng ứng của quan Lãnh Đề học Nguyễn Thông đã quy tụ học trò, các thân hào sĩ phu yêu nước, cùng nhân dân ba tỉnh Vĩnh Long - An Giang - Hà Tiên góp công góp của xây dựng Văn Thánh Miếu tại địa phận làng Long Hồ, tổng Long An, huyện Vĩnh Bình, tỉnh Vĩnh Long, nay thuộc khóm 3, phường 4, thị xã Vĩnh Long.

Văn Thánh Miếu Vĩnh Long được khởi công xây dựng vào ngày 10-10-1864 (tức năm Giáp Tý, đời Tự Đức năm thứ 17) và hoàn thành vào cuối năm 1866 (tức năm Bính Dần, đời Tự Đức thứ 19). Văn Thánh Miếu Vĩnh Long đã trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo vào các năm 1903, 1965 và 1994. Tuy vậy, vẫn còn giữ nguyên được kiến trúc xưa.

Vào Văn Thánh Miếu phải qua một cổng có cấu trúc "nhị mái, tam môn quan" với hai dãy hàng rào "thượng song hạ bảng". Hai hàng cây sao cao vút thẳng tắp, tạo thành lối vào Văn Miếu, nơi thờ Đức Khổng Tử, vị tiên sư của nền Nho học thời phong kiến Trung Quốc. Trong miếu chính giữa thờ Khổng Tử, hai bên có Tứ Phối: Tông Thánh Tăng Tử, Án Thánh Mạnh Tử, Phục Thánh Nhân Tử và Thuật Thánh Tư Tử. Ngoài miếu có tả ban, hữu ban với hai bàn thờ Thất Thập Nhị Hiền.

Từ Văn Thánh Miếu nhìn ra, trên lối đi giữa hai hàng cây sao

https://www.facebook.com/taybanganh/

cao vút có bài trí ba bia đá: bia số 1 đựng năm 1867, một mặt khắc trước tác bằng chữ Hán của Phan Thanh Giản, bàn về việc xây Văn Miếu, mặt sau là danh sách những minh, bang, tổng xã có công kiến tạo Văn Miếu. Bia số 2, một mặt ghi sơ lược công lao trùng tu Văn Miếu của ông Tống Hữu Định, mặt sau là danh sách các vị làng Long Hồ có công phụng thờ tu bổ di tích từ năm 1915-1930. Bia số 3 đối diện với cổng Văn Miếu, dựng vào năm 1931, với bài văn và lời di chúc của bà Trương Thị Loan, người cúng hiến ruộng vườn cho Văn Miếu hữu sự chi dụng từ năm 1915. Bên trái cổng là lầu thơ được dựng năm 1867, là một Văn Xương Các. Tầng dưới có ba bàn thờ, chính giữa thờ chân dung Phan Thanh Giản cùng một bài vị "Gia Định xử sĩ Võ Tiên sinh" (tức cụ Võ Trường Toản), hai bàn hai bên thờ các vị quan đại thần có công xây dựng Văn Miếu như: Nguyễn Thông, Nguyễn Văn Nhã, Trương Trọng Tiên...

Đình Long Thanh

Tọa lạc ở khóm B, phường 5, thị xã Vĩnh Long, cách trung tâm thị xã 3km. Đình được xây dựng vào năm 1754, do bốn họ Mai, Hồ, Mạc và Võ, ngoài ra còn có một số di dân góp công xây dựng nên. Năm 1844, ông Nguyễn Văn Khiêm ngụ tại Vàm Bùng Binh, thôn Long Thanh hiến hai hécta đất để dời ngôi đình từ Long Hưng về Long Thanh, thuận tiện cho nhân dân các nơi đến cúng bái.

Năm Tự Đức thứ 5 (1852), triều đình Huế phong sắc cho ngôi đình Thành Hoàng Bổn cảnh.

Năm 1913, đình được trùng tu sửa chữa lớn, đến năm 1915 thì hoàn thành.

Kiến trúc đình theo kiểu nhiều căn, nhiều nóc nối dọc nhau, gồm năm căn nóc hình chóp, loại căn nóc hình bánh ít. Đây là loại kiến trúc thông dụng vùng miền Tây Nam Bộ.

Ngoài vào là cổng và tường rào, đến sân đình, hậu cung nóc hình chóp, chính điện nóc hình bánh ít, võ quy nóc hình chóp,

https://www.facebook.com/taybanganh/

võ ca nóc hình bánh ít. Đông và Tây lang nóc hình chóp, hậu trường nóc hình chóp. Hậu cung thờ các vị tiền hiền, hậu hiền có công xây dựng, bảo vệ ngôi đình. Trong hậu cung có ba bàn hình vuông với ba khám thờ, chạm lưỡng long chầu nguyệt, sơn son thếp vàng. Trước mỗi khám đặt một ngai gỗ, chạm hoa văn chung quanh. Trên mỗi ngai có một lư hương bằng đồng.

Chính điện thờ sắc thần và bài vị Quốc Tổ Hùng Vương. Các bức hoành phi câu đối đều chạm hình rồng. Khám giữa thờ sắc thần, hai khám bên là tả ban, hữu ban. Hai cột cái trong gắn bao lam (cửa võng) được chạm trổ hoa văn và sơn son thếp vàng. Hai cột cái bên ngoài cũng được gắn bao lam, được chạm trổ tinh vi.

Đặc biệt, các hiện vật trang trí bên trong đình đã được đưa sang triển lãm ở Marseilles, Pháp vào năm 1922.

Chùa Tiên Châu

Còn gọi chùa Tô Châu, chùa Di Đà, tọa lạc tại ấp Bình Lương, xã An Bình, huyện Long Hồ, bên bờ sông Cổ Chiên, cách thị xã Vĩnh Long 1km theo hướng Tây - Tây Bắc.

Chùa Tiên Châu hình thành từ những năm 1740-1750, sơ khai chỉ là một am nhỏ với tên gọi chùa Di Đà. Chùa do Hoà thượng Huỳnh Đức Hội dựng ở bãi Bích Trân. Dần dà, với sự đóng góp của Phật tử chùa Tiên Châu ngày một khang trang hơn đến như ngày nay. Gọi là chùa Tiên Châu, bởi xưa kia khi hai làng Bình Lương và An Thành dân cư thưa thớt, đã có một sự kiện huyền bí xảy ra. Một đêm trăng kia, một nông dân trong làng có tâm sự buồn mới ra sông ngắm trời, đất, sông nước cho khuây khỏa, bỗng trông thấy một cảnh huyền ảo diễn ra trước mắt: ngoài bãi là một đoàn thiếu nữ thướt tha, kiều diễm đang tắm trăng vàng trên làn nước long lanh. Người nông dân rón rén đến gần, bỗng các cô biến mất. Tin đồn lan khắp trong làng, mọi người đổ xô ra xem, nhưng không thấy ai, chỉ thấy những dấu chân xinh đẹp in trên cát. Dân chúng tin có sự huyền bí "Tiên nữ giáng trần", nên đặt nơi này là "Bãi Tiên".

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa dựng theo kiểu chữ "*tam*" (三), ba gian nối liền nhau, gồm chính điện, hậu tổ và hậu liêu. Hầu hết các hiện vật trong chùa được lưu lại từ thế kỷ XIX đến nay, mang giá trị nghệ thuật cao. Trong đó có hai tượng Phật Di Lặc cùng những bức tranh, câu đối, bao lam chạm khắc cây cảnh, muông thú... Ở sân chùa có hai cây bồ đề lớn, giữa có tượng Bồ Tát Quan Thế Âm.

Chùa Tiên Châu là ngôi chùa cổ danh tiếng, có cảnh đẹp thu hút tao nhân, mặc khách xưa nay.

Chùa Sanghamangala

Còn gọi là chùa Hạnh Phúc Tăng, tọa lạc ở ấp Trung Trạch, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm. Đây là một ngôi chùa Khơme Nam Bộ. Theo các nhà sư thì chùa này có niên đại cao nhất trong số các chùa Khơme ở hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh. Ngôi chùa đầu tiên dựng bằng tre lá đơn sơ vào thế kỷ XIII. Sau nhiều lần trùng tu, đặc biệt vào năm 1965, ngôi chùa được trùng tu kiên cố nhất như hiện nay. Cổng chùa được dựng vào năm 1971. Lần trùng tu gần đây nhất là vào năm 1991.

Chùa Sanghamangala nằm trong một khuôn viên rộng 3ha, trong vườn chùa có nhiều cây cổ thụ.

Ngôi chính điện nền xây cao lát gạch, tường bê tông. Mái ngói ba cấp, cấp trên cùng tạo độ dốc 45^0. Hai đầu hồi là hai hình tam giác. Trên mỗi đầu cột đều có hình nữ thần (Kayno) làm gờ đỡ mái, chạm khắc tỉ mỉ. Phía trước gian chính điện là một vườn tháp mộ. Ở gian chính điện bài trí tượng Phật: tượng Phật lúc còn là Thái tử Tất Đạt Đa chưa xuất gia, tượng Phật đi khất thực, tượng Phật thiền định, tượng Phật nhập niết bàn.

Đền Chu Văn Tiếp

Ở thôn An Hội, huyện Vĩnh Trị, nay là huyện Vũng Liêm. Đền thờ Chu (Châu) Văn Tiếp. Tổ tiên ông vốn người huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, sau về sinh sống ở huyện Đồng Xuân, Phú Yên. Ông là người có tài, không chịu hợp tác với triều Tây Sơn.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Ông tập hợp dân chúng ở Lương Sơn theo giúp Nguyễn Ánh, được Nguyễn Ánh trao chức Đại Đô đốc. Từng theo Nguyễn Ánh sang Xiêm cầu viện. Khi Nguyễn Ánh về Gia Định, ông bị tử trận khi giao chiến với nghĩa quân Tây Sơn của tướng Trương Văn Đa ở sông Măng Thít (1784). Nguyễn Ánh lên ngôi lấy niên hiệu Gia Long, truy tặng ông tước Quận Công. Đầu đời Minh Mạng truy tặng tước Lâm Thao Quận Công, xếp hàng thờ phụng ở Thế Miếu - Huế.

Đình Tân Hoà

Tọa lạc ở ấp Tân Hưng, xã Tân Hoà, thị xã Vĩnh Long, nằm bên bờ Nam sông Tiền. Theo các vị bô lão thì ông Nguyễn Tự Tôn là người có công lập làng Tân Hoà xưa. Ông đến rạch Cái Đôi, thấy nơi đây phong thổ tốt, quyết định dừng chân lập nghiệp. Ông đứng ra lập làng Tân Hoà và dựng đình thần và gọi là đình Tân Hoà. Đó là vào khoảng thời Vua Gia Long (1802-1820). Sau khi ông qua đời, con ông là Nguyễn Văn Niệm tiếp tục cùng dân làng khai hoang lập ấp, trùng tu đình thần. Đến thời Thiệu Trị (1840-1848) làng Tân Hoà đổi thành Tân Hóa và tên đình được đổi thành đình Tân Hóa. Đình được dân làng sửa sang ngày một to lớn. Dân làng Tân Hóa dâng sớ, xin triều đình sắc phong Thần. Năm Tự Đức thứ 5 (1852), nhà vua sắc phong "Thành Hoàng Bổn cảnh" cho đình Tân Hóa. Đầu thế kỷ XX, làng Tân Hóa sáp nhập với làng Tân Hội, Tân Nhơn thành xã Tân Hoà. Đình thần đổi thành "Tân Hoà Linh Miếu".

Sau năm 1975, đình Tân Hoà đổi thành đình Cái Đôi dựa theo tên gọi con sông Cái Đôi chảy qua trước đình. Tháng 11-1995, theo nguyện vọng của nhân dân, đình Cái Đôi được chính thức đổi thành đình Tân Hoà.

Đình Tân Hoà, mang dáng dấp ngôi đình làng Nam Bộ truyền thống, nhưng cũng có nét riêng. Đình xây theo kiểu "úp bát", bao gồm một quần thể với các ngôi nhà liền nhau. Mái lợp ngói âm dương, tường bê tông. Đình gồm bốn gian, lại có đến sáu nóc.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Trên từng nóc có trang trí nhiều hình tượng đẹp: như hoa văn sóng nước, cá hóa rồng, rồng ổ, bát tiên, lưỡng long chầu nguyệt được chạm khắc công phu.

Bên trong đình là một hệ thống các căn nhà nối liền nhau theo lối "úp bát" với nhiều cột tròn. Trên các thành phần kiến trúc được chạm khắc hoa văn tứ quý, bát bửu, sóng nước...

Kiến trúc đình Tân Hoà có một giá trị nghệ thuật, khoa học cao.

Chùa Kỳ Sơn

Ở ấp Đông Phú, xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, là di tích kiến trúc nghệ thuật đặc trưng của người Khơme Nam Bộ. Chùa được dựng cuối thế kỷ XVIII, đến nay hơn 200 năm. Chùa đã qua nhiều lần trùng tu vào các năm 1896 và 1910, do vị Thiền sư Hoàng Chỉnh từ Quảng Ngãi vào trụ trì. Sau đó chùa được tiếp tục mở rộng dưới thời Hoà thượng Khánh Anh (1939), Hoà thượng Thiện Hoa (1961 và 1972).

Chùa Kỳ Sơn gồm cổng tam quan, chính điện, hồ Tray, giảng đường, tháp mộ, nhà nghỉ, sa la. Trong đó nổi bật nhất là chính điện.

Bên trong tầng trệt bài trí bàn thờ, thờ các vị Phật. Tượng Phật Thích Ca cao 1m được đặt ở chính giữa, hai tượng Phật cầu độ chúng sinh được đặt hai bên và 11 tượng Phật Thích Ca lớn nhỏ, được sơn màu sắc rực rỡ. Hai bên tường có nhiều bích họa nói về Phật Thích Ca thành đạo.

Ở chính giữa tầng hai gian chính điện có đặt bàn thờ, có tượng Phật Thích Ca lớn nhất và cao nhất (3m), được đặt trên bệ hình bán nguyệt. Phần trên bệ tượng là một đài sen có ba lớp, cánh hoa được tỉa tót như hình ngọn núi lửa xếp xen kẽ lẫn nhau. Trên các cột ở tầng hai đắp nổi hình chim thần Garuda và tượng nữ thần Kayno đỡ mái.

https://www.facebook.com/taybanganh/

LỄ HỘI

Vĩnh Long có nhiều lễ hội của đồng bào dân tộc Khơme. Lớn nhất là lễ Chol Chnam Thmay, lễ tết năm mới, được tổ chức vào ngày 15-4 âm lịch hằng năm. Kế đến là lễ Dolta, còn gọi là lễ cúng tổ tiên, ông bà, được tổ chức trong 3 ngày từ 29 tháng 8 đến 1 tháng 9 âm lịch. Đây là lễ cầu siêu, cầu phước cho linh hồn của những người đã khuất. Ngày thứ nhất là ngày cúng tiếp đón, nhà nào cũng quét dọn sạch sẽ, gọn gàng, bày mâm cỗ, khấn vái linh hồn người đã khuất. Trong ngày này, nhà chùa có tổ chức hoạt động vui chơi giải trí thâu đêm suốt sáng. Ngày thứ hai, ngày cúng đưa linh hồn ông bà về nơi cũ. Những thức ăn cúng trong ngày tiễn đưa linh hồn được đổ vào xuồng hoặc thuyền buồm làm bằng bẹ chuối, mo cau, dừa... trên treo cờ phướn hình tam giác, vẽ hình tắc kè, cá sấu... nhằm tránh tai nạn dọc đường, giúp linh hồn trở về an toàn. Sau đó thả những chiếc thuyền này xuống sông, suối, kênh rạch, quanh nhà.

Sôi động nhất là lễ Ok Om Bok, còn gọi lễ cúng Trăng với hội đua ghe ngo truyền thống. Lễ cúng Trăng được tổ chức vào ngày 15-10 âm lịch hằng năm để tỏ lòng biết ơn vị Thần Mặt Trăng đã làm cho mùa màng tươi tốt, mang lại ấm no, hạnh phúc. Chuẩn bị cho ngày lễ người ta chôn trước sân hai trụ tre, bên trên có xà ngang dài khoảng 3m, giống cổng chào, có trang trí hoa lá. Mâm cỗ được bày ra với món cốm dẹt, được chế biến từ những bông lúa nếp vừa chín đầu mùa.

VĨNH PHÚC

Vĩnh Phúc thuộc miền núi trung du Bắc Bộ, có diện tích tự nhiên 1.362km^2, dân số 1,1 triệu người, gồm các dân tộc Kinh, Mường, Dao. Thị xã Vĩnh Yên là tỉnh lỵ, ngoài ra có các huyện: Lập Thạch, Tam Đảo, Vĩnh Tường, Yên Lạc, Mê Linh và Tam Dương.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Phía Bắc Vĩnh Phúc giáp Tuyên Quang, phía Đông Bắc giáp Thái Nguyên, phía Tây giáp Phú Thọ, phía Đông giáp Bắc Giang, Bắc Ninh, phía Nam giáp Hà Tây.

Địa hình Vĩnh Phúc chủ yếu là trung du, nhiều núi đồi thấp và đồng bằng. Nhiệt độ trung bình cả năm là 23,4^{0}C. Vùng núi Tam Đảo có khí hậu mát mẻ, nhiệt độ trung bình cả năm của vùng này khoảng 21^{0}C, là một trong những nơi nghỉ mát lý tưởng ở miền Bắc.

Vĩnh Phúc có hệ thống giao thông khá thuận lợi, có đường bộ, đường sắt đi qua, lại cách Thủ đô Hà Nội không đầy 60km, nằm kề sát sân bay quốc tế Nội Bài. Đó là những điều kiện khá cơ bản cho Vĩnh Phúc phát triển kinh tế.

Trong những năm gần đây, kinh tế Vĩnh Phúc khá phát triển, nhiều nhà đầu tư đã vào Vĩnh Phúc làm ăn thuận lợi và đang trên đà tăng trưởng.

Vĩnh Phúc là một trong những khu vực có nhiều danh lam thắng cảnh kỳ thú như khu nghỉ mát Tam Đảo, chùa Tây Thiên, hồ Đại Lải...

THẮNG CẢNH

Khu nghỉ mát Tam Đảo

Tam Đảo là khu nghỉ mát tuyệt vời ở miền Bắc, cách thủ đô Hà Nội chưa đầy 90km. Tam Đảo là một dãy núi dài 50km, rộng 10km, với phong cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp. Từ thời Lý-Trần, thế kỷ XIII, người ta đã biết đến Tam Đảo. Đến đầu thế kỷ XX, sau khi đã xâm chiếm được nước ta, các quan chức Pháp cần tìm địa điểm làm nơi nghỉ dưỡng, mới chú ý đến Tam Đảo. Từ năm 1904-1906, người Pháp đã cho xây dựng Tam Đảo thành một khu nghỉ mát với hơn 200 biệt thự, khách sạn, nhà hàng, bể bơi, sàn nhảy, sân chơi thể thao...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tam Đảo ở độ cao trên 1.000m so với mặt nước biển. Núi Tam Đảo có ba đỉnh nổi lên như ba hòn đảo. Rất có thể vì "ba hòn đảo" này mà người ta gọi là núi Tam Đảo chăng? Đỉnh giữa gọi là đỉnh Bàn Thạch cao 1.388m, bên trái là đỉnh Thiên Thị (chợ trời) cao 1.375m, trên đó cách đây hơn 3 thập kỷ, Đài truyền hình Trung ương đã dựng tháp vô tuyến truyền hình cao 93m, bên phải là đỉnh Phù Nghĩa cao 1.400m. Vùng núi Tam Đảo có khí hậu mát mẻ quanh năm. Mùa hè nhiệt độ trung bình từ 20-22^{0}C, khí hậu Tam Đảo dịch chuyển rất nhanh, trong mỗi ngày người ta cảm nhận khá rõ khí hậu của bốn mùa: sáng là mùa xuân, trưa là mùa hè nắng dịu, chiều tà là thu, đêm lạnh là đông.

Ngoài khí hậu mát mẻ trong lành, Tam Đảo còn có những thắng cảnh đẹp như Thác Bạc, cầu Đãi Tuyết, Am Gió, Thang Mây, hồ Xạ Hương, đập làng Hà và rừng nguyên sinh Tam Đảo thích hợp cho du lịch sinh thái, nghiên cứu.

Hồ Đại Lải

Đại Lải là hồ nước nhân tạo, do đắp đập làm công trình thủy nông mà tạo thành, thuộc huyện Mê Linh, cách Hà Nội 50km.

Hồ Đại Lải rộng khoảng 525ha, mặt hồ có độ cao trung bình 21,5m. Đặc biệt trên hồ có đảo chim cò rộng khoảng 3ha, là nơi cư trú của hàng ngàn con cò đủ loại cò trắng, cò ngà, cò quắm... Giữa hồ có một số đảo nhỏ, như những nét chấm phá làm cho mặt hồ càng lung linh xinh đẹp. Phía Tây và Tây Nam là núi Thằn Lằn. Đứng trên đỉnh núi Thằn Lằn, du khách có thể quan sát hết toàn cảnh khu vực hồ. Mặt hồ lúc nào cũng trong xanh, nhiều bãi tắm đẹp, bằng phẳng chạy theo những chân đồi lúp xúp.

Đại Lải là một điểm du lịch nghỉ ngơi an dưỡng của tỉnh Vĩnh Phúc và các vùng lân cận.

Khí hậu ở đây mùa hè mát mẻ, mùa đông ấm áp, phong cảnh thiên nhiên đẹp. Chung quanh hồ có khu rừng Ngọc Thanh là

https://www.facebook.com/taybanganh/

khu rừng tự nhiên có hệ động thực vật phong phú và 300ha rừng mới trồng. Đại Lải là điểm du lịch rất thích hợp cho loại hình du lịch cuối tuần.

Làng gốm sứ Hương Canh

Trong dân gian cho đến nay vẫn còn lưu truyền câu ca "*Ai về mua vại Hương Canh*". Điều đó đủ nói lên sức sống trường tồn của làng nghề gốm sứ Hương Canh đã nổi tiếng từ lâu đời. Hương Canh cách Hà Nội 52km.

Làng gốm sứ Hương Canh xưa chuyên sản xuất các loại sành sứ bình dân phục vụ sinh hoạt hằng ngày của người dân nông thôn như: chum, vại đựng nước, ấm đun nước, sắc thuốc... Các mặt hàng gốm sứ của Hương Canh có mặt hầu hết các nơi trên đất nước, bởi trình độ nung tốt, kỹ thuật nhào nặn và khuôn mẫu đạt đến trình độ tinh xảo. Khác với gốm sứ Bát Tràng là loại gốm sứ tráng men, còn gốm sứ Hương Canh để mộc, tuy vậy vẫn đứng vững trên thị trường.

Ngày nay, các sản phẩm Hương Canh ngày càng đa dạng, phong phú về mẫu mã, ngoài các sản phẩm truyền thống vốn có từ trước, họ còn sản xuất thêm mặt hàng ngói lợp, các loại bình, đồ giả cổ chất lượng cao, mẫu mã đẹp.

Chợ Tam Động

Đây là phiên chợ cưới của đồng bào dân tộc H'mông xã Tam Động, huyện Tam Đảo. Phiên chợ này mỗi năm họp một lần vào ngày 25 tháng 12 âm lịch.

Ngày diễn ra phiên chợ, trai gái người H'mông từ các bản làng heo hút kéo đến đây rất đông, có cả những ông bà già đi theo, quần áo chỉnh tề, ăn mặc sạch sẽ gọn gàng. Trai gái gặp gỡ nhau trao đổi tâm tình. Chợ họp đến chiều tối mới tan. Sau những lời giao ước bạn bè, trước khi chia tay, những cặp trai gái đã ý hợp tâm đầu dắt nhau vào chợ ăn uống. Những cặp trai gái làng sẽ thành vợ thành chồng, cưới xin theo tục lệ của bản.

https://www.facebook.com/taybanganh/

DI TÍCH

Tháp Bình Sơn

Còn gọi là tháp chùa Then, bởi tháp nằm gần chùa Then, hay còn gọi chùa Vĩnh Khánh, thuộc thôn Bình Sơn, xã Tam Sơn, huyện Lập Thạch. Tháp được xây vào thời Lý – Trần, giờ bị nghiêng đổ.

Tháp xây bằng gạch nung già màu đỏ sậm, rắn chắc như sành. Móng tháp được xây bằng gạch vồ, sâu hơn 1m. Tháp có quy mô lớn, cao 16m, hiện còn 11 tầng, mỗi tầng có một mái lượn cong. Lòng tháp rỗng. Bệ tháp hình vuông, mỗi cạnh 4,45m, được thu nhỏ dần lên tận đỉnh. Tầng trên cùng mỗi cạnh chỉ còn 1,55m. Mặt ngoài các tầng tháp được ốp gạch mịn mặt, màu đỏ sậm, có hoa văn trang trí với đường nét cầu kỳ tinh xảo, hài hoà giữa các tầng tạo thành một khối kiến trúc hoàn hảo ở mọi góc độ.

Bốn mặt tháp đều được trang trí với bố cục cân xứng, nghệ thuật tinh vi. Các tầng tháp cách nhau bằng một đường gờ, mặt ngoài trang trí hình hoa dây. Mặt ngoài của mỗi tầng tháp có cửa tò vò ở giữa, tỏa rộng chung quanh bằng các nét chạm trổ hình dây cúc, vòng sáng nhọn đầu giống lá đề, con sơn (console) và ở tầng dưới cùng ngang với cửa tò vò có những đế hình chữ nhật, trong mỗi đế nổi lên ba vòng tròn. Ở giữa vòng tròn chạm một con rồng (rồng mang phong cách Trần - Lê). Bên trong thân tháp gần mặt đất trang trí hình thú vật (sư tử). Suốt mười một tầng đều chạm hình con sơn. Ngoài ra còn có một số họa tiết trang trí khác.

Vì tháp bị nghiêng, năm 1973, Vụ Bảo tồn Bảo tàng Bộ Văn hóa đã cho đại trùng tu.

Chùa Tây Thiên

Tọa lạc trên núi Tam Đảo, xã Sơn Đình, huyện Tam Dương (nay là huyện Tam Đảo). Chùa không rõ xây dựng vào lúc nào,

https://www.facebook.com/taybanganh/

nhưng đã được trùng tu sửa chữa nhiều lần dưới thời Lê vào những năm Chính Hoà, Bảo Thái, Long Đức. Trong đó lần trùng tu năm Long Đức thứ 2 (1733) đời Lê Thuần Tông do Tì Khưu Huệ Minh, tự Như Hiền (thế danh Nguyễn Viết Ninh), nguyên là Thị Nội giám, tước Nghiêm Thọ Bá, chủ trì khởi xướng.

Trong chùa có điện thờ mẹ Thần núi Tam Đảo (Tam Đảo Sơn Thần quốc mẫu).

Đình làng Phú Mỹ

Thuộc xã Tự Lập, huyện Mê Linh, thờ vợ chồng Hùng Thiên Bảo và Trần Hang là các tướng tài của Hai Bà Trưng. Toàn bộ kiến trúc đình gồm: cổng, sân, hai nhà tả vu, hữu vu và đại đình.

Đình Phú Mỹ là một công trình kiến trúc mang phong cách thế kỷ XVIII.

Đại đình gồm năm gian, hai chái có chuôi vồ theo kiểu "tàn đao lá mái" với hệ thống then tàu dùng chốt giữ lá tàu với xà hạ. Các đầu đao cong vút bằng gỗ thành nhiều lớp tạo nên văn hoa lá sồi. Đây là một kiểu kiến trúc đẹp. Đình làng Phú Mỹ còn nổi tiếng về điêu khắc trang trí ở các đầu dư, đầu bẩy, câu đầu, ván gió, được khắc chạm nhiều đề tài như: tam đa, người giao tranh với rồng, rồng đánh nhau với con vật khác, người cưỡi rồng, mây, tứ linh...

Các đầu bẩy chạm rồng đôi quấn nhau, chung quanh là mây, đao mác và hoa cúc. Các đầu dư chạm đầu rồng ngậm ngọc. Trên xà nách ở gian chính, bên trái chạm hai con rồng, giữa có một người cởi trần, đóng khố trong tư thế chiến đấu, một tay chống gối, chuẩn bị đánh con rồng phía trước, một tay đấm vào mồm con rồng phía sau. Phía bên phải cũng có chạm cảnh người đánh rồng, nhưng rồng chỉ có một con và người cũng cởi trần đóng khố, đang ưỡn mình về phía trước tóm lấy đuôi rồng, chân phải co lên, chân trái duỗi, ở gian hồi có chạm một con chuột, mồm chúc xuống đất, và một đôi rồng mặt chuột, chân thú. Mặt sau

https://www.facebook.com/taybanganh/

chạm cảnh giao tranh giữa rồng, thạch sùng và ếch. Rồng mặt nghê, trán gồ, tai lá mít, chi phải nắm cổ thạch sùng, chi trái tóm chân ếch.

Đình Hương Canh

Ở làng Hương Canh, tên nôm là làng Cánh, xã Tam Canh, huyện Tam Đảo. Tương truyền đình Hương Canh được xây dựng vào khoảng niên hiệu Vĩnh Thịnh (1705-1719).

Đình thờ bảy vị thần: Thiên đệ Hoàng đế, Đông Ngạc Đại vương, Linh Quang Thái hậu...

Kiến trúc đình theo kiểu chữ "*công*" (工), lần lượt từ cổng vào sân đến phương đình, sau cùng là thượng điện và hậu cung.

Trong đình có nhiều bức tranh chạm trổ tinh vi với các đề tài "tứ linh" ở những bức cốn, ở cửa võng... mang phong cách nghệ thuật điêu khắc thời Hậu Lê.

Đình Hương Canh được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa.

Đình Thổ Tang

Thuộc xã Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, thờ ba vị thần là Nuôi Ná (thần Đất), Lâu Hô hầu (Phùng Lộc Hộ) và Phùng Thị Dung tiên nương. Nơi đây xưa kia là vùng đất buôn bán của nhà Mạc cũ, nằm gần chùa Thương Trưng, với tấm bia dựng năm 1592 và nhiều tượng đẹp như tượng Quan Âm thời Mạc, phía ngoài quốc lộ có chùa Hội Hạ. Điều đó cho thấy Thổ Tang là mảnh đất có truyền thống văn hóa, lịch sử, nghệ thuật.

Đình Thổ Tang được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XVII, nghĩa là có sau các đình Chu Quyến, Tây Đằng (Hà Tây)... tới trên dưới một thế kỷ. Về mặt kiến trúc, trong một chừng mực nào đó, đình Thổ Tang không được hoàn chỉnh như đình Chu Quyến. Song điều đáng quan tâm ở đình Thổ Tang là những hoạt cảnh trang trí trong đình. Ta có thể thấy trên những bức chạm trổ những hoạt cảnh như cưỡi voi, cảnh tưới cây ngô đồng, cảnh trai gái tự tình, đá cầu, đánh hổ, đánh vật, chuốc rượu...

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đình Thổ Tang với kiến trúc cổ truyền đã phản ánh rõ nét tư duy dân dã của người nông dân, sự giao hoà giữa con người và vũ trụ đã tạo nên hình tượng nghệ thuật đặc sắc.

Chùa Cói

Tên chữ là Thần Tiên tự, ở thôn Thần Tiên, xã Hợp Hội, huyện Lập Thạch. Chùa gồm bốn ngôi chính nằm trên một ngọn đồi đất đỏ cao 8m so với mặt đường. Tương truyền chùa được xây vào khoảng thế kỷ XI, ở các bức cốn chạm trổ trang trí hình người, rồng phượng và tứ linh, tứ quý. Sau chùa có tháp gạch, nhưng đã bị phá hủy vào năm 1937.

Chùa có tam quan, ba gian, cột bằng đá, kèo gỗ, sân chùa rộng, có hai ngọn tháp ba tầng, trong đó có một tháp bị đổ hẳn, một tháp nghiêng, nên người ta còn gọi chùa này là chùa Tháp Nghiêng. Trong chùa có mười cột đá khắc niên hiệu "Tuế thứ Canh Tý niên" (1600-1660, 1720 và 1780).

Ở điện chính của chùa còn lưu giữ nhiều tượng Phật, trong đó đáng chú ý là tượng Phật Quan Thế Âm nhiều tay bằng đồng, đứng trên toà sen trong khung gỗ được chạm khắc tinh vi, đặt ở góc Tây Bắc và một số tượng gỗ đặt ở góc Đông Nam trong điện chính.

Trên xà ngang của điện chính được chạm khắc hình người, thú vật, rồng, phượng...

Năm 1947, chùa bị phá hủy hoàn toàn.

Đình Ngọc Canh

Thuộc làng Ngọc Canh, xã Tam Canh, huyện Tam Đảo, cách quốc lộ 2 khoảng 100m, từ Hà Nội lên, đình nằm bên tay phải. Cách Hà Nội khoảng 60km. Đình được xây dựng vào khoảng thế kỷ XVII-XVIII, cùng thời gian xây dựng nhóm đình Tam Canh gồm: Ngọc Canh, Tiên Canh và Hương Canh.

Cũng giống như đình Hương Canh, đình Ngọc Canh thờ sáu vị đại vương: Ngô Quyền, Ngô Xương Ngập, Ngô Xương Văn và ba vị Thành hoàng khác.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Kiến trúc đình theo kiến trúc chữ "*vương*" (王). Mặt tiền quay về hướng Nam - Tây Nam. Nhà tiền tế gồm bốn gian, hai chái. Nhà hậu cung năm gian. Ống muống thứ nhất, hai gian nằm dọc nối tiền tế với đại đình. Ống muống thứ hai, ba gian nằm dọc nối đại đình với nhà hậu cung. Nhà hậu cung rộng 10m x 7,3m. Đại đình rộng 24m x 15,37m. Nhà tiền tế rộng 20,15m x 7,1m. Trước đây đình có lát sàn, chung quanh có ván bưng, nay đã hư hỏng, xây lại tường gạch, nền lát gạch lá nem. Toà đại đình có sáu hàng cột, 8 cột cái, 16 cột quân và 24 cột hiên.

Tuy cùng xây với đình Hương Canh, nhưng đình Ngọc Canh trước nhà tiền tế làm thêm một tầng phụ ở gian giữa. Trong đình có nhiều mảng chạm khắc tinh vi. Cửa võng chạm rồng mây, hoa lá và sơn son thếp vàng rất lộng lẫy, có niên đại từ thời Nguyễn. Cốn nách chạm trổ rồng bay, phượng múa, cá chép, rùa, long mã ngậm ngọc. Cốn chạm phượng cắp túi thơ, rồng mẹ dạy rồng con cưỡi gió vờn mây.

Ngoài ra, trong đình có mảng chạm nổi cảnh sinh hoạt của con người: đi cấy, đi cày, những cảnh đấu vật và những người hâm mộ đứng xem, người uống rượu, kẻ khiêng dê theo sau là con chó, cảnh người cưỡi ngựa có bốn người đi theo hầu, hai người cầm kiếm (quan võ), hai người cắp sách (quan văn), cảnh người chơi cờ, hát chèo, bơi thuyền...

LỄ HỘI

Vĩnh Phúc thuộc vùng đất cổ, là nơi cư trú của nhiều dân tộc anh em, có một nền văn hóa truyền thống lâu đời, có nhiều phong tục lễ hội phong phú như:

Hội đình Tích Sơn

Hằng năm hội đình Tích Sơn tổ chức vào mồng 3 tháng Giêng âm lịch tại đình Tích Sơn, xã Tích Sơn, thị xã Vĩnh Yên. Đình Tích Sơn thờ bảy vị thần Lỗ Bình Sơn (bảy anh em nhà họ Lỗ,

https://www.facebook.com/taybanganh/

đời nhà Trần). Trong lễ hội có nhiều trò vui, trong đó có thi nấu cơm nhanh, thi kéo co nam nữ...

Hội Sơn Đồng

Lễ hội Sơn Đồng được tổ chức trong 3 ngày, từ mồng 4 đến mồng 6 tháng Giêng âm lịch hằng năm tại xã Sơn Đồng, huyện Lập Thạch. Hội Sơn Đồng tế lễ Ông Bách, một Lạc tướng tài ba của vua Hùng và Ông Điền, một vị quan trông coi nghề cày cấy. Trong lễ hội có tổ chức nhiều trò chơi dân gian, trong đó có trò trình diễn nghề nông.

Hội xuân làng Thổ Tang

Làng Thổ Tang xưa có tên là Địa Tang, thuộc huyện Vĩnh Tường. Thổ Tang hằng năm có nhiều ngày hội. Trong đó lớn nhất là hội xuân kéo dài từ ngày 14 đến ngày 23 tháng Giêng âm lịch. Hội xuân hằng năm bắt đầu bằng cuộc rước từ miếu Trúc về đình làng theo nghi lễ truyền thống. Tục truyền đình Thổ Tang thờ ba vị thần là Nuôi Ná (tức là thần Đất), Lâu Hồ Hầu (tức Phùng Lộc Hộ, một người quê ở Ba Vì, Hà Tây có công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên-Mông ở thế kỷ XIII, chính ông đã hóa ở đất Thổ Tang) và Phùng Thị Tiên nương. Tưởng nhớ công ơn của các vị, hằng năm dân làng tổ chức lễ hội.

YÊN BÁI

Yên Bái là tỉnh vùng núi cao phía Bắc, nằm sâu vào nội địa nhưng lại là cửa ngõ của miền Tây Bắc, có diện tích tự nhiên 6.808km^2, dân số 686.600 người, gồm các dân tộc Kinh, Dao, H'mông, Tày, Thái, Nùng, Sán Chay, Giáy, Phù Lá... Thành phố Yên Bái là tỉnh lỵ, ngoài ra còn có thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Lục Yên, Văn Yên, Mù Căng Chải, Trấn Yên, Yên Bình, Văn Chấn, Trạm Tấu.

Phía Bắc Yên Bái giáp Lào Cai, phía Tây giáp Sơn La, phía Đông giáp Tuyên Quang, phía Nam giáp Phú Thọ.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Địa hình Yên Bái chủ yếu là đồi núi và thung lũng, có nhiều sông suối, lắm thác ghềnh. Yên Bái có những dải rừng già rất lớn, có hệ động thực vật phong phú, có nhiều loại gỗ quý đang được bảo vệ như pơmu, lát hoa, chò chỉ... Đặc biệt rừng Yên Bái có nhiều cây dược liệu quý như sa nhân, thảo quả... Hệ động vật rất phong phú về loài, đặc biệt các loài chim.

Yên Bái có những đặc sản như quế Văn Yên, chè Suối Giàng. Về khoáng sản, trước hết phải kể đến đá quý Lục Yên đã có tiếng trên thị trường thế giới.

Về giao thông, Yên Bái là đầu mối giữa Đông Bắc và Tây Bắc, giữa Hà Nội và cửa khẩu quốc tế Lào Cai, Yên Bái, có đường bộ, đường sắt đi qua rất thuận tiện.

Khí hậu Yên Bái chia làm hai vùng: vùng thấp và vùng cao. Nhiệt độ vùng cao thấp hơn vùng thấp. Nhiệt độ trung bình cả năm là 18-28^{0}C.

Yên Bái có nhiều di tích thắng cảnh đẹp nổi tiếng trong cả nước như hồ Thác Bà, hang động chùa Sảo, và là một vùng đất có nhiều lễ hội.

THẮNG CẢNH

Hồ Thác Bà

Hồ Thác Bà là hồ nhân tạo, được hình thành bởi công trình thủy điện Thác Bà. Hồ có diện tích mặt nước 23.400ha, dài 80km, rộng từ 10 đến 15km, độ sâu khoảng 50-70m. Giữa hồ có 1.331 đồi đảo với thảm thực vật và cảnh quan sinh thái đa dạng. Hồ Thác Bà được xây dựng từ năm 1970.

Nước hồ quanh năm trong xanh, in bóng những vạt rừng già bao quanh hồ, với nhiều hang động kỳ khu như hang Hùm, hang Cẩu Cuôi, động Bạch Xà, động Thủy Tiên, động Xuân Long, núi Cao Biền, núi Chàng Rể, đền Thác Ông, đền Thác Bà... với bao huyền thoại làm say đắm lòng người, như: 9 nàng tiên xinh đẹp,

https://www.facebook.com/taybanganh/

mối tình đẹp của đôi trai gái tha thiết yêu nhau nhưng không lấy được nhau, hay sự tích về núi Cao Biền...

Hồ Thác Bà không chỉ là một thắng cảnh đẹp, dệt nên những truyền thuyết đầy nhân bản, mà nó còn là một vùng di tích lịch sử. Tại đây đã diễn ra trận đánh ở châu Thu Vật (nay thuộc huyện Yên Bình) do Trần Nhật Duật (một vị tướng tài ba của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn) chỉ huy, đã đánh tan đạo quân hùng mạnh của Nguyên - Mông năm 1285. Đặc biệt vùng thượng hồ, một số nơi là cơ sở hoạt động của các cơ quan Trung ương thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Giữa hồ Thác Bà có động Mộng Sơn là nơi Tỉnh ủy Yên Bái làm việc trong những năm miền Bắc chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ từ 1965-1967.

Hồ Thác Bà nguồn cung cấp năng lượng cho Nhà máy thủy điện Thác Bà, là công trình thủy điện đầu tiên ở nước ta do Liên Xô giúp đỡ.

Động Sảo

Nằm trên ngọn núi đá vôi thuộc làng Sảo, còn gọi là động chùa Hương Thảo, bởi ở vùng núi cao này có một loài cây tỏa ra mùi hương thơm ngát. Đến thăm động Sảo, ngoài vẻ đẹp hoang sơ của hang động với những nhũ đá hình thù kỳ thú, du khách sẽ được lễ bái từ chùa Hạ, lên chùa Trung đến chùa Thượng. Du khách sẽ phải hết sức ngạc nhiên trước vẻ đẹp thanh u của cõi Phật giữa chốn núi non hùng vĩ.

Thành phố Yên Bái

Với sự nỗ lực của chính quyền và nhân dân Yên Bái, chỉ trong một thời gian ngắn, tách ra khỏi tỉnh Hoàng Liên Sơn, Yên Bái đã có bước phát triển đột phá, nhiều nhà cửa, công trình công cộng, phúc lợi mọc lên, đường sá, vườn hoa, công viên cây xanh, khang trang sạch đẹp trở thành một thành phố nhất nhì trong các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

https://www.facebook.com/taybanganh/

Yên Bái, thành phố nằm nghiêng nghiêng soi bóng sông Hồng, ngàn năm rì rào cuộn chảy. Tại trung tâm thành phố cũng như ở những vùng ngoại ô, dọc theo hai bên bờ tả ngạn và hữu ngạn là những danh lam thắng cảnh, di tích lâu đời nổi tiếng như khu tưởng niệm nhà yêu nước Nguyễn Thái Học, khu du lịch Thuận Bắc...

Khu Du lịch Thuận Bắc

Khu du lịch Thuận Bắc, hình thành chung quanh vùng hồ Thuận Bắc, cách thành phố Yên Bái khoảng 5km. Chung quanh hồ, ngành du lịch Yên Bái cho xây dựng khá nhiều nhà nghỉ, theo kiểu kiến trúc dân tộc nhà sàn. Ở đây có nhà hàng phục vụ các món ăn đặc sản, có hoa quả địa phương.

Du khách đến khu du lịch Thuận Bắc sẽ được chèo thuyền du ngoạn trên hồ, thảnh thơi câu cá, và nghỉ dưỡng trong những ngôi biệt thự nhà sàn đầy đủ tiện nghi.

Bình nguyên Khai Trung

Một vùng đất khá bằng phẳng với khí hậu trong lành, nơi đây có những vườn cam trĩu quả xanh tươi, chạy tít tắp tận chân trời và rừng sồi tự nhiên rộng hơn 2ha. Du khách đến Khai Trung sẽ được hoà mình vào cuộc sống của đồng bào dân tộc Tày, Nùng, Dao, những con người mộc mạc, mến khách. Đến đây, ngoài thưởng thức món cam đặc sản ngọt lịm, tìm hiểu phong tục tập quán của người dân địa phương, còn được khám phá tận cùng của Hang Diêm với bao huyền thoại, hay chinh phục đỉnh núi Tắc Én, một cánh rừng nguyên sinh với một hệ động thực vật phong phú, đặc hữu.

Lục Yên đất ngọc

Lục Yên từ lâu đã nổi tiếng với loại đá quý của mình. Đá quý Lục Yên đã có mặt tại nhiều nước trên thế giới và được nhiều khách hàng sang trọng ưa chuộng. Đá ngọc Lục Yên tạo nhiều màu sắc óng ánh, lung linh. Chính tay người đất ngọc tạo tác

https://www.facebook.com/taybanganh/

nên những dây chuyền, hoa tai, nhẫn ngọc, khảm tranh... không phải ai khác. Chính họ, những người hôm qua còn là những nông dân cày cấy, chân lấm tay bùn, là những người chuyên phát nương rẫy... giờ đã là những người thợ chế tác đồ trang sức cho các ông, các bà.

Mỏ đá quý Lục Yên không biết bao giờ cạn, nhưng nhãn tiền, thì đá quý Lục Yên đã chiếm được cảm tình và lòng quý trọng của khách hàng và điều quan trọng là tạo ra cho Yên Bái một lớp thợ trẻ có tay nghề cao.

DI TÍCH

Đền Đông Cuông

Đền Đông Cuông ở cách thành phố Yên Bái khoảng 50km về phía Tây, còn gọi là đền thờ thần Vệ quốc, vì ngoài việc thờ Mẫu Thượng Ngàn, đền Đông Cuông còn thờ các vị có công với nước trong công cuộc đánh giặc ngoại xâm Nguyên - Mông ở thế kỷ XIII dưới sự chỉ huy tài tình của các tướng quân nhà Trần. Đó là một số tướng người dân tộc địa phương.

Tại khu vực chung quanh đền Đông Cuông, các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều di vật thuộc nền văn hóa Sơn Vi (thời hậu kỳ đá cũ). Chứng tỏ nơi đây đã có con người sinh sống khá sớm.

Đền Đông Cuông được xây dựng nơi có phong cảnh hữu tình. Đền hướng ra mặt sông Hồng, chung quanh là núi non hùng vĩ, núi sông hoà hợp, nên đền Đông Cuông vừa là di tích vừa là thắng cảnh.

Đền Gia Quốc Công

Ở Đại Đồng, châu Thu Vật, nay là huyện Yên Bình. Đền thờ Vũ Văn Mật, là em của Vũ Văn Uyên, nguyên người xã Ba Đông, huyện Gia Phúc (nay là huyện Gia Lộc) tỉnh Hải Dương. Vũ Văn Mật lánh nhà Mạc, lên xóm Khau Bầu, xã Đại Đồng. Bấy giờ tù trưởng châu Thu Vật (Yên Bình) là kẻ tàn bạo, gian ác, ức hiếp

https://www.facebook.com/taybanganh/

nhân dân. Để trả thù cho dân, Văn Mật đem thuộc hạ đến giết chết tên tù trưởng, tự xưng là Đô tướng, sau xưng là Gia Quốc Công, sai người vào hành dinh của vua Lê ở Thanh Hóa xin quy thuận nhà Lê. Vua Lê Trung Tông cho Văn Mật làm An Tây Vương, cho được nối đời đóng giữ miền sơn cước.

Dân địa phương thường gọi ông là Nhà Bầu, vì Văn Mật khởi binh từ xóm Khau Bầu. Các thành lũy do Văn Mật đắp đều gọi thành Nhà Bầu. Sau khi ông qua đời, dân địa phương lập đền thờ để tưởng nhớ công ơn ông.

Chùa tháp Hắc Y (thần Áo Đen)

Tọa lạc ở đỉnh đồi Hắc Y, cách thành phố Yên Bái 80km. Chùa mang phong cách kiến trúc thời Trần. Đây là một quần thể di tích gồm có tháp Hắc Y, đình Bến Lăn, núi Thần Áo Đen, đền Đại Cại.

Trên đồi Hắc Y có ngọn tháp Hắc Y, thành đắp đất, bãi quần ngựa, đấu đong quân... đã ghi dấu ấn lâu đời về lịch sử đấu tranh giữ nước.

Các di tích này phần lớn đã bị phá hỏng, đang được trùng tu phục chế. Đình Bến Lăn hiện chỉ còn những tảng đá kê chân cột đình, đường kính 0,72m. Núi Thần Áo Đen là một dãy núi đá cao, trên đỉnh có ao cá, vườn cây, dấu tích của công trình tôn giáo thời Lý - Trần.

Đền Đại Cại được dựng cạnh bờ sông Chảy, mặt chính nhìn ra ngã ba sông và đồi Hắc Y. Đền được dựng trong một khuôn viên rộng, có nhiều cây xanh.

Tại khu vực Đại Cại, Bến Lăn, các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều công cụ đá cuội mang đặc trưng văn hóa Sơn Vi.

Di tích đồn Nghĩa Lộ

Đây là di tích lịch sử ghi lại nơi thực dân Pháp giam cầm các tù chính trị với sự kiện chín chiến sĩ vượt ngục bị chúng bắt được

https://www.facebook.com/taybanganh/

và đem giết chôn chung một hố. Tại đây còn ghi dấu tích trận chiến đấu của Quân đội Nhân dân Việt Nam ngày 18-10-1952 san bằng đồn Nghĩa Lộ, bắt sống toàn bộ ban tham mưu và quân lính đồn trú của Pháp, góp phần giải phóng Tây Bắc.

Từ di tích này, du khách có thể đến tắm suối nước khoáng thiên nhiên Bản Bon, cách Nghĩa Lộ 6km, thuộc thôn Cò Cọi, xã Sơn A, thị xã Nghĩa Lộ. Nguồn nước suối khoáng Bản Bon có nhiệt độ nóng từ 40-50^{0}C.

Cũng từ đồn Nghĩa Lộ, du khách đã có thể nhìn thấy Suối Giàng ở độ cao 1.371m so với mặt biển, với những cây chè Tuyết san cổ thụ cao 3m, thân to, chu vi hơn 1m, đã hơn 300 năm tuổi.

Chè Suối Giàng nổi tiếng trong cả nước với hương vị đặc biệt, do khí hậu, đặc điểm địa hình cũng như thổ nhưỡng.

LỄ HỘI

Yên Bái là địa bàn sinh tụ của người Việt cổ, với những công cụ bằng đá, bằng đồng thau liên tiếp được tìm thấy trên vùng đất Yên Bái, thạp đồng Đào Thịnh nổi tiếng với thạp đồng Hợp Minh độc đáo cùng với nhiều di vật khảo cổ khẳng định Yên Bái là nơi con người cư ngụ lâu đời. Yên Bái có một nền văn hóa truyền thống với nhiều lễ hội tiêu biểu:

Lễ hội Đông Cuông

Đền thờ Mẫu Thượng Ngàn, thu hút khách thập phương tới lễ bái. Đền thờ Mẫu Thượng Ngàn Đông Cuông là một trong những ngôi đền thờ Mẫu nổi tiếng linh thiêng từ lâu. Hằng năm lễ hội được tổ chức vào sau Tết Nguyên Đán. Phần lễ được tiến hành nghiêm trang, phần hội có nhiều trò chơi dân gian truyền thống.

Lễ Tết nhảy

Là lễ hội ôn lại truyền thống thượng võ của dân tộc Dao. Theo truyền thuyết thì các tướng lĩnh sau nhiều năm làm nhiệm vụ

https://www.facebook.com/taybanganh/

bảo vệ đất nước, sức lực và tinh thần có phần mệt mỏi, binh khí hư hỏng, cần được duyệt binh để chấn hưng lại tất cả, thông qua đó mà vui chơi, quên đi sự mệt nhọc, vất vả của đời thường. Tết nhảy còn là "đại hội Phù Đổng Thiên vương", nơi hội ngộ của các thần linh.

Tết nhảy được tổ chức vào dịp Tết Nguyên Đán, được biểu diễn bằng những điệu múa. Đồ dùng trong Tết nhảy là các loại vũ khí như: dao, khiên, kiếm, các binh khí cổ. Dàn nhạc gồm bộ cồng, chiêng, kèn trống, tù và. Lễ vật là thịt lợn, rượu nếp, thức ăn đủ cho 100 người trong 3 ngày.

https://www.facebook.com/taybanganh/

BẢNG TRA NHANH CÁC TỈNH VÀ THÀNH PHỐ

AN GIANG 282
BÀ RỊA-VŨNG TÀU 288
BẠC LIÊU 298
BẮC GIANG 303
BẮC KẠN 317
BẮC NINH 324
BẾN TRE 334
BÌNH DƯƠNG 340
BÌNH ĐỊNH 347
BÌNH PHƯỚC 361
BÌNH THUẬN 366
CÀ MAU 377
CAO BẰNG 384
THÀNH PHỐ CẦN THƠ 397
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG 404
ĐẮK LẮK 415
ĐẮK NÔNG 422
ĐIỆN BIÊN 431
ĐỒNG NAI 440
ĐỒNG THÁP 448
GIA LAI 456
HÀ GIANG 464
HÀ NAM 475
HÀ NỘI 479
HÀ TÂY 504
HÀ TĨNH 518
HẢI DƯƠNG 535
HẢI PHÒNG 544
HẬU GIANG 555
HÒA BÌNH 559
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 566
HƯNG YÊN 591
KHÁNH Hoà 602
KIÊN GIANG 612
KON TUM 624
LAI CHÂU 630
LẠNG SƠN 634
LÀO CAI 652
LÂM ĐỒNG 665
LONG AN 684

https://www.facebook.com/taybanganh/

NAM ĐỊNH 690
NGHỆ AN 706
NINH BÌNH 717
NINH THUẬN 728
PHÚ THỌ 736
PHÚ YÊN 744
QUẢNG BÌNH 755
QUẢNG NAM 768
QUẢNG NGÃI 782
QUẢNG NINH 791
QUẢNG TRỊ 812
SÓC TRĂNG 821
SƠN LA 830
TÂY NINH 836
THÁI BÌNH 844
THÁI NGUYÊN 861
THANH HÓA 870
THỪA THIÊN-HUẾ 889
TIỀN GIANG 910
TRÀ VINH 920
TUYÊN QUANG 927
VĨNH LONG 935
VĨNH PHÚC 945
YÊN BÁI 954

https://www.facebook.com/taybanganh/

BẢNG TRA CÁC THẮNG CẢNH, DI TÍCH

Ải Chi Lăng 649
An Sơn Miếu 295
Ao Bà Om 921
Ao Tiên 319
ATK (An Toàn Khu) 322
Bà Điểm-Mười Tám thôn Vườn Trầu 572
Bạch Dinh 293
Bãi biển Ba Động 922
Bãi biển Cửa Lò 707
Bãi biển Đồi Dương 367
Bãi biển Đồng Châu 845
Bãi biển Long Thủy 749
Bãi biển Mỹ Khê 786
Bãi biển Non Nước 409
Bãi biển Sầm Sơn 872
Bãi biển Thịnh Long 692
Bãi Cháy 794
Bãi Dâu (Phương Thảo) 290
Bãi Dứa (Hương Phong) 290
Bãi đá cổ Sapa 659
Bãi Nghinh Phong 290
Bãi Rạng 774
Bãi Sau (bãi Thùy Vân) 290
Bãi tắm An Hoà 450
Bãi tắm Cửa Đại 774
Bãi tắm Đá Nhảy 760
Bãi tắm Lăng Cô 896
Bãi tắm Long Hải 444
Bãi tắm Nhật Lệ và Bàu Tró 761
Bãi tắm Tam Thanh 774
Bãi tắm Thuận An 897
Bãi Trũ 605
Bãi Trước (Tầm Dương) 290
Bãi Trường 619
Bản dân tộc Mường 561
Bán đảo Đồ Sơn 545
Bán đảo Sơn Trà 409
Bảo tàng Bình Dương 346
Bảo tàng Cách mạng (Hà Nội) 502
Bảo tàng Cách mạng (TP. HCM 583

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bảo tàng Chàm 413
Bảo tàng Chứng tích chiến tranh 585
Bảo tàng Hồ Chí Minh 501
Bảo tàng Hồ Chí Minh - chi nhánh Bình Thuận 370
Bảo tàng Khơme 827
Bảo tàng Lịch sử (Hà Nội) 501
Bảo tàng Lịch sử (TP. HCM) 583
Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam 501
Bát Bửu Phật đài 578
Bàu Trắng 368
Bẫy đá của anh hùng Pi Năng Tắc 734
Bến Bình Than 537
Bến Ninh Kiều 399
Bích Động 718
Biển Đại Lãnh 607
Biển Hồ 457
Biệt thự Bảo Đại 420
Bình nguyên Khai Trung 957
Bình Tả 686
Bờ biển Cà Ná 730
Bờ biển Ninh Chữ 730
Bờ biển Sa Huỳnh 786
Buôn Đôn 417
Cảnh đẹp Đông Hồ 614
Cao nguyên Mộc Châu 832
Căn cứ Tà Thiết 364
Căn cứ Trung ương Cục miền Nam 841
Căn cứ Xẻo Quýt 454
Căng Bắc Mê 473
Cầu Chương Dương 489
Cầu Hiền Lương - sông Bến Hải 819
Cầu Hồ Kiều 654
Cầu Long Biên 489
Cầu lợp Long Đống 648
Cầu ngói chợ Lương 703
Cầu Tàu 295
Cầu Thăng Long 490
Cầu văng dây Mỹ Thuận 938
Cây đa Tân Trào 932
Chiến trường Đắk Tô 627
Chiếu chèo làng Khuốc 847
Chợ Bến Thành 587
Chợ Đồng Đăng 638
Chợ Kỳ Lừa 637

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chợ nổi Cái Bè 912
Chợ nổi Phụng Hiệp 557
Chợ Tam Động 948
Chợ tình Khau Vai 471
Chùa Angkorette Pali 925
Chùa Ấn Quang 579
Chùa Bà (Bình Dương) 344
Chùa Bà (Đồng Tháp) 452
Chùa Bà Đá 494
Chùa Bà Đanh 478
Chùa Bà Thiên Hậu 576
Chùa Bác Ái 626
Chùa Bảo Minh Sùng Phúc 929
Chùa Bích Động 727
Chùa Bổ Đà 309
Chùa Bốn Mặt 827
Chùa Bút Tháp 327
Chùa Bửu Lâm 917
Chùa Bửu Long 447
Chùa Bửu Nghiêm 462
Chùa Bửu Thắng 462
Chùa Cao 863
Chùa Cầu 776
Chùa Cây Mai 576
Chùa Chân Tiên 525
Chùa Chiền Viện 834
Chùa Chúc Thánh 777
Chùa Chuông 598
Chùa Cò 923
Chùa Cói 952
Chùa Cổ Lễ 692
Chùa Cổ Thạch 373
Chùa Cổ Tuyết 855
Chùa Dâu 328
Chùa Diên Khánh 641
Chùa Diệu Đế 905
Chùa Dơi 824
Chùa Du Anh 887
Chùa Dư Hàng 548
Chùa Đất Sét 826
Chùa Đậu 512
Chùa Đình Xá 477
Chùa Đoan Minh 311
Chùa Đội 477

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Đông Ngọ 541
Chùa Đức La 308
Chùa Giác Lâm 574
Chùa Giác Viên 574
Chùa Giám 540
Chùa Giồng Thành 286
Chùa Hang (An Giang) 287
Chùa Hang (Quảng Ngãi) 787
Chùa Hang (Thái Nguyên) 864
Chùa Hang (Trà Vinh) 922
Chùa Hang - Hòn Phụ Tử (Kiên Giang) 619
Chùa Hang (chùa Thạch Cốc) (Bình Định) 354
Chùa Hiến 596
Chùa Hoằng Phúc 763
Chùa Hòe Nhai 494
Chùa Hội Khánh 344
Chùa Hội Linh 402
Chùa Hội Thọ 916
Chùa Hội Tôn 336
Chùa Hồng Từ 627
Chùa Hưng Quảng 381
Chùa Hương 453
Chùa Hương Tích 526
Chùa Kè 563
Chùa Keo 847
Chùa Keo Hành Thiện 700
Chùa Khải Hoàn 419
Chùa Khánh Quang 403
Chùa Khleang 826
Chùa Kiến An Cung 451
Chùa Kim Cang 688
Chùa Kim Liên 495
Chùa Kim Phong 764
Chùa Kính Chủ 540
Chùa Kỳ Sơn 944
Chùa Láng 498
Chùa Làng Cát 621
Chùa Làng Vẽ 311
Chùa Liên Phái 495
Chùa Linh Phong (Chùa Sư Nữ) 677
Chùa Linh Phước 677
Chùa Linh Quang 679
Chùa Linh Sơn (Bình Thuận) 375
Chùa Linh Sơn (Lâm Đồng) 677

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Linh Sơn (chùa Núi) (Long An) 688
Chùa Linh Thứu 916
Chùa Linh Ứng 413
Chùa Long Bàn 294
Chùa Long Đọi 477
Chùa Long Khánh 353
Chùa Long Sơn 609
Chùa Long Thiền 446
Chùa Lương 702
Chùa Lưỡng Xuyên 924
Chùa Mẫu Sơn 646
Chùa Mía 513
Chùa Minh (Vĩnh Triều Minh Hội quán) 301
Chùa Một Cột 497
Chùa Mới Hòa Bình 301
Chùa Nam Nhã 401
Chùa Nhất Trụ 727
Chùa Nộn Sơn 705
Chùa núi Bà 843
Chùa núi Châu Thới 345
Chùa núi Tà Cú 373
Chùa Ông (Bạc Liêu) 300
Chùa Ông (Bình Thuận) 372
Chùa Ông (Thành phố Cần Thơ) 402
Chùa Ông (TP. HCM) 576
Chùa Ông (Quảng Nam) 778
Chùa Ông (Quảng Ngãi) 787
Chùa Pháp Hoa 429
Chùa Pháp Lâm 412
Chùa Pháp Vân 595
Chùa Phật Quang 373
Chùa Phật Tích 329
Chùa Phổ Chiếu 551
Chùa Phổ Đà 412
Chùa Phổ Minh 693
Chùa Phố Cũ 392
Chùa Phù Dung 623
Chùa Phú Thị 595
Chùa Phúc Thánh 740
Chùa Phụng Sơn 575
Chùa Phước Lâm 777
Chùa Quan Âm 381
Chùa Quan Đế 392
Chùa Quán Sứ 496

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Quán thế âm Bồ tát 292
Chùa Quang Minh 310
Chùa Quảng Triệu 779
Chùa Quỳnh Lâm 803
Chùa Sà Lôn 827
Chùa Samrôngek 924
Chùa Sanghamangala 942
Chùa Sắc Tứ 814
Chùa Sơn Long 354
Chùa Sùng Khánh 473
Chùa Sùng Nghiêm 886
Chùa Sùng Phúc 391
Chùa Tam Bảo (Thành phố Đà Nẵng) 413
Chùa Tam Bảo (Thị xã Rạch Giá, Kiên Giang) 621
Chùa Tam Bảo (Thị xã Hà Tiên, Kiên Giang) 621
Chùa Tây An 285
Chùa Tây Phương 512
Chùa Tây Thiên 949
Chùa Thạch Long 321
Chùa Thanh Trước 918
Chùa tháp Hắc Y (thần Áo Đen) 959
Chùa Thập Tháp 352
Chùa Thầy 511
Chùa Thiên Ấn 788
Chùa Thiên Mụ 905
Chùa Thiên Tượng 527
Chùa Thiên Vương Cổ Sát 678
Chùa Thuyền Tôn 907
Chùa Tiên 641
Chùa Tiên Châu 941
Chùa Tiên Lục 310
Chùa Tôn Thạnh 687
Chùa Trầm 515
Chùa Trăm Gian 515
Chùa Trấn Quốc 499
Chùa Tuyên Linh 337
Chùa Từ Đàm 906
Chùa Từ Quang 750
Chùa Tượng Sơn 528
Chùa Vạn Đức 778
Chùa Vân An 391
Chùa Viên Minh (Bến Tre) 337
Chùa Viên Minh (Cao Bằng) 391
Chùa Vĩnh Hòa (chùa Mẹ Bồng Con) 301

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Vĩnh Nghiêm....577
Chùa Vĩnh Tràng....915
Chùa Xà Tón....287
Chùa Xá Lợi....578
Chùa Xiêm Cán....300
Chuồng Bò....296
Chuồng cọp Pháp....296
Chứng tích Sơn Mỹ....789
Cổ Lũy Cô Thôn....785
Cố đô Hoa Lư....723
Côn Đảo....291
Côn Sơn....536
Cồn Mỹ Phước....823
Cồn Nghêu....922
Cồn Ốc....336
Cồn Phụng....334
Cồn Quy....336
Cồn Thới Sơn....911
Cồn Tiên (Bến Tre)....336
Cồn Tiên (Hòa Bình)....450
Công Quán....296
Công trình thủy điện Hoà Bình....563
Công viên Đầm Sen....570
Công viên nước Sài Gòn (Saigon water park)....571
Công viên Thống Nhất....487
Công viên Thủ Lệ....487
Cổng Trời Đồng Văn....468
Cổng trời Quản Bạ....466
Cù Lao An Bình....936
Cù Lao Câu....369
Cù Lao Chàm....770
Cù lao Ông Hổ....284
Cụm di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh....500
Cụm di tích Điện Biên Phủ....436
Cụm vườn Thanh Long....686
Cửa Hà....876
Cửa khẩu Phó Bảng....469
Cửa khẩu Thanh Thủy....466
Cửa Tùng....813
Danh thắng Kẻm Trống....476
Di chỉ khảo cổ U Va....438
Di tích An Sinh....805
Di tích Ấp Bắc....918
Di tích Ba Tơ....788

https://www.facebook.com/taybanganh/

Di tích Bạch Đằng....809
Di tích cách mạng Hoàng Vân....308
Di tích cách mạng xã Tiền Phong....867
Di tích căn cứ tỉnh ủy....558
Di tích Chiến thắng Vạn Tường....789
Di tích đồn Đông Khê....390
Di tích đồn Nghĩa Lộ....959
Di tích đồn Phai Khắt....389
Di tích Đông Sơn....881
Di tích Đồng Khởi....338
Di tích hầm bí mật Dốc Tiên - hội trường chữ U....322
Di tích khảo cổ Sa Huỳnh....786
Di tích Khe Sanh....816
Di tích khởi nghĩa Phồn Xương - Yên Thế....308
Di tích Lam Sơn....879
Di tích lịch sử Đá Bàn....934
Di tích lịch sử làng Quặng....866
Di tích lịch sử Pò Két....322
Di tích lịch sử Rạch Gầm-Xoài Mút....915
Di tích Long Mỹ....558
Di tích lưu niệm cụ Phan Bội Châu....712
Di tích Noọng Nhai....436
Di tích Núi Thành....779
Di tích pháo đài Cao Bằng....394
Di tích văn hóa Óc Eo Gò Thành....913
Dinh 1 (Biệt điện 1)....680
Dinh 3....681
Dinh Cô....294
Dinh Thầy Thím....375
Dinh Toàn quyền (Biệt điện số 2, Dinh 2)....681
Dốc Lết....604
Đà Nẵng, thành phố bên sông Hàn....405
Đá Dựng....616
Đảo Cát Bà....547
Đảo Cò....538
Đảo Cô Tô....801
Đảo Lý Sơn....783
Đảo Ngọc Vừng....800
Đảo Phú Quốc....617
Đảo Phú Quý....369
Đảo Quan Lạn....801
Đảo Tuần Châu....796
Đầm Nha Phu....606
Đầm Ô Loan....746

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đèo Cả - Vũng Rô....747
Đèo Ngang (Hà Tĩnh)....519
Đèo Ngang (Quảng Bình)....758
Đèo Ngoạn Mục....731
Đèo Pha Đin....434
Đèo Phượng Hoàng....416
Đèo Tam Điệp....721
Đèo Violắc....783
Đền Anh Quốc Công....763
Đền Bà Chúa Kho....327
Đền Bà Triệu....884
Đền Bảo Hà....662
Đền Bảo Lộc....696
Đền Bắc Lệ....644
Đền Cả....529
Đền Cao....541
Đền Chòi....851
Đền Chu Văn Tiếp....942
Đền Chử Đồng Tử....596
Đền Cô Tiên....886
Đền Cờn....715
Đền Củi....530
Đền Cuông....709
Đền Cửa Đông....645
Đền Cửa Ông....804
Đền Cửa Tây....645
Đền Đại Giá Đại vương....436
Đền Đô....326
Đền Độc Cước....883
Đền Đông Cuông....958
Đền Đồng Bằng....850
Đền Gia Quốc Công....958
Đền Giang Động....393
Đền Hạ....930
Đền Hai Bà Trưng....500
Đền Hàn Sơn....885
Đền Hét....854
Đền Khuông Quang Trợ hóa Đại vương....868
Đền Kiếp Bạc....539
Đền Kỳ Cùng....643
Đền Kỳ Sầm....392
Đền Mai Hắc Đế....713
Đền Mại Bản....766
Đền Mẫu....662

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đền Mây 599
Đền Nghè 550
Đền Ngọc Sơn 492
Đền Nguyễn Biểu 713
Đền Phượng Hoàng 598
Đền Quán Thánh 499
Đền Sòng Sơn 885
Đền Tả Phủ 642
Đền Thái Vy 726
Đền Thắm 321
Đền thờ Bác Hồ 302
Đền thờ Bác Hồ 924
Đền thờ Đại danh y Tuệ Tĩnh 541
Đền thờ Đào Duy Từ 354
Đền thờ Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng 338
Đền thờ Lê Quý Đôn 852
Đền thờ Nguyễn Biểu 530
Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh 447
Đền thờ Nguyễn Trãi 539
Đền thờ Nguyễn Tri Phương 446
Đền thờ Noa Cả Đại vương 740
Đền thờ Pklongmơnai 375
Đền thờ Thủ Khoa Huân 913
Đền thờ Thượng tướng Trần Ngọc 451
Đền thờ Trần Hưng Đạo 579
Đền Thượng 662
Đền Tiên La 849
Đền Trần 695
Đền Trần Danh Tướng 816
Đền tưởng niệm liệt sĩ Bến Dược 585
Đền Và 513
Đền Vua Đinh 723
Đền vua Lê 393
Đền vua Lê Đại Hành 725
Đền Xuân Lĩnh 393
Đền Y La 930
Địa đạo Vĩnh Mốc 818
Điện Hòn Chén 908
Điện Lam Kinh 879
Điện Thái Hoà 899
Điện thờ Tây Sơn 349
Đình An Hoà 446
Đình Bà Lụa 345
Đình Bình Hoà 337

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đình Bình Thủy 400
Đình Chu Quyến 516
Đình Cổ Mễ 330
Đình Dư Hàng 549
Đình Định Yên 453
Đình Đông Hồ 331
Đình Hà Thượng 817
Đình Hàng Kênh 549
Đình Hoành Sơn 710
Đình Hồng Thái 931
Đình Hương Canh 951
Đình Hương Lộc 700
Đình Hữu Bổ Thượng 741
Đình Kênh 856
Đình làng Dương Nỗ 907
Đình làng Đình Bảng 330
Đình làng Đức Nghĩa 371
Đình làng Đức Thắng 371
Đình Làng Long Đống 647
Đình làng Phú Mỹ 950
Đình làng Tú Luông 371
Đình Long Hưng 917
Đình Long Khánh 454
Đình Long Thanh 940
Đình Lỗ Hạnh 312
Đình Lý Hoà 765
Đình Mộ Trạch 542
Đình Ngọc Canh 952
Đình Nhân Mục 550
Đình Nông Lục 646
Đình Phù Lão 313
Đình Phú Lễ 337
Đình Phú Long 345
Đình Phúc Long 313
Đình Phương Độ 863
Đình Quan Lạn 803
Đình Quán Triều 865
Đình Tân Hoà 943
Đình Tân Hưng 381
Đình Tân Lân 445
Đình Tân Phú Trung 453
Đình Tân Trào 932
Đình Tây Đằng 516
Đình Thổ Hà 312

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đình Thổ Tang 951
Đình Trà Cổ 803
Đình Trung Cần 710
Đình Vạn Niên 541
Đình Võ Liệt 714
Đình Vường 312
Đoàn Thành Lạng Sơn 649
Đồi Cọ 869
Đồi Ngườm Ngao 388
Đồi Vọng Cảnh 895
Đồn Rạch Cốc 687
Đồng Tháp Mười 911
Động Địch Lộng 720
Động Én 467
Động Hang Hanh 798
Động Hoa Sơn 719
Động Hồ Công 875
Động Huyền Không 407
Động Huyền Vi 409
Động Nàng Tiên 321
Động Nhị Thanh - chùa Tam Giáo 640
Động Phong Nha - Kẻ Bàng 756
Động Puông 319
Động Quan Âm 408
Động Sảo 956
Động Tả Phìn 660
Động Tam Thanh 639
Động Tàng Chân 408
Động Thiên Cung 796
Động Tiên (Hà Giang) 466
Động Tiên (Ninh Bình) 718
Động Tiên Sơn 874
Động Trường Lâm 874
Động Từ Thức 876
Ga Đà Lạt 680
Gành đá Đĩa 745
Gành Ráng 348
Gành Son 368
Hải Đăng (Vũng Tàu) 293
Hải đăng Kê Gà 374
Hải Vân quan 406
Hang Bóng 933
Hang Con Moong 878
Hang Cửa Giữa 797

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hang Đầu Gỗ 795
Hang động Phương Thiện 467
Hang Động Tiên 632
Hang Gió 640
Hang Luồn - Ao Dong 476
Hang Muối 561
Hang Phượng Hoàng và hang suối Mỏ Gà 862
Hang Sửng Sốt 797
Hang Thẩm Báng 435
Hang Thẩm Ké 831
Hang Thẩm Ồm 709
Hang Thẩm Tát Toòng 832
Hang Tiên 656
Hang Tiền 620
Hang Trống 798
Hang Tướng phỉ Vàng Vạn Ly 470
Hàng rào điện tử Mắc Namara 820
Hòn Bà (Vũng Tàu) 369
Hòn Bà (Bình Thuận) 290
Hòn Chồng 604
Hòn Đá Bạc 379
Hòn Đỉnh Hương 799
Hòn Đũa 800
Hòn Gà Chọi 799
Hòn Khoai 378
Hòn Rồng 799
Hòn Rơm 367
Hòn Trống Mái 872
Hòn Yên Ngựa 799
Hồ Ao Châu 738
Hồ Ba Bể 318
Hồ Bán Nguyệt 594
Hồ Bình An 341
Hồ cá Trí Nguyên 603
Hồ Cấm Sơn 306
Hồ chứa nước Pa Khoang 434
Hồ Dankia-Suối Vàng 671
Hồ Dầu Tiếng 839
Hồ Đại Lải 947
Hồ Đồng Chương 722
Hồ Hoàn Kiếm 486
Hồ Kẻ Gỗ 521
Hồ Khuổi Lái 387
Hồ Lắk 419

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hồ Noọng 467
Hồ Núi Cốc 861
Hồ nước Ayun Hạ 459
Hồ nước ngọt 824
Hồ Quan Sơn 507
Hồ Tây 485
Hồ Thác Bà 955
Hồ Than Thở 669
Hồ Thang Hen 386
Hồ Thành 711
Hồ Trúc Bạch 486
Hồ Tuyền Lâm 673
Hồ Xuân Hương 668
Hổ Quyền 904
Hội Bạch Hạc 742
Hội Cầu mưa 564
Hội chợ Kỳ Lừa 651
Hội chơi núi mùa Xuân 663
Hội Chu Hóa 742
Hội chùa Cổ Lễ 706
Hội chùa Đọi Sơn 478
Hội chùa Hương 517
Hội chùa Keo 857
Hội chùa Phật Tích 332
Hội chùa Tam Thanh 651
Hội chùa Tây Phương 517
Hội chùa Thanh Long 323
Hội chùa Tổ (Đại Bi tự) 333
Hội Chử Đồng Tử 601
Hội Cổ Loa 503
Hội Cồng Chiêng 565
Hội cướp cù 820
Hội dinh Thầy Thím 376
Hội đánh bài chòi 754
Hội đánh cá 744
Hội đền An Lư 555
Hội đền Bảo Lộc 706
Hội đền Bắc Lệ 652
Hội đền, chùa (Cao Bằng) 396
Hội đền Đô 332
Hội đền Đồng Bằng 860
Hội đền Hai Bà Trưng 504
Hội đền Hét 859
Hội đền Hùng 741

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hội đền Kiếp Bạc 543
Hội đền Nguyễn Trung Trực 288
Hội đền Phò Mã 555
Hội đền Quan lớn Tuần Tranh 544
Hội đền Sóc 503
Hội đền Tả Phủ 651
Hội đền Tiên La 859
Hội đền Trần Thương 479
Hội Đền Và 518
Hội đền Yết Kiêu 543
Hội đình Bình Thủy 404
Hội đình Dư Hàng 554
Hội đình Đình Bảng 333
Hội đình Phú Lễ 339
Hội đình Tích Sơn 953
Hội Đình Xốm 743
Hội Đống Đa 503
Hội Đông Hồ 333
Hội đua bò 288
Hội đua thuyền (Hà Tĩnh) 534
Hội Đua thuyền (Quãng Ngãi) 790
Hội đua voi 421
Hội Keo Hành Thiện 706
Hội làng An Cố 858
Hội làng Duy Hải 479
Hội làng Dương Xá 858
Hội làng Nhị Khê 518
Hội làng Thị Tứ 360
Hội làng Triều Khúc 504
Hội làng Võ Giàng 479
Hội Lim 332
Hội Lồng Tồng (Hà Giang) 474
Hội Lồng Tồng (Lạng Sơn) 651
Hội Lồng Tồng (Lào Cai) 664
Hội Lồng Tồng (Lễ hội xuống đồng) (Cao Bằng) 395
Hội Pháo hoa 396
Hội Phù Ủng 601
Hội quán Phúc Kiến 779
Hội quán Triều Châu 779
Hội Quỳnh 716
Hội Sơn Đồng 954
Hội Thanh Đàm 716
Hội Thanh Minh 396
Hội Thượng Phước 821

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hội trường Thống Nhất 584
Hội Tứ Kiệt 920
Hội Vàm Láng 919
Hội vật võ Liễu Đôi 478
Hội Vía Bà 843
Hội Xên Bản 565
Hội Xoan 743
Hội Xuân 421
Hội xuân chợ Gò 360
Hội xuân làng Thổ Tang 954
Hồng Anh Thư quán 382
Huyện Yên Châu 833
Hương Tích 505
Ia Ly 460
Kho xăng Lộc Hóa - Lộc Ninh 365
Khoang Xanh, Suối Tiên 509
Khu bảo tồn Krong Trai 747
Khu bảo tồn thiên nhiên Giao Thủy 691
Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ 321
Khu bảo tồn thiên nhiên Phù Mát 708
Khu bảo tồn thiên nhiên Vũ Quang 522
Khu căn cứ Tỉnh ủy ở Lung Lá, Nhà Thể 382
Khu danh thắng Đa Krông 813
Khu di tích cách mạng Tân Trào. 932
Khu di tích địa đạo Bến Cát 346
Khu di tích Đống Đa - chùa Bộc 496
Khu di tích lăng cụ Phó Bảng 455
Khu di tích lịch sử đền Hùng 738
Khu di tích lịch sử Kim Bình 934
Khu di tích Nguyễn Bỉnh Khiêm 551
Khu di tích nhà tù Phú Lợi 346
Khu di tích núi Văn, núi Võ 866
Khu di tích Nước Oa 780
Khu di tích Phủ Giầy 697
Khu du lịch "Một thoáng Việt Nam" 572
Khu du lịch Ba Vì 507
Khu du lịch Bửu Long - Hồ Long Ẩn 443
Khu du lịch Đồng Mô 508
Khu du lịch Khuôn Thần 305
Khu du lịch Kỳ Hoà 570
Khu du lịch nghỉ dưỡng Vĩnh Hảo - Tuy Phong 369
Khu du lịch Phương Nam 342
Khu du lịch sinh thái Đồng Tháp Mười 685
Khu du lịch sinh thái núi Cậu - hồ Dầu Tiếng 343

https://www.facebook.com/taybanganh/

Khu du lịch sinh thái Tân Bình 556
Khu du lịch Sóc Xiêm 362
Khu du lịch Suối Lam 363
Khu du lịch Suối Mỡ 304
Khu du lịch suối Tiên 569
Khu du lịch Thác số 4 362
Khu du lịch Thanh Cảnh 342
Khu Du lịch Thuận Bắc 957
Khu du lịch Trường An 937
Khu khảo cổ học Thần Xa 865
Khu lưu niệm Nguyễn Du 531
Khu lưu niệm Nguyễn Đức Cảnh 853
Khu nghỉ mát Tam Đảo 946
Khu rừng Sác ngập mặn Cần Giờ 573
Khu Thế Miếu 900
Khu văn hóa du lịch Bình An 822
Kim Dự Lan Đào 613
Kinh đô Dương Kinh 552
Kinh thành Huế 891
Kinh thành Trà Kiệu 775
La Giang - Tùng Lĩnh 524
Lán Nà Lừa 933
Làng biển Sa Cần 783
Làng bưởi Năm Roi 937
Làng bưởi Tân Triều 442
Làng chiến đấu - Làng du lịch sinh thái 761
Làng Chùa 712
Làng cổ Phong Nam 412
Làng du lịch Mỹ Khánh 399
Làng Dương Nỗ 897
Làng đá mỹ nghệ Non Nước 411
Làng Đường Lâm 509
Làng gốm Bát Tràng 491
Làng gốm sứ Hương Canh 948
Làng gốm ven sông Đồng Nai 445
Làng hoa mai Thủ Đức 573
Làng hoa Vị Khê 691
Làng kháng chiến Ster 462
Làng Lệ Mật 490
Làng ngầm dưới lòng đất (TP. HCM) 585
Làng nghề Chiếu Hới 846
Làng nghề truyền thống (Vĩnh Long) 937
Làng Nguyên Xá 846
Làng người Ba Na 625

https://www.facebook.com/taybanganh/

Làng Nhị Khê - Khu tưởng niệm Nguyễn Trãi 509
Làng Sen 712
Làng Vạn Phúc 510
Làng Văn hóa 429
Làng vườn Bách Thuận 845
Lăng Bà Chúa Liễu 699
Lăng Cá Ông 293
Lăng Đinh Tiên Hoàng 726
Lăng Gia Long 900
Lăng họ Ngô 314
Lăng Hoàng Gia 914
Lăng Khải Định 904
Lăng Lê Thái Tổ 880
Lăng Lê Thái Tông 880
Lăng Lê Thánh Tông 881
Lăng Minh Mạng 901
Lăng mộ Nguyễn Đình Chiểu 338
Lăng Nguyễn Huỳnh Đức 689
Lăng Ông 580
Lăng Thoại Ngọc Hầu 285
Lăng Trương Định 914
Lăng Tự Đức 902
Lâm Viên 19-5 380
Lâu đài Hoàng Yến Chao 661
Lầu Ông Hoàng 368
Lễ Am Chúa 612
Lễ ăn trâu 630
Lễ Cầu mát 564
Lễ Cầu Mưa 689
Lễ Cầu phúc 564
Lễ Cha Bun 735
Lễ chùa Hương Tích 534
Lễ cơm mới 464
Lễ Cơm mới 565
Lễ cúng bản 633
Lễ cúng Cá Ông 359
Lễ Cúng Cơm mới (Đắk Nông) 430
Lễ cúng Cơm mới (Lâm Đồng) 683
Lễ cúng Đất 629
Lễ cúng Kỳ Yên (Cầu An) 383
Lễ cúng lúa 430
Lễ cúng Thần Bơ Mung 683
Lễ cúng Thần Suối 683
Lễ Dâng Bông 926

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ Dolta 287
Lễ đền ơn đáp nghĩa Cha Mẹ 735
Lễ Đolta 926
Lễ đu xuân ở Thủy Nguyên 554
Lễ Giáng sinh 589
Lễ giỗ Lê Văn Duyệt 589
Lễ Hạ Thủy 534
Lễ Hạn Khuống 440
Lễ hội Ăn trâu (Gia Lai) 464
Lễ hội ăn trâu (Lâm Đồng) 683
Lễ hội bà Thu Bồn 781
Lễ hội bản Giếng Tanh 934
Lễ hội Bảo Ninh 767
Lễ hội Bổ Đà 316
Lễ hội cá Ông 415
Lễ hội cá Voi 611
Lễ hội Cầu Ngư (Phú Yên) 755
Lễ hội Cầu Ngư (Thừa Thiên-Huế) 909
Lễ hội Cầu Vồng 317
Lễ hội cầu yên 376
Lễ hội Chiêu Trưng 534
Lễ hội chọi trâu 553
Lễ hội Chol Chnam Thmây 287
Lễ hội Chùa Bà 347
Lễ hội chùa Dâu 332
Lễ hội chùa Hang 870
Lễ hội chùa La 315
Lễ hội chùa Thầy 517
Lễ hội chùa Tư Pháp 601
Lễ hội Côn Sơn 543
Lễ hội của người Khơme 590
Lễ hội Dinh Cô 297
Lễ hội Đâm Trâu (Quảng Ngãi) 790
Lễ hội Đâm trâu của dân tộc Ba Na 754
Lễ hội đền Bà Triệu 889
Lễ hội đền Cao 543
Lễ hội đền Cuông 716
Lễ hội đền Cửa Ông 811
Lễ hội Đền Đuổm 870
Lễ hội đền Đức Ông 811
Lễ hội đền Lão Nhai (tên gọi khác của Lào Cai) 664
Lễ hội đền Sòng 889
Lễ hội đền Suối Mỡ 315
Lễ hội đền Trúc (còn gọi là hội Ngũ Động Sơn) 478

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ hội điện Hòn Chén 909
Lễ hội đình Quan Lạn 811
Lễ hội đình Thần Thắng Tam 297
Lễ hội Đổ Giàn 360
Lễ hội Đông Cuông 960
Lễ hội Đống Đa 359
Lễ hội Gò Tháp 456
Lễ hội Haji (Roya Haji) 288
Lễ hội Hoa Ban 835
Lễ hội Hùng Vương 588
Lễ hội La Vang 821
Lễ hội Lam Kinh 888
Lễ hội làng Cảnh Dương 767
Lễ hội làng Cơm Hòm 870
Lễ hội Long Chu 780
Lễ hội Lùng Tùng (lễ hội xuống đồng) 323
Lễ hội Mai An Tiêm 889
Lễ hội Mbăng Katê 376
Lễ hội Mbăng Katê 734
Lễ hội mời Mẹ Trăng 395
Lễ hội mùa xuân 474
Lễ hội Mừng măng mọc 633
Lễ hội nghinh Ông (Bến Tre) 339
Lễ hội Nghinh Ông (Bình Thuận) 376
Lễ hội Nghinh Ông (Quảng Ngãi) 790
Lễ hội Nghinh Ông (Sóc Trăng) 829
Lễ hội Nghinh Ông (Trà Vinh) 927
Lễ hội ngư dân (Cần Giờ) 589
Lễ hội người Chăm 591
Lễ hội người Hoa 590
Lễ hội nhảy lửa (Gia Lai) 473
Lễ hội núi Bà 843
Lễ hội Phủ Giầy 705
Lễ hội Phủ Na 888
Lễ hội Phủ Thông 323
Lễ hội Pơthi (lễ bỏ mả) 463
Lễ hội quá tang của người Dao 935
Lễ hội Quan Thế Âm 414
Lễ hội Tháp Bà 611
Lễ hội Tiên Lục 316
Lễ hội Trà Cổ 810
Lễ hội Trường Yên 728
Lễ hội Tung Còn, tìm bạn 835
Lễ hội tưởng niệm anh hùng Nguyễn Trung Trực 624

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ hội vía Bà Chúa Xứ....287
Lễ hội vua Mai....716
Lễ hội Xuân Ba Bể....322
Lễ hội xuống biển (Hải Phòng)....553
Lễ hội Xương Giang....314
Lễ hội Y Sơn....317
Lễ hội Yên Cư....728
Lễ hội Yên Thế....315
Lễ hội Yên Tử....810
Lễ Jon Jang....735
Lễ Kỳ Yên (Cầu an)....447
Lễ kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ....439
Lễ Lập tịch của người Dao....664
Lễ Lớn Khôn....430
Lễ mừng nhà mới của dân tộc Lô Lô....474
Lễ Nghinh Ông (lễ thờ cá Voi) (Bà Rịa_Vũng Tàu)....297
Lễ Ok Om Bok (Sóc Trăng)....828
Lễ Ok Om Bok (Trà Vinh)....926
Lễ tế cá Ông (Quảng Nam)....781
Lễ tết "Nhảy" của người Dao Đỏ (Lào Cai)....663
Lễ Tết nhảy (Yên Bái)....960
Linh sơn Cổ tự....292
Lục Yên đất ngọc....957
Lũng Cú....468
Lũy Đào Duy Từ....764
Lư Khê....615
Mã Pì Lèng....469
Miếu Bà....292
Miếu Bà Chúa Xứ....284
Mỏ nước nóng....632
Mộ bà Hoàng Thị Loan....713
Mộ Bác sĩ Yersin....610
Mộ Bùi Hữu Nghĩa....403
Mộ cổ Hàng Gòn....445
Mộ danh nhân Phan Văn Trị....403
Mộ Hoàng Diệu....780
Mộ và đền thờ Lê Thành Phương....751
Mộ và đền thờ Lương Văn Chánh....752
Mộ và đền thờ Nguyễn Trung Trực....622
Mộ Võ Trường Toản....338
Một vùng non xanh nước biếc (Hải Dương)....535
Mũi Cà Mau....379
Mũi Đại Lãnh....748
Mũi Nai....614

https://www.facebook.com/taybanganh/

Mũi Né 367
Mường Vi 657
Nam Phố 615
Nam Thiên Đệ lục động 538
Ngã ba Đồng Lộc 532
Ngày giỗ Trần Hưng Đạo 588
Nghĩa trang Hàng Dương 296
Ngọ Môn 898
Ngôi nhà 120 cột 685
Ngũ Động Sơn 476
Ngũ Hành Sơn 406
Ngục Kon Tum 627
Nhà Bảo tàng Côn Đảo 296
Nhà Bảo tàng Quang Trung 350
Nhà Bưu điện 587
Nhà cổ Bình Thủy 400
Nhà của Vương Chí Sình 472
Nhà Giao tế Lộc Ninh 364
Nhà hát Thành phố 587
Nhà Lớn (đền Ông Trần) 293
Nhà lưu giữ bảo vật Vương quốc Chăm 375
Nhà lưu niệm Trần Phú 532
Nhà mồ Tây Nguyên 628
Nhà mồ Tây Nguyên 428
Nhà rông 628
Nhà thờ Cha Tam 582
Nhà thờ Chánh Toà 610
Nhà thờ Chợ Quán 582
Nhà thờ Con Gà, nhà thờ Chính Toà 679
Nhà thờ Domain 679
Nhà thờ Đức Bà 581
Nhà thờ Huyện Sỹ 581
Nhà thờ Thanh Sơn 393
Nhà thờ Trà Kiệu 776
Nhà thờ, lăng mộ dòng họ Mạc 622
Nhà tù Chợ Chu 868
Nhà tù Côn Đảo 295
Nhà tù Hà Tiên 623
Nhà tù Plei Ku 462
Nhà tù Sơn La 834
Niết-bàn tịnh xá 292
Núi Ấn, sông Trà 785
Núi Bà Đen 837
Núi Bà Nà 410

https://www.facebook.com/taybanganh/

Núi Bà Rá....361
Núi Bài Thơ....793
Núi Cấm....282
Núi Châu Thới....341
Núi Chư H'rông....460
Núi Cô Tiên....656
Núi Dinh....325
Núi Đá Trắng....730
Núi Hàm Rồng....655
Núi Hồng Lĩnh....524
Núi Khắc Thiệu....390
Núi Langbiang....672
Núi Lăng....613
Núi Lăng Đồn....390
Núi Mẫu Sơn....635
Núi Ngọc Mỹ Nhân....721
Núi Ngự Bình....895
Núi Non Nước....720
Núi Nứa....291
Núi Phanxipăng....654
Núi Phượng Hoàng....537
Núi Quỳnh Sơn....522
Núi Rồng - Núi Ngọc....877
Núi Sam....283
Núi Thắm....737
Núi Thiên Cầm....525
Núi Tô Châu....620
Núi Tô Thị....637
Núi Trường Lệ....873
Núi Voi....546
Núi Vọng Phu....874
Ô Quan Chưởng....496
Pắc Bó - Cội nguồn của Cách mạng Việt Nam....387
Phật viện Đồng Dương....775
Phố Cổ - Phố Nghề....484
Phố cổ Đồng Văn....472
Phố cổ Hội An....769
Phố Hiến....593
Phủ Tiên Hương....698
Phủ Vân Cát....699
Phya Khao....320
Plei Ku, phố núi đầy sương....458
Quảng Bình quan....765
Quảng trường Ba Đình....501

https://www.facebook.com/taybanganh/

Quần đảo An Thới 619
Quần thể di tích Cát Tiên 682
Quần thể di tích Tây Sơn Thượng đạo 461
Quần thể đá chồng Định Quán 444
Quần thể kiến trúc nhà Tây 301
Quần thể mộ đá Hoà Bình 914
Rú Lịnh 814
Ruộng bậc thang 470
Ruộng muối Bạc Liêu 299
Rừng ngập mặn Khâu Băng 335
Rừng nguyên sinh Khe Rỗ 306
Rừng nguyên sinh Na Hang 928
Rừng quốc gia Bạch Mã 896
Rừng quốc gia Nam Cát Tiên 442
Rừng Sác 380
Rừng Trần Hưng Đạo 389
Rừng U Minh 380
Rừng Xuân Sơn và hang động Xuân Sơn 737
Sapa 658
Sân bay quân sự Lộc Ninh 364
Sân chim Bạc Liêu 298
Sân chim Vàm Hồ 335
Sân golf - Đồi Cù 671
Sông Bạch Đằng 547
Sông Cầu 324
Sông Đồng Nai 442
Sông Gianh 759
Sông Hàn 411
Sông Hồng 488
Sông Hương 894
Sông Thu Bồn 771
Suối Ba Hồ 605
Suối Cà Đú 784
Suối cá Cẩm Lương 877
Suối Đá Bàn 618
Suối nước khoáng Bang 761
Suối nước khoáng Mỹ Lâm 928
Suối nước nóng Bản Mòng 832
Suối nước nóng Bình Châu 291
Suối nước nóng Đắk Mol 428
Suối nước nóng Kim Bôi 562
Suối nước nóng Tân Tâm 814
Suối Tiên (Bình Thuận) 367
Suối Tiên (Hà Giang) 466

https://www.facebook.com/taybanganh/

Suối Tiên (Khánh Hòa) 606
Suối Tranh 618
Tam Cốc 718
Tam Động Sơn 563
Tết Chol Chnam Thmay 829
Tết cơm mới (Sơn La) 836
Tết cơm mới của người La Hủ (Lai Châu) 633
Tết mừng lúa mới của người M'nông 365
Tết năm mới (Chol Chnam Thmay) 926
Thác Ba Tầng 426
Thác Bạc, cầu Mây 660
Thác Bản Giốc 385
Thác Cam Ly 675
Thác Công Chúa 460
Thác Diệu Thanh 425
Thác Đ'ray Sáp 424
Thác Đambri 673
Thác Đatanla 669
Thác Đắk G'lun 427
Thác Đầu Đẳng 319
Thác Gia Long 427
Thác Gogah 675
Thác Hang Cọp 674
Thác Khe Kẽm 708
Thác Krông Kmar 427
Thác Liên Khương 675
Thác Mơ 362
Thác Nà Đăng 321
Thác Ngà Voi (Pô Pla) 676
Thác Phú Cường 459
Thác Pongour 674
Thác Prenn 668
Thác Roọm 320
Thác Thí 468
Thác Thủy Tiên 425
Thác Trắng 784
Thác Trị An 441
Thác Trinh Nữ 426
Thác Xao Va 708
Thác Xung Khoeng 459
Thác Yaly 626
Thạch Động 616
Thành Bản Phủ 435
Thành cổ Châu Sa 788

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thành cổ Diên Khánh 608
Thành Cổ Loa 493
Thành cổ Nghị Lang 660
Thành cổ nhà Mạc (Tuyên Quang) 929
Thành cổ Quảng Trị 815
Thành cổ Xương Giang 307
Thành Đồng Hới 766
Thành Hồ 753
Thành Hoàng Đế 351
Thành Nà Lữ 394
Thành nhà Hồ 882
Thành nhà Mạc (Cao Bằng) 394
Thành nhà Mạc (Lạng Sơn) 648
Thành phố Buôn Ma Thuột 417
Thành phố Đà Lạt 666
Thành phố Lạng Sơn 637
Thành phố Yên Bái 956
Thành Phục Hoà 394
Thành Thị Nại 352
Thánh địa Mỹ Sơn 771
Thánh đường Mubarak 286
Thảo Cầm viên 568
Tháp Bà (Pô Nagar) 607
Tháp Bánh Ít 355
Tháp Bằng An 775
Tháp Bình Lâm 357
Tháp Bình Sơn 949
Tháp Cánh Tiên 358
Tháp Chiên Đàn 774
Tháp cổ Bình Thạnh 840
Tháp cổ Vĩnh Hưng 299
Tháp Dương Long 355
Tháp Đôi 358
Tháp Hoà Lai 733
Tháp Khương Mỹ 775
Tháp Mường Và 834
Tháp Nhạn 749
Tháp nước Phan Thiết 372
Tháp Phú Lốc 356
Tháp Poshanư 372
Tháp Pô Klongirai 731
Tháp Pôrômê 732
Tháp Thủ Thiện 356
Tháp Yang Prong 420

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thắng cảnh Nước Vàng 305
Thắng cảnh núi Trầm 508
Thắng cảnh Hầm Hô 348
Thị trấn Dương Đông 618
Thị xã Hà Giang 465
Thị xã Lào Cai 653
Thị xã Rạch Giá 617
Thị xã Sơn La 831
Thích Ca Phật đài 292
Thiền viện Vạn Hạnh 579
Thung lũng Mai Châu 560
Thung lũng Tình yêu - Hồ Đa Thiện 670
Tịnh xá Ngọc Phúc 463
Toà Thánh Tây Ninh 840
Trà Cổ 802
Trại nuôi rắn Đồng Tâm 912
Tràm chim Tam Nông 449
Tràng Kênh 548
Trảng cỏ Bàu Lạch 363
Trụ sở Ủy ban Nhân dân thành phố 586
Trúc Lâm Thiền viện 678
Trường Dục Thanh 370
Trường Đại học Đà Lạt 680
Tượng đài vua Lý Thái Tổ 502
Vạn Thủy Tú 374
Văn Miếu - Quốc Tử Giám 492
Văn Miếu Xích Đằng 600
Văn Thánh miếu (Đồng Tháp) 452
Văn Thánh Miếu (Vĩnh Long) 939
Vật võ làng Sình 910
Viện Hải Dương học 603
Vịnh Hạ Long 791
Vịnh Văn Phong 605
Vịnh Vĩnh Hy 731
Vùng đất Năm Căn 379
Vườn cây Cái Mơn 335
Vườn cây Lái Thiêu 343
Vườn chim Đầm Dơi 378
Vườn cò Long Mỹ 557
Vườn cò Tân Long - Thạch Trị 823
Vườn cò Tháp Mười 449
Vườn cò Thủ Đức 573
Vườn du lịch Xuân Mai 399
Vườn hoa kiểng Thanh Tâm 686

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vườn hoa Tân Quy Đông 450
Vườn nhãn Vĩnh Châu 823
Vườn Quốc gia Ba Bể 319
Vườn quốc gia Bến Én 875
Vườn Quốc gia Bù Gia Mập 363
Vườn Quốc gia Cúc Phương 722
Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát 839
Vườn quốc gia Yok Đôn 418
Vườn Tao Đàn 571
Vương cung thánh đường La Vang 815
Yên Tử 806

https://www.facebook.com/taybanganh/

Mục lục

LỜI NHÀ XUẤT BẢN 5
LÃNH THỔ VIỆT NAM.....
I. NHỮNG CON SỐ ĐÁNG NHỚ..... 8
II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ 8
III. ĐỊA HÌNH..... 9
1. Rừng núi..... 9
Núi 9
Rừng 11
2.Đồng bằng 11
3.Trung du 12
4.Sông ngòi 12
5.Biển và bờ biển 13
Bờ biển 13
Vùng biển 13
Đảo..... 14
IV. KHÍ HẬU..... 15
V. TÀI NGUYÊN..... 16
Tài nguyên rừng và đất rừng..... 16
Thủy sản 17
Khoáng sản 18
a. Nhiên liệu 18
b. Kim loại 18
c. Khoáng sản phi kim loại..... 19
Đất nông nghiệp..... 19
Đồng bằng sông Hồng 20
Đồng bằng sông Cửu Long 21
Các vùng khác..... 22
Tài nguyên du lịch..... 22
Tài nguyên du lịch tự nhiên 22
Tài nguyên nhân văn 23
LỊCH SỬ VIỆT NAM .....
THỜI TIỀN SỬ..... 25
VUA HÙNG DỰNG NƯỚC VĂN LANG 25
Các nền văn minh cổ..... 25
Văn minh Đông Sơn 26
Văn minh Sa Huỳnh 26
Văn minh Óc Eo..... 26
Thời kỳ Bắc thuộc..... 27
Thời kỳ độc lập phong kiến..... 28
Thời kỳ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội..... 30
NHỮNG MỐC LỊCH SỬ ĐÁNG NHỚ .....

https://www.facebook.com/taybanganh/

TRUYỀN THUYẾT KINH DƯƠNG VƯƠNG.....31
Phù Đổng Thiên Vương.....31
Sơn Tinh - Thủy Tinh 32
NHÀ THỤC - QUỐC HIỆU ÂU LẠC (257 - 208 TCN) 32
NHÀ TRIỆU VÀ PHƯƠNG BẮC ĐÔ HỘ(207 - 111 TCN).....32
CHỐNG PHƯƠNG BẮC ĐÔ HỘ LẦN THỨ NHẤT 33
CHỐNG PHONG KIẾN ĐÔ HỘ LẦN THỨ HAI 33
CHỐNG PHONG KIẾN ĐÔ HỘ LẦN THỨ BA.....35
THỜI KỲ XÂY DỰNG NỀN TỰ CHỦ.....36
NHÀ NGÔ (939 - 965) 36
NHÀ ĐINH (968 - 980).....37
NHÀ TIỀN LÊ (980 - 1009) 38
NHÀ LÝ (1010 - 1225).....38
NHÀ TRẦN (1225 - 1400).....41
CHỐNG NGUYÊN - MÔNG LẦN THỨ NHẤT (1257) 41
CHỐNG NGUYÊN - MÔNG LẦN THỨ HAI (1285).....42
CHỐNG NGUYÊN - MÔNG LẦN THỨ BA (1288) 43
NHÀ HỒ (1400-1407).....47
NHÀ HẬU TRẦN (1407 - 1414) 47
THỜI KỲ CHỐNG MINH VÀ NHÀ HẬU LÊ 48
NHÀ MẠC (1527 - 1592) 52
NHÀ LÊ TRUNG HƯNG (1533 - 1789).....53
TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH (1623 - 1777).....58
CÁC CHÚA NGUYỄN ĐÀNG TRONG (1600 - 1777).....60
NHÀ TÂY SƠN (1778 - 1802).....63
NHÀ NGUYỄN - THỜI ĐỘC LẬP (1802 - 1883) 65
THỜI KỲ PHÁP ĐỘ HỘ (1883-1945) 67
KHỞI NGHĨA CHỐNG PHÁP TRƯỚC KHI CÓ ĐẢNG.....70
NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI 71
QUỐC HIỆU VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ 72
THỦ ĐÔ VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ 75
CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM.....
1. DÂN TỘC BA NA.....80
2. DÂN TỘC BỐ Y.....81
3. DÂN TỘC BRÂU 83
4. DÂN TỘC BRU_VÂN KIỀU.....85
5. DÂN TỘC CHĂM.....86
6. DÂN TỘC CHƠ RO.....88
7. DÂN TỘC CHU RU.....89
8. DÂN TỘC CHỨT 91
9. DÂN TỘC CO.....92
10. DÂN TỘC CỐNG 94
11. DÂN TỘC CƠ HO.....96
12. DÂN TỘC CỜ LAO 98

https://www.facebook.com/taybanganh/

13. DÂN TỘC CƠ TU 100
14. DÂN TỘC DAO 101
15. DÂN TỘC Ê ĐÊ 104
16. DÂN TỘC GIÁY 106
17.DÂN TỘC GIA RAI 108
18. DÂN TỘC GIÉ TRIÊNG 110
19. DÂN TỘC HÀ NHÌ 112
20. DÂN TỘC H'MÔNG 114
21. DÂN TỘC HOA 116
22. DÂN TỘC HRÊ 118
23. DÂN TỘC KHÁNG 120
24. DÂN TỘC KHƠME 121
25. DÂN TỘC KHƠ MÚ 123
26. DÂN TỘC LA CHÍ 125
27. DÂN TỘC LA HA 126
28. DÂN TỘC LA HỦ 128
29. DÂN TỘC LÀO 129
30. DÂN TỘC LÔ LÔ 131
31. DÂN TỘC LỰ 132
32. DÂN TỘC MẠ 134
33. DÂN TỘC MẢNG 136
34. DÂN TỘC M'NÔNG 137
35. DÂN TỘC MƯỜNG 139
36. DÂN TỘC NGÁI 142
37. DÂN TỘC NÙNG 143
38. DÂN TỘC Ơ ĐU 145
39. DÂN TỘC PÀ THẺN 146
40. DÂN TỘC PHÙ LÁ 148
41. DÂN TỘC PU PÉO 150
42. DÂN TỘC RA GLAI 152
43. DÂN TỘC RƠ NĂM 154
44. DÂN TỘC SÁN CHAY 156
45. DÂN TỘC SÁN DÌU 157
46. DÂN TỘC SI LA 159
47. DÂN TỘC TÀY 161
48. DÂN TỘC TÀ ÔI 162
49. DÂN TỘC THÁI 164
50. DÂN TỘC THỔ 166
51. DÂN TỘC XINH MUN 168
52. DÂN TỘC XƠ ĐĂNG 169
53. DÂN TỘC XTIÊNG 171
54. DÂN TỘC VIỆT 173
Hoạt động sản xuất 173
Ngôn ngữ 174

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chữ viết 174
Chữ Hán và chữ Nôm 174
Chữ Quốc ngữ 175
Văn học 176
Mỹ thuật cổ truyền 179
Tranh dân gian 179
Điêu khắc cổ 185
Điêu khắc thời Lý - Trần 186
Điêu khắc thời Lê Sơ 188
Điêu khắc thời Lê-Trịnh, Tây Sơn 189
Điêu khắc thời Nguyễn 190
Điêu khắc cận hiện đại 190
Kiến trúc cổ 190
Kiến trúc trước Công nguyên 191
Kiến trúc Bắc thuộc (từ thế kỷ I đến thế kỷ IX) 191
Kiến trúc thời Lý 192
Kiến trúc thời Trần 194
Kiến trúc nhà Hồ 194
Kiến trúc thời Lê 195
Kiến trúc thời Nguyễn 196
Kiến trúc thời cận đại 196
Kiến trúc hiện đại 197
Nghề thủ công mỹ nghệ 197
Gốm sứ cổ truyền 198
Gốm sứ thời Lý - Trần 199
Sự phát triển nghề gốm sứ đến nay 202
Nghề kim hoàn 202
Nghề khắc gỗ 203
Nghề khảm trai 204
Nghề sơn mài 204
Nghề thêu 205
Nghề ren - rua 206
Nghề đan mây tre 207
Chạm khắc đá 207
Nghề đúc đồng 208
Nghề chiếu cói 209
Nghề làm nón lá 210
Nghệ thuật sân khấu truyền thống 211
Nghệ thuật tuồng 211
Nghệ thuật chèo 213
Nghệ thuật cải lương 214
Hát quan họ 216
Hát văn 217
Ca trù 218

https://www.facebook.com/taybanganh/

Ca nhạc Huế 219
Dân ca bài chòi 220
Lý Nam Bộ 220
Nghệ thuật múa rối nước 221
Một số nhạc cụ truyền thống tiêu biểu 224
Đàn nguyệt 224
Đàn bầu 224
Đàn đáy 225
Sáo trúc 226
TÔN GIÁO - TÍN NGƯỠNG 226
Phật giáo 228
Nho giáo 230
Lão giáo 233
Thiên Chúa giáo 234
Đạo Tin Lành 236
Đạo Cao Đài 237
Đạo Hòa Hảo 238
Hồi giáo 239
PHONG TỤC TẬP QUÁN 240
Cộng đồng làng xã 240
Gia đình 241
Thờ thành hoàng 242
Tục thờ cúng tổ tiên, ông bà 243
Hôn nhân 243
Lễ mừng thọ 245
Tang lễ 246
Tục ăn trầu 250
Tục mừng nhà mới 251
LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG 252
Hội làng - lễ hội truyền thống 252
Tết Nguyên Đán 255
Tết Trung Thu 257
Tết Trung Nguyên 257
ĂN MẶC CỦA NGƯỜI VIỆT 258
Các món ăn phổ biến toàn quốc 259
Bánh chưng: 259
Giò lụa 260
Phở 261
Bánh cuốn 262
Bún 263
Chả cá 264
Nem rán 264
Chạo tôm 265
Yến 266

https://www.facebook.com/taybanganh/

Các món ăn đặc sản địa phương 267
Tôm chua Huế 267
Cơm hến Huế 268
Cao lầu Hội An 269
Bò tái Cầu Mống 270
Hủ tiếu Mỹ Tho 270
Mắm thái Châu Đốc - An Giang 271
Các loại bánh 272
Đặc sản trái cây 275
DU LỊCH VÀ VĂN HÓA CÁC TỈNH - THÀNH PHỐ .....
AN GIANG 282
THẮNG CẢNH 282
Núi Cấm 282
Núi Sam 283
DI TÍCH 284
Cù lao Ông Hổ 284
Miếu Bà Chúa Xứ 284
Lăng Thoại Ngọc Hầu 285
Chùa Tây An 285
Chùa Giồng Thành 286
Thánh đường Mubarak 286
Chùa Xà Tón 287
Chùa Hang 287
LỄ HỘI 287
Lễ hội vía Bà Chúa Xứ 287
Lễ hội Chol Chnam Thmây 287
Lễ Dolta 287
Lễ hội Haji (Roya Haji) 288
Hội đền Nguyễn Trung Trực 288
Hội đua bò 288
BÀ RỊA-VŨNG TÀU 288
THẮNG CẢNH 290
Bãi Sau (bãi Thùy Vân) 290
Bãi Trước (Tầm Dương) 290
Bãi Nghinh Phong 290
Bãi Dứa (Hương Phong) 290
Bãi Dâu (Phương Thảo) 290
Hòn Bà 290
Núi Nứa 291
Côn Đảo 291
Suối nước nóng Bình Châu 291
DI TÍCH 292
Thích Ca Phật đài 292
Niết-bàn tịnh xá 292

https://www.facebook.com/taybanganh/

Linh sơn Cổ tự 292
Chùa Quán thế âm Bồ tát 292
Miếu Bà 292
Lăng Cá Ông 293
Bạch Dinh 293
Hải Đăng 293
Nhà Lớn (đền Ông Trần) 293
Dinh Cô 294
Chùa Long Bàn 294
An Sơn Miếu 295
Nhà tù Côn Đảo 295
Cầu Tàu 295
Chuồng Bò 296
Chuồng cọp Pháp 296
Công Quán 296
Nghĩa trang Hàng Dương 296
Nhà Bảo tàng Côn Đảo 296
LỄ HỘI 297
Lễ hội Dinh Cô 297
Lễ Nghinh Ông (lễ thờ cá Voi) 297
Lễ hội đình Thần Thắng Tam 297
BẠC LIÊU 298
THẮNG CẢNH 298
Sân chim Bạc Liêu 298
Ruộng muối Bạc Liêu 299
DI TÍCH 299
Tháp cổ Vĩnh Hưng 299
Chùa Xiêm Cán 300
Chùa Ông 300
Chùa Mới Hòa Bình 301
Chùa Vĩnh Hòa (chùa Mẹ Bồng Con) 301
Chùa Minh (Vĩnh Triều Minh Hội quán) 301
Quần thể kiến trúc nhà Tây 301
Đền thờ Bác Hồ 302
LỄ HỘI 302
BẮC GIANG 303
THẮNG CẢNH 304
Khu du lịch Suối Mỡ 304
Khu du lịch Khuôn Thần 305
Thắng cảnh Nước Vàng 305
Hồ Cấm Sơn 306
Rừng nguyên sinh Khe Rỗ 306
DI TÍCH 307
Thành cổ Xương Giang 307

https://www.facebook.com/taybanganh/

Di tích khởi nghĩa Phồn Xương - Yên Thế..... 308
Di tích cách mạng Hoàng Vân..... 308
Chùa Đức La 308
Chùa Bổ Đà..... 309
Chùa Quang Minh..... 310
Chùa Tiên Lục 310
Chùa Làng Vẽ..... 311
Chùa Đoan Minh..... 311
Đình Thổ Hà 312
Đình Lỗ Hạnh 312
Đình Vường..... 312
Đình Phúc Long..... 313
Đình Phù Lão 313
Lăng họ Ngô..... 314
LỄ HỘI..... 314
Lễ hội Xương Giang 314
Lễ hội Yên Thế..... 315
Lễ hội chùa La 315
Lễ hội đền Suối Mỡ..... 315
Lễ hội Tiên Lục..... 316
Lễ hội Bổ Đà 316
Lễ hội Y Sơn..... 317
Lễ hội Cầu Vồng..... 317
BẮC KẠN..... 317
THẮNG CẢNH 318
Hồ Ba Bể..... 318
Động Puông..... 319
Thác Đầu Đẳng..... 319
Ao Tiên 319
Vườn Quốc gia Ba Bể..... 319
Thác Roọm..... 320
Phya Khao 320
Động Nàng Tiên..... 321
Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ..... 321
Thác Nà Đăng..... 321
DI TÍCH..... 321
Chùa Thạch Long 321
Đền Thắm..... 321
Di tích lịch sử Pò Két..... 322
Di tích hầm bí mật Dốc Tiên - hội trường chữ U 322
ATK (An Toàn Khu) 322
LỄ HỘI..... 322
Lễ hội Xuân Ba Bể 322
Lễ hội Phủ Thông..... 323

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ hội Lùng Tùng (lễ hội xuống đồng) 323
Hội chùa Thanh Long 323
BẮC NINH 324
THẮNG CẢNH 324
Sông Cầu 324
Núi Dinh 325
DI TÍCH 326
Đền Đô 326
Đền Bà Chúa Kho 327
Chùa Bút Tháp 327
Chùa Dâu 328
Chùa Phật Tích 329
Đình làng Đình Bảng 330
Đình Cổ Mễ 330
Đình Đông Hồ 331
LỄ HỘI 331
Hội Lim 332
Hội đền Đô 332
Lễ hội chùa Dâu 332
Hội chùa Phật Tích 332
Hội đình Đình Bảng 333
Hội Đông Hồ 333
Hội chùa Tổ (Đại Bi tự) 333
BẾN TRE 334
THẮNG CẢNH 334
Cồn Phụng 334
Sân chim Vàm Hồ 335
Rừng ngập mặn Khâu Băng 335
Vườn cây Cái Mơn 335
Cồn Quy 336
Cồn Ốc 336
Cồn Tiên 336
DI TÍCH 336
Chùa Hội Tôn 336
Đình Phú Lễ 337
Chùa Tuyên Linh 337
Chùa Viên Minh 337
Đình Bình Hoà 337
Lăng mộ Nguyễn Đình Chiểu 338
Mộ Võ Trường Toản 338
Đền thờ Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng 338
Di tích Đồng Khởi 338
LỄ HỘI 339
Lễ hội nghinh Ông 339

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hội đình Phú Lễ 339
BÌNH DƯƠNG 340
THẮNG CẢNH 341
Núi Châu Thới 341
Hồ Bình An 341
Khu du lịch Thanh Cảnh 342
Khu du lịch Phương Nam 342
Khu du lịch sinh thái núi Cậu - hồ Dầu Tiếng 343
Vườn cây Lái Thiêu 343
DI TÍCH 344
Chùa Hội Khánh 344
Chùa Bà 344
Chùa núi Châu Thới 345
Đình Bà Lụa 345
Đình Phú Long 345
Bảo tàng Bình Dương 346
Khu di tích địa đạo Bến Cát 346
Khu di tích nhà tù Phú Lợi 346
LỄ HỘI 347
Lễ hội Chùa Bà 347
BÌNH ĐỊNH 347
THẮNG CẢNH 348
Gành Ráng 348
Thắng cảnh Hầm Hô 348
DI TÍCH 349
Điện thờ Tây Sơn 349
Nhà Bảo tàng Quang Trung 350
Thành Hoàng Đế 351
Thành Thị Nại 352
Chùa Thập Tháp 352
Chùa Long Khánh 353
Chùa Sơn Long 354
Đền thờ Đào Duy Từ 354
Chùa Hang (chùa Thạch Cốc) 354
Tháp Dương Long 355
Tháp Bánh Ít 355
Tháp Thủ Thiện 356
Tháp Phú Lốc 356
Tháp Bình Lâm 357
Tháp Cánh Tiên 358
Tháp Đôi 358
LỄ HỘI 359
Lễ cúng Cá Ông 359
Lễ hội Đống Đa 359

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ hội Đổ Giàn 360
Hội làng Thị Tứ 360
Hội xuân chợ Gò 360
BÌNH PHƯỚC 361
THẮNG CẢNH 361
Núi Bà Rá 361
Thác Mơ 362
Khu du lịch Sóc Xiêm 362
Khu du lịch Thác số 4 362
Vườn Quốc gia Bù Gia Mập 363
Khu du lịch Suối Lam 363
Trảng cỏ Bàu Lạch 363
DI TÍCH 364
Nhà Giao tế Lộc Ninh 364
Căn cứ Tà Thiết 364
Sân bay quân sự Lộc Ninh 364
Kho xăng Lộc Hóa - Lộc Ninh 365
LỄ HỘI 365
Tết mừng lúa mới của người M'nông 365
BÌNH THUẬN 366
THẮNG CẢNH 367
Hòn Rơm 367
Mũi Né 367
Suối Tiên 367
Bãi biển Đồi Dương 367
Bàu Trắng 368
Lầu Ông Hoàng 368
Gành Son 368
Khu du lịch nghỉ dưỡng Vĩnh Hảo - Tuy Phong 369
Cù Lao Câu 369
Hòn Bà 369
Đảo Phú Quý 369
DI TÍCH 370
Trường Dục Thanh 370
Bảo tàng Hồ Chí Minh - chi nhánh Bình Thuận 370
Đình làng Đức Thắng 371
Đình làng Đức Nghĩa 371
Đình làng Tú Luông 371
Tháp Poshanư 372
Chùa Ông 372
Tháp nước Phan Thiết 372
Chùa Cổ Thạch 373
Chùa Phật Quang 373
Chùa núi Tà Cú 373

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hải đăng Kê Gà 374
Vạn Thủy Tú 374
Nhà lưu giữ bảo vật Vương quốc Chăm 375
Đền thờ Pklongmơnai 375
Dinh Thầy Thím 375
Chùa Linh Sơn 375
LỄ HỘI 376
Hội dinh Thầy Thím 376
Lễ hội Mbăng Katê 376
Lễ hội cầu yên 376
Lễ hội Nghinh Ông 376
CÀ MAU 377
THẮNG CẢNH 378
Vườn chim Đầm Dơi 378
Hòn Khoai 378
Vùng đất Năm Căn 379
Mũi Cà Mau 379
Hòn Đá Bạc 379
Lâm Viên 19-5 380
Rừng U Minh 380
Rừng Sác 380
DI TÍCH 381
Chùa Quan Âm 381
Đình Tân Hưng 381
Chùa Hưng Quảng 381
Hồng Anh Thư quán 382
Khu căn cứ Tỉnh ủy ở Lung Lá, Nhà Thể 382
LỄ HỘI 383
Lễ cúng Kỳ Yên (Cầu An) 383
CAO BẰNG 384
THẮNG CẢNH 385
Thác Bản Giốc 385
Hồ Thang Hen 386
Hồ Khuổi Lái 387
Pắc Bó - Cội nguồn của Cách mạng Việt Nam 387
Đồi Ngườm Ngao 388
DI TÍCH 389
Rừng Trần Hưng Đạo 389
Di tích đồn Phai Khắt 389
Núi Lăng Đồn 390
Di tích đồn Đông Khê 390
Núi Khắc Thiệu 390
Chùa Viên Minh 391
Chùa Sùng Phúc 391

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Vân An 391
Chùa Quan Đế 392
Chùa Phố Cũ 392
Đền Kỳ Sầm 392
Đền vua Lê 393
Đền Xuân Lĩnh 393
Đền Giang Động 393
Nhà thờ Thanh Sơn 393
Thành Nà Lữ 394
Thành Phục Hoà 394
Thành nhà Mạc 394
Di tích pháo đài Cao Bằng 394
LỄ HỘI 395
Lễ hội mời Mẹ Trăng 395
Hội Lồng Tồng (Lễ hội xuống đồng) 395
Hội Thanh Minh 396
Hội Pháo hoa 396
Hội đền chùa 396
THÀNH PHỐ CẦN THƠ 397
THẮNG CẢNH 399
Bến Ninh Kiều 399
Vườn du lịch Xuân Mai 399
Làng du lịch Mỹ Khánh 399
DI TÍCH 400
Nhà cổ Bình Thủy 400
Đình Bình Thủy 400
Chùa Nam Nhã 401
Chùa Hội Linh 402
Chùa Ông 402
Chùa Khánh Quang 403
Mộ danh nhân Phan Văn Trị 403
Mộ Bùi Hữu Nghĩa 403
LỄ HỘI 404
Hội đình Bình Thủy 404
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG 404
THẮNG CẢNH 405
Đà Nẵng, thành phố bên sông Hàn 405
Hải Vân quan 406
Ngũ Hành Sơn 406
Động Huyền Không 407
Động Tàng Chân 408
Động Quan Âm 408
Động Huyền Vi 409
Bãi biển Non Nước 409

https://www.facebook.com/taybanganh/

Bán đảo Sơn Trà 409
Núi Bà Nà 410
Sông Hàn 411
Làng đá mỹ nghệ Non Nước 411
Làng cổ Phong Nam 412
DI TÍCH 412
Chùa Phổ Đà 412
Chùa Pháp Lâm 412
Chùa Tam Bảo 413
Chùa Linh Ứng 413
Bảo tàng Chàm 413
LỄ HỘI 414
Lễ hội Quan Thế Âm 414
Lễ hội cá Ông 415
ĐẮK LẮK 415
THẮNG CẢNH 416
Đèo Phượng Hoàng 416
Thành phố Buôn Ma Thuột 417
Buôn Đôn 417
Vườn quốc gia Yok Đôn 418
Hồ Lắk 419
DI TÍCH 419
Chùa Khải Hoàn 419
Biệt thự Bảo Đại 420
Tháp Yang Prong 420
LỄ HỘI 421
Hội đua voi 421
Hội Xuân 421
ĐẮK NÔNG 422
THẮNG CẢNH 424
Thác Đ'ray Sáp 424
Thác Diệu Thanh 425
Thác Thủy Tiên 425
Thác Trinh Nữ 426
Thác Ba Tầng 426
Thác Krông Kmar 427
Thác Gia Long 427
Thác Đắk G'lun 427
Suối nước nóng Đắk Mol 428
DI TÍCH 428
Nhà mồ Tây Nguyên 428
Chùa Pháp Hoa 429
Làng Văn hóa 429
LỄ HỘI 430

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lễ Lớn Khôn 430
Lễ Cúng cơm mới 430
Lễ cúng lúa 430
ĐIỆN BIÊN 431
THẮNG CẢNH 434
Đèo Pha Đin 434
Hồ chứa nước Pa Khoang 434
Hang Thẩm Báng 435
DI TÍCH 435
Thành Bản Phủ 435
Đền Đại Giá Đại vương 436
Di tích Noọng Nhai 436
Cụm di tích Điện Biên Phủ 436
Di chỉ khảo cổ U Va 438
LỄ HỘI 439
Lễ kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ 439
Lễ Hạn Khuống 440
ĐỒNG NAI 440
THẮNG CẢNH 441
Thác Trị An 441
Sông Đồng Nai 442
Làng bưởi Tân Triều 442
Rừng quốc gia Nam Cát Tiên 442
Khu du lịch Bửu Long - Hồ Long Ẩn 443
Bãi tắm Long Hải 444
Quần thể đá chồng Định Quán 444
Làng gốm ven sông Đồng Nai 445
DI TÍCH 445
Mộ cổ Hàng Gòn 445
Đình Tân Lân 445
Đền thờ Nguyễn Tri Phương 446
Đình An Hoà 446
Chùa Long Thiền 446
Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh 447
Chùa Bửu Long 447
LỄ HỘI 447
Lễ Kỳ Yên (Cầu an) 447
ĐỒNG THÁP 448
THẮNG CẢNH 449
Vườn cò Tháp Mười 449
Tràm chim Tam Nông 449
Vườn hoa Tân Quy Đông 450
Cồn Tiên 450
Bãi tắm An Hoà 450

https://www.facebook.com/taybanganh/

DI TÍCH 451
Đền thờ Thượng tướng Trần Ngọc 451
Chùa Kiến An Cung 451
Chùa Bà 452
Văn Thánh miếu 452
Chùa Hương 453
Đình Tân Phú Trung 453
Đình Định Yên 453
Đình Long Khánh 454
Căn cứ Xẻo Quýt 454
Khu di tích lăng cụ Phó Bảng 455
LỄ HỘI 456
Lễ hội Gò Tháp 456
GIA LAI 456
THẮNG CẢNH 457
Biển Hồ 457
Plei Ku, phố núi đầy sương 458
Hồ nước Ayun Hạ 459
Thác Xung Khoeng 459
Thác Phú Cường 459
Thác Công Chúa 460
Ia Ly 460
Núi Chư H'rông 460
DI TÍCH 461
Quần thể di tích Tây Sơn Thượng đạo 461
Làng kháng chiến Ster 462
Nhà tù Plei Ku 462
Chùa Bửu Nghiêm 462
Chùa Bửu Thắng 462
Tịnh xá Ngọc Phúc 463
LỄ HỘI 463
Lễ hội Pơthi (lễ bỏ mả) 463
Lễ hội Ăn trâu 464
Lễ cơm mới 464
HÀ GIANG 464
THẮNG CẢNH 465
Thị xã Hà Giang 465
Cửa khẩu Thanh Thủy 466
Suối Tiên 466
Cổng trời Quản Bạ 466
Động Tiên 466
Hồ Noọng 467
Hang động Phương Thiện 467
Động Én 467

https://www.facebook.com/taybanganh/

Thác Thí 468
"Cổng Trời" Đồng Văn 468
Lũng Cú 468
Cửa khẩu Phó Bảng 469
Mã Pì Lèng 469
Ruộng bậc thang 470
Hang Tướng phỉ Vàng Vạn Ly 470
Chợ tình Khau Vai 471
DI TÍCH 472
Phố cổ Đồng Văn 472
Nhà của Vương Chí Sình 472
Chùa Sùng Khánh 473
Căng Bắc Mê 473
LỄ HỘI 473
Lễ hội nhảy lửa 473
Lễ mừng nhà mới của dân tộc Lô Lô 474
Lễ hội mùa xuân 474
Hội Lồng Tồng 474
HÀ NAM 475
THẮNG CẢNH 476
Danh thắng Kẻm Trống 476
Hang Luồn - Ao Dong 476
Ngũ Động Sơn 476
DI TÍCH 477
Chùa Long Đọi 477
Chùa Đội 477
Chùa Đình Xá 477
Chùa Bà Đanh 478
LỄ HỘI 478
Hội vật võ Liễu Đôi 478
Lễ hội đền Trúc (còn gọi là hội Ngũ Động Sơn) 478
Hội chùa Đọi Sơn 478
Hội đền Trần Thương 479
Hội làng Duy Hải 479
Hội làng Võ Giàng 479
HÀ NỘI 479
THẮNG CẢNH 484
Phố Cổ - Phố Nghề 484
Hồ Tây 485
Hồ Trúc Bạch 486
Hồ Hoàn Kiếm 486
Công viên Thống Nhất 487
Công viên Thủ Lệ 487
Sông Hồng 488

https://www.facebook.com/taybanganh/

Cầu Long Biên 489
Cầu Chương Dương 489
Cầu Thăng Long 490
Làng Lệ Mật 490
Làng gốm Bát Tràng 491
DI TÍCH 492
Văn Miếu - Quốc Tử Giám 492
Đền Ngọc Sơn 492
Thành Cổ Loa 493
Chùa Bà Đá 494
Chùa Hòe Nhai 494
Chùa Liên Phái 495
Chùa Kim Liên 495
Ô Quan Chưởng 496
Chùa Quán Sứ 496
Khu di tích Đống Đa - chùa Bộc 496
Chùa Một Cột 497
Chùa Láng 498
Chùa Trấn Quốc 499
Đền Quán Thánh 499
Đền Hai Bà Trưng 500
Cụm di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh 500
Quảng trường Ba Đình 501
Bảo tàng Hồ Chí Minh 501
Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam 501
Bảo tàng Lịch sử 501
Bảo tàng Cách mạng 502
Tượng đài vua Lý Thái Tổ 502
LỄ HỘI 503
Hội Cổ Loa 503
Hội đền Sóc 503
Hội Đống Đa 503
Hội đền Hai Bà Trưng 504
Hội làng Triều Khúc 504
HÀ TÂY 504
THẮNG CẢNH 505
Hương Tích 505
Khu du lịch Ba Vì 507
Hồ Quan Sơn 507
Thắng cảnh núi Trầm 508
Khu du lịch Đồng Mô 508
Khoang Xanh, Suối Tiên 509
Làng Nhị Khê - Khu tưởng niệm Nguyễn Trãi 509
Làng Đường Lâm 509

https://www.facebook.com/taybanganh/

Làng Vạn Phúc 510
DI TÍCH 511
Chùa Thầy 511
Chùa Tây Phương 512
Chùa Đậu 512
Chùa Mía 513
Đền Và 513
Chùa Trăm Gian 515
Chùa Trầm 515
Đình Chu Quyến 516
Đình Tây Đằng 516
LỄ HỘI 517
Hội chùa Hương 517
Lễ hội chùa Thầy 517
Hội chùa Tây Phương 517
Hội Đền Và 518
Hội làng Nhị Khê 518
HÀ TĨNH 518
THẮNG CẢNH 519
Đèo Ngang 519
Hồ Kẻ Gỗ 521
Núi Quỳnh Sơn 522
Khu bảo tồn thiên nhiên Vũ Quang 522
Núi Hồng Lĩnh 524
La Giang - Tùng Lĩnh 524
Núi Thiên Cầm 525
DI TÍCH 525
Chùa Chân Tiên 525
Chùa Hương Tích 526
Chùa Thiên Tượng 527
Chùa Tượng Sơn 528
Đền Cả 529
Đền Củi 530
Đền thờ Nguyễn Biểu 530
Khu lưu niệm Nguyễn Du 531
Nhà lưu niệm Trần Phú 532
Ngã ba Đồng Lộc 532
LỄ HỘI 533
Lễ chùa Hương Tích 534
Hội đua thuyền 534
Lễ Hạ Thủy 534
Lễ hội Chiêu Trưng 534
HẢI DƯƠNG 535
DANH THẮNG 535

https://www.facebook.com/taybanganh/

Một vùng non xanh nước biếc 535
Côn Sơn 536
Núi Phượng Hoàng 537
Bến Bình Than 537
Nam Thiên Đệ lục động 538
Đảo Cò 538
DI TÍCH 539
Đền thờ Nguyễn Trãi 539
Đền Kiếp Bạc 539
Chùa Kính Chủ 540
Chùa Giám 540
Chùa Đông Ngọ 541
Đền thờ Đại danh y Tuệ Tĩnh 541
Đền Cao 541
Đình Vạn Niên 541
Đình Mộ Trạch 542
LỄ HỘI 542
Lễ hội Côn Sơn 543
Hội đền Kiếp Bạc 543
Lễ hội đền Cao 543
Hội đền Yết Kiêu 543
Hội đền Quan lớn Tuần Tranh 544
HẢI PHÒNG 544
THẮNG CẢNH 545
Bán đảo Đồ Sơn 545
Núi Voi 546
Đảo Cát Bà 547
Sông Bạch Đằng 547
Tràng Kênh 548
DI TÍCH 548
Chùa Dư Hàng 548
Đình Dư Hàng 549
Đình Hàng Kênh 549
Đình Nhân Mục 550
Đền Nghè 550
Chùa Phổ Chiếu 551
Khu di tích Nguyễn Bỉnh Khiêm 551
Kinh đô Dương Kinh 552
LỄ HỘI 553
Lễ hội chọi trâu 553
Lễ hội xuống biển 553
Lễ đu xuân ở Thủy Nguyên 554
Hội đình Dư Hàng 554
Hội đền An Lư 555

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hội đền Phò Mã 555
HẬU GIANG 555
THẮNG CẢNH 556
Khu du lịch sinh thái Tân Bình 556
Chợ nổi Phụng Hiệp 557
Vườn cò Long Mỹ 557
DI TÍCH 558
Di tích Long Mỹ 558
Di tích căn cứ tỉnh ủy 558
Hoà BÌNH 559
THẮNG CẢNH 560
Thung lũng Mai Châu 560
Hang Muối 561
Bản dân tộc Mường 561
Suối nước nóng Kim Bôi 562
Công trình thủy điện Hoà Bình 563
DI TÍCH 563
Chùa Kè 563
Tam Động Sơn 563
LỄ HỘI 563
Hội Cầu mưa 564
Lễ Cầu phúc 564
Lễ cầu mát 564
Hội Xên Bản 565
Lễ Cơm mới 565
Hội Cồng Chiêng 565
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 566
THẮNG CẢNH 568
Thảo Cầm viên 568
Khu du lịch suối Tiên 569
Công viên Đầm Sen 570
Khu du lịch Kỳ Hoà 570
Vườn Tao Đàn 571
Công viên nước Sài Gòn (Saigon water park) 571
Khu du lịch "Một thoáng Việt Nam" 572
Bà Điểm-Mười Tám thôn Vườn Trầu 572
Làng hoa mai Thủ Đức 573
Vườn cò Thủ Đức 573
Khu rừng Sác ngập mặn Cần Giờ 573
DI TÍCH 574
Chùa Giác Lâm 574
Chùa Giác Viên 574
Chùa Phụng Sơn 575
Chùa Cây Mai 576

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Bà Thiên Hậu 576
Chùa Ông 576
Chùa Vĩnh Nghiêm 577
Chùa Xá Lợi 578
Bát Bửu Phật đài 578
Chùa Ấn Quang 579
Thiền viện Vạn Hạnh 579
Đền thờ Trần Hưng Đạo 579
Lăng Ông 580
Nhà thờ Đức Bà 581
Nhà thờ Huyện Sỹ 581
Nhà thờ Chợ Quán 582
Nhà thờ Cha Tam 582
Bảo tàng lịch sử 583
Bảo tàng Cách mạng 583
Hội trường Thống Nhất 584
Bảo tàng Chứng tích chiến tranh 585
Làng ngầm dưới lòng đất 585
Đền tưởng niệm liệt sĩ Bến Dược 585
Trụ sở Ủy ban Nhân dân thành phố 586
Nhà Bưu điện 587
Nhà hát Thành phố 587
Chợ Bến Thành 587
LỄ HỘI 588
Lễ hội Hùng Vương 588
Ngày giỗ Trần Hưng Đạo 588
Lễ giỗ Lê Văn Duyệt 589
Lễ Giáng sinh 589
Lễ hội ngư dân (Cần Giờ) 589
Lễ hội người Hoa 590
Lễ hội của người Khơme 590
Tết Chol Chnam Thmay (Tết năm mới) 590
Lễ Đôn Ta (Lễ cúng ông bà) 590
Lễ Ok Om bok (Lễ cúng Trăng) 591
Lễ hội người Chăm 591
Lễ sinh nhật Thiên sứ Muhanmed 591
Lễ Ramada (tháng nhịn ăn) 591
Lễ Bố thí 591
HƯNG YÊN 591
THẮNG CẢNH 593
Phố Hiến 593
Hồ Bán Nguyệt 594
DI TÍCH 595
Chùa Pháp Vân 595

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Phú Thị 595
Chùa Hiến 596
Đền Chử Đồng Tử 596
Đền Phượng Hoàng 598
Chùa Chuông 598
Đền Mây 599
Văn Miếu Xích Đằng 600
LỄ HỘI 601
Hội Chử Đồng Tử 601
Lễ hội chùa Tư Pháp 601
Hội Phù Ủng 601
KHÁNH Hoà 602
THẮNG CẢNH 603
Hồ cá Trí Nguyên 603
Viện Hải Dương học 603
Hòn Chồng 604
Dốc Lết 604
Bãi Trũ 605
Vịnh Văn Phong 605
Suối Ba Hồ 605
Đầm Nha Phu 606
Suối Tiên 606
Biển Đại Lãnh 607
DI TÍCH 607
Tháp Bà (Pô Nagar) 607
Thành cổ Diên Khánh 608
Chùa Long Sơn 609
Nhà thờ Chánh Toà 610
Mộ Bác sĩ Yersin 610
LỄ HỘI 611
Lễ hội cá Voi 611
Lễ hội Tháp Bà 611
Lễ Am Chúa 612
KIÊN GIANG 612
THẮNG CẢNH 613
Kim Dự Lan Đào 613
Núi Lăng 613
Cảnh đẹp Đông Hồ 614
Mũi Nai 614
Nam Phố 615
Lư Khê 615
Thạch Động 616
Đá Dựng 616
Thị xã Rạch Giá 617

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đảo Phú Quốc 617
Thị trấn Dương Đông 618
Suối Tranh 618
Suối Đá Bàn 618
Bãi Trường 619
Quần đảo An Thới 619
Chùa Hang - Hòn Phụ Tử 619
Hang Tiền 620
Núi Tô Châu 620
DI TÍCH 621
Chùa Tam Bảo 621
Chùa Tam Bảo 621
Chùa Làng Cát 621
Nhà thờ, lăng mộ dòng họ Mạc 622
Mộ và đền thờ Nguyễn Trung Trực 622
Chùa Phù Dung 623
Nhà tù Hà Tiên 623
LỄ HỘI 623
Lễ hội tưởng niệm anh hùng Nguyễn Trung Trực 624
KON TUM 624
THẮNG CẢNH 625
Làng người Ba Na 625
Thác Yaly 626
DI TÍCH 626
Chùa Bác Ái 626
Chùa Hồng Từ 627
Ngục Kon Tum 627
Chiến trường Đắk Tô 627
Nhà rông 628
Nhà mồ Tây Nguyên 628
LỄ HỘI 629
Lễ cúng Đất 629
Lễ Bỏ mả (Pơ Thi) 629
Lễ ăn trâu 630
LAI CHÂU 630
THẮNG CẢNH 632
Hang Động Tiên 632
Mỏ nước nóng 632
LỄ HỘI 633
Lễ hội Mừng măng mọc 633
Lễ cúng bản 633
Tết cơm mới của người La Hủ 633
LẠNG SƠN 634
THẮNG CẢNH 635

https://www.facebook.com/taybanganh/

Núi Mẫu Sơn 635
Thành phố Lạng Sơn 637
Chợ Kỳ Lừa 637
Núi Tô Thị 637
Chợ Đồng Đăng 638
Động Tam Thanh 639
Động Nhị Thanh - chùa Tam Giáo 640
Hang Gió 640
DI TÍCH 641
Chùa Tiên 641
Chùa Diên Khánh 641
Đền Tả Phủ 642
Đền Kỳ Cùng 643
Đền Bắc Lệ 644
Đền Cửa Đông 645
Đền Cửa Tây 645
Chùa Mẫu Sơn 646
Đình Nông Lục 646
Đình Làng Long Đống 647
Cầu lợp Long Đống 648
Thành nhà Mạc 648
Đoàn Thành Lạng Sơn 649
Ải Chi Lăng 649
LỄ HỘI 650
Hội chợ Kỳ Lừa 651
Hội đền Tả Phủ 651
Hội Lồng Tồng 651
Hội chùa Tam Thanh 651
Hội đền Bắc Lệ 652
LÀO CAI 652
THẮNG CẢNH 653
Thị xã Lào Cai 653
Cầu Hồ Kiều 654
Núi Phanxipăng 654
Núi Hàm Rồng 655
Hang Tiên 656
Núi Cô Tiên 656
Mường Vi 657
Sapa 658
Bãi đá cổ Sapa 659
Thác Bạc, cầu Mây 660
Động Tả Phìn 660
DI TÍCH 660
Thành cổ Nghị Lang 660

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lâu đài Hoàng Yến Chao 661
Đền Bảo Hà 662
Đền Mẫu 662
Đền Thượng 662
LỄ HỘI 663
Hội chơi núi mùa Xuân 663
Lễ tết "Nhảy" của người Dao Đỏ 663
Hội Lồng Tồng 664
Lễ Lập tịch của người Dao 664
Lễ hội đền Lão Nhai (tên gọi khác của Lào Cai) 664
LÂM ĐỒNG 665
THẮNG CẢNH 666
Thành phố Đà Lạt 666
Hồ Xuân Hương 668
Thác Prenn 668
Thác Đatanla 669
Hồ Than Thở 669
Thung lũng Tình yêu - Hồ Đa Thiện 670
Sân golf - Đồi Cù 671
Hồ Dankia-Suối Vàng 671
Núi Langbiang 672
Hồ Tuyền Lâm 673
Thác Đambri 673
Thác Pongour 674
Thác Hang Cọp 674
Thác Cam Ly 675
Thác Liên Khương 675
Thác Gogah 675
Thác Ngà Voi (Pô Pla) 676
DI TÍCH 677
Chùa Linh Sơn 677
Chùa Linh Phong (Chùa Sư Nữ) 677
Chùa Linh Phước 677
Trúc Lâm Thiền viện 678
Chùa Thiên Vương Cổ Sát 678
Chùa Linh Quang 679
Nhà thờ Con Gà, nhà thờ Chính Toà 679
Nhà thờ Domain 679
Ga Đà Lạt 680
Trường Đại học Đà Lạt 680
Dinh 1 (Biệt điện 1) 680
Dinh Toàn quyền (Biệt điện số 2, Dinh 2) 681
Dinh 3 681
Quần thể di tích Cát Tiên 682

https://www.facebook.com/taybanganh/

LỄ HỘI 683
Lễ hội ăn trâu 683
Lễ cúng Thần Suối 683
Lễ cúng Thần Bơ Mung 683
Lễ cúng Cơm mới 683
LONG AN 684
THẮNG CẢNH 685
Ngôi nhà 120 cột 685
Khu du lịch sinh thái Đồng Tháp Mười 685
Cụm vườn Thanh Long 686
Vườn hoa kiểng Thanh Tâm 686
DI TÍCH 686
Bình Tả 686
Đồn Rạch Cốc 687
Chùa Tôn Thạnh 687
Chùa Linh Sơn (chùa Núi) 688
Chùa Kim Cang 688
Lăng Nguyễn Huỳnh Đức 689
LỄ HỘI 689
Lễ Cầu Mưa 689
NAM ĐỊNH 690
THẮNG CẢNH 691
Khu bảo tồn thiên nhiên Giao Thủy 691
Làng hoa Vị Khê 691
Bãi biển Thịnh Long 692
DI TÍCH 692
Chùa Cổ Lễ 692
Chùa Phổ Minh 693
Đền Trần 695
Đền Bảo Lộc 696
Khu di tích Phủ Giầy 697
Phủ Tiên Hương 698
Phủ Vân Cát 699
Lăng Bà Chúa Liễu 699
Đình Hương Lộc 700
Chùa Keo Hành Thiện 700
Chùa Lương 702
Cầu ngói chợ Lương 703
Chùa Nộn Sơn 705
LỄ HỘI 705
Lễ hội Phủ Giầy 705
Hội đền Bảo Lộc 706
Hội chùa Cổ Lễ 706
Hội Keo Hành Thiện 706

https://www.facebook.com/taybanganh/

NGHỆ AN 706
THẮNG CẢNH 707
Bãi biển Cửa Lò 707
Thác Xao Va 708
Khu bảo tồn thiên nhiên Phù Mát 708
Thác Khe Kẽm 708
Hang Thẩm Ồm 709
DI TÍCH 709
Đền Cuông 709
Đình Hoành Sơn 710
Đình Trung Cần 710
Hồ Thành 711
Di tích lưu niệm cụ Phan Bội Châu 712
Làng Sen 712
Làng Chùa 712
Mộ bà Hoàng Thị Loan 713
Đền Mai Hắc Đế 713
Đền Nguyễn Biểu 713
Đình Võ Liệt 714
Đền Cờn 715
LỄ HỘI 716
Lễ hội đền Cuông 716
Lễ hội vua Mai 716
Hội Quỳnh 716
Hội Thanh Đàm 716
NINH BÌNH 717
THẮNG CẢNH 718
Bích Động 718
Tam Cốc 718
Động Tiên 718
Động Hoa Sơn 719
Động Địch Lộng 720
Núi Non Nước 720
Đèo Tam Điệp 721
Núi Ngọc Mỹ Nhân 721
Hồ Đồng Chương 722
Vườn Quốc gia Cúc Phương 722
DI TÍCH 723
Cố đô Hoa Lư 723
Đền Vua Đinh 723
Đền vua Lê Đại Hành 725
Lăng Đinh Tiên Hoàng 726
Đền Thái Vy 726
Chùa Bích Động 727

https://www.facebook.com/taybanganh/

Chùa Nhất Trụ....727
LỄ HỘI....728
Lễ hội Trường Yên....728
Lễ hội Yên Cư....728
NINH THUẬN....728
THẮNG CẢNH....730
Núi Đá Trắng....730
Bờ biển Ninh Chữ....730
Bờ biển Cà Ná....730
Vịnh Vĩnh Hy....731
Đèo Ngoạn Mục....731
DI TÍCH....731
Tháp Pô Klongirai....731
Tháp Pôrômê....732
Tháp Hoà Lai....733
Bẫy đá của anh hùng Pi Năng Tắc....734
LỄ HỘI....734
Lễ hội Mbăng Katê....734
Lễ Cha Bun....735
Lễ Jon Jang....735
Lễ đền ơn đáp nghĩa Cha Mẹ....735
PHÚ THỌ....736
THẮNG CẢNH....737
Rừng Xuân Sơn và hang động Xuân Sơn....737
Núi Thắm....737
Hồ Ao Châu....738
DI TÍCH....738
Khu di tích lịch sử đền Hùng....738
Chùa Phúc Thánh....740
Đền thờ Noa Cả Đại vương....740
Đình Hữu Bổ Thượng....741
LỄ HỘI....741
Hội đền Hùng....741
Hội Bạch Hạc....742
Hội Chu Hóa....742
Hội Xoan....743
Hội Đình Xốm....743
Hội đánh cá....744
PHÚ YÊN....744
THẮNG CẢNH....745
Gành đá Đĩa....745
Đầm Ô Loan....746
Khu bảo tồn Krong Trai....747
Đèo Cả - Vũng Rô....747

https://www.facebook.com/taybanganh/

Mũi Đại Lãnh 748
Bãi biển Long Thủy 749
DI TÍCH 749
Tháp Nhạn 749
Chùa Từ Quang 750
Mộ và đền thờ Lê Thành Phương 751
Mộ và đền thờ Lương Văn Chánh 752
Thành Hồ 753
LỄ HỘI 753
Hội đánh bài chòi 754
Lễ hội Đâm trâu của dân tộc Ba Na 754
Lễ hội Cầu Ngư 755
QUẢNG BÌNH 755
THẮNG CẢNH 756
Động Phong Nha - Kẻ Bàng 756
Đèo Ngang 758
Sông Gianh 759
Bãi tắm Đá Nhảy 760
Suối nước khoáng Bang 761
Bãi tắm Nhật Lệ và Bàu Tró 761
Làng chiến đấu - Làng du lịch sinh thái 761
DI TÍCH 763
Đền Anh Quốc Công 763
Chùa Hoằng Phúc 763
Lũy Đào Duy Từ 764
Chùa Kim Phong 764
Quảng Bình quan 765
Đình Lý Hoà 765
Thành Đồng Hới 766
Đền Mại Bản 766
LỄ HỘI 767
Lễ hội làng Cảnh Dương 767
Lễ hội Bảo Ninh 767
QUẢNG NAM 768
THẮNG CẢNH 769
Phố cổ Hội An 769
Cù Lao Chàm 770
Sông Thu Bồn 771
Thánh địa Mỹ Sơn 771
Bãi tắm Tam Thanh 774
Bãi Rạng 774
Bãi tắm Cửa Đại 774
DI TÍCH 774
Tháp Chiên Đàn 774

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tháp Bằng An 775
Tháp Khương Mỹ 775
Phật viện Đồng Dương 775
Kinh thành Trà Kiệu 775
Nhà thờ Trà Kiệu 776
Chùa Cầu 776
Chùa Chúc Thánh 777
Chùa Phước Lâm 777
Chùa Vạn Đức 778
Chùa Ông 778
Hội quán Phúc Kiến 779
Hội quán Triều Châu 779
Chùa Quảng Triệu 779
Di tích Núi Thành 779
Khu di tích Nước Oa 780
Mộ Hoàng Diệu 780
LỄ HỘI 780
Lễ hội Long Chu 780
Lễ hội bà Thu Bồn 781
Lễ tế cá Ông 781
QUẢNG NGÃI 782
THẮNG CẢNH 783
Đèo Violắc 783
Đảo Lý Sơn 783
Làng biển Sa Cần 783
Suối Cà Đú 784
Thác Trắng 784
Cổ Lũy Cô Thôn 785
Núi Ấn, sông Trà 785
Bờ biển Sa Huỳnh 786
Bãi biển Mỹ Khê 786
DI TÍCH 786
Di tích khảo cổ Sa Huỳnh 786
Chùa Hang 787
Chùa Ông 787
Chùa Thiên Ấn 788
Thành cổ Châu Sa 788
Di tích Ba Tơ 788
Di tích Chiến thắng Vạn Tường 789
Chứng tích Sơn Mỹ 789
LỄ HỘI 789
Lễ hội Nghinh Ông 790
Lễ hội Đâm Trâu 790
Hội Đua thuyền 790

https://www.facebook.com/taybanganh/

QUẢNG NINH....791
THẮNG CẢNH....791
Vịnh Hạ Long....791
Núi Bài Thơ....793
Bãi Cháy....794
Hang Đầu Gỗ....795
Đảo Tuần Châu....796
Động Thiên Cung....796
Hang Sửng Sốt....797
Hang Cửa Giữa....797
Hang Trống....798
Động Hang Hanh....798
Hòn Đỉnh Hương....799
Hòn Gà Chọi....799
Hòn Yên Ngựa....799
Hòn Rồng....799
Hòn Đũa....800
Đảo Ngọc Vừng....800
Đảo Quan Lạn....801
Đảo Cô Tô....801
Trà Cổ....802
DI TÍCH....803
Đình Trà Cổ....803
Đình Quan Lạn....803
Chùa Quỳnh Lâm....803
Đền Cửa Ông....804
Di tích An Sinh....805
Yên Tử....806
Di tích Bạch Đằng....809
LỄ HỘI....810
Lễ hội Yên Tử....810
Lễ hội Trà Cổ....810
Lễ hội đền Đức Ông....811
Lễ hội đền Cửa Ông....811
Lễ hội đình Quan Lạn....811
QUẢNG TRỊ....812
THẮNG CẢNH....813
Khu danh thắng Đa Krông....813
Cửa Tùng....813
Rú Lịnh....814
Suối nước nóng Tân Tâm....814
DI TÍCH....814
Chùa Sắc Tứ....814
Thành cổ Quảng Trị....815

https://www.facebook.com/taybanganh/

Vương cung thánh đường La Vang 815
Đền Trần Danh Tướng 816
Di tích Khe Sanh 816
Đình Hà Thượng 817
Địa đạo Vĩnh Mốc 818
Cầu Hiền Lương - sông Bến Hải 819
Hàng rào điện tử Mắc Namara 820
LỄ HỘI 820
Hội cướp cù 820
Hội Thượng Phước 821
Lễ hội La Vang 821
SÓC TRĂNG 821
THẮNG CẢNH 822
Khu văn hóa du lịch Bình An 822
Vườn cò Tân Long - Thạch Trị 823
Cồn Mỹ Phước 823
Vườn nhãn Vĩnh Châu 823
Hồ nước ngọt 824
DI TÍCH 824
Chùa Dơi 824
Chùa Đất Sét 826
Chùa Khleang 826
Chùa Sà Lôn 827
Chùa Bốn Mặt 827
Bảo tàng Khơme 827
LỄ HỘI 828
Lễ Ok Om Bok 828
Lễ hội Nghinh Ông 829
Tết Chol Chnam Thmay 829
SƠN LA 830
THẮNG CẢNH 831
Thị xã Sơn La 831
Hang Thẩm Ké 831
Hang Thẩm Tát Toòng 832
Suối nước nóng Bản Mòng 832
Cao nguyên Mộc Châu 832
Huyện Yên Châu 833
DI TÍCH 834
Chùa Chiền Viện 834
Tháp Mường Và 834
Nhà tù Sơn La 834
LỄ HỘI 835
Lễ hội Hoa Ban 835
Lễ hội Tung Còn, tìm bạn 835

https://www.facebook.com/taybanganh/

Tết cơm mới 836
TÂY NINH 836
THẮNG CẢNH 837
Núi Bà Đen 837
Hồ Dầu Tiếng 839
Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát 839
DI TÍCH 840
Tháp cổ Bình Thạnh 840
Toà Thánh Tây Ninh 840
Căn cứ Trung ương Cục miền Nam 841
Chùa núi Bà 843
LỄ HỘI 843
Lễ hội núi Bà 843
Hội Vía Bà 843
THÁI BÌNH 844
THẮNG CẢNH 845
Làng vườn Bách Thuận 845
Bãi biển Đồng Châu 845
Làng Nguyên Xá 846
Làng nghề Chiếu Hới 846
Chiếu chèo làng Khuốc 847
DI TÍCH 847
Chùa Keo 847
Đền Tiên La 849
Đền Đồng Bằng 850
Đền Chòi 851
Đền thờ Lê Quý Đôn 852
Khu lưu niệm Nguyễn Đức Cảnh 853
Đền Hét 854
Chùa Cổ Tuyết 855
Đình Kênh 856
LỄ HỘI 857
Hội chùa Keo 857
Hội làng Dương Xá 858
Hội làng An Cố 858
Hội đền Hét 859
Hội đền Tiên La 859
Hội đền Đồng Bằng 860
THÁI NGUYÊN 861
THẮNG CẢNH 861
Hồ Núi Cốc 861
Hang Phượng Hoàng và hang suối Mỏ Gà 862
DI TÍCH 863
Chùa Cao 863

https://www.facebook.com/taybanganh/

Đình Phương Độ.....863
Chùa Hang.....864
Đình Quán Triều.....865
Khu khảo cổ học Thần Xa.....865
Khu di tích núi Văn, núi Võ.....866
Di tích lịch sử làng Quặng.....866
Di tích cách mạng xã Tiền Phong.....867
Nhà tù Chợ Chu.....868
Đền Khuông Quang Trợ hóa Đại vương.....868
Đồi Cọ.....869
LỄ HỘI.....870
Lễ hội Đền Đuổm.....870
Lễ hội chùa Hang.....870
Lễ hội làng Cơm Hòm.....870
THẠNH HÓA.....870
THẮNG CẢNH.....872
Bãi biển Sầm Sơn.....872
Hòn Trống Mái.....872
Núi Trường Lệ.....873
Núi Vọng Phu.....874
Động Tiên Sơn.....874
Động Trường Lâm.....874
Động Hồ Công.....875
Vườn quốc gia Bến Én.....875
Cửa Hà.....876
Động Từ Thức.....876
Núi Rồng - Núi Ngọc.....877
Suối cá Cẩm Lương.....877
Hang Con Moong.....878
DI TÍCH.....879
Di tích Lam Sơn.....879
Điện Lam Kinh.....879
Lăng Lê Thái Tổ.....880
Lăng Lê Thái Tông.....880
Lăng Lê Thánh Tông.....881
Di tích Đông Sơn.....881
Thành nhà Hồ.....882
Đền Độc Cước.....883
Đền Bà Triệu.....884
Đền Hàn Sơn.....885
Đền Sòng Sơn.....885
Đền Cô Tiên.....886
Chùa Sùng Nghiêm.....886
Chùa Du Anh.....887

https://www.facebook.com/taybanganh/

LỄ HỘI 888
Lễ hội Lam Kinh 888
Lễ hội Phủ Na 888
Lễ hội đền Sòng 889
Lễ hội Mai An Tiêm 889
Lễ hội đền Bà Triệu 889
THỪA THIÊN-HUẾ 889
THẮNG CẢNH 891
Kinh thành Huế 891
Sông Hương 894
Núi Ngự Bình 895
Đồi Vọng Cảnh 895
Rừng quốc gia Bạch Mã 896
Bãi tắm Lăng Cô 896
Bãi tắm Thuận An 897
Làng Dương Nỗ 897
DI TÍCH 898
Ngọ Môn 898
Điện Thái Hoà 899
Khu Thế Miếu 900
Lăng Gia Long 900
Lăng Minh Mạng 901
Lăng Tự Đức 902
Lăng Khải Định 904
Hổ Quyền 904
Chùa Thiên Mụ 905
Chùa Diệu Đế 905
Chùa Từ Đàm 906
Chùa Thuyền Tôn 907
Đình làng Dương Nỗ 907
Điện Hòn Chén 908
LỄ HỘI 909
Lễ hội điện Hòn Chén 909
Lễ hội Cầu Ngư 909
Vật võ làng Sình 910
TIỀN GIANG 910
THẮNG CẢNH 911
Đồng Tháp Mười 911
Cồn Thới Sơn 911
Chợ nổi Cái Bè 912
Trại nuôi rắn Đồng Tâm 912
DI TÍCH 913
Di tích văn hóa Óc Eo Gò Thành 913
Đền thờ Thủ Khoa Huân 913

https://www.facebook.com/taybanganh/

Lăng Trương Định....914
Lăng Hoàng Gia....914
Quần thể mộ đá Hoà Bình....914
Di tích lịch sử Rạch Gầm-Xoài Mút....915
Chùa Vĩnh Tràng....915
Chùa Linh Thứu....916
Chùa Hội Thọ....916
Chùa Bửu Lâm....917
Đình Long Hưng....917
Chùa Thạnh Trước....918
Di tích Ấp Bắc....918
LỄ HỘI....919
Hội Vàm Láng....919
Hội Tứ Kiệt....920
TRÀ VINH....920
THẮNG CẢNH....921
Ao Bà Om....921
Cồn Nghêu....922
Bãi biển Ba Động....922
DI TÍCH....922
Chùa Hang....922
Chùa Cò....923
Chùa Samrôngek....924
Chùa Lưỡng Xuyên....924
Đền thờ Bác Hồ....924
Chùa Angkorette Pali....925
LỄ HỘI....926
Tết năm mới (Chol Chnam Thmay)....926
Lễ Đolta....926
Lễ Ok Om Bok....926
Lễ Dâng Bông....926
Lễ hội Nghinh Ông....927
TUYÊN QUANG....927
THẮNG CẢNH....928
Rừng nguyên sinh Na Hang....928
Suối nước khoáng Mỹ Lâm....928
DI TÍCH....929
Thành cổ nhà Mạc....929
Chùa Bảo Minh Sùng Phúc....929
Đền Hạ....930
Đền Y La....930
Đình Hồng Thái....931
Đình Tân Trào....932
Cây đa Tân Trào....932

https://www.facebook.com/taybanganh/

Khu di tích cách mạng Tân Trào. 932
Lán Nà Lừa 933
Hang Bóng 933
Di tích lịch sử Đá Bàn 934
Khu di tích lịch sử Kim Bình 934
LỄ HỘI 934
Lễ hội bản Giếng Tanh 934
Lễ hội quá tang của người Dao 935
VĨNH LONG 935
THẮNG CẢNH 936
Cù Lao An Bình 936
Khu du lịch Trường An 937
Làng nghề truyền thống 937
Làng bưởi Năm Roi 937
Cầu văng dây Mỹ Thuận 938
DI TÍCH 939
Văn Thánh Miếu 939
Đình Long Thanh 940
Chùa Tiên Châu 941
Chùa Sanghamangala 942
Đền Chu Văn Tiếp 942
Đình Tân Hoà 943
Chùa Kỳ Sơn 944
LỄ HỘI 945
VĨNH PHÚC 945
THẮNG CẢNH 946
Khu nghỉ mát Tam Đảo 946
Hồ Đại Lải 947
Làng gốm sứ Hương Canh 948
Chợ Tam Động 948
DI TÍCH 949
Tháp Bình Sơn 949
Chùa Tây Thiên 949
Đình làng Phú Mỹ 950
Đình Hương Canh 951
Đình Thổ Tang 951
Chùa Cói 952
Đình Ngọc Canh 952
LỄ HỘI 953
Hội đình Tích Sơn 953
Hội Sơn Đồng 954
Hội xuân làng Thổ Tang 954
YÊN BÁI 954
THẮNG CẢNH 955

https://www.facebook.com/taybanganh/

Hồ Thác Bà 955
Động Sảo 956
Thành phố Yên Bái 956
Khu Du lịch Thuận Bắc 957
Bình nguyên Khai Trung 957
Lục Yên đất ngọc 957
DI TÍCH 958
Đền Đông Cuông 958
Đền Gia Quốc Công 958
Chùa tháp Hắc Y (thần Áo Đen) 959
Di tích đồn Nghĩa Lộ 959
LỄ HỘI 960
Lễ hội Đông Cuông 960
Lễ Tết nhảy 960
Bảng tra nhanh các tỉnh và thành phố 962
Bảng tra nhanh các thắng cảnh, di tích 964

https://www.facebook.com/taybanganh/